

Colleen McCullough

Tiếng
Chim hót
trong bụi
mận
gái

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TIẾNG CHIM HÓT TRONG BỤI MẶN GAI

Nguyên tác: The Thorn Birds



Tác giả: Colleen McCulough

Người dịch: Phạm Mạnh Hùng

Dịch từ bản tiếng Nga của NXB Văn Học Moskva, 1980

Nhà xuất bản Văn Học - 2001

ebook©vctvegroup

27-07-2018

Lời giới thiệu

Tiểu thuyết ***“Tiếng chim hát trong bụi mận gai”*** xuất bản hồi mùa xuân 1977 cùng một lúc ở New York, San Francisco, London và Sydney. Ít lâu sau nó được dịch ra bảy thứ tiếng, được bạn đọc nhiệt liệt hoan nghênh và giới phê bình đánh giá cao. Suốt mấy năm trời, nó là tác phẩm ăn khách nhất ở phương tây. Điều đó cũng là công bằng, vì đây thực sự là một tác phẩm đặc sắc, có giá trị trong văn học phương tây hiện nay.

Một điều đặc sắc nữa là tác giả của nó – Colleen McCullough không phải là nhà văn chuyên nghiệp, trước đó hầu như không ai biết tiếng. Khi tiểu thuyết ***“Tiếng chim hát trong bụi mận gai”*** đem lại vinh dự cho tác giả thì McCullough vẫn chỉ là một nhân viên y tế bình thường. Bà sinh ở Úc, bang New South Wales, trong gia đình một công nhân xây dựng xuất thân từ Ireland. Thời thanh xuân McCullough ở Sydney, đã từng học trường của nhà thờ công giáo, từ bé đã mơ ước trở thành bác sĩ, nhưng không có điều kiện để qua đại học y. Bà đã thử làm một số nghề – làm báo, công tác thư viện, dạy học, rồi trở lại nghề y, qua lớp đào tạo chuyên môn về sinh lý học thần kinh. Sau đó, bà đã làm việc tại các bệnh viện ở Sydney, London, Birmingham, rồi sang Mỹ, làm việc tại một trường y thuộc trường đại học Yale. Năm 1974 bà viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên, không có tiếng vang gì hết. ***“Tiếng chim hát trong bụi mận gai”*** được thai nghén trong ngót bốn năm, rồi

đầu mùa hè 1975, bà bắt tay vào viết liền một mạch trong mười tháng. Suốt thời gian ấy, bà vẫn bận túi bụi công việc ở bệnh viện, chỉ viết tác phẩm vào ban đêm và ngày chủ nhật.

Tác phẩm này có thể gọi là **“Xaga về gia đình Cleary”**. Xaga là hình thức văn xuôi cổ có tính chất anh hùng ca, kể chuyện một cách điềm đạm về những con người hùng dũng. Cuốn tiểu thuyết này viết về lịch sử của nửa thế kỷ của ba thế hệ một gia đình lao động – gia đình Cleary. Loại tiểu thuyết lịch sử gia đình từ trước đã có những thành công lớn như thiên sử thi về dòng họ Foocxaitơ của Gônxuôcthy, **“Gia đình Tibô”** của Rôgiê máctanh duy Gar, **“Gia đình Artamônôp”** của M.Gorki. Đặc điểm chung của các tác phẩm đó là số phận gia đình tiêu biểu cho số phận của giai cấp tư sản, nó phản ánh sự phát triển và suy tôn của giai cấp tư sản, các thế hệ sau đoạn tuyệt với nền tảng truyền thống của gia đình. So sánh với những tác phẩm trên thì tác phẩm của McCullough có sự khác biệt, có cái độc đáo riêng của nó. Trước hết, đây là lịch sử của một gia đình lao động. Sự phát triển tính kế thừa và đổi mới của ba thế hệ gia đình này là hình mẫu thu nhỏ của lịch sử dân tộc. Các thế hệ sau kế thừa những nét tốt đẹp nhất của gia đình – tính cần cù, tự chủ, tính kiên cường đón nhận những đòn ác liệt của số phận, lòng tự hào gia đình, song đồng thời có những đổi khác nhịp bước với thời đại. Nếu Fiona gan góc chịu đựng mọi tai họa nhưng cam chịu số phận thì con gái bà là Meggie đã tìm cách cướp lấy hạnh phúc của mình từ tay Chúa Trời, và Justine, con gái của Meggie là một cô gái hiện đại, có những chuẩn mực đạo đức hoàn toàn khác. Cuốn tiểu thuyết xây dựng như truyện sử biên gia đình, tác giả tập trung vào những xung đột tâm lý – đạo đức nhiều hơn là những vấn đề giai cấp –

xã hội. Các nhân vật tuy vẫn chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh, nhưng chủ yếu là ứng xử theo tính cách riêng của mình nhiều hơn. Trong số nhiều nhân vật, nổi bật hơn cả là ba nhân vật – Fiona, Meggie con gái bà và cha đạo Ralph de Bricassart. Meggie có thể coi là nhân vật trung tâm của tác phẩm. Trong tiểu thuyết có nhiều tuyến tình tiết, nhiều môtip, đề tài, song tất cả đều phục vụ câu chuyện chính, mối tình lớn lao trong sáng của Meggie và cha de Bricassart.

Trong tác phẩm quy mô lớn này, những xung đột tâm lý – tinh thần của các nhân vật quyện chặt với sự miêu tả tỉ mỉ toàn cảnh lịch sử, địa lý, thiên nhiên. Thiên nhiên bao la, dữ dội nhưng có cái đẹp hoang sơ riêng của nó như hiện ra trước mắt bạn đọc. Giá trị nhận thức của tác phẩm do đó càng thêm đầy đủ. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người ở đây mang tính chất chung sống hài hòa, thiên nhiên chưa kịp uy hiếp đến nguy cơ hủy diệt.

Tính hiện thực và tính lãng mạn trong tác phẩm này hòa lẫn vào nhau tới mức thuần nhị. Sự miêu tả tỉ mỉ bằng hình thức của bản thân đời sống, cả từ cách ăn mặc, lời ăn tiếng nói của nhân vật, cho đến cách xen lông cừu, nếp sống hàng ngày.v.v..., lối kể chuyện thông thả theo trình tự thời gian khiến cho tác phẩm gần với loại tiểu thuyết hiện thực thế kỷ 19. Nhưng những tính cách phi thường rục rờ biểu hiện trong những biến cố đột ngột, đầy hấp dẫn tạo nên màu sắc lãng mạn rất rõ nét. Một tác phẩm văn học Mỹ thời nay, xa lạ với những cảnh hung bạo, với “sex”, với “phản nhân vật” đưa bạn đọc trở về với những vấn đề “nhà” (theo nghĩa quê hương) “cội nguồn”, “cha và con” mà lại được ham chuộng đến như thế ở phương tây thì điều đó chứng tỏ những vấn đề muôn thuở của nhân loại bao giờ cũng làm rung động lòng

người ở bất cứ nơi nào trên hành tinh chúng ta.

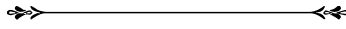
• **PHẠM MẠNH HÙNG**

Tặng Jin Ixthôup “người chị của tôi”

Có một truyền thuyết về con chim chỉ hát có một lần trong đời, nhưng hát hay nhất thế gian. Có lần nó rời tổ bay đi tìm bụi mận gai và tìm cho bằng được mới thôi. Giữa đám cành gai góc, nó cất tiếng hát bài ca của mình và lao ngực vào chiếc gai dài nhất, nhọn nhất. Vượt lên trên nỗi đau khổ khôn tả, nó vừa hát vừa lịm dần đi, và tiếng ca hân hoan ấy đáng cho cả sơn ca và họa mi phải ghen tị. Bài ca duy nhất, có một không hai, bài ca phải đổi bằng tính mạng mới có được. Nhưng cả thế gian lặng đi lắng nghe, và chính thượng đế trên thiên đình cũng mỉm cười. Bởi vì tất cả những gì tốt đẹp nhất chỉ có thể có được khi ta chịu trả giá bằng nỗi đau khổ vĩ đại... Ít ra là truyền thuyết nói như vậy.

I

1915 – 1917



MEGGIE



Ngày mừng tám tháng chạp năm 1915, Meggie tròn bốn tuổi. Sau bữa ăn sáng, thu dọn xong bát đĩa, mẹ lẳng lẳng giúi vào tay bé một bọc giấy màu nâu và bảo bé ra sân chơi. Bây giờ Meggie ngồi xổm dưới bụi kim tước cạnh cổng và sốt ruột mân mê cái bọc giấy. Không dễ gì mở được lớp giấy bọc bền chắc bằng những ngón tay lóng ngóng; tờ giấy phảng phất hơi hương của cửa hàng lớn ở Wahine, và Meggie đoán ra: cái vật ở bên trong không phải đồ vật tự làm lấy, không phải của ai cho, mà kỳ diệu thay, là vật mua ở cửa hàng.

Ở một góc bọc đồ bắt đầu lộ rõ một cái gì mỏng mảnh, óng ánh vàng. Meggie càng nôn nóng phá bỏ lớp giấy bọc, bóc đi những dải dài nham nhở.

– Agnes! Ôi, Agnes! – Nó nói bằng giọng trù mến và chớp chớp hai hàng mi, không tin ở mắt mình nữa: nằm giữa đám giấy tôi tả là một con búp bê.

Dĩ nhiên đây là phép màu nhiệm. Cả đời Meggie mới được đến Wahine có một lần – lâu lắm rồi, từ hồi tháng năm, nó được người lớn cho đi theo vì nó là con bé ngoan. Nó leo lên chiếc xe hai bánh bên cạnh mẹ và tỏ ra ngoan ngoãn không chê vào đâu được,

nhưng vì xúc động, nó gần như không nhìn thấy gì và không nhớ gì, trừ có Agnes. Con búp bê xinh đẹp ngồi trên quày, diện ghê lắm, váy phồng bằng lụa màu hồng trang điểm những đường viền đăng ten màu cream lộng lẫy. Ngay lúc đó Meggie đã đặt tên cho con búp bê là Agnes – nó không tìm ra cái tên nào kiêu diễm hơn, xứng đáng với con bé đẹp phi thường như vậy. Nhưng mấy tháng dài đăng đẳng sau đó, nó chỉ mong nhớ Agnes một cách tuyệt vọng. Meggie chưa bao giờ có một con búp bê nào, thậm chí không hề nghĩ rằng búp bê là thứ dành riêng cho các em gái nhỏ tuổi. Nó rất vui vẻ chơi còi tu huyết, súng cao su và những chú lính thiếc méo mó mà các anh nó vất đi, tay nó bao giờ cũng lem luốc, giày dính bùn.

Meggie thậm chí không hề có ý nghĩ Agnes là đồ chơi. Nó đưa tay vuốt những nếp gấp của bộ áo váy màu hồng thắm, – bộ áo váy lộng lẫy như thế chưa bao giờ nó nhìn thấy ở một người phụ nữ nào trong đời thực – và nó âu yếm bế con búp bê lên. Tay và chân Agnes có khớp nối, có thể xoay vặn và uốn gập tùy ý; ngay cả cổ và cái eo lưng thon thả cũng uốn gập được. Mái tóc vàng óng chải cao bồng và điểm những hạt ngọc, cái cổ màu hồng dịu để hở và đôi vai lộ ra dưới lớp đăng ten lồng bồng như bọt sóng cài kim gấm nạm ngọc. Gương mặt xinh xắn bằng sứ có tô màu, không trắng men bóng, nom mờ dịu hết như mặt người thật. Đôi mắt đen linh lợi lạ thường sáng long lanh, hai hàng mi bằng sợi lông thật, móng mắt lấp lánh bắn ra tia sáng và có đường viền xanh sẫm; Meggie hoan hỉ nhận ra rằng nếu đặt Agnes nằm giữa thì mắt nó nhắm lại. Một bên má hồng có cái nốt ruồi đen đen, cái miệng đỏ thắm hơi hé mở, phô ra hàng răng nhỏ xíu trắng muốt. Meggie thu chân lại cho thoải mái, thận trọng đặt con búp

bê lên đùi và ngồi nhìn nó không dứt.

Con bé vẫn ngồi như thế dưới bụi cây khi Jack và Hughie ló ra từ trong đám cỏ cao (ở sát hàng rào khó cắt cỏ). Tóc Meggie cũng y như tóc của Cleary, chói rực như ngọn hải đăng: tất cả các con trong gia đình, trừ Frank, đều phải chịu đựng trừng phạt đó – đứa nào cũng tóc xoăn màu hung, chỉ có sắc thái khác nhau. Jack vui vẻ hích khuỷu tay vào em: nom kia. Chúng nhìn nhau, cười khẩy và lén đến từ hai phía, như thể chúng là lính và vây bắt tên phản bội người Maori^[1]. Nhưng dù sao Meggie cũng không thể nghe thấy tiếng động của chúng, nó chỉ mãi mê với Agnes và lẩm nhẩm hát điệu gì với con búp bê.

– Mà y có cái gì đấy, Meggie? – Jack nhảy tới chỗ em gái. – Đưa xem nào!

– Phải đấy, phải đấy, đưa xem đi! – Hughie vừa cười vừa hùa theo, nó từ phía bên kia chạy đến.

Meggie ôm ghì con búp bê vào ngực, lắc đầu quày quật:

– Không! Nó là của em! Quà mừng ngày sinh đấy!

– Nào, đưa đây xem! Chúng tao chỉ xem lúc thôi mà!

Niềm kiêu hãnh và vui sướng át mất sự thận trọng. Meggie giơ con búp bê lên cho các anh ngắm.

– Xem đây này, đẹp đấy chứ? Tên nó là Agnes.

– Agnes? Agnes à? – Jack làm ra vẻ hết như ghen ngào. – Cái tên mỉa miều quá, chặc – chặc! Chỉ nên gọi nó một cách giản dị là Betty hay Margaret.

– Không, nó là Agnes.

Hughie nhận thấy cổ tay búp bê có khớp nối, nó huýt một tiếng

sáo.

– Ê. Jack, nhìn xem này! Nó có thể cử động tay được!

– Thế à? Ta thử cái xem.

– Không, không! – Meggie lại ôm ghì con búp bê vào ngực, mắt ứa lệ. – Các anh làm gãy mắt. Ôi, Jack, đừng động đến nó, anh làm gãy mắt thôi.

– Hừ-ừ! – Bằng hai tay thô kệch ngăm đen và lem luốc, Jack nắm chặt lấy hai cổ tay em gái. – Mà muốn tao vặn tay mày à? Đừng có khoe chöhe lên, con bé hay nè, không thì tao bảo Bob cho đấy. – Nó bắt đầu giơ tay em ra mạnh đến nỗi hai tay con bé trắng bệch ra, còn Hughie nắm lấy váy con búp bê mà giật. – Bỏ ra, không thì khốn đấy.

– Đừng, Jack! Thôi xin anh! Anh làm gãy nó mắt, em biết, gãy mắt! Ôi, buông nó ra! Đừng động đến, em xin mà!

Meggie rất đau, nó nức nở, giậm chân và vẫn ôm ghì con búp bê vào ngực.

Nhưng cuối cùng Agnes tuột khỏi tay nó.

– A ha, được rồi! – Hughie gào lên.

Jack và Hughie loay hoay với món đồ chơi mới cũng mê mải như em gái chúng trước đó, chúng lột bỏ khỏi búp bê bộ áo liền váy, váy trong, quần lót có đường viền. Agnes trần truồng nằm đó, hai thằng bé lôi kéo giằng giật nó, vắt một chân nó ra sau đầu, còn đầu thì vặn phía sau ra phía trước, uốn gập và vặn vẹo đủ kiểu. Nước mắt của con em không hề làm chúng mũi lòng, còn Meggie cũng không nghĩ đến chuyện tìm sự cứu giúp ở đâu cả: tục lệ trong gia đình Cleary là như vậy – không tự bảo vệ được mình thì đừng hy vọng được ủng hộ và đồng tình, dù là một bé

gái đi nữa.

Mái tóc vàng óng của búp bê rối tung, những hạt ngọc thoáng hiện trong không trung và biến mất trong đám cỏ rậm. Chiếc giày bụi bặm ban nãy vừa giẫm trong xưởng rèn xéo bừa lên bộ áo váy bị vứt bỏ, trên má búp bê hằn một vết đen đậm. Meggie vội quỳ xuống, lượm bộ y phục nhỏ xíu để nó khỏi hư hại hơn nữa và bắt đầu lục tìm trong cỏ: may ra có thể tìm được những hạt ngọc vương vãi. Nước mắt làm nó quáng lòa, tim tan nát vì một nỗi đau xót chưa từng biết – con bé chưa từng có cái gì riêng của mình đáng cho nó đau buồn.

* * *

Frank vát cái móng ngựa vào nước lạnh làm dậy lên tiếng xèo xèo, và cậu vươn thẳng người. Mấy ngày gần đây, lưng không đau, có lẽ rút cuộc cậu đã quen quai búa. Đáng phải tập quen từ lâu rồi, hẳn bố sẽ nói thế, đã nửa năm nay cậu làm việc trong xưởng rèn. Bản thân Frank còn nhớ cậu đã được tiếp xúc với búa và đe từ lâu rồi; cậu đo những ngày tháng ấy bằng mức oán hận và thù ghét của mình. Bây giờ cậu quăng búa vào hòm đựng dụng cụ, tay run run gạt mảng tóc đen đuôi thẳng xoa xuống trán và cời qua đầu chiếc tạp dề da cũ kỹ. Áo sơ mi nằm trên đồng rơm trong góc xưởng; cậu chậm rãi đi đến đấy và đứng một hai phút mở to đôi mắt màu đen, nhìn bức tường, nhìn những tấm ván không bào bằng ánh mắt thù ghét.

Frank vóc người nhỏ bé, cao không quá năm *feet* ba inches^[2], và vẫn còn gầy như một chú thiếu niên, nhưng đôi tay để trần đã

nổi cuộn cơ bắp vì quai búa và làn da mờ, nhẵn nhụi không chề vào đâu được bóng nhẫy mồ hôi. Trong cả gia đình, cậu khác hẳn mọi người ở mái tóc và mắt thâm màu, cặp môi mọng và sống mũi rộng cũng không giống những người khác, sở dĩ như vậy vì trong mạch máu của mẹ cậu có chút máu Maori, cái đó có ảnh hưởng đến hình dáng của Frank. Cậu đã sắp mười sáu tuổi, còn Bob mới hơn mười một tuổi tí chút, Jack lên mười, Hughie chín tuổi, Stuart lên năm tuổi và bé Meggie ba tuổi. Chợt cậu nhớ ra: hôm nay mừng tám tháng chạp. Meggie tròn bốn tuổi. Cậu mặc áo và ra khỏi nhà kho.

Nhà họ ở trên đỉnh một quả đồi không cao lắm, từ nhà kho – đây cũng là chuồng ngựa và xưởng rèn, – đến nhà chường dăm chục bước. Cũng như mọi ngôi nhà ở New Zealand, ngôi nhà này bằng gỗ, thô kệch, chỉ có một tầng, nhưng dàn rộng theo bề ngang: nếu xảy ra động đất thì vẫn có phần nguyên vẹn. Xung quanh nhà um tùm những bụi kim tước dày rậm rực rỡ hoa vàng; và cỏ thì xanh tươi mơn mớn, đích thực là cỏ New Zealand. Thậm chí giữa mùa đông, có khi trong bóng rợp, sương giá suốt ngày không tan, cỏ không bao giờ ngả sang màu hung, còn trong mùa hè dài âu yếm, màu cỏ càng xanh rờn hơn. Mưa thì nhẹ nhàng, êm ả, không làm gãy những chồi mầm và thân non ẻo lả, tuyết thì không bao giờ có, còn mặt trời sưởi ấm vừa đủ để ấp ủ, nhưng không gắt đến mức làm khô héo. Thiên tai dữ dội ở New Zealand không phải từ trên trời giáng xuống, mà từ lòng đất phụt ra. Cổ họng lúc nào cũng nghẽn lại vì thấp thỏm chờ đợi, lúc nào ở dưới chân cũng cảm thấy cái rung động khó nhận thấy, tiếng ì ầm kéo rền trong lòng đất. Bởi vì trong lòng sâu của đất vẫn ẩn khuất, một sức mạnh kinh khủng không thể tưởng tượng nổi, cái sức

mạnh mẽ liệt đến nỗi ba mươi năm trước nó đã quét sạch khỏi mặt đất một trái núi khổng lồ; ở những quả đồi bề ngoài nom hiền lành bỗng toác ra những vết nứt, những cột hơi nước rú rít phụt ra, các núi lửa phun lên trời những cột khói cuộn cuộn, nước các sông suối trong núi bỗng rẫy. Các hồ rộng lớn đầy bùn lỏng sôi sục lên, nom sánh đặc như dầu, sóng ngập ngừng vỗ vào những mỏm đá mà có lẽ sẽ không còn có thể tìm thấy ở chỗ cũ khi đợt triều mới lại dâng lên, và bề dày của vỏ trái đất có chỗ không quá chín trăm *feet*.

Tuy thế, đây vẫn là mảnh đất tốt lành, phì nhiêu. Trái rộng sau nhà là một đồng bằng loáng thoáng những ngọn đồi, cả đồng bằng màu xanh lục như hòn ngọc bích trên chiếc nhẫn của Cleary – món quà tặng ngày xưa của chồng chưa cưới. Khắp đồng bằng rải rác những cụm nhỏ màu trắng mượt mà, nhìn gần mới thấy rõ đấy là những con cừu. Sau dãy đồi vệt thành một đường lượn sóng là bầu trời xanh và núi Egmont vươn cao tới chục ngàn *feet*, đỉnh núi chìm trong mây, các sườn núi vẫn còn phủ tuyết trắng xóa và hình thể núi đều đặn, hoàn mỹ đến nỗi ngay cả những người cả đời vẫn nhìn thấy nó mà ngày này sang ngày khác vẫn ngắm nó không biết chán.

Đường lên nhà khá dốc, nhưng Frank vội vã, cậu biết rằng vào lúc này cậu không được phép vắng mặt ở xưởng rèn: bố có những quy định nghiêm khắc. Nhưng cậu đã vòng qua góc nhà và thấy bọn trẻ dưới bụi cây.

Chính Frank đã đánh xe đưa mẹ đi Wahine mua búp bê cho Meggie và cho đến giờ cậu vẫn ngạc nhiên không hiểu vì sao mẹ chợt nảy ra ý định ấy. Mẹ hoàn toàn không thích tặng những món quà không thực tế vào ngày sinh nhật, không có tiền đâu mà mua

những thứ như thế, trước đây mẹ không hề tặng ai đồ chơi bao giờ. Tất cả các con đều được một thứ quần áo gì đó, vào ngày sinh nhật hoặc lễ giáng sinh, cái tủ áo nghèo nàn lại được bổ sung thêm. Nhưng chắc là Meggie đã nhìn thấy con búp bê này trong lần duy nhất được ra thành phố và Fiona không quên điều đó. Frank có lần toan hỏi mẹ chuyện đó, nhưng mẹ chỉ lầu bầu rằng đứa bé gái không thể không có búp bê, rồi nói ngay sang chuyện khác.

Ngồi trên con đường nhỏ dẫn về nhà, Jack và Hughie, hai thằng – bốn cái tay – vắn bẻ tất cả các khớp của búp bê, không chút xót thương. Meggie đứng quay lưng về phía Frank, nhìn các anh nhạo báng Agnes. Đôi bít tất trắng sạch sẽ của Meggie tụt xuống trùm lên đôi giày màu đen, dưới bộ áo liền váy bằng nhung màu nâu để mặc trong dịp hội hè lộ ra đôi chân trần. Những búp tóc uốn cẩn thận xõa xuống lưng lấp lánh dưới ánh mặt trời – không phải màu đỏ đồng, cũng không phải màu vàng óng, mà là một màu gì đặc biệt giữa hai màu đó. Dải băng bằng lụa mềm giữ cho tóc phía trước khỏi xõa xuống mặt đã trở nên nhẽo nhột và xô lệch hẳn đi, chiếc áo liền váy bám đầy bụi. Một tay Meggie nắm chặt mở áo xống của búp bê, tay kia cố đẩy Hughie ra mà không được.

– A, đồ đều cáng!

Jack và Hughie lập tức bật dậy và cầm đầu chạy, quên cả con búp bê: Frank đã quát mắng thì chuồn cho mau là hay hơn cả.

– Chúng mày mà còn đụng đến con búp bê này lần nữa là tao vắn gãy chân đấy! – Frank quát với theo.

Rồi cậu cúi xuống, nắm lấy hai vai Meggie và khẽ lắc:

– Này, thôi đừng khóc. Chúng nó đi rồi, chúng nó sẽ không động đến búp bê của em nữa đâu, cứ yên tâm. Cười đi nào, hôm nay là ngày sinh của em kia mà!

Trên khuôn mặt húp lên của con bé, nước mắt chảy như suối; nó ngược đôi mắt màu xám rất to, đầy đau khổ lên nhìn Frank, đến nỗi cậu cảm thấy nghẹn thở. Cậu rút trong túi quần ra một mảnh vải lem luốc, vụng về lau mặt cho em, bóp lấy cái mũi xinh xinh giữa những nếp khăn:

– Xì đi!

Meggie nghe lời, nước mắt khô ráo, nhưng vẫn khó cất lên lời, tiếng nấc cứ bật ra.

– Ôi, anh F-f-frank ơi, các anh ấy gi-ật Agnes của em! – Nó khóc nấc lên. – T-t-tóc nó rơi tung hết và những hạt ngo-ọc “coong coong” văng đi hết! Nó lăn vào co-ỏ, em chẳng làm thế nào tìm được!

Và nước mắt lại túa xuống tay Frank; Frank nhìn bàn tay ướt của mình, rồi liếm những giọt nước mắt trên tay.

– Ồ, không sao, bây giờ anh em ta sẽ tìm. Nhưng khi em khóc thì tất nhiên em sẽ chẳng nhìn thấy gì trong cỏ, mà sao tự dưng em nói bập bẹ như đứa trẻ mới học nói vậy? Đã từ lâu em biết nói “con con” chứ không phải “coong coong” kia mà. Xì mũi lần nữa đi và nhặt con búp bê khốn khổ của em lên... tên nó là Agnes phải không? Mặc áo váy vào cho nó, không thì nó bị bỏng nắng đấy.

Cậu đặt em gái xuống rìa đường, thận trọng đưa cho em con búp bê và bắt đầu lục lội trong cỏ, và lát sau cậu reo lên đắc thắng, giơ cao trên đầu hạt ngọc nhỏ.

– Một hạt đây rồi! Em thấy không, chúng ta sẽ tìm đủ hết!

Meggie nhìn anh với niềm kính yêu khôn tả, còn Frank vẫn sục sạo trong đám cỏ cao và lần lượt đưa ra cho em xem những hạt ngọc đã tìm thấy, nhưng rồi con bé chợt nhớ ra: da Agnes hẳn là rất mềm mại, không chừng nó bị rộp nắng thực đấy, và nó bắt đầu mặc áo cho búp bê. Hình như búp bê không bị hư hại nặng lắm. Kiểu tóc xoắn hết, tóc rối bù, tay và chân đầy vết bầm vì hai thằng anh xoay vặn chúng bằng những bàn tay lem luốc, nhưng tay chân búp bê còn nguyên lành. Phía trên tai Meggie có gài những chiếc lược con bằng mai rùa, nó rút bật ra một chiếc và bắt đầu chải tóc cho Agnes, đấy là tóc hoàn toàn thật, dán một cách khéo léo vào lớp vải màn và được tẩy màu cho thành màu vàng rơm óng ả.

Meggie vụng về mân mê một cái nút gì đó trong tóc búp bê, và đột nhiên xảy ra một việc khủng khiếp. Tóc lập tức tuột hết và lủng liểng một cục rối tinh trên chiếc lược. Phía trên cái trán trơn nhẵn của búp bê chẳng có gì cả – không có thóp, cũng chẳng có cái sọ trần. Chỉ có một cái lỗ há hoác khủng khiếp. Sợ hãi, Meggie cúi xuống và toàn thân run rẩy, nhìn vào trong. Nhìn từ trong có thể lờ mờ đoán nhận ra hình dáng của má và cằm, ánh sáng lọt vào qua đôi môi hé mở, và răng hiện thành những hình bóng đen đen, như răng một con thú nhỏ nào đó và phía trên tất cả những cái đó, Meggie nhìn thấy mắt Agnes – hai quả cầu nhỏ rắn chắc xâu vào sợi dây thép tàn nhẫn cắm vào đầu búp bê.

Meggie hét lên một cách tuyệt vọng, không trê thơ tí nào, quãng Agnes đi và vẫn la lên, hai tay bưng mặt, con bé kinh hoàng, run lên bần bật. Rồi nó cảm thấy Frank gỡ hai tay nó ra, bế nó lên và ôm ghì vào ngực mình. Nó áp trán vào cổ anh, ôm chặt lấy anh – sự gần gũi của anh an ủi nó, làm nó yên tâm, và

Meggie thậm chí cảm thấy ở anh nó toát ra thứ mùi thú vị: mùi ngựa, mùi mồ hôi, mùi sắt.

Cuối cùng, nó bình tĩnh lại chút ít và Frank đã hỏi được nó thật tỉ mỉ về sự việc đã xảy ra: cậu nhặt con búp bê lên, bắn khoắn nhìn kỹ cái sọ rỗng và cố nhớ lại: hồi nhỏ tuổi, cậu có từng bị những nỗi sợ khó hiểu giày vò hay không. Ồ không, ám ảnh cậu là những cái khác: những con người, những lời thì thầm, những cái nhìn xéo. Cậu nhớ tới khuôn mặt phờ phạc, rứt rè của mẹ, cơn run của bàn tay mẹ nắm chặt lấy tay cậu, đôi vai rũ xuống của mẹ.

Meggie nhìn thấy gì mà đến nỗi khiếp sợ như vậy? Có lẽ nó sẽ ít sợ hơn nhiều nếu như do mất tóc, Agnes chỉ chảy máu. Đó là chuyện bình thường, trong gia đình Cleary ít nhất một tuần một lần, nhất định có người bị đứt tay hay bị vập chảy máu.

– Mắt... mắt... – Meggie thì thầm, quay đi, khăng khăng không muốn nhìn con búp bê nữa.

– Quái vật chứ không phải là búp bê nữa! – Frank lẩm bẩm, áp mặt vào mái tóc em. – Tóc gì tuyệt diệu, dày rậm, mềm mại và chói rục lạ thường.

Suốt nửa giờ cậu dỗ dành Meggie cho đến khi ép được nó phải nhìn Agnes, rồi nửa giờ nữa để dỗ được nó nhìn vào cái đầu thùng lỗ của búp bê. Cậu chỉ dẫn cho con bé thấy mắt cấu tạo như thế nào, mọi cái được dự tính và khuôn lắp chính xác như thế nào để mắt không bị lé, nhắm mở dễ dàng.

– Thôi, bây giờ đến lúc em nên về nhà rồi đấy, – cậu nói, xúc em lên chút nữa, ghì sát vào mình, ép chặt con búp bê ở giữa – Ta sẽ nhờ mẹ sửa sang lại con búp bê, được chứ? Ta sẽ giặt là áo váy

nó và dán lại tóc. Còn với những hạt ngọc này thì anh sẽ làm những cái trâm thực sự để nó khỏi rơi và em sẽ có thể chải tóc cho búp bê đủ các kiểu em muốn.

* * *

Fiona Cleary đang gọt khoai ở bếp. Chị hơi thấp hơn mức trung bình, rất xinh gái, một người đẹp thực sự, nhưng gương mặt nghiêm nghị, khắc nghiệt; thân hình cân đối tuyệt trần, tấm lưng ong không hề xò ra, không trở nên nặng nề, tuy người phụ nữ này đã mang nặng đẻ đau sáu đứa con. Chị mặc bộ áo váy bằng vải trúc màu xám, chiếc váy dài buông chấm mặt sàn sạch bóng như gương; che phủ phía trước áo là tấm tạp dề cực rộng, hồ bột trắng muốt, tấm tạp dề mặc chui qua đầu và buộc lại sau lưng bằng một dải băng hết sức gọn gàng hồ bột thật cứng. Từ sáng sớm cho đến đêm khuya, cuộc sống của chị là ở bếp và vườn rau, đôi chân đi giày thô màu đen đưa chị đi vãn theo cái vòng tròn ấy – từ bếp đến chậu giặt, từ chỗ giặt đến luống rau, và từ đó đến dây phơi rồi trở lại bếp.

Chị đặt con dao xuống bàn, nhìn Frank với Meggie, hai bên mép vành môi xinh đẹp trễ xuống.

– Meggie, sáng nay mẹ cho con mặc bộ áo váy đẹp nhất với điều kiện là con không được làm bẩn nó. Thế mà con nhìn lại nó xem! Lem luốc quá thể!

– Không phải lỗi tại em nó đâu, mẹ ạ – Frank xen vào, – Jack và Hughie giằng búp bê của nó, chúng nó muốn xem tay chân búp bê cử động thế nào. Con đã hứa với Meggie rằng mẹ và con sẽ

giúp em, và búp bê sẽ lại như mới. Ta làm được chứ, mẹ nhỉ!

– Đưa xem – Fee giơ tay ra.

Chị vốn không nhiều lời, thường im lặng nhiều hơn. Chị nghĩ gì, chẳng ai biết, ngay cả chồng chị. Việc đưa các con vào khuôn phép, chị dành cho chồng, chồng bảo gì, chị làm đúng như thế, vâng chịu và nín nhịn, trừ phi xảy ra điều gì hoàn toàn khác thường. Meggie nghe thấy các anh thì thầm với nhau rằng mẹ sợ bố không kém gì chúng, nhưng nếu đúng như thế thì nghĩa là chị che giấu sự sợ hãi dưới cái mặt nạ điềm tĩnh không sao hiểu thấu nổi và hơi cau có. Chị không bao giờ cười và dù có chuyện gì đi nữa, cũng chưa lần nào chị nổi nóng.

Sau khi chăm chú xem xét Agnes, Fee đặt nó lên chiếc tủ con cạnh bếp lò và nhìn Meggie.

– Sáng mai mẹ sẽ giặt áo váy cho nó và sẽ chải kiểu tóc mới. Còn tối nay, sau bữa ăn, Frank có thể dán tóc và tắm rửa cho nó.

Những lời đó không phải là để an ủi, mà có tính chất thiết thực nhiều hơn. Meggie gật đầu, mỉm cười ngấp ngừng; có những lúc nó thiết tha mong muốn mẹ cất tiếng cười, nhưng điều đó chưa từng xảy ra. Meggie cảm thấy giữa nó và mẹ có cái gì chung, làm cho hai mẹ con khác với bố và các anh trai, nhưng mẹ lúc nào cũng bận, bao giờ cũng thẳng thừng, sắt đá, không thể gần được. Mẹ sẽ lơ đãng gạt đầu, khéo léo xoay người từ bếp lò về phía bàn, làm lay động chiếc váy dài xếp nếp, và lại làm việc, làm việc và làm việc.

Trong số các con, ngoài Frank ra, không ai hiểu được rằng mẹ luôn luôn mệt mỏi, một sự mệt mỏi bất tận, không gì chữa khỏi được. Có biết bao nhiêu việc cần làm, luôn luôn thiếu tiền, luôn

luôn thiếu thời gian, và bất cứ việc gì cũng vẫn chỉ có một đôi tay. Giá như Meggie lớn hơn chút nữa và đỡ đàn được mẹ, ngay bây giờ con bé cũng vẫn làm những việc đơn giản và nhẹ nhàng một chút, nhưng nó mới có bốn tuổi, không thể trút cho nó nhiều việc. Sáu đứa con mà chỉ có một con gái, mà lại là út. Tất cả những người quen đều ái ngại cho bà mẹ của một gia đình như thế và đều ghen với chị, nhưng công việc không vì thế mà bớt đi. Trong chiếc giỏ nội trợ đã tích lại cả một núi bát tất chưa mạng, và còn cả một chiếc bát tất mới trên que đan, đang đan dở, và những chiếc áo len dài tay của Hughie đã trở nên quá chật, nhưng Jack chưa đủ lớn để nhường lại áo của mình cho em.

* * *

Hoàn toàn tình cờ, vào tuần lễ có ngày sinh của Meggie, Padraic Cleary lại ở nhà. Mùa xén lông cừu chưa tới, anh đi làm cho những người hàng xóm – cày và gieo hạt. Bản thân anh là người xén lông cừu – đấy là công việc theo mùa, kéo dài từ giữa mùa hè cho đến cuối mùa đông, rồi bắt đầu mùa cừu đẻ. Thường thì Cleary khéo xoay xở tìm được đủ việc làm để cùng gia đình trụ được qua mùa xuân và tháng đầu hè: anh giúp việc đỡ cừu đẻ, cày đất hay thay thế chủ nhân một trại sữa nào đó không kịp vắt sữa tất cả bò cái hai lần một ngày. Ở đâu tìm được việc làm là anh đi, để mặc cho gia đình tự lo liệu lấy đời sống trong ngôi nhà lớn cũ kỹ; như thế cũng không phải là tàn nhẫn gì cho lắm. Anh không thuộc loại những kẻ may mắn có đất riêng của mình, vậy thì không còn cách nào khác.

Hôm ấy, sau lúc mặt trời lặn ít lâu, khi anh trở về, trong nhà đã thấp đèn và những bóng đen nhảy nhót trên cái trần cao. Bọn trẻ con trai đủ mặt cả, trừ Frank, tụ tập trên bậc tam cấp phía sau, đang nghịch một con nhái. Padraic hiểu ngay Frank ở đâu: từ chỗ chất củi vọng đến tiếng rìu bổ đều đều. Padraic đi qua bậc tam cấp rộng, hầu như không dừng lại, chỉ đá Jack một cái và kéo tai Bob.

– Đến giúp Frank bỏ củi đi, những thằng lười nhác! Mà mau mau lên, cho đến khi nào mẹ gọi về ăn, không thì chết đòn cả nút đấy!

Anh gạt đầu với Fiona đang loay hoay bên bếp lò; anh không ôm hôn chị vì cho rằng mọi sự biểu lộ tình cảm âu yếm giữa vợ chồng chỉ thích hợp trong buồng ngủ. Trong lúc anh cởi đôi giày bết bùn khô, Meggie nhảy chân sáo chạy đến, mang cho bố đôi dép đi ở nhà, và Padraic nở một nụ cười rộng với con. Bao giờ cũng thế, mỗi lần nhìn thấy con bé, trong lòng anh lại xốn xang một niềm ngạc nhiên khó hiểu. Nó kháu khỉnh lạ, tóc đẹp tuyệt vời; anh ngoắc một búp tóc, kéo duỗi ra, rồi lại thả ra: thật thích thú khi thấy mớ tóc dài lại cuộn vào như cái lò xo và nhảy về chỗ cũ. Rồi anh bế con lên, đến gần bếp lò, cạnh đấy có chiếc ghế bành thuận tiện duy nhất trong bếp: chiếc ghế bằng gỗ, lưng chạm trổ, mặt ghế có đệm. Anh khẽ thở dài, ngồi xuống, lấy ống tẩu, động bữa tàn xuống sàn. Meggie ngồi thu mình thoải mái trên đùi bố, hai tay ôm quàng lấy cổ bố và ngược khuôn mặt xinh xắn tươi tắn về phía bố: đấy là trò chơi buổi tối quen thuộc của nó – nhìn ánh lửa qua bộ râu ngắn màu hung của bố.

– Này, ở nhà thế nào, Fee? – Padraic Cleary hỏi vợ.

– Tốt cả thôi, Paddy ạ. Hôm nay mình làm xong khu vực dưới rồi chứ?

– Ừ, xong cả rồi. Sáng mai sẽ bắt tay vào khu vực trên sớm sớm một chút. Ôi, tôi mệt mỏi quá!

– Đã đành rồi, MacPherson lại giao cho mình con ngựa cái bất trị ấy chứ?

– Đương nhiên. Thế mình tưởng ông ta sẽ chịu vất vả với con vật ấy và sẽ cho tôi con xám tro chắc? Hai vai nhức nhối, hết cả hơi. Tôi đánh cuộc rằng khắp New Zealand không tìm đâu ra con vật nào khác bướng như thế.

– Thôi cũng được. Ngựa của ông già Robertson toàn là ngựa tốt, mà chẳng bao lâu nữa mình sẽ chuyển sang làm cho ông ta.

– Chong chóng lên thì hay. – Padraic nhồi thuốc lá rẻ tiền vào tẩu, kéo cái bấc ở cây đèn sắt tây cạnh bếp lò. Anh gi cái bấc vào cửa bếp lò bỏ ngỏ, lập tức nó cháy. Padraic ngả người lên lưng ghế, rít sâu đến nỗi trong tẩu có tiếng ọc ọc. – Thế nào, Meggie, con có vui sướng vì con đã lên bốn không? – Anh hỏi con gái.

– Rất vui sướng, ba ạ.

– Mẹ đã tặng quà cho con rồi chứ?

– Ôi, làm sao ba mẹ đoán ra là con muốn có Agnes?

– Agnes à? – Anh mỉm cười liếc nhanh nhìn vợ, sừng sốt nhướn cao lông mày. – Vậy ra tên nó là Agnes à?

– Vâng. Nó đẹp lắm, ba ạ. Con cứ muốn suốt ngày nhìn nó.

– May mà vẫn còn có cái để mà nhìn, – Fee cau có nói. – Jack và Hughie giằng ngay lấy con búp bê ấy, bé Meggie tội nghiệp chưa kịp xem xét tường tận đồ chơi của mình.

– Thì chúng nó là con trai mà. Búp bê có bị hỏng nặng lắm không?

– Vẫn còn chơi được. Frank đã kịp thời ngăn cản chúng.

– Frank à? Nó làm gì ở đây? Nó phải suốt ngày ở xưởng rèn chứ. Hunter giục làm cho xong cái công đi đây.

– Frank vẫn làm việc suốt ngày đây chứ. Nó chỉ về lấy một dụng cụ gì đó thôi. – Fee vội nói. Padraic bao giờ cũng quá nghiêm khắc với Frank.

– Ôi, ba ơi, Frank là người anh tốt nhất của con! Anh ấy đã cứu Agnes của con thoát chết, và sau bữa ăn tối anh ấy sẽ lại dán tóc cho nó cơ.

– Thế thì tốt, – ông bố nói bằng giọng buồn ngủ, ngả mình lên lưng ghế và nhắm mắt lại.

Hơi nóng tỏa ra từ bếp lò, nhưng anh dường như không để ý đến, trán anh lấp lánh những giọt mồ hôi. Anh chấp tay ra sau đầu và thiu thiu ngủ.

Các con của Padraic Cleary thừa hưởng ở anh bộ tóc xoắn dày rậm màu hung đủ các sắc thái, tuy chẳng có đứa nào tóc màu đỏ đồng chói gắt như thế. Padraic nhỏ người, nhưng rắn chắc lạ thường, toàn thân như làm bằng những lò xo thép; chân không không vì từ bé đã cưỡi ngựa, hai tay tuồng như dài hơn ra vì nhiều năm ròng xén lông cừu; cả tay và ngực đều đầy lông xoắn vàng ánh, giá như lông màu đen thì có lẽ nom sẽ xấu xí. Mắt màu da trời sáng trong, quen nhìn xa, bao giờ cũng hơi nheo nheo như mắt thủy thủ, còn mặt rất dễ ưa, tươi cười và hài hước, cái vẻ mặt luôn luôn sẵn sàng mỉm cười ấy lập tức làm mọi người mến anh. Lại thêm cái mũi tuyệt vời, đích thực là mũi người La Mã đáng

cho những người họ hàng của Padraic phải bần khoản, tuy nhiên ở tất cả các thời đại, có không ít tàu nước ngoài bị va vỡ ở bờ biển Ireland. Cách nói của anh vẫn giữ được vẻ mềm mại và liến thoắng khó nghe rõ, nó là đặc điểm của người Ireland ở Galway, nhưng ngót hai chục năm sống ở bán cầu bên kia đã để lại dấu ấn trên cách nói, làm thay đổi một số âm, làm cho nhịp độ chậm lại chút ít, khiến cho cách nói đó giống như chiếc đồng hồ cũ đã đến lúc cần lên dây cót. Là một người may mắn, anh đã khôn khéo hơn nhiều người khác vượt qua được tất cả những khó khăn và cực nhọc của đời mình, và tuy anh giữ khuôn phép nghiêm ngặt trong gia đình và không nương nhẹ với ai hết, tất cả các con, trừ một đứa, đều hết lòng yêu kính anh. Nếu trong nhà thiếu bánh mì, anh nhịn bánh; nếu cần lựa chọn – sắm thứ áo quần gì cho anh hay là cho đứa con nào, anh không sắm quần áo mới. Đây là một loại bằng chứng về tình yêu, xác thực hơn cả một triệu cái hôn, hôn thì dễ dàng thôi. Anh rất nóng tính và có lần đã giết người. Nhưng anh gặp may, kẻ bị giết là người Anh, mà ở cảng Dun Laoghaire đúng lúc ấy có chiếc tàu đi New Zealand đã căng buồm...

Fee từ bếp ngó ra và gọi:

– Đi ăn thôi!

Các con trai lần lượt xuất hiện, người cuối cùng là Frank với một ôm củi lớn, cậu trút ráo cả vào cái hòm, cạnh bếp lò. Padraic thả Meggie trên đui xuống đất, đi đến góc bếp đằng kia, ngồi ở cái đầu bàn ăn đóng ghép thô kệch, bọn trẻ con trai ngồi hai bên bàn, còn Meggie leo lên chiếc hòm gỗ mà bố đặt trên chiếc ghế cạnh mình làm chỗ ngồi cho nó.

Fee chia món ăn vào những chiếc đĩa đặt ngay trên chiếc bàn

làm bếp của chị, chị làm việc đó nhanh và khéo léo hơn bất cứ người phục vụ bàn ăn nào; chị đưa hai đĩa một lúc – thoát tiên cho chồng, rồi cho Frank, tiếp đó đến các con trai theo thứ tự lớn bé, cuối cùng cho Meggie và chị là người sau rốt.

– Úi chà! Thịt đông! – Stuart bĩu môi, cầm lấy đĩa. – Tại sao bố mẹ lại đặt tên con na ná như cái món ăn này^[3]...

– Ăn đi cho rồi, – ông bố ngắt lời.

Những chiếc đĩa lớn đầy ắp: kèm theo món thịt đông là suất khoai luộc hậu hĩnh, thịt cừu, đậu vừa hái hôm nay ở vườn rau. Tuy cũng có đĩa dè bửu và khế lâu bầu, bọn trẻ, kể cả Stuart, chén hết nhẵn suất ăn, lại còn dùng bánh mì vét đĩa và mỗi đứa được thêm mấy khoanh bánh mì phết bơ và mút làm bằng phúc bồn tử vườn nhà. Fee ngồi vào bàn ăn chung, ăn qua quýt, rồi lại vội vã đến bàn làm bếp và bày lên những đĩa sâu lòng những miếng pudding^[4] khá to, rất ngọt và đậm mút. Tất cả những suất đó lập tức được tưới cream lỏng còn bốc khói, và chị lại bắt đầu chạy đi chạy lại từ bàn làm bếp đến bàn ăn, mang mỗi lần hai đĩa. Cuối cùng chị thở dài ngồi xuống: bây giờ bản thân chị có thể yên tâm mà ăn.

– Ôi, ngon quá! Mút với cream! – Meggie kêu lên và dùng thìa vạch lên món ăn ngon, và lát sau qua lớp cream màu vàng lộ ra những vết màu hồng.

– Ồ, Meggie, con gái ta ơi, hôm này là ngày sinh của con mà, vì thế mẹ làm món pudding con thích. – Bố mỉm cười nói.

Lần này chẳng ai cầu nhàu và than phiền: bất kể pudding như thế nào, họ chén ngấu ngiến, trong gia đình Cleary mọi người đều phàm ăn.

Nhưng mặc dù được ăn đủ chất và no, không ai béo phì. Không có lấy một gam trọng lượng thừa – tất cả đều được dùng vào công việc hay trò chơi. Họ ăn rau và quả vì nó ngon, nhưng nếu không có bánh mì và khoai, không có thịt và pudding bột nóng hổi thì không lấy đâu ra sức lực.

Rồi Fee rót trà cho cả nhà bằng cái ấm trà cực lớn, và khoảng một tiếng đồng hồ nữa gia đình vẫn chưa tản đi: họ uống trà, đọc sách, nói chuyện. Paddy rít ống tẩu, say sưa đọc cuốn sách gì đó mượn ở thư viện. Bob vùi đầu vào cuốn sách khác. Fee luôn tay rót thêm trà, lũ nhỏ đặt kế hoạch cho ngày mai. Niên học đã kết thúc, sắp tới là kỳ nghỉ hè dài, bọn trẻ con trai cảm thấy mình được tự do, và chúng nóng lòng muốn bắt tay vào phần công việc của mình ở nhà và ở vườn rau. Bob được giao nhiệm vụ quét vôi tường những chỗ cần thiết ở phía ngoài, Jack và Hughie thì thu dọn cho ngăn nắp chỗ để củi, các nhà phụ và giúp việc vắt sữa, Stuart làm cỏ các luống vườn; so với những điều khủng khiếp ở trường thì tất cả những cái đó chỉ là trò chơi trẻ con. Bố đôi khi ngừng đọc, ngẩng đầu lên và thêm vào danh sách một việc gì nữa, nhưng Fee im lặng; Frank mệt mỏi ngồi rũ người trên ghế và uống từng hớp trà, hết chén này đến chén khác.

Cuối cùng Fee gọi Meggie đến chỗ mình và khi nó đã leo lên chiếc ghế đầu cao, chị dùng những mảnh giẻ buộc tóc cho nó trước khi đi ngủ, rồi bảo nó, Stuart và Hughie đi ngủ. Jack và Bob xin chơi một lát nữa và ra sân cho chó ăn. Frank lấy con búp bê của em trên bàn bếp và bắt đầu dán lại tóc cho nó. Padraic vươn vai, gập sách lại và đặt ống tẩu vào cái vỏ sò lớn óng ánh đủ các sắc vòng mà anh dùng làm cái gạt tàn.

– Thôi, mẹ nó ạ, tôi đi nằm đây.

– Chúc mình ngủ ngon, Paddy.

Fee thu dọn hết mọi thứ trên bàn ăn, rồi lấy cái chậu giặt mạ kẽm treo ở cái móc trên tường. Chị đặt cái chậu trước mặt Frank, ở đầu kia bàn nhà bếp, đổ vào đó nước nóng trong cái nồi gang nặng đun trên bếp. Hơi bốc nghi ngút trong chậu, Fee đổ thêm nước lạnh trong cái thùng sắt tây nguyên là thùng dầu hỏa; chị lấy xà phòng ở cái mạng lưới dây thép, đánh cho sủi bọt lên và bắt đầu rửa bát đĩa – rửa, tráng sạch và xếp dựng đĩa lên.

Frank không ngẩng đầu lên, mãi miết với con búp bê, nhưng khi trên bàn đã xuất hiện một đống đĩa đã rửa, cậu lẳng lẳng đứng dậy, lấy khăn lau đĩa. Cậu đi đi lại lại từ bàn nhà bếp đến tủ đựng bát đĩa, động tác của cậu cho thấy đó là một thói quen lâu năm và thành thạo. Đối với hai mẹ con, đây là một trò chơi bí mật và không phải không nguy hiểm, bởi vì một trong những quy định nghiêm ngặt trong gia đình do uy quyền của Paddy đề ra là phải có sự phân công trách nhiệm rạch ròi. Việc cửa việc nhà là việc của phụ nữ, có thể thôi. Đã là nam giới, dù lớn hay nhỏ, tuyệt không được mó tay vào bất cứ việc gì loại đó. Nhưng mỗi buổi tối, khi Paddy đi ngủ, Frank lại đỡ việc cho mẹ, còn Fee, như một kẻ đồng mưu thực sự, cố tình hoãn việc rửa bát lại sau cùng, cho đến khi nghe thấy từ phòng ngủ vọng ra tiếng rơi nặng nề của đôi giày đi ở nhà mà chồng vừa trút bỏ. Một khi Paddy đã bỏ giày thì anh không vào bếp nữa.

Fee âu yếm nhìn con trai.

– Mẹ không biết nếu không có con thì mẹ sẽ làm thế nào, Frank ạ. Nhưng con chẳng cần phải như thế. Từ sáng đến giờ con có được nghỉ tí nào đâu.

– Đáng kể gì, hả mẹ. Lau đĩa có nhọc nhằn gì, con chẳng chết đâu mà lo. Còn mẹ thì đỡ nhọc hơn chút ít.

– Đây là công việc của mẹ, Frank ạ. Mẹ không hề phàn nàn.

– Giá như rồi đây có lúc nhà ta giàu lên thì mẹ nên thuê người giúp việc.

– Đây là ước mơ hão huyền! – Fee dùng chiếc khăn nhà bếp lau đôi tay dính xà phòng, mềm nhũn vì hơi nóng và đưa hai tay bóp ngang lưng, mệt mỏi thở lấy hơi. Chị nhìn con trai với niềm lo ngại mơ hồ: người lao động nào cũng bất mãn về thân phận mình, nhưng ở Frank, nỗi hận cay đắng về số phận sôi sục quá. – Đừng kiêu ngạo, Frank à, đừng tưởng tượng quá nhiều về bản thân mình. Những ý nghĩ như thế không đem lại điều gì tốt lành. Chúng ta là những người bình thường, những người lao động, vì vậy chẳng bao giờ ta giàu và thuê được người giúp việc. Hãy bằng lòng với thân phận ta hiện nay và những gì ta có. Khi con nói như vậy tức là con lăng nhục bố, mà bố không đáng bị như vậy. Chính con biết đấy. Bố không uống rượu, không cờ bạc, vì chúng ta mà bố làm lụng như tù khổ sai. Tiền kiếm được bố không tiêu lấy một xu cho bản thân. Tất cả đều dành cho chúng ta.

Cậu con trai nóng nảy nhún đôi vai chắc nịch, gương mặt cau có càng sầm tối và khắc nghiệt hơn.

– Nhưng như thế có gì là xấu đâu: mong muốn giành thêm được một cái gì nữa trong cuộc sống để không phải suốt đời chỉ có nai lưng ra làm. Con muốn mẹ có người đỡ đần công việc nội trợ, con không hiểu như thế thì có gì tồi tệ nhỉ?

– Tệ hại vì đây là chuyện không thể có được! Con biết đấy, chúng ta không có tiền và con không được học tiếp hết bậc trung

học, vậy thì con có thể làm gì được nếu không phải là công việc chân tay nặng nhọc? Nghe cách con nói, nhìn áo quần con, nhìn hai tay con thì thấy ngay con chỉ là người làm ăn lam lũ. Nhưng hai bàn tay con chai sạn không phải là điều nhục nhã. Con biết đấy, bố vẫn nói rằng người có đôi tay nổi u chai là người lương thiện.

Frank lẳng lẳng nhún vai. Đĩa chén đã thu dọn hết. Fee lấy cái giỏ đựng đồ khâu và ngồi vào chiếc ghế bành của Paddy bên bếp lửa, Frank lại cầm cúi với con búp bê.

– Tội nghiệp Meggie! – Cậu bỗng nói.

– Tại sao vậy?

– Hôm nay hai thằng tướng cướp nhà ta hành hạ con búp bê của nó, còn nó chỉ đứng khóc như thể cả thế giới sụp đổ. – Cậu nhìn con búp bê, tóc lại nguyên như cũ. – Agnes! Nó đào đâu ra cái tên như thế nhỉ?

– Chắc nó nghe mẹ nói về Agnes Fortescue-Smythe.

– Lúc ấy con đưa cho nó con búp bê, nó nhìn vào đầu búp bê và sợ chết khiếp đi. Nó sợ đôi mắt búp bê, con không biết tại sao.

– Nó bao giờ cũng mừng tưng tượng thấy cái mà thực ra không có.

– Tiếc rằng ta thiếu tiền, chứ đáng ra nên cho bọn trẻ đi học lâu hơn nữa. Bọn trẻ nhà ta sáng dạ lắm.

– Ồ, Frank! Con ạ, nói làm gì cái chuyện “giá như” ấy... – Bà mẹ nói với vẻ mệt mỏi. Chị đưa tay xoa mắt, cố nén cơn run, và cắm kim vào cuộn len màu xám. – Mẹ không thể gắng thêm được nữa. Kiệt lực rồi, không còn nhìn rõ nữa.

– Đi ngủ đi, mẹ. Con sẽ tắt đèn.

- Mẹ còn phải cho thêm củi vào bếp lò.
- Việc ấy để con làm.

Cậu đứng dậy bên bàn, thận trọng đặt con búp bê xinh đẹp bằng sứ lên tủ bát đĩa, phía sau tấm sắt mỏng, để tránh mọi rủi ro. Tuy nhiên, không cần lo rằng mấy đứa em trai lại làm hại nó: chúng sợ sự trừng trị của Frank hơn cả sự trừng phạt của bố, vì trong đó ẩn giấu một sự hằn học nào đó. Sự hằn học ấy không bao giờ bộc lộ ra trước mẹ và em gái, nhưng tất cả bọn em trai đều đã được biết cái đó qua kinh nghiệm bản thân.

Fee nhìn con trai và tìm chị thất lại: ở Frank có cái gì cuồng bạo, tuyệt vọng, ở nó có cái gì báo trước tai họa. Giá như nó với Paddy thuận hòa với nhau hơn! Nhưng giữa hai bố con luôn luôn xảy ra cãi cọ và xích mích. Có lẽ Frank quá chăm lo đến chị, có lẽ nó quá quyến luyến chị. Nếu vậy thì chính chị có lỗi. Nhưng như vậy thì nó tốt bụng, một trái tim biết yêu thương. Nó chỉ muốn chị sống đỡ vất vả hơn một chút. Và một ý nghĩ buồn rầu lại đến với chị: mong sao Meggie lớn nhanh lên để cất cho Frank mỗi bận tâm ấy.

Fee cầm lấy cây đèn nhỏ trên bàn, nhưng lại đặt ngay xuống và đi qua bếp đến chỗ Frank – cậu ngồi xồm trước bếp lò, xếp củi dùng cho ngày mai, điều khiển cánh cửa lò. Trên làn da trắng phía trên khuỷu tay nổi hẳn lên những đường ven, chất cấu bản suốt đời không rửa sạch đã ăn sâu vào đôi tay hình dáng tuyệt đẹp và những ngón tay dài. Bà mẹ rút rề đưa tay ra, thận trọng, chỉ hơi chạm vào con, vén mảng tóc xòa trên trán con và vuốt mái tóc đen duỗi thẳng: khó lòng chờ đợi ở mẹ sự âu yếm nào triu mến hơn.

– Chúc con ngủ ngon, Frank, cảm ơn con.

Ra khỏi bếp, Fee nhẹ nhàng đi trong nhà, ngọn đèn của chị chiếu lên tường những bóng đen quay vòng và chạy nhảy lung tung.

Buồng ngủ đầu tiên dành cho Frank với Bob; bà mẹ mở cửa êm ru, giờ cao ngọn đèn, ánh sáng rọi xuống chiếc giường rộng trong góc buồng. Bob nằm ngửa, miệng há ra, và toàn thân run rẩy, co giật như con chó đang ngủ. Fee đến gần, lật nó nằm nghiêng sang bên phải trong lúc nó chưa bị cuốn hẳn vào giấc mơ xấu, và chị đứng nhìn nó một hai phút. Giống bố như đúc!

Ở buồng bên, Jack và Hughie như bó vào với nhau, không còn phân biệt được đâu là đứa nào. Hai thằng quỷ sứ! Nghịch khiếp lên được, nhưng không ác tí nào. Chị hoài công thử tách chúng ra để làm cách nào sửa lại chăn và khăn trải giường – hai mái đầu tóc xoắn màu hung cứ áp vào nhau một cách bướng bỉnh. Fee khẽ thở dài và chịu thua. Không sao hiểu nổi chúng có cách gì tài tình mà sáng sủa có thể chồm dậy hoàn toàn tỉnh táo sau giấc ngủ như thế, nhưng rõ ràng điều đó chỉ có lợi cho chúng.

Căn buồng nhỏ nơi Meggie và Stuart ngủ là căn buồng ảm đạm, buồn tẻ, hoàn toàn không phải là buồng cho những đứa trẻ như thế – tường quét vôi màu nâu xỉn, sàn phủ vải sơn màu nâu, trên tường không một bức tranh. Y hệt như các buồng ngủ khác.

Stuart đã xoay trở trên giường đến nỗi cái chim chỉ che dậy bằng tấm áo ngủ đêm hở ra ở chỗ đáng lẽ phải là đầu. Như thường lệ, nó co quắp, trán áp vào đầu gối, không hiểu sao nó không ngạt thở. Fee nhẹ nhàng luồn tay sờ vải trải giường và cau mày. Lại ướt rồi! Thôi đành chờ đến sáng mới thay được, lúc ấy dĩ

nhiên cả gói cũng sẽ ướt. Chẳng sao, trong năm đứa con chỉ có mỗi một đứa như thế, chưa phải là đáng sợ.

Meggie cuộn mình thu lu, miệng ngậm ngón tay cái, tóc buộc những mảnh vải vụn xõa tung. Đứa con gái duy nhất. Fee thoáng nhìn nó và quay về phía cửa. Ở Meggie chẳng có gì bí ẩn, nó chỉ là một con bé. Ai nấy đều biết trước thân phận nó rồi sẽ như thế nào, không đáng thèm ước, cũng chẳng cần thương hại. Bọn trẻ con trai thì lại là chuyện khác, mỗi đứa là một điều kỳ diệu, một người đàn ông, do một thuật điểm kim nào không rõ, đã xuất hiện từ bản thể phụ nữ của chị. Kể cũng vất vả khi chẳng có ai đỡ đần việc nhà, nhưng bọn trẻ con trai đáng được như thế. Trong giới mình, Padraic Cleary được kính trọng trước hết vì anh có các con trai. Khi một người có các con trai thì người đó đích thị là con người thực sự và là người đàn ông chân chính.

Chị khẽ khàng đóng cửa buồng ngủ của mình và đặt cây đèn lên tủ commốt. Những ngón tay khéo léo nhẹ nhàng lướt từ trên xuống dưới qua hàng chục chiếc cúc nhỏ xíu, từ cái cổ cao cho đến tận đùi, rồi kéo tuột ra một ống tay áo, tiếp đến ống tay kia. Rút được hai tay ra, chị cẩn thận áp thân áo vào ngực, và uốn mình, xoay trở mặc chiếc áo ngủ đêm bằng flanen dài đến gót. Chỉ sau khi đã che thân kín đáo hẳn hoi, chị mới trút hẳn chiếc áo dài, quần và chiếc coocxê buộc dây lỏng lẻo. Mái tóc vàng óng ban ngày vắn chặt thành lọn xõa tung xuống vai, những chiếc trâm gài được đặt vào cái vỏ sò trên tủ commốt. Nhưng cả bộ tóc tuyệt đẹp, dày rậm, óng mượt, thẳng như tia sáng ấy cũng không được tự do – Fee bắt tay ra sau đầu và khéo léo tết tóc thành bím. Rồi bất giác chị nín thở, quay về phía giường; nhưng Paddy đã ngủ, và chị buột ra tiếng thở dài nhẹ nhõm. Không phải chị khó

chịu khi Paddy hào hứng – khi là người tình thì anh rụt rè, âu yếm và ân cần. Nhưng chừng nào Meggie chưa thêm được ba tuổi nữa mà lại sinh thêm con thì vất vả quá.



Cứ đến chủ nhật, gia đình Cleary lại đi nhà thờ, chỉ riêng Meggie phải ngồi nhà với một thằng anh nào đó, và nó nóng lòng chờ cái ngày nó lớn lên và cũng được đi nhà thờ. Padraic Cleary cho rằng trẻ nhỏ không có việc gì làm ở nhà người khác, dù đó là nhà của Chúa. Khi nào Meggie đến trường, học được thói quen ngồi yên thì có thể cho nó đến nhà thờ. Không thể sớm hơn được. Thế là cứ mỗi sáng chủ nhật, nó lại đứng bên cửa rào, dưới bụi kim tước, chua xót nhìn cả gia đình lên chiếc xe cũ kỹ ọp ẹp, còn thằng anh có thêm vụ trông nom Meggie vờ làm ra vẻ khoái chí vì không phải đi dự lễ mixa. Trong tất cả các con của Cleary, chỉ có Frank thực sự thích thú khi có dịp lánh xa những người khác.

Tôn giáo chiếm vị trí hoàn toàn đặc biệt trong đời Paddy. Nhà thờ Thiên chúa không tán thành lắm cuộc hôn nhân của anh, vì Fee là tín đồ Thanh giáo. Vì Paddy, chị phải bỏ đạo của mình, nhưng không theo đạo của chồng. Khó nói được tại sao, có lẽ vì bản thân chị thuộc dòng họ Armstrong, dòng họ cổ xưa của những người khai khẩn đầu tiên, tự ngàn xưa vẫn kiên định theo đạo của nước Anh, còn Paddy chỉ mới từ Ireland đến, mà lại không phải ở vùng thuộc Anh và trong túi không có lấy một xu. Dòng họ Armstrong sống ở New Zealand từ rất lâu trước khi

những người “di dân” chính thức đầu tiên đến đây, vì thế họ thuộc loại quý tộc địa phương. Theo quan điểm của họ, vụ gả chồng cho Fiona chỉ là một “mésaliance”^[5] đáng xấu hổ.

Ông tổ của dòng họ ở New Zealand là Roderick Armstrong, đã sáng lập ra dòng họ của mình một cách hết sức kỳ lạ.

Mọi chuyện bắt đầu từ sự kiện đã gây nên vô số hậu quả không lường trước được ở nước Anh thế kỷ mười tám: cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ. Trước năm 1776, hàng năm các tàu của Anh vẫn chở sang Virginia, sang Bắc và Nam Carolina hơn một ngàn kẻ phạm tội lật vật bị bán theo hợp đồng lao động dài hạn, thực chất chẳng hơn gì nô lệ. Việc xử án ở Anh thời ấy hết sức nghiệt ngã và không khoan nhượng: kẻ giết người, kẻ đốt nhà, kẻ phạm tội bí ẩn được gọi một cách mơ hồ là “tội lang thang trái phép” và kẻ phạm tội ăn cắp từ một shilling trở lên bị kết án treo cổ. Kẻ phạm những tội nhỏ hơn bị phát vãng chung thân sang Mỹ.

Nhưng từ 1776, đường sang Mỹ bị tắc, và nước Anh đứng trước một nhiệm vụ khá khó khăn: số kẻ bị kết án ngày một tăng mà không biết tổng bọn này vào đâu. Tất cả các nhà giam đã đầy chật, “số thừa ra” đã chật lèn trong các nhà tù nổi đang mục nát dần, cắm neo ở các cửa sông. Cần phải tìm ra một cách gì, và người ta đã tìm ra. Hết sức miễn cưỡng vì phải tốn vào đó mấy ngàn bảng, thuyền trưởng Arthur Phillip được lệnh cho tàu đi Nam Đất lớn. Bấy giờ là năm 1787. Ra đi trên mười một con tàu của thuyền trưởng Phillip có trên một ngàn kẻ có án và ngoài ra còn các thủy thủ, sĩ quan và các toán lính thủy đánh bộ. Đấy hoàn toàn không phải là cuộc phiêu lưu đi tìm tự do đầy ánh vinh quang. Cuối 1788, tám tháng sau khi khởi hành từ Anh, đội tàu

đến Vịnh Botany. Đức kim thượng đế khùng George III^[6] đã thành lập một cái hồ rác để chứa lũ tù khổ sai của mình – New South Wales.

Năm 1801, khi Roderick Armstrong chỉ mới ngoài hai mươi một chút, y bị án phạt vãng chung thân. Những thế hệ sau của họ Armstrong cả quyết rằng y là một trong những người quý tộc Somerset bị cách mạng Mỹ làm cho hoàn toàn phá sản và tuyệt không phạm tội gì cả, nhưng chẳng bao giờ có ai thực sự thử kiểm tra lại phá hệ của cụ tổ nổi tiếng. Họ chỉ sờ ầm trong ánh hào quang danh vọng của y và tự mình bịa đặt ra chuyện này chuyện nọ.

Bất kể nguồn gốc và địa vị của y ở Anh như thế nào, gã thanh niên Roderick Armstrong đích thực là con quỷ. Trong tám tháng lênh đênh trên biển, cực khổ không thể tả được để đến New South Wales, y tỏ ra bướng bỉnh và ngang ngạnh hết chỗ nói và nhất quyết không chịu khuất phục cái chết, điều đó càng làm cho các cấp chỉ huy trên tàu kiên nhẫn y. Đến Sydney năm 1803, y tỏ ra càng đáng ghét đến mức người ta tống y ra đảo Norfolk, cho vào nhà tù giam giữ những kẻ không thể sửa chữa được nữa. Không thể nào trị nổi y, y bị bỏ đói; người ta nhốt y vào xà lim riêng – cái túi bằng đá ở đó đứng không được, ngồi không được, nằm không được; người ta dùng roi đánh y đến nổi khắp cả lưng y biến thành một đám bầy nhầy đẫm máu: y bị xích vào mỏm đá ở biển cho sặc nước. Còn y cười vào mặt bọn đao phủ – bộ xương tham hại bọc bởi lớp da trong suốt và che đậy qua quýt bằng những mảnh giẻ bẩn thỉu, trong miệng y không còn lấy một chiếc răng, thân thể toàn vết khô và vết sẹo, nhưng toàn thân y là lời thách thức, là niềm căm thù, và dường như không gì dập tắt được ngọn lửa

ấy. Mở đầu mỗi ngày, y tự ra lệnh cho mình không được chết, và cuối ngày y cười đắc thắng vì y vẫn sống.

Năm 1810, y cùng một toán tù bị xiềng xích được đưa đến xứ Van Diemen để mở đường trong sa khoáng rắn như sắt ở sa mạc phía sau Hobart. Lợi dụng một lúc thuận tiện, Roderick dùng xà beng đục một lỗ trong ngực viên đội trưởng đội áp giải: y cùng mười tên tù khổ sai thanh toán nốt năm tên lính áp giải còn lại, chậm chạp róc từng miếng thịt bọn này khỏi xương – cả năm tên lính kêu thét dữ dội và chết đau đớn khủng khiếp. Cả tù phát văng và những kẻ canh giữ chúng đều không phải là người, mà đích thực là thú vật, là lũ mọi rợ, trong tình cảm của chúng không còn chút tình người nào. Roderick Armstrong không đời nào chịu chạy trốn mà vẫn để cho những kẻ hành hạ mình được tự do hay mặc cho chúng chết nhanh chóng, cũng như y không thể cam chịu thân phận tù khổ sai.

Rồi bồi bổ sức lực bằng rượu rum, bánh mì và thịt sấy khô lấy được ở bọn lính bị giết, mười tên tù chạy trốn gọi mưa rét buốt, vượt nhiều dặm đường qua rừng rậm ra tới bến cảng của những người đánh cá voi: Hobart. Ở đây chúng đánh cắp một chiếc sà lúp và dù không buồm, không nước uống, cái ăn, chúng quyết định vượt biển Tasman. Khi chiếc sà lúp bị cuốn giạt vào bờ phía tây đảo Nam New Zealand thì sống sót trên thuyền chỉ còn Roderick Armstrong và hai tên nữa. Y không bao giờ kể về chuyến đi không thể tưởng tượng nổi ấy, nhưng người ta rỉ tai nhau rằng đâu như ba kẻ ấy sống sót vì chúng đã giết và ăn thịt những người bạn đường yếu hơn mình.

Tất cả những chuyện đó xảy ra sau khi Roderick Armstrong bị đẩy ra khỏi nước Anh đúng chín năm. Y còn trẻ, nhưng nom đã

hệt như ông lão sáu mươi. Đến năm 1840, khi ở New Zealand xuất hiện những người di dân đầu tiên được chính thức cho phép thì Armstrong đã giành giật được những vùng đất tốt nhất ở khu Canterbury trên đảo Nam, đã lấy một người “vợ” thuộc bộ lạc Maori và là bố của mười một đứa con xinh đẹp nửa phần là người Polynesia. Đến năm 1860, dòng họ Armstrong đã thuộc tầng lớp quý tộc New Zealand, các con trai y được đưa sang học những trường đặc ân nhất ở Anh và bằng thói ranh ma và ki cốp của chúng, chúng khẳng định hết sức rõ rệt rằng chúng đích thực là dòng dõi của một cá nhân xuất chúng và nguy hiểm. Cháu của Roderick là James năm 1880 trở thành bố của Fiona – đứa con gái duy nhất trong số mười lăm đứa con của ông ta.

Mặc dù Fiona không giữ những nghi thức Thanh giáo khắc nghiệt mà chị đã quen từ bé, chị không một lần nào hé răng về chuyện ấy. Chị hoàn toàn có thái độ dễ dãi đối với đạo của chồng, chủ nhật chị cùng chồng đi dự lễ mixa, chị chăm lo cho các con thành người công giáo. Nhưng bản thân chị không theo đạo Thiên chúa, vì thế ở chị thiếu những sắc thái nào đó: không cầu nguyện trước bữa ăn và trước khi đi ngủ, sinh hoạt thường ngày không thấm nhuần lòng mộ đạo.

* * *

Nếu không kể chuyến đi Wahine duy nhất trước đây một năm rưỡi thì Meggie chưa bao giờ rời khỏi nhà xa hơn cái chuồng bò và xưởng rèn ở trong khe. Sáng hôm đến trường lần đầu, con bé hồi hộp đến nỗi sau bữa ăn nó nôn mửa – phải mau mau đưa nó

vào buồng ngủ, rửa ráy và thay xống áo. Vĩnh biệt chiếc áo thủy thủ tuyệt diệu màu xanh còn khá mới, có cổ rộng màu trắng, lại phải mặc chiếc áo dài đáng ghét bằng flanen màu nâu có cổ cao chật chội cài cúc mà Meggie bao giờ cũng có cảm giác cái cổ áo ấy sắp làm nó chết nghẹt.

– Hãy vì Chúa, Meggie, lần sau buồn nôn thì phải nói ngay nhé! Đừng có ngồi chờ cho đến khi quá muộn, để đến nỗi mẹ đã đủ các thứ việc lại còn phải dọn dẹp và lau rửa cho con. Còn bây giờ thì gấp lên, kéo muộn giờ thì xơ Agatha chắc sẽ đánh con đấy. Phải ngoan và nghe lời các anh.

Khi rút cuộc Fee đã xếp vào cái xác học trò cũ kĩ của Meggie suất ăn sáng – bánh mì với mứt, – và nhẹ nhàng đẩy nó ra cửa thì Bob, Jack, Hughie và Stuart đã sốt ruột nhảy tâng tâng ra ở cổng.

– Đi đi, Meggie, muộn mất rồi đấy! – Bob quát và chúng cất bước trên đường.

Meggie gắng theo cho kịp, lao bổ theo các anh.

Còn sớm, mới hơn bảy giờ, vậy mà mặt trời buổi sáng đã tỏa hơi ấm từ lâu; chỉ ở những chỗ rợp bóng nhất, sương trên cỏ mới chưa khô. Con đường lớn hàng xã dẫn về Wahine, hai vệt bánh xe sâu hoắm – hai dải đất sét đỏ thẫm, – ngăn cách bởi một băng cỏ xanh rờn rộng bề ngang. Ở hai bên, trong đám cỏ cao, hoa nở hăng hà sa số – loa kèn trắng, thủy vu^[7] và sen cạn màu da cam, – và những dây rào ván ghép chĩn chu báo cho biết người ngoài không được vào đây.

Khi đến trường, Bob bao giờ cũng như diễn viên xiếc trên dây, đi trên bờ dây rào bên phải, và cái túi dết bằng da đựng sách thì không đeo qua vai, mà đội trên đầu. Dây rào bên trái là của Jack,

còn hai đứa nhỏ kia thì đi trên đường. Từ cái khe nhỏ nơi có xưởng rèn, chúng leo lên một sườn đồi cao dốc ngược, ở đó đường Robertson nối với đường Wahine, và chúng dừng lại nghỉ lấy sức: nắm cái đầu tóc hung chói rục bùng sáng trên nền trời xanh điểm những cụm mây nhỏ trắng xốp. Bây giờ là đoạn đường thú vị nhất, xuống dốc. Chúng nắm tay nhau, nhảy chân sáo từ đỉnh đồi chạy xuống, đỉnh đồi nhanh chóng khuất dạng ở phía sau, trong những lùm hoa... tiếc rằng không có thời giờ lên đến dưới chân rào của mixtơ Chapman và lăn xuống tận chân đồi như những viên đá ném từ trên núi xuống.

Từ nhà Cleary đến trường khoảng năm dặm, và khi Meggie nhìn thấy những cột điện báo ở đằng xa, đầu gối nó run lên và đôi bít tất tụt hẳn xuống. Bob vừa lắng nghe xem chuông báo giờ học của nhà trường đã điểm chưa, vừa sốt ruột nhìn em gái – em bé lê bước một cách khó nhọc, đôi lúc xóc lại quần và thở hì hụi. Khuôn mặt hồng hào đóng khung giữa những búp tóc xoắn dày rậm nhợt đi một cách kỳ lạ. Bob thở dài, giữ cái túi đựng sách cho Jack và chùi tay vào quần.

– Lại đây, Meggie, tao công mày vậy. – Nó lầu bầu và nhìn mấy đứa em trai một cách dữ tợn: chớ tưởng rằng nó sẽ phát khóc vì con bé.

Meggie trèo lên lưng anh, trườn lên cao hơn chút nữa, hai chân quặp chắc lấy anh, khoái trá ngả đầu vào bờ vai xương xẩu của thằng anh. Bây giờ có thể thoải mái nhìn ngắm Wahine.

Kể ra cũng chẳng có gì mà nhìn. Wahine phân bố hỗn độn ở hai bên con đường cái, có một dải trải nhựa ở giữa, thực ra chỉ là một làng lớn. Tòa nhà lớn nhất ở đây là khách sạn – hai tầng, có mái che nắng chạy dài phía trên con đường nhỏ dẫn tới bậc tam

cấp và chạy ra xa hơn nữa trên những cây cột, dọc theo cái rãnh nước tù. Ngôi nhà lớn thứ hai sau khách sạn là cửa hàng bách hóa, nó cũng có thể hãnh diện về cái mái che nắng, thêm nữa dưới những tủ kính chòng chắt đủ các thứ hàng có hai cái ghế gỗ dài để khách hàng có thể nghỉ chân. Trước tòa thị chính nổi bật lên cái cột cờ, lá quốc kỳ xơ xác bạc phếch phần phật trước gió. Thành phố chưa có chỗ đỗ ô tô, số ô tô chạy xăng đếm được trên đầu ngón tay, nhưng bên cạnh tòa thị chính có xưởng rèn, sau xưởng rèn là chuồng ngựa, còn cột bơm xăng sừng sững bên cạnh cái máng cho ngựa uống nước. Chỉ có một ngôi nhà duy nhất – một cửa hàng gì đó – thực sự đập vào mắt: ngôi nhà hết sức lạ, quét vôi màu xanh chói rục, chẳng có gì theo kiểu Anh cả; tất cả các nhà còn lại đều quét vôi màu nâu nhả nhặn. Nhà thờ Anh và trường học thành phố kề bên nhau, ngay trước mặt là nhà thờ của tu viện Trái tim Chí thánh và trường của tu viện.

Mấy đứa con Cleary vội vã vượt ngang qua cửa hàng bách hóa, liền đó chuông của trường tu viện nổi lên, và đáp lại tức khắc là tiếng gióng mau hơn của các chuông treo trên cột của trường thành phố ở phía đối diện. Bob phi nước kiệu, nó chạy vào cái sân rải cát, ở đó chừng năm chục đứa trẻ đã xếp hàng trước một nữ tu sĩ rất nhỏ bé, hai tay cầm cây gậy mềm dẻo, cao hơn chính bà ta. Không đợi lệnh bà ta, Bob dẫn các em đến một chỗ ở ngoài hàng ngũ chung và dừng lại, không rời mắt khỏi cây gậy.

Không thể nhận ra ngay tòa nhà tu viện là nhà hai tầng, vì nó ở sau bức tường vây, cách đường một quãng, ở cuối cái sân rộng thênh thang. Bốn nữ tu dòng bà phước sống ở tầng trên, một trong bốn người ấy chẳng ai thấy mặt bao giờ, bà ta làm nhiệm vụ quản lý tiền nong; ba căn buồng lớn ở dưới dùng làm lớp học.

Chạy quanh bốn mặt nhà phía bên ngoài là một hàng hiên rộng có mái, khi trời mưa học trò được phép ngồi một cách nghiêm trang ở đây trong giờ ra chơi và giờ ăn sáng, nhưng những ngày tốt trời thì không đứa trẻ nào dám bén mảng đến đây. Mấy cây và cành lá rườm rà tạo nên một chút bóng rợp cho cái sân rộng thênh thang trước trường, phía sau trường một đường dốc thoải thoải dẫn xuống một bãi cỏ hình tròn, được gọi một cách lịch sự là “bãi chơi cricket”^[8]: đúng là người ta hay chơi cricket ở đây.

Bob và mấy đứa em đứng ngây ra tại chỗ, không để ý đến tiếng cười khúc khích của những đứa khác, bọn chúng nối đuôi nhau đi vào nhà trong tiếng nhạc bài tụng ca “Tín ngưỡng của ông cha ta” mà xơ Catherine diễn tấu bằng chiếc pianô cà khổ của nhà trường. Chỉ khi chuỗi học trò đã khuất sau cửa, xơ Agatha vẫn đứng như bức tượng khắc nghiệt mới quay lại và trịnh trọng đi về phía lũ con nhà Cleary, cái gấu váy cực rộng bằng vải chéo go của bà ta loạt soạt kéo trên cát một cách oai nghiêm.

Meggie tròn mắt nhìn chăm chăm vào bà ta, nó chưa bao giờ nhìn thấy một nữ tu sĩ. Quả là một cảnh tượng phi thường, sống động – chỉ có ba vệt đỏ là mặt và hai tay của xơ Agatha, còn lại là cái mũ hồ bột và tấm yếm ngực trắng lóa, và những nếp gấp của bộ y phục rộng thùng thình thì đen ngòm, còn trên cái khóa vòng của chiếc thắt lưng da rộng bản đánh đai lấy eo lưng chắc nịch có treo chuỗi tràng hạt bằng gỗ nặng trĩu. Da của xơ Agatha suốt đời đỏ tía lên vì quá ham chuộng sự sạch sẽ và vì rìa mũ sắc như dao cạo thít lấy đầu ở phía trước, và cái mà thậm chí khó gọi là mặt dường như tự nó tồn tại, không dính dáng gì với thân: trên cái cằm hai ngấn bị thít chặt một cách tàn nhẫn bởi quai đeo vẫn của chiếc mũ ấy, đây đó thò ra những túm tóc. Chẳng thấy môi

đâu hết, hai vành môi lo lắng mím chặt lại thành một vạch nghiệt ngã – đâu phải là chuyện dễ dàng khi vào làm dâu con của Chúa ở nơi hoang dã như thế này, ở một thuộc địa xa xôi mà ngay đến bốn mùa cũng lộn tùng phèo, khốn nỗi nửa thế kỷ trước bà ta đã phát nguyện đi tu trong một tu viện cô tịch ở Killarney thân thương tại miền nam Ireland thân thương. Cái gọng thép của cặp kính tròn đẽ ép lên sống mũi xơ Agatha một cách không thương tiếc, để lại hai vết hằn đỏ tươi, sau đôi mắt kính, cặp mắt ti hí độc ác màu xanh nhợt rình mò đầy ngờ vực.

– Này, Robert Cleary, tại sao chúng mày đến muộn? – xơ Agatha quát giạt giọng, giọng bà ta không còn chút dấu vết gì của lối nói Ireland mềm mỏng.

– Bà tha lỗi, thưa xơ Agatha, – Bob nói không một chút diễn cảm, cặp mắt xanh lục pha màu da trời vẫn không rời khỏi cái gậy rung rung trên không trung.

– Tại sao chúng mày đến muộn? – Bà nữ tu nhắc lại.

– Xin bà tha lỗi, xơ Agatha.

– Bắt đầu vào năm học mới, Robert Cleary, ta cho rằng ít nhất là hôm nay mày có thể cố gắng đến đúng giờ chứ.

Meggie run lên, nó cố thu hết can đảm.

– Ôi, xin bà tha thứ, đây là tại con cả thôi! – Nó kêu lên the thé.

Cặp mắt xanh bọt màu chuyển từ Bob sang Meggie và luồng mắt xuyên suốt qua nó; với tâm hồn chất phác, con bé không ngờ rằng nó đã vi phạm cái quy tắc đầu tiên trong cuộc chiến tranh sống còn bất tận giữa thầy và trò: người ta chưa hỏi thì phải câm miệng. Bob vội đá vào chân nó, và Meggie luống cuống liếc nhìn anh.

– Tại mày là thế nào? – Vị nữ tu hỏi.

Chưa bao giờ có ai nói với Meggie nghiêm khắc như thế.

– Dạ, lúc ở bàn ăn con nôn mửa, nôn tóe cả vào quần, mẹ con phải rửa ráy và thay quần áo cho con, thế là con làm cho mọi người đến chậm giờ. – Meggie giải thích một cách hồn nhiên.

Không một nét nào rung chuyển trên mặt xơ Agatha, chỉ có miệng bông như cái lò xo nén đến tột độ và đầu gậy hơi hạ xuống.

– Lại thêm cái của nợ gì thế này? – Bà ta dần giọng hỏi Bob, như thể trước bà ta xuất hiện một con sâu bọ gì chưa từng biết và hết sức tởm lợm.

– Xin bà thứ lỗi, thưa xơ Agatha, đây là em con, Meghann^[9].

– Thế thì sau này mày phải giảng cho nó hiểu, Robert, rằng có những điều mà người có giáo dục, những *lady* và *gentleman* chân chính không bao giờ nhắc đến. Không bao giờ, trong bất cứ hoàn cảnh nào ta cũng không được gọi tên những thứ mặc trong của ta, ở các gia đình lịch sự, trẻ con được răn bảo quy tắc đó từ trong nôi. Giơ tay ra, tất cả bọn bay.

– Nhưng đây là tại con cả kia mà! – Meggie kêu lên đau xót và ngửa cả hai lòng bàn tay ra. Ở nhà đã một nghìn lần nó thấy các anh miêu tả việc đó.

– Câm miệng! – xơ Agatha quay về phía nó, rít lên – Ta hoàn toàn không cần biết lỗi tại đứa nào trong bọn bay. Tất cả chúng mày đi muộn, nghĩa là cả bọn đều đáng bị trừng phạt. Sáu roi. – Bà ta tuyên án với vẻ thích thú lạnh lùng.

Meggie khiếp sợ nhìn Bob chìa ra hai bàn tay không hề run và cây gậy vút nhanh đến nỗi mắt không theo dõi kịp, liên tiếp vi vút giáng xuống những bàn tay xòe mở, vào phần thịt dễ đau nhất.

Sau đòn đầu tiên, trên lòng bàn tay hẳn lên một vạch đỏ tía; đòn thứ hai ở sát ngay những ngón tay, chỗ đó càng đau hơn, đòn thứ ba vào các đầu ngón tay, ở đấy da mỏng nhất và mềm nhất, trừ có ở môi là mỏng hơn. Xơ Agatha nhắm rất trúng. Thêm ba đòn nữa vào tay kia, rồi xơ Agatha trừng trị kẻ tiếp theo – Jack. Bob tái mét đi, nhưng không hề kêu tiếng nào, cả Jack cũng chịu đựng hình phạt như thế, thậm chí cả Stuart hiền lành, mảnh dẻ cũng vậy.

Rồi cây gậy giơ cao trên lòng bàn tay Meggie, bắt giác con bé nhắm mắt lại để khỏi thấy cái công cụ tra tấn ấy giáng xuống như thế nào. Nhưng cảm giác đau như một vụ nổ, như thể tay bị bỏng lửa đến tận xương, truyền lên cao hơn nữa, cao hơn nữa, đến tận vai, rồi một đòn mới giáng xuống, còn đòn thứ ba vào các đầu ngón tay gây nên nỗi đau khổ không thể chịu đựng nổi xuyên thấu đến tận tim. Meggie ráng sức cắn chặt môi dưới, vì xấu hổ và kiêu hãnh nó không thể khóc, vì tức giận và phẫn nộ về sự bất công hiển nhiên như thế nó không dám mở mắt nhìn vị nữ tu; bài học thấm thía, nhưng thực chất của bài học đó hoàn toàn không phải như xơ Agatha muốn dạy cho con bé.

Mãi đến giờ nghỉ trưa^[10], tay mới bớt đau. Suốt buổi sáng Meggie như sống trong sương mù; sợ hãi, rối trí, nó hoàn toàn không hiểu xung quanh người ta nói gì, làm gì. Trong số bọn học trò bé nhất, nó bị đẩy đến chiếc bàn ở hàng cuối, và cho đến giờ ra chơi buồn tẻ để cho học trò ăn sáng, thậm chí nó không để ý xem ai ngồi cùng bàn với nó. Giờ ra chơi, nó chúi vào một góc sân đằng xa; ẩn sau lưng Bob và Jack. Bob phải nghiêm khắc ra lệnh mới ép được nó ăn phần bánh mì với mứt mà Fee đã chuẩn bị cho nó.

Khi chuông vào học lại vang lên và Meggie tìm được chỗ của mình trong chuỗi học trò, sương mù trước mắt nó đã tan đi chút ít và nó bắt đầu để ý đến xung quanh. Nổi oán giận vì bị trừng phạt nhục nhã tuyệt không dụi bột, nhưng Meggie cất cao đầu và làm ra vẻ như việc bọn con gái thì thầm với nhau và huých vào sườn nhau không liên can gì đến nó.

Xơ Agatha với cây gậy của mình đứng trước các dãy học trò; xơ Declan chạy đi chạy lại, khi thì sang bên phải, khi thì sang bên trái ở phía sau chúng nó; xơ Catherine ngồi vào cỗ đàn pianô đặt ở lớp bọn học trò bé nhất, sát cạnh cửa, và đánh bài “Tiến lên, đoàn quân cơ đốc”, cố làm nổi bật nhịp hành khúc. Thực ra đây là bài ca của Thanh giáo, nhưng chiến tranh đã làm cho nó cũng là bài ca của những người theo đạo Thiên chúa. Những đứa trẻ dễ thương đi đều theo điệu nhạc và quả thực là giống những chú lính nhỏ xíu, xơ Catherine nghĩ với niềm tự hào.

Trong ba nữ tu, xơ Declan là bản sao y hệt của xơ Agatha, có điều là trẻ hơn mười lăm tuổi, nhưng ở xơ Catherine vẫn còn cái gì mang tính người. Tất nhiên bà ta là người Ireland, chỉ mới ngoài ba mươi, và nhiệt tâm trước kia của bà ta chưa tàn lụi hẳn; bà ta vẫn còn vui sướng dạy bọn trẻ, và bà vẫn thấy những gương mặt hân hoan hướng về bà có cái gì phảng phất giống chúa Kitô. Nhưng bà dạy lớp lớn, vì xơ Agatha cho rằng bọn trẻ lớn đã nếm đòn đủ nhiều để biết giữ phép tắc, cho dù người dạy còn trẻ tuổi và hiền từ đi nữa. Xơ Agatha đích thân dạy bọn trẻ nhóc để nhào nặn chất đất sét ấu thơ theo ý mình thành những khối óc và trái tim dễ bảo, còn các lớp giữa thì giao cho xơ Declan.

Náu mình chắc chắn ở hàng sau cùng, Meggie đánh bạo nhìn đứa học trò ngồi cùng bàn. Nó sợ sệt liếc nhìn và thấy một nụ

cười không có răng và đôi mắt to tròn xoe đen láy trên khuôn mặt nước da bánh mật dường như hơi bóng loáng. Khuôn mặt mê li, Meggie đã quen với nước da sáng và những nốt tàn nhang, thậm chí ở Frank tóc đen và mắt đen, da vẫn trắng muốt, và Meggie nhanh chóng quyết định rằng con bé ngồi cạnh nó là đứa xinh đẹp nhất trần đời.

– Tên bạn là gì? – Con bé xinh xắn nước da bánh mật thì thầm hỏi bằng rìa môi; nó gặm chiếc bút chì và nhổ những mảnh gỗ vào cái lỗ đáng ra phải để lộ mực.

– Meggie Cleary, – Meggie thì thầm trả lời.

– Con bé kia! – Một tiếng quát giận dữ.

Meggie bật dậy, bắn khoản nhìn quanh. Có tiếng lộp cộp dè dặt – tất cả mười hai đứa trẻ cùng một lúc đặt bút chì xuống, – và tiếng loạt soạt khe khê của những tờ giấy quý báu bị đẩy sang một bên để có thể nhẹ nhàng chống khuỷu tay xuống bàn. Meggie hết hồn – tất cả đều nhìn nó. Xơ Agatha bước nhanh tới theo lối đi giữa các bàn. Meggie khiếp sợ không thể tả được; nếu có chỗ nào để trốn đi, nó sẽ ba chân bốn cẳng ù té chạy. Nhưng đằng sau là bức vách ngăn cách với lớp giữa, hai bên là những dãy bàn san sát, phía trước là xơ Agatha. Meggie tái mét mặt, sợ đến ngạt thở, hai tay nó đặt trên nắp bàn lúc thì nắm chặt lại, lúc thì mở ra, nó ngược cặp mắt sợ hãi, to tướng, choán hết nửa khuôn mặt nhìn vị nữ tu.

– Mà nói chuyện, Meghann Cleary.

– Vâng, thưa xơ Agatha.

– Mà nói chuyện gì?

– Nói tên con, thưa xơ Agatha.

– Tên mày! – Xơ Agatha lấp lại một cách cay độc và đưa mắt nhìn khắp lượt các trẻ khác, tuồng như tin chắc rằng chúng chia sẻ sự khinh bỉ của bà ta. – Thật vinh dự cho chúng ta quá, phải không, các con? Ở trường ta xuất hiện thêm một Cleary nữa và cô ta nóng lòng cho mọi người biết tên cô ta! – Bà ta lại quay về phía Meggie. – Đứng lên, khi ta nó với mày, đồ ngu! Làm ơn chìa tay ra cho.

Meggie gắng gượng đứng lên, những búp tóc dài rơi xuống mặt và bật trở lại. Nó tuyệt vọng nắm chặt hai tay và cứ xiết lại như thế, nhưng xơ Agatha đứng trước mặt nó như bức tường đá và chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi... Cuối cùng Meggie ép mình phải chìa tay ra, nhưng khi chiếc gậy vung lên, nó sợ đến tắc thở và rút tay lại. Xơ Agatha túm lấy mớ tóc dày của Meggie ở đỉnh đầu và kéo nó về phía mình, mặt nó gần như áp sát vào đôi mắt kính ghê rợn.

– Chìa tay ra, Meghann Cleary.

Câu đó được nói một cách lễ độ, lạnh lùng, không thương xót.

Meggie há miệng, nó nôn thốc vào áo váy của xơ Agatha. Tất cả bọn trẻ trong lớp đều sợ hãi kêu lên, còn xơ Agatha đỏ mặt tía tai vì thịnh nộ và ngạc nhiên, còn cái chất lỏng tởm lợm theo các nếp vải đen chảy xuống sàn. Thế là cây gậy vút bừa vào Meggie, con bé co quắp trong góc phòng, giơ hai tay lên bưng mặt và vẫn còn buồn nôn. Cuối cùng xơ Agatha kiệt sức, tay không vung nổi gậy nữa, thế là bà ta trở ra cửa.

– Xéo về nhà, con nhỏ khốn kiếp, quân Philistines^[11]. Nói đoạn, bà quay ngoắt đi và đi sang lớp của xơ Declan.

Đau đớn và khiếp sợ đến mê mụ, Meggie ngoái lại nhìn Stuart, thằng anh gật đầu ra ý: về đi, người ta bảo em về kia mà, cặp mắt

màu lục nhạt hiện từ của nó biểu lộ vẻ thương hại và hiểu biết. Meggie đưa khăn tay lau miệng, lê bước về phía cửa, vừa đi vừa vấp và ra sân. Còn hai giờ nữa mới tan học, nó rầu rĩ lê bước trên đường phố, không hy vọng các anh sẽ đuổi kịp nó, sợ tái người vì nghĩ mãi không biết nên chờ các anh ở đâu. Phải tự mình lần về nhà và tự thú hết với mẹ.

* * *

Fee lão đảo gắng sức kéo cái sọt đựng quần áo vừa giặt lên bậc tam cấp sau và suýt vấp vào Meggie. Còn bé ngồi ở bậc trên cùng, đầu gục xuống giữa hai đầu gối, những búp tóc xoăn màu hung chói rực dính bết vào nhau ở cuối búp, áo dài đầy vết bẩn ở phía trước. Fee bỏ cái vật nặng quá sức xuống, thở dài vén mái tóc xoã xuống mắt.

– Sao, có chuyện gì vậy? – Chị hỏi với giọng mệt mỏi.

– Con nôn vào xơ Agatha.

– Ôi, lạy Chúa! – Fee đưa hai tay ôm lấy vùng eo lưng ê ẩm.

– Mà con lại còn bị đánh đòn nữa. – Meggie thì thầm, mắt nó long lanh giọt lệ.

– Vui vẻ nhỉ – Fee nhắc cái sọt nặng lên, khó nhọc vươn thẳng người. – Mẹ cũng chẳng biết nên làm thế nào với con nữa, Meggie ạ. Đành phải chờ xem ba bảo thế nào thôi.

Và chị đi qua sân, đến chỗ dây phơi, ở đó một nửa số quần áo đã giặt đựng đưa trước gió.

Meggie buồn nản đưa hai tay lau mắt, nhìn theo mẹ, rồi đứng

lên và chậm chạp lê bước trên con đường mòn xuống xuống rên.

Khi nó đứng trên ngưỡng cửa, Frank vừa đóng móng xong cho con ngựa hồng của mixtơ Robertson và dắt con vật về chuồng. Cậu quay lại, nhìn thấy em gái và lập tức trí óc cậu tràn ngập hồi tưởng về những cực hình mà trước đây cậu đã phải chịu đựng. Meggie còn nhỏ tuổi lắm, nó mũm mĩm thế kia và tâm hồn trong trắng đáng yêu đến thế, vậy mà ánh mắt linh lợi của nó đã bị người ta dập tắt một cách thô bạo, và trong mắt nó ẩn giấu một cái gì thật là... với tội này xơ Agatha đáng bị giết chết! Đúng, đúng, phải giết, siết chặt cái cằm hai ngón của mụ và bóp nghẹt... Dụng cụ văng xuống sàn, chiếc tạp dề da quăng sang bên, Frank lao bổ đến với em.

– Có chuyện gì thế, bé? – Cậu hỏi, cúi xuống thấp và nhìn vào mắt em.

Ở con bé có mùi tanh tươi do nôn mửa, nhưng cậu tự kiềm chế và không quay đi.

– Ôi, anh F-f-frank! – Meggie khóc nức lên.

Mặt nó méo xệch đi, và cuối cùng nước mắt trào ra như đã phá vỡ con đê. Nó choàng hai tay ôm lấy cổ Frank, ráng sức áp chặt vào anh và òa khóc – khóc không thành tiếng, nức lên một cách đau khổ, như tất cả các con của Cleary đều khóc một cách kỳ lạ như thế khi vừa ra khỏi tuổi ấu thơ. Nhìn nỗi đau ấy thật khổ tâm, và ở đây những lời âu yếm và những cái hôn không giúp ích gì.

Khi Meggie đã nín, Frank bế nó lên và đặt nó lên đống cỏ khô thơm thơm bên con ngựa hồng của Robertson; hai anh em ngồi với nhau, quên hết mọi thứ trên đời, còn cặp môi mềm mại của con ngựa lợm cỏ khô ở bên cạnh. Meggie áp đầu vào bộ ngực

trần nhả nhụi của anh và những búp tóc của nó bay tung khi con ngựa phồng hai lỗ mũi thở phì phì vì khoái trá.

– Tại sao bà ta đánh tất cả mấy anh em nhà ta, hả anh Frank?
– Meggie hỏi. – Em đã nói với bà ta là tất cả chúng em đi muộn là tại em kia mà.

Frank đã quen với cái mùi khó chịu, cậu đưa tay vuốt ve cái mồm quá tò mò của con ngựa và nhẹ nhàng đẩy nó ra.

– Chúng ta nghèo, Meggie ạ, duyên do chính là ở đó. Các nữ tu bao giờ cũng căm ghét những trò nghèo. Em cứ đến học cái trường khốn nạn ấy một vài ngày nữa rồi chính em sẽ thấy xơ Agatha không chỉ kiếm chuyện với bọn trẻ nhà ta đâu, cả với bọn trẻ nhà Marshall cũng thế, cả với bọn trẻ nhà McDonald nữa. Tất cả chúng ta đều nghèo. Nếu như chúng ta giàu, đi xe ngựa lớn đến trường, như bọn con nhà O'Brien, thì các nữ tu sẽ rạp đầu sát tận chân ta mà chào. Nhưng chúng ta không thể kiếm cho nhà thờ cỗ đại phong cầm, hay tấm màn thêu chỉ bằng vàng thật để treo trên bàn thờ, hay con ngựa mới và cỗ xe cho các nữ tu. Cần quái gì phải bận tâm đến chúng ta. Họ muốn trừng trị ta thế nào cũng được. Anh nhớ, có lần xơ Agatha điên tiết về anh đến nỗi bà ta gào lên: “Thì rút cục mày cũng phải khóc lên cái chứ, Frank Cleary? Mày hãy gào lên cho tao khoái trá cái nào! Hãy rú lên ít ra là một lần thì tao sẽ không đánh mày dữ dội và thường xuyên như thế nữa đâu!”. Em ạ, đấy là một nguyên nhân nữa khiến bà ta căm ghét chúng ta, về điểm này thì bọn con nhà Marshall và con nhà McDonald còn xơ mới bì được với chúng ta. Bà ta dùng roi đòn cũng không thể làm bật ra ở anh em nhà Cleary chúng ta những giọt nước mắt. Bà ta cứ tưởng chúng ta sẽ liếm gót bà ta. Ờ, mà anh đã bảo cho chúng nó biết anh sẽ trần cho như thế nào

nếu có đứa nào khóc thút thít khi bị đánh, cả em cũng phải ghi nhớ điều đó, Meggie ạ. Dù có bị quất đau đến đâu cũng không được bật ra một tiếng. Hôm nay em khóc phải không?

– Không, anh Frank ạ.

Meggie ngáp, mí mắt díu lại, ngón tay cái đưa lên miệng nhưng không đưa trúng ngay. Frank đặt em gái nằm lên đồng cỏ khô, và vừa mỉm cười vừa khe khẽ hát, trở lại chỗ cái đe.

Lúc Paddy vào, Meggie vẫn còn ngủ. Hai tay anh lăm đến khuỷu – hôm nay anh dọn phân ở sân gia súc của mixtơ Jarman, chiếc mũ rộng vành đội sụp xuống tận lông mày. Anh đưa mắt nhìn Frank, nó đang rên cái trục xe, tia lửa xoáy tròn như lốc trên đầu nó; rồi anh nhìn con gái – con bé ngủ, nằm cuộn tròn trên đồng cỏ khô, và con ngựa hồng của Robertson thông đầu trên khuôn mặt đang ngủ của con bé.

– Ta cũng đoán là nó ở đây mà. – Paddy nói, quăng cái roi ngựa sang một bên và dẫn con ngựa già xám tro vào sâu trong nhà kho, đến ngăn chuồng của nó.

Frank gật đầu gọn lỏn, ngược lên nhìn bố bằng cái nhìn ủ rũ, trong đó bao giờ Paddy cũng bực bội đọc thấy một sự ngờ vực và phân vân nào đó, rồi cậu lại bận rộn với cái trục nung đến nóng trắng của mình; tấm lưng trần của cậu loáng bóng mồ hôi.

Paddy tháo yên con ngựa xám tro, dắt nó vào ngăn chuồng, đổ nước uống cho nó, rồi chuẩn bị cái ăn cho nó – trộn kiều mạch với cám và tưới nước vào. Con xám tro hí lên khe khẽ tỏ lòng biết ơn khi anh đổ cái ăn vào đầy máng của nó và nhìn theo anh, còn Paddy vừa đi vừa cởi áo sơ mi, đến chỗ cái chậu lớn ở lối vào xưởng rèn. Anh rửa tay, rửa mặt, gội nước đến thắt lưng, làm ướt

cả tóc và quần. Anh vừa lau khô mình bằng mảnh vải bố cũ kĩ, vừa bần khoăn nhìn con trai.

– Mẹ bảo ở trường Meggie bị trừng phạt và bị đuổi về nhà. Con có biết rõ vì chuyện gì không?

Frank đặt cái trục sang một bên.

– Con bé ngốc nghếch tội nghiệp nôn thốc ngay vào xơ Agatha.

Paddy nhìn chăm chăm vào bức tường đằng xa, vội xua đi nụ cười trên gương mặt, và chỉ sau đó mới thản nhiên hát hàm về phía Meggie:

– Nó quá hồi hộp vì lần đầu tiên đến trường, phải không?

– Con không biết. Từ sáng nó đã nôn, vì thế cả mấy đứa đều chậm giờ, chuông rồi mới đến. Tất cả chúng nó đều bị mỗi đứa sáu roi và Meggie buồn phiền lắm – nó cho rằng chỉ mình nó đáng bị trừng phạt. Sau bữa ăn, xơ Agatha lại nạt nộ nó, và Meggie nhà ta nôn thốc vào tà áo đen sạch sẽ của bà ta.

– Rồi sao nữa?

– Xơ Agatha quật nó đến gần gãy cả gậy và đuổi nó về nhà.

– Thôi được, nó bị trừng phạt thế là đủ rồi, ba sẽ không trừng phạt thêm nữa. Ba rất kính trọng các nữ tu, chúng ta không được bình phẩm về các vị ấy, có điều ba mong muốn các vị ít dùng đến cây gậy hơn. Cố nhiên các vị phải làm như thế mới nhồi nhét được học vấn vào những cái đầu Ireland đàn độn chúng ta, nhưng nói gì thì nói, bé Meggie hôm nay đến trường mới là lần đầu.

Frank trở mắt nhìn bố. Chưa bao giờ Paddy nói với con trai cả như với một người lớn ngang hàng.

Vì ngạc nhiên, thậm chí Frank quên cả nỗi oán giận suốt đời của mình: thế đấy, tuy Paddy bao giờ cũng hãnh diện và khoe khoang về các con trai mình, nhưng ông yêu Meggie hơn hết... Trong lòng Frank xốn xang một tình cảm tốt lành đối với bố, và cậu mỉm cười không có cái vẻ ngờ vực như mọi khi.

– Nó là đứa hay nhất nhà, phải không ạ?

Paddy lơ đãng gật đầu, anh vẫn nhìn con gái không dứt. Con ngựa thở ầm ì, phì một tiếng; Meggie động dậy, quay lại và mở mắt. Nhìn thấy bố bên cạnh Frank, nó sợ tái mặt và ngồi phắt dậy.

– Sao, Meggie, con gái bé bỏng của ba, hôm nay là một ngày gay go của con phải không?

Paddy bước về phía con bé, bế nó lên và suýt kêu lên vì cái mùi chua loét. Nhưng anh chỉ nhún vai và ghì chặt con vào người hơn nữa.

– Con bị đánh đòn, ba ạ. – Nó thú nhận.

– Chẳng sao, theo như ba biết về xơ Agatha thì đây không phải là lần cuối cùng đâu. – Paddy bật cười và đặt con bé ngồi lên vai – Ta đi xem tình hình thế nào, chắc là trong nồi của mẹ có nước nóng, phải tắm rửa cho con thôi. Người con có mùi khó chịu hơn cả ở sân gia súc của Jarman.

Frank ra ngưỡng cửa và nhìn theo hai cái đầu tóc hung đỏ rực như lửa cho đến khi hai cái đầu đó khuất sau chỗ ngoặt của con đường mòn dẫn lên dốc, rồi cậu quay lại và gặp cái nhìn hiền lành của con ngựa hồng.

– Đi thôi, bạn cố tri, ta dắt ngựa về nhà, – cậu nói và cầm lấy dây cương.

Trận nôn mưa đột nhiên đem lại hạnh phúc cho Meggie. Xơ Agatha vẫn tiếp tục dùng gậy đánh vào tay nó, nhưng bây giờ bà ta giữ khoảng cách an toàn, vì thế đòn đánh không mạnh lắm và không trúng lắm.

Con bé nước da bánh mật ngồi cùng bàn cạnh Meggie là con nhỏ của một người Ý, chủ cái tiệm cà phê màu xanh lơ rực rỡ ở Wahine. Tên con bé là Teresa Annunzio, và nó hơi dần – vừa đủ để không thu hút sự chú ý đặc biệt của xơ Agatha, nhưng không đủ để trở thành cái đích thường xuyên của xơ. Khi Teresa mọc những chiếc răng mới, nó trở thành người đẹp thực sự. Meggie mê say nó. Giờ ra chơi nào hai đứa cũng ôm ngang lưng nhau đi dạo chơi – đấy là dấu hiệu chứng tỏ đây là đôi bạn chí thân và không đứa trẻ nào còn dám tìm cách giành lấy cảm tình của hai đứa nữa. Chúng đi dạo chơi và nói luôn miệng, không lúc nào ngắt.

Có lần, trong giờ nghỉ trưa, Teresa dẫn Meggie về tiệm cà phê của bố và giới thiệu bạn với bố mẹ mình, với các anh chị lớn của nó. Cả nhà đều hân hoan về ngọn lửa vàng lấp lánh ấy, cũng như Meggie mê thích vẻ đẹp có nước da rám nắng của họ, và khi nó nhìn họ bằng đôi mắt to màu xám điểm những đốm tạp sắc dễ thương thì họ tuyên bố rằng nó đích thực là một thiên thần bé bỏng. Meggie thừa hưởng ở mẹ một vẻ quý tộc gì đó khó nắm bắt – mọi người đều cảm thấy điều đó ngay lúc mới thoạt nhìn, cả gia đình Annunzio cũng cảm thấy điều đó. Cũng như Teresa, họ vồn vã sẵn đón Meggie, thết nó khoai tây rán mỡ cừu giòn tan, món cá ngon tuyệt, không có lấy một cái xương nhỏ, tấm bột và rán vẫn trong thứ mỡ sôi ấy, có điều để trong một lưới sắt riêng biệt. Meggie chưa bao giờ được nếm món ăn tuyệt vời như thế – ước gì

được ăn thường xuyên hơn nữa. Nhưng còn phải được mẹ và các vị nữ tu cho phép hưởng cái thú ấy.

Ở nhà lúc nào cũng chỉ nghe thấy từ cửa miệng Meggie: “Teresa bảo rằng”, “thế có biết Teresa đã làm gì không?”, đến nỗi rút cuộc Paddy phải quát lên rằng nó đã làm anh chán tai về Teresa của nó.

– Lui tới với bọn người Ý không phải là điều khôn ngoan lắm đâu, – anh lâu bầu với thái độ ngờ vực không chủ ý, đích thực là thái độ của người Anh đối với tất cả những người da thâm màu và sinh ra trên bờ Địa Trung Hải. – Bọn Ý là bọn người bẩn thỉu, Meggie con gái ta ạ, chúng ít khi tắm rửa, – anh giải thích qua quýt, bối rối trước cái nhìn bực bội và trách móc của con bé.

Frank, do ghen tuông thôi thúc, cũng ủng hộ bố. Thế là ở nhà, Meggie ít nói đến bạn gái hơn. Nhưng việc người nhà không tán thành không thể ngăn cản tình bạn ấy, tuy dù sao nó vẫn bị giới hạn bởi bốn bức tường nhà trường; còn Bob và các em thì chỉ vui mừng vì em gái mãi mê với Teresa. Như vậy, giờ ra chơi chúng có thể chạy lung tung thỏa thích trong sân, tựa hồ như chẳng hề có Meggie nào hết.

Những nét móc khó hiểu mà xơ Agatha vẫn viết trên bảng của lớp dần dần có ý nghĩa, và Meggie nhận ra rằng khi có dấu “+” thì cần gộp các số lại với nhau, khi có “-” thì phải lấy số viết bên trên trừ đi số viết bên dưới và sẽ được một số nhỏ hơn. Nó sáng dạ và có thể thành một trò giỏi, thậm chí là xuất sắc, nếu như nó khắc phục được nỗi sợ đối với xơ Agatha. Nhưng hễ cặp mắt như mũi khoan ấy hướng vào nó và cái giọng già lão khô khan ấy ném cho nó một câu hỏi nhát gừng là Meggie bắt đầu ấp úng và lắp bắp, không còn nghĩ được gì nữa. Nó tiếp thu môn số học một cách dễ

dàng, nhưng khi cần trình bày miệng để cho thấy nó tính toán thành thạo như thế nào thì nó quên mất hai hai là bao nhiêu. Môn tập đọc mở ra trước mắt nó cánh cửa dẫn vào một thế giới diệu kỳ, vô cùng hấp dẫn, nhưng khi xơ Agatha bảo nó đứng lên đọc to mấy dòng thì nó phải khó khăn lắm mới thốt lên được tiếng “mèo” và hoàn toàn rối trí khi đọc tiếng “miao-miao”. Đường như số kiếp nó là phải suốt đời co rúm lại vì những lời mỉa mai cay độc của xơ Agatha, đỏ mặt và ngượng chín người vì cả lớp cười nó. Xơ Agatha, lần nào cũng với thái độ thâm độc, giơ cái bảng đá con của nó ra cho cả lớp xem, bà ta thường xuyên đưa những tờ giấy viết cẩn thận của nó ra làm dẫn chứng về sự lem nhem và cầu thả. Một số học trò con nhà giàu là những kẻ sung sướng có những hòn tẩy, nhưng Meggie chỉ có đầu ngón tay thay cho tẩy, nó nhấm nước bọt vào ngón tay, di đi di lại chỗ viết lỗi, do quá lo lắng, đến nỗi giấy cợn xước từng mảng nom đến là bẩn. Dùng ngón tay tẩy rách giấy, cách ấy là bị cấm ngặt, nhưng vì tuyệt vọng Meggie sẵn lòng làm tất cả, miễn là tránh được sấm sét của xơ Agatha.

Trước khi Meggie xuất hiện, cái đích chính để xơ Agatha sử dụng cây gậy và cái lưỡi nanh nọc là Stuart. Nhưng Meggie hóa ra là cái đích tốt hơn nhiều, vì Stuart có cái vẻ điềm tĩnh buồn rầu và thoát tục như một vị thánh nhỏ bé mà ngay cả xơ Agatha cũng không xuyên qua được. Còn Meggie, tuy cũng gắng hết sức không làm tổn thương đến phẩm giá dòng họ Cleary như Frank căn dặn, nhưng toàn thân vẫn run lên và mặt đỏ bừng. Stuart thương con bé và cố gắng thu hút phần nào cơn giận của Agatha về phía mình. Vị nữ tu đoán ra ngay mảnh khóc của nó và càng diên tiết hơn vì cả lũ nhà Cleary ấy đều bênh vực nhau, dù là bọn con trai

hay con bé nhóc. Nếu có người nào hỏi bà ta rằng thực ra bọn trẻ nhà Cleary có cái gì khiến bà tức tối đến thế thì có lẽ bà không trả lời được. Nhưng vị nữ tu già uất giận và tuyệt vọng vì đời bà hóa ra lại như vậy, nên không dễ gì dung nạp nổi tính khí của cái dòng họ kiêu hãnh và nhạy cảm này.

Tội lỗi nặng nề nhất của Meggie là nó quen dùng tay trái. Trong giờ tập viết đầu tiên của Meggie, khi lần đầu tiên nó thận trọng cầm lấy viên phấn^[12] con, xơ Agatha xông vào nó như Caesar xông vào bọn Gaul.

– Đặt phấn xuống, Meghann Cleary! – Bà gầm lên.

Thế là bắt đầu một cuộc giao tranh vĩ đại. Meggie quen tay trái, cái thói quen không sao chữa được. Xơ Agatha đặt viên phấn vào tay phải nó, dùng sức mạnh gập cả ngón tay nó cho đúng cách, còn Meggie ngồi bất động trước tấm bảng, đầu nó đưa đi theo vòng tròn, có giết nó thì giết chứ nó không sao hiểu được làm cách nào để bắt cái tay xấu số ấy thực hiện những đòi hỏi do xơ Agatha đề ra. Về nội tâm, nó đã hóa thành khúc gỗ, mù và điếc; cái bộ phận vô ích là tay phải cũng ít tuân theo ý nó chẳng khác gì những ngón chân. Tay không tuân lệnh, không uốn gập đúng yêu cầu, và vạch một dòng ngoằn ngoèo không phải trên bảng, mà trệch ra ngoài, và tay như bị liệt, buông rơi viên phấn, dù cho xơ Agatha có làm cách gì đi nữa thì bàn tay phải ấy vẫn không thể viết nổi chữ “A”. Rồi Meggie len lén chuyển viên phấn sang tay trái và vụng về dùng khuỷu tay che lấp tấm bảng, viết ra một dãy dài những chữ “A” hoa rành rẽ như chữ in.

Xơ Agatha đã thắng trận. Buổi sáng, trước giờ học, bà ta buộc tay trái Meggie vào bên sườn và cứ giữ nguyên như thế cho đến ba giờ chiều, lúc chuông gióng lần cuối cùng. Ngay cả trong giờ

ngủ trưa, Meggie cũng phải ăn bữa trưa của mình, đi lại trong sân, chơi đùa mà không động đậy tay trái. Cứ thế suốt ba tháng, cuối cùng nó đã tập viết được bằng tay phải, đúng theo quan niệm của xơ Agatha, nhưng chữ nó mãi mãi chẳng ra gì. Để cho chắc chắn, để nó khỏi nhớ lại thói quen trước kia, tay trái nó bị buộc vào cạnh sườn thêm hai tháng nữa; sau đó xơ Agatha tập trung học trò đọc kinh cầu nguyện, và cả trường đồng thanh tạ ơn Chúa quyền phép vô biên đã đưa Meggie lầm lạc trở lại con đường ngay. Tất cả các con của Chúa đều dùng tay phải; những kẻ quen tay trái là hạt giống của quỷ, nhất là khi những kẻ đó lại có tóc màu đỏ hung.

Trong năm học đầu tiên ấy, Meggie đã mất cái vè mũm mĩm trẻ thơ và gầy đi rất nhiều, tuy hầu như chẳng lớn lên chút nào. Nó đã quen gặm móng tay đến gần chảy máu, và bây giờ nó phải chịu khổ nhục khi xơ Agatha, để trừng phạt nó, bắt nó giơ hai tay ra đi đến từng bàn cho tất cả từng người trong trường xem những móng tay xấu xí thế nào khi bị gặm nham nhở. Thế nhưng một nửa số trẻ em từ năm đến mười lăm tuổi đều gặm móng tay không thua gì Meggie.

Fee lấy cái lọ đựng nhựa lô hội đắng, bôi chất nước kinh tởm ấy vào các ngón tay Meggie. Mọi người trong nhà có nhiệm vụ để ý không cho nó rửa sạch chất nhựa đắng ấy, bọn con gái ở trường nhận thấy những vết thâm màu phản chủ đó, nó đành phải cam chịu cả sự nhục nhã ấy nữa. Cho ngón tay vào mồm thì tởm ghê người, kinh hơn cả bọt mồm hôi cừ. Tuyệt vọng, Meggie thấm nước bọt vào khăn tay và cọ các ngón tay đến gần bật máu, cho đến khi các vị gớm ghiếc bớt đi. Paddy lấy cái roi mềm – một công cụ nhân từ hơn nhiều so với cây gậy của xơ Agatha, – và

Meggie phải nhảy lung tung khắp bếp. Paddy cho rằng không nên đánh trẻ con vào tay, vào mặt hay vào mông, mà chỉ nên đánh vào chân. Đau không kém đánh vào bất cứ chỗ nào khác, anh nói, mà chẳng có hại gì hết. Tuy nhiên, bất chấp cả nhựa lô hội đắng ngắt, cả sự chế nhạo, cả xơ Agatha và cái roi của bố, Meggie vẫn tiếp tục gặm móng tay.

Tình bạn với Teresa là niềm vui cực kỳ lớn lao trong đời nó; nếu như không có cái đó, nhà trường sẽ trở nên không thể nào chịu đựng nổi. Suốt các giờ học Meggie chỉ chờ mong đến giờ ra chơi, khi ấy nó có thể cùng với Teresa ôm nhau ngồi dưới bóng cây vả và nói mãi, nói mãi không ngừng... Teresa kể chuyện về cái gia đình Ý kỳ diệu của mình, về vô số búp bê, về bộ đồ ăn của búp bê – bộ đồ ăn hoàn toàn thật, kiểu Trung Quốc, màu xanh lơ và trắng.

Cuối cùng khi nhìn thấy bộ đồ ăn ấy, Meggie mê thích đến ngạt thở. Bộ có tám thứ: những chiếc chén nhỏ xíu có đĩa lót, và những chiếc đĩa, ấm trà, và lọ đường, bình sữa, lại cả dao, thìa và đĩa, nhỏ xíu, rất vừa tay búp bê. Đồ chơi của Teresa nhiều vô kể, mà cũng phải thôi: nó là út, ít tuổi hơn nhiều so với các đứa khác trong gia đình, mà đây lại là gia đình người Ý, nghĩa là nó được cả nhà cưng chiều, và bố không tiếc tiền mua quà cho nó. Teresa và Meggie nhìn nhau với sự ghen tị nhút nhát, kính trọng, khó nói rõ là thế nào, tuy Teresa hoàn toàn không muốn mình phải chịu lối giáo dục khắc nghiệt kiểu Calvin như thế. Trái lại nó thương bạn. Lại không được phép nhảy bổ đến ôm hôn mẹ ư? Tội nghiệp Meggie!

Còn Meggie không thể nào đem so sánh bà mẹ tròn trĩnh, rạng rỡ vẻ hiền từ của Teresa với bà mẹ vóc dáng cân đối, chẳng bao

giờ mỉm cười của mình, nó không hề thoảng có ý ước ao: giá như mẹ ôm hôn ta. Ý nghĩ của nó khác hẳn: giá như mẹ Teresa ôm hôn ta. Tuy nhiên, những cái ôm và những cái hôn hiện đến trong trí tưởng tượng của nó ít hơn nhiều so với bộ đồ ăn búp bê kiểu Trung Quốc. Những vật tuyệt diệu làm sao, mỏng mảnh quá, trong suốt, đẹp ơi là đẹp! Ước gì có bộ đồ như thế và hàng ngày cho Agnes uống trà bằng cái chén xanh có hình trang trí màu trắng trên cái đĩa lót xanh có hình vẽ màu trắng.

Ngày thứ sáu, trong thời gian làm lễ ở ngôi nhà thờ cổ trang trí những tượng gỗ Maori chất phác mà rất duyên dáng, với vòm trần vẽ hình rực rỡ theo kiểu Maori, Meggie quý gói cầu Chúa ban cho nó bộ đồ ăn búp bê kiểu Trung Quốc. Kia, cha Hayes giơ cao thánh thể^[13], và thánh linh ngời ngời trong thủy tinh màu, trong những tia sáng phát ra từ những viên đá quý, và cha ban phước cho những mái đầu cúi xuống của con chiên. Cho tất cả các con chiên, trừ Meggie, nó thậm chí không nhìn thấy cha, nó quá bận bịu: nó nhớ lại có bao nhiêu đĩa đựng món tráng miệng trong bộ đồ ăn của Teresa. Khi dàn đồng ca Maori ở tầng phía trên cổ đàn đại phong cầm cất tiếng hát trang nghiêm, đầu óc Meggie choáng váng vì cái màu xanh chói lòa rất xa đạo Thiên chúa và Polynesia.

Năm học sắp hết, đã là đầu tháng chạp, sắp đến ngày sinh của Meggie, dường như mùa hè đích thực sắp ập tới, và lần này Meggie được biết việc thực hiện những ước vọng thầm kín phải trả bằng giá đắt như thế nào. Nó ngồi trên chiếc ghế đầu cao bên bếp lò, và Fee, như thường lệ, chải tóc cho nó trước khi đến trường – đây là một nhiệm vụ không dễ dàng. Tóc Meggie xoắn tự nhiên, theo ý mẹ thì đó là điều may mắn cho nó, những cô bé tóc

đuôi thẳng, khi lớn lên không dễ gì chải được mái tóc lộng lẫy từ những món tóc trơn tuột thảm hại. Buổi tối trước khi đi ngủ, mái tóc xoắn dài gần đến đầu gối được cuộn chặt vào những mảnh vải trắng xé ở tấm khăn trải giường cũ và sáng sáng Meggie phải leo lên chiếc ghế đầu để mẹ tháo những mảnh vải ấy ra và chải tóc cho nó.

Với cái chải tóc cũ bằng bạc, Fee lần lượt chải những món tóc dài xoắn tít và khéo léo quấn vào tay trở, làm thành một cái lạp xưởng nhỏ mập, bóng láng; rồi chị thận trọng rút ngón tay ra, lắc lắc món tóc, thế là được một búp tóc dài, cuộn chặt đến đáng thèm. Thao tác đó phải lặp lại chừng mười hai lần, rồi những búp tóc phía trước vất lên đỉnh đầu, buộc lại bằng dải băng bằng lụa trơn mới là – thế là mái tóc của Meggie đã xong xuôi. Các cô bé khác đến trường với tóc tết bím, các em chỉ cuốn tóc búp trong những dịp long trọng, nhưng về khoản này thì mẹ khăng khăng một mực: Meggie phải cuốn tóc búp, mặc dù sáng sáng tranh thủ thời gian làm việc đó vất vả như thế nào. Fee không ngờ rằng những ý định tốt đẹp như thế chẳng đem lại điều lành, và chẳng cần kiểu tóc ấy thì tóc con gái chị cũng đã đẹp nhất trường rồi. Tóc cuốn búp thường xuyên chỉ càng tôn thêm vẻ đẹp ấy và chuốc lấy những cái nhìn xéo ghen tức.

Việc cuốn búp tóc phiền phức chẳng lấy gì làm dễ chịu, nhưng Meggie đã quen, nó được chải tóc như thế từ thuở nó có ý thức về bản thân mình. Trong bàn tay mạnh mẽ của mẹ, cái lược chải lách qua đám tóc rối, kéo và giật không thương xót, đến nỗi con bé chảy nước mắt và phải bám chặt hai tay vào ghế đầu để khỏi ngã. Hôm ấy là ngày thứ hai của tuần đi học cuối cùng, chỉ còn hai ngày nữa là đến ngày sinh nhật. Meggie bám chặt lấy chiếc

ghế đầu và mơ ước về bộ đồ ăn hai màu xanh trắng của búp bê, tuy nó biết đấy là mơ hão. Ở cửa hàng Wahine có bộ đồ như thế, và nó đã biết khá rõ về giá cả để hiểu rằng thứ đó không vừa túi tiền bố nó.

Đột nhiên Fee ối lên một tiếng lạ lùng đến nỗi Meggie tỉnh mộng ngay, còn chồng và các con trai, vẫn chưa rời khỏi bàn, ngạc nhiên quay lại.

– Lạy Chúa lòng lành! – Mẹ buột kêu lên.

Paddy bật dậy, sửng sốt, chưa bao giờ anh nghe thấy Fee vô cớ gọi tên Chúa. Chị đứng ngậy ra, một tay cầm cái bàn chải, tay kia cầm món tóc của con gái, mặt chị méo đi vì khiếp sợ và ghê tởm. Paddy và bọn trẻ con trai vây xung quanh hai người. Meggie muốn nhìn xem có chuyện gì, nhưng cái bàn chải có răng cứng đánh đập vào đầu nó đến nỗi nó ứa nước mắt.

– Xem này! – Fee thì thầm với chồng và giơ búp tóc ra ánh sáng.

Trong tia sáng mặt trời chói lọi, mái tóc dày lấp lánh như vàng, và lúc đầu Paddy không thấy rõ gì cả. Rồi anh thấy trên tay Fiona, trên mu bàn tay chị một con vật gì đó đang bò. Anh giằng lấy búp tóc trong tay chị và dưới những tia sáng, anh thấy rõ còn khá nhiều con vật nhỏ lằng xằng nữa. Tóc lấm tẩm những bong nhỏ xíu màu trắng, và những con vật ấy bện rộn xâu thêm những chuỗi mới nữa.

– Nó có chấy! – Paddy nói.

Bob, Jack, Hughie và Stuart nhìn xem, và cũng như bố, lùi xa một khoảng an toàn; chỉ có Fee và Frank, như bị phù phép, đứng nhìn tóc Meggie, còn con bé thật tội nghiệp, co rúm trên chiếc

ghế đầu, không hiểu nó phạm lỗi gì. Paddy gieo phịch người xuống ghế bành của mình và cau có nhìn chăm chăm vào lửa bếp lò.

– Tất cả là tại con bé người Ý như nhớp ấy thôi, – cuối cùng anh nói và nhìn vợ một cách dữ tợn. – Lũ chó ghẻ lở, đồ súc sinh, đồ lợn bẩn thỉu!

– Paddy! – Fee nhe răng vì phẫn nộ.

– Xin lỗi, tôi đã buột ra những lời thô lỗ, nhưng mình ạ, Meggie lại đi lây bệnh chấy ở cái con bé người Ý như nhớp ấy thì bực thật! – Paddy nổi khùng và hằm hằm đấm vào đùi mình. – Phải đi Wahine ngay bây giờ và đập phá tan tành tiệm cà phê của chúng nó ra mới được.

– Mẹ ơi! Nhưng đây là cái gì thế? – Cuối cùng Meggie thốt lên.

– Đây, nhìn xem, con bé bẩn thỉu! – Bà mẹ nói và đưa tay vào sát mũi Meggie. – Hãy xem xem con lây cái gì ở người bạn gái của con, tóc đầy những con vật ghê tởm này. Mẹ biết làm gì với con bây giờ?

Meggie ngạc nhiên nhìn con vật bò lung tung trên tay mẹ, đi tìm chỗ nào có nhiều lông hơn, và nó òa khóc cay đắng.

Không đợi ai sai bảo, Frank đặt nồi nước lên bếp lửa, còn Paddy đi lại trong bếp từ góc này sang góc kia, chốc chốc lại nhìn con gái và mỗi lúc một cuồng nộ hơn. Cuối cùng, anh tới cửa bậc tam cấp sau – ở đấy có một dây đinh và móc đóng vào tường – lấy chiếc roi ngựa treo ở đó, chụp mũ lên đầu.

– Tôi sẽ đi Wahine, Fee ạ, tôi sẽ bảo cái tên người Ý như nhớp ấy xéo đi đâu cho xa thì xéo cùng với món cá béo ngậy và khoai rán của hẳn! Rồi tôi sẽ đến xơ Agatha, tôi cũng sẽ bày tỏ với bà ấy

một đôi lời, không thể để cho ở trường có những đứa trẻ có chấy được!

– Cần thận một chút, Paddy! – Fee van vỉ. – Ngộ nhỡ con bé người Ý không dính dáng gì đến chuyện này thì sao? Cho dù hiện giờ nó có chấy đi nữa thì có thể cả nó và Meggie đều lây đứa khác chứ.

– Vớ vẩn! – Paddy phì một tiếng khinh bỉ.

Nện gót giày cồm cộp, anh chạy xuống khỏi bậc tam cấp, và lát sau từ ngoài đường có tiếng vó ngựa lộp cộp – anh cưỡi con ngựa màu xám tro phóng đi. Fee thở dài, nhìn Frank một cách bất lực.

– Chỉ mong sao ông ấy không đến nỗi phải vào tù vì tất cả những chuyện ấy. Gọi các em vào nhà, Frank. Hôm nay không đứa nào được đến trường.

Chị khám xét cẩn thận đầu các con trai, từng đứa một, kiểm tra cả Frank và bắt nó xem xét tóc của chính chị. Không thấy có thêm người nào lây bệnh của Meggie bất hạnh, nhưng Fee không muốn liều. Khi nước trong cái nồi lớn dùng cho việc giặt giũ đã sôi, Frank lấy cái chậu gỗ treo trên móc, đổ nước sôi pha nước lạnh vào đó. Rồi cậu mang ở nhà kho ra cái thùng sắt tây năm gallon^[14] dầu hỏa còn chưa dùng tí nào, một miếng xà phòng thường và bắt đầu từ Bob. Cậu lấy nước trong chậu lần lượt gội đầu cho các em trai, tưới dấm dầu hỏa và xát thật nhiều xà phòng. Thế là tạo nên một thứ sền sệt nhờn mỡ đáng ghét, làm mắt cay xè và xót da ghê gớm. Bọn trẻ con trai kêu gào, đưa nắm tay giụi mắt, cào da đầu ngứa ngáy đỏ ửng và đe dọa trả thù tàn bạo tất cả bọn người Ý.

Fee lấy trong giỏ đồ khâu một cái kéo lớn. Chị lại đến gần

Meggie, đã hơn một giờ con bé không dám rời khỏi ghế đầu, và chị dừng lại nhìn cái suối tóc lấp lánh này. Rồi chị khua kéo – xoẹt, xoẹt! – Cuối cùng tất cả búp tóc dài đã biến thành những đống nhỏ óng ánh trên sàn, còn trên đầu Meggie đôi chỗ đã trơ cả da ra. Lúc ấy Fee lưỡng lự nhìn Frank.

– Có cần cạo đầu cho nó không? – Chị gắng gượng thốt lên.

Frank bưng bưng phần nộ, giơ một tay lên.

– Ồ, không, mẹ! Không đời nào. Gội đầu hỏa thật kỹ thế là đủ. Nhưng xin đừng cạo!

Thế là Meggie được dẫn đến bàn làm bếp, phải cúi đầu xuống chậu để cho mẹ và anh tưới hết ca này đến ca khác dầu hỏa lên đầu và xát xà phòng ăn da vào phần tóc thảm hại còn lại của nó. Khi việc đó xong xuôi, mắt Meggie hầu như không nhìn thấy gì – nó cố gắng nheo mắt lâu quá, mặt và da đầu nó nổi lên những nốt phỏng rộp đỏ ửng. Frank quét vun chỗ tóc đã cắt vào một tờ giấy và cho vào bếp lò. Rồi cậu nhúng cái chổi vào thùng dầu hỏa. Cậu và mẹ cũng gội đầu bằng xà phòng ăn da bong rát đến tắc thở, rồi Frank lấy cái xô và cọ rửa sàn nhà bếp bằng dung dịch tắm cho cừu.

Tẩy trùng xong ở bếp tới mức sạch không kém gì bệnh viện, hai mẹ con qua các phòng ngủ, lấy chăn và khăn trải ở tất cả các giường và cho đến chiều, họ luộc, vắt kiệt nước và phơi khô những thứ đó. Đệm và gối thì vắt lên hàng rào sau nhà và phun dầu hỏa, còn thảm trong phòng khách thì đem ra đập kỹ đến nỗi đúng là nhờ có phép lạ chúng mới khỏi rách tơi tả. Tất cả bọn trẻ con trai đều được gọi tới giúp, riêng Meggie không được gọi đến, chẳng ai buồn nhìn nó. Cảm thấy nhục nhã, nó nấp sau nhà kho

và òa khóc. Sau tất cả những khổ nhục, đầu nó bùng bùng như đốt lửa, tai choáng ù, và càng hồ thẹn đau xót hơn. Khi Frank tìm thấy nó ở đây, Meggie thậm chí không ngược mắt lên nhìn anh, và mặc dù Frank khuyên nhủ thế nào, nó vẫn không muốn vào nhà.

Cuối cùng Frank phải dùng sức lôi nó về nhà, còn Meggie chống cự bằng tay và bằng chân, và buổi chiều khi Paddy từ Wahine trở về, nó chui vào một xó. Nhìn thấy đầu con gái bị cắt trụi mất tóc, Paddy bàng hoàng, thậm chí anh rớt nước mắt, hai tay bưng mặt lắc lư trong ghế bành, còn người nhà vây xung quanh, bôn chồn đổi thế đứng từ chân nọ sang chân kia, và hẳn là họ sẽ lấy làm vui sướng nếu như họ bỗng nhiên thấy mình ở một nơi cùng trời cuối đất. Fee đun sôi ấm trà, và khi chồng đã hơi yên tâm, chị rót cho chồng một chén trà.

– Đã xảy ra chuyện gì ở Wahine? – Chị hỏi. – Cả nhà chờ mong mình.

– Thế này này, việc đầu tiên là tôi dùng roi quật cho thẳng cha người Ý một trận và quăng nó vào cái máng cho ngựa uống nước. Rồi tôi thấy MacLeod từ cửa hàng của ông ta đi ra xem có chuyện gì, tôi giải thích cho ông ta rõ đầu đuôi sự tình. MacLeod gọi thêm mấy người ở quán rượu nữa, và chúng tôi quăng tất cả bọn người Ý ấy vào chỗ ngựa uống nước, cả đàn bà nữa, rồi đổ vào đấy mấy xô nước xà phòng tắm cho cừu. Rồi tôi đến trường gặp xơ Agatha, bà ta gần như nổi cơn điên lên: sao trước đây bà ta chẳng để ý gì hết! Bà ta lôi con bé nọ ra khỏi bàn học, xem xét, trong tóc nó là cả một vườn thú. Thế là bà ta đuổi nó về nhà: chừng nào đầu chưa sạch thì đừng có bước chân đến đây. Khi tôi ra về, bà cùng các xơ khác lần lượt kiểm tra cả bọn trẻ, và hiển nhiên là còn tìm

được khôi phục như thế. Ba vị nữ tu ấy cũng sẽ tự kỳ cọ đầu ra trò khi họ cho rằng không ai nhìn thấy họ. – Nhớ đến chuyện ấy, anh nhếch mép cười, nhưng nhìn đến đầu Meggie, anh lại sa sầm nét mặt. – Còn cô, tiểu thư ạ, cô đừng có mà giao du với bọn người Ý nữa, không chơi với ai, cô có các anh là đủ rồi. Nếu chưa lấy thể làm đủ thì liệu hôn đấy. Còn Bob, mày phải để ý sao cho ở trường nó không đánh bạn với đứa nào nữa, hiểu chưa?

Bob gật đầu:

– Hiểu ạ.

Hôm sau, Meggie hết sức khiếp sợ khi người nhà lại bảo nó đến trường.

– Không, không, con không đi! – Nó van vãn và hai tay ôm đầu – Mẹ ơi, mẹ, con không thể như thế này mà đến trường, ở đó có xơ Agatha!

– Đến được quá đi chứ. – Mẹ nói. Frank nhìn mẹ với vẻ dò hỏi, nhưng mẹ dường như không để ý đến. – Rồi đây con sẽ khôn ngoan hơn.

Meggie được choàng lên đầu tấm khăn vải phin màu nâu, và nó gắng sức lê bước đến trường. Xơ Agatha không lần nào nhìn về phía nó, nhưng đến giờ ra chơi, bọn con gái giật tấm khăn choàng đầu ra nom xem bây giờ nó thành cái thứ gì. Mặt Meggie hầu như không bị tổn thương, nhưng cái đầu tóc cắt ngắn với lớp da bị ăn mòn, viêm tấy nom thật khiếp. Vừa hay Bob đến gỡ cho em và dẫn nó đến một góc vắng vẻ ở sân cricket.

– Mặc xác chúng nó, Meggie ạ, đừng đếm xỉa đến. – Nó nói một cách cáu kỉnh, vụng về buộc lại khăn bịt đầu cho em, vỗ vào đôi vai như đã hóa đá. – Chúng là đồ phù thủy. Tiếc rằng anh

không sớm nghĩ ra mà cắt sẵn đi mấy con chấy ở đầu em. Không thì hể mấy con bé độc ác ấy sợ ý là anh bỏ luôn vào tóc chúng nó.

Mấy thằng nhóc nhà Cleary đến và ngồi bảo vệ em gái cho đến lúc có chuông vào lớp.

Mãi đến giờ nghỉ trưa, Teresa Annunzio mới chạy vào trường, ở nhà nó đã bị cạo trọc đầu. Nó định đánh Meggie, nhưng cố nhiên các anh Meggie không để nó đánh. Nó vừa tháo lui vừa giơ cao tay phải với nắm đấm siết chặt, còn tay trái thì vỗ vào bắp cơ hai đầu^[15] – một dấu hiệu phù phép bí hiểm, chẳng ai hiểu nghĩa là thế nào, nhưng mấy thằng bé đều thích cái đó: phải bắt chước mới được.

– Tao căm thù mày! – Teresa gào lên. – Bố mày làm hỏng hết mọi việc của bố tao, bây giờ nhà tao sẽ phải rời khỏi nơi này!

Và nó khóc nức nở chạy đi.

Meggie không cúi đầu và không nhỏ một giọt nước mắt. Nó đã khôn ra. Người khác nghĩ gì về ta cũng mặc, mặc, thầy kệ! Bọn con gái bây giờ xa lánh nó – Chúng sợ Bob và Jack, thêm nữa cha mẹ chúng nghe phong thanh về sự việc xảy ra, đã dặn các con tránh xa nó: dù thế nào đi nữa, kết bạn với một kẻ nào trong gia đình Cleary thường sinh chuyện chẳng lành. Mấy ngày học cuối cùng, Meggie, – theo cách nói ở đây – sống tại “Coventry”, đây là cuộc tẩy chay thực sự. Ngay cả xơ Agatha cũng không đảo lộn chính sách mới, và bà ta trút giận không phải vào Meggie, mà vào Stuart.

Như thường lệ khi ngày sinh của lũ nhỏ lại vào ngày thường, việc mừng Meggie tròn sáu tuổi được ấn định vào thứ bảy sau, hôm ấy nó đã được tặng bộ đồ ăn mà nó tha thiết mơ ước. Đĩa

chén được bày trên chiếc bàn con xinh đẹp màu da trời, – chiếc bàn con cùng với hai chiếc ghế cũng như thế do Frank đóng rất khéo vào lúc rảnh việc (mà cậu thì chẳng có lúc nào rảnh việc), và ngự trên một trong hai chiếc ghế xinh xinh ấy là Agnes mặc chiếc áo dài mới màu da trời do Fiona may trong những lúc rỗi rãi (mà chị cũng chẳng có lúc nào rỗi rãi). Meggie đau xót nhìn những cái chén hai màu xanh trắng có hình vẽ trang trí và những chiếc đĩa lót chén có những cây thần kỳ vui vẻ, chi chít những bông hoa phủ lớp lông nhung mịn màng, với cái chùa nhỏ xíu trắng lẹ và những con chim chưa từng thấy, với những hình người nhỏ bé lúc nào cũng vội vã sang qua cây cầu cong cong hình vòng cung. Tất cả những cái đó đã mất hết vẻ quyến rũ trước kia. Nhưng Meggie lơ mờ hiểu tại sao những người ruột thịt chịu thiếu đủ mọi thứ lại tặng nó món quà mà họ cho là quý nhất. Do ý thức bồn phận, nó pha trà cho Agnes trong cái ấm vuông vức và làm như hân hoan thực hiện đầy đủ nghi thức uống trà. Nó bền bỉ tiếp tục trò chơi đó nhiều năm, không một cái chén nào của nó bị vỡ hoặc thậm chí bị nứt. Trong nhà không ai ngờ rằng nó căm ghét cả bộ đồ ấy, cả cái bàn màu da trời với những chiếc ghế, cả cái áo dài màu da trời của Agnes.

* * *

Năm 1917, hai ngày trước lễ giáng sinh, Paddy mang về nhà tờ tuần báo gắn bó thủy chung của anh và chồng sách mới mượn ở thư viện. Nhưng lần này tờ báo quan trọng hơn sách. Do ảnh hưởng của những tạp chí Mỹ thịnh hành vẫn lọt cả tới New

Zealand, tuy là rất hiếm hoi, ban biên tập báo hăm hờ với ý tưởng mới: toàn bộ phần giữa dành cho chiến tranh. Ở đây có những tấm ảnh chụp không rõ lắm các Anzac^[16] đang tấn công lên những mỏm đá hiểm trở Gallipoli, và những bài tràng giang đại hải ca ngợi các chiến binh can trường của nam bán cầu, và những câu chuyện về tất cả những người Úc và New Zealand được tặng thưởng huân chương cao quý Chữ thập Victoria^[17] trong tất cả những năm tồn tại huân chương đó, và một bức tranh tuyệt đẹp, choán hết trang báo, một kỵ binh Úc trên con ngựa hiên ngang: gươm vung thẳng cánh, mé bên chiếc mũ rộng vành phấp phới những lông chim óng ánh.

Lợi dụng một lúc thuận tiện, Frank vợ lấy tờ báo và đọc ngẫu nhiên một hơi tất cả những cái đó, cậu say sưa với bản tuyên ngôn đầy tinh thần yêu nước quá khích này, mắt rục lên ánh lửa dữ tợn. Cậu cung kính đặt tờ báo xuống bàn.

– Con cũng muốn ra trận, ba ạ.

Fee giật mình, quay lại, làm nước sốt thịt sọng ra khắp mặt bếp, còn Paddy vươn thẳng mình trong ghế bành, quên cả cuốn sách.

– Con còn quá trẻ, Frank ạ. – Anh nói.

– Đâu có thể, con mười bảy tuổi rồi, ba ạ, con là người lớn rồi! Sao lại có thể để cho bọn Đức và bọn Thổ Nhĩ Kỳ mặc sức cắt cổ người của ta, còn con thì khoanh tay ngồi đây cho đành? Đã đến lúc ít nhất cũng có một người nhà Cleary cầm lấy súng.

– Con còn vị thành niên, Frank ạ, người ta sẽ không lấy con vào quân đội đâu.

– Lấy chứ, nếu như ba không phản đối. – Frank cãi lại và nhìn

thẳng vào Paddy bằng đôi mắt đen.

– Nhưng ba thậm chí còn phản đối kịch liệt kia. Hiện giờ nhà ta chỉ có một mình con làm việc, và con biết rất rõ rằng không có khoản thu nhập do con kiếm ra thì rất gay cho gia đình.

– Nhưng vào quân đội con sẽ có lương kia mà.

Paddy bật cười.

– Lương của lính hả? Người thợ rèn ở Wahine được trả công cao hơn nhiều so với người lính ở châu Âu.

– Nhưng ở đây có lẽ con sẽ đạt được một cái gì, con sẽ không phải suốt đời là thợ rèn! Không thì con không thể làm nên được, ba ạ!

– Vớ vẩn! Con không biết con nói gì cả, anh bạn trẻ ạ. Chiến tranh là điều ghê rợn. Ba sinh ra ở một nước đã đánh nhau một nghìn năm, ba biết ba nói gì. Con đã từng nghe những cựu chiến binh của cuộc chiến tranh Boer^[18] kể chuyện lần nào chưa? Con vẫn thường đi Wahine, thế thì lần sau con nên nghe họ kể chuyện. Với lại, ba thấy rằng đối với bọn Anh khốn kiếp thì lính Anzac chỉ là bia đỡ đạn, chúng tống anh em ta vào những chỗ nguy hiểm nhất, còn những người lính quý báu của chúng thì chúng giữ gìn. Thì xem đây, lão chiến binh Churchill ấy cứ lừa phỉnh binh sĩ ta đến Gallipoli! Năm mươi ngàn thì mười ngàn bị giết chết! Tệ hại gấp đôi so với cứ mười người thì bắn một. Vì lẽ gì con chiến đấu cho nước Anh già lão? Con thấy ở nó có cái gì tốt đẹp? Nó chỉ biết hút máu các thuộc địa của mình thôi. Nếu con sang Anh, người Anh sẽ khinh miệt con, kẻ sinh trưởng ở thuộc địa, và không coi con là người. Với New Zealand, cuộc chiến tranh này không nguy hiểm, với Úc cũng thế. Nếu nước Anh già

lão bị đánh tới bởi thì điều đó chỉ có lợi cho New Zealand thôi; Ireland đã khổ nhục bao nhiêu vì nước Anh, đáng ra nó phải đền tội từ lâu rồi. Cho dù Đức hoàng có đi dạo bước trên Strand thì con hãy tin rằng ta sẽ không khóc đâu.

– Ba ơi, nhưng thế nào con cũng phải ghi tên tình nguyện!

– Gì thì gì, con sẽ không ghi tên đi đâu cả, Frank ạ, tốt nhất là đừng nghĩ đến chuyện ấy. Tầm vóc như con không đi lính được đâu.

Frank đỏ bừng mặt, nghiền chặt răng: trước nay cậu vẫn khổ tâm vì tầm vóc nhỏ bé của mình. Ở trường cậu luôn luôn là đứa nhỏ bé nhất lớp, vì thế cậu hay đánh nhau, nhiều gấp đôi bất cứ thằng bé nào khác. Thời gian gần đây, cậu bị dẫn vật bởi nỗi ngờ vực khủng khiếp: ngộ nhỡ cậu không lớn lên được nữa thì sao? Ngay hiện giờ, mười bảy tuổi mà cậu vẫn chỉ cao có năm *feet* ba *inches* như hồi mười bốn tuổi. Chẳng ai biết những đau khổ về thể xác và tinh thần của cậu, chẳng ai ngờ đến những hy vọng hào huyền, những cố gắng vô bổ nhờ những động tác thể dục khó khăn nhất để làm cho mình cao lên một chút.

Trong khi đó công việc ở xưởng rèn ban thưởng cho cậu một sức mạnh không đi đôi với tầm vóc; cho dù Paddy có cố ý chọn cho cậu một việc thích hợp với tính tình và khí chất của cậu thì anh cũng không thể chọn thành công hơn được. Nhỏ nhắn nhưng chắc nịch và kiên trì với tuổi mười bảy cậu chưa hề thua khi đánh nhau và đã nổi tiếng khắp mũi đất Taranaki. Ngay cả gã trai khỏe nhất và cao lớn nhất ở đây cũng không thắng nổi cậu, vì đối với Frank, đánh nhau là lối thoát cho tất cả sự uất giận đã tích tụ lại, cho ý thức về sự kém cạnh của mình, cho sự bất mãn với số phận, thêm nữa cậu lại có cơ bắp tuyệt diệu, cậu hết sức nhanh trí, tính

tình hung hãn và có ý chí sắt đá.

Đối thủ càng to lớn và càng khỏe thì đánh bại và làm nhục nó càng quan trọng đối với Frank. Những đứa cùng tuổi tránh né cậu – ai mà muốn dính líu với kẻ hay gây sự như thế. Thế là Frank bắt đầu gạ đánh nhau với những gã trai nhiều tuổi hơn. Cả vùng đều bàn tán về chuyện Frank đánh như tử Jim Collins, tuy Jim đã hai mươi hai và cao sáu *feet* bốn *inches*, hẳn hoàn toàn có thể nhấc bổng cả một con ngựa. Mặc dù bị gãy tay trái và dập thương bên sườn, Frank tiếp tục quạu Jim cho đến khi gã rên rỉ ngã vật xuống, toàn thân đầm máu co quắp dưới chân cậu, và người ta phải dùng sức mạnh giữ cậu lại để cậu đừng đá vào mặt thằng Jim đã ngất đi. Nhưng tay vừa lành và vừa được tháo lớp băng chặt cứng bên sườn là Frank vào thành phố và cũng nâng bổng một con ngựa lên – phải cho mọi người biết rằng không chỉ Jim mới đủ sức làm việc đó và vấn đề ở đây không phải là tầm vóc.

Paddy biết thiên hạ đồn dậy như thế nào về đứa con phi thường của anh và anh hiểu rất rõ rằng Frank đánh nhau là vì khao khát muốn khẳng định phẩm giá của mình, nhưng anh tức giận khi những vụ đả nhau ấy gây trở ngại cho công việc ở xưởng rèn. Bản thân Paddy tầm vóc cũng không cao lớn, thời thanh niên anh cũng dùng nắm đấm để chứng tỏ sự gan dạ của mình, nhưng ở quê hương anh có khá nhiều người còn thấp hơn cả anh, còn khi đến New Zealand, ở đó người ta cao to hơn, thì anh đã là người lớn. Ý thức rằng mình thấp bé không giày vò anh dai dẳng như đối với Frank.

Ngay cả bây giờ Paddy cũng thận trọng để mắt đến gã trai và ủng hộ công cố hiểu nó; dù anh đã hết sức cố gắng đối xử như nhau

với tất cả các con, thằng con trai cả không bao giờ được anh quý như những đứa khác. Anh biết điều đó làm vợ buồn phiền, vợ anh lo lắng về cuộc đối chọi thâm lặng suốt đời giữa anh và Frank, nhưng thậm chí cả tình yêu với Fiona cũng không thể loại bỏ nỗi bực bội thường xuyên không sao khắc phục nổi đối với Frank.

Đôi tay hơi ngắn, nhưng đẹp dáng của Frank chặn lên tờ báo, đôi mắt nhìn chăm chăm vào bố, trong đó sự cầu khẩn và tính kiêu hãnh trộn lẫn với nhau một cách kỳ lạ – tính kiêu hãnh quá lì lợm để có thể thốt lên lời cầu khẩn. Khuôn mặt thằng bé mới xa lạ làm sao! Ở nó chẳng có cái gì của Cleary, hay thậm chí của dòng họ Armstrong, trừ có đôi mắt có lẽ giống mắt mẹ, nếu như mắt Fiona cũng đen như thế, và cũng bùng lên ánh lửa giận dữ về từng chuyện lật vạt. Gì thì gì, chứ sự gan dạ thì gã trai này không thiếu.

Sau khi Paddy nói về tầm vóc của Frank, cuộc chuyện trò dứt quãng; họ ăn nốt món thịt thỏ nấu nhừ trong không khí im lặng khác thường, ngay cả Hughie và Jack cũng chỉ khe khẽ trao đổi với nhau vài lời và chốc chốc lại cười rúc rích. Meggie chẳng ăn tí gì và không rời mắt khỏi Frank, như thể sợ anh sắp tan vào không khí. Để cho phải phép, Frank còn khoắng đĩa trong đĩa một lát nữa, rồi xin phép rời khỏi bàn. Lát sau, từ chỗ để củi vang đến tiếng riu bô, Frank hung hăng trút giận vào những khúc củi bướng bỉnh mà Paddy đã trữ được – thứ gỗ rắn này cháy chậm và mùa đông tha hồ ấm.

Khi mọi người đều tưởng là Meggie đã ngủ, nó hé mở cửa sổ và lén ra chỗ chứa củi. Góc sân này có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống của gia đình; cả một khoảng rộng chừng một ngàn *feet* vuông^[19] phủ một lớp vỏ cây và dăm gỗ nhỏ dện chặt, nhưng ở

một mé ngát nghều những dây gỗ cây chưa phạt hết cành, ở mé kia là một bức tường nhiều mảnh ghép bằng những khúc củi đều nhau – vừa đúng cỡ cái hòm gỗ trong bếp và xếp cẩn thận. Còn ở chính giữa là ba gốc cây cụt giữ nguyên rễ, đây là những thớt kê để có thể bỏ củi và những khúc gỗ bất cứ kích thước nào.

Frank không có dây – cậu đang vất vả với cây gỗ khuynh diệp, nó to đến nỗi không thể kéo lên ngay cả cái gốc cây cụt thấp nhất và rộng nhất. Cây gỗ bề ngang hai *feet* nằm trên mặt đất, hai đầu ghì chặt bằng đinh móc sắt, còn Frank đứng trên cây gỗ, chạng hai chân một cách vững chắc, và chặt ngang thân gỗ. Cái rìu thấp thoáng, vun vút xé không khí, còn cái cán, bị nắm chặt bởi hai bàn tay ướt, phát ra thứ tiếng rít riêng biệt gì đó. Lưỡi rìu loang loáng như ánh chớp trên đầu Frank, lóe lên ánh bạc mờ đục lúc hạ xuống, và vạc trên thân gỗ một vết đẽo hình cái nêm với vẻ nhẹ nhàng như thể đây không phải là gỗ khuynh diệp rắn như thép, mà là gỗ thông hay dẻ gai gì đó. Dăm gỗ văng về mọi phía, bộ ngực và tấm lưng trần của Frank ướt đẫm, trên trán cậu buộc chiếc khăn tay để mồ hôi không chảy xuống làm cay mắt. Dẫn gỗ như thế là công việc nguy hiểm, lỡ tay một chút đi đứt nửa bàn chân. Frank đeo những vòng đai da ở hai cổ tay để thấm mồ hôi, nhưng không đi bao tay, hai bàn tay nhỏ nhắn rắn chắc cầm cán rìu dường như không phải cố gắng gì, và mỗi nhát chặt đều khéo léo và chuẩn xác lạ lùng.

Meggie ngồi xổm bên chiếc sômi Frank vút ra đấy và nhìn với vẻ e sợ và kính trọng. Gần đấy có ba chiếc rìu dự trữ – dẫn gỗ khuynh diệp thì chỉ một chốc là lưỡi cùn ngay. Meggie cầm đẳng cán, kéo một chiếc rìu lên đùi mình và ghen với Frank – ước gì nó chặt củi cũng khéo như thế! Rìu khá nặng, con bé gắng sức nhấc

chiếc rìu lên. Rìu New Zealand chỉ có một lưỡi sắc như lưỡi dao cạo, vì rìu hai lưỡi quá nhẹ, loại rìu đó không đương nổi với gỗ khuynh diệp. Còn cái rìu này có sống nặng, dày một *inch* và cán cắm chặt vào lỗ nhờ những chêm gỗ đóng chết cứng. Nếu rìu đóng không chắc, nó mà tuột khỏi cán thì sẽ văng đi như quả đạn đại bác và có khi làm chết người.

Trời tối nhanh, và Frank bỏ rìu hình như trông nhờ vào linh tính nhiều hơn. Theo thói quen, Meggie cúi đầu dưới tầm dăm gỗ bay văng ra và kiên nhẫn chờ anh nhận ra nó, Frank đã dẫn được nửa thân gỗ, cậu xoay mình thở lấy hơi; rồi cậu lại vung rìu và bắt đầu chặt mé bên kia. Cậu dẫn trong thân gỗ một khe hẹp và sâu, vừa để cho nhanh, vừa để bớt dăm làm hao gỗ. Khi gần đến lõi cây, lưỡi rìu gần như ngập trong khe và những dăm gỗ to gần như văng thẳng vào Frank. Nhưng cậu dường như không để ý đến chúng và bỏ càng nhanh hơn. Bỗng nhiên, rắc – thân gỗ gãy làm đôi, nhưng ngay lúc đó, mà có thể là trước khi rìu bỏ nhất cuối cùng, Frank vút lên không. Cả hai nửa thân gỗ trật khỏi chỗ còn Frank, sau cái nhảy nhẹ như mèo, đã đứng ở phía bên và mỉm cười, nhưng đấy là cái cười không vui.

Muốn lấy cái rìu khác, cậu quay lại và nhìn thấy em gái: nó kiên nhẫn ngồi cách đó một quãng, chiếc áo ngủ đêm cài cúc cẩn thận suốt từ trên đến dưới. Một điều lạ lùng, không quen mắt: thay cho mái tóc dài buộc những mảnh vải trước khi đi ngủ, bây giờ trên đầu nó là chiếc mũ lông bông tạo nên bởi đám tóc xoắn ngắn ngủi, nhưng còn được như thế cũng là may, Frank nghĩ, với mái tóc kiểu con trai ấy nom nó rất xinh. Cậu tới gần Meggie, ngồi xổm xuống, đặt chiếc rìu lên đùi.

– Em làm thế nào ra được đây, hả đồ hư đốn?

– Stuart ngủ, em trèo qua cửa sổ.
– Coi chừng, rồi em sẽ hoàn toàn thành con trai mất thôi.
– Thế cũng được. Chơi với con trai còn hơn thui thủi một mình.

– Đúng, chắc chắn là như thế. – Frank ngồi xuống, tựa lưng vào súc gỗ lớn, mệt mỏi nhìn em gái. – Có chuyện gì vậy, Meggie.

– Anh Frank ơi, anh sẽ đi thật ư?

Nó ôm lấy một đầu gối anh bằng hai bàn tay với những đốt móng bị gặm nham nhở và lo lắng ngược lên nhìn vào mặt anh, miệng hé mở – nó gắng hết sức để đừng bật khóc, nhưng nước mắt dâng lên khiến nó không thở được bằng mũi nữa.

– Có lẽ anh sẽ đi. – Người anh trả lời bằng giọng dịu dàng.

–Ồ không, anh Frank, sao lại thế! Em và mẹ không thể nào thiếu anh được! Thực đấy, thật tình em chẳng biết mẹ và em sẽ làm thế nào nếu không có anh!

Frank hết sức khổ tâm, nhưng cũng không thể không mỉm cười – con bé nói hết như mẹ.

– Trong đời không phải mọi cái đều như ta muốn, Meggie ạ, em hãy nhớ kĩ điều đó. Người trong gia đình Cleary chúng ta bao giờ cũng được dạy dỗ rằng mọi người hãy cùng làm lụng vì lợi ích chung, mỗi người nghĩ đến mình sau cùng. Anh cho rằng điều đó không đúng, phải làm sao cho mỗi người trước hết có thể nghĩ đến mình. Anh muốn đi bởi vì anh đã mười bảy tuổi, đã đến lúc anh xây dựng cuộc đời của anh theo ý anh. Vậy mà ba nói: không, gia đình cần con ở nhà; và anh phải làm theo lời ba, bởi vì còn lâu anh mới đủ hai mươi một tuổi.

Meggie nghiêm trang gật đầu, cố hiểu cho được lời giảng giải ấy.

– Thế này này, Meggie ạ, anh đã nghĩ mãi, nghĩ đến nát óc ra rồi. Anh đã quyết, anh sẽ đi, có thể thôi. Anh biết, em và mẹ rất cần anh, nhưng Bob sắp lớn rồi, còn ba và mấy thằng kia sẽ không mong nhớ anh đâu. Ba chỉ cần anh kiếm ra tiền thôi.

– Như vậy là anh chẳng còn yêu em và mẹ nữa chứ gì?

Frank xoay người lại, bế con bé lên, lòng xốn xang một tình cảm trĩu mến thiết tha và chua xót làm cậu đau khổ.

– Meggie, Meggie! Em và mẹ là những người anh yêu nhất trên đời! Trời ơi, giá như em nhiều tuổi hơn thì anh sẽ nói với em nhiều điều... Nhưng có lẽ như thế lại còn hơn, em vẫn còn bé bỏng, có lẽ như thế còn hơn...

Cậu bỗng buông em ra và gặng tự chủ, lắc lắc đầu, va gáy vào súc gỗ, nuốt nước bọt ừng ực, môi run run. Cuối cùng cậu nhìn em gái.

– Rồi đây lớn lên em sẽ hiểu anh.

– Anh đừng đi, anh Frank ơi. – Con bé nhắc lại.

Frank bật ra tiếng cười giống như tiếng nước nở.

– Ôi Meggie! Chẳng lẽ em không nghe thấy anh nói gì sao? Thôi được, không sao. Cần nhất là em đừng nói với ai rằng tối nay em đã gặp anh, nghe chưa? Anh không muốn mọi người nghĩ rằng em đã biết hết.

– Em nghe thấy chứ, anh Frank, em nghe thấy hết. – Meggie nói. – Mà em sẽ không nói gì với ai đâu, em thề như vậy. Nhưng anh đi thì em tiếc lắm!

Nó còn quá nhỏ và không biết nói lên cái điều phi lý đang vấp vĩa trong tâm hồn nó: Frank đi thì nó còn có ai nữa? Chỉ có mình anh công nhiên yêu mến nó, chỉ có mình anh đôi khi ôm nó và vuốt ve nó. Trước kia bố thường bế nó lên, nhưng từ khi nó đi học, bố không cho phép nó leo lên đùi bố và ôm cổ bố, bố nói: “Con lớn rồi, Meggie ạ”. Còn mẹ lúc nào cũng bận rộn và hết sức mệt mỏi, mẹ có bao nhiêu nỗi lo lắng – những đứa con trai, việc cửa việc nhà... Đối với Meggie, Frank là người đáng yêu nhất, anh như vì sao trên bầu trời hạn hẹp của nó. Dường như chỉ có anh lấy làm vui sướng ngời chói nói chuyện với nó và mọi chuyện anh đều giảng giải đến là dễ hiểu. Chính từ ngày Agnes bị mất tóc, Frank luôn luôn ở cạnh nó, và từ đó những đau buồn cay đắng nhất không đến nỗi làm tan lòng nát ruột. Có thể chịu đựng nỗi căm đờn đánh bằng gậy, cả xơ Agatha, cả chấy, vì Frank biết cách vỗ về an ủi.

Nhưng nó đứng lên và nén lòng mỉm cười.

– Nếu anh nhất định cần phải đi thì anh cứ đi, anh Frank ạ, cũng chẳng sao.

– Còn em về giường ngủ đi thôi. Meggie, trong lúc mẹ chưa phát hiện ra em đã biến đâu mất. Chạy nhanh lên!

Lúc này mọi ý nghĩ bay biến khỏi đầu óc Meggie: nó cúi đầu, ngoặc lấy gấu chiếc áo ngủ đêm, kéo gấu áo từ phía sau ra phía trước như thể quặp đuôi lại và cứ giữ như thế, cầm đầu chạy, chân đất bước thẳng lên những dăm gỗ sắc nhọn như có gai.

* * *

Buổi sáng trở dậy thì Frank đã biến mất, Fee đến đánh thức Meggie, chị sàu nã, nói nhát gừng. Meggie chồm dậy khỏi giường như bị bỏng, hấp tấp mặc áo và thậm chí không nhờ mẹ cài giúp vô số chiếc cúc.

Trong bếp, bọn con trai đã ngồi ở bàn, mặt mày cau có, nhưng ghế của Paddy bỏ trống. Ghế của Frank cũng thế. Ăn sáng xong, Fee bảo tất cả bọn chúng ra khỏi bếp và lúc đã ở sau nhà kho, Bob nói với Meggie việc vừa xảy ra.

– Frank trốn đi rồi. – Nó thì thạo.

– Có lẽ anh ấy đi Wahine đấy thôi. – Meggie đáp.

– Không phải đâu, đồ ngốc! Anh ấy đi lính. Ôi, tiếc rằng tao còn ít tuổi, không thì tao cũng đi theo anh ấy! Anh ấy thật là sung sướng!

– Em lại tiếc là anh ấy đã đi, giá như anh ấy ở nhà thì hơn.

Bob nhún vai.

– Thế mới là con nhóc, chẳng hiểu gì sắt!

Trái lệ thường, Meggie không nổi nóng về những lời xúc phạm như thế, nó vào nhà, có thể mẹ cần đến nó.

Fee đưa cho nó chiếc bàn là, và Meggie bắt đầu là những chiếc mùi soa.

– Ba đâu hả mẹ! – Nó hỏi.

– Đi Wahine.

– Ba sẽ đưa anh Frank về chứ ạ?

– Hãy thử giữ bí mật điều gì ở nhà này xem! – Fee giận dữ căn nhắc. – Không, ba không thể tìm được Frank ở Wahine nữa, và ba cũng không hy vọng như thế. Ba sẽ đánh điện về Wanganui cho

cảnh sát và cấp chỉ huy quân sự. Họ sẽ điệu Frank về nhà.

– Ôi, mẹ ơi, họ mà tìm được Frank thì tốt quá! Con không muốn anh Frank bỏ chúng ta mà đi!

Fee đổ lên bàn khối nguyên liệu trong máy đánh bơ và dùng hai bàn xẻng gỗ đập một cách dữ dội vào cái khối nhỏ màu vàng sền sệt.

– Chẳng ai muốn Frank bỏ chúng ta mà đi. Vì thế ba mới cố tìm cách đưa anh ấy về. – Mối chị run run, chị bắt đầu đập khối bơ càng mạnh hơn. – Tội nghiệp Frank, tội nghiệp, tội nghiệp Frank! – Chị thở dài, quên hẳn Meggie. – Nhưng tại sao, tại sao con cái lại phải đền bù cho những tội lỗi của chúng ta. Tội nghiệp Frank của tôi, nó quá cả nghĩ...

Chợt chị nhận thấy Meggie ngừng là, chị mím chặt môi, không thốt lên lời nào nữa.

Ba ngày sau, cảnh sát giải Frank về nhà. Viên trung sĩ giải cậu đi từ Wanganui nói với Padraic rằng Frank chống cự kịch liệt khi bị bắt giữ.

– Một chiến binh yêng hùng ra trò đấy! Vừa thấy rõ rằng quân đội đã được báo trước về mình, cậu ta bỏ chạy tức thì, lao từ bậc tam cấp ra phố, hai người lính đuổi theo. Tôi đã tưởng cậu ta sẽ chạy biến mất, nhưng cậu ta chẳng may lại đâm ngay vào đội tuần phòng của chúng tôi. Cậu ta đánh đấm như điên, năm người phải xông vào mới tra nổi còng vào tay cậu ta.

Vừa nói viên trung sĩ vừa tháo cho Frank sợi xích nặng và đẩy cậu vào cồng rào. Frank suýt ngã, xô vào Paddy và lùi phắt lại như bị nọc châm.

Bọn trẻ nhỏ đứng túm tụm cách đấy khoảng mười bước sau

lưng người lớn, từ góc nhà ngó ra và chờ đợi. Bob, Jack và Hughie thấp thỏm hy vọng Frank lại xông vào ẩu đả; Stuart vốn tính hiền lành, bình tĩnh nhìn với vẻ thông cảm; Meggie hai tay ôm má, bóp chặt và vằn vò má, sợ thất thần, chỉ lo có kẻ nào lại làm nhục Frank.

Frank quay về phía mẹ trước hết, nhìn thẳng vào mẹ, trong đôi mắt đen của cậu hướng tới đón gặp đôi mắt xám của mẹ biểu lộ một niềm cảm thông u uất, đau xót, sự thân thiết thắm kín chưa bao giờ, chưa lần nào được nói ra thành lời. Cặp mắt xanh của Paddy nung đốt cậu bằng cái nhìn cuồng nộ và khinh miệt, nó nói lên rõ rệt – ta không hề chờ đợi điều gì khác ở mày, – và Frank gằm mặt xuống như thừa nhận cơn giận ấy là chính đáng. Từ nay Paddy sẽ không ban cho con trai một lời nào, ngoài cái tối cần thiết mà phép lịch sự đòi hỏi. Nhưng khó khăn nhất đối với Frank là giáp mặt lũ em – con chim rục rờ đã bị đem trả về nhà một cách hổ nhục, nó vẫn chưa có dịp vút lên trời cao, cánh đã bị cắt cụt và tiếng hót tắc trong họng.

Meggie chờ cho mẹ đi tua xong khắp lượt các buồng ngủ trước khi đi ngủ, nó tuồn qua cửa sổ hé mở và chạy ra sân sau. Nó biết Frank sẽ lánh ra chỗ chứa cỏ khô, tránh xa bố và mọi luồng mắt tò mò.

– Frank, anh ở đâu, anh Frank! – Nó gọi thì thầm, tuy cũng khá to, len lỏi trong bóng tối mịt mù âm lặng của nhà kho, chân đi đất dò dẫm một cách tinh nhạy như con thú nhỏ, để bước đúng chỗ.

– Anh ở đây, Meggie. – Một giọng mết mỏi đáp lại, hoàn toàn không giống tiếng Frank, tàn lụi, không sức sống.

Con bé đến chỗ Frank nằm duỗi dài trên cỏ khô, nằm thu lu bên vách anh, vươn hết tầm tay ôm lấy anh.

– Ôi anh Frank, em sung sướng quá vì anh đã trở về!

Frank tấm tức rên lên, trườn xuống phía dưới một chút và áp trán vào vai em. Meggie ghì lấy đầu anh, vuốt ve mái tóc dày duỗi thẳng, lí nhí câu gì âu yếm. Trong bóng tối cậu không nhìn thấy em, nhưng ở nó toát ra sự đầm ấm thông cảm vô hình và Frank không cầm lòng được. Cậu khóc nức nở, toàn thân co rúm lại – lúc này cậu là cái nút thít chặt của nỗi đau đớn nhức buốt – nước mắt cậu thấm ướt đẫm chiếc áo ngủ của Meggie. Nhưng Meggie không khóc. Ở một điểm nào đó, mặc dù còn bé bỏng, nó đã trưởng thành và có đủ nữ tính để cảm thấy một niềm vui sướng sắc bén không sao kìm nén được; nó cần cho người khác. Nó ghì chặt đầu anh vào ngực và khẽ lắc lư như ru anh, cho đến khi anh khóc vội nổi lòng và nín lặng, tâm hồn trống rỗng.



1921 – 1928



RALPH

3

Con đường này về Drogheda không có gì gợi nhớ đến những ngày tuổi trẻ, đức cha Ralph de Bricassart nghĩ vậy. Nheo mắt để khỏi quá chói vì cái mui của chiếc “Daimler” khá mới, cha lái xe theo những vệt bánh xe gập ghềnh của con đường ngập trong cỏ cao ánh bạc. Đúng, đây không phải là Ireland mền thương đầy sương mù và xanh tươi. Thế còn chính Drogheda ở vùng này thì sao? Đấy cũng không phải là bãi chiến trường và không phải là thủ phủ của chính quyền tối cao. Nhưng có phải vậy không nhỉ? Tính hài hước linh lợi mà thực ra cha đã học được thói quen đè nén nó, lại vẽ lên với đức cha de Bricassart hình ảnh của Mary Carson – một Cromwell^[20] mặc váy luôn luôn giữ một thái độ ác cảm oai nghiêm có một không hai đối với tất cả mọi người, không trừ một ai. Ờ, mà so sánh như thế không phải là khoa trương lắm đâu: hiển nhiên là nhân vật ấy có quyền lực không thua kém gì bất cứ vị tướng soái đầy quyền uy nào của thời trước và nắm trong tay vận mệnh của một số người đông đảo không kém gì.

Sau những khoảnh hoàng dương và khuynh diệp hiện ra cái cổng cuối cùng, cha Ralph cho xe dừng lại, nhưng không tắt máy. Chụp lên đầu chiếc mũ rộng vành cũ nát và bạc màu cho đỡ rất nắng, cha ra khỏi xe, mệt mỏi và sốt ruột kéo cái then sắt và mở

toang công. Từ nhà thờ Gillanbone đến khu trại áp Drogheda có hai mươi tám cái cổng, và trước mỗi cổng phải dừng lại, ra khỏi xe, mở cổng, lại ngồi vào tay lái, cho xe qua cổng, rồi dừng lại, ra khỏi xe, quay lại cài then cổng, lại lên lái xe đi tiếp đến cổng sau. Bao nhiêu lần cha muốn bỏ qua ít ra là một nửa số nghi thức đó – cứ phóng xe đi, bỏ lại sau tất cả những cổng đó như những cái miệng há hoác ngạc nhiên; nhưng làm như vậy thì ngay cả chức sắc đáng tôn sùng của cha cũng không ngăn được những chủ sở hữu các cổng đó lột da đực cha. Tiếc rằng ngựa không nhanh bằng ô tô và không có cái ưu thế chẳng bao giờ biết mệt như ô tô, cưỡi ngựa thì có thể mở cổng và đóng cổng mà không xuống yên.

– Thùng mật nào cũng có một thìa nhựa đắng của nó – Cha nói và vỗ vào sườn chiếc ô tô khá mới của mình, rồi cho xe đi tiếp, bỏ lại đằng sau cái cổng đã đóng chặt, đến Ấp chính còn một dặm nữa toàn đồng cỏ xanh tươi không có lấy một cái cây nhỏ.

Ngay cả dưới con mắt của một người Ireland đã quen với những lâu đài và biệt thự lộng lẫy thì khu nhà ở này của Úc nom cũng vẫn bề thế. Chủ nhân đã quá cố của Drogheda, một điền trang cổ nhất và giàu nhất vùng, yêu mê mọt cơ nghiệp của mình và xây tòa nhà tương xứng với nó. Tòa nhà hai tầng, xây theo phong cách nghiêm nghị thời vua George, tạo bởi những khối sa thạch màu cream đẽo bằng tay, đưa về từ mỏ phía đông cách đây năm trăm dặm; những cửa sổ lớn, khung có hình trang trí, một hàng hiên rộng có những cột kim loại đánh đai lấy toàn bộ tầng dưới. Tất cả các cửa sổ, như một khung ảnh tuyệt đẹp, đều có cánh cửa bằng gỗ màu đen – đấy không phải chỉ là để trang trí: mùa hè nóng nực, cánh cửa đóng lại, giữ cho buồng mát mẻ.

Bây giờ đã sang thu, mái hàng hiên và các tường nhà mới chỉ

chăng một mạng lưới lá cây xanh rờn, nhưng sang xuân, loại đậu tía tròng từ nửa thế kỷ trước, khi mới xây xong nhà, sẽ rậm rộ nở những chùm hoa màu tím nhạt tràn ngập khắp cả. Bao quanh nhà là mấy acres^[21] thảm cỏ được chăm sóc chu đáo, trên cái thảm xanh đều đặn ấy rải rác những bồn hoa gọn gàng theo kiểu Anh, ngay cả lúc này hoa cũng vẫn phô sắc rực rỡ: hồng, quế trúc thơm, thược dược và cúc su xi. Một đội ngũ “những bóng ma” tuyệt diệu – những cây khuynh diệp thân cây gần như trắng, lá hẹp bản rung rinh ở tầm cao tới bảy chục *feet*, – che cho ngôi nhà tránh được cái nắng ác liệt: những cành khuynh diệp có những dây hoa giấy màu tím rực rỡ quấn quýt xung quanh tạo nên một mái lều liền kín. Ngay cả những két chứa nước kỳ quái không thể thiếu được ở cái vùng nửa mọt rợ này cũng phủ một tấm áo khoác bằng bìm bìm địa phương giàu sức chịu đựng, hồng bò lan và dây đậu tía, và người ta xếp đặt khéo léo đến mức nom chúng không hẳn là vật thiết yếu thô kệch, mà là thứ trang trí. Michael Carson đã quá cố yêu Drogheda của mình đến điên cuồng, ông ta bố trí một lượng két nước thừa dùng: nghe đồn rằng nước đủ tưới các thảm cỏ và bồn hoa cho dù mười năm liền không có lấy một giọt mưa.

Người đi từ phía đồng cỏ đến thì cái đập vào mắt trước hết là chính tòa nhà và những cây khuynh diệp rủ bóng xuống nhà, rồi khách để ý thấy ở hai bên và phía sau một chút còn có những căn nhà một tầng bằng sa thạch màu vàng nhạt nối với tòa nhà chính bằng những hành lang có mái cũng tràn ngập cây leo xanh tươi. Ở đây con đường lớn với những vệt bánh xe hằn sâu chuyển thành con đường nhánh trải đá rậm chạy giữa các hàng cây. Nó chạy vòng quanh tòa nhà ở phía bên – ở đây có một bãi tròn để

xe, – rồi dẫn ra xa hơn nữa, tới chỗ mà cuộc sống thực sự đang sục sôi: sân nuôi gia súc, nhà kho, bãi xén lông cừu. Tất cả những căn nhà ấy và những công việc gắn liền với chúng ẩn dưới bóng những cây hồ tiêu khổng lồ – trong thâm tâm, cha Ralph thích chúng hơn những cây khuynh diệp nhọn nhọt cạnh giữ Nhà Lớn. Lùm lá cây hồ tiêu dày rậm, màu rất sáng, không lúc nào ngớt tiếng ong vo ve, hàm chứa một cái gì uể oải, khoan hòa và thích hợp không chê vào đâu được với một trang trại ở giữa lòng nước Úc.

Cha Ralph đỗ xe và đi về phía nhà, ngay lúc đó ở hàng hiên, khuôn mặt đầy tàn nhang của chị hầu phòng đã ngồi lên nụ cười vô cùng hồ hởi chào đón cha.

– Chào chị Minnie. – Cha nói.

– Kính chào đức cha, thật là hân hạnh được đón cha vào một ngày tuyệt đẹp như thế này! – Ngữ âm của chị đích thực là của người Ireland. Một tay chị ta mở rộng cửa mời khách, tay kia đã đưa ra đón trước chiếc mũ cũ nát không xứng chút nào với chức sắc của Người.

Ở gian tiền sảnh rộng thênh thang tranh tối tranh sáng, sàn lát đá cẩm thạch và hàng tay vịn bọc đồng của cái cầu thang rộng sáng lấp lánh, cha Ralph nán lại một lát cho đến khi Minnie nghiêng đầu mời cha vào phòng khách.

Mary Carson ngồi trong chiếc ghế bành, bên cái cửa sổ mở cao vút, choán hết chiều cao mười lăm *feet* từ sàn đến trần nhà, và có lẽ không để ý đến cái lạnh từ bên ngoài tràn vào. Mái tóc dày của bà ta gần như vẫn giữ nguyên màu hung chói rục thời son trẻ; trên làn da bị những vết tàn nhang làm cho thô đi vẫn còn lộ ra

cả những vết nâu – dấu vết của tuổi già, nhưng nếp nhăn thì không bao nhiêu so với tuổi sáu mươi năm – một mạng lưới thưa thớt mỏng manh như trên tấm chăn độn lông tơ may chần. Tính tình bất kham của người đàn bà này chỉ lộ ra ở những nếp nhăn sâu nổi bật từ hai cánh của cái mũi thẳng kiểu La Mã tới khóe miệng và ở cái nhìn lạnh lùng của cặp mắt xanh nhạt.

Cha Ralph đi trên tấm thảm Pháp đắt tiền và lẳng lặng hôn tay bà chủ. Vóc người cao lớn và cử chỉ thoải mái, cha làm việc đó hết sức duyên dáng, lại thêm bộ áo thày tu màu đen nghiêm nghị tạo cho toàn bộ vẻ ngoài của cha một vẻ thanh nhã đặc biệt. Cặp mắt không biểu lộ điều gì của Mary Carson thoáng lộ vẻ bối rối, bà ta cố gắng lắm mới nén được nụ cười gượng.

– Cha dùng trà chứ, cha Ralph?

– Cái đó còn tùy theo bà có muốn dự lễ mixa không, – cha nói, rồi ngồi xuống trước mặt bà ta, bắt chéo chân lên, khiến cho dưới bộ áo thày tu hiện ra chiếc quần đi ngựa và đôi ủng cao đến gối: ở vùng này cha xứ khó mà ăn vận khác được. – Tôi đến nghe bà xưng tội và ban thánh thể cho bà, nhưng nếu bà muốn dự lễ mixa thì mấy phút nữa, tôi sẵn sàng làm lễ. Tôi dùng bữa chậm lại một chút cũng chẳng sao.

– Cha quá tốt đối với tôi, thưa đức cha, – Mary Carson nói với giọng tự mãn, bà ta hiểu rất rõ rằng cũng như mọi người khác, cha có thái độ kính trọng như thế không phải là đối với bản thân bà ta, mà đối với tiền bạc của bà ta. – Xin mời cha dùng trà. – Bà ta nói tiếp. – Tôi chỉ cần xưng tội và được giải tội là đủ lắm rồi.

Gương mặt cha không hề thoáng lộ vẻ bực bội – xứ đạo này là một trường học rất tốt dạy cho người ta tính tự chủ. Một khi có

dịp để ngoi ra khỏi thân phận thấp kém mà cha đã sa vào do tính tình quá nóng nảy của mình thì cha sẽ không phạm sai lầm lần nữa. Nếu tiến hành trò chơi một cách tinh vi thì có thể bà lão này là câu trả lời cho những lời cầu nguyện của cha.

– Thưa đức cha, phải thú thật với cha rằng tôi rất hài lòng về năm vừa qua. – Bà ta nói. – Cha là đấng chần chiên xứng đáng hơn nhiều so với cha Kelly đã quá cố, cầu Chúa làm cho linh hồn ông ta rửa nát ra. – Nói mấy lời cuối cùng này, giọng bà ta bỗng bộc lộ sự hằn thù dữ tợn.

Cha Ralph ngược đôi mắt long lanh vui vẻ lên nhìn bà ta.

– Mrs. Carson quý mến! Bà nói ra những tình cảm không hợp lắm với người công giáo!

– Nhưng tôi nói sự thật. Lão già là con sâu rọu, và tôi tin chắc rằng Chúa sẽ làm cho linh hồn lão rửa nát ra, cũng như rọu đã làm cho thể xác lão rửa nát. – Bà ta nghiêng người về phía linh mục. – Trong năm nay tôi đã được biết khá rõ về cha, và hẳn là tôi có quyền nêu ra với cha mấy câu hỏi, cha thấy thế nào? Xét cho cùng, ở Drogheda cha sống thoải mái – nghiên cứu việc chăn nuôi, luyện tài cưỡi ngựa cho hoàn hảo, không phải sống tạm bợ như ở Gilly. Tất nhiên chính tôi mời cha đến, nhưng tôi có quyền được nghe một số câu trả lời chứ, cha nghĩ sao?

Chẳng lấy gì làm thú vị lắm khi phải nghe sự nhắc nhở đó – cha Ralph chịu ơn bà ta nhiều điều, nhưng từ lâu cha vẫn chờ đến lúc bà ta cho rằng bà ta đã có đủ quyền lực đối với cha và bắt đầu đề ra những đòi hỏi nào đó.

– Cố nhiên, đấy là quyền của bà, Mrs. Carson ạ. Tôi vô cùng biết ơn bà về việc tôi được về Drogheda và những món quà bà

tặng – ngựa, ô tô.

– Cha bao nhiêu tuổi? – Bà ta hỏi, không chuyển tiếp gì cả.

– Hai mươi tám.

– Ít hơn tôi tưởng. Dù sao những linh mục như cha thường không bị đưa về cái xó xinh như Gilly. Cha phạm tội gì mà bị đẩy về một nơi hẻo lánh như thế?

– Tôi đã xúc phạm đến Đức giám mục. – Cha đáp một cách bình tĩnh, miệng mỉm cười.

– Ồ, thế thì không phải chuyện đùa! Nhưng tôi nghĩ, đáng chán chiền có tài năng như cha hẳn không lấy gì làm vui khi bị kẹt ở một nơi như Gillanbone.

– Đây là ý Chúa.

– Nhảm nhí! Cha bị đưa đến đây hoàn toàn do chỗ yếu của con người: của cha và của Đức giám mục. Chỉ có Giáo hoàng La Mã là không bao giờ sai lầm. Chỗ của cha hoàn toàn không phải ở Gilly, tất cả chúng tôi ở đây đều hiểu điều đó, mặc dù để đổi mới đi cho đỡ tẻ, có được một cha linh hồn như thế thì thật là tuyệt, thường thường người ta cử đến đây cho chúng tôi những người không may, không một xu dính túi, từ lúc còn trẻ cũng chỉ có một con đường đi làm linh mục. Còn cha đáng phải giữ một chỗ nào đó trong giới cao cấp nhất của nhà thờ chứ tuyệt nhiên không phải là ở đây cùng với ngựa và cừu. Bộ hồng y rất hợp với cha.

– Tôi e rằng không có hy vọng ấy. Theo tôi nghĩ, đức Tổng giám mục, đáng khâm mạng giáo hoàng La Mã không hay nhớ tới xứ đạo xa xôi như thế và hẳn sẽ không tìm những vị hồng y xứng đáng ở đây. Nhưng có khi còn tệ hơn nữa kia. Còn ở đây tôi có bà và có Drogheda.

Bà ta tiếp nhận lời tán dương công khai đó đúng như cha dự tính: điều thú vị là cha đẹp trai như thế, ân cần như thế, thông minh và hóm hỉnh như thế; đúng, quả thật là cha có thể trở thành một đức hồng y tuyệt diệu. Từ thuở có ý thức về cuộc đời, chưa bao giờ bà ta gặp một người đẹp trai đến thế mà lại có thái độ độc đáo như thế đối với sự đẹp trai của mình. Cố nhiên cha không thể không biết mình đẹp trai như thế nào: thân hình cao lớn, vóc dáng tuyệt mỹ, khuôn mặt quý phái thanh tú, toàn bộ ngoại hình của cha là một sự hài hòa và hoàn mỹ tuyệt vời – không phải mọi tạo vật của Chúa đều được Chúa ban thưởng hậu như thế. Toàn bộ thân hình cha, từ mái tóc xoăn lượn sóng và cặp mắt xanh kỳ diệu cho đến đôi bàn tay và bàn chân nhỏ nhắn thanh nhã đều thực sự là hoàn hảo. Cha không thể không có ý thức về điều đó. Tuy nhiên, ở cha có một vẻ phiêu diêu thế nào đó, bằng một cách nào đó cha khiến người ta cảm thấy rằng cha chưa từng bao giờ và sẽ không bao giờ là nô lệ cho hình dáng của mình. Không để lương tâm cắn rứt, cha lợi dụng cái đó nếu cần, nếu nó giúp cha đạt mục đích nào đó, nhưng tuyệt nhiên không chiêm ngưỡng mình, nói đúng hơn, cha có thái độ tuồng như những kẻ có thể bị những cái như thế cám dỗ là những kẻ thậm chí không đáng cho ta khinh bỉ. Phải, Mary Carson sẵn lòng trả một giá đắt nếu như dò biết được trong quá khứ cái gì đã làm cho cha Ralph de Bricassart thành người như thế.

Lạ thật, không hiểu sao có rất nhiều thầy tu đẹp như Adonis^[22] và có sức cám dỗ không thể cưỡng lại nổi đối với phụ nữ như Don Juan^[23]. Có lẽ họ thề không lấy vợ vì sợ rằng sức hấp dẫn như thế của họ có thể gây nên tai họa chẳng?

– Vì lẽ gì cha cam chịu ở Gillanbone? – Bà ta hỏi. – Thà bỏ

chức thánh chẳng hơn là chịu như thế sao? Với tài năng như thế, cha có thể vừa trở nên giàu có vừa đạt được quyền thế trong bất cứ lĩnh vực nào, và đừng có cam kết với tôi rằng cha không hám quyền lực, ít ra là hám quyền lực.

Cha nhướn cao lông mày trái.

– Mrs. Carson quý mến, bà là người công giáo. Bà biết lời thề của tôi là không thể phá bỏ được. Tôi sẽ là linh mục cho đến lúc chết. Tôi không thể phản bội lời thề.

Bà ta phì một tiếng khinh bỉ:

– Này thôi đi! Chẳng lẽ cha thật sự tin rằng nếu cha từ bỏ chức thánh thì cha sẽ bị sét đánh chết hay sẽ bị kẻ nào dùng chỏ và súng săn đuổi cha ư?

– Tất nhiên là không. Cũng như tôi không tin bà kém thông minh đến nỗi tưởng đâu tôi không dám rời bỏ nhà thờ là vì sợ trừng phạt.

– Ô hô! Cha thật là ác khẩu, cha de Bricassart! Thế thì cái gì trói buộc cha? Vì lẽ gì cha vui lòng chịu đựng bụi bặm, nóng nực và ruồi ở đây? Biết đâu cái nạn khổ sai của cha ở Gilly lại chẳng là khổ sai chung thân.

Trong giây lát cặp mắt xanh của cha sầm tối, nhưng cha mỉm cười và nhìn người đối thoại với mình bằng cái nhìn thương hại.

– Bà thực là một người an ủi đại tài! – Cha ngược mắt lên trần, thở dài. – Tôi đã được chuẩn bị cho việc phụng thờ Chúa từ lúc còn trong nôi, nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Tôi là cái bình, Mrs. Carson ạ, và có những giờ tôi tràn đầy Chúa. Nếu tôi là người nô bộc tận tụy nhất của nhà thờ, tôi sẽ không bao giờ trống rỗng. Sự tràn đầy ấy, sự hợp nhất với Chúa không tùy thuộc vào

việc tôi ở đâu. Nó đến với tôi bất kể tôi ở Gillanbone hay ở trong cung điện của Đức giám mục. Nhưng diễn giải tình cảm đó bằng lời khó vô cùng, bởi vì ngay cả với người tu hành, nó cũng là một bí mật vĩ đại. Quà của Chúa ban cho, không mấy người được nếm. Thế đấy. Từ bỏ cái đó ư? Tôi không thể làm như thế được.

– Như vậy đó là quyền uy, phải không? Nhưng tại sao nó lại được trao cho chính các linh mục? Theo cha, con người có được quyền uy chỉ vì trong thời gian làm lễ hết sức mệt mỏi và dài dằng dặc, người đó được xúc dầu thánh ư? Vì lẽ gì cha tưởng như thế?

Cha lắc đầu.

– Bà ạ, trước khi được phong chức thánh là nhiều năm chuẩn bị cẩn thận linh hồn mình để có thể trở thành cái bình của Chúa. Cần phải xứng đáng với ân huệ! Đấy là sự khó từng ngày, từng giờ. Đây là ý nghĩa lời thề của tu sĩ, bà không hiểu sao? Sao cho không một cái gì trần tục có thể đứng giữa người phụng sự nhà thờ và trạng thái linh hồn của người đó, – dù là tình yêu phụ nữ, lòng ham tiền hay không muốn khuất lụy người khác. Nghèo không có gì mới đối với tôi. Tôi sinh ra trong một gia đình không giàu có. Giữ mình thanh sạch chẳng có gì là khó đối với tôi. Còn sự khuất lụy? Đối với tôi đó là một trong ba nhiệm vụ khó nhất. Nhưng tôi làm được, vì nếu tôi đặt mình cao hơn bốn phận làm cái bình của Chúa thì tôi hỏng rồi. Tôi khuất lụy. Nếu cần, tôi sẵn lòng chịu đựng Gillanbone cho đến những ngày cuối đời.

– Thế thì cha thật ngốc nghếch. – Bà ta nói – Tôi cũng cho rằng có những cái quan trọng hơn các ả nhân tình, nhưng vai trò cái bình của Chúa không nằm trong số đó. Kỳ lạ thật. Chưa bao giờ tôi nghĩ rằng cha sốt mẩn đạo đến như thế. Tôi có cảm giác

rằng những nghi ngờ cũng không xa lạ với cha.

– Những cái đó cũng không xa lạ với tôi. Người nào có suy nghĩ mà lại không biết nghi ngờ? Vì thế đôi khi tôi cũng cảm thấy trống rỗng. – Cha phóng tầm mắt qua phía trên đầu bà ta, nhìn một cái gì mà mắt bà ta không thấu tới được. – Bà có biết rằng tôi sẽ từ bỏ mọi ham muốn của mình, mọi dự định háo danh miễn là trở thành một linh mục thật sự hoàn hảo không?

– Sự hoàn hảo về bất cứ điều gì cũng chán chết đi được! – Mary Carson nói. – Còn về tôi thì thiếu hoàn hảo một chút tôi lại thích hơn.

Cha bật cười, nhìn bà ta với vẻ thán phục và không chút ghen tị. Khỏi phải nói, Mary Carson là một phụ nữ xuất chúng!

Ba mươi ba năm trước bà ta góa chồng, đưa con trai duy nhất của bà ta chết từ lúc còn ấu thơ. Do địa vị đặc biệt của mình trong xã hội Gillanbone, bà ta không ưng thuận ngay cả những kẻ háo danh nhất muốn cầu hôn và chinh phục trái tim bà ta. Bởi vì là vợ góa của Michael Carson, đương nhiên bà ta là bà hoàng của những vùng này, còn nếu đi lấy một người nào đó, bà ta sẽ phải trao quyền cho người đó về tất cả sản nghiệp của mình. Không, chơi cây đàn thứ hai trong cuộc đời không phải là việc của Mary Carson. Bà ta khước từ những thú vui xác thịt, thích làm bà chúa chuyên quyền hơn. Còn về việc kiếm một người tình thì không nên nghĩ gì đến ở Gillanbone, những chuyện ngòi lê đôi mách truyền đi nhanh như điện. Mà bà ta hoàn toàn không khao khát chứng tỏ rằng bà ta không xa lạ với sự yếu đuối của con người.

Nhưng bây giờ bà ta đã khá già, người ta vẫn cho rằng đây là cái tuổi mà những thôi thúc về xác thịt đã lùi vào dĩ vãng. Nếu vị

linh mục trẻ tuổi mới đến luôn luôn mẫn cán làm bổn phận cha linh hồn của bà ta và bà ta thưởng cho lòng nhiệt thành của cha những món quà nhỏ như chiếc ô tô thì chẳng có gì là không phải phép. Suốt đời mình, Mary Carson là chỗ dựa không gì lay chuyển được của nhà thờ công giáo, bà ta ủng hộ chu đáo xứ đạo của mình và cha xứ, ngay cả khi cha Kelly vừa đọc kinh cầu nguyện trong buổi lễ vừa nấc lên vì say rượu. Bà ta không phải là người duy nhất ái mộ người thế chân cha Kelly: cha Ralph de Bricassart xứng đáng được toàn thể giáo dân quý trọng, điều này thì người giàu cũng như người nghèo đều nhất trí. Nếu giáo dân ở các vùng xa không thể đến Gilly trình cha thì cha thân hành đến thăm họ, hồi Mary Carson chưa tặng chiếc ô tô thì cha đi ngựa. Do tính nhân nại và nhân hậu của cha, mọi người đều có thiện cảm với cha, một số người thành thật yêu mến cha. Martin King ở Bugela không tiếc tiền mua sắm đồ đạc mới cho ngôi nhà ở của nhà chung, Dominic O'Rourke ở Dibban – Dibban trả tiền thuê một bà quản gia tuyệt vời.

Vậy là, ngự trên bệ cao tuổi tác và địa vị của mình, Mary Carson tha hồ thường xuyên gặp gỡ cha Ralph mà không e ngại gì, thật là thú vị được đua tài sắc sảo với một đối thủ cũng tinh nhạy như thế, thật là thú vị khi vượt được ông ta về trí sáng suốt – thực ra chưa bao giờ bà ta tin chắc là mình thực sự vượt hơn ông ta.

– Này nhé, cha vừa nói rằng vị khâm mạng giáo hoàng chắc là không mấy khi nhớ đến xứ đạo xa xôi như thế, – bà ta vừa nói vừa ngồi lọt sâu hơn nữa vào ghế bành. – Vậy thì theo ý cha, cái gì có thể làm cho đức cha thánh thiện này sững sốt đến nỗi Ngài đã làm cho Gilly thành cái trục hoạt động của mình?

Cha Ralph nhếch mép cười không vui.

– Quả tình là tôi không biết. Có cái gì phi thường chẳng? Việc bất ngờ cứu được một nghìn linh hồn một lúc, cái tài chữa lành những người thọt và người mù đột nhiên bộc lộ ra... Nhưng thời của phép màu đã qua rồi.

– Này, thôi đi, điều đó thì tôi rất lấy làm ngờ. Chẳng qua là Chúa trời đã thay đổi kỹ thuật. Ngày nay ngài sử dụng đồng tiền.

– Bà là một phụ nữ trâng tráo! Có lẽ vì thế mà tôi rất mến bà, Mrs. Carson ạ.

– Tên tôi là Mary. Xin cứ gọi tôi là Mary thôi.

Cô hầu phòng Minnie đẩy cái bàn trà vào phòng đúng lúc cha de Bricassart thốt lên:

– Cám ơn bà, Mary.

Trước những chiếc bánh tráng nóng hổi và bánh mì rán với cá trống, Mary Carson thở dài:

– Tôi muốn hôm nay cha cầu nguyện cho tôi sốt sáng gấp đôi, cha Ralph quý mến ạ.

– Xin gọi tôi là Ralph thôi. – Cha nói, đoạn nói thêm, không phải không có phần ranh mãnh: – Quả tình tôi không biết tôi có thể cầu nguyện cho bà nhiệt tâm hơn mọi khi không, nhưng tôi sẽ thử xem.

– Ôi, cha có duyên quá đi thôi! Hay đấy là lời ám chỉ độc địa? Nói chung tôi không thích sự phỉnh nịnh lộ liễu, nhưng với cha thì không bao giờ biết rõ được – có lẽ trong sự lộ liễu đó có ẩn một ý nghĩa sâu hơn chẳng? Một thứ mời như nào đó, một túm cỏ trước mũi con lừa. Thực ra cha nghĩ về tôi, cha de Bricassart?

Điều đó chẳng bao giờ tôi nhận ra, cha chẳng bao giờ thiếu tế nhị đến mức nói thật với tôi, phải thế không? Thật là đáng yêu, thật là hấp dẫn... Nhưng cha có trách nhiệm cầu nguyện cho tôi. Tôi già rồi và phạm nhiều tội lỗi.

– Tất cả chúng ta đều không trẻ lại được, và tôi cũng có tội lỗi.

Bà ta bật lên tiếng cười cụt lủn.

– Tôi sẵn lòng trả một giá đắt để biết những tội lỗi của cha! Đúng thế đấy, cha có thể tin như vậy! – Bà ta im lặng một lát, rồi đột ngột chuyển sang chuyện khác: – Tôi lại không còn người quản cừu nữa rồi.

– Lại thay nữa ư?

– Năm ngoái đã thay năm người. Ngày càng khó tìm người làm tử tế.

– Nhưng nghe đồn bà chủ cũng không lấy gì làm ân cần và hào phóng cho lắm.

– Xác xược chưa! – Bà ta la lên và bật cười. – Thế ai mua cho cha chiếc “Daimler” còn mới để cha khỏi phải đi ngựa.

– Đúng, nhưng tôi cầu nguyện nhiệt tâm như thế cho bà được rỗi linh hồn kia mà!

– Giá như Michael có được một nửa trí tuệ và sự cứng rắn của cha thì chắc là tôi sẽ yêu ông ấy. – Mary Carson bỗng nói. Mặt bà ta trở nên dữ tợn và đầy vẻ khinh miệt. – Cha nghĩ sao, tôi không có ai là ruột thịt và tôi phải để lại tiền bạc và đất đai của tôi cho nhà thờ chẳng?

– Tôi chẳng biết gì về chuyện này, – cha Ralph điềm tĩnh trả lời và rót thêm trà cho mình.

– Xin lưu ý rằng tôi có người em trai, một ông bố tốt số có nhiều con trai.

– Rất mừng cho bà. – Linh mục tuyên bố hết sức nghiêm trang.

– Khi tôi đi lấy chồng, tôi không có một xu dính túi. Và tôi biết rằng ở Ireland, tôi không thể may mắn thay đổi được thân phận mình bằng cách kiếm một tấm chồng: ở đây, muốn cầu được một ông chồng giàu thì mình phải là người được giáo dục chu đáo, con nhà dòng dõi và có những mối quen biết. Tôi làm lụng như một con tù khổ sai cho đến khi tích được đủ tiền mua vé đến một nước mà những người phong lưu không kĩ tính lắm. Khi đến đây, tôi chỉ có khuôn mặt cùng với thân hình và nhiều trí tuệ hơn mức người ta thường chờ đợi ở một người đàn bà, như vậy là đủ để vô được gã nhà giàu gốc ghêch Michael Carson. Y mê say tôi đắm đuối cho đến lúc chết.

– Vậy còn em trai bà thì sao? – Cha Ralph nhắc, vì tưởng bà đã quên đoạn vào đầu.

– Em trai tôi kém tôi mười một tuổi, vậy là bây giờ chú ấy năm mươi tư. Cả nhà tôi chỉ còn có hai người. Tôi gần như không biết nó; khi tôi rời khỏi Galway nó còn nhỏ tuổi. Bây giờ nó ở New Zealand, nhưng nếu nó chuyển đến đây để tìm cách làm giàu thì nó không thành công được. Tối hôm qua, khi người chăn gia súc từ trại đến trình với tôi rằng Arthur Teviot gói ghém hành lý và đòi tính công xá thì tôi chợt nghĩ đến Padraic. Tôi đang về già, vậy mà bên cạnh tôi không người ruột thịt nào cả. Còn Paddy thì có kinh nghiệm. Chú ấy biết khai thác đất đai, nhưng không có đất và chẳng có tiền mua đất. Tôi mới nảy ra ý nghĩ rằng tại sao

không viết thư bảo chú ấy đến đây và đưa cả các con trai đến. Sau khi tôi chết thì cả Drogheda và “Michar Limited” sẽ là của chú ấy, dù sao chú ấy là người ruột thịt duy nhất gần tôi hơn bất cứ người họ hàng nào ở Ireland, loại họ hàng xa lắc xa lơ mà thậm chí tôi không hề biết họ.

Bà ta mỉm cười.

– Chờ đợi thì thật khờ dại, phải không? Ở đâu cũng vẫn làm ăn, chú ấy có thể đến thẳng đây ngay bây giờ, tập cho quen nuôi cừu trên đồng bằng đất đen của chúng ta, đây không phải là New Zealand, mọi cái đều khác. Như thế sau khi tôi qua đời, chú ấy sẽ cảm thấy hoàn toàn bình tĩnh trong vai trò ông chủ.

Bà ta cúi đầu xuống và liếc ngang chăm chú nhìn linh mục bằng con mắt tinh tường.

– Lạ thật, sao bà không nghĩ đến chuyện ấy từ trước nữa. – Cha nói.

– Tôi có nghĩ đấy. Nhưng cho đến thời gian gần đây, tôi hoàn toàn không muốn để lũ dòi bọ chỉ rình cho tôi chết đi. Còn bây giờ hình như giờ chết của tôi đang đến gần, tôi có cảm giác rằng... ờ, mà tôi chẳng biết nữa. Có lẽ sẽ dễ chịu khi xung quanh không phải là những người xa lạ, mà là người máu mủ ruột thịt.

– Có chuyện gì vậy, bà có cảm giác là bà ốm nặng chẳng? – Cha Ralph hỏi nhanh và mắt cha lộ vẻ lo ngại thật sự.

Mary Carson nhún vai.

– Tôi hoàn toàn khỏe mạnh. Nhưng khi đã đến tuổi sáu mươi lăm thì vẫn có cái gì bất thường. Bỗng nhiên ta hiểu: tuổi già không phải là cái gì đó có thể xảy ra với ta, mà là cái đã xảy ra rồi.

– Vâng, tôi hiểu, bà có lý. Bà sẽ được khuây khỏa khi nghe

thấy trong nhà vang lên những giọng nói trẻ trung.

–Ồ không, họ sẽ không ở đây. – Bà ta bác lại. – Họ sẽ ở ngôi nhà của người quản cừu bên sông, cách xa tôi một chút. Tôi chẳng thú gì trẻ con và tiếng la hét của trẻ con.

– Bà đối xử với người em trai duy nhất như thế mà không biết ngượng ư, Mary, tuy ông ấy ít tuổi hơn bà nhiều?

– Chú ấy sẽ thừa hưởng toàn bộ tài sản của tôi, vậy thì trước hết hãy lao động đi đã, – Mary Carson nói sảng giọng.

* * *

Một tuần trước khi Meggie tròn chín tuổi, Fiona Cleary sinh thêm một con trai nữa, nhưng trước đó chị cho rằng chị may mắn: mấy năm trời không có thêm đứa nào nữa, chỉ có hai lần sẩy thai. Mới chín tuổi Meggie đã thành người giúp việc thực sự. Còn Fiona đã ngoài bốn mươi, không còn trẻ trung gì, chữa đẻ đã là việc quá sức chị. Và thằng Harold sinh ra đã yếu đuối; lần đầu tiên trong đời sống của gia đình, bác sĩ thường xuyên đến nhà.

Như thường tình, tai họa nối tiếp tai họa. Sau chiến tranh, trong nông nghiệp sự phồn thịnh nhường chỗ cho suy thoái. Ngày càng khó tìm việc làm.

Một buổi tối, sau bữa ăn, ông già Angus MacWhirter đem đến nhà Cleary một bức điện và Paddy hay tay run run mở ra xem: những bức điện thường không đem đến tin lành. Bọn trẻ con trai chen chúc xung quanh, riêng Frank cầm lấy chén trà và ra khỏi phòng ăn. Fee đưa mắt nhìn theo và quay lại khi nghe thấy Paddy kêu lên một tiếng.

– Có chuyện gì vậy? – Chị hỏi.

Paddy nhìn tờ giấy bằng cặp mắt như thể nó báo tin ai qua đời.

– Đây là điện của Archibald, ông ta không cần chúng ta nữa.

Bob hung hăng đấm tay xuống bàn đánh rầm một cái: đã từ lâu nó mơ ước được cùng đi với bố, làm thợ phụ xén lông cừu và việc đó phải được khởi đầu ở trại của Archibald.

– Tại sao ông ta lại chơi xỏ chúng ta như vậy, hả ba? Lẽ ra ngày mai chúng ta bắt đầu làm rồi kia mà!

– Ông ta không viết rõ tại sao, Bob ạ. Chắc là có một thằng khốn kiếp nào nhận làm lấy công rẻ hơn và hớt tay trên của ta.

– Ôi chao, Paddy. – Fee thở dài.

Trong cái nôi cạnh bếp thằng bé Hal cất tiếng khóc, nhưng Fee chưa kịp nhúc nhích thì Meggie đã ở cạnh nó. Frank trở lại, tay cầm chén trà đứng trên ngưỡng cửa và nhìn bố không dứt.

– Hừ, rõ ràng là tôi sẽ phải đến nói chuyện với Archibald thôi.

– Cuối cùng Paddy nói. – Bây giờ tìm chỗ làm khác thì muộn rồi, nhưng ông ta phải giải thích rõ ràng tại sao ông ta lại chơi xỏ tôi như vậy. Ta hãy hy vọng rằng tạm thời ta sẽ tìm được việc vắt sữa ở nơi nào đó, rồi đến tháng bảy thì sẽ bắt đầu xén lông cừu ở trại Willoughby.

Từ đồng tã lót để ở cạnh bếp lò cho ấm, Meggie lôi ra một chiếc tã, trải cẩn thận trên chiếc bàn làm việc, bế đứa em đang khóc ra khỏi cái nôi đan. Trên đầu nó là một túm tóc thưa thớt, rục rờ ánh vàng, hệt như tất cả các con Cleary. Meggie thay tã lót cho em nhanh nhẹn và khéo léo không kém gì mẹ.

– Mẹ Meggie bé bỏng. – Frank trêu ghẹo.

- Nói thế! – Cô bé cúi kính đáp lại. – Em chỉ giúp mẹ thôi chứ.
- Anh biết, – Frank dịu giọng nói. – Em của anh tinh khôn lắm, bé Meggie ạ.

Cậu kéo dải băng bằng lụa trắng ở gáy em và vén nó về một bên.

Meggie ngược đôi mắt to màu xám nhìn anh với niềm yêu thương vô hạn. Phía trên mái đầu bé nhỏ lắc lư của đứa hài nhi, gương mặt con bé nom gần như người lớn. Trái tim Frank se lại: tại sao cái việc đó lại trút lên vai nó, bản thân nó vẫn còn là con nít, lẽ ra nó chỉ chăm bẵm búp bê thôi, nhưng bây giờ búp bê đã bị quên lãng, bị tống vào buồng ngủ. Nếu như không vì Meggie và mẹ thì Frank đã bỏ nhà ra đi từ lâu rồi. Cậu cau có nhìn bố: đây chính là kẻ có lỗi đã làm cho gia đình thêm một sinh mạng nữa và mọi việc lộn nhào hết. Bây giờ ông bố không được nhận vào làm ở cái trại mà xưa nay ông vẫn xén lông cừu, thế là đáng đời.

Không hiểu sao, những đứa em trai khác cũng như cả Meggie đều không gọi cho cậu những ý nghĩ như Hal. Nhưng lần này, khi eo lưng mẹ bắt đầu phình ra thì Frank đã đủ tư cách là người lớn, chính cậu đã có thể lấy vợ và làm bố. Mọi người, trừ bé Meggie, đều cảm thấy ngỡ ngàng, đặc biệt mẹ. Mấy đứa con trai bé nhìn trộm mẹ, và mẹ sợ sệt co rúm người lại, then thùng đưa mắt nhìn đi nơi khác và không thể chịu đựng nổi cái nhìn của Frank. Không một người phụ nữ nào đáng phải chịu cực chịu khổ như thế, lần thứ một nghìn Frank tự nhủ như vậy khi nhớ tới tiếng rên la vang ra từ buồng ngủ của mẹ trong cái đêm Hal ra đời. Frank lúc ấy đã là người lớn, không bị đưa sang các nhà hàng xóm như những đứa kia. Còn bây giờ bố mất việc, bị tống cổ đi, đáng đời

ông ta. Người đứng đắn thì đã để cho vợ yên thân.

Người mẹ nhìn Paddy qua suốt cả cái bàn dài, dưới ánh sáng ngọn đèn điện mới mắc, mái tóc của chị hệt như bó sợi bằng vàng, khuôn mặt trông nghiêm đều đặn đẹp không thể tả được. Duyên có làm sao mà một phụ nữ kiều diễm duyên dáng nhường ấy lại đi lấy một gã lang thang, thợ xén lông cừu sinh trưởng ở vùng đầm lầy Galway? Và chị hoài đời ở đây, cũng như bộ đồ ăn bằng sứ mỏng mảnh của chị, những tấm khăn bàn bằng vải gai đẹp đẽ và những tấm thảm Ba Tư trong phòng khách, chẳng ai nhìn thấy những thứ đó vì vợ những người như Paddy lánh chị. Trước mặt chị, họ ngượng ngập họ bỗng nhận thấy họ hay la lối quá, họ quê kệch và không biết dùng bộ đồ ăn thế nào nếu trong đó có quá một cái đĩa.

Đôi khi, ngày chủ nhật, bà mẹ ngồi một mình trong phòng khách, bên cỗ đàn *clavecin*^[24] bé nhỏ cạnh cửa sổ và chơi đàn, mặc dù do không có lúc nào rảnh rỗi để tập luyện, ngón tay chị đã mất sự lẹ làng từ lâu và bây giờ chị chỉ chơi được những vở kịch ngắn hết sức đơn giản. Trong những giờ như thế, Frank nấp dưới cửa sổ trong bụi tử đinh hương và loa kèn, nhắm mắt lại mà nghe. Khi ấy cậu mừng tượng thấy mẹ mặc chiếc áo dài lướt thướt lộng lẫy bằng hàng ren màu hồng nhạt hết sức mềm mại, ngồi bên chiếc đàn *clavecin* trong căn phòng lớn màu ngà voi dưới ánh hào quang lung linh của những cây nến, trên cái giá nến trắng lệt. Hình ảnh ấy khiến cậu muốn khóc, nhưng bây giờ cậu không bao giờ khóc nữa – kể từ buổi tối đáng ghi nhớ ấy trong nhà kho, từ khi cảnh sát bắt cậu trở về nhà.

Meggie lại đặt Hal vào nôi và đến chỗ mẹ. Cả con bé này cũng sẽ hoài đời. Cũng đáng hình trông nghiêm thanh tú kiều kỳ như

thế; cả đôi tay cũng như cái thân hình còn hoàn toàn trẻ con của nó cũng có cái gì thừa hưởng của mẹ. Lớn lên nó cũng sẽ giống mẹ như đúc. Và ai sẽ lấy nó? Cũng lại một gã thợ xén lông cừu người Ireland nào đó hay một thằng cha thô lỗ đàn độn ở gần Wahine ư? Nó đáng được hưởng một số phận tốt đẹp nhất, nhưng nó sinh ra không phải để lãnh nhận cái tốt đẹp nhất. Không có lối thoát nào cả, mọi người đều nói như thế, mỗi một năm càng thấy rõ một cách không thể cứu vãn được rằng đây là sự thật.

Bấy giờ cảm thấy cái nhìn của Frank, cả Fee và Meggie đều quay lại, tặng cho Frank nụ cười triu mến khôn tả, phụ nữ chỉ cười như thế với những người yêu quý nhất. Frank đặt cái chén lên bàn và ra ngoài cho chó ăn. Giá như cậu có thể khóc hoặc giết một người nào! Muốn ra sao thì ra, miễn là thoát khỏi nỗi đau đớn này.

* * *

Ba ngày sau Paddy mất việc ở trại của Archibald thì có thư của Mary Carson. Anh đọc ngay ở bưu điện Wahine khi vừa nhận được và nhảy chân sáo trở về nhà như đứa trẻ con.

– Chúng ta sẽ đi Úc! – Anh gào lên và vung vẩy tờ giấy vellum^[25] quý giá trước cả gia đình đang sững sờ.

Im lặng, mọi con mắt đổ dồn vào Paddy. Ánh mắt Fiona lộ vẻ sợ hãi, ánh mắt Meggie cũng thế, nhưng mắt những thằng bé bùng lên niềm vui sướng, còn mắt Frank rục lên như hai hòn than.

– Paddy, nhưng tại sao bà ta bỗng nhớ tới mình sau ngàn ấy

năm? – Đọc xong bức thư, Fee hỏi. – Không phải ngày hôm qua bà ta mới giàu và sống một thân một mình. Tôi không nhớ có lần nào bà ta ngỏ ý giúp đỡ chúng ta.

– Hình như bà ấy sợ phải chết trong cảnh cô đơn, – Paddy nói, không chỉ cốt làm cho vợ yên tâm, mà cho cả mình nữa. – Mình thấy bà ta viết đầy chữ: *“Tôi không còn trẻ nữa, chú và các con trai của chú là người thừa kế tài sản của tôi. Tôi nghĩ rằng chúng ta nên gặp nhau trong lúc tôi còn sống, đã đến lúc chú cần học cách quản lý tài sản mà chú được thừa kế. Tôi định để chú làm người quản cũu, đấy là cách thực tập tốt nhất, các con trai lớn của chú có thể làm người chẵn cũu. Drogheda sẽ trở thành một cơ sở sản xuất gia đình, sẽ có thể không cần dùng đến người ngoài”*.

– Thế bà ta không viết gì về việc bà ta sẽ gửi tiền đi đường cho chúng ta à? – Fee hỏi.

Paddy vươn thẳng người. Anh nói sảng giọng:

– Tôi không nghĩ đến chuyện vùi vĩnh bà ta! Chúng ta sẽ đến Úc bằng tiền của mình. Tôi có dành dụm được một ít, đủ dùng.

– Nhưng theo ý tôi, bà ta nên trả phí tổn đi đường cho chúng ta. – Fee khẳng khẳng nhắc lại, khiến cả nhà ngạc nhiên và bối rối: chị không hay cãi lại chồng. – Vì lẽ gì mình vứt bỏ hết mọi thứ ở đây và đến làm cho bà ta chỉ vì bà ta hứa hẹn với mình điều gì đó trong thư? Trước đây không một lần nào bà ta nhúc nhích lấy một ngón tay để giúp đỡ chúng ta, tôi không tin cậy bà ta. Tôi chỉ nhớ mình luôn luôn nói rằng trên đời này mình chưa từng thấy kẻ nào keo kiệt như bà ta. Paddy ạ, xét cho cùng, mình hầu như không quen biết bà ta, mình ít tuổi hơn bà ta nhiều, bà ta sang Úc khi mình còn chưa đi học kia mà.

– Theo ý tôi tất cả những điều đó bây giờ không quan trọng gì nữa, mà nếu bà ta có ki bo một chút thì tài sản để lại chúng ta càng nhiều chứ sao. Không, Fee ạ, chúng ta sẽ đi Úc và sẽ tự lo lấy chi phí đi đường.

Fee không bàn cãi nữa. Và nhìn mặt chị, không thể hiểu được chị có bức tức vì chồng cứ nhất định một mực theo ý riêng không.

– Ura, chúng ta đi Úc! – Bob reo lên và vồ lấy vai bố, Jack, Hughie và Stuart nhảy lên vì hoan hỉ, còn Frank mỉm cười, mãi mê nhìn cái gì ở ngoài những bức tường căn buồng này mà chỉ mình cậu nhìn thấy. Riêng có Fiona và Meggie vẫn ngờ vực và sợ hãi, hai mẹ con khắc khoải hy vọng rằng ý định ấy có thể sẽ bị hủy bỏ: vẫn những lo âu bận rộn ấy đang chờ đợi họ, thế mà mọi cái xung quanh đều sẽ xa lạ, không quen thuộc.

– Gillanbone là ở đâu nhỉ? – Stuart hỏi.

Họ lôi ra một tập bản đồ địa lý cũ. Tuy gia đình luôn luôn túng thiếu, nhưng ở bếp phía sau bàn ăn có mấy giá sách. Mấy thằng bé chúi mũi vào những tờ giấy đã ố vàng với thời gian và cuối cùng đã tìm thấy New South Wales. Đã quen với những khoảng cách nhỏ ở New Zealand, họ không nghĩ tới việc đối chiếu với tỷ lệ ghi ở góc phía dưới bên trái tấm bản đồ. Tất nhiên họ quyết đoán rằng New South Wales không to hơn đảo Bắc của New Zealand. Ở góc bên trái phía trên tấm bản đồ đã tìm thấy cả Gillanbone – có lẽ nó cách Sydney không xa hơn khoảng Wanganui và Auckland, tuy những vòng tròn và những chấm – các thành phố – ít gặp hơn nhiều so với bản đồ Đảo Bắc.

– Tấm bản đồ này cũ lắm rồi. – Paddy nói. – Úc giống như Mỹ, nó không phát triển từ từ, mà nhảy vọt. Bây giờ ở đây chắc hẳn có

nhiều thành phố hơn.

Đi tàu thủy sẽ phải lấy vé hạng tư, nhưng chẳng sao, vền vện có ba ngày thôi mà. Đâu phải đẳng đẳng hàng tuần như khi từ Anh sang bán cầu kia. Chỉ có thể mang theo áo quần, bát đĩa, chăn đệm, đồ dùng làm bếp và thứ của báu này – sách; giường tủ thì phải bán, không thì không đủ tiền để chuyên chở số đồ vật ít ỏi bày biện phòng khách của Fiona – chiếc đàn *clavecin* của chị, thảm, ghế.

– Tôi không để cho mình từ bỏ những thứ đó đâu. – Paddy tuyên bố dứt khoát với vợ.

– Nhưng khoản phí tổn ấy có vừa túi chúng ta không?

– Khỏi lo. Còn về các đồ đạc khác thì Mary viết rằng họ sẽ chuẩn bị cho chúng ta ngôi nhà của người quản cừu trước kia, ở đấy có tất cả những gì chúng ta có thể cần đến. Tôi lấy làm mừng rằng chúng ta không phải sống chung dưới một mái nhà với bà ta.

– Tôi cũng thế, – Fee nói.

Paddy đi Wanganui và lấy vé ngăn buồng tám chỗ hạng tư trên tàu “Wahine”; kỳ lạ, con tàu cùng tên với thành phố gần họ nhất. Tàu khởi hành vào cuối tháng tám, và ngay từ đầu tháng mọi người đã bắt đầu hiểu rằng quả thực đang xảy ra một biến cố trọng đại. Cần phải bán chó, bán ngựa, cỗ xe hai bánh, chất bàn ghế giường tủ lên xe tải của ông già Angus MacWhirter và đem đi bán ở Wanganui, còn một số đồ vật thuộc số hồi môn của Fiona thì đóng gói cùng với bát đĩa, chăn đệm, sách và đồ dùng làm bếp.

Frank bắt gặp mẹ ở cạnh cỗ đàn *clavecin* cổ xinh đẹp – mẹ vuốt

ve lớp gỗ màu hồng nhạt có đường vân mảnh và trầm ngâm nhìn những vết thép vàng để lại bụi phấn trên ngón tay.

– Cây đàn *clavecin* này xưa nay vẫn là của mẹ ư, hả mẹ? – Frank hỏi.

– Ừ. Người ta không thể lấy được đồ vật riêng của mẹ khi mẹ đi lấy chồng. Cây đàn *clavecin* này, những tấm thảm Ba Tư, chiếc đi văng và những chiếc ghế theo kiểu thời Louis mười lăm, cái bàn viết nhỏ thời Nhiếp chính. Không nhiều nhận gì, nhưng tất cả những cái đó, theo luật định, là của mẹ.

Cặp mắt xám buồn rầu của chị lướt qua bên Frank, nhìn lên tường, nhìn bức chân dung sơn dầu – thời gian đã làm cho màu sắc hơi nhạt đi, nhưng vẫn còn có thể nhận rõ một người phụ nữ tóc vàng óng ánh mặc bộ y phục lộng lẫy bằng hàng ren màu hồng nhạt hết sức mềm mại – chiếc váy phòng và vô số đường viền.

Frank quay lại và cũng nhìn bức chân dung.

– Người nào đấy, hả mẹ? – Frank hỏi với vẻ tò mò. – Con vẫn muốn hỏi mẹ từ lâu rồi.

– Một phu nhân quyền quý.

– Chắc là có họ hàng với mẹ. Hao hao giống mẹ.

– Mẹ và bà ấy là chỗ họ hàng ư? – Fee ngừng ngắm bức chân dung và nhìn con trai với vẻ giấu cợt. – Chẳng lẽ nom mẹ mà mừng tượng được là mẹ có thể có người họ hàng như thế ư?

– Vâng.

– Nghĩ lại đi, đầu óc con rối loạn đấy.

– Mẹ nên kể cho con rõ mọi chuyện đúng thực là thế nào đi,

mẹ ạ.

Fee thở dài, đóng nắp đàn *clavecin*, phủ bụi phấn vàng ở ngón tay.

– Chẳng có gì mà kể, chẳng có gì hết. Hãy giúp mẹ chuyển những đồ vật này ra giữa phòng, rồi ba sẽ đóng gói.

Việc di chuyển quả là một khổ hình thực sự. Ngay từ trước khi tàu “Wahine” rời khỏi cảng Wellington, cả nhà đã say sóng biển và cơn say sóng chỉ hoàn toàn buông thả họ khi tàu đã bỏ lại đằng sau một ngàn hai trăm hải lý biển mùa đông bão tố. Paddy đưa các con trai lên boong và giữ chúng ở đấy, trong gió quất dữ dội và chốc chốc bọt sóng lại tấp lên, chỉ khi có một người nào tốt bụng nhận trông nom giúp những đứa con trai khốn khổ mệt phờ vì nôn mửa, anh mới xuống khoang buồng tàu thăm vợ, con gái và đứa hài nhi. Frank cũng khao khát một hộp không khí tươi mát, nhưng cậu vẫn ở lại với mẹ và Meggie. Ngăn buồng tàu ngọt ngào nồng nặc mùi dầu hỏa, nó ở dưới đường mớn nước, gần mũi và chòng chành rất dữ.

Sau mấy giờ đi biển đầu tiên, Frank và Meggie đinh ninh là mẹ sắp chết. Bác sĩ, do người nhân viên phục vụ đầy lo lắng mới từ khoang hạng nhất xuống, rầu rĩ lắc đầu:

– Còn may là chuyến đi không dài. – Ông nói và bảo cô y tá đem sữa đến cho đứa hài nhi.

Giữa những cơn say sóng biển, Frank và Meggie đã khéo tìm cách cho Hal bú sữa bằng chai (tuy nó cưỡng lại, không chịu ngậm đầu vú). Fiona không nôn nữa, chị nằm như chết, và người nhà không thể làm cho chị tỉnh lại. Stuart giúp Frank đặt mẹ lên tầng giường trên, ở đó dễ thở hơn, và Frank áp chặt chiếc khăn

tay vào miệng vì chính cậu cũng hơi rộn rục muốn lộn mửa, cậu ngồi ghé xuống mép giường và vén đám tóc vàng óng ánh trên trán mẹ. Dù yếu mệt thế nào đi nữa, cậu vẫn ở vị trí của mình hàng giờ; lần nào Paddy cũng bắt gặp trong ngăn buồng tàu vẫn cảnh tượng ấy: Frank ngồi cạnh mẹ và vuốt tóc mẹ, còn Meggie, miệng nhét chiếc khăn tay, co quắp ở giường dưới, cạnh Hal.

Ba giờ sau khi tàu dừng ở Sydney, biển lặng, và chiếc tàu thủy già nua chìm ngập trong sương mù từ Nam cực xa xôi lên tới trên mặt nước phẳng lặng như gương. Còi lại rú lên, và Meggie đã hơi hồi tỉnh, tưởng chừng bây giờ khi những đòn va đập dữ dội vào thành tàu đã ngừng hẳn, con tàu già nua gào lên vì đau đớn. “Wahine” ì ạch len lén di chuyển trong sương mù màu xám quện dính, như con thú bị truy lùng, và từ chỗ nào phía trên lại vọng xuống tiếng gào khàn khàn, đơn điệu, cô đơn, tuyệt vọng, buồn nản vô cùng. Rồi tất cả xung quanh tràn ngập những tiếng gào cũng đau đớn buồn như vậy, chúng lướt trên mặt nước cuộn cuộn những vòng sương mù xoáy ốc hư ảo, lọt vào bến. Meggie nhớ suốt đời những tiếng còi trong sương mù ấy khi nước Úc đón tiếp nó.

Paddy bế vợ lên khỏi tàu, theo sau anh là Frank bế đứa nhỏ, Meggie mang chiếc va ly, mỗi thằng bé kéo lê một thứ hành lý gì đó vừa đi vừa vấp một cách mệt mỏi. Họ đến Pyrmont – tên của nó không nói với họ điều gì, – vào một buổi sáng mùa đông sương mù, cuối tháng tám 1921. Tiếp sau cái mái che bằng tôn khổng lồ ở bến là một chuỗi bất tận xe tắc xi đang chờ. Meggie mở to mắt ngạc nhiên, chưa bao giờ nó thấy nhiều ô tô như vậy cùng một lúc. Paddy cố nhét bừa cả gia đình vào một chiếc xe, người lái xe nhận đưa họ đến cung điện nhân dân.

– Chỗ ấy hợp với anh hết ý, anh bạn ạ. – Anh ta giải thích. – Đại loại là một khách sạn cho người lao động, mà các bà chủ ở đấy là thuộc “Đạo quân cứu thế”^[26].

Phố phường nhan nhản ô tô phóng vun vút, dường như cùng một lúc phóng về mọi phía; hầu như không thấy ngựa. Từ các cửa kính xe tắc xi, lũ con Cleary mê thích nhìn những ngôi nhà gạch cao vót, những phố hẹp ngoằn ngoèo, chúng sửng sốt thấy những đám tụ tập và tan đi nhanh chóng như thực hiện một nghi thức kỳ quặc nào của thành phố. Wellington gợi nên cho chúng sự kính trọng, nhưng so với Sydney thì cả đến Wellington cũng chỉ như một thị trấn hẻo lánh.

Trong lúc Fiona nghỉ ngơi tại một trong vô số ngăn tổ của cái tổ ong khổng lồ – nhà của “Quân cứu thế”, được gọi một cách triu mến là Cung điện nhân dân, thì Paddy định ra ga trung tâm thăm xem bao giờ có tàu hỏa đi Gillanbone. Những thằng bé đã hoàn toàn hồi tỉnh và vùi anh: chúng nghe nói chỗ đó không xa lắm và dọc đường đầy rẫy các cửa hàng, trong đó có một hàng bán hành biển tẩm đường. Paddy đành chiều chúng, lòng thầm ghen với sự mau lẹ của trẻ con, bản thân anh sau ba ngày say sóng đứng còn chưa vững hẳn. Frank và Meggie ở lại với mẹ và em bé, chúng cũng muốn đi lắm, nhưng đối với chúng, làm sao cho mẹ đỡ mệt còn quan trọng hơn nhiều. Tuy nhiên, trên mặt đất vững chắc, sức lực mau chóng trở lại với chị, chị uống một chén nước hầm thịt do đấng thiên thần hộ mệnh đội mũ trùm mang đến, thậm chí còn bẻ một miếng bánh mì rán. Đúng lúc ấy Paddy trở về.

– Fee ạ, nếu chúng ta không đi hôm nay thì phải đợi cả một tuần mới có chuyến tàu suốt tiếp theo. – Anh nói. – Ý mình thế nào, mình có đủ sức đi ngay tối nay không?

Fee run rẩy ngồi lên.

– Được thôi, tôi sẽ gắng chịu.

– Con cho rằng nên khoan đã. – Frank mạnh dạn xen vào. – Theo con, mẹ còn yếu lắm, chưa đi được đâu.

– Rõ ràng là con chưa hiểu, Frank ạ, nếu chúng ta bỏ lỡ chuyến này thì sẽ phải ở lại Sydney này suốt một tuần, ba không có tiền chi vào khoản đó. Úc là một nước lớn, không phải ngày nào cũng có chuyến tàu đến các nơi mà chúng ta cần đến. Ngày mai có ba chuyến tàu đi Dubbo, nhưng ở đây sẽ phải chờ tàu địa phương, người ta bảo ba rằng như thế chúng ta sẽ càng khổ hơn, chẳng thà gắng một chút mà đi ngay chuyến tàu suốt hôm nay còn hơn.

– Tôi gắng được mà, Paddy ạ. – Fee nhắc lại. – Frank và Meggie ở cạnh tôi thì tôi sẽ chẳng làm sao cả đâu.

Ánh mắt chị van vỉ Frank đừng nói gì nữa.

– Thế thì tôi sẽ đi đánh điện ngay để Mary đợi chúng ta vào ngày mai.

Ga trung tâm thật là đồ sộ, họ chưa bao giờ vào một tòa nhà như thế – cái ống trụ khổng lồ bằng kính dường như dội lại tiếng vang, đồng thời nuốt mất tiếng ồn ào và tiếng nói của hàng ngàn người đang chờ đợi cạnh những chiếc vali cũ nát chằng dây da hay dây thừng, mắt vẫn không rời khỏi tấm bảng chỉ dẫn mà các nhân viên nhà ga dùng những cây sào dài thay đổi tin tức các chuyến tàu. Trong bóng tối mỗi lúc một sậm lại, gia đình Cleary hòa lẫn với đám đông, mọi con mắt đều dán vào hàng chấn song sắt – cái cổng xếp mở theo đường rãnh dẫn tới đường ke số năm. Lúc này cổng đóng, nhưng trên cổng có treo tấm bảng có hàng

chữ viết tay: “Tàu thư Gillanbone”. Trên đường ke số một và số hai đang nhón nháo cả lên vì nhà ga báo tin những chuyến tàu nhanh đi Brisbane và Melbourne sắp khởi hành, và hành khách ứa ra ngoài. Chẳng bao lâu đã đến lượt cả gia đình Cleary – cánh cổng trước ga thu dồn lại như cỗ đàn xếp và người ta vội vã đổ vào sân ga.

Paddy tìm được một buồng toa hạng hai còn trống, anh để mấy đứa con trai lớn ngồi cạnh các cửa sổ, còn Fiona, Meggie và đứa nhỏ ngồi cạnh cửa lớn, cửa bị đẩy về một bên và sau cửa là một hành lang dài nối tất cả các buồng toa. Từ sân ga người ta nhìn vào cửa sổ, hy vọng tìm được chỗ còn trống, và lập tức tháo lui ngay khi thấy đông trẻ con đến thế. Đôi khi gia đình đông lại có ưu thế riêng của mình.

Ban đêm trời lạnh, phải tháo những tấm chăn choàng dùng khi đi đường buộc quấn quanh các vali; toa xe không được sưởi ấm, nhưng các thùng sắt đựng than cháy nóng đặt trên sàn tỏa nhiệt ra ngoài; còn thiết bị sưởi trong toa xe thì không ai trông mong. Ở Úc cũng như ở New Zealand chưa bao giờ có cái đó.

– Ba ơi, thế chúng ta đi có xa không? – Meggie hỏi khi tàu chuyển bánh, gõ nhịp và lắc lư trên vô số mối nối đường ray.

– Xa lắm chứ không phải như ta tưởng khi xem tấm bản đồ của chúng ta đâu, Meggie ạ. Sáu trăm mười dặm. Tối khuya ngày mai ta mới đến nơi.

Mấy thằng bé kêu lên ngạc nhiên, nhưng rồi chúng quên hết ngay, như bị bùa chài; ở bên ngoài, một đất nước thần kỳ nở rộ muôn ánh đèn: chúng dán mắt vào cửa sổ, hết dặm này đến dặm khác bay vút qua, trước mắt luôn luôn thấp thoáng những ngôi

nhà. Rồi tàu tăng tốc độ, những đóm đèn thưa dần và biến mất hẳn, chỉ có những tia lửa vút qua, bị cuốn theo trận gió đang gào thét. Rồi Paddy cùng các con trai ra hành lang để Fee có thể cho đứa nhỏ bú, và Meggie buồn rầu nhìn theo bố và các anh. Rõ ràng là đã qua rồi cái thời có thể không lúc nào xa rời các anh, sau khi Hal ra đời, cả cuộc sống của cô bé bị đảo lộn, em bị giam chân ở nhà hết như mẹ. Tuy nhiên em không oán giận, Meggie nghĩ – em là người chị tận tụy. Thằng bé kháu ghê – nó là niềm vui lớn nhất của Meggie, và còn một điều rất thích nữa là bây giờ mẹ đối xử với Meggie như với người lớn. Chẳng biết trẻ con từ đâu sinh ra, nhưng bé Hal thật đáng yêu hết sức. Meggie trao đứa em cho mẹ; lát sau tàu dừng lại và đỗ lâu vô cùng, thở phì phò mệt mỏi. Meggie rất muốn mở cửa sổ nhìn ra ngoài, nhưng trong buồng toa, mặc dù có những thùng than, vẫn mỗi lúc càng lạnh hơn.

Paddy vào, mang cho Fiona chén trà nóng, và chị đặt bé Hal đã ăn no ngủ khi xuống chiếc ghế dài.

– Chúng ta dừng ở đâu đấy? – Chị hỏi

– Nơi này gọi là Lũng Thượng. Cô bán hàng ở quán ăn nói rằng sẽ phải móc thêm cho chúng ta đầu toa thứ hai, không thì không thể vượt dốc đến Lithgow.

– Thế tôi có kịp uống hết chén trà này không?

– Còn mười lăm phút nữa. Frank sẽ mang bánh mì cặp nhân đến cho mình, còn tôi sẽ trông nom cho tất cả chúng nó đều được ăn. Bữa sau chỉ có thể ăn vào tối mịt, ở ga Blayney.

Meggie uống trà nóng pha đường cùng với mẹ và nuốt vội một mẩu bánh mì với bơ mà Frank mang tới, đột nhiên em bỗng nôn nao không thể chịu nổi. Frank đặt em gái nằm lên chiếc ghế dài,

dưới chân bé Hal, đắp chăn cho em, rồi cũng cẩn thận đắp chăn cho Fiona nằm dài trên chiếc ghế đối diện. Stuart và Hughie được xếp nằm trên sàn giữa những chiếc ghế dài, còn Bob, Frank và Jack thì Paddy bảo với vợ rằng anh sẽ đưa chúng đến buồng toa xa hơn một chút nữa dọc theo hành lang, sẽ nói chuyện với những người thợ xén lông cừu ở đó và mấy bố con sẽ ngủ ở đằng ấy. Đi tàu hỏa dễ chịu hơn đi tàu thủy nhiều, nghe thấy tiếng gió rít trên các dây điện báo, tiếng bánh xe thép gõ nhịp trong tiếng phì phì đều đều của hai đầu máy, đôi khi bánh xe rít lên một cách dữ tợn, ở những chỗ ngoặt đột ngột, tuồng như chúng sắp trật khỏi đường ray đến nơi và đang cố gắng bám cho chắc một cách tuyệt vọng; Meggie ngủ thiếp đi.

Buổi sáng họ đứng ngậy ra bên cửa sổ, sợ hãi, lo lắng: chưa bao giờ họ nghĩ rằng có thể có một cái gì như thế này trên cùng một hành tinh, với New Zealand. Thực ra, ở đây cũng là đồng bằng trải rộng nhấp nhô những ngọn đồi, nhưng ngoài ra không còn gì gợi nhớ đến quê nhà nữa. Mọi cái đều có màu gì như là nâu và xám, ngay cả cây cối! Dưới ánh mặt trời chói lòa, lúa mì mùa thu có màu ánh bạc pha sắc vàng, bông lúa rập rờn ngả theo chiều gió, chỉ có đây đó giữa những cánh đồng bất tận nổi lên những khoảnh rừng với những cây cao, khẳng khiu, lá màu xanh nhạt hay một rặng cây bụi cằn cỗi, xám xịt, bụi bặm! Fiona nhìn cảnh tượng đó với vẻ điềm tĩnh chịu đựng, nét mặt không thay đổi, nhưng Meggie mặt tái nhợt suýt phát khóc. Khủng khiếp làm sao cái sa mạc này, không một bờ giậu sống động, không một vệt xanh...

Mặt trời lên mỗi lúc một cao, và khí lạnh ban đêm nhường chỗ cho cái nóng nung đốt, con tàu vẫn âm ỉ phóng đi mỗi lúc một

xa, chỉ thỉnh thoảng dừng lại ở một thị trấn nhỏ bé nào đó, ở đây đầy xe đạp và xe ngựa kéo, nhưng hầu như không thấy ô tô. Paddy mở toang cả hai cánh cửa sổ, tuy bờ hóng bay vào và phủ lên mọi thứ; họ ngạt thở vì nóng nực, mồ hôi vã ra (họ mặc quần áo dày cột kín mít vì tưởng đâu thời tiết ở đây cũng như mùa đông ở New Zealand), da ngứa ngáy. Tưởng chừng chỉ ở địa ngục mới có cái mùa đông như thế này.

Tàu đến Gillanbone lúc hoàng hôn, đây là một vùng hết sức kỳ lạ: lèo tèo mấy cái nhà gỗ ọp ẹp và mấy cái nhà nhỏ bằng sắt tấm có nếp gợn, chỉ có độc một phố rộng, tẻ nhạt, bụi bặm, không chỗ nào có cây. Vàng mặt trời đang lặn dùng bút vẽ quét lên tất cả những cái đó một lớp thép vàng và trong khoảnh khắc tạo cho chúng một vẻ cao quý, nhưng khách đi tàu chưa rời khỏi sân ga thì lớp thép vàng đã tắt ngấm. Và trước mắt họ lại là một khóm dân cư tầm thường ở phương xa tít mù, trên một vùng hoang vắng không ai biết đến, – cái ổ cuối cùng của văn minh ở ngay rìa vùng đất đai màu mỡ; chéch một chút về phía tây là hai ngàn dặm đất không người, sa mạc “Neverationever” không có nước, không bao giờ có mưa.

Một chiếc ô tô màu đen lộng lẫy đỗ gần ga, và một linh mục công giáo hết sức bình tĩnh bước đi trên lớp bụi dày, tới gần gia đình Cleary. Với bộ áo chùng dài, ông ta dường như từ dĩ vãng hiện về, và tưởng chừng như ông ta không bước đi như mọi người, mà lướt đi trong không khí như hình ảnh trong chiêm bao; bụi bốc lên, cuộn xoáy quanh ông và nhuộm màu hồng thắm trong những tia hoàng hôn cuối cùng.

– Chào ông, tôi là Bricassart, linh mục của xứ giáo vùng này, – Ông nói với Paddy và chìa tay ra. – Chắc hẳn ông là em Mary;

ông giống bà ấy như hai giọt nước. – Linh mục quay về phía Fiona, cầm bàn tay yếu ớt của bà đưa lên môi, nụ cười của ông biểu lộ sự ngạc nhiên chân thật: cha Ralph thoát nhìn đã nhận ra ngay người phụ nữ dòng dõi cao quý. – Ôi, bà thật là kiêu diễm! – Ông ta nói, như thể lời khen như thế ở miệng một linh mục là hết sức tự nhiên, rồi mắt ông hướng về phía đám con trai Cleary đứng túm tụm với nhau. Trong khoảnh khắc, ông sững sờ nhìn Frank bế đứa bé trên tay, rồi lần lượt nhìn tất cả trẻ con trai, từ đứa lớn đến đứa nhỏ. Phía sau chúng, Meggie đứng tách riêng ra, miệng hé mở nhìn ông như nhìn chính Chúa trời. Dường như không để ý rằng mình làm cho tấm áo chùng mỏng bằng lụa bị lấm bụi, cha Ralph đi qua chỗ những thằng bé, đến ngồi xổm trước Meggie và đặt tay lên hai vai nó, tay cha vững chắc, hiền từ và âu yếm.

– Này, cháu là ai thế? – Cha mỉm cười hỏi.

– Meggie. – Cô bé đáp.

– Tên là Meghann. – Frank lâu bầu với vẻ cau kỉnh, lập tức cậu thấy ghét gã đàn ông đẹp trai cao lớn, cân đối lạ lùng này.

– Meghann là cái tên tôi yêu mến. – Cha de Bricassart đứng thẳng lên, nhưng không buông tay Meggie. – Tốt hơn hết là hôm nay gia đình ta nghỉ đêm ở nhà tôi. – Ông vừa nói vừa dẫn Meggie ra chỗ ô tô. – Sáng mai tôi sẽ đưa cả nhà về Drogheda. Về đấy quá xa, mà mọi người vừa xuống tàu.

Ngoài khách sạn “Imperial”, ở Gillanbone chỉ có nhà thờ và trường của nhà thờ, tu viện và nhà ở của linh mục là xây bằng gạch; ngay cả ngôi trường lớn của thành phố cũng chỉ nhũn nhận thu mình trong những bức tường ván. Tối đến trời lạnh đột ngột,

nhưng ở đây, trong phòng khách, củi cháy rừng rục trong cái lò sưởi cực lớn và từ nơi nào ở mãi cùng thẳm trong nhà đưa lên những mùi hết sức ngon lành. Bà quản gia, một bà người Scotland mặt mũi nhăn nheo, khá gầy guộc, lạnh lợi và nhanh nhẹn lạ thường, dẫn tất cả mọi người về các buồng, miệng không lúc nào ngừng nói.

Gia đình Cleary, đã quen với thái độ xa cách lạnh lùng của các linh mục ở Wahine, không thể nào thích ứng được với thái độ hiền hậu vui vẻ, thoải mái của cha Ralph. Riêng có Paddy hồ hởi ngay, ông vẫn chưa quên các tu sĩ có thái độ thân ái ở Galway quê nhà, họ không hề xa lánh các con chiên. Những người khác trong gia đình giữ thái độ im lặng thận trọng trong bữa ăn và ăn tối xong là linh ngay lên gác. Paddy miễn cưỡng theo họ. Ông tìm thấy sự ấm áp và niềm an ủi trong đạo thiên chúa của mình; nhưng những người khác trong gia đình vẫn giữ được đạo chỉ là do sợ hãi và phục tùng: hãy làm theo lệnh, không thì sẽ bị nguyên rủa suốt đời.

Họ đi rồi, cha Ralph ngả người trong chiếc ghế bành ưa thích của mình: cha hút thuốc, nhìn ngọn lửa và mỉm cười. Cha lại tưởng tượng thấy trước mắt mình lần lượt hiện lên tất cả mọi người trong gia đình Cleary đúng như cha thấy họ những phút đầu tiên ở ga. Ông chủ gia đình giống Mary lạ thường, nhưng còn đi vì làm lưng cực nhọc, và khác với bà chị ở chỗ rõ ràng là bản chất không độc ác; bà vợ xinh đẹp kiệt quệ của ông ta – bà ta đáng phải ngồi trong cỗ xe sang trọng có đôi ngựa trắng kéo chạy như bay mới xứng! Frank cau có, tóc đen và mắt đen... mắt lại đen kia chứ. Các con trai khác đứa nào cũng giống bố, riêng có đứa bé nhất Stuart, rất giống mẹ, chính thằng này lớn lên sẽ đẹp

tra; còn đứa hài nhi sẽ thế nào thì chưa biết; và cuối cùng là Meggie, con bé kháu tẻ, xinh tuyệt; màu tóc thì không lời nào tả được: không hẳn là màu đồng đỏ, không hẳn là vàng ánh, mà là màu gì pha trộn hiếm có giữa hai thứ đó. Và nó ngược lên nhìn cha bằng đôi mắt màu xám ánh bạc, trong trẻo kỳ lạ, long lanh như hạt ngọc trai tan chảy. Cha Ralph nhún vai, ném mẩu thuốc vào bếp lò sưởi và đứng lên. Có lẽ cha đang về già, vì thế trí tưởng tượng mới được thả lỏng, những hạt ngọc trai tan chảy, quái thật! Chắc là mắt cha suy yếu vì luôn luôn phải chịu đựng bụi và cát.

Sáng ra, cha đưa khách về Drogheda; họ đã quen với quang cảnh vùng đất mới lạ lẫm này và nói lên những cảm tưởng của mình khiến cha rất thú vị. Những ngọn đồi cuối cùng đã rút lại hai trăm dặm ở phía đông, cha giải thích với họ, còn ở đây là đồng bằng đất đen trải rộng. Những khoảng bao la gần như không có rừng, những đồng cỏ phẳng lì như tấm ván. Ngày hôm nay cũng nóng nực như hôm trước, nhưng ngồi trong chiếc xe “Daimler” dễ chịu hơn đi tàu hỏa nhiều. Họ ra đi từ sáng sớm, không ăn gì, trong chiếc va li đen có bộ áo lễ của cha Ralph và thánh thể^[27].

– Cừu ở đây thật là bẩn. – Meggie buồn rầu khi nhìn hàng trăm cụm len màu hung nhạt chúi mũi vào cỏ.

– Ồ, có lẽ tôi nên chuyển về New Zealand. – cha Ralph thở dài.
– Có lẽ nó giống Ireland, cừu ở đây trắng và sạch.

– Đúng vậy, ở đây có nhiều cái giống với Ireland. Cỏ thì xanh mượt, nom đến thích mắt. Chỉ phải cái là xứ ấy hoang dã hơn, đất không canh tác. – Paddy đáp. Ông rất thích cha Ralph.

Lúc đó, từ trong cỏ mấy con đà điểu *emu* nặng nề đứng lên và phóng nhanh như gió, cổ dài nghêu vươn ra, những chiếc chân

cao kêu vụng về đưa nhanh đến mức không thể nhìn rõ được. Bọn con trai ngạc nhiên kêu lên, rồi phá lên cười: kỳ lạ chưa, những con chim khổng lồ, không bay mà lại chạy!

– Thú vị thật, tôi không phải ra khỏi xe và mở những cái cổng tai ác này. – Cha Ralph nói, khi Bob – người vẫn làm việc đó thay ông – đóng cái cổng cuối cùng sau khi chiếc “Daimler” đi qua và lại vào xe.

Sau bấy nhiêu bất ngờ mà nước Úc không ngừng làm họ sửng sốt, trong cái áp với tòa nhà niền nở theo phong cách thời vua George, với những dây đậu tía mới nở hoa quán quýt xung quanh và vô số bụi hoa hồng vây bọc lấy nó, họ cảm thấy một cái gì thân thuộc.

– Nhà ta sẽ ở đây chứ? – Meggie nói bằng giọng lạnh lạnh.

– Không hẳn. – Cha Ralph vội đáp. – Gia đình ta sẽ ở ngôi nhà gần sông, cách đây chừng một dặm.

Mary Carson chờ họ trong phòng khách lớn, bà ta ngồi trong chiếc ghế bành sâu của mình và không đứng lên đón gặp ông em, ông phải đi qua suốt căn phòng đến chỗ bà ta.

– Chào Paddy. – Bà ta nói khá nhã nhặn, nhưng nhìn nhếch qua chỗ khác, luồn mắt bà ta bị hút về phía cha Ralph, cha đang đứng, bế cô bé trên tay, đôi tay bé bỏng quán quanh cổ cha.

Mary Carson uy nghi đứng dậy, không chào hỏi Fiona cũng như bọn trẻ.

– Bây giờ ta sẽ dự lễ mixa. – Bà ta nói. – Cha de Bricassart chắc chắn là đang vội.

– Không đâu, bà Mary quý mến. – Cha cất tiếng cười, đôi mắt xanh của cha long lanh vui vẻ. – Tôi sẽ làm lễ mixa, bà sẽ khoản

đãi chúng tôi một bữa ăn sáng nóng sốt tuyệt ngon, rồi sau đó tôi sẽ giữ lời hứa với Meggie – đưa cháu đi xem nơi cháu sẽ ở.

– Meggie. – Mary Carson nhắc lại.

– Vâng, tên cháu là Meggie. Nhưng có lẽ việc làm quen chưa đúng trình tự chẳng? Cho phép tôi giới thiệu lần lượt tất cả mọi người. Đây là bà Fiona.

Mary Carson hơi gật đầu và gằn như không nghe cha Ralph lần lượt nói tên từng thằng bé: bà ta không ngừng để mắt đến cha Ralph và Meggie.

4

Nhà của người quản cừu đứng chênh vênh trên những cọc chống, cao chừng ba mươi *feet* trên cái khe hẹp hai bên bờ um tùm cây cối: toàn là thủy liễu, duy có đây đó nhô lên những cây khuynh diệp đơn độc. Sau cái tráng lệ của Drogheda, ngôi nhà này có vẻ trợ trụ và chán ngán – một cái mái trên đầu và chỉ thế thôi, nhưng nó tiện lợi và điều đó gợi nhớ đến ngôi nhà trước kia của họ ở New Zealand. Trong các phòng đầy chật những đồ đạc vững chãi thời Victoria phủ một lớp bụi rất mỏng màu đỏ nhạt.

– Gia đình ta gặp may, ở đây có cả nhà tắm. – cha Ralph nói, đưa những người mới tới theo bậc thang gỗ lên hàng hiên phía trước; độ cao không phải là không đáng kể: những cây cọc chống nhà cao mười lăm *feet*. – Đây là để phòng ngừa khi lũ về. – Cha Ralph giải thích. – Nhà ở ngay trên sông, mà tôi nghe nói đôi khi trong một đêm nước dâng lên đến sáu mươi *feet*.

Quả thật ở đây có nhà tắm: cái bồn tắm cũ bằng sắt tây và cây cột lấy nước bằng gỗ đặt ở một chỗ ngăn riêng ra ở cuối hành lang sau. Nhưng, Fiona và Meggie vừa ngạc nhiên vừa kinh tởm thấy nhà tiêu chỉ là cái hố đào phía sau nhà, cách chừng hai trăm bước, từ đó xông lên mùi hôi thối. So với New Zealand, đây là điều mọi rợ.

– Rõ ràng ở đây người ta sống không lấy gì sạch sẽ lắm. – Fiona vừa nhận xét vừa đưa ngón tay quét cái tủ buýpphê bụi bặm.

Cha Ralph bật cười.

– Đừng có thử đấu tranh với bụi, bà không thắng nổi nó đâu. – Ông nói. – Ở nơi tận cùng này của thế giới, bà có ba kẻ thù không thể trị nổi: nóng, bụi và ruồi. Dù bà có gắng sức thế nào đi nữa cũng không thoát khỏi chúng đâu.

Fee ngược mắt lên nhìn cha.

– Cha rất tốt với chúng tôi, thưa cha.

– Làm thế nào khác được? Gia đình ta là những người họ hàng duy nhất của người bạn tốt bụng của tôi Mary Carson.

Fee khẽ nhún vai.

– Tôi không quen với thái độ thân thiện của những người phụng sự nhà thờ. Ở New Zealand họ rất cách biệt với mọi người.

– Thế bà không phải là người công giáo à?

– Không. Paddy theo đạo thiên chúa. Các con tôi, không trừ đứa nào, tất nhiên được dạy dỗ theo đạo thiên chúa, xin cha đừng lo ngại.

– Tôi không hề có ý nghĩ lo ngại gì hết. Nhưng bà không ưa điều đó sao?

– Thực tình đối với tôi đảng nào cũng thế thôi.

– Bản thân bà không cải theo đạo của chồng à?

– Tôi không phải là người đạo đức giả, cha de Bricassart ạ, tôi đã mất lòng tin vào cái nhà thờ mà trước kia tôi là tín đồ của nó, và tôi không muốn cải theo một đạo khác cũng vô nghĩa như thế.

– Tôi hiểu. – Linh mục nhìn theo Meggie; em đứng ở hàng hiên phía trước, dăm dăm nhìn con đường chạy lên phía trên, về phía tòa nhà lớn của bà chủ Drogheda. – Con gái bà rất kháu. Bà ạ, tôi vốn thích loại tóc trên tranh của Titian^[28]. Tóc của cháu, Titian mà thấy thì sẽ chộp lấy bút vẽ ngay. Trước kia chưa bao giờ tôi thấy bộ tóc nào màu sắc đúng như thế. Bà chỉ có mỗi mình em nó là gái thôi ư?

– Vâng. Cả dòng họ tôi cũng như dòng họ Paddy đều sinh con trai nhiều hơn, con gái rất hiếm.

– Tội nghiệp – Cha de Bricassart thốt lên một câu khó hiểu.

* * *

Sau đó hành lí đã được đưa từ Sydney về, sách, bát, đĩa, một số vật trang trí được xếp đặt đâu vào đấy, còn trong phòng khách thì đặt cỗ đàn clavecin và những đồ vật khác của Fiona, và trong nhà trở nên quen thuộc hơn, cuộc sống dần dần đi vào nề nếp. Paddy cùng với bọn trẻ con trai, trừ Stuart còn nhỏ tuổi quá, luôn luôn cặp kè theo hai người làm mà Mary Carson thuê ở trại để dạy những người mới đến cách làm ăn, vì ở tây bắc New South Wales, việc chăn nuôi cừu hoàn toàn không như ở New Zealand. Còn Fee, Meggie và Stuart thì thấy rõ làm việc nội trợ ở nhà người quản cừu Drogheda hoàn toàn không như ở nhà họ trước kia ở New Zealand; đương nhiên là bất kể thế nào cũng không nên làm phiền Mary Carson; nhưng bà quản gia của bà ta cũng như các nữ gia nhân khác đều vui lòng giúp đỡ giới nữ của gia đình Cleary, cũng như những người làm ở trại vui lòng giúp Padraic và các

con trai ông.

Chẳng bao lâu đã thấy rõ rằng Drogheda là một cái gì biệt lập, tự cung tự cấp, tách rời khỏi toàn bộ thế giới văn minh, thậm chí cả Gillanbone dần dần cũng chỉ còn là cái tên, nó chẳng lưu lại gì mấy trong kí ức. Trong phạm vi cái ấp khổng lồ có cả những chuồng ngựa, một xưởng rèn, cả những gara và vô số công trình xây dựng dùng vào mục đích kinh tế, nơi cất giữ đủ mọi thứ dự trữ, từ lương thực đến các dụng cụ, máy móc; ở đây có cả những chuồng chó săn, trại nuôi chó, một mê cung rắc rối những sân gia súc, một khu xén lông cừu cực lớn mà đúng hai mươi sáu người thợ có thể làm việc cùng một lúc, tiếp sau đó còn cả một mở bong bong đủ các loại sân xưởng dùng vào việc làm ăn. Ở đây có những chuồng chim, chuồng lợn, chuồng bò với những nhà vắt sữa, một nhà làm bơ, chỗ ở cho hai mươi sáu người xén lông cừu, những túp nhà dành cho thợ làm vụ, hai cái nhà nữa tương tự như ngôi dành cho gia đình Cleary, nhưng nhỏ hơn, cho những người chăn cừu khác, một căn nhà gỗ cho những người mới vào làm, lò mổ và những đồng cũi bắt tận.

Tất cả những cái đó nằm ở khoảng giữa một đồng cỏ hình tròn đường kính ba dặm và được gọi là “Áp chính”. Chỉ ở một điểm, gần nhà người quản cừu, cái đám nhà cửa sân xưởng tấp nham ấy mới gần như tiếp giáp với rừng. Tuy nhiên, ngay cả giữa đám nhà kho, sân và bãi chăn thả ấy cũng mọc lên khá nhiều cây cối tạo nên bóng cây cần thiết và dễ chịu; phần lớn là những cây hồ tiêu to khỏe, lá rậm rạp, mơ màng, tuyệt diệu. Tiếp sau đó, trong đám cỏ cao của bãi chăn thả liền bên ấp, ngựa và bò sữa uể oải gặm cỏ.

Ở đây cái khe sâu cạnh ngôi nhà mà gia đình Cleary đến ở, một

con sông con nông chòen, đục lờ chảy lừ đừ. Không thể tin lời cha Ralph kể lại rằng đôi khi chỉ một đêm mà nước dâng cao đến sáu chục feet. Nước tắm và nước ăn lấy lên từ con sông đó bằng bơm tay, Fiona và Meggie không quen ngay được với tắm tấp, rửa bát đĩa và giặt bằng thứ nước màu nâu ánh xanh ấy. Trên những trụ gỗ vững chắc giống như tháp khoan, lù lù sáu cái thùng bằng sắt có nếp gợn, khi trời mưa, nước từ mái nhà chảy vào đó, đấy là nước uống, phải giữ gìn cẩn thận, tuyệt nhiên không được lấy để giặt. Chẳng ai biết bao giờ trời lại mưa và các thùng sẽ lại đầy.

Cừu và bò thì uống nước giếng phun – không phải là khơi từ lớp đất nông, dễ đào tới, mà là lỗ khoan giếng thực sự, xuống sâu hơn ba ngàn feet. Thứ nước đó ào ào chảy ra từ đường ống của cái gọi là bể chứa nước và theo các rãnh hẹp hai bên bờ cỏ độc mọc xanh rờn, chảy về tất cả các bãi chăn rào kín hiện có trong điền trang. Đấy là những rãnh tháo nước, và nước chảy trong đó chứa rất nhiều lưu huỳnh và muối khoáng, không dùng cho người được.

Thoạt tiên, mọi người trong gia đình Cleary đều sửng sốt về những khoảng cách ở đây: ở Drogheda có tới hai trăm năm mươi ngàn acres. Đường ranh giới dài nhất của điền trang chạy suốt tám mươi dặm. Từ Gillanbone đến nhà Mary Carson bốn mươi dặm, qua hai mươi bảy cái cổng, và không thể tìm ra một chỗ nào khác có nhà cửa trong vòng một trăm linh sáu dặm trở lại. Ở phía đông, đất đai của Mary Carson thu hẹp lại thành hình chiếc nêm và ranh giới của nó là Barwon – đấy là cái tên mà dân địa phương đặt cho dòng phía bắc của sông Darling; – Cái dòng chảy khổng lồ đục ngầu ấy kéo dài một ngàn dặm và cuối cùng hòa với sông Murray và đổ vào Ấn Độ Dương ở cách xa một ngàn năm trăm

dặm, tại vùng cực nam nước Úc. Gillan Creek, con sông nhỏ trong khe cạnh nhà ở hiện giờ của gia đình Cleary đổ vào Barwon ở cách Ấp chính hai dặm.

Padraic và các con trai ưa thích ngay chốn mới. Có khi nhiều ngày rông họ ở trên yên ngựa, cách nhà nhiều dặm đường và ngủ đêm giữa trời, bầu trời sâu thẳm và nhiều sao đến mức dường như dưới bầu trời ấy ta tiếp xúc với thượng đế.

Hoạt động sống sôi nổi trên vùng đất này, thứ đất màu nâu không quen thuộc. Từng đàn *kangaroo* nhảy những bước cực dài lao vút qua giữa đám cây cối, đùa giỡn nhảy qua hàng rào, ngắm nhìn chúng không bao giờ chán mắt: chúng cử động mới thanh thoát làm sao, chúng mới tự do làm sao; trên các đồng bằng, đà điểu *emu* làm tổ trong đám cỏ cao – chúng bước đi như những người lính gác khổng lồ xung quanh chỗ ở của mình, nhưng chúng sợ tất cả những gì không quen thuộc và phóng chạy nhanh hơn bất cứ con ngựa nào để trốn tránh những quả trứng màu lục thẫm to bằng quả bóng đá do chúng đẻ ra; mỗi đùn lên những ngọn tháp màu gỉ sắt nom như những cao ốc nhỏ xíu; những con kiến khổng lồ dữ tợn, hay cắn, lũ lượt kéo đi từng luồng thẫm đổ vào các lỗ nom như miệng núi lửa trong đất.

Còn chim chóc đủ các giống loài thì nhiều vô kể, và chúng sống không phải từng con hay từng đôi, mà từng đàn hằng hà sa số; những con vẹt bé xíu màu lục và vàng (Fee gọi chúng là loài chim gấn bó keo sơn), và loại vẹt vóc trung bình đỏ chói pha màu da trời, cả loài vẹt gala cực to màu xám nhạt, ngực màu hồng tươi pha sắc tím nhạt, đầu và dưới cánh cũng như thế, cả loại vẹt trắng như tuyết với túm bờm vàng chói ngông nghênh. Những con ri rừng xinh đẹp nhỏ xíu cùng chia sẻ và sáo sậu bay chấp

chơi và lượn vòng trên không, những con bói cá *kukabuara* chắc nịch, màu nâu cườm hô hô và khúc khích vui vẻ, vừa bay vừa chộp rắn trên mặt đất – rắn là món ăn ngon chúng ưa thích. Ở tất cả các con chim ấy có cái gì gần với tính người, chúng gan dạ, đậu hàng trăm trên các cành cây, nhìn xung quanh bằng những cặp mắt tinh nhanh, riu rít huyền thuyên, cười, bắt chước mọi tiếng nói và âm thanh trên đời.

Những con thằn lằn khủng khiếp, dài năm sáu *feet*, bò trên mặt đất, rồi một cái nhảy nhẹ nhàng, thế là chúng đã ở tít trên cây, ở dưới đất cũng như ở trên cao chúng đều cảm thấy như ở nhà; đây là những con gôanna. Ở đây còn vô số loại thằn lằn khác nhỏ hơn, nhưng nom cũng không kém ghê rợn; một số như những con khủng long, trang điểm những chuỗi cục u có gai bằng chất sừng, một số khác trêu gan người ta bằng những cái lưỡi đầy màu xanh lơ rực rỡ. Rắn các loại đủ mọi hình dạng quả là không kể xiết, và chẳng mấy chốc đã thấy rõ rằng những con to nhất và nom đáng sợ nhất thường là ít nguy hiểm nhất, còn thứ rắn mập, ngắn ngắn, dài không quá một *feet* có thể là rắn độc chết người; ở đây có cả loại rắn có lớp da giống mặt thảm, cả rắn xách luyện, rắn sống trên cây, rắn đen, rắn bụng đỏ và rắn nâu, cả rắn hổ mang đã cắn là chết người.

Còn sâu bọ! Châu chấu, dế, cào cào, ong, ruồi tất cả các loại và các cõ, ve sầu, muỗi mắt, chuồn chuồn, sâu bướm khổng lồ và đủ các loại bướm có thể có! Nhện mới khủng khiếp – to kếp xù, lông lá, chân dài mấy *inches*, và những con vật màu đen, rất độc, nhỏ bé khiến người ta dễ bị lừa, ẩn nấp ở hố xí; có những con nhện khổng lồ, tròn như cái bánh xe, chằng giữa những thân cây, có những con khác đung đưa trong cái nôi bằng màng nhện

mỏng tang, đan mau sợi, chằng trên cỏ, loại thứ ba vùi mình trong hang hốc dưới đất và vít kín cửa hang lại.

Thú dữ ăn thịt cũng không thiếu: lợn rừng, những con thú màu đen có vằn, to bằng con bò, ăn thịt, hung dữ, không sợ cái gì trên đời; những con chó rừng *dingo*^[29] sục sạo, lén lút gần như bò sát đất, lẫn với màu cỏ; những đàn quạ quàng quạc một cách thô lương, bầu kín những bộ xương trắng nhờ nhờ của những cây chết khô; điều hâu và phượng hoàng bay treo mình trên cao chót vót.

Cần canh giữ bò và cừu khỏi bị những loài ăn thịt làm hại, đặc biệt khi chúng có con. *Kangaroo* và thỏ ăn mất số cỏ quý báu; lợn rừng và chó rừng *dingo* ăn thịt cừu con, bê, gia súc ốm, quạ mổ mắt chúng. Bọn trẻ nhà Cleary phải học bắn, và chúng bắt đầu cưỡi ngựa mang theo súng – đôi khi phải chấm dứt những đau khổ của con vật nuôi bị thương, đôi khi phải bắn lợn rừng hay chó *dingo*.

Sống thế mới là sống chứ! Bọn trẻ con trai khoái chí. Không đứa nào trong bọn chúng buồn nhớ New Zealand; ruồi nhép bầu vào các khóe mắt, xộc vào mũi, vào mồm, vào tai, nhưng chúng đã biết cách làm cho ruồi sợ, bằng cái mảnh lưới riêng của người Úc mà chúng đã học được: dùng dây gai treo những miếng bác vào vành mũ. Để các loại sâu bọ nhỏ khỏi từ dưới bò vào những chiếc quần rộng thùng thình của chúng, chúng bó thít ống quần ở phía dưới đầu gối bằng dây dai da *kangaroo*, những cái dai đó có cái tên buồn cười là dây cung, nhưng không có nó thì không xong. Đúng, sống thế mới đích thực là sống, không buồn tẻ nhạt nhẽo như ở New Zealand.

Mẹ và em gái chúng bị giam chân ở nhà, chẳng thích gì nước

Úc cho lắm, họ chẳng có thời giờ nhàn rỗi, chẳng có cơ gì để đi ngựa và mọi công việc của họ đều đơn điệu đến phát ớn. Vẫn những bận bịu muôn thuở ấy của đàn bà: nấu nướng, dọn dẹp, giặt là, chăm bẵm đứa bé, có điều ở đây mọi công việc ấy khó khăn hơn. Chóng lại họ là nóng nực, bụi và ruồi, những cầu thang dốc, nước đục, còn đàn ông luôn luôn vắng nhà, chẳng có ai khuân củi và chẻ củi, chẳng có ai bơm nước, cắt tiết gà để làm bữa chiều. Khó chịu nhất là nóng nực, chỉ mới vào xuân thôi mà ở hàng hiên râm mát, hết ngày này sang ngày khác nhiệt kế vẫn chỉ một trăm độ^[30]. Còn trong bếp, khi đốt bếp lò, nhiệt độ lên đến một trăm hai mươi.

Y phục của mọi người trong gia đình Cleary đều thích ứng với New Zealand, ở đó trong nhà mát mẻ và họ mặc nhiều lớp, tất cả đều kín mít, bó sát. Mary Carson, có lần nhân đi dạo chơi đã tạt vào chỗ em dâu và ném một cái nhìn kiêu kỳ lên chiếc áo liền váy bằng vải trúc bâu dài quét đất, cổ cao của Fiona. Bản thân bà ta mặc theo một mới: bộ áo váy màu cream bằng lụa khoét cổ rộng: mặc thoải mái, không chiết lưng, chỉ xuống đến nửa đùi, ống tay rộng vén gần đến khuỷu.

– Nói thực, Fiona ạ, về thời trang thì thím cổ lỗ quá đấy. – Mary vừa nói vừa nhìn phòng khách đã quét vôi mới màu cream, những tấm thảm Ba Tư và đồ đạc kiểu cổ mỏng mảnh.

– Tôi không có thời gian chạy theo mốt. – Fiona nói một cách khá gay gắt, điều mà trong vai trò người nội trợ, không bao giờ bà tự cho phép mình có thái độ như thế.

– Bây giờ thím sẽ có nhiều thời gian hơn, cánh đàn ông nhà thím luôn luôn đi đây đi đó, đỡ phải nấu ăn cho nhiều người. Hãy sửa lại áo dài cho ngắn bớt đi, đừng mặc váy trong và coóc-xê^[31]

nữa, không thì mùa hè thím chết mất. Xin chú ý rằng nhiệt độ sẽ còn tăng thêm mười lăm – hai mươi độ nữa. – Luồng mắt Mary Carson dừng lại ở bức chân dung người phụ nữ tóc vàng hoe, xinh đẹp, mặc váy phòng thời nữ hoàng Eugenie^[32]. Đây là ai vậy? – Bà ta hỏi và trở ngón tay.

– Bà tôi.

– Thế ư? Vậy ra cuộc hôn nhân đã làm thím mất địa vị xã hội và hẳn là mất nhiều thứ khác nữa phải không, Fiona thân mến?

Fiona không bao giờ mất tự chủ, lần này cũng thế, bà chỉ mím chặt hơn nữa cặp môi mỏng.

– Tôi không nghĩ thế, chị Mary ạ. Tôi có người chồng tốt; chị phải hiểu điều đó.

– Nhưng anh ta không có một đồng xu. Tên thời con gái của thím là gì?

– Armstrong.

– Vậy ư? Chẳng lẽ thím là họ hàng của Roderick Armstrong ư?

– Đấy là anh tôi. Anh ấy được đặt tên là Roderick để tỏ lòng tôn kính cụ tôi.

Mary Carson đứng dậy, dùng chiếc mũ rộng vành, sang trọng xua lũ ruồi không hề biết kính trọng ngay cả những nhân vật quan trọng như thế.

– Ờ, thế ra về dòng dõi thím cao sang hơn chúng tôi, thím Cleary ạ, tôi sẵn lòng thừa nhận điều ấy. Thím yêu Paddy đến độ chịu từ bỏ tất cả những cái đó ư?

– Tại sao tôi hành động như thế, đấy là việc của tôi, – Fee nói bằng giọng đều đều. – Điều đó không can gì đến chị, chị Mary ạ.

Tôi không có ý định bàn luận về chồng tôi dù là với chị của chồng.

Những nếp nhăn hai bên khóe môi Mary Carson hằn sâu hơn, bà ta trở mắt:

– Gớm chưa, cái thím này!

Bà ta không đến nữa, nhưng người quản gia của bà ta, Mrs. Smith năng đến luôn và cũng khuyên Fee nên sửa đổi lại y phục của mọi người trong gia đình.

– Bà ạ, tôi có chiếc máy khâu, tôi chẳng cần đến dùng gì đến nó. Tôi sẽ bảo hai người làm mang đến cho bà. Khi nào tôi cần may thì chính tôi sẽ đến đây. – Mắt bà ta dừng lại ở bé Hal đang vui vẻ bò trên sàn. – Tôi thích nghe tiếng nói trẻ em, Mrs. Cleary ạ.

* * *

Tháng rưỡi một lần, cỗ xe ngựa mang bưu phẩm từ Gillanbone đến – đây là tất cả mối liên hệ với thế giới bên ngoài. Ở Drogheda có hai chiếc cam nhông nhãn hiệu “Ford”, trong đó một chiếc để chuyên chở thùng xitec chứa nước, ngoài ra còn một chiếc “Ford” du lịch và một chiếc “Rolls-Royce” lộng lẫy, nhưng dường như chẳng ai dùng đến chúng bao giờ, chỉ có một mình Mary Carson thỉnh thoảng dùng xe đi Gillanbone. Vượt bốn mươi dặm chẳng khác gì đi lên cung trăng.

Williams *Chân chạy*, người đưa thư khu vực, trong một tháng rưỡi phải chật vật lắm mới đi được hết cả vùng. Cỗ xe tải bưng kín, mui phẳng, bánh xe đồ sộ, đường kính đến mười *feet*, chất

nặng đủ mọi thứ linh tinh mà các trang trại ở xa nhất có thể đặt mua, do một bộ tuyệt vời mười hai con ngựa tải hàng kéo đi. Ngoài thư từ và báo chí, Williams còn chuyên chở thực phẩm phụ, ét xăng đựng trong những thùng sắt bốn mươi tư gallon, dầu hỏa trong những bi đông vuông vức năm gallon, cỏ khô, hạt, bột, đường và khoai đựng trong túi, trà trong những hòm gỗ, máy móc nông nghiệp, đồ chơi đặt mua qua bưu điện, áo quần ở cửa hàng Anthony Hordern ở Sydney và nói chung tất cả những gì người ta yêu cầu đưa từ Gilly hay từ các thành phố xa về. Ngựa bước đều đều, hai mươi dặm một ngày, và bất kể Williams dừng lại ở đâu, người ta đều đón tiếp ông ân cần, hỏi thăm tin tức, thời tiết ở các vùng xa, trao cho ông những bọc tiền gói cẩn thận để mua hàng ở Gilly và gửi ông những lá thư viết nắn nót mà ông cho ngay vào cái túi vải bạt có đề “bưu phẩm”.

Ở phía tây Gilly, dọc đường chỉ có hai điền trang lớn: gần là Drogheda, xa hơn là Bugela; còn sau Bugela là một vùng mà bưu phẩm một năm rưỡi mới đến một lần. Trên cái vòng cung ngoằn ngoèo cực lớn, *Chân chạy* đi suốt một lượt các trại phía tây nam, tây và tây bắc, và trở lại Gilly, sau đó chỉ còn đi về phía đông, cuộc du hành không dài, tổng cộng có sáu chục dặm, xa hơn nữa đã là phạm vi hoạt động của bưu điện thành phố Booroo. Tỉnh thoảng Williams đưa một người nào đó tới. Ngồi cạnh ông, trên chiếc ghế xà ích bọc da, bên trên không có gì che nắng là một vị khách hay một người làm công xu không dính túi; đôi khi ông đưa người đi – một vị khách hay những người chần cừ, những chị hầu phòng, những thợ làm vụ không hài lòng với chốn cũ; họa hoằn lắm thì có khi là một nữ gia sư. Các chủ trại nuôi gia súc đi đâu thì có ô tô riêng, nhưng đối với những người làm ở các trại thì

chỉ có một mình Williams *Chân chạy* đảm nhiệm cả việc cung cấp thư từ và hàng hóa cũng như việc giao thông chuyên chở.

Khi những cuộn vải đặt mua đã về cùng với bưu phẩm, Fee ngồi vào máy khâu – món quà Mrs. Smith tặng – và bắt đầu may những bộ áo váy rộng rãi bằng vải hoa sáng màu cho mình và Meggie; những chiếc quần và áo liền quần thanh thoát cho cánh nam giới, áo quần cho Hal, rèm cửa sổ. Dĩ nhiên, khi họ loại bỏ thứ y phục kín mít, bó sát và mấy lớp lót trong thì hẳn là mát mẻ hơn.

Meggie sống cô độc, trong số các anh trai chỉ còn lại có Stuart. Jack và Hughie đi đây đi đó với bố, học chẵn cừu – ở đây người ta gọi những kẻ mới tập sự trong việc này là loại nhãi nhép. Stuart không phải là bạn chơi đùa như Jack và Hughie trước kia. Nhỏ tuổi, tính tình hiền lành, nó sống trong một thế giới riêng biệt của mình, nó có thể ngồi hàng giờ một chỗ nhìn kiến nối đuôi nhau thành một chuỗi liên tục leo lên cây, còn chính Meggie cũng thích leo lên cây và khoái trá nhai nhựa cây: ở Úc nhựa cây nhiều vô cùng, đủ các loại! Thực tình mà nó, hai đứa chẳng có nhiều thì giờ trèo cây và ngắm nhìn kiến. Cả Meggie lẫn Stuart đều ngập cổ vì công việc. Chúng chẻ củi và khuôn củi, đào hố chứa rác, sục lưng ngoài vườn rau, trông nom gà và lợn. Thêm nữa, chúng học giết rắn và nhện, tuy vẫn sợ hai thứ đó.

Mấy năm liền mưa gần như đủ dùng; sông thì ít nước, nhưng các xitec trĩu không non một nửa. Cỏ thì không xấu, nhưng còn xơi mới được tươi mơn như thời kỳ thuận hòa nhất.

– Chắc là tình thế sẽ xấu hơn – Mary Carson rầu rĩ đoán trước.

Nhưng trước khi có hạn hán thực sự, họ phải đương đầu với

trận lụt. Khoảng giữa tháng giêng, cánh phía nam của những trận gió mùa tây bắc quét qua vùng này. Những trận gió mãnh liệt ấy hết sức quý quyết và thay đổi thất thường. Đôi khi chúng chỉ đem những cơn mưa rào mùa hạ đến men rìa châu Úc, nhưng đôi khi chúng ập vào sâu đến tận Sydney và ban cho dân thành phố khốn khổ một mùa hè nhiều mưa. Lần này, vào tháng giêng, bầu trời đột nhiên phủ đầy mây đen mọng nước, gió xé mây tan tã và mây trút xuống không phải là trận mưa rào mau qua, mà là mưa dai dẳng, dữ dội, đại hồng thủy thực sự, mãi không dứt.

Người ta đã phòng ngừa được. Williams *Chân chạy* đến với cỗ xe cật nặng hết mức và một tá ngựa dự trữ – ông vội vã cung cấp cho cả vùng mọi thứ cần thiết trong khi mưa chưa cắt mất đường đến các trại xa.

– Đang có gió mùa – Ông vừa nói vừa cuốn điếu thuốc lá và giơ roi trở những đồng lương thực dự trữ quá mức bình thường, – Chưa chừng những con sông sẽ tràn bờ – cả Cooper, cả Barcoo, cả Diamantina, và Overflow đã tràn bờ rồi đấy. Cả Queensland cũng đã ngập nước đến hai *feet*, khốn khổ cho bọn họ ở đấy cứ cố tìm lấy một cái gò để có thể lùa cừ lên chỗ cao một chút.

Nỗi lo lắng cố kìm nén đột nhiên dậy lên. Paddy và các con trai làm việc như điên, chuyển cừ từ các bãi chặn ở chỗ thấp ra thật xa con sông nhà mình và sông Barwon. Cha Ralph đến, thắt con ngựa của mình và cùng với Frank và những con chó tốt nhất vội vã đến những bãi chặn trên bờ sông Barwon, còn Paddy và hai người chặn cừ, mỗi người đem theo một thằng bé, ai đi về hướng của người ấy.

Bản thân cha Ralph là một người chặn cừ tuyệt giỏi. Cha cưới con ngựa cái thuần giống sắc hồng của Mary Carson tặng, mặc

chiếc quần đi ngựa màu nâu sáng, đôi ủng cao màu nâu đánh bóng loáng, áo sơ mi trắng như tuyết, tay áo xắn lên phô ra đôi tay gân guốc, cổ áo mở phanh để lộ bộ ngực rám nắng nhẵn nhụi. Frank mặc áo lót trong bằng vải flanen và chiếc quần cũ rộng thùng thình bằng vải xec thắt ống ở dưới đầu gối bằng đai da, cậu cảm thấy mình tầm thường thảm hại. Mà đích thực là như thế, cậu nghĩ một cách cău kính khi theo sau người kị mã vóc dáng thon thả cưỡi con ngựa tuyệt đẹp đi giữa những cây hoàng dương và cây thông trong khu rừng bên sông. Ngựa của Frank là con ngựa cái thuần giống đốm lang, tính nết bất kham, một con vật ương bướng dữ dằn, căm thù ác liệt mọi con ngựa khác. Những con chó bị kích động sủa vang, nhảy nhót, gầm gè nhau và chực nhảy xổ vào nhau, nhưng rồi chúng im thít khi cha Ralph dùng roi chần cừu thẳng tay quát rất trúng vào chúng. Hình như con người này biết hết mọi thứ trên đời, ông ta biết huýt sáo ra lệnh bất cứ điều gì cho lũ chó và sử dụng cây roi giỏi hơn Frank nhiều: Frank vẫn còn đang học cái nghệ thuật hiếm có này của những người chần cừu Úc.

Con chó đầu đàn to kék xù, hung dữ, giống chó Queensland, yêu cha Ralph bằng một tình yêu tận tụy và ngoan ngoãn đi theo cha, rõ ràng không coi Frank là chủ. Frank hầu như không phật ý về điều đó; trong số các con trai của Paddy, chỉ có cậu là không thích cuộc sống ở Drogheda. Cậu hăm hở vùng thoát ra khỏi New Zealand, nhưng không phải để có những gì cậu đã tìm thấy ở đây. Cậu thù ghét những chuyến đi bất tận suốt lượt các bãi chần thả và ghét cái mặt đất cứng đanh này mà hầu như đêm nào cũng phải ngủ trên đó, cậu ghét cả những con chó dữ tợn này – người ta không vuốt ve chúng và nếu chúng chần cừu kém cỏi, chúng

sẽ bị bắn bỏ.

Nhưng cưỡi ngựa phóng đi khi trên đầu mây đen dày đặc lại, điều đó phảng phất hơi hướng phiêu lưu mạo hiểm; ngay cả cây cối cũng không chỉ nghiêng rít vắn mình trước những trận gió thốc, mà dường như nhảy múa trong một niềm vui mọi rợ. Cha Ralph không hề biết mệt mỏi, như bị ám ảnh, xuýt chó làm cho chúng xông vào những con cừu tản tác trên đồng bằng, không hề ngờ có chuyện gì, những bóng đen nhanh nhẹn lao nhanh trong cỏ, dồn đuổi những cụm len dần độn trước mặt, và những cụm len ấy phóng chạy, sợ hãi be lên và cuối cùng cụm cả lại chạy đến chỗ cần đến. Không có chó thì một nhóm người sẽ không đảm đương nổi công việc trong một trang trại khổng lồ như Drogheda. Được huấn luyện đặc biệt để chặn bò và cừu, những con chó ấy rất tinh khôn và hầu như không cần phải ra lệnh cho chúng.

Đến đêm, có sự trợ giúp của những con chó và Frank, – cậu ta rần hết sức theo cho kịp, – cha Ralph đã đưa được toàn bộ số cừu ra khỏi bãi chặn – thường thì công việc đó phải mất mấy ngày. Cạnh cổng một bãi chặn thứ hai có mấy cái cây, cha Ralph tháo yên ngựa của mình và hào hứng nói rằng có lẽ họ có thể đưa đàn cừu ra khỏi khu vực này trước khi trời đổ mưa. Những con chó nằm dài trong cỏ, thè lưỡi, con đầu đàn hung dữ xun xoe nép sát vào chân linh mục. Frank lấy trong cái túi đeo bên mình ngựa ra một miếng thịt *kangaroo* nom khá gớm ghiếc, quăng cho lũ chó, và chúng gầm gừ chen lấn nhau, nhảy xổ vào miếng ăn.

– Những con vật khốn kiếp, – Frank nói. – Đích thị là thứ chó rừng, chó nhà tử tế không bao giờ như thế.

– Ta cho rằng nói cho đúng hơn là Chúa trời định cho chó nhà đúng phải như thế. – Cha Ralph bác lại một cách mềm mỏng. –

Chúng lạnh lẽ, tinh khôn, hung hăng và gần như không thể thuần dưỡng chúng. Thú thực, ta thích chúng hơn những con chó được nuôi chiều ở trong phòng. – Cha mỉm cười. – Cả mèo cũng thế. Anh có thấy những con mèo ở sân gia súc không? Những con mèo hoang, dữ tợn, những con báo thực sự, nhất quyết không cho người đến gần. Nhưng chúng săn mồi tuyệt giỏi và tuyệt nhiên không cần người che chở và cho ăn.

Cha lấy trong túi thò ngựa của mình ra một miếng thịt cừu lạnh, bánh mì, bơ, cắt một mẫu thịt cừu, còn thì đưa cho Frank. Cha đặt bánh mì và bơ lên súc gỗ giữa hai người và cắn ngập hàng răng trắng vào miếng thịt với vẻ khoái trá ra mặt. Họ giải khát bằng nước trong cái bọc bằng vải bạt, và cuốn mỗi người một điếu thuốc lá.

Cách đây không xa có một cây *wilga* đơn độc, cha Ralph giơ điếu thuốc trở cái cây.

– Kia là chỗ nghỉ đêm. – Cha nói, tháo yên ngựa, cởi dây buộc tám chân.

Frank theo cha đến chỗ cây *wilga* – loại cây được coi là đẹp nhất ở phần này của Úc. Tán cây gần như tròn, lá xanh tươi, rất um tùm. Cành là xuống rất thấp, cừu vươn tới dễ dàng, vì thế ở phía dưới, cây nào cũng như được xén rất đều, cứ như thể một hàng rào sống động trong vườn. *Wilga* che mưa chắc chắn hơn hết thảy, vì các cây khác ở Úc lá không dày rậm như cây ở vùng đất giàu hơi ẩm.

Cha Ralph thở dài, nằm xuống và lại chuẩn bị hút thuốc.

– Anh là người bất hạnh, Frank ạ, ta không làm chứ? – cha hỏi.

– Nhưng thế nào là hạnh phúc mới được chứ?

– Hiện giờ bố và các em trai anh hạnh phúc. Còn anh, mẹ và em gái thì không. Anh không thích ở Úc phải không?

– Ở đây thì không. Tôi muốn chuyển đến Sydney. Có thể ở đây tôi sẽ đạt được một điều gì.

– Sydney ư? Nhưng đây là cái hang ổ khổng lồ của thói xấu. – Cha Ralph mỉm cười.

– Thì mặc nó! Ở đây tôi bị trói tay, trói chân, cũng như ở New Zealand trước đây; chẳng làm sao tránh được ông ta.

– Tránh ông ta ư?

Nhưng đây là Frank vô tình buột ra, cậu không muốn nói tiếp. Cậu nằm nhìn lên đám lá cây.

– Anh bao nhiêu tuổi, Frank?

– Hai mươi hai.

– À ra thế! Anh đã bao giờ sống xa mọi người trong gia đình chưa?

– Chưa.

– Anh đã bao giờ đi khiêu vũ chưa? Anh có bạn gái bao giờ chưa?

– Chưa.

Frank không muốn thêm mấy tiếng “trình cha” như lẽ luật đòi hỏi.

– Thế thì chắc là chẳng mấy nữa ông ấy sẽ để anh đi.

– Ông ấy sẽ không buông tha tôi chừng nào tôi còn sống.

Cha Ralph ngáp, nằm lại cho thoải mái hơn.

– Chúc ngủ ngon.

Buổi sáng mây đen càng xuống thấp, nhưng vẫn chưa mưa, và trong ngày họ đã đưa được cừu ra khỏi một bãi chần nữa. Trái dài qua suốt địa phận Drogheda, từ đông bắc đến tây nam, có một dãy đồi không cao, hiện giờ tất cả các đàn cừu được dồn lên những bãi chần ấy, ở đây có thể tìm được chỗ tránh nước nếu các con sông tràn bờ.

– Đừng thương tiếc ngựa, bây giờ đừng bận tâm đến chuyện ấy! – Cha Ralph quát lên. – Thúc tợn vào, không thì sẽ chìm ngập trong bùn đấy!

Trong có mấy giây, hai người đã ướt như chuột lột, và cũng không trong khoảnh khắc, đất hấp hơi nóng rẫy nhào nhoét ra. Nó hoàn toàn không hút nước và biến thành một biển bùn lỏng, ngựa thụt trong bùn gần đến đầu gối, bước đi một cách trầy trật. Đi trên cỏ thì còn đi được nhanh, nhưng đến gần sông, ở đó mọi thứ đã bị gia súc xéo nát từ lâu, họ phải xuống ngựa. Không có người cưỡi, ngựa đi dễ dàng hơn, nhưng Frank đứng không vững. Thế này thì còn tệ hại hơn cả mọi loại bãi băng. Họ bò bốn chân leo lên bờ sông dốc ngược, nhưng cứ trơn trượt và trôi tuột trở lại – Con đường lát đá, ở chỗ ngang qua sông bình thường chỉ ngập dưới lớp nước chưa đến một *feet*, chảy thong thả, còn bây giờ thì một luồng nước ngẫu bọt sâu đến bốn *feet* ào ào chảy qua. Frank chợt nghe thấy tiếng linh mục cưỡi. Họ hò hét khích lệ ngựa, dùng những chiếc mũ mềm sũng nước vỗ vào sườn chúng và cuối cùng chúng bình yên lên được bờ bên kia, nhưng Frank và cha Ralph không sang được. Họ thử leo sườn dốc nhiều lần và lần nào cũng trơn trượt. Cha Ralph đưa ra ý kiến leo lên cây liễu, nhưng vừa hay, Paddy lo lắng khi thấy mấy con ngựa không người cưỡi,

đã đến kịp thời, mang theo dây lưng và kéo họ lên.

Paddy mời cha Ralph về nhà, nhưng cha mỉm cười lắc đầu.

– Mọi người đang đợi tôi ở Nhà Lớn. – Cha nói.

* * *

Mary Carson nghe thấy tiếng cha trước bất kỳ gia nhân nào. Cha đi vòng quanh nhà, dự tính rằng từ lối đi chính sẽ dễ vào căn buồng dành riêng cho mình hơn.

–Ồ không, với bộ dạng như thế, cha không vào được đâu. – bà ta ở hàng hiên nói với cha.

– Thế thì bà làm ơn đưa giúp tôi mấy chiếc khăn tay và chiếc vali của tôi.

Không chút ngưng ngừng, bà ta đứng bên cái cửa sổ hé mở của phòng khách và nhìn cha cởi bỏ chiếc sơ mi ướt, ủng, quần và lau nước bùn trên mình.

– Chưa bao giờ tôi thấy một người đàn ông đẹp hơn cha, cha Ralph de Bricassart ạ. – Bà ta nói. – Tại sao trong các linh mục có nhiều người đẹp đến thế? Do ảnh hưởng của dòng máu Ireland chăng? Người Ireland là loại người đẹp. Hay là những người đàn ông đẹp trai đi tìm sự bảo vệ ở chức sắc thày tu, vì cái dáng hình như thế làm cho cuộc sống trở nên phức tạp? Tôi cam đoan rằng mọi cô gái ở Gilly đều héo hắt vì yêu cha.

– Đã từ lâu tôi học được thói quen không để ý đến các cô gái si tình. – Cha bật cười. – Một số cô có khả năng mê bất cứ linh mục nào dưới năm mươi, còn nếu linh mục chưa đến ba mươi lăm thì

thông thường cô nào cũng mê. Nhưng chỉ có những cô đạo Tin lành mới thử công nhiên quyến rũ tôi.

– Bất kể hỏi cha câu gì cũng đừng hòng có câu trả lời trực tiếp, phải thế không? – Mary Carson nói. Bà ta vươn thẳng người lên và đặt tay lên ngực cha. – Cha là một người ủy mị ưa khoái lạc. Ralph ạ, cha vẫn tầm nãng. Thế nào, khắp người cha đều bắt nãng như thế này chứ?

Cha mỉm cười cúi xuống, áp mặt vào tóc bà ta cười khẩy, cời khuy chiếc quần lót trong bằng vải gai; cái quần tụt xuống đất, cha dùng chân hất nó sang bên và đứng như tượng của Praxiteles^[33], còn Mary thì đi vòng quanh cha và thông thả ngắm nhìn cha khắp các phía.

Những việc xảy ra trong hai ngày gần đây làm cha vui vẻ, và một ý nghĩ bất ngờ càng làm cha vui vẻ hơn: Mary Carson có lẽ dễ bị tổn thương hơn cha tưởng nhiều. Nhưng cha biết bà ta khá rõ, vì thế cha mạnh bạo hỏi:

– Thế nào, Mary, bà muốn tôi làm tình với bà ư?

Bà ta nhìn cái vật tiêu biểu cho giới tính đàn ông của cha vẫn cù rũ thảm hại và cười giễu cợt:

– Ngay trong ý nghĩ tôi cũng không muốn cha phải nhọc sức như thế! Nhưng cha có cần đàn bà không, Ralph?

Cha hát đầu lên với vẻ khinh miệt:

– Không!

– Thế đàn ông?

– Họ còn tệ hơn đàn bà. Không, tôi chẳng cần ai cả.

– Vậy là cha tự giải quyết lấy cũng ổn chứ gì?

– Không một chút thêm muốn.

– Lạ đấy. – Bà ta trở lại phòng khách. – Ralph, hông y de Bricassart! – Cuối cùng bà ta mĩa mai cay độc. Nhưng khi đã rời xa cái nhìn thấu suốt của cha, bà ta ngồi ủ rũ trong chiếc ghế bành sâu của mình, nắm chặt hai tay, lòng tràn ngập nỗi hằn học bất lực về sự trở trêu của số phận.

Cha Ralph tràn như nhộng, rời hàng hiên xuống bãi cỏ xén gọn và dừng lại, hai tay bắt ra sau đầu, mi mắt khép lại. Cha phơi toàn thân ra trước những luồng mưa ấm áp ngọt ngào, nhói buốt, và chúng vuốt ve mơn trớn đến mê li làn da không có gì bảo vệ. Đã tối hẳn. Nhưng trong người vẫn còn nguyên cái cảm giác yên tĩnh uể oải ấy.

* * *

Con sông nhỏ tràn bờ, những cây cọc bên dưới ngôi nhà của Paddy mỗi lúc một ngập sâu trong nước, nước lan ra trong Ấp chính, đến gần Nhà Lớn.

– Ngày mai nước sẽ bắt đầu rút, – Mary Carson nói, khi Paddy lo lắng đến báo với bà ta việc đó.

Vẫn như mọi lần, bà ta nói đúng: tuần sau nước rút chút ít và cuối cùng trở lại lòng chảy bình thường của nó. Mặt trời ló ra, không khí nóng đến một trăm mười lăm độ trong bóng rợp, và cỏ như bay lên trời – ngọn cỏ cao gần ngang thắt lưng, tươi mơn, lấp lánh ánh vàng nom đến lóa mắt. Lá cây được nước mưa gột sạch bụi trở nên bóng loáng, những bầy vẹt quay trở lại, chúng ẩn ở đâu không rõ trong thời gian mưa, bây giờ chúng lại thấp thoáng

đủ các sắc cầu vòng trong đám cành cây và líu ríu càng hăng hơn trước.

Cha Ralph trở về với bầu chiên bị bỏ rơi của mình, điềm nhiên và hài lòng: cha không lo bị khiển trách vì đã vắng mặt, trên ngực ngay chỗ tim đập, dưới tấm áo lót màu trắng của linh mục là tấm ngân phiếu một ngàn bảy. Giám mục sẽ hân hoan.

Cừu được lùa trở lại các bãi chăn bình thường, và gia đình Cleary phải học theo tập quán ở vùng này – *siesta*^[34]. Dậy lúc năm giờ sáng, làm xong mọi việc vào quãng trưa, và nằm lăn ra một lử, vã mồ hôi, trần trở và bút rút không yên cho đến năm giờ chiều. Cả phụ nữ ở nhà cũng như đàn ông trên bãi chăn đều như thế. Phần công việc chưa làm hết trước buổi trưa được làm nốt sau năm giờ, họ ăn bữa tối sau khi mặt trời lặn, bàn kê ra ngoài hiên. Giường cũng phải đưa ra ngoài nhà, vì ban đêm vẫn không bớt nóng. Hình như cột thủy ngân, ngày cũng như đêm, muôn thuở không tụt xuống dưới một trăm. Thịt bò thì họ không còn nghĩ gì đến nữa, chỉ có loại cừu non nhỏ là thích hợp để làm thực phẩm – có thể ăn hết được khi thịt chưa kịp hỏng. Mọi người đều thèm đổi món, ai nấy đều chán ngấy những món ăn quanh đi quẩn lại vẫn ngàn ấy; thịt cừu dần, thịt cừu hầm, bánh rán nhân thịt cừu, thịt cừu sốt cari, chân cừu quay, thịt cừu ướp gia vị, thịt cừu luộc, muối, thịt cừu đủ các kiểu chế biến.

Đầu tháng hai, cuộc sống của Meggie và Stuart thay đổi đột ngột. Chúng được gửi đến Gillanbone, vào học trường nội trú của tu viện, vì không có chỗ nào học gần hơn. Hal lớn lên sẽ học hàm thụ ở trường do các tu sĩ dòng Dominic tổ chức ở Sydney, Paddy nói, nhưng Meggie và Stuart đã quen học các thầy giáo, và Mary Carson hào hiệp nhận trả tiền nội trú và tiền học ở tu viện *Cây*

thập giá của Chúa. Và lại Fee quá bận bịu với bé Hal, chẳng có thời giờ đâu mà để ý xem chúng học hành như thế nào. Ngay từ đầu, việc học hành của Jack và Hughie mặc nhiên đã được coi là xong: Drogheda cần chúng để làm lưng, mà chúng cũng chỉ mong có thế.

Sau Drogheda, mà cái chính là sau thời gian học trường *Trái tim chí thánh ở Wahine*, cuộc sống êm ả ở tu viện *Cây thập giá của Chúa* có vẻ lạ lùng đối với Meggie và Stuart. Cha Ralph, bằng phương pháp tế nhị, tỏ cho các nữ tu sĩ hiểu rằng hai đứa trẻ này được cha bảo trợ, mà bác gái của chúng là người giàu nhất New South Wales. Thế là tính bẽn lẽn của Meggie không còn là tật xấu nữa, mà biến thành đức hạnh, còn Stuart với thái độ thoát trần dị thường của mình, với thói quen hàng giờ nhìn về một nơi nào xa thăm thẳm, đã được mang danh là “vị thánh bé nhỏ”.

Đúng, ở đây sống rất yên ả, vì học hành nội trú rất ít: dân trong vùng khá giàu có, khi muốn cho con học trường nội trú hoàn toàn, bao giờ họ cũng thích gửi con đến Sydney hơn. Ở tu viện Gillanbone tỏa ra mùi sơn và mùi hoa, sự yên tĩnh và không khí mộ đạo rõ mồn một bao trùm trong các hành lang tranh tối tranh sáng. Mọi người đều nói khẽ, cuộc sống dường như diễn ra sau tấm khăn voan màu đen cực mỏng. Bọn trẻ không hề bị ai đánh đòn bằng gậy, không ai quát mắng chúng, đã thế trên đời lại có cha Ralph.

Cha thường xuyên đến thăm chúng và cũng thường đưa chúng về nhà mình, thậm chí cha còn cho quét vôi lại căn phòng nơi Meggie vẫn ngủ đêm – quét màu ve dũi mát, – cha mua rèm cửa sổ mới và tấm chăn mới. Stuart vẫn ngủ trong căn buồng đã hai lần quét vôi vẫn như cũ – màu cream và màu nâu. Cha Ralph

hoàn toàn không nghĩ đến chuyện Stuart có thích thú không. Cha chỉ chợt nhớ ra là cần mời cả nó về nhà nữa, để nó khỏi phật lòng.

Bản thân cha Ralph cũng chẳng biết tại sao cha quyến luyến Meggie như thế, nhưng thực thà mà nói, cha cũng chẳng rồi hơi tự hỏi mình điều đó. Khởi đầu là cha thương nó trong cái ngày xa xôi nó ở cái ga bụi bặm, khi cha thấy nó bối rối đứng sau cửa nhà. Trong gia đình, nó tách biệt hẳn ra, vì nó là con gái. Vốn bao giờ cũng sáng suốt, cha đã đoán ra điều đó. Nhưng cha hoàn toàn không quan tâm đến chuyện tại sao Frank cũng đứng tách riêng ra và cha không cảm thấy thương Frank. Ở Frank có cái gì giết chết cả sự triu mến, cả sự thông cảm – trái tim bực tức ấy thiếu ánh sáng nội tâm. Còn Meggie? Lần ấy nó khiến cha Ralph cảm động vô cùng, và quả tình cha không hiểu tại sao. Đúng, cha thích mái tóc màu sắc lạ thường ấy, cả màu và hình dáng đôi mắt – mắt nó giống mắt mẹ nên rất đẹp, nhưng còn đáng yêu hơn, giàu tình cảm hơn; và tính tình thì đúng là phụ nữ: cả nể, nhưng lại có sức mạnh vô cùng. Meggie hoàn toàn không phải là một tâm hồn nổi loạn, hoàn toàn ngược lại. Suốt đời nó sẽ phục tùng, cam chịu làm tù nhân cho kiếp đàn bà của mình.

Nhưng không, đây chưa phải là tất cả. Nếu cha nhìn sâu hơn nữa vào tâm hồn mình thì có lẽ cha sẽ hiểu rằng tình cảm của cha với con bé này sinh ra do sự kết hợp kỳ lạ thời gian, địa điểm và tính cách. Chẳng ai thực sự nghĩ đến nó, như vậy trong đời sống của nó có một khoảng trống mà cha có thể lấp đầy và chắc hẳn là cha sẽ được nó quyến luyến. Nó vẫn là con nít, vậy là nó không có gì đe dọa lối sống của cha và thanh danh đáng chần chừ của cha. Nó xinh đẹp, và mọi cái đẹp dễ đều làm cha thích thú; và cuối cùng, điều này cha ít muốn thú nhận với mình nhất,

– chính nó lấp cái chỗ trống trong đời cha mà Chúa không lấp đầy được, vì nó là một sinh vật biết yêu, có khả năng đem sự đầm ấm đáp lại sự đầm ấm. Không thể liên tiếp tặng quà cho nó được, như thế sẽ đặt gia đình nó vào tình trạng khó xử, vì thế cha cố gắng gặp gỡ nó thường xuyên hơn nữa và tốn không ít thời giờ và sáng kiến để trang hoàng lại cho nó căn buồng trong ngôi nhà ở của nhà thờ: nhằm làm cho nó vui sướng là một phần, song chủ yếu nhằm tạo nên cái khung xứng đáng cho hòn ngọc của mình. Bất cứ cái gì rẻ tiền, loại hai đều không xứng với nó.

* * *

Đầu tháng năm, thợ xén lông cừu đổ đôn về Drogheda. Không một việc nhỏ nhặt nào ở Drogheda lọt khỏi mắt Mary Carson: dù là việc phân phối cừu trên các bãi chăn thả hay kích thước cây roi của người chăn cừu, mấy ngày trước khi thợ xén lông cừu đến, bà ta cho gọi Paddy và như thường lệ, bà ta ngồi lút trong chiếc ghế bành sâu, phán bảo tỉ mỉ, cho đến từng tiểu tiết, về việc cần làm gì và làm như thế nào. Padraic vốn quen với quy mô nhỏ ở New Zealand, ngay từ những ngày đầu đã sửng sốt về căn nhà khổng lồ dùng cho việc xén lông cừu với những ngăn cho hai mươi sáu người thợ; và bây giờ, sau cuộc nói chuyện với bà chị, những con số và những chỉ dẫn khác khiến cho đầu óc ông ù cả lên. Thì ra ở Drogheda, người ta không chỉ xén lông cừu nhà, mà cả cừu ở Bugela, Dibban-Dibban và BeelBeel. Như vậy là mọi người trong điền trang, không trừ một ai, cả đàn ông và đàn bà, đều phải làm việc không ngơi tay, và người các trại xung quanh cùng sử dụng

Drogheda vốn được trang bị tuyệt vời cho việc này, họ cũng ra sức giúp đỡ nó bằng mọi cách, nhưng vất vả nhất dĩ nhiên là người ở đây.

Thợ xén lông cừu đưa tới một người nấu ăn, cho cả bọn, thực phẩm thì họ mua ở Drogheda, nhưng phải dự trữ đủ thực phẩm ở đây, phải dọn dẹp cọ rửa sạch những căn nhà ván cũ kĩ đóng ghép qua quýt, và cả nhà bếp ở nơi ấy cùng với một chỗ tạo dựng sơ sài làm nơi tắm rửa, phải chuẩn bị chăn đệm. Không phải tất cả các trại đều có những tiện nghi như thế khiến thợ xén lông cừu hài lòng, nhưng Drogheda tự hào về lòng hiếu khách của mình và nổi tiếng là chỗ tuyệt nhất để xén lông cừu. Mary Carson không tham gia vào bất cứ sáng kiến chung nào khác, nhưng về việc này thì bà ta không ki bo. Khu xén lông cừu của bà ta không chỉ là một trong những khu lớn nhất ở New South Wales, mà còn đòi hỏi những người thợ giỏi nhất, những bậc cao thủ như Jackie Howe; hơn ba trăm ngàn cừu phải được xén lông cho xong, để rồi những người thợ chất hành trang bọc trong những tấm chăn của mình lên chiếc cam nhông cũ kỹ của người chủ thầu và đi đến nơi nào công việc lại đang chờ họ.

* * *

Đã hai tuần nay Frank không ở nhà. Cùng với bác chăn cừu già Pete *Thùng bia* đem theo hai con ngựa dự trữ, chó và cỗ xe hai bánh chất đầy những thứ vật vãnh đơn sơ của họ do con ngựa cà khổ lười nhác miễn cưỡng kéo đi, cậu đi về khu vực xa ở phía tây – cần lùa cừu từ đấy về, dần dần tập trung chúng lại, chọn lựa và

phân loại. Một công việc kéo dài, mệt mỏi, không có gì giống với cuộc chạy đua điên cuồng trước trận lụt. Ở mỗi khu vực đều có bãi chần rào riêng của mình, ở đó có thể phần nào phân phối và đánh dấu cừu cho tới khi đến lượt chúng. Ở ngay chỗ xén lông, người ta đưa vào luôn một lần mười ngàn cừu, thành thử suốt thời gian thợ làm việc, sẽ không có thời giờ nghỉ, cứ là chạy ngược chạy xuôi long tóc gáy, thay thế cừu đã xén lông bằng cừu chưa xén lông.

Ở bếp, Frank bắt gặp mẹ đang bận bịu với công việc suốt đời không bao giờ hết của mình: mẹ đứng cạnh cái bồn rửa và gọt khoai.

– Mẹ, con đây mà! – Cậu vui vẻ gọi.

Bà quay ngoắt lại, và sau hai tuần không gặp nhau, Frank nhận thấy ngay bụng mẹ.

– Trời ơi! – Cậu thốt lên.

Niềm vui sướng trong mắt bà mẹ tắt ngấm, mặt bà đỏ rừ vì xấu hổ: bà đưa hai tay che cái tạp dề phồng lên, như thể tay có thể che giấu cái mà y phục không che giấu được.

Frank run bắn lên.

– Con dê già khốn kiếp!

– Không được nói như vậy, Frank. Con đã là người lớn, con phải hiểu. Bản thân con ra đời cũng không phải bằng cách nào khác, và chuyện này đáng tôn trọng không kém. Không có gì là gớm ghiếc cả. Con lẳng nhục bố là lẳng nhục cả mẹ nữa đấy.

– Ông ta không có quyền! Lẽ ra ông ta phải để mẹ yên! – Frank rít lên, bọt bong bóng phì ở khóe cặp môi run run của cậu, cậu đưa tay quệt miệng.

– Ở đây chẳng có gì gớm ghiếc. – Fee nhắc lại một cách mệt mỏi và nhìn con trai bằng cặp mắt phờ phạc nhưng sáng rõ, như quyết rũ bỏ hẳn sự xấu hổ. – Ở đây chẳng có gì là gớm ghiếc, Frank ạ, cả trong việc vì đâu trẻ con ra đời cũng thế.

Bây giờ Frank đỏ mặt tía tai. Không đủ sức chịu đựng hơn nữa cái nhìn của mẹ, cậu quay đi và bước vào căn buồng mà cậu ở chung với Bob, Jack và Hughie. Những bức tường trần trụi và những chiếc giường hẹp giều cọt cậu, đúng, giều cọt, những vật tẻ ngắt, không có diện mạo, không có ai truyền sức sống cho chúng, chẳng có cái gì làm cho chúng trở nên thiêng liêng, đem lại ý nghĩa cho chúng. Còn gương mặt của mẹ, gương mặt tuyệt đẹp, mệt mỏi ở giữa vầng hào quang nghiêm nghị của mái tóc vàng óng, gương mặt ấy vẫn ngời lên niềm tự hào về cái việc mà mẹ và con dê già lông lá ấy đã làm trong cái nóng mùa hè kinh người này.

Không trốn đi đâu thoát khỏi cái đó, không tránh đi đâu thoát khỏi bà mẹ được, không thể lẫn tránh những ý nghĩ thâm kín bị đè nèn, những thèm muốn hết sức tự nhiên, vì cậu đã là người lớn, là đàn ông rồi kia mà. Thường thường cậu vẫn xua đuổi được những ý nghĩ đó khỏi đầu óc, nhưng khi mẹ phơi bày ra trước mắt cậu cái biểu hiện hiển nhiên của lòng dục, khoe khoang về những hành động bí ẩn mà bà đắm mình vào cùng với con đực già dâm dục ấy... Không còn sức đâu nghĩ đến chuyện ấy, làm sao nhẫn nhịn được, làm thế nào chịu đựng nổi? Tại sao mẹ lại không thể là vị thánh chí thiện, cực thanh cực sạch như Đức Mẹ đồng trinh, tại sao mẹ lại không đứng cao hơn cái đó, cho dù mọi phụ nữ trên khắp thế gian đều phạm lỗi đó! Còn mẹ lại công nhiên nói thẳng tuột ra rằng lỗi tại mẹ, như vậy thì có thể phát điên lên

được. Để khỏi mất lí trí, đã từ lâu cậu tự gọi cho mình ý nghĩ rằng mẹ nằm cạnh lão già quái đản đó mà vẫn giữ được trinh tiết vẹn toàn, vì mẹ cũng phải ngủ ở một nơi nào chứ, nhưng ban đêm họ không hề quay lại với nhau, không hề đụng chạm đến nhau... Ôi quái quỷ!

Có cái gì rít lên, phát ra tiếng lạnh lạnh, và Frank nhìn xuống – thì ra cậu đã bẻ vụn cái thanh ngang bằng đồng ở cuối giường, làm nó xoắn lại.

- Tiếc rằng mi không phải là cái cổ của lão ta, – cậu nói với nó.
- Frank...

Mẹ đứng ở cửa.

Cậu ngẩng đầu lên, cặp mắt đen loáng ướt long lanh như hòn than dưới trời mưa.

- Rồi sẽ có lúc con giết lão ta...
- Thế tức là con giết cả mẹ nữa. – Fee nói, đến gần và ngồi xuống giường của con.
- Không, con sẽ giải thoát cho mẹ! – Cậu phản đối một cách sôi nổi, đầy hy vọng.

– Như vậy sẽ không phải là mẹ được giải thoát Frank ạ, và mẹ cũng không cần sự giải thoát ấy. Mẹ muốn hiểu tại sao con mù quáng như vậy, nhưng sẽ không sao hiểu nổi. Điều đó không phải do mẹ, cũng không phải do ba truyền lại cho con. Mẹ biết, con không cảm thấy con sống hạnh phúc, nhưng có nên trút hận lên mẹ và ba không? Tại sao con cứ cố làm cho mọi chuyện đâm ra rắc rối? Tại sao? – Bà găm mắt xuống, rồi lại nhìn con trai. – Mẹ không muốn nói, nhưng vẫn cứ phải nói. Đã đến lúc con nên chọn một cô gái, Frank ạ, lấy vợ, lập gia đình đi. Ở Drogheda có

đủ chỗ. Về khoản này, không bao giờ mẹ lo lắng cho các con trai khác của mẹ. Chúng nó rõ ràng là bản chất hoàn toàn khác. Còn con cần có vợ, Frank ạ. Khi con có vợ, con sẽ không còn thời giờ đâu nghĩ đến mẹ nữa.

Frank đứng quay lưng về phía mẹ, không xoay mình lại. Bà mẹ ngồi khoảng năm phút ở mép giường, vẫn hy vọng con thốt lên lấy một lời, rồi bà thở dài đứng lên và đi ra.

5

Sau khi cánh thợ xén lông cừu đã rút hết, khi cả vùng đã trở lại yên tĩnh, đi vào nếp sống mùa đông, là bắt đầu mùa triển lãm và đua ngựa hàng năm ở Gillanbone. Đây là những ngày hội chính ở địa phương và chúng kéo dài hai ngày. Fiona khó ở, và khi Paddy đưa Mary Carson vào thành phố trong chiếc “Rolls-Royce” của bà ta thì bên ông không có người vợ là chỗ dựa chắc chắn cho ông: sự có mặt của Fiona sẽ khiến cho Mary phải ngậm miệng. Đã từ lâu Paddy nhận thấy rằng không hiểu vì sao, khi có mặt Fiona thì bà chị ông có phần ít nói và mất tự tin.

Mọi người đều đi. Bọn trẻ con trai tỏ ra rất ngoan vì đã được răn đe trước là nếu không thì sẽ bị trừng phạt hết sức ghê gớm, chúng cùng với Pete *Thùng bia*, Jim, Tom, Mrs. Smith và những người ở gái bị lèn chặt trong chiếc cam nhông, còn Frank thì đã ra đi một mình từ sáng tinh mơ trong chiếc xe “Ford” kiểu du lịch. Tất cả những người lớn đều ở lại ngày thứ hai xem đua ngựa; vì những lí do chỉ mình bà ta biết, Mary Carson khước từ lời mời của cha Ralph, nhưng bà nằng nặc đòi để cho Paddy và Frank nghỉ đêm ở nhà cha. Hai người chẵn cừu khác và Tom, thợ làm vườn, nghỉ đêm ở đâu thì chẳng ai bận tâm đến; còn Mrs. Smith, Minnie và Cat nghỉ ở các nhà bạn gái mình ở Gilly.

Lúc mười giờ sáng, Paddy đưa bà chị mình vào căn phòng tốt nhất có thể có ở khách sạn “Imperial”; rồi ông xuống quán rượu và thấy Frank đứng bên quầy tay cầm vai bia lớn.

– Bây giờ ta sẽ chiêu đãi, anh bạn cố tri ạ, – Ông vui vẻ nói với con trai. – Ta sẽ phải đưa bác Mary đến dự một bữa ăn sáng long trọng, cần bồi bổ sức khỏe, không thì vắng mẹ anh, ta sẽ không kham nổi một thử thách như thế.

Sự kinh sợ quen thuộc thường bắt rễ rất chắc, ta chỉ hiểu điều đó khi lần đầu tiên ta thử phá vỡ những xiềng xích đầu tiên của nó. Dù rất khó, Frank không sao đủ can đảm hất cốc bia vào mặt ông bố, nhất là lại trước mặt mọi người trong quán rượu. Cậu uống nốt chỗ còn lại, mỉm cười gượng gạo.

– Xin lỗi ba, con đã hứa sẽ gặp các bạn ở triển lãm.

– Thế thì đi đi. Này cầm lấy mà tiêu vật. Chúc con giải trí vui vẻ, nếu có uống rượu thì cố làm sao đừng để mẹ nhận thấy.

Frank nhìn chằm chằm vào tờ giấy bạc màu xanh loạt soạt – năm bảng – cậu muốn xé tan ra và ném những mảnh vụn vào mặt Paddy! Nhưng thói quen lại thắng, cậu gấp tờ giấy bạc mới lại, cho vào túi ngực và cảm ơn bố. Rồi ba chân bốn cẳng lao ra khỏi tiệm rượu.

Paddy mặc bộ lễ phục màu lam, gilê cài hết cúc, sợi dây chuyền vàng trang sức một miếng kim loại tự sinh ở mỏ Lawrence giữ chắc chiếc đồng hồ vàng trong túi, ông ta sửa lại cái cổ còn cứng và nhìn quanh xem có thấy mặt nào quen trong tiệm rượu hay không. Trong chín tháng kể từ ngày đến Drogheda, ông không thường xuyên đến Gilly, nhưng vì ông là em của Mary Carson và nhiều phần chắc là người thừa kế bà ta, nên mọi người

đều biết mặt ông, và bao giờ ông cũng được đón tiếp hết sức nồng hậu ở thành phố. Máy người mỉm cười với ông, máy người lên tiếng gọi, mời uống bia, chỉ trong chốc lát một nhóm nhỏ thân thuộc đã vây lấy ông; và ông quên hẳn Frank.

* * *

Meggie bây giờ đã không uốn tóc búp (dù có tiền của Mary Carson, không một nữ tu sĩ nào muốn chăm lo đến chuyện ấy), nằm vắt trên vai nó là hai bím tóc dày bện chặt buộc những dải băng màu lam thẫm. Một nữ tu sĩ dẫn cô bé mặc đồng phục màu lam thẫm của nữ sinh trường nhà tu qua bãi cỏ của tu viện vào nhà cha Ralph và trao nó tận tay cho bà quản gia – bà này rất yêu con bé.

– Ôi chao, tóc con bé đẹp tuyệt, loại tóc như thế chỉ có thể thấy ở vùng núi chúng tôi; – Có lần bà ta nói với cha Ralph bằng giọng Scotland rất rõ; sự nồng nhiệt bất ngờ ấy khiến cha thích thú: nói chung Annie không hề có tình cảm triu mến với trẻ em, và bà ta chẳng thích ở gần trường học tí nào.

– Thôi đi, Annie! Tóc không phải là vật sống, không thể yêu một người nào đó chỉ vì mái tóc, – Cha nói trêu.

– Nhưng con bé đáng yêu ấy thật tội nghiệp, – có những con người *skeggy* như thế, chính cha biết đấy.

Không, cha không biết và không hỏi “*skeggy*” nghĩa là gì và cũng không nói ra rằng cái từ đó thậm chí có âm gần giống với tên Meggie. Đôi khi không nên tìm hiểu kỹ ý nghĩa lời lẽ của Annie và tỏ ra quá chú ý khiến cho bà ta cảm thấy được khuyến

khích. Chẳng phải vô cơ mà Annie tự xưng là thầy bói, và bà ta thương con bé, còn cha tuyệt nhiên không muốn phải nghe nói rằng Meggie đáng thương vì quá khứ của nó thì ít, mà vì tương lai của nó nhiều hơn.

Frank xuất hiện, vẫn còn bàng hoàng sau cuộc gặp gỡ với bố và không biết làm thế nào.

– Đi với anh, Meggie, anh sẽ đưa em đến hội chợ. – Cậu nói và chìa tay ra.

– Có lẽ sẽ dẫn cả hai con đi chẳng? – Cha Ralph cũng đưa tay cho Meggie.

Và đây, Meggie đi giữa hai người mà nó tôn sùng và nắm chặt lấy tay họ, nó đang ở tầng trời thứ bảy.

* * *

Triển lãm Gillanbone ở trên bờ sông Barwon, cạnh trường đua ngựa. Tuy đã nửa năm qua kể từ sau trận lụt, đất vẫn chưa khô và bị giẫm đạp dưới chân những kẻ nhàn rỗi nôn nóng kéo đến từ sớm, nó đã biến thành bùn lũng. Sau những ngăn chuồng cho những con cừu, bò, lợn và dê hạng nhất, chọn lọc để tranh giải, là những lều quán với đủ các thứ món ăn và đồ thủ công của những người khéo tay địa phương. Gia súc giống và bánh quy, khăn san đan và áo ngắn đan, mũ trùm cho hài nhi và khăn bàn thêu, mèo, chó, chim yến. – có khối thứ để mà xem.

Xa hơn nữa, sau tất cả những cái đó là bãi đua hình tròn, ở đây các kỵ sĩ trẻ tuổi nam và nữ cưỡi những con ngựa đua đuôi cắt ngắn, vờn múa trước ban chấm giải – bản thân những người

chấm giải rất giống những con ngựa, Meggie nghĩ như vậy và không nén được, nó cười khúc khích. Những nữ kị sĩ mặc váy cưỡi ngựa lỏng lẻo bằng hàng len mỏng, đội mũ hình trụ có tấm khăn voan mỏng tang quần xung quanh một cách đom đàng, đầu khăn bay phấp phới, ngồi xoay nghiêng người trên lưng những con ngựa cao ngất: Meggie thực quả không hiểu làm sao với thứ mũ như thế mà thế ngồi vắt vẻo như thế mà vẫn ngồi vững được trên lưng ngựa và giữ được vẻ trang nhã nếu ngựa chỉ bước nhanh lên một chút, nhưng kìa trước mắt Meggie, một phụ nữ lỏng lẻo điều khiển con ngựa kiêu hãnh của mình thực hiện một loạt bước nhảy và nước phi hết sức phức tạp và cho đến phút chót vẫn duyên dáng tuyệt vời. Rồi người phụ nữ ấy nóng nảy thúc ngựa phi nước đại qua cánh đồng nhào nhoét và dừng lại ngay trước mặt Meggie, Frank và cha Ralph, cản đường họ. Vắt một chân đi ủng đen bóng qua yên, ngồi nánh hảnh về một bên ngay ở rìa yên, nàng dang hai tay đi găng ra một cách oai vệ:

– Cha Ralph! Xin cho làm ơn giúp tôi xuống ngựa với!

Cha đưa hai tay ra, đỡ lấy eo lưng người phụ nữ, nàng chống tay vào hai vai cha, và cha nhẹ nhàng nhắc nàng khỏi yên, nhưng đôi ủng của nàng vừa chạm đất là cha buông ngay cái eo lưng thanh mảnh ra, nắm lấy cương hàm thiếc và dắt ngựa đi; cô gái trẻ đi bên cạnh, không khó khăn gì bắt theo nhịp bước của cha.

– Tiểu thư sẽ thắng cuộc đua Hunting chứ, Miss Carmichael?
– Linh mục hỏi không một chút hứng thú.

Cô gái cong môi lên vẻ hờn dỗi: nàng trẻ trung, rất xinh đẹp, và rõ ràng là tự ái về thái độ dửng dưng kỳ lạ của cha Ralph.

– Tôi hy vọng thắng cuộc, nhưng không chắc lắm. Tôi có

những địch thủ đáng gờm – *Miss Hopeton* và *Mrs. Anthony King*. Nhưng tôi dự tính sẽ thắng cuộc đua luyện ngựa, thành thử nếu không thắng cuộc đua Hunting thì tôi cũng không buồn phiền.

Cô nàng nói một cách trợn trư, đúng phép tắc và kiêu cách lạ thường – đây là ngôn ngữ của một người quý phái, có giáo dục và có học đến mức không có một tình cảm sinh động nào, một từ giàu hình ảnh nào tô điểm cho nó. Và khi nói với cô ả, cha Ralph cũng dùng những câu tròn trĩnh, những từ nhẵn nhụi, không có dấu vết của tính linh hoạt Ireland, tuồng như cô gái xinh đẹp kiêu này đã đưa cha trở lại cái thời mà chính cha cũng là con người như thế. Meggie cau có, sững sờ, ngạc nhiên một cách khó chịu: họ trao đổi lời lẽ với nhau mới dễ dàng và thận trọng làm sao, cha Ralph thay đổi khác lạ hẳn – thay đổi cái gì thì không hiểu, nhưng điều đó có thật, và Meggie chẳng thích sự thay đổi ấy chút nào. Meggie buông tay Frank, và chẳng mấy chốc mà cùng đi giảng hàng với nhau.

Khi họ tới gần cái vũng nước rất rộng thì Frank đã rút lại một quãng xa ở phía sau. Cha Ralph nhìn bao quát cái vũng nước: nó giống cái ao nông nhiều hơn, và mắt cha lóe lên vui vẻ: cha quay về phía con bé mà cha vẫn nắm chặt tay nó, cúi xuống gần nó với vẻ âu yếm đặc biệt – điều đó *Miss Carmichael* cảm thấy ngay trong mắt; – đây chính là cái còn thiếu trong cuộc chuyện trò lễ độ kiêu thượng lưu của họ.

– Ta không mang áo mưa, Meggie mền thương ả, vì thế ta không thể ném áo xuống dưới chân con như ngài Walter Raleigh. Tất nhiên tiểu thư sẽ thứ lỗi cho tôi, *Miss Carmichael* quý mến, – liền đó cha trao dây cương cho cô nàng, – nhưng tôi không để cho cô bé cứng của tôi bị bắn giày được, phải không nào?

Cha xốc nách Meggie lên một cách nhẹ nhàng và cắp nó ở bên sườn, mặc cho *Miss* một tay vén cái váy dài và nặng, tay kia cầm dây cương và lội bì bõm trong nước, không có ai giúp đỡ. Sau lưng họ, Frank cười vang, khiến người đẹp càng không nguôi đi được chút nào, và sau khi sang qua vũng nước, cô nàng quay ngoắt sang hướng khác. Cha Ralph đặt Meggie xuống đất.

– Thề có trời đất, giá mà giết được cha thì cô ta hả dạ lắm đấy.
– Frank nói.

Cậu khoái trá vì cuộc gặp gỡ này và về sự tàn nhẫn có dự tính của cha Ralph. Cô nàng xinh đẹp như thế, kiêu hãnh như thế, dường như không một người đàn ông nào trụ nổi trước cô ta, ngay cả linh mục đi nữa, thế mà cha Ralph thẳng tay phá tan niềm tin của cô ta vào bản thân, vào sức mạnh của nữ tính táo bạo, nó là vũ khí của cô ta. Tuồng như ông linh mục này căm ghét cô ta và tất cả những gì mà cô ta là hiện thân, tức là cái thế giới của phụ nữ, tinh tế và bí ẩn, mà Frank chưa bao giờ có dịp lọt vào. Bị chạm nọc vì những lời của mẹ, cậu rất muốn Miss Carmichael để ý đến cậu, dù sao cậu cũng là con trưởng của người thừa kế Mary Carson, vậy mà cô nàng thậm chí không buồn nhìn cậu, như thể không có cậu trên đời. Cô ta hoàn toàn bị cuốn hút bởi cha đạo này, thế nhưng ông ta là người không giới tính. Tuy ông ta cao lớn, nước da bánh mật, và đẹp trai, nhưng dù sao vẫn không phải là đàn ông.

– Đừng ngại, cô ta không chịu yên một cách dễ dàng như thế đâu. – Cha Ralph cười mỉa mai cay độc. – Cô ta giàu và chủ nhật sắp tới, để phô trương với bàn dân thiên hạ, cô ta sẽ cúng cho nhà thờ mười bảng. – Cha bật cười, nhìn khuôn mặt ngạc nhiên của Frank. – Ta không hơn tuổi con nhiều lắm, con ạ, và ta tuy là linh

mục, nhưng ta là con người thậm chí rất thực tế. Đừng vì thế mà trách ta; chẳng qua là ta đã thấy nhiều điều trong đời.

* * *

Trường đua đã rút lại phía sau, họ ra bãi dành cho mọi cuộc vui chơi có thể có. Cả Frank và Meggie vào đây như vào một nước thần kỳ. Cha Ralph cho Meggie luôn năm shilling^[35], còn Frank có năm bảng. Hạnh phúc biết bao khi ta có tiền vào cửa bất cứ rạp vui hấp dẫn nào. Người đông nghịt, trẻ con lằng xằng khắp nơi, tròn mắt nhìn những hàng chữ lô cuốn, đôi khi viết khá nguệch ngoạc phía trên lối vào những lều vải xơ xác: “*Người đàn bà to béo nhất thế giới*” “*Công chúa – tiên nương, Diệu vũ với rắn (Xem mau, nàng đang chọc giận rắn Mang bành!)*”, “*Người không xương ở Ấn Độ*”; “*Goliath, lực sĩ vĩ đại nhất trần gian*”, “*Nàng tiên cá Thetis, Công chúa thủy cung*”. Lũ trẻ xĩa tiền ra và mê mẩn xem tất cả những điều kỳ dị ấy, và không để ý thấy vẩy của nàng tiên cá đã mờ đi và rắn mang bành nhếch mép cười mà không có răng.

Ở đầu bãi đằng xa, choán hết chiều rộng của bãi là một cái lều khổng lồ, phía trước lều là một bụi gỗ cao, phía trên bụi chằng một băng vải như một đường gờ trang trí, bôi màu lòe loẹt, vẽ những hình người dậm dọa khán giả. Và một người nào không rõ dùng loa gào lên với đám người đã xúm đông lại:

– Xin quý vị chú ý! Trước mặt các vị là đội võ sĩ trứ danh của Jimmy Sharman! Tám võ sĩ ưu tú nhất thế giới! Hỡi những người dưng cảm, hãy thử sức, người thắng được thưởng tiền!

Các bà các cô bắt đầu chen ra khỏi đám đông, đàn ông từ khắp

các phía sấn đến gần cũng vội vã như thế, thanh thiếu niên chen chúc sát chân bục. Trình trọng như các đấu sĩ ra vũ đài trong xiếc cổ La Mã, tám người nối đuôi nhau thành một hàng đi lên bục và dừng lại: cổ tay quấn băng, hai tay chống nạnh, chân chạng ra, họ đứng giương oai trước những tiếng kêu trầm trồ thán phục của đám đông. Tất cả bọn họ đều mặc áo săng đay và may ô dài tay màu đen bó sát thân, bỏ trong quần, còn quần là quần soóc màu xám cũng bó sát đến lưng chừng túi – Meggie cho rằng họ mặc đồ lót ra mắt người xem. Trên ngực tất cả bọn họ đều viết những chữ lớn màu trắng: “Đội của Jimmy Sharman”. Bọn họ tầm vóc khác nhau: có những người rất cao, có những người trung bình, có những người thấp, nhưng tất cả đều rắn chắc và cân đối hiếm có. Họ chuyện trò, cười với nhau, thản nhiên, vận động cơ bắp, tóm lại, họ làm như hoàn cảnh hết sức bình thường và sự chú ý của công chúng không mấy may làm họ phờn chí.

– Nào, hỡi anh em, ai nhận lời thách đấu? – Người dẫn đầu gào vào loa. – Ai muốn thử hạnh phúc? Hãy nhận lời thách đấu, hãy giành lấy giải thưởng năm bảng! – Anh ta chốc chốc lại gào lên, và tiếng gào của anh ta xen lẫn với tiếng trống âm âm thoi thúc.

– Tôi nhận đấu! – Frank gào lên. – Tôi lên đây! Tôi lên đây!

Cha Ralph muốn giữ cậu lại, nhưng Frank hất tay cha ra, còn trong đám đông xung quanh, những người ở gần bật cười khi thấy anh chàng táo gan tầm vóc nhỏ thó, và họ bắt đầu đẩy cậu lên phía trước một cách hèn hậu.

Một người trong đội thân mật đưa tay ra và giúp Frank leo cái thang dốc lên bục và đứng bên bộ tám, còn người dẫn đấu tuyên

bố hết sức nghiêm chỉnh:

– Thưa quý vị, xin đừng cười! Anh này tầm vóc không đồ sộ, nhưng là người đầu tiên muốn giao đấu! Các vị biết đấy, không phải người khổng lồ là người dũng cảm, mà người dũng cảm mới là người khổng lồ! Thế đấy, cậu này đã nhận đấu, còn các bạn cao to như thế sao còn e ngại? Ai sẽ nhận lời thách đấu và tranh giải năm bảng, ai sẽ đọ sức với các dũng sĩ của Jimmy Sharman?

Dần dần có thêm mấy người tình nguyện nữa – mấy gã trẻ tuổi lúng túng vò mũ trong tay và kính trọng nhìn các võ sĩ nhà nghề đứng bên cạnh, đấy là những tinh hoa đặc tuyển và cao siêu vô cùng. Cha Ralph rất muốn xem những trò đó kết thúc ra sao, nhưng không làm thế nào được, đáng phải đưa Meggie ra khỏi đây từ lâu rồi, cha nghĩ như vậy, và cha lại xốc nó lên quay ngoắt đi và rời khỏi nơi này. Meggie kêu ré lên và càng kêu to hơn mỗi khi cha bước thêm một bước; người ta tò mò nhìn hai người, như thế thật hết sức bất tiện, tệ hơn nữa là bất lịch sự, vì ở thành phố mọi người đều biết mặt cha Ralph.

– Này, Meggie, ta không thể đưa con đến chỗ ấy! Như vậy thì bố con có lột da ta ra cũng đáng!

– Con muốn đến chỗ anh Frank, con muốn đến anh Frank! – Meggie toáng lên, nó đá hậu dữ dội và toan cắn tay cha.

– Thật là quái ác! – Cha Ralph nói.

Đành thuận theo cái điều không tránh khỏi, cha lần trong túi ít tiền lẻ và đi tới cửa rạp, vừa đi vừa liếc nhìn xung quanh xem có thấy đứa nào trong những thằng bé con nhà Cleary không; nhưng chẳng thấy đứa nào trong bọn chúng, chắc hẳn chúng đang đua tài ném móng ngựa sao cho nó móc vào chiếc đinh hay đang

ngón bánh rán nhân thịt và ăn kem.

– Con bé không được phép vào đây, thưa cha, – Người dẫn đầu nói bằng giọng ngạc nhiên và bức bối.

Cha Ralph ngược mắt nhìn lên trời.

– Tôi sẽ rất vui mừng rời khỏi đây, nhưng ông hãy bày cho tôi nên làm cách nào? Cháu nó gào ầm lên thì tất cả cảnh sát Gillanbone sẽ đổ xô đến, chúng ta sẽ bị bắt vì đối xử tàn bạo với trẻ em. Anh của cháu sẽ đấu với một trong các võ sĩ cừ khôi của các ông, nó nhất định muốn xem anh nó sẽ thắng như thế nào.

Người kia nhún vai.

– Thôi được, thưa cha, tôi đâu có quyền tranh cãi với cha, phải không ạ? Có điều xin vì... ê-ê... xin cha chú ý đừng để nó quẩn chân chúng tôi. Không, không, xin cha cất tiền đi cho, Jimmy không lấy tiền của cha.

Bãi rạp đầy chật đàn ông và bọn trẻ con trai, tất cả chen tới gần vũ đài ở giữa. Cha Ralph nắm chặt tay Meggie, tìm một chỗ trống ở phía sau tất cả mọi người, bên cái vách vải bạt. Không khí xanh mờ khói thuốc lá, và có mùi thơm của mặt cửa rắc trên sàn cho sạch sẽ. Frank đã đeo găng tay, cậu là người sẽ giao đấu trước tiên.

Tuy không lấy gì làm thường xuyên, nhưng vẫn có trường hợp người tình nguyện trong đám đông đương đầu được với võ sĩ chuyên nghiệp. Thực ra, đội của Jimmy Sharman thì có trời biết được nó là cái gì, nhưng trong đội cũng có mấy võ sĩ hạng nhất của Úc. Vì Frank vóc người nhỏ bé, người ta đưa ra một võ sĩ loại nhẹ nhất. Frank hạ anh ta ở đòn thứ ba và nhận đấu với một người nữa. Lúc cậu đấu với người thứ ba trong đội, tin đồn lan ra

bãi, và người ta đổ vào đầy chật rạp, quả táo rơi không lọt.

Các đấu thủ hầu như không đụng được đến Frank, còn một số cú đấm của họ đánh trúng chỉ càng làm bùng lên cơn cuồng nộ âm ỉ trong cậu. Mắt cậu trở nên điên dại, cậu soi cả người lên, cậu tưởng như mỗi đấu thủ đều là Paddy, trong tiếng hò reo hoan hỉ của người xem, cậu nghe thấy một bài ca hùng dũng: “Đánh! Đánh! Đánh! Đánh” Ôi, cậu thèm có dịp đánh nhau biết bao, cậu thiếu đứt cái trò quạ nhau kể từ khi đến Drogheda! Quạ nhau! Cậu không biết một cách nào khác để trút nỗi đau đớn và căm giận, và khi đánh ngã một đối thủ, cậu nghe thấy một tiếng nói hùng dũng lặp đi lặp lại một bài ca khác: “Giết! Giết! Giết!”.

Rồi người ta đưa một quán quân thực sự loại nhẹ cân ra đấu với cậu, người này được lệnh giữ Frank ở khoảng cách để tìm hiểu xem Frank đánh xa có tốt như đánh gần không. Mắt Jimmy Sharman long lanh. Ông ta bao giờ cũng nhạy bén: Liệu có tìm được một quán quân mới không, và trong những cuộc trình diễn như thế này ở các thị trấn hẻo lánh, ông ta đã khám phá được mấy “ngôi sao”. Võ sĩ hạng nhẹ làm theo lệnh ông bầu, và anh ta phải một phen gay go, tuy tay anh ta dài, còn Frank, bị ám ảnh bởi một ham muốn điên cuồng duy nhất – đánh ngã, hạ thủ, kết liễu – nên chỉ thấy một điều: kẻ thù không để cho người ta chộp được nó, nó luôn luôn nhảy nhót, luôn luôn tránh né, và cậu bám riết nó. Sau mỗi lần ôm sát, từ trận mưa đòn cậu luôn luôn rút ra những bài học mới, vì cậu thuộc loại người lạ kỳ mà ngay trong cơn hung cuồng ghê gớm nhất, vẫn có khả năng suy nghĩ. Cậu đương đầu được hết hiệp, mặc dù hai năm đấm dày dạn kinh nghiệm của nhà quán quân nện cậu ác liệt; một mắt cậu sưng húp, một bên lông mày và một môi rách toạc. Nhưng cậu thắng

được hai mươi bảng và được tất cả khán giả kính nể.

Lợi dụng một lúc, Meggie vùng ra khỏi tay cha Ralph và cầm đầu chạy ra khỏi rạp, cha không kịp giữ nó lại. Cha ra theo và thấy nó nôn, nó dùng chiếc mùi soa nhỏ xíu cố lau đôi giày vấy bẩn. Cha lẳng lặng đưa cho nó chiếc mùi soa của mình, xoa mái đầu bé nhỏ màu rục như lửa, đang rung lên trong tiếng nức nở. Trong rạp, chính cha cũng lợm giọng, nhưng chức sắc của cha không cho phép cha tự buông lỏng mình trước mọi người.

– Con muốn đợi Frank, hay ta đi luôn.

– Con đợi Frank. – Meggie thì thầm, tựa vào bên mình cha, lòng tràn ngập niềm biết ơn sự thông cảm tế nhị ấy.

– Ta không hiểu vì sao con có uy lực như thế đối với trái tim không biết rung động của ta? – Cha vừa nói vừa trầm ngâm suy nghĩ, vì cho rằng con bé tội nghiệp đã nhọc sức, không để ý nghe, và cũng như nhiều người sống trong cô đơn, cha để mình bị cuốn theo nhu cầu nói lên thành tiếng ý nghĩ của mình. – Con chẳng giống mẹ con chút nào, ta không có em gái, thực tình ta không hiểu ở con có cái gì lạ lùng, và trong gia đình bất hạnh của con cũng thế... Con sống chật vật lắm phải không, Meggie bé bỏng của ta?

Frank từ trong lều rạp đi ra, dùng khăn tay thấm cái môi bị rách xước, lông mày dán mẩu thuốc cao. Lần đầu tiên kể từ khi hai người quen nhau, mặt cậu ta có vẻ hạnh phúc – hẳn là phần đông đàn ông có bộ dạng như thế sau cái gọi là “một đêm khá thỏa lòng với đàn bà”, linh mục nghĩ.

– Tại sao Meggie lại ở đây? – Frank hỏi một cách dữ tợn, cậu ta vẫn còn hăng máu sau cuộc đấu.

– Muốn giữ được em nó chỉ có mỗi một cách: trói chân, trói tay và cố nhiên là nhét giẻ vào mồm, – Cha Ralph trả lời một cách cay độc; phải bào chữa thật chẳng lấy gì làm thích thú, nhưng có lẽ Frank có thể xông vào đánh cả cha nữa. Hoàn toàn không phải là cha sợ Frank, mà sợ tai tiếng trước mọi người. – Em nó sợ cho anh. Frank ạ, và nó muốn đến gần để chính mắt thấy rõ không có điều gì xảy ra cho anh. Không nên giận nó, chẳng thế thì nó cũng đã quá lo lắng rồi.

– Không được nói với ba rằng em đâm đầu vào đây đấy nhé, – Frank nói với em.

– Nếu anh không phản đối thì có lẽ ta chấm dứt cuộc đi chơi của chúng ta ở đây chẳng? – Linh mục đề nghị. – Ta cho rằng mấy bố con anh nên nghỉ ngơi và uống trà nóng ở nhà ta. – Cha khẽ véo đầu mũi Meggie. – Còn con, cô bạn trẻ ạ, con cũng nên tắm rửa cho sạch sẽ một chút.

* * *

Suốt ngày Paddy ở bên bà chị, đấy là một khổ hình thực sự, Fee chưa bao giờ làm tình làm tội ông như thế. Cần giúp bà lão khi bà ta cần nhằn và cúi gắt dò dẫm đi trên bùn với đôi giày lưa của Pháp; phải mỉm cười và nói câu gì với những người được bà ta ban cho một cái gậy đầu kiêu kỳ; phải đứng cạnh bà ta khi bà ta trao cho người thắng cuộc đĩa chính giải thưởng của Gillanbone – chiếc vòng đeo tay bằng ngọc bích. Muốn sao thì sao, Paddy không tài nào hiểu nổi vì lẽ gì mà đáng lẽ trao cúp phần thưởng có tấm biển bằng vàng và một số tiền mặt lớn thì người ta lại biến

tất cả số tiền thưởng thành vật trang sức lặt vặt của phụ nữ: bản chất tài tử thuần túy của cuộc đua này hoàn toàn xa lạ với ông – phải hiểu rằng những người chơi môn thể thao đua ngựa không cần thứ kim loại đáng khinh và có thể vung hết tiền thưởng giành được vì phụ nữ. Horry Hopeton có con ngựa thiến màu hồng tên là Vua Edward đoạt được chiếc vòng ngọc bích này, những năm trước nó cũng đã chiếm được những chiếc vòng khác – bằng hồng ngọc, kim cương và safia, nhưng ông nói rằng ông không an tâm chừng nào chưa giành được đủ nửa tá: ông có vợ và năm con gái.

Mặc chiếc áo sơ mi hồ bột cổ còn, Paddy cảm thấy gò bó, ông vã mồ hôi với bộ com-lê màu lam dày khít, dạ dày quen với thịt cừu phải khó khăn mới chịu đựng nổi món ăn nguội lạ lẫm của Sydney bằng cua và động vật thân mềm mà người ta đưa lên để dùng với sâm banh trong bữa ăn sáng long trọng. Ông cảm thấy mình ngổ vồ cùng và chắc rằng bộ dạng của mình thộn lẫm. Bộ com-lê tốt nhất của ông may chẳng ra gì và kiểu thì rõ ràng là cổ lỗ, khiến cho ông có vẻ hết sức quê mùa. Mà xung quanh ông toàn là người lạ: tất cả những người chủ trại chăn nuôi ồn ào, hăng hái này, những bà vợ kiêu kỳ phốp pháp của họ, những thiếu phụ trẻ cao lêu đêu, lẫm lờ (ở bản thân họ có cái gì giống ngựa) – tất cả lớp váng bề mặt của cái mà tờ “Tin tức” địa phương mệnh danh là “squattocracy”^[36]. Họ cố hết sức quên đi những ngày thuộc thế kỉ trước mà họ di cư sang nước Úc này và chiếm những vùng đất mênh mông mà sau đó, khi thành lập Liên bang và chế độ tự quản, chính quyền mặc nhiên thừa nhận quyền sở hữu của họ. Lớp người ăn trên ngồi trốc này khiến cho cả nước ghen tị và họ thành lập đảng chính trị của mình, gửi con cái mình

đến học ở các trường quý tộc tại Sydney, tiếp đón hoàng thân xứ Wales^[37] một cách thân tình ở nhà họ khi ông ta sang thăm Úc. Còn Paddy Cleary chỉ là một người bình thường, một người lao động. Ông không có cái gì chung với những người quý tộc thuộc địa này, họ khiến ông nhớ đến họ hàng nhà vợ, và điều đó hết sức khó chịu cho ông.

* * *

Buổi tối, trong phòng khách của cha Ralph, khi ông gặp Frank, Meggie và chính chủ nhân bên cái bếp lò cháy rừng rực – cả ba đều bình tĩnh, hài lòng, dễ thấy ngay là họ đã qua một ngày thoải mái vui vẻ, – và ông bỗng bực tức, không có sự ủng hộ khó nhận thấy, nhưng vững chắc của vợ, ông cảm thấy thiếu thốn nhiều lắm, còn bà chị thì ông không thể chịu đựng nổi bà ta, cảm giác khó chịu đó có lẽ không giảm bớt chút nào so với thời thơ ấu xa xưa ở Ireland. Đột nhiên ông nhận thấy miếng cao dán trên Frank, bộ mặt sưng húp của cậu, và ông mừng khôn xiết vì có cơ để bùng nổ.

– Bộ dạng mày như thế thì làm sao có thể vác mặt đến gặp mẹ được? – Ông gào lên. – Sễnh mắt ra một chút là chứng nào tật ấy, ai lờm mày một cái là mày xông vào đánh nhau luôn.

Cha Ralph sửng sốt bật dậy, mở miệng toan nói để dàn hòa, dẹp đi cho yên chuyện, nhưng Frank đã đi trước.

– Con kiếm ra tiền bằng cách đó, – cậu nói rất khê, trở vào miếng cao dán. – Hai mươi bảng trong có mấy phút, bác Mary trả con với ba trong một tháng không được ngàn ấy tiền! Hôm nay ở

rap của Jimmy Sharman con đã hạ ba võ sĩ có hạng và chịu trận được suốt một hiệp với một quán quân hạng nhẹ. Và con đã kiếm được hai mươi bảng. Có lẽ theo ý ba thì con không nên làm việc đó, thế nhưng hôm nay tất thấy những người có mặt ở đó đều kính trọng con.

– Thằng được vài kẻ già nua đã hết hơi sức trong một cuộc đấu ở cái xó hẻo lánh mà đã vênh vang à? Đã đến lúc phải trưởng thành lên, Frank! Hiển nhiên là mày không cao thêm lên được nữa đâu, nhưng ít ra hãy vì mẹ mà tăng thêm lấy chút trí khôn nữa!

Frank tái nhợt đi nom mới khiếp làm sao! Mặt hết như màu xương trắng hếu vì phơi gió gội mưa. Lời lăng nhục cực kỳ tàn ác, mà từ miệng ai nói ra – từ miệng bố mình, và không được ăn miếng trả miếng. Cậu ngạt thở cố kìm nén để khỏi dùng đến quả đấm.

– Họ không phải là những kẻ già yếu, ba ạ. Ba biết không kém gì con rằng Jimmy Sharman là người thế nào. Chính Jimmy Sharman đã nói rằng con sẽ thành một võ sĩ có hạng, ông ấy muốn tuyển con vào đội và sẽ đích thân huấn luyện con. Và sẽ còn trả tiền cho con nữa kia! Có lẽ con sẽ không cao thêm được nữa, nhưng sức lực thì con có đủ, con có thể đánh như tử bất cứ kẻ nào, kể cả ba nữa, con dê già hôi thối ạ!

Paddy hiểu rất rõ mấy tiếng cuối cùng ám chỉ điều gì, và mặt ông cũng tái mét đi.

– À, mày dám nói láo!

– Thế ông là gì? Con vật dâm dục! Sao, ông không thể để cho mẹ tôi yên được à? Ông không thể không bám riết lấy mẹ tôi à!

– Ấy chớ, chớ nên thế! – Meggie gào lên. Cha Ralph như bấu móng tay vào vai con bé, ghì chặt nó vào mình đến nỗi làm nó đau. Nước mắt chảy ròng ròng hai bên má nó, nó cố vùng ra mà không được. – Chớ nên thế, ba ơi! Ôi, Frank, đừng làm thế! Đừng mà! – Nó gào lên the thé.

Nhưng chỉ có cha Ralph nghe thấy nó, Frank và Paddy đứng đối diện với nhau, sự sợ hãi và thù địch cuối cùng đã tìm được lối thoát. Con dê trước kia ngăn giữ họ – tình yêu chung đối với Fee – đã vỡ, sự cạnh tranh ác liệt vì tình yêu đó đã bộc lộ ra.

– Ta là chồng bà ấy. Và Chúa đã ban con cái cho chúng ta. – Paddy nói đã bình tĩnh hơn, gắng tự chủ.

– Ông là con chó dái bỉ ổi, ông vui sướng được nhảy bất cứ con chó cái nào!

– Còn mày giống hệt con chó dái bỉ ổi bố mày, dù tao không biết thằng ấy là ai! Ớn chúa, tao không dính dáng gì đến chuyện ấy. – Paddy gào lên... và im bật. – Lạy Chúa lòng lành! – Sự điên khùng của ông dịu ngay tức khắc, ông rũ xuống, co rúm lại như quả bóng hơi bị chọc thủng, hai tay tự bịt miệng mình, dường như ông ta sẵn sàng dứt dứt cái lưỡi mình đã buột ra những lời không được nói ra. – Ta không định nói thế! Không phải thế! Không phải thế!

Khi Paddy vừa buột ra những lời tai hại, cha Ralph đã buông Meggie và nhảy xổ vào Frank. Cha bẻ quặt tay phải của Frank ra phía sau, tay trái cha ghì lấy cổ Frank đến nỗi cậu ta suýt ngạt thở. Cha rất khỏe, tay cha giữ cứng như thép. Frank thử vùng ra, rồi thôi không chống cự nữa, lắc đầu chịu phép. Meggie sụp xuống sàn, rồi cứ quỳ như thế, nước mắt chan hòa, không biết

làm thế nào, đành chỉ hết nhìn bố lại nhìn anh với vẻ van vi tuyệt vọng. Nó không hiểu chuyện gì xảy ra, nhưng nó cảm thấy nó sẽ mất một trong hai người.

– Đấy chính là điều ông muốn nói. – Frank thốt lên bằng giọng khàn khàn. – Chắc chắn là trước nay tôi vẫn biết điều đó! Chắc chắn là tôi biết! – Cậu cố quay đầu về phía linh mục. – Buông tôi ra, cha Ralph. Tôi sẽ không đụng đến ông ta, thề có Chúa, tôi sẽ không động đến.

– Thề có Chúa ư? Cầu cho các người bị Chúa nguyên rủa suốt đời, cả hai bố con! – Cha Ralph gào lên, cha là người duy nhất mà lúc này cơn giận đang sôi sục. – Nếu các người làm cho con bé sống không nổi thì ta sẽ giết chết các người! Ta phải để nó ở đây cho nó nghe thấy hết, vì ta sợ rằng nếu ta đưa nó đi thì trong lúc đó các người sẽ giết lẫn nhau còn hơn, ta ngăn cản các người là nhằm, những kẻ đầu không có óc, chỉ nghĩ đến mình thôi!

– Thôi được, tôi sẽ đi. – Frank nói bằng giọng tê nhạt, không còn là giọng của mình nữa. – Tôi sẽ vào đội của Jimmy Sharman và không bao giờ trở lại nữa.

– Con phải về! – Paddy nói lí nhí. – Ta sẽ nói gì với mẹ con được? Đối với mẹ con, con đáng quý hơn tất cả chúng ta gộp lại. Suốt đời mẹ con sẽ không tha thứ cho ta!

– Hãy nói với mẹ rằng tôi gia nhập đội của Jimmy Sharman, vì tôi muốn đạt được một điều gì. Đấy hoàn toàn là sự thật.

– Điều ta nói ban nãy... không đúng đâu, Frank ạ.

Cặp mắt đen của Frank lóe lên đầy khinh miệt – cặp mắt xa lạ, lạc loài trong gia đình này, nó làm cha Ralph biết học thuyết Mendel^[38] và cho rằng ngay cả mắt xám của Fee cũng không sao

giải thích được điều đó.

Frank lấy áo măng tô và mũ.

– Thế là rõ, đây là sự thật! Chắc là trước nay tôi vẫn biết điều đó. Tôi nhớ lại, mẹ tôi chơi cỗ đàn *clavecin* của mình trong căn buồng mà cả đời ông không có nổi căn buồng như thế! Tôi cảm thấy trước đó không hề có ông, tôi có trước ông. Trước hết mẹ là của tôi. – Cậu cười không thành tiếng. – Kỳ quặc, bao nhiêu năm tôi nguyện rửa ông, tôi nghĩ rằng ông lòi mẹ tôi xuống đầm lầy, nhưng hóa ra tất cả là vì tôi. Vì tôi!

– Trong việc này không ai có lỗi cả, Frank ạ, không một ai hết!
– Linh mục kêu lên và nắm lấy vai cậu. – Không làm sao biết được những con đường của Chúa, nên hiểu điều đó!

Frank hất tay cha ra và bằng bước chân nhẹ nhàng êm ru của mình, bước chân của con thú nguy hiểm đang lén tới, cậu đi về phía lối ra. Đúng, gã trai này là một võ sĩ bẩm sinh, một ý nghĩ thoáng hiện trong óc cha Ralph, bộ óc lạnh lùng của đấng hồng y bẩm sinh.

– “Không sao biết được những con đường của Chúa!” – Frank ở ngưỡng cửa nhại lại. – Khi ông sắm vai đấng chăm sóc phần hồn cho con chiên, ông chỉ là con vẹt, de Bricassart đáng kính ạ. Cầu Chúa ban phước cho ông, tôi nói thế này này: trong tất cả chúng ta ở đây, ông là người duy nhất không may may biết rằng thực ra ông là cái gì!

Paddy mặt cắt không còn hột máu, ngồi trên ghế, đôi mắt hoảng sợ không rời khỏi Meggie, còn nó quỳ gối, co rúm bên bếp lò, vẫn khóc suốt và lắc lư từ phía sau ra phía trước. Ông đứng lên, toan bước về phía nó, nhưng cha Ralph xô mạnh vào ngực

ông.

– Để mặc nó. Ông đã gây bao nhiêu tai họa! Hãy lấy whisky trong tủ buyp-phê và uống đi. Đừng đi khỏi đây, tôi đưa con bé đi nằm rồi tôi sẽ trở lại đây, ta sẽ nói chuyện. Có nghe thấy tôi nói gì không?

– Trình cha, con sẽ không rời khỏi đây. Cha đưa nó vào giường đi.

* * *

Ở trên gác, trong căn buồng ngủ xinh xắn màu ve sáng, cha Ralph cởi áo dài và sơ mi cho con bé, đặt nó ngồi lên mép giường để tháo giày và bít tất cho nó. Chiếc áo ngủ đêm do Annie chu đáo sắp sẵn nằm trên cái gối; cha Ralph mặc chui qua đầu cho nó, nhẹ nhẹ kéo xuống đến gót, rồi cởi quần lót cho nó. Suốt thời gian đó, cha cứ nói linh tinh về những chuyện không đâu: nào là cúc không chịu tuột ra, nào là dây giày cứ thắt nút lại, nào là những dải băng không chịu để cho gỡ ra khỏi bím tóc. Không hiểu Meggie có nghe thấy những câu bông lơn vớ vẩn ấy không: mắt đờ đẫn, nó buồn rầu nhìn đi đâu không rõ qua phía trên vai cha, đôi mắt ấy chứa đựng câu chuyện không lời về những bi kịch quá sớm, những đau khổ không trẻ con chút nào và nỗi đau xót quá nặng nề với tuổi của nó.

– Nào, bây giờ thì nằm xuống, con yêu quý của ta, và cố ngủ đi. Lát nữa ta sẽ trở lại với con, đừng lo gì hết, nghe không? Khi ấy ta sẽ nói với nhau mọi chuyện.

* * *

– Nó thế nào ạ? – Paddy hỏi, khi cha Ralph trở lại phòng khách.

Linh mục lấy cái chai trên tủ buyp-phê và rót cho mình nửa cốc whisky.

– Thành thật mà nói, tôi cũng không biết nữa. Có Chúa chứng giám, Paddy ạ, tôi muốn hiểu: đối với người Ireland thì cái gì là tai họa tệ hại nhất – thói ham mê uống rượu hay tính tình rò dại? Không, không cần mất công trả lời. Vẫn là cái tính nết ấy. Cố nhiên điều đó là sự thật. Tôi biết nó không phải là con ông, tôi hiểu điều đó ngay từ lúc thoát gặp.

– Vậy là cha nhận thấy hết ư?

– Nhận thấy nhiều điều. Tuy nhiên, chỉ cần một óc quan sát hết sức bình thường là đủ để nhìn thấy trong các giáo dân của tôi ai đang lo lắng hay đau khổ. Khi tôi nhìn thấy như thế thì nhiệm vụ của tôi là phải giúp đỡ hết sức mình.

– Trình cha, ở Gillanbone mọi người rất yêu mến cha.

– Chắc chắn đấy là nhờ hình dáng bên ngoài của tôi, – Linh mục muốn nói điều đó bằng một giọng hồ hững, nhưng trái với ý muốn của ông, lời nói của ông lộ vẻ cay đắng.

– Cha tưởng thế ư? Không, trình cha, con không đồng ý. Chúng con yêu cha vì cha là một đấng chăn chiên tốt.

– Này thôi, dù sao thì rõ ràng là tôi đã bị chìm ngập trong những chuyện rầy rà của gia đình ông. – Cha nói không phải không có phần bối rối. – Vì vậy, hãy bực bực hết những gì chứa

chất trong lòng ông đi, ông bạn.

Paddy nhìn chăm chăm vào những khúc củi cháy rực – ông hồi hận khổ sở, đứng ngồi không yên, và trong khi linh mục đưa Meggie đi nằm, ông đốt lên trong lò cả một đồng lửa. Cái cốc rỗng không cứ nhảy lên trong bàn tay run run của ông; cha Ralph đứng lên lấy chai rượu và rót thêm whisky cho ông. Paddy uống một cách thèm thuồng, thở dài, lau mặt – trước đó ông không nhận thấy nước mắt chảy ròn ròn trên má.

– Chính con cũng không biết ai là bố của Frank. Con với Fee quen nhau là sau này. Họ hàng bà ấy ở New Zealand, có thể nói là những người danh giá nhất, ở Ashburton, trên đảo Nam, bố bà ấy có một điền trang cực lớn, ở đấy có cả cừu, cả lúa mì. Tiền bạc của họ nhiều không kể xiết, còn Fee là con gái duy nhất của ông ta. Con hiểu rằng ông ta đã trù tính trước cả cuộc đời của con gái ông: cô sẽ sang Anh, sẽ được ra mắt ở chốn triều đình, người ta sẽ tìm cho cô tấm chồng xứng đáng. Đương nhiên là ở nhà, cô ta không mó tay vào việc gì. Họ có đủ hết: cả hầu phòng, cả quản gia, cả ngựa xe... Họ sống như những đại quan.

Trong nhà ấy con làm thợ phụ ở nhà làm bơ, đôi khi con nhìn thấy từ xa: Fee đi dạo chơi với một thằng bé chừng một tuổi rưỡi. Thế rồi có một lần, đích thân James Armstrong đến tìm con. Con gái ta làm nhục gia đình, ông ấy nói, không chồng mà có con. Hồi ấy, vụ này cố nhiên được dập đi, gia đình muốn đưa cô ta đi thật xa, nhưng bà không cho, bà dứt khoát không nghe, chẳng làm cách nào được, đành phải để cô ta ở nhà, tuy thật là bất tiện. Còn bây giờ, James nói với con, người bà ấy sắp qua đời, và sau khi bà cụ mất thì nhất định họ sẽ tự giải thoát khỏi cô gái và đưa con cô ta. Nếu con lấy cô ta và hứa đưa cô ta đi khỏi đảo Nam thì họ sẽ

cho vợ chồng con tiền đi đường và thêm năm trăm bảng nữa.

Trình cha, đối với con năm trăm bảng là cả một tài sản, và con đã chán cảnh sống lẻ loi. Phải cái tính con vẫn hay cả thẹn, nhất gái. Lần này con nghĩ rằng như thế có lẽ cũng hay đấy, còn về đứa trẻ thì con hoàn toàn không phản đối. Người bà nghe phong thanh về chuyện ấy, và mặc dù đã yếu mệt lắm, bà cụ cho người tìm con. Con xin cam đoan rằng trước kia bà ta đúng là mụ phù thủy tai quái, nhưng đích thực là một phu nhân quý tộc. Bà ta kể với con đôi chút về Fee, nhưng không hé lộ nửa lời về việc ai là cha đứa bé, và con cũng không muốn hỏi. Thế rồi bà ta bắt con hứa rằng con sẽ không xử tệ với Fee... bà ta hiểu: hễ bà ta chết là họ sẽ tống cổ ngay con gái họ ra khỏi nhà, vì thế bà ta đã gợi ý với James là hãy tìm cho cô ta một tấm chồng. Lúc ấy con thương bà lão, bà ta quý Fee nhất trần đời.

Trình cha, cha tin hay không là tùy cha, chứ mãi đến ngày chúng con làm lễ cưới, con mới nói với Fee lời đầu tiên.

– Tôi tin chứ, – Cha Ralph thì thầm. Ông nhìn cái cốc của mình, uống một hơi hết chỗ whisky, đưa tay với cái chai và lại rót đầy hai cốc. – Như vậy là ông đã lấy một phụ nữ quý tộc dòng dõi cao hơn ông nhiều, Paddy ạ.

– Dạ đúng thế. Lúc đầu, con sợ cô ấy chết khiếp đi được. Hồi đó, cô ấy đẹp tuyệt trần, cha Ralph ạ, và... rất đỗi là xa lạ, không biết nói vậy có đúng không, làm thế nào giải thích rõ được điều đó. Dường như cô ấy không có ở đây, tuồng như tất cả sự việc ấy xảy ra không phải với cô ấy, mà với người nào khác...

– Ngay bây giờ bà ấy cũng vẫn đẹp, Paddy ạ, – Cha Ralph nói một cách mềm mỏng. – Cứ nhìn Meggie là tôi biết mẹ nó như thế

nào khi chưa về già...

– Cô ấy sống vất vả, thừa cha, nhưng tại sao cô ấy không cự tuyệt con? Ở với con, ít ra cô ấy cũng có chốn nương thân, không ai có thể nhạo báng cô ấy. Suốt hai năm trời con thu góp can đảm rồi mới... rồi mới dám thực sự trở thành chồng cô ấy. Và con phải dạy nhà con đủ mọi thứ: nấu nướng, quét nhà, giặt là. Cô ấy chẳng biết làm gì cả.

Và trong ngần ấy năm chúng con làm bạn với nhau, trình Cha, không một lần nào bà ấy kêu ca, cũng không lần nào cười, không lần nào khóc. Chỉ trong những phút hết sức thâm kín, khi vợ chồng gần gũi nhau, mới thấy rằng Fee không phải là không có cảm giác, nhưng ngay cả lúc ấy nhà con cũng không nói gì hết. Con vẫn hy vọng rằng có lẽ rồi bà ấy sẽ mở miệng, và đồng thời con cũng không muốn nhà con kể lể, không hiểu sao con vẫn sợ ngộ nhỡ bà ấy sẽ nói *tên người ấy* ra. Không – không, con không bảo rằng bà ấy đối xử không tốt với con hay với bọn trẻ. Nhưng con hết lòng yêu nhà con, và con cho rằng nhà con cũng không thể còn có tình cảm gì kia khác. Chỉ riêng đối với Frank. Con vẫn biết rằng nhà con yêu Frank hơn tất cả chúng con gộp lại. Chắc là bà ấy yêu bố nó. Song con không biết tí gì về ông ta cả, ông ta là ai, tại sao bà ấy không thể lấy ông ta.

Cha Ralph ủ rũ và chớp mắt liên hồi, nhìn đôi tay mình.

– Ôi chao, Paddy, cuộc sống là một cực hình ghê gớm! Ơn Chúa, tôi chỉ có đủ can đảm đi men bên rìa cuộc sống.

Paddy loạng choạng đứng lên.

– Vậy là con đã làm những điều dại dột, phải không, thừa cha? Con đã đuổi Frank đi, bây giờ thì suốt đời Fee sẽ không tha thứ

cho con.

– Ông không thể nói chuyện này với bà ấy được. Không, ông không được kể lại với bà ấy, bất kể thế nào. Chỉ cần bảo với bà ấy rằng Frank đi theo võ sĩ, thế là đủ. Bà ấy biết tính nó nóng nảy như thế nào, bà ấy sẽ tin ông.

– Con không thể nói dối nhà con! – Paddy khiếp sợ.

– Cần phải thế, Paddy ạ. Bà ấy đau khổ và bị dẫn vật còn quá ít hay sao? Đừng trút lên bà ấy thêm một nỗi đau xót nữa.

Nhưng linh mục thầm nghĩ: biết đâu đấy? Có thể tình yêu trước nay dành cho Frank thì bây giờ rút cục bà ấy sẽ tặng cho ông – cho ông và con bé ở trên kia.

– Trình cha, cha nghĩ như vậy thực ư?

– Đúng thế. Chuyện xảy ra hôm nay, không một ai nữa được biết.

– Còn Meggie thì sao ạ? Nó nghe thấy hết cơ mà.

– Về Meggie thì đừng lo, tôi sẽ liệu. Tôi cho rằng nó không hiểu hết, nó chỉ biết rằng ông với Frank cãi cọ nhau. Tôi sẽ giảng giải cho nó: Frank đã đi rồi, nói với mẹ về vụ cãi cọ giữa hai bố con ông chỉ càng làm cho mẹ buồn phiền hơn. Và lại, tôi có cảm giác rằng hoàn toàn không phải chuyện gì Meggie cũng thổ lộ với mẹ. – Cha đứng lên. – Đi ngủ đi, Paddy. Đừng quên rằng ngày mai ông phải vẫn bình thường như mọi khi và phải hoàn toàn theo sự sai khiến của Mary.

* * *

Meggie vẫn chưa ngủ: nó nằm, mắt mở to, ngọn đèn đêm ở đầu giường tỏa sáng lơ mờ xuống người nó. Cha Ralph ngồi xuống bên cạnh và nhận thấy tóc nó vẫn tết bím. Cha cẩn thận cởi những dải băng xanh sẫm và thận trọng tẽ ra từng giẻ tóc, cho đến khi tóc nó phủ kín mặt gối như một lớp vàng chảy gợn sóng.

– Frank đi rồi, Meggie ạ – Cha nói.

– Trình cha, con biết.

– Thế con có biết tại sao không, hả con?

– Anh ấy cãi nhau với ba.

– Bây giờ con sẽ làm thế nào?

– Con sẽ đi theo Frank. Anh ấy cần con.

– Con không thể đi được, Meggie bé bỏng của ta ạ.

– Không, con đi được. Hôm nay con muốn tìm anh ấy, khổ cái chân con không đi nổi, với lại con không thích trời tối. Sáng ra con sẽ đi tìm anh ấy.

– Không. Meggie ạ, thế không được. Con nên hiểu, Frank cần thu xếp cuộc sống theo ý mình, đã đến lúc anh ấy cần ra đi. Ta biết, con không muốn như thế, nhưng đã từ lâu anh ấy muốn rời khỏi nhà. Không thể chỉ nghĩ về bản thân mình, phải để cho anh con sống theo ý riêng. – Cha Ralph cho rằng bằng cách lặp đi lặp lại vẫn một điều, cha sẽ khơi gợi cho nó ý nghĩ ấy. – Khi ta trở thành người lớn thì đó là quyền của ta và là mong muốn tự nhiên của ta: được biết một cuộc sống khác, ra khỏi những bức tường nhà mẹ cha, mà Frank đã là người lớn. Đã đến lúc anh ấy kiếm nhà riêng, có vợ, lập gia đình riêng. Con hiểu chứ, Meggie? Frank với ba con cãi nhau là vì Frank nhất quyết muốn đi. Tuyệt nhiên không phải vì hai người không yêu nhau. Rất nhiều người trẻ tuổi

bỏ nhà ra đi chính bằng cách ấy, đối với họ đấy dường như là cái cơ. Với Frank, cuộc cãi cọ ấy chỉ là cái cơ để làm như vậy, vì anh ấy muốn như thế từ lâu lắm rồi, đây là cái cơ để bỏ nhà ra đi. Con hiểu chứ, Meggie của ta?

Con bé nhìn thẳng vào mặt cha. Mắt nó hết sức mệt mỏi, hết sức đau khổ, không trẻ con chút nào.

– Con biết. – Nó nói. – Con biết, Frank muốn đi khi con còn bé lắm, nhưng không thoát được. Ba con lôi anh ấy về và bắt anh ấy phải ở lại nhà.

– Nhưng lần này thì ba con sẽ không đưa Frank trở lại vì bây giờ ba con không còn bắt anh ấy ở nhà được nữa. Frank đã đi hẳn. Meggie ạ. Anh ấy sẽ không trở lại nữa.

– Thế con sẽ không bao giờ gặp anh ấy nữa ư?

– Ta không biết. – Cha Ralph thú nhận thành thực. – Ta sẽ rất vui lòng nếu có thể trả lời con rằng tất nhiên rồi con sẽ gặp, nhưng không ai có thể đoán trước tương lai, Meggie ạ, ngay cả linh mục. – Cha nghĩ lấy hơi. – Đừng nói với mẹ con rằng hai người cãi nhau, Meggie, con nghe thấy chứ? Điều đó sẽ làm cho mẹ con buồn phiền lắm lắm, mà mẹ con không được khỏe.

– Bởi vì chúng con sắp có thêm một em bé nữa phải không?

– Thế con biết gì về chuyện ấy.

– Mẹ con thích mọc chồi ra trẻ con, mẹ đã mọc chồi ra nhiều đứa. Tất cả các con của mẹ đều rất dễ thương, thừa cha, ngay cả khi mẹ không khỏe. Con cũng sẽ mọc ra một đứa như Hal, khi đó vắng Frank con sẽ không buồn lắm nữa, phải không ạ?

– Sinh sản đơn tính. – Cha Ralph thốt lên. – Chúc con thành công, Meggie. Nhưng ngộ nhỡ con không thể mọc ra trẻ con thì

sao?

– Thì con vẫn có Hal. – Meggie vừa lẩm bầm trong cơn buồn ngủ vừa cuộn mình thu lu lại. Rồi nó hỏi: – Trình cha, rồi cha cũng sẽ đi chứ? Cha cũng đi chứ?

– Rồi đến một lúc nào đó ta cũng sẽ đi. Meggie ạ. Nhưng chắc là cũng không nhanh lắm đâu, vì thế con đừng lo. Lòng ta cảm thấy rằng ta bị vướng mắc ở Gilly này một thời gian lâu, rất lâu. – Linh mục nói và mắt ông lộ vẻ chua xót.

6

Chẳng còn cách nào khác, Meggie đành trở về nhà thôi, không có nó mẹ không thể cáng đáng hết mọi việc, còn Stuart ở lại một mình trong tu viện Gillanbone liền bắt đầu tuyệt thực và bằng cách đó nó cũng được trở về Drogheda.

Tháng tám đã tới đem theo cái rét dữ dội. Đã tròn một năm kể từ ngày họ đến nước Úc, nhưng mùa đông này lạnh hơn nhiều. Trời không mưa, không khí giá buốt đến nghẽn thở. Các đỉnh của Đường Phân thủy Lớn cách ba trăm dặm về phía đông phủ một lớp tuyết dày chưa từng thấy từ nhiều năm nay, nhưng từ mùa hè vừa qua, sau những trận mưa rào do các đợt gió mùa đem tới, ở phía tây Burren Junction không có lấy một giọt mưa. Lại phải đề phòng hạn hán, ở Gillanbone người ta nói như vậy, đã đến kỳ hạn hán, đã lâu không có hạn, rõ ràng là lần này không sao tránh khỏi.

Meggie gặp mẹ sau thời gian xa vắng lâu, và dường như một sức nặng khủng khiếp đè bẹp nó; có lẽ đấy là tuổi thơ đã qua, một linh cảm xáo động trong lòng – trở thành người phụ nữ là như thế đấy... Bề ngoài Fee dường như không có gì đổi khác, chỉ có bụng đã to, nhưng ở bà có cái gì suy yếu, như cốt chiếc đồng hồ cũ mệt mỏi ngày càng chạy chậm lại, cho đến lúc đứng hẳn. Các cử động

của Fiona không còn có vẻ linh lợi vốn có trước kia nữa. Bây giờ bà di chuyển hai chân một cách ngập ngừng, như thể đã quên mất cách bước đi, dáng đi của bà có vẻ lúng túng. Bà hoàn toàn không vui sướng về đứa bé sắp ra đời, thậm chí không có cả sự hài lòng được kìm nén cẩn thận khi bà chờ Hal ra đời.

Còn chú nhỏ tóc hung này bây giờ đã chập chững đi khắp nhà, chốc chốc lại xộc vào những chỗ không được tới, nhưng Fee cũng không tìm cách dạy nó vào khuôn phép hay ít ra để ý xem nó đang làm gì. Bà luẩn quẩn vẫn trong cái vòng tròn muôn thuở ấy: từ bếp lò tới bàn nhà bếp, từ bàn tới bồn rửa, và không còn nhận thấy gì xung quanh nữa. Và Meggie không còn cách lựa chọn nào khác, nó lấp đầy chỗ trống trong đời đứa em và trở thành mẹ của thằng bé. Đây hoàn toàn không phải là sự hy sinh, nó yêu em thắm thiết, thằng bé sao mà yếu đuối, sẵn sàng tiếp nhận tất cả tình yêu mà Meggie muốn dồn cho một người nào đó. Thằng bé luôn luôn gọi tên chị, nó học nói tên chị trước khi nói tên mọi người khác, đòi chị bế; vui sướng biết bao, hạnh phúc biết bao cho Meggie. Bất chấp những lo toan tẻ nhạt hàng ngày, dù là khi đan, may vá, giặt là, cho gà ăn hay làm việc gì khác ở nhà, Meggie vẫn cảm thấy bằng lòng với cuộc sống.

Chẳng ai nhắc đến Frank, nhưng cứ sau một tháng rưỡi, nghe thấy tiếng còi của người đưa thư từ xa vọng tới, Fee lại ngẩng đầu lên và náo nức được một lúc. Rồi Mrs. Smith mang đến tất cả những gì đề tên Cleary, không có thư của Frank, và vẻ náo nức đau đớn thoáng hiện giây lát lại tắt lụi.

Trong nhà có thêm hai nhân mạng mới. Fee sinh đôi, thêm hai Cleary tóc hung nữa, chúng được đặt tên là James và Patrick. Hai thằng bé kháu lẫm, cả hai đều giống bố – ngay từ ngày đầu, hai

chú bé linh lợi, ngoan ngoãn đã được cả nhà chăm sóc, bản thân Fee hầu như không để ý đến chúng, chỉ cho bú. Ít lâu sau chúng được gọi một cách ngắn gọn là Jims và Patsy. Chúng trở thành con cưng của mấy người phụ nữ ở Nhà lớn – hai chị gái già hầu phòng và Mrs. Smith, bà quản gia góa chồng không có con, đã từ lâu cả ba đều thêm muốn niềm vui ấy: chăm bẵm trẻ nhỏ. Sự xuất hiện liền một lúc ba bà mẹ yêu còn giúp Fiona hết sức dễ dàng quên đi hai trẻ sinh đôi, và chẳng bao lâu sau, đương nhiên là những lúc không ngủ, hai đứa hầu như bao giờ cũng ở Nhà lớn. Meggie quả thật không có lúc nào rảnh để trông nom săn sóc chúng, xoay xỏa được với Hal cũng là may mắn lắm rồi, thằng bé không chịu rời chị một phút. Hal không ưa những trò nịnh vụng về xun xoe của Mrs. Smith. Minnie và Cat. Meggie – đây là trung tâm điểm yêu thương trong thế giới nhỏ bé của nó, nó chẳng thiết gì ai nữa – chỉ cần Meggie thôi!

Williams *Chân chạy* đã thay những con ngựa kéo hạng nhất và cỗ xe tải có mui đồ sộ của mình bằng chiếc cam nhông, và bây giờ bư phẩm đến thường xuyên hơn, không phải tháng rưỡi một lần, mà tháng một lần, nhưng vẫn không có lấy một chữ của Frank. Dần dần hồi niệm về cậu ta mờ nhạt đi, như xưa nay mọi hồi niệm đều mờ nhạt đi, ngay cả những hồi niệm thân thiết nhất với lòng ta. Dường như bất chấp ý thức, tâm hồn bình phục, vết thương lành miệng, mặc dù ta nhất quyết không muốn quên đi một điều gì. Vết thương của Meggie lành dần kèm theo nỗi buồn ngấm ngấm: không còn nhớ được Frank trước kia như thế nào nữa, những đường nét thân yêu bắt đầu mờ đi, bị che lấp bởi một hình dạng nào đó xán lạn đến thiêng liêng, cũng ít giống Frank thực như Chúa Kitô trên ảnh thánh so với cái người đã từng là

con trai của con người. Còn với Fiona, từ cõi lòng sâu kín âm thầm, nơi xảy ra những diễn biến tâm hồn thâm lặng, một tình cảm mới đã đến thay thế.

Điều đó xảy ra ngấm ngầm, chẳng ai nhận thấy gì. Xưa nay Fee vẫn kín đáo lặng lẽ, dè dặt tới mức không sao hiểu thấu được. Và không ai đoán nhận được sự biến chuyển nội tâm sâu xa ấy, chỉ có người mà bây giờ tình yêu của bà dồn tụ vào là cảm thấy điều đó, nhưng không để lộ ra ngoài. Điều thâm kín không nói ra lời ấy gắn kết họ với nhau và giảm bớt gánh nặng cô đơn cho họ.

Có lẽ cũng không thể khác được, vì trong tất cả các con, chỉ có Stuart là giống mẹ. Ở tuổi mười bốn, đối với bố và các anh, nó là một câu đố không giải đáp được, cũng như Frank trước kia, nhưng khác với Frank, nó không gây nên sự bực tức và thù địch. Không kêu ca, nó làm tất cả những gì người lớn bảo làm, nó làm việc không kém những đứa khác và không hề có bất cứ hành động gì khuấy đảo sự yên ổn trong nhà. Tóc nó màu hung, như tất cả các con trai trong gia đình, nhưng thẫm hơn – màu gỗ đỏ, còn mắt sáng và trong veo như nước nguồn trong bóng rợp, đôi mắt dường như nhìn thấu cõi sâu thẳm của các thời đại, rọi tới ngọn nguồn của mọi ngọn nguồn và thấy mọi vật đúng như hiện trạng của nó. Và trong các con trai của Paddy, nó là đứa duy nhất có triển vọng trở thành một gã đẹp trai, tuy Meggie trong thâm tâm vẫn tin chắc rằng Hal lớn lên sẽ làm lu mờ Stuart. Chẳng ai biết Stuart nghĩ gì: cũng như Fee, nó ít nói và không bao giờ bày tỏ ý kiến về bất cứ điều gì. Nó còn có khả năng đặt mình vào trạng thái ngưng lặng một cách khá kỳ lạ, dường như không chỉ riêng thể xác, mà cả tâm hồn cũng đờ ra bất động, và em gái nó, chỉ kém nó một tuổi, có cảm giác như anh mình đang bỏ đến một

nơi nào không ai khác đến được. Cha Ralph nhận định điều đó một cách khác.

– Ở gã trai này mọi cái đều khác người! – Cha kêu lên, hôm cha đưa Stuart từ tu viện về nhà: vắng Meggie thằng bé tuyệt thực. – Giá như nó nói rằng nó muốn về nhà thì đi một nhẽ! Giá như nó nói rằng nó buồn nhớ Meggie thì còn được! Đẳng này không! Nó chỉ đột nhiên không chịu ăn và kiên gan chờ cho những cái đầu đàn độn kia hiểu ra vì sao lại như thế. Và không hề rãng kêu ca nửa lời. Tôi đến gặp nó, quát lên – sao, muốn về nhà phải không? – còn nó chỉ mỉm cười gật đầu!

Nhưng dần dần, gần như người ta lặng lẽ thừa nhận rằng Stuart sẽ không làm việc ở các bãi chăn thả cùng với Paddy và các anh, tuy nó không còn bé bỏng gì nữa. Việc của nó là ở nhà, bổ củi, chăm nom vườn rau, vắt sữa bò – việc của việc nhà bận rộn xiết kể, mà khi lại có trên tay ba đứa con mọn thì mấy người phụ nữ không sao làm xuể được. Và chẳng, để cho cẩn thận, trong nhà cần có một người đàn ông, dù không phải là người lớn, dường như để cho biết rằng quanh đây đây còn có cả những người khác. Thiếu gì kẻ lạ mặt tự dưng xuất hiện: tiếng ủng lạ bước thình thịch trên những bậc thềm gỗ của hiên sau, tiếng một người lạ gọi:

– Bà chủ ơi, có cho khách qua đường ăn được không?

Ở chốn heo hút này bọn người ấy nhan nhản – thợ làm vụ, lưng mang hành lý bọc trong tấm chăn màu xanh, lang thang từ trại này sang trại khác, người thì từ Queensland, người thì từ Victoria; những kẻ bất hạnh không gặp may, cả những người sợ bị ràng buộc bởi công việc thường xuyên, thà cuốc bộ hàng nghìn dặm đường đi tìm cái gì chưa hề biết còn hơn. Hầu hết bọn họ là người

lương thiện: họ đến, hy vọng được no bụng, nhét vào bọc chần những thứ người ta cho – một ít trà, đường, bột – và đi trên con đường lớn, nhằm hướng Barcoola hay Narrengang, những chiếc ga-men bằng sắt tây khua lạnh canh, những con chó gày nhom lẻo đẻo theo sau họ. Những người lữ hành Úc ít khi đi ngựa, họ dùng đôi chân của mình làm phương tiện đi lại.

Nhưng họa hoằn cũng xuất hiện một ông khách bất lương, rình mò nhà nào chỉ toàn phụ nữ, không có nam giới, không phải để cưỡng hiếp, mà để cướp bóc. Vì thế trong góc bếp, ở chỗ trẻ nhỏ không lần tới được, bao giờ cũng có một khẩu súng săn nạp đạn dựa vào tường, và Fee đứng gần đấy, khi con mắt từng trái của bà chưa định rõ được cái người ghé vào nhà là người thế nào. Khi Stuart được giao việc trông nom nhà cửa, Fee vui sướng trao lại cho nó khẩu súng săn.

Không phải tất cả những người tạt đến nhà đều là thợ làm vụ, tuy loại này chiếm số đông hơn cả: chẳng hạn người chào hàng của cửa hàng Watkins đến bằng chiếc xe con cũ kỹ nhãn hiệu “Ford”. Ông ta đem đến đủ mọi thứ cần dùng – từ thuốc mỡ bôi cho ngựa cho đến xà phòng thơm hoàn toàn không giống như những cục cứng đanh mà Fee nấu bằng mỡ trộn lẫn với xút trong cái thùng giặt của mình; ông ta mang tới cả nước lavender^[39], cả eau de cologne^[40], phấn và cream để bôi da bị cháy nắng. Có một số thứ chẳng ai có ý định mua của người khác, chỉ mua ở người bán hàng của Watkins mà thôi; chẳng hạn ông ta có dầu cao mà các thứ thuốc uống và thuốc xoa bóp tốt nhất của hiệu thuốc cũng không bì kịp, nó chữa lành mọi vết thương trên đời: cả mạng sườn bị toạc của chó chăn cừu, cả nhọt ở chân người. Bất kể người chào hàng của Watkins tạt vào bếp nhà nào, các bà đều

đồ xô đến đây, nóng lòng chờ ông ta mở nắp chiếc va li đồ sộ đựng hàng hóa.

Tạt vào nơi tận cùng này của thế gian còn có cả các khách thường khác, thực ra không đều đặn lắm, mà gặp dịp thì đến, nhưng họ cũng được vui mừng đón tiếp, và họ chào mời đủ thứ hàng: từ thuốc lá cuốn máy và những ống tẩu kỳ quặc đến vải vóc cuộn thành súc, đôi khi cả những đồ lót mê li và những dải băng cooc-xê lòn lẹt quá đáng. Phụ nữ ở đây chưa chắc một năm đã được một hai lần đến thành phố gần nhất, và bị cách biệt với các cửa hàng lộng lẫy ở Sydney, không được biết các mốt mới và các đồ trang sức lặt vặt của phụ nữ, họ buồn nhớ lắm.

Trong đời sống dường như chỉ còn có bụi và muỗi. Đã lâu lắm không mưa, giá như chỉ mưa lác rắc thì bụi cũng lắng bớt và ruồi cũng đỡ quấy. Càng ít mưa thì ruồi và bụi càng nhiều.

Từ tất cả các trần nhà lủng lảng những băng giấy dài vụn xoắn lừ đừ xoay đi xoay lại trong không khí; đây là những băng giấy có chất dính, đen đặc những ruồi bị bẫy trong ngày. Không một chiếc đĩa hay một cái xoong nào có thể không đập kín dù chỉ trong giây lát, nó lập tức biến thành một bàn tiệc cho ruồi hoặc một nghĩa địa ruồi. Ruồi bâu đầy trên tường, trên bàn ghế giường tủ, trên tấm lịch quảng cáo sặc sỡ của cửa hàng bách hóa Gillanbone.

Còn bụi cũng khiếp! Không có cách gì thoát khỏi thứ bụi màu nâu cực mịn ấy, nó lọt vào dưới những nắp đậy kín mít, bám đầy vào những nếp gấp của quần áo và rèm cửa, xào xạo trên da, nó làm cho tóc vừa gội và những mặt bàn nhẵn bóng mờ đi ngay, lau lớp màng mờ đục ấy đi thì ngoảnh lại nó đã lại nguyên như cũ. Bụi phủ một lớp dày trên sàn: ấy là do giày tha vào, dù có lau chùi

giày thế nào đi nữa, và do gió khô nóng lùa vào các cửa sổ và cửa ra vào mở toang: Fiona phải cuộn những tấm thảm Ba Tư trong phòng khách lại, thay vào đó bà bảo Stuart lót sàn bằng vải sơn mà bà đã đặt mua bất kể loại gì có được ở Gillanbone.

Ở bếp là nơi mà người ở ngoài đường thường tạt vào nhiều nhất, sàn ván không ngừng được cạo sạch bằng bàn cọ răng thép và xà phòng kiềm, nó trở nên trắng nhờ nhờ như màu xương lâu năm. Fee và Meggie rắc mật cưa lên sàn (mật cưa do Stuart vét kĩ từng li từng tí ở các đồng củi), dè xén rảy ít nước quý báu lên, rồi quét cái khối âm ỉm, hăng mùi nhựa cây ấy ra cửa, ra hàng hiên và quét đi xa hơn nữa, ra vườn rau, ở đó nó dần dần biến thành đất mùn.

Nhưng không cái gì có thể ngăn chặn cuộc tấn công của bụi, còn con sông nhỏ chẳng bao lâu đã khô cạn, biến thành một chuỗi những vũng nước nóng, thế là không còn biết bơm nước ở đâu lên cho nhà bếp và nhà tắm. Stuart đánh ô-tô xi-téc đến Hồ chứa nước, chở về đầy một xi-téc, trút nước sang thùng dự trữ, và phụ nữ phải tập quen tắm tấp, rửa bát đĩa và giặt bằng thứ nước ghê tởm thuộc loại khác, còn tệ hại hơn cả nước sông đục lờ. Đây là thứ nước cứng, hăng xè mùi lưu huỳnh, rửa bát xong thì phải lau lại cẩn thận, còn tóc gội bằng nước này trở nên xỉn màu và khô cứng như rơm. Nước mưa dự trữ chỉ còn rất ít, phải giữ gìn chỉ làm nước uống và nấu ăn.

* * *

Cha Ralph âu yếm quan sát Meggie. Nó chải mái tóc xoắn màu

hung cho Patsy, còn Jims đứng bên cạnh, hơi lắc lư trên đôi chân còn chưa vững và ngoan ngoãn chờ lượt mình. Hai cặp mắt xanh ngời sáng tha thiết nhìn chị. Meggie thực sự là một bà mẹ bé bỏng. Chắc hẳn đây là đức tính bẩm sinh của phụ nữ, lòng ham thích kỳ lạ đối với hài nhi, cha Ralph nghĩ, nếu không thì với một con bé ở tuổi nó, bận bịu với con nít không phải là niềm thích thú, mà chỉ là nhiệm vụ, và nó sẽ vội vã cho xong việc, hễ có thể được là sẽ chạy đi làm chuyện gì khác thú vị hơn. Còn đây nó cố ý kéo dài việc chải tóc, dùng những ngón tay cuộn tóc Patsy để tóc không xoắn tùy tiện mà lượn làn sóng. Linh mục ngắm nghía nó mấy phút, rồi dùng roi quất vào chiếc ủng đi ngựa bụi bặm, và từ hàng hiên cau có nhìn về tòa Nhà lớn quần quýt những dây đậu tía ẩn sau những cây khuy nh diệp kỳ ảo và những cây hồ tiêu, sau mọi thứ nhà kho và nhà phụ khiến nó cách biệt ra với nhà ở của người quản cừu – tức là tách biệt với cái trục mà cả cuộc sống của trại xoay quanh đó. Bà ta mưu tính cái gì, con nhện già ấy, bà ta đang dệt những mạng lưới mới nào trong lúc ngồi ở đây, giữa cái mạng nhện của mình?

– Cha Ralph, cha có để mắt đến đâu mà! – Meggie nói với giọng trách móc.

– Xin lỗi Meggie, ta đang mãi nghĩ.

Cha quay lại, Meggie đã chải xong tóc cho Jims, cả ba đang nhìn cha với vẻ dò hỏi. Cuối cùng cha cúi xuống, bế cả hai anh em sinh đôi lên, tay phải cắp một đứa, tay trái cắp đứa kia.

– Nào, ta đến thăm bác Mary, được chứ?

Meggie đi theo sau cha trên đường, nó cầm cây roi của cha và dắt cương con ngựa cái màu hung nhạt, còn cha Ralph cắp hai

đưa bé dưới nách, nhẹ nhàng như không, tụy từ sông lên đến Nhà lớn gần một dặm đường. Cạnh căn nhà nhỏ dùng làm nhà bếp, cha trao truyền tay hai đứa trẻ sinh đôi cho Mrs. Smith mặt mày hớn hở và dẫn Meggie theo con đường nhỏ đến Nhà Lớn.

Mary Carson ngự trong chiếc ghế bành sâu của mình. Thời gian gần đây, bà gần như không rời khỏi ghế; vả chăng cũng chẳng cần phải đi đâu, Paddy điều khiển mọi việc trong điền trang giỏi tuyệt vời. Khi cha Ralph dắt tay Meggie vào, bà ta nhìn con bé chăm chăm bằng cái nhìn ác cảm đến nỗi Meggie gằm mặt xuống, những ngón tay cha Ralph cảm thấy mạch nó đập gấp hẳn lên, và cha ái ngại siết chặt tay nó. Con bé lúng túng ngồi xuống, chào bà bác, lắp bắp cái gì không rõ.

– Đi xuống bếp đi, cháu, xuống đây uống trà với Mrs. Smith. – Mary Carson ra lệnh, giọng nhát gừng.

Cha Ralph ngồi xuống chiếc ghế bành mà cha đã quen coi là của mình.

– Tại sao bà lại ghét nó đến thế? – Cha hỏi.

– Là bởi vì cha yêu nó – đây là câu trả lời.

– Thôi đi, Mary! Gần như lần đầu tiên cha bối rối. – Meggie là một đứa trẻ hết sức cô độc!

– Không phải vì thế mà cha nuông chiều nó, chính cha cũng biết điều đó.

Cặp mắt xanh tuyệt diệu nhìn bà ta từ đầu đến chân bằng cái nhìn độc địa; cha Ralph cảm thấy vững tâm hơn.

– Bà cho rằng tôi là kẻ làm đồi trụy trẻ nhỏ chắc? Dù sao đi nữa tôi là một linh mục.

– Cha trước hết là một người đàn ông. Ralph de Bricassart ạ!

Làm linh mục thì cha cảm thấy mình an toàn hơn, có thể thôi!

Chết điếng người, cha bật cười. Không hiểu sao hôm nay cha không đỡ gạt được những ngón đòn của bà ta. Dường như bà ta đã tìm ra những vết rạn nứt trong bộ giáp của cha và chui vào đó cùng với nọc độc nhện của mình. Mà cha cũng không còn là người như trước, có lẽ đang già đi, quen với cảnh sống vô vị ở vùng Gillanbone heo hút. Ngọn lửa trước kia đang lụi tắt: hay có lẽ bây giờ nếu có cái gì làm cho bốc lửa thì không phải là nguyên nhân trước kia.

– Tôi không phải là người đàn ông. – Cha nói. – Tôi là linh mục... Có lẽ nóng nực, bụi và ruồi làm tôi suy kiệt... Nhưng tôi không phải là người đàn ông, tôi là linh mục, Mary ạ.

– Ôi chao, cha đổi khác nhiều quá, Ralph ạ. – Bà ta chằm chọc cay độc. – Có phải tôi đang nghe cha nói đấy không, hồng y de Bricassart?

– Điều đó không thể có được. – Mắt cha thoáng mờ đi vì một nỗi buồn. – Hình như tôi không cần cái đó nữa.

Bà ta bật cười, đu đưa trong ghế bành, chăm chú nhìn người nói chuyện với mình.

– Lại thế ư, Ralph? Cha không cần chức hồng y ư? Thôi được, tôi sẽ để cho cha bị dẫn vật thêm chút nữa, nhưng hãy tin chắc rằng giờ trừng phạt sẽ tới. Chưa phải ngày mai đâu, có lẽ vài ba năm nữa, nhưng nó sẽ tới. Như quý Satăng cảm dỗ, tôi sẽ mời cha... nhưng tạm thời thì không hé lộ nửa lời! Nhưng hãy tin chắc rằng tôi đang chuẩn bị cho cha những cực hình địa ngục! Chưa bao giờ tôi gặp một người đàn ông có sức cảm dỗ mê hồn như thế. Bằng vẻ đẹp của mình, cha thách thức chúng tôi và khinh chúng

tôi rồ dại. Nhưng tôi sẽ dùng ngay chỗ yếu của cha mà dồn cha vào chân tường và cha sẽ bán mình như con đĩ mặt hạng phần son lòe loẹt. Cha có tin không?

Cha Ralph mỉm cười ngả mình lên lưng ghế bành.

– Tôi tin là bà sẽ thử. Nhưng chưa chắc bà đã biết rõ tôi như bà tưởng.

– Thế à? Thời gian sẽ cho thấy, Ralph ạ, chỉ có thời gian mới cho biết rõ. Tôi già rồi, tôi chỉ còn có một thứ: thời gian.

– Thế theo bà thì tôi còn lại cái gì? Thời gian, Mary ạ, chỉ có thời gian thôi. Thời gian, bụi và ruồi.

* * *

Mây dồn tụ trên trời, và Paddy hy vọng trời mưa.

– Sẽ có bão bụi. – Mary Carson nói. – Những đám mây này không mang theo mưa. Chúng ta còn phải đợi lâu mới có mưa.

Mọi người trong gia đình Cleary đã lầm khi tưởng rằng họ đã nếm đủ các trò tai ác nhất của khí hậu khắc nghiệt ở Úc, vẫn còn một thử thách nữa chờ đợi họ – bão bụi trên những đồng bằng khô cháy vì hạn hán. Thiếu hơi ẩm hòa dịu, đất khô cứng và không khí cọ sát lách tách vào nhau, gần như làm bật ra tia lửa, tình trạng căng thẳng mỗi lúc một tăng và rút cuộc không thể không giải tỏa bằng sự bùng nổ vĩ đại của năng lượng tích tụ. Bầu trời hạ xuống rất thấp và tối sầm lại đến nỗi Fiona phải thắp đèn trong nhà; ngựa trong chuồng run lên và đá hậu khi có bất cứ tiếng động nhỏ nào; gà mái lên giàn đậu và sợ sệt giấu đầu dưới

cánh; chó gằm gừ và xông vào cắn nhau; lợn không còn dũi hồ rác nữa, mà thục mũi sâu vào bụi đất và chốc chốc lại nhìn quanh, những con mắt nhỏ sáng rực đảo nhanh. Mọi sinh vật đều run rẩy trước những lực lượng đen tối chứa trong bầu trời, ở đó những đám mây khổng lồ đen kịt nuốt chửng mặt trời và sẵn sàng trút lửa mặt trời xuống đất.

Từ phương xa vời vợi, sấm chuyển tới mỗi lúc một gấp, những lần chớp nhỏ bùng lên ở chân trời soi rõ mồn một đường viền của những đám mây đen chùng chất trên cao, phía trên những đáy sâu tối thẫm như đêm đen, những ngọn sóng cuộn xoáy, trắng lóa, sủi bọt. Thế rồi một trận lốc gào rú ập tới, cuốn lên những cột bụi, ném bụi dâm buốt như gai vào mắt, tai, mồm và tất cả đều sụp đổ. Bây giờ Paddy và người nhà không khó khăn gì mà không tưởng tượng được cơn giận của thượng đế như kinh thánh miêu tả, – bản thân họ hứng chịu điều đó. Tiếng sét khiến tất cả đều run lên, không ai gan được – tiếng nổ dữ dội inh tai, tưởng như trái đất vỡ tan thành từng mảnh, – nhưng dần dần mọi người trong nhà đã quen với tiếng ầm ầm ấy, đã mạnh dạn lên chút ít, họ ra hàng hiên, nhìn không dứt về những bãi chăn ở đằng xa phía bên kia sông.

Chốc chốc hàng chục tia chớp khổng lồ loảng ngoảng chạy khắp chân trời và ánh lửa vệt lên bầu trời những đường kẻ sọc. Những chuỗi đốm sáng bùng lên xanh lè, lao vút đi, ngụp biến vào những đám mây đen, như chơi thú trò đi trốn đi tìm quái đản nào đó. Những cây lớn sừng sững đây đó giữa các đồng cỏ bị sét đánh, bốc khói hăng sè, và mọi người trong gia đình Cleary rút cuộc đều hiểu tại sao những tên lính gác đơn độc ấy của các bãi chăn đều là cây chết.

Trong không trung dần dần tràn lan một thứ ánh sáng ghé rợn, trái tự nhiên, bản thân không khí không còn vô hình, mà sáng lên một thứ ánh lửa lân tinh màu hồng, tím hoa cà, vàng lưu huỳnh, phảng phất một mùi kỳ lạ, ngọt thắm thía, khó nhận ra, không giống mùi gì hết. Cây cối phát ra ánh lấp loáng, dưới ánh chớp lòe, những bộ tóc hung của mọi người trong gia đình Cleary giống như vàng hào quang rực lửa, lông trên tay dựng ngược lên. Tình trạng như thế kéo dài suốt ngày, mãi đến gần chiều bão mới chuyển về phía đông, và khi mặt trời lặn thì tất cả sự khủng khiếp đó chấm dứt, nhưng ngay cả khi ấy người ta cũng không yên tâm, mọi người đều bàng hoàng, cúi kính. Không một giọt mưa. Nhưng dẫu sao, trải qua cơn thịnh nộ hung cuồng đó của thiên nhiên mà vẫn yên lành thì cũng chẳng khác nào chết đi rồi sống lại; rồi sau đó suốt tuần họ chỉ nói đến chuyện ấy.

– Vui mừng còn sớm quá. – Mary Carson nói bằng giọng chán ngán.

Đúng, vui mừng còn sớm quá. Mùa đông hạn hán thứ hai rét dữ dội, họ không hề ngờ rằng có thể rét đến như thế khi không có tuyết; qua một đêm, đất phủ một lớp sương giá dày; chó run rẩy co ro trong ổ, chúng không chết rét chỉ vì đã ăn no ứ thịt *kangaroo* và mỡ gia súc đã giết thịt. Trời giá rét thì ít ra cũng có thể ăn thịt bò và thịt lợn thay cho món thịt cừu muôn thuở đã phát ớn lên được. Trong các bếp lò và lò sưởi, lửa cháy rừng rực, và cánh đàn ông, hễ có thể được là đành phải trở về nhà: ban đêm ở bãi chăn thả họ đã công đờ cả người. Ngược lại, thợ xén lông cừu vui vẻ đổ đến: trời lạnh có thể làm việc nhanh hơn và không có mồ hôi. Trong căn nhà lớn để xén lông cừu, trong ngăn riêng cho từng người thợ, trên sàn nổi bật lên một hình tròn sáng màu – trong

nửa thế kỷ, ván sàn bạc màu vì mồ hôi chua nhỏ xuống từ những người thợ thay thế nhau đứng ở đây.

Sau trận lụt đáng nhớ ấy, cỏ vẫn mọc, nhưng thưa hẳn đi. Ngày lại ngày thời tiết vẫn u ám, mây đen phủ kín bầu trời, nhưng vẫn không mưa. Gió gào rú thê thiết, lùa đi những cơn xoáy lốc và những tấm màn bụi tối thẫm giống như mưa, chúng giày vò trí tưởng tượng bằng huyền ảnh về nước. Nó giống mưa lắm, khối bụi do gió cuộn lên đó.

Da trên những ngón tay tê cứng của trẻ em nứt nẻ cả, chúng cố không cười bằng những cặp môi nứt nẻ, bít tất dính vào gót chân và mắt cá chân rớm máu, phải dứt mới ra, gió rét căm căm không lúc nào ngừng lặng khiến cho không thể nào giữ được hơi ấm, bởi vì ở đây nhà được xây dựng sao cho bất cứ hơi gió nhẹ nào cũng có thể lọt vào, chứ không phải là giữ cho kín gió. Họ nằm vào giường trong những phòng ngủ giá băng, sáng sáng thức giấc trong những phòng ngủ giá băng, kiên nhẫn chờ đợi mẹ rót cho ít nước nóng trong cái siêu cực to bao giờ cũng có sẵn ở đây để việc rửa mặt khỏi biến thành một cực hình khiến răng tự động cứ đánh lập cập.

Một hôm bé Hal bắt đầu khàn tiếng và ho, bệnh tình của bé mỗi lúc một nặng hơn. Fee ngào tro bằng nước nóng, dùng cái chất sền sệt ấy đắp lên ngực bé, nhưng bé thở vẫn khó nhọc, khổ sở như thế. Lúc đầu bà mẹ lo lắng quá, nhưng giờ này sang giờ khác, đứa bé thiu đi trông thấy và bà thực quả không biết làm thế nào, còn Meggie ngồi cạnh em, vịn vịn hai tay, lẩm nhẩm cầu nguyện không dứt. Sáu giờ tối, khi Paddy trở về, ngay ở hành lang đã nghe thấy tiếng thở khò khè của nó và môi nó tím ngắt.

Paddy lập tức đâm bổ đến Nhà Lớn, gọi điện thoại, nhưng bác

sĩ ở cách đây bốn mươi dặm vừa mới đi đến một người bệnh khác. Họ rang một ít lưu huỳnh trên chảo và hơi Hal ở phía trên – có thể do ho mạnh mà cái màng trong họng đang làm thẳng bé nghẹt thở một cách chậm chạp sẽ bật ra... nhưng ngực thẳng bé không còn đủ hơi sức làm cái màng bật ra. Nó tái xanh tái tím, quần quai thở dốc từng hồi. Meggie bế em và cầu nguyện, nó tan lòng nát ruột, đau đớn thấy thẳng bé khốn khổ vật vã với từng hơi thở. Meggie quý thẳng bé này nhất nhà, thực ra nó là mẹ đứa bé này. Chưa bao giờ nó muốn là bà mẹ – người lớn thực sự như lúc này, nó có cảm giác rằng nếu nó là người lớn như mẹ nó thì nó sẽ có đủ sức chữa khỏi bệnh cho Hal. Fee không thể chữa cho Hal khỏi bệnh vì đối với thẳng bé, Fee không phải là mẹ. Lúng túng, sợ hãi, Meggie ghì chặt tấm thân nhỏ bé co giật vào mình, cố giúp Hal thở.

Nó không sao mừng tưởng được rằng Hal có thể chết, ngay cả khi Fee và Paddy không biết làm thế nào, chỉ quỳ bên giường và cầu nguyện. Nửa đêm, Paddy gỡ tấm thân cứng đờ khỏi tay Meggie và nhẹ nhàng đặt xuống mấy chiếc gối.

Con bé choàng mở mắt: nó vừa thiu thiu, được ru ngủ bởi trạng thái yên ắng tạm thời vì Hal không co giật nữa.

Nó đỡ hơn rồi, ba ạ! – Con bé nói.

Paddy lắc đầu; ông như khô quắt lại và già đi, ánh đèn chiếu xuống lớp sương giá trong tóc và trên cái cằm râu đã đâm ra tua tủa quá một tuần.

– Không, Meggie, Hal không khá hơn theo như con tưởng đâu, nhưng nó đã yên nghỉ. Chúa đã đón nó đi, và nó không còn đau khổ nữa.

– Ba muốn nói rằng Hal đã chết. – Fee nói bằng giọng đều đều.

– Không, ba ơi, không! Nó không chết! Không thể thế được!

Nhưng thằng bé nằm ngấp giữa những chiếc gối, đã chết rồi. Meggie thoát nhìn đã hiểu ngay điều đó, tuy trước đây nó chưa từng thấy cái chết. Tưởng như nằm ở đây không phải là đứa trẻ, mà là con búp bê. Meggie đứng lên và ra chỗ các anh, các anh nó ủ rũ ngồi ở bếp cạnh bếp lò, như đang đảm nhiệm một phiên gác nặng nề nào đó, bên cạnh họ là Mrs. Smith ngồi thẳng lưng trên chiếc ghế gỗ, trông nom hai đứa nhỏ sinh đôi – giường của chúng được đưa vào bếp, ở đấy ấm nhất.

– Hal vừa mới chết. – Meggie nói.

Stuart đang đắm mình trong trạng thái trầm tư chột tỉnh, ngẩng đầu lên.

– Vậy là hơn. – Nó nói – Đây là sự bằng an.

Fee xuất hiện ở cửa, Stuart đứng lên, đến gần mẹ, nhưng không chạm vào mẹ.

– Mẹ ơi, chắc là mẹ mệt lắm. Mẹ đi nằm đi, con sẽ đốt lò sưởi trong buồng ngủ của mẹ. Mẹ đi nằm đi.

Fee lẳng lặng quay đi và theo nó. Bob cũng đứng lên, ra ngoài hiên. Các con trai lại ngấp ngừng một lúc rồi cũng đi theo Bob, Paddy không xuất hiện, Mrs. Smith không nói một lời, đẩy cái xe nôi ở góc hàng hiên ra, thận trọng đặt cặp trẻ sinh đôi đang ngủ vào đó. Nước mắt chảy rùng rùng trên má bà, bà nhìn Meggie.

– Ta về Nhà Lớn đây, Meggie ạ. – Bà nói. – Ta đem theo Jims và Patsy. Sáng ta sẽ lại đến, nhưng để hai đứa trẻ ở với chúng ta thì hơn, ta, Minnie và Cat sẽ trông nom chúng. Bảo với mẹ thế

nhé.

Meggie ngồi phịch xuống ghế, hay tay chắp lại trên đùi. Thằng bé chết rồi, bé em của nó chết rồi! Em Hal bé bỏng, nó chăm lo cho em biết chừng nào, nó yêu em biết mấy, nó là mẹ của thằng bé. Cái chỗ thằng bé chiếm giữ trong tâm hồn nó vẫn chưa trống vắng; ngay giờ đây nó vẫn cảm thấy sức nặng ảm áp của bé em trên tay... khủng khiếp. Vậy mà mắt vẫn không rơi lệ; Có thể khóc vì Agonex, vì những vết thương mà lớp vỏ mỏng manh là ý thức về phẩm giá của bản thân không chống lại nổi, có thể khóc trong thời thơ ấu, mà thời thơ ấu sẽ không trở lại nữa. Nỗi đau thương nặng nề mới xảy đến này Meggie sẽ phải mang theo cho đến chót đời và phải vượt thắng nó mà sống. Ở một số người, lòng ham sống rất mạnh, ở một số khác thì yếu hơn. Ở Meggie cái đó mảnh mai và chắc như sợi dây cáp bằng thép.

Cha Ralph bắt gặp con bé đúng vào lúc đó, khi cha đưa bác sĩ đến. Meggie lảng lạng trở về phía hành lang, nhưng không đi theo họ. Phải một lúc khá lâu sau đó linh mục mới thực hiện được điều mà cha khao khát ngay từ phút đầu tiên sau khi nhận được điện của Mary Carson: đến với Meggie, ở bên nó, đem lại cho cô bé Lọ Lem nhà Cleary một chút đầm ấm trong tâm hồn chỉ dành riêng cho nó. Cha rất hồ nghi về việc còn có người nào khác hiểu được rằng Hal có ý nghĩa lớn lao như thế nào đối với nó.

Nhưng phải qua một thời gian khá lâu, điều đó mới được thực hiện. Cần làm cái lễ cuối cùng – có thể linh hồn vẫn chưa lìa thể xác, cũng cần nói chuyện với Fee, cả với Paddy nữa và góp một số lời khuyên thực tế. Bác sĩ đã ra về, ông ta buồn phiền, nhưng từ lâu đã quen với những bi kịch không tránh khỏi khi con bệnh ở xa thày thuốc mấy chục dặm đường. Tuy nhiên, cứ theo những

điều ông được nghe người nhà thuật lại thì ông hiểu rằng chẳng nào ông cũng chẳng giúp được gì khi ở xa bệnh viện của mình, xa các phụ tá và y tá của mình đến thế. Người ta dẫn thân vào một nơi xa xăm như thế này tức là tự mình nhận lấy sự nguy hiểm, thách thức số phận và bất chấp tất cả. Trong giấy chứng tử, bác sĩ sẽ chỉ ghi một từ: bạch hầu. Bệnh đó làm chết người nhanh chóng.

Nhưng cha Ralph chăm lo đến tất cả những gì cha có thể chăm lo được. Paddy đến với vợ, Bob và các em trai vào xưởng thợ, làm quan tài. Stuart ngồi trên sàn trong buồng Fiona, cái dáng hình trông nghiêng thanh tú của nó giống hệt dáng hình của mẹ, in bóng thanh mảnh trên nền trời đêm ngoài cửa sổ. Fee ngả người trên chõng gối, hai tay nắm chặt tay Paddy, mắt nhìn chăm chăm đứa con trai co quắp một khối tối thẫm trên sàn lạnh. Đã năm giờ, những con gà trống nửa thức nửa ngủ bắt đầu lục sục trên giàn đậu, nhưng còn lâu mới rạng sáng.

Ở bếp, lửa trong lò gần như đã tắt; quên cởi chiếc khăn lễ màu tím hoa cà trên cổ, cha Ralph cúi xuống thổi cho lửa cháy lên, rồi vặn nhỏ ngọn đèn trên bàn sau lưng và ngồi xuống chiếc ghế gỗ đối diện với Meggie, chăm chú nhìn nó. Meggie đã lớn phồng lên, tiến về phía trước bằng đôi hài bảy dặm, ngộ nhờ đột nhiên ta không thể theo kịp nó nữa thì sao? Chăm chú nhìn nó, cha cảm thấy một cách sắc bén hơn bao giờ hết sự bất lực, sự hồ nghi lòng dũng cảm của mình – cái cảm giác nó rĩa rứt và bám theo cha suốt đời. Nhưng thực ra thì cha sợ cái gì kia chứ? Có chuyện gì mà nếu nó xảy ra thì cha sẽ không dám mặt đối mặt xung đột với nó? Cha thường vẫn mạnh mẽ khi cần bảo vệ người khác, và cha chẳng sợ ai: nhưng điều đáng sợ là cái khác kia, một cái gì không

tên, chưa từng biết trong chính bản thân cha – ngộ nhờ đột nhiên cái đó sẽ lọt vào ý thức và bắt chộp cha bất ngờ thì sao? Thế còn Meggie, kém cha mười tám tuổi, lại đang trưởng thành vượt hơn cha.

Không, nó không phải là thánh, nó cũng gần gần như tất cả mọi người. Có điều không bao giờ nó than phiền, đó là một năng khiếu đặc biệt, – Hay có lẽ là sự nguyên rủa, – cái tính kiên nhẫn chấp nhận hết thảy. Dù mất mát như thế nào, dù số phận giáng đòn đau như thế nào, nó tiếp nhận hết, chấp nhận tất cả những gì hiện có, gìn giữ trong bản thân mình và dùng cái đó nuôi dưỡng ngọn lửa rực cháy bên trong. Cái gì đã dạy nó đức tính ấy. Liệu có thể học được điều đó chẳng? Hay chẳng qua là cha tưởng tượng ra con bé như thế, tô điểm cho nó trong trí tưởng tượng của mình? Mà phải chẳng là đấng nào cũng vậy thôi? Cái gì quan trọng hơn: Meggie thật hay cô bé mà cha tưởng là như thế?

– Ôi chao, Meggie, – Cha lẩm bẩm một cách bất lực.

Nó ngược mắt lên nhìn cha và từ đáy sâu của đau khổ mỉm cười với cha: nụ cười ấy chứa đựng tình yêu vô biên, tận tụy, không gì ngăn giữ nổi, chưa từng biết đến điều cấm đoán nào bắt buộc người phụ nữ phải che giấu tình cảm của mình. Tình yêu vô hạn đó khiến cha bàng hoàng, thiêu đốt cha. Tại sao, tại sao thượng đế mà đôi khi cha cũng nghi ngờ sự tồn tại của ngài, lại không tạo ra cha là một người khác, bất kể thế nào cũng được, miễn sao không phải là Ralph de Bricassart?! Như vậy, có lẽ đây chính là cái đó – cái chưa từng biết và nguy hiểm ẩn giấu trong bản thân cha chẳng? Nhưng, vẫn như mọi lần, chẳng ai trả lời cha và Meggie vẫn ngồi và mỉm cười với cha.

* * *

Rạng sáng, Fee trở dậy và sửa soạn bữa ăn sáng. Stuart giúp mẹ, rồi Mrs. Smith tới, dẫn theo Minnie và Cat, và bốn người phụ nữ cùng đứng bên bếp lò, chuyện trò gì với nhau bằng giọng đều đều, nghẹn ngào, như gắn bó với nhau bằng một điệu bí ẩn đau xót nào đó mà cả Meggie lẫn linh mục đều không hiểu nổi. Ăn sáng xong, Meggie đi làm lớp lót bên trong cái hòm gỗ nhỏ, các anh nó đã làm cái hòm hết sức chu đáo, bào nhẵn nhụi và đánh bóng từng mảnh ván. Fee lẳng lặng đưa cho Meggie chiếc áo dài lụa trắng mà lụa đã ngả màu ngà voi vì để quá lâu, và Meggie đo những mảnh vải vừa đúng kích thước của các thành bên trong. Rồi nó dùng máy khâu may những mảnh đó thành cái túi bọc, cha Ralph nhồi mảnh vải vụn vào, họ lót các thành bên trong bằng lớp bọc mềm và đã gắn chắc bằng đinh mũ. Rồi Fee mặc cho thằng bé bộ quần áo nhung ngày lễ, chải tóc cho nó và đặt nó vào cái ổ mềm ấy, cái ổ mang hơi hương của bà, chứ không phải của Meggie, mẹ thực của nó. Paddy dậy nắp quan tài, ông khóc, lần đầu tiên ông mất đứa con.

Lễ đường ở Drogheda đã nhiều năm dùng làm nhà thờ tại nhà: ở một đầu lễ đường đặt bàn thờ: các nữ tu ở tu viện Thánh bà Mary đã làm một tấm màn che bàn thờ thêu bằng chỉ vàng thật, và được Mary Carson tặng cho một nghìn bảng. Mrs. Smith trang hoàng bàn thờ và cả phòng bằng các thứ hoa mùa đông lấy ở các vườn Drogheda – vô số quế trúc thơm và hoa hồng cuối mùa – những bông hoa màu hồng và màu da cam nom như vẽ và dường như chỉ có phép thần mới làm cho chúng còn tỏa hương thơm. Cha Ralph mặc bộ áo lễ không thêu đăng ten bên ngoài chiếc áo

thầy tu màu đen nghiêm nghị, làm lễ cầu siêu.

Cũng như ở mọi đền trang lớn của vùng xa xăm này, ở Drogheda người ta chôn người quá cố ngay trên đất của mình. Nghĩa trang nằm phía sau các khu vườn, trên bờ sông có liễu mọc, bao quanh nghĩa trang là dây rào bằng sắt rèn, sơn trắng, và ngay cả trong kỳ hạn hán này, ở đây vẫn xanh tươi vì được tưới nước trữ trong các xitéc của Drogheda. Ở đây, Michael Carson và đứa hài nhi con trai ông ta được mai táng trong cái hầm mộ trang nghiêm bằng đá cẩm thạch, và một thiên thần bằng đá cẩm thạch, tầm vóc bằng người thật, tay cầm thanh kiếm tuốt trần, bảo vệ sự yên tĩnh của họ. Nhưng xung quanh cái mộ phần sang trọng ấy là mười – mười hai nấm mộ xuềnh xoàng hơn nhiều, ranh giới của chúng được đánh dấu bằng những dây đều đặn các nửa hình tròn bằng dây thép sơn trắng nom giống như những khung thành croquet, và có cả những cây thập tự bằng gỗ trắng trắng, có những cây thập tự thậm chí không ghi tên: nằm ở đấy là người thợ xén lông cừu tứ cố vô thân, bị giết trong cuộc ẩu đả; hai ba kẻ lang thang mà Drogheda là chặng dừng cuối cùng trên đường đi của họ: năm xương chẳng biết của ai, tìm thấy trên một bãi chôn thả, thậm chí cũng chẳng biết xương đàn ông hay đàn bà; một người Tàu, nguyên là đầu bếp của Michael Carson, che trên năm xương tàn của anh ta là một chiếc ô nhỏ, kỳ quặc, màu đỏ rực, có treo những cái chuông nhỏ xíu dường như không ngớt buồn rầu gọi tên anh ta: Hee Sing, Hee Sing, Hee Sing, Hee Sing; một người chăn đàn gia súc nào đó, trên cây thập tự của anh chỉ viết: “Charlie ở Tankstand, một chàng trai tốt”; ngoài ra còn mấy người quá cố nữa, trong số đó có cả phụ nữ. Nhưng Hal là cháu của bà chủ Drogheda, mai táng xoàng xĩnh như vậy thì không

tiện, và chiếc quan tài nhỏ tự làm lấy được đặt trong hầm mộ như một cái quách bằng đá, và hai cánh cửa bằng đồng đen làm rất khéo khếp lại.

* * *

Thời gian trôi qua người ta cũng thôi không nói về Hal nữa, chỉ đôi khi nhắc đến qua loa, Meggie giữ riêng nỗi đau xót trong lòng. Trong nỗi xót ấy (mà với trẻ em thì bao giờ cũng vậy) có ẩn giấu một nỗi thất vọng bất chấp mọi lí lẽ, vô hạn độ, không thể hiểu được, nhưng chính bởi vì Meggie chưa phải là người lớn, nên những việc đơn giản xảy ra hàng ngày che lấp và lấn át nỗi thất vọng ấy. Bọn con trai không đau buồn chi lắm, trừ có Bob – thằng anh lớn nhất này rất sâu sắc, nhưng chẳng ai biết Fee có khóc con không. Dường như bà ngày càng xa chồng con, dứt bỏ mọi tình cảm. Và trong thâm tâm Paddy hết sức biết ơn Stuart – chính nó chăm sóc mẹ không biết mệt mỏi, với sự triu mến nghiêm chỉnh đặc biệt. Chỉ một mình Paddy biết trạng thái của Fee từ cái hôm ông ở Gillanbone trở về không có Frank. Không một tia xúc động bừng lên trong cặp mắt màu xám trong sáng của bà, cặp mắt ấy không trở nên băng giá vì trách móc, căm hờn hay đau xót. Tuồng như bà vẫn chờ đợi cái đòn của số phận, như con chó tất phải chết chờ đợi viên đạn kết liễu đời nó: nó biết phận mình và không đủ sức trốn tránh viên đạn.

- Tôi biết nó sẽ không trở về, – lúc ấy bà nói.
- Có thể rồi nó sẽ trở về, chỉ cần mình viết thư cho nó ngay đi.

Bà lắc đầu, nhưng không giải thích gì, bà vẫn trung thành với

minh. Thôi thì để cho Frank bắt đầu cuộc đời mới ở xa Drogheda và xa mẹ. Bà biết con trai quá rõ và không hồ nghi gì hết: chỉ một lời của bà là nó sẽ có mặt ở đây, vậy thì bà sẽ không bao giờ thốt lên lời đó. Nếu như những chuỗi ngày của bà dài lê thê và cay đắng bởi vì bà đã thất bại, thì cần lẳng lặng chịu đựng. Bà không tự ý chọn Paddy, nhưng hiện nay cũng như trước kia, trên đời không có người nào tốt hơn Paddy. Fee thuộc loại người mà cảm giác quá mạnh, đến mức không còn có thể chịu đựng được, không còn có thể sống được nữa, vì thế bà đã nhận được một bài học ác nghiệt. Ngót hai mươi lăm năm trời, bà đè nén trong lòng mọi tình cảm và bà tin chắc rằng sự bèn bĩ như thế cuối cùng sẽ giành được phần thắng.

* * *

Cuộc sống vẫn tiếp diễn, vẫn cái vòng tuần hoàn nhịp nhàng muôn thuở của trái đất: mùa hè, tuy gió mùa không thổi đến Drogheda, nhưng những cơn mưa – bạn đồng hành của gió mùa vẫn đổ xuống, làm đầy con sông và các xitéc, khiến các rãnh cỏ chết khát được uống thỏa thuê, cuốn sạch thứ bụi lợt vào khắp nơi. Gần như khóc vì sung sướng, người ta làm công việc của mình theo mùa vụ, thế là yên tâm: cừu sẽ có thức ăn nuôi thả. Cỏ vừa vụn đủ, có thể trụ được cho đến khi có cỏ mới, tuy phải cho ăn thêm bằng cành của những loại cây rậm lá nhất; song không phải tất cả các trại ở Gillanbone đều được như thế. Ở trại có bao nhiêu gia súc, điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào người chăn nuôi cai quản trại. Đối với các bãi chăn khổng lồ của Drogheda thì đàn

gia súc ở đây không lấy gì làm lớn lắm, vì thế thức ăn gia súc đủ dùng lâu hơn.

Mùa cừ đẻ và tiếp liền sau đó là thời kỳ sôi động nhất, nhọc nhằn nhất trong năm của người chăn cừ. Phải đỡ từng con cừ mới ra đời, thắt đuôi nó bằng vòng sắt, đánh dấu tai, còn cừ non không dùng để gây giống thì phải thiến. Thiến cừ là một việc khùng khiếp, ghê tởm, toàn bộ áo quần sưng máu, bởi vì muốn làm xong việc đó với hàng nghìn con cừ đực trong một thời hạn ngắn ngủi đã quy định thì chỉ có mỗi một cách. Bóp chặt tinh hoàn bằng những ngón tay, dùng răng cắn đứt phăng ra và nhổ luôn xuống đất. Đuôi của tất cả các cừ con, không phân biệt đực, cái, đều bị thắt ngang bằng một vòng sắt tây chặt cứng khiến máu không lưu thông được, đuôi sưng lên, rồi khô quắt đi và rụng hẳn.

Ở Úc người ta nhân giống cừ lông mịn loại thượng hạng với quy mô có một không hai trên thế giới, nhưng nhân công lại không đủ, vì thế mọi cái ở đây đều nhằm sản xuất tốt nhất loại len tốt nhất. Có một công việc gọi là làm sạch – lông ở mông cừ dính phân bết lại, có mùi hôi thối, ruồi bâu kín đặc, lông đen đi, khô cứng lại từng mảng. Vì thế cần thường xuyên xén lông ở đây, thế gọi là làm sạch. Việc xén lông như thế, tuy là nhỏ nhặt, nhưng khó chịu hơn xén lông bình thường nhiều, phải chịu đựng mùi hôi thối, ruồi bâu đen đặc, nên được trả công cao hơn. Rồi đến việc tắm rửa: phải tập trung lại hàng nghìn con cừ be be inh ỏi, chạy nhảy lung tung và lừa chúng qua cái mê cung có những thùng tắm dài và chóp nhọn nhúng từng con vào thùng *phenyl*, tắm nhúng như thế trừ được ve chét, bọ nhảy và các loại bọ khác cho cừ. Lại còn tiêm thuốc nữa chứ: tọng cái ống tiêm to tướng

vào họng cừu, bơm thuốc trừ giun sán.

Cứ túi bụi với cừu không biết đến đâu là cùng, vừa xong việc này đã đến lúc bắt tay ngay vào việc khác. Xem xét, phân loại, lựa cừu từ bãi chăn này sang bãi chăn khác, chọn lọc và thay con giống, xén lông và làm sạch, tắm rửa và tiêm thuốc, mổ thịt và đem đi bán. Ngoài cừu, ở Drogheda có đến một nghìn đầu gia súc lớn có sừng, giống tốt nhất, nhưng cừu vẫn lợi hơn nhiều, thành thử vào những thời kỳ thuận lợi nhất, ở điền trang tính ra cứ hai acres có một đầu cừu, tổng cộng có ngót 125.000 con. Tất cả đều là cừu *merinos*, cho nên người ta không bán cừu mổ thịt. Khi cừu đã già, không còn cung cấp được len thượng hạng nữa thì người ta đưa đến nơi lột da và các nhà máy da, biến chúng thành da và lanolin^[41], mỡ nến và keo.

* * *

Thế rồi dần dà, với gia đình Cleary, các tác giả văn học cổ điển Úc trở nên có ý nghĩa lớn lao. Ở Drogheda này, nơi cùng trời cuối đất, cả nhà ham mê đọc sách hơn bao giờ hết: bị cắt rời khỏi thế giới, họ chỉ còn được nối liền với nó nhờ phép thần của chữ in. Nhưng, không như ở Wahine trước kia, gần đây không có thư viện cho mượn sách về nhà, không thể như ở đây, hàng tuần ra phố lấy thư, báo và sách mới để đọc dần. Cha Ralph lấp cái chỗ trống ấy bằng cách đột kích vào thư viện Gillanbone, vào các giá sách ở nhà và ở tu viện, và thậm chí không kịp xem qua những sách đó, cha ngạc nhiên thấy rằng qua trung gian Williams *Chân chạy* và chiếc cam nhông bưu điện của ông, cha đã thành lập cả

một thư viện lưu động. Trong số hàng do *Chân chạy* chuyển đi, bây giờ lần nào cũng có sách – những tập sách nhỏ nhàu nát du hành từ Drogheda tới Bugela, từ Dibban-Dibban và Braich-y-Pwll đến Cunnamutta và Each-Uisge, và cung cấp món ăn cho những trí tuệ biết ơn đang thiếu đói và khao khát vượt thoát ra khỏi cái phạm tục thường ngày. Người ta hết sức miễn cưỡng trả lại những cửa bấu đó, nhưng cha Ralph và các nữ tu sĩ đã để ý cẩn thận xem những sách nào ở đây lâu hơn, rồi qua đại lý ở Gilly, cha đặt mua những bản mới do Mary Carson trả phí tổn và hết sức khéo léo thuyết phục bà ta coi đó là quà tặng Hội những người yêu sách ở Úc.

Thời ấy, không phải cuốn sách nào cũng tự hào là có được một cái hôn trong trắng nhất dù chỉ một trang sách duy nhất, không có chỗ nào miêu tả tình dục khêu gợi trí tưởng tượng, ranh giới giữa sách cho người lớn và cho thiếu niên không lấy gì làm rõ rệt, và người ở lứa tuổi Paddy không có gì là xấu hổ khi say mê những sách mà các con ông đọc mê mải: *“Bé tí hon và con kangaroo”*, những cuộc phiêu lưu của Jim, Norah và Wally trong các ấn phẩm của *“Billabong”*, cuốn tiểu thuyết bất tử của Mrs. Aeneas Gunn *“Chúng ta là người của xứ sở huyền bí”*. Tối tối, ở bếp, họ đọc to lên bài thơ *“Banjo”* của Paterson và C.J. Dennis, họ thán phục cuộc đua ngựa của *“Chàng trai vùng sông Tuyết”*, họ cùng cười với *“Chàng trai đa cảm”* và Doreen của anh ta, họ lén lút lau những giọt lệ trào ra khi đọc *“Mary vui cười”* của John O’Hara.

Tôi viết thư cho anh bạn Clancy, khôn nổi không biết địa chỉ.

Tôi gửi về nơi lần đầu tiên tôi gặp anh.

Hồi ấy anh là thợ xén lông cừu, tôi gửi thư về nơi ấy.

Tôi đề hù họa: “Gửi về Overflow, cho Clancy”

Thư trả lời đã tới, viết bằng bàn tay không quen biết:

Như thể đem nhúng chiếc đinh cụt cong queo vào hắc ín.

Tôi vội đọc thư trả lời – đây là tin tức về Clancy:

“Anh ấy lừa cừu về Queensland, chúng tôi không biết hiện giờ anh ở
đâu”.

Không ngăn nổi trí tưởng tượng, không ngày nào tôi không nhìn
thấy:

Clancy cưỡi ngựa đi trên đồng bằng, đường đi chạy dọc theo sông
Cooper.

Clancy sau đàn cừu. Clancy ca hát vang lừng.

Những người chăn gia súc đàn bao giờ cũng thế: Vừa hát vừa thông
thả lừa đàn gia súc.

Ở thành phố, chúng ta không biết những niềm vui và những bài ca
ấy:

Ngày đầy hứa hẹn, mặt trời chiếu sáng, dòng sông lấp lánh.

Người thân mật chào đón, gió nô giỡn trong bụi cây.

Đêm rải ra trên trời vô vàn những vì sao kim cương.

“Clancy ở Overflow” là bài thơ họ ưa thích, *Banjo* là nhà thơ họ yêu mến. Có trời cũng chẳng biết đó là thứ thơ thần gì, nhưng đấy không phải là thơ cho những người sành sỏi và các nhà thông thái, mà là thơ cho những người bình thường và nói về những người bình thường, và thời ấy ở Úc, những bài thơ ấy được quần chúng thuộc nhiều gấp bội so với những đoạn trình Tennyson và Wordsworth^[42] mà nhất thiết phải được dạy ở trường phổ thông – trong loại của nó thì đây cũng là thứ thơ chẳng hay hóm gì,

nhưng lại được chính quyền Anh cổ xúy. Hoa thủy tiên nhiều vô kể và vô vàn bãi cỏ mọc đầy nhật quang lan^[43] không nói được gì với các con của Cleary vốn là người ở một vùng không hề có hoa thủy tiên, cũng không hề có nhật quang lan.

Còn các nhà thơ ở miền heo hút của nước Úc thì lại gần gũi và dễ hiểu đối với họ, bởi vì Overflow ở ngay cạnh vách họ và những đàn cừu được lùa đi trên Đ-C-L^[44] là công việc hàng ngày của họ. Đ-C-L là đường chặn đuổi lớn đi qua gần bờ sông Barwon, cái dải cách biệt độc đáo ấy do chính phủ đặt ra chính là để vận chuyển thứ hàng hóa bốn chân từ đầu này đến đầu kia phần đông đại châu. Thời trước, những người chăn gia súc đàn và những bày cừu đói của họ không hòng gì được tiếp đón tử tế – trên đường đi, cừu ăn sạch trơn hay xéo nát từng ngọn cỏ, còn những người lùa bò đực, bước chậm như rùa, dẫn đi từ hai chục đến tám chục con, cứ thẳng đường vượt qua những bãi chặn tốt nhất của dân di cư trong vùng, thì còn bị cấm thù ghê gớm là đằng khác. Bây giờ, khi có những đường chặn đuổi nhất định do chính phủ quy định, tất cả những điều đó đã trở thành chuyện cổ tích hầu như bị quên lãng, người định cư và dân du cư không còn thù địch nhau nữa. Nếu có người nào trong số những người chăn gia súc đàn tiện dịp tạt vào trại để uống cốc bia, tán gẫu hay để có được một bữa không phải ăn khan thì đều được tiếp đãi niềm nở. Đôi khi cùng đi với họ có cả phụ nữ, họ đi trong chiếc xe ngựa hai bánh cũ nát, xung quanh treo những xoong nồi, chai lọ va nhau loảng xoảng, nom lũng liếng như những tua viền, và tất cả những cái đó được kéo đi bằng một con nghêo thảm hại đã bị loại bỏ từ lâu, da đã trụi hết lông. Đây hoặc là những người đàn bà hết sức vui vẻ, hoặc là những người hết sức bản tính của nơi Cùng trời cuối đất.

Họ đi từ Kynuna đến Paroo, từ Goondiwindi tới Gundagai, từ Katherine đến Curry. Những người phụ nữ kỳ quặc: họ không bao giờ có một mái nhà trên đầu, những tấm thân gân guốc của họ không quen với đệm giường êm ái, không người đàn ông nào có thể đo sức với họ: họ bền bỉ dai sức như mặt đất nở hoa dưới đôi chân không biết mỏi của họ. Con cái họ, như những con chim hoang dại trong các tán cây có ánh mặt trời xuyên qua, nhút nhát nép mình vào xe hay chạy đi nấp sau đồng củi, còn bố mẹ chúng ngồi uống trà chuyện trò với các gia chủ, trao đổi với nhau đủ mọi thứ chuyện huyền hoặc và sách, hứa nhảm lại những điều ủy thác rắc rối cho một ông Hoopiron Collins hay Brumby Waters nào đó, và khiến người nghe sửng sốt bởi những chuyện hoang đường về một gã Pommy nhãi nhép mới đến ở Gnarlunga. Và không rõ vì sao người ta thấy rõ ràng những kẻ du cư này, trong những chuyến lang thang của mình trên Đ-C-L, đã đào huyết chôn con hay vợ, chồng hay người bạn dưới gốc một cây kuliba nào đó không bao giờ quên. Tất cả các cây chỉ có vẻ như nhau đối với những người nào không thể nhận ra và ghi nhớ một cái cây duy nhất trong những khu rừng mênh mông.

* * *

Về tất cả những gì liên can đến giới tính và việc đẻ con. Meggie hoàn toàn chẳng biết gì: cuộc sống dường như cố ý ngăn chặn không cho em có được những kiến thức nào đó trong lĩnh vực này. Ông bố phân chia một cách nghiêm khắc: nam có cái riêng của nam, nữ có cái riêng của nữ. Trước mặt mẹ và em gái, không

bao giờ họ nói về gia súc giống, về việc cừu giao phối và đẻ, không bao giờ họ để mẹ và em gái thấy họ ở trần. Những cuốn sách có thể đem lại cho cô bé một thứ chìa khóa nào đó thì lại không lọt đến Drogheda, em không có những bạn gái cùng tuổi có thể bổ sung hiểu biết cho em. Việc nội trợ bận bịu thường xuyên giữ riết em ở nhà, còn xung quanh nhà không xảy ra điều gì có dính dáng đến giới tính. Ở Ấp chính, hầu hết gia súc đều bị hoạn, Mary Carson không gây giống ngựa, mà mua ngựa của Martin King ở Bugela, mà nếu đã không gây giống ngựa thì ngựa đực chỉ gây thêm phiền rầy, vì vậy ở Drogheda không có ngựa đực nào. Kể ra thì có một con bò đực hoang, rất hung dữ, nhưng không được bén mảng đến chỗ nhốt nó, điều đó bị cấm ngặt, và Meggie khiếp sợ không bao giờ dám đến gần. Chó thì bị xích trong chuồng, việc lấy giống thuần chủng theo đúng mọi quy tắc khoa học, Bob và đích thân Paddy theo dõi việc đó bằng con mắt đại bàng, nơi ấy cũng không đến được. Cũng chẳng có thời giờ đâu mà chú ý đến lợn, Meggie ghét cay ghét đắng giống lợn và rất bực mình vì phải cho chúng ăn. Của đáng tội, em cũng chẳng có thời giờ để ý đến ai, ngoài mấy đứa em trai. Và sự dốt nát đẻ ra sự dốt nát: khi cơ thể lí trí chưa thức tỉnh thì chúng không thấy cả những sự việc mà người nào được báo trước tự nhiên sẽ nhận thấy.

Ngay trước ngày sinh nhật, khi Meggie tròn mười lăm tuổi, trong cơn nóng nực điên người giữa mùa hè, Meggie nhận thấy quần lót của em có những vệt nâu. Hai ngày sau không thấy xuất hiện những vệt đó nữa, nhưng một tháng rưỡi sau lại có, thế là sự xấu hổ nhường chỗ cho sự khiếp sợ. Thoạt đầu, em cho rằng đấy là do mình thiếu sạch sẽ, như vậy thật là nhục nhã, nhưng đến lần thứ hai thì thấy rõ đấy là máu. Meggie không biết tí gì về việc

cái đó ở đâu ra, có lẽ là từ ruột. Ba ngày sau, hiện tượng chảy máu nhẹ ấy chấm dứt, và hơn hai tháng không hề xảy ra chuyện gì tương tự. Chẳng ai nhận thấy cô bé lén lút giặt quần lót, và em vẫn đảm nhiệm hầu hết mọi việc giặt giũ. Lần sau em lại còn có cảm giác đau, suốt đời em chưa bao giờ bị đau như thế, trừ khi nôn mửa vì xúc động. Và máu ra ngày càng nhiều hơn. Em len lén lấy mấy chiếc tã cũ của hai đứa em sinh đôi, thử buộc ở trong quần lót và run lên sợ hãi: ngộ nhờ máu rỉ ra ngoài.

Khi thần chết cướp mất Hal, đấy là một đòn bất ngờ ghê gớm, không thể hiểu nổi của số phận; nhưng khủng khiếp biết bao khi phải từ giã cõi đời một cách chậm chạp, dần dần như thế này. Liệu có thể đến kể với bố và mẹ rằng mình đang chết dần vì một bệnh đường ruột gớm ghiếc, đáng xấu hổ được chẳng? Chỉ có với Frank là có lẽ em có thể thú thật những đau khổ của mình, nhưng Frank ở xa, chẳng biết tìm anh ở đâu. Meggie đã được nghe nói rất nhiều về bệnh ung thư và khối u ác tính, lúc ngồi bên chén trà phụ nữ thường kể về việc bạn gái, mẹ, chị em gái của họ chết dai dẳng, khổ sở như thế nào, và bây giờ em không hồ nghi gì nữa: nội tạng của em đang bị một khối u nào không rõ ngón vuốt, nó lảng lạng thâm nhập mỗi ngày một sâu, đang vươn tới trái tim em lạnh đi vì sợ: Ôi, em chẳng muốn chết tí nào!

Về cái chết, em cũng chỉ hình dung một cách mập mờ. Em sẽ ra sao trong cái cõi âm bí ẩn? Đối với Meggie, tôn giáo không phải là món ăn tinh thần, mà đúng hơn là một bộ lễ luật, và nó không thể là chỗ dựa cho em. Trong cái trí óc rối bời của em xảy ra sự va chạm hỗn độn của những lời, những mẫu câu mà bố mẹ, người quen, các nữ tu sĩ đã nói trước mặt em, các linh mục đã nói khi rao giảng, mà những tên gian ác trong các sách đã phun ra để

dọa nạt. Không, em không thể cam lòng chịu chết. Đêm đêm, rối trí và khiếp sợ, em thử tưởng tượng: cái chết là đêm tối bất tận hay là cái vực thẳm với những lưỡi lửa, tiếp sau đó là những cánh đồng bằng vàng, nhưng phải nhảy qua cái vực đó đã; hay nó là cái gì tương tự như quả bóng hơi khổng lồ trong đó vang lên tiếng hát lễ huyền diệu và ánh sáng tràn vào qua vô số kính màu.

Meggie có phần nào trở nên lặng lẽ, nhưng điều đó hoàn toàn không giống thái độ thoát trần hiền hòa, mơ mộng của Stuart, cô bé ngây ra, đờ đẫn như con thú nhỏ dưới cái nhìn gậy tê lạnh của con rắn. Em run lên khi người ta bắt đầu nói chuyện với em, và khi mấy đứa nhỏ khóc gọi Meggie, em cuống quýt xung quanh chúng, không biết làm thế nào chuộc lại sự lảng trí ngắn ngủi ấy. Còn trong những phút rảnh rỗi hiếm hoi, em chạy ra nghĩa địa thăm mộ Hal, người quá cố duy nhất thân thuộc với em.

Mọi người đều nhận thấy sự thay đổi ở Meggie, họ hiểu như thế này: con bé đang trở thành người lớn, và chẳng ai nghĩ xem điều đó đối với em là thế nào – Meggie che giấu quá kỹ nỗi thất vọng của mình. Những bài học ngày xưa cô bé đã hoàn toàn nhập tâm, tính tự chủ của em thật đáng kinh hoàng, lòng kiêu hãnh thật chưa từng thấy. Không ai được biết có chuyện gì xảy ra với em, em nhất quyết không để mình bị lộ: trước mắt luôn luôn có những tấm gương: Fee, Frank, Stuart, em cũng thuộc nòi giống ấy và thừa hưởng cũng cái tính nết ấy.

Nhưng cha Ralph thường xuyên đến Drogheda, vẫn theo dõi sự biến đổi của Meggie, và khi cô bé vừa chớm vào thời kỳ vẻ đẹp thiếu nữ nở hoa mà đột nhiên lại héo hắt đi và mất hết vẻ linh lợi thì cha lo ngại, rồi đâm ra sợ hãi. Trước mắt cha, cả cơ thể lẫn tâm hồn em suy mòn, tàn héo đi. Meggie lảng tránh mọi người,

thu mình vào lớp vỏ bọc và thật không thể chịu nổi khi thấy em đang biến thành một Fiona thứ hai. Cặp mắt to mở rộng chờ đón một sự khủng khiếp nào đó đang đến gần, làn da nhợt nhạt bóng mờ, không hề bắt nắng, không có vết tàn nhang, ngày càng trở nên trong suốt: Nếu cứ tiếp tục như thế, cha nghĩ, chẳng bao lâu nữa cô bé sẽ chỉ còn lại đôi mắt, em ẩn nấp trong đôi mắt ấy như con rắn nuốt đuôi của chính nó, và trong cái thế giới không trọng lượng và gần như vô hình sẽ chỉ còn một tia sáng bạc di chuyển, khó nắm bắt bằng khước mắt, tương tự như những bóng đen nhất sợ và những vết thẫm thoáng hiện trên bức tường trắng.

Không, cha sẽ tìm cho ra duyên do, dù có phải dùng sức mạnh buộc cô bé nói ra sự thật. Như cố tình trêu người, Mary Carson đã trở nên khó chịu hết chỗ nói, mỗi phút cha có mặt ở nhà Cleary đều khiến bà ta bực tức; chỉ nhờ tính kiên nhẫn vô hạn, sự nhanh trí và khéo léo, cha Ralph mới che giấu được sự thật là tất cả tâm hồn cha vùng lên chống lại thói chuyên chế của bà ta. Và niềm say mê Meggie – điều này rất không hợp với bản chất của cha – không phải bao giờ cũng thắng được sự ranh mãnh của nhà ngoại giao bẩm sinh, không phải bao giờ cũng át được sự hể hả thâm kín: thật thú vị khi thấy sự duyên dáng của cha chinh phục được ngay cả mục phù thủy cấm cầu và ương ngạnh Mary Carson. Trong tâm hồn cha, tình cảm âu yếm lâu nay vẫn thiu thiu ngủ, niềm khao khát chăm lo đến hạnh phúc của một người nào đó ngoài bản thân mình đã dấy lên cơn bão táp và đứt đứt dây xích, nhưng phải thừa nhận rằng kẻ vai sát cánh với tình cảm ấy còn có một điều khác: tính tàn ác lạnh lùng của con mèo, niềm ham muốn giành thắng lợi đối với mục đàn bà chuyên chế háo danh, đánh lừa mục ta. Ôi, bao giờ cha cũng mong muốn điều đó. Con

nhện cái già không khi nào thắng nổi cha!

Cuối cùng cha đã lập mưu trốn được Mary Carson và bắt chộp gặp Meggie ở cái nghĩa trang nhỏ, dưới bóng đấng thiên thần nhợt nhạt không có vẻ gì là hung hăng đang ra tay trừng trị. Cô bé nhìn khuôn mặt thanh tĩnh kiểu mặt ngọt chết ruồi của bức tượng, bản thân cô là hiện thân của nỗi sợ hãi: sự tương phản kỳ lạ giữa vô tri giác và tình cảm, cha chột nghĩ. Nhưng còn cha, cha có mặt ở đây để làm gì? Vì lẽ gì cha đuổi theo cô bé như một con gà mẹ lo lắng, đây là việc cha phải chăm lo chăng? Thì bà mẹ với ông bố phải tìm hiểu xem có chuyện gì xảy ra với con gái họ chứ? Đúng, nhưng họ chẳng nhận thấy gì hết, đối với họ, cô bé ít quan trọng hơn nhiều, không phải như đối với cha. Thêm nữa, cha là đấng chặn dắt linh hồn, bổn phận của cha là đem lại niềm an ủi cho những người cô đơn và thất vọng. Thật không thể chịu đựng nổi khi phải thấy cô bé đau khổ, nhưng tai hại là ở chỗ sự thể được khuôn xếp thế nào mà tình cảm quyến luyến của cha với cô bé ngày càng mãnh liệt hơn. Do cô mà lòng cha đã tích tụ lại bao nhiêu sự việc và kỉ niệm thấm thiết, điều đó làm cha sợ. Ở cha, tình yêu Meggie và động cơ tự nhiên đối với một linh mục là bao giờ cũng phải nâng đỡ tinh thần cho bất kỳ người nào, đấu tranh với một nỗi sợ không thể khắc phục được: ngộ nhỡ cha sẽ trở nên cần như khí trời cho một người nào đó và một người nào sẽ trở nên cần cho cha như khí trời.

Meggie nghe thấy tiếng bước chân của cha, em quay lại, chắp hai tay đặt lên đùi, nhưng không ngược mắt lên. Cha ngồi xuống cách đó một quãng, hai tay bó gối, những nếp áo chùng ôm lấy người cha một cách tuyệt đẹp, làm tôn vẻ thanh nhã của tấm thân cân đối. Cần đi thẳng vào việc, không vòng vo, cha quyết

định, không thì cô bé sẽ lảng tránh.

– Có chuyện gì vậy, Meggie?

– Chẳng có gì cả, cha Ralph ạ.

– Không đúng.

– Xin cha đừng hỏi, con xin cha đấy! Con không thể nói với cha được!

– Ôi Meggie! Kẻ kém đức tin! Con có thể nói với ta mọi chuyện trên đời. Vì thế mà ta có mặt ở đây, có thể ta mới là linh mục. Ta là kẻ tội tở được Chúa lựa chọn trên thế gian, nhân danh Chúa mà ta nghe, ta tha tội cũng nhân danh Chúa. Trên khắp cõi thế gian này, Meggie bé bỏng của ta ạ, không có điều gì mà Chúa trời và ta không tìm được cách tha thứ. Con phải nói với ta: có chuyện gì đã xảy ra, con yêu dấu, vì nếu có người nào có thể giúp được con thì người ấy là ta. Chừng nào ta còn sống thì ta sẽ cố gắng giúp đỡ con, che chở con. Nếu cần ta sẽ là thiên thần hộ mệnh của con, còn đáng tin cậy hơn nhiều so với mẫu đá cẩm thạch kia trên đầu con. – Cha Ralph ngừng lấy hơi và cúi xuống gần cô bé. – Meggie, nếu con yêu ta thì hãy nói cho ta biết có chuyện gì xảy ra!

Meggie nắm chặt hai tay.

– Cha Ralph, con sắp chết, con bị ung thư!

Cha suýt phá lên cười, sự căng thẳng choán hết tâm trí cha tan biến bất ngờ quá: rồi cha nhìn khuôn mặt tái xanh của Meggie, nhìn đôi tay gầy nhom và cha chỉ muốn khóc, muốn nước nở gào lên oan trời bất công. Không, Meggie không thể vô cớ tưởng tượng ra chuyện như thế: hẳn là ở đây ẩn giấu một điều gì nghiêm trọng.

– Làm sao con biết, hả con?

Cô bé không thể lập tức thốt lên lời thuật lại chuyện đó, cha đành cúi xuống sát gần môi em, vô tình tạo nên hoàn cảnh như lúc xưng tội: dùng bàn tay che mặt để em không nhìn thấy mặt cha, ghé sát vào em cái tai hình dáng thanh nhã quen nghe những lời thú nhận như bản.

– Chuyện đó xảy ra đã nửa năm rồi, cha Ralph ạ. Con đau bụng ghê gớm, nhưng không phải vì buồn nôn đâu, và... khiếp quá, cha ơi... ra bao nhiêu là máu!

Cha Ralph ngẩng phắt đầu lên, điều đó chưa bao giờ xảy ra trong lúc xưng tội: cha nhìn mái đầu cúi xuống một cách hổ thẹn của con bé, trong lòng cha dấy lên cơn bão những tình cảm trái ngược, và cha không thể nào tập trung suy nghĩ được nữa. Sự nhẹ nhõm vui sướng, vô lý, sự tức giận điên cuồng đối với Fiona – cha sẵn sàng giết bà ta: sự tôn sùng, thần phục – con bé mới một dúm tuổi đầu mà luôn luôn gan dạ như thế, và sự lúng túng vô cùng, khôn xiết tả.

Cũng như Meggie, cha là đứa con của thời đại mình. Trong mỗi thành phố mà cha đã lưu lại, từ Dublin đến Gillanbone, các cô gái làng chơi cố tình đến xưng tội với cha, thì thào vào tai cha đủ thứ chuyện bịa đặt, làm như đó là sự thật hoàn toàn, vì họ nhìn cha là người đàn ông, chỉ là người đàn ông, và họ không muốn tự thừa nhận rằng họ không khêu gợi nổi cha. Họ lí nhí nói với cha chuyện gì về những gã dâm dật cưỡng hiếp họ bằng đủ mọi cách có thể có hoặc không thể tưởng tượng nổi, về những trò nghịch ngợm bị cấm ngặt với các cô gái khác, về nhục dục và ngoại tình, thậm chí có đôi ba cô ả trí tưởng tượng phong phú đến nỗi tả tĩ mĩ với cha những lần giao hợp của họ với những linh mục nào đó. Cha nghe họ, và tất cả những chuyện đó không hề làm cha rạo

rực chút nào, chỉ cảm thấy tởm lợm đến buồn nôn, vì ở trường dòng, người ta đã tập rèn sinh đồ rất nghiêm ngặt, mà một người có tư chất như cha không khó gì mà không thấm nhuần được bài học như thế. Nhưng không bao giờ, không bao giờ một cô nào trong các ả đó nhắc đến cái đời sống bí mật ấy của cơ thể nó hạ thấp người phụ nữ và làm cho phụ nữ thành một sinh thể loại đặc biệt.

Và không có sức mạnh nào ngăn giữ nổi làn sóng nóng bỏng tràn lan dưới da: Ralph de Bricassart khả kính ngồi quay lưng lại, một tay che mặt, hổ thẹn đến khổ sở vì lần đầu tiên trong đời mình đỏ mặt.

Nhưng cha phải giúp Meggie! Cha chờ cho má hết đỏ, rồi đứng dậy, nhắc bổng cô bé lên và đặt em ngồi lên cái bệ bằng phẳng của đấng thiên thần bằng cẩm thạch, bây giờ cha với Meggie đối mặt nhau.

– Hãy nhìn ta, Meggie. Không, con nhìn ta đây này.

Cô bé ngược cặp mắt kiệt lực lên và thấy cha mỉm cười, thế là một niềm vui vô hạn tràn ngập lòng em. Cha sẽ không cười như thế nếu như em sắp chết: em biết rất rõ rằng cha quý em lắm, cha có bao giờ giấu giếm điều đó đâu.

– Con không chết đâu, Meggie ạ, và con chẳng bị ung thư gì hết. Lẽ ra không phải ta là người nên giảng giải cho con điều đó, nhưng ta cứ nói cho con rõ thì hơn. Đáng ra mẹ con nên kể hết cho con biết từ lâu rồi mới phải, cần chuẩn bị trước cho con, ta không thể hiểu nổi vì sao mẹ con lại không làm như thế.

Cha ngược mắt lên nhìn khuôn mặt không sao hiểu thấu của đấng thiên thần bằng cẩm thạch và cất tiếng cười kỳ lạ, nghẹn

ngào:

– Lạy Chúa lòng lành! Còn thiếu việc gì mà Chúa không giao phó cho con nữa! – và cha nói với Meggie đang ngây ra chờ đợi: – Nhiều năm nữa, lớn lên con sẽ biết nhiều hơn về cuộc sống, và con sẽ ngượng ngùng, thậm chí xấu hổ khi nhớ đến ngày hôm nay. Không nên, Meggie ạ, hãy nhớ đến ngày hôm nay theo cách khác. Ở đây chẳng có gì đáng hổ thẹn, chẳng việc gì phải ngượng ngập. Lúc này cũng như mãi mãi về sau và trong mọi việc, ta chỉ là công cụ trong tay Chúa trời. Đây là việc duy nhất của ta trên trái đất, là chức trách duy nhất của ta. Con đang kinh hoàng, con cần được giúp đỡ, và Chúa trời thông qua ta xuống ơn cứu giúp con. Hãy ghi nhớ điều đó, Meggie ạ. Ta là tôi tớ của Chúa và ta nói nhân danh Chúa. Việc đang xảy ra với con là việc vẫn xảy ra với tất cả phụ nữ, Meggie ạ, có thể thôi. Hàng tháng con sẽ ra máu mấy ngày. Thường thường việc đó bắt đầu từ mười hai – mười ba tuổi, con tròn mười ba phải không?

– Con mười lăm, cha Ralph ạ.

– Mười lăm ư? Con mà mười lăm ư?! – Cha lắc đầu ngờ vực. – Thôi được, ta phải tin thôi. Như vậy là con thấy hơi muộn. Nhưng sẽ cứ như thế hàng tháng, cho đến năm mười tuổi, ở một số phụ nữ việc đó lặp lại đúng cỡ như tuần trăng, ở những người khác thì không đều như thế. Ở một số người, việc đó xảy ra không đau đớn, một số khác thì khổ sở ghê gớm. Chẳng ai biết tại sao lại có sự khác nhau như thế. Nhưng ra máu hàng tháng là dấu hiệu của sự trưởng thành. Con hiểu “trưởng thành” nghĩa là thế nào chứ?

– Con hiểu chứ, thưa cha Ralph! Con đã đọc trong sách! Đây là khi ta trở thành người lớn.

– Ừ, đại loại là như thế. Chừng nào sự ra máu như thế còn tiếp tục thì con có thể sinh đẻ. Không thế thì loài người không kế tục nòi giống được. Trước khi mắc tội tổ tông, như có nói trong kinh thánh, Eve không thấy kinh. Cái đó gọi là thấy kinh. Nhưng khi Adam và Eve sa vào tội lỗi. Chúa trời trừng phạt người nữ nghiêm khắc hơn người nam, vì sự sa ngã xảy ra thực sự là do lỗi của người nữ. Người nữ đã cảm dỗ chồng. Con có nhớ trong kinh thánh viết thế nào không? “Người sẽ phải chịu sự đau đớn khi sinh đẻ”. Vậy là đối với người phụ nữ, tất cả những gì đi liền với sự sinh đẻ đều không tránh khỏi đau khổ. Đây là đau khổ vô cùng. Cái phận con là thế, Meggie ạ, và con phải cam chịu thôi.

Meggie không biết rằng với bất cứ giáo hữu nữ nào của mình, cha Ralph cũng đều an ủi và nâng đỡ hết như thế, mặc dù cha không thiết tha gì lắm đến số phận của người ấy: có thể nói cha chính là bản thân lòng tốt, nhưng những lo lắng của người nữ giáo dân rất xa lạ với cha. Có lẽ không lấy gì làm lạ rằng với thái độ lạnh nhạt như thế, sự an ủi và nâng đỡ càng vững vàng hơn. Dường như cha đứng cao hơn những cái nhỏ nhặt như vậy, thành thử những cái đó chóng qua thôi. Bản thân cha không có ý thức về điều đó. Những người có chuyện đau buồn cần đến sự giúp đỡ của cha thì không bao giờ có cảm giác là cha nhìn họ bằng nửa con mắt hay chê trách sự yếu đuối của họ. Với nhiều đáng chán chán khác, khi từ biệt họ ra về, con chiêm đau khổ vì thấy mình có lỗi, mình hèn kém hay đê mạt, còn với cha Ralph thì không bao giờ như thế. Bởi vì người ta cảm thấy cha khổ tâm về nỗi đau xót và cuộc đấu tranh nội tâm của họ: có lẽ nỗi đau xót ấy xa lạ với cha và sự đấu tranh ấy thật khó hiểu, nhưng không kém nặng nề đối với cha. Bản thân cha không hiểu và không ai có thể thuyết

phục cha rằng bí quyết ảnh hưởng và sức hấp dẫn của cha là do hình dáng thì ít, mà phần nhiều hơn là do vẻ thoát trần hơi lạnh lùng, gần như thánh thần nhưng thấm sâu tính người của tâm hồn cha.

Và giờ đây cha nói với Meggie như hồi xưa Frank đã nói với em, như nói với người ngang hàng. Nhưng cha nhiều tuổi hơn, sáng suốt hơn, có học hơn Frank, thổ lộ với cha thì yên tâm hơn. Cha có giọng nói kì diệu, nghe tuyệt hay: cha nói tiếng Anh uyển chuyển, nhưng hơi pha giọng Ireland tí chút. Mọi lo buồn và sợ hãi lập tức tan biến hết. Nhưng do còn trẻ dại, Meggie đâm ra tò mò, bây giờ em nóng lòng muốn biết tất cả những gì có thể biết được, và em không bối rối về những lý sự phức tạp như những người mà đối với họ câu hỏi “tại sao”, chứ không phải “ai”, bao giờ cũng là quan trọng hơn. Bởi vì cha là bạn của em, là thần tượng của em, là mặt trời mới trên vòm trời của em.

– Nhưng tại sao cha lại không nên kể với con về chuyện đó, thưa cha Ralph? Tại sao cha bảo rằng chuyện đó thì mẹ con phải nói mới đúng?

– Đây là việc hoàn toàn của phụ nữ, Meggie ạ. Không có ai lại đi nói về việc thất bại và sự khó ở của mình trước mặt đàn ông và trẻ con trai bao giờ. Chuyện ấy phụ nữ chỉ có thể nói với nhau thôi.

– Tại sao ạ?

Cha lắc đầu và bật cười.

– Nói thực là ta cũng chẳng biết tại sao. Thậm chí ta muốn sự thể sẽ khác hẳn kia. Nhưng con hãy nhớ lấy lời ta. Đừng bao giờ buột miệng nói với ai chuyện ấy, chỉ có thể nói với mẹ thôi,

nhưng cũng đừng kể với mẹ rằng ta với con đã bàn về chuyện ấy.

– Dạ vâng, thưa cha.

Quý quái, làm người mẹ khó biết bao, có bao nhiêu điều cần phải nhớ!

– Bây giờ thì về nhà đi, hãy nói với mẹ rằng con bị ra máu, và xin mẹ bảo cho biết cần làm gì.

– Thế mẹ con cũng vẫn bị như thế ư?

– Mọi phụ nữ khỏe mạnh đều như thế. Chỉ khi họ có thai thì việc đó mới tạm ngừng cho đến khi đứa con ra đời. Nhờ thế mà phụ nữ biết được rằng họ sẽ có con.

– Thế tại sao cái đó ngừng lại khi người ta có thai?

– Ta không biết, Meggie ạ. Xin lỗi, nhưng thực quả ta không biết.

– Thưa cha Ralph, thế tại sao máu ở ruột lại chảy ra?

Cha ném một cái nhìn dữ dằn lên bức tượng thiên thần bằng cẩm thạch, ông ta đáp lại bằng cái nhìn thản nhiên, tuyệt nhiên không xúc động về những lo âu của đàn bà. Cha Ralph cảm thấy bức rứt. Kì lạ, con bé hỏi cặn kẽ quá, xưa nay nó dè dặt lắm kia mà! Nhưng cha hiểu rằng đối với Meggie, cha là nguồn hiểu biết về mọi điều không tìm thấy trong sách, và biết rất rõ tính cách của cô bé, cha không hề có chút gì – dù chỉ là mập mờ – để lộ sự ngượng ngập và lúng túng của mình. Không thể thì cô bé sẽ thu mình vào vỏ và không bao giờ hỏi cha điều gì nữa.

Và cha kiên nhẫn trả lời:

– Không phải là ở ruột chảy ra, Meggie ạ. Ở dưới bụng con có một đường ngạch kín đáo dành riêng cho trẻ nhỏ sinh ra.

– À, vậy ra trẻ con từ đó ra. – Meggie nói. – Trước nay con vẫn nghĩ không biết chúng ra ngoài bằng cách nào.

Cha Ralph nhếch mép cười và nhắc con bé khỏi cái bệ đá cẩm thạch.

– Thế là bây giờ con biết rồi. Con biết vì sao trẻ con ra đời chứ. Meggie?

– Biết chứ ạ? – Em nói với vẻ quan trọng, vui sướng vì em cũng có đôi chút hiểu biết nào đó. – Chúng được nuôi cho mọc ra, Cha Ralph ạ.

– Thế tại sao chúng lại lớn lên?

– Vì muốn có con.

– Ai bảo con vậy?

– Chẳng ai bảo. Con tự đoán ra.

Cha Ralph nhắm mắt: chẳng ai có thể trách cha hèn nhát nếu cha không tiếp tục giảng giải cho cô bé. Chỉ còn biết thương hại Meggie, nhưng giúp em nhiều hơn nữa thì cha không làm được. Chấm dứt đi thôi.



Mary Carson sắp bảy mươi hai, nhân dịp này bà ta quyết định mở một cuộc chiêu đãi chưa từng có ở Drogheda từ nửa thế kỷ nay. Ngày sinh nhật vào đầu tháng mười một, cứ ấy vẫn còn nóng không thể chịu được, ít nhất là với những người sinh trưởng ở Gilly.

– Bà có để ý thấy không, Mrs. Smith? Minnie thì thầm. – Không, bà cứ nghĩ xem! Mồng ba tháng mười một, đấy là ngày sinh của bà ta!

– Thì làm sao kia chứ, Minnie? – Bà quản gia hỏi. Bà ta, một phụ nữ Anh điềm đạm thân nhiên, hơi bực tức về cái tính bí ẩn đích thị là của người Celtic^[45].

– Còn sao nữa, như vậy là bà ta sinh ra có sao Thiên Ất chiếu mệnh, đúng không? Con bọ cạp, bà ta là như thế đấy!^[46]

– Tôi không hiểu gì cả, chị nói gì lạ thế, Minnie!

– Ôi, Mrs. Smith, chị quý mến ơi, đối với phụ nữ thì sinh ra có sao Thiên Ất chiếu mệnh thật không còn gì tệ hại hơn. Con gái quỷ sứ, nhưng kẻ đó là như thế đấy! – Ket trợn mắt nói và làm dấu chữ thập.

Tất cả những điều đó không gây được một ấn tượng nhỏ nhoi

nào đối với Mrs. Smith.

– Nói thật đấy. Minnie ạ, cả chị lẫn Ket đầu óc đều rối loạn khủng khiếp.

Xung quanh cứ là nháo nhào cả lên, tíu tít bận rộn khôn cùng. Con nhện cái già ngồi trong chiếc ghế bành sâu của mình ở trung tâm tấm mạng nhện, tới tấp tung ra những mệnh lệnh – làm cái này, làm cái nọ, trữ sẵn cái này, lấy cái kia trong số dự trữ. Cả hai chị hầu phòng người Ireland không có lấy một phút nghỉ ngơi: đánh sạch những đồ bằng bạc, rửa lại những bộ đồ ăn bằng sứ hảo hạng, lại dọn dẹp gian nhà thờ tại gia thành phòng tiếp tân và sửa sang những căn phòng kề bên để tiếp khách.

Stuart và mấy người thợ làm vụ mang máy cắt cỏ và liềm đi trên các bãi cỏ, rẫy cỏ những bồn hoa, rắc mặt cửa ẩm lên những hàng hiên lát gạch Tây Ban Nha để không chỗ nào có bụi, dùng phấn nghiền mịn cọ sàn trong gian phòng lớn để những người khiêu vũ khỏi bị trơn quá. Trong tất cả những việc đó mấy đứa con trai nhỏ của Cleary gây vướng bận nhiều hơn là giúp đỡ người lớn. Trực tiếp từ Sydney, cùng với sò huyết và tôm, cua và tôm hùm, người ta đã gửi giấy mời dàn nhạc Clarence O'Toole's; mấy người phụ nữ ở Gilly được thuê giúp việc trong thời gian tiếp khách. Cả vùng – từ Rudna Hunish đến Inishmurray và Bugela đến Narrengang – cứ ồn ồn như tổ ong.

Trong lúc tiếng lịch kịch không quen thuộc của đồ đạc bị chuyển chỗ và tiếng người gọi nhau dội tiếng âm vang giữa những bức tường bằng cẩm thạch, Mary Carson rời bỏ chiếc ghế bành bất li thân của mình, đến ngồi bên bàn, kéo lại gần mình một tờ giấy dày, chấm bút vào lọ mực và bắt đầu viết. Bà ta viết một cách vững tâm, không chần chừ một giây, dù chỉ là phân vân

về việc đặt dấu phẩy ở đâu. Trong năm năm gần đây, bà ta đã nghiền ngẫm từng từ, đặt đi đặt lại từng câu và gọt giũa đến mức hoàn hảo. Cũng chẳng phải viết lâu la gì: Chỉ cần hai tờ giấy, mà tờ thứ hai chỉ viết có ba phần tư. Nhưng viết xong dòng cuối cùng, bà ta ngồi không nhúc nhích mấy phút. Bàn viết của bà – cái bàn giấy Thụy Điển có nắp kéo dịch được về một phía – đặt bên một trong những cửa sổ cao choán hết chiều cao bức tường, quay đầu lại là thấy bãi cỏ trước nhà. Bà ta quay lại khi từ nơi đó có tiếng cười dội tới, thoát tiên bà ta nhìn một cách lơ đãng, rồi ngậy ra trong cơn cuồng nộ. Ông ta đáng nguyên rủa vì cái trò loạn óc của ông ta!

Cha Ralph dạy Meggie nghệ thuật cưỡi ngựa; là con một gia đình dân thường, trước kia chưa bao giờ em ngồi trên lưng ngựa, và đức cha khả kính bổ sung chỗ thiếu sót đó. Thật là kì lạ, con những người trông trọt và chăn gia súc bình thường ít khi biết cưỡi ngựa. Cưỡi ngựa, dù ở thành phố hay trang trại, là trò tiêu khiển của những người phụ nữ trẻ tuổi giàu có. Phải, cố nhiên những cô gái đại loại như Meggie biết điều khiển xe ngựa hai bánh và bộ ngựa kéo, thậm chí biết lái máy kéo, nhưng ít khi cưỡi ngựa. Một gia đình như thế không có đủ tiền sắm ngựa cưỡi cho con gái.

Cha Ralph đem từ Gilly về một đôi ủng không cao lắm có nịt cao su và cái quần bằng vải xec dày để cưỡi ngựa và – háp! – Cha bày những thứ mua được lên cái bàn nhà bếp trong nhà Cleary. Paddy đọc sách sau bữa ăn tối, hơi ngạc nhiên ngẩng đầu lên.

- Trình cha, cha có cái gì vậy?
- Bộ đồ đi ngựa cho Meggie.

– Cái gì kia? – Paddy giật giọng kêu lên.

– Cái gì – ì thế? – Meggie thốt lên bằng giọng lạnh lạnh.

– Bộ quần áo đi ngựa cho Meggie. Nói thực đấy, Paddy ạ, ông ngốc thật kìa! Người thừa kế một điền trang lớn nhất, giàu có nhất toàn New South Wales mà không lần nào cho cô con gái duy nhất của mình cưỡi ngựa! Thế theo ý ông thì làm thế nào cho con gái ông giữ được vị trí của mình bên cạnh Miss Carmichael, Miss Hopeton và Mrs. Anthony King? Tất cả bọn họ đều là những người cưỡi ngựa tuyệt giỏi! Meggie nhất định phải học cưỡi ngựa thạo, cả bằng loại yên dành riêng cho phụ nữ cũng như cưỡi ngựa theo kiểu nam giới, ông nghe thấy chứ! Tôi hiểu, ông không có thời giờ, vì thế tôi sẽ đích thân dạy cháu, dù ông có thích hay không cũng mặc. Nếu việc đó có gây trở ngại phần nào cho việc làm tròn những trách nhiệm ở nhà của cháu thì cũng đành vậy thôi. Bà nhà sẽ phải một tuần mấy giờ đảm đương công việc không có Meggie đỡ đần, chỉ thế thôi.

Gì thì gì, chứ Paddy không thể tranh cãi với giáo sĩ, thế là Meggie bắt đầu được cưỡi ngựa. Đây không phải là năm đầu tiên em mơ ước điều đó, có lần em đã rụt rè xin phép bố, nhưng ông bố quên ngay chuyện ấy, mà hỏi nữa thì em không dám: bố đã làm thỉnh tức là không cho phép. Mà được chính cha Ralph kèm cặp thì còn gì tuyệt hơn nữa! Nhưng Meggie cố che giấu niềm vui sướng của mình: sự tôn sùng của em với cha Ralph đã kịp chuyển thành niềm say mê nồng nàn của cô thiếu nữ. Và biết rất rõ rằng không đời nào có chuyện ấy được, em vẫn cả gan ngấm ngấm mơ tưởng cha: nếu như cha ôm em, hôn em thì sao nhỉ? Em không mơ ước xa hơn nữa, vì em không hề biết xa hơn nữa thì có thể như thế nào và có cái “xa hơn nữa” nào đó hay không? Mặc dù em

biết rằng mơ tưởng linh mục như thế là có tội, nhưng em không thể nào nén lòng và xua đuổi những mơ ước ấy được. Có điều em tìm cách không để mình bị lộ, sao cho cha tuyệt nhiên không đoán được những ý nghĩ không chính đáng của em.

Từ cửa sổ phòng khách, Mary Carson nhìn cha Ralph và Meggie, hai người đi từ chuồng ngựa ở phía bên kia nhà, quá khu ở của người quản cừu một quãng nữa. Người làm trong điền trang thì dùng ngựa kéo xe bình thường, thứ ngựa đó không ở trong chuồng, chúng hoặc đang chạy trong các khu vực – đóng vào xe hoặc do người cưỡi, – hoặc lúc nghỉ thì gặm cỏ xung quanh Ấp chính. Nhưng ở Drogheda vẫn có chuồng ngựa, mặc dù bây giờ chuồng ngựa chỉ có một mình cha Ralph sử dụng. Mary Carson nuôi hai con ngựa thuần giống chỉ cốt để cho cha dùng – thứ ngựa kéo pha tạp đâu có xứng với cha! Khi cha hỏi bà ta rằng có thể cho Meggie cưỡi ngựa của cha không thì bà ta không có cách gì phản đối. Con bé là cháu bà ta, và cha có lý: cháu gái của bà chủ Drogheda phải biết cưỡi ngựa.

Từng đốt xương trong tấm thân già phục phịch của Mary Carson nhức nhối vì uất ức: giá như lúc ấy có thể không thuận hay có thể đi ngựa cùng với họ! Nhưng bà ta không thể không chấp thuận, mà ngồi ngất nghe trên yên thì bà ta không đủ sức nữa rồi! Bà ta tức giận khi thấy hai người bước đi trên bãi cỏ: cha mặc quần bò ống, đi ủng cao, áo sơ mi trắng, duyên dáng như một diễn viên vũ balê, còn cô gái mặc quần nữ, nom cân đối và đẹp một vẻ đẹp con trai khó tả. Cả hai đều rạng rỡ ánh sáng của mối quan hệ tự nhiên thân tình, và lần thứ một nghìn Mary Carson băn khoăn nghĩ: tại sao trước kia không ai chê trách cái tình bạn thân thiết đến chướng mắt ấy? Paddy chỉ cảm thấy vui

sướng về tinh thần ấy, Fee – người đàn bà ngốc nghếch bất hạnh ấy – như thường lệ, vẫn làm thính, còn đối với các anh em trai thì hai người như anh trai và em gái. Có lẽ Mary Carson nhìn thấy cái mà người khác không nhìn thấy, vì chính bà ta yêu Ralph de Bricassart chẳng? Hay chẳng qua bà ta tưởng thế thôi, chứ ở đây chẳng có gì khác ý, chẳng qua là một người đàn ông đã vượt xa tuổi ba mươi thân với một cô gái mới lớn chẳng? Vớ vẩn! Không một người đàn ông nào ngoài ba mươi, ngay cả Ralph de Bricassart mù quáng đến mức không nhận ra bông hồng đang mở cánh. Ngay cả Ralph de Bricassart ư? Ha! Đặc biệt là Ralph de Bricassart. Ai chứ ông ta nhìn thấy hết, không cái gì lọt khỏi mắt ông ta.

Hai tay bà ta run run, ngòi bút vẩy bắn xuống tờ giấy mấy giọt xanh sẫm. Những ngón tay gồ ghề nhăn nheo dịch một tờ giấy mới lại gân, lại chấm ngòi bút vào lọ mực và một lần nữa, vẫn vững vàng như trước, viết ra vẫn những chữ ấy. Rồi Mary Carson nặng nhọc đứng lên và lê bước đi ra cửa.

– Minnie! Minnie! – Bà ta gào lên.

– Lạy Chúa lòng lành, chính bà ấy gọi! – Có tiếng chị hầu phòng trong gian phòng đối diện. Ở cửa ló ra khuôn mặt đầy tàn hương, không trẻ không già. – Dem cái gì lên hầu bà, thưa Mrs. Carson quý mến? – Minnie hỏi, không hiểu vì sao trái với lệ thường, bà ta không lắc chuông gọi Mrs. Smith.

– Đi gọi tay thợ làm hàng rào và Tom đến đây. Bảo họ đến ngay.

– Con có phải nói với Mrs. Smith trước khi đi không ạ?

– Không! Làm như ta vừa bảo!

Tom và người trồng vườn, mười bảy năm trước là một gã lang thang bình thường, bôn ba trên các nẻo đường với một chiếc cà mèn và chiếc áo choàng cuộn tròn, nhận việc làm thuê đây đó, nhưng rồi mê say những bồn hoa ở Drogheda và từ đó không thể rời những bồn hoa ấy được nữa. Người thợ làm hàng rào, một tay suốt đời du cư, vì nghề của anh ta là như thế – không ngừng đi đến các khu vực và các bãi chôn, chôn cột dựng hàng rào và căng dây thép, mới đây đã phải dứt khỏi công việc trực tiếp của mình để sửa lại bức tường vôi màu trắng của Nhà Lớn, chuẩn bị cho ngày hội. Sợ hãi vì bị gọi bất ngờ, họ đến ngay và đứng trước bà chủ, cả hai đều mặc quần lao động có dây đeo, áo sơ mi lót trong và lo lắng xoay trở trong tay những chiếc mũ nhàu nát.

– Có biết viết không? – Mary Carson hỏi.

Cả hai gật đầu, nuốt nước bọt vì hồi hộp.

– Tốt. Nhìn đây nhé, bây giờ ta sẽ ký tờ giấy này, còn các người sẽ ký bên dưới một chút, viết tên họ và địa chỉ ngay dưới chữ ký của ta. Hiểu chứ?

Cả hai gật đầu.

– Hãy chú ý ký đúng như trước nay các người vẫn ký, và viết lại địa chỉ thường xuyên cho rành rẽ. Có thể ghi cả hòm thư lưu gửi cho các người, ta không câu nệ gì hết, miễn sao có thể tìm ra các người là được.

Cả hai nhìn xem bà ta ký; trên những tờ giấy ấy chỉ có chữ ký là bà ta viết to và thoáng rộng. Tom đến gần, khó nhọc đưa ngòi bút ken két trên giấy làm mực bắn cả ra, rồi đến người thợ làm hàng rào vạch những chữ to tròn trĩnh: “Chas. Hawkins” và địa chỉ ở Sydney. Mary Carson không rời mắt khỏi họ; khi họ làm

xong việc, bà ta cho mỗi người một tờ mười bảng màu đỏ thẫm và cho họ về, sau khi hết sức nghiêm khắc ra lệnh cho họ phải kín miệng.

Meggie và cha Ralph đã khuấy dạng từ lâu. Mary Carson gieo mình xuống chiếc ghế cạnh bàn giấy của mình, lấy một tờ giấy nữa và lại bắt đầu viết. Lần này bút chạy trên giấy không nhanh và thoải mái như trước. Đôi khi bà ta chần chừ, suy nghĩ, nhếch một nụ cười gượng gạo, rồi lại bắt đầu viết. Rõ ràng bà ta muốn nói nhiều điều ở đây, chữ chen chúc nhau, các dòng sát nhau, thế mà vẫn cần đến tờ giấy thứ hai. Cuối cùng bà ta đọc lại những gì đã viết, gom cả bốn tờ giấy vào, gấp lại và cho vào phong bì, niêm phong bằng xi đỏ.

* * *

Đến dự hội chỉ có Paddy, Fee, Bob, Jack và Meggie; Hughie và Stuart được trao nhiệm vụ ở nhà trông các em, và trong thâm tâm chúng thở dài nhẹ nhõm. Gần như lần đầu tiên trong đời Mary Carson tỏ ra rộng rãi: mỗi người được một bộ y phục mới loại tốt nhất có thể đặt mua ở Gilly.

Paddy, Bob và Jack không dám động cựa, bị bó cứng trong bộ quần – áo đuôi tôm màu đen với gilê trắng, áo sơ mi hồ bột trắng như tuyết, nơ bướm màu trắng. Cuộc tiếp tân đề ra nghi thức nghiêm ngặt: đàn ông nhất định phải mặc áo đuôi tôm và cà vạt trắng, phụ nữ thì bộ áo váy dài dạ hội.

Bộ áo váy của Fiona hợp với bà lạ thường: màu xám ánh xanh tuyệt diệu, thêu vô vàn hạt cườm, mở cổ rộng, nhưng ống tay áo

hẹp dài đến tận cườm tay, váy tha thướt buông chầm sần những nếp gấp mềm mại, hoàn toàn theo phong cách hoàng hậu Marya. Tương tự như bậc vương hậu ấy, Fee chải một kiểu tóc cao và bông để lộ ra vàng trán, còn ở cửa hàng bách hóa Gillanbone đã tìm được chuỗi ngọc trai và đôi khuyên chế tạo khá khéo léo: chỉ có mắt sành sỏi và kỹ tính lắm mới nhận ra được vật làm giả. Bổ sung cho cảnh tượng đó là chiếc quạt bằng lông đà điều hợp với màu áo: hoàn toàn không phải là vật trang sức thừa như thoát đầu có thể tưởng lầm: tiết trời nóng bức lạ thường và lúc bảy giờ tối cột thủy ngân trong cái đo độ vẫn cao hơn một trăm nhiều.

Khi Fee và Paddy từ buồng mình đi ra, các con trai kêu lên ngạc nhiên. Chưa bao giờ chúng thấy bố mẹ chúng đẹp như vậy, lộng lẫy chói vời như vậy. Có thể thấy ngay rằng Paddy đã sáu mươi mốt tuổi, nhưng ông có phong độ đường bệ thanh lịch của một chính khách. Còn Fee, với tuổi bốn mươi tám của mình, bông trẻ ra đến mười tuổi: một phụ nữ tràn trề sức sống với nụ cười mê hồn. Jims và Patsy gào tướng lên, không muốn nhận hai người lạ trang phục lộng lẫy này là bố mẹ chúng. Họ cuống quýt xung quanh hai đứa bé đang khóc, quên hẳn vẻ trang trọng của mình: mẹ và bố xử sự như thường ngày, và vài phút sau, hai trẻ sinh đôi đã hoan hỉ mỉm cười với bố mẹ.

Nhưng những luồng mắt ngạc nhiên bị cuốn hút lâu nhất vào Meggie. Có lẽ vì nhớ đến thời con gái của mình và bực tức vì các cô gái khác được mời đi dự hội đặt mua y phục ở Sydney, bà thợ may ở Gillanbone để hết tâm hồn vào bộ áo váy của Meggie. Chiếc áo không tay, chỗ xẻ có đường viền để hở vai và cổ: Fee có vẻ nghi ngại, nhưng Meggie van vỉ mẹ cho phép em mặc kiểu đó và bà thợ may cam đoan rằng tất cả các cô gái sẽ mặc đại loại như

thế: bà có muốn con gái bà bị cười chê là con bé quê mùa cổ hủ không? Và Fee mỉm cười nhượng bộ. Hơi chiết lưng một chút, bộ áo váy bằng vải crepe georgette mỏng may sợi được giữ ở ngang hông bằng cái đai lưng cũng bằng thứ vải ấy. Bộ áo không bóng, màu xám nhạt có ánh hồng dịu dàng – trong những năm ấy, màu đó được gọi là “*màu tro của hoa hồng*”. Bà thợ may hợp sức với Meggie khâu khắp bộ áo những nụ hoa hồng nhỏ xíu. Meggie cắt tóc ngắn sao cho thật gần với kiểu “theo điệu Fôctrôt”, cái mốt đó đã lên truyền đến cả các cô gái ở Gilly. Cố nhiên tóc cô vẫn cứ xoắn, bất chấp mốt, nhưng kiểu tóc ngắn rất hợp với cô.

Paddy mở miệng toan nổi trận lôi đình – quả thực ông không nhận ra đứa con gái bé bỏng của mình nữa, nhưng ông ngậm miệng lại ngay, không thốt lên lời nào; cuộc đụng độ hồi nào với Frank đã dạy ông được đôi điều. Không, không phải suốt đời nó là đứa con gái bé bỏng của ông, nó đã là một thiếu nữ và chính nó đâm ra rụt rè do sự thay đổi kỳ lạ trong bản thân nó mà chiếc gương đã phơi bày nó thấy. Vậy thì tại sao lại làm cho cuộc sống của con bé tội nghiệp phức tạp thêm?

Ông mỉm cười dịu dàng và chìa tay ra.

– Chà, Meggie, con quả là đẹp mê hồn! Ta đi thôi, ba sẽ là trang hiệp sĩ tháp tùng con, còn Bob và Jack đi bên mẹ.

Chỉ một tháng nữa là Meggie tròn mười bảy, lần đầu tiên Paddy cảm thấy ông quả thực là già. Nhưng Meggie là đứa con cứng của ông, là con người của ông, không được để cho bất cứ điều gì làm u ám cuộc vũ hội đầu tiên trong cuộc đời người lớn của nó.

Họ chậm rãi đi về Nhà Lớn, lát nữa những vị khách đầu tiên

mới đến; gia đình Cleary phải ăn bữa trưa với Mary Carson, rồi giúp bà ta tiếp khách. Chẳng ai muốn lê giày bám bụi vào nhà, vậy thì sau khi đi bộ một dặm trên đường Drogheda bụi bặm, phải tạt vào căn nhà nhỏ dùng làm nhà bếp, lau sạch giày, rũ bụi bám vào quần và những gấu váy dài.

Cha Ralph, như thường lệ, mặc áo choàng tu sĩ: không một bộ áo đuôi tôm hay xômkinh nào hợp với cha bằng bộ y phục nghiêm trang này, hơi xòe rộng ở phía dưới, với một dây dài cúc vải ở phía trước, từ cổ đến tận dưới cùng, thắt ngang bằng chiếc dây lưng có đường viền màu tím hoa cà – dấu hiệu về chức sắc của cha.

Mary Carson vận toàn bộ đồ trắng: áo váy lụa trắng, đăng ten trắng, lông đà điều trắng. Fee tròn mắt nhìn bà ta, sững sốt đến nỗi không còn giữ được vẻ điềm tĩnh mọi khi. Lố lằng quá thể, mụn già trang phục như cô dâu, nom nghịch mắt quá: để làm gì kia chứ? Đích thị là một mụn gái già quẫn trí đóng vai tân nhân. Lại nữa, thời gian gần đây bà ta phì ra rất nhiều, cái đó cũng không làm cho bà ta đẹp lên.

Nhưng Paddy dường như không nhận thấy có điều gì không hay: mỉm cười hớn hở, ông tới gần bà chị, cầm lấy tay bà ta. Con người dễ thương lạ: cha Ralph nghĩ, lơ đãng quan sát cảnh tượng đó với đôi chút thích thú.

– Chà, Mary, nom chị thật tuyệt vời! Đúng là một thiếu nữ trẻ măng.

Quả thực bà ta giống hệt hoàng hậu Victoria trước khi mất ít lâu trên tấm ảnh nhiều người biết đến. Những nếp nhăn hằn sâu hai bên cái mũi to, cái miệng oai quyền mỉm lại một cách ương

bướng; cặp mắt lồi lạnh lùng nhìn Meggie không chớp. Cặp mắt xanh tuyệt đẹp của linh mục hết nhìn cô cháu, rồi bà bác, rồi lại cô cháu với vẻ dò xét.

Mary Carson mỉm cười với em trai, khoác tay ông.

– Chú có thể đưa tôi đến bàn, Padraic. Cha Ralph sẽ dẫn Fiona, còn hai thằng bé đi với Meggie. – Bà ta ngó qua vai Meggie.

– Hôm nay cháu sẽ khiêu vũ chứ, Meggie?

– Nó còn quá trẻ để có thể khiêu vũ, Mary ạ, nó chưa được mười bảy tuổi kia mà. – Paddy vội đáp, chợt nhớ ra một thiếu sót nữa của người làm bố: không có đứa con nào của ông được dạy khiêu vũ.

– Rất tiếc. – Mary Carson nói buông thông.

Đấy là một vũ hội rục rờ, sang trọng, tráng lệ, lóa mắt: ít ra đấy là những lời được truyền miệng. Cả Royal O'Mara cũng đến cùng với vợ, các con trai và cô con gái duy nhất, ông ta ở Inishmurray, cách đây hai trăm dặm, xa xôi nhất, tuy cũng chẳng xa hơn các vị khách khác là bao. Những người ở Gillanbone vẫn không nề hà gì vượt hai trăm dặm đi thi đấu cricket, vậy thì càng không ngại đường xa đến dự một ngày hội như thế này. Trong số khách đến có Duncan Gordon ở Each-Uisge: chẳng ai moi được ở ông ta câu trả lời tại sao ông ta lại gọi tên điền trang của mình – cái điền trang ở xa đại dương như thế – bằng những từ Scots Gaelic, thậm chí là từ Gael^[47] – nó có nghĩa là “ngựa biển”, nói cách khác là hải mã. Ông khách Martin King đến với vợ, với con trai là Anthony và vợ của con trai: ông ta là người di cư kỳ cựu nhất ở vùng Gillanbone – Mary Carson chỉ là phụ nữ, không xứng với danh hiệu ấy. Trong số khách đến còn có Evan Pugh ở Braich y Pwll

(dân địa phương không nói được những phụ âm Scots Gaelic chập liền, gọi điền trang đó là Brakeypull), Dominic O'Rourke ở Dibban-Dibban, Horry Hopeton ở Beel-Beel và chừng mười mười hai người nữa cùng gia đình.

Hầu như toàn là người công giáo: không mấy người mang tên Anglo-Saxon: số người Irish, người Scottish, và người sinh ở Welsh gần bằng nhau. Không, ở quê hương, họ không hi vọng gì có được quyền bình đẳng và độc lập, còn người công giáo ở Wales và Scotland thì thậm chí đừng hòng được những người thanh giáo ở đây thông cảm. Còn ở đây, trên hàng nghìn dặm vuông quanh Gillanbone, họ là chủ bản thân và là những bậc tai mắt sở hữu những tài sản đồ sộ, các ngài địa chủ Anh không bì nổi với họ: trong phạm vi Drogheda, điền trang lớn nhất trong những điền trang ở đây, có đặt cả mấy công quốc châu Âu vào cũng còn rộng rãi chán. Hãy run sợ đi, các vương công Monegasque^[48] và các quận công Liechtensteinian^[49]! Các ngài không thể sánh với Mary Carson về quy mô hùng vĩ. Các vị chúa tể ở đây quay tròn trong điệu waltze dưới tiếng nhạc ngọt ngào của dàn nhạc gọi thuê từ Sydney, rồi độ lượng nhìn con cái họ nhảy điệu Charleston^[50]; họ ăn ba tê tôm hùm và sò huyết ướp đá, uống sâm banh để lâu mười lăm năm đưa từ Pháp sang và whisky Scotch để lâu mười hai năm. Cứ thực tâm mà nói, họ sẽ thích thú hơn nếu được ăn thịt cừ rán hay thịt muối và uống rượu rum Bundaberg mạnh, rẻ tiền hay uống bia Grafton ngay trong thùng. Nhưng thật thú vị khi biết rằng người ta sẵn sàng đưa ra mời anh những món ăn và đồ uống cao sang nhất, chỉ cần anh muốn.

Phải, cũng có những năm thiếu thốn, và những năm như thế không phải là hiếm hoi lắm. Thu nhập về len trong những năm

thuận lợi được dành dụm để sống qua những năm khó khăn, vì không ai có thể đoán trước sẽ có mưa hay không. Nhưng đã được mấy năm liền thuận lợi, và ở Gilly người ta gần như không biết tiêu tiền làm gì.Ồ, nếu như ta ở trên vùng đồng bằng đất đen phì nhiêu miền Tây Bắc thì đối với ta không còn đất nào tốt hơn nữa. Họ không nhớ quê hương cũ và không hành hương về thăm quê cũ: nước Anh đã làm gì cho họ, ngoài việc làm nhục và truy bức họ vì tín ngưỡng của họ? Úc chính là nước công giáo, ở đây họ là những người bình đẳng giữa những người bình đẳng. Và miền Tây bắc trở thành quê hương mới của họ.

Vả chẳng, cuộc lễ này do Mary Carson chi hết mọi khoản. Bà ta đủ sức làm như thế. Nghe đồn bà ta có đủ tiền để mua và bán cả vua Anh. Bà ta bỏ vốn vào thép, bạc, thiếc và chì, đồng và vàng, bỏ vốn vào hàng chục mỏ quặng và xí nghiệp các loại, hầu như vào tất cả những việc gì làm ra tiền theo nghĩa đen và nghĩa bóng. Đã từ lâu Drogheda không còn là nguồn thu nhập chính của bà ta: bây giờ đây chỉ là một thứ tiêu khiển sinh lợi.

Trong bữa ăn trưa cũng như sau đó, cha Ralph không hề nói chuyện với Meggie; suốt buổi tối cha cố hết sức tránh cô gái. Meggie phật ý, luôn luôn đưa mắt tìm cha. Cha cảm thấy cái nhìn của cô chiếu vào mình, cha rất muốn đến gần giải thích cho cô hiểu rằng thanh danh của cô và cả cha nữa sẽ chỉ thương tổn nếu cha chú ý đến cô nhiều hơn đến Miss Carmichael, Miss Gordon hay Miss O'Mara chẳng hạn. Cũng như Meggie, cha không khiêu vũ, cũng như Meggie cha thu hút nhiều luồng mắt về phía mình. Hiển nhiên, cả hai người đẹp trội hẳn so với tất cả những người có mặt.

Cha Ralph dường như phân đôi: một nửa con người cha phần

nộ về vẻ ngoài và Meggie tối hôm nay, cha khó chịu cả về mái tóc cắt ngắn ấy, cả về bộ váy mê li, cả về đôi giày lụa thanh lịch cũng màu “tro của hoa hồng” ấy với gót cao hai inch; cô trở nên cao hơn và hình dáng cô bây giờ là hiện thân của nữ tính. Còn nữa kia của tâm hồn cha tràn đầy niềm tự hào: Meggie của cha làm mờ hết mọi cô gái trong phòng. Miss Carmichael có khuôn mặt với đường nét quý phái thanh tú, nhưng thiếu mất ánh hào quang phi thường của mái tóc màu hung ánh vàng nõ; Miss King có những bím tóc màu vàng hoe kì diệu, nhưng thân hình không uyển chuyển bằng, Miss Mackail thì thân hình tuyệt diệu, nhưng mặt nom như mặt con ngựa vượn cổ qua hàng rào đớp quả táo. Tuy nhiên, cảm giác sắc bén hơn hết mà cha cảm thấy là thất vọng; tại sao, tại sao không thể bắt thời gian quay ngược trở lại! Cha hoàn toàn không cần Meggie trưởng thành, cha cần một cô bé mà cha có thể coi đó là đứa trẻ thơ ngây được cha yêu mến. Trên mặt Paddy, cha nhận thấy dường như sự phản chiếu những ý nghĩ của mình và cha mỉm cười yếu ớt. Sung sướng biết bao khi ít ra có một lần trong đời không phải che giấu điều mà ta cảm thấy! Nhưng tính tự chủ quen thuộc và sự khôn ngoan đã ăn sâu vào máu thịt cha.

Cuộc dạ hội vẫn tiếp tục, các điệu vũ một lúc một tự nhiên thoải mái hơn, người ta đã uống rum và bia, chứ không phải là sâm banh và whisky, và cuộc lễ hội bây giờ giống một tối vui chơi bình thường ở một trang trại giản dị sau buổi xén lông cừu nhiều hơn. Chỉ cần đưa vào đây một người chăn cừu và một nữ công nhân ở trại là đến hai giờ đêm sẽ không ai phân biệt được cuộc tiếp tân này với cuộc hội đám dân gian thường có ở vùng Gillanbone, một loại giải trí hoàn toàn bình dân, ai cũng tham dự

được.

Paddy và Fee vẫn còn giúp trông coi mọi việc, nhưng Bob, Jack và Meggie đã rút vào đúng nửa đêm. Bố mẹ không để ý đến điều ấy, họ vui vẻ: con họ không biết khiêu vũ, nhưng họ biết, và họ khiêu vũ rất hăng, hai người nhảy với nhau nhiều hơn: con mắt tinh tường của cha Ralph bỗng nhận ra họ là một cặp xứng đôi kỳ lạ – có lẽ chính bởi vì họ ít có dịp buông thả mình và vui sướng về nhau. Cha Ralph nhớ, chưa lần nào cha thấy họ chỉ riêng hai người với nhau, mà quanh quẩn ở đó lại không có một đứa nào trong số các con, – trong một gia đình đông đảo, điều đó thật không dễ, cha nghĩ, cha mẹ chẳng khi nào có dịp gặp riêng hai người với nhau, chỉ trừ trong buồng ngủ, mà khi ấy họ chẳng thiết gì chuyện trò, điều này có thể hiểu được. Paddy vui vẻ và yêu đời thì chẳng có gì lạ, ông vốn vẫn thế, nhưng còn Fee tối hôm ấy đúng là đẹp lộng lẫy: khi Paddy mời vợ một người chần cừu nào đó khiêu vũ vì xã giao thì Fee có không biết bao nhiêu người đến mời; trong khi đó các nữ trẻ hơn nhiều ử rữ ngồi dọc các bức tường của căn phòng lớn, chẳng ai thiết nhảy với họ.

Tuy nhiên, cha Ralph quan sát vợ chồng Cleary chỉ từng lúc thôi. Sau khi Meggie về, cha dường như trẻ ra đến mười tuổi, cha trở nên sôi nổi lạ thường, làm cho các cô Hopeton, Mackail, Gordon và O'Mara hết sức sửng sốt khi cha nhảy – và nhảy tuyệt đẹp – với Miss Carmichael điệu “Black Bottom”. Nhưng sau đó cha lần lượt nhảy với từng cô gái chưa có người mời trong phòng, ngay cả với Miss Pugh xấu xí tội nghiệp – lúc ấy khách khứa đã rộng lượng và chẳng ai chê trách cha điều gì. Trái lại, mọi người đều thốt ra lời bày tỏ sự khâm phục lòng tốt không biết mệt mỏi của cha. Chẳng ai có thể nói rằng con gái họ chưa được khiêu vũ

với de Bricassart khả kính. Tất nhiên, nếu đây không phải là cuộc tiếp tân ở nhà riêng thì cha sẽ không dám vui chơi khiêu vũ, nhưng thật đẹp lòng khi thấy một con người duyên dáng như thế ít nhất cũng có thể vui chơi một lần trong đời.

Ba giờ sáng Mary đứng lên và ngáp.

– Không, hội vui vẫn tiếp tục. – Bà ta nói. – Nếu tôi mệt (mà thực quả là tôi đã mệt), tôi có thể đi nằm và ngay bây giờ tôi sẽ làm như thế. Nhưng thức ăn đồ uống đủ dùng, dàn nhạc được thuê để chơi nhạc chùng nào còn có người muốn nhảy, và nếu có hơi ồn ào thì tôi càng mau ngủ được. Cha Ralph, cha có thể giúp đưa tôi lên trên kia được không?

Tuy nhiên, sau khi ra khỏi phòng, bà ta không rẽ về phía cái cầu thang lộng lẫy dẫn lên tầng hai, mà tỉ mỉ thân nặng trĩu vào tay linh mục, đi về phòng khách của mình. Cửa đóng, Mary đưa chìa khóa cho người bạn đường, chờ ông mở cửa và vào phòng trước tiên.

– Một dạ hội tuyệt diệu, Mary ạ. – Cha nói.

– Lần cuối cùng trong đời tôi.

– Đừng nói thế, bạn quý mến.

– Tại sao kia chứ? Tôi chán sống rồi, Ralph ạ, với tôi thế là đủ rồi. – Cặp mắt nanh ác của bà ta lộ vẻ giễu cợt. – Sao, ông không tin à? Cho đến nay đã bảy mươi có lẽ, tôi chỉ làm cái gì tôi muốn và khi nào tôi muốn, và nếu thần chết tưởng rằng mục tùy ý định đoạt giờ phút cuối cùng của tôi thì mục làm to. Tôi sẽ chết khi nào tôi muốn, và tuyệt nhiên không dùng bất cứ cách tự sát nào. Lòng ham sống, đó là cái giữ chúng ta ở đây, Ralph ạ: còn nếu thật sự muốn chấm dứt cái đó thì không còn gì đơn giản hơn. Tôi chán

ngấy rồi, và tôi muốn chấm dứt cái đó. Có thể thôi.

Cha cũng chán ngấy tôi, không phải là chán sống, mà là chán cái mặt nạ suốt đời giữ kẽ, chán cái khí hậu nghiệt ngã của Úc, chán cái cảnh không có bạn bè, không có những người tâm tình gần gũi, và cha chán ghét chính mình. Trong phòng khách tranh tối tranh sáng, cái cảnh sắc lờ mờ ấy không hề bị xua tan bởi ánh sáng của ngọn đèn dầu hỏa cao với chao đèn bằng thủy tinh màu hồng ngọc quý vô giá, và bóng tối thăm hồng trong trẻo làm lộ rõ trên gương mặt ương bướng của Mary Carson một cái gì hoàn toàn có tính chất ma quỷ. Chân và lưng cha Ralph đôi lúc hơi nhức, đã lâu lắm cha không khiêu vũ như thế, tuy cha tự hào là vẫn theo dõi những *mốt* kỳ quặc mới nhất. Cha đã ba mươi lăm, là cha xứ một vùng heo hút, như vậy có gì đáng kể trên cái thang thứ bậc của nhà thờ công giáo? Bước đường công danh của cha chưa khởi đầu đã kết thúc. Ôi, những mơ ước ấy của thời trai trẻ! Và những lời lẽ thiếu thận trọng của tuổi trẻ, và tính tình nóng nảy của tuổi trẻ. Cha không thiếu kiên cường trong giờ thử thách. Nhưng sẽ không bao giờ cha phạm lại sai lầm như thế nữa. Không bao giờ, không đời nào...

Cha lắc đầu buồn bực, thở dài: nghĩ đến chuyện ấy làm quái gì. Sẽ không còn dịp nào nữa. Đã đến lúc nhìn thẳng vào sự thật, đã đến lúc già từ những hi vọng và mơ ước.

– Ông nhớ chứ, Ralph, tôi đã nói với ông rằng tôi sẽ thắng, tôi sẽ đánh bại ông bằng chính vũ khí của ông, ông nhớ chứ?

Tiếng nói khó khăn của bà ta ập vào luồng ý nghĩ của cha, những ý nghĩ do sự mệt mỏi gợi nên. Cha nhìn Mary Carson và mỉm cười.

– Mary quý mến, tôi không bao giờ quên một lời nào của bà. Thực tình tôi không biết nếu không có bà thì tôi sẽ làm thế nào trong bảy năm ấy. Sự sắc sảo của bà, sự tinh quái của bà, sự thấu suốt của bà...

– Tôi mà trẻ hơn chút nữa thì tôi sẽ chiếm đoạt ông bằng cách khác, Ralph ạ. Ông không bao giờ hiểu nổi tôi thiết tha đến chừng nào mong trút bỏ được ba chục tuổi đời đâu. Nếu quí hiện ra với tôi và gạ: bán linh hồn cho ta và người sẽ trẻ lại thì tôi ưng thuận ngay và tuyệt nhiên không lấy làm tiếc về cuộc mua bán như con lừa già Faust ấy đâu. Khốn nỗi chẳng có quí nào hết. Ông ạ, chẳng có gì khiến tôi tin được rằng tuồng như thượng đế và quí là có thật. Tôi chưa bao giờ thấy một bằng chứng nhỏ nhặt nào cả. Thế còn ông?

– Tôi cũng chưa hề thấy. Nhưng niềm tin đó không dựa vào bằng chứng, Mary ạ. Nó dựa vào đức tin, đức tin là nền tảng của nhà thờ công giáo. Không có đức tin thì không có gì hết.

– Một cơ sở rất bấp bênh.

– Có thể. Tôi cho rằng người nào cũng có khả năng tin. Thú thực là tôi phải luôn luôn đấu tranh bản thân để giữ gìn đức tin, nhưng tôi sẽ không bao giờ chịu thua.

– Tôi sẽ rất sẵn lòng làm cho ông thua thất điên bát đảo.

Đôi mắt xanh của bà ta cười cợt, dưới làn ánh sáng ở nơi đây đôi mắt ấy nom như màu xám.

– Mary quý mến của tôi, gì chứ cái đó thì tôi biết rõ lắm!

– Thế ông có biết tại sao không?

Một cảm giác triu mến vô hạn lén lút lén đến với cha, và có lẽ nó sẽ lọt vào tâm hồn, nhưng cha chống lại kịch liệt.

- Tôi biết, Mary ạ, và hãy tin tôi, tôi rất lấy làm tiếc.
- Có nhiều phụ nữ yêu ông không, không kể mẹ ông?
- Tôi không biết mẹ tôi có yêu tôi không. Dù sao, cuối cùng thì mẹ tôi đã căm ghét tôi. Hầu hết phụ nữ đều căm tôi. Họ không đặt biệt hiệu cho tôi là Hippolytos^[51] thì thật là hớ.
- Ô hô! Cái đó giải thích cho tôi nhiều điều.
- Còn về những phụ nữ khác thì có lẽ chỉ có Meggie... Nhưng nó hãy còn là trẻ con. Có lẽ tôi không quá lời nếu nói rằng hàng trăm phụ nữ thèm muốn tôi, nhưng liệu họ có yêu tôi không?... Tôi ngờ lắm.
- Tôi yêu ông. – Bà ta nói với giọng xúc động.
- Không, bà không yêu. Tôi là sự thách thức đối với tuổi già của bà, chỉ thế thôi! Chỉ riêng dáng hình của tôi đã gợi cho bà nhớ tới cái mà ở tuổi này của bà, bà không còn với tới được nữa.
- Ông làm. Tôi yêu ông. Mà còn yêu mãnh liệt! Ông tưởng tôi già rồi thì không thể yêu được nữa ư? Vậy thì, cha de Bricassart khả kính ạ, tôi sẽ nói với ông một đôi điều. Tuy bị giam trong tấm thân lỗ bịch này như trong nhà tù, tôi vẫn còn trẻ – tôi vẫn còn khả năng cảm giác, thèm muốn, mơ ước, và tôi nổi loạn dữ dội, tôi căm tức những cái xiềng xích mình, tôi căm tức cơ thể tôi. Tuổi già là sự trả thù tàn bạo nhất mà Chúa trời hay thù hằn trút lên đầu chúng ta. Tại sao ông ta không đồng thời làm cho tâm hồn ta già đi? – Bà ta ngả người trên lưng ghế bành, nhắm mắt lại, nhe răng ra trong một cái cười bực tức. – Tất nhiên con đường của tôi đi thẳng xuống địa ngục. Nhưng trước hết tôi hy vọng rằng tôi sẽ kịp nói cho Chúa trời biết ông ta là một kẻ nhỏ nhen thảm hại, độc ác biết nhường nào!

– Bà sống góa bụa quá lâu, Mary ạ. Chúa dành cho bà quyền tự do lựa chọn. Bà có thể đi bước nữa. Nếu như bà đau khổ vì cảnh đơn chiếc thì đấy là do bà tự lựa chọn, Chúa không can dự gì vào đó.

Bà ta lặng thinh, ra sức bít chặt lấy hai tay ghế bành, phải một lúc sau bà ta mới đỡ được một chút và mở mắt ra. Dưới ánh đèn, đôi mắt long lên, hơi đỏ, nhưng không phải vì nước mắt: đấy là thứ ánh mắt gì đó nghiệt ngã, sắc như lưỡi dao bén. Cha Ralph cảm thấy nghẹn thở, khiếp sợ. Đúng là con nhện cái!

– Ralph, trên bàn giấy của tôi có chiếc phong bì. Dem hộ tôi lại đây.

E dè, lòng nhức nhối một nỗi đau âm ỉ, cha đứng lên, lấy bức thư và tò mò nhìn nó. Mặt trước phong bì không đề gì cả, nhưng phong bì dán kín, theo đúng lệ trên xi đỏ có đóng con dấu của Mary Carson – ký hiệu Ovna và chữ “D” hoa. Cha Ralph đến gần và đưa cho bà ta cái phong bì, nhưng bà ta không cầm, chỉ phẩy tay ra hiệu cho cha ngồi về chỗ của mình.

– Cái này là để trao cho ông. – Bà ta nói và nhếch mép cười. – Đây là công cụ của số phận ông, Ralph ạ, nó là thế đấy. Đòn cuối cùng, quyết định của tôi trong cuộc quyết đấu dằng dai giữa chúng ta. Tiếc rằng tôi sẽ không còn ở trên đời và không nhìn thấy kết cục. Nhưng tôi biết rất rõ kết cục sẽ như thế nào, vì tôi biết ông, biết rõ hơn ông tưởng nhiều. Con người kiêu hãnh đến khó chịu! Trong phong bì này có chứa đựng số phận của ông, để xem nó sẽ được quyết định thế nào – đời ông và tâm hồn ông sẽ ra sao. Đành phải nhường ông cho con bé Meggie ấy thôi, nhưng tôi đã lo liệu sao cho nó không chiếm dứt được ông.

– Tại sao bà căm Meggie đến thế?

– Tôi đã nói với ông một lần rồi. Bởi vì ông yêu nó.

– Nhưng đấy hoàn toàn không phải là tình yêu như bà hiểu! Em ấy là con tôi, tôi sẽ không có con mà, em ấy là niềm vui của đời tôi. Đối với tôi, Meggie tương tự như một hình ảnh, Mary ạ, chỉ là một hình ảnh thôi.

Mụ già phì cười giễu cợt.

– Tôi không muốn nói với ông về Meggie báu ngọc của ông! Tôi gặp ông lần này là lần chót và tôi không muốn phí thời giờ nghe ông luận bàn về nó. Cầm lấy lá thư. Ông hãy thề với tôi, lời thề của linh mục, rằng ông sẽ không mở phong bì cho đến khi nào chính mắt ông nhìn thấy xác tôi, nhưng khi đó ông sẽ đọc thư ngay, ngay lập tức, trước khi chôn tôi. Ông thề đi!

– Thề thốt làm gì, Mary. Tôi sẽ làm mọi việc theo ý bà.

– Thề đi, hoặc là tôi lấy lá thư lại!

Cha nhún vai.

– Thôi được. Đây là lời nói của một linh mục. Tôi thề không mở thư này cho đến khi nào nhìn thấy bà đã mất, khi ấy tôi sẽ đọc nó trước khi bà được an táng.

– Tốt lắm!

– Mary, xin bà đừng lo. Tất cả chỉ là vì bà tưởng thế thôi. Sáng mai chính bà sẽ cười về chuyện này.

– Sáng mai tôi sẽ không còn ở cõi đời này nữa. Đêm nay là tôi sẽ chết: tôi không yếu đuối đến nỗi phải nán chờ lâu hơn nữa chỉ vì một điều vui thú được nhìn thấy ông lần nữa. Nhẹ mình biết bao! Tôi đi nằm đây. Ông đỡ tôi lên thang được chứ?

Cha không tin lời bà ta, nhưng tranh cãi ích gì, vả chăng tâm trạng bà ta lúc này không phải là lúc có thể biến tất cả thành chuyện bông đùa. Chỉ có Chúa mới quyết định được khi nào con người phải chết, trừ phi do ý muốn riêng, mà ý muốn đó cũng là do Chúa ban cho, con người tự làm mất sinh mạng của mình. Nhưng bà ta đã nói rằng bà ta sẽ không làm cái việc đó. Và cha Ralph giúp mục già béo phục phịch, ngạt thở lên thang, và đến chỗ nghỉ, cha cầm lấy hai tay bà ta, cúi xuống toan hôn tay.

Bà ta rụt tay lại.

– Không, không phải ngày hôm nay. Hôn vào môi, Ralph! Vào môi, như thể chúng ta là đôi tình nhân.

Dưới ánh đèn chùm sáng rực, ở đó nhân ngày hội người ta đã thắp bốn trăm cây nến sáp, bà ta thấy mặt cha lộ vẻ ghê tởm, cha bắt giắc lùi lại, và bà ta tha thiết muốn chết đi, chết ngay bây giờ, lúc này. – Mary, tôi là linh mục! Tôi không thể làm thế được!

Mary Carson cất tiếng cười ghê rợn như mũi dao đâm.

– Ôi cha, Ralph, ông là cái thứ đồ giả! Đàn ông giả, linh mục giả. Vậy mà hồi nào còn dám trâng tráo rủ tôi làm tình! Ông tin chắc là tôi sẽ từ chối phải không? Hừ, tiếc rằng tôi đã từ chối! Tôi sẵn lòng bán linh hồn cho quý, miễn là lấy lại được buổi tối hôm ấy để xem ông sẽ xoay trở ra sao! Thứ đồ giả, đồng tiền giả. Ông là thế đấy, Ralph ạ! Thứ đồ giả vô tích sự, kẻ liệt dục! Không phải là đàn ông, cũng không phải là linh mục! Không có khả năng thêm muốn ngay cả nữ thánh đồng trinh Maria! Hẳn là suốt đời ông không khi nào có thể ăn nằm với một người đàn bà, đức cha Ralph de Bricassart khả kính ạ! Thứ đồ dờm!

* * *

Mặt trời chưa lên, thậm chí chưa bắt đầu rạng sáng. Bóng tối mịt mù như tấm chăn mềm mại nóng bức trùm lên Drogheda. Khách khứa làm ồn ào ghê gớm; nếu quanh đây có hàng xóm thì họ đã gọi cảnh sát từ lâu rồi. Có người nào nôn ọe âm ỉ nghe đến kinh tởm ở ngoài hiên, còn dưới bụi mộc tặc thưa thớt, hai bóng mờ hòa nhập làm một. Cha Ralph đi vòng qua chỗ kẻ rượu say quá chén và cặp tình nhân, lẳng lặng bước đi trên bãi cỏ mới cắt: tâm hồn cha bị giày vò khôn khổ đến nỗi cha không còn biết rõ mình đang đi đâu. Đi đâu cũng được, miễn là tránh xa con nhện già khủng khiếp tin chắc rằng trong cái đêm huyền ảo này mụ sẽ kết xong cái kén tang của mụ.

Vào cái giờ sớm sủa này chưa đến nỗi nóng ươn người: trong không khí thoang thoảng hơi gió lờ đờ, boronia^[52] và hoa hồng tỏa hương thơm ngọt ngào uể oải, mọi vật đều mang một vẻ hiền hòa kì diệu chỉ có thể thấy ở các vùng nhiệt đới và hạ nhiệt đới! Phải sống, trời ơi, phải sống cho đã đời! Phải vui hưởng cái đêm nay, phải thực sự là con người sống, phải là con người tự do!

Cha dừng lại ở rìa đằng xa bãi cỏ, ngược mắt lên trời – Cái ăng ten sóng hướng tìm thượng đế. Có cái gì ẩn náu trong bầu trời đêm, có cái gì ở đây, giữa những đốm sáng nhấp nháy, trong khoảng cao cực thanh sạch không sao lên tới được ấy? Có lẽ, khi cái vật chắn màu thiên thanh của ban ngày bị cất bỏ, con người được phép nhìn vào vĩnh cửu chẳng? Chỉ riêng đám tinh tú hằng hà sa số kia cũng đủ chứng tỏ Chúa trời là có thật và thời gian không có đầu không có cuối.

Đúng, mẹ già nói có lý. Đồ dờm, đồ dờm về mọi phương diện. Không phải là linh mục và không phải là đàn ông. Không phải! Không phải cái này, cũng không phải cái kia! Linh mục và người đàn ông không thể cùng tồn tại trong một con người: là đàn ông thì không phải là linh mục. Tại sao, tại sao hồi trước ta vương vào tấm mạng nhện của mẹ ta! Tấm mạng nhện có nọc độc, và ta không đoán ra rằng nọc độc mạnh đến thế. Lá thư này viết gì? Đúng cái chất của Mary lắm! Quảng mời nhử ta! Mẹ có biết gì nhiều không hay chỉ là phỏng đoán? Mà biết cái gì, đoán cái gì kia chứ? Chỉ là sự trống rỗng và cô đơn. Nghi ngờ và buồn nhớ. Luôn luôn buồn nhớ. Nhưng mẹ làm, Mary ạ. Ta hoàn toàn có thể ăn nằm với đàn bà. Chẳng qua là ta gạt bỏ thêm muốn, tiêu phí nhiều năm trời và đã tự chứng tỏ với bản thân ta rằng ta có thể làm chủ được ham muốn, đè nén, kìm hãm nó, vì thêm muốn là điều vốn có ở đàn ông, còn ta là linh mục.

Ở nghĩa trang, có người nào khóc. Cố nhiên đấy là Meggie. Không thể là ai khác được nữa. Cha Ralph nhắc cao tà áo chùng, bước qua cái hàng rào thấp bằng sắt rèn: điều đó không sao tránh khỏi, đêm qua cha chưa từ biệt Meggie. Một khi đã phải giải bày với một phụ nữ đã bước vào đời cha thì tất phải giải bày cả với người kia nữa. Tâm trạng thoát trần giễu cợt quen thuộc đã trở lại với cha: đây chính là cái mà mẹ ta không thể tước đoạt của cha lâu dài, con nhện cái già ấy. Con nhện cái già độc ác. Cầu trời cho mẹ rửa thây ra! Cầu trời cho mẹ ta rửa thây ra!!

– Meggie yêu dấu, đừng khóc. – Cha vừa nói vừa ngồi xuống đám cỏ dẫm sương cạnh cô gái – Cầm lấy này, ta đoán chắc là con không mang theo chiếc mùi soa hằn hoi. Phụ nữ bao giờ cũng thế. Cầm lấy khăn của ta và lau mắt đi, chóng ngoan nào.

Cô gái cầm lấy chiếc khăn và ngoan ngoãn lau mắt.

- Thậm chí còn chưa thay trang phục. Con ngồi đây từ đêm ư?
- Vâng.
- Thế Bob và Jack có biết con ở đâu không?
- Con bảo các anh ấy là con đi ngủ?
- Vì sao con khóc, Meggie?
- Cả buổi tối cha không nói chuyện với con.
- A! Ta cũng nghĩ như thế! Này, nhìn ta đi nào.

Ở phía đông bóng tối bắt đầu tan, ở đây đã hừng lên thứ ánh sáng màu ngọc trai, những con gà trống đầu tiên ở Drogheda đã gáy oang oang chào đón bình minh. Và cha thấy ngay cả những giọt lệ chứa chan cũng không thể làm mờ cặp mắt long lanh huyền diệu ấy.

– Meggie, hôm nay con là người xinh đẹp nhất, làm lu mờ hết mọi cô gái khác, mà ai lại không biết rằng ta đến Drogheda quá thường xuyên. Ta là linh mục, vì thế ta phải đứng cao hơn mọi nghi ngờ, tựa như vợ của Caesar, nhưng ta e rằng không phải bao giờ ý nghĩ của người ta cũng trong sạch như thế. Là linh mục mà ta lại chưa già và khá dễ coi – Cha tưởng tượng Mary Carson sẽ tiếp nhận sự tự đánh giá khiêm tốn ấy như thế nào và bật cười không thành tiếng. – Ta chỉ cần để ý đến con một chút đỉnh thôi là khắp cả Gilly sẽ dậy lên tiếng xì xào ngay tức thời. Rồi là dây điện thoại sẽ ro ro truyền tin đi khắp vùng. Con có hiểu ta muốn nói gì không?

Meggie lắc đầu; trời đã sáng, và bộ tóc xoắn cắt ngắn của cô óng ánh vàng mỗi lúc một rục rờ hơn.

– Con còn non trẻ và chưa biết cái chuyện ấy nó thế nào, nhưng con phải học cách sống, mà không hiểu sao người dạy con bao giờ cũng cứ lại là ta, đúng không? Bởi thế, ta muốn nói người ta sẽ kháo nhau rằng ta chú ý đến con vì ta là một người đàn ông, chứ không phải vì ta là linh mục.

– Cha Ralph!

– Khủng khiếp phải không? – Cha mỉm cười. – Ta cam đoan với con rằng người ta sẽ nói đúng như thế đấy. Con phải hiểu, Meggie ạ, con không còn là trẻ con nữa, mà là cô gái lớn rồi. Nhưng con vẫn chưa học được cách che giấu thái độ quý mến của con đối với ta, và nếu trước mắt mọi người, ta cứ đến nói chuyện với con thì con có thể sẽ nhìn ta bằng cặp mắt khiến mọi người hiểu sai điều đó.

Meggie nhìn cha một cách hơi lạ lùng, và đột nhiên cái nhìn của cô trở nên không sao thấu hiểu nổi, cô quay ngoắt đi và bây giờ cha Ralph chỉ thấy một bên má cô.

– Vâng, con hiểu. Trước kia con không hiểu điều đó, thật ngốc quá.

– Còn bây giờ phải chẳng đã đến lúc con nên trở về nhà? Chắc là ở nhà mọi người vẫn còn ngủ, nhưng nếu có người nào trở dậy vào giờ như thường lệ thì sẽ rầy rà cho con lắm đấy. Và không được nói rằng con ở đây với ta đấy nhé, Meggie, ngay cả với những người ruột thịt cũng không được nói.

Meggie đứng dậy và nhìn thẳng vào mặt cha.

– Con đi đây, cha Ralph. Chỉ tiếc rằng họ không biết cha rõ hơn, chứ biết thì họ sẽ không khi nào nghĩ về cha như thế. Cha không thể có cái cảm giác ấy, phải không ạ?

Không hiểu sao lời cô gái chạm đến chỗ đau của cha, làm cha tổn thương đến tận đáy lòng – những lời châm chọc cay độc nhất của Mary Carson cũng không đâm sâu như thế.

– Phải, con nói đúng, Meggie ạ. Ta không thể có thứ cảm giác đó. – Cha đứng bật dậy, nhếch mép cười gượng gạo. – Chắc hẳn nếu ta nói rằng ta muốn có cảm giác ấy thì con sẽ cho là kỳ lạ chứ gì? – Cha đưa tay xoa trán. – Không, ta không muốn điều gì như thế cả! Về nhà đi, Meggie, về nhà đi.

Mặt Meggie trở nên buồn rầu.

– Chúc cha ngủ ngon, thưa cha Ralph.

Cha cầm lấy hai tay Meggie, cúi xuống hôn đôi tay.

– Chúc con ngủ ngon, Meggie yêu dấu.

Cha nhìn theo cô gái, – kìa, cô đi giữa những nắm mồ, đấy kìa cô bước qua dây rào thấp; mặc bộ áo thêu nụ hồng ấy, cô là bản thân sự kiêu diễm, duyên dáng, cô là hiện thân của nữ tính và dường như cô hiện ra từ truyện cổ tích. *Tro của hoa hồng*. “Cái tên rất hợp” – cha nói với bức tượng cẩm thạch.

Khi cha trở về qua bãi cỏ, những chiếc ô tô đã nổ máy chuyển bánh; ngày hội rút cuộc đã kết thúc. Trong nhà, các nhạc công loạng choạng vì rượu rum và vì mệt mỏi, thu xếp nhạc cụ của mình, các chị hầu phòng và những người phụ nữ được thuê giúp việc tối hôm ấy đã kiệt sức, toan dọn qua loa cho gọn lại đôi chút. Cha Ralph lắc đầu trách móc.

– Cho tất cả mọi người đi ngủ thôi, – Cha vừa đi vừa nói với bà quản gia. – Việc này để khi sức lực hồi phục hãy làm thì hơn. Còn tôi sẽ lo liệu sao cho Mrs. Carson không nổi giận.

– Trình cha, cha có muốn ăn qua loa chút gì không ạ?

– Lạy Chúa cứu vớt! Tôi đi ngủ đây.

Đã quá trưa từ lâu, bỗng có người nào chạm vào vai cha.

Không đủ sức mở mắt, cha vươn tới bàn tay đó, muốn áp má vào đó.

– Meggie... – cha lâu bầu, vẫn còn ngái ngủ.

– Trình cha, trình cha! Ôi, xin cha tỉnh giấc!

Tiếng nói vang động đến nỗi cha cảm thấy như mình không hề ngủ, cha mở choàng mắt.

– Có chuyện gì thế, Mrs. Smith?

– Mrs. Carson... đã mất rồi.

Cha Ralph nhìn đồng hồ: sáu giờ chiều; lão đảo, gắng khắc phục trạng thái tê dại nặng nề do cái nóng ban ngày không thể chịu đựng nổi gây nên, cha trút bỏ bộ pijama, mặc áo chùng, choàng lên cổ chiếc khăn lễ hẹp bản màu tím hoa cà, lấy dầu làm lễ xức nước thánh, cây thánh giá lớn bằng bạc, chuỗi tràng hạt bằng gỗ màu đen. Cha không phút nào nghi ngờ lời Mrs. Smith; cố nhiên con nhện già đã chết. Rút cục có phải mù dùng thuốc độc không? Nếu vậy thì cầu Chúa sao cho trong buồng không còn dấu vết và bác sĩ không hiểu ra. Ích gì mà làm lễ xức dầu cho mù, chính cha cũng chẳng biết nữa. Nhưng theo lệ phải như vậy. Cha mà khước từ thì sẽ không tránh khỏi việc mổ xẻ, mọi chuyện rắc rối. Mỗi ngờ vực bất ngờ – liệu có phải mù tự sát không – chẳng ăn nhằm gì với việc này; nhưng cha cảm thấy làm lễ thánh cho thi thể Mary Carson là việc không xứng.

Đúng, mù đã chết, mà chết như thế nào: hẳn là mù chết chỉ mấy phút sau khi lui vào buồng mình, đúng mười lăm tiếng trước. Tất cả các cửa sổ đóng kín mít, trong buồng ẩm ướt – bao

giờ mù cũng cho đặt những chậu nước ở các góc buồng, không bày ra lộ liễu, đâu như để giữ cho mịn da. Trong không khí có tiếng vo vo lạ lùng, một vài phút bần khoăn ngớ ngẩn, và cha hiểu ra: đấy là tiếng ruồi vo ve, từ đám mây ruồi bâu lấy mù và ăn tiệp, ghé đôi, để trứng trên thi hài mù.

– Vì tất cả những gì thiêng liêng, hãy mở các cửa sổ ra, Mrs. Smith! – Cha thở ra, mặt trắng bệch, và bước về phía giường.

Thời gian một giờ mà tử thi cứng đờ đã qua rồi, nó lại mềm nhũn ra, và như thế thật kinh tởm. Cặp mắt mở to chỉ chút những vết đốm, cặp môi mỏng thâm sì; và khắp nơi nhung nhúc ruồi. Phải bảo Mrs. Smith đuổi ruồi trong lúc cha làm lễ, lảm nhảm trước xác chết những lời thiêng liêng cổ xưa. Cái trò hề gì thế này, mù ta phải bị nguyên rửa kia chứ! A, cái mùi bốc lên! Trời ơi! Con ngựa chết ở bãi chôn, phơi xác giữa trời, cũng không bốc mùi hôi thối đến thế. Chạm vào mù khi mù đã chết cũng ghê tởm như trước đây lúc mù còn sống, nhất là đôi môi ruồi bâu này. Mấy giờ nữa là mù sẽ bị giòi bọ đục khoét.

Cuối cùng mọi việc đã xong xuôi. Cha vươn thẳng người lên.

– Bây giờ hãy đến tìm Mr. Cleary, Mrs. Smith ạ, và vì Chúa, hãy bảo ông ấy cho mấy thằng bé đi đóng quan tài mau mau lên. Không kịp đặt mua ở Gilly đâu, bà ta đang rửa nát ra trước mắt chúng ta đây này. Lạy Chúa lòng lành. Tôi muốn lộn mửa. Tôi sẽ đi tắm, tất cả những thứ tôi đang mặc đây hãy vứt ráo cả đi. Đốt hết. Tất cả đều nhiễm cái mùi của bà ta, không sao tránh thoát được.

Và bây giờ cha lại ở trong buồng mình, cha mặc quần ống bó và sơ mi đi ngựa, – cha không mang theo chiếc áo chùng thứ hai,

– và cha chợt nhớ đến lá thư và lời hứa của mình. Chuông điểm bảy tiếng; cha nghe thấy tiếng ồn ào huyên náo chỉ còn văng vẳng khi đến tai cha: đầy tớ và những người giúp việc tạm thời vội vã dọn dẹp sau cuộc vui hôm qua, lại biến căn phòng lớn thành nhà thờ tại gia, chuẩn bị mọi việc cho đám tang ngày mai. Chẳng làm thế nào được, ngay hôm nay phải đi Gilly lấy chiếc áo chùng khác và mọi thứ cần cho lễ tang. Khi sửa soạn đến một trang trại xa nào đó, thế nào cha cũng mang từ nhà đi những thứ cần thiết nhất: trong những ngăn của chiếc túi du lịch màu đen có xếp cẩn thận mình thánh và mọi thứ mà linh mục cần đến khi có việc sinh và việc tử, cả áo lễ thích dụng vào mùa ấy trong năm để làm lễ Missa. Nhưng, muốn gì thì gì, cha là người Ireland, đi dự lễ mừng và mang theo áo lễ tang và mọi thứ khác cần cho việc tang thì có nghĩa là liêu lĩnh... Từ xa có tiếng Paddy; nhưng cha không đủ sức ra gặp Paddy lúc này được; tất cả những gì cần thiết Mrs. Smith sẽ làm.

Cha ngồi lại gần cửa sổ: bên ngoài là Drogheda nhuộm ánh hoàng hôn, những cây khuyneh diệp huyền ảo phủ một lớp thép vàng óng ánh, những bông hồng thắm, hồng phai, hồng trắng rực lên một màu đỏ tía trong những tia sáng cuối cùng. Cha lấy trong túi du lịch ra chiếc phong bì niêm phong và ngậy ra, hai tay cầm lá thư của Mary Carson, nhưng bà ta yêu cầu cha đọc lá thư này trước khi mai táng bà ta – và ở đâu đó trong góc ngách sâu kín của ý thức, một tiếng nói nào không rõ thì thầm với cha: phải đọc ngay lúc này, không để đến tối, không phải là sau khi gặp Paddy và Meggie, mà là ngay lúc này, trong lúc cha chưa gặp ai ngoài Mary Carson.

Trong phong bì có bốn tờ giấy, cha gỡ qua mấy tờ đó và hiểu

ngay rằng hai tờ dưới là di chúc của bà ta. Hai tờ đầu gửi cho cha, Ralph de Bricassart, đây là thư bà ta viết cho cha.

“Ralph thân mến của tôi.

Ông đã thấy rằng văn bản thứ hai trong phong bì này là di chúc của tôi. Di chúc trước, soạn theo đúng mọi quy tắc và đã niêm phong, hiện ở văn phòng của Harry Gough, người được tôi ủy nhiệm, tại Gilly. Di chúc trong phong bì này viết sau đó nhiều, vì vậy di chúc hiện do Gough giữ trữ nên không có hiệu lực.

Di chúc này tôi viết hôm qua và tôi chọn người làm chứng là Tom và người thợ làm hàng rào ở đây, vì theo tôi biết, người ký tên làm chứng dưới di chúc không thể là người sẽ nhận được cái gì đó theo di chúc. Văn bản này hoàn toàn hợp pháp, tuy nó không phải do Harry thảo ra. Hãy tin chắc rằng không một tòa án nào trong nước ta sẽ nói rằng di chúc này không có hiệu lực.

Nhưng tại sao tôi không trao cho Gough soạn thảo di chúc, nếu như tôi muốn sử dụng tài sản của tôi khác với ý định trước đây? Rất đơn giản, Ralph vô cùng yêu dấu ạ. Tôi muốn không một ai nữa ngoài ông và tôi, được biết là có tờ giấy này. Đây là bản duy nhất, và nó ở trong tay ông. Không người nào biết chuyện này. Điều đó hết sức trọng yếu đối với kế hoạch của tôi.

*Ông nhớ đoạn trong Kinh thánh nói về việc quỷ Satan dẫn Chúa Jesus Christ của chúng ta lên núi cao và đưa tất cả các vương quốc trên thế gian ra để cám dỗ Chúa chứ? Thật thú vị là ở tôi có một phần sức mạnh của quỷ Satan và tôi có thể cám dỗ người tôi yêu bằng tất cả các vương quốc trên thế gian và quang vinh của các vương quốc ấy. (Có lẽ ông hồ nghi về việc Satan yêu Christ chăng? Tôi thì không mấy may nghi ngờ).
Mấy năm gần đây tôi đã suy nghĩ nhiều về sự lựa chọn đặt ra cho ông,*

điều đó làm cho những ý nghĩ của tôi thay hình đổi vẻ một cách thú vị, và cái chết càng gần kề thì tôi hình dung thấy tất cả những điều đó càng lý thú.

Đọc xong di chúc này, ông sẽ hiểu tôi nói thế có ngụ ý gì. Rồi đây khi tôi bị thiêu trong lửa địa ngục, ở ngoài cuộc đời mà tôi biết hiện nay thì ông vẫn ở trong phạm vi cuộc đời đó, nhưng rồi ông sẽ bị thiêu trong ngọn lửa địa ngục còn dữ dội hơn là thứ lửa mà chính Chúa trời có thể tạo ra. Tôi đã nghiên cứu ông đến tận chân tơ kẽ tóc, Ralph yêu dấu của tôi ạ! Có lẽ về chuyện gì khác thì tôi không am tường lắm, nhưng làm thế nào hành hạ những người mà tôi yêu thì đó là điều bao giờ tôi cũng biết rất rõ. Để thực hiện cuộc đi săn ấy thì ông là con thú hấp dẫn hơn nhiều so với Michael quý mến đã quá cố của tôi.

Khi chúng ta mới quen nhau, ông muốn Drogheda và tiền của tôi về tay ông, phải thế không, Ralph? Ông coi đó là phương tiện để mua lấy sự trở lại con đường đã định sẵn cho ông. Thế rồi Meggie xuất hiện, và ông không còn nghĩ đến chuyện gây ảnh hưởng với tôi nữa, phải không nào? Tôi chỉ là cái cớ để ông đến Drogheda, để ông có thể gặp mặt Meggie. Điều đáng tò mò là chẳng hay ông có nhảy sang phía khác một cách dễ dàng như thế không nếu ông biết tài sản của tôi có quy mô đích thực ra sao? Ông có biết điều đó không, Ralph? Tôi nghĩ rằng thậm chí ông không ngờ. Tôi cho rằng một người cao quý không tiện nêu rõ trong di chúc tổng số chính xác của cái của mình, vì vậy tôi cho ông biết tổng số ấy ở đây, để cho vào giờ phút mà ông phải quyết định thì ông sẽ có đủ mọi số liệu cần thiết. Vậy, ước tính với mức hơn kém mấy trăm nghìn, tài sản của tôi là mười ba triệu bảng.

Tờ thứ hai sắp hết, và chẳng cần gì phải biến bức thư này thành một luận văn. Hãy đọc di chúc của tôi. Ralph, đọc xong ông hãy quyết định xem nên hành động như thế nào. Dem nó đến Harry để ông ta làm cho nó

được thực hiện bằng con đường hợp pháp hoặc đốt nó đi? Đây là điều ông sẽ phải quyết định. Tôi phải nói thêm rằng tờ di chúc hiện gửi ở văn phòng Harry là di chúc tôi viết trong năm đầu tiên sau khi Paddy tới, trong đó tôi để lại toàn bộ tài sản cho Paddy. Ông cần biết cái gì đã được ném lên đĩa cân.

Tôi yêu ông, Ralph ạ, yêu tới mức sẵn lòng giết ông vì sự hờ hững của ông, nhưng tôi mà trả thù như thế thì ngọt ngào quá. Tôi không thuộc loại người có tâm hồn cao quý; tôi yêu ông, nhưng tôi muốn hành hạ ông bằng một khổ hình tàn bạo. Bởi vì, ông hiểu chứ, tôi biết rất rõ ông sẽ quyết định như thế nào. Tôi biết chắc chắn, tuy tôi sẽ không được chính mắt nhìn thấy điều đó. Ông sẽ bị giày vò, Ralph ạ, ông sẽ biết thế nào là khổ hình thực sự. Vậy thì hãy đọc đi, anh chàng đẹp trai của tôi, chàng tu sĩ hiếu danh của nhà thờ! Hãy đọc di chúc của tôi và quyết định số phận của mình”.

Không có chữ ký, cũng không có những chữ đầu tên họ. Cha Ralph cảm thấy mồ hôi vã ra trên trán, chảy ròng ròng dưới tóc xuống cổ. Đáng phải bật dậy ngay, ngay lúc này đốt cả hai tờ giấy ấy đi, thậm chí không đọc xem di chúc viết gì. Nhưng mẹ ta quá là đã nghiên cứu kỹ nạn nhân của mình, con nhện cái già bỉ ổi đó. Cố nhiên cha sẽ đọc, sự tò mò quá mạnh mẽ, chống cưỡng sao nổi. Ôi lạy Chúa! Cha có lỗi gì mà mẹ muốn trừng phạt cha như thế? Tại sao phụ nữ cứ làm khổ cha như thế? Tại sao cha không sinh ra là một kẻ lùn tịt, vẹo lưng xấu xí? Có lẽ như vậy cha sẽ có hạnh phúc.

Hai tờ sau viết bằng nét chữ cũng rõ ràng, li ti như thế, cũng keo kiệt và ác độc như cái tâm hồn đê mạt của mẹ.

“Tôi, Mary Elizabeth Carson, hiện vẫn đang tỉnh táo và có trí nhớ tốt, tôi tuyên bố rằng chứng thư này là ý muốn tối hậu và là di chúc của tôi.

Vì vậy mọi di chúc tôi viết trước kia đều mất hiệu lực.

Trừ những quy định riêng nêu ra dưới đây, mọi động sản, bất động sản, và toàn bộ tiền của tôi, tôi di chúc để lại cho tòa thánh La Mã với những điều kiện dưới đây:

Thứ nhất: tòa thánh La Mã nói trên, sau này chỉ gọi là tòa thánh, cần biết tôi đánh giá hết sức cao và tôn kính đức cha Ralph de Bricassart khả kính, kẻ bề tôi của nhà thờ. Chỉ có lòng đôn hậu, sự hướng dẫn linh hồn và sự nâng đỡ thường xuyên của cha mới thúc đẩy tôi sử dụng tài sản của tôi đúng như thế.

Thứ hai: những quy định đã nêu ra, có lợi cho tòa thánh, chỉ có hiệu lực chừng nào tòa thánh quý trọng phẩm giá và tài năng của cha Ralph de Bricassart khả kính nói trên.

Thứ ba: Tất cả tài sản của tôi, động sản, bất động sản và toàn bộ tiền nong được ủy thác cho Ralph de Bricassart nói trên, ông có toàn quyền sử dụng thu nhập và sản nghiệp của tôi.

Thứ tư: sau khi Ralph de Bricassart khả kính nói trên qua đời, ý muốn tối hậu và di chúc của ông trở thành chứng từ hợp pháp quyết định mọi điều liên quan đến việc quản lý tài sản của tôi về sau. Nói cách khác, tài sản đó từ nay sẽ là sở hữu của tòa thánh, nhưng chỉ có Ralph de Bricassart mới có quyền chọn người thừa kế để trao việc quản lý tiếp tục; không ai có thể ép buộc ông Ralph bổ nhiệm vào cương vị đó một kẻ bày tôi của nhà thờ hay một người không thuộc giới tu hành nhưng theo đạo Thiên Chúa.

Thứ năm: Điền trang Drogheda không được bán, không được chia.

Thứ sáu: Em trai tôi là Padraic Cleary vẫn ở cương vị người quản lý điền trang Drogheda, có quyền chuyển sang ở tòa nhà của tôi, và lương của em trai tôi chỉ do Ralph de Bricassart khả kính quy định theo ý ông,

ngoài ra không do một ai khác nữa.

Thứ bảy: Trong trường hợp em trai tôi, Padraic Cleary, nói trên, qua đời, vợ góa và các con ông được phép ở lại điền trang Drogheda, và cương vị quản lý phải lần lượt trao cho các con trai ông, trừ Francis – Robert, John, Hugh, Stuart, James và Patrick.

Thứ tám: sau khi tất cả các con trai (trừ Francis) qua đời, các quyền đó được chuyển cho các cháu trai của Padraic Cleary nói trên thừa kế.

Những điều khoản riêng:

Tôi di chúc để lại cho Padraic Cleary mọi thứ hiện có trong các ngôi nhà của tôi ở điền trang Drogheda.

Eunice Smith, bà quản gia của tôi, có thể ở lại cương vị đó với số lương khá hậu, chừng nào bà còn muốn làm, ngoài ra tôi di chúc để lại cho bà năm ngàn bảng, còn khi bà về nghỉ hưu, bà phải được trợ cấp đầy đủ.

Minerva O'Brien và Catherine Donnelly có thể ở lại với số lương khá hậu chừng nào họ còn muốn làm, ngoài ra tôi di chúc để lại cho họ mỗi người một ngàn bảng, và khi họ về nghỉ hưu, họ phải được trợ cấp đầy đủ.

Ralph de Bricassart khả kính phải được đài thọ suốt đời mỗi năm mười ngàn bảng, số tiền này ông có quyền một mình sử dụng theo ý riêng không bị ai kiểm soát”.

Dưới đó, theo đúng phép tắc, là chữ ký của bà ta, chữ ký của những người làm chứng, ngày tháng.

Buồng của cha Ralph trông về hướng tây: mặt trời đã lặn. Như thường lệ vào mùa hè, trong bầu không khí bất động lơ lửng một tấm màn bụi, ánh mặt trời chiếu xuyên qua, tia nắng như những ngón tay thanh mảnh lần đếm những hạt bụi nhỏ ti, cả thế gian dường như biến thành vàng và màu huyết dụ. Những đám mây

dài và hẹp có đường viền rực lửa, như những cờ hiệu trắng bạc bắc ngang quả cầu khổng lồ đỏ rực lơ lửng trên đám mây ở các bãi chôn thả đằng xa.

– Hoan hô! – Cha nói. – Ta thừa nhận rằng mụ đã thắng ta, Mary ạ. Một đòn tài tình. Kẻ ngu ngốc là ta, chứ không phải là mụ.

Qua hàng lệ, cha không còn nhìn rõ những dòng chữ và đầy lùi mấy tờ giấy ra trong lúc chúng chưa bị những vết nhòe. Mười ba triệu bảng. *Mười ba triệu bảng!* Đúng, có thể thực, trước đây cha nhắm nhẹ tiền bạc của mụ, cho đến khi Meggie xuất hiện. Rồi cha từ bỏ ý nghĩ ấy, cha không thể thản nhiên tiến hành trò chơi quỉ quyệt ấy, không thể lừa dối hót tay trên cái tài sản thừa kế của Meggie có quyền được hưởng. Ồ, nhưng nếu hồi ấy cha biết con nhận cái gia này giàu đến thế thì sao nhỉ? Cha sẽ xử sự thế nào? Cha không hề nghĩ rằng mụ ta có được chỉ là một phần mười số đó. Mười ba triệu bảng!

Bảy năm trời Paddy và cả gia đình sống trong nhà của người quản cừu và làm lụng không tiếc thân cho Mary Carson như những kẻ bị nguyền rủa. Vì cái gì? Vì mấy đồng xu mà mụ già keo kiệt trả công cho họ chằng? Theo như cha Ralph biết, chưa lần nào Paddy phàn nàn về việc người ta đối xử với mình vô lương tâm như thế, nhưng chắc ông ta nghĩ rằng sau khi bà chị chết, ông ta sẽ được đền bù hậu hĩnh về mọi thua thiệt; ông quản lý toàn bộ điền trang của bà ta mà chỉ được hưởng lương người chăn cừu bình thường, còn các con trai ông đi chăn cừu thì chỉ được trả công tồi tệ như một người lao động nặng nhọc làm thuê theo vụ. Ông không tiếc sức phục vụ Drogheda và yêu nó như nó là của mình và ông chờ đợi nó sẽ là của ông, điều đó hoàn toàn chính đáng.

– Hoan hô Mary! – Cha Ralph nhắc lại và nước mắt, những giọt nước mắt đầu tiên từ thời thơ ấu xa xôi nhỏ xuống tay cha, nhưng không rơi xuống tờ giấy.

Mười ba triệu bảng, và chưa chừng cha sẽ trở thành hồng y. Ở đĩa cân bên kia là Paddy, vợ, các con trai ông và Meggie. Con mụ đều cẳng này đi guốc vào bụng cha! Nếu như mụ để cho em trai thành kẻ nghèo khổ thì sự lựa chọn sẽ rõ ràng: không chút ngần ngại, cầm tờ di chúc này đến bếp lò và đốt đi. Nhưng mụ đã quan tâm sao cho Paddy không thiếu thốn gì, sau khi mụ chết, ở đây ông sẽ được đặt vào một hoàn cảnh còn khó hơn so với lúc mụ còn sống, ông sẽ không mất hẳn Drogheda. Ông chỉ không được hưởng thu nhập của Drogheda và danh hiệu chủ sở hữu của nó, chứ không mất đất đai. Không, ông sẽ không thành chủ sở hữu số tiền khổng lồ mười ba triệu bảng, nhưng sẽ rất sung túc và được kính trọng. Meggie sẽ không bị đói, không túng thiếu, không phải nhờ vào ân huệ của ai. Nhưng cô sẽ không được là Miss Cleary, không thể sánh với Miss Carmichael và các cô gái quý phái khác. Cô sẽ là một cô gái con một gia đình hoàn toàn đáng trọng, cô sẽ được gia nhập vào giới những người tử tế, nhưng cô không thuộc “tầng lớp trên”. Không bao giờ.

Mười ba triệu bảng. Có thể thoát ra khỏi Gillanbone, ra khỏi tình trạng không được ai biết đến, chiếm vị trí của mình trong giới chức cao cấp của nhà thờ, giành được thiện cảm vững chắc của những người ngang hàng và các đáng bề trên. Và bây giờ, tuổi còn trẻ, tranh thủ lại những gì đã bị bỏ lỡ vẫn chưa phải là muộn. Mary Carson đã tức khắc chuyển Gillanbone hẻo lánh ở vùng ngoại vi xa xôi trên bản đồ của đáng khâm mạng giáo hoàng vào trung tâm hoạt động của ngài; dư âm của sự việc vừa xảy ra dội

cả đến Vatican. Dù tòa thánh La Mã giàu đến đâu, mười ba triệu bảng không phải là nhỏ mọn. Ngay cả tòa thánh cũng sẽ không coi thường mười ba triệu bảng. Mà đem những triệu bảng ấy vào kho bạc của nhà thờ thì chỉ có bàn tay cha làm được, bàn tay của Ralph de Bricassart khả kính, như đã viết bằng mực xanh trong di chúc của Mary Carson. Tất nhiên Paddy sẽ không bác bỏ di chúc, cả Mary Carson cũng biết điều đó, cầu mong Chúa làm cho mụ rửa xác ra. Nhưng tất nhiên Paddy sẽ nổi giận đùng đùng, không bao giờ muốn nhìn thấy mặt cha và nói chuyện với cha nữa, nhưng mặc dù sự oán giận của người thừa kế bị đánh lừa có lớn lao thế nào đi nữa, ông ta cũng sẽ không kiện cáo.

Giải quyết thế nào đây? Phải chăng lúc này cha vẫn không biết, phải chăng ngay từ phút đầu, ngay sau khi đọc xong di chúc, cha lại không biết cha sẽ hành động thế nào? Nước mắt đã khô ráo. Với dáng điệu duyên dáng thường ngày, cha Ralph đứng lên, soát lại xem sơ mi đã bỏ vào quần chỉnh tề chưa, rồi đi ra cửa. Cần đến Gilly lấy áo chùng và mọi thứ khác cần dùng cho đám tang. Nhưng trước hết phải nhìn lại Mary Carson một lần nữa đã.

Tuy các cửa sổ buồng ngủ bỏ ngõ, mùi hôi thối đã trở nên không thể nào chịu nổi: không một làn gió nhẹ, không một hơi gió thoảng, các tấm rèm thông xuống rũ rượi. Bằng bước đi cả quyết, cha đến gần giường, dừng lại nhìn người chết. Trên mặt, ở chỗ ẩm ướt, trứng ruồi đẻ vào đã nở thành giòi, hai cánh tay mập mạp, từ cổ tay đến vai, đã nổi lên những nốt rộp màu lục nhạt do chướng khí, da đôi chỗ đã nứt ra. Ôi lạy Chúa. Con nhận cái già gớm ghiếc. Mi đã thắng, nhưng đây là thứ thắng lợi quái gì! Một bức biếm họa đang rửa nát về bản chất con người thắng được một bức biếm họa khác. Mi mãi mãi không thắng được Meggie

của ta, không thể lấy được ở cô gái ấy cái mà bản thân mi chưa bao giờ có. Cho dù ta có bị thiêu dưới địa ngục bên cạnh mi, nhưng ta biết nỗi thống khổ địa ngục như thế nào đã được dành sẵn cho mi: vĩnh viễn bị thiêu đốt sát cạnh ta trong cùng một ngọn lửa và thấy rằng ta mãi mãi đứng đưng với mi...

* * *

Ở dưới, trong tiền sảnh, Paddy đợi cha, ông bối rối tái xanh tái xám.

– Ôi, trình cha! – Ông ta vừa đi tới gặp linh mục vừa lên tiếng.
– Ghê gớm quá phải không ạ? Như sét đánh giữa trời quang! Con không ngờ bà ấy chết như thế, tối hôm qua bà ấy còn hoàn toàn khỏe mạnh! Lạy Chúa lòng lành, con biết làm thế nào bây giờ?

– Ông đã nhìn thấy bà ấy rồi chứ?

– Rồi ạ. Cầu Chúa tha tội!

– Thế thì ông tự hiểu là phải làm gì. Chưa bao giờ tôi thấy xác rữa nhanh đến thế. Mau mau cho bà ta vào cái quan tài gì đó tử tế một chút, không thì mấy tiếng nữa sẽ phải hốt bà ta vào cái thùng đựng dầu hỏa mát thôi. Sáng mai phải chôn thật sớm. Đừng mất thời gian, đừng sơn quan tài; có lẽ nên phủ kín quan tài bằng hoa hồng hái ở vườn. Mà làm gấp lên, ông bạn ạ! Tôi đi Gilly lấy áo lễ.

– Trình cha, cha mau chóng trở lại cho! – Paddy van vì.

Nhưng đức cha vắng mặt lâu hơn thời gian cần thiết để chỉ ghé qua nhà. Thoạt đầu cha cho xe chạy trên một trong những phố giàu nhất thành phố và dừng xe bên một biệt thự sang trọng nằm

giữa một khu vườn gậy trồng khéo léo.

Harry Gough vừa ngồi vào ăn tối, nhưng nghe người hầu phòng cho biết vị khách bất ngờ ấy là ai, ông ta ra phòng khách.

– Trình cha, cha có vui lòng dùng bữa tối với chúng tôi không ạ? Bữa nay có thịt muối với bắp cải và khoai tây luộc rưới nước sốt mùi tây.

– Không, ông Harry ạ, tôi vội. Tôi tạt qua để nói với ông rằng Mary Carson vừa mất sáng nay.

– Jêsu Chúa tôi! Mới tối hôm qua tôi còn ở đấy! Nom bà ấy hoàn toàn khỏe mạnh mà!

– Tôi biết. Khoảng gần ba giờ, tôi đưa bà ấy lên gác, bà ấy hoàn toàn khỏe mạnh, nhưng có lẽ bà ấy mất ngay khi vừa nằm vào giường. Mrs. Smith phát hiện ra bà ấy mất vào lúc sáu giờ chiều hôm nay. Nhưng cái chết đến từ trước đó nhiều, thật khủng khiếp! Ban ngày, lúc nóng nực nhất, buồng đóng cửa kín mít, nóng như trong lò ấp. Cầu Chúa cho tôi quên đi hình dạng bà ta lúc ấy! Ghê tởm, Harry ạ, không lời nào tả được!

– Ngày mai chôn chứ ạ?

– Không thể khác được.

– Máy giờ? Mười giờ à? Nóng thế này, chúng tôi phải để đến khuya mới ăn bữa tối, hệt như người Tây Ban Nha, nhưng gọi điện cho mọi người vẫn chưa muộn. Trình cha, cha có muốn tôi làm việc đó thay cha không?

– Cám ơn, ông rất tốt, như thế đỡ cho tôi lắm. Tôi về Gilly chỉ để thay y phục. Lần này đến Drogheda, tôi không ngờ đâu lại có đám tang. Vì thế cần mau mau trở lại Drogheda, ở đó cần có tôi. Lễ cầu hồn vào chín giờ sáng.

– Cha nói hộ với Paddy rằng tôi sẽ mang theo di chúc của bà ấy, tôi muốn đọc di chúc ngay sau khi mai táng. Trình cha, cha được bà ta để lại cho một phần tài sản, cha cũng nên có mặt.

– Tôi e rằng ở đây nảy sinh một một sự rắc rối nhỏ, Harry ạ. Số là Mary đã viết di chúc mới. Hôm qua, sau khi từ biệt khách khứa, bà ta trao cho tôi chiếc phong bì niêm phong và bắt tôi cam kết rằng tôi sẽ mở ra khi nào chính mắt tôi nhìn thấy bà ấy đã mất. Tôi làm đúng như thế và thấy trong đó có di chúc mới.

– Mary viết di chúc mới à? Tự viết, không có tôi?

– Hình như vậy. Tôi cho rằng bà ta đã cân nhắc kỹ từ lâu, nhưng vì lẽ gì bà ta giữ bí mật thì tôi không hề hay biết.

– Trình cha, cha có mang theo di chúc ấy không?

– Có.

Cha Ralph lấy trong ngực áo ra mấy tờ giấy gấp nhiều lần và đưa cho viên luật sư.

Harry Gough không chút ngần ngại, đọc ngay. Đọc xong ông ta ngược mắt lên, và trong ánh mắt ông ta có nhiều điều mà linh mục không nhìn thấy thì hơn. Thán phục, giận dữ, và một chút khinh bỉ.

– Thôi được, thưa cha, tôi xin chúc mừng! Thế là dù sao cha cũng đã giành được cái miếng béo bở ấy.

Harry Gough không phải là người công giáo, vì thế ông ta có thể nói năng bạt mạng.

– Hãy tin tôi. Harry ạ, đối với tôi điều đó còn bất ngờ hơn là đối với ông.

– Đây là bản duy nhất à?

- Theo tôi hiểu, đó là bản duy nhất.
- Và mãi tới hôm qua bà ấy mới trao cho cha?
- Đúng.

- Thế tại sao cha không hủy nó đi để cho Paddy tội nghiệp được nhận cái mà ông ta có quyền được hưởng? Nhà thờ công giáo không có quyền gì đối với tài sản của Mary Carson.

Cặp mắt tuyệt đẹp của cha Ralph nom thật dịu hiền.

- Nhưng liệu có nên làm như thế không, Harry? Tất cả những thứ đó là của Mary, bà ta có thể tùy ý sử dụng tài sản riêng của mình chứ.

- Tôi sẽ khuyên Paddy phản đối di chúc.

- Tôi cũng nghĩ rằng ông nên khuyên ông ấy như thế.

Đến đây họ chia tay nhau. Buổi sáng, khi người ta đến đưa đám, cả thành phố và cả vùng sẽ biết tiền của Mary Carson về tay ai. Việc đã rồi, hết đường rút, không còn thay đổi gì được nữa.

* * *

Mãi gần sáng, lúc bốn giờ, cha Ralph mới vượt qua cái cổng cuối cùng và lái xe vào Ấp chính, cha chẳng vội về làm gì. Bằng ý chí, cha gắng xua đuổi khỏi đầu óc mọi ý nghĩ, không nghĩ ngợi gì hết. Chẳng nghĩ đến Paddy và Fiona, chẳng nghĩ đến Meggie, cũng chẳng nghĩ đến cái vật hôi thối tởm lợm đã được cho vào quan tài (cha hết sức hy vọng như thế). Nhưng bằng mắt và ý thức, cha nhập tâm cái đêm này: những cây chết nom như những bóng ma trắng bạc đứng lẻ loi giữa những đồng cỏ đôi lúc lơ mờ

lóa sáng, và những bóng đen tối thẫm, đen hơn cả bóng tối, do mỗi cánh rừng trùn xuống, và vàng trắng tròn đầy lướt đi trên trời như quả bóng bay của trẻ em. Có một lần cha dừng xe, ra khỏi xe, đến gần hàng rào và đứng một lát, tì vào sợi dây thép rất căng, hít mùi nhựa cây khuynh diệp và mùi thơm đầy ma lực cảm dỗ của hoa đồng. Mặt đất này đẹp biết bao, thanh khiết biết bao, đứng đưng biết bao với số phận của những kẻ tưởng đâu rằng họ cai quản nó. Cho dù họ có tác động vào nó, nhưng cuối cùng thì nó điều khiển họ. Chừng nào họ chưa học được cách sai khiến thời tiết, hô gió gọi mưa thì đất vẫn thắng.

Cha đỗ xe sau nhà, cách một quãng, và chậm rãi đi về phía bậc tam cấp. Tất cả các cửa sổ đều sáng rực; từ trong buồng bà quản gia có tiếng nói văng vẳng: Mrs. Smith và hai chị hầu phòng người Ireland cầu kinh. Dưới giàn đậu tía như một mái lều tối thẫm, có một bóng đen động đậy; cha Ralph dừng phắt lại, sờn gai ốc. Mụ đã làm cha hoang mang, con nhện cái già ấy. Nhưng hóa ra đấy chỉ là Meggie vẫn kiên nhẫn chờ cha trở về. Ăn vận như để cưỡi ngựa, quần bó ống và ủng, đấy là bản thân cuộc sống chứ không phải là bóng ma từ thế giới bên kia.

– Con làm ta hoảng sợ. – Cha nói một cách khó khăn.

– Xin lỗi cha Ralph, con vô tình thôi. Thực quả con không muốn vào những căn phòng mà ba và các anh con đã vào, còn mẹ con hiện vẫn ở nhà với mấy đứa nhỏ. Có lẽ nên vào nguyện kinh với Minnie, Ket và Mrs. Smith, khốn nỗi con không muốn cầu nguyện cho bà ấy. Như thế là tội lỗi, phải không ạ?

Cha không mảy may muốn nói điều gì tốt đẹp về người quá cố.

– Theo ta thì như thế không phải là có tội, Meggie ạ, đạo đức

giả mới là có tội. Ta cũng không muốn cầu nguyện cho bà ta. Bà ta là... một người đàn bà rất không tốt. – Cha mỉm cười một thoáng, nụ cười chói lòa. – Nếu như con có tội thì tội của ta còn nặng hơn nhiều. Ta có bốn phận phải yêu tất cả mọi người như nhau, con không phải gánh cái bốn phận nặng nề như thế.

– Cha không được khỏe chẳng, thưa cha Ralph?

– Không, có sao đâu, – Cha nhìn các cửa sổ và thở dài. – Thực tình ta không muốn vào nhà. Ta không muốn cùng ở dưới một mái nhà với bà ta, chừng nào ánh sáng ban ngày chưa đến và chưa xua đuổi hết ma quỷ của bóng tối. Hay ta thắng ngựa và con cùng ta cưỡi ngựa một lúc chờ đến rạng sáng chẳng?

Tay Meggie thoáng chạm vào ống tay áo chùng thâm của cha.

– Con cũng không muốn vào nhà.

– Chờ một lát, ta cất áo chùng vào xe.

– Con ra chuồng ngựa đây.

Lần đầu tiên cô gái thử nói chuyện với cha như người bằng vai, như một người lớn; cha cảm thấy sự thay đổi ở cô cũng rõ rệt như cảm thấy hương thơm của hoa hồng trong khu vườn trắng lợt của Mary Carson. Hoa hồng. Tro của hoa hồng. Hoa hồng, hoa hồng khắp mọi nơi. Cánh hoa rải rác trên cỏ. Hoa hồng mùa hè: hồng trắng, hồng đỏ thắm, hồng vàng. Hương thơm ngọt ngào nồng đượm trong đêm. Những bông hoa hồng dịu, bột màu dưới ánh trăng, nom gần như màu tro. Tro của hoa hồng, tro của hoa hồng. Ta chối bỏ con, Meggie ạ. Nhưng con đã trở nên nguy hiểm, con có hiểu không, con đã trở nên nguy hiểm cho ta. Vì thế ta đã xéo bẹp con dưới gót giày của lòng háo danh của ta; đối với ta giá trị của con không hơn bông hồng nhàu nát bị vứt xuống cỏ. Tro của

hoa hồng. Mùi Mary Carson. Hoa hồng và tro, tro và hoa hồng.

– Tro của hoa hồng. – Cha vừa nói vừa ngồi lên yên. – Ta hãy đi cho xa cái mùi của hoa hồng. Ngày mai trong nhà sẽ không lãng đi đâu tránh được hoa hồng.

Cha thúc gót giày vào con ngựa hồng, cho nó phi trên con đường lớn dẫn ra sông, bỏ lại Meggie ở đằng sau, nước mắt bị cầm giữ khiến cha ngạt thở. Giá như có thể khóc nức lên! Bởi vì bây giờ, cùng với mùi những bông hoa mà người ta sắp phủ lên quan tài của Mary Carson, còn có ý thức về cái điều không tránh khỏi nó làm cha choáng váng. Sẽ phải ra đi, mà rất chóng vánh thôi. Quá nhiều ý nghĩ và tình cảm dồn đến, và tất cả đều ở ngoài vòng kiểm soát của cha. Khi người ta biết những điều kiện của bản di chúc khó tin là thực ấy, người ta sẽ không để cha ở lại Gilly lấy một ngày, sẽ lập tức gọi cha về Sydney. Ngay lập tức! Cha chạy trốn nỗi đau của mình, chưa bao giờ cha cảm thấy như thế, nhưng nỗi đau không chịu buông tha. Không, đấy không phải là sự hăm dọa mơ hồ trong tương lai xa xôi, điều đó sẽ xảy ra tức thời. Cha hình dung rõ bộ mặt của Paddy: ông sẽ nhìn cha với vẻ kinh tởm như thế nào và sẽ quay đi. Bây giờ cha de Bricassart khả kính sẽ không còn được đón tiếp niềm nở ở Drogheda nữa và không bao giờ cha còn gặp mặt Meggie nữa.

Rồi tiếng vó ngựa và nước phi điên cuồng trả lại cho cha sự tự chủ quen thuộc. Vậy là hơn, vậy là hơn, vậy là hơn. Tháo chạy thẳng một mạch. Phải, tất nhiên khi ấy nỗi đau sẽ giảm bớt, được giấu kín ở một tu phòng xa xôi trong nội thất của đức tổng giám mục, nỗi đau sẽ giảm bớt, rồi cuối cùng chính dư âm của nó sẽ mờ đi trong ý thức. Phải, cứ như thế, như thế còn hơn. Thế còn hơn là ở lại Gilly và nhìn thấy Meggie đối khác trước mắt mình –

sự đổi khác khổ ải, không ai mong muốn! – rồi sau đó sẽ có lúc phải làm phép cưới cho cô gái với một người nào không rõ. Không, xa mặt cách lòng!

Thế thì lúc này cha cùng cô ta phi ngựa trong rừng, trên bờ sông xa vắng, giữa những cây hoàng dương và coolibah để làm gì? Hình như cha hoàn toàn không nghĩ đến chuyện làm như thế để làm gì, cha chỉ cảm thấy đau lòng. Không phải đau lòng về sự phản bội của mình, chẳng tâm trí đâu mà nghĩ đến chuyện ấy. Chỉ có nỗi đau trước cuộc chia li không tránh khỏi.

– Cha Ralph! Cha Ralph! Con không thể đi nhanh như thế được! Chờ con với!

Tiếng nói gọi cha về với bốn phận và hiện thực. Chậm chạp, như trong chiêm bao, cha quay ngựa và ghim ngựa tại chỗ, khiến con vật vờn múa vì nôn nóng. Cha chờ cho Meggie theo kịp. Tất cả tai họa là ở đó. Meggie bao giờ cũng đuổi kịp cha.

Hồ chứa nước sôi réo ở ngay gần đây, hơi nước bốc ngùn ngụt phía trên cánh rừng ven hồ, có mùi lưu huỳnh hăng nồng, cái ống tròn tự xoay giống như chân vịt tàu thủy phun những luồng hơi sôi sục vào cánh rừng này. Phân bố theo vòng tròn của cái hồ nhân tạo nhỏ được đưa lên cao, những rãnh tưới nước không lấy gì làm đầy đặn tỏa về mọi hướng trên đồng bằng như những nan hoa trục bánh xe, rìa những rãnh nước ấy ngập trong cỏ mọc um tùm – một thứ cỏ màu ngọc bích rực rỡ một cách thiếu tự nhiên. Còn rìa cái hồ thì xám xịt, trơn chuội, lầy bùn, và trong đám bùn ấy có tôm nước ngọt sinh sống.

Cha Ralph cười phá lên.

– Có mùi hệt như dưới địa ngục, phải không Meggie? Lưu

huỳnh ở ngay cạnh vách bà ta, ở ngay sau nhà bà ta. Bà ta sẽ phải thừa nhận cái mùi đó khi bà ta được đưa đến đây dưới lớp hoa hồng phủ đầy mình, phải thế không? Ôi, Meggie...

Những con ngựa béo tốt đứng yên, tuy dây cương thả lỏng; gần đây không một bức tường rào, trong phạm vi nửa dặm không có lấy một cái cây. Nhưng trên bờ, ở chỗ xa nhất đối với luồng nước từ dưới phụt lên, nơi nước mát mẻ hơn, có một khúc gỗ cây. Người ta đặt nó ở đây để mùa đông những người đi tắm có chỗ ngồi tạm, hong khô chân và lau chân.

Cha Ralph ngồi xuống thân cây gỗ, Meggie cũng ngồi xuống, nhưng cách một quãng, xoay nghiêng người lại và nhìn cha.

– Có chuyện gì vậy, thưa cha Ralph?

Thật lạ lùng khi nghe thấy từ miệng cô câu hỏi mà cha đã nhiều lần hỏi cô. Cha mỉm cười.

– Ta đã bán con, Meggie ạ, ta đã bán con lấy mười ba triệu bạc trắng.

– Cha bán? Và bán con?

– Chỉ là lối nói hình ảnh. Không quan trọng gì. Ngồi lại gần đây chút nữa. Có lẽ còn lâu nữa chúng ta mới lại có thể nói chuyện riêng với nhau.

– Cho đến khi hết tang bác con chứ gì? – Meggie nhích lại ngồi cạnh cha trên thân cây gỗ. – Thì có gì khác nhau kia chứ, sao lại không được gặp nhau nếu đang có tang?

– Ta không nói điều đó. Meggie ạ.

– Thế vậy là vì con đã lớn và người ta sẽ đặt điều về cha với con phải không ạ?

– Ta không nói điều đó. Chẳng qua là ta sắp ra đi.

Thế đấy: cô bé chịu đòn, không gằm mặt xuống, nhận thêm một sức đè nặng nữa. Không kêu la, không nức nở, không phản đối dữ dội. Chỉ hơi gò người lại tí chút, tuồng như vật nặng đè lệch trên vai, không thuận tiện, khiến cho càng khó mang vác hơn. Và hơi thở nghẽn lại giãy lát, chứ không buột ra tiếng thở dài.

– Bao giờ ạ?

– Nay mai thôi.

– Ôi, cha Ralph! Như vậy thì sẽ còn khổ tâm hơn lần trước khi anh Frank bỏ đi.

– Còn đối với ta thì đây là điều khổ tâm chưa từng có trong đời. Ta không có gì làm nguồn an ủi. Con thì ít ra cũng còn những người ruột thịt.

– Nhưng cha có Chúa của cha.

– Nói hay lắm. Meggie! Quả thật con sắp thành người lớn hẳn rồi!

Nhưng với tính dai dẳng đúng là của phụ nữ, ý nghĩ của Meggie trở lại câu hỏi mà cô chưa kịp nêu ra trong lúc hai người phi ngựa vượt ba dặm đường ấy. Cha sắp ra đi, thiếu cha sẽ khó sống lắm lắm, nhưng dù sao cô cũng cần có câu trả lời.

– Cha Ralph ạ, lúc ở trong chuồng ngựa, cha có nói “tro của hoa hồng”. Đây là cha nói về màu áo con phải không?

– Có lẽ phần nào là như thế. Nhưng có thể ta nghĩ đến chuyện khác nhiều hơn.

– Chuyện gì ạ?

– Cái đó con không hiểu được đâu, Meggie của ta ạ. Ấy là về việc ý nghĩ chết dần khi nó không được phép ra đời và nhất là khi ta không được phép để cho nó trở nên vững mạnh.

– Mọi cái trên thế gian đều có quyền ra đời, kể cả ý nghĩ.

Cha quay đầu, nhìn với vẻ dò hỏi.

– Con biết ta nói gì chứ?

– Có lẽ con biết.

– Không phải mọi cái sinh ra đời đều tốt, Meggie ạ.

– Vâng, nhưng nếu nó đã ra đời thì tức là phải như thế.

– Con lập luận ranh mãnh như một tu sĩ dòng Tên^[53] – Con bao nhiêu tuổi?

– Một tháng nữa con mười bảy tuổi, thưa cha Ralph.

– Suốt mười bảy năm ấy con sống không phải là dễ dàng. Thế đấy, những vất vả cực nhọc làm cho người ta trưởng thành trước tuổi. Meggie, con thường nghĩ đến chuyện gì khi con có thời giờ để nghĩ ngợi.

– Con nghĩ về Jims và Patsy, về tất cả các anh, về bố và mẹ, về Hal và bác Mary. Đôi khi nghĩ về việc con sẽ có con. Con rất muốn có con. Về việc con cưới ngựa, về cừu. Con nghĩ về mọi việc mà đàn ông thường vẫn nói. Về thời tiết, về mưa, về vườn rau, về gà, về việc con cần làm ngày mai.

– Thế con không ao ước lấy chồng à?

– Không, nhưng có lẽ đấy là việc cần thiết, nếu con muốn có con. Đứa trẻ không có bố thì không hay.

Tuy đau lòng, cha mỉm cười: ở Meggie sự thiếu hiểu biết và những khái niệm đạo đức cao cả pha trộn kì quặc biết bao. Cha

quay ngoắt về phía Meggie, nâng cằm cô lên, nhìn thẳng vào mặt. Làm thế nào bây giờ, tìm những lời lẽ gì?

– Meggie, mới đây thôi ta đã nhận ra được một điều mà lẽ ra trước kia ta cần phải hiểu. Con không nói hết với ta khi con kể về những điều con nghĩ, phải không?

– Con... – Meggie vừa nói đã im bật.

– Con không nói rằng con nghĩ cả đến ta, đúng không nào? Nếu như con không cảm thấy mình có lỗi thì con đã nêu tên ta cùng với bố con. Vì thế ta nghĩ có lẽ ta ra đi là điều hay, con thấy thế nào? Con đã quá lớn để chỉ dừng ở sự si mê của một cô bé, nhưng với cái tuổi ngọt ngào mười bảy của con, con vẫn chưa đủ lớn, phải thế không? Ta vui thích vì con chưa mấy hiểu đời, nhưng ta biết một cô bé có thể đau khổ như thế nào về sự say mê trẻ thơ của mình, chính ta hồi xưa cũng đã từng đau khổ không ít về những say mê trẻ thơ của mình.

Hình như Meggie muốn nói, song cô găm mặt xuống, đôi mắt long lanh giọt lệ, và lắc mạnh đầu để tự giải thoát.

– Này, Meggie ạ, đấy chỉ là một chặng, một cái mốc trên con đường trở thành người lớn. Khi con trở thành người lớn, con sẽ gặp một người có duyên số làm chồng con, khi ấy con sẽ quá bận bịu với việc xây dựng cuộc sống của mình và nếu thỉnh thoảng con có nhớ đến ta thì chỉ như nhớ đến một người bạn cũ đã giúp con vượt qua những chấn động đau khổ không tránh khỏi đối với mỗi người đang trở thành người lớn. Có điều, đừng tập quen với những mơ ước lãng mạn về ta, không nên đâu: ta không bao giờ có thể có quan hệ với con như một người chồng. Ta tuyệt nhiên không nghĩ về con theo chiều hướng ấy, Meggie ạ, con hiểu chứ?

Khi ta nói rằng ta yêu con thì điều đó không có nghĩa là yêu với tư cách một người đàn ông. Ta không phải là đàn ông, ta là linh mục. Thành thử đừng có nhồi vào óc những mơ ước về ta. Ta sắp ra đi, và ta rất hồ nghi về việc ta sẽ lại có thời giờ đến đây, dù là một thời gian ngắn.

Vai Meggie rũ xuống, tuồng như cái sức nặng đè lên vai quá lớn, nhưng cô ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mặt cha.

– Xin cha đừng lo, con sẽ không nhồi vào đầu con những mơ ước về cha. Con biết cha là linh mục.

– Và ta không tin rằng ta đã chọn lầm sứ mệnh. Nó làm ta thỏa lòng khao khát về cái mà không một ai có thể đem lại cho ta, ngay cả con.

– Con biết. Điều đó có thể thấy rõ khi cha làm lễ Missa. Cha có một quyền lực gì đó. Chắc khi đó cha cảm thấy cha là chính Chúa trời.

– Khi trong nhà thờ mọi người nín thở, ta cảm thấy từng hơi thở, Meggie ạ! Mỗi ngày ta chết dần một cách chậm chạp và mỗi sáng khi làm lễ Missa, ta lại ra đời lần nữa. Nhưng tại sao? Phải chăng vì ta là đấng chặn chiên được Chúa lựa chọn hay vì ta nghe thấy các con chiên của ta hồi hộp sùng kính nín thở, ta biết uy quyền của ta đối với từng người trong nhà thờ?

– Điều đó có gì quan trọng ạ? Chỉ là cha cảm thấy thế thôi.

– Đối với con có lẽ không quan trọng, nhưng đối với ta thì quan trọng. Ta đang bị những nghi ngờ giày vò.

Nhưng Meggie lại bắt đầu nói về cái mà cô cho là quan trọng.

– Con không biết rồi đây vắng cha con sẽ sống thế nào, cha Ralph ạ. Đầu tiên là Frank, bây giờ đến cha. Với Hal thì hơi khác,

con biết, em nó đã chết, không thể trở lại được nữa. Còn cha và Frank thì vẫn sống! Con sẽ luôn luôn đoán xem Cha và anh ấy hiện giờ ra sao, đang làm gì, có sung sướng không, con có thể giúp được gì. Thậm chí con sẽ phải đoán xem Cha và anh ấy còn sống không, phải thế không ạ?

– Ta cũng sẽ thấy thế, Meggie ạ, ta tin chắc rằng Frank cũng sẽ như thế.

– Không, Frank đã quên chúng ta... Và cha cũng sẽ quên.

– Ta sẽ không bao giờ quên được con, Meggie ạ, đến chết cũng không quên. Ta sẽ sống lâu, rất lâu, đấy sẽ là sự trừng phạt đối với ta. – Cha đứng lên, đỡ Meggie đứng dậy, vòng tay ôm nhẹ lấy cô một cách âu yếm. – Thôi, ta chia tay nhau, Meggie. Chúng ta sẽ không gặp riêng lần nào nữa.

– Thưa cha Ralph, nếu cha không phải là linh mục thì cha có lấy con không.

Lối xưng hô kính cẩn lúc này làm cha đau lòng.

– Đừng có lúc nào cũng tôn xưng ta là cha! Gọi là Ralph thôi! Nhưng đấy không phải là câu trả lời cho câu hỏi của Meggie.

Cha ôm Meggie, nhưng hoàn toàn không định hôn. Không còn nhìn rõ khuôn mặt ngửa lên hướng về cha nữa: trắng đã lặn, đã tối hẳn. Cha cảm thấy ngực cha ở phía dưới chạm vào cặp vú nhỏ thon nhọn... một cảm giác rạo rức kỳ lạ. Và kỳ lạ hơn nữa, tự nhiên như từ lâu đã quen với vòng tay đàn ông, cô đưa hai tay lên ôm ghì lấy cổ cha.

Chưa bao giờ cha hôn một phụ nữ nào như một người tình, ngay cả lúc này cha không muốn điều đó, cả Meggie chắc cũng không muốn điều đó, cha nghĩ. Cô chờ đợi cha hôn một cái hôn

kêu, âu yếm vào má cô, ôm lấy cô giây lát như Paddy ôm con gái ông đi đâu một thời gian lâu. Cô gái vốn nhạy cảm và kiêu hãnh; có lẽ cha đã xúc phạm cô một cách tàn nhẫn khi cha cân nhắc và đánh giá một cách lạnh lùng những mơ ước thầm kín của cô. Chắc chắn là cũng như cha, cô khao khát chấm dứt cảnh chia tay này. Liệu cha có đem lại niềm an ủi cho cô không, nếu cô hiểu rằng cha bị giày vò còn mãnh liệt hơn cô? Cha cúi xuống, muốn chạm môi vào má cô, nhưng Meggie đã nhón chân lên, và không phải là cô dùng mánh lời gì, mà tự đứng thế thôi, cô chạm môi vào môi cha. Cha giật mình, như bị một vết cắn có nọc độc, nhưng cha trấn tĩnh được ngay, lại cúi xuống, định nói câu gì thẳng ngay vào đôi môi mím chặt, và để đáp lại, đôi môi ấy mở ra. Thế là tuồng như trong cơ thể cha không còn mảnh xương nào, cơ thể cha biến thành bóng tối mềm nhũn: một tay cha quàng lấy eo lưng cô gái, tay kia choàng qua vai, bàn tay cha đỡ lấy gáy cô, luồn vào tóc cô, cha ghì sát mặt cô vào mặt mình như sợ cô tuột đi mất – tuột đi ngay lúc này, giây lát này, tuy cha vẫn chưa kịp hiểu và thấu triệt được cái điều kỳ diệu khó tin nổi, gọi tên Meggie ấy nghĩa là thế nào. Đây là người phụ nữ ấy và không phải là người phụ nữ ấy, một người chưa từng biết, không phải là người trước kia, bởi vì Meggie ấy, Meggie của cha không phải là một phụ nữ, cha không cảm thấy và không thể cảm thấy cô là phụ nữ. Và cha cũng không thể là người đàn ông đối với cô.

Ý nghĩ ấy làm cho những tình cảm rối bời của cha trở nên sáng rõ; cha giằng mạnh đôi tay ôm lấy cổ cha, đẩy cô gái ra và cố nhìn cho rõ khuôn mặt cô trong bóng tối. Nhưng cô cúi đầu xuống và không ngược mắt lên.

– Ta đi thôi, Meggie. – Cha nói.

Không thốt lên lấy một lời, Meggie đến chỗ con ngựa của mình và đã ngồi trên yên đợi cha; thường thường cha vẫn phải đợi cô.

* * *

Lời tiên đoán của cha Ralph đã thành sự thực. Vào mùa này Drogheda ngập trong hoa hồng và bây giờ cả nhà chất đầy hoa hồng. Đến tám giờ sáng trong vườn chỉ còn lại nụ. Khi bông hồng cuối cùng trên bụi cây đã bị ngắt nốt thì lát sau người đi đưa đám bắt đầu đổ đến; trong cái phòng ăn nhỏ, người ta đưa lên bữa ăn sáng nhẹ: cà phê, bánh mì trắng nhỏ vừa ra lò và bơ. Khi nào di hài Mary Carson đã được đưa vào hầm mộ thì ở nhà ăn lớn sẽ có bữa ăn thịnh soạn hơn, những người đến đưa đám cần bồi bổ sức khỏe trước khi lên đường trở về trong chuyến đi xa. Người ta đã loáng thoáng nghe được những tin cuối cùng, tin đồn ở Gilly truyền nhanh như chớp, điện thoại có góp phần vào việc này – một đường dây chung cho mấy khách thuê bao. Người ta nói những câu đau xót phải phép trong trường hợp này, nhưng những luồng mắt và trí óc thì ước lượng, dự tính, cười thầm.

– Trình cha, nghe nói chúng tôi sắp phải thiếu vắng cha rồi. – Miss Carmichael nói châm chọc.

Chưa bao giờ cha có vẻ hư tâm đến thế, xa lạ đến thế đối với những tình cảm của con người như trong buổi sáng hôm ấy: cha mặc chiếc áo thụng không viền đăng ten bên ngoài chiếc áo chùng thâm không láng bóng, trước ngực đeo cây thánh giá bằng bạc. Dường như chỉ có thể xác cha ở đây, còn linh hồn bay lượn ở nơi xa xăm. Nhưng cha lơ đãng nhìn Miss Carmichael từ trên

xuống, như thể tập trung ý nghĩ và mỉm cười vui vẻ, không còn chút gì giả tạo.

– Không thể nào biết được những con đường của Chúa, Miss Carmichael ạ. – Cha đáp và bỏ đi nơi khác, nói chuyện với một người nào nữa.

Chẳng ai đoán được cha nghĩ gì, còn trong lúc đó cha nghĩ tới cuộc va chạm không tránh khỏi với Paddy, và bản di chúc, và cha vừa sợ cơn thịnh nộ của Paddy, vừa thấy nhất thiết cần cảm nhận được cơn thịnh nộ ấy và sự khinh bỉ.

Trước khi làm lễ Missa, cha quay về phía các giáo dân; trong phòng một quả táo không rơi lọt; cái mùi hoa hồng nặng nề đậm đặc đến ngạt thở, tuy các cửa sổ mở toang.

– Tôi sẽ không rườm lời tán dương dài – Cha nói với giọng điệu thanh nhã gần như của người Oxford, nghe cha nói hầu như không nhận ra được rằng cha là người gốc Ireland. – Tất cả các giáo hữu đều biết Mary Carson. Bà là rường cột của xã hội ta, là chỗ dựa của nhà thờ Chúa mà bà yêu hơn ai hết.

Về sau một số người nghe cam đoan rằng khi nói những lời đó mắt cha lóe lên ánh giễu cợt, số khác lại khẳng định không kém phần cả quyết rằng mắt cha mờ hẳn đi vì nỗi đau xót sâu xa chân thành.

– Bà là chỗ dựa của nhà thờ mà bà yêu hơn bất cứ người nào. – Cha Ralph nhắc lại càng rành rọt hơn; cha không phải là loại người nửa chừng rẽ ngang. – Trong giờ phút cuối cùng bà chỉ có một mình, nhưng vẫn không phải là chỉ có một mình. Bởi vì trong giờ lâm chung của chúng ta, Chúa Kitô của chúng ta ở cùng với ta và ở trong ta, và Chúa gánh lấy những đau khổ của ta. Không một

người nào, dù là người vĩ đại nhất hay người tài hèn sức mọn nhất, phải chết đơn độc, vì thế cái chết vẫn là ngọt ngào. Chúng ta họp mặt ở đây để cầu nguyện cho linh hồn bất tử của người đã khuất, lúc còn sống bà là người mà chúng ta yêu mến, cầu mong bà được ân thưởng xứng đáng trong đời sống vĩnh cửu. Ta hãy cùng cầu nguyện.

Chiếc quan tài tự làm lấy đặt trên cái xe tải thấp mà các con trai nhà Cleary đóng ghép vội vàng bằng những mẩu gỗ và những bánh xe lợm lặt trong khu nhà; chiếc xe bị che khuất hẳn dưới những lớp hoa hồng chất cao như núi. Nhưng mặc dù các cửa sổ mở toang, qua mùi hoa hồng ngọt ngào, mọi người đều cảm thấy một mùi khác nữa. Điều đó thì ông bác sĩ đến Drogheda để làm chứng tử đã nói từ trước nữa kia.

– Khi tôi đến, bà ta đã rữa nát đến nỗi tôi cảm thấy ruột gan muốn thốc cả ra ngoài. – Ông nói với Martin King qua điện thoại.
– Trong đời tôi chưa từng ái ngại cho ai như với Paddy Cleary tội nghiệp: ông ta bị chiếm đoạt mất Drogheda chưa đủ, mà còn phải nhét cái xác thối ấy vào quan tài.

– Thế thì tôi sẽ không tình nguyện khiêng quan tài đâu. – Martin đáp, tiếng ông lí nhí nghe không rõ, tất cả những người có thể nối mạch vào đường dây đều nghe trộm họ, và bác sĩ phải hỏi lại ba lần.

Vì thế người ta mới đóng chiếc xe tải nhỏ: chẳng ai muốn ghé vai khiêng thi hài Mary Carson trên đường qua đồng cỏ đến hầm mộ gia đình. Chẳng ai thương tiếc khi cửa hầm mộ đóng lại và rút cuộc mọi người lại có thể thở được.

Trong lúc mọi người đến đưa đám đều có mặt trong phòng ăn

chính để ăn qua loa, và người thì ăn, người thì chỉ làm ra vẻ đang ăn, Harry Gough kéo Paddy cùng gia đình, cha Ralph, Mrs. Smith và hai chị hầu phòng sang phòng khách. Khách khứa không người nào vội ra về, vì thế họ làm ra vẻ như đang mãi ăn; mọi người đều muốn xem Paddy có bộ mặt như thế nào sau khi công bố di chúc. Cần công bằng với Paddy và gia đình ông, suốt thời gian đám tang, không hề có gì cho thấy là họ nghĩ về địa vị xã hội mới, cao hơn cả mình. Paddy vốn đôn hậu, vẫn trung thành với mình và khóc chị, còn Fee vẫn như mọi khi, dường như đứng đưng với những gì sắp đến với bà.

– Paddy, tôi muốn ông phản đối bản di chúc. – Harry Gough nói, ông đọc cái văn bản kỳ dị ấy với vẻ phẫn nộ và bực tức ra mặt.

– Mụ già tội lỗi và đểu cáng! – Mrs. Smith nói, bà ta mến cha Ralph, nhưng hết lòng gắn bó với gia đình Cleary. Nhờ họ mà trẻ nhỏ đã bước vào cuộc đời của bà.

Nhưng Paddy lắc đầu.

– Không, Harry ạ. Tôi không thể làm thế được. Bà ấy là chủ tất cả những thứ đó, đúng không nào? Vậy thì tùy ở bà ấy thôi, bà ấy muốn thế nào nên thế. Bà ấy muốn hiến tất cả cho nhà thờ thì bà ấy hiến. Tôi không nói dối, tôi cũng hơi bất ngờ, nhưng tôi là con người chất phác, thành thử có khi như thế lại hay hơn. Làm chủ Drogheda, cái trách nhiệm đó không lấy gì là vừa sức tôi: điền trang này quá lớn.

– Ông không hiểu, Paddy! – Viên luật sư bắt đầu giải thích chậm chạp, rành từng tiếng, như giảng giải cho trẻ nhỏ. – Đây không chỉ là nói về Drogheda. Hãy tin tôi, điền trang này chỉ là

phần nhỏ nhất trong di sản. Bà chị ông có những cổ phiếu kiểm soát trong một trăm công ty cổ phần vững vàng nhất, bà ấy có những nhà máy đúc thép, cả những mỏ vàng, cả công ty “Michar Limited”, một trong những văn phòng của nó chiếm một tòa nhà mười tầng ở Sydney. Trong toàn nước Úc không có người nào giàu hơn! Đáng chú ý là một tháng trước, bà ấy giao cho tôi liên hệ với các giám đốc của “Michar Limited” ở Sydney và tìm hiểu cho đích xác tài sản của bà ấy được đánh giá thành tiền là bao nhiêu. Trước ngày bà ấy mất, số tiền đó là trên mười ba triệu bảng.

– Mười ba triệu bảng! – Đối với Paddy, cái đó nghe như con số đo khoảng cách từ trái đất đến mặt trời, như một cái gì không tài nào hiểu nổi. – Thế thì rõ cả rồi, Harry ạ. Tôi không muốn chịu trách nhiệm về số tiền như thế.

– Chẳng có trách nhiệm gì cả, ông Paddy! Ông vẫn chưa hiểu sao? Số tiền ấy tự nó lo cho nó! Ông hoàn toàn chẳng cần gì phải tự mình trông trọt và thu hoạch hoa lợi, hàng trăm nhân viên làm thuê chỉ có mỗi một việc là chăm lo đến việc đó thay cho ông. Hãy bác bỏ bản di chúc, Paddy, tôi xin ông đấy! Tôi sẽ tìm cho ông một luật sư giỏi nhất nước Úc, nếu cần tôi sẽ bảo vệ quyền lợi của ông ở tất cả các cấp, cho đến tận Hội đồng Cơ mật.

Paddy bỗng hiểu ra rằng sự việc không chỉ liên can đến riêng ông, mà đến cả gia đình, ông quay về phía Bob và Jack: hiền lành, sững sờ, chúng ngồi cạnh nhau trên chiếc ghế dài bằng đá cẩm thạch Florentine.

– Ý các con thế nào? Các con có muốn đòi cho được mười ba triệu bảng của bác Mary không? Nếu các con muốn thì ta sẽ bác bỏ bản di chúc, còn nếu không thì ta sẽ chẳng làm gì hết.

– Nhưng trong di chúc hình như có nói rằng nhà ta vẫn có thể ở Drogheda, đúng không ạ? – Bob hỏi.

– Không ai có thể đẩy gia đình cháu ra khỏi Drogheda chừng nào còn ít ra là một cháu trai của ba cháu còn sống. – Harry Gough giải đáp.

– Chúng ta sẽ chuyển đến Nhà Lớn, Mrs. Smith và hai cô sẽ giúp việc chúng ta và mọi người đều được trả lương hậu. – Paddy nói và trong giọng nói của ông không hề có bóng dáng của sự thất vọng, trái lại ông phải khó khăn mới tin được vào hạnh phúc của mình.

– Thế thì ta còn cần gì nữa, hả Jack? – Bob hỏi. – Anh nói đúng không?

– Em thấy thế là được. – Jack nói.

Cha Ralph bèn chồn đổi thế đứng từ chân nọ sang chân kia. Cha không mất thời giờ thay áo sau đám tang và ở đây, trong phòng khách, cha không ngồi; cha đứng một mình trong bóng tối, ở một góc đằng xa, như một pháp sư đẹp trai, ủ rũ, giấu hai tay giữa những nếp áo lễ màu đen, mặt ngậy ra, trong cái nhìn xa vắng, trong đáy sâu của cặp mắt xanh đọng lại nỗi khiếp sợ, băn khoăn, buồn bực. Như vậy là ngay cả cái đó nữa cha cũng không có được: sẽ không có sự trừng phạt mà cha mong muốn, không có cả cơn thịnh nộ cũng như sự khinh bỉ – Paddy sẽ dâng cha tất cả mọi thứ bằng chiếc khay vàng của thiện ý và sẽ còn cảm tạ cha Ralph de Bricassart đã giải thoát cho gia đình Cleary khỏi một gánh nặng.

– Ồ, nhưng còn Fee và Meggie thì sao? – Cha hỏi bằng giọng gay gắt, nói với Paddy. – Ông không đếm xỉa gì đến phụ nữ trong

nhà đến nỗi không cần hỏi ý kiến họ chẳng?

– Fee? – Paddy lo lắng thốt lên.

– Tùy mình quyết định, Paddy ạ. Tôi thì thế nào cũng được.

– Thế Meggie?

– Con không cần mười ba triệu đồng bạc trắng của bác ấy. – Meggie nói và nhìn thẳng vào cha Ralph.

– Thế là xong, ông Harry ạ, – Paddy nói với viên luật sư. – Chúng tôi sẽ không bác bỏ di chúc. Nhà thờ cứ việc nhận tiền của Mary, tôi không phản đối.

Harry bực tức vung hai tay lên.

– Quí thật, tôi ghê tởm nhìn thấy người ta lừa bịp ông như thế nào.

– Còn tôi sẽ suốt đời biết ơn Mary. – Paddy nói một cách mềm mỏng. – Nếu như không có Mary, cho đến ngày hôm nay tôi sẽ vẫn phải quần quật để kiếm miếng ăn ở New Zealand.

Khi họ ra khỏi phòng ăn, Paddy giữ cha Ralph lại, và tất cả những người tò mò tụ tập ở cửa ngạc nhiên thấy ông chìa tay ra cho cha.

– Trình cha, xin cha đừng nghĩ ngợi gì, chúng con tuyệt không mảy may oán giận. Mary đã định cái gì thì không bao giờ có ai can ngăn được, dù là em trai, chồng hay linh mục. Xin cha hãy tin con, bà ấy đã làm theo ý muốn của mình. Cha rất tốt với bà ấy, và cha bao giờ cũng rất tốt với chúng con. Suốt đời chúng con không quên điều đó.

Ý thức về tội lỗi. Gánh nặng. Cha Ralph sẵn lòng không đón lấy bàn tay xù xì suốt đời lam làm vất vả ấy, nhưng sự khôn ngoan

của đảng hồng y đã thắng: cha hối hả siết chặt bàn tay chìa ra cho cha, và lòng đầy day dứt, cha mỉm cười.

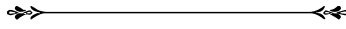
– Cám ơn ông, Paddy. Cứ yên tâm, tôi sẽ chăm lo sao cho ông không bao giờ thiếu thốn gì.

Cha đi ngay tuần ấy và trước khi đi không ghé qua Drogheda lần nào. Trong mấy ngày còn lại, cha thu xếp những đồ dùng lật vật của mình và đi thăm suốt lượt tất cả các nhà và các trại có giáo dân trong vùng; cha đến tất cả mọi nơi, trừ Drogheda.

Trách nhiệm đấng chăn dắt linh hồn trong vùng Gillanbone chuyển sang cho Watkin Thomas khả kính từ Wales tới để đảm nhận việc này, còn Ralph de Bricassart khả kính trở thành bí thư riêng của tổng giám mục Cluny Dank. Nhưng công việc của cha không đến nỗi vất vả lắm, cha có hai thư ký giúp việc. Công việc của cha chủ yếu là tìm hiểu cho rõ tài sản của Mary Carson đích xác gồm những gì và nắm lấy quyền quản lý, đặt điều khiển tất cả những cái đó vì lợi ích của Tòa thánh và nhân danh Tòa thánh.



1929 – 1932



PADDY



Năm mới đã đến, theo lệ thường người ta đón mừng năm mới trong vũ hội ở Rudna Hunish, tại nhà Angus MacQueen – còn gia đình Cleary vẫn chưa chuyển hẳn sang Nhà Lớn. Thu nhặt và sắp xếp tất cả các dụng cụ và đồ dùng lặt vặt đã tích lại trong hơn bảy năm không phải là giản đơn, thêm nữa Fee lại tuyên bố rằng trước hết ít nhất cũng phải sửa sang lại phòng khách Nhà Lớn cho hẳn hoi. Chẳng ai muốn chuyển nhà vội, tuy mọi người đều cảm thấy trước niềm thích thú đó. Về một mặt nào đó, đời sống sẽ vẫn như ở chỗ cũ: ở Nhà Lớn cũng không có điện và cũng đầy ruồi. Nhưng mùa hè, nhiệt độ ở đó mát hơn ở bên ngoài khoảng hai mươi độ: đó là nhờ độ dày của những bức tường đá và những cây khuynh diệp kỳ ảo che nắng cho mái nhà. Và một sự sang trọng thực sự: một căn nhà phụ có nhà tắm, suốt mùa đông có nước nóng chảy vào theo những đường ống chạy qua phía sau bếp lò cực lớn trong nhà bếp cạnh đó, và nước toàn là nước mưa. Tắm và tráng mình bằng đài hoa sen thì chỉ có thể ở căn nhà phụ đó, thực ra là một căn nhà lớn có một chục phòng nhỏ riêng biệt, nhưng cả ở Nhà Lớn và các nhà dịch vụ đều có nhà xí ấm, đó là sự xa hoa chưa từng thấy và những người ghen tị ở Gillanbone nói sau lưng Mary Carson rằng đấy là lối sống mềm yếu quá đáng.

Nếu không kể khách sạn “Imperial”, hai tiệm ăn, tu viện của nhà chung và các nhà ở thuộc nhà thờ thì ở khắp mọi người, người Gillanbone, dân thành phố và các chủ trại chỉ có nhà xí ở sân thôi. Ở khắp mọi nơi đều như thế, nhưng không phải ở Drogheda, ở đây có nhiều két nước, nhiều thùng chứa bên các ống máng dưới vô số mái nhà, thành thử nước mưa dự trữ đủ dùng. Có một nền nếp nghiêm ngặt – không dùng phí nước, dùng xà phòng lỏng sát trùng nhiều hơn. Nhưng sau thời gian chỉ có cái hố bình thường làm hố xí, đây thực là thiên đường.

Từ đầu tháng chạp, cha Ralph đã gửi cho Paddy một ngân phiếu năm ngàn bảng để chi dùng trước mắt, như cha giải thích trong lá thư ngắn. Paddy thậm chí kêu lên vì ngạc nhiên và đưa tờ ngân phiếu cho vợ.

– Có lẽ suốt đời tôi cũng không làm ra được ngàn ấy tiền. – Ông nói.

– Tôi biết làm gì với món tiền này? – Fee hỏi, bần khoản nhìn tờ ngân phiếu, rồi nhìn chồng, mắt bà long lanh. – Tiền, Paddy! Rút cuộc chúng ta đã có tiền, mình hiểu chứ? Hàng triệu đồng của bác Mary tôi không cần, nhiều vô vàn như thế thì đấy là cái gì không thể hiểu nổi, không thực. Còn tiền này là có thực! Tôi biết làm gì với số tiền ấy?

– Tiêu dùng. – Paddy trả lời đơn giản. – Vì sao lại không mua thứ áo quần mới cho mình và cho các con? Có lẽ mình cũng muốn mua thứ đồ đạc gì cho ngôi nhà mới chứ? Tôi chẳng biết chúng ta còn cần thứ gì nữa.

– Tôi cũng không muốn biết, ngốc quá, phải không? – Fee đứng dậy bên bàn (họ vừa ăn sáng xong), oai vệ gạt đầu với con

gái. – Ta đi xem xem sự thể ra sao.

Tuy đã ba tuần qua kể từ cái tuần lễ điên rồ tiếp sau cái chết của Mary Carson, chưa có người nào trong gia đình Cleary đến gần Nhà Lớn. Nhưng nếu trước kia Fee lánh xa ngôi nhà đó thì lần này đáng giá bằng nhiều chuyến viếng thăm. Có cả một đoàn tháp tùng – Smith, Minnie và Cat, – bà cùng với Meggie đi từ phòng này sang phòng kia, và Meggie băn khoăn: chưa bao giờ cô thấy mẹ nào nức như thế. Fee luôn miệng lẩm bẩm một mình: thế này thì thật là khủng khiếp, không thể được, không thể chịu đựng nổi, Mary mù hay sao, bà ta không hiểu gì về màu sắc hay hoàn toàn không có mỹ cảm.

Fee dừng lại ở phòng khách lâu hơn hết, nhìn khắp phòng bằng con mắt xét nét. Về kích thước nó chỉ thua phòng đại lễ: rộng thênh thang, bốn mươi *feet* chiều dài, ba mươi *feet* chiều rộng, trần cao mười lăm *feet*. Một sự pha trộn hết sức kỳ quặc giữa cái xấu xí và cái đẹp trong cách bài trí, những bức tường tuyền một màu cream đã ố vàng từ lâu và tuyệt nhiên không làm tôn giá trị của cái trần đắp nổi trắng lợt và những tấm gỗ ốp tường có hình chạm khắc ở khoảng giữa các cửa sổ. Choán hết chiều dài bốn mươi *feet* của bức tường trông ra hàng hiên là một dãy liền liền những cửa sổ cao từ sàn đến trần, nói đúng hơn là những cửa lớn lắp kính, nhưng những tấm rèm nặng nề bằng nhung màu nâu chỉ cho lọt qua một chút ánh sáng mờ mờ; vỏ bọc các ghế bành bằng thứ vật liệu gì không rõ màu đỏ, nâu, ở đáy có hai chiếc ghế dài tuyệt diệu bằng đá khổng tước và hai chiếc ghế dài đẹp lạ thường bằng đá cẩm thạch Florentine và một cái lò sưởi đồ sộ trang hoàng bằng đá cẩm thạch màu cream có vân hồng sẫm. Trên sàn ván bằng gỗ tếch có ba tấm thảm Aubusson^[54] rất đẹp

trái thẳng tắp như theo đường kẻ chỉ, một bộ đèn chùm Waterford^[55] tuyệt diệu có thể hạ xuống sáu *feet*, được kéo lên cao sát trần nhà bằng những xợi xích cuộn xoắn lại.

– Thật vinh dự và vẻ vang cho bà, Mrs. Smith ạ. – Fee nói. – Mọi cái ở đây thực là khủng khiếp, nhưng không chỗ nào có bụi cả. Tôi sẽ sắp xếp lại ở đây như thế nào xứng đáng với sự chăm nom của bà. Những chiếc ghế dài đẹp thế này mà hoàn toàn chìm khuất và thiếu cái nền thích hợp, thực là ê cả mặt! Từ trước đến giờ, mới thoát nhìn tôi đã ngứa ngáy muốn trang hoàng lại căn phòng này để bất cứ ai bước vào cũng phải kêu lên vì mê thích, sao cho thật tiện nghi để đã vào là không muốn rời khỏi đây nữa.

Bàn viết của Mary là cái bàn giấy kỳ quái đúng theo phong cách Victoria, trên bàn có máy điện thoại. Fee đến gần, khinh bỉ búng vào thứ gỗ tối màu ảm đạm.

– Cái bàn viết nhỏ nhắn của tôi ở đây sẽ rất hợp. – Bà nói. – Tôi sẽ bắt đầu từ căn phòng này, và tôi sẽ chuyển đến đây khi nào chúng ta bày biện xong ở đây, không sớm hơn. Khi đó chúng ta sẽ có ít ra là một chỗ nhỏ bé không buồn tẻ, ở đó mọi người thích họp mặt ngồi chơi.

Bà ngồi xuống cạnh bàn giấy và nhắc ống điện thoại.

Con gái và ba nữ gia nhân đứng sát bên nhan và bối rối nghe bà giao việc cho Harry Gough. Yêu cầu Mank Foys gửi tới những mẫu vải qua đường bưu điện buổi tối, hãng “Nock and Kirbys” hãy gửi tới những mẫu sơn, anh em Grace gửi tới những mẫu giấy bồi tường; các cửa hàng này nọ ở Sydney phải gửi tới những danh mục soạn riêng cho bà, trong đó có miêu tả những bộ đồ gỗ hiện có ở cửa hàng. Bằng giọng tươi cười Harry hứa sẽ tìm được một

người thợ bồi tường khéo léo và một tốp thợ sơn có khả năng thực hiện công việc tỉ mỉ mà Fee đòi hỏi. Mrs. Cleary cừ lắm! Bà sẽ làm cho trong nhà không còn lại dấu vết nào của Mary Carson.

Cuộc trao đổi qua điện thoại vừa dứt, mọi người được lệnh tức khắc tháo hết khỏi các cửa sổ những tấm rèm nhung màu nâu. Trong lúc đang hăng say, không biết tiếc của, Fee ra lệnh vứt những tấm rèm vào đồng rác ở sân và tự tay đốt hết.

– Chúng ta không cần thứ đó. – Bà tuyên bố. – Và tôi sẽ không gán ép nó cho những người nghèo ở Gillanbone.

– Tốt lắm, mẹ ạ. – Sững sờ vì ngạc nhiên, Meggie lầm bầm.

– Ở đây chẳng cần treo rèm cửa sổ làm gì. – Fee nói, không đắn đo gì phá tan mọi quy tắc được chấp nhận thời ấy trong việc trang trí nhà ở. – Hành lang rất rộng, ánh mặt trời không rọi thẳng vào phòng, thế thì ta cần rèm cửa làm gì? Tôi muốn căn phòng này phơi bày ra trước mắt mọi người. Vải đặt mua đã gửi tới, cả thợ bồi tường và mấy người thợ sơn nữa. Meggie và Cat được lệnh leo lên thang, cọ rửa nửa trên các cửa sổ, Mrs. Smith và Minnie giải quyết nửa dưới, còn Fee xung quanh, và không cái gì lọt khỏi cặp mắt tinh tường của bà.

Khoảng giữa tháng riêng, công việc đã xong xuôi, và dĩ nhiên, nhờ đường điện thoại chung, tin tức về chuyện đó đã đến tai những người láng giềng xa gần. Mrs. Cleary đã biến phòng khách ở Drogheda thành một cung điện thực sự, vậy thì, dấu chỉ vì phép lịch sự, có lẽ Mrs. King và Mrs. O'Rourke cùng với Mrs. Hopeton cần đến thăm và chúc mừng bà nhân dịp chuyển nhà chẳng?

Mọi người đều nhất trí với nhau rằng Fee nỗ lực không phải là hoài công: phòng khách của bà cực kỳ hoàn mỹ. Những tấm thảm

Aubusson màu cream có hình những bó hoa đã hơi bột màu – những bông hồng phơn phớt và hồng thắm cùng với lá xanh – trải một cách chệnh mảng trên mặt sàn ván bóng loáng như gương. Tường và trần nhà quét vôi mới màu cream, tất cả các hình đắp nổi trên trần và các hình chạm khắc trên tường đều được thếp vàng cẩn thận, nhưng trên những khoảng tường giữa các cửa sổ, những bức chạm đầu người hình bầu dục rộng khổ phủ một lớp lụa đen không bóng, căng rất phẳng, mặt lụa có hình hoa hồng trang trí y như trên những tấm thảm, chúng nom giống như những pannô cầu kì của Nhật Bản lồng trong khung màu cream thếp vàng. Bộ đèn chùm pha lê được hạ xuống thấp đến mức những chuỗi pha lê rủ xuống ở phía dưới reo lạnh canh ở cách mặt sàn chừng sáu *feet* rưỡi và mỗi một mặt trong hàng nghìn mặt sạch bong đều óng ánh sắc cầu vồng, còn sợi xích nặng nề bằng đồng đen không xoắn thành búi dưới trần nhà nữa, mà kéo dịch về phía tường. Trên những chiếc bàn nhỏ màu cream thếp vàng chân vạm có đặt những ngọn đèn cũng theo phong cách đó, cả những cái gạt tàn và những lọ hoa cắm đầy hoa vàng và hồng thường; những chiếc ghế bành rộng, thuận tiện được bọc lại bằng lụa vân màu cream cứ hai ba chiếc một đặt gần những đi văng rộng và tự dung có sức thu hút người ta; trong một góc sáng sủa có ánh mặt trời thì đặt cây đàn *clavecin* cổ duyên dáng của Fiona, trên đó có một lọ hoa lớn cắm hồng vàng và hồng thường. Phía trên lò sưởi, Fiona treo bức chân dung của bà mặc váy phòng màu hồng dịu, còn ở phía đối diện, tại đầu kia phòng là một bức chân dung to lớn – Mary Carson, chưa già lắm, tóc hung, mặc bộ áo váy màu đen nghiêm trang độn mông phồng lên, nom giống hoàng hậu Victoria chưa già lắm.

– Thế đấy, – Fee nói, – bây giờ chúng ta có thể chuyển nhà được rồi. Các phòng còn lại thì tôi sẽ sửa sang vào lúc rảnh rỗi, không vội vã. Cửa đáng tội, thật là tuyệt vời khi ta có tiền, có một ngôi nhà lịch sự và có thể sắp đặt nó theo ý muốn của ta.

Khoảng ba ngày trước khi chuyển nhà, từ mờ đất, lúc mặt trời chưa lên, những con gà trống cất tiếng gáy vui vẻ sân gia cầm.

– Cái lũ trơ tráo, – Fee vừa nói vừa bọc những chiếc chén sứ của bộ đồ trà của mình bằng giấy báo cũ. – Thử hỏi chúng gào thét cái nỗi gì kia chứ, có cái quái gì mà huênh hoang. Chúng ta không có lấy một quả trứng cho bữa ăn sáng, mà cho đến tận lúc chuyển nhà, tất cả cánh nam giới của chúng ta đều ở nhà. Meggie, con sẽ phải đi lục soát chuồng gà thôi, mẹ không có thời giờ. – Bà đưa mắt lướt trên trang giấy đã ố vàng của tờ “Morning Herald”^[56] của Sydney, xì một tiếng khinh bỉ khi bắt gặp cái quảng cáo coóc-xê hứa hẹn đem lại cho các bà tấm lưng ong thon thả. – Mẹ không hiểu vì lẽ gì ba con cứ nhất thiết phải đặt mua những thứ báo này, chẳng ai có thời giờ đọc. Thậm chí chúng ta không kịp đốt cái núi giấy dó trong bếp lò. Con thử nhìn xem! Còn cả những số cũ rích, từ thời New Zealand. Mà thôi, dù sao cũng còn dùng làm giấy gói được.

Mẹ vui vẻ như thế thật là tốt biết bao, Meggie nghĩ như vậy khi chạy từ bậc tam cấp xuống và hối hả băng qua cái sân bụi bặm đến chuồng gà. Đương nhiên, mọi người đều thích thú cảm thấy trước cuộc sống mới trong ngôi nhà mới, nhưng mẹ hết sức nôn nóng, như thể mẹ vẫn nhớ rằng ở trong ngôi nhà lớn như thế thú vị biết bao. Mà mẹ mới thông minh làm sao và mỉa cảm của mẹ tinh tế lạ thường! Trước đây không ai hình dung được điều đó, bởi vì lúc đó chẳng có thời giờ rảnh rỗi, cũng chẳng có tiền, tất cả

những ưu điểm ấy không có đất dùng. Meggie hoan hỉ trong lòng: trong số năm ngàn bảng nhận được, Paddy đã gửi một khoản cho người thợ kim hoàn ở Gilly, đặt làm cho mẹ cô chuỗi hạt và đôi khuyên bằng ngọc trai thực, có cả những hạt kim cương. Bố sẽ tặng mẹ trong bữa ăn trưa đầu tiên của gia đình ở Nhà Lớn. Bây giờ Meggie đã biết gương mặt mẹ như thế nào khi không bị gò bó bởi cái vẻ dè dặt cau có quen thuộc, và cô muốn chóng được nhìn thấy gương mặt ấy ngời sáng khi nhìn thấy món quà tặng như thế. Tất cả các con trai, từ Bob đến hai đứa sinh đôi, đều nóng lòng chờ đợi cái phút ấy, khi bố đưa ra trước cả nhà cái hộp da lớn dẹt phẳng, mở ra, và ở đấy, trên nền nhung đen, hạt ngọc trai óng ánh những màu sắc mờ dịu. Cả nhà vui sướng vô hạn thấy mẹ hạnh phúc như thế, chẳng khác gì sau kì hạn hán, trước mắt mọi người bắt đầu đổ xuống trận mưa dồi dào khiến vạn vật tươi tỉnh lại. Trước đây suốt cả đời không người nào trong bọn họ thực sự hiểu được mẹ họ bất hạnh biết nhường nào.

Chuồng gà rất lớn: bốn con gà trống và ngót bốn chục gà mái. Ban đêm chúng náu vào cái chuồng ọp ẹp, ở đấy sàn bao giờ cũng được quét tước sạch sẽ, hai bên có những dây dài ổ rơm cho gà đẻ, còn ở trong cùng có những sào đậu cao thấy nhiều tầng. Nhưng suốt ngày lũ gà mái nhớn như đi dạo trong cái sân rộng thênh thang rào xung quanh bằng lưới dây thép. Khi Meggie hé mở cánh cửa rào và thoát luôn vào sân, những con gà mái háu ăn chạy xô đến tưởng được cho ăn, nhưng Meggie bật cười, – đã đến lúc những con vật ngu ngốc cần biết rằng cô sẽ cho chúng ăn vào buổi chiều! – và cố tránh không giẫm vào con nào, cô đi vào chuồng gà.

– Chúng mày đến là lười nhác! – Cô thốt lên một cách nghiêm

ngộ khi lục lọi các ổ. – Bốn mươi mái mà chỉ có mười lăm trứng! Dùng cho bữa sáng còn ít, chứ đừng nghĩ gì đến chuyện làm bánh nướng. Đã đến lúc các vị nên tu tỉnh lại, không thì nên biết rằng cả bầy đoàn các vị sẽ vào nồi xúp, không chỉ riêng các quý bà, mà cả các quý ông nữa, vì vậy đừng có mà nhặng xị và khoe mẽ, đừng có mà múa đuôi, các quý ngài ạ!

Meggie xếp trứng cẩn thận vào tạp dề và vừa lẩm nhẩm hát vừa chạy về bếp.

Fee ngồi trong chiếc ghế bành gỗ của Paddy, mắt đờ đẫn nhìn trang “Tuần báo Smith”, mặt tái mét như xác chết, môi mấp máy không thành tiếng. Trong nhà có tiếng đàn ông đi lại chuyện trò, và tiếng cười của hai đứa bé lên sáu ở trong giường: Jims và Pasty không được phép trở dậy khi bố và các anh chưa đi làm.

– Có chuyện gì thế, mẹ? – Meggie hỏi.

Fee không đáp, không động đậy, môi trên của bà lẩm tấm những giọt mồ hôi, trong cặp mắt mở to đọng lại một vẻ đăm chiêu không thể tưởng được, đầy đau khổ, dường như bà tập trung hết nghị lực để khỏi gào lên.

– Ba ơi! Ba! – Meggie sợ hãi gọi to.

Tiếng gọi vang dội khiến Paddy chạy ngay vào bếp, chưa kịp cài hết khuy chiếc sơ mi mặc trong bằng flannel, theo chân ông là Bob, Jack, Hughie và Stuart. Meggie lẳng lặng trở vào mẹ.

Paddy cảm thấy tim ông mắc trong cổ họng khiến ông tắc thở đến nơi. Ông cúi xuống gần vợ, cầm lấy bàn tay mềm nhũn rơi xuống bàn.

– Mình làm sao thế, hả mình?

Các con chưa ai từng nghe thấy giọng bố triu mến như thế,

nhưng không hiểu tại sao tất cả bọn chúng đều hiểu ngay rằng bố vẫn nói như thế với mẹ, khi không có đứa con nào ở gần.

Giọng nói đặc biệt ấy dù sao vẫn xuyên qua trạng thái sững sờ của Fee, bà ngược đôi mắt to màu xám lên nhìn khuôn mặt hiền hậu, mệt mỏi, không còn trẻ nữa của ông.

– Đây này. – Bà chỉ cho ông xem đoạn tin vẫn ở phía dưới trang báo.

Stuart tiến đến từ phía sau, nhẹ nhàng đặt tay lên vai mẹ. Vẫn chưa bắt đầu đọc, Paddy nhìn con trai, nhìn vào đôi mắt y hệt mắt mẹ của nó và gật đầu. Ông chưa bao giờ ghen với Stuart như với Frank trước kia: tình yêu đối với Fiona chưa bao giờ ngăn cách hai bố con, mà dường như chỉ làm cho họ gắn bó với nhau hơn.

Paddy bắt đầu đọc chậm chậm, mỗi phút tiếng đọc của ông càng khê hơn, xót xa hơn. Bản tin nhan đề: **“Một võ sĩ quyền anh bị kết án tù chung thân”**.

“Francis Armstrong Cleary, 26 tuổi, võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp, hôm nay bị tòa án khu ở Goulburn xét xử về tội giết Ronald Albert Cumming, người làm thuê ở trang trại, 32 tuổi, vụ giết người xảy ra vào tháng bảy năm nay. Các bồi thẩm chỉ họp bàn có mười phút và đề nghị tòa dùng mức hình phạt nặng nhất. Theo lời quan tòa Justice FitzHugh-Cunneally, vụ án đơn giản và rõ ràng. Ngày hai mươi ba tháng bảy, ở quán rượu khách sạn “Harbor”, giữa Cumming và Cleary đã xảy ra vụ cãi cọ. Sau đó, ngay tối hôm ấy, trung sĩ cảnh sát Goulburn là Tom Beardsmore đã đến khách sạn ấy cùng với hai cảnh sát khác theo yêu cầu của chủ khách sạn là Mr. James Ogilvie. Trong một ngõ hẻm phía sau khách sạn, cảnh sát bắt gặp Cleary đang đá chân vào đầu Cumming nằm

bất tình nhân sự. Hai nắm tay Cleary vấy máu, các ngón tay kẹp chặt những túm tóc của Cumming. Lúc bị bắt, gã say rượu, nhưng hoàn toàn có ý thức về việc đang xảy ra. Thoạt tiên gã bị kết tội cố ý đánh người thành thương tật, nhưng hôm sau Cumming chết ở bệnh viện khu tại Goulburn vì chảy máu não, sau đó Cleary bị buộc tội giết người.

Trọng sư hoàng gia Mr. Arthur Whyte cố chứng minh rằng người được mình bào chữa là vô tội, viện lẽ gã ở trong tình trạng không có khả năng chịu trách nhiệm, nhưng bốn giám định pháp y của bên công tố kiên quyết khẳng định rằng theo những tiêu chuẩn hiện hành, Cleary không thể được coi là không có năng lực chịu trách nhiệm. Ngỏ lời với các bồi thẩm, quan tòa FitzHugh-Cunneally cho rằng không thể nói gì đến chuyện vô tội, bị can tất nhiên là có tội, nhưng các vị bồi thẩm cần cân nhắc kỹ xem nên dùng hình phạt giảm nhẹ hay dùng hình phạt nặng nhất, vì tòa sẽ theo ý kiến họ. Khi tuyên án, quan tòa gọi hành động của Cleary là “sự tàn bạo của kẻ mọi rợ” và tỏ ý tiếc rằng việc giết người không có dự tính trước, thực hiện bằng tay không trong lúc say rượu, loại trừ án tử hình, tuy hai tay Cleary có thể coi là vũ khí có sức giết người không kém gì súng hay dao. Cleary bị kết án khổ sai chung thân, giam trong nhà tù Goulburn, nơi dùng để giam những kẻ phạm tội đặc biệt nguy hiểm. Khi hỏi có muốn nói không, Cleary đáp: “Chỉ xin đừng nói với mẹ tôi”.

Paddy xem ngày tháng – tờ báo ngày 6 tháng chạp 1925.

– Đã hơn ba năm rồi. – Ông nói, giọng biểu lộ sự bất lực.

Chẳng ai đáp lời, chẳng ai động đậy, chẳng ai biết làm thế nào bây giờ; từ tận trong cùng ngôi nhà vắng ra tiếng cười giòn giã của hai đứa trẻ sinh đôi, tiếng nói huyền thuyên vui vẻ của chúng càng to hơn.

– Chỉ xin... đừng nói với... mẹ tôi... – Fee nhắc lại bằng cặp môi cắt không ra máu. – Thế là chẳng ai nói gì hết. Trời ôi! Tôi nghiệp, tôi nghiệp Frank của tôi!

Bằng mu bàn tay không vướng bận gì, Paddy lau khuôn mặt đầm nước mắt của mình, rồi ngồi xổm xuống trước mặt vợ, nhẹ nhàng xoa hai đầu gối vợ.

– Fee thân yêu, hãy sửa soạn lên đường đi. Chúng ta đi thăm con.

Bà nhòm dậy, rồi lại buông phịch người xuống chiếc ghế bành, khuôn mặt nhỏ nhắn trắng bệch của bà lấp lánh một cách kỳ lạ như mặt người chết, đôi con ngươi mở rộng mờ đi.

– Tôi không thể đi được. – Bà nói bằng giọng đều đều, nhưng mọi người đều cảm thấy có chứa đựng một nỗi đau khổ không sao chịu đựng nổi. – Nó mà nhìn thấy tôi thì tức là giết nó. Như thế là giết nó, Paddy ạ! Tôi biết nó rất rõ. Nó rất mực kiêu hãnh, rất giàu tự ái, nó tha thiết muốn đạt được một cái gì trong đời. Nó muốn một mình gánh chịu nỗi nhục của nó, thôi thì cứ theo ý nó. Mình đọc thấy rồi đấy: “Chỉ xin đừng nói với mẹ tôi”. Chúng ta phải giúp nó giữ gìn điều bí mật của nó. Việc gặp gỡ nó có đem lại điều gì tốt lành cho nó hay cho chúng ta không?

Paddy vẫn còn khóc, nhưng không phải về việc của Frank, mà khóc vì sức sống đã tắt ngấm trên gương mặt vợ ông và ánh mắt của vợ đã mất sinh khí. Gã trai đó bao giờ cũng như *Iôn*^[57], luôn luôn đem đến sự bất hạnh và điều tai hại, suốt đời đứng giữa ông và vợ ông, chính vì nó mà Fee không cởi mở tâm tình với chồng và với các con. Cứ mỗi lần tưởng như bây giờ rút cuộc Fee sắp có hạnh phúc thì Frank lại lấy mất hạnh phúc của mẹ. Nhưng Paddy

yêu vợ cũng sâu sắc và bền chặt như vợ ông yêu Frank. Sau buổi tối đáng ghi nhớ ấy ở nhà linh mục, quả thực là ông không thể hiềm ghét gã trai được nữa.

Và bây giờ ông nói:

– Thôi được, Fee ạ, nếu mình cho rằng chúng ta không nên gặp Frank thì ta sẽ không đi. Tôi chỉ muốn biết tình cảm của nó ở đây như thế nào, và nếu có thể làm gì cho nó thì ta sẽ làm. Có lẽ ta nên viết thư cho đức cha de Bricassart, xin Người lưu ý đến việc này, mình thấy thế nào?

Mắt Fee vẫn đờ đẫn, nhưng má bà hơi hồng lên rõ rệt.

– Phải đấy, Paddy ạ, mình viết đi. Nhưng cần nói trước với cha để Người đừng lộ ra với Frank là chúng ta biết hết rồi. Cứ để cho Frank tưởng rằng chúng ta không biết gì hết, có lẽ như vậy nó đỡ khổ tâm hơn.

Mấy ngày sau, sức lực trở lại với Fiona, công việc sắp xếp lại nhà cửa rất bận rộn không để cho bà có lúc nào rảnh rỗi. Nhưng trong thái độ điềm tĩnh của mình, bà lại trở nên nghiêm khắc, tuy không đến nỗi cau có lắm, bà trở nên làm lì kín đáo. Dường như bà quan tâm đến việc ngôi nhà mới của bà rút cục sẽ có dáng vẻ như thế nào hơn là chăm lo đến hạnh phúc gia đình. Có lẽ bà cho rằng về mặt tinh thần mọi người trong nhà không cần đến bà, còn về việc ăn uống, giặt giũ và mọi cái khác thì đã có Mrs. Smith và Cat với Minnie.

Thế nhưng số phận của Frank khiến mọi người đều bàng hoàng. Các con trai lớn đau khổ cho mẹ, đêm đêm không ngủ vì nhớ đến gương mặt của mẹ trong phút khủng khiếp đầu tiên ấy. Họ yêu mẹ, trong mấy tuần trước cái tin đau xót, lần đầu tiên họ

thấy mẹ vui vẻ – họ không bao giờ quên được bộ mặt mới ấy của mẹ và trong lòng họ sẽ sống mãi mãi niềm mong muốn thiết tha lại được thấy mẹ như thế. Trước kia, cái trục mà toàn bộ cuộc sống của họ xoay quanh là ông bố, nhưng từ cái phút đáng ghi nhớ ấy, mẹ đã ở bên cạnh họ. Bây giờ trong họ đã thức dậy một tình yêu triu mến xao xuyến, trùm lấp, không thể lụi tắt được, mặc dù Fee dè dặt và dửng dưng thế nào đi nữa. Tất cả đàn ông trong gia đình, từ Paddy đến Stuart, đều quyết định dứt khoát: cứ để mẹ sống theo ý muốn của mẹ, và họ đòi hỏi mỗi người giúp tạo nên một cuộc sống như thế cho mẹ. Từ nay không một ai dám làm điều gì khiến mẹ phật ý hay phiền lòng. Khi Paddy tặng vợ món trang sức bằng ngọc trai gói ghém bao tình cảm thắm thiết, bà cảm ơn gọn lỏn bằng mấy lời nhạt nhẽo, bà nhìn món quà tặng mà không có vẻ gì là hài lòng, không có gì là thích thú, nhưng mọi người đều nghĩ rằng mẹ sẽ vui mừng xiết bao về món quà đó nếu như không có câu chuyện bất hạnh xảy ra với Frank.

Tất cả những điều đó có lẽ khiến Meggie tội nghiệp càng đau khổ hơn nữa nếu như gia đình không chuyển sang Nhà Lớn, bởi vì bố và các anh tuy không đưa cô vào cái “hội bảo vệ bà mẹ” thuần túy có tính chất đàn ông của họ (có lẽ vì cảm thấy rằng cho dù Meggie có gia nhập hội thì trong lòng vẫn bực tức ngấm ngầm), nhưng họ cho rằng cô phải gánh lấy mọi công việc và trách nhiệm mà rõ ràng là phiền rầy cho mẹ. Thực ra, gánh nặng đó thì Mrs. Smith và những người giúp việc của bà cùng san sẻ với Meggie. Việc khó chịu nhất đối với Fiona là chăm sóc hai đứa con trai nhỏ tuổi, nhưng Mrs. Smith đảm nhận hoàn toàn việc bảo trợ Jims và Pasty, và bà làm việc đó nhiệt tình đến nỗi Meggie không thể thương hại bà, mà trái lại cô vui mừng vì bà

quản gia rút cục đã chinh phục hoàn toàn được hai đứa trẻ sinh đôi. Meggie cũng đau buồn cho mẹ, nhưng không đau buồn nhiều như cánh đàn ông – lòng hiếu thảo của cô phải chịu những thử thách quá nặng nề. Bản năng làm mẹ đã lên tiếng mạnh mẽ trong cô từ sớm: bây giờ cô có cảm giác bị xúc phạm khi thấy Fee ngày càng hờ hững với Jims và Pasty. Khi ta có con, cô nghĩ, nhất định, nhất định ta sẽ yêu tất cả chúng nó như nhau!

Ở Nhà Lớn, cuộc sống của mọi người trở nên khác hẳn. Thoạt tiên, điều có vẻ rất lạ lùng là mỗi người có buồng ngủ riêng, đối với Fiona và Meggie thì không phải bận bịu gì về việc nội trợ ở trong và ngoài nhà là điều khác thường. Minnie, Cat và Mrs. Smith cùng nhau đảm đương chu đáo việc giặt là, dọn dẹp, nấu nướng và phát hoảng lên khi người ta ngỏ ý muốn giúp họ. Có không biết cơ man nào là dân lang thang sẵn lòng xin vào làm thuê tạm thời để được ăn no và trả công chút ít: họ bổ củi, cho gà và lợn ăn, vắt sữa bò, giúp ông già Tom chăm nom khu vườn tuyệt diệu của Drogheda, làm tổng vệ sinh trong ngôi nhà.

Paddy thường xuyên trao đổi thư từ với cha Ralph về công việc của Drogheda.

“Tài sản của Mary đem lại bốn triệu bảng thu nhập hàng năm là do vốn của công ty cổ phần tư nhân “Michar Limited” đầu tư chủ yếu vào thép, tàu thủy và các mỏ. – Cha Ralph viết – khoản lương mà tôi qui định cho ông là một giọt trong biển hàng triệu đồng của Mary Carson, chưa đến một phần mười thu nhập của điền trang Drogheda. Và xin ông đừng lo về việc có những năm sút kém. Lợi nhuận do Drogheda đem lại đủ để nếu cần, cho đến cuối thế kỷ, tôi có thể trả lương cho ông chỉ bằng số trích từ lợi tức. Tất cả những gì ông nhận được đều là xứng đáng, và “Michar Limited” không gây nên sự thua lỗ nào cả. Ông được trả lương

bằng tiền của điền trang, chứ không phải bằng tiền của công ty cổ phần. Hãy giữ gìn chu đáo mọi sổ sách và các bản thanh toán của điền trang để bất cứ lúc nào nhân viên thanh tra cũng có thể biết đến tình hình ra sao, ngoài ra không đòi hỏi gì hơn nữa ở ông”.

Sau bức thư đó, một buổi tối, khi tất cả các con trai đều có mặt ở nhà, Paddy triệu tập một cuộc họp gia đình trong phòng khách mới của vợ. Sau khi đeo lên cái mũi kiêu La Mã cặp kính gọng thép, ông ngồi thoải mái trong chiếc ghế bành có lớp bọc màu cream, hai chân trên chiếc đi văng cũng như thế, dưới tay, trên cái gạt tàn pha lê là tẩu thuốc.

– Thật là tuyệt trần đời! – Ông mỉm cười, hể hả nhìn khắp phòng. – Ba nghĩ rằng tất cả chúng ta phải cùng nhau cảm ơn mẹ đã sửa sang căn phòng đẹp như thế này, đúng không, các chú mày?

“Các chú mày” lí nhí câu gì tỏ vẻ đồng tình; Fee ngồi trong chiếc ghế bành trước kia của Mary Carson – bây giờ nó được bọc lụa vân màu cream, – hơi nghiêng đầu sang bên. Meggie ngồi thu cả hai chân trên đi văng cô thích đi văng hơn ghế bành, cô mang chiếc bút tất và một mực không ngược mắt lên.

– Thế này này. – Paddy nói tiếp, – Cha de Bricassart khả kính đã định đoạt mọi việc đâu ra đấy, cha là người hào phóng và rộng lượng. Cha đã gửi vào nhà băng bảy ngàn bảng, đứng tên ba, và đã mở cho mỗi người trong gia đình ta một tài khoản vãng lai và gửi vào đó hai ngàn bảng. Ba sẽ được bốn ngàn bảng một năm vì là người quản lý điền trang, Bob được ba ngàn bảng, coi như người giúp việc cho quản lý. Tất cả các con trai đang làm việc – Jack, Hughie và Stuart, – mỗi đứa hai ngàn một trăm, còn hai đứa nhỏ mỗi đứa một ngàn cho đến khi chúng lớn và tự quyết định về

việc chúng muốn làm việc gì. Khi Jims và Pasty trưởng thành, mỗi đứa sẽ được hưởng một phần thu nhập của Drogheda như những đứa hiện đang làm việc, cho dù chúng không muốn làm việc ở đây. Đến năm mười hai tuổi chúng sẽ được gửi ra Sydney học ở trường nội trú Riverview-College, học phí và tiền ăn đều do Drogheda đài thọ.

Mẹ có thu nhập riêng hàng năm hai ngàn bảng, Meggie cũng thế. Về việc bảo quản ngôi nhà thì có riêng một khoản năm ngàn bảng, cái này thì tôi không hiểu tại sao cha Ralph lại làm thế, cứ như thể chúng ta cần lắm tiền đến như thế để giữ gìn ngôi nhà. Cha bảo rằng biết đâu chúng ta đột nhiên muốn sửa sang căn bản mọi thứ ở đây. Cha đã quyết định về việc Mrs. Smith, Cat, Minnie và Tom mỗi người được bao nhiêu, và tôi lại xin nói rằng cha là người hào phóng. Còn mọi cái khác thì trả bao nhiêu do tôi quyết định. Nhưng, với cương vị người quản lý, việc đầu tiên là tôi phải thuê ít nhất sáu người chần cừ, để cho mọi việc ở Drogheda đều trôi chảy. Điền trang quá lớn, không thể thì không đủ nhân lực.

Đấy là nhận xét có tính chất phê phán mạnh mẽ nhất của Paddy về cách cai quản điền trang của bà chị ông.

Không một ai trong gia đình Cleary từng nghe nói con người có thể có ngàn ấy tiền; và họ im lặng cố tập quen với sự giàu có bất ngờ ấy.

– Một nửa số ấy ta cũng không tiêu hết, Paddy ạ. – Fee nói. – Ông ấy đã làm tất cả vì chúng ta, nhiều hơn nữa thì không biết tiêu vào việc gì.

Paddy âu yếm nhìn vợ.

– Mình nói đúng. Nhưng mình ạ, thật là tuyệt diệu vì từ nay ta

sẽ không phải tính từng đồng xu nữa, đúng không nào? – Ông hắng giọng rồi nói tiếp. – Bây giờ tôi nghĩ thế này nhé, mẹ nó với Meggie hơi rối rắm quá. Tôi thì không thạo việc tính toán, nhưng mẹ các con biết cộng, trừ, nhân, chia như cô giáo số học. Thế thì bây giờ mẹ sẽ làm kế toán cho chúng ta, không cần văn phòng Harry Gough phải làm việc đó nữa. Trước kia tôi không biết, nhưng hóa ra Harry Gough phải thuê riêng một người để làm công việc kế toán của Drogheda, nhưng lúc này ông ta thiếu người làm việc đó, thành thử ông ta vui lòng trao trả việc đó cho ta. Chính ông ta gợi ý với tôi rằng mẹ nó có thể trở thành người kế toán cực giỏi. Ông ta sẽ phái một người ở Gilly đến dạy bảo cho mình mọi quy tắc, Fee ạ. Nói chung, rõ ràng đây là việc không đơn giản. Cần làm sổ kế toán, các loại sổ sách, sổ quĩ, và mọi việc quyết toán, ngày nào cũng phải ghi chép mọi thứ, nói chung là đủ thứ việc. Công việc nhiều đấy, nhưng nó sẽ không làm cho mình kiệt lực như việc nấu nướng giặt giũ trước kia, tôi nói đúng không?

Meggie xuýt kêu lên: “Thế còn con thì sao? Con giặt giũ và nấu nướng ít hơn mẹ chắc!”.

Còn Fee mỉm cười, bà mỉm cười thực sự, lần đầu tiên kể từ ngày biết tin Frank.

– Tôi sẽ vui sướng bắt tay vào việc ấy, Paddy ạ, thực đấy. Rút cục tôi sẽ cảm thấy ở Drogheda tôi không phải là người ngoài cuộc.

– Bob sẽ dạy mình lái chiếc “Rolls Royce” mới, bây giờ đấy sẽ là công việc của mình; đi Gilly, đến nhà băng và bàn bạc với Harry Gough. Thêm nữa, mình sẽ yên tâm vì bất cứ lúc nào mình cũng có thể tự lái xe đến nơi nào mình cần đến, cho dù tôi và các

con trai không có ai ở bên cạnh. Chúng ta sống ở đây quá cách biệt. Từ lâu tôi đã muốn dạy mình với Meggie lái xe, nhưng vẫn không có lúc nào rảnh. Ta giao ước chứ, Fee?

– Đồng ý, Paddy ạ. – Người vợ vui vẻ trả lời.

– Nào, Meggie, bây giờ chúng ta sẽ giao việc cho con.

Meggie cắm kim vào chiếc bút tất, đặt nó sang một bên, ngược mắt nhìn bố, vừa dò hỏi vừa cúi kính: cố nhiên bố sẽ nói rằng bây giờ mẹ bận việc tính toán, thế thì công việc nội trợ trong nhà và trông nom vườn tược là việc của con...

– Ba không muốn con trở thành cô tiểu thư ăn không ngồi rồi, bộ dạng kiêu kì như một số cô gái con các vị chủ trại chăn nuôi ở đây. – Paddy vừa nói vừa mỉm cười, nụ cười khiến cho lời nói của ông không có ý gì khinh miệt. – Vì vậy ba sẽ chọn cho con một công việc thực sự, cô bé Meggie ạ. Con sẽ trông nom các bãi chăn gần đây – phần của con là khu vực gần Hồ chứa nước, khu gần sông, bãi Carson, bãi Winnemurra và bãi gần kết nước phía bắc. Và Ấp chính nữa. Con sẽ chịu trách nhiệm về ngựa – những con nào đưa đi làm, những con nào tạm cho nghỉ sức. Đương nhiên, lúc bận rộn nhất, khi cừu đẻ và phân loại cừu, chúng ta sẽ tập trung cả lại, còn lúc khác thì ba cho rằng tự con sẽ giải quyết lấy được. Jack sẽ dạy con chỉ huy chó và dùng roi. Con gái ba vốn lanh lợi không thua gì con trai, ba cho rằng việc đó sẽ hợp sở thích con hơn – phi ngựa trên các bãi chăn còn hơn là nằm ườn trên đi vắng. – Paddy nói thêm và nở nụ cười hiền hậu rộng đến mang tai.

Trong lúc bố nói, nỗi bức tức của Meggie tan biến như khói – bố lại là người ruột thịt thân thiết vẫn nghĩ đến cô, vẫn yêu cô

như hồi cô còn bé. Làm sao cô có thể nghi ngờ bố được nhỉ? Vì xấu hổ, Meggie sẵn lòng đâm kim vào đùi mình, nhưng cô nghĩ lại: cô quá vui mừng để có thể thực sự muốn làm cho mình đau đớn, và lại nói chung đây là một cách ngu xuẩn để tránh sự cắn rứt lương tâm...

Cô hớn hờ:

- Ôi, ba thân yêu, thế thì tuyệt quá!
- Thế còn con làm gì, hả ba? – Stuart hỏi.
- Cánh phụ nữ không cần đến con ở nhà nữa, vì vậy con sẽ lại đi chăn cừu.
- Vâng được, thưa ba.

Stuart buồn rầu nhìn mẹ, nhưng không nói gì nữa.

* * *

Fee và Meggie đã biết lái chiếc “Rolls Royce” mà Mary Carson đặt mua một tuần trước khi chết. Meggie học điều khiển chó, Fee học làm sổ kế toán và các bản quyết toán khác.

Nếu như không phải chia li với cha Ralph thì Meggie sẽ hạnh phúc hơn ai hết, hạnh phúc vô biên. Đã từ lâu cô mơ ước điều đó – trở thành người chăn cừu thực thụ, phi ngựa trên đồng cỏ, dưới bầu trời bao la. Nhưng cô luôn luôn cảm thấy thiếu cha Ralph, cả trong chiêm bao cũng như trong đời thực, cô vẫn mơ tưởng đến cái hôn ấy của cha: đây là một hồi ức quý giá mà cô đã trở lại với nó hàng nghìn lần. Tuy nhiên, kí ức không phải là thứ sờ được mó thấy, dù có cố gắng đến thế nào đi nữa, cảm giác thực không

trở lại, chỉ còn lại một ảo giác, một cái bóng, một đám mây buồn rầu đang tan dần.

Cha viết thư cho gia đình về Frank, thế là hi vọng của Meggie sụp đổ, cô vẫn hi vọng cha sẽ nhân cơ đó để thân hành đến Drogheda. Cha tả lại cuộc gặp gỡ của mình với Frank trong nhà tù Goulburn rất dè dặt, không một lời nào lộ ra rằng cuộc gặp mặt đó thật là đau khổ, không hề nói xa xôi rằng Frank bị rối loạn tâm thần và tình trạng ấy ngày càng nguy kịch. Cha đã uổng công cố xin cho Frank được chuyển sang Morisset – bệnh viện cho những kẻ phạm tội mắc bệnh tâm thần, người ta không chịu nghe theo cha. Nhưng thư gửi Paddy, cha dùng những màu sắc lạc quan nhất miêu tả Frank ngoan ngoãn chuộc tội của mình với xã hội và nhấn mạnh: Frank không hề ngờ rằng những người ruột thịt đã biết chuyện xảy ra. Cha đã cam đoan với Frank rằng chính cha biết việc này qua các báo Sydney và cha có thể lo liệu sao cho tin này không đến được gia đình Cleary. Lời hứa của cha đã làm Frank yên tâm, cha Ralph nói thêm và dừng ở đấy.

Paddy đã nhiều lần bàn về việc nên bán con ngựa cái màu hồng trước kia cha Ralph vẫn cưới. Bây giờ, thì ra bãi chẵn, Meggie cưới con ngựa ô mảnh khảnh, đấy là con ngựa thiếu trước kia cô vẫn cưới đi chơi – con ngựa ô tuyệt diệu, ngoan ngoãn, dễ chịu hơn nhiều so với những con ngựa thiếu dữ tợn và những con ngựa cái bướng bỉnh ở sân nuôi ngựa. Những con ngựa ấy thông minh, nhưng tính không thuần. Thêm nữa, ở Drogheda không có lấy một con ngựa đực nào, vì thế chúng không trở nên niềm nở hơn.

– Không, ba ạ, có lẽ không nên đâu! – Meggie van vỉ. – Chính con sẽ cưới con ngựa hồng! Ba nghĩ xem, cha Ralph đã làm cho

chúng ta bao nhiêu điều tốt, thế rồi bỗng nhiên cha về thăm nhà ta và thấy chúng ta đã bán con ngựa của cha, thế còn ra làm sao nữa!

Paddy trầm ngâm nhìn con gái.

- Chưa chắc cha Ralph sẽ có lúc nào về thăm nhà ta, Meggie ạ.
- Biết đâu cha sẽ về! Làm sao chúng ta biết được!

Paddy không thể chịu đựng nổi cái nhìn của cặp mắt con gái, đôi mắt ấy giống mắt mẹ quá; không nỡ nào làm cho nó buồn phiền hơn nữa, nó đã đau buồn lắm rồi, tội nghiệp con bé!

– Thôi được, Meggie ạ, ta sẽ để lại con ngựa hồng, nhưng con phải chú ý sao cho cả hai con được cưỡi đều nhau, không bị tù cẳng, ở Drogheda ba không cần thứ ngựa phát phì đâu, hiểu chưa?

Trước kia Meggie chẳng muốn cưỡi con ngựa của cha Ralph chút nào, nhưng từ hôm ấy cô cưỡi luân phiên – hôm thì con này, hôm thì con kia – để cho cả hai con đều lao động lương thiện xứng đáng với lượng kiều mạch chúng được ăn.

Ờ, rất may mắn là Mrs. Smith, Minnie và Cat yêu mê mọt hai đứa trẻ sinh đôi – Meggie cưỡi ngựa ra các bãi chăn thả, Fee thì hàng giờ liền ở trong phòng khách của mình, bên bàn viết, còn Jims và Pasty sống rất vui vẻ. Lanh lợi, hiếu động, chúng làm vững chân tất cả mọi người, nhưng cả hai đều rất yêu đời và niềm nở, thành thử chẳng ai bụng dạ đâu mà giận chúng lâu. Tối tối, trong căn nhà nhỏ của mình, Mrs. Smith đã cải theo đạo thiên chúa từ lâu quì gối thổ lộ niềm biết ơn tràn đầy trong tim bà. Thời Rôp của bà còn sống, bà không có cái may mắn được hưởng niềm vui có con, và nhiều năm rông trong Nhà Lớn không

có tiếng trẻ em – những người phục dịch Nhà Lớn không được phép giao du với gia đình những người chần cừ sống trong những căn nhà nhỏ trên bờ sông. Nhưng gia đình Cleary đến, đây là những người họ hàng của Mary Carson, và rút cuộc trẻ em đã xuất hiện. Còn bây giờ, bây giờ Jims và Pasty đến ở hẳn Nhà Lớn.

* * *

Suốt mùa đông không mưa, mùa hè cũng vẫn không mưa. Nắng thiêu đốt làm cho cỏ vàng óng tươi mọng, cao ngang đầu gối khô héo đến tận ruột, mỗi ngọn cỏ đều giòn và dễ gãy. Nhìn ra xa phải nheo mắt lại thành khe hẹp và đội sụp chiếc mũ rộng vành xuống sát tận lông mày – đồng cỏ hắt ra ánh sáng bạc chói lòa; giữa những ảo ảnh bông bành màu da trời, những cơn lốc bụi bé nhỏ xoáy tít, bận rộn chạy đi chạy lại, quét vun lá khô cỏ chết thành đống và chuyển từ chỗ này sang chỗ khác.

Bắt đầu khô hạn ghê gớm! Ngay cả những cây thân mộc cũng khô héo, vỏ bong ra từng mảng cứng dễ vỡ. Hiện thời chưa có nguy cơ cừu bị đói – cỏ vẫn còn đủ dùng chừng một năm, có khi còn lâu hơn, – nhưng thật đáng lo khi nhìn thấy mọi vật khô héo đến chừng nào! Bao giờ cũng có thể xảy ra tình trạng sang năm sau cũng vẫn không có mưa, có khi còn qua cả năm sau nữa. Năm thuận lợi lượng mưa chừng mười, mười lăm inches, năm khó khăn thì dưới năm inches, hoặc có khi hoàn toàn không mưa.

Dù nóng nực và ruồi, Meggie vẫn yêu thích cuộc sống chần cừ – thật tuyệt diệu biết bao, cưỡi con ngựa hồng đi bước một sau đám cừu chen chúc kêu be be, còn những con chó bè ngoài tường

như đứng đưng, thè lè lưỡi nằm ẹp trên mặt đất. Nhưng một con cừu nào đó cứ thử nhảy ra khỏi đàn mà xem, trong nháy mắt con chó gàn nhất, tia sét trừng phạt, sẽ lao theo ngay, khoái trá nhe răng nhọn độp vào chân con vật xấu số kém ngoan ngoãn.

Meggie cho ngựa vượt lên trước đàn cừu, cưỡi ngựa đi ở phía trước – đây là sự đổi mới dễ chịu sau khi phải đi sau đàn và nuốt bụi mảy dặm đường, – và mở cái cổng của bãi chăn tiếp theo. Cô kiên nhẫn chờ, trong lúc mấy con chó vui mừng vì có dịp bày tỏ với cô lòng sốt sắng, vừa sửa vừa cản dồn đàn cừu đến đấy. Bò cái thì dồn chúng lại và lùa đi khó hơn, chúng đá hậu, có con còn nhảy xổ vào con chó thiếu thận trọng, có khi còn xốc cả chó lên mũi sừng; chính lúc này người chăn gia súc phải ứng phó kịp thời, phải sử dụng cây roi, nhưng chó thích nguy hiểm một chút. Tuy nhiên, Meggie không phải chặn bò, việc đó Paddy tự đảm nhiệm lấy.

Còn về chó thì Meggie không ngót thán phục chúng: chúng tinh khôn biết bao, thật khó mà tin được! Hầu hết chó chăn cừu ở Drogheda lông đều hung sẫm, chỉ có chân, phía trên lông mày và ngực là màu sáng, nhưng cũng có cả những con chó Queensland – loại chó rất to, lông màu xám lẫn màu da trời có đốm đen, cả những con lai mà màu lông này và màu lông kia pha trộn đủ mọi kiểu. Khi chó cái đến kì giao phối, người ta chọn cho chúng con ghép đôi tốt nhất và chờ chúng đẻ con; chó con đã lớn không bú mẹ nữa thì đem ra thử ở bãi chăn – những con có triển vọng thành chó chăn cừu tốt được giữ lại ở Drogheda hoặc đem bán, những con đoảng thì bán chết.

Meggie huýt sáo gọi chó, đóng cổng lại khi cừu đã đi qua hết và cho ngựa đi về phía nhà. Cách đó không xa là một khu rừng, ở

đây có cây khuynh diệp các loại, hoàng dương đen, rải rác ở bìa rừng có wilga. Meggie thanh thản cho ngựa đi vào bóng rợp và vui sướng vì phút nhàn rỗi: thật thú vị được nhìn ngắm xung quanh. Trong đám cành khuynh diệp đầy dẫy những con vẹt nhỏ, chúng tíu tít, kêu the thé và huýt gió, nhại những con chim có tiếng hót; ri sừng lượn vòng; hai con vẹt mào với những túm bờm màu vàng và xanh nhạt đậu cạnh nhau, nghiêng đầu sang bên, mắt long lanh nhìn theo cô gái cưỡi ngựa; những con chìa vôi sục sạo trên mặt đất tìm kiếm, đuôi co giật một cách ngộ nghĩnh; những con quạ không ngớt “quạ quạ” một cách thê lương. Trong bản đồng ca của rừng, tiếng quạ kêu nghe khó chịu nhất: tiếng kêu buồn nản, tuyệt vọng của chúng khơi nên nỗi sầu muộn, gợi nhớ đến xác thịt rửa nát, đến lũ ruồi sà xuống xác chết. Không thể hình dung được quạ lại hót như tiếng chuông ngân nga – tiếng của nó hoàn toàn phù hợp với công việc của nó.

Và cố nhiên khắp nơi đen đặc những đám mây ruồi; Meggie trùm trên mũ một tấm khăn voan, nhưng ruồi bâu vào đôi tay trần, con ngựa vẩy đuôi không ngừng nghỉ, da nó không ngớt rung chuyển và giật dội. Meggie chỉ lấy làm lạ là da ngựa dày đến thế và lông cũng rất dày, vậy mà nó cảm thấy được con ruồi nhỏ xíu không trọng lượng. Ngựa và người bị ruồi quấy rầy bởi vì chúng hút mồ hôi, nhưng cừu còn cần cho chúng hơn: Trên móng cừu và ở bất cứ chỗ nào lông ẩm và không sạch là chúng dễ trúng vào, người thì không thích hợp cho việc đó.

Không khí tràn đầy tiếng ong vo vo, loang loáng bóng những con chuồn chuồn màu sắc rực rỡ lao vun vút tới những rãnh tháo nước, lung linh những cánh bướm nhiều màu. Con ngựa hồng dùng móng hất đi một khúc thân cây mục, khúc gỗ xoay lật và

Meggie sờ gai ốc. Dưới khúc gỗ hung nhúc những con sâu lớn nhỏ, những con giòi trắng đục béo múp đáng ghê tởm, những con rệp gỗ, những con sên lã, những con rết và nhện kéch xù. Những con thỏ từ trong hang nhào ra, nhảy tán loạn chạy trốn, những chiếc đuôi nhỏ lông xù trắng muốt thấp thoáng trên cao, nhưng tức khắc chúng quay đầu lại, tò mò nhìn, mũi nháy lia lịa. Tiếp đó Meggie làm cho một con nhím Úc hoảng sợ, con vật khiếp hãi, bắt đầu dùng những cẳng chân khỏe đầy móng vuốt bới đất để vùi mình xuống, và chỉ trong mấy giây, nó đã chui được nửa người dưới cái thân cây đổ khổng lồ. Thật thú vị được xem những thủ đoạn láu cá của chú thợ đào đất toàn thân tua tủa lông cứng này, những chiếc lông nhọn dữ tợn cụp sát vào thân để con vật dễ chui lọt vào cái rãnh hẹp đào trong đất, đất cục bay văng ra dưới chân nó.

Từ khu rừng, Meggie ra con đường lớn rộng rãi dẫn tới Ấp chính. Một tấm chắn xám lốm đốm nằm vắt ngang con đường – một đàn cực đông vẹt gala đang nhặt sâu bọ và ấu trùng, nhưng nghe thấy tiếng động của người cưỡi ngựa, chúng nhất loạt bay lên. Như có làn sóng ánh sáng bình minh bay vút lên ở trên đầu – Bây giờ Meggie nhìn thấy mặt dưới cánh và ngực chúng, thế là như có phép thần, những con chim xám biến thành màu hồng chói rực. Nếu ngày mai ta phải xa rời Drogheda mãi mãi, Meggie nghĩ, ta sẽ mơ thấy Drogheda chính như thế này, tấm trong ánh sáng hồng chói rực, như những cánh chim này nhìn ở mặt trái... Chắc là xa hơn nữa trên vùng đất hoang, mọi vật đã khô héo cả, vì thế cả đến kanga^[58] cũng di cư đến đây với chúng ta, chúng mỗi ngày một nhiều hơn...

Một đàn kangaroo đông nghịt, có lẽ đến hai ngàn con, đang

yên ả gặm cỏ, nhưng đàn chim ào ào bay lên khiến chúng lo lắng, và chúng bỏ chạy bằng những bước nhảy nhẹ nhàng duyên dáng, chúng là loài chạy nhanh nhất trong giới động vật, trừ có đà điểu *emu*. Ngựa không bì kịp kangaroo.

Phải, có những lúc chiêm ngưỡng thiên nhiên thật là thú vị, nhưng thường thì Meggie nghĩ nhiều nhất đến cha Ralph. Trong thâm tâm, cô không bao giờ coi tình cảm của mình đối với cha là sự si mê của cô bé nhỏ tuổi, mà cô gọi nó một cách đơn giản là tình yêu, như người ta viết trong sách. Cảm giác của cô cũng y hệt như của một nữ nhân vật nào đó của Ethel M. Dell^[59], mọi cái đều hệt như thế. Quả thật, thực là bất công khi một trở ngại giả tạo nào đó, chức sắc của cha, đứng chắn giữa cô và điều cô muốn – mà cô muốn lấy cha. Cô muốn sống với cha hoàn toàn hòa hợp như ba với mẹ, để cha yêu cô thắm thiết như ba yêu quý mẹ. Mẹ không bao giờ đặc biệt cố tìm cách để được yêu quý, vậy mà ba tôn sùng mẹ. Thế thì cả cha Ralph cũng có thể rất mau chóng thấy rằng sống với cô tốt hơn sống một mình nhiều lắm; Meggie không hề nghĩ rằng dù thế nào đi nữa cha cũng không thể phản bội lời khấn nguyện của mình. Đúng, cô biết rằng không được phép lấy chồng là linh mục, không được phép yêu linh mục, nhưng cô đã quen bỏ qua trở ngại đó, trong ý nghĩ cô giải thoát Ralph khỏi chức sắc thày tu. Tuy người ta đã dạy cho cô những nguyên lý nền tảng của đạo thiên chúa, nhưng không ai giảng giải kỹ cho cô thực chất những lời khấn nguyện của tu sĩ, mà bản thân cô lại không cảm thấy nhu cầu về đạo và không đi sâu vào những vấn đề tương tự. Nguyện kinh không đem lại cho cô niềm an ủi và niềm vui, và cô tuân theo những lề luật của nhà thờ chỉ vì nếu không thì sau khi chết sẽ vĩnh viễn bị thiêu trong lửa địa ngục.

Và lúc này, cô mơ ước lộn xộn giữa lúc tỉnh thức hẩn hoi: thật hạnh phúc nếu được sống chung dưới một mái nhà với cha và ngủ cạnh cha như ba với mẹ. Ý nghĩ được chung đụng với cha khiến cô hồi hộp, thậm chí ngồi trên yên ngựa cô cảm thấy không thoải mái, và Meggie tưởng tượng ra vô số cái hôn – cô không thể tưởng tượng ra cái gì khác. Những chuyến đi trên các bãi chăn thả không làm cho cô hiểu biết hơn về các vấn đề giới tính, vì đánh hơi thấy chó từ xa, những con vật lập tức mất mọi ham mê tình dục, mà giao phối không chọn lọc thì ở Drogheda cũng như ở các trại khác, người ta không để như thế. Vào thời kì cừu đực được thả cho nhảy cừu cái ở một bãi chăn riêng biệt thì Meggie được phái đi một chỗ nào khác. Còn khi thấy một con chó nhảy lên một con chó khác, cô tưởng đó là chúng đùa nghịch và dùng roi quất cả hai: đang chăn cừu thì không được nô nghịch.

Chưa chắc có người nào lí giải được rõ ràng trong hai điều sau đây cái gì nặng nề hơn: sự khắc khoải vô thức đi liền với sự bồn chồn kích động, hay niềm mong muốn rõ ràng và xác định, nhất quyết tìm cách để được toại nguyện. Meggie đáng thương khắc khoải, không biết rõ mình ham muốn gì, nhưng niềm ham muốn không buông tha cô, và sự ham mê không thể cưỡng lại nổi tập trung vào Ralph de Bricassart. Cô mơ tưởng cha, khao khát cha, hướng về cha và buồn phiền vì tuy cha nói rằng cha luôn luôn yêu cô, vậy mà không về thăm cô lần nào, như vậy cô chẳng có ý nghĩa gì lắm đối với cha.

Paddy làm đứt quãng luồng ý nghĩ ấy của cô, ông cười ngựa cùng đi con đường ấy về nhà. Meggie mỉm cười ghìm con ngựa hồng, đợi bố.

– Cuộc gặp gỡ thật là thú vị – Paddy nói và cho con ngựa già

màu xám tro của mình đi bước một cạnh con ngựa hồng không còn trẻ của con gái.

– Vâng, đúng thế! – Meggie đáp – Thế trên các bãi chăn ở xa thì thế nào ạ, khô lắm phải không ạ?

– Có lẽ còn tồi tệ hơn ở đây. Cả kenghi cũng ập đến, ba chưa bao giờ thấy chúng nhiều đến thế! Chắc là xa hơn nữa về phía Miuparinka thì hạn hán thực sự. Martin King nói rằng cần phải bắn chết chúng, còn ba nghĩ rằng dù có bắn súng máy cũng không giảm bớt được kangas, chúng nhiều vô kể.

Bố thật là tốt tuyệt, rất đổi ân cần, yêu quý con, tha thứ hết thảy, rất ít khi có dịp chỉ có hai bố con cô với nhau, bao giờ cũng có một người anh hoặc em trai quanh quần gần đó... Và Meggie không nén được, cô nêu ra cái câu hỏi vẫn dằn vặt cô, mặc dù cô đã gắng hết sức tự trấn an.

– Ba ơi, tại sao cha Ralph không hề đến thăm nhà ta?

– Cha bận lắm, Meggie ạ. – Paddy đáp, giọng bộc lộ một âm thanh cảnh giác.

– Nhưng các linh mục cũng có lúc rảnh chứ ạ? Trước kia cha yêu Drogheda lắm mà, chắc là cha cũng muốn đến đây nghỉ ngơi.

– Đúng thế, các linh mục cũng nghỉ ngơi, Meggie ạ, nhưng nói chung các đấng ấy không bao giờ gác bỏ được công việc của mình. Chẳng hạn, suốt đời ngày nào linh mục cũng phải làm lễ Missa, cho dù lúc đó không có ai ở đấy. Ba cho rằng cha de Bricassart là người rất sáng suốt, cha hiểu rằng không thể bắt cuộc sống quay ngược trở lại, dĩ vãng một đi không trở lại. Đối với cha, Drogheda là chuyện đã qua, Meggie bé bỏng của ba ạ. Nếu cha trở về đây thì cha sẽ không thích thú như trước nữa.

– Vậy là ba cho rằng cha đã quên chúng ta. – Meggie nói một cách buồn bã.

– Không phải là quên. Nếu vậy thì cha đã không viết thư thường xuyên như vậy và không hỏi han về từng người. – Paddy quay về phía con gái, cặp mắt xanh của ông lộ vẻ thương hại. – Ba cho rằng cha không nên đến thì hơn, bởi thế ba không mời, để cha đừng nghĩ đến chuyện ấy.

– Ba!

Thế là Paddy – muốn ra sao thì ra! – như lao xuống cái xoáy nước.

– Nghe đây, Meggie, người con gái không nên tư tưởng đến linh mục, đã đến lúc con phải hiểu điều đó. Con biết giữ kín điều bí mật của con, chắc là không ai đoán ra điều đó, nhưng con đem những bản khoản của con ra hỏi ba, phải không nào? Không hỏi nhiều, nhưng chỉ câu đó cũng đủ. Vậy thì ba nói với con là chấm dứt chuyện ấy đi, rõ chưa? Cha de Bricassart đã khấn nguyện và cha sẽ không phá bỏ lời nguyện đó, ba nói rõ với con rằng cố nhiên cha quyến luyến con, nhưng con hiểu không đúng điều đó. Khi cha biết con thì cha đã là người lớn, còn con mới là đứa con nít. Thành thử, Meggie ạ, đối với cha cho đến nay con vẫn chỉ là đứa con nít.

Cô không trả lời và mặt cô không rung động. Khởi phải nói, đích thị là con gái Fiona, Paddy nghĩ.

Rồi cô nói bằng giọng điềm tĩnh thiếu tự nhiên:

– Nhưng cha có thể bỏ không làm linh mục nữa, chẳng qua là con không có dịp nói với cha chuyện đó.

Nom mặt Paddy thấy ông sững sốt biết dường nào, và đối với

Meggie sự công phần chân thành đó có sức thuyết phục hơn nhiều so với lời lẽ nồng nhiệt của ông.

– Meggie! Trời ơi, sống ở một nơi heo hút thật là tai hại! Đáng ra con cần được học hành, nếu như bác Mary mất sớm hơn thì ba sẽ gửi con ra Sydney một vài năm, ở đấy người ta sẽ dạy cho con tinh khôn lên. Chứ bây giờ thì con hơi nhiều tuổi rồi, còn học hành gì nữa, ba không muốn thiên hạ chế nhạo con, Meggie bé bỏng tội nghiệp của ba ạ. – Ông nói tiếp một cách mềm mỏng hơn, ngắt đoạn rành rọt, khiến cho lời nói của ông có một ý nghĩa sáng rõ sắc bén và tàn nhẫn, mặc dù ông không hề muốn tàn nhẫn, ông chỉ muốn xua tan vĩnh viễn những hi vọng hảo của con gái: – Cha de Bricassart là linh mục, Meggie ạ, là li-ình mu-ục. Và không bao giờ cha ngừng là linh mục, điều đó không thể được, cần hiểu điều đó. Cha đã có lời khấn nguyện thiêng liêng, long trọng và trọn đời không phá bỏ được. Khi con người đã chịu chức thánh thì không còn đường trở lui nữa, các bậc thầy của cha ở trường dòng đã chăm lo sao cho cha biết trước một cách chắc chắn rằng cha đang mưu cầu cái gì và khấn nguyện như thế là thế nào. Người nào đã có lời khấn nguyện như thế đều biết chắc là đến chết cũng không phá bỏ được nó. Cha de Bricassart đã có lời khấn nguyện như vậy và suốt đời cha sẽ không lỗi nguyện – Paddy thở dài. – Bây giờ con hiểu chứ, Meggie? Từ nay đừng tơ tưởng cha de Bricassart nữa, bằng không thì không có cách nào dung thứ cho con được đâu.

Hai cha con đi về phía Ấp chính không phải từ phía chuồng cừu, mà từ phía chuồng ngựa; không thốt lên lời nào, Meggie cho ngựa đi về phía chuồng ngựa, để cho bố đi tiếp một mình. Thoạt đầu ông vẫn ngoảnh lại nhìn theo con gái, nhưng khi cô đã khuất

sau bức tường của sân nuôi ngựa, ông thúc gót giày vào sườn con xám tro, phóng nước đại bỏ đi, hết sức bực tức với bản thân mình, về những điều ông đã buộc lòng phải nói ra. Thật đáng nguyên rủa những chuyện tình ái ấy! Có lẽ việc này có những lề luật riêng của nó, không phù hợp với bất cứ cái gì khác.

* * *

Giọng Ralph de Bricassart toát ra vẻ lạnh lùng, nhưng luồng mắt của cha nhìn xoáy vào khuôn mặt nhợt nhạt của vị linh mục trẻ tuổi; lời cha khô khan, đều đều:

– Cha hành động không đúng với những gì mà Chúa Kitô đòi hỏi ở những người phụng sự Chúa. Tôi cho rằng bản thân cha biết điều đó hơn cả chúng tôi, những người phán xét cha, nhưng dẫu sao tôi vẫn phải phán xét cha nhân danh Đức tổng giám mục, vì Đức giám không chỉ là giáo hữu của cha, mà còn là bề trên của cha. Cha có bốn phạm nhất nhất vâng lời Ngài, và cha không được chống cưỡng lại lời phán xét và án quyết của Ngài.

Cha có nhận ra rằng cha đã đem lại sự nhục nhã như thế nào cho bản thân, cho cả xứ đạo của cha, mà cái chính là cho nhà thờ thiêng liêng mà cha phải yêu quý hơn tất cả mọi người trên đời không? Lời khấn nguyện giữ mình sạch sẽ của cha là thiêng liêng và không thể phá bỏ được, cũng như mọi lời nguyện khác của cha, bội thề là tội trọng. Tất nhiên cha sẽ không bao giờ gặp mặt người nữ ấy nữa, nhưng bốn phạm của chúng tôi là giúp cha vượt thắng sự cám dỗ. Và chúng tôi đã lo liệu để cha lập tức dời đến địa phận mới, cha được trao cho một xứ đạo ở Darwin, tại miền

Bác. Tối nay cha sẽ đáp tàu tốc hành đi Brisbane, rồi từ đó, vẫn bằng xe lửa, đi tiếp đến Longreach. Ở Longreach cha sẽ lên máy bay về Darwin. Đồ dùng riêng của cha lúc này đang được đóng gói, những thứ đó sẽ chờ cha trong xe lửa trước khi tàu khởi hành, thành thử cha chẳng cần phải trở lại xứ đạo hiện nay của cha.

Bây giờ hãy cùng với cha John vào nhà nguyện của chúng tôi và cầu nguyện đi. Cha sẽ ở trong nhà nguyện cho đến lúc ra xe lửa. Để giúp cha bình tâm lại và an ủi cha, cha John sẽ cùng đi với cha đến Darwin. Cha đi đi.

* * *

Các cha thiêng liêng, lèo lái nhà thờ Thiên chúa rất sáng suốt và biết lo xa, các vị không để cho kẻ tội lỗi có dịp trao đổi dù chỉ một lời với cô gái đã trở thành người tình của ông ta. Mọi quan hệ tội lỗi ấy đã gây nên tai tiếng rất khó chịu trong xứ đạo hiện nay của ông ta. Còn về cô gái thì cứ mặc cho cô ta chờ mong, lo lắng và phỏng đoán lung tung. Từ phút ấy cho đến khi tới Darwin, kẻ tội lỗi sẽ luôn luôn ở dưới sự quan sát không lời của cha John rất mực đáng kính đã nhận được những lời căn dặn thích hợp, và từ nay trở đi, mọi thư từ của kẻ phạm tội từ Darwin gửi đi sẽ bị bóc xem, và ông ta sẽ không được phép nói chuyện điện thoại sang thành phố khác. Người tình của ông ta sẽ không bao giờ được biết ông ta biến đi đâu, ông ta sẽ không bao giờ có thể báo tin cho nàng. Ông ta sẽ không bao giờ có một cuộc tình mới. Darwin là một thành phố ở rìa hoang mạc, phụ nữ ở đây đếm được trên đầu

ngón tay. Ông ta đã có lời khẩn nguyện không thể phá bỏ được, không ai và không cái gì có thể giải thoát cho ông ta; còn nếu ông ta yếu lòng, không thể giữ mình nghiêm ngặt thì nhà thờ thiêng liêng phải làm việc đó thay ông ta.

Cha Ralph đưa mắt nhìn vị linh mục trẻ và người được cắt cử coi giữ ông ta, và khi cánh cửa đã đóng lại sau lưng họ, cha đứng dậy sau bàn và đi vào nội thất. Tổng giám mục Cluny Dark ngồi trong chiếc ghế bành thường dùng, ngoài ra còn có một người nữa ngồi xoay nghiêng về phía Tổng giám mục, không hề nhúc nhích, thắt lưng bằng lụa màu hoa cà và đội chiếc mũ tròn nhỏ. Tổng Giám mục cao lớn đồ sộ, mái tóc bạc như cổ bươm tuyệt đẹp, mắt xanh sáng quắc, tính tình cương nghị, yêu đời, rất thích cười và ăn ngon. Khách thì trái lại, nhỏ bé, gày gò, dưới chiếc mũ nhỏ thò ra những túm tóc đen thưa thớt, má và cằm cạo nhẵn có màu thâm ánh xanh, khuôn mặt gày gò xám ngắt của nhà khổ hạnh mang đôi mắt to đen láy. Xét bề ngoài, người này có thể khoảng ba mươi, cũng có thể khoảng năm mươi, nhưng thực ra ông ta ba mươi chín – hơn Ralph de Bricassart ba tuổi.

– Mời cha ngồi uống trà, cha Ralph. – Tổng Giám mục Dark niềm nở mời. – Tôi vừa nghĩ có nên gọi trà mới không. Thế nào, trước khi chia tay cha đã cho anh chàng trẻ tuổi ấy những lời răn dạy thích đáng để từ nay giữ mình đứng đắn hơn chứ?

– Dạ vâng, thưa Đức ông. – Cha Ralph trả lời vắn tắt và ngồi vào bàn trà cùng với hai người kia. Trên bàn bày đủ mọi thứ: những khoanh bánh sandwiches rất mỏng cặp dưa chuột, những chiếc bánh nướng bọc lớp áo màu trắng và hồng, những chiếc bánh mì trắng phết bơ, những lọ pha lê đựng mứt và kem sữa đánh nổi bọt, cái ấm trà bằng bạc, lọ đường và bình đựng kem và

những chiếc chén bằng sứ mỏng tang có hình trang trí duyên dáng bằng vàng.

– Những chuyện như thế hết sức đau lòng, thưa Đức Tổng giám mục quý mến, nhưng ngay cả chúng ta, những kẻ phụng thờ Chúa, chúng ta cũng chỉ là người và không khỏi có chỗ yếu đuối – Khách nói. – Tôi rất tiếc cho con người trẻ tuổi ấy và tối nay tôi sẽ cầu nguyện để từ nay anh ta vững vàng hơn.

Giọng ông ta mềm mỏng, ông ta nói hơi lơ lớ, rõ là giọng phát âm của người nước ngoài. Ông ta gốc gác là người Ý, xét về thứ bậc của nhà thờ, ông là Tổng Giám mục, Khâm mạng giáo hoàng ở Úc, tên ông ta là Vittorio Scarbanza di Contini – Verchese. Ông có một vai trò rất tế nhị là khâu nối giữa các giới chức nhà thờ ở Úc và trung tâm thần kinh cao cấp của nhà thờ công giáo là Vatican, điều đó có nghĩa ông là đáng chần chiên số một và trọng yếu nhất ở đại châu này.

Trước khi được bổ nhiệm, đương nhiên ông hi vọng sang Mỹ, nhưng sau khi cân nhắc, ông thấy rằng Úc sẽ là hay nhất đối với ông. Nước này nhỏ hơn nhiều, nếu không phải về lãnh thổ thì về số dân, nhưng lại mộ đạo thiên chúa hơn nhiều. Không như các nước khác nói tiếng Anh, dân công giáo ở đây không bị coi là người loại hai, và nếu một người theo công giáo thì điều đó hoàn toàn không ngăn cản người ấy trở thành một chính khách thành đạt, một nhà công nghiệp hay quan tòa. Nước này lại giàu, nó làm đầy kho bạc của nhà thờ một cách hào phóng. Trong thời gian ở Úc, ông có thể không ngại rằng ở La Mã người ta sẽ quên ông.

Thêm nữa, Khâm mạng giáo hoàng là người có trí tuệ nhạy bén, và luồng mắt của ông ở phía trên rìa chén mạ vàng không hướng vào Tổng giám mục Cluny Dark, mà vào Ralph de

Bricassart khả kính là người sắp trở thành bí thư riêng của ông, Khâm mạng giáo hoàng. Như đã biết, Tổng Giám mục Dark rất mến vị linh mục này, nhưng đây là vấn đề: liệu người bí thư như thế có vừa ý Đức Khâm mạng giáo hoàng không? Cả hai người ấy đều cao như những ngọn tháp, hai đấng chặn chiên người Úc gốc Ireland này, họ cao hơn Đức Khâm mạng nhiều. Bao giờ cũng phải ngẩng đầu lên mới nhìn được vào mặt họ, như thế rất mệt. Với đấng linh hướng hiện nay của mình, Ralph de Bricassart khả kính xử sự không chê vào đâu được: thoải mái, tự nhiên, kính cẩn nhưng thành thật, và cha có óc hài hước. Nhưng cha sẽ làm thế nào thích ứng được với đấng linh hướng khác hẳn? Thường thì người ta chọn một linh mục người Ý nào đó làm bí thư của Đức Khâm mạng, nhưng Ralph de Bricassart khả kính được Vatican đặc biệt quan tâm. Kể thì kì lạ thật, bản thân cha lại là người giàu có (bất chấp dư luận phổ biến, các giới chức nhà thờ không có quyền chiếm đoạt tiền của cha, còn bản thân cha thì không có ý hiến tiền cho nhà thờ); thế nhưng, bằng những cố gắng riêng của mình, cha làm giàu cho nhà thờ rất nhiều. Vì thế Vatican đề nghị Đức Khâm mạng giáo hoàng lấy Ralph de Bricassart khả kính làm bí thư riêng và xem xét kĩ hơn nữa con người trẻ tuổi đó: thực ra ông ta là thế nào?

Một ngày kia, Giáo hoàng La Mã sẽ phải ân thưởng cho nhà thờ thiên chúa Úc bằng cách phong chức hồng y cho một kẻ tội tở của nó, nhưng ngày ấy chưa đến. Còn lúc này, Đức Khâm mạng cần nghiên cứu những linh mục ở tuổi de Bricassart, và hiển nhiên de Bricassart là người dự tuyển thích hợp nhất. Thì thánh ý đã định rồi mà. Hãy để cha Ralph thử xem tính cách của cha có giá trị như thế nào so với người Ý. Có lẽ đấy sẽ là điều thú vị. Giá như

tầm vóc ông ta thấp hơn chút nữa thì hay biết mấy!

Ralph khả kính nhấp từng ngụm trà nhỏ với vẻ biết ơn, nhưng cha trầm lặng lạ thường. Đức Khâm mạng nhận xét: cha ăn một cái bánh xanđuyt hình tam giác nhỏ xíu, không đụng đến các món khác, nhưng thèm thường uống hết bốn chén trà không sữa không đường. Ừ thì người ta cũng đã trình rõ về ông ta: con người dè dặt hiếm có và nhũn nhặn trong những thói quen của mình, điều xa hoa duy nhất mà ông ta tự cho phép mình là chiếc ô tô thương hạng (và chạy rất nhanh).

– Cha mang họ Pháp, thưa cha, nhưng theo tôi biết thì cha là người Ireland. – Đức Khâm mạng khẽ nói. – Sao lại có sự kì lạ như vậy? Tổ tiên cha là người Pháp chẳng?

Cha Ralph mỉm cười lắc đầu.

– Đây là cái tên Norman, thưa Đức ông, cái tên rất cổ và rất đáng kính. Tôi là dòng dõi trực hệ của một người tên là Ranulf de Bricassart. Người là nam tước tại triều đình vua William – Người Chinh phục^[60]. Năm một ngàn sáu mươi sáu, Người cùng quân đội của William xâm nhập vào nước Anh, và một trong những con trai của Người thành chúa đất ở đây. Gia đình ấy thịnh vượng trong thời gian người Norman cai trị nước Anh, nhưng sau này, dưới thời Henry IV^[61], một số người đi sang Ireland và định cư ở phần Ireland thuộc vương triều Anh. Khi Henry VIII^[62] tách nhà thờ Anh khỏi nhà thờ La Mã, chúng tôi vẫn theo đạo của William – Người Chinh phục, nói cách khác, chúng tôi cho rằng chúng tôi phục tùng trước hết không phải là Luân Đôn, mà là La Mã. Nhưng dưới thời Cromwell, chúng tôi mất tất cả đất đai và tước hiệu, và người ta không trả lại cho chúng tôi nữa. Charles^[63] dùng đất Ireland ban thưởng cho sủng thần người Anh của mình. Người

Ireland căm thù người Anh không phải là vô cơ, thừa Đức ông.

Thế là danh tiếng dòng họ tôi ít nhiều mai một, nhưng chúng tôi vẫn trung thành với nhà thờ Thiên chúa và La Mã. Ông anh tôi có một trại nuôi ngựa hạng nhất ở Meath, và anh ấy hi vọng rằng một trong những con ngựa của anh ấy rồi đây sẽ giành được giải thưởng Derby hay giải thưởng lớn quốc gia. Tôi là con thứ hai trong gia đình, và theo truyền thống gia đình tôi, con thứ hai bao giờ cũng khoác áo tu sĩ, nếu như có thiên hướng đó. Thú thật, tôi tự hào về tên và nguồn gốc của mình. Dòng họ de Bricassart tồn tại đã một ngàn rưỡi năm.

– Phải, nghe cũng khá hay đấy! Cái tên quý tộc cổ xưa và câu chuyện về quyết tâm một lòng theo đạo, thậm chí bất chấp cả sự đầy ải và truy bức.

– Thế còn “Ralph” nguồn gốc ở đâu ra?

– Tên tôi tắt của “Ranulf”, thừa Đức ông!

– Tôi hiểu.

– Vắng cha tôi sẽ cảm thấy rất thiếu thốn, cha Ralph ạ. – Tổng Giám mục Cluny Dark nói, phết dấm mứt và kem sữa nổi bọt vào nửa cái bánh mì nhỏ và tọng tất cả vào mồm.

Cha Ralph cười lớn:

– Trình Đức ông, Người đặt tôi vào tình trạng rất khó khăn! Tôi ở giữa đấng bề trên trước và đấng bề trên mới, nếu tôi đưa ra câu trả lời vừa lòng một trong hai đấng thì lại có thể không vừa lòng đấng kia. Nhưng liệu tôi có được phép nói rằng xa Đức ông tôi sẽ rất thiếu thốn, đồng thời tôi lại vui sướng sẵn sàng hầu hạ Đức ông đây được không?

Câu nói rất hay, đích thực là câu trả lời có tính chất ngoại giao.

Tổng Giám mục di Contini – Verchese nghĩ rằng một bí thư như thế hoàn toàn thích hợp với ông. Có điều ông ta đẹp trai quá, đường nét thanh tú quá, đôi mắt sáng lạ lùng, tóc, màu da mặt, thân hình đều tuyệt mỹ.

Cha Ralph lại im lặng, cái nhìn xa vắng dán vào chiếc bàn trà. Cha lại nhìn thấy người linh mục trẻ mà cha vừa trách mắng nghiêm khắc, cặp mắt đau khổ của ông ta lúc ông ta biết rõ rằng ông sẽ không được phép gặp người yêu dù chỉ là để vĩnh biệt. Lạy Chúa lòng lành, nếu như ở địa vị con người đáng thương ấy lại chính là cha, còn ở địa vị cô gái kia là Meggie thì sao? Cái chuyện như thế, nếu thận trọng, có thể giữ kín nhem được một thời gian; có thể giữ kín nhem được mãi mãi, nếu gặp gỡ phụ nữ chỉ một năm một lần, ở nơi nghỉ, xa xứ đạo của mình. Nhưng nếu dám cả gan thực sự quyến luyến một người phụ nữ nào đó thì bí mật nhất định bị phanh phui.

Có những ngày chỉ có cách quì trên nền đá cẩm thạch trong nhà nguyện của Tổng Giám mục đến tê dại và đau nhức cả toàn thân, cha mới đề nén được sự hăm hở muốn đáp ngay chuyến tàu đầu tiên trở về Gilly, rời từ đây về Drogheda. Cha tự thuyết phục mình rằng đây chỉ là cha mệt mỏi và cô đơn, cha thiếu thốn tình người đầm ấm và ân cần mà cha đã quen có ở Drogheda. Cha tự thuyết phục mình từng như chẳng có gì thay đổi khi cha đã có một phút yếu đuối đáp lại cái hôn của Meggie – dù sao tình yêu của cha với Meggie vẫn chỉ là chuyện hoang đường huyền diệu và tuyệt nhiên không biến hóa, nhưng khác với những mộng ảo trước kia, nó đã có một dáng vẻ hoàn chỉnh nguy hiểm, gần như sờ mó thấy được. Không, cha không thể tự thú với mình là đã có những thay đổi gì đó và cha một mực nghĩ về Meggie như về một

cô bé nhỏ tuổi, cố gạt đi những hình ảnh mâu thuẫn với điều đó.

Cha lầm. Thời gian trôi qua mà nỗi đau vẫn không giảm bớt. Trái lại, nó càng giày vò mãnh liệt hơn, biến thành một khổ hình lạnh lùng gớm ghiếc. Trước kia sự cô đơn không có diện mạo, cha chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ có lấy một người bước vào đời cha và có thể chữa lành bệnh cho cha. Bây giờ sự cô đơn có tên: Meggie, Meggie, Meggie...

Cha chợt tỉnh, dứt khỏi trạng thái trầm tư dưới cái nhìn chăm chú không chớp của Tổng giám mục di Contini – Verchese: cặp mắt to thâm màu ấy nhìn thấy hết một cách nguy hiểm, nó thấu suốt hơn nhiều so với cặp mắt tròn linh lợi của đấng linh hướng hiện nay của cha. Cha Ralph quá thông minh để có thể vờ như cha không có lí do gì mà đắm mình trong những ý nghĩ không vui – cha đáp lại đấng linh hướng sắp tới của mình bằng cái nhìn cũng thấu suốt như thế, rồi mỉm cười và khẽ nhún vai, như muốn nói: mỗi người chúng ta đều có nỗi đau xót và buồn rầu của mình và những hồi ức đau buồn chẳng phải là điều tội lỗi.

– Này cha ạ, sự suy thoái bất ngờ trong đời sống kinh tế có ảnh hưởng đến tài sản do cha cai quản không? – Đức ông người Ý dường như thuận dịp thì hỏi chơi.

– Hiện thời chúng tôi không có lý do gì để lo ngại, thưa Đức ông. “Michar Limited” không dễ bị chi phối bởi sự dao động giá cả thị trường như vậy. Tôi cho rằng bị thiệt hại nhiều nhất là những người bỏ vốn đầu tư không được chín chắn như Mrs. Carson. Cố nhiên trại Drogheda không thịnh vượng lắm, giá lông cừu sụt. Nhưng Mrs. Carson rất tinh nên không bỏ hết tiền vào việc kinh doanh nông nghiệp, bà ta thích kim loại hơn, cái đó chắc chắn hơn nhiều. Tuy nhiên, theo quan điểm của tôi, bây giờ

chính là lúc nên mua đất ở Úc – không chỉ mua các trại ấp, mà cả nhà cửa, thậm chí là nhà ở các thành phố lớn. Giá hạ một cách kì cục, nhưng chúng không thể cứ rẻ mãi. Tôi không cho rằng trong những năm sắp tới chúng ta có thể thua lỗ về bất động sản mua lúc này. Sớm muộn khủng hoảng kinh tế sẽ chấm dứt.

– Hoàn toàn đúng. – Đức Khâm mạng nói.

Như vậy, cha de Bricassart không chỉ là nhà ngoại giao trong chừng mực nào đó, mà trong chừng mực nào đó còn là nhà kinh doanh. Một tài năng như thế tất nhiên La Mã không nên bỏ qua.



Những năm 1930 đã đến, và Drogheda không biết rõ thế nào là khủng hoảng kinh tế. Ở Úc đây người thất nghiệp. Hễ có thể được là người ta thôi trả tiền nhà và lên đường đi tìm việc, nhưng thật uổng công, chẳng đâu có việc làm. Vợ con bị bỏ mặc, sống trong những túp nhà nát trên đất của thành phố và xếp hàng dài dằng dặc xin trợ cấp: chồng và cha họ đi lang bạt trong nước. Người ta mang theo lên đường những thứ cần thiết nhất, bọc những thứ lặt vặt nghèo nàn ấy trong tấm chăn, thắt lại bằng những sợi dai da, khoác cái cuộn ấy ra sau lưng và lên đường, hi vọng rằng ở các trại, nếu không tìm được việc làm thuê thì ít nhất cũng được cho ăn. Thà lang thang ở nơi hẻo lánh còn hơn ngủ đêm trên đường phố Sydney.

Giá mọi thực phẩm đều sứt, và Paddy chắt các thứ dự trữ đầy ắp các vựa và kho. Bất cứ người nào ghé vào đây cũng biết chắc rằng họ sẽ không phải bụng đói rời khỏi Drogheda và sẽ không phải ra đi tay không. Nhưng có điều kì lạ là những người ghé vào trại không dừng lại ở nơi này: khỏe sức lên nhờ được ăn nóng, được chu cấp vài thứ gì đó để đi đường, thế là họ không hề có ý ở lại hẳn, mà tiếp tục cuộc lang bạt đi tìm... nhưng tìm cái gì chứ? – điều đó chỉ riêng họ biết. Tuyệt nhiên không phải đến đâu họ

cũng được đón tiếp niềm nở và hậu hĩnh như ở Drogheda, vì thế càng không thể hiểu được vì sao những người lang thang không muốn ở lại đây. Có lẽ họ quá mệt mỏi về cảnh không cửa không nhà, vì cuộc phiêu bạt của họ chẳng có mục đích gì, vì họ chẳng có nơi nào để trở về, cũng chẳng có nơi nào để hướng tới, bởi thế họ tiếp tục buông trôi theo dòng. Nhiều người rồi vẫn sống sót, một số bỏ mạng trên đường, họ được chôn ngay tại chỗ, nếu như người ta tìm thấy họ trước khi quạ và lợn rừng gặm xương họ sạch trơn. Vùng hẻo lánh của Úc rộng lớn và hoang vắng quá.

Stuart lại không rời khỏi nhà, khẩu súng săn luôn luôn ở trong tầm tay, trong góc bên cửa bếp. Chọn những người chẵn cừu đáng tin cậy không có gì khó khăn, Paddy đã đưa chín gã trai độc thân đến ở những căn nhà ván cũ dành cho người làm tứ xứ, và trên các bãi chẵn hoàn toàn có thể không cần đến Stuart. Fee không còn để tiền mặt ở bất kì đâu, mà bảo Stuart bố trí một cái tủ giấu kín sau bàn thờ trong nhà nguyện – đại loại là một thứ tủ két. Kẻ xấu trong số người Úc di cư chỉ là số rất hiếm. Những kẻ xấu thích ở lại thủ đô và nói chung là các thành phố lớn nhiều hơn, chúng không ưa cuộc sống lang bạt – nó quá trong sạch, quá cô đơn và quá ít lợi lộc. Nhưng chẳng ai chê trách Paddy muốn phòng tránh nguy hiểm cho phụ nữ nhà mình: Drogheda là một nơi nhiều người biết tiếng và hoàn toàn có thể lôi cuốn một số vị khách không đáng hoan nghênh đi lang thang trong nước.

Mùa xuân năm ấy khá nhiều bão, khi thì bão khô, khi thì kèm theo mưa, còn mùa xuân và mùa hè thì mưa như trút nước và cỏ trên đất Drogheda mọc cao chưa từng thấy, rậm rạp và tươi mọng.

* * *

Jims và Pasty chuẩn bị bài ở chiếc bàn nhà bếp của Mrs. Smith (hiện thời chúng học theo cách gửi thư) và huyên thuyên vui vẻ về việc chúng sẽ đi học ở Riverview -College. Nhưng những cuộc chuyện trò như thế khiến Mrs. Smith trở nên cau có và cáu kỉnh, thành thử dần dần chúng đã hiểu ra rằng trước mặt bà thậm chí không nên nhắc đến chuyện rời đây chúng sẽ rời khỏi Drogheda.

Thế rồi trời lại không một gợn mây; qua mùa hè không có mưa, cỏ cao gần tới ngang lưng hoàn toàn khô héo, trở nên trắng bạc và dễ gãy. Trong thời gian mười năm, trên những đồng bằng đất đen này, mọi người đã quen với sự luân phiên lũ lụt, và hạn hán, thịnh vượng và sa sút – lên xuống, lên xuống – họ chỉ nhún vai và làm công việc của mình, dường như chỉ có ngày hôm nay là quan trọng, còn thì thấy đều không đáng kể. Mà quả là như vậy, cái chính là sống được từ năm thuận lợi này đến năm thuận lợi khác, bất kể nó đến vào bao giờ. Không ai thấy trước được khi nào sẽ có mưa. Ở Brisbane xuất hiện một tay Inigo Jones nào đó đoán trước thời tiết khá đúng cho một thời gian dài, dựa vào một lí thuyết mới nào đó về vết trên mặt trời, nhưng ở đây, trên những đồng bằng đất đen xa xôi, người ta chẳng tin gì lắm những lời hứa hẹn của y. Cứ để cho các cô sắp về nhà chồng ở Sydney và Melbourne đến nghe những lời tiên đoán của gã; những người lao động trên các đồng bằng đất đen chỉ trông cậy vào linh cảm của chính mình.

Mùa đông 1932 lại có những trận gió khô dữ dội ào tới, tiết trời rét dữ, nhưng cỏ tươi mọng dày rậm không dễ cho bụi hoành

hành và ruồi cũng ít hơn bình thường. Chỉ gay cho cừu vừa xén lông, những con vật tội nghiệp không thể giữ ấm cho mình được. Mrs. O'Rourke rất ham tiếp khách Sydney trong ngôi nhà gỗ không có gì đặc sắc của mình và thích đưa họ đến các nhà lán giềng, đặc biệt là đến Drogheda – cần cho họ thấy rằng ở nơi xa xôi hẻo lánh này, trên các đồng bằng đất đen, vẫn có người biết sống lối sống thượng lưu. Bất cứ cuộc chuyện trò nào rồi cũng trở về với những con cừu khốn khổ, gầy nhom và thảm hại như những con chuột ướn – chúng sẽ qua mùa đông như thế nào một khi không còn lớp len dài năm sáu inches mà chỉ đến mùa hè nóng nực mới mọc ra. Nhưng, như Paddy đã giải thích với một vị khách, len sẽ là len hạng nhất. Cái trọng yếu nhất ở đây không phải là cừu, mà là len. Ít lâu sau, trong tờ "Sydney Morning Herald" có đăng một bức thư, tác giả của nó đòi nghị viện thông qua đạo luật chấm dứt "thói tàn nhẫn của những chủ chăn nuôi". Mrs. O'Rourke hoảng hốt, nhưng Paddy cười ngất:

– Còn may là cái thằng ngu đó chưa thấy có người xén lông cừu vô ý rạch toang bụng cừu, rồi khâu lại bằng cái kim dày như kim khâu bao tải. – Ông an ủi Mrs. O'Rourke đang bối rối – Mà bà đừng lo, Mrs. O'Rourke ạ. Bọn dân thành phố ấy không hiểu tí gì về việc những người không ở thành phố như chúng ta sống thế nào đâu, họ có thể chăm bẵm những con mèo và chó của họ như chăm bẵm trẻ con. Nhưng với chúng ta ở đây thì mọi cái đều khác. Nếu có người gặp tai họa, đàn ông hay phụ nữ, lớn hay nhỏ, chúng ta không hề bỏ rơi một ai không cứu giúp, còn người thành phố, họ chăm sóc những con thú nhỏ yêu mến của mình, còn con người dù có kêu gọi, khóc lóc, họ cũng không buồn nhúc nhích lấy một ngón tay để giúp đỡ.

Fee ngẩng đầu lên.

– Ông ấy nói đúng đấy, Mrs. O'Rourke ạ. – Bà nói – Chẳng ai quý trọng cái gì có quá nhiều. Ở ta đây thừa thãi cừu, ở thành phố thì thừa thãi người.

Vào cái ngày tháng tám ấy, khi cơn bão ác hại ập tới, Paddy ở xa nhà. Ông xuống ngựa, cột chắc con ngựa vào cái cây và đến ngồi dưới cây wilga, định chờ cho qua cơn gió dữ ào ào. Gần đấy nằm con chó run rẩy áp sát vào nhau, còn những con cừu mà ông lừa sang khu vực khác tản tác từng cụm cuống cuồng và nhảy chồm chồm chạy lung tung từ chỗ này sang chỗ khác. Trận bão khủng khiếp, và nó bộc lộ sức mạnh hung dữ khi tâm bão ở ngay trên đầu Paddy. Ông bịt tai, nheo mắt, chỉ còn biết cầu nguyện.

Ông ngồi dưới cây wilga, lá cây rũ rượi ào ào mỗi lúc một to trước cơn gió đang mạnh dần; cách đây một quãng, ông nhìn thấy mấy gốc cây cụt và thân cây đổ bị cỏ cao che lấp đến một nửa. Giữa đám cây chết trắng hếu như xương ấy nhô lên một cây khuynh diệp khổng lồ đơn độc, khô héo, thân cây trần trụi vút lên cao bốn mươi *feet* và như thể cắm vào mũi nhọn của ngọn cây trụi lá, khẳng khiu và góc cạnh vào những đám mây đen kịt như đêm tối.

Bỗng nhiên, mặc dù mi mắt nhắm nghiền, Paddy lóa mắt vì ánh lửa xanh bùng chói, ông chồm dậy, và lập tức một tiếng nổ kinh khủng quật ông xuống đất như thứ đồ chơi. Ông ngừng đầu lên: trên thân cây khuynh diệp chết, ánh hào quang kì ảo đỏ tía và xanh lam nhảy nhót từ trên xuống dưới, đấy là cảnh tượng vĩnh biệt huy hoàng của làn sét vừa giáng xuống; Paddy chưa kịp định thần thì tất cả đã bốc cháy. Trong đồng gỗ chết này từ lâu đã

không còn một giọt hơi ẩm và cỏ cao xung quanh khô như giấy. Đường như đất tung ra lời thách thức đáp lại bầu trời – phía trên cái cây khổng lồ, mãi tít trên đỉnh dựng lên một cột lửa, phút chốc những gốc cây cụt và thân cây đổ bên cạnh bốc cháy, và từ nơi đây, được cơn lốc lửa đi, những dải lửa bắt đầu xoay lượn và chói rục lên, mỗi lúc một lan rộng hơn, rộng mãi ra. Paddy thậm chí không kịp nhảy đến chỗ con ngựa.

Sức nóng khiến cho cả cây wilga cũng bắt lửa, chất gỗ mềm chứa tinh dầu bùng nổ, mảnh vỡ bay văng tứ phía. Nhìn đâu cũng vẫn bức tường lửa; cây cối cháy bùng bùng, cỏ dưới chân bùng cháy. Con ngựa hí lên thảm thiết, Paddy thật tâm muốn chạy xô đến với nó – ông không thể bỏ mặc con vật khốn khổ chịu chết, nó bất lực, bị cột một chỗ. Con chó rú lên, tiếng rú chuyển thành tiếng kêu thét tuyệt vọng gần như tiếng người gào rú. Con chó lông lộn giẫy lát như bó đuốc sống và đổ vật xuống cỏ cháy. Lần lượt thêm những tiếng hú nữa – ngọn lửa tấp ồ ạt quán lấy hết con chó này đến con chó khác, gió đưa lửa đi vùn vụt, không một sinh vật nào thoát nổi, dù là nhanh chân hay có cánh. Trong một phần nhỏ giây đồng hồ, Paddy đang nghĩ xem làm cách nào đến chỗ con ngựa thì một thiên thạch rục lửa đốt xém tóc ông, ông hạ mắt nhìn xuống, một con vẹt lớn bị thui sống rơi xuống chân ông.

Đột nhiên Paddy hiểu: thế là hết. Không còn cách nào thoát khỏi cái địa ngục này, cả ông cũng như ngựa. Ông không kịp nghĩ nốt – sau lưng, lại một cây khuynh diệp khô nữa bùng cháy, những mảnh vỏ cây có nhựa cháy bùng bùng văng về mọi phía như do sức nổ ném đi. Da tay Paddy sạm đen lại và nhăn nheo, mái tóc đỏ như lửa của ông lần đầu tiên bị mờ đi vì một ngọn lửa còn sáng rục hơn. Không lời lẽ nào tả được cái chết như vậy: lửa

cẩn xé vào bên trong. Cháy sau cùng, chết sau cùng là tim và não. Paddy lồng lộn trong ngọn lửa tế ấy, áo quần ông cháy bùng bùng, ông kêu thét lên. Và tiếng gào lìa đời ấy là tên vợ.

* * *

Những người đàn ông còn lại đã kịp trở về Ấp chính trước khi bão, đưa ngựa về sân nuôi ngựa và người thì về dãy nhà ván dành cho người làm, người thì về Nhà Lớn. Trong phòng khách sáng choang của Fiona, bên cái lò sưởi bằng đá cẩm thạch có những khúc củi lớn cháy rừng rục, mấy anh em Cleary quây quần lại và lắng nghe cơn bão – trong những ngày này họ không muốn ra ngoài nhìn xem bão hoành hành như thế nào. Củi bốc ra mùi nhựa khuy nh diệp thơm quá, bánh nướng và bánh sandwiches chất trên chiếc bàn trà di động hấp dẫn quá. Họ không chờ Paddy về dùng bữa trà tối – ông ở quá xa, không về kịp.

Khoảng bốn giờ, mây rút về phía đông, và mọi người bắt giác cảm thấy dễ thở hơn; trong thời gian bão khô hoành hành, nỗi lo lắng không buông tha họ, tuy ở Drogheda mỗi căn nhà đều có cột thu lôi. Jack và Bob trở dậy và ra khỏi nhà – họ bảo rằng họ muốn hóng mát một chút, nhưng thực ra cả hai đều muốn nghỉ ngơi sau tình trạng căng thẳng vừa rồi.

– Xem kia! – Bob trở về phía tây.

Trên ngọn những cây tạo thành vòng đai bao quanh Ấp chính, một đám mây khói lan rộng, hắt ra ánh sáng màu đồng đỏ, gió điên cuồng xé rách rìa đám mây, tạo nên những mảnh pháp phối như những lá cờ bay.

– Trời ơi! – Jack lao vào nhà, đến máy điện thoại.

– Cháy! Cháy! – Anh quát vào ống nói, và tất cả những người có mặt trong phòng sững sốt quay lại, rồi chạy ra ngoài. – Cháy ở Drogheda, đám cháy vô cùng ghê gớm.

Jack ngừng báo động – chỉ cần nói với cô điện thoại viên ở Gilly là đủ: tất cả những người dùng đường dây chung thường nhắc máy khi điện thoại của họ réo chuông. Tuy trong những năm gia đình Cleary sống ở Drogheda, vùng Gillanbone không có một đám cháy lớn nào, mọi người đều thuộc lòng những điều cần làm khi có cháy.

Mấy anh em trai chạy đi lấy ngựa, những người làm thuê đổ ra khỏi các nhà ván, Mrs. Smith mở khóa một trong những nhà kho và phân phát hàng chục chiếc bao tải gai. Khói bốc lên ở phía tây và gió thổi từ phía tây, nghĩa là đám cháy di chuyển về đây, về trang viên. Fee trút bỏ chiếc váy dài, mặc cái quần của Paddy và cùng với Meggie chạy ra chuồng ngựa – lúc này cần đến từng đôi tay có khả năng cầm bao tải.

Ở bếp, Mrs. Smith không tiếc củi, đốt bếp lò rùng rục, những người giúp việc bà lấy xuống những chiếc nồi lớn treo ở những móc đóng vào trần nhà.

– May là hôm nay vừa giết con bò đực. – Bà quản gia nói. – Minnie, chị cầm lấy chìa khóa kho rượu này. Chị hãy đi cùng với Cat, lấy tất cả số bia và rum hiện có, rồi nướng bánh mì dẹt đi, còn tôi sẽ ninh thịt. Mà nhanh tay lên, nhanh nhanh lên.

Ngựa bị kích động bởi trận bão, bây giờ chúng lại còn ngửi thấy mùi khói và không chịu cho thẳng yên. Fee và Meggie dắt ra sân hai con ngựa thuần chủng đang bồn chồn, giở ương giở

bướng, ra ngoài dễ điều khiển chúng hơn. Trong lúc Meggie vật lộn với con ngựa hồng, trên con đường nhỏ từ đường cái Gillanbone chạy về, có hai người huỳnh huých chạy tới – rõ ràng là những người lang thang đi làm vụ.

– Cháy, bà chủ ơi, cháy! Bà có còn cặp ngựa nào không? Cho chúng tôi bao tải!

– Lấy ở cạnh nhà kho kia kìa! Trời ơi, mong sao không người nào trong các anh bị lửa bắt đi! – Meggie nói, cô không biết lúc này bố cô ở đâu.

Họ về lấy những bao tải và túi da đựng nước mà Mrs. Smith đưa cho họ. Bob và tất cả đàn ông ở Ấp chính đi đã được năm phút. Hai người kia phóng ngựa đuổi theo. Fee và Meggie phóng ngựa đi sau cùng, phi nước đại ra sông, sang bờ bên kia và tiếp tục phi về phía có khói.

Ở nhà còn Tom, ông già làm vườn; ông bơm nước vào đầy két nước của chiếc cam nhôm xi téc, mở máy. Cố nhiên đám cháy như thế này thì không lượng nước dự trữ nào có thể dập tắt nổi, trừ có trận mưa rào xối xả, nhưng cần chờ nước đến để tưới ướt các bao tải, quần áo của những người dùng các bao tải. Tom sang số nhỏ, cho xe vượt dốc lên bờ đối diện, và ngoảnh lại nhìn giây lát – nó kia, ngôi nhà bỏ không của người quản cừ, và tiếp đó còn hai căn nhà nhỏ không người nữa, đấy là chỗ dễ lâm nguy nhất của Ấp chính, chỉ có ở đây là những gì có thể bắt lửa lại gần cây cối ở bờ bên kia. Ông già Tom nhìn về phía tây, lắc đầu, rồi với một quyết tâm bất ngờ, ông cho xe lùi lại và khéo léo cho xe đi giạt lùi qua sông lên mé bờ gần nhất. Đám cháy trên các bãi chăn thả, không sức mạnh nào ngăn chặn được, người ta sẽ trở về công cốc. Phía trên miệng khe núi, cạnh nhà của người quản cừ, nơi

chính ông đã có thời gian ở đó. Tom vọt vọt vào két nước và tưới thật đầm nước vào ngôi nhà, rồi chuyển sang hai ngôi nhà nhỏ, tưới ít hơn. Chính chỗ này là chỗ ông có thể giúp sức chắc chắn nhất. Tưới thật đầm nước những ngôi nhà này để chúng không đời nào bắt lửa được.

* * *

Meggie và Fee cưỡi ngựa đi bên nhau, còn đám mây khói ở phía tây cứ lớn mãi lên, gió tung ra mùi cháy khét mỗi lúc một nồng nặc hơn. Trời tối đi nhanh chóng, thú vật đủ các loại từ phía tây chạy đến qua bãi chẵn thả mỗi lúc một đông – kangaroo và lợn rừng, những con cừu cái và bò cái hoảng sợ, đà điểu *emu*, những con thằn lằn *goannas* khổng lồ, và hàng nghìn con thỏ. Rồi khỏi bãi Hồ chứa nước ra bãi Billa – Billa (ở Drogheda mỗi bãi chẵn thả đều có tên riêng), Meggie nhận thấy Bob bỏ ngổ tất cả các cổng. Nhưng cừu không đủ khôn để chạy vào các cổng mở, chúng dừng lại cách cổng ba bước ở bên trái hay bên phải và đâm bừa vào hàng rào.

Khi hai người đàn ông cưỡi ngựa đến gần rìa đám cháy thì đám cháy đã tiến gần thêm khoảng mười dặm, lửa lan theo chiều rộng và mỗi giây một rộng thêm. Ngựa có người cưỡi hoảng sợ nháy nhót, còn người bắt lực nhìn về phía tây – những cơn gió dữ dội đưa lửa lướt trên cỏ khô từ cây này đến cây khác, từ khu rừng này đến khu rừng khác. Đừng có hòng gì chặn lại lửa ở đây, trên đồng bằng, cả một đạo quân cũng không chặn nổi. Cần trở lại trang viên và cố bảo vệ lấy nó. Đám cháy tấn công trên một mặt trận

rộng năm dặm. Nếu như ngay lúc này không thúc những con ngựa mệt mỏi phóng chạy cật lực thì không thể thoát thân được. Tiếc số cừu, tiếc lãm, tiếc đứt ruột. Nhưng chẳng làm thế nào được.

Họ lội qua sông trở về, vó ngựa bì bõm ở quãng nước cạn. Ông già Tom vẫn tưới những ngôi nhà bỏ không ở bờ phía đông.

– Giỏi lắm, bác Tom! – Bob kêu lên. – Cứ tiếp tục cho đến khi nào nóng quá, và nhớ cuốn gót kịp thời, nghe thấy chứ? Đừng có ra bộ anh hùng, bác đáng giá hơn nhiều so với những tấm ván và kính.

Ở Ấp chính đầy rẫy ô tô, và trên đường cái từ Gilly về vẫn có xe đang tới, từ xa đã thấy ánh đèn pha chói rục nhảy nhót. Khi Bob rẽ vào sân nuôi ngựa, ở đó đã có những người đàn ông tụ tập đang chờ.

– Cháy lớn lắm, hả Bob? – Martin King hỏi.

– Lớn lắm. – Bob đáp với giọng thất vọng. – Cháu sợ là chúng ta không chặn nổi. Chiều rộng, theo cháu ước đoán, đến năm dặm, và gió làm lửa lan nhanh đến nỗi ngựa phi nước đại trầy trật mới chạy thoát. Cháu không biết liệu có bảo vệ nổi trang viên không, còn Horry thì chắc là phải chuẩn bị sẵn đi. Chẳng mấy chốc sẽ đến lượt nơi ấy, chưa chắc chúng ta đã chặn được lửa.

– Cũng phải thôi, đáng phải có đám cháy lớn từ lâu rồi. Từ năm mười chín chưa hề có vụ cháy nào. Bác sẽ tập hợp một đội, sẽ điều về Beel – Beel, nhưng ở đây cũng vẫn đủ người, người ta vẫn tiếp tục đổ đến kia kìa. Gilly có thể huy động tới năm trăm đàn ông chống hỏa hoạn. Mà cũng sẽ có một số người trong chúng tôi ở lại đây giúp trại nhà. Bác chỉ nói một điều là ơn Chúa,

đất của bác ở phía tây Drogheda.

Bob nhếch mép cười:

– Bác là tài an ủi lắm đấy, bác Martin ạ.

Martin nhìn bốn phía.

– Thế ba cháu đâu, Bob?

– Ở phía tây đám cháy, chắc là ở chỗ nào gần Bugela. Ba cháu ra bãi chẵn Wilga lùa cừu chữa, mà theo cháu nghĩ, đám cháy bắt đầu cách đó năm dặm về phía đông.

– Không còn phải lo cho ai nữa chứ?

– Ôn Chúa, hôm nay không có ai ở phía ấy.

Chẳng khác gì chiến tranh, Meggie nghĩ khi đi vào nhà; mau lẹ mà không cuống quýt, lo cái ăn cái uống, tập trung mọi lực lượng và không mất tinh thần. Và mỗi nguy hiểm ghê gớm không tránh khỏi.

Người vẫn tiếp tục đổ đến Ấp chính và lập tức bắt tay vào việc – chặt một số ít cây ở quá gần bờ, phát trụ cỏ mọc quá cao ở một số nơi để tạo thành một vành đai trắng rộng lớn. Meggie nhớ lại khi đến Drogheda lần đầu tiên, cô đã lấy làm tiếc rằng xung quanh Nhà Lớn sao mà trơ trụi và âm đạm, quang cảnh sẽ đẹp hơn nhiều nếu nó đứng giữa những cây hùng vĩ tuyệt đẹp mà quanh vùng cô rất nhiều. Bây giờ cô hiểu, Ấp chính chỉ là một khu vực rộng chặt hết cây để phòng chống cháy.

Mọi người bàn tán về những đám cháy đã xảy ra ở vùng Gillanbone trong hơn bảy mươi năm qua. Thật lạ lùng, thời kì hạn hán lâu thì hỏa hoạn không phải là mối nguy hiểm ghê gớm lắm – cỏ thưa thì lửa không thể lan ra được. Nhưng một hay hai năm sau thời gian mưa nhiều, khi cỏ như bây giờ, dày rậm, cao và

khô như thuốc súng, khi ấy thường bùng lên những đám cháy mà đôi khi không thể dập nổi, chúng phá hủy mọi thứ xung quanh trong phạm vi hàng trăm dặm.

Martin King nhận chỉ huy ba trăm người ở lại bảo vệ Drogheda. Ông là người hơn tuổi trong số các chủ trại chăn nuôi ở Gillanbone và đã nửa thế kỉ chiến đấu với hỏa hoạn.

– Ở Bugela tôi có một trăm năm mươi ngàn acres. – ông nói. – và năm một ngàn chín trăm linh năm tôi đã mất hết những gì tôi có, không còn một con cừu, một cái cây. Phải mất mười lăm năm tôi mới trồng dậy được, và có lúc tôi đã tưởng mình không thể nào hồi lại được, thu nhập về len hồi ấy chẳng là bao, về thịt bò cũng vậy.

Cuồng phong vẫn gào rú, mùi cháy khét vẫn ngọt ngào không ngớt. Đêm xuống, bầu trời phía tây đỏ rực đầy hăm dọa, khói là xuống thấp, người ta đã bắt đầu ho. Lát sau ngọn lửa đã xuất hiện, những lưỡi lửa và luồng lửa hình xoáy ốc bốc cao đến một trăm *feet* trong đám mây khói, đã nghe thấy tiếng gào thét như thể đám đông hàng nghìn người đang nổi cơn cuồng loạn trong trận thi đấu bóng đá. Dây cây ở phía tây viền quanh Ấp chính bốc cháy liên, ở chỗ đó dựng lên bức tường lửa dày đặc. Meggie ngây ra như hóa đá, đứng ở hiên nhìn những hình người nhỏ xíu đen sẫm nhảy nhót, lồng lộn trên cái nền lửa ấy như những kẻ tội lỗi dưới địa ngục.

– Lại đây, Meggie, bày tất cả đĩa lên tủ buýp phê. Mà nhanh nhanh lên, đây không phải là cuộc hội hè vui chơi! – Cô nghe thấy tiếng mẹ.

Meggie phải khó khăn mới bứt được ra khỏi cái cảnh tượng ghê

rợn.

Hai giờ sau, một toán người phờ phạc lử thử đến để ăn uống cho lại người, không thì không đủ sức tiếp tục đấu tranh. Các bà các cô bán lên, không một phút nghỉ cũng là cốt để cho tất cả ba trăm người được dùng thỏa thích bánh mì dẹt, thịt hầm, trà, rượu rum và bia. Khi có hỏa hoạn, mỗi người làm những gì mình có thể và có khả năng làm tốt nhất, vì thế phụ nữ nấu nướng để duy trì sức lực cho đàn ông. Bia được đưa đến hết két này đến két khác, những két đã uống hết được thay bằng két mới. Những người đàn ông đen nhẻm, người ám khói, loạng choạng vì mệt mỏi, đứng uống một cách thèm thường, nuốt vội những miếng bánh to tướng, trong nháy mắt ăn sạch đĩa thịt hầm đã nguội, uống cạn cốc rum cuối cùng, rồi lại vội vã xông ra đường đầu với lửa.

Meggie chạy đi chạy lại giữa bếp và nhà, và lợi dụng một phút thuận tiện, cô khiếp sợ, run rẩy nhìn đám cháy. Nó có một vẻ đẹp gì đó xa lạ, siêu phàm, bởi vì nó có họ hàng bà con với bầu trời, nó xuất phát từ những mặt trời xa xăm đến nỗi ánh sáng của những mặt trời đó khi đến chúng ta trở thành ánh sáng lạnh, nó phát sinh từ thượng đế và quỷ. Làn sóng lửa tiên phong tràn về hướng đông. Nhà Lớn bây giờ nằm trong vòng vây, và Meggie thấy rõ những chi tiết mà trước kia, trong bức tường lửa dày đặc không thể nhận ra được. Có thể phân biệt được các màu sắc – đen và da cam, đỏ, trắng và vàng; kia là bóng dáng đen đen của cái cây khổng lồ, còn vỏ cây lấp lánh ánh sáng màu da cam; trong không khí những vụn than đỏ bay lượn nhào lộn như những bóng ma nghịch ngợm; như nhịp đập của trái tim suy kiệt, ánh sáng vàng bùng lên và lụi đi, bùng lên và lụi đi trong thân những cây cháy từ bên trong; một cây khuynh diệp có nhựa nổ bung và tia lửa đỏ

thăm bản vung về mọi phía như vòi nước phun; đột nhiên bùng lên một đống lửa hình cái lưỡi màu trắng lẫn màu da cam – một cái gì cho đến giờ vẫn chống lại lửa bùng chịu thua, bùng cháy. Đúng, ban đêm cảnh tượng này thật đẹp, cô sẽ ghi nhớ suốt đời.

Đột nhiên gió mạnh hẳn lên, và tất cả phụ nữ, quần bao tải vào người, bám lấy những cành đậu tía như bám dây cáp, đâm bổ lên cái mái tôn lấp lánh ánh bạc, đàn ông lúc ấy ở trong trang viên. Tay và đầu gối bông rất mặc dù có lớp vải gai che phủ, những phụ nữ vũ trang bằng những bao tải ướt, hất những cục than khỏi cái mái nóng rẫy – đáng sợ nhất là nếu mái tôn không chịu đựng nổi và những đầu gỗ cháy rơi xuống cái trần ngăn bằng gỗ. Nhưng bây giờ đám cháy hoành hành dữ dội nhất ở cách mười dặm về phía đông, tại Beel – Beel.

Nhà Lớn của Drogheda chỉ cách ranh giới phía đông của điền trang, ranh giới gần thành phố nhất, có ba dặm. Ở đây nó tiếp giáp với Beel – Beel, còn xa hơn nữa, nhích về phía đông hơn nữa là Narrengang. Tốc độ gió bây giờ không còn là bốn mươi dặm, mà là sáu mươi dặm một giờ, và cả vùng Gillanbone đều biết: nếu trời không đổ mưa thì đám cháy sẽ hoành hành hàng tuần và sẽ biến nhiều dặm vuông đất đai phì nhiêu bậc nhất thành hoang mạc. Trong lúc lửa lướt qua Drogheda, các ngôi nhà bên sông vẫn chống chọi được – Tom như bị quỷ ám, lấy đầy hết két nước này đến két nước khác và dùng vòi tưới nước các ngôi nhà. Nhưng khi gió càng mạnh hơn, các ngôi nhà vẫn cứ bốc cháy thì Tom khóc một cách cay đắng, lái xe tháo lui.

– Hãy tạ ơn Chúa vì gió không mạnh hơn và lửa mới chỉ lan tới từ phía tây, – Martin King nói. – Chứ không thì đừng nói gì nhà, mà tất cả chúng ta đều đi tong. Mong sao ít nhất là ở Beel – Beel

mọi người được yên lành!

Fee đưa cho ông cốc rum không pha loãng; King hoàn toàn không còn trẻ trung gì nữa, nhưng ông đấu tranh trong lúc cần đấu tranh và cắt đặt mọi việc một cách khôn khéo hiếm có.

– Cố nhiên thật là dớ dẩn, – Fee thú thật với ông, – nhưng khi tưởng như không còn cứu vãn được gì nữa, tôi chợt có những ý nghĩ lạ lùng. Tôi không nghĩ rằng tôi sẽ chết, không nghĩ đến các con, không nghĩ rằng ngôi nhà tuyệt đẹp như thế sẽ biến mất. Mà tôi luôn luôn nghĩ về cái làn nũ công của tôi, về món đồ đang đan dở và cái hộp đựng các loại cúc áo mà tôi đã góp nhặt bao nhiêu năm, về những khuôn bánh qui hình trái tim mà trước đây Frank đã làm cho tôi. Tôi nghĩ: tôi sẽ sống thế nào khi không còn những cái đó? Ông ạ, đấy toàn là những cái vớ vẩn, vật vãnh, nhưng chẳng có cái gì thay thế chúng được và chẳng thể mua được ở cửa hàng.

– Phải, hầu hết phụ nữ đều như vậy. Đầu óc người ta làm việc cũng hay thật, phải không? Tôi nhớ, năm chín trăm linh năm vợ tôi lao bổ về ngôi nhà cháy, tôi gào với theo như thằng dở người, rồi vợ tôi chạy trở ra mang theo cái khung có bức thêu mới bắt đầu. – Martin King nhếch mép cười. – Dù sao chúng tôi vẫn sống sót, tuy nhà cháy sạch. Khi tôi cất xong nhà mới, việc đầu tiên là vợ tôi thêu nốt cho xong. Đấy là một mẫu thêu kiểu cổ, chắc bà cũng biết. Và thêu cả mấy chữ: “Ngôi nhà thân thương của tôi”. – Ông đặt cái cốc đã uống cạn sang bên, lắc đầu, ngạc nhiên về thói đỏng đảnh không thể hiểu được của phụ nữ. – Thôi tôi phải đi đây. Gareth Davies ở Narrengang sẽ cần đến chúng tôi, cả Angus ở Rudna Hunish nữa, hoặc là tôi lầm to.

Fee tái mặt.

– Ôi, Martin! Chẳng lẽ nó lan xa thế ư?

– Hai người đều đã được báo tin. Người ở Booroo và Bourke đang tới giúp.

Thêm ba ngày nữa, vẫn như mặt trận mỗi lúc một lan rộng, đám cháy vùn vụt tiến về hướng đông, quét sạch mọi thứ trên đường đi của nó, rồi đột nhiên mưa đổ xuống, trút nước ngọt bốn ngày trời và dập tắt hết cho đến mảnh than cuối cùng. Nhưng đám cháy để lại trên đường đi của nó một dải cháy trụi đen ngòm, rộng hai mươi dặm – dải đó bắt đầu ở khoảng giữa địa phận của Drogheda và chấm dứt cách đây hơn một trăm dặm về phía đông, ở ranh giới của điền trang cuối cùng trong vùng Gillanbone: Rudna Hunish.

Trước khi trời đổ mưa, chẳng ai chờ tin tức Paddy, họ nghĩ rằng Paddy đang bình tĩnh chờ đợi ở phía bên kia đám cháy lớn cho đất nguội bớt đi và tất cả những cây đang cháy âm ỉ cháy bằng hết. Nếu đám cháy không làm đứt đường điện thoại, Bob nghĩ, thì Martin King đã tin cho biết, vì nhiều phần chắc hơn cả là Paddy đã tìm chỗ trú ở phía tây, tại Bugela. Nhưng mưa đã sáu tiếng đồng hồ mà Paddy vẫn bật tin, ở Drogheda người ta bắt đầu lo ngại. Gần bốn ngày trời, người ta tự vỗ về mình rằng chẳng có gì đáng lo ngại, cố nhiên ông bị cắt đường về nhà và chờ đến lúc có thể về thẳng nhà, chứ không phải là đến Bugela.

– Bây giờ lẽ ra ba phải trở về rồi. – Bob nói, đi từ góc này sang góc kia trong phòng khách dưới cái nhìn của những người khác trong gia đình. Như cố ý giễu cợt, mưa khiến tiết trời lạnh hẳn, khí ẩm lọt thấu xương, lại phải nhóm lửa trong cái lò sưởi bằng đá cẩm thạch.

– Anh nghĩ gì thế, Bob? – Jack hỏi.

– Anh nghĩ rằng bây giờ đúng là lúc cần đi tìm ba. Ngộ nhớ ba bị thương hay đang lê bước đi bộ về nhà trên chặng đường xa như thế. Thiếu gì chuyện. Ngộ nhớ ngựa hoảng hốt hất ngã ba, ngộ nhớ ba đang nằm ở chỗ nào đó và không đủ sức đi. Cái ăn ba mang theo để dùng trong một ngày đêm, không thể đủ dùng cho bốn ngày, tuy hiện thời ba không thể chết đói. Có lẽ chưa nên làm náo động vội, vì vậy tạm thời anh sẽ không gọi người ở Narrengang đến giúp sức. Nhưng nếu đến tối mà chúng ta không tìm thấy ba thì anh sẽ đến Dominic và ngày mai ta sẽ huy động tất cả mọi người. Trời ơi, chỉ mong sao các nhân viên điện thoại mau mau nối lại đường dây!

Fiona run lên, mắt bà rục lên một cách man rợ như trong cơn sốt.

– Mẹ sẽ mặc quần và cũng sẽ đi. – Bà nói. – Ngồi đây chờ đợi thì chịu sao nổi.

– Không nên, mẹ ơi! – Bob van vỉ.

– Bob ạ, nếu ba bị thương thì không biết bị ở đâu và như thế nào, ngộ nhớ ba không thể cử động được thì sao. Con đã phải những người chặn cừ đến Narrengang, như vậy chúng ta còn rất ít người để tìm kiếm. Nếu mẹ đi với Meggie thì bất cứ việc gì hai mẹ con cũng giải quyết được, còn nếu Meggie không đi với mẹ, mà đi với một người nào trong các con thì sự có mặt của Meggie hầu như không ích lợi gì thêm, mà mẹ cũng sẽ không được việc gì.

Bob đành nhượng bộ.

– Thôi được. – Anh nói. – Mẹ lấy con ngựa thiến của Meggie

ấy, mẹ đã cưỡi con ngựa ấy đi chữa cháy. Mọi người lấy súng và nhiều nhiều đạn vào.

Họ vượt qua sông và đi vào giữa lòng đám cháy khổng lồ. Không chỗ nào có lấy một vệt xanh hay một vệt nâu – đất hoang mênh mông phủ than ướt đen nhánh, kì lạ thay chúng vẫn còn bốc khói mặc dù mưa đã mấy giờ rồi. Mỗi chiếc lá trên từng cái cây chỉ còn là một tổ sâu nhỏ đen thui cong queo rũ xuống; ở chỗ trước kia cỏ mọc cao rải rác hiện lên những mô nhỏ đen thui – đấy là xác cừu chết cháy, thỉnh thoảng có những gò nhỏ đen thui to hơn – di tích của ngựa hay lợn rừng. Trên mặt những người cưỡi ngựa, nước mắt trộn lẫn nước mưa.

Bob với Meggie cưỡi ngựa đi trước, theo sau là Jack và Hughie, Fee và Stuart đi sau cùng. Chuyến đi này khiến cho hai mẹ con gần như yên tâm, chỉ riêng cái đó đã là niềm an ủi – hai mẹ con đi cùng nhau, chẳng cần nói gì cả, chỉ cần ở bên nhau là đủ. Đôi khi những con ngựa gần như chụm sát vào nhau, đôi khi giạt ra mỗi con mỗi nơi khi thấy một cái gì khủng khiếp, nhưng hai người cưỡi ngựa đi sau cùng hầu như không nhận thấy điều đó. Mọi vật đều ướt sũng nước mưa, ngựa di chuyển chậm chạp, trầy trật, nhưng vẫn bước đi: cỏ cháy rụi, vẩn vít bao phủ mặt đất như một tấm chiếu cứng bằng sợi vỏ dừa. Cứ đi được mấy bước, những người cưỡi ngựa lại nhìn quanh xem có thấy Paddy trên đồng bằng không, nhưng thời gian trôi qua mà Paddy vẫn không xuất hiện.

Tim mọi người quặn thắt lại khi họ thấy rõ rằng đám cháy bắt đầu xa hơn họ tưởng nhiều, trên bãi Wilga. Hẳn là vì khói lẫn với những đám mây đông nên họ không nhận ra đám cháy ngay. Tất cả đều sững sốt vì đường biên của đám cháy. Nó thẳng như kẻ chỉ

– phía bên này là nhựa thông nấu chảy đen nhánh, phía bên kia là đồng bằng bình thường, với những sắc nâu xám và khói lam, buồn tẻ dưới trời mưa, nhưng vẫn sống. Bob ghì cương và quay về phía người nhà:

– Này nhé, ta sẽ bắt đầu từ đây. Tôi đi về phía tây, đó là hướng nhiều khả năng nhất, mà tôi khỏe nhất nhà. Mọi người đủ đạn cả chứ? Tốt. Người nào tìm thấy gì thì bắn chỉ thiên ba phát, ai nghe thấy thì bắn một phát trả lời. Xong rồi đợi. Người bắn trước tiên thì năm phút sau bắn thêm ba phát nữa, rồi năm phút sau lại bắn ba phát nữa. Người nào nghe thấy thì bắn một phát trả lời. Jack, em đi về phía nam, dọc theo chính đường biên này. Hughie, em đi về phía tây nam. Tôi đi về phía tây. Mẹ và Meggie thì đi về phía tây bắc. Còn Stuart, thì đi theo rìa đám cháy về phía bắc. Có điều đừng vội vã. Trời mưa khó nhìn rõ, thêm nữa đôi chỗ có cây che lấp. Hãy gọi thường xuyên vào, có thể ba ở một chỗ không nhìn thấy ta, nhưng nghe thấy tiếng hét gọi. Và nên nhớ là chỉ bắn nếu tìm thấy, ba không mang theo súng, ngộ nhờ ba nghe thấy tiếng súng ở xa, nhưng không đủ sức gào đáp lại cho ta nghe thấy, vậy thì tình cảnh ba sẽ ra sao?

Thôi, Chúa phù hộ cho ta may mắn!

Và như những người hành hương ở ngã tư cuối cùng, họ chia tay mỗi người mỗi ngã và dưới màn mưa xám xịt, họ tiếp tục đi, mỗi người theo hướng của mình, mỗi lúc một nhỏ dần cho đến khi không nhìn thấy nhau nữa.

Đi chưa được nửa dặm, Stuart nhìn thấy ngay ở mép đám cháy mấy cái cây cháy thành than. Ở đây có một cây wilga không cao lắm, lá cháy đen và quấn queo lại vì lửa, bây giờ nom giống cái đầu tóc xoắn của người da đen, còn ở rìa khoảng đất cháy trụi có

một gốc cây cụt đồ sộ cháy đen. Tất cả những gì còn lại ở con ngựa của bố trải ra dưới gốc cây khuynh diệp khổng lồ và dính bết vào đó do sức nóng của lửa, ngay ở đây có hai xác chó đen thui thảm thương, hai con chó của Paddy, cả hai con chân cẳng đều chống ngược như những đầu củi cháy dở. Stuart xuống ngựa, ủng ngập đến mắt cá trong thứ chất lỏng đen; cậu lấy súng ra khỏi cái bao buộc vào yên bằng đai da. Và cậu thận trọng bước đi, chân trượt trên than ướt. Môi cậu mấp máy cầu nguyện không thành tiếng. Nếu không có con ngựa và hai con chó, có lẽ cậu còn hi vọng rằng người bị lửa thiêu ở đây là một người thợ xén lông cừu phiêu lãng nào đó, hay chỉ là một gã lang thang nay đây mai đó. Nhưng Paddy đi ngựa, đem theo năm con chó, mà những người đi lang bạt trên các nẻo đường nước Úc thì không cưỡi ngựa, nếu có đem theo chó thì chỉ một con, không hơn. Mà ở đây ngay giữa địa phận Drogheda thì một người lừa gia súc hay chăn cừu ở phía tây, ở Bugela, không thể tạt vào sâu đến thế. Đi một quãng nữa, Stuart gặp thêm ba xác chó cháy thui nữa; năm con, cả thảy năm con. Cậu biết rằng sẽ không tìm được con thứ sáu, và cậu đã không tìm thấy.

Và kia, cách chỗ con ngựa không xa, sau cái thân cây đổ lúc đầu đã khiến cậu không nhìn thấy, có một khối đen của cái trước kia là con người. Không thể làm được. Loáng ướt dưới trời mưa, cái khối đó nằm ngửa, cong hình vòng cung, chỉ có vai và xương cùn chạm đất. Hai tay dang ra, cong gập lại ở khuỷu như giơ lên trời cầu nguyện, những ngón tay cong queo cháy đến tận xương bầu víu vào khoảng không. Chân cũng chạng ra, nhưng cong gập ở đầu gối, đầu lật ngửa – một cục đen sì, hai hố mắt trống rỗng nhìn trời.

Trong khoảng một vài phút, luồng mắt sáng suốt, nhìn thấy hết của Stuart hướng vào bố – cậu con trai nhìn thấy không phải là cái di hài khủng khiếp, mà là con người như lúc còn sống. Stuart giơ súng lên, bắn một phát, nạp đạn, bắn phát nữa, lại nạp đạn, bắn phát thứ ba. Từ xa có tiếng súng đáp lại, rồi ở xa hơn nữa, có thêm một tiếng súng nữa nghe chỉ văng vẳng. Liên đó Stuart chợt nhớ ra: tiếng súng gần có lẽ là mẹ và em gái trả lời. Mẹ và em gái đi về hướng tây bắc, cậu đi về hướng bắc. Không chờ hết năm phút đã ước định, cậu nạp đạn, quay về hướng nam và nổ súng. Lại nạp đạn, bắn phát thứ hai, lại nạp đạn, bắn phát thứ ba. Cậu đặt súng xuống đất, đứng nhìn về phía nam, lắng nghe. Bây giờ tiếng súng đáp lại thoát tiên từ phía tây vọng tới, tiếng súng của Bob, rồi đến tiếng súng của Jack hay Hughie, tiếng thứ ba mới là tiếng súng của mẹ. Stuart thở dài nhẹ nhõm, không nên để phụ nữ đến đây trước.

Cậu không nhìn thấy ở phía bắc, sau đám cây, xuất hiện một con lợn lòi – cậu không nhìn thấy, nhưng cảm thấy mùi. Con thú lực lưỡng, to kéch xù, bằng con bò cái, run rẩy và loạng choạng trên những chiếc chân khỏe ngấn ngùn, chúi đầu xuống đào dũi đất cháy sém. Tiếng súng làm cho nó lo sợ và cái đau hành hạ nó. Lớp lông đen thưa thớt bên sườn cháy sém, da bị bỏng đỏ tía lên; trong lúc Stuart nhìn về phía nam, một mùi ngon lành đánh về phía cậu – mùi da lợn quay đến giòn tan và mùi mỡ lợn, như vừa lấy khỏi lò. Sự ngạc nhiên đưa cậu ra khỏi trạng thái u trầm kì lạ suốt đời gắn bó với cậu, và cậu quay lại, vẫn còn nghĩ rằng xưa kia cậu đã từng ở đây, và mảnh đất hoang ướn át đen ngòm này hình như đã in dấu ở chỗ nào trong trí óc cậu từ khi cậu mới ra đời.

Cậu cúi xuống lấy khẩu súng và chợt nhớ là súng chưa nạp đạn. Con lợn lòi đứng sững tại chỗ, nhìn bằng cặp mắt nhỏ xíu đỏ đờ đờ vì đau đớn, hai cái răng nanh vàng khè nhọn hoắt như hai mảnh trăng lưỡi liềm to tướng cong lên phía trên. Đánh hơi thấy mùi thú dữ, con ngựa của Stuart hí lên; con lợn lòi quay phắt cái đầu nặng nề về phía có tiếng hí và chúi đầu xuống, sẵn sàng tấn công. Đây là hi vọng duy nhất để thoát thân. Stuart vội cúi xuống lấy súng, kéo khóa nòng đánh cách một tiếng, thọc tay kia vào túi lấy đạn. Mưa vẫn rơi đều đều, tiếng mưa rào rào át hết mọi âm thanh. Nhưng con lợn lòi đã nghe thấy tiếng kim loại lách cách, và phút cuối cùng, nó không lao vào con ngựa, mà lao vào Stuart. Phát bắn trực diện trúng ngay vào ngực con vật không chặn được nó. Những chiếc răng nanh đâm chéch ngược lên trúng vào bẹn. Stuart ngã xuống, máu vọt ra từ cái khóa vòi mở hết cỡ, thoáng chốc đã thấm đẫm quần áo, túa xuống đất.

Con lợn lòi xoay mình một cách vụng về (viên đạn đã có tác dụng), nó tiến về phía kẻ thù, sẵn sàng lại đâm bằng răng nanh, nhưng nó chững lại, chao nghiêng đi, loạng choạng. Cái khối thịt khổng lồ một trăm năm mươi pound^[64] đổ nghiêng đè lên Stuart, ấn mặt cậu xuống bùn đen nhào nhoét. Trong giây phút, cậu tuyệt vọng bám hai tay xuống đất, cố thoát ra; ấy thế đấy, trước nay cậu vẫn biết thế, bởi vậy chẳng bao giờ cậu hi vọng điều gì, chẳng mơ ước gì, chẳng dự tính gì, cậu chỉ quan sát, bằng tất cả bản thể thấm hút lấy thế giới sống động xung quanh, thành thử cũng không còn thời giờ để đau buồn về cái số phận dành sẵn cho mình. “Mẹ ơi, mẹ! Con không thể ở lại với mẹ nữa rồi, mẹ ơi!” – đấy là ý nghĩ cuối cùng của cậu khi tim vỡ ra.

* * *

– Không hiểu tại sao Stuart lại không bắn nữa nhỉ? Meggie hỏi mẹ.

Hai mẹ con cho ngựa đi nước kiệu về hướng đã hai lần nghe thấy ba tiếng súng từ đó vọng tới, bùn thụt sâu không cho họ đi nhanh hơn, và cả hai đều khổ tâm lo lắng.

– Chắc anh con cho rằng chúng ta đã nghe thấy. – Fee nói, nhưng trong ý thức bà hiện lên gương mặt Stuart vào lúc mọi người chia tay nhau đi tìm theo nhiều hướng, bà nhớ Stuart siết chặt tay bà, mỉm cười với bà như thế nào. – Bây giờ chắc là gần đến rồi. – Và bà cho ngựa phi nước đại, đất trơn khiến vó ngựa cứ trượt đi.

Nhưng Jack đã tới trước, tiếp theo là Bob, và họ cản đường hai người phụ nữ khi hai mẹ con vừa xuất hiện, đi theo rìa khu đất ướt nhão không bị lửa đung đến, tới gần chỗ đám cháy bắt đầu.

– Đứng đến đây, mẹ. – Bob nói khi Fee xuống ngựa.

Jack tới gần Meggie, giữ lấy vai em.

Hai cặp mắt xám hướng về hai người con trai, không có vẻ gì là bối rối, sợ hãi, mà là hiểu biết hết, dường như không phải giải thích gì nữa.

– Paddy phải không? – Fee hỏi, giọng lạc hẳn đi.

– Vâng. Và cả Stuart nữa.

Cả Bob và Jack đều không đủ can đảm nhìn mẹ.

– Stuart? Sao lại Stuart! Con nói gì lạ thế! Trời ơi, thế là thế nào, có chuyện gì vậy? Không, miễn là không phải cả hai, không!

– Ba bị hãm trong đám cháy bất ngờ. Ba đã chết. Stuart có lẽ đã làm cho con thú hoảng sợ, con vật đã nhảy xổ vào nó. Stuart bắn, nhưng con lợn lòi lao thẳng vào Stuart và đè lên nó. Nó cũng chết rồi, mẹ ạ.

Meggie gào thét thanh và vùng ra khỏi tay Bob, nhưng Fee như hóa đá, không để ý đến đôi tay vấy máu và nhọ nhem vết than của Bob, mắt bà ngây dại.

– Thế thì quá lắm. – Cuối cùng bà nói và nhìn Bob, nước mưa chảy ròn ròn trên mặt bà, những món tóc xổ ra xõa xuống cổ như vàng chảy. – Để mẹ đến với ba và em, Bob. Mẹ là vợ của một người và là mẹ của người kia. Con không thể ngăn giữ mẹ, con không có quyền. Để mẹ đến đây.

Meggie lặng yên trong vòng tay Jack, gục đầu xuống vai anh. Fee bước đi, giẫm lên những mảnh vỡ và những mẩu gỗ cháy dở. Bob đỡ mẹ, Meggie nhìn theo nhưng không rời khỏi chỗ. Hughie xuất hiện sau màn mưa; Jack nghiêng đầu về phía mẹ và Bob, ra hiệu với Hughie.

– Đi theo hai người, Hughie, đừng để mẹ và anh một mình. Anh với Meggie về Drogheda lấy xe ngựa. – Anh buông tay ra, đỡ em gái lên ngựa. – Ta đi đi, Meggie, sắp tối hẳn rồi. Không thể để mọi người ở đây suốt đêm được, mà ta chưa trở lại thì mẹ và các anh không rời khỏi đây đâu.

Nhưng không thể đánh xe đi được, bánh xe thụt trong bùn: cuối cùng Jack và già Tom dùng dây xích gắn chắc một tấm thép có nếp gợn vào bộ đồ thắng của hai con ngựa béo, Tom cưỡi con ngựa thứ ba dắt cương cặp ngựa này, còn Jack cưỡi ngựa đi trước và soi đường bằng cây đèn bão lớn nhất có thể tìm thấy ở

Drogheda.

Meggie ở lại nhà, cô ngồi trong phòng khách trước lò sưởi, Mrs. Smith hoài công khuyên nài cô ăn một chút gì; nước mắt rùng rùng trên mặt bà quản gia, bà đau lòng nhìn thấy sự tê dại thảm lạng này của nỗi đau xót không vỡ ra được thành tiếng nức nở. Rồi có tiếng gõ cửa, và Mrs. Smith ra mở cửa, bần khoản không hiểu ai có thể lần mò đến nhà giữa lúc đường sá kinh khủng thế này, và lần thứ một trăm bà sững sốt về việc tin tức lan truyền nhanh chóng nhường nào qua bao nhiêu dặm đường ngăn cách khu người ở đây với khu người ở khác trong cái vùng hoang vu này.

Đứng ở hành lang là một người mặc bộ đồ cưỡi ngựa, áo mưa vải sơn, toàn thân đầm nước và bê bết bùn: đó là cha Ralph.

– Vào được chứ, Mrs. Smith?

– Ôi chao, đức cha! – Bà kêu lên, và linh mục ngạc nhiên khi bà ôm chầm lấy cổ ông. – Làm sao cha biết được?

– Mrs. Cleary đánh điện cho tôi, nhân danh vợ của ông quản lí đại diện cho chủ sở hữu, tôi rất quý trọng tinh thần trách nhiệm của bà. Tổng giám mục đi Contini – Verchese cho phép tôi đi. Tên gọi kì thế đấy! Vậy mà hãy tưởng tượng tôi phải nhắc đi nhắc lại cái tên ấy một trăm lần một ngày. Tôi đi máy bay đến Gilly. Lúc hạ cánh, máy bay lật nhào, ở đấy tất cả đều ướt sũng, vì thế chưa ra khỏi máy bay tôi đã hiểu đường sá lầy lội như thế nào. Gilly với tất cả vẻ đẹp của nó là thế đấy. Tôi quẳng vali ở chỗ cha Watty, nài mượn ông chủ quán con ngựa, ông ta cho tôi là đỡ người và đánh cuộc với tôi một chai whisky rằng tôi sẽ sa lầy giữa đường. Nay thôi đi, Mrs. Smith, không nên khóc như vậy! Bạn

thân mến của tôi ơi, dù đám cháy khủng khiếp đến thế nào đi nữa thì đây cũng chưa phải là ngày tận thế. – Cha mỉm cười vỗ vai bà ta, đôi vai đang run lên trong tiếng nức nở. – Ô kìa, tôi cố gắng an ủi bà như thế mà bà không nghe tôi. Này thôi, đừng khóc nữa đi.

– Vậy ra cha không biết gì. – Bà ta khóc nức lên.

– Tôi không biết? Không biết cái gì? Có chuyện gì...? Đã xảy ra chuyện gì?

– Mr. Cleary và Stuart chết rồi.

Mặt cha trở nên trắng bệch, cha đẩy bà quản gia ra. Cha quát lên một cách lỗ mãng:

– Meggie đâu?

– Trong phòng khách. Mrs. Cleary vẫn còn ở trên bãi chôn thả, với những người đã khuất. Jack và Tom đã đem ngựa đi đón họ. Ôi, trình cha, cố nhiên con là người có đạo, nhưng đôi khi tự dưng nảy ra ý nghĩ Chúa trời sao mà tàn nhẫn quá! Tại sao Chúa lại lấy đi một lúc cả hai người?

Nhưng cha Ralph đã không còn nghe gì nữa, cha vào phòng khách, vừa đi vừa cởi áo mưa, để lại trên sàn những vệt ướt và bẩn.

– Meggie!

Cha đến gần, quì xuống cạnh chiếc ghế bành của cô, hai bàn tay ướt của cha siết chặt đôi tay giá băng của cô.

Cô trườn khỏi ghế bành, áp sát vào Ralph, ngả đầu vào chiếc sơ mi ướt sũng và nhắm mắt; mặc dù đau lòng và chua xót, cô vẫn cảm thấy hạnh phúc – ước gì phút này kéo dài mãi mãi! Cha đã đến, dù sao cô vẫn có uy quyền đối với cha, dù sao cô vẫn thắng.

– Ta ướt hết cả, Meggie yêu dấu, con cũng bị ướt mất thôi. –
Cha thì thâm, áp má vào tóc cô.

– Mặc. Cha đã đến.

– Ừ, ta đã đến. Ta muốn biết chắc rằng không có chuyện gì xảy ra với con, ta cảm thấy ở đây cần ta, ta muốn chính mắt nhìn thấy. Khủng khiếp thật, Meggie, cả ba con, cả Stuart... Sao lại đến nỗi như thế?

– Ba con bị mắc trong đám cháy, Stuart tìm thấy ba con. Anh ấy bị con lợn lòi giết chết, nó đè bẹp anh ấy khi anh ấy đã bắn trúng nó. Jack và Tom đã đi đón mọi người.

Cha không nói gì nữa, chỉ ôm lấy Meggie và đu đưa như dỗ đứa bé: rút cục hơi nóng lò sưởi đã làm khô áo sơ mi và tóc cha, còn Meggie, điều này cha cảm thấy rõ, trong vòng tay cha, cô không còn dờ dẫm lấm nữa. Thế là cha đỡ lấy cằm cô, nâng đầu cô lên cho đến khi hai đôi mắt gặp nhau, và không nghĩ ngợi, cha hôn cô. Một cử chỉ vô thức, không phải do dự vọng, mà chỉ là bất giác đáp lại cái mà cha nhìn thấy trong cặp mắt xám ấy. Một nghi thức không có cá tính, một loại phép ban thánh thể. Còn Meggie rút hai tay ra và chính cô ôm lấy cha: cha bất giác nhắm mắt, ối lên một tiếng ghen ngào vì đau. Meggie hơi lánh ra.

– Cha làm sao thế?

– Chắc là bị thương ở sườn khi máy bay hạ cánh. Máy bay đâm vào lớp bùn đáng mến của Gillanbone, ngập đến tận thân, hành khách bị xóc tung người lên. Rút cục ta bị ném lên lưng chiếc ghế bành phía trước.

– Để con xem nào.

Bằng những ngón tay vững vàng, Meggie cởi cúc chiếc sơ mi

ướt của cha, kéo ống tay áo, kéo áo ra khỏi thắt lưng của chiếc quần đi ngựa. Cô kêu lên một tiếng: dưới lớp da bánh mật nhẵn nhụi, dưới xương sườn một chút có một vết dài đỏ tía chạy từ sườn bên này sang sườn bên kia – một vết bầm máu xấu xí.

– Ôi, Ralph! Thế mà cha đi ngựa từ mãi tận Gilly đến đây! Thế thì đau biết chừng nào! Còn bây giờ cha thấy thế nào? Có chóng mặt không? Chắc là có cái gì thương tổn ở bên trong!

– Không đâu, ta vẫn nguyên lành, và lúc ngồi trên mình ngựa, ta không hề cảm thấy có gì khó chịu, nói thực đấy. Ta rất vội, lo lắng không biết con ở đây ra sao, và hẳn là ta không bụng dạ đâu mà để ý đến những vết dập thương. Nếu như ta bị chảy máu bên trong thì chắc sẽ cảm thấy ngay.... Meggie, chết nổi! Đừng làm thế!...

Đầu cúi thấp, cô thận trọng chạm môi vào cái vết đỏ tía, tay cô trượt trên ngực cha lướt về phía vai – sự khêu gợi cố ý của cử chỉ đó khiến Ralph bàng hoàng. Choáng váng, sợ hãi, cố thoát ra cho bằng được, cha đẩy đầu cô ra, nhưng chẳng hiểu thế nào mà cô lại lọt vào vòng tay cha – cô quấn lấy cha bằng những vòng cuộn của rằn và thít nghẹt ý chí của cha. Thế là quên cả đau đớn, quên cả nhà thờ thiêng liêng, quên cả Chúa. Cha tìm môi cô bằng cặp môi thềm thường, dán chặt vào đó, háo hức, không biết chán, ra sức ghì chặt cô vào mình, cố làm đã cơn rạo rục quái gỡ, không sao đè nén được. Meggie ngửa cổ ra, phơi trần vai, làn da mát rượi của cô mềm mại óng ả hơn bất cứ thứ lụa nào: và cha có cảm giác là cha đang chìm ngụp xuống mỗi lúc một sâu, ngạt thở, bất lực. Cái bản chất người tội lỗi của cha đã thành một sức nặng ghê gớm đè bẹp linh hồn bất tử, và những tình cảm bị kìm nén lâu ngày – thứ rượu vang đắng đen tối – đột nhiên tràn ra. Cha muốn

khóc nức lên: những giọt thềm muộn cuối cùng đã cạn khô dưới sức nặng của cái bản chất người tội lỗi ấy và cha giằng tay Meggie khỏi thân thể đáng thương của mình, dịch ra một chút, ngồi xổm xuống, đầu cúi gục, và như để hết tâm trí mãi miết ngắm nhìn đôi tay mình run run rơi thõng xuống đùi. Em đã làm gì ta, Meggie, em sẽ làm gì ta nếu ta chiều theo em?

– Ta yêu con, Meggie ạ, ta sẽ mãi mãi yêu con. Nhưng ta là linh mục, ta không thể... thực quả là ta không thể làm thế được!

Meggie đứng phắt dậy, sửa lại chiếc áo cánh, nhìn cha từ trên xuống, gắng gượng mỉm cười, nụ cười gượng ấy chỉ càng làm lộ rõ hơn nỗi đau thất bại trong đôi mắt xám.

– Không sao, Ralph. Con sẽ đi xem Mrs. Smith có gì cho cha ăn không, rồi sẽ đem dầu xoa bóp của ngựa đến. Thứ dầu đó chữa vết dập thương rất hiệu nghiệm; nó làm hết đau liền, kiến hiệu hơn những cái hôn nhiều lắm, con dám nói như vậy.

– Điện thoại có gọi được không? – Cha thốt lên một cách khó nhọc.

– Có. Hai giờ trước người ta đã chằng đường dây tạm thời ngay trên cây và mắc máy nhà này vào mạng lưới điện thoại.

Nhưng khi cô đã đi ra, cha còn mất mấy phút nữa để tập trung sức lực, rồi mới ngồi vào bàn viết của Fiona.

– Cho xin đường dây giữa các thành phố. Đây là linh mục de Bricassart ở Drogheda.... Chào chị, Doreen, vậy ra chị vẫn ở trạm điện thoại. Tôi cũng rất vui mừng nghe thấy tiếng chị. Ở Sydney không thể nhận ra được tiếng các cô điện thoại viên, chỉ có một giọng tẻ nhạt, bực bội đáp lại. Tôi cần nói chuyện gấp với Đức Tổng giám mục Khâm mạng giáo hoàng ở Sydney. Số hai mươi –

hai mươi ba – hai mươi tư. Còn trong lúc chờ Sydney trả lời, xin cho tôi Bugela.

Cha vừa kịp nói với Martin King về sự việc đã xảy ra thì người ta đã nổi đường dây để cha nói chuyện với Sydney, nhưng cũng chỉ cần nói với Bugela vài lời thôi. Từ Kinh và những người nghe lỏm trên đường dây, tin sẽ lan ra khắp Gillanbone, và những người nào đủ can đảm ra đi giữa lúc đường sá hư hỏng như thế này sẽ kịp thời đến đưa đám.

– Đức ông phải không ạ? Ralph de Bricassart đây... Dạ vâng, cảm ơn Người, tôi đến nơi bình yên, nhưng máy bay gặp rủi ro khi hạ cánh, sa lầy trong bùn, vì vậy sẽ phải trở về bằng xe lửa... Trong bùn, thưa Đức ông, trong bùn! Không, thưa Đức ông, trời mưa khiến đường sá hư hỏng hết, đi xe không được, đi bộ cũng không được. Từ Gillanbone đến Drogheda phải đi ngựa, trời mưa thì tuyệt nhiên không còn khả năng nào khác... Vì thế tôi gọi điện, thưa Đức ông. May là tôi đã ra đi. Hẳn là tôi có linh cảm gì đó... Dạ, xấu, rất xấu, Padraic Cleary và con trai ông là Stuart đã chết – một người chết cháy, người kia bị con lợn lòi giết chết. Con lợn lòi, thưa Đức ông, lợn lòi, thứ lợn rừng hung tợn... Vâng, Đức ông nói đúng, tiếng địa phương có những cái kì quặc...

Những người nghe lỏm “a” lên một tiếng, và cha bất giác nhếch mép cười. Không thể quát vào ống nói – này, tất cả các người hãy thôi đi, đừng nghe trộm, – tất cả những người Gillanbone cách biệt nhau những khoảng cực rộng không còn cách tiêu khiển nào khác, nhưng nếu tất cả bọn họ không nói vào đường dây thì Tổng giám mục sẽ nghe rõ hơn nhiều.

– Thưa Đức ông, nếu Người cho phép, tôi sẽ ở lại đây dự đám tang và lo liệu cho người vợ góa và những người con còn lại...

Vâng, xin cảm ơn Đức ông. Tôi sẽ trở về Sydney ngay khi nào có thể được.

Cô điện thoại viên cũng nghe cuộc nói chuyện: cha Ralph báo ngừng và lại nhắc ông nói lên.

– Làm ơn lại cho tôi xin Bugela, Doreen.

Cha nói chuyện mấy phút với Martin King và quyết định rằng tiết trời mùa đông tháng tám đủ lạnh để có thể hoãn mai táng đến ngày kia. Nhiều người muốn đến đưa đám, mặc dù đường sá hư hại và sẽ phải đi ngựa; nhưng sẽ mất nhiều thời gian và sức lực đi đường.

Meggie trở lại mang theo dầu xoa bóp, nhưng không tỏ ý muốn tự tay xoa vết thương cho cha, mà chỉ lẳng lặng đưa cái lọ thuốc. Và thông báo một cách khô khan: một giờ nữa Mrs. Smith sẽ mời khách một bữa ăn tối nóng sốt trong nhà ăn nhỏ, vì vậy cha còn đủ thời giờ đi tắm. Cha Ralph bứt rứt trong lòng – không hiểu vì sao, rõ ràng Meggie cho rằng cha đã đánh lừa những hi vọng của cô, nhưng vì sao cô nghĩ như vậy, có gì cô oán trách cha? Thì cô thừa biết cha là loại người nào, vậy thì tại sao cô giận cha?

Một sớm tinh mơ ẩm đạm, tốp người cưỡi ngựa mang theo thi hài những người chết đến được bờ con sông nhỏ và dừng lại ở đây. Sông Gillan vẫn chưa tràn bờ, nhưng đã thành con sông lớn thực sự, chảy xiết và đầy nước, sâu tới ba mươi *feet*. Cha Ralph cưỡi con ngựa hồng của mình bơi qua sông sang gặp họ, cha đã choàng khăn lễ: tất cả những thứ còn lại cần cho linh mục thì đã có sẵn trong chiếc vali nhỏ của cha cột vào yên ngựa. Fee, Bob, Jack, Hughie và Tom đứng xung quanh, còn cha mở tấm vải phủ thi hài và chuẩn bị làm lễ xúc dầu lần chót. Sau Mary Carson,

không còn cái gì làm cha kinh tởm được nữa; nhưng ở Paddy và Stuart cũng không có cái gì đáng gớm ghét. Mặt cả hai đều sạm đen – mặt Paddy thì vì lửa thiêu, mặt Stuart thì vì nghệt thỏ, nhưng cha hôn cả hai một cách trù mến và trân trọng.

Hai con ngựa chở hàng kéo tấm thép nặng có đường gợn vượt mười lăm dặm qua các hố nước và ổ gà, để lại phía sau một vết trũng sâu, vết sẹo trong đất mà ngay cả cỏ rậm sẽ mọc lên trong những năm sắp tới cũng không che lấp được. Nhưng tiếp đó dường như đã tận đường – chỉ còn một dặm nữa là đến Nhà Lớn của Drogheda, nhưng không thể vượt qua con sông cuộn sóng âm ỉ. Thế là mọi người đứng nhìn những ngọn cây khuynh diệp kì ảo mà từ đây cũng nhìn thấy dù là qua màn mưa.

Bob quay về phía cha Ralph.

– Tôi nghĩ ra rồi. – Bob nói – Thừa đức cha, cha sẽ phải làm việc đó thôi, chỉ có ngựa của cha là không kiệt sức. Ngựa của chúng tôi chỉ đến được bờ bên này, chúng không đủ sức làm gì hơn nữa, chúng đã lê chân trong bùn và chịu lạnh bao nhiêu lâu rồi. Cha hãy đi ngựa về trang viên, ở đấy sẽ tìm thấy những thùng xăng dùng rồi, sức chứa bốn mươi tư ganlông, cần nắp lại thật kín, sao cho nắp không trật trẹo và không có khe hở. Cùng lắm thì hàn. Cần mười hai cái, ít nhất là mười. Buộc lại với nhau và đưa sang bờ bên này. Chúng ta sẽ kê những thùng đó xuống dưới tấm thép và gắn chắc vào, toàn bộ cái đó qua sông như chiếc phà.

Phải, cách đó là hợp lí nhất, và cha Ralph đi. Ở Nhà Lớn, cha bắt gặp Dominic O'Rourke ở Dibban – Dibban với hai con trai: xét theo khoảng cách ở đây, O'Rourke là láng giềng gần nhất. Cha Ralph giải thích công việc cần làm và họ lập tức bắt tay vào việc – sục sạo vào các nhà kho tìm những thùng xăng đã dùng hết, trút

hết lúa mạch, cám và những thực phẩm dự trữ khác đựng trong đó ra, tìm nắp đậy, hàn kín vào những thùng chưa bị gỉ, bề ngoài nom còn đủ chắc để chịu được tải nặng vượt qua con sông cuộn cuộn. Trời vẫn mưa tầm tã. Và còn mưa liên tiếp hai ngày nữa.

– Dominic, phải nhờ ông điều này nữa tôi rất ngại ngần, nhưng khi anh em nhà Cleary về đến đây thì họ đã mệt gần chết rồi. Lẽ mai táng vào ngày mai, không thể để chậm hơn nữa, và cho dù người thợ làm quan tài ở Gilly có làm kịp đi nữa thì đường sá thế này cũng không đưa về đây được. Liệu người nhà ông có ai làm giúp được hai cái quan tài không? Còn việc đưa những chiếc thùng sang bờ bên kia thì tôi chỉ cần một người giúp việc là đủ.

Các con trai O'Rourke gật đầu; họ chẳng muốn nhìn thấy Paddy và Stuart đã bị lừa và lộn lỏi biến thành cái gì.

– Chúng con sẽ làm quan tài, ba ạ.- Liam nói.

Ngựa của cha Ralph và Dominich thoát tiên kéo những chiếc thùng trên mặt đất, rồi kéo qua sông sang bờ bên kia.

– Thừa đức cha! – Dominic gào to lúc đang đi. – Chúng ta không tội gì phải đào huyệt trong bùn lầy như thế này! Trước kia tôi nghĩ rằng Mary là con người kiêu ngạo, cần gì phải xây lăng bằng cẩm thạch ở sau nhà cho Michael, nhưng bây giờ thì tôi sẵn lòng hôn bà ta về công trạng đó.

– Đúng đấy! – Cha Ralph gào lên trả lời.

Những chiếc thùng được gắn chắc dưới tấm thép, sáu chiếc mỗi bên, người ta buộc thật chắc tấm vải bạt phủ bên trên, và dắt mấy con ngựa tải hàng kiệt quệ lội qua sông, kéo căng sợi cáp mà rút cục sẽ phải lôi cái mảng sang. Dominic và Tom cưỡi con ngựa cao lớn ấy sang sông và khi đã ở bờ bên kia, trên chỗ cao nhất, họ

dừng ngựa và ngoảnh lại nhìn, những người còn lại kéo cái mảng tự làm lầy, lôi nó trên bờ sông xuống sát mép nước và đẩy nó xuống nước. Trước những lời cầu nguyện và dỗ dành vô vọng của Tom và Dominic, những con ngựa cất vó đi bước một, và chiếc mảng từ từ trôi sang sông. Nó chòng chành rất dữ, nhưng vẫn nổi trên mặt nước và sang được bờ bên kia. Không mất thời giờ tháo phao, Tom và Dominic tiếp tục cho ngựa đi về phía Nhà Lớn, và bây giờ chiếc xe tải tự làm chuyển động dễ hơn là khi chưa gắn những thùng xăng.

Đường vào thoải thoải dẫn đến cổng khu xén lông cừu, ở phía mà người ta thường đưa các kiện len ra, và họ đưa cái mảng chở thi hài vào ngôi nhà rộng mênh mông, trống vắng, ở đó mùi hắc ín, mùi mồ hôi, mỡ cừu và phân cừu khiến người ta ngạt thở. Minnie và Cat mặc áo mưa là những người đầu tiên đến làm tròn cái bổn phận đau xót, quì hai bên cỗ xe tang bằng thép, thế là nổi lên tiếng tràng hạt lách cách và tiếng nói đều đều, lúc thì nhỏ đi, lúc thì to lên, theo cái nghi thức quen thuộc đã nhập tâm.

Trong nhà, người đến thêm đông. Đây là Duncan Gordon ở Each-Uisge, Gareth Davies ở Narrengang, Horry Hopeton ở Beel – Beel, Eden Carmichael ở Barcoola. Ông già Angus MacQueen dọc đường đã đón chặn đoàn tàu chở hàng của địa phương đang ì ạch bò đi, rồi lên tàu đi cùng người thợ lái đến Gilly, sau đó ông mượn ngựa của Harry Gough và cùng với ông này cưỡi ngựa vượt nốt quãng đường còn lại. Đường sá lầy lội, hư hại như thế mà ông đã vượt qua đến hơn hai trăm dặm.

– Tôi trần trụi như con chim ưng, thừa đức cha. – Sau này Horry nói với cha Ralph khi tất cả bảy người bọn họ đã ngồi trong phòng ăn nhỏ dùng món bánh nướng nhân thịt với bầu dục. –

Lửa đã đi qua khắp đất đai của tôi, từ đầu nọ đến đầu kia, không còn lấy một con cừu, một cái cây. Ôn trời những năm gần đây làm ăn không đến nỗi kém, tôi chỉ có thể nói một điều như vậy. Tôi có đủ tiền mua cừu, nếu còn mưa một thời gian nữa, cỏ sẽ mọc ngay tấp lự. Nhưng cầu Chúa cho chúng ta thoát khỏi những tai họa mới ít ra là mười năm, cha Ralph ạ, tôi không còn xu nào thừa ra để phòng ngừa những ngày đen tối.

– Ở nhưng đất của anh nhỏ hơn, Horry ạ. – Gareth Davies nói, thích thú ra mặt vì món bánh nướng bỏ tơi tan ra trong miệng (Mrs. Smith làm món này rất tài tình): bất cứ tai ương nào cũng không thể làm cho người ở vùng đồng bằng nước Úc ăn mất ngon một thời gian lâu; họ cần ăn cho đầy để đủ sức trụ vững. – còn tôi đã mất ước chừng một nửa số bãi chăn, và tệ hại hơn nữa, chừng hai phần ba số cừu. Xin hãy cầu nguyện cho chúng tôi, thưa đức cha.

– Ở đúng, – Ông già Angus đỡ lời. – Tôi không đến nỗi gay như thế, ông bạn Horry của chúng tôi gay hơn nhiều, và Harry cũng thế, nhưng dù sao cũng gay, thưa đức cha. Tôi có sáu mươi ngàn acres bị lửa liếm sạch và một nửa số cừu tiêu ma. Lúc này, đôi khi tôi nghĩ: ta bỏ Skye ra đi từ hồi trai trẻ thật là dại dột.

Cha Ralph mỉm cười:

– Cái đó sắp qua rồi, chính ông biết đấy, Angus ạ. Ông rời bỏ đảo Skye vì nguyên nhân cũng như tôi rời bỏ Clunamara. Ở đấy ông cảm thấy bị gò bó.

– Cái gì đúng thì trước sau vẫn là đúng. Thạch thảo cháy ít nóng hơn khuyneh diệp nhiều, phải không, thưa đức cha?

* * *

Đây sẽ là một đám tang kì lạ, cha Ralph nghĩ khi nhìn xung quanh: không có phụ nữ, trừ những phụ nữ ở Drogheda này, ở các trang trại láng giềng chỉ có đàn ông đến đưa đám.

Khi Mrs. Smith đã cởi áo ngoài cho Fiona, lau khô cho bà và đặt bà vào chiếc giường trước đây bà vẫn cùng nằm với Paddy, Ralph muốn cho người đàn bà góa một liều thuốc ngủ mạnh. Fee dứt khoát không chịu uống, bà khóc nức lên không sao nén lại được, thế là cha Ralph thẳng tay bóp mũi bà và bắt bà phải uống thuốc. Kì lạ, cha không bao giờ nghĩ rằng người phụ nữ này có thể mất tự chủ. Thuốc ngấm nhanh, thì đã một ngày đêm bà không ăn gì mà. Bà thiếp đi, ngủ say lì, và cha Ralph thở phào nhẹ nhõm. Cha biết từng bước đi của Meggie; bây giờ cô ở trong bếp, giúp Mrs. Smith nấu ăn cho mọi người. Các anh cô đang ngủ, họ đã mệt lử, chỉ còn đủ sức cởi bỏ quần áo ướt. Khi Cat và Minnie đã làm xong bốn phận trong căn nhà trống vắng không có đèn, cầu nguyện cho những người đã khuất theo đúng tục lệ, Gareth Davies và con trai là Enoch vào thay họ. Những người còn lại phân phối trước thời gian với nhau, cứ mỗi tiếng hai người vào, đồng thời vẫn tiếp tục ăn và chuyện trò.

Trong số các chàng trai đến cùng với bố, không người nào vào phòng ăn nhỏ của người lớn. Tất cả đều tụ tập ở bếp như thể để giúp Mrs. Smith, nhưng thực ra là để nhìn Meggie. Hiểu điều đó, cha Ralph vừa bực bội vừa cảm thấy nhẹ nhõm. Thế là phải thôi, cô sẽ phải kén một người nào trong số các chàng trai trẻ tuổi ấy làm chồng, điều ấy không tránh khỏi. Enoch Davies hai mươi

chín, tóc sẫm màu và mắt đen như than, vì thế người ta đặt cho anh cái biệt hiệu là gã “Welshman đen”^[65], anh ta rất đẹp trai; Liam O’Rourke hai mươi sáu, em anh ta là Rory kém anh ta một tuổi, cả hai đều tóc màu sáng, mắt xanh; Connor Carmichael nhiều tuổi hơn hết, anh ta ba mươi hai, giống em gái như hai giọt nước – cũng có một vẻ đẹp hơi khiêu khích; trong đám ấy, cha Ralph ưng nhất Alastair, cháu của già Angus, anh ta gần tuổi Meggie hơn – mới hai mươi tư, một chàng trai rất dễ thương, có cặp mắt xanh huyền diệu hệt như mắt ông, đích thực là mắt người Scotland, còn tóc thì đã ngả bạc, đấy là đặc tính di truyền của gia đình. Mong sao Meggie yêu một người nào trong bọn họ và lấy người đó, rồi họ sẽ có con; cô mong có con lắm mà. Lạy Chúa tôi, cầu xin Chúa ban cho con ân huệ đó, con sẽ vui sướng chịu đựng nỗi đau do tình yêu của con với cô ấy gây nên, con sẽ vui sướng.

* * *

Hai cái quan tài ấy không phủ hoa, và tất cả các bình hoa quanh nhà nguyện gia đình đều trống không. Có bao nhiêu hoa còn nguyên vẹn sau đợt nóng ghê gớm hai ngày trước đều bị mưa làm rụng hết, chúng nằm bẹp trong bùn như những con bướm chết. Không một cành nhánh xanh, không một bông hồng sớm. Mọi người đều mệt mỏi vô hạn. Cả những người đã lê bước hàng chục dặm trên đường lầy lội để bày tỏ tình cảm tốt lành của họ với Paddy, cả những người chờ thi hài, cả những người đã kiệt lực vì nấu nướng giặt giũ: cha Ralph cũng mệt kinh người, cử động

như trong mơ và cố tránh nhìn khuôn mặt gầy rộc đi và sầm tối của Fiona, vẻ đau xót lẫn với giận dữ của Meggie, còn Bob, Jack, Hughie ủ rũ đứng áp sát vào nhau trong nỗi đau xót chung...

Cha không đọc lời điếu: Martin King thay mặt tất cả những người có mặt ở đây nói mấy lời thành thật và cảm động, và cha Ralph lập tức bắt đầu làm lễ cầu hồn. Chén lớn, mình thánh và khăn lễ tất nhiên cha có mang theo về Drogheda, bất cứ linh mục nào đến giúp đỡ và an ủi cũng đều mang theo những thứ đó, nhưng áo lễ cần thiết thì cha không có sẵn và ở Nhà Lớn cũng không còn. Nhưng ông già Angus dọc đường đã ghé qua linh mục ở Gillanbone, lấy áo lễ tang dùng cho lễ cầu hồn, bọc vào tấm vải sơn, buộc vào yên ngựa và mang đến. Bây giờ cha Ralph mặc áo chùng đen và áo lễ, trong lúc đó mưa quất vào kính và giội xuống mái tôn ở trên cao hai tầng nhà.

Rồi họ ra ngoài, phơi mình dưới mưa rào mờ mịt, kéo đi trên đồng cỏ đã trở nên nâu sạm, bị thiêu đốt bởi hơi lửa đám cháy, tiến về phía cái nghĩa trang nhỏ có tường vây màu trắng. Lần này người ta sẵn sàng ghé vai khiêng những cỗ quan tài đơn sơ tự làm lấy và bước đi, trơn trượt và bước hụt trong bùn lũng, mưa quất vào mặt, không nhìn rõ mình đặt chân vào đâu. Trên mộ người nấu bếp Trung Quốc, những chiếc chuông nhỏ ngân nga ảo não: Hee Sing, Hee Sing, Hee Sing.

Sau đó mọi việc xong xuôi. Những người láng giềng lên đường trở về, gò người trên yên dưới áo mưa, người thì chìm đắm trong những ý nghĩ buồn nản vì sự phá sản sắp tới, người thì tạ ơn thượng đế vì đã tránh được cái chết và lửa. Cả cha Ralph cũng sửa soạn lên đường, cha biết rằng cần mau mau ra đi, không thì cha sẽ không thể đi được.

Cha đến gặp Fiona, bà ngồi bên bàn viết, lặng thinh, hai tay buông thõng, nhìn chăm chăm vào cha bằng cặp mắt không nhìn thấy gì.

– Bà có chịu đựng nổi không, Fee? – Cha hỏi và ngồi xuống trước mặt để nhìn thấy mặt bà.

Bà nhìn linh mục – một tâm hồn câm lặng, đã lịm tắt, và cha cảm thấy ghê sợ, cha nhắm mắt lại giây lát.

– Vâng, thưa cha Ralph, tôi chịu đựng được. Tôi cần phải tính toán, tôi còn năm con trai... Thậm chí là sáu, nếu kể cả Frank, song có lẽ không nên kể Frank, phải không ạ? Không lời nào nói lên được lòng biết ơn của tôi về việc cha đã chăm lo đến Frank, thật là niềm an ủi cho tôi khi biết rằng có người nào chăm sóc nó, làm cho đời nó đỡ khổ đôi chút. Ước gì tôi được gặp nó dù chỉ một lần thôi!

Bà ấy như ngọn hải đăng, cha Ralph nghĩ – nỗi đau xót bùng lóe lên mỗi lần ý nghĩ đi hết vãn cái vòng tròn ấy để rồi trở lại với Frank... tình cảm ấy quá mạnh, không thể kìm hãm được. Sự bùng sáng chói lòa, rồi lại một thời gian dài không một lần hé sáng.

– Fee, tôi thấy có một số điều bà cần suy nghĩ.

– Vâng, điều gì kia ạ? – Rồi bà lại lặng đi.

– Bà vẫn nghe tôi chứ? – Cha hỏi bằng giọng gay gắt, cảm thấy lo ngại hơn trước kia, một nỗi sợ bất ngờ.

Một lúc lâu, cha tưởng chừng như Fee thu mình vào vỏ kín đến mức giọng gay gắt của cha không thể nào lọt qua được lớp vỏ giáp ấy, nhưng ngọn hải đăng lại bùng sáng, môi bà run run.

– Tội nghiệp Paddy của tôi! Tội nghiệp Stuart của tôi! Tội

nghiệp Frank của tôi! – Bà rên rí.

Liền đó bà lại như tự kẹp mình trong cái gọng kìm thép, như thể bà quyết ý mỗi lần lại ẩn mình trong bóng tối lâu hơn, để ánh sáng suy kiệt đi và không còn bừng lên trong bà nữa cho đến chót đời.

Bà đưa mắt nhón nhác nhìn căn phòng, như không nhận ra, rồi nói:

– Vâng, cha Ralph, tôi vẫn nghe cha.

– Thế con gái bà thì sẽ thế nào, Fee? Bà còn có cả con gái, bà quên rồi sao?

Đôi mắt xám nhìn cha gần như với vẻ thương hại.

– Phụ nữ không nhớ đến con gái. Con gái là cái gì kia chứ? Chỉ là sự nhắc lại nỗi đau, là đứa con giống như bản thân mình, nhất thiết phải qua những lận đận y như mình, phải nai lưng ra gánh vác những khó nhọc cũng như thế và khóc bằng giọt lệ cũng như thế. Không, thưa đức cha, tôi cố quên đi rằng tôi có con gái, và nếu tôi nghĩ đến nó thì tôi coi nó cũng như con trai. Con trai thì người mẹ không bao giờ quên.

– Có bao giờ bà khóc không, Fee? Tôi chỉ thấy bà rơi lệ có một lần.

– Và cha sẽ không bao giờ thấy nữa, tôi đã chấm dứt hẳn nước mắt. – Toàn thân bà run lên. – Cha có biết tôi sẽ nói gì với cha không, thưa cha Ralph? Chỉ mới hai ngày trước, tôi mới hiểu tôi yêu Paddy biết nhường nào, nhưng khám phá đó, cũng như mọi cái trong đời tôi, đều đến quá muộn. Quá muộn với nhà tôi, và cả với tôi nữa. Giá như cha biết điều đó đáng sợ nhường nào: tôi không còn được ôm nhà tôi nữa, không còn có thể nói với nhà tôi

rằng tôi yêu ông ấy biết mấy! Cầu Chúa đừng bắt ai phải trải qua cảnh ngộ như thế!

Cha quay đi, để khỏi phải nhìn thấy khuôn mặt méo xệch như bị tra tấn của Fee, để bà có thời gian lại đeo tấm mặt nạ điềm tĩnh, để cho mình có thời gian tìm hiểu điều bí ẩn mang tên là Fee.

– Chẳng bao giờ có ai trải qua được nỗi đau của người khác, số phận dành cho mỗi người nỗi đau riêng. – Cha nói.

Fee nhếch mép cười khắc nghiệt.

– Vâng. Điều đó an ủi ta nhiều năm, phải không ạ? Có lẽ chẳng có gì đáng ghen tị, nhưng nỗi đau của tôi chỉ là của riêng tôi mà thôi.

– Bà có bằng lòng hứa với tôi một điều không, Fee?

– Cha cứ dạy bảo.

– Bà hãy chăm sóc Meggie, đừng bỏ quên cháu. Cháu nó cần đến dự các cuộc khiêu vũ, gặp gỡ các chàng trẻ tuổi, hãy để cho nó nghĩ đến chuyện lấy chồng, lập gia đình riêng. Hôm nay tôi thấy tất cả các chàng trai nhìn nó bằng con mắt như thế nào. Hãy cho nó có dịp gặp lại bọn họ trong một hoàn cảnh khác, không buồn thảm như thế.

– Xin lĩnh ý cha, thưa cha Ralph

Cha thở dài và để Fee ở lại một mình, còn bà vẫn nhìn đôi tay gầy guộc cắt không ra hột máu của mình, nhưng chẳng nhìn thấy gì hết.

* * *

Meggie đưa tiền cha ra đến chuồng ngựa, ở đấy con ngựa thiến sắc hồng của ông chủ quán ở Gillanbone đã hai ngày đêm được ăn cỏ khô trộn cám đến no ứ, chẳng khác nào được sống trên thiên đàng của ngựa. Cha Ralph lẳng lên lưng nó cái yên cũ nát của ông chủ quán, cúi xuống thít đai bụng, còn Meggie đứng tựa vào bao lớn, dõi nhìn cha. Nhưng cha đã đóng yên xong và vươn thẳng người lên.

– Trình cha, cha xem con đã tìm được cái gì. – Meggie nói và chìa tay ra, trên lòng bàn tay cô là một bông hồng phơn phớt màu tro nhợt nhạt. – Chỉ có bông này nở. Con tìm thấy nó ở sân sau, ở đấy có một bụi hồng dưới những cột đỡ kết nước. Chắc là trong thời gian lửa cháy, nó được che chở không bị hơi nóng làm hại, rồi sau đó tránh được mưa vùi dập. Con hái cho cha đấy. Để cha giữ làm kỉ niệm về con.

Cha chìa tay ra, bàn tay hơi run, cha đứng một lát nhìn bông hoa bé nhỏ mới hé nở trong lòng bàn tay.

– Meggie, bây giờ cũng như về sau, ta chẳng cần cái gì nhắc ta nhớ đến con. Con luôn luôn ở bên ta, chính con cũng biết như thế. Dù sao ta cũng không giấu nổi con điều gì, phải không nào?

– Nhưng đôi khi dù sao vẫn là điều hay nếu như có thể sờ mó được kỉ niệm. – Meggie nài. – Cha sẽ lấy nó ra xem, nó sẽ gọi cho cha nhớ đến điều mà không có nó thì cha có thể quên đi. Xin cha hãy cầm lấy, thưa đức cha.

– Tên ta là Ralph. – Cha nói. Cha mở cái túi du lịch nhỏ trong đó cha mang theo tất cả những gì cần thiết cho một linh mục và lấy quyển kinh có bìa khảm xà cừ đắt tiền. Ông thân sinh của cha, qua đời lâu rồi, đã tặng cha quyển kinh này khi cha thụ

phong chức thánh, mười ba năm về trước. Cuốn sách mở ra ở trang có kẹp dải đánh dấu – một băng lụa trắng bèn chắc rộng khổ: cha lật mấy trang nữa, đặt bông hồng vào và gập sách lại. – Hẳn con muốn ta để lại cho con một vật gì làm kỉ niệm, Meggie, ta hiểu đúng không?

– Vâng.

– Ta sẽ không cho con một thứ gì như thế. Ta muốn con quên ta đi, ta muốn con xem xét xung quanh và tìm lấy một người chồng tử tế, nhân hậu, và rồi con sẽ có con, xưa nay con vẫn muốn có con lắm mà. Con sinh ra là để làm mẹ. Trong tương lai của con không có chỗ cho ta, hãy bỏ ý nghĩ ấy đi. Ta không bao giờ từ bỏ chức sắc của ta và vì bản thân con, ta nói thẳng thắn và thành thật với con: ta không muốn từ bỏ chức sắc của ta, bởi vì ta yêu con không phải như tình yêu của chồng đối với vợ, con nên hiểu điều đó. Hãy quên ta đi, Meggie!

– Thế cha không hôn con trước khi chia tay à?

Thay cho câu trả lời, cha nhảy lên con ngựa hồng, cho ngựa đi bước một ra lối cửa chuồng ngựa và vẫn ngồi trên yên, cha chụp lên đầu chiếc mũ phớt cũ kĩ của người chủ quán. Cha ngoảnh lại nhìn giây lát, cặp mắt xanh lóe sáng, rồi ngựa ra dưới trời mưa, móng trơn trượt trên mặt đất, miễn cưỡng bước đi trên con đường lầy lội về Gilly. Meggie không đi theo lấy một bước, cô vẫn ở trong cái chuồng ngựa ẩm ướt tranh tối tranh sáng bốc lên mùi cỏ khô và mùi phân ngựa, và cô chợt nhớ đến cái nhà kho nọ ở New Zealand và Frank.

* * *

Ba mươi tiếng sau, de Bricassart vào gặp Khâm mạng giáo hoàng, đi ngang qua căn phòng, hôn nhẫn trên tay cha linh hồn của mình và mệt mỏi ngồi xuống chiếc ghế bành. Chỉ khi cảm thấy cái nhìn của cặp mắt tuyệt đẹp thấu hiểu tất cả chiếu vào mình, cha mới hiểu rằng bộ dạng của cha lúc này hẳn là kì lạ lắm, vì thế lúc cha vừa xuống tàu ở ga trung tâm, mọi người đều nhìn cha ngạc nhiên. Cha quên băng mắt chiếc vali để lại ở Gilly, chỗ Watty Thomas khả kính, phút cuối cùng cha nhảy lên chuyến xe thư ban đêm và ngồi trong toa xe không sưởi ấm, vượt suốt sáu trăm dặm, trên người chỉ mặc sơ mi, quần ống bó và ủng cưỡi ngựa, ướt như chuột lột, mà thậm chí không cảm thấy lạnh. Bây giờ cha nhìn lại mình, mỉm cười ngượng ngập và ngược nhìn Tổng giám mục.

– Xin Đức ông thứ lỗi. Có bao nhiêu chuyện xảy ra đến nỗi tôi không hề nghĩ đến việc bộ dạng tôi nom kì quặc như thế nào.

– Chẳng cần xin lỗi, Ralph ạ. – Khác với người nước mình, Đức Khâm mạng thích gọi viên bí thư của mình chỉ bằng tên. – Theo tôi, cha nom rất lãng mạn và hiên ngang. Song có phần không giống nhà tu hành, phải không nào?

– Dạ đúng thế, hình dạng nom quá thế tục. Còn về vẻ lãng mạn và hiên ngang thì thưa Đức ông, chẳng qua là Người không quen nhìn loại y phục bình thường nhất ở vùng chúng tôi.

– Ralph thân mến của tôi, dù cha có nảy ra ý định mặc quần áo cũ rách và rắc tro lên đầu thì cha vẫn khéo tìm cách làm cho mình nom hiên ngang và lãng mạn! Nhưng bộ y phục đi ngựa thực quả là rất hợp với cha. Cũng gần như bộ áo chùng, đừng phí lời cam đoan với tôi rằng tuồng như cha không biết nó hợp với

cha hơn bộ áo đen thày tu. Cử chỉ của cha vốn có vẻ duyên dáng đặc biệt, và cha giữ được vóc dáng tuyệt đẹp: tôi cho rằng cha sẽ giữ được nó mãi mãi. Tôi còn có ý định đem cha đi theo khi tôi được gọi về La Mã. Thật hết sức thú vị khi được thấy cha sẽ gây nên ấn tượng như thế nào với các giáo sĩ cao cấp người Ý béo mập và lùn tịt của chúng tôi. Một con mèo mềm mại xinh đẹp giữa những con bò câu béo ú nhát sợ.

La Mã! Cha Ralph vươn thẳng người trong ghế bành.

– Ở đây tình hình xấu lắm phải không, ông bạn của tôi. – Tổng giám mục nói tiếp, đưa bàn tay trắng muốt đeo nhẫn thông thả vuốt ve tấm lưng mịn mượt của con mèo Abyssinian đang gù gù.

– Khủng khiếp, thưa Đức ông.

– Cha gắn bó với những người đó lắm phải không?

– Vâng.

– Thế cha có yêu tất cả bọn họ bằng nhau không hay có người yêu nhiều hơn, có người yêu ít hơn?

Nhưng về tính quỉ quyết, cha không thua gì Tổng Giám mục và cha đã phục vụ đủ lâu dưới quyền ông để biết rõ được luồng suy nghĩ của ông. Cha đáp lại câu hỏi ranh mãnh bằng sự thẳng thắn dễ lừa người – mảnh lời ấy, cha đã kịp thấy rõ là nó lập tức làm cho đấng bề trên của cha đỡ nghi ngờ. Cái trí tuệ tinh tế sành sỏi ấy không đoán ra rằng sự thành thật bề ngoài có thể dối lừa hơn bất cứ sự lảng tránh nào.

– Vâng, tôi yêu tất cả bọn họ, nhưng như Đức ông nhận xét rất đúng, một số người tôi yêu nhiều hơn, một số khác tôi yêu ít hơn. Tôi yêu mến nhất cô con gái nhà ấy, Meggie. Bao giờ tôi cũng cảm thấy có trách nhiệm đặc biệt với cô ta, bởi vì trong gia đình, con

trai được coi trọng nhất, còn con gái thì chẳng ai quan tâm đến.

– Cái cô Meggie ấy bao nhiêu tuổi?

– Thực quả tôi không biết đích xác. Có lẽ đâu như ngót hai mươi. Nhưng tôi đã buộc bà mẹ phải hứa sẽ bớt khỏi việc tính toán và làm sổ sách ít ra là một thời gian ngắn và lo liệu sao cho con gái thỉnh thoảng đến dự các cuộc khiêu vũ và gặp gỡ các chàng trai trẻ tuổi. Nếu cô ta bị giam hãm ở Drogheda thì cả cuộc đời cô sẽ uổng phí, như vậy thì đáng tiếc quá.

Cha không nói một lời nào sai sự thật: bằng linh cảm không hề sai lầm, Tổng giám mục nhận ra ngay điều đó. Tuy ông chỉ hơn viên bí thư của mình có ba tuổi, con đường công danh của ông trong giới chức nhà thờ không trắc trở như Ralph de Bricassart, và về nhiều mặt ông cảm thấy mình già vô hạn, Ralph sẽ không bao giờ già như thế: nếu như Vatican chiếm hữu một người quá sớm, theo một nghĩa nào đó nó xói mòn sinh lực của người đó, còn ở Ralph thì sức sống đang tràn trề.

Vẫn còn cảnh giác, tuy đã hơi yên tâm, vị giáo sĩ cao cấp tiếp tục quan sát viên bí thư và lại bắt đầu một trò chơi hấp dẫn: đoán xem cái gì thúc đẩy Ralph de Bricassart. Thoạt đầu Đức giám không hề hồ nghi gì về việc ông ta sẽ phát hiện ra chỗ yếu thuẫn tuy thuộc phần xác thịt ở con người này, không cái này thì cái khác. Đẹp trai kì lạ, vóc dáng tuyệt mỹ như thế, ông ta không thể không gợi nên vô vàn thèm muốn, chưa chắc ông ta đã có thể không biết đến những thèm muốn đó và giữ mình sạch sẽ. Dần dần Tổng Giám mục thấy rõ mình chỉ đúng có một nửa: cha Ralph đương nhiên không phải là ngô nghê không biết gì, nhưng không có gì đáng nghi ngờ về sự thanh sạch của cha. Thành thử, dù cha khao khát cái gì đi nữa, cái lôi cuốn cha không phải là

những thú vui xác thịt. Đức Giám đã thu xếp cho cha làm quen với những kẻ đồng tính luyến ái sành sỏi và không thể cưỡng lại được – có lẽ chỗ yếu của ông ta là đây chăng? – nhưng vô ích. Ngài đã theo dõi ông ta khi ông ta ở giữa những giai nhân tuyệt sắc – vô ích. Không một ánh mắt say mê hay ít ra là hứng thú, mà những phút ấy ông ta không thể ngờ rằng ông ta bị theo dõi. Bởi vì Tổng Giám mục không phải bao giờ cũng chính mắt theo dõi, mà Ngài chọn thám tử không thông qua viên bí thư.

Ngài bắt đầu nghĩ rằng chỗ yếu của cha Ralph là tính háo danh, ông linh mục này quá tự hào về chức sắc của mình: những mặt như thế của cá tính thì Đức Giám hiểu, bản thân Ngài không lạ gì thói háo danh. Cũng như mọi thiết chế vĩ đại tự khẳng định mình mãi mãi, nhà thờ thiên chúa bao giờ cũng sẽ tìm được vị trí và chỗ dùng cho người háo danh. Theo lời đồn, Ralph khả kính đã lập mưu chiếm đoạt của gia đình Cleary (mà cha yêu mến thăm thiết) một phần tài sản thừa kế hợp pháp vô cùng lớn lao. Nếu điều đó đúng thì không thể bỏ qua con người có khả năng như vậy. Mà cặp mắt xanh tuyệt mỹ ấy mới bừng sáng làm sao khi nghe nhắc đến La Mã! Có lẽ đã đến lúc thử thêm một nước cờ khác... Và tuồng như uể oải, Đức Giám đấm một con tốt bằng lời, nhưng ngài nhìn bằng con mắt dò xét tinh tường dưới đôi mi nặng trĩu.

– Trong thời gian cha đi vắng, Ralph ạ, tôi đã nhận được tin của Vatican. – Ngài nói và nhẹ nhàng gạt con mèo nằm trên đùi ra. – Mà ích kỉ quá, Vương hậu Xapskaia của ta ạ, hai chân ta tê dại cả đi rồi.

– Thế ạ? – Cha Ralph đáp, cha nhún người ra trong ghế bành, hai mắt tự nó nhắm lại và mệt mỏi.

– Ồ được, cha có thể đi nằm nghỉ, nhưng hãy nghe tin mới đã. Gần đây tôi có gửi cho Đức Thánh cha một lá thư riêng, thư mật, và hôm nay tôi đã nhận được thư trả lời của bạn tôi là đức Hồng y Monteverdi ... lạ thật, không hiểu Đức Hồng y này có phải là dòng dõi của nhà soạn nhạc thời Phục hưng không nhỉ? Không hiểu sao lần gặp nào tôi cũng quên không hỏi. Này này, Vương hậu Xapskaia, chẳng lẽ khi thích thú nhà người cứ nhất thiết phải cắm vuốt vào ta hay sao?

– Tôi nghe đây, thưa Đức ông, tôi chưa ngủ đâu. – Cha Ralph mỉm cười nói. – Không lấy gì làm lạ là Đức ông yêu mèo như thế. Chính Người cũng tiêu khiển theo kiểu mèo, vờn con mèo của mình. – Cha búng ngón tay. – Lại đây, miao, bỏ mặc Đức ông đấy! Người không tốt đâu!

Con mèo lập tức rời khỏi bộ đùi phủ lớp áo chùng màu hoa cà, thận trọng nhảy lên đùi de Bricassart và ngậy ra, ngoe nguẩy đuôi ngạc nhiên đánh hơi: có mùi ngựa và mùi bụi đường không quen thuộc, cặp mắt xanh của Ralph mỉm cười đáp lại cặp mắt màu cánh gián của Tổng Giám mục – cả hai người nhìn nhau một cách tinh tường dưới làn mi nửa nhắm nửa mở, đôi bên đều cảnh giác.

– Cha làm cách nào mà thành công được như thế? – Tổng Giám mục khẩn khoản hỏi. – Mèo không bao giờ đi theo tiếng gọi của ai, vậy mà Vương hậu Xapskaia của tôi đến với cha, như thể cha cho nó trứng cá và nước nữ lang hoa. Con vật vô ơn.

– Tôi đang chờ, thưa Đức ông.

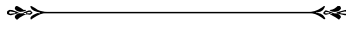
– Và cha trừng phạt tôi đã bắt cha phải chờ đợi bằng cách tước đoạt con mèo của tôi. Thôi được, cha thắng cuộc, tôi xin thua.

Cha đã bao giờ bị thua chưa? Điều đó rất thú vị. Thế này nhé, cần phải chúc mừng cha, Ralph thân mến của tôi ạ. Cha sắp được mang áo mũ lễ, cha sẽ được Giáo hoàng phong làm giám mục de Bricassart.

Tổng Giám mục hết sức thích thú thấy cặp mắt xanh của người nói chuyện với mình mở tròn xoe. Lần này cha Ralph không có ý định che giấu tình cảm thực của mình. Cha vui mừng hơn hở.

IV

1933 – 1938



LUKE

Đất hàn gấn vết thương nhanh chóng kỳ lạ; mới sau một tuần, qua lớp bùn dính nhớp đã đâm lên những cọng cỏ mỏng manh xanh tươi, hai tháng sau cây cối bị cháy xém đã trở lớp lá xanh đầu tiên. Con người trên mảnh đất này thật kiên cường và giàu sức chịu đựng; đất không cho phép họ khác thế được; những kẻ bạc nhược, không có đức tính ngoan cường mãnh liệt, lì lợm thì không thể trụ lâu trên vùng Đất lớn Tây Bắc này được. Nhưng nhiều năm nữa những vết sẹo mới mất hẳn. Nhiều lớp cỏ mọc lên và bong xuống từng mảng rồi những thân cây khuynh diệp mới lại có được màu sắc trước kia, trắng, xám hay đỏ, nhưng một phần cây cối vẫn không hồi sinh, chúng sẽ mãi mãi là những cây chết đen sì. Và nhiều năm sau nữa, trên các đồng bằng, rải rác đây đó, những bộ xương của chúng sẽ rã ra một cách chậm chạp; dưới lớp bụi, dưới móng gia súc giày đập, lớp vỏ đất do thời gian đan dệt nên sẽ hút lấy chúng vào bản thân nó. Những vết sâu hoắm chạy về phía tây, do rìa chiếc xe tang tự làm lấy rạch vào đất nhão của Drogheda, còn lưu lại rất lâu – những lũ khách biết sự việc đã xảy ra ở đây trở cho các lũ khách khác không biết gì xem những dấu vết ấy và dần dần người ta bện kết câu chuyện đau xót đó vào những truyền thuyết khác của đồng bằng đất đen.

Đám cháy hủy diệt chừng một phần năm số bãi chăn của Drogheda và hai mươi năm ngàn cừu – chẳng thấm vào đâu so với một cơ sở kinh tế mà trong những năm thuận lợi mới gần đây có tới một trăm hai mươi năm ngàn cừu. Dù những người bị thiệt hại có thái độ như thế nào đi nữa đối với thiên tai, nhưng oán trách sự nham hiểm của số phận hay cơn giận của trời thật chẳng có ý nghĩa gì hết. Chỉ có cách bù đắp những thiệt hại, làm lại tất cả từ đầu. Cố nhiên đây không phải là lần đầu, và cố nhiên mọi người đều hiểu rất rõ, đây không phải là lần cuối.

Thế nhưng lòng vẫn đau đớn không thể chịu được khi mùa xuân đến, các khu vườn Drogheda vẫn màu nâu và trơ trụi. Lượng nước dự trữ phong phú trong các xitec của Michael Carson giúp vườn tược qua được hạn hán, nhưng không cái gì sống sót sau đám cháy. Ngay cả đậu tía cũng không ra hoa: khi lửa ập tới, những chùm nụ ẻo lả vừa phòng lên đã nhăn nheo lại một cách già nua. Hoa hồng héo quắt đi, hoa pansies chết rũ, những chồi non biến thành rơm màu nâu, vũ anh^[66] rũ xuống một cách tuyệt vọng trong những xó xỉnh có bóng rợp, sữa đông^[67] héo tàn, đậu thơm khô héo không tỏa chút mùi thơm nào. Lượng nước trữ trong các xitec đã cạn trong thời gian xảy ra đám cháy lại được bổ sung tiếp nhờ trận mưa rào, và bây giờ mọi người ở Drogheda tranh thủ từng phút có thể coi là rảnh rỗi giúp già Tom hồi sinh khu vườn.

Theo gương bố, Bob quyết định không bủn xỉn trong việc tăng thêm lực lượng lao động ở Drogheda và thuê thêm ba người chăn cừu; trước đây Mary Carson thực hiện một chính sách khác: không nuôi người làm thường xuyên ngoài những người trong gia đình Cleary, còn đến thời kỳ khẩn trương – phải kiểm kê, cừu đẻ,

xén lông cừu, – thì thuê người làm tạm thời. Nhưng Paddy cho rằng người ta làm việc tốt hơn khi vững tin ở tương lai, mà suy cho cùng thì có gì khác nhau lắm đâu. Hầu hết những người chăn cừu bản chất là không ở yên một chỗ, họ là loại cỏ lông công, không ở đâu lâu một chỗ.

Những ngôi nhà mới dựng, cách sông xa hơn, là nơi ở của những người có vợ. Ông già Tom bây giờ ở ngôi nhà nhỏ ba buồng khá mới dưới cây hồ tiêu, sau sân nuôi ngựa và mỗi lần bước vào dưới mái nhà riêng của mình, ông đều thốt lên thành tiếng bộc lộ niềm hân hoan của ông. Vẫn còn mấy bãi chăn thả ở gần do Meggie cai quản, bà mẹ vẫn đảm nhiệm mọi việc tính toán như trước.

Fee đảm đương cái trách nhiệm trước kia là của Paddy: trao đổi thư từ với giám mục Ralph và trung thành với bản thân, bà chỉ tin cho ông biết những gì liên quan đến công việc của điền trang. Meggie háo hức chỉ muốn vờ lấy bức thư của cha, nuốt lấy từng lời, nhưng Fee đọc lá thư đó hết sức chăm chú, xong là cất ngay vào một chỗ có khóa hắt hoi. Bây giờ khi Paddy và Stuart không còn nữa, quả là không có cách gì thân cận với bà được. Còn về Meggie... giám mục Ralph đi khỏi là bà quên sạch lời hứa của mình. Mọi lời hứa dự khiêu vũ và các tối vui, Meggie đều chối từ một cách lịch sự, bà mẹ biết điều đó nhưng không lần nào trách móc nàng, không bảo nàng phải đi dự. Liam O'Rourke bám lấy bất cứ cái cớ nào để có dịp ghé vào Drogheda. Enoch Davies thường xuyên gọi điện, cả Connor Carmichael, cả Alastair MacQueen cũng thế. Nhưng Meggie thờ ơ lạnh nhạt với tất cả bọn họ, rút cục họ không còn hy vọng khơi dậy ở nàng niềm hứng thú gì nữa.

Mùa hè có mưa, nhưng những cơn mưa không lâu, không có nguy cơ gây lụt, duy có bùn lầy khắp nơi không hề khô, và sông Barwon-Darling dài một ngàn dặm đầy nước, sâu và rộng. Mùa đông đã đến, nhưng ngay bây giờ thỉnh thoảng trời vẫn đổ mưa, nhưng gió đưa tới không phải là một màn bụi tối thẫm, mà là tấm màn nước. Dòng người lang thang do khủng hoảng kinh tế đẩy ra đường cái lớn đã cạn đi, và trong những tháng mưa, lê bước trên đất đen nhão nhoét thực là một cực hình địa ngục, lại còn ẩm và lạnh nữa, và bệnh viêm phổi hoành hành trong số những người không tìm được chỗ trú đêm dưới mái nhà ấm áp.

Bob lo lắng, nếu cứ thế này lâu hơn nữa thì cừu sẽ thối móng; cừu merinos cứ phải luôn luôn đi lại trên đất ẩm thì thật tai hại, nhất định sẽ thối móng. Sẽ không xén được lông cừu, sẽ không một người thợ nào chịu đựng đến lông ướt, và đến kỳ cừu đẻ, nếu đất không khô thì vô số cừu còn sẽ chết vì ẩm và lạnh.

* * *

Có tiếng chuông điện thoại, hai hồi dài một hồi ngắn, dấu hiệu quy ước của Drogheda. Fee nhắc máy, rồi quay lại:

– Bob, điện của con.

– Chào Jimmy, Bob nghe đây..., A ha, được... Thế thì tốt! Có người giới thiệu à... Được, đưa anh ta đến cho tôi... Được, nếu anh ta là tay khá như thế thì bảo anh ta rằng chắc sẽ tìm được việc cho anh ta thôi, nhưng tôi phải gặp anh ta đã. Tôi không thích mua mèo trong bị, thiếu gì loại giới thiệu... Thôi được, cảm ơn. Chúc may mắn.

Bob lại ngồi xuống:

– Có một người chăn cừu mới đến với chúng ta, Jimmy nói là một chàng trai cực kỳ. Trước anh ta làm việc ở Tây Queensland, đâu như ở Longreachs hay Charville gì đó. Anh ta cũng đã từng chăn lừa các đàn gia súc. Có lời giới thiệu tốt. Mọi việc đều ổn cả. Anh ta biết cưỡi ngựa, đã từng luyện ngựa. Đã từng làm thợ xén lông cừu, Jimmy nói thế, mà là thợ lành nghề, một ngày xén lông được hai trăm năm mươi con. Chính điều đó khiến con ngò vục. Vì lẽ gì một người thợ xén lông cừu hạng nhất lại chịu cam phận với đồng lương của người chăn cừu bình thường? Một người xén lông cừu hạng nhất chịu đổi những bánh xe lấy cái yên ngựa, chuyện đó không mấy khi có. Dù sao sự tăng viện như thế trên các bãi chăn cũng không hại gì cho ta, đúng không ạ?

Càng thêm tuổi, Bob nói năng càng chậm rãi và ề à hơn, theo kiểu Úc, nhưng tốn ít lời hơn. Anh đã ngót ba mươi, và Meggie khá thất vọng vì không thấy anh mê một cô gái nào xứng đôi trong số những cô mà anh vẫn gặp trong các cuộc hội hè và các tối vui mà anh em nhà Cleary đôi khi phải có mặt theo phép lịch sự. Anh bèn lên đến khổ sở, thêm nữa anh si mê Drogheda, và rõ ràng là anh thích hiến toàn bộ đời mình cho tình yêu ấy, yêu đất đai và cơ nghiệp, Jack và Hughie dần dần trở nên không khác gì anh; khi họ ngồi cạnh nhau trên một trong những chiếc ghế dài cứng bằng đá hoa cương, – Ở nhà, họ không cho phép mình được hưởng cái thú nghỉ ngơi nào khác, – có thể ngờ họ là anh em sinh đôi, – sinh ba. Dường như quả thật họ khoái ngủ đêm ngoài trời trên bãi chăn thả hơn, và nếu chẳng may phải ngủ đêm ở nhà thì họ thích nằm dài trên sàn trong phòng ngủ của mình, như sợ giường êm sẽ làm cho họ đâm ra nhẽo nhột. Năng, gió và đất khô

làm cho làn da sáng lấm chấm tàn hương của họ nhuộm màu gỗ đỏ không đều đặn lấm, và trên gương mặt họ, đôi mắt màu xanh nhạt càng ngời sáng hơn, từ khước mắt có những nếp nhăn sâu chạy tới thái dương, dấu hiệu cho thấy những cặp mắt ấy thường xuyên nhìn ra xa, nhìn làn cỏ trắng bạc pha ánh vàng như lũ tràn mênh mông. Hầu như không thể hiểu được ba anh em họ bao nhiêu tuổi, người nào trẻ hơn, người nào nhiều tuổi hơn. Cả ba đều giống bố: mặt hiền hậu giản dị, mũi kiểu La Mã, nhưng các con trai vóc dáng đẹp hơn bố – nhiều năm ròng làm thợ xén lông cừu đã khiến cho lưng Paddy còng đi và tay trở nên dài quá khổ. Còn thân hình các con trai thì hơi gầy, mềm dẻo, đẹp một cách thanh thoát do thường xuyên cưỡi ngựa. Nhưng họ không ham thích phụ nữ. Cảnh sống thanh nhàn đủ tiện nghi và khoái lạc.

– Anh thợ mới ấy có vợ chưa? – Fee vừa hỏi vừa dùng bút mực đỏ và thước liên tiếp kẻ những đường đều đặn.

– Con không hỏi. Ngày mai anh ta đến con sẽ hỏi xem.

– Anh ta đến bằng phương tiện gì?

– Jimmy sẽ chở anh ta đến, ta cần nói chuyện với Jimmy về số cừu đực thiến đã già ở bãi chăn Tankstand.

– Thôi được, mong rằng anh ta sẽ làm việc cho ta một thời gian. Nếu anh ta chưa có vợ thì chắc là sẽ không ở đâu lâu đến một tháng. Những anh chàng chăn cừu ấy thật tội nghiệp.

Jims và Paddy vẫn ở trường nội trú Riverview, nhưng chúng thề sẽ không ở lại trường một ngày nào nữa khi chúng vừa tròn mười bốn tuổi, khi ấy theo luật có thể thôi không học nữa. Chúng khao khát được làm việc trên bãi chăn thả cùng với Bob, Jack và Hughie, khi ấy ở Drogheda sẽ lại có thể thu xếp cả gia đình cùng

nhau làm ăn, người ngoài muốn đến hay đi tùy ý. Hai đứa sinh đôi, cũng ham đọc sách như mọi người trong gia đình Cleary, nhưng không vì thế mà nhà trường trở nên dễ thương hơn đối với chúng. Sách có thể mang theo trong túi đeo bên yên ngựa hay trong túi áo bludông, và đọc sách lúc buổi trưa dưới bóng cây wilga thú vị hơn nhiều so với đọc giữa bốn bức tường của trường học dòng Jesuit. Ngay từ đầu, cuộc sống không quen thuộc trong trường nội trú đã làm cho hai đứa khó chịu. Chúng tuyệt không vui sướng về những lớp học sáng sủa với những cửa sổ rất rộng, những bãi chơi rộng thênh thang xanh tươi, những khu vườn um tùm và tiện nghi của đời sống thành phố, chúng cũng không vui sướng về chính Sydney với những nhà bảo tàng, những phòng hòa nhạc và những phòng triển lãm. Chúng kết bạn với những đứa con trai các chủ trại chăn nuôi gia súc, những lúc rảnh rỗi chúng mơ ước về nhà mình và khoe khoang về quy mô bao la và vẻ huy hoàng của Drogheda với những người nghe đầy vẻ khâm phục kính trọng, không mấy may nghi ngờ – Ở phía tây Burren Junction không ai là không biết tiếng Drogheda.

* * *

Gần một tháng sau, lần đầu tiên Meggie nhìn thấy người chăn cừu mới. Tên anh ta – Luke O'Neill – được ghi vào bảng trả công như thường lệ, và ở Nhà lớn người ta bàn tán về anh quá nhiều so với bình thường khi nói về những người làm thuê. Khởi đầu từ việc anh ta khước từ chiếc giường trong căn nhà ván cho những người mới tới và đến ở trong căn nhà cuối cùng còn bỏ không ở

bên sông. Tiếp đó anh ta trình diện với Mrs. Smith và giành được thiện cảm của con người đáng kính này, tuy thường thường bà ta không ưa cánh chăn cừ. Sự tò mò đã bắt đầu quấy rầy Meggie từ rất lâu trước lần gặp gỡ đầu tiên.

Con ngựa cái sắc hồng và con ngựa thiến đen tuyền Meggie không để ở sân chung nuôi ngựa, mà thích để trong chuồng hơn, nàg thường ra khỏi nhà muộn hơn cánh đàn ông, và một thời gian dài nàg không gặp một ai trong số những người làm thuê. Nhưng một lần, khi vàng mặt trời mùa hè đang lặn rực hồng ở trên tầm ngọn cây một chút và những bóng đen ngả dài chờ đón cái yên tĩnh ban đêm thì rút cuộc nàg chạm trán với Luke O'Neill. Nàg từ bãi chăn gần Hồ chứa nước trở về và đã chực vượt qua chỗ cạn sang sông, còn Luke O'Neill đi ngựa trở về từ bãi Đông-nam xa hơn và cũng đi tới chỗ lội qua sông.

Ánh mặt trời chiếu vào mặt anh ta, và Meggie nhìn thấy anh ta trước. Anh ta cưỡi con ngựa sắc tía bờm đen, đuôi đen, có đốm đen trên trán. Meggie có trách nhiệm điều ngựa tải đến các khu vực khác nhau, nàg biết rõ con vật bất kham này và ngạc nhiên về việc đã lâu không thấy con ngựa tía. Tất cả những người làm đều không ưa con ngựa này và tránh dùng nó. Vậy mà người chăn cừ mới này rõ ràng là bất chấp – dấu hiệu chắc chắn chứng tỏ anh ta là tay cưỡi ngựa giỏi, vì con ngựa tía nổi tiếng là hay giở ngón xỏ lá, người cưỡi vừa xuống yên là nó đã vội độp ngay cho một miếng vào đầu.

Khi người ta đang ngồi trên ngựa thì khó biết tầm vóc của người đó: những người Úc chăn gia súc thường dùng yên kiểu Anh, khác với yên kiểu Mỹ ở chỗ không có mỏm cao phía trước và phía sau, trên cái yên như thế người cưỡi vươn mình rất thẳng,

đầu gối cong gập hẳn lại. Người chẵn cừu mới này có vẻ rất cao, nhưng có người thân dài mà chân thì ngắn ngủn, thành thử Meggie quyết định khoan hãy kết luận. Nhưng, anh ta không ăn vận bình thường như những người chẵn cừu khác – sơmi màu xám bằng flannel, quần xám bằng vải xệc, mà mặc sơmi trắng và quần bằng vải giả da màu trắng, đích thực là một chàng công tử, Meggie vừa nghĩ vừa cười thầm. Ừ được, cũng hay thôi, nếu việc giặt là liên miên không làm anh chàng phát ớn.

– Chào bà chủ! – Anh ta reo lên khi hai người đã đến chỗ lội, hơi nhấc chiếc mũ phớt màu xám lên một chút, rồi lại kéo lệch nó xuống gáy một cách ngang tàng.

Hai người cho ngựa đi cạnh nhau, cặp mắt xanh tươi cười của anh ta nhìn Meggie từ đầu đến chân, vẻ mê thích ra mặt.

– Ồ không, cô rõ ràng không phải là bà chủ, như vậy thì hẳn là con gái bà chủ. – Anh ta nói. – còn tôi là Luke O’Neill.

Meggie lí nhí câu gì không rõ, nhưng không nhìn anh ta nữa, vì bối rối và tức giận nàng không tìm được lời để tán gẫu trong trường hợp như thế này. Bất công quá! Anh ta cười kia chứ! Mắt và mặt anh ta hệt như cha Ralph! Sự giống nhau không phải ở cái cách anh nhìn nàng – cái nhìn của anh ta vui vẻ, nhưng vẫn hơi khác, hoàn toàn không rục lên ngọn lửa tình yêu; còn trong mắt cha Ralph ngay từ phút đầu tiên ở ga Gillanbone khi cha quỳ thẳng xuống đất bụi bên cạnh Meggie, nàng luôn luôn nhìn thấy tình yêu. Nhìn vào mắt anh ta, khi trước mặt mình không phải là người ấy! Một trò đùa tàn bạo, một hình phạt nặng nề.

Luke O’Neill không ngờ đến những ý nghĩ thầm kín của người bạn đường và trong lúc hai con ngựa bì bõm lội qua con sông nhỏ

vẫn còn đầy nước sau những trận mưa vừa qua, anh ta bắt con ngựa tía ương bướng áp sườn vào con ngựa hồng hiền lành. Đúng, cô gái thật là xinh! Còn tóc mới tuyệt làm sao! Tóc các anh nàng chỉ là màu hồng, còn tóc cô gái này khác hẳn. Nhưng không thể nhìn rõ mặt được, giá như nàng ngẩng đầu lên! Vừa hay Meggie ngẩng đầu lên thật và lúc ấy mặt nàng khiến Luke sửng sốt chau mày; nàng nhìn anh ta không hẳn là căm thù, nhưng dường như tìm kiếm cái gì và không tìm thấy hay trái lại nàng thấy cái mà nàng không muốn thấy. Hay một cái gì nữa không thể nhận rõ được. Dù sao có điều gì khiến nàng bối rối. Luke không quen thấy phụ nữ lại mới thoát gặp đã có điều gì không ưa anh. Thoạt đầu, tất nhiên anh bị hấp dẫn bởi bộ tóc tuyệt diệu màu hoàng hôn và cặp mắt nhu mì, nhưng cái vẻ bất bình và thất vọng hiển nhiên này càng kích thích anh hơn. Còn nàng càng chăm chú nhìn anh, cặp môi hồng hé mở, làn môi trên và trán lấp lánh những giọt mồ hôi long lanh như giọt sương do tiết trời nóng nực, cặp lông mày vàng đậm cong lên biểu lộ vẻ tò mò, băn khoăn.

Anh cười toác miệng, phô ra những chiếc răng trắng, to như răng cha Ralph, nhưng nụ cười của anh ta hoàn toàn khác.

– Cô ạ, mặt cô đầy vẻ ngạc nhiên hệt như trẻ thơ, tuồng như đối với cô mọi vật trên đời đều là mới lạ.

Meggie quay đi.

– Xin lỗi, tôi hoàn toàn không muốn tròn mắt nhìn anh. Chẳng qua anh khiến tôi nhớ đến một người khác.

– Cô có thể tha hồ tròn mắt nhìn tôi bao lâu tùy thích. Điều đó làm tôi thích thú hơn là nhìn bà mẹ của cô, tuy bà nom cũng dễ mến. Thế tôi khiến cô nhớ đến ai?

– Thế thôi, không có gì quan trọng. Có điều rất kỳ là khuôn mặt dường như quen mà lại hết sức xa lạ.

– Tên cô là gì, Miss nhỏ bé?

– Meggie.

– Meggie... cái tên hoàn toàn không xứng với cô, nghe không trang trọng. Theo ý tôi, giá như tên cô là Belinda hay Madeline thì hợp hơn, nhưng một khi cô đã không thể đưa ra cái tên gì hay hơn thì tôi cũng bằng lòng cái tên Meggie vậy. Gọi đầy đủ thì thế nào, Margaret à?

– Không, Meghann.

– À, cái đó dễ nghe hơn một chút! Tôi sẽ gọi cô là Meghann.

– Không, không gọi thế! – Meggie nói sảng giọng. – Tôi không thể chịu nổi cái tên ấy.

Nhưng anh ta chỉ cười phá lên.

– Cô được nuông chiều quá đấy, Miss Meghann bé bỏng ạ! Nếu tôi muốn, tôi sẽ gọi cô thậm chí là Eustacia Sophronia Augusta mà cô không làm gì nổi tôi cả đâu.

Họ tới gần sân nuôi ngựa. O'Neill nhảy xuống đất, đâm một cái vào đầu con ngựa tía (con này đã toan đớp anh một cái, nhưng cú đâm làm nó co người lại và chịu thua), và rõ ràng anh ta chờ Meggie chìa tay cho anh để anh đỡ nàng từ trên yên nhảy xuống. Nhưng nàng thúc gót giày vào con ngựa hồng cho nó tiếp tục đi bước một trên đường.

– Này sao thế, cô không muốn giao tiếp với những người thợ bình thường phải không? – O'Neill hét với theo.

– Tất nhiên là không. – Meggie đáp, nhưng không quay lại.

Bất công biết bao! Ngay lúc ngồi trên yên anh ta cũng giống cha Ralph. Cũng tầm vóc như thế, cũng vai rộng và hông hẹp như thế, thậm chí động tác cũng đượm chút duyên dáng như thế, tuy biểu hiện theo cách khác. Cha Ralph cử động như người khiêu vũ, Luke O'Neill như lực sĩ điền kinh. Tóc anh ta cũng thẫm màu, rậm và xoắn như thế, mắt cũng xanh như thế, mũi cũng thẳng và thanh tú, môi có đường nét cũng đẹp như thế. Tuy nhiên, anh ta cũng ít giống cha Ralph như là... như là các cây cao, tươi sáng, tuyệt đẹp – cây khuynh diệp lam – ít giống cây khuynh diệp kỳ ảo, tuy nó cũng cao tươi sáng, tuyệt đẹp.

* * *

Sau cuộc gặp gỡ tình cờ ấy, hẳn có ai nhắc đến Luke O'Neill là lập tức nàng chột dạ. Bob, Jack và Hughie hài lòng vì công việc của anh ta và rõ ràng là khá ấn ý với anh ta. Một chàng trai mẫn cán, không chây lười – Bob nhận xét về anh ta như thế. Ngay cả Fee, có một buổi tối, nhân câu chuyện có nói rằng Luke O'Neill rất đẹp trai.

– Thế mẹ có cảm giác rằng anh ta hao hao giống ai đó không?
– Meggie hỏi, dường như thuận miệng thì nói; nàng nằm dài trên tấm thảm trên sàn, hai nắm tay chống cằm và đọc cuốn sách mỏng.

Fee nghĩ một lát.

– Này, có lẽ anh ta hơi giống cha de Bricassart. Vóc người cũng như thế, mắt cũng màu như thế, tóc nữa. Nhưng không giống lắm, họ là những người rất khác nhau. Mẹ thích con ngồi

trong ghế mà đọc thì hơn, như vậy mới là cô gái có giáo dục, Meggie ạ. Con mặc quần ống bó thì điều đó chưa có nghĩa là nên quên hẳn tính nhũn nhặn.

– Thì có bận gì đến ai! – Meggie “xì” một tiếng khinh miệt.

Kể cũng đúng thế thật. Mặt thì hơi giống, nhưng họ là những con người hoàn toàn khác nhau, và sự giống nhau chỉ làm cho Meggie khổ tâm, vì nàng yêu một trong hai người, và nàng bực tức vì mình thích người kia. Thì ra anh ta được mọi người ở nhà bếp yêu mến, đấy là lý do vì sao anh ta dám chơi sang, vận toàn đồ trắng cưỡi ngựa đi trên các bãi chăn: lúc nào cũng nhã nhặn dễ thương, anh ta đã hoàn toàn chinh phục được Mrs. Smith và bà giặt là áo và quần trắng cho anh.

– Anh ấy quả là người Ireland chân chính, xuất sắc! – Minnie bày tỏ sự thán phục.

– Anh ấy là người Úc – Meggie bác lại.

– Có thể là anh ấy sinh ra ở đây, Mrs. Smith mến thương ạ, có điều người mang tên O’Neill là người Ireland thuần túy không kém gì những con lợn nái thuần chủng của Paddy, nói thế không có ý gì xúc phạm đến ba cô dâu, Mrs. Smith ạ, ông ấy là con người thánh thiện, cầu cho linh hồn ông được vui thú trên thiên đàng. Sao Mr. Luke lại không phải là người Ireland? Tóc anh ấy cũng thâm màu, mắt cũng xanh. Thuở xưa ở Ireland dòng họ O’Neill là dòng họ nhà vua.

– Tôi nghĩ rằng dòng họ nhà vua là dòng họ O’Connors cơ. – Meggie nhận xét một cách quỵ quyết.

Cặp mắt tròn của Minnie cũng lóe lên đốm lửa tinh nghịch.

– Thì đã sao, Miss Meggie, một nước đâu phải là nhỏ.

– Gớm chưa! Chỉ lớn hơn Drogheda tí chút. Dù sao dòng họ O’Neill là những người Orange^[68], chị không đánh lừa được tôi đâu.

– Đúng thế. Dù sao đây là một dòng họ Ireland quyền quý. Họ O’Neill tồn tại từ khi chưa ai nghe nói gì về những người Orange. Có điều họ xuất xứ từ Ulster, vì thế có người đã trở thành Orange, có gì mà không hiểu được điều đó? Song trước đó có O’Neill ở Clondeboy và O’Neill Mor, chuyện đó đã lâu lắm rồi, Miss Meggie thân mến ạ.

Thế là Meggie thôi không đấu tranh nữa: nếu như thuở trước Minnie đã từng được cổ vũ bởi nhiệt tình chiến đấu của các Fenian^[69] độc lập thì chị đã mất nhiệt tình ấy từ lâu và có thể thốt lên tiếng Orange mà không nổi khùng lên.

Chừng một tuần sau, Meggie lại chạm trán với Luke O’Neill ở sông. Nàng thoáng có ý nghi ngờ rằng phải chăng anh cố ý chờ sẵn nàng ở đây, nhưng nếu vậy thì nàng phải làm thế nào?

– Chào Meghann!

– Chào anh. – Nàng đáp, không quay đầu lại.

– Tối thứ bảy ở Braich y Pwll có cuộc họp mặt khiêu vũ trong một nhà kho lớn. Cô đi với tôi chứ?

– Cám ơn lời mời của anh, nhưng tôi không biết khiêu vũ. Thế thì đi làm gì.

– Cái đó chẳng có gì đáng quan ngại, tôi dạy cô nhảy được ngay thôi mà. Một khi tôi đến đây cùng với con gái bà chủ thì theo ý cô, Bob sẽ cho tôi dùng chiếc “Rolls Royce”, nếu không phải chiếc mới thì cũng là chiếc cũ chứ?

– Tôi đã nói là tôi không đi mà! – Meggie nghiêng răng nói.

– Cô nói lạc đề rồi, ban nãy cô bảo là cô không biết khiêu vũ, còn tôi bảo tôi sẽ dạy cô. Chứ cô không bảo là cô không đi với tôi nếu như cô biết nhảy, như vậy cô không chống lại tôi, mà chống lại sự khiêu vũ. Còn bây giờ thì sao, không giữ lời phải không?

Meggie tức đỏ mặt lên, nhìn anh ta bằng cặp mắt dữ tợn, nhưng anh ta chỉ cười vào mặt cô.

– Cô được cưng chiều quá mức, cô bé Meghann xinh đẹp ạ, nhưng cô không suốt đời chỉ huy được đâu.

– Tôi chẳng hề được nuông chiều gì hết!

– Tôi mà lại tin được cô! Cô em gái duy nhất, các anh tha hồ cho cô sai khiến, đất đai và tiền bạc nhiều vô kể, nhà cửa sang trọng, kẻ hầu người hạ! Tôi biết, tôi biết, chủ nhân ở đây là nhà thờ thiên chúa, nhưng gia đình Cleary cũng không thiếu tiền.

À, sự khác nhau lớn nhất là ở đây, – Meggie hân hoan nghĩ – cái mà cô không nắm bắt được trong lần gặp đầu tiên. Cha Ralph không bao giờ bị nhầm lẫn bởi cái bề ngoài có tính chất phô trương, còn anh chàng này là một tâm hồn điếc, anh ta không tinh tế, nhạy cảm, không nghe thấy ở nơi sâu thẳm có cái gì. Anh ta cười ngửa đi trong đời và không hề nghĩ rằng trong đời có bao nhiêu cái phức tạp và bao nhiêu đau khổ.

* * *

Bob sững sờ đành trao chìa khóa chiếc “Rolls Royce” khá mới cho Luke, lảng lảng nhìn anh ta một lát, rồi toác miệng cười:

– Tôi thật không ngờ Meggie lại đi dự khiêu vũ, nhưng không

sao, cứ đưa em nó đi, Luke ạ, nhờ cậu đấy! Tôi cho rằng cô bé sẽ thích thôi. Tội nghiệp, em nó chẳng đi đâu bao giờ cả! Lẽ ra chính chúng tôi phải nghĩ đến chuyện ấy, lẽ ra chúng tôi nên đưa em nó đi chơi nơi nào đó lấy một lần.

– Thế tại sao anh với Jack và Hughie lại không đi luôn một thể nhỉ? – Luke hỏi, dường như sẵn lòng rủ thêm người đi cho đông.

Bob hoảng hốt lắc đầu.

– Không, cảm ơn. Chúng tôi không thích khiêu vũ.

Meggie mặc áo váy màu tro hoa hồng của mình – nàng không có bộ cánh nào khác; nàng không hề nảy ra ý định dùng một phần tiền tích lũy ở nhà băng trong tài khoản mà cha Ralph gửi tên nàng để may những bộ cánh dùng trong các vũ hội và các tối vui người ta mời đến dự. Cho đến giờ nàng vẫn từ chối khéo mọi lời mời mọc, những người như Enoch Davies và Alastair MacQueen bao giờ cũng bối rối, chỉ cần nói với họ lời từ chối dứt khoát. Chứ không như gã Luke O'Neill trâng tráo này.

Không nhìn vào gương, nàng nghĩ rằng tuần sau mẹ sẽ đi Gilly như thường lệ, và nàng cũng nên đi, đến xưởng may của Gert và đặt may mấy bộ áo mới. Còn bộ áo váy này mặc vào nàng cảm thấy kinh tởm, nàng sẽ vứt bỏ nó ngay nếu có bộ khác hợp hơn đôi chút. Vào lúc khác, một người tóc sẫm khác cùng đi với nàng... còn bộ áo này gợi nhớ quá nhiều đến tình yêu và mơ ước, đến nước mắt và sự cô đơn, mặc bộ áo này vì anh chàng Luke O'Neill này thì thực là sự nhạo báng. Meggie đã quen che giấu tình cảm của mình, trước mặt mọi người bao giờ nàng cũng bình tĩnh và dường như hài lòng về cuộc sống. Nàng luôn luôn thu mình kín đáo hơn trong sự tự chủ, như cái cây trong vỏ, nhưng

đôi khi giữa đêm nàng nghĩ đến mẹ, và nàng run lên.

Chẳng lẽ, rút cuộc, cũng như mẹ, nàng sẽ từ bỏ mọi tình cảm của con người chăng? Có lẽ đối với mẹ, thoát đầu sự thể cũng như thế vào thời kỳ mẹ có quan hệ với bố Frank chăng? Có trời biết mẹ sẽ làm gì, sẽ nói gì nếu mẹ biết Meggie đã rõ sự thật về Frank. Cuộc đụng độ đáng ghi nhớ ấy trong nhà của linh mục! Tưởng như mới hôm qua thôi – ba và Frank đứng đối mặt với nhau, còn Ralph giữ chặt vai Meggie đến đau cả vai. Họ quát vào mặt nhau những lời ghê gớm làm sao. Ngay khi ấy mọi việc đã rõ ràng. Vừa hiểu ra, Meggie đã có cảm giác như nàng vẫn biết điều đó. Nàng đã đủ trưởng thành, bây giờ nàng hiểu rằng trẻ em ra đời không đơn giản như nàng hiểu trước kia; muốn vậy cần có sự chung đụng thể nào đó về thân thể chỉ được phép xảy ra giữa vợ và chồng, còn đối với bất cứ người ngoài nào khác đều bị cấm. Hẳn là mẹ đã phải chịu đựng bao nhiêu hổ nhục vì Frank! Chẳng lấy gì làm lạ là mẹ đã trở nên như thế. Nếu chuyện đó xảy ra với ta, Meggie nghĩ, ta thà chết còn hơn. Trong sách, chỉ những người đàn bà hết sức buông tuồng, hư hỏng mới lâm vào cảnh không chồng mà có con; nhưng mẹ chẳng bao giờ có thể là người đàn bà buông tuồng, hư hỏng. Meggie hết lòng mong muốn mẹ sẽ kể hết cho nàng hay bản thân nàng có đủ can đảm hỏi mẹ. Có lẽ như vậy mẹ sẽ vợi bớt nỗi lòng đôi chút. Khốn nỗi mẹ không phải là người như thế, không hòng gì khơi gợi được mẹ nói ra, mà mẹ thì tất nhiên sẽ không tự mình thổ lộ. Meggie thở dài, nhìn mình trong gương và thành tâm hy vọng nàng sẽ không bao giờ gặp chuyện gì như thế.

Tuy nhiên nàng đang độ trẻ trung, và những phút như thế này, mặt đối mặt với ảnh gương của mình trong bộ áo màu tro hoa

hồng, nàng thêm khát một tình cảm xốn xang, rạo rục, nó như làn gió nóng bao trùm lấy nàng. Nàng không muốn suốt đời như cỗ máy có điều khiển cứ đi theo một đường; nàng muốn có sự thay đổi, muốn có cuộc sống đầy đủ, tình yêu. Phải, tình yêu, chồng và con. Cứ khổ tâm mãi về một con người thì có ích gì, nếu như dù sao người đó cũng không bao giờ thuộc về mình? Ông ta không muốn lấy nàng làm vợ và sẽ không bao giờ muốn. Ông ta nói rằng ông ta yêu nàng, nhưng không phải là thứ tình yêu như chồng yêu vợ. Bởi vì ông đã làm lễ thành hôn với nhà thờ thiêng liêng. Chẳng lẽ đàn ông đều như thế cả ư – yêu một cái gì đó vô hồn mãnh liệt hơn cả yêu một người phụ nữ bằng xương bằng thịt? Không, cố nhiên không phải là tất cả. Chắc đấy chỉ là những bản chất phức tạp, cố chấp trong nội tâm đầy những hồ nghi, những sự lộn xộn, những suy lý và tính toán. Nhưng vẫn có những người giản dị hơn, có khả năng yêu phụ nữ hơn tất cả mọi thứ trên đời. Ít ra là những người như Luke O'Neill.

– Cô xinh đẹp quá đi thôi, cả đời tôi chưa từng gặp cô gái nào xinh như thế. – Luke vừa nói vừa đập vào bộ khởi động của chiếc “Rolls Royce”.

Meggie hoàn toàn không quen nghe những lời tán tụng, nàng ngạc nhiên liếc nhìn Luke, nhưng không nói gì.

– Tuyệt thật đấy chứ nhỉ? – Anh ta nói tiếp, rõ ràng là tuyệt nhiên không thất vọng về thái độ hồ hững của nàng. – Xoay chìa khóa, ấn cái nút trên bảng đồng hồ thế là xe đi. Không cần quay tay lái, không cần dận bàn đạp, cứ thế cho đến khi nào kiệt sức thì thôi. Sống thế mới là sống, Meghann ạ, tôi nói thực với cô đấy.

– Thế đến đây anh sẽ không bỏ mặc tôi một mình chứ?

– Không đời nào! Cô đi với tôi kia mà, phải không nào? Như vậy suốt buổi tối cô sẽ là bạn gái của tôi, tôi sẽ không cho ai đến với cô.

– Anh bao nhiêu tuổi, Luke?

– Ba mươi, còn cô?

– Sắp hai mươi ba.

– Đến thế rồi kia à? Vậy mà nom cô còn trẻ con lắm.

– Tôi chẳng trẻ con tí nào.

– Ô hô! Cô đã từng yêu rồi chứ?

– Rồi. Đã một lần.

– Mới có thể thôi ư? Mà cho đến hai mươi ba tuổi! Chà chà! Bằng tuổi cô, tôi đã yêu và chán bỏ đến chục lần.

– Lẽ ra tôi cũng sẽ yêu nhiều lần hơn, khốn nỗi ở Drogheda chẳng có ai để mà yêu. Trước anh, không một người chặn cừ nào dám nói với tôi một lời, chào hỏi một câu là thôi.

– Ờ, nếu như cô không muốn đi khiêu vũ vì không biết nhảy thì sẽ chẳng ai nhìn thấy cô. Không sao, tình hình đó ta sẽ uốn nắn được ngay thôi mà. Đến cuối buổi tối là cô sẽ biết nhảy, một hai tuần sau cô sẽ vượt tất cả mọi người. – Anh ta trùm lên cô một cái nhìn nhanh. – Nhưng hẳn là trước đây con trai các chủ trại khác cũng đã có mời cô. Về những người chặn cừ thì rõ cả rồi, người chặn cừ bình thường hiểu rằng anh ta không xứng với cô, còn những người nhà đầy cừ thì chắc chắn là mê cô.

– Thế tại sao anh mời tôi, nếu như người chặn cừ không sánh được với tôi? – Meggie bác bẻ.

– Ồ, tôi là tay trâng tráo nổi tiếng mà! – Anh ta nhếch mép

cười. – Cô đừng quanh co, nói thật tình đi. Hẳn là ở Gilly có những chàng trai đã mời cô đi khiêu vũ.

– Có một số người đã mời. – Meggie thừa nhận. – Song tôi không thiết. Còn anh thì anh bám riết quá.

– Thế thì tất cả bọn họ đều là những thằng cực ngu – Luke nói – Tôi là tôi thấy ngay cái gì đáng giá, tôi không hề làm.

Meggie không ưa lắm cái cách nói chuyện của anh ta, khốn nỗi không dễ gì làm cho cái gã trâng tráo này phải biết điều.

* * *

Thành phần người đến dự những cuộc khiêu vũ tối thứ bảy hết sức hỗn tạp, từ những con trai con gái các chủ trại cho đến những người chần cừ cùng với vợ (nếu như đã có vợ); có cả những chị hầu phòng và những nữ gia sư, những người thành phố, nam và nữ bất cứ lứa tuổi nào.

Trong những tối vui như thế, một cô giáo chẳng hạn có dịp làm quen kỹ hơn với một nhân viên cấp thấp của đại lý bán động sản và bất động sản, với các nhân viên nhà băng và những người ở các khu dân cư xa xôi nhất thuộc vùng rừng.

Trong những cuộc khiêu vũ như thế, những thói kiêu cách không được dùng đến, người ta để dành cho những dịp long trọng hơn. Ông già Mickey O'Brien từ Gilly đến với cây đàn violin của mình, ở tại chỗ bao giờ cũng có một người biết đệm cho ông – nếu không bằng accordion thì bằng harmonica -, và họ thay phiên đệm cho ông già kéo violin, còn ông ngồi trên cái thùng hay trên bao lông cừu, kéo đàn liên tục, thậm chí nước miếng

nhỏ xuống từ làn môi dưới trề ra, vì ông không có thời giờ nuốt nước miếng – ông không muốn làm hỏng nhịp điệu cuộc vui.

Các điệu vũ hoàn toàn không giống những điệu vũ mà Meggie đã nhìn thấy trong ngày sinh nhật của Mary Carson. Các cặp nhón nhịp lướt theo vòng tròn, nhảy điệu jigs, polkas, quadrilles, reels, mazurkas, nhảy điệu vũ vòng tròn kiểu nông thôn theo lối Anh hay Scotland – các cặp chỉ thỉnh thoảng mới nắm tay nhau hay quay tít, vẫn cách nhau ít nhất một với tay. Không một chút mật thiết nào cả, không một chút mơ mộng. Hình như tất cả mọi người đều coi điệu vũ đó chỉ là một cách để xua tan sự buồn tẻ, còn tán tỉnh và làm duyên làm dáng thì nên để lúc ra ngoài nhà kho, ở ngoài trời thoáng rộng, xa cảnh ồn ào chen chúc thì tiện hơn.

Chẳng mấy chốc Meggie đã nhận thấy người ta nhìn nàng với vẻ ghen tị. Anh bạn nhảy cao lớn đẹp trai của nàng thu hút được nhiều luồng mắt mời mọc và hẳn thờ có lẽ không kém gì cha Ralph trước đây, và những luồng mắt này thành thực hơn nhiều. Hồi xưa cha Ralph cũng thu hút mọi luồng mắt như thế. Hồi xưa. Thật khủng khiếp, cha chỉ còn ở trong dĩ vãng xa xăm.

Trung thành với lời nói của mình, Luke không rời nàng, trừ lúc đi vào phòng vệ sinh. Trong đám đông có Enoch Davies và Liam O'Rourke, cả hai đều sẽ đều lấy làm hạnh phúc nếu được thế chỗ Luke bên cạnh Meggie. Anh ta không để cho họ đến gần nàng, còn Meggie bàng hoàng về hoàn cảnh không quen thuộc, quả thực không hiểu mình có quyền nhảy với bất cứ người nào mời nàng không, hay chỉ được nhảy với người đưa nàng đến. Nàng không nghe thấy xung quanh người ta nói gì khi nhìn hai người, nhưng Luke nghe thấy và cười thầm trong bụng. Thực là một gã

trông tráo, chỉ là một gã chần chừ bình thường mà cuồn ngay trước mũi họ một cô gái như thế! Luke thấy kệ tất cả bọn họ, mặc cho họ tức tối. Lẽ ra trước đây họ không được để lỡ dịp, nhưng họ đã bỏ lỡ cơ hội thì càng khốn cho họ.

Tiếp đó người ta nhảy điệu waltz. Luke cầm tay Meggie, tay kia ôm ngang lưng nàng và kéo nàng về phía mình. Anh nhảy tuyệt giỏi. Meggie ngạc nhiên thấy nàng chẳng cần biết gì cả, chỉ việc tuân theo anh khi anh đưa nàng đi. Như thế thật là tuyệt diệu: ở trong vòng tay một người đàn ông, cảm giác được bộ ngực cuồn cuộn cơ bắp và cặp đùi người đó, thấm hút hơi ấm cơ thể người đó. Những khoảnh khắc gần gũi cha Ralph tràn đầy cảm giác rạo rức đến nỗi Meggie không kịp nhận rõ một điều gì tinh vi và thực sự tưởng tượng rằng trong vòng tay cha, nàng cảm thấy điều gì có một không hai. Nhưng mặc dù lúc này hoàn toàn khác, nhưng cũng vẫn rạo rức, và rạo rức đến nỗi tim nàng đập gấp hơn, và nàng hiểu rằng Luke cũng cảm thấy thế: anh bỗng xoay nàng về phía mình, kéo sát hơn vào mình, áp má vào tóc nàng.

* * *

Trong lúc chiếc “Rolls Royce” ù ù êm ái lăn bánh trên đường về, lệ làng lướt trên con đường nhiều ổ gà, đôi khi vượt qua cả những quãng không có đường sá, hai người hầu như không nói chuyện. Từ Braich y Pwll đến Drogheda bảy mươi dặm qua các bãi chẵn và không thấy có một căn nhà, không có lấy một khung cửa sổ sáng đèn, có thể quên hẳn rằng ở đâu đây có người ở. Những dãy đồi cắt ngang Drogheda nhô cao trên các đồng cỏ lân

cận trong phạm vi một trăm *feet*, nhưng trên đồng cỏ đất đen mênh mông này, lên một quãng đèo cũng chẳng khác gì ở Thụy Sĩ lên tới đỉnh núi Alp. Luke dừng xe lại, ra ngoài, đi vòng quanh xe và mở cửa cho Meggie. Nàng ra và không khỏi run sợ dừng lại cạnh anh. Chẳng lẽ anh ta định hôn nàng và làm hỏng hết mọi chuyện sao? ở đây yên tĩnh và xung quanh không một bóng người.

Trên đỉnh đồi có một dây rào gỗ chạy dài, đã đổ nát, Luke dẫn Meggie đến đấy thận trọng đỡ khuỷu tay nàng, để chân nàng đi giầy nhẹ khỏi vấp phải mô đất hay thụt xuống hang thỏ. Nàng bám lấy rìa dây rào và lẳng lặng nhìn xuống đồng bằng ở phía dưới. Lúc đầu nàng sợ đến ngậy người, nhưng Luke hoàn toàn không có ý định đụng chạm đến nàng và nỗi sợ dần dần nhường chỗ cho sự băn khoăn.

Trong ánh trăng mờ, không gian xa và rộng bày ra trước mắt rõ như ban ngày, cỏ trắng, xám, ánh bạc lấp lánh, xao động, như thổi một cách lo lắng. Đột nhiên lá cây lóe lên tia sáng, hễ gió lật mặt lá nhả lên trên, bên dưới những cụm cây nổi rõ những bóng đen đậm nom như những hố sâu há hoác bí ẩn, như thể đất cụt thành những vực thẳm dẫn xuống địa ngục. Meggie ngửa đầu lên, thử đếm các ngôi sao, nhưng đếm thế nào được – như những hạt sương li ti trên tấm mạng nhện khổng lồ đang xoay chuyển, những đốm lửa bùng lên và tắt lịm, bùng lên và tắt lịm, vẫn một nhịp điệu vĩnh cửu như chính thượng đế. Chúng trải ra trên đầu nàng như tấm lưới, đẹp tuyệt vời, thắm lặng không thể tưởng được, tinh tường, xuyên thẳng vào tâm hồn – mắt sâu bọ trong tia đèn pin cũng bùng lên như thế, như những viên ngọc, trong đó ta không đọc thấy gì hết, nhưng chúng lại nhìn thấy tất cả. Chỉ nghe

thấy gió nóng sột soạt trong cỏ, trong lá cây, thỉnh thoảng có cái gì “tách” một tiếng trong cỗ động cơ đang nguội đi của chiếc “Rolls Royce” và ở rất gần đầu đây, một con chim mơ ngủ than phiền về những vị khách không mời mà đến đã khuấy động sự yên ổn của nó; chỉ có luồng hơi thở thơm thơm không sao tả được của các bụi cây. Luke chẳng để ý đến cảnh đêm tối ấy, lấy trong túi ra một túi thuốc lá, tập giấy cuốn và định hút thuốc.

– Cô sinh ra ở đây ư, Meghann? – Anh vừa hỏi vừa uể oải xát vụn thuốc trong lòng bàn tay.

– Không, ở New Zealand. Gia đình tôi chuyển đến Drogheda mười ba năm trước.

Anh ta trút thuốc lên tờ giấy, khéo léo vắn bằng hai ngón tay, liếm nước bọt dán lại, dùng đầu que diêm nhồi mấy sợi thuốc thò ra, đánh diêm châm lửa hút.

– Hôm nay cô vui vẻ, đúng không?

– Vâng, rất vui.

– Tôi bao giờ cũng sẵn lòng đưa cô đến dự các cuộc khiêu vũ.

– Cám ơn.

Luke lại im lặng, điềm tĩnh hút thuốc, chốc chốc lại phóng mắt qua phía trên mui chiếc “Rolls Royce” nhìn cụm cây có con chim cáu kính vẫn còn líu ríu một cách bực tức. Mẩu thuốc lá làm bỏng những ngón tay vàng khè khói thuốc, Luke buông rơi nó và dùng gót giày dí bẹp xuống đất. Chẳng ai thanh toán những đầu mẩu thuốc lá một cách tàn nhẫn như những người ở các vùng rừng nước Úc.

Meggie thở dài quay mặt khỏi khoảng rộng bao la tràn ngập ánh trăng và Luke giúp nàng đi đến xe. Anh sẽ không vội hôn,

anh không ngốc đến như thế. Lấy nàng làm vợ, đấy là điều anh cần, thế thì hãy để cho chính nàng muốn anh hôn nàng.

Nhưng mùa hè vẫn diễn ra như thường lệ, với tất cả vẻ huy hoàng rực rỡ và bụi bặm của nó, có không ít những buổi khiêu vũ và những tối vui khác, và dần dần, trong áp người ta đã quen với việc Meggie đã tìm được cho mình một anh bạn đẹp trai. Các anh không trêu ghẹo Meggie, họ yêu em gái và không có gì chống đối Luke O'Neill. Chưa bao giờ họ có một người làm chuyên cần hơn và dẻo dai hơn, mà đấy là lời giới thiệu tốt nhất. Thực chất, anh em Cleary không hẳn là chủ đất, mà là người lao động nhiều hơn, họ không hề thoảng có ý chê O'Neill về nỗi anh ta không có đồng xu dính túi. Fee thì có thể cân nhắc bằng một chuẩn đo tinh vi và chính xác hơn, nếu như bà không thờ ơ với chuyện đó. Ngoài ra, có một điều tác động đến tất cả mọi người: tính tự tin điềm tĩnh của Luke như nói lên rằng tôi không phải là người chặn cừ bình thường, vì thế anh ta được đối xử gần như người trong gia đình.

Anh ta đã có thói quen buổi tối nếu không ngủ đêm tại các bãi chăn ở xa thì tạt vào Nhà Lớn. Một thời gian ngắn sau đó, Bob nói rằng để Luke ăn riêng một mình thì thật là dớ dẩn, trong khi bàn ăn của nhà gần như oằn gãy vì đầy các món ăn, thế là anh ta bắt đầu ăn tối với gia đình Cleary. Rồi người ta thấy rằng để cho anh ban đêm phải về nhà mình, vượt qua cả một dặm đường là vô lý, một khi anh có nhã ý vui lòng trò chuyện với Meggie đến tận khuya, và họ mời anh chuyển đến ở một trong những căn nhà nhỏ dành cho khách, ở ngay sau Nhà Lớn.

Dạo này Meggie thường nghĩ về anh và không còn có ý coi thường lắm như lúc ban đầu, khi chốc chốc nàng lại so sánh anh với cha Ralph. Vết thương cũ đã bắt đầu lành. Nàng đã phần nào

quên rằng cha Ralph mỉm cười như thế này bằng cặp môi hệt như thế, còn Luke cười như thế này, cặp mắt xanh chói sáng của cha nhìn một cách thanh thản, phiêu diêu, còn mắt Luke long lanh sôi nổi háo hức. Meggie còn trẻ, chưa kịp hưởng lạc thú tình yêu, mới chỉ được nếm mùi tình yêu trong khoảnh khắc ngắn ngủi. Bây giờ nàng muốn thực sự biết mùi vị của tình yêu, muốn hít căng lồng ngực hương thơm của nó, lặn ngụp trong tình yêu cho đến choáng váng đầu óc. Cha Ralph đã trở thành giám mục Ralph; sẽ chẳng bao giờ, chẳng bao giờ còn trở lại với nàng. Cha đã bán nàng lấy mười ba triệu đồng bạc trắng, nghĩ đến chuyện ấy mà khổ tâm. Nếu cha không nói những lời ấy vào cái đêm đáng ghi nhớ bên Hồ chứa nước thì nàng đã không phải rối óc phỏng đoán, nhưng cha đã nói như vậy, và kể từ ngày ấy không biết bao nhiêu đêm nàng nằm không ngủ, băn khoăn nghĩ xem như vậy là thế nào.

Ở hai bàn tay nàng vẫn còn sống động cái cảm giác về đôi vai của Luke lúc anh nhảy với nàng, kéo nàng về phía mình; anh khiến nàng rạo rục, sự đụng chạm của anh, sức sống sục sôi trong anh khiến nàng rạo rục. Không, chưa bao giờ vì anh mà một ngọn lửa tâm tối chưa từng biết khiến cả bản thể nàng chảy tan ra và chẳng bao giờ nàng nghĩ rằng nàng chẳng đáng sống và thờ làm gì nữa nếu nàng không bao giờ nhìn thấy anh nữa, nàng không run rẩy và bủn nhủn dưới cái nhìn của anh. Nhưng Luke vẫn đánh xe đưa nàng đến dự các tối vui và các cuộc khiêu vũ, nàng biết rõ hơn những chàng trẻ tuổi như Enoch Davies, Liam O'Rourke, Alastair MacQueen, tuy nhiên không người nào trong bọn họ cuốn hút nàng như Luke O'Neill. Nếu có người nào khá cao và cũng phải ngược lên nhìn anh ta thì mắt anh không như

mắt Luke, mà nếu mắt có giống thì tóc cũng không phải như thế. Bao giờ cũng thiếu cái gì đó mà ở Luke lại có và thực ra cái đó làm cho Luke khác với tất cả bọn họ, thật không thể hiểu được. Phải chăng anh rất giống cha Ralph... nhưng Meggie không muốn thừa nhận rằng ở anh chỉ có cái đó lôi cuốn nàng.

Hai người nói chuyện nhiều, nhưng bao giờ cũng nói chung chung; về cừu và việc xén lông, về đất, về việc anh muốn đạt được cái gì trong đời, về nơi này nơi nọ mà anh đã từng đến. Đôi khi về một biến cố chính trị nào đó. Luke cũng có lần đọc một cuốn sách mỏng, nhưng anh không ham đọc từ bé như Meggie, và Meggie có cố gắng đến đâu cũng không khuyên nổi anh đọc một cuốn sách chỉ vì nàng thấy cuốn đó hay. Anh không bắt vào những cuộc chuyện trò thông minh sâu sắc, nhưng lạ nhất và bực nhất là anh không mấy may quan tâm đến việc Meggie sống thế nào, nàng mong muốn gì ở cuộc đời.

Luke O'Neill thông minh, tự tin, dẻo dai hiếm có trong công việc và khao khát làm giàu. Anh sinh ra trong căn nhà bằng đất trộn rơm ở vùng ngoại ô thành phố Longreach vùng Tây Queensland, ngay trên chí tuyến Nam. Bố anh là đứa con hoang toàng của một gia đình Ireland phong lưu nhưng nghiêm khắc, không bao giờ tha thứ tội lỗi, mẹ anh là con gái một người Đức buôn thịt ở Winton; khi bà nhất quyết có ý định lấy Luke – bố, cha mẹ bà cũng từ bỏ bà. Trong căn nhà đất có mười đứa trẻ, và cả mười đứa đều không có lấy một đôi giày, tuy nhiên ở Longreachs nóng bỏng, hoàn toàn có thể chạy chân đất được. Khi muốn kiếm miếng bánh ăn, Luke bố đi xén lông cừu thuê, nhưng ông thường thích uống rượu rum rẻ tiền hơn, và chỉ thế thôi. Năm Luke con mười hai tuổi thì bố chết trong vụ cháy quán

Blackall. Người con trai vừa có dịp là bước ngay lên con đường làm thợ xén lông cừu, thoát đầu làm thằng bé bôi nhựa: bôi nhựa cây nóng chảy vào những vết thương há hoác trên thân cừu nếu người thợ xén lông sơ ý dứt ra cả một miếng thịt cùng với lông.

Có một điều mà Luke không bao giờ sợ – công việc nặng nhọc: anh thích thú công việc như một số người thích thú chơi không, không rõ vì bố anh nghiện rượu và bị cả thành phố chê cười, hay vì anh thừa hưởng tính cần cù của bà mẹ người Đức, chẳng bao giờ có ai quan tâm đến nguyên nhân của việc này.

Lớn lên anh được giao công việc phức tạp hơn chút ít – chạy trong nhà kho, đỡ lấy những dải lông cừu dày đặc, rộng bản bay vụt lên như những chiếc điều từ dưới “những con thằn lằn”, và đem đến bàn để cắt ngắn đi. Rồi anh học “cắt ngắn” – vặt những đường rìa dínhбет lại vì bùn đất, và mang lông đã xén đến một cái thùng lớn, ở đấy nó sẽ được đánh giá bằng con mắt sành sỏi của một người quý tộc trong số những bậc lão luyện về việc nuôi cừu – người phân loại; người phân loại len cũng tương tự như người ném rượu vang hay hương liệu; người đó sẽ không thể học được nghệ thuật của mình nếu không có khiếu bẩm sinh nhạy bén đặc biệt. Luke không có cái khiếu thính nhạy như thế, vậy thì nếu muốn kiếm được nhiều tiền hơn – mà anh ta nhất thiết muốn như thế – thì phải trở thành hoặc là thợ dồn nén hoặc là thợ xén lông cừu. Anh ta hoàn toàn đủ sức lực để làm công việc dồn nén, dồn ép lông cừu đã phân loại thành kiện, nhưng thợ xén lông cừu hạng nhất kiếm được nhiều hơn.

Cả vùng Tây Queensland đã biết anh là một người làm giỏi, vì thế không vấp khó khăn gì lắm, anh được quyền tập xén lông cừu. Ở anh có sự kết hợp may mắn tính khéo léo và vững vàng

của động tác, sức mạnh và sức chịu đựng dẻo dai – tất cả những gì cần có để trở thành người xén lông cừu hạng nhất. Chẳng bao lâu Luke xén lông cừu đã đạt mức hơn hai trăm con một ngày, tuần làm sáu ngày, cứ mỗi trăm con cừu được trả công một bảng; đây là anh dùng loại kéo dài và hẹp, nom giống những con thằn lằn đầm lầy, loại kéo ấy được gọi là “thằn lằn”. Dụng cụ của thợ xén lông cừu ở New Zealand – kéo to với chiếc lược rộng và thưa – thì ở Úc không được phép dùng, tuy nó làm tăng gấp đôi năng suất của thợ xén lông cừu.

Đây là loại lao động nặng nhọc: cúi gập mình xuống, kẹp chặt con cừu giữa hai đầu gối, đưa nhanh chiếc kéo dọc thân cừu, cố cắt lông thành một dải dài sao cho phần lông phải cắt nốt còn lại thật ít, và phải cắt sát lớp da xù xì mềm nhẽo cho vừa lòng chủ nhân – chủ nhân sẽ như con diều hâu xông vào người thợ nào dám vi phạm quy chuẩn xén lông. Nhưng Luke không ngán cái nóng và mồ hôi, không ngán cái khát nó khiến người ta phải uống một ngày ít ra là ba gallon nước, cũng không ngán lũ ruồi hăng hà sa số, bám riết hành hạ người ta, anh đã quen với ruồi từ lúc còn trong nôi. Anh cũng không ngán cừu – cái khổ hình ghê gớm nhất của thợ xén lông cừu có nhiều loại, có những con da sần sùi và ướt, lông quá dài hay vón cục, hay bết lại từng mảng, hay ruồi bâu dày đặc, nhưng toàn là cừu mêrinôx, nghĩa là lông mọc đến tận mũi và móng, và da tất cả những con cừu đó đều mỏng, gồ ghề, trơn trượt như giấy dầu dưới những ngón tay.

Không, Luke không ngán chính bản thân công việc, càng làm việc bền bỉ anh càng vui vẻ – anh bực bội về cái khác kia – tiếng ồn, mùi hôi thối bị giam hãm giữa bốn bức tường khiến người ta lộn mửa. Nhà xén lông cừu là một địa ngục thực sự, không tìm

đâu ra cái địa ngục khác như thế. Không, anh cần cái khác kia, anh có ý định chính mình trở thành ông chủ, đi đi lại lại dọc theo những hàng thợ cúi gập mình xuống và nhìn xem của cải của anh, lông những con cừu của anh tuôn chảy thành dòng dưới những chiếc kéo khéo léo đưa nhanh thoăn thoắt.

Ông chủ oai nghiêm chễm chệ trong ghế bành

Mọi sai sót, Người thấy ngay tức khắc.

Đây là lời một bài hát cổ của thợ xén lông cừu, Luke O'Neill chọn cho mình chính vai trò như thế trong tương lai. Anh sẽ trở thành ông chủ, một nhân vật tai mắt, chủ đất và chủ chăn nuôi cừu. Suốt đời xén lông cừu của người khác, lưng còng đi và hai tay dài ra một cách thiếu tự nhiên, không, anh không ưng như vậy; anh muốn làm việc thỏa thích theo ý mình, ưa khí trời trong sạch và nhìn thấy tiền chảy về với anh như dòng sông. Anh không vứt bỏ công việc xén lông cừu chỉ là vì anh toan tính sẽ ngoi lên thành một trong những tay nghề điêu luyện bậc nhất, nổi tiếng, có thể đếm trên đầu ngón tay, – tay thợ như thế có tài trong một ngày xử lý được hơn ba trăm cừu mêninôx, và tất cả đều phẩm phấp đúng quy định và chỉ dùng “thần lẩn” hẹp. Những tay lành nghề như thế thường đánh cuộc về việc một ngày xén được bao nhiêu và thắng cuộc thì được một khoản tiền khá lớn ngoài tiền công. Ác cái là do tầm vóc quá cao, Luke phải phí thêm một số dây đồng hồ khi cúi xuống gần cừu, điều đó ngăn cản anh từ thợ hạng nhất vượt lên thành thợ siêu hạng.

Thế là cái trí tuệ khá hạn chế của anh bắt đầu tìm những cách khác để đạt mục đích hằng khao khát; vào khoảng thời gian ấy, Luke đã để ý rằng phụ nữ thích anh. Anh ta thử thực hiện mưu toan của mình lần đầu tiên khi làm thợ chăn cừu ở Gnarlunga: ở

trại ấy chỉ có một người thừa kế duy nhất, lại là phụ nữ, hơn nữa lại khá trẻ và coi được. Nhưng oái oăm thay, chị ta lại chuộng “Pommy măng sữa” hơn, một cách khác là dân mới vừa từ Anh đến, mà ở vùng rừng người ta đã dựng nên nhiều truyền thuyết về những cuộc phiêu lưu dị thường của họ. Sau Gornarlunga, Luke nhận việc luyện ngựa ở Bingelly, ở đây anh ta nhắm vào một phụ nữ không còn trẻ trung gì và xấu xí, là người thừa kế trang trại, chị này sống qua ngày đoạn tháng với ông bố góa. Anh ta gần như đã giành được trái tim và lời hứa hôn của nàng Dot đáng thương, nhưng cuối cùng chị ta tuân theo ý bố và đi lấy một ông già sáu mươi còn trắng kiện, chủ một vùng đất lân cận.

Luke mất hơn ba năm của cuộc đời vào hai lần thử nghiệm thất bại ấy, sau đó anh quyết định rằng phí hai mươi tháng cho mỗi cô nàng có quyền thừa kế là quá lâu và chán ngán. Đi lang thang trong nước, không dừng lại ở đâu lâu còn thú hơn nhiều – phạm vi tìm kiếm sẽ rộng hơn và cuối cùng sẽ gặp được món nào thích hợp. Với niềm khoái trá thực sự, anh bắt đầu lùa những đàn gia súc trên các nẻo đường Tây Queensland dọc theo Cooper và Diamantina, tới Barcoo, tới Bulloo Overflow, tới tận rìa phía tây New South Wales. Anh đã ngoài ba mươi, đã đến lúc tìm một ả gà mái có khả năng đẻ cho anh quả trứng vàng mong muốn. Ai mà không nghe nói về Drogheda, nhưng Luke dỏng tai thăm dò khi nghe phong thanh rằng ở đấy có một cô con gái duy nhất. Đành rằng cô ta không phải là người thừa kế toàn bộ điền trang, nhưng có thể hy vọng rằng cô sẽ đem về món của hồi môn nho nhỏ độ một trăm ngàn acres ở một nơi nào gần Kynuna hay Winton. Vùng Gillanbone có những chỗ tốt, nhưng theo sở thích của Luke thì ở đấy nhiều rừng quá, hơi ít khoảng rộng. Cái hấp dẫn anh là

những khoảng xa mênh mông của Tây Queensland, ở đây cả một biển cỏ xao động suốt dọc tầm mắt, về cây cối thì người ta chỉ nhớ mang máng là có một cái gì đó như thế ở nơi nào phía đông. Còn ở đây nhìn đâu cũng là cỏ, cỏ mênh mông không cùng không tận, và may mắn ra thì cứ mười acres đất của mình có thể nuôi được một con cừu. Nhưng cũng có khi chẳng chỗ nào có một cọng cỏ, chỉ là hoang mạc bằng phẳng trần trụi, đất đen sì, khô kiệt, nứt nẻ vì khát. Mỗi người có thiên đường của mình. Cỏ, mặt trời, nóng nực và ruồi – đây là thiên đường mà Luke O'Neill mơ ước.

Anh hỏi Jimmy Strong rất cận kề về Drogheda, Jimmy là nhân viên đại lý bán động sản và bất động sản đã cho anh đi nhờ xe đến đây trong ngày đầu tiên, và anh chàng này đã giáng cho anh một đòn nặng khi giải thích rằng chủ sở hữu thực sự của Drogheda là nhà thờ thiên chúa giáo. Nhưng bây giờ Luke đã biết rằng không mấy khi gặp được những phụ nữ có quyền thừa kế những điền trang lớn. Khi Jimmy cho biết thêm rằng cô con gái duy nhất có một khoản tiền khá lớn gửi nhà băng và mấy người anh của cô rất yêu em gái thì Luke quyết định hành động như đã dự tính.

Tuy nhiên, mặc dù đã từ lâu Luke đặt cho mình mục đích kiếm cho được một trăm ngàn acres ở một nơi nào gần Kynuna hay Winton và kiên trì tiến tới mục đích đó, trong thâm tâm anh triu mến đồng tiền kêu rùng rợn hơn tất cả những thứ rút cuộc có thể mua được bằng tiền. Cái có sức cuốn hút anh mãnh liệt nhất không phải là đất và những sức mạnh ẩn giấu trong đó, mà là tài khoản riêng sau này ở nhà băng, những dây con số nắn nót sẽ phát triển và tăng thêm lên, biểu thị tổng số tiền mang tên Luke.

Cái mà anh ta hết lòng thèm muốn không phải là đất Gónarlunga hay Bingenlly, mà là trị giá của chúng biến thành tiền loảng xoảng. Một kẻ thực sự khao khát trở thành nhân vật tai mắt, thành ông chủ và chủ đất sẽ không cố tìm cách lấy Meggie Cleary làm vợ, vì cô không có lấy một tấc đất. Người như thế sẽ không cảm thấy bằng từng đường gân thớ thịt niềm khoái cảm vì công việc nặng nhọc như Luke O'Neill cảm thấy.

Tối khiêu vũ ở Gilly là tối thứ mười ba Luke đưa Meggie đi trong mười ba tuần. Bằng cách nào anh dò ra được người ta tụ họp ở đâu, anh xoay xở cách nào để có được giấy mời trong một vài trường hợp, Meggie ngây thơ không đoán ra, nhưng thứ bảy nào anh cũng bảo Bob đưa cho anh chìa khóa xe “Rolls Royce” và có khi anh đưa nàng đi xa một trăm năm mươi dặm.

Tối hôm ấy trời lạnh, Meggie đứng bên bức tường rào, nhìn khoảng xa tăm tối dưới bầu trời không trăng và cảm thấy đất đông giá lạo xạo dưới chân. Mùa đông đã đến gần. Luke quàng tay ôm lấy nàng, kéo về phía mình.

– Cô rét cóng rồi, – anh nói – Bây giờ tôi sẽ đưa cô về nhà.

– Không, không sao, bây giờ tôi thấy ấm hơn rồi. – Meggie đáp, gần như nghẹt thở.

Nàng cảm thấy ở anh có sự thay đổi gì đó, một cái gì mới mẻ trong cánh tay hờ hững quàng nhẹ lên vai nàng. Nhưng thật là dễ chịu khi áp vào sườn anh, cảm thấy hơi ấm tỏa ra từ thân thể anh, tấm thân cấu tạo khác thân thể nàng. Thậm chí qua tấm áo len đây, nàng cảm thấy bàn tay anh bắt đầu âu yếm, thận trọng và dường như thăm dò xoa vuốt lưng nàng từng vòng nhỏ. Lúc ấy nếu nàng nói rằng nàng cóng rét thì anh sẽ thôi ngay; nếu nàng

im lặng anh sẽ coi đó là một cách khuyến khích. Nàng đang độ thanh xuân, nàng khao khát muốn nắm biết thế nào là tình yêu! Anh là người đàn ông duy nhất có sức hấp dẫn đối với nàng, ngoài cha Ralph, thế thì tại sao lại không nắm thử những cái hôn của anh nhỉ? Cho dù những cái hôn đó sẽ khác! Dù nó không như những cái hôn của cha Ralph!

Luke cho rằng làm tỉnh là tỉnh đã đẹp, tay kia anh nắm lấy vai Meggie, xoay mặt nàng về phía mình, cúi đầu xuống. Thế ra thực sự cảm giác thấy môi người khác là thế ư? Môi người ta đè ép lên môi mình, chỉ thế thôi! Làm thế nào tỏ cho thấy mình thích thú? Meggie hơi mấp máy môi và lập tức lấy làm tiếc. Luke áp mạnh hơn nữa môi mình lên môi nàng, há miệng, dùng răng và lưỡi tách hẳn môi nàng ra, nàng cảm thấy lưỡi anh trong miệng mình. Ghê tởm. Tại sao cảm giác khác hẳn khi Ralph hôn nàng? Khi đó những cái hôn không ướt át và không gây nên cảm giác kinh tởm, khi nàng hoàn toàn không nghĩ ngợi gì, nàng đáp ứng hết mình, như cái hộp có khóa bí mật mở ra khi một bàn tay khéo léo ấn vào cái lò so giấu kín... Mà anh làm gì thế này? Tại sao toàn thân nàng run lên và nép sát vào anh, tuy lý trí xui nàng nhất quyết vùng ra?

Luke sờ mó chỗ nhạy cảm bên sườn nàng và không bỏ tay ra nữa, cố tìm cách kích thích nàng; cho đến lúc này nàng đáp ứng không lấy gì làm hân hoan lắm. Anh ngừng hôn, áp môi vào cổ nàng chỗ dưới tai. Cách đó rõ ràng là nàng thích hơn, nàng “a” lên một tiếng hai tay ôm lấy cổ anh, nhưng khi môi anh trượt xuống thấp hơn nữa, còn tay anh toan kéo áo nàng trật khỏi vai thì Meggie đẩy phắt anh ra và lùi lại một bước.

– Thôi đi, Luke!

Trong nàng dậy lên nỗi thất vọng, gần như gớm ghét. Luke hiểu điều đó rất rõ: anh đưa nàng trở lại xe và hút thuốc một cách thèm thờng. Anh cho rằng mình là người tình không thể cưỡng lại nổi, chưa một cô gái nào giận anh.. nhưng họ không phải là loại cao quý như Meggie. Ngay cả Dot MacPherson người thừa kế Bingelly, tuy giàu hơn nhiều, nhưng bản thân cô ta là người thô lậu, không được học các trường nội trú sang trọng ở Sydney, cô ta chưa từng biết những thứ phù phiếm như thế. Mặc dù bề ngoài đẹp trai, về kinh nghiệm tình dục Luke vẫn chưa đi xa lắm khỏi trình độ một gã làm thuê bình thường ở trang trại, về kỹ thuật này anh chỉ hiểu cái mà bản thân anh thích, chứ chẳng hiểu gì về lý thuyết. Rất nhiều cô nhân tình của anh sẵn sàng đoán quyết rằng cặp bồ với anh, họ vui thú tuyệt vời, nhưng như vậy anh chỉ biết tin lời họ, mà lời nói không phải bao giờ cũng thành thật. Với anh chàng đẹp trai và cần cù như Luke O'Neill, bất cứ cô gái nào khi kết thân với anh cũng hy vọng lấy được anh và dễ hiểu là họ sẽ nói dối bừa đi, miễn là lấy lòng được anh. Còn đối với người đàn ông, thú vị nhất là được nghe nói rằng mình hơn hết thảy mọi người. Luke không hề nghĩ rằng ngoài anh ra, còn bao nhiêu đàn ông nữa cũng cần phải cái mồi câu ấy.

Vẫn còn nhớ tới ả gái già Dot đã cam phận đi lấy người láng giềng sau khi bị ông bố nhốt vào nhà xén lông cừu khóa lại, một mình với con cừu chết ruồi bâu kín đặc, Luke chỉ nhún vai trong tưởng tượng. Meggie là trái bồ đào rắn, không dễ gì chinh phục được nàng, và làm nàng sợ hay gớm ghét thì nguy hiểm. Thôi được, trò vui chơi tiêu khiển sẽ phải gác lại, có thể thôi. Ta sẽ ve vãn cô nàng như ý cô nàng muốn, thêm nhiều hoa và cử chỉ phong nhã vào, bớt thả lỏng cho hai bàn tay.

Sự im lặng ngượng ngập kéo dài mấy phút, rồi Meggie thở dài, ngã người lên lưng ghế.

– Xin lỗi anh Luke.

– Cô thứ lỗi cho tôi. Tôi không muốn làm cô giận.

– Không – không, tôi chẳng giận chút nào! Chắc hẳn chỉ là vì tôi không quen... Tôi không giận, mà là hoảng sợ.

– Meghann! – Anh nhắc một tay khỏi tay lái và đặt lên hai bàn tay xiết chặt của Meggie. – Không nên buồn phiền, cô ạ. Chẳng qua là cô hãy còn trẻ con quá, mà tôi thì hơi vội. Ta đừng nhớ đến chuyện ấy nữa.

– Vâng. – Meggie đồng ý.

– Nhưng chẳng lẽ anh ấy không hôn cô à? – Luke tò mò hỏi.

– Ai kia?

Phải chăng giọng nói của nàng có vẻ sợ hãi? Nhưng nàng sợ cái gì kia chứ?

– Thì cô có nói rằng cô đã từng yêu một lần, vì thế tôi cho rằng cô thừa biết hỏi thế nghĩa là thế nào. Thứ lỗi cho tôi. Meghann. Lẽ ra tôi phải hiểu rằng trong một gia đình như thế thì đương nhiên không thể nào khác được, chắc chắn chỉ là cô yêu một ông chú nào đó với tình yêu trẻ con, song ông ta không đoán ra.

Được, được đấy! Cứ để cho anh ta nghĩ như vậy!

– Anh hoàn toàn đúng. Luke ạ, hồi ấy tôi chỉ yêu theo kiểu tình yêu trẻ con.

Ở ngưỡng cửa, Luke lại kéo nàng về phía mình và đặt một cái hôn dài âu yếm lên cặp môi mím chặt, chỉ thế thôi. Nói chung là nàng không đáp ứng, nhưng rõ ràng là nàng dễ chịu, Luke trở về

căn nhà nhỏ dành cho khách của mình, anh đã hơi yên tâm – chưa phải đã mất hết.

Meggie gắng lê lên giường và nằm nhìn lên trần hồi lâu, nhìn cái vòng sáng mờ nhạt từ ngọn đèn hắt lên. Ờ, bây giờ thì có một điều rõ ràng: những cái hôn của Luke tuyệt nhiên không giống những cái hôn của Ralph. Hai lần trong nàng bừng lên tia lửa của một sự rộn rục làm nàng hoảng sợ: khi anh vuốt ve bên sườn nàng và khi anh hôn cổ nàng. So sánh anh với Ralph thật là vô nghĩa, vả lại nàng cũng không muốn làm như thế nữa. Quên Ralph đi là hơn, dù sao ông ta cũng không thể trở thành chồng nàng.

Khi Luke hôn Meggie lần thứ hai, nàng đáp ứng khác hẳn. Cả hai đều vui chơi thích thú tuyệt vời trong cuộc khiêu vũ ở Rudna Hunish, nơi xa nhất trong tất cả các nơi mà Bob dành cho những chuyến đi giải trí của họ – tối hôm ấy, mọi chuyện đều thành công hiếm có ngay từ phút đầu. Luke phấn chấn, hai người vừa ra khỏi nhà là anh bắt đầu pha trò đến nỗi Meggie cười đến muốn ngất, và anh luôn luôn tỏ ra dịu dàng, ân cần lạ thường. Còn Miss Carmichael tìm hết mọi cách quyến rũ anh! Cả Alastair MacQueen cũng như Enoch Davies đều không dám làm phiền hai người, vậy mà cô ta không ngại ngừng gì cả, bắt đầu làm duyên làm dáng với Luke không hề biết ngượng, đến nỗi để giữ phép lịch sự, anh đành phải mời cô nhảy. Hôm ấy là một tối khiêu vũ xã giao kiểu thành thị, như một vũ hội, Luke đưa Miss Carmichael quay tròn một cách trang trọng trong một điệu waltze chậm. Nhưng nhạc vừa ngừng, anh lập tức trở lại với Meggie và lẳng lẳng đưa mắt nhìn lên trần với dáng vẻ khiến Meggie không còn hồ nghi gì nữa: ả Carmichael ấy khiến anh

chán chết lên được. Và Meggie nhìn anh triu mến, nàng ghét Miss Carmichael từ ngày cô tiểu thư này toan làm hỏng niềm vui thú của nàng trong ngày hội ở Gilly. Và nàng nhớ rõ, hồi ấy cha Ralph không để ý gì đến cô tiểu thư trịnh trọng ấy, đã bế con bé mười tuổi qua vũng nước. Hôm nay Luke cũng tỏ ra nghĩa hiệp như vậy. Hoan hô Luke, anh tuyệt lắm!

Đường trở về rất dài, buổi tối rất lạnh. Bằng cách lấy lòng ông già Engun MacQueen, Luke có được bánh sandwiches, một chai sâm banh và khi chỉ còn một phần ba đường là về đến nhà thì anh dừng xe lại. Thời ấy (tuy nhiên bây giờ cũng thế), ô tô ở Úc thường không được sưởi ấm, nhưng chiếc “Rolls Royce” của Bob có máy sưởi; đêm hôm ấy, máy sưởi đặc biệt thích hợp: đất phủ một lớp băng đến hai inches.

– Buổi tối như thế này mà có thể ngồi không cần mặc măng tô thì thú vị thật, phải không? – Meggie mỉm cười nói, lấy trên tay Luke cái cốc xếp bằng bạc với sâm banh và bắt đầu ăn miếng bánh mì cặp giăm bông.

– Phải, rất thú. Hôm nay em xinh quá, Meggie ạ.

Hôm nay mắt nàng có một màu lạ thường thế nào ấy, bí quyết là ở đâu? Nói chung anh không thích mắt màu xám, nó nhợt nhạt quá, nhưng nhìn cặp mắt xám của Meggie, anh sẵn sàng đem đầu ra bảo đảm rằng đôi mắt ấy ánh lên tất cả các sắc màu thanh thiên, cả màu tím, cả màu lam đậm, cả màu trời trong ngày nắng đẹp, cả màu xanh rêu mịn mượt, thậm chí cả sắc vàng sạm khó nhận thấy. Đôi mắt sáng lên diu diu tựa ngọc mờ viền hai hàng mi dài cong vút lấp lánh như một lớp vàng.

Luke thận trọng đưa ngón tay trên cặp lông mi của nàng, rồi

nhìn đầu ngón tay một cách hết sức nghiêm trang. – Gì thế, anh Luke? Có chuyện gì thế?

– Anh muốn tin chắc rằng em không dùng phấn bằng bột vàng thật trên bàn điểm trang. Em ạ, trước đây, anh không hề gặp cô gái nào có lông mi bằng vàng thực.

– Thế đấy! – Meggie cũng sờ vào lông mi của mình, nhìn ngón tay và bật cười. – Mà đúng vậy! Vàng không phai tí nào.

Rượu sâm banh khiến nàng ngửa ngáy mũi và dạ dày cồn cào vui vẻ, nàng vui thú tuyệt vời.

– Lông mày của em cũng bằng vàng ròng, cong vút như mái vòm nhà thờ, tóc cũng bằng vàng, đẹp lạ... Anh cứ tưởng nó cứng như dây thép, vậy mà lại mềm, thanh mảnh như tóc trẻ thơ... Da cũng óng ánh, chắc em đánh phấn bằng bột vàng thật... Cái miệng xinh quá là xinh, đúng là được tạo nên để hôn...

Meggie ngò, tròn mắt nhìn anh, cặp môi hồng mềm mại hé mở như trong ngày họ gặp nhau lần đầu. Luke lấy cái cốc đã uống hết trong tay nàng.

– Theo anh, em nên uống một ngụm sâm banh nữa. – Anh nói và rót đầy cốc.

– Phải thừa nhận rằng điều này rất tuyệt: dừng lại giữa đường và nghỉ một chút. Cám ơn anh đã sáng ý xin Mr. MacQueen cho chúng ta sâm banh và bánh sandwiches.

Chiếc động cơ khỏe của xe “Rolls Royce” gõ nhịp nhè nhẹ trong cảnh yên tĩnh, không khí ấm từ cỗ động cơ tuôn chảy vào xe êm ru; hai âm thanh riêng biệt đều đều, ru ngủ. Luke cởi nút cà vạt, bỏ hẳn ra, cởi khuy cổ áo sơ mi. Chiếc áo vét của Luke và chiếc áo vét nữ của Meggie để ở ghế sau, trong xe rất ấm, chẳng

cần dùng đến chúng.

– Thú quá! Không biết ai nghĩ ra cái cà vạt, mà lại còn bịa ra cái chuyện tuồng như đàn ông không đeo cà vạt thì không lịch sự! Cái thằng bày trò nhiều sự ấy mà lọt vào tay anh thì anh sẽ dùng cái vạt do hắn sáng chế ra mà thắt cổ cho hắn chết ngay!

Luke quay ngoắt lại, cúi đầu xuống, và môi anh gắn với môi Meggie, từng nếp uốn khớp nhau, như những ô đố chữ; anh không ôm nàng, không chạm tay vào nàng, nhưng nàng cảm thấy không thể bứt ra được và nàng nhoai về phía anh, môi gắn môi khi anh ngả lên lưng ghế và kéo nàng lên ngực mình. Hai tay ép lấy thái dương nàng để tận hưởng đến say sưa choáng váng cặp môi nhạy cảm kỳ diệu này. Anh thở sâu, thả hết mình vào một cảm giác duy nhất: rút cuộc cặp môi mềm mại như môi trẻ thơ này đã thực sự hòa hợp với môi anh. Một tay Meggie quàng lấy cổ anh, những ngón tay run run thọc vào tóc anh, bàn tay kia đặt lên làn da rám nắng trơn nhẵn ở cổ. Lần này anh không vội vã, mặc dù anh phấn hưng tột độ ngay từ trước khi đưa cho Meggie cốc sâm banh thứ hai, chỉ là do nhìn ngắm nàng. Hai tay vẫn ghì chặt đầu Meggie, anh bắt đầu hôn má nàng, hôn đôi mí nhắm lại, đôi lông mày cong vút, lại hôn má – đôi má mịn mượt như lụa, lại hôn môi, cái nét cong mềm mại trẻ thơ của đôi môi ấy bao giờ cũng làm anh phát điên ngay từ ngày anh mới thấy nàng lần đầu.

Và rồi cổ nàng, cái hõm ở cổ, vai – da mềm mại, nhẵn mịn, mát rượi... Không đủ sức dừng lại, nôn nóng vì sợ nàng bắt anh dừng lại, Luke một tay bắt đầu cởi dây cúc dài ở lưng áo dài của nàng, kéo ống tay áo khỏi đôi tay ngoan ngoãn của nàng, tụt chiếc áo lụa lót trong rộng rãi khỏi vai, đưa những đầu ngón tay lướt trên tấm lưng trần, cảm thấy cơn run sợ sệt lan trên lưng nàng, những

đầu vú căng lên. Anh đưa má, đôi môi hé mở lướt xuống phía dưới tấm thân mịn màng mát rượi trong một cơn ham muốn mù quáng không thể cưỡng lại nổi, và cuối cùng đôi môi tìm thấy, mím chặt lại xung quanh cái núm thịt nhỏ, cứng căng, có nếp gấp. Anh chạm đầu lưỡi vào cái núm đó, bàng hoàng chần chờ một lát, lòng tràn ngập một niềm vui sướng khổ ải, ấn mạnh tay vào lưng Meggie, và giữa những cái hôn, anh lại luôn luôn áp môi vào vú nàng như một đứa hài nhi... một sự cuốn hút muôn thuở, khoái lạc ưa thích nhất, chắc chắn nhất của anh. Cha – cha, khoái biết bao, khoái trá biết bao! Anh không kêu lên, chỉ rùng mình trong trạng thái bủn nhủn không thể chịu nổi và nuốt nước bọt ừng ực.

Rồi như đứa hài nhi đã no nê, anh nhả môi ra, âu yếm và biết ơn vô hạn hôn vào ngực nàng, rồi nằm không nhúc nhích, chỉ thở nặng nhọc. Cảm thấy Meggie chạm môi vào tóc anh, tay nàng chạm vào làn da dưới cổ, anh sức tỉnh tức thì, mở mắt ra. Anh lật đật ngồi dậy, kéo dài đeo của tấm áo lót lên vai nàng, khéo léo cài tất cả các cúc áo dài.

– Ta cưới đi thì hơn, Meggie ạ. – Anh nhìn một cách âu yếm, mắt anh tươi cười. – Chắc chắn các anh của em sẽ không khen ngợi nếu các anh ấy biết chúng mình đã làm gì ở đây.

– Vâng, như vậy hẳn là hay hơn. – Meggie ưng thuận, mắt gằm xuống, và đỏ bừng mặt.

– Sáng mai ta sẽ nói với các anh ấy.

– Sao lại không nhỉ? Càng nhanh càng tốt.

– Thứ bảy này anh sẽ đưa em đi Gilly. Ta sẽ nói chuyện với đức cha Thomas – chắc là em muốn làm lễ cưới ở nhà thờ, ta sẽ

thỏa thuận về việc công bố điều đó, còn anh sẽ mua nhẫn cưới cho em.

– Cám ơn anh.

Ờ, thế là xong. Nàng đã ràng buộc mình, không thể tháo lui được nữa. Ba tuần hoặc một tháng nữa, đủ thời gian cần thiết để công bố việc của họ, nàng sẽ lấy Luke O'Neill. Nàng sẽ trở thành... Mrs. O'Neill. Lạ thật! Tại sao nàng ưng thuận? Vì hồi nào *người ấy* đã nói rằng nàng phải đi lấy chồng, *người ấy* đã nói là phải như thế. Nhưng tại sao? Để giải thoát khỏi mối nguy hiểm của *người ấy*. *Người ấy* muốn giữ gìn cho ai – cho bản thân hay cho ta? Ralph de Bricassart, đôi khi tôi có cảm giác *rằng* tôi căm thù ông...

Việc xảy ra trong xe khiến nàng sửng sốt và lo ngại. Chẳng có gì giống với lần ấy, lần đầu tiên ấy. Bao nhiêu cảm giác tuyệt vời và đáng sợ. Hai bàn tay nóng hổi của anh! Và cặp môi áp vào ngực khiến cho cơn rạo rục lan tỏa khắp toàn thân thành những vòng tròn! Mà anh làm việc đó đúng vào lúc đầu óc nàng đã sáng rõ, và nàng, trước đó dường như quên hết mọi sự trên đời, đã chợt tỉnh lại, anh đang lột trần nàng ra, cần kêu lên, cho anh cái tát, bỏ chạy... Không còn bị ru ngủ, không còn choáng váng nữa vì rượu sâm banh, vì hơi ấm, vì sự khám phá rằng khi được hôn ra hôn thì ngọt ngào như thế nào, thế mà lúc đó anh háo hức mút vú nàng, mà nàng đỡ ra, lương tri, sự cắn rứt lương tâm, ý nghĩ chạy trốn đều im bật. Vai nàng rời khỏi ngực anh, hai tay anh rón sức ép đè lên eo lưng nàng, đến mức đùi và các góc nhỏ hoàn toàn vô danh của cơ thể nàng áp sát vào cơ thể anh, áp vào một cái gì cứng như đá, và bây giờ, bàng hoàng đến tận đáy tâm hồn, nàng chỉ muốn cứ ở nguyên trạng thái như thế mãi mãi, với cảm giác trống rỗng kỳ lạ, chờ đợi và khao khát... khao khát cái gì nhỉ?

Chính nàng cũng không biết. Khi Luke đẩy nàng ra khỏi anh, nàng hoàn toàn không muốn rời ra, nàng sẵn sàng cuồng nhiệt áp mình vào anh. Nhưng giây lát đó đã khiến nàng dứt khoát quyết định lấy Luke. Chưa kể điều gì khác, nàng tin chắc rằng do cái việc mà Luke đã làm với nàng mà trẻ con sẽ ra đời.

Cái tin mới không làm ai ngạc nhiên, và chẳng ai nảy ra ý định phản đối. Chỉ có một điều làm những người thân sưng sốt: Meggie dứt khoát từ chối việc viết thư cho giám mục Ralph và phản đối gần như điên cuồng khi Bob đề nghị mời giám mục Ralph về Drogheda để long trọng làm phép cưới cho nàng với Luke ở Nhà Lớn. Không, không, không! – Meggie gào lên với những người ruột thịt, vậy mà Meggie chính là người không bao giờ to tiếng cả. Dường như nàng giận dữ về việc Ralph không lần nào về thăm gia đình nàng, nàng cứ nhắc đi nhắc lại rằng đám cưới là việc riêng của nàng, và nếu như giám mục Ralph không về thăm Drogheda ít ra là một lần để giữ phép lịch sự thì nàng sẽ không ép đức cha phải làm cái bổn phận mà cha không có cách gì thoái thác được.

Bởi vậy, Fee hứa rằng trong thư viết cho đức giám, bà sẽ không dả động gì đến đám cưới; rõ ràng bà đứng đưng với tất cả những cái đó, có lẽ bà cũng ít bận tâm như thế về việc Meggie lấy một người chồng như thế nào. Làm sổ sách kế toán cho một điền trang khổng lồ như Drogheda không phải là chuyện đùa. Những điều Fee ghi trong sổ sách của mình cung cấp cho nhà sử học bức tranh cặn kẽ về sinh hoạt của một trại chăn cừu, vì nó không chỉ có các con số và bản thanh toán. Bao giờ cũng ghi rõ từng đợt di chuyển của từng đàn cừu, sự thay đổi các mùa, thời tiết từng ngày, ngay cả những món Mrs. Smith làm cho bữa ăn trưa. Đoạn

ghi trong quyển sổ trực độc đảo về ngày chủ nhật 22 tháng bảy năm 1934 cho biết: “Trời sáng sủa, không mây, nhiệt độ lúc tảng sáng 34°. Không làm lễ Missa. Bob ở nhà, Jack cùng với hai người chăn cừu ở bãi chăn Murrimbah, Hughie ở đê phía tây cùng với một người chăn cừu, Pit *Thùng bia* lừa cừu ba tuổi từ bãi chăn Budgin về bãi Winnemurra. Lúc ba giờ chiều nhiệt độ 35°. Khi áp kế chỉ 30,6 inches. Gió đông. Bữa ăn trưa có thịt muối, khoai tây luộc, cà rốt và bắp cải, món thứ ba là pudding duff với nho currant. Thứ bảy 25 tháng tám, Meghann Cleary sẽ làm lễ cưới ở nhà thờ *Cây thập giá của Chúa* tại Gilly với Mr. Luke O’Neill, người chăn cừu. Ghi lúc 9 giờ tối, nhiệt độ 45°C, trăng hạ tuần cuối”.



Luke mua cho Meggie chiếc nhẫn cưới giản dị, nhưng khá đẹp, có hai hạt kim cương như nhau, mỗi hạt một phần tư cara gắn trong hai trái tim nhỏ bằng bạch kim. Người ta báo tin lễ cưới sẽ cử hành vào trưa thứ bảy 25 tháng tám, ở nhà thờ Cây Thập giá của Chúa. Tiếp đó là bữa ăn trưa gia đình tại khách sạn “Imperial”, đương nhiên Mrs. Smith, Minnie và Cat sẽ được mời tới, nhưng Jims và Pasty ở Sydney sẽ không được gọi về – Meggie tuyên bố dứt khoát rằng không việc gì hai thằng bé phải chật vật vượt sáu trăm dặm đường chỉ để xem một nghi lễ mà chúng chẳng hiểu gì mấy. Chúng viết thư chúc mừng chị! Jims gửi về một lá thư dài, rời rạc, hết sức trẻ con, còn Pasty chỉ có mấy chữ: “Chúc hạnh phúc lớn lao”. Cố nhiên chúng biết Luke, trong những ngày hè chúng đã cùng đi với anh khá nhiều trên các bãi chồn Drogheda.

Mrs. Smith rất buồn phiền vì Meggie nhất mực muốn làm lễ cưới thật giản dị, còn bà lại hy vọng rằng ở Drogheda, cô gái duy nhất sẽ được gả chồng trong cờ bay pháp phối, giữa tiếng nhạc vang lừng, và sự kiện đó sẽ được ăn mừng không phải một hay hai ngày. Nhưng Meggie dứt khoát không muốn có sự xa hoa nào cả, thậm chí nàng khước từ bộ y phục thường có cho cô dâu –

nàng định làm lễ cưới trong bộ áo váy thường với chiếc mũ giản dị và không phải thay y phục cho chuyến đi trong lễ cưới.

Chủ nhật, khi họ bàn định xong chương trình lễ cưới, Luke ngồi xuống ghế bàn đối diện Meggie.

– Em yêu quý, anh biết anh sẽ đưa em đi đâu trong tháng trăng mật của mình. – Luke nói.

– Đi đâu vậy?

– Đến Bắc Queensland. Trong lúc em ở chỗ chị thợ may, anh đã nói chuyện với mấy người ở tiệm rượu, các cậu ấy nói rằng nếu có sức khỏe và không sợ công việc nặng nhọc thì làm ở các đồn điền mía vùng này được trả công rất cao.

– Nhưng ở đây anh vẫn có việc làm tử tế kia mà, Luke!

– Đàn ông mà sống nương nhờ bên nhà vợ thì không tiện. Anh muốn kiếm đủ số tiền cần thiết và mua cho chúng mình một khu đất ở Tây Queensland, và phải chong chóng lên, trong lúc anh còn trẻ có thể tự mình khai thác khu đất ấy. Hiện giờ đang khủng hoảng, không có học vấn thì không dễ gì kiếm được lương cao, còn ở Bắc Queensland đang thiếu sức lao động, người làm được trả công gấp mười lần người chần cừ ở Drogheda.

– Thế phải làm gì ở đấy?

– Chặt mía.

– Nhưng đấy là công việc hết sức nặng nhọc! Người ta vẫn thuê người Tàu làm!

– Em làm. Người Tàu tầm vóc nhỏ, họ không bì nổi với người da trắng trong việc này, vả chăng em biết đấy, luật cấm đưa vào Úc những người da đen và da vàng làm công việc nặng nhọc và trả công họ thấp hơn người da trắng, như thế để họ khỏi cướp

mắt miếng ăn của người Úc da trắng. Vì vậy người chặt mía đếm trên đầu ngón tay và được trả công cao. Không phải gã trai nào cũng đủ tầm vóc và sức lực để làm công việc như thế. Nhưng anh thì đủ sức! Anh làm tất cả việc gì cũng trơn tru.

– Luke, chẳng lẽ anh muốn chúng mình sẽ chuyển hẳn đến ở Bắc Queensland chẳng?

– Đúng thế.

Meggie phóng mắt qua vai anh nhìn ra những cửa sổ rất rộng của Nhà Lớn bên ngoài là Drogheda, – những cây khuynh diệp kỳ ảo, Ấp chính, một dãy cây dọc theo đường ranh giới của ấp. Không ở Drogheda nữa! Đi đến một nơi nào đó, ở đây giám mục Ralph không còn tìm thấy nàng nữa, chẳng bao giờ còn thấy Ralph nữa, gấn bó vĩnh viễn, không cách gì sửa đổi được với con người xa lạ đang ngồi đối diện với nàng... Cặp mắt xám của nàng lại nhìn vào khuôn mặt đầy sức sống, đầy nôn nóng của Luke và càng trở nên đẹp hơn, nhưng càng buồn hơn nhiều. Anh cũng cảm thấy điều đó, tuy không nhìn thấy một giọt nước mắt nào, nàng không gằm mắt xuống, khóe môi không run run, không trĩu xuống. Nhưng anh chẳng mấy động lòng về việc nàng có điều gì đau xót, anh hoàn toàn không có ý định dành cho Meggie một khoảng trong tâm hồn đủ để phải lo lắng về nàng. Khởi bản, nàng là khoản trúng số không nhỏ đối với một người sẵn sàng lấy Dot MacPherson ở Bingelly, nhưng chính bởi vì nàng hết sức hấp dẫn và tính tình rất đổi nhu mì nên Luke quyết không để cho nàng bước vào trái tim anh. Không một người phụ nữ nào, ngay cả người đáng yêu và đẹp như Meggie Cleary, được phép có uy quyền với anh và chỉ huy anh.

Thế là, trung thành với mình, không vòng vo, anh đi thẳng

ngay vào cái điều quan trọng nhất đối với anh. Trong một số trường hợp, không có mảnh lời thì không xong, nhưng trong việc này cứ thẳng thừng lại lợi hơn.

– Meghann, anh là con người kiểu cổ. – Anh nói.

Meggie ngạc nhiên nhìn anh.

– Thế ư?

Câu hỏi đó rõ ràng là: điều đó có ý nghĩa gì kia chứ?

– Đúng thế. – Luke xác nhận. – Anh cho rằng khi người ta lấy vợ, tất cả tài sản của vợ phải chuyển sang cho chồng. Tương tự như của hồi môn thời xưa vậy. Anh biết em có một số tiền, vậy nên bây giờ anh nói thẳng với em rằng sau khi chúng ta thành vợ chồng, số tiền đó phải chuyển sang tên anh. Để cho phải lẽ, em cần phải biết trước anh nghĩ như thế nào về việc ấy, trong lúc em vẫn còn có thể tự mình quyết định em có đồng ý như thế không?

Meggie chưa bao giờ có ý định giữ tiền riêng, dường như đó là điều tất nhiên – khi nàng đã là vợ Luke thì tiền cũng chuyển sang tên anh. Ở Úc, tất cả phụ nữ, trừ những người học thức nhất và giàu kinh nghiệm nhất, đều được giáo dục rằng họ gần như là nô lệ của chồng, còn Meggie thì hoàn toàn không thể nghĩ khác được. Cha nàng bao giờ cũng là chủ nhân và chúa tể đối với vợ con, còn sau khi cha mất, Fee coi Bob, người thừa kế cha, là người chủ chốt trong gia đình. Người đàn ông có tất cả quyền hành đối với tiền và nhà cửa, đối với vợ con. Meggie không bao giờ nghi ngờ quyền chủ nhân ấy.

– Em chẳng biết cần ký giấy tờ gì, anh Luke ạ! – Nàng kêu lên.

– Em nghĩ rằng tất cả những gì em có lập tức là của anh, một khi có thể đã là vợ chồng.

– Trước kia thì như thế đấy, nhưng rồi những tên ba hoa ngu xuẩn ở Canberra bãi bỏ tất cả những điều đó, cho phụ nữ có quyền bỏ phiếu. Meggie ạ, anh muốn giữa chúng ta tất cả đều bộc trực, ngay thật, vì thế anh nói trước để em biết.

Meggie bật cười:

– Anh đừng lo, Luke ạ, em không chống lại đâu.

Nàng chấp thuận điều đó đúng như người vợ hiền kiểu cũ, Dot chắc không chịu nghe một cách dễ dàng vậy đâu.

– Em có bao nhiêu tiền? – Anh hỏi.

– Hiện giờ là mười bốn ngàn bảng. Và mỗi năm em được thêm hai ngàn nữa.

Luke khẽ huýt sáo:

– Mười bốn ngàn bảng? Ô hô! Vô số là tiền, Meggie ạ. Hãy để anh đích thân lo toan về số tiền ấy thì hơn. Tuần sau ta sẽ đến ông chủ nhà băng và nhớ nhắc anh giao hẹn về việc chuyển tất cả số tiền sang tên anh từ nay về sau. Em ạ, anh sẽ không đụng đến một xu. Rồi sau ta sẽ dùng tiền ấy mua một cái trại. Bây giờ chúng mình sẽ đổ mồ hôi mấy năm, sẽ dành dụm từng xu. Được chứ?

Meggie gật đầu:

– Tốt thôi, anh Luke ạ.

Nhưng có một điều Luke quên mất, khiến lễ cưới suýt không thành. Anh không phải là người công giáo. Biết điều đó, cha Watty hoảng sợ giơ hai tay lên trời.

– Thế là thế nào, Luke, sao anh không nói trước với tôi?! Chúa chứng giám, chúng ta sẽ phải nỗ lực hết sức để kịp làm cho anh

thành người công giáo và rửa tội cho anh trước khi làm lễ cưới!

Luke ngạc nhiên nhìn chăm chăm vào linh mục.

– Cải đạo là thế nào, thưa đức cha? Tôi chẳng theo đạo nào cả, thế cũng tốt rồi, còn nếu điều đó làm đức cha lo ngại thì cha muốn cho tôi là người phải tẩy lễ hay người phái tái giáng sinh cũng được, với tôi đảng nào cũng thế thôi. Còn theo đạo Thiên chúa thì không đâu, xin đừng có nài.

Khuyên nhủ anh vô ích, Luke không muốn nghe nói đến chuyện cải đạo gì cả.

– Tôi không chống đạo thiên chúa và không chống Eire^[70], cố nhiên ở Ulster người ta đối xử nghiệt ngã với những người theo đạo thiên chúa. Nhưng tôi là người Orange và tôi không muốn từ bỏ những người cùng cánh. Nếu như tôi là người công giáo và cha kêu gọi tôi theo phái giám lý thì tôi cũng sẽ nói như thế. Không phải tôi ghét người công giáo, mà tôi ghét kẻ đào ngũ. Vì vậy xin cha hãy thôi đi cho, thưa đức cha, đám chiên của cha không có tôi cũng đủ rồi.

– Thế thì anh không làm lễ cưới được.

– Tại sao vậy? Nếu cha không muốn làm phép cưới cho chúng tôi thì đức cha ở nhà thờ thanh giáo sẽ làm, hay ít ra là ngài thẩm phán hòa giải Harry Gough sẽ làm.

Fee mỉm cười ảo não, bà nhớ tới cuộc tranh cãi ngày xưa với Paddy và với ông linh mục đã làm phép cưới cho hai người; khi ấy bà là người chiến thắng.

– Nhưng em phải làm phép cưới ở nhà thờ, Luke! – Meggie sợ hãi phản đối – không thì em sẽ phải sống trong tội lỗi!

– Còn anh lại cho rằng thà sống tội lỗi còn hơn là trở thành kẻ

phản bội. – Luke tuyên bố; đôi khi anh ngang bướng lạ kỳ, mặc dù tiền của Meggie có sức cảm dỗ rất mạnh đối với anh, tính bướng bỉnh bẩm sinh khiến anh khăng khăng giữ ý kiến của mình.

– Thôi xin đừng giở trò ngu ngốc nữa! – Fee nói không phải với Luke, mà với linh mục. Và bà nói tiếp: – Hãy làm như tôi với Paddy hồi xưa, không việc gì phải tranh cãi lôi thôi. Nếu cha Thomas không muốn làm mất thanh danh nhà thờ của mình thì hãy làm phép cưới cho các con tại nhà của cha.

Mọi người ngạc nhiên nhìn bà chăm chăm; nhưng cái nút thắt đã được chặt đứt: cha Watty nhượng bộ và đồng ý làm phép cưới cho Meggie với Luke tại ngôi nhà ở bên nhà thờ, nhưng không chịu ban phước cho chiếc nhẫn của Luke. Được phép của nhà thờ, tuy không trọn vẹn, Meggie cảm thấy mình có tội, cố nhiên, nhưng không đủ nặng để phải xuống địa ngục, còn bà lão Annie quản gia của cha Watty thì cố làm cho phòng làm việc của cha thật giống đền thờ, bà đặt ở khắp mọi chỗ những chiếc bình cực to có cắm hoa và những giá nến bằng đồng. Tuy thế, nghi lễ vẫn nặng nề, linh mục tuyệt nhiên không che giấu sự bất bình của mình và tỏ cho mọi người thấy rằng ông nhượng bộ chỉ là để khỏi lâm vào tình trạng lúng túng nếu như đôi này chỉ kết hôn ở tòa thị chính. Họ không được làm lễ hôn phối của nhà thờ, không được ban phước thực sự.

* * *

Dẫu sao mọi việc đã xong xuôi. Meggie đã trở thành Mrs.

O'Neill và đi về Bắc Queensland, ở đây tháng trăng mật đang chờ đợi nàng, tháng trăng mật được hoãn lại một thời gian cần thiết để đi đường. Luke không muốn nghỉ lại tối thứ bảy ở khách sạn "Imperial", một tuần chỉ có một lần, vào tối thứ bảy, trên tuyến đường đi Goondiwindi có chuyến tàu đến vừa kịp chuyến tàu bưu vụ chủ nhật từ Goondiwindi đến Brisbane. Thế thì họ sẽ đến Brisbane vào thứ hai, vừa kịp để lên chuyến tàu nhanh đến Cairns.

Đoàn tàu đi Goondiwindi chật lèn, không có các toa ngủ, suốt đêm phải ngồi, suốt đêm ở trước mắt mọi người. Giờ này tiếp giờ khác, đoàn tàu giạt dội và lắc lư, âm âm trườn về hướng đông bắc, và không thể đếm được những chặng dừng – khi thì người lái tàu muốn pha cho mình một ấm trà, khi thì phải chờ cho đàn cừu lạc lên đường ray đi qua đã, khi thì anh ta muốn tán gẫu một chút với người lừa gia súc đàn.

– Em không hiểu tại sao người ta viết là "Goondiwindi" mà lại nói là "Gundiwindi" nhỉ? – Vì không có việc gì làm, Meggie hỏi trong lúc họ ngồi ở phòng đợi của ga này. Thì ra ngày chủ nhật không còn đi đến đâu được nữa, mọi nơi đều đóng cửa, mà phòng đợi thì thật đến khiếp, tường quét vôi quét ve xỉn của nhà nước, những chiếc ghế băng bằng gỗ thì cứng và bất tiện. Meggie tội nghiệp lo lắng và khó chịu.

– Anh làm sao mà biết được? – Luke thở dài đáp lại.

Anh không thiết nói, thêm nữa bụng đói còn cào. Vì là chủ nhật, muốn uống chén trà cũng phải có chỗ nào mà uống; mãi đến sáng thứ hai, khi đã ở trên đoàn tàu bưu vụ đi Brisbane, tại một ga họ mới được ăn qua loa và uống đã khát. Rồi đến Brisbane, đi xuyên qua suốt thành phố từ ga phía nam đến ga ở

phố Roma Street và cuối cùng là chuyển tàu đi Cairns. Đến đây mới rõ ra rằng Luke lấy hai vé ngồi ở toa hạng hai.

Vì mệt mỏi và bực bội, Meggie không nén được:

– Chúng ta có đến nổi nghèo lắm đâu, Luke! Có lẽ anh đã quên không ghé qua nhà băng, nhưng trong túi xách tay của em có một trăm bảng anh Bob cho kia mà. Tại sao anh không lấy vé nằm ở toa hạng nhất?

Luke sững sờ nhìn nàng:

– Thì đến Dungloe chỉ có ba ngày đêm đi tàu thôi mà! Chúng mình trẻ, khỏe, dai sức, tội gì phí tiền đi toa nằm? Đi tàu ngồi một chút cũng được chứ sao, có chết ai đâu, Meghann! Đã đến lúc em nên hiểu rằng chồng em là một người thợ bình thường, chứ không phải là một ông quý tộc.

Thế là Meggie chúi vào một góc bên cửa sổ – Luke đã kịp giành được chỗ ấy cho nàng, – cảm run run tì vào tay, quay mặt đi và bắt đầu nhìn ra cửa sổ để Luke không nhìn thấy nước mắt nàng. Anh nói với nàng hết như người lớn nói với đứa trẻ ngờ nghệch, và lần đầu tiên nàng nghĩ rằng đích thực anh coi nàng là con nít. Một cái gì giống như ý muốn nổi loạn dấy lên trong nàng, nhưng chỉ ít chút thế thôi, lòng tự hào mãnh liệt không cho phép nàng hạ mình xuống cãi cọ. Nàng tự nhủ: nàng là vợ anh, nhưng đối với anh đấy là điều mới mẻ, không quen thuộc. Cần để cho anh có thời gian quen dần. Hai người sẽ chung sống với nhau, nàng sẽ nấu nướng, may vá cho anh, sẽ chăm sóc anh, hai người sẽ có con, nàng sẽ là người vợ hiền của anh. Như bố đấy, bố quý trọng mẹ hết sức, rất mực yêu quý mẹ. Cần phải cho Luke có thời gian.

Đoàn tàu của họ vào thành phố Dungloe, chỉ còn năm mươi

dặm nữa là đến Cairns, điểm cực bắc của tuyến đường sắt chạy suốt vùng ven sông Queensland. Hơn một ngàn dặm tuyến đường sắt hẹp, toa tàu lắc lư, trong toa kín hết chỗ, không thể nằm hay ít ra là duỗi chân ra. Bên ngoài là một vùng còn đông dân hơn Gillanbone nhiều, và nên thơ hơn nhiều, nhưng Meggie không còn hơi sức đâu mà tò mò.

Đầu nhức nhối, quay cuồng, nóng không thể chịu nổi, còn tệ hại hơn ở Gilly. Bộ áo cưỡi bằng lụa hồng rất duyên dáng bám đầy mồ hôi bay vào qua các cửa sổ, da nhợt nhợt mồ hôi không lúc nào khô, và điều khổ sở hơn tất cả những bất tiện bên ngoài là Meggie cảm thấy nàng sắp căm thù Luke đến nơi rồi. Rõ ràng anh không hề mệt mỏi và không bức dọc về chuyến đi này, anh ngồi ung dung gẫu chuyện với hai người bạn đường đi về Cardwell. Anh chỉ nhìn về phía cửa sổ gần nàng, vẻ hờ hững đến nỗi nàng co dúm lại, quảng tờ báo cuộn tròn cho mấy kẻ ăn mặc rách rưới thêm tin tức – họ đứng dàn thành hàng dọc nền đường, tay cầm những chiếc búa thép và gào lên:

– Báo! Báo!

– Những người thợ của phường thủ công, họ sửa đường. – Lần đầu tiên anh giải thích khi ngồi về chỗ.

Rõ ràng anh đĩnh ninh rằng nàng cũng hài lòng về mọi việc, rất sảng khoái và đang ngắm đồng bằng ven sông và không thể dứt ra được. Còn Meggie nhìn mà chẳng thấy gì và đã căm thù dữ dội mảnh đất này, tuy chưa kịp bước chân lên.

Ở Cardwell hai người kia xuống, còn Luke ra khỏi ga, chạy vào một cửa hàng nhỏ ở bên kia đường và đem về một bọc giấy báo có cá và khoai tây rán. – Người ta bảo ở Cardwell cá thật là kỳ diệu,

không nếm thì không thể tin được, Meggie thân yêu ạ. Cá ngon nhất trần đời. Này, em ăn đi. Em chưa bao giờ nếm thử món ăn Queensland thực sự mà. Vùng chuỗi đấy, trên thế gian này không có nơi nào tốt hơn, anh nói thực đấy.

Meggie liếc nhìn con cá rán rỉ mỡ, đưa mùi xoa lên bịt chặt miệng và đấm bổ ra cửa. Mấy phút sau, khi nàng mặt tái nhợt, đi không vững, ra khỏi buồng vệ sinh, Luke chờ nàng ở hành lang.

- Em sao thế? Khó ở à?
- Em luôn luôn khó ở suốt từ Goondiwindi kia.
- Trời ơi! Sao em không nói với anh?
- Sao chính anh không nhận thấy nhỉ?
- Bề ngoài nom em chẳng sao cả.

Không, không nên nói với anh về chuyện ấy. Và Meggie hỏi:

- Chúng ta còn đi xa không?
- Chừng ba tiếng, mà có khi đến sáu tiếng đồng hồ. Ở đây người ta không tin lắm ở bảng giờ tàu. Em này, mấy anh chàng kia đã xuống, có thừa chỗ, em nằm xuống đi, nằm nghiêng, còn chân gác lên đùi anh đây này.

– Đừng có nựng em, em không phải là con nít! – Meggie giận dữ ngắt lời anh. – Tiếc rằng mấy gã kia của anh không xuống tàu hai ngày trước ở Bundaberg!

– Thôi thôi, Meggie, đừng rên rĩ. Chỉ còn chút xíu nữa thôi mà. Tully, Innisfail, rồi là đến Dungloe.

Gần tối họ xuống tàu. Meggie tuyệt vọng bám lấy khuỷu tay Luke, vì kiêu hãnh nàng không muốn thú nhận rằng nàng đứng không vững. Luke hỏi trưởng ga ở đây xem có khách sạn nào gần

dị một chút không, rồi anh xách va li lên và đi ra đường, Meggie lão đảo như người say, lê bước theo.

– Chỉ vài bước nữa thôi. – Anh an ủi – Ở cuối khu phố, đằng kia kia. Cái nhà hộp màu trắng hai tầng.

Buồng khách sạn nhỏ hẹp, lại còn bề bộn đồ đạc kiểu cổ, nhưng Meggie cảm thấy đó là thiên đường, nàng kiệt sức ngồi phịch xuống rìa chiếc giường đôi.

– Nằm xuống đi, nằm nghỉ một chút cho đến bữa ăn tối, em yêu. Còn anh sẽ đi thăm thú xem ở đây có cái gì.

Rồi Luke thong thả đi ra, hoạt bát tươi tỉnh hết như sáng hôm làm lễ cưới. Hôm ấy là thứ bảy, mà bây giờ đã sắp hết thứ năm, năm ngày họ ngồi trong những chuyến xe lửa chật lèn, trong không khí ngột ngạt, mù mịt khói thuốc lá và bồ hóng.

Chiếc giường vẫn còn lắc lư đều đều theo nhịp bánh xe, nhưng lòng tràn ngập niềm biết ơn, Meggie úp mặt vào gối và ngủ liền...

* * *

Có người nào cởi giày, bít tất và đắp chăn cho nàng. Meggie cựa quậy, mở mắt và nhìn quanh. Luke ngồi bên bậu cửa sổ, một chân co gập, đầu gối nhô lên và hút thuốc lá. Nghe thấy tiếng động của nàng, anh quay đầu lại và mỉm cười.

– Hoan hô cô vợ mới cưới! Tôi mong chờ mãi mới đến tháng trăng mật, vậy mà vợ tôi ngủ gục hai ngày liền! Tôi không thể nào đánh thức được, thậm chí tôi hơi hoảng, may là ông chủ tiệm rượu cho biết rằng phụ nữ thường như vậy, do đi tàu xóc và

không khí ẩm thấp. Ông ta bảo là em ngủ bù đấy thôi. Này, bây giờ em thế nào?

– Em khá hơn nhiều rồi, cảm ơn anh. Cố nhiên anh nói đúng, Luke ạ, em trẻ khỏe, nhưng dù sao em vẫn là phụ nữ! Không phải mọi thử thách đều vừa sức em như đối với anh.

Anh đến gần, ngồi xuống mép giường, xoa vuốt tay nàng một cách hết sức âu yếm, vẻ ân hận:

– Anh có lỗi, Meghann, đúng là lỗi tại anh. Không hiểu sao anh lại không nghĩ đến chuyện em là phụ nữ. Em ạ, anh chưa quen với tình trạng anh có vợ. Em đói chứ, em ngoan của anh?

– Em đói gần chết. Anh nghĩ xem, gần suốt tuần em không ăn gì!

– Thế thì đi tắm đi, mặc bộ áo sạch vào rồi chúng ta đi xem Dungloe, được chứ?

Luke đưa Meggie vào tiệm cà phê của người Tàu ở cạnh khách sạn, và lần đầu tiên trong đời, nàng nếm mùi các món ăn phương Đông. Nàng đói ngấu, vì thế thứ gì hiểu cũng sẽ ngon miệng, nhưng đây quả thực là món ăn của các thần. Như vậy thì chẳng cần bận tâm đến chuyện món ăn làm bằng gì, cho dù bằng đuôi chuột, vây cá mập và ruột gà như người ta vẫn thường nói ở Gillanbone, nơi mà tại một tiệm cà phê duy nhất, các ông chủ Hy Lạp chỉ đưa ra món bit tết với khoai rán. Luke đem theo từ khách sạn hai chai bia đựng trong cái túi giấy và ép Meggie uống một cốc đầy, mặc dù nàng không thích bia.

– Hiện thời về khoản nước uống thì em nên kiêng dè một chút. – Anh khuyên, – Nhưng còn bia thì không tránh được đâu.

Rồi anh khoác tay nàng, đưa nàng đi xem Dungloe, và anh có

về hãnh diện như thể anh là chủ nhân của cả thành phố. Thì anh sinh ra ở Queensland mà, Dungloe là một nơi đặc sắc! Nom bên ngoài cũng như về tinh thần, nó không có gì giống các thành phố miền tây. Có lẽ nó không lớn hơn Gilly, nhưng nó không kéo dài bất tận một cách vô duyên bằng một đường phố “chính” duy nhất, mà sắp xếp thành những khối phố đều đặn, ngay ngắn, tất cả các ngôi nhà và cửa hàng đều quét vôi trắng, chứ không phải màu nâu xỉn. Các cửa sổ đều lắp cửa chớp, khe cánh cửa thẳng đứng chắc là để thông gió tốt hơn, và ở bất cứ nơi nào có thể được, nhà đều không có mái, chẳng hạn rạp chiếu phim: có màn ảnh, tường mở những cửa sổ cũng như thế, những dãy ghế vải gấp như trên boong tàu thủy, còn mái thì hoàn toàn không có.

Rừng rậm thực sự tiến sát đến thành phố. Khắp nơi quán quít dây leo và các loại cây thân leo khác nhau – chúng bò lên cột điện báo, lên tường và mái nhà. Cây mọc lên ở bất cứ chỗ nào chúng muốn, ngay cả giữa đường lát, và có những ngôi nhà xây xung quanh một cái cây, hay có lẽ cây mọc ở trong nhà và xuyên thủng mái. Không thể hiểu được cái gì xuất hiện trước – cây hay nhà ở của người, cái chính là cây xanh mọc um tùm khắp nơi không gì kìm hãm được. Những cây dừa cao hơn nhiều và cân đối hơn nhiều so với những cây khuynh diệp ở Drogheda, lá dừa xò rộng lay động trên nền trời xanh đậm đến chóng mặt, nhìn đâu cũng thấy chói lòa, nhiều màu sắc. Không có gì giống những khoảng xa màu xám vàng mà Meggie đã quen mắt. Tất cả cây cối đều ra hoa – một số cây có hoa màu tím nhạt, một số khác hoa trắng, da cam, đỏ thắm, hồng, thanh thiên.

Trên các đường phố có nhiều người Tàu, nam và nữ, mặc quần lụa đen, đi bít tất trắng và những đôi giày đen trắng nhỏ xíu, sơ

mi trắng cổ đứng, bím tóc dài buông thả trên lưng. Đàn ông và đàn bà mặc như nhau và nom như nhau. Meggie không bao giờ phân biệt được ai với ai. Hình như tất cả công việc buôn bán ở đây đều nằm trong tay người Tàu. Trên tấm biển một cửa hàng bách hóa – một cửa hàng lớn, với những tủ kính bày hàng giàu có, ở Gilly không hề thấy cửa hàng nào như thế – có đề cái tên người Tàu: A Vông.

Tất cả các ngôi nhà đều dựng trên những cây cột cao như nhà ở của người quản cừu ở Drogheda. Cần làm như thế để có nhiều không khí hơn. Luke giải thích, để khỏi bị mối xông, trong một năm mới có thể làm đổ một ngôi nhà mới. Mỗi cây cột đều bịt sắt tây có rìa cong về phía dưới – thân mối không uốn gập được ở giữa, chúng không thể bò qua chướng ngại bằng sắt tây để lên tới sàn và tường gỗ. Cố nhiên chúng đục cây cột, nhưng cột hỏng thì thay. Như vậy giản tiện hơn và rẻ hơn xây nhà mới. Hầu hết vườn tược ở các nhà chẳng khác rừng là mấy – vẫn những cây dừa và tre như thế, rõ ràng các chủ nhân thất vọng trong việc tìm hãm những loại cây mãnh liệt ấy.

Đàn ông và đàn bà ở đây khiến Meggie phẫn nộ về hình dạng bên ngoài của họ. Khi sửa soạn đi ăn tối hay đi dạo với Luke, nàng ăn vận như thường lệ: giày cao gót, bít tất lụa, áo lót nữ vải láng, áo dài nữ rộng rãi có thắt lưng và tay áo đến khuỷu. Và cố nhiên có mũ rơm rộng vành và găng tay. Ấy thế mà lạ chưa, nàng lại cảm thấy ngượng ngập, người ta trở mắt nhìn nàng như thể nàng ăn mặc bất lịch sự!

Còn đàn ông chân không giày, không bít tất đi dạo chơi, nhiều người còn phơi trần ngực ra, chỉ mặc độc chiếc quần cộc màu lục xỉn; một số ít người không ở trần hẳn thì không mặc sơ mi, mà

mặc áo thể thao không tay. Phụ nữ còn tẻ hơn nữa. Một số mặc áo dài bằng vải sợi, cộc và chật, bên dưới chắc là không mặc gì nữa, chân không bít tất, đi dép lê. Đa số chỉ mặc quần cộc, đi chân đất, ngực che đậy hở hang bằng chiếc áo cánh không tay ngắn cũn cỡn đến là bất lịch sự. Đây không phải là bãi tắm. Dungloe là một thành phố đích thực. Tuy nhiên, dân da trắng bản địa trơ trẽn đi dạo chơi mà gần như trần truồng, người Tàu mặc còn lịch sự hơn nhiều.

Chỗ nào cũng thấy xe đạp, hàng trăm xe đạp; hầu như không thấy ô tô, không có con ngựa nào cả. Đúng, hoàn toàn chẳng giống Gilly chút nào. Và nóng ới là nóng! Ở một ngôi nhà có treo cái nhiệt biểu ngoài đường, và Meggie không tin ở mắt mình nữa – chỉ có chín mươi, ở Gilly ngay cả khi nhiệt độ tới một trăm mười lăm độ cũng còn mát hơn. Còn ở đây phải gắng sức mà bước đi, không khí đặc sánh, đi như xuyên qua khối bơ chảy nhào bốc hơi, và thở hít thì không phải là hít không khí, mà hít nước.

Đi chưa được nửa dặm, Meggie không nén nổi nữa.

– Anh Luke, em không thể chịu nổi nữa! Có lẽ ta quay trở lại thôi! – Nàng thở hổn hển, khó khăn lắm mới thốt được lên lời.

– Tùy em. Tiết trời ẩm, em không quen. Ở đây độ ẩm hầu như bao giờ cũng chín mươi phần trăm, có khi còn cao hơn, đông cũng như hè, còn nhiệt độ hầu như bao giờ cũng đều đều, tám mươi năm – chín mươi năm. Quanh năm đại loại vẫn chừng ấy, duy có mùa hè gió mùa thường đưa độ ẩm đến một trăm, cái độ ẩm chết tiệt ấy.

– Ở đây mưa về mùa hè chứ không phải mùa đông à?

– Quanh năm. Luôn luôn có gió mùa, nếu không gió mùa thì

chỉ có gió đông nam. Mà gió mùa gây mưa rất nhiều. Ở Dungloe lượng mưa một năm từ một trăm đến ba trăm inches.

Ba trăm inches mưa một năm!!! Vùng Gillanbone đen đũi sẽ vui mừng không để lâu cho hết nếu được món quà vương giả – mười lăm inches, vậy mà ở đây, cách Gilly hai ngàn dặm, lượng mưa đến ba trăm inches.

– Nhưng ít ra ban đêm ở đây cũng mát hơn chứ? – Đến cửa khách sạn Meggie hỏi, nàng chợt nhớ tới những đêm nóng nực ở Gilly, những đêm như thế còn dễ chịu hơn cái nhà tắm hơi này.

– Cũng chẳng mát hơn mấy. Nhưng rồi em sẽ quen đi. – Luke mở cửa buồng và né sang bên cho Meggie đi qua... Anh xuống tiệm rượu, uống bia nữa, nửa giờ nữa anh trở lại. Em có đủ thời gian đấy.

Meggie ngược cặp mắt sợ hãi nhìn anh.

– Vâng được, anh Luke ạ.

* * *

Dungloe chỉ chéch về phía nam xích đạo mười bảy độ, đêm ập đến bất ngờ như sét đánh, hình như mặt trời chưa lặn hẳn, vậy mà thoáng chốc mọi vật đã chìm trong bóng tối mịt mù như một thứ nước mật đặc sệt ấm áp. Khi Luke trở lại, Meggie đã tắt đèn và nằm trong giường, kéo chăn đến ngang cằm. Luke vừa cười vừa đưa tay ra kéo tấm chăn vút xuống sàn.

– Chúng mình không có rét đâu, em yêu ạ! Ta chẳng cần phải che đậy làm gì.

Nàng nghe thấy anh đi lại trong buồng, nhìn thấy cái bóng dáng lơ mờ – anh đang cởi quần áo, và nàng thì thầm.

– Em để bộ pijama của anh trên bàn điểm trang ấy.

– Pijama ư? Giữa lúc nóng bức thế này à? Ờ phải, ở Gilly thiên hạ hẳn sẽ phải choáng người lên – sao lại có thể ngủ không mặc pijama? Nhưng đây không phải là Gilly. Em mặc áo ngủ đêm đấy ư?

– Vâng.

– Thế thì cởi ra. Cái của nợ ấy chỉ tổ gây vướng víu.

Meggie phải vất vả mới tự giải thoát được ra khỏi chiếc áo ngủ đêm dài thượt bằng phin lạnh mà Mrs. Smith đã chăm chút may cho nàng mặc trong đêm tân hôn. Ôn trời, trong buồng tối lắm và Luke không nhìn thấy nàng. Nhưng anh nói đúng, nằm không mặc gì cả mát hơn nhiều, gió lùa qua những cửa sổ mở mơn man mát da. Chỉ có điều khó chịu là trong cùng một giường sẽ có thêm một tấm thân nóng hổi nữa.

Lò so kết lên; một làn da ấm chạm vào vai Meggie, nàng giật mình. Luke xoay nghiêng người, kéo nàng về phía mình và hôn. Thoạt đầu nàng ngoan ngoãn nằm trong vòng tay anh, cố không để ý đến cặp môi thềm thường mở rộng và cái lưỡi quấy rầy đến bất nhẽ, rồi nàng thử tìm cách thoát ra, không muốn ôm ấp trong lúc nóng bức thế này, nàng không cần những cái hôn, không cần Luke. Lần này mọi việc không như hồi ấy, trong chiếc “Rolls Royce”. Nàng cảm thấy lúc này anh tuyệt nhiên không nghĩ gì đến nàng, những móng tay cắt ngắn sắc nhọn cứ bấm vào người nàng ở phía sau... anh muốn gì? Sự sợ hãi chuyển thành nỗi kinh hoàng vô chừng, thân thể nàng bất lực trước sức mạnh và sự gan

lì của anh, bây giờ dường như anh không nhớ rằng nàng là con người sống. Bỗng anh buông nàng ra, ngồi lên, loay hoay không hiểu làm gì, có cái gì khẽ tách một tiếng.

– Kheo khéo nào, – anh thở. – Nằm cho hẳn hoi, đến lúc rồi. Không phải thế! Em làm sao thế, chẳng hiểu gì cả à?

Không, không, Luke, em chẳng hiểu gì cả, nàng muốn gào lên. Cái đó thật đáng ghét, bất lịch sự, cái việc anh đang làm với em ấy, hẳn là việc đó trái với mọi lề luật của Chúa và của người! Anh đè ép cả toàn thân lên nàng, một tay đè nàng xuống, tay kia túm chặt lấy tóc nàng đến nỗi nàng không dám ngo nguậy đầu. Run lên vì cái việc lạ lẫm chưa từng biết, nàng cố phục tùng Luke, nhưng anh to lớn và rộng bề ngang hơn nhiều, do sức nặng và tư thế không quen thuộc của anh mà đùi nàng cứ giật dội lên. Ngay cả qua sương mù của sự sợ hãi và mệt mỏi, nàng cảm thấy một việc không thể ngăn giữ được, không thể vãn hồi được đang tới, rồi nàng bật ra một tiếng thét to, ngân dài.

– Khẽ chứ em! – Anh rên lên bằng giọng khàn khàn, buông tóc nàng ra và vội vã lấy tay bịt miệng nàng. – Em làm gì thế, muốn làm cả khách sạn náo động lên à, quái quỷ? Người ta sẽ tưởng anh cắt cổ em! Nằm yên, sẽ đau vừa phải, có thể thôi. Nằm yên, nằm yên, nghe!

Như người điên, nàng chống cự lại một cái gì tàn bạo, không thể hiểu nổi, nhưng Luke đè nàng xuống với tất cả sức mạnh của mình, dùng tay bịt tiếng kêu của nàng, và cái cực hình kéo dài, kéo dài mãi. Luke không gọi nên sự rạo rức trong cơ thể nàng, và về mặt thể xác thuần túy, nàng chưa sẵn sàng tiếp nhận cái việc đang diễn ra, nhưng Luke không chịu thôi, anh thở mỗi lúc một gấp hơn, to hơn, phát ra tiếng rít qua hai hàm răng nghiến chặt.

Đột nhiên có cái gì thay đổi, anh ngừng bật, rung chuyển toàn thân, co mình lại, nuốt nước bọt đánh ực một tiếng. Rút cuộc, ơn trời anh đã rời bỏ nàng, vừa thở vừa nằm ngửa ra bên cạnh nàng, và cơn đau rát của nàng trở nên âm ỉ hơn.

– Lần sau em sẽ không khó chịu nữa, – Luke thốt lên một cách khó nhọc. – Lần đầu phụ nữ bao giờ cũng đau.

Làm sao anh không nói trước với em, – điên tiết, Meggie muốn hét lên, nhưng không đủ sức thốt lên lấy một lời, – bằng tất cả bản thể của mình, nàng chỉ khao khát có một điều – chết đi cho rồi. Không phải chỉ vì đau, mà vì nàng hiểu rằng đối với Luke, nàng chẳng có cái gì hết, chẳng qua chỉ là một vật đem lại khoái lạc cho anh.

Lần thứ hai đau không kém, lần thứ ba cũng thế. Luke cúi, anh tưởng rằng một sự khó chịu nào đó (anh xác định những cảm giác của Meggie như vậy) sẽ qua đi một cách thân tình sau lần đầu tiên và anh không thể hiểu được vì lẽ gì nàng chống cự và kêu lên, anh bực tức quay lưng về phía nàng và ngủ luôn. Còn Meggie nằm ngửa, nước mắt chảy hai bên thái dương, thấm ướt mái tóc dày; ước gì chết đi, chết đi hay trở lại đời sống trước kia ở Drogheda...

Phải chăng đấy là điều mà cha Ralph đã nói đến mấy năm trước khi cha nói với nàng rằng con đừng bí ẩn trong cơ thể nàng liên quan đến việc đẻ con? Nàng khoan khoái vì khám phá được ý nghĩa những lời của cha. Không lấy gì làm lạ rằng cha không muốn giảng giải tỉ mỉ hơn cho nàng. Còn Luke chắc là rất khoái cái trò đó, chẳng thế mà anh làm luôn ba lần liền. Rõ ràng là anh không đau. Vì thế nàng căm thù, đúng, căm thù toàn bộ cái trò ấy cũng như chính bản thân anh.

Nàng hoàn toàn kiệt lực, mỗi cử động nhỏ nhất đều là cực hình; chậm chạp, chật vật, nàng xoay nghiêng người, quay lưng về phía Luke, vùi mặt vào chiếc gối và khóc. Giấc ngủ không đến, còn Luke ngủ say lì, những cử động rụt rè, thận trọng của nàng thậm chí không lần nào làm thay đổi nhịp thở đều đều của anh. Anh ngủ rất yên giấc, không ngáy, không trở mình, và trong lúc chờ sáng hẳn, Meggie nghĩ: nếu chỉ nằm cạnh nhau trong giường là đủ thì có lẽ nàng sẽ không có gì chống lại người chồng như thế. Rồi sau đó trời sáng, cũng bất ngờ và buồn tẻ như buổi chiều bóng tối đổ xuống; và điều lạ lùng là gà trống không gáy và không nghe thấy những âm thanh khác của sự thức giấc như ở Drogheda, ở đó cừu, ngựa, lợn và chó ồn ào đón chào buổi sáng.

Luke thức giấc, quay về phía nàng, Meggie cảm thấy anh hôn vai nàng, nhưng nàng mệt, nhớ nhà đến nỗi không còn nghĩ gì đến sự hổ thẹn, không che thân đi.

– Nào, Meghann, cho anh ngắm nhìn em cái. – Anh ra lệnh và đặt tay lên đùi nàng. – Ngoan nào, quay lại với anh đi.

Sáng hôm nay nàng chẳng thiết gì nữa; nàng nhắm mắt, xoay nghiêng người sang phía bên kia và ngược cặp mắt dò dẫm lên nhìn Luke.

– Em không thích cái tên Meghann. – Nàng chỉ đủ sức phản đối như thế. – Nên gọi em là Meggie thì hơn.

– Còn anh lại không thích cái tên Meggie. Song nếu em không ưa cái tên Meghann tới mức ấy thì anh sẽ gọi em là Meg. – Anh mơ màng đưa mắt trùm khắp toàn thân nàng. – Em mới cân đối làm sao chứ. – Anh chạm vào ngực nàng, và cái đầu vú hồng hồng mềm mại vô cảm giác của nàng. – Thế này mới tuyệt này. –

Anh vỗ những chiếc gối cho cao lên, nằm ngả lên đấy, mỉm cười.
– Nào, Meg, hôn anh đi. Bây giờ đến lượt em vồ vập anh, có lẽ như thế em sẽ thích hơn chẳng?

Không bao giờ, cho đến chết tôi cũng không muốn hôn anh, Meggie nghĩ và nhìn tấm thân dài, cuồn cuộn cơ bắp của anh, trên ngực và bụng có đám lông thẫm màu. Còn chân anh mới nhiều lông làm sao chứ! Meggie lớn lên giữa những người đàn ông không bao giờ cởi bỏ tất cả thứ gì mặc trên người trước mặt phụ nữ, những lúc nóng nực, ở chỗ cổ sơ mi mở phanh, có thể nhìn thấy ngực họ có lông. Nhưng ở bố và các anh, lông ngực sáng màu, không có gì đáng ghét; còn con người này, lông thẫm màu, là kẻ xa lạ và đáng ghét. Tóc Ralph cũng thẫm màu như thế, nhưng Meggie nhớ rõ rằng ngực cha nhẵn nhụi, nước da rám nắng, không có lông.

– Nghe anh bảo đây, Meg! Hôn anh đi.

Nàng cúi xuống hôn anh; anh ngửa hai bàn tay đỡ dưới ngực nàng và đòi hôn nữa, hôn nữa, rồi anh kéo một tay nàng xuống phía dưới. Nàng bứt môi ra khỏi cái hôn cưỡng ép và sợ hãi nhìn cái vật cứ to lên và thay hình đổi dạng dưới tay nàng.

– Không – không, Luke, không nên nữa! Nàng thét lên. – Em van anh đấy, không nên nữa!

Cặp mắt xanh nhìn nàng chăm chú, dò xét.

– Đau đến thế kia ư? Thôi được, ta sẽ làm cách khác, nhưng chỉ xin em một điều, đừng có như khúc gỗ thế.

Anh kéo nàng về phía mình và áp môi vào vú nàng như ở trong ô tô buổi tối hôm nàng đã tự đẩy mình đến cuộc đời làm vợ này. Cơ thể Meggie rần chịu đựng, nhưng ý nghĩ ở tận đâu đâu: may là

anh không lặp lại cái việc hôm qua và nàng không bị đau, đau chỉ là vì tất cả nhức nhối do mỗi cử động. Không thể hiểu được đàn ông, họ tìm thấy cái khoái gì trong việc đó. Cái đó đáng kinh tởm, đó là một cách nhạo báng tình yêu. Meggie không hy vọng rằng tất cả cái trò đó sẽ đưa đến kết quả là đứa trẻ con ra đời, nàng muốn từ nay trở đi không bao giờ làm cái việc ấy nữa.

* * *

– Anh đã tìm được việc làm cho em, – Luke nói, khi họ ăn sáng trong nhà ăn của khách sạn.

– Anh nói gì thế, Luke? Trước hết em phải thu xếp cho chúng mình một ngôi nhà tương tất, ấm cúng đã chứ. Chúng ta vẫn chưa có nhà cửa gì cả!

– Chúng mình chẳng cần thuê nhà làm quái gì, Meg ạ. Anh sẽ đi chặt mía, mọi việc đã dàn xếp xong. Phường thợ chặt mía giỏi nhất toàn Queensland, do một người tên là Arne Swenson đứng đầu, trong phường của anh ta có cả người Thụy Điển, người Ba Lan, người Ireland. Trong lúc em ngủ bù sau chuyến đi tàu, anh đã đến anh chàng Swenson ấy. Anh ta thiếu một người chặt mía và anh ta đồng ý lấy anh vào làm thử. Vì vậy anh sẽ đến ở cùng với tất cả bọn họ trong một căn nhà trạm. Bọn anh sẽ làm việc sáu ngày một tuần, từ sớm tinh mơ đến tối mịt. Hơn thế nữa, bọn anh sẽ đi khắp các vùng ven sông, tùy theo chỗ nào có việc làm. Anh càng chặt nhiều thì sẽ càng có nhiều tiền, còn nếu anh kham nổi công việc và Arne giữ anh ở lại trong phường thì anh sẽ kiếm được một tuần không dưới hai mươi bảng. Hai mươi đồng bạc

tròn trịa! Em tưởng tượng được không?

– Em không hiểu, Luke ạ, chẳng lẽ chúng ta sẽ sống mỗi người mỗi nơi à?

– Không có cách nào khác, Meg ạ! Anh em phường thợ không đồng ý để trong nhà trạm có một người phụ nữ ở cùng, mà em có một mình thì thuê nhà làm gì? Và lại em có thể làm việc được quá đi chứ, tất cả tiền nong của chúng ta sẽ dùng để mua trang trại.

– Thế thì em ở vào đâu? Mà em sẽ làm công việc gì? Em biết chán cừ, nhưng ở đây lại không có cừ.

– Ồ, đấy chính là điều đáng tiếc. Vì thế anh đã tìm được cho em cả việc làm cùng chỗ ở. Lại được nuôi ăn, anh sẽ không phải chi tiền ăn cho em. Em sẽ đi làm người giúp việc trong nhà cho Ludwig Mueller, ở Himmelhoch. Cái ông Mueller này có những đồn điền mía rất giàu rải rác khắp vùng, mà bà vợ thì ốm, một mình không kham nổi việc nhà. Sáng mai anh sẽ đưa em đến nhà họ.

– Thế bao giờ chúng ta sẽ gặp nhau, Luke?

– Vào các ngày chủ nhật. Ludwig biết, em là vợ anh, ông ấy không phản đối việc cho em nghỉ các ngày chủ nhật.

– Ồ, khỏi nói, anh đã thu xếp mọi việc rất tiện cho anh!

– Cần phải suy nghĩ chứ. Này, Meg ạ, chúng ta sẽ trở nên giàu có! Ta sẽ làm việc thật lực và dành dụm từng đồng và chẳng mấy chốc ta sẽ có thể mua được khu đất tốt nhất ở Tây Queensland. Ở nhà băng Gillanbone anh có mười bốn nghìn, lại còn mỗi năm thêm được hai nghìn nữa, và hơn một nghìn ba trăm, mà có khi mỗi năm hai chúng ta còn kiếm được nhiều hơn thế nữa. Không lâu đâu, em yêu ạ, anh nói chắc chắn đấy. Nào, cười đi và hãy

gắng sức vì anh, được chứ? Thuê nhà thì hay ho gì, thà bây giờ chúng ta làm việc cật lực, nhưng chẳng bao lâu em sẽ làm bà chủ trong nhà bếp riêng của mình, đúng không?

– Thôi được, nếu anh muốn như vậy... – Meggie nhìn vào cái túi xách tay của mình. – Luke, anh lấy một trăm bảng của em à?

– Anh gửi vào nhà băng. Số tiền như thế không nên đem theo mình, Meg ạ.

– Nhưng anh lấy hết sạch! Em chẳng còn lấy một penni! Thế nhờ em cần mua cái gì thì sao?

– Xin cho biết, em cần mua cái gì kia chứ? Sáng mai em sẽ ở Himmelhoch, ở đấy chẳng có gì để tiêu tiền. Tiền thuê buồng khách sạn thì anh sẽ trả. Rút cuộc thì em nên hiểu, chồng em là một người lao động, còn em cũng không phải là cô con gái nhà quý tộc được nuông chiều để mà vung tiền như rác. Tiền công của em, Mueller sẽ gửi thẳng vào tài khoản của anh ở nhà băng, tiền công của anh cũng thế. Anh không tiêu tí gì cho bản thân anh, Meg ạ, chính em biết đấy. Thêm nữa, số tiền gửi nhà băng thì cả em và anh đều sẽ không đụng đến, bởi vì đấy là tương lai của chúng mình, trang trại của chúng mình.

– Được rồi, em hiểu. Anh định đoạt rất khéo, Luke ạ. Nhưng nếu em có con thì sao?

Trong giây lát, anh muốn nói thật với nàng, – sẽ không có con gì hết, cho đến bao giờ họ tậu được trại, – nhưng vẻ mặt Meggie có cái gì buộc anh không nói ra điều ấy.

– Thì lúc ấy hãy hay, lo sớm làm gì, đúng không? Theo ý anh, ta tậu trại đã rồi hãy có con thì tốt, ta cứ hy vọng rằng sự thế sẽ như vậy.

Không có nhà, không tiền nong, không có con. Mà thực ra cũng không có cả chồng nữa. Meggie bỗng bật cười. Luke cũng bật cười và nâng chén trà lên, như nâng cốc chúc tụng.

– Ta uống mừng những món quà nhỏ của Pháp! – Anh nói.

* * *

Sáng hôm sau họ lên chiếc ô tô buýt chạy vùng ngoại ô – một chiếc “Ford” già khọm, chỉ có mười hai chỗ, các cửa sổ không có lấy một mảnh kính, – đi Himmelhoch. Meggie cảm thấy dễ chịu hơn, vì Luke không hành nàng: tự nàng đưa ngực ra cho anh, có lẽ anh thích cái đó không kém gì cái trò khùng khiếp kia. Mặc dù nàng thích có con hơn mọi thứ trên đời, nhưng thực tình nàng không đủ dũng cảm. Chủ nhật đầu tiên khi vết thương bên trong lành lại, sẽ có thể thử lần nữa, nàng nghĩ. Mà có thể là đã có con rồi cũng nên, khi ấy thì chẳng việc gì phải nhọc công nữa, cho đến khi nào nàng muốn có đứa thứ hai. Mắt Meggie ngời lên náo nức, nàng tò mò nhìn ra cửa sổ chiếc ô tô buýt đang vất vả bò trên con đường làng đò rục.

Một vùng kỳ lạ, không có gì giống Gilly, và phải thừa nhận rằng nó có một vẻ hùng tráng và vẻ đẹp mà ở Gilly không hề có. Nhìn thấy ngay rằng ở đây không có hạn hán. Đất đỏ thắm, màu máu tươi mới đổ, và ở nơi nào đất không bỏ hóa để nghỉ sức thì cây mía mọc lên đặc biệt tốt, lá dài hẹp bản xanh tươi xao động ở cách mặt đất mười lăm – hai mươi *feet* trên thân mía đỏ nhạt to một chét tay. Luke hoan hỉ giải thích rằng không nơi nào trên thế giới mía mọc cao và tốt đến thế, cho nhiều đường đến thế. Lốp

đất đỏ này dày lắm, đến một trăm *feet*, và chất đất giàu dinh dưỡng, hoàn toàn đáp ứng yêu cầu cần thiết, mưa bao giờ cũng đủ, do đó muốn hay không, mía mọc lên vẫn là loại mía tốt nhất. Hơn nữa, không nơi nào trên thế giới có thợ chặt mía là người da trắng, mà người da trắng ham muốn kiếm nhiều tiền là người làm việc nhanh nhất.

– Anh có thể thành một diễn giả tuyệt vời trên đường phố đấy
– Meggie nhếch mép cười.

Luke ngờ vực nhìn nàng, nhưng không nói gì, vừa hay ô tô buýt dừng lại bên lề đường, nơi họ cần xuống xe.

Chẳng phải là vô cơ mà vợ chồng Mueller gọi ngôi nhà lớn màu trắng của mình là Himmelhoch – thượng tầng không trung – ngôi nhà ở ngay trên đỉnh một quả đồi dốc đứng, xung quanh có chuối, dứa và những cây cọ đẹp dáng, thấp hơn một chút, tán lá rộng của chúng xòe ra như cái quạt, tựa như đuôi công. Một khoảng rừng toàn loại tre khổng lồ, cao đến bốn mươi *feet*, che chắn phần nào cho ngôi nhà chống lại sức mạnh hung cuồng của gió tây – bắc; và ngôi nhà dựng trên đồi cao, nó vẫn ở trên những cây cột cao mười lăm *feet*.

Luke đỡ lấy vali của Meggie, nàng thở hổn hển, khó nhọc bước đi bên cạnh anh trên con đường không lát đá, nom nàng rất đổi trang trọng, chân đi bít tất và giày cao gót, vành mũ trĩ xuống đóng khung lấy khuôn mặt một cách sâu nã. Ông trùm mía không có nhà, nhưng khi Luke và Meggie đi lên các bậc thang thì vợ ông ta ra hàng hiên đón họ. Chị ta mỉm cười, Meggie nhìn khuôn mặt đôn hậu, dễ thương ấy và lập tức cảm thấy trong lòng thơ thới hơn.

– Mời vào, mời vào! – Bà chủ nói bằng giọng người Úc chính cống.

Đến đây Meggie vui hẳn lên, nàng cứ ngỡ sẽ được nghe thứ tiếng pha giọng Đức. Luke đặt vali xuống sàn bắt tay bà chủ đã bỏ tay trái khỏi nàng một lúc, rồi anh chạy xuống thang, anh vội lên chuyển ô tô buýt trở về. Mười giờ sáng, Arne Swenson sẽ đợi anh cạnh quán bia.

– Tên cô là gì, Mrs. O'Neill.

– Meggie.

– Nghe hay lắm. Còn tôi là Anne, cô cứ gọi tôi bằng tên thôi thì hơn. Từ khi cô giúp việc trước rời khỏi đây, suốt tháng tôi hết sức cô đơn, nhưng bây giờ không dễ gì tìm được một người giúp việc tốt, đành phải gắng sức tự thu xếp lấy công việc thôi. Chúng tôi chỉ có hai vợ chồng với nhau, tôi và Luddie, chúng tôi không có con, có lẽ không bận rộn lắm đâu. Tôi hy vọng rằng ở với chúng tôi, cô sẽ thích, Meggie ạ.

– Vâng, tất nhiên rồi, Mrs. Mueller... Anne ạ...

– Ta đi đi, tôi sẽ đưa cô đi xem buồng của chúng tôi. Cô mang được vali không? Đáng tiếc là tôi không mang vác được.

Căn buồng bày biện nghiêm nghị và đơn giản, cũng như cả ngôi nhà, nhưng trông ra một phía duy nhất, ở đó mắt không vấp phải bức tường cây chắn gió và trông ra vẫn cái hàng hiên dài ấy, hệt như một phòng khách! Meggie cảm thấy cái phòng khách này quá trần trụi: đồ gỗ loại nhẹ dùng cho biệt thự ở ngoại ô, không có rèm cửa gì cả.

– Nhưng và thậm chí cả vải hoa đều không dùng được ở đây, vì thời tiết quá nóng. – Anne giải thích – Bởi vậy chúng tôi sống như

thế đấy – đồ đạc bằng tre đan và mặc thật nhẹ, miễn là giữ phép lịch sự. Tôi sẽ phải chỉ bảo cho cô điều ấy, không thì cô sẽ khốn đốn. Cô mặc nhiều thứ kinh khủng.

Bản thân chị ta mặc chiếc áo choàng không tay, cổ mở rộng, chiếc quần ngắn cũn cỡn để thò ra đôi chân tàn phế vì bệnh tật, lũng lảng nom đến thảm hại. Meggie chưa kịp định thần thì trên người nàng đã mang bộ y phục cũng như thế, phải mượn Anne, rồi sau có lẽ nàng sẽ thuyết phục Luke rằng nàng cần mua ít thứ cần thiết nhất. Thật là bẽ khi phải giải thích rằng chồng không cho nàng một xu, nhưng Meggie đành chịu đựng, song nàng không bối rối lắm về việc bây giờ nàng mặc ít thứ trên người.

–Ồ, cô mặc quần sooc nom đẹp hơn tôi mặc nhiều. – Anne nói. Và chị vui vẻ giải thích tiếp. – Luddie sẽ mang củi đến cho cô. Cô không phải tự mình chẻ củi và khuân củi lên các bậc thang. Tiếc rằng chúng tôi không có điện như tất cả những người ở gần thành phố hơn, nhưng chính quyền của chúng ta chuyển biến rất chậm. Có lẽ sang năm người ta sẽ kéo đường dây đến Himmelhoch, còn tạm thời thì than ôi, đành phải khổ sở với cái bếp lò già nua tồi tệ này vậy. Hãy chờ một thời gian, Meggie ạ! Rồi đây có điện, chúng tôi sẽ lập tức sắm bếp điện, cả hệ thống thắp sáng, cả tủ lạnh.

– Em đã quen không cần đến thứ đó.

– Đúng, nhưng ở vùng của cô khí hậu nóng khô. Ở đây khó chịu hơn nhiều, không so sánh được. Thậm chí tôi sợ cho sức khỏe của cô. Khí hậu ở đây có hại cho nhiều phụ nữ, nếu họ không quen với nó từ trong nôi, cái đó phần nào có liên quan đến tuần hoàn máu. Chúng ta ở vĩ độ chệch về phía nam xích đạo cũng như Bombay và Rangoon chệch về phía bắc, những chốn

không thích hợp cả cho thú vật cũng như cho con người, nếu như nó không sinh ra ở đây. – Chị mỉm cười. – Tôi hết sức vui mừng vì cô đến đây! Tôi với cô sẽ sống với nhau rất hòa hợp! Cô có thích đọc sách không? Tôi với Luddie đúng là mê sách như điên.

Meggie hớn hở:

– Em cũng thế!

– Tuyệt diệu! Thế thì cô sẽ không đến nỗi buồn lắm khi vắng anh chồng đẹp trai của cô.

Meggie im lặng. Buồn vì không có Luke ư? Mà anh đẹp trai thật ư? Giá như không bao giờ nhìn thấy anh nữa thì thật là hạnh phúc. Khốn nỗi anh là chồng nàng, và theo luật, đời nàng gắn liền với đời anh. Chẳng đổ lỗi cho ai được ngoài bản thân mình, chính nàng đã đi cái bước ấy kia mà. Nhưng có lẽ khi kiếm được đủ tiền và mơ ước tậu cái trại ở Tây Queensland thành sự thật thì hai người sẽ ở cùng một chỗ, sẽ biết nhau rõ hơn và mọi việc sẽ ổn thỏa.

Luke không phải là người tồi tệ và đáng ghét, chẳng qua là nhiều năm dài anh ấy vẫn sống một mình, vì thế không biết cách chia sẻ cuộc sống với ai cả. Anh là con người vốn không phức tạp, chỉ mãi miết với một nhiệm vụ duy nhất, vì thế không biết đến tình thương cũng không biết đến những hồ nghi. Điều mà anh mưu cầu, điều mà anh mơ ước là một mục đích đơn giản, sờ được mó thấy, anh chờ đợi một phần thưởng hoàn toàn rõ rệt đền bù cho việc anh làm lụng không tiếc sức, kiên nhẫn hết mọi thứ. Chính vì thế, người ta phải kính trọng anh. Không một lúc nào Meggie nghĩ rằng anh phí tiền cho những thú vui riêng nào đó. Anh đã quyết ý như thế: tiền sẽ gửi nhà băng.

Khổ một nỗi là anh không bao giờ có thời gian, cũng không muốn hiểu phụ nữ, rõ ràng anh không ngờ rằng phụ nữ có cấu tạo khác, người phụ nữ cần cái mà anh không cần, cũng như anh cần cái mà phụ nữ không cần. Thôi được, có thể tình thế còn tệ hơn nữa kia. Ngộ nhờ anh bắt nàng phải làm cho những người kém đáng yêu và kém ân cần hơn Anne Mueller nhiều thì sao. Ở đây, trong ngôi nhà trên ngọn đồi, sẽ không có chuyện gì chẳng lành xảy đến với nàng. Nhưng Drogheda giờ đây xa vời biết bao!

Meggie lại nghĩ về Drogheda khi hai người đi vòng quanh cả ngôi nhà và dừng lại ở ngoài hiên trước phòng khách, nhìn khắp khu đất Himmelhoch. Những đồng mía rộng lớn (nhưng vẫn không mênh mông bằng những bãi chăn ở Drogheda, phóng hết tầm mắt không bao quát hết được), lá xanh tươi rậm rì, được nước mưa gội sạch, lấp lánh rập rờn trước gió và men theo sườn đồi thoải thoải đổ xuống bờ sông có rừng rậm rạp – con sông to rộng, rộng hơn sông Barwon nhiều. Bên kia sông lại những đồi điền mía thoải thoải chạy lên cao, giữa những ô vuông rục lên một màu xanh chói gắt địa hiện lên những khu đất đỏ như máu, đó là những khu vực bỏ hóa, còn xa hơn nữa, dưới chân trái núi đồ sộ, đất tròng trọt chấm dứt đột ngột và cây bụi mọc hoang chiếm lĩnh quyền lực. Tiếp sau cái đỉnh nhọn hoắt của trái núi này nổi lên những đỉnh núi mới, dần dần ngả sang màu hoa cà, tan vào chân trời xa xăm. Ở đây màu xanh của bầu trời rục rờ hơn, đậm hơn ở Gilly, rải rác những cụm mây trắng xốp và mọi màu sắc xung quanh đều sinh động, rục rờ.

– Núi này tên là Bartle Frere. – Anne vừa nói vừa trỏ cái đỉnh núi đơn độc. – Sáu ngàn *feet* trên mặt biển. Nghe nói nó toàn bằng thiếc nguyên chất, nhưng không khai thác được, ở đấy đích

thực là rừng nhiệt đới.

Đột nhiên một trận gió phả lên một mùi trầm trệ tởm lợm, cái mùi vẫn bám theo Meggie từ lúc nàng xuống tàu. Tuồng như mùi thối rửa, nhưng không hẳn vậy – nó lờ lợ, thấm sâu và bám dai, gió thổi mạnh đến thế nào cũng không tan.

– Đấy là mùi nước mật đen. – Anne nói khi thấy hai cánh mũi Meggie rung động, và chị châm thuốc lá hút.

– Cái mùi khó chịu quá.

– Ừ, đúng thế. Bởi thế tôi mới hút thuốc. Nhưng dần dần cũng quen đi phần nào, có điều khác với những mùi khác, nó không bao giờ mất hẳn. Ngày đêm bao giờ cũng phải thở cái mùi nước mật ấy.

– Thế những nhà bên sông có ống khói đen kia là cái gì?

– Đấy chính là xưởng chế tạo, nơi đưa ra cái mùi ấy. Ở đấy từ mía người ta nấu đường bán thành phẩm. Xác mía khô còn lại gọi là bã ép. Bã ép đó và đường bán thành phẩm được đưa về miền nam, về Sydney để tinh chế. Từ đường bán thành phẩm người ta làm ra mật ngà ngà và mật đen, xirô, đường cát, đường tinh chế và glucô nước. Còn bã ép dùng làm vật liệu xây dựng, những tấm tương tự như ván ép dùng cho xây dựng. Không cái gì bỏ phí, không một mảy may. Vì thế trồng mía có lợi, ngay cả lúc này, dù đang có khủng hoảng.

* * *

Arne Swenson cao sáu *feet* hai inches, hệt như Luke và cũng

rất đẹp trai. Tấm thân luôn luôn phơi nắng bắt một lớp rám ánh vàng, tóc rẽ tre ánh vàng xoắn búp; những đường nét thanh tú đều đặn giống những đường nét của Luke lạ thường, ta thấy ngay rằng người Thụy Điển và người Ireland có cùng một thứ máu phương bắc và nó chiếm tỷ lệ lớn như thế nào.

Luke đã kịp thay chiếc quần bằng vải giả da quen thuộc và áo sơ mi trắng bằng bộ đồ sooc. Bây giờ anh với Arne lên chiếc cam nhông già khụ thở khò khè và đi về Goondiwindi, nơi phường thợ chặt mía đang làm việc. Chiếc xe đạp cũ mới mua cách đây ít lâu được Luke quẳng lên thùng xe cùng với vali. Anh nôn nóng muốn mau mau bắt tay vào việc!

Những người thợ khác đã làm việc từ tảng sáng và thậm chí không ngẩng đầu lên khi Arne từ căn nhà trạm đi đến chỗ họ, theo sau có Luke bám sát gót. Tất cả những người chặt mía đều mặc như nhau: quần sooc, giày với bít tất len dày, đầu đội mũ panama^[71] vải gai. Luke nheo mắt nhìn những người ấy – nom họ hết sức kỳ lạ. Từ đầu đến chân lem luốc bùn đen như than, trên ngực, hai tay và lưng có những đường sọc màu hồng do mồ hôi chảy thành dòng gột sạch bùn tạo nên.

– Đây là do bùn và bồ hóng. Arne giải thích. – Mía không thể cứ để nguyên thế mà chặt, trước hết phải hun lửa đã.

Anh ta cúi xuống, lượm hai con dao lớn, đưa một con cho Luke :

– Này, cầm lấy dao – anh ta vừa nói vừa nhắc thử con dao thứ hai trong tay. – Cái này dùng để chặt mía đây. Không có gì rắc rối lắm nếu như biết cách sử dụng.

Và anh mỉm cười trình diễn cho thấy việc đó diễn ra như thế

nào – dường như bền đũa, nhưng thực ra chắc không dễ dàng và đơn giản cho lắm...

Luke nhìn cái công cụ hung dữ mà anh nắm chặt trong tay – không có gì giống với machete của người da đỏ. Mũi dao không nhọn hoắt, trái lại cái lưỡi dao hình tam giác rộng hơn nhiều, và ở một góc của đầu loe rộng có uốn một cái móc hình dạng quỹ nguyệt, tựa như cựa gà trống.

– Machete quá nhỏ, không dùng để chặt mía ở vùng này được.
– Arne nói, sau khi đã trình bày cho Luke xem đủ mọi cách thức.
– Còn thứ đồ chơi này thì thích hợp, rồi chính cậu sẽ thấy. Có điều cần mài dao thường xuyên một chút. Thôi, may mắn nhé!

Anh ta đi về khu vực của mình, còn Luke đứng đấy, lưỡng lự giây lát. Rồi anh nhún vai, bắt tay vào việc. Trong mấy phút anh đã hiểu tại sao cái việc này dành cho nô lệ và người da màu, những kẻ không hề ngờ rằng có thể tìm được những việc làm thuê nhẹ nhàng hơn, đại loại như việc xén lông cừu; anh nhếch mép cười gằn một mình. Cúi xuống, vung dao chặt, vươn thẳng lên, túm chặt lấy cái thân cây thô kệch có chỏm quá nặng, dóc bàn tay suốt chiều dài thân cây mía làm cụp lá lại, đặt nó vào với những thân khác, đều đặn, cây này liền cây kia, tiếp tục bước đi, cúi xuống, chặt, vươn thẳng người lên, thêm vào đống mía một thân cây nữa...

Trong đám mía đầy rẫy những sinh vật nhỏ đủ các loại: nhưng nhúc nhích chuột lớn nhỏ, gián, cóc, nhện, rắn, ong vè, ruồi, ong mật. Cơ man nào là những con vật có khả năng cắn ác liệt hay đốt dữ dội. Vì thế người chặt mía trước hết phải hun lửa đồng mía – thà làm việc trong bùn và bồ hóng còn hơn là trong mía xanh giữa những thứ rắn rết sâu bọ độc ác ấy. Dù sao cũng không

tránh khỏi những vết cắn và vết xước. Nếu không đi giày thì chân Luke chắc còn bị thương nhiều hơn tay, nhưng không người chặt mía nào đi bao tay. Đeo bao tay làm việc chậm hơn, mà trong trò chơi này thời gian là tiền bạc. Với lại bao tay là dùng cho những kẻ ẻo lả.

Trước lúc mặt trời lặn, Arne lớn tiếng gọi tất cả những người đã sắp xong việc và đến xem Luke đã chặt được nhiều chưa.

– Ô hô, anh bạn, khá đấy! – Anh ta reo lên và vỗ lưng Luke – Năm tấn, ngày đầu như thế không phải là xoàng đâu!

Nhà trạm cách chỗ làm không xa, nhưng đêm nhiệt đới đến tức thì, và khi họ đi về đấy thì trời đã tối. Không vào nhà, tất cả tràn trường vào buồng tắm hoa sen và ở đấy ra, khăn tắm quấn quanh hông, họ vào nhà trạm, ở đó hàng núi thức ăn đã chờ đợi họ trên bàn; cứ lần lượt mỗi tuần một người thợ chặt mía nấu ăn cho cả phường, mỗi người làm món gì mình biết làm. Hôm nay có thịt bò với khoai tây, bánh mì dẹt nhạt muối nướng trong tro và pudding với mứt. Mọi người thềm thường sà vào ăn và ngốn hết sạch sành sanh mọi món.

Trong ngôi nhà trạm ghép bằng những tấm tôn có nếp gợn, dọc theo tường nhà có hai dãy dài giường sắt; vừa thở vừa chửi rửa cây mía tàn tệ, chửi khéo đến nỗi bất cứ người chăn lừa bò thiến nào cũng phải ghen tị, những người thợ chặt mía tràn trường nằm lăn lên tấm vải trải giường không tẩy trắng, bông màn và thoáng chốc đã ngủ say lì, qua lớp vải màn chỉ thấy trên mỗi chiếc giường một bóng đen mờ mờ, bất động.

Arne giữ Luke lại.

– Cho xem tay nào. – Anh ta xem xét hai bàn tay đầy vết xước

chảy máu, vết rộp và vết đâm. – Trước hết phải rửa tay thật kỹ đi đã, rồi bôi thuốc vào, thuốc bôi đây. Và mình khuyên cậu, tối nào cũng phải xoa dầu dừa, không được bỏ ngày nào. Tay cậu to khỏe lắm; được đấy, nếu lưng cũng chịu đựng được thì cậu sẽ trở thành người chặt mía khá đấy. Một tuần là quen thôi, sẽ không đau lắm nữa.

Trong tấm thân cường tráng tuyệt diệu của Luke mỗi bắp cơ đều đau ê ẩm, anh chỉ cảm thấy đau vô hạn, không thể chịu nổi. Anh bôi thuốc và băng tay, giắt màn, nằm dài trên chiếc giường dành cho anh giữa những ngăn khác cũng chật chội và ngột ngạt như thế và nhắm mắt lại. Giá mà anh biết trước mình sẽ phải vất vả như thế nào, thì anh tuyệt nhiên không phí sức về Meggie; hình ảnh nàng đã mờ nhạt đi, không đáng thêm muốn, chẳng còn là cái gì và đã lùi vào một góc nào xa xăm trong ý thức. Điều rõ ràng là trong lúc anh làm công việc chặt mía, anh sẽ không thiết gì đến nàng.

Đúng như Arne đoán trước, sau một tuần thì Luke quen với công việc và chặt được lượng mía bắt buộc phải chặt được trong một ngày – tám tấn, định mức mà người Thụy Điển đòi hỏi ở mỗi người thợ trong phường. Thế là Luke quyết phải vượt cả Arne. Kiếm được nhiều hơn những người khác, hơn nữa còn trở thành đối thủ của người đứng đầu. Nhưng cái chính là anh mong muốn người ta kính trọng và thán phục anh. Ở đây, đối với tất cả mọi người, Arne gần như là thượng đế, vì anh là người chặt mía giỏi nhất Queensland, như vậy có lẽ là giỏi nhất thế giới. Mỗi tối thứ bảy, khi phường thợ ra thành phố, dân thành phố tranh nhau mời Arne rượu vang và bia, còn phụ nữ quần quít quanh anh ta như đàn bướm sặc sỡ. Arne và Luke có rất nhiều cái chung. Cả hai đều

háo danh, cả hai đều thích chí về những cái nhìn khâm phục của phụ nữ, nhưng mọi việc dừng lại ở sự thán phục mà thôi. Họ không hơi đâu mà bận tâm đến phụ nữ – tất cả sức lực đều dành cho mía.

Đối với Luke, trong công việc này có cả vẻ đẹp và sự đau khổ mà dường như anh vẫn khao khát suốt đời. Cúi xuống, vươn thẳng lên, lại cúi xuống... một nhịp điệu đặc biệt, một thứ nghi thức, như thể tham gia vào một bí tích mà chỉ những người đặc tuyển mới được dự. Bởi vì, như Arne đã giải thích với Luke – đạt đến độ hoàn hảo trong công việc này nghĩa là trở thành người ưu tú nhất trong những người ưu tú của đội ngũ chọn lọc những người thợ giỏi nhất trên đời: đi đến đâu anh cũng có thể tự hào về bản thân, vì anh biết rằng trừ những ngoại lệ hiếm hoi, trong số những người xung quanh không ai chịu đựng nổi lấy một ngày ở đồn điền mía. Ngay đến vua nước Anh cũng không vượt cao hơn anh, và nếu vua biết anh thì bản thân vua cũng sẽ khâm phục anh. Anh có quyền thương hại và khinh miệt nhìn các tiến sĩ và các trạng sư, những kẻ cạo giấy và những kẻ kiêu ngạo khác. Chặt mía tới mức độ mà chỉ có một người da trắng hám tiền mới có thể làm được như thế, đấy là chiến công trong những chiến công, là một thành tựu hết sức vĩ đại.

Luke ngồi xuống mép giường, cảm thấy những múi bắp thịt trên tay nổi phồng lên, anh nhìn đôi tay chai sạn, đầy vết sẹo lớn nhỏ của mình, đôi chân dài, cân đối, phủ một nước râm thẫm màu và mỉm cười. Người nào đương nổi công việc đó, chẳng những sống nổi mà còn yêu mến nó, người ấy là trang nam nhi thực sự. Chưa biết vua nước Anh có thể nói như thế về bản thân mình không.

* * *

Suốt một tháng Meggie không nhìn thấy Luke. Chủ nhật nào nàng cũng đánh phấn lên cái mũi bóng loáng vì trời nóng, mặc bộ áo váy bằng lụa thật đẹp (nhưng không mang bút tất và áo lót để khỏi phải chịu cái cực hình do chúng đem lại) và chờ đợi chồng, nhưng anh vẫn không về. Anne và Ludwig Mueller lẳng lẳng nhìn sự náo nức của nàng tắt dần cùng với mỗi ngày chủ nhật khi bóng đêm tức thời đổ đến như tấm rèm buông xuống che khuất cái sân khấu sáng rực nhưng trống rỗng. Không hẳn là Meggie khao khát gặp anh, nhưng dù sao đi nữa, anh là của nàng và nàng là của anh, hay chẳng biết nên nói thế nào cho chính xác hơn. Chỉ cần tưởng tượng rằng anh hoàn toàn không nghĩ đến nàng, trong khi đó ngày lại ngày, tuần lại tuần, nàng luôn luôn chờ mong anh trong ý nghĩ, chỉ tưởng tượng đến điều đó là lòng nàng đã tràn ngập nỗi tức giận, thất vọng, tủi hổ xót xa và đau buồn. Dù hai đêm ấy ở khách sạn Dungloe đáng ghét thế nào đi nữa, ít ra khi ấy đối với Luke nàng chiếm vị trí thứ nhất, biết thế này thì lúc ấy nàng đứng thét lên vì đau, mà cứ ngậm miệng đi thì hơn. Ờ, cố nhiên, tất cả tai họa là ở đấy. Sự đau đớn của nàng làm anh bực mình, đầu độc khoái lạc của anh. Nàng không còn giận anh thờ ơ với đau khổ của nàng, mà nàng ân hận và cuối cùng nàng tin chắc rằng lỗi là tại nàng cả.

Đến chủ nhật thứ tư nàng không mặc đẹp nữa và đi chân đất trong bếp, mặc chiếc áo không tay và quần cộc, chuẩn bị bữa ăn sáng nóng cho Anne và Luddie, – một tuần một lần họ cho phép mình hưởng sự sang trọng không thích hợp như thế. Nghe thấy

tiếng bước chân ở bậc tam cấp sau, nàng quay lại, tuy mỡ trong chảo nổ bắn lên và sèo sèo và nàng luống cuống nhìn chăm chăm vào anh chàng đồ sộ bù xù đứng ở cửa, Luke ư? Anh nom không giống người, như đèo bằng đá. Nhưng bức tường đá đi trong phòng, hôn Meggie một cách khoái trá và đến ngồi vào bàn. Nàng đập quả trứng vào chảo và cho thêm mỡ.

Anne Mueller vào, mỉm cười lịch thiệp, không hề lộ ra là chị tức giận anh ta. Con người khủng khiếp, không biết anh ta nghĩ gì nhỉ, bỏ mặc người vợ trẻ bao nhiêu lâu.

– Rút cục anh đã nhớ ra rằng anh có vợ, – chị nói – Xin mời ra hàng hiên ăn sáng với chúng tôi – Hãy giúp Meggie, Luke, mang hộ món trứng tráng đi. Còn lẫn bánh mì nướng giòn thì có lẽ tôi sẽ mang được, dù là cắn bằng răng.

Ludwig Mueller sinh ở Úc, nhưng ở ông ta thể hiện rõ dòng máu Đức: mặt đỏ tía do áp lực đồng thời cả của mặt trời và bia, cái đầu gàn như vuông, tóc đang ngả bạc, mắt xanh nhạt đích thị của người vùng Baltic. Cả ông ta và vợ đều rất ưa Meggie, họ vui sướng vì rất may mắn có được người giúp việc như thế. Luddie đặc biệt biết ơn số phận, ông thấy Anne vui vẻ như thế nào từ khi trong nhà rục lên cái đầu óng vàng này.

– Việc chặt mía thế nào? – ông ta vừa hỏi vừa trút trứng tráng với mỡ ra đĩa.

– Anh tin hay không thì tùy, nhưng tôi rất thích công việc ấy! – Luke bật cười và cũng lấy một khẩu phần lớn.

Cái nhìn thấu suốt của Luddie dừng lại ở khuôn mặt đẹp trai của Luke và anh gật đầu.

– Tôi tin chứ, theo tôi, tính tình anh thích hợp với công việc ấy

và vóc dáng anh cũng ra trò. Anh có thể vượt những người khác và cảm thấy thế hơn của mình.

Bị trói buộc bởi tài sản thừa kế – những đồn điền mía, bởi công việc rất xa với khoa học, không có mấy may hy vọng thay thế cái này bằng cái kia, Luddie vẫn say mê nghiên cứu bản chất con người và đọc khá nhiều tập sách dày bìa bọc da dê thuộc, gáy sách mang những cái tên như Freud, Jung, Huxley và Russell^[72].

– Thế mà tôi cứ nghĩ rằng anh sẽ không bao giờ về gặp Meggie, – Anne nói, dùng cái chổi lông nhỏ quét bơ nóng chảy thành nước vào miếng bánh mì nướng giòn; ở vùng này chỉ có thể ăn bơ ở dạng như thế, dầu sao vẫn còn hơn là không có gì.

– Ồ, tôi và Arne quyết định làm việc cả chủ nhật một thời gian. Mai chúng tôi đi Ingham.

– Vậy thì Meggie tội nghiệp sẽ rất hiếm khi gặp anh.

– Meg hiểu đấy. Chỉ độ hai năm thôi, rồi mùa hè sẽ nghỉ việc. Arne nói rằng anh ấy sẽ thu xếp cho tôi vào xưởng tinh chế ở Sydney trong thời gian ấy và tôi có thể đưa Meggie theo.

– Tại sao anh phải làm việc nhiều như thế? – Anne hỏi.

– Cần có đủ tiền để mua đất ở phía tây, tại một nơi nào đó ở Kynuna. Meg không nói gì với anh chị à?

– Tiếc rằng Meggie của anh ít nói về công việc của mình. Chính anh kể cho chúng tôi nghe đi, Luke.

Cả ba người nghe anh và theo dõi diễn biến sinh động của khuôn mặt cương nghị r ám nắng, ánh long lanh của cặp mắt xanh biếc; từ phút Luke xuất hiện ở ngưỡng cửa bếp trước bữa sáng, Meggie không thốt lên lời nào. Còn anh không ngớt dùng lời lẽ rục rã vẽ nên một vùng tuyệt diệu trên cõi đời: cỏ tươi mọng

làm sao, những con chim *broлга* cực to màu xám phô trương vẻ đẹp, đi dạo tung tăng trên con đường lớn bụi bặm duy nhất ở Kynuna, những đàn kangaroo hàng nghìn con chạy vùn vụt, mặt trời ở đây như nung như đốt, khô và nóng.

– Rồi một ngày kia, một mẫu của vùng đất tuyệt diệu ấy sẽ là của tôi. Meg cũng góp một số tiền vào đấy, chúng tôi làm việc cật lực như vậy cùng lắm là bốn năm năm thôi, không hơn. Có thể giải quyết nhanh hơn, nếu tôi lấy một mảnh tồi hơn, nhưng bây giờ tôi biết người chặt mía có thể kiếm được bao nhiêu, thành thử tôi sẵn lòng làm việc lâu hơn, nhưng sẽ được khu đất hẳn hoi. – Luke cúi xuống gần bàn, hai bàn tay rộng bản, đầy vết sứt sẹo ôm lấy chén trà. – Hôm qua gần như tôi đã vượt Arne, tôi xin nói với anh chị như thế! Tôi đã chặt được mười một tấn chỉ trong có một ngày!

Luddie huýt sáo với vẻ thán phục thành thật, và họ nói về việc có thể chặt được bao nhiêu trong một ngày. Meggie uống từng ngụm nhỏ trà đặc, gần như đen, không có sữa. Ôi chao, Luke, Luke! Lúc đầu anh nói khoảng hai năm, bây giờ lại bảo ba bốn năm, ai biết được lần sau nói về kỳ hạn, anh sẽ định là mấy năm? Luke phấn khởi ra mặt về tất cả những điều đó. Đến kỳ hạn liệu anh có từ bỏ công việc đó không? Anh có thôi không? Lại còn vấn đề nữa, liệu nàng có muốn chờ đợi lâu như thế để làm sáng tỏ điều đó không? Vợ chồng Mueller là những người rất tốt, hoàn toàn không muốn nàng phải làm việc kiệt lực, nhưng nếu cần sống không có chồng thì không có đâu hơn Drogheda. Trong một tháng Meggie ở Himmelhoch, không một ngày nào nàng cảm thấy mình khỏe thực sự – nàng chẳng muốn ăn chút nào, đôi lúc dạ dày cứ thế nào ấy, nàng như mơ ngủ, uể oải và không thể nào

phấn chấn lên được. Vậy mà nàng vốn bao giờ cũng hoạt bát tươi tắn, sự suy yếu không biết ở đâu ra này làm nàng kinh hoàng.

Sau bữa ăn sáng, Luke giúp nàng rửa bát đĩa, rồi đưa nàng đi dạo ra cánh đồng mía gần nhất, và luôn luôn chỉ nói về đường và việc chặt mía, về việc sống ngoài không khí thoáng đãng thật là hay và ở phường thợ của Arne có những chàng trai tuyệt vời, nói chung làm thợ chặt mía hơn thợ xén lông cừu nhiều, không thể so sánh được.

Rồi họ lại lên đồi. Luke đưa Meggie vào một góc mát mẻ tuyệt trần bên dưới nhà, giữa những cây cột. Ở đây Anne tổ chức một nhà kính trồng cây: khắp nơi có bày những đoạn ống bằng đất sét bề ngang và chiều cao khác nhau, trong đó có đồ đất và trồng các loại cây leo và cây cảnh – phong lan đủ các loại và các màu sắc, dương xỉ, các loại cây leo và cây bụi kỳ lạ. Dưới chân là đất mềm mại, thơm thơm mùi nhựa vỏ bào tươi; ở các cây sà có treo những giỏ bằng dây thép, trong đó cũng trồng dương xỉ, phong lan, huệ; trong các ổ làm bằng vỏ cây gắn vào những cây cột, bìm bìm vẫn mọc, còn dưới chân các ống đất, thu hải đường nở hoa lộng lẫy huy hoàng đủ các sắc màu. Đây là chỗ trú ẩn ưa thích của Meggie, chỗ duy nhất mà nàng yêu mến hơn bất cứ xó nào ở Drogheda. Ở Drogheda, trên một diện tích nhỏ như thế này không bao giờ có các thứ cây đủ loại như thế, không khí ở đây quá khô.

– Xem này, anh Luke, kỳ thú quá, phải không? Anh nghĩ thế nào, có lẽ hai năm nữa anh có thể thuê cho em một căn nhà nhỏ chứ? Em rất muốn chính mình gây dựng một cái gì đại loại như thế này.

– Nhưng em cần quái gì phải một mình ở cả một ngôi nhà kia chứ? Này Meg ạ, đây không phải là Gilly, ở vùng này phụ nữ ở một

mình nguy hiểm. Em ở nhà vợ chồng Mueller tốt hơn nhiều, anh nói thực đấy. Hay là ở nhà họ em thấy khó chịu?

– Em thấy thích, trong chừng mực mà người ta có thể vui thích khi ở nhà người khác.

– Này Meg ạ, em hãy bằng lòng với những gì hiện có, cho đến lúc chúng ta chuyển về miền tây. Chúng ta không thể tiêu phí tiền như thế – thuê nhà, em ăn không ngồi rồi, lại còn phải dành dụm tiền nong nữa. Em hiểu chứ?

– Vâng, anh Luke.

Anh xúc động quá đến nỗi quên cả duyên do vì sao anh dẫn nàng vào cái góc dưới nhà này – anh muốn hôn nàng. Thay cho cái hôn, anh dường như sơ ý tát nàng một cái – có lẽ cái tát quá mạnh, quá đau để có thể coi là cái tát sơ ý – và anh đi về chỗ anh dựa chiếc xe đạp của mình vào cái cây bên đường. Để gặp nàng, anh đạp xe hai mươi dặm, cốt sao khỏi tốn tiền đi tàu và ô tô buýt, và bây giờ lại phải đạp xe vượt hai mươi dặm đường trở về.

* * *

Tháng giêng đến rồi qua đi, tháng thợ chặt mía ít việc nhất, nhưng chẳng thấy mặt mũi Luke đâu. Lần ấy, khi về thăm Meggie, anh có nói ấp úng điều gì về việc anh sẽ đưa nàng cùng đi Sydney, nhưng anh lại đi Sydney với Arne. Arne là kẻ độc thân, anh ta có bà dì, bà dì có nhà ở Rozelle, từ đấy có thể đi bộ đến xưởng tinh chế (không tốn tiền xe điện, lại chuyện tính toán lợi hại). Xưởng ở giữa những bức tường xi măng khổng lồ dựng trên quả đồi, như một pháo đài, đối với người chặt mía có những mối

quen biết thì bao giờ cũng tìm được việc làm. Luke và Arne xếp những túi đường thành từng chồng đều đặn, lúc rảnh rỗi họ tắm, bơi, đứng thẳng bằng trên tấm ván lướt trên những con sóng nhỏ.

Còn Meggie ở lại Dungloe, trong nhà Mueller, không hy vọng chờ được đến cuối *The Wet* (họ gọi mùa mưa và gió mùa như thế). Mùa khô ở đây kéo dài từ tháng ba đến tháng mười một và ở phần này của châu Úc, nó không phải là mùa khô lắm, nhưng so với *The Wet* thì đây là thời kỳ sung sướng. Trong thời kỳ *The Wet*, bầu trời quả thực toác ra và trút xuống những thác nước thực sự – không phải mưa hết ngày này sang ngày khác, mà từng đợt từng cơn và giữa những trận hồng thủy đó, mọi vật xung quanh dường như bốc khói, những cột hơi trắng cuồn cuộn bốc lên trên những đụn điền mía, trên mặt đất, trên những lùm cây bụi, trên núi.

Thời gian trôi đi, và Meggie ngày càng nhớ quê nhà da diết hơn. Nàng đã biết rằng ở Bắc Queensland sẽ không bao giờ nàng cảm thấy như ở nhà. Trước hết nàng kém chịu đựng được khí hậu ở đây, có thể vì suốt đời nàng đã sống ở vùng khô, thậm chí là hạn. Và nàng phát ón lên vì xung quanh hoang vắng, không niềm nở, tất cả đều toát ra sự đờ đẫn buồn ngủ nặng nề. Phát ón lên vì xung quanh hung nhúc sâu bọ và đủ các loài vật trườn bò, mỗi đêm là một khổ hình – phát khiếp lên vì những con cóc, nhện độc, gián, chuột kéch xù; không hơi sức đâu đuổi được chúng ra khỏi nhà, mà nàng sợ chúng chết khiếp đi được. Con nào cũng to kèn, trâng tráo và rất là... đói ăn! Nàng thù ghét nhất là những “dunny” – tiếng lóng địa phương gọi nhà tiêu, và Dungloe cũng được gọi bằng cái tên thu nhỏ ấy – một cái cơ thường xuyên để bông đùa và pha trò. Nhưng ở vùng Dunny không thể tưởng

tượng ra cái gì gồm guốc hơn những “dunny” ấy. Với khí hậu ở đây, không thể tưởng tượng được việc đào hố trong đất mà lại tránh được bệnh thương hàn và những cái khác đại loại như thế. Thay cho hố xí là cái thùng sắt tráng hắc ín, nó bốc mùi hôi thối, thu hút hàng đàn ruồi vo ve, nhưng nhúc đủ thứ giòi bọ. Mỗi tuần thay thùng một lần, nhưng tuần một lần là quá thừa.

Toàn bộ bản thể của Meggie chống đối lại cái khả năng của dân ở đây có thái độ hết sức điềm nhiên đối với sự gồm guốc đó, coi nó như một cái gì dễ hiểu và tự nhiên; dù nàng có sống ở Queensland suốt đời, nàng cũng không thể bằng lòng với tình trạng đó! Tuy nhiên nàng nghĩ một cách tuyệt vọng, có lẽ tình trạng này quả thực là suốt đời, dù sao cũng là cho đến khi Luke quá già không chặt mía được nữa. Nàng hết sức nhớ Drogheda, mơ tưởng về Drogheda, nhưng lòng kiêu hãnh không cho phép nàng thú nhận với người nhà rằng chồng nàng hoàn toàn bỏ rơi nàng. Tội gì mà thú nhận như thế, Meggie tự nhủ một cách cuồng nộ, chẳng thà chịu đựng cảnh khổ sai chung thân này còn hơn.

Tháng này tiếp tháng khác qua đi, một năm qua đi, năm thứ hai đã gần hết. Chỉ có lòng tốt trước sau như một của vợ chồng Mueller mới giữ được Meggie ở Himmelhoch, và nàng luôn luôn nát óc về bài toán không thể giải được đó. Nàng mà viết thư cho Bob thì anh sẽ gửi tiền ngay qua bưu điện để nàng có tiền về nhà, nhưng Meggie tội nghiệp không thể giải thích với người nhà rằng Luke không để lại cho nàng một đồng xu. Nếu nàng nói với người nhà điều đó thì ngay ngày hôm ấy nàng sẽ phải vĩnh viễn chia tay với Luke, mà nàng chưa dám đi cái bước ấy. Mọi quy củ mà nàng được giáo dục để tuân theo từ bé không cho nàng lìa bỏ Luke: cả niềm tin vào tính chất thiêng liêng của lời thề trong lễ kết hôn, cả

hy vọng rằng sớm muộn rồi nàng sẽ có con, cả niềm tin rằng Luke, vì là chồng nàng, có quyền tùy ý định đoạt số phận nàng. Cả tính cách riêng của nàng cũng gây trở ngại: niềm kiêu hãnh bướng bỉnh, không thể khắc phục được, và ý nghĩ đáng bực rằng trong mọi chuyện không phải chỉ mình Luke có lỗi, mà cả nàng nữa. Ở nàng có điều gì không ổn, chứ không thì Luke chắc là sẽ xử sự khác.

Trong một năm rưỡi trời sống nơi đất khách quê người, nàng chỉ gặp anh có sáu lần, vì thậm chí không hề ngờ rằng trên đời có cái gọi là đồng tình luyến ái, nàng thường nghĩ: Luke với Arne nên lấy nhau, vì họ vốn sống cùng nhau, Luke với Arne làm bạn với nhau thú vị hơn nhiều. Họ là đôi bạn nghề ngang vai bằng vế và đi tới đi lui suốt dọc bờ sông một ngàn dặm, đến nơi nào mía đã chín kêu gọi họ, và rõ ràng họ không thấy có gì thú vị hơn công việc. Những lần Luke rút cuộc vẫn về thăm vợ, anh không nghĩ gì đến chuyện gần gũi cả – ngồi một hai giờ, chuyện trò huyên thuyên với Luddie và Anne, rồi cùng Meggie đi dạo chơi, thân mật hôn nàng lúc chia tay và lại biến mất tăm.

Tất cả thời gian rảnh rỗi, Luddie, Anne và Meggie dùng vào việc đọc sách. Tủ sách ở Himmelhoch thật là phong phú, không phải như mấy giá sách ở Drogheda, nó cung cấp những hiểu biết các loại nhiều hơn gấp bội, trong đó có cả những điều “bất nhã”, và Meggie thấm lượm được nhiều qua sách.

* * *

Một ngày chủ nhật tháng sáu 1936, Luke đến cùng với Arne, cả

hai đều rất hài lòng về mình. Họ giải thích: họ muốn làm một việc rất đặc biệt để chiêu chuộng Meggie mời nàng đi dự “ceilidh”.

Hầu như ở khắp nước Úc đều có những người di dân đủ hạng thuộc các bộ tộc khác nhau ở rải rác trong nước và đã trở thành người Úc thực thụ, còn ở Bắc Queensland này, những người xuất thân từ các nước khác nhau bám chặt lấy tập quán và truyền thống dân tộc; ở đây nhiều nhất là người Trung Quốc, người Ý, người Đức, người Scotland và người Ireland. Khi định tổ chức *ceilidh*, tất cả mọi người Scotland, không trừ một ai, đều vượt nhiều dặm đường tụ hội với nhau.

Meggie ngạc nhiên, Luke và Arne xuất hiện trong những bộ váy Scotland, và trang phục như vậy, – Meggie nghĩ khi nàng đã trấn tĩnh và lấy lại được hơi, – họ nom thực là lộng lẫy. Đối với một người có dáng vẻ dũng cảm, không thể nghĩ ra bộ y phục nào hùng dũng hơn: cái váy hài hòa tuyệt vời với bước đi rộng, đều đặn, những nếp gấp phấp phới ở phía sau, phần phía trước không lay động, cái túi xách tay bằng da, mặt lông ra ngoài, che eo lưng, gấu váy đến giữa đầu gối che phủ đôi chân chắc nịch cân đối, bó căng trong cái quần nịt bằng vải kẻ ô vuông chéo xiên, chân đi giày có khóa cài. Nóng nực như thế này, không thể mang khăn choàng len và áo vét được. Arne và Luke đành chỉ mặc sơmi trắng, mở phanh đến giữa ngực, tay áo xắn cao hơn khuỷu.

– *Ceilidh* là cái gì vậy? – Meggie hỏi, khi họ lên đường.

– Đây là một từ Gael, có nghĩa là cuộc tụ hội, tối vui có khiêu vũ.

– Tại sao các anh mặc váy?

– Đến *ceilidh* không thể khác được, mà chúng tôi bao giờ cũng được mời tới, bất kể ngày hội ở đâu, từ Brisbane đến Cairns.

– Thế ư? Ở phải, chắc là các anh thường đi dự những cuộc hội hè như vậy, không thì tôi không thể tưởng tượng được làm sao Luke lại bỏ tiền ra sắm bộ trang phục như vậy? Phải không, Arne?

– Con người ta cũng cần phải nghỉ ngơi chút ít. – Luke đáp, không phải không có vẻ khiêu khích.

Ceilidh được cử hành trong một nhà kho đổ nát ở giữa một lũng thấp lầy lội, xông lên mùi thối rữa, mọc đầy cây đước, chạy dài dọc bờ sông Dungloe. Ôi chao, các thứ mùi mê ở những vùng này, Meggie nghĩ một cách tuyệt vọng, nhăn mặt vì cái hỗn hợp không thể tả được này. Đã nồng nặc mùi nước mật đen, mùi hơi ẩm, mùi nhà tiêu, lại còn cả mùi đầm lầy có cây đước nữa. Tất cả các thứ mùi thối rữa bốc hơi hòa nhập làm một.

Đàn ông đến dự *ceilidh* ai nấy đều mặc y phục dân tộc; Meggie cùng với hai người vào nhà kho, nàng nhìn quanh và hiểu rằng con công cái phải cảm thấy nó xoàng xĩnh biết bao trước những màu sắc huy hoàng lóa mắt của con công đực. Đàn ông làm lu mờ hẳn phụ nữ – phụ nữ cứ mỗi giờ dường như càng trở nên thiếu màu sắc và ít đáng chú ý hơn.

Ở một đầu nhà kho có hai nhạc công đứng trên cái bục ọp ẹp, họ mặc như nhau và đặc biệt sặc sỡ – đường kẻ ô vuông nhiều màu trên nền xanh, và đều nhịp thổi *kèn túi*^[73] một điệu vui nhộn cho điệu múa vòng tròn *ri-la*, tóc họ màu hung nhạt chớm ngược lên, mồ hôi chảy ròn ròn trên gương mặt đỏ gay.

Một số cặp nhảy đôi, nhưng ồn ào náo nhiệt nhất là ở chỗ có

những người đàn ông phân phát những chiếc cốc cho người xung quanh, chắc là những cốc whisky Scotland. Meggie chưa kịp định thần thì nàng và mấy người phụ nữ bị dồn vào một góc và nàng thích thú ở lại đây, mê mải nhìn sự việc đang diễn ra. Không một người phụ nữ nào mang y phục bằng vải kẻ ô có màu của bộ tộc, vì phụ nữ Scotland không mặc váy gấp nếp, chỉ mang khăn choàng, mà nóng nực thế này không thể tưởng tượng được chuyện quàng lên vai một mảnh vải to dày và nặng. Vì thế phụ nữ mặc những bộ áo váy vải hoa tầm thường, hết sức mờ nhạt và thảm hại bên cạnh y phục dân tộc lộng lẫy của đàn ông. Đàn ông người thì mặc y phục đỏ rực như lửa xen lẫn màu trắng, – màu của bộ tộc MacLeod ở Lewis, có cả những người mặc y phục màu da trời kẻ ô đỏ – bộ tộc Skene, có cả đường kẻ ô nhiều màu rực rỡ của bộ tộc Ogilvy, cả đường kẻ ô đỏ – đen – xám tuyệt đẹp của bộ tộc MacPherson. Luke mặc y phục màu của bộ tộc Macationeil, Arne thì mang màu của người Jacobean Sassenach. Đẹp xiết bao!

Rành rành là ở đây người ta biết rõ và yêu mến Luke và Arne. Họ vẫn thường xuyên đến đây không có nàng ư? Cái gì xui khiến họ hôm nay cho nàng đi theo? Meggie thở dài, dựa vào tường. Những phụ nữ khác tò mò chăm chú nhìn nàng, chiếc nhẵn cười được chú ý đặc biệt: rõ ràng là tất cả bọn họ đều thán phục Luke và Arne, rành rành là tất cả bọn họ đều ghen tị với nàng. Họ sẽ nói gì, nếu ta bảo với họ rằng người đàn ông cao to tóc sẫm màu kia, chồng tôi, trong tám tháng gần đây chỉ về thăm tôi đúng có hai lần, và khi về thăm thậm chí không lần nào có ý định nằm chung giường với tôi? Không, các người hãy nhìn cặp công tử đầy tự mãn kia! Họ hoàn toàn không phải là người vùng mía và không phải người Scotland, chẳng qua họ diễn tấu hài kịch, vì họ biết họ

choáng lộn như thế nào trong bộ váy của họ, và họ rất thích mọi người đổ dồn mắt vào họ. Cả hai người đàn ông ấy đều là đồ bịp bợm! Những kẻ tự say mê bản thân đến mức chẳng cần đến tình yêu của ai nữa.

Đến nửa đêm thì tất cả phụ nữ, không trừ một ai, phải làm nhiệm vụ chống đỡ tường: những người thổi *kèn túi* ráng hết sức thổi điệu “Caber Feidh” và bắt đầu cuộc vũ thực sự. Sau này, suốt cả đời, hễ nghe thấy tiếng *kèn túi* là Meggie tưởng tượng thấy mình trở lại căn nhà kho ấy. Vung vẩy chiếc váy kẻ ô vuông thế là đủ rồi; như trong chiêm bao, những âm thanh và màu sắc hòa vào nhau trong sự hài hòa thống nhất, sức sống sinh động, tính mau lẹ ào ạt và sức mạnh – tất cả những cái đó có sức xuyên suốt, như bùa chài, không thể xóa nhòa được, lưu lại vĩnh viễn trong trí nhớ.

Những thanh gươm đặt chéo nhau trên sàn, và hai người, mang y phục màu của bộ tộc MacDonald ở Sleat, giơ cao hai tay trên đầu, rung rung bàn tay như những người vũ ba lê, vẻ nghiêm nghị như thể số phận định đoạt rằng rút cuộc họ sẽ phải đâm thọc mũi gươm nhọn vào ngực, hai người ấy bắt đầu quay tròn, lướt đi, lượn lờ giữa những lưỡi gươm.

Rồi át cả làn điệu cao run rẩy của *kèn túi*, một tiếng gào to xé tai vút lên, một giai điệu mới ngân vang: “Hãy bảo vệ xứ sở, hỡi người Scotland!”, vũ khí dồn thành từng đống và tất cả đàn ông có mặt tại đây lao vào cuộc múa vòng tròn, lúc thì quàng tay nhau, lúc thì rời ra, chỉ thấy những chiếc váy kẻ ô vuông sặc sỡ bay phấp phới. Reel, strathspey, fling – những điệu vũ Scotland mãnh liệt, ào ào thay thế nhau, tiếng dậm chân trên sàn ván vang dội dưới những rìa mái, những khóa giày lấp lóa, và mỗi lần bắt

đầu một điệu vũ mới lại có một người ngửa đầu lên, bật ra một tiếng gào cũng ngân dài, trầm bổng như thế và đáp lại người đó là một tiếng gọi hân hoan của cả chục giọng. Còn phụ nữ bị bỏ quên, đứng nhìn.

Mọi việc chấm dứt lúc gần sáng, khoảng bốn giờ; bên ngoài, thay cho cái tươi mới giá rét của Blair Atholl hay Skye, chờ đón họ là cái đờ đẫn uể oải của đêm nhiệt đới, vàng trắng to tướng, nặng nề lười biếng lê mình trên bầu trời hoang vắng lấp lánh, và mọi vật tỏa ra mùi đước thum thum. Nhưng khi Arne đưa họ ra về bằng chiếc xe “Ford” già lão thở hì hụi thì cuối cùng Meggie nghe thấy điệu hát nghẹn ngào thê thiết của bài “Những bông hoa rừng quê nhà”, bài ca kêu gọi rời khỏi hội vui trở về nhà. Về nhà. Nhưng nó ở đâu, ngôi nhà ấy?

– Thế nào, em có thích không? – Luke hỏi.

– Sẽ thích hơn nếu như em khiêu vũ nhiều hơn, – Meggie nói.

– Sao? Trong *ceilidh* à? Thôi đi, Meg! Theo lệ ở đây chỉ có đàn ông khiêu vũ, hãy cảm ơn chúng tôi đã cho phụ nữ cũng được nhảy chút ít.

– Em có cảm giác rằng trên đời có nhiều việc chỉ dành riêng cho đàn ông, đặc biệt nếu cái đó vui vẻ và đem lại khoái lạc.

– Ồ, xin lỗi, – Luke đáp một cách khô khan. – Anh nghĩ rằng em có thích thú khi được giải trí chút ít, vì thế anh mới đưa em đến đây. Anh có thể không đưa em đi cũng được! Nếu như em không biết quý trọng điều đó thì anh sẽ không đưa em theo nữa.

– Dù sao thì chắc là anh cũng không có ý định đưa em đi đâu nữa, – Meggie nói. – Anh chẳng cần gì phải để cho em bước vào đời anh. Trong mấy giờ qua, em đã nhận ra nhiều điều, song em

ngĩ rằng đấy không phải là cái mà anh muốn dạy em. Bây giờ em không còn dễ bị gạt lắm đâu, Luke ạ. Nhưng nói thực tình, em chán ghét cái đó, cả anh, cả cuộc đời hiện nay của em, tất cả!

– S.. suýt! – Anh phần nộ suýt nàng – Meggie. Không phải chỉ có chúng ta với nhau ở đây.

– Thế thì anh hãy về thăm em một mình! – Meggie đáp một cách gay gắt... – Anh có bao giờ ở lại một mình với em đâu, có thì cũng chỉ chốc lát mà thôi!

Arne cho xe dừng lại dưới chân đồi Himmelhoch, mỉm cười thông cảm với Luke.

– Đi đi, anh bạn, tiền cô ấy lên đồi, mình sẽ chờ ở đây. Chẳng việc gì phải vội vàng.

– Em nói nghiêm chỉnh đấy, Luke ạ – Meggie nói, khi họ vừa ra đủ xa để Arne không thể nghe thấy. – Mọi sự kiên nhẫn đều sắp cạn, anh hiểu chứ? Em biết, em đã hứa làm người vợ hiền, nhưng chính anh đã hứa yêu và chăm sóc em, té ra cả hai chúng ta đều nói dối! Em muốn trở về nhà, về Drogheda!

Thế thì hai ngàn bảng mỗi năm của cô nàng sẽ không nhập vào tài khoản nhà băng của ta nữa, Luke nghĩ.

– Em nói gì thế, Meg? – Anh nói với giọng bất lực. – Em thân yêu ơi, đây không phải là mãi mãi, anh nói thực đấy! Mùa hè năm nay anh sẽ đưa em đi Sydney, xin hứa lời hứa của O'Neill! Ở nhà bà dì của Arne sẽ thu xếp được một căn hộ nhỏ, anh và em có thể sống ở đó suốt ba tháng, chúng ta sẽ sử dụng thời giờ thật tuyệt vời! Hãy chịu khó chờ ít lâu nữa, anh chặt mía thêm một năm nữa, sau đó ta sẽ mua đất và sống ở nhà riêng của ta, được chứ?

Ánh trăng chiếu xuống mặt anh, hình như anh thành thực

buồn phiền, lo lắng, đầy ân hận. Nom anh giống Ralph de Bricassart quá...

Meggie đã nguôi giận, nàng vẫn muốn có con với anh.

– Tốt thôi. – Nàng nói. – Một năm nữa. Nhưng anh nhớ lời đấy nhé. Luke, anh đã hứa đưa em đi Sydney, đừng quên đấy!

Mỗi tháng một lần, Meggie chu đáo viết thư cho mẹ và các anh – kể chuyện về Bắc Queensland, cố gắng bông đùa vừa phải và không hé lộ lấy một lời về sự bất hòa với Luke. Vẫn thói kiêu hãnh ấy. Ở Drogheda, người ta chỉ biết: vợ chồng Mueller là bạn của Luke và Meggie ở nhà họ vì Luke thường xuyên đi vắng. Mọi điều đều khiến họ cảm thấy Meggie thật tâm quyến luyến với những con người dễ mến ấy, và ở Drogheda người ta không lo ngại cho Meggie. Chỉ có một điều làm họ phiền lòng: tại sao Meggie không về thăm người nhà? Nhưng nàng không thể viết cho họ rằng nàng không có tiền đi đường, như vậy sẽ phải giải thích rằng cuộc sống gia đình của nàng với Luke O’Neill bất hạnh xiết bao.

Thỉnh thoảng, dường như tiện thể, nàng cả gan hỏi thăm đức Giám mục Ralph sống ra sao, còn Bob càng ít nhớ thuật lại cho nàng đôi ba điều được mẹ cho biết về Giám mục. Rồi sau đó đến một lá thư chỉ toàn nói về de Bricassart khả kính.

“Đức Giám như từ trên trời rơi xuống. – Bob viết – Ngài đến đột ngột và có vẻ không vui, hết như bị nhúng xuống nước. Vì không gặp được em. Ngài rất rầu rĩ. Thoạt đầu Ngài mắng chúng ta không báo cho Ngài biết em lấy Luke, nhưng mẹ giải thích với Ngài rằng em không cho báo tin, tự

nhiên em đâm ra trái tính như thế. Ngài liền im bật và không dả động gì đến chuyện ấy nữa. Nhưng theo anh, Ngài nhớ em hơn nhớ tất cả mọi người khác trong gia đình ta, điều đó cũng dễ hiểu thôi, vì cả nhà ta không ai tiếp xúc với Ngài nhiều như em và theo anh, Ngài bao giờ cũng yêu em như cô em ruột. Tội nghiệp, Đức Giám thư thân ở đây như người bất đắc chí, như thể chờ mong em sắp từ một góc nào nháy xổ ra. Ở nhà ta không tìm đâu ra tấm ảnh nào đưa Ngài xem, trước đó anh chẳng hề quan tâm đến, nhưng khi ngài hỏi, anh nghĩ: ờ nhỉ, kỳ thật, tại sao em không có ảnh cưới? Ngài hỏi: em có con chưa, anh đáp hình như chưa. Chưa, đúng không, Meggie? Em lấy chồng bao lâu rồi nhỉ? Sắp hai năm phải không? Phải, cố nhiên, hiện giờ đã là tháng sáu rồi còn gì. Thời gian bay nhanh quá! Anh hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa em sẽ có con, Đức Giám của chúng ta sẽ mừng lắm đấy. Anh toan đưa địa chỉ của em cho Ngài, nhưng Ngài không lấy. Ngài bảo rằng Ngài chẳng cần gì đến, vì Ngài sắp sang Hy Lạp một thời gian, đến Athens cùng với Tổng Giám mục mà Ngài theo hầu. Đức Tổng Giám mục rõ ràng là người Ý, tên dài dằng dẵng, không sao nhớ được. Em tưởng tượng xem, các đấng ấy đến đây bằng thủy phi cơ! Thực đấy! Em ạ, khi được biết em không có ở đây và chẳng có ai cùng Ngài đi dạo chơi ở Drogheda, Ngài không có ý lưu lại lâu, chỉ ở một tuần, đi ngựa hai lần, ngày nào cũng làm lễ Missa cho chúng ta, rồi lập tức ra đi”.

Meggie đặt lá thư sang bên cạnh. Ông ấy biết, ông ấy biết! Rút cục thì ông ấy biết. Ông ấy nghĩ gì, có buồn lắm không? Tại sao, tại sao ông ấy đẩy nàng đến nước này? Kết quả chẳng có gì tốt lành. Nàng không yêu Luke và sẽ chẳng bao giờ yêu anh. Luke chỉ là sự thay thế, nàng sẽ có với anh những đứa con giống như những đứa trẻ mà Ralph de Bricassart có thể cho nàng. Trời ơi, đầu óc nàng rối loạn hết rồi!

* * *

Tổng Giám mục di Contini – Verchese khước từ những căn phòng dành cho Ngài trong dinh thự ở Athens của giới chức cao cấp của nhà thờ. Ngài thích một khách sạn bình thường cho người thế lực hơn. Ngài đến Athens có việc quan trọng và rất tế nhị: đã từ lâu có một số vấn đề nên bàn bạc với các giáo sĩ cao cấp của nhà thờ chính giáo Hy Lạp, đối với nhà thờ này cũng như với nhà thờ chính giáo Nga, Vatican có thái độ thiện cảm hơn nhiều so với nhà thờ thanh giáo. Suy cho cùng, chính giáo là một trào lưu, chứ không phải là đạo đối. Trong chính giáo; cũng như trong nhà thờ thiên chúa La Mã, các tổng giám mục kế thừa chức sắc của mình theo trực hệ từ chính thánh Pie.

Tổng giám mục biết rằng chuyến đi này là một loại thử thách: nếu thành công, nó sẽ là một bậc mới trên con đường công danh của ngài, và ở La Mã một cương vị cao hơn đang chờ Ngài. Khả năng ngoại ngữ của Ngài là một ưu thế không nhỏ, Ngài nói thạo tiếng Hy Lạp. Điều đó làm đĩa cân lệch về phía có lợi cho Ngài, Ngài được gọi về từ một nơi xa xăm – từ Úc, và Ngài được đưa đến Athens bằng máy bay.

Cố nhiên, không thể nào không đem theo giám mục de Bricassart, những năm qua đi Contini – Verchese đã quen trông cậy ngày càng nhiều hơn vào con người tuyệt diệu này. Đây thực sự là một Mazarin thứ hai. Sự so sánh đó là lời tán dương rất cao, vì tổng giám mục khâm phục Hồng y Mazarin hơn Hồng y Richelieu nhiều. Ralph tiêu biểu cho tất cả những gì tòa thánh La Mã quý trọng ở các giới chức cao cấp của mình. Đức giám hết sức

đanh thép cả trong đức tin cũng như trong đạo đức; Ngài có trí tuệ mềm dẻo linh hoạt và khuôn mặt không thể dò thấu; thêm nữa Ngài có một năng khiếu đặc biệt: Ngài bao giờ cũng biết lấy lòng mọi người xung quanh, bất kể Ngài ưa hay ghét họ, đồng ý hay bất đồng ý kiến với họ. Ngài không xu nịnh, mà đích thực là nhà ngoại giao. Nếu Ngài được nhắc nhở thường xuyên hơn với những người cầm quyền ở Vatican thì chắc chắn Ngài sẽ tiến xa. Đây sẽ là điều rất vừa ý đức ông di Contini – Verchese, đức ông tuyệt nhiên không muốn chia tay với de Bricassart khả kính.

Tiết trời rất nóng nực, nhưng sau cái ngọt ngào ẩm ướt của Sydney, cái oi ả khô ráo của Athens không làm giám mục Ralph khó chịu. Vẫn như mọi khi, mặc áo chùng, quần bó và ủng cưỡi ngựa, cha bước nhanh trên con đường đá chạy lên dốc, dẫn tới Acropolis, qua Propylon^[74] ảo não, Erechtheum^[75], lên cao hơn nữa, đi trên đá trơn trượt, tới đền Parthenon và tiếp nữa đến di tích của bức tường bao quanh Acropolis.

Ở đây, trên đỉnh cao, nơi gió thổi bay tung mái tóc xoăn giờ đây đã điểm bạc ở thái dương, đức Giám mục dừng lại và đưa mắt nhìn bao quát các thành phố màu trắng và phía sau thành phố, những ngọn đồi tràn ngập ánh mặt trời và cái màu xanh trong trẻo có một không hai của biển Aegean. Dưới chân của Ralph là Plaka với những tiệm cà phê trên các mái nhà nóc bằng và những khu nhà của các họa sĩ, ở phía bên là những tầng bậc của một hí trường đồ sộ trải ra trên vách đá. Xa xa hiện lên những cây cột La Mã, những pháo đài của quân thập tự chinh, những lâu đài Venetian, nhưng không còn một dấu vết của bọn Thổ Nhĩ Kỳ. Người Hy Lạp là một dân tộc kỳ lạ. Phải căm thù ghê gớm lắm những kẻ đã cai trị họ bảy thế kỷ liền thì mới có thể vừa được giải

phóng đã quét sạch khỏi mặt đất tất cả các giáo đường và tháp giáo đường của bọn xâm lược. Một dân tộc lâu đời biết bao, một quá khứ huy hoàng biết bao. Khi Pericles^[76] đem đá cẩm thạch phủ lên đỉnh vách đá này, những người Norman tổ tiên của Ralph de Bricassart còn là những kẻ mọi rợ dùng da thú che thân, còn La Mã chỉ là một làng quê.

Mãi đến bây giờ, ở cách xa mười một ngàn dặm, lần đầu tiên Ralph nghĩ đến Meggie mà tiếng nức nở không nghẹn lại trong cổ họng. Thế nhưng những đỉnh núi xa nhòa đi trước mắt trong giây lát và ông không tự chủ ngay được. Sao ông có thể kết tội nàng, thì chính ông bảo nàng lấy chồng đi kia mà! Và ông bỗng hiểu vì sao nàng quyết giấu ông điều đó: nàng không muốn ông gặp chồng nàng, không muốn ông dính líu vào cuộc đời mới của nàng. Trước kia ông tưởng rằng sau khi lấy chồng, nếu không ở ngay Drogheda thì nàng sẽ chuyển đến Gillanbone và từ đấy sẽ không cách xa ông là mấy, ông sẽ biết nàng vẫn sống và khỏe mạnh chỉ cần nghĩ một chút là thấy rõ: chính đó là điều nàng không muốn. Không, cố nhiên nàng không thể không ra đi, và chừng nào còn là vợ anh chàng Luke O'Neill ấy, nàng sẽ không trở lại. Bob, nói rằng vợ chồng họ tích lũy tiền, muốn mua đất ở Tây Queensland, cái tin đó nghe như tiếng chuông đưa đám. Meggie quyết không quay trở lại. Đối với Ralph de Bricassart nàng đã chết.

Nhưng em có hạnh phúc không, Meggie? Chồng em có xúc phạm em không? Em có yêu anh chàng Luke O'Neill ấy không? Anh ta là người thế nào, vì sao em đổi ta lấy anh ta? Anh ta là một người chần chừ bình thường, thế thì em thích anh ta về điểm nào, cái gì khiến em thích anh ta hơn Enoch Davies, hơn cả Liam

O'Rourke và Alastair MacQueen? Có lẽ em không muốn ta biết anh ta để ta khỏi so sánh phải không? Hay em muốn làm ta đau đớn, muốn trừng phạt ta? Tại sao vợ chồng em không có con? Duyên do vì đâu, tại sao chồng em đi khắp Queensland như một kẻ lang thang, còn em thì anh ta gửi ở nhà bạn mình? Em chưa có con cũng chẳng có gì lạ – chồng hầu như không ở với em. Tại sao thế, Meggie? Tại sao em lấy anh chàng Luke O'Neill ấy?

Cha quay lại, rời Acropolis đi xuống, bước đi trên các phố Athens đông người, ồn ào. Cách phố Evripidou không xa có một cái chợ giữa trời; cha nán lại nơi đây, say mê với cảnh tượng này: đám đông nhiều màu sắc, những sọt to tướng đựng cá bốc mùi gay gắt dưới nắng, những bó rau treo cạnh nhau và những đôi giày thêu trang kim. Những người phụ nữ khiến cha vui thích – những người con gái của một nền văn hóa hoàn toàn khác, khác về bản chất với thanh giáo, mà Giám mục de Bricassart lại là người được giáo dục theo tinh thần thanh giáo. Họ công khai tỏ ra thán phục cha, không một chút e dè. Nếu như trong những cái nhìn hoan hỉ ấy và những giọng nói thỏ thẻ ấy có pha màu sắc dục (cha không chọn được từ khác) thì hẳn là cha sẽ bối rối vô cùng, nhưng không, sự hân hoan đó do một tình cảm khác gọi nên, đây chỉ là biểu lộ niềm thán phục một vẻ đẹp hiếm có.

Khách sạn nơi hai người dừng chân là một khách sạn sang trọng và đắt tiền, ở trên quảng trường Omonia, Tổng Giám mục di Contini – Verchese ngồi bên cái cửa mở ra ban công, mãi mê suy nghĩ. Khi Giám mục de Bricassart vào. Ngài ngẩng đầu lên và mỉm cười.

- Vừa hay, Ralph ạ. Tôi muốn cầu nguyện.
- Tôi cho rằng mọi việc đều ổn thỏa. Lẽ nào lại đã xảy ra

những rắc rối bất ngờ sao, thưa Đức ông!

– Vấn đề thuộc một loại hơi khác. Hôm nay tôi nhận được thư của Hồng y Monteverdi, ngài chuyển lời cầu chúc của Đức Thánh Cha.

Vì xúc động, hai vai của Giám mục Ralph căng ra và gáy lạnh đi.

– Có chuyện gì thế ạ?

– Hễ việc đàm phán ở đây xong xuôi, mà cũng xong rồi, tôi phải có mặt ở La Mã. Tôi sẽ được phong chức Hồng y, và sau đó tôi sẽ phụng sự ở La Mã, trực tiếp bên Đức Thánh Cha.

– Thế còn tôi?

– Cha sẽ là Tổng Giám mục de Bricassart và trở về Úc thay thế tôi làm Khâm mạng Giáo hoàng.

Bây giờ Cha Ralph lên cơn sốt, thậm chí hai tai đỏ lên. Ông không phải là người Ý mà được ban chức Khâm mạng Giáo hoàng! Một vinh dự chưa từng thấy! Ôi, không nghi ngờ gì nữa, ông sẽ còn được phong Hồng y!

– Tất nhiên, trước hết cha sẽ được huấn luyện và dặn dò đôi chút ở La Mã. Sẽ phải mất vào đó khoảng nửa năm, nửa năm ấy tôi sẽ ở bên cha, giới thiệu cha với bạn bè của tôi. Tôi muốn họ quen biết cha, bởi vì đến một lúc tôi gọi cha về, Ralph ạ, và cha sẽ trở thành người phụ tá của tôi ở Vatican.

– Tôi biết làm cách nào tạ ơn Đức Ông được, thưa Đức Ông. Chính nhờ Đức Ông mà tôi có được vinh dự cao cả như thế!

– Sáng danh Chúa, tôi có đủ trí tuệ để nhìn rõ người có năng khiếu mà ta không nên để cho mòn mỏi ở chốn heo hút. Bây giờ chúng ta sẽ quỳ xuống cầu nguyện, Ralph. ơn Chúa thật cao

trọng.

Tràng hạt và sách kinh lễ của Giám mục Ralph ở trên chiếc bàn con bên cạnh. Tay run run cha với tay lấy chuỗi tràng hạt và vô ý gạt rơi cuốn sách xuống sàn. Cuốn sách mở ra ở giữa. Tổng Giám mục ở gần hơn. Ngài nhặt cuốn sách lên và tò mò nhìn cái gì màu rêu, khô và mảnh, trước kia là bông hồng.

– Kỳ lạ thật! Tại sao cha giữ cái đó? Cái gì vậy, kỷ niệm về quê hương hay có lẽ về mẹ?

Cặp mắt thấu suốt, không thể dùng mưu chước hay lối nói quanh mà lừa dối được nhìn thẳng vào Ralph, không kịp che giấu sự xúc động và sợ hãi nữa rồi.

– Không ạ, – Cha Ralph nói và nhăn mặt. – Mẹ tôi thì tôi không muốn nhớ đến làm gì.

– Nhưng hẳn là bông hoa nhỏ này có nhiều ý nghĩa đối với cha thì cha mới trân trọng gìn giữ nó trong cuốn sách quý nhất của mình? Vậy thì bông hoa ấy nói với cha điều gì?

– Về một tình yêu cũng trong sạch như tình yêu của tôi đối với Chúa trời, thưa Đức Ông Vittorio. Tình yêu ấy chỉ làm vinh dự cho những trang sách này.

– Tôi cũng nghĩ như thế, bởi vì tôi biết cha. Nhưng liệu tình yêu ấy có làm giảm bớt tình yêu của cha đối với nhà thờ thiêng liêng chăng?

– Không. Vì nhà thờ mà tôi đã khước từ nó và sẽ mãi mãi khước từ. Tôi đã lánh xa nó và sẽ không bao giờ trở lại với nó.

– Là ra vì thế mà cha có vẻ u buồn, rút cuộc thì tôi đã hiểu! Ralph thân mến, điều đó không đến nỗi dở lắm như cha tưởng đâu, thực đấy. Trong đời mình, cha sẽ đem lại nhiều điều tốt lành

cho người khác, và nhiều người sẽ yêu cha. Người phụ nữ được dâng tặng mối tình chứa đựng trong cái kỷ niệm cũ thơm tho này sẽ không bao giờ thiếu thốn tình yêu. Vì cha gìn giữ cả tình yêu cùng với bông hồng này.

– Tôi nghĩ rằng người phụ nữ ấy không hiểu điều này.

–Ồ không, nếu cha yêu người ấy thắm thiết như thế thì tức là người ấy giàu nữ tính tới mức có thể hiểu được điều đó. Nếu không thì cha đã quên nàng từ lâu và không giữ gìn cái kỷ niệm này lâu đến thế.

– Đôi khi ý muốn từ bỏ chức sắc của mình và trở lại với nàng mạnh đến nỗi chỉ có những giờ cầu nguyện dài đằng đằng mới ngăn giữ được tôi.

Tổng Giám mục rời khỏi ghế bành đứng dậy, đến quỳ xuống cạnh người kia, con người đẹp trai mà Ngài yêu tới mức không mấy người được Ngài yêu như vậy, ngoài Chúa trời và nhà thờ – đối với Ngài lòng yêu Chúa và nhà thờ là thống nhất và không thể phân chia.

– Cha sẽ không rời bỏ chức vị của mình. Ralph ạ, chính cha biết điều đó rất rõ. Cha thuộc về nhà thờ thiêng liêng, cha đã luôn luôn thuộc về nó và sẽ luôn luôn thuộc về nó. Đây là thiên chức chân chính của cha. Chúng ta sẽ cùng nhau cầu nguyện, và từ nay cho đến chót đời, tôi sẽ cầu nguyện cả cho bông hồng của cha. Chúa giáng xuống cho chúng ta nhiều xót xa và đau khổ trên con đường đến cuộc sống vĩnh cửu. Và tôi cũng như cha, khước từ phải học cách nhẫn nhục chịu đựng.

* * *

Cuối tháng tám, Meggie nhận được thư Luke: anh viết rằng anh nằm bệnh viện Townsville, anh bị bệnh Weil^[77], nhưng không nguy hiểm gì, chẳng bao lâu nữa sẽ ra viện.

“Vây là có lẽ chúng ta không cần chờ đến cuối năm để đi nghỉ cùng nhau, Meg ạ. Hiện thời anh không thể chặt mía được, phải chờ cho khỏe hẳn đã, muốn thế thì cách chắc chắn nhất là nghỉ ngơi cho tốt. Vì vậy khoảng một tuần nữa anh sẽ đến đón em. Chúng ta sẽ ở trên bờ hồ Eacham tại Atherton Tableland chừng hai tuần, qua thời gian đó anh sẽ hồi sức và sẽ lại đi làm”.

Meggie hồ như không tin rằng rút cuộc hai người sẽ lại chung sống với nhau, chính nàng cũng không hiểu – có lẽ chính nàng không còn muốn điều đó nữa chẳng? Cố nhiên “tháng trăng mật” ở nơi trọ tại Dunny là một khổ hình đối với nàng, và cái đau trong tâm hồn còn lâu qua hơn cái đau thể xác, nhưng đã từ lâu Meggie ra sức xua đuổi những hồi ức đó, thành thử bây giờ chúng không làm nàng khiếp sợ nữa; thêm nữa, từ đó đến nay, nàng đọc nhiều và nàng đã hiểu rằng về nhiều mặt, tất cả chỉ là do ngu dốt: nàng và Luke ít hiểu biết quá. Cầu Chúa sao cho lần gặp gỡ này đem lại đứa con! Nàng sẽ có một đứa bé, sẽ có người để mà yêu, khi ấy nàng sẽ nhẹ nhõm hơn nhiều. Anne sẽ không phản đối sự có mặt của đứa bé trong nhà, chị ấy sẽ yêu nó. Cả Luddie cũng thế. Họ đã nói điều đó với nàng một trăm lần, họ vẫn hy vọng rằng một lần về nào đó, Luke sẽ ở lâu hơn và cuộc sống trống rỗng cô đơn của vợ anh sẽ có một ý nghĩa mới.

Nàng kể với họ điều Luke viết trong thư và họ nói lên niềm vui sướng của mình, nhưng trong thâm tâm, họ nghi ngờ khi nghe cái tin ấy.

– Em lấy đầu ra cam đoan rằng gã khốn kiếp này sẽ lại bỏ mặc cô ấy mà lĩnh đi đâu đó. – Anne nói với chồng.

* * *

Luke mượn của ai không rõ chiếc ô tô và sáng sớm đưa xe đến đón Meggie. Anh gầy rộc đi, vàng vọt và da nhăn nheo như bị ngâm dấm. Meggie sửng sốt, nàng trao vali cho chồng và lên xe ngồi cạnh anh.

– Bệnh Weil là bệnh gì vậy, anh Luke? Anh viết rằng không có gì nguy hiểm, nhưng nhìn anh, em thấy ngay rằng anh ốm rất nặng.

– Không, cái đó tương tự như bệnh vàng da, bất cứ người chặt mía nào sớm muộn cũng sẽ mắc phải. Nó do chuột đồng mía gieo rắc, nếu ta bị đứt tay hay vết xước thì không tránh khỏi lây bệnh. Anh khỏe mạnh nên dễ khỏi thôi, những người khác ốm nặng hơn nhiều. Các bác sĩ nói rằng chẳng mấy nổi anh sẽ lại là một trang nam nhi cường tráng.

Men theo một cái hẻm sau rừng cây rậm rì, con đường chạy lên dốc vào giữa lòng đại châu. Ở đáy hẻm, một con sông đầy áp nước trương phồng lên, gầm rú âm âm, và ở một chỗ nào bên trên, một thác nước huy hoàng đổ xuống sông, cắt ngang con đường. Xe họ đi giữa một vách đá dựng đứng và dòng nước chênh chéch đổ xuống, dưới cái vòm cuốn ẩm ướt lấp lánh, sự kết hợp kỳ quặc ánh sáng và bóng tối. Càng lên cao càng mát mẻ, một cảm giác tươi tắn kỳ diệu tràn lan trong không khí – Meggie đã quên mất cái cảm giác dễ thở trong khí trời mát mẻ. Rừng nhiệt

đôi nghiêng mình trên đường, dựng lên ở phía bên như bức tường dày kín mít, đáng sợ. Không thể nhìn rõ các thân cây dưới tấm màn nặng nề của những cây leo rậm lá, chúng vắt từ đỉnh cây này sang đỉnh cây kia, kéo dài liên tục, bất tận, dường như cả khu rừng bị chìm dưới tấm màn nhung xanh khổng lồ. Nhưng dưới những vòm xanh ấy, trước mắt Meggie thấp thoáng khi thì một bông hoa nhỏ kỳ diệu, khi thì một con bướm, khi thì tấm mạng nhện nom như cái bánh xe và cái trục bất động của nó là con nhện cực to điểm những vệt đốm đốm đáng, khi thì những cây nấm chưa từng thấy bắt rễ vào một thân cây đầy rêu, khi thì những con chim có bộ đuôi dài phấp phới đỏ thắm và óng ánh vàng.

Hồ Eacham nằm trên một bình sơn nguyên, hết sức duyên dáng trong cái khung tuyệt mỹ của dải bờ không bị ngập nước. Trước lúc mặt trời lặn, Meggie và Luke ra hành lang nhà trọ ngắm làn nước lặng ấy. Meggie muốn xem những con dơi lớn ăn quả (người ta còn gọi chúng là cáo bay), chúng bay đi kiếm ăn, lượn trên bầu trời như những tín sứ của Tòa Phán xét. Chúng nom thì khủng khiếp và đáng ghét, nhưng nhút nhát lạ thường và hoàn toàn vô hại. Nhìn bầy dơi thắm màu run rẩy trong ánh vàng nóng chảy của buổi hoàng hôn, trái tim lặng đi; ở Himmelhoch chiều nào Meggie cũng ra hàng hiên xem dơi.

Khoan khoái biết bao một chiếc giường êm ái mát mẻ, ở đây không đến nỗi động dậy cũng sợ, vài giường không đấm mồ hôi và không cần phải thận trọng chuyển dịch sang chỗ khác khi biết rằng chỗ trước dù sao cũng sẽ không khô. Luke lấy trong vali của mình một gói dẹt màu nâu, lấy ra một vốc những vật gì tròn tròn và xếp thành dãy trên chiếc bàn đệm con con.

Meggie cầm lấy một cái, xoay lật trong tay, tò mò hỏi:

– Cái gì thế?

– Món quà nhỏ của nước Pháp. – Luke đã quên quyết định của mình hai năm trước: không nói cho nàng biết đây là phương tiện tránh thai. – Anh đeo cái vật này vào đã rồi mới gần em. Không thì có thể em sẽ có con, mà chúng ta không thể liệu như thế khi ta chưa có nhà riêng. – Anh ngồi ở mép giường, trần truồng, gầy nhom, anh vươn người về phía Meggie, nắm chặt bàn tay nàng vẫn còn cầm “món quà nhỏ của Pháp” – Chúng mình đã gần tới đích rồi! Theo tính toán của anh, thêm năm nghìn nữa là chúng ta có thể mua được một khu vực tốt nhất có thể tìm được ở phía Tây Charters Towers.

– Thế thì anh hãy coi là chúng ta đã mua được. – Meggie nói bằng giọng đều đều, rất bình tĩnh. – Em sẽ viết thư cho Giám mục de Bricassart và xin Ngài cho vay năm ngàn. Ngài sẽ không lấy lãi của chúng ta đâu.

– Đừng có nghĩ đến chuyện ấy! – Luke quát. – Quỷ bắt em đi, Meg, em có lòng tự hào không? Tiền của ta do ta kiếm ra, chúng ta không vay mượn ai hết! Cả đời anh chưa hề vay ai lấy một xu và sẽ không bao giờ vay nợ.

Nàng không nghe, chỉ nhìn anh, mắt mờ đi trong lớp sương mù màu đỏ. Chưa bao giờ trong đời nàng tức điên lên như thế. Đồ giả dối, đồ bịp bợm, đồ ích kỷ! Sao anh dám đánh lừa nàng như thế, khiến nàng không thể sinh con, bịa chuyện làm như anh muốn trở thành người nuôi gia súc! Chẳng cần nàng, anh vẫn sống rất vui thú với anh chàng Arne Swenson ấy ở chỗ chặt mía.

Chính nàng cũng ngạc nhiên không hiểu sao nàng lại che giấu

được sự cuồng nộ của mình và nàng lại nói về cái vật trên bàn tay nàng.

– Giải thích đi, những món quà này là cái gì? Tại sao do nó mà em không có con?

Luke đến gần, dừng lại sau lưng nàng và Meggie rùng mình; anh nghĩ rằng sự đụng chạm của anh làm nàng rạo rức, nhưng Meggie hiểu – nàng chán ghét.

– Thế là thế nào, em không biết tí gì ư, Meg?

– Chẳng biết gì cả, – Meggie nói dối; tuy nhiên về chuyện đó quả thực là nàng chẳng biết gì, nàng không nhớ có cuốn sách nào nói về những điều như thế.

Đôi tay nôn nóng của anh vầy vò ngực nàng.

– Em ạ, khi anh... sửa soạn... không có cái đó thì tất cả vào em hết, như vậy thì có con.

À, ra thế! Anh ta đã tìm được cách tránh có con. Quân bịp bợm!

Luke tắt đèn, kéo Meggie lên giường, và loáng sau Meggie nghe thấy vẫn những âm thanh mà hồi ấy nàng nghe thấy trong khách sạn ở Dunny, bây giờ thì nàng hiểu: anh chuẩn bị. Đồ bịp bợm! Nhưng làm cách nào đánh lừa anh?

Nàng chịu đựng, cố không bộc lộ ra là nàng đau như thế nào. Tại sao lại đau như thế, khi điều họ làm là hoàn toàn tự nhiên?

– Em không thích cái trò đó ư, Meg? – Sau này Luke hỏi – Có lẽ em chưa đủ trưởng thành để làm việc đó, nếu như ngay đến giờ em cũng vẫn đau, chứ không phải chỉ riêng lần đầu. Thôi được, anh sẽ không làm việc đó nữa. Em không chống cưỡng khi anh sờ vú em, đúng không?

– Ôi chao, thì đằng nào chẳng thế? – Meggie đáp với vẻ mệt mỏi – Nếu anh không làm em đau thì cứ như thế cũng được.

– Em hơi kém nòng cháy, Meg ạ!

– Về cái việc đó ấy ư?

Nhưng anh đã lại bốc lửa; suốt hai năm sau không có thời gian cũng như sức lực dành cho việc ấy. Ờ, chung đụng với phụ nữ thật là tuyệt, một khoái lạc đê mê và bị cấm. Anh hoàn toàn không cảm thấy mình là chồng Meggie, không, chẳng qua cũng như tiêu khiển với một cô bé ở một nơi nào trên bãi chồn sau nhà trọ Kynuna hay ép chặt Miss Carmichael kênh kiệu vào tường nhà xén lông cừu. Vú Meggie nhỏ nhắn và tròn trặn, rắn chắc, rất hợp ý thích của anh, nàng cười ngửa nhiều không phải là vô ích, và thành thực mà nói, cứ tiếp xúc thẳng với nhau không cần “món quà” nào cả mà lại hơn. Những vật nhỏ đó của Pháp làm giảm khoái lạc rất nhiều, nhưng không dùng không được, ai biết đâu nó phọt ra lúc nào.

Anh nằm ngửa, kéo nàng về phía mình, mút vú nàng. Trong lòng Meggie dậy lên niềm khinh miệt không thể tả được; đàn ông thật kỳ cục, trong những phút ấy họ chẳng còn ra người nữa. Như Luke đây này, anh mê đi, vằn vò nàng và gừ gừ như con mèo đực khổng lồ mút con mèo cái... Bỗng nhiên đùi nàng cảm thấy chính cái ấy, lần này không có gì bao ngoài.

Tất cả những gì xảy ra tuyệt nhiên không làm cho Meggie rộn rục, ý nghĩ vẫn sáng rõ. Và một tia chớp lóe lên trong óc nàng. Chậm chạp, không để anh nhận thấy, nàng nhích lại gần anh hơn, và nghiêng răng nín thở để giữ được can đảm, nàng kết hợp với anh. Đúng, có đau, nhưng đỡ đau hơn trước đến một nửa.

Bằng cách đó, mọi việc nhẹ nhõm hơn và dễ chịu hơn.

Luke mở mắt. Anh toan đẩy Meggie ra, nhưng... lạ Chúa lòng lành, anh chưa bao giờ có cảm giác gì như thế! Chưa bao giờ anh gần đàn bà mà không có cái vật chướng ngại ấy, và anh không hề ngờ sự khác nhau lớn lao biết bao. Anh không đủ sức đẩy nàng ra, anh không còn thiết gì cái khoá lặc trước kia, lúc gần cuối thậm chí anh ôm ghì lấy nàng. Đàn ông không nên rên rỉ và kêu gào, nhưng anh không nén được và sau cùng, anh âu yếm hôn vợ.

– Luke...

– Gì thế?

– Tại sao không thể lần nào cũng như thế?

– Ngay cả lần này đáng ra chúng ta không được làm như thế, Meg ạ, và cố nhiên không được làm thế nữa. Anh không kịp rút ra.

Meggie cúi xuống gần anh, vuốt ve ngực anh.

– Ôi, anh Luke, xin cứ việc! Như thế tốt hơn và gần như không đau. Em thận trọng một chút là xong hết thôi mà. Thế nhé!

Trên đời này có người nào cưỡng lại được không, khi người ta khẩn khoản mời anh lại thưởng thức một khoái lạc khôn tả như vậy? Luke gật đầu, nhượng bộ sự cảm dỗ như ông tổ Adam, bởi vì lúc ấy anh biết ít hơn Meggie nhiều: nàng đã hiểu cần dùng mưu đánh lừa anh như thế nào.

– Có lẽ em nói đúng, còn khi em không chống lại thì anh thích thú hơn nhiều. Thôi được, Meg ạ, từ nay chúng ta sẽ làm theo ý em.

Meggie hài lòng, mỉm cười trong bóng tối. Thế đấy, ông chồng thân yêu của tôi ạ, tôi sẽ cho anh biết tay! Rồi anh sẽ thấy, Luke

O'Neill! Tôi là người thận trọng, ha. Sống chết gì tôi cũng sẽ có con!

Ở đây, xa cái ẩm ướt ngột ngạt của đồng bằng ven sông, Luke mau chóng hồi sức. Anh ăn ngon miệng, bắt đầu lên cân và không còn gầy đến phát sợ nữa, da đã mất cái màu vàng bệnh tật và lại có màu bánh mật. Bây giờ, khi Meggie vui lòng đáp lại một cách nồng nhiệt sự âu yếm của anh thì té ra cũng chẳng lấy gì làm khó khăn lắm đã nài được anh, thay cho hai tuần lễ như dự định, nghỉ thêm tuần thứ ba, rồi tuần thứ tư nữa. Nhưng đến cuối tháng thì anh nổi loạn.

– Đủ rồi, Meg ạ. Anh lại khỏe như con bò mộng. Thế mà chúng mình sống xa hoa và phung phí tiền. Mà Arne Swenson cần anh.

– Có lẽ anh sẽ nghĩ lại chẳng, Luke? Nếu anh thực sự muốn mua trại thì có thể mua ngay bây giờ cũng được.

– Hãy kiên nhẫn chờ chút nữa, Meg ạ.

Cố nhiên anh không nói đến một điều: anh bị lôi cuốn bởi sức hút không gì cưỡng lại nổi của các đồn điền mía, đấy là niềm ham thích kỳ lạ vốn có ở một số đàn ông đối với công việc khó khăn nặng nhọc nhất nó choán lấy toàn bộ con người, không chừa lại chút gì. Trong lúc còn trẻ khỏe, Luke sẽ không phản bội cây mía. Meggie chỉ còn một hy vọng: có lẽ nàng sẽ bắt anh phải đổi ý nếu nàng sinh cho anh một đứa con thừa kế đất đai của hai vợ chồng ở vùng Kynuna.

* * *

Thế là bây giờ nàng lại ở Himmelhoch, chờ đợi và hy vọng.

Nàng rất cần đứa con, cần lắm! Nếu như có đứa con, mọi nút thắt sẽ được tháo gỡ, chỉ cần nàng có đứa con! Thế rồi đã thấy rõ rằng nàng sẽ có con. Nàng nói với Anne và Luddie, cả hai đều hoan hỉ. Luddie quả là con người vô giá. Thì ra anh may và thêu rất giỏi – cả hai việc đó trước đây Meggie đều không kịp học, – bằng hai bàn tay chai sạn khéo léo, anh làm phép phù thủy với cái kim bé xíu và tấm vải mỏng mềm mại, còn Anne có Meggie giúp sức sửa soạn phòng trẻ.

Khổ một nỗi, đứa bé chưa ra đời quấy lắm – không rõ vì nóng nực hay vì mẹ không được hạnh phúc, điều đó chính Meggie cũng không hiểu. Nàng buồn nôn không chỉ vào buổi sáng, mà suốt nhiều ngày ròn, lẽ ra trạng thái buồn nôn ấy phải chấm dứt từ lâu rồi, vậy mà chẳng biết bao giờ mới hết; Meggie lên cân ít và chậm trong lúc đó chứng phù nề hành hạ nàng dữ dội và huyết áp lên cao đến nỗi bác sĩ Smith thực sự lo lắng. Thoạt đầu ông muốn đưa nàng vào bệnh viện ở Cairns ngay từ trước khi sinh, nhưng sau một thời gian dài suy nghĩ, ông quyết định: vì nàng không có chồng hay bạn bè ở bên cạnh thì để nàng ở nhà Anne và Luddie là hơn, họ sẽ chăm sóc nàng. Nhưng trong ba tuần cuối cùng thì nàng nhất thiết phải đi Cairns.

– Cố tìm cách gọi anh chồng về, bảo anh ta về gặp cô ấy! – Ông cúi kính gắt lên với Luddie.

Meggie lập tức viết thư cho Luke báo tin mình có mang, hoàn toàn do bản tính phụ nữ, nàng tưởng rằng khi biết cái điều không muốn có nay thành sự đã rồi, Luke chẳng những sẽ cam chịu cái điều không tránh khỏi, mà sẽ vui thích. Thư trả lời của anh lập tức đánh tan những mơ ước màu hồng ấy. Luke nổi giận điên cuồng. Làm bố – đối với anh điều đó chỉ có nghĩa là trước kia chỉ

tự nuôi thân, còn bây giờ phải cắng thêm hai miệng ăn. Đây là viên thuốc đắng đối với Meggie, nhưng phải nuốt, không còn cách nào lựa chọn. Đứa con sắp ra đời từ nay cột nàng vào với Luke cũng vững chắc như lòng kiêu hãnh.

Nhưng bây giờ nàng ốm yếu, bất lực và rất cần tình yêu: ngay cả đứa con cũng không yêu nàng, nó được thụ thai trái với ý muốn của nó và không muốn ra đời. Meggie cảm thấy rằng cái sinh vật nhỏ xíu trong người nàng cực lực phản kháng, không muốn lớn lên và sống. Giá như nàng có sức vượt được hai ngàn dặm đường sắt, nàng sẽ trở về nhà, nhưng bác sĩ Smith không muốn nghe chuyện ấy. Một tuần lễ, có khi là lâu hơn trong xe lửa, ngay cả có những thời gian tạm dừng, là cái chết chắc chắn đối với đứa trẻ. Dù Meggie rất đổi bất hạnh, hết sức thất vọng, nhưng cố ý làm hại đứa trẻ thì nàng không muốn. Nhưng thời gian trôi qua niềm vui sướng của nàng, mơ ước về một sinh vật chỉ thuộc về một mình nàng mà nàng có thể yêu thương hết lòng cũng nhạt đi: đứa bé chưa ra đời ngày càng khó tính khó nết, ngày càng tệ với nàng. Bác sĩ Smith bắt đầu hay nói về việc nên sớm đưa nàng đi Cairns; ông chẳng tin tí nào rằng việc sinh đẻ ở Dungloe sẽ xuôi thuận, ở đây không có bệnh viện, mà chỉ có một nhà nhỏ cách li. Huyết áp của Meggie đôi lúc vọt lên, chứng phù nề tăng thêm; bác sĩ Smith bắt đầu nói về sự nhiễm độc thai nghén, về chứng sản giật, ông nói những từ rắc rối nào đó, khiến Anne và Luddie hoảng sợ đến nỗi họ đồng ý là Meggie cần đi Cairns, mặc dù họ muốn đứa trẻ ra đời ở nhà họ, ở Himmelhoch.

Tháng năm sắp hết, chỉ còn chờ một tháng nữa, một tháng nữa rút cuộc Meggie sẽ thoát khỏi cái của nợ không thể chịu đựng nổi này, thoát khỏi đứa trẻ vô ơn này. Nàng đã bắt đầu thù ghét nó:

Chính đứa bé mà nàng hết sức khao khát lúc chưa cảm thấy nó sẽ gây cho nàng bao nhiêu cái khó chịu. Vì sao nàng lại tưởng rằng Luke sẽ vui sướng khi biết đứa trẻ hiện đã tồn tại và phải ra đời? Căn cứ vào toàn bộ cách xử sự của anh từ khi hai người lấy nhau thì có thể hiểu rằng chẳng nên hy vọng điều đó.

Đúng, đã đến lúc phải thừa nhận: tất cả đã sụp đổ, đã đến lúc vứt bỏ sự kiêu hãnh ngu ngốc và cố cứu vớt những gì có thể cứu vớt được trong đống đổ nát. Họ lấy nhau vì những động cơ sai lạc: Luke bị cám dỗ vì tiền của nàng, còn nàng muốn chạy trốn Ralph de Bricassart đồng thời thử gìn giữ Ralph cho mình. Họ cũng không hề làm ra vẻ yêu nhau, thế mà chỉ có tình yêu mới có thể giúp họ khắc phục được cái mở bong bong phiền phức xuất hiện vì họ mong muốn những điều khác hẳn nhau và mưu cầu những cái khác nhau.

Nhưng đây mới là điều lạ lùng, Meggie không thực sự thù ghét Luke, mà ngày càng thù hận Ralph de Bricassart thường xuyên hơn, mãnh liệt hơn. Thực ra thì Ralph xử sự với nàng nhân hậu hơn, ngay thẳng hơn Luke. Ông ấy bao giờ cũng cố làm cho nàng chỉ coi ông là người bạn và một linh mục, không hơn, và tuy ông hôn nàng hai lần, nhưng cả hai lần nàng đều đi bước trước.

Vậy thì có gì mà tức giận ông ấy đến thế? Có gì mà thù hận Ralph, chứ không phải Luke? Lỗi chính là tại nàng không hiểu gì về cuộc sống, lỗi tại những nỗi sợ của nàng và sự oán giận vô cùng đối với Ralph vì ông ta khẳng khái cự tuyệt nàng, còn nàng thì yêu ông vô cùng, hết sức khao khát tình yêu của ông. Cũng là lỗi tại cơn bốc đồng ngu ngốc đã đẩy nàng đi lấy Luke O'Neill. Nàng đã phản cả mình, phản cả Ralph. Cho dù nàng không thể trở thành vợ ông thì có gì là quan trọng nếu nàng ngủ

với ông và có con với ông. Có gì là quan trọng nếu như ông không thèm muốn nàng, mà quả thật là ông không thèm muốn nàng. Điều quan trọng duy nhất là nàng chỉ cần Ralph thôi và không tội gì phải bằng lòng với cái ít ỏi hơn.

Nhưng hiểu được sai lầm ở đây chưa có nghĩa là sửa được sai lầm. Nàng vẫn cứ là vợ Luke O'Neill và đứa con sinh ra là con Luke O'Neill. Làm sao nàng lại vui sướng vì đứa con sắp ra đời của Luke khi chính Luke không muốn có đứa con đó? Tội nghiệp đứa bé. Nhưng ít ra thì khi ra đời, nó sẽ tự mình tồn tại, nó là con người hoàn toàn mới, và có thể yêu nó. Có điều là... Giá như đấy là con của Ralph de Bricassart! Nhưng đó là điều không thể được, không thể có chuyện như thế! Ralph phụng sự nhà thờ, mà nhà thờ đòi hỏi ông hiến dâng toàn bộ con người ông, không chừa lại chút gì, đòi hỏi ngay cả cái mà nó không cần – giới tính đàn ông của ông. Nhà thờ thiêng liêng đòi hỏi cái đó phải được hy sinh cho nó, bằng cách đó nó khẳng định quyền lực đối với kẻ tội tở của mình và tiêu diệt ông ta, xóa bỏ ông ra khỏi cuộc sống, vì khi ông ta ngừng thờ thì ông ta không có ai nối dõi. Nhưng sẽ đến một ngày nó phải đền nợ về thói tham lam của nó. Sẽ đến một ngày không còn những Ralph de Bricassart nữa, vì những người ấy sẽ bắt đầu quý trọng giới tính nam của mình, và sẽ hiểu rằng nhà thờ đòi hỏi ở họ sự hy sinh vô ích, hoàn toàn vô nghĩa...

Meggie đứng phắt dậy, đi vào phòng khách bằng một dáng đi nặng nề, ở đấy Anne đang đọc một cuốn tiểu thuyết bị cấm của Norman Lindsay, khoái trá ra mặt vì từng từ bị cấm đoán.

– Chị Anne ạ, hình như sự thể sẽ như ý chị.

Anne lơ đãng ngẩng đầu lên.

– Em nói về việc gì thế, em thân yêu?

– Chị gọi điện cho bác sĩ Smith đi. Em sẽ sinh đứa bé bất hạnh ấy ở đây, ở nhà anh chị, sinh đến nơi rồi.

– Trời ơi! Vào buồng ngủ và nằm xuống đi, không phải về buồng em đâu, về buồng ngủ của anh chị kia.

Nguyên rửa sự oái oăm của số phận và quyết tâm của đứa bé, bác sĩ Smith phóng ra khỏi Dungloe bằng chiếc ô tô cũ kỹ ọp ẹp của mình, mang theo một cô đỡ địa phương và các dụng cụ thuốc men tìm thấy được trong cái bệnh xá nhỏ ở nơi heo hút của ông. Đưa Meggie vào cái bệnh xá nhỏ thảm hại ấy thì chẳng có nghĩa lý gì hết – tất cả những gì có thể làm được, ông sẽ làm ở Himmelhoch. Nếu ở Cairns thì là chuyện khác.

– Báo tin cho ông chồng rồi chứ? – Ông vừa hỏi vừa chạy lên bậc tam cấp, có cô đỡ đi cùng.

– Đã đánh điện. Meggie ở trong buồng tôi, tôi cho rằng ở đây ông sẽ có điều kiện rộng rãi hơn.

Và Anne tập tễnh đi theo những người mới tới vào buồng ngủ. Meggie nằm trên giường, mắt mở to, nhưng không hề tỏ ra đau đớn, chỉ thỉnh thoảng xiết tay lại và quắn quại như lên cơn kinh giật. Nàng quay đầu lại, mỉm cười với Anne và Anne nhìn thấy trong đôi mắt mở to ấy một vẻ hoảng hốt vô cùng.

– Em vui sướng là đã không đến Cairns. – Meggie nói – Mẹ em khi đẻ không bao giờ vào bệnh viện, có lần ba em nói rằng khi đẻ Hal, mẹ em đau kinh khủng. Nhưng mẹ em vẫn sống, vậy thì em cũng sẽ không chết. Trong gia đình Cleary phụ nữ sống dai lắm.

Mấy giờ sau bác sĩ Smith ra hành lang gặp Anne.

– Người sản phụ đáng thương vật vã mãi không đẻ được. Con

so bao giờ cũng khó đẻ, mà thai lại nằm không đúng vị trí nữa chứ, chỉ khổ cho cô ấy mà tình hình không nhích lên được. Nếu như ở bệnh viện Cairns thì chúng tôi sẽ mổ tử cung, chứ ở đây thì không thể nghĩ gì đến chuyện ấy. Cô ấy phải tự lực sinh đẻ thôi.

– Cô ấy vẫn tỉnh chứ?

– Vâng, hoàn toàn tỉnh táo. Một cô bé gan dạ, không kêu gào, không than vãn. Những phụ nữ ưu tú bao giờ cũng vất vả hơn hết, tôi xin nói với bà thế đấy. Cô ta luôn luôn hỏi Ralph đến chưa, phải bịa đặt ra một điều gì, tôi bảo cô ấy là đường xá bị hỏng. Theo tôi biết, chồng cô ấy tên là Luke phải không?

– Vâng.

– Hừm. Thế thì có lẽ là cô ấy cần Ralph, cho dù người ấy là gì đi nữa. Chắc là anh chàng Luke này chẳng đem lại được mấy tí niềm vui chứ gì?

– Hẳn là một tên khốn kiếp!

Anne chống cả hai tay vào tay vịn ở hàng hiên, cúi xuống. Trên con đường từ Dungloe về có một chiếc taxi bóng loáng đang lên dốc, chạy tới Himmelhoch. Cặp mắt tinh nhanh của Anne từ xa đã nhận rõ mái tóc thẩm màu của người khách ngồi ở ghế sau, chị buột ra một tiếng reo sung sướng và nhẹ nhõm.

– Quả là tôi không tin ở mắt mình nữa, nhưng hình như Luke vẫn nhớ rằng anh ta có vợ!

– Tốt hơn hết là tôi đến với cô ấy, còn bà sẽ tự cư xử với anh ta, bà Anne ạ. Tạm thời tôi sẽ không nói gì với cô ấy, ngộ nhỡ bà nhầm thì sao. Nếu đấy là anh ta thì trước khi làm cho anh sưng sốt, hãy cho anh ta một chén trà. Hãy bồi dưỡng sức khỏe cho anh ta đã.

Chiếc taxi dừng lại. Anne ngạc nhiên thấy người lái xe ra ngoài và tự tay mở cửa cho ông khách. Joe Castiglione, người lái chiếc taxi duy nhất ở Dunny không có thói quen lịch thiệp như thế.

– Trình Đức Ông, đến nơi rồi đấy ạ – Anh ta nói và cúi rạp xuống chào.

Ra khỏi xe là một người mặc chiếc áo chùng màu đen, dài lướt thướt, phấp phới, có dây lưng bằng lụa màu hoa cà. Ông ta quay lại và Anne sửng sốt giây lát tưởng như Luke O'Neill lờm một trò gì khó hiểu. Rồi chị thấy đây là một người hoàn toàn khác, hơn Luke ít nhất mười tuổi. Trời ơi – chị nghĩ, trong lúc cái người cao lớn, vóc dáng cân đối bước một lúc hai bậc thang đi lên chỗ chị, trong đời chị chưa từng thấy người nào đẹp trai như thế! Đức Tổng Giám mục, không hơn không kém. Vị Tổng Giám mục thiên chúa giáo cần gì ở ta với Luke, những tin đồn Lute kỳ cựu?

– Bà là Mrs. Mueller phải không ạ? – Ông ta mỉm cười hỏi, nhìn chị từ trên xuống dưới bằng cặp mắt xanh, cái nhìn đôn hậu, nhưng hơi phiêu diêu. Hình như trong đời ông đã phải thấy quá nhiều và đã từ lâu ông khéo tìm được cách đè nén trong mình khả năng có bất kỳ tình cảm nào.

– Vâng, tôi là Anne Mueller.

– Tôi là Tổng Giám mục Ralph de Bricassart, khâm mạng Đức Thánh Cha ở Úc. Theo chỗ tôi biết thì vợ của Luke O'Neill hiện ở nhà bà phải không?

– Vâng, thưa các hạ.

Ralph? Ralph ư? Vậy ra đây chính là Ralph?

– Tôi là bạn lâu năm của cô ấy. Xin cho biết, tôi có thể vào thăm cô ấy được không?

– Dạ thưa Tổng Giám mục... – không phải, người ta không nói như thế, với Tổng Giám mục thì phải nói là “Trình Đức Ông” như Joe Castiglione tôn xưng. – Tôi tin chắc rằng trong hoàn cảnh bình thường Meggie hẳn sẽ rất vui sướng được gặp Đức Ông, nhưng bây giờ cô ấy sắp sinh nở, và đẻ rất khó.

Đến đây Anne thấy rằng người này vẫn chưa đè nén hẳn được khả năng có tình cảm, mà chỉ dùng sức mạnh lý trí dồn nó vào một góc xa nhất của ý thức, như dồn một con chó khiếm nhược. Mắt ông ta xanh thẳm, Anne chìm ngẫm trong đôi mắt ấy, và ở đáy đôi mắt ấy chị thấy cái mà... và chị băn khoăn tự hỏi Meggie là thế nào với ông Tổng Giám mục này và ông ta là thế nào với Meggie?

– Tôi biết, tôi biết rằng đã có chuyện gì xảy ra với cô ấy! Tôi cảm thấy điều đó từ lâu, thời gian gần đây tôi lo lắng đến phát điên lên. Tôi phải đến, phải thấy rõ tận mắt. Xin cảm ơn cho tôi vào thăm cô ấy. Ít ra cũng vì tôi là một linh mục.

Anne hoàn toàn không có ý định khước từ ông ta.

– Xin mời, thưa Đức Ông. Xin đi lối này.

Chị chống nạng khập khễnh đi một cách chậm chạp, những ý nghĩ dồn dập kéo đến: trong nhà có sạch không, đã dọn dẹp chưa? Hôm nay ta có lau bụi không nhỉ? Chúng ta có quên vứt cái chân cừu ôi đi không nhỉ, ngộ nhỡ nó vẫn cứ bốc mùi thì sao? Vị khách quan trọng như thế bỗng đứng lại đến vào một lúc rất không thích hợp như vậy! Luddie, con người chậm chạp khốn khổ, mong sao anh sẽ rời khỏi máy kéo và về nhà! Đã cho người gọi anh từ một trăm năm trước rồi kia mà!

Vị khách đi ngang qua chỗ bác sĩ Smith và cô đỡ như thế

không có họ ở đây, quỳ xuống bên giường, cầm lấy tay người ốm.

– Meggie!

Nàng gắng ngoi ra từ giấc ngủ ghê rợn mà nàng đã chìm vào như bị hút xuống xoáy nước, nó khiến nàng giờ đây đứng đưng với mọi sự đời và ở khoảng cách rất gần, nàng thấy gương mặt mền yêu, mái tóc đen dày rậm mà bây giờ tóc bạc óng ánh đã tạo thành đôi cánh trắng, và khuôn mặt quý phái thanh tú đã nhiều nếp nhăn hơn – và thêm một điều tưởng như không thể có được – càng nhiều kiên nhẫn hơn, và cặp mắt xanh nhìn vào mắt nàng, chan chứa tình yêu và triu mến vô hạn. Làm sao nàng có thể tưởng tượng rằng Luke giống người này? Trên đời không có và sẽ không có người nào khác như thế, vậy mà nàng đã phản bội tình cảm của mình đối với Ralph. Luke là hình bóng trong tấm gương tối, còn Ralph chói lòa như mặt trời, và giống như mặt trời, ông là đối tượng không thể với tới được. Được gặp mặt ông thật hạnh phúc biết bao.

– Giúp em với, Ralph! – Nàng nói.

Ralph thắm thiết hôn tay nàng, rồi áp tay nàng vào má mình.

– Tôi bao giờ cũng sẵn sàng giúp em, Meggie của tôi, em biết đấy.

– Hãy cầu nguyện cho em và đứa bé. Chỉ có ông mới có thể cứu vớt mẹ con em. Ông gần Chúa hơn. Chẳng ai cần đến mẹ con em, chẳng bao giờ có ai cần đến mẹ con em, ngay cả ông.

– Thế Luke đâu?

– Em không biết, em bất cần.

Meggie nhắm mắt, đầu nàng vật vã trên gối, hết sang phải lại sang trái, nhưng những ngón tay vẫn nắm chặt tay Ralph không

buông ra.

Bác sĩ chạm vào vai ông ta.

- Bây giờ Ngài nên rời khỏi đây thì hơn, thưa Đức ông.
- Nếu tính mạng cô ấy lâm nguy thì ông gọi tôi chứ?
- Nhất định.

Rút cuộc Luddie đã từ đồn điền học tốc trở về, lo lắng đến phát cuồng lên: xung quanh chẳng có ai, còn anh không dám vào buồng ngủ. Cuối cùng Anne và Tổng Giám mục ra hàng hiên.

– Cô ấy thế nào, Anne?

– Hiện thời thì không sao. Bác sĩ không nói thẳng, nhưng theo em thì ông ấy đã có hy vọng. Xin giới thiệu với anh Luddie, chúng ta có khách. Đây là Tổng Giám mục Ralph de Bricassart, người bạn cũ của Meggie.

Luddie là người am hiểu những việc như thế này hơn vợ, quý một gổ xuống và hôn chiếc nhẫn trên bàn tay mà Tổng Giám mục chìa ra cho anh.

– Trình Đức Ông, xin mời Đức Ông ngồi đây nói chuyện với Anne. Tôi đi pha trà.

– Thì ra Ngài là Ralph. – Anne nói.

Chị dựa đôi nạng vào cái bàn nhỏ bằng tre, khách ngồi xuống chỗ đối diện; những nếp áp chùng rũ xuống một cách ngoạn mục, dưới áo lộ ra đôi ủng đen đi ngựa đánh bóng loáng – khách ngồi vắt chân lên nhau. Một tư thế ngồi không đàn ông lắm, nhưng chẳng sao, vì ông là linh mục kia mà, tuy nhiên dù ngồi tư thế này hay tư thế khác, ta vẫn cảm thấy ở ông có một cái gì rất dũng cảm. Có lẽ ông trẻ hơn chị tưởng lúc ban đầu; chắc là ngoài

bốn mươi. Một kiểu mẫu tuyệt trần về sức mạnh và vẻ đẹp như thế mà uổng phí!

– Vâng, tôi là Ralph.

– Từ lúc Meggie bắt đầu đau đẻ, cô ấy không ngừng gọi một người nào tên Ralph. Thú thật là tôi chẳng hiểu gì cả. Trước đây cô ấy không hề nhắc đến trước mặt tôi một người nào tên là Ralph.

– Rất đúng với tính tình cô ấy.

– Vì sao Ngài biết Meggie, thưa Đức Ông. Đã lâu chưa ạ?

Linh mục mỉm cười gượng gạo, chụm hai bàn tay thanh mảnh, đẹp lạ thường vào với nhau thành hình mái lều, thành thử chỉ có những đầu ngón tay chạm vào nhau.

– Tôi quen Meggie khi cô bé mới có mười tuổi, mấy ngày sau khi cô ấy từ New Zealand đến. Có thể nói cho công bằng là tôi biết Meggie trong những ngày lụt lội và hỏa hoạn, trong những ngày đói khát về tinh thần, trong những ngày sống chết. Chúng tôi đã phải chịu đựng tất cả những cái đó. Meggie là tấm gương trong đó tôi phải nhìn thấy rằng tôi là một người trần tục bình thường.

– Ngài yêu cô ấy! – Anne nói với vẻ ngạc nhiên.

– Bao giờ tôi cũng yêu.

– Bất hạnh biết bao cho cả hai người.

– Tôi hy vọng rằng chỉ cho tôi mà thôi. Hãy kể cho tôi biết về cô ấy, có chuyện gì xảy ra với cô ấy kể từ khi đi lấy chồng. Đã nhiều năm tôi không gặp, nhưng bao giờ tôi cũng lo lắng cho cô ấy.

– Tôi sẽ kể cho Ngài nghe mọi chuyện về Meggie, nhưng Ngài

hãy kể trước đi đã. Không, không, tôi không hỏi về việc riêng tư, tôi chỉ hỏi cô ấy sống như thế nào trước khi đến Dunny? Tôi với Luddie hoàn toàn không biết gì về cô ấy, chúng tôi chỉ biết rằng trước đây cô ấy sống ở nơi nào đó gần Gillanbone. Chúng tôi muốn biết nhiều hơn vì chúng tôi rất yêu cô ấy. Nhưng cô ấy chẳng bao giờ kể lễ gì cả, chắc là vì kiêu hãnh.

Luddie vào, mang theo khay trà và đủ mọi món ăn, ngồi vào bàn, và Tổng Giám mục kể vắn tắt với vợ chồng Mueller về việc Meggie sống ra sao trước khi thành vợ Luke.

– Trọn đời tôi cũng không nghĩ ra điều gì kỳ quái như thế! Luke O'Neill lại dám trâng tráo bứt cô ấy ra khỏi toàn bộ những cái đó và biến cô ấy thành người ở! Mà lại với điều kiện là tiền công của cô ấy thì chúng tôi gửi vào tài khoản của anh ta! Mà Ngài có biết rằng suốt thời gian ở đây, cô nàng tội nghiệp không có lấy một xu trong túi! Tôi bảo Luddie đến Lễ giáng sinh thì đưa cho cô ấy một số tiền mặt, nhưng đến lúc đó xống áo cô ấy đã rách nát hết cả, đến nỗi phải chi hết số tiền ấy ngay, mà nhận tiền của chúng tôi nhiều hơn nữa thì cô ấy không muốn.

– Không cần thương hại Meggie. – Tổng giám mục Ralph nói bằng giọng khá gay gắt. – Tôi nghĩ rằng bản thân cô ấy không hối tiếc về số phận của mình, dù sao thì cũng không phải vì lý do cô ấy không có tiền. Xét cho cùng, do tiền mà cô ấy ít có được niềm vui. Mà nếu cô ấy cần tiền thì cô ấy biết mình có thể lấy tiền ở đâu. Tôi cho rằng sự thờ ơ hiển nhiên của Luke gây cho cô ấy vết thương, đau đớn hơn nhiều so với tình trạng không có tiền. Meggie bất hạnh của tôi!

Rồi Anne và Luddie bắt đầu kể về việc Meggie sống ở nhà họ ra sao, còn de Bricassart nghe, hai bàn tay vẫn chụm vào nhau

thành hình mái lều, những đầu ngón tay tiếp xúc với nhau và nhìn chăm chăm vào những tàu lá như chiếc quạt xòe rộng của cây cọ rất đẹp ở trước nhà. Không lần nào mặt ông rung động, không có gì thay đổi trong cái nhìn phiêu diêu của cặp mắt xanh tuyệt mỹ. Đúng, ông đã học được nhiều điều trong những năm phụng sự Chúa bên Vittorio Scarbanza, bên Hồng y di Contini – Verchese.

Nghe hết câu chuyện, Ralph de Bricassart thở dài và đưa mắt nhìn những khuôn mặt lo âu của vợ chồng Mueller.

– Thôi được, rõ ràng là chúng ta phải giúp cô ấy một khi Luke không làm việc đó. Nếu quả thật anh ta không cần cô ấy thì cô ấy nên trở về Drogheda là hơn. Tôi hiểu, ông bà lấy làm tiếc khi phải chia tay với cô ấy, nhưng vì lợi ích của Meggie, ông bà hãy cố khuyên cô ấy trở về nhà. Từ Sydney tôi sẽ gửi cho cô ấy một ngân phiếu để cô ấy khỏi phải xin tiền ông anh. Còn về nhà, cô ấy muốn giải thích mọi chuyện với người nhà thế nào tùy ý. – Ralph nhìn về phía buồng ngủ, lo lắng lắc đầu. – Lạy Chúa lòng lành, cầu Chúa cho đứa trẻ ra đời bình an!

Nhưng một ngày đêm sau đứa trẻ mới ra đời, và Meggie mất sức, kiệt quệ, suýt chết. Bác sĩ Smith phóng tay cho nàng dùng laudanum^[78], theo quan niệm cũ ông cho rằng trong những trường hợp tương tự thì đây là thứ thuốc hiệu nghiệm nhất, và nàng bị cuốn hút quay cuồng trong cái vực xoáy của những cơn ác mộng không ngừng, nàng mường tượng thấy những con quái vật nhảy xổ vào nàng từ bên ngoài và từ bên trong, cào cấu, cắn xé bằng răng nanh và vuốt, rú lên, kêu ư ử, gầm gừ. Đôi khi, trong giây lát, trước mắt hiện lên rõ mồn một khuôn mặt của Ralph, rồi khuôn mặt ấy bị cơn đau đột ngột làm tan biến. Nhưng dù sao

nàng vẫn nhớ đến ông và biết rằng chừng nào ông còn bảo vệ nàng thì cả nàng cũng như đứa bé sẽ không chết.

Đôi lúc bác sĩ Smith đã tranh thủ được một lát để ăn qua loa, uống chút rum bồi bổ sức khỏe và để biết chắc rằng không một người nào trong những khách hàng khác của ông bị chết do sự bộp chộp của chính họ; ông để cho cô đỡ tự cáng đáng lấy công việc và trong thời gian đó ông đã dò biết được một số điều về lai lịch của Meggie: vừa đúng trong khuôn khổ những gì mà Anne và Luke thấy là có thể kể với ông.

– Bà nói đúng, bà Anne ạ. – Ông nói, sau khi nghe hết những điều đó. Có lẽ trong những nỗi đau đớn hiện nay của cô ấy, ngoài những cái khác, duyên do là vì cưỡi ngựa. Đối với những phụ nữ cưỡi ngựa nhiều, điều rất tai hại là yên ngựa dùng cho phụ nữ đã lỗi thời. Kiểu ngồi đàn ông làm phát triển những cơ không phải là những cơ cần cho việc sinh đẻ.

– Tôi nghe nói đấy chỉ là một thành kiến. – Tổng Giám mục nói một cách mềm mỏng.

Bác sĩ trù lên ông một cái nhìn hằn học. Bác sĩ Smith hoàn toàn không ưa các linh mục thiên chúa giáo, ông cho rằng tất cả bọn họ, không trừ một ai, đều là những kẻ đạo đức giả chỉ thơn thớt cái bề ngoài.

– Ngài muốn nghĩ thế nào thì tùy, – Bác sĩ nói, – nhưng xin trả lời cho tôi một câu hỏi, thưa Đức ông: Nếu phải lựa chọn giữa việc bảo toàn tính mạng cho Meggie hay cho đứa con thì lương tâm Ngài sẽ nói thế nào?

– Trong vấn đề này nhà thờ không lay chuyển, bác sĩ ạ. Nhà thờ không chấp nhận sự lựa chọn nào cả. Không thể để chết đứa

hài nhi mà cứu người mẹ, cũng không thể để chết người mẹ nhằm cứu đứa con. – Ông trả lời bác sĩ Smith bằng nụ cười cũng dữ dằn như thế. – Nhưng nếu sự thể tới cái nước ấy thì bác sĩ ạ, tôi sẽ nói với ông không chút ngần ngại: hãy cứu lấy Meggie và thân kệ đứa bé.

Bác sĩ Smith “a” lên một tiếng sững sốt, phá lên cười, vỗ vào lưng Tổng Giám mục:

– Ngài cứ lắng! Cứ yên tâm, tôi không bép xép về điều Ngài vừa nói đâu. Nhưng hiện thời thì đứa bé vẫn sống, và theo tôi thì hiện giờ không can gì phải giết nó.

Còn Anne nghĩ: tôi muốn biết Ngài sẽ trả lời thế nào, thưa Tổng Giám mục, nếu như đây là con của Ngài?

Chừng ba tiếng sau, khi vàng mặt trời xế chiều đã buồn rầu ngã về khối núi Bartle Frere chìm trong sương mù thì bác sĩ Smith từ buồng ngủ đi ra.

– Thế là xong xuôi rồi. – Ông nói, vẻ hài lòng ra mặt. – Về Meggie thì còn nhiều điều còn phải chờ xem, nhưng nhờ trời mọi việc sẽ tốt cả thôi. Con bé mới sinh thì còm cõi, hơi yếu, cân nặng có năm pound, đầu to đến xấu xí, tính nết hung hãn hợp với mái tóc đỏ rực như lửa của nó, trong đời tôi chưa từng tiếp nhận đứa trẻ sơ sinh nào tóc đỏ rực như vậy. Con nhóc này có dùng riu cũng không kết liễu được tính mạng nó, điều đó tôi biết, tôi gần như đã có kinh nghiệm.

Luddie hớn hở mở chai sâm banh để dành từ lâu, rót đầy các cốc lớn, và cả năm người – linh mục, bác sĩ, cô đỡ, ông chủ trại và bà vợ tàn tật của ông uống mừng sức khỏe và hạnh phúc của bà mẹ trẻ và đứa hài nhi xấu tính đang gào toáng lên. Hôm ấy là

mùng một tháng sáu, ngày đầu của mùa đông Úc.

Một cô hộ lý đến thay cho cô đỡ, cô ta phải ở lại Himmelhoch cho đến khi Meggie ở ngoài vòng nguy hiểm. Bác sĩ và cô đỡ ra về, còn Anne, Luddie và Tổng Giám mục vào thăm Meggie.

Trên chiếc giường đôi ấy, nàng nom nhỏ bé quá, gầy quá, đến nỗi Tổng Giám mục Ralph phải giấu kín nỗi đau này của mình vào một góc xa của ký ức – sau này sẽ còn phải lôi nó ra, nghiền ngẫm lại và chịu đựng. Meggie tội nghiệp của tôi, Meggie đã trở nên tiêu tụy vì đau khổ nhiều, đã chịu thất bại... ta bao giờ cũng yêu em, nhưng ta không thể cho em cái mà Luke đã cho dù là trái với ý muốn của anh ta.

Còn nguyên nhân của mọi chuyện – cái cục thịt to mềm – nằm trong chiếc nôi đan ở mảng tường xa và không hề biết đến những người vây quanh nó và chăm chú nhìn nó. Con bé mới ra đời gào lên một cách cău kính, la gào không ngừng. Cuối cùng cô hộ lý bế nó lên cùng với cả cái nôi và đem sang căn buồng từ nay sẽ là buồng trẻ con.

– Gì thì gì, chứ con bé này phải khỏe lắm. – Tổng Giám mục Ralph nói, ngồi xuống mép giường và cầm lấy bàn tay tái nhợt của Meggie trong tay mình.

– Tôi cho rằng nó không ưa thích cuộc sống cho lắm, – Meggie mỉm cười đáp lại. Ông ấy già đi biết bao! Vẫn cường tráng và cân đối như trước, nhưng dường như đã sống một trăm năm. Meggie quay đầu về phía Anne và Luddie, đưa tay kia cho họ. – Các bạn thân mến tốt bụng của tôi! Không có các bạn thì tôi làm thế nào? Vẫn không có tin gì của Luke ư?

– Có bức điện gửi tới, anh ta rất bận, không về được nhưng

anh ta gửi cho cô những lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

– Về phần anh ấy như thế là hào hiệp lắm đấy. – Meggie nói.

Anne nhanh nhẹn cúi xuống, hôn vào má nàng.

– Chúng tôi đi đây, em quý mến, chúng tôi sẽ không làm phiền em đâu. Chắc em và Tổng Giám mục có chuyện cần nói với nhau. – Anne tì vào tay chồng, vẫy ngón tay gọi cô hộ lý: cô ta ngạc nhiên nhìn linh mục chăm chăm, như không tin mắt mình nữa. – Ta đi đi, Nettie, đi uống trà với chúng tôi. Nếu Meggie cần đến chị thì Đức Tổng Giám mục sẽ gọi.

– Em định đặt tên cho con bé to mồm của em là gì? – Tổng Giám mục hỏi, khi cửa đã đóng lại và chỉ còn ông với Meggie.

– Justine.

– Cái tên rất hay, nhưng tại sao em chọn cái tên đó?

– Em đã đọc thấy ở đâu đó, và em thích cái tên ấy.

– Nó là đứa con không ai muốn, Meggie ạ.^[79]

Meggie rộc đi ghê gớm, trên khuôn mặt hốc hác dường như chỉ còn đôi mắt. Đôi mắt ấy, đôi mắt dịu hiền, mờ đục sáng lên một cách dịu dàng, trong đó không có niềm căm giận, cũng không có tình yêu.

– Có lẽ đấy là đứa con hằng mong đợi. Đúng, đứa con hằng mong đợi. Em đã phải dùng bao nhiêu mưu mẹo mới có được nó. Nhưng trong lúc mang thai nó, em không có tình cảm gì với nó và cảm thấy nó chẳng thiết gì em. Em có cảm giác rằng nó sẽ không bao giờ là con em hay con Luke, nó sẽ chẳng là con ai cả. Em có cảm giác rằng nó sẽ mãi mãi vẫn là nó như thế.

– Tôi phải đi rồi đây, Meggie ạ. – Ralph khẽ nói.

Mắt nàng lóe lên một cách lạnh lùng, môi cong đi trong một vẻ nhăn nhó hằn học.

– Thì tôi biết mà! Lạ lùng thật, đàn ông bao giờ cũng vội vã lẫn trốn tôi và chui vào khe kẽ!

Ralph cau mặt.

– Không nên độc ác thế, Meggie. Tôi không thể chịu đựng nổi khi rời khỏi đây mà ghi nhớ hình ảnh em như thế. Trước kia, dù có chuyện gì xảy ra với em, em vẫn dịu dàng đáng yêu, đó là điều tôi quý nhất ở em. Đừng phản lại bản thân mình, đừng để cho tất cả những gì đã xảy ra khiến em trở nên tàn ác. Tôi hiểu, chắc chắn là một điều khủng khiếp khi Luke thờ ơ như thế, thậm chí không về thăm, nhưng em đừng phản lại bản thân mình. Nếu thế thì em sẽ không còn là Meggie của tôi nữa.

Nhưng nàng vẫn nhìn ông với một vẻ gần như căm hờn.

– Thôi đi, Ralph! Em không phải là Meggie của ông và chưa bao giờ là của ông cả. Ông không thiết gì em, chính ông đẩy em đến với Luke. Thế em là cái gì, ông cho rằng em là bà thánh chắc? Hay là một nữ tu sĩ chẳng? Chẳng có gì giống như vậy! Em là một phụ nữ bình thường nhất, và ông đã làm hỏng đời em. Bao nhiêu năm trời em yêu ông, em chẳng cần ai khác nữa, em chờ đợi ông... em gắng hết sức để quên ông đi, rồi em lấy chồng vì em tưởng đâu anh ấy hơi giống ông, còn anh ấy không thiết gì em, anh ấy chẳng cần đến em. Khi người phụ nữ muốn trở thành người cần thiết cho người đàn ông và được yêu thương thì phải chẳng đó là đòi hỏi quá đáng?

Nàng khóc nức lên, nhưng tự chủ được ngay; lần đầu tiên ông nhận thấy trên mặt nàng những nếp nhăn đau khổ mảnh mai và

hiểu rằng dù là sự nghỉ ngơi hay sức khỏe hồi phục cũng không xóa được những dấu vết đó.

– Luke không phải là người tồi tệ, thậm chí không phải không có sức hấp dẫn. – Meggie nói tiếp. – Một người đàn ông đích thực. Đàn ông các người đều như nhau cả, đều là những con bướm khổng lồ lông lá ra sức lao vào một đốm lửa nào đó, đập đầu vào kính trong suốt và không thể nào nhìn rõ kính. Nếu các người có làm cách nào lọt qua được lớp kính thì liền lao thẳng vào lửa và chết thiêu, thế là hết đời. Thế mà bên cạnh là bóng rợp và sự mát mẻ, có cả cái ăn, cả tình yêu, và có thể sinh ra những con bướm nhỏ khác nữa. Nhưng các người có nhìn thấy điều đó đâu, có muốn thế đâu chứ? Không hề! Các người lại bị cuốn hút đến với lửa và các người lòng lộn, lòng lộn đến ngất đi, cho đến khi cháy thiêu.

Ông không biết nói gì, nàng bỗng phớt bầy ra với ông một phương diện mới trước kia chưa từng biết. Điều đó vẫn có ở nàng hay mới xuất hiện do quá đau khổ, vì nàng bất hạnh, bị ruồng bỏ? Meggie mà bỗng nhiên nói năng như thế ư? Ông gần như không nghe thấy lời nàng nói, ông quá bàng hoàng vì nàng lại có thể nói năng như thế, bởi lẽ ông không hiểu rằng đây là nỗi cô đơn và ý thức về lỗi lầm đang gào thét trong tâm hồn nàng.

– Em có nhớ tối hôm tôi rời khỏi Drogheda, em đã tặng tôi bông hồng không? – Ông hỏi với giọng trù mến.

– Có, nhớ chứ.

Giọng nàng không có sức sống, ngọn lửa giận dữ tắt ngấm trong mắt. Bây giờ nàng nom như một người không còn hy vọng gì nữa, đôi mắt không nói lên điều gì, đờ đẫn như mắt mẹ nàng.

– Bông hồng ấy hiện giờ tôi vẫn giữ bên mình, trong cuốn kinh lễ của tôi. Mỗi lần thấy một bông hồng màu sắc như thế, tôi lại nghĩ đến em. Tôi yêu em, Meggie. Em là bông hồng của tôi, hình ảnh con người tuyệt vời của em và ý nghĩ về em luôn luôn ở cùng tôi.

Khóe miệng nàng lại trề xuống, còn mắt bừng lên giận dữ, gần như căm hờn.

– Hình ảnh, ý nghĩ. Hình ảnh con người và ý nghĩ! Chính thế, đối với ông em chỉ là thế thôi! Ông đúng là một người lãng mạn, một người mơ mộng ngu xuẩn, ông là người như thế đấy, Ralph de Bricassart ạ! Ông đúng là chẳng hiểu gì về cuộc sống, ông hoàn toàn chẳng có gì khá hơn chính con bướm ấy! Vì thế ông mới trở thành linh mục! Cho dù ông là một người bình thường, như Luke cũng không biết sống, tuy anh ấy là người bình thường! Ông nói rằng ông yêu em, nhưng bản thân ông không hiểu thế nào là tình yêu, ông chỉ lặp lại những lời đã thuộc lòng, vì ông tưởng tượng đấy là những lời hay ho! Tôi không tài nào hiểu nổi tại sao đàn ông các người vẫn chưa tìm được cách gì hoàn toàn không cần đến phụ nữ chúng tôi? Không có chúng tôi có lẽ các người dễ chịu hơn nhiều, phải không? Nên phát minh ra cách lấy lẫn nhau, khi ấy các người sẽ sung sướng!

– Đừng nói thế, Meggie! Tôi van em, không nên!

– Ông đi đi! Tôi không muốn nhìn thấy ông nữa! Ông đã quên mất một điều về những bông hồng quý giá của ông, Ralph ạ: nó còn có cả những chiếc gai nhọn đâm đau nữa.

Ralph đi ra không ngoái nhìn lại.

* * *

Nhận được bức điện báo tin anh đã làm bố và có thể tự hào về đứa con gái nặng năm pound, tên là Justine. Luke thậm chí không buồn trả lời.

Meggie lại người một cách chậm chạp, cả con bé cũng bắt đầu lên cân. Có lẽ nếu Meggie cho con bú, nàng sẽ gắn bó với cái tạo vật mảnh mai nhõng nhẽo ấy bằng những nút buộc chắc chắn hơn, nhưng trong đôi vú mà Luke đã từng khoái trá áp mặt vào không có lấy một giọt sữa. Số phận trở trêu thế đấy, nhưng thế là phải, Meggie nghĩ. Tận tụy, theo đúng bốn phận thông thường, nàng quấn tã và cho cái sinh vật nhỏ xíu, đỏ hồng, trên đầu có túm tóc đỏ rực như lửa ăn sữa bằng chai và luôn luôn chờ đợi trong lòng sẽ xốn xang một tình cảm triu mến kỳ diệu, bao trùm nào đó. Nhưng không hề có chuyện gì như thế; không hề có may mắn ham muốn hôn lấy hôn để lên khuôn mặt nhỏ xíu ấy, cẩn nhẹ những ngón tay bé xíu và làm hàng nghìn điều dớ dẩn mà các bà mẹ thích làm với con nhỏ của mình. Không hề có cảm giác rằng đấy là con nàng, và nó cũng ít theo nàng, ít cần đến nàng như nàng ít cần nó. Nó, nó! Meggie thậm chí không nhớ rằng cần nói là con bé, vì nó là con gái.

Luddie và Anne không thể tưởng tượng rằng Meggie hoàn toàn không yêu thăm thiết Justine của mình, và nàng quyến luyến nó ít hơn nhiều so với tình quyến luyến các em trai mình. Hễ Justine khóc là Meggie có mặt ngay, bế nó lên, nựng nịu đu đưa nó trên tay, đứa bé bao giờ cũng sạch sẽ, được chăm sóc chu đáo. Lại một điều là con bé dường như hoàn toàn không muốn được bế và

nặng nịu, và nó nín nhanh hơn nhiều nếu người ta để nó yên.

Dần dà nó trở nên dễ coi hơn. Da không đỏ nữa, mà trắng mỏng, như thường có ở những người tóc đỏ xanh, đôi tay đôi chân bây giờ mũm mĩm kiểu trẻ thơ. Tóc trở nên dày hơn, xoăn hơn và đã dứt khoát có cái màu rực rỡ khiêu khích của ông ngoại Paddy. Mọi người đều nóng lòng chờ xem mắt con bé sẽ có màu gì. Luddie bảo rằng giống mắt bố – màu xanh, Anne cam đoan là màu xám, giống mắt mẹ, Meggie không phỏng đoán gì, chỉ chờ đợi. Nhưng té ra mắt Justine hoàn toàn đặc biệt, chẳng giống mắt ai nhiều hơn, và có lẽ nom hơi đáng sợ. Khi con bé đã ngoài một tháng rưỡi, mắt nó mất cái màu xanh sữa của hài nhi, sang tháng thứ ba thì cả hình dạng và màu sắc mắt đã xác định hẳn. Cặp mắt lạ thường, đáng kinh ngạc. Ở rìa mống mắt có một vòng nhỏ màu xám rất thâm, còn chính mống mắt thì màu sáng đến nỗi không thể phân biệt rõ là màu xám hay màu xanh, đúng nhất thì nên bảo là màu trắng thâm. Đôi mắt kỳ lạ, không giống mắt người, không thể dứt khỏi nó được, nó khiến người ta lo ngại, nó nhìn mà dường như không nhìn thấy; nhưng dần dần mới rõ rằng Justine nhìn rất tinh.

Tuy bác sĩ Smith không nói ra miệng, nhưng ông rất lo vì con bé sinh ra có cái đầu to quá khổ, và nửa năm đầu ông chăm chú theo dõi sự phát triển của nó; ông đặc biệt lo lắng về cặp mắt kỳ lạ ấy: liệu nó có bị phù não không, như ông vẫn gọi cái bệnh ấy theo lối cổ (trong các sách giáo khoa y học bây giờ người ta gọi đó là bệnh tràn dịch não). Nhưng không, mọi dấu hiệu đều cho thấy não Justine hoàn toàn bình thường và hoạt động bình thường. Chỉ có đầu hơi to quá, nhưng con bé lớn lên thì cũng trở nên cân đối hơn, đầu có vẻ không to quá lắm nữa.

Luke vẫn biệt tăm. Meggie viết thư cho anh mấy lần, nhưng anh không trả lời và không lần nào về xem mặt con. Điều đó thậm chí có phần nào làm Meggie vui sướng: thực quả nàng không biết nên nói gì với anh và rất ngờ rằng cái sinh vật kỳ lạ này – con gái họ – sẽ làm anh hoan hỉ. Nếu họ có một đứa con trai, to khỏe thì có thể là Luke sẽ hết lạnh nhạt, nhưng Meggie vui sướng khôn tả vì Justine không phải là con trai. Nó đấy, bằng chứng sống rằng Luke O'Neill đẹp trai không phải là hoàn hảo: nếu anh là người đàn ông thực sự thì dĩ nhiên các con của anh sẽ chỉ toàn là con trai!

Con bé khỏe khoắn hơn Meggie nhiều, lại sức nhanh chóng hơn sau thử thách vĩ đại – ra chào đời. Gần bốn tháng nó đã không khóc nhiều lắm nữa, và nằm trong nôi, nó tiêu khiển một mình; vợ lấy và giật những quả cầu nhỏ nhiều màu rực rỡ treo trước mặt nó. Nhưng nó không bao giờ mỉm cười với ai, thậm chí người ta không thấy nụ cười “mụ” vô thức mà hài nhi nào cũng có.

* * *

Tháng mười bắt đầu *The Wet* – mùa mưa, đây là thời kỳ mưa nhiều không thể chịu nổi. Độ ẩm không khí lên đến trăm phần trăm và không hề giảm bớt. Ngày này sang ngày khác mưa như trút nước hàng giờ, những thác nước ào ào đổ xuống Himmelhoch, đất đỏ trở nên nhão nhoét, cây mía ướt sũng, con sông Dungloe rộng và sâu dâng lên, nhưng không kịp tràn bờ – sông quá ngắn, nước sông đổ ra biển quá nhanh. Justine nằm

trong nôi và gương cặp mắt kỳ lạ chiêm ngưỡng thế giới, Meggie ngồi ngơ ngẩn nhìn núi Bartle Frere biến mất rồi lại xuất hiện sau bức tường mưa dày đặc.

Mặt trời ló ra, đất bắt đầu bốc lên những luồng hơi lung linh, thân mía ướt lấp lánh những hạt kim cương, sông như con rắn khổng lồ vàng ánh. Trên trời, từ góc trời này đến góc trời kia mọc lên cây cầu vòng đôi, đường nét tuyệt mỹ, hết sức rực rỡ trên nền những đám mây ảm đạm màu lam xám, rực rỡ đến nỗi bất cứ loại đất nào, trừ đất Bắc Queensland, đều sẽ trở nên bọt màu và thảm hại. Nhưng Bắc Queensland tuyệt không bọt đi ngay cả trước ánh hào quang thần thánh này, và Meggie tưởng chừng bây giờ nàng hiểu vì sao đồng bằng Gillanbone nhợt nhạt như thế – Bắc Queensland chiếm mất của nó một phần màu sắc rực rỡ.

Một lần, hồi đầu tháng chạp, Anne ra hành lang, ngồi xuống cạnh Meggie, chăm chú nhìn nàng. Nàng gầy biết bao, héo hắt đi! Ngay cả mái tóc vàng óng ánh cũng mất vẻ lộng lẫy trước kia.

– Chị không biết rõ lắm, có thể là chị hành động không đúng, Meggie ạ, nhưng việc đã làm rồi, và em đừng nói: “không” hãy nghe cho hết đã.

Meggie rời mắt khỏi chiếc cầu vòng, mỉm cười:

– Sao mà trịnh trọng thế, chị Anne! Em phải nghe cho hết chuyện gì đây?

– Chị với anh Luddie rất lo cho em. Sau khi đẻ, em hồi phục không được mấy, bây giờ vào mùa mưa, nom em càng suy sụp hơn. Em kém ăn, gầy đi. Chị vẫn cho rằng khí hậu ở đây không thích hợp với em, nhưng khi chưa có thêm những nỗi vất vả thì em vẫn tạm chống chọi được. Còn bây giờ cả hai vợ chồng chị đều

cho rằng sức khỏe em suy sụp, và nếu cứ thế này thì em ốm nặng mất.

Anne nghỉ lấy hơi.

– Thế này nhé, hai tuần trước chị đã viết thư cho một chị bạn của phòng dịch vụ du lịch, và thu xếp cho em đi nghỉ. Em đừng nói đến phí tổn, cả túi tiền của Luke cũng như túi tiền của vợ chồng chị đều không bị hao hụt. Tổng Giám mục đã gửi cho em một ngân phiếu, rất nhiều tiền, và anh trai em cũng gửi tiền cho em và cho cháu, đấy là tiền của tất cả mọi người nhà em ở Drogheda, chị cho rằng anh của em muốn em về thăm nhà. Chị với anh Luddie đã bàn bạc về tất cả mọi điều và quyết định rằng hợp lý nhất là dùng một phần số tiền đó để thu xếp một chuyến đi nghỉ thật tốt cho em. Theo chị thì về Drogheda thăm nhà không phải là cách nghỉ tốt nhất đối với em. Chị và anh Luddie tin chắc rằng lúc này điều cần thiết cho em là ở riêng một mình và tập trung suy nghĩ. Sao cho không ai làm phiền em – dù là Justine, vợ chồng chị, Luke hay Drogheda. Em đã bao giờ lánh riêng ra một mình, hoàn toàn rảnh rỗi chưa, Meggie? Đã đến lúc như thế từ lâu rồi. Vì vậy anh chị đã thuê cho em trong thời gian hai tháng một căn nhà nhỏ trên đảo Matlock, từ đầu tháng giêng đến đầu tháng ba. Vợ chồng chị sẽ trông nom Justine. Em biết đấy, sẽ chẳng có chuyện gì không hay xảy ra cho cháu, mà nếu có chuyện gì nhỏ nhất nhất đáng lo ngại thì chị cam đoan với em rằng anh chị sẽ báo tin cho em ngay tức khắc, đây với Matlock có đường dây điện thoại, và em sẽ về ngay.

Chiếc cầu vồng đôi đã biến mất, mặt trời cũng lặn hẳn, lại sắp mưa.

– Chị Anne, nếu không có chị và anh Luddie thì trong ba năm

đó em phát điên mất. Chính chị biết đấy. Đôi khi ban đêm em thức giấc và nghĩ rằng chẳng biết em sẽ ra sao nếu Luke đưa em đến ở với những người không được tốt bụng như anh chị. Anh chị bao giờ cũng chăm lo đến em hơn Luke nhiều.

– Vợ vẫn! Nếu Luke đưa em đến ở với những người không tử tế thì em sẽ về Drogheda, chưa biết chừng như vậy lại hơn.

– Không. Giữa em với Luke có sự chùng chãi, nhưng em ở lại và hiểu rõ hết mọi điều thì hay hơn nhiều.

Trên đồn điền, mưa đến gần một cách chậm chạp, và đám mía đã mờ đi vì không có ánh mặt trời biến mất khỏi tầm mắt, như bị chặt bằng con dao khổng lồ màu xám.

– Chị nói đúng, em không được khỏe, – Meggie nói – Em không được khỏe từ khi có mang Justine. Em luôn luôn cố gắng tập trung sức lực, nhưng rõ ràng là đến một giới hạn nào đó thì không còn đủ sức nữa. Ôi, chị Anne, em mệt mỏi đến nỗi không còn hy vọng gì nữa! Em là người mẹ tồi, mà đấy là bổn phận của em đối với Justine! Nó ra đời không do ý muốn của nó, đấy là lỗi tại em. Cái chính là em không hy vọng gì cả, vì Luke tuyệt nhiên không để cho em làm cho anh ấy thành người hạnh phúc. Lẽ ra chúng em sẽ có nhà, có cuộc sống đầm ấm, nhưng anh ấy không muốn sống chung dưới một mái nhà với em, không muốn em có con. Em không yêu anh ấy, chưa bao giờ em yêu anh ấy như đáng phải yêu khi lấy chồng, có lẽ ngay từ phút đầu anh ấy đã cảm thấy điều đó. Có lẽ nếu em yêu anh ấy thì anh ấy sẽ khác. Làm sao em có thể quy lỗi cho anh ấy được? Chắc là duyên do chỉ tại em cả thôi.

– Em yêu Tổng Giám mục?

– Vâng, em yêu, yêu từ lúc em còn là con bé nhóc kia. Lần ấy em đã xử tệ với ông ấy khi ông ấy đến thăm em. Tội nghiệp Ralph? Em không có quyền nói với ông ấy như thế, ông ấy có làm gì để em phải bực tức đâu. Em hy vọng rằng dù sao ông ấy cũng hiểu rằng lần ấy em rất khổ sở, em kiệt quệ, em bất hạnh vô cùng. Em chỉ nghĩ có một điều là đáng ra em phải sinh một đứa con với ông ấy, vậy mà điều đó không thể có được và không bao giờ có. Bất công biết bao! Các linh mục thanh giáo vẫn lấy vợ, thế thì tại sao các linh mục thiên chúa giáo lại không được lấy vợ? Đừng có thuyết em rằng các linh mục thiên chúa giáo chăm lo đến con chiên nhiều hơn, gì thì gì em cũng không tin đâu. Em đã thấy những linh mục thiên chúa giáo nhấn tâm và những mục sư thanh giáo hết sức nhân từ. Chính vì lời nguyện không lấy vợ ấy mà em phải rời xa Ralph, gấn bó đời mình với một người khác, sinh con với một người khác. Chị có biết em sẽ nói gì với chị không, chị Anne? Điều này là một tội lỗi cũng đê nhục như thể Ralph đã phạm vào lời nguyện giữ mình thanh sạch, có khi còn tệ hại hơn. Theo lẽ luật của nhà thờ thiên chúa thì hóa ra em có tội vì yêu Ralph, còn ông ấy có tội vì yêu em, em không thể tha thứ cho nhà thờ được!

– Đi đi, Meggie. Hãy nghỉ ngơi, ăn, ngủ và đừng tự hành hạ mình nữa. Có thể khi trở về em sẽ khuyên nhủ được Luke mua chính cái trại ấy. Chị biết em không yêu anh ấy, nhưng có lẽ nếu anh ấy cho em một cơ hội dù là hết sức nhỏ thì em sẽ còn có hạnh phúc với anh ấy.

Đôi mắt xám của Meggie dường như cùng màu với bức tường mưa dày đặc xung quanh nhà; hai người gần như phải gào lên, mưa giội xuống mái tôn âm âm quá.

– Thì mọi chuyện là ở đây, chị Anne ạ! Khi em với Luke đi Atherton, rút cục em đã hiểu: chừng nào anh ấy còn sức lực thì anh ấy quyết không rời bỏ đồn điền mía đâu. Anh ấy thích cuộc sống như thế, rất thích. Anh ấy thích xung quanh là đàn ông, cũng cường tráng, độc lập như mình, anh ấy thích luôn luôn đi đây đi đó. Bây giờ em hiểu, anh ấy trước đây luôn luôn là một người lang bạt. Anh ấy không cần phụ nữ dù chỉ là để hưởng lạc, cây mía chiếm hết mọi sức lực của anh ấy. Sau nữa, biết giải thích thế nào với chị được... Luke là một người hoàn toàn bất cần gì hết, anh ấy có thể ăn không cần ngồi bàn, mà ngồi sau chiếc hòm gỗ dán và ngủ ngay trên sàn. Chị hiểu không? Không thể cảm dỗ anh ấy bằng tiện nghi, bằng những đồ vật dễ coi, đẹp đẽ nào đó, anh ấy chẳng thiết gì những thứ đó. Đôi khi em có cảm giác rằng chẳng qua anh ấy khinh miệt tất cả những gì dễ thương, đẹp đẽ. Chúng mang trong mình sự yếu đuối và vì chúng, chính anh ấy cũng sẽ trở nên yếu đuối. Chính anh ấy tuyệt nhiên không muốn thay đổi lối sống và em chẳng việc gì phải quyến rũ anh ấy.

Meggie bực bội nhìn lên trần hàng hiên, như mệt mỏi không còn sức gào lên át tiếng mưa.

– Chị Anne ạ, em không biết em có đủ sức chịu đựng cuộc sống cô đơn không cửa không nhà ấy thêm mười, mười lăm năm hay bao lâu nữa cho đến khi cuối cùng Luke kiệt sức. Ở nhà anh chị, em rất sung sướng, đừng nghĩ rằng em vô ơn. Nhưng em cần một ngôi nhà, nhà riêng của em! Em muốn Justine có các em trai em gái, muốn lau bụi đồ đạc của mình, may rèm cửa sổ nhà mình, nấu ăn trên bếp của mình, cho chồng mình. Ôi, Anne! Em là một phụ nữ hết sức bình thường, em không háo danh, không

thông minh lắm, học vấn chẳng lấy gì làm nhiều. Và em chẳng cần gì nhiều lắm: chồng, con và ngôi nhà của mình. Và được người khác yêu mến chút đỉnh, dù người đó là ai.

Anne rút mũi soa lau mắt và cố cất tiếng cười.

– Ô, chị em mình thật là mềm yếu! Nhưng chị hiểu, Meggie ạ, chị hiểu rất rõ. Chị với anh Luddie lấy nhau đã mười năm, đấy là những năm hạnh phúc duy nhất trong đời chị. Năm năm chị bị mắc bệnh liệt trẻ em, thế rồi chị thành kẻ tàn tật. Chị tin chắc rằng sẽ chẳng bao giờ có ai nhòm ngó đến chị. Chẳng có ai nhìn đến, có Chúa làm chứng. Khi chị gặp anh Luddie, chị vừa tròn ba mươi tuổi, chị là cô giáo, chị kiếm sống bằng công việc đó. Anh ấy kém chị mười tuổi, và khi anh ấy nói rằng anh ấy yêu chị và muốn lấy chị thì chị không coi đó là thực. Làm hỏng cuộc đời của một người trẻ măng, Meggie, còn có gì khủng khiếp hơn! Năm năm trời chị đối xử với anh ấy hết sức tệ, nào là chế nhạo, nào là cáu kỉnh, vậy mà anh ấy vẫn cứ đến. Thế là chị lấy anh ấy và sống hạnh phúc. Luddie nói rằng anh ấy hạnh phúc, chị không biết có đúng không, chị không chắc lắm. Anh ấy phải từ bỏ nhiều điều, kể cả con cái, và bề ngoài bây giờ nom anh ấy già hơn chị, tội nghiệp.

– Đấy tất cả là do đời sống ở đây, chị Anne ạ, do khí hậu ở đây nữa.

Mưa tạnh cũng đột ngột như lúc bắt đầu: mặt trời ló ra, trên bầu trời còn mờ hơi sương lóng lánh chiếc cầu vồng chói lọi, từ những đám mây đen bay vùn vụt nhô ra núi Bartle Frere lừng lững một khối màu hoa cà.

– Em sẽ đi – Meggie lại lên tiếng, – hết sức cảm ơn anh chị đã

ngĩ ra việc đó, chắc là điều đó cần cho em. Chỉ có điều là anh chị sẽ rất bận bịu với Justine...

– Ồ, không đâu! Luddie đã cân nhắc kỹ hết cả rồi. Trước khi em đến, chị có một người giúp đỡ việc nhà là Anna Maria, chị ta có cô em là Annunziata, cô này muốn đi Townsville làm cô trông trẻ. Nhưng mấy ngày nữa cô ta sẽ học xong phổ thông, mà mãi đến tháng ba cô ta mới đủ mười sáu tuổi. Thành thử trong lúc em đi vắng, cô ấy sẽ đến đây. Cô ta biết chăm nom trẻ nhỏ rất khéo. Gia đình Tesoriero có rất nhiều trẻ nhỏ.

– Thế đảo Matlock ấy ở đâu?

– Ở gần Âm tiêu^[80] chẵn Lớn, ngay ở vịnh Whitsunday. Một hòn đảo cô tịch rất yên tĩnh, theo chị thì những cặp vợ chồng mới cưới thường đến đấy trong tháng trăng mật. Em biết ở những chốn như thế thì thế nào rồi – không phải là một khách sạn lớn, mà là những nhà nhỏ riêng biệt. Em sẽ không phải đến phòng ăn chung đông người, không phải nhã nhặn với những người mà đến nhìn họ, em cũng không muốn nhìn. Vào mùa này trong năm, ở đấy chắc không có ai, người ta sợ những trận cuồng phong mùa hè. *The Wet* nhiều mưa không làm ai sợ, còn mùa hè thì không ai thiết ra Âm tiêu. Chắc là vì người đến đấy phần nhiều là từ Sydney và Melbourne, mà mùa hè thì ở Sydney cũng như ở Melbourne rất tuyệt, không việc gì phải đi. Còn về mùa đông, tháng sáu, tháng bảy, tháng tám, người miền nam thuê trước những ngôi nhà nhỏ, thuê từ ba năm trước.

Vào ngày cuối cùng của năm 1937, Meggie lên chuyến xe lửa đi Townsville. Đợt nghỉ của nàng vừa bắt đầu, nàng đã cảm thấy khỏe lên nhiều, vì cái mùi nước mật lộn mưa khiến nàng ghê tởm ở Dunny đã bị bỏ lại ở phía sau. Townsville, một thành phố lớn nhất đang phồn thịnh ở Bắc Queensland có mấy nghìn dân, những ngôi nhà gỗ trắng lớp dựng trên những cây cọc. Xuống xe là phải ra tàu thủy ngay, hầu như không còn thời giờ, vì thế Meggie không xem thành phố, nhưng nàng gần như vui sướng vì không có lúc nào mà nghĩ ngợi, phải chạy ngay ra bến: sau những điều khủng khiếp trong chuyến đi tàu trên biển Tasman mười sáu năm trước, nàng chẳng ưa tí nào cái việc lênh đênh ba mươi sáu tiếng đồng hồ trên con tàu nhỏ hơn tàu “Wahine” nhiều.

Nhưng hóa ra lần này tất cả đều khác trước, êm nhẹ như thì thầm điều gì, con tàu nhỏ bé lướt đi trên mặt nước gương, và nàng không còn mười tuổi, mà đã hai mươi sáu. Không khí tĩnh lặng giữa hai trận cuồng phong, biển mệt mỏi yên ả. Tuy còn lâu mới đến chiều, Meggie đi nằm một lát, và nàng ngủ say li bì, không mộng mị gì cả, mãi đến sáu giờ sáng hôm sau người phục vụ mới đánh thức nàng dậy, mang trà tới và một đĩa bánh bích

quy.

Nàng ra boong và thấy một nước Úc mới, không quen thuộc. Trên bầu trời trong suốt dịu dàng không màu sắc, ánh hào quang màu hồng ngọc chậm chạp lan ra, mỗi lúc một dâng cao, và ở đằng đông, tận cuối đại dương, mặt trời đã mọc, ánh sáng mới sinh thắm hồng biến thành ánh sáng trắng ban ngày. Con tàu lướt êm ru trên làn nước trong vắt, trong đến nỗi nhìn ra ngoài tàu, mãi dưới sâu, có thể thấy rõ những cái hang màu tím nhạt tối mờ và những con cá màu sắc rực rỡ lao vun vút. Xa xa biển có màu lam sẫm, đôi khi ánh lên màu lá mạ, và ở những chỗ dưới đáy phủ rong rêu hay san hô hiện lên những vệt thắm giống như màu rượu vang đặc sánh và ở khắp nơi, dường như tự nó hình thành, chẳng khác nào những tinh thể thạch anh, có những hòn đảo xuất hiện, khi thì là những đảo cát trắng chói lòa có những cây dừa mọc lên, khi thì là những đảo đá núi có rừng nhiệt đới, khi thì là những đảo dẹt chỉ hơi nhô lên khỏi mặt nước, ngập trong màu xanh của những lùm cây bụi.

– Những đảo dẹt kia chính là đảo san hô. – Một người thủy thủ giải thích. – Những đảo hình vòng, ở giữa có nước, vụng nước, gọi là đảo san hô vòng, nếu chỉ từ dưới biển nhô lên một mòm đá ngầm thì đó là ám tiêu. Những đảo cao hơn thì đó là đỉnh núi ngầm, nhưng xung quanh chúng vẫn có những ám tiêu san hô, ở giữa là những vụng nước.

– Thế đảo Matlock ở đâu? – Meggie hỏi.

Người thủy thủ nhìn với vẻ tò mò: người phụ nữ đi một mình đến hòn đảo nơi những cặp vợ chồng mới cưới để hưởng tháng trăng mật ư? Có cái gì lạ lẫm.

– Hiện giờ chúng ta đang đi trên vịnh Whitsunday, rồi ta sẽ ra mé ám tiêu chẵn Lớn quay ra Thái bình dương. Trên đảo Matlock, ở mé ấy âm âm đến nỗi ta không nghe được cả đến những ý nghĩ của mình nữa – những đợt sóng khổng lồ từ đại dương ủa vào qua một trăm dặm, giống như đoàn tàu tốc hành của bà. Cưỡi một con sóng khổng lồ như thế có thể bay một trăm dặm, bà tưởng tượng được không? – Người thủy thủ mơ màng thở dài. – Ta sẽ đến Matlock lúc mặt trời lặn.

Một giờ trước lúc mặt trời lặn, con tàu nhỏ đi xuyên qua làn sóng nhào từ bờ rút ra, một bức tường bụi nước ngẫu bọt dựng lên, che mờ khoảng trời phía đông. Phía trên ám tiêu lộ ra trong giờ triều xuống này, cái bến trải dài đến nửa dặm trên những cây cọc mảnh tiến về phía họ, xa hơn nữa sừng sững vách bờ dựng đứng lờm chờm đá – không có gì giống với vẻ lộng lẫy miền nhiệt đới mà trí tưởng tượng của Meggie vẽ ra. Trên bến một người đã có tuổi đang chờ, ông ta giúp Meggie lên bến, cầm lấy chiếc vali ở tay người thủy thủ.

– Xin chào Mrs. O’Neill. – Ông ta nói. – Tôi là Rob Walter. Tôi hy vọng rằng chồng bà rồi sẽ thu xếp được thời giờ đến đây. Ở Matlock thời gian này hầu như chẳng có ai để mà trò chuyện, đây là nơi điều dưỡng mùa đông mà.

Họ đi cạnh nhau trên lớp ván rung rinh của bến tàu, san hô lộ ra lúc triều rút dường như nóng chảy trong những tia sáng của vầng dương đang lặn, biển ngẫu bọt nom dữ dội hất lên vàng rắng đỏ tía hung hiểm.

– Bây giờ là triều xuống, chứ không thì bà đi trên tàu sẽ không yên ổn thế đâu. Bà có thấy ở đằng đông sương mù thế nào không?

Ở đây chính là rìa của ám tiêu chắn Lớn. Ở Matlock này chúng tôi sống được chỉ là nhờ có nó che chắn, sóng vỗ bờ mạnh đến nỗi bên tai luôn luôn có tiếng vang dội, ta cảm thấy đảo rung chuyển dưới chân. – Ông ta giúp Meggie ngồi vào ô tô. – Đây là phía cản gió của Matlock, nom hơi hoang dại, không niềm nở lắm, phải không? Không sao, rồi bà sẽ được thấy nó ở phía khuất gió, ở đây có cái để mà xem!

Với tốc độ điên cuồng, điều hoàn toàn tự nhiên khi cả đảo chỉ có một chiếc ô tô duy nhất, họ phóng đi có lẽ đến bốn dặm trên con đường hẹp trải san hô vụn lạo xạo dưới bánh xe, giữa những cây dừa và cây bụi rậm rạp, dọc theo một sườn dốc núi dựng đứng và vượt qua đỉnh đèo.

– Đẹp quá! – Meggie buột thốt lên.

Xe của họ ra con đường khác, con đường này nhịp nhàng lặp lại tất cả những nếp uốn của cái bờ cát như một mảnh trăng lưỡi liềm viền lấy vụng nước nông. Ở đằng xa, nơi sóng đại dương xô vào rìa dải đá ngầm, lại chói lòa lên tấm đăng ten bọt sóng trắng xóa, nhưng khoảng nước bị bao bọc trong cái khung san hô thì tĩnh lặng, như tấm gương bạc loáng ánh đồng cỏ.

– Đảo của chúng tôi bề dài tám dặm, bề ngang bốn dặm. – Người hướng dẫn giải thích cho Meggie. Xe của họ đi qua một ngôi nhà trắng không cân đối, trải rộng bề ngang, có một hàng hiên cực lớn và những cửa sổ như tủ kính bày hàng. – Một cửa hàng bách hóa, – Rob Walter hươ tay với vẻ tự hào của ông chủ. – Tôi ở đây với phu nhân của tôi, bà ấy không lấy gì làm vui thích lắm khi có một phụ nữ đến đây một mình, không có chồng đi cùng. Bà ấy sợ ngộ nhỡ tôi sẽ bị cám dỗ đi chệch khỏi con đường chính đạo, thế đấy. May là ở phòng du lịch người ta nói rằng bà

cần nghỉ ngơi và cần được hoàn toàn yên tĩnh, và thế là tôi dành cho bà ngôi nhà nhỏ xa nhất của chúng tôi, do đó bà nội tướng của tôi cũng yên tâm đôi chút. Phía đảo nơi bà ở không có thêm một người nào nữa; hiện giờ chỉ có một cặp nữa đang nghỉ ngơi ở đảo này, nhưng họ ở mé bên kia. Bà có khóa thân đi dạo cũng không ai nhìn thấy bà. Trong thời gian bà ở đây, bà nội tướng của tôi sẽ không để bà lọt khỏi tầm mắt. Bà cần gì xin cứ gọi điện, tôi sẽ mang đến. Không việc gì phải đi bộ xa như thế. Dù có mặt bà nội tướng hay không thì mỗi ngày một lần tôi cũng đến thăm bà vào lúc gần tối, tôi cần biết mọi việc của bà có ổn cả không. Vào vào quăng ấy, lúc mặt trời lặn, bà hãy ở nhà và ăn vận tươm tất, kéo nhờ bà nội tướng của tôi ập đến thì rày.

Ngôi nhà nhỏ một tầng có ba buồng, cạnh nhà là một dải bờ trắng hình lưỡi liềm nhỏ, tách biệt hẳn ra, nằm giữa hai mũi nhô ra của núi ăn ra biển, tiếp đó không còn đường đi. Bên trong mọi cái đều hết sức giản dị, nhưng thuận tiện. Đảo có trạm phát điện riêng, thành thử Meggie được sử dụng một chiếc tủ lạnh nhỏ, đèn điện, chiếc máy điện thoại như đã hứa, thậm chí cả máy thu thanh. Nhà xí và nhà tắm có nước, tiện nghi hiện đại hơn ở Drogheda và Himmelhoch, Meggie nhếch mép cười thầm. Có thể thấy ngay rằng khách đến đây là người ở Melbourne và Sydney, họ quen với những thành tựu của văn minh và không thể thiếu nó được.

Rob vội vã trở lại với “bà nội tướng” hay ghen, còn Meggie nhân lúc rỗi rãi, lục giở các vali và xem xét tỉ mỉ hơn dinh cơ của mình. Chiếc giường đôi rộng thênh thang thuận tiện hơn nhiều so với giường cưới của nàng. Cũng phải thôi, người ta tổ chức ở đây một thiên đường cho những đôi vợ chồng mới cưới mà, vì vậy

những người đến đây đòi hỏi trước hết một chiếc giường lịch sự; còn khách trọ ở cái khách sạn nọ tại Dunny thường quá say và không để ý đến những chiếc lò so trời lên. Trong tủ lạnh và các giá treo ở phía trên đây các thứ thực phẩm trữ sẵn, trong cái làn rất to trên chiếc bàn con có dưa, chuối, xoài và lạc tiên. Ở đây quả thật là nàng chẳng tội gì mà không ăn và ngủ cho thỏa thích.

Tuần đầu Meggie dường như chỉ có ăn và ngủ; trước đó chính nàng không hiểu rằng nàng mệt chết người và khí hậu Dungloe đã làm cho nàng không còn thiết ăn gì nữa. Trên cái giường mỹ lệ này, nàng vừa đặt đầu xuống gối là ngủ ngay, và ngủ suốt mười – mười hai giờ liền, còn ăn thì nàng ăn ngon miệng chưa từng thấy kể từ thời ở Drogheda đến nay. Nàng ăn dường như không ngừng, ăn luôn miệng lúc không ngủ, ngay cả khi xuống nước cũng mang theo xoài. Thực tình mà nói, quả xoài thì hợp lý nhất là ăn lúc tắm biển hoặc ở nhà tắm: nước quả ngọt cứ ứa ra. Vụng nước trước cái bãi tắm nhỏ xíu phẳng lặng như gương, không có dòng chảy nào, nông choèn. Tất cả như chủ ý dành cho Meggie, nàng không biết bơi chút nào. Nhưng nước rất mặn dường như tự nó nâng nàng lên, nàng quyết định thử xem và hoan hỉ khi thấy mình nổi được trong nước suốt mười giây đồng hồ. Cảm thấy mình thoát khỏi sức hút của trái đất thật tuyệt vời biết bao, hạnh phúc xiết bao khi bơi được như cá.

Có lẽ chỉ vì lẽ ấy, sự cô đơn mới khiến nàng buồn phiền – tiếc rằng không có ai dạy nàng bơi. Nhưng dù sao thật là sung sướng hết chỗ nói khi ta không lệ thuộc vào ai! Anne đúng quá đi mất! Theo chỗ Meggie còn nhớ, nàng chưa bao giờ được bỏ mặc một mình ở nhà. Mà tách biệt ra một mình thật là nhẹ nhõm, thật là yên ổn. Và nàng không hề cảm thấy cô đơn, tịnh không buồn

chán vì thiếu Anne và Luddie, vì vắng Justine và Luke, lần đầu tiên trong ba năm nàng thậm chí không nhớ Drogheda. Ông già Rob không bao giờ làm phiền nàng: ông đánh ô tô đến lúc mặt trời lặn, dừng xe ở một quãng khá xa trên đường và khi nàng niềm nở vẫy tay với ông ở hàng hiên như muốn nói, – tôi vẫn sống và khỏe mạnh, – thì ông cho xe quay mũi và trở về, ngồi cạnh ông là “bà nội tướng” xinh đẹp lạ thường, cau có và dữ dằn như thể sẵn sàng xả súng máy. Một lần Rob gọi điện cho Meggie: ông sắp đưa cặp khách du lịch nọ đi chơi bằng thuyền có đáy lắp kính, chuyển đi chơi như thế có hấp dẫn nàng không?

Đấy là chuyến du hành đến một hành tinh khác không quen biết; qua lớp kính nàng đã ngó vào một thế giới kỳ lạ, mỏng mảnh, đầy sự sống, nơi mà nhờ có nước vuốt ve triu mến, từ dưới đáy đã mọc lên những vật kỳ lạ mang một vẻ đẹp thanh nhã chưa từng thấy. Thì ra san hô sống có màu hoàn toàn không thô và chói gắt như những vật lưu niệm bày ở các tủ kính cửa hàng. Trong nước chúng hồng dịu, hay xanh xám, hay màu cà phê sữa, và xung quanh mỗi nhánh nhỏ, mỗi mô gò là một cầu vòng rực rỡ, kỳ ảo, lung linh như một hơi thở nhìn thấy được. Những con hải quỳ cực lớn, đúng mười hai inches bề ngang, đung đưa lớp tua viền tạo nên bởi những chân vòi xanh, đỏ, da cam, lam tím; những vỏ sò màu trắng có khía, to như phiến đá lát, hé mở những làn môi trề xuống, cảm dỗ những người bơi lội thiếu thận trọng nhìn vào bên trong, ở đó có cái gì rực rỡ, hiếu động lấp lánh đến mê hồn; có những vật gì giống như những chiếc quạt đặng ten màu đỏ lay động trong nước như phấp phới trước gió; những dải rong biển màu xanh rực rỡ quẫy lộn, rung rinh. Không một ai trong số bốn người trên thuyền sẽ ngạc nhiên chút nào nếu thấy

nàng tiên cá – tại sao lại không thể thoảng hiện bộ ngực mịn màng óng ả, cái đuôi đầy vẩy lấp lánh quẫy nhanh, đám mây tóc xoắn tung, nụ cười mời gọi làm mê hồn các thủy thủ... Còn cá nữa chứ! Chúng vút qua hàng nghìn con dưới đáy thuyền trong suốt, như những viên đá quý sống động: tròn như những chiếc đèn lồng Trung Hoa, dài như viên đạn, lộng lẫy, lấp lánh đủ các màu sắc mà nước đã tạo cho một vẻ linh lợi, hào nhoáng và sạch sẽ có một không hai, – một số chói rực vẩy vàng óng ánh và đỏ thắm, số khác thì màu xanh loáng bạc, nom mát rượi, số khác nữa là những mảnh rực rỡ trôi nổi, màu sặc sỡ và thô như những con vẹt. Ở đây có cả cá măng biển mũi hình kim nhọn hoắt, cả cá nóc gai mềm tù, cả cá nhồng răng lớm chớm, trong hang san hô lơ mờ nhìn thấy cá quân mồm cực to đang ẩn náu, và một lần dưới thuyền có con cá mập xám khổng lồ thông thả bơi qua như một cái bóng mềm mại.

– Các vị đừng sợ. – Rob nói – Những loại cá nguy hiểm không len lỏi quá xa về phương nam đâu, ở ám tiêu của chúng tôi chỉ có một thứ cá làm chết người là cá mù làn. Vì vậy đừng đi chân không trên san hô.

Ờ, Meggie vui sướng vì nàng đã đi thuyền. Nhưng nàng tuyệt không khao khát đi chơi một chuyến nữa như thế hay kết bạn với cái đôi mà Rob đã cho nàng đi chơi thuyền cùng với họ. Nàng tắm, dạo chơi, phơi nắng. Điều lạ lùng là nàng không buồn vì không có sách, nàng chẳng thiết đọc nữa – xung quanh có sẵn vô khối điều thú vị, thiếu gì cái để mà xem.

Nàng nhớ tới lời khuyên của Rob và không dùng áo dài nữa. Thoạt đầu nàng cứ như con thỏ nhà, cứ mỗi hơi gió thoảng đều cảm thấy mùi chó dingo; một cành cây lắc rắc, một quả dừa rơi từ

trên cây cao xuống là nàng đâm bổ đi ẩn nấp. Nhưng mấy ngày qua đi, tình trạng biệt tịch vẫn không bị xâm phạm, thế là Meggie yên tâm – đúng, sẽ không ai đến gần. Walter nói thực, cái xó này chỉ là một mình nàng. Và nàng hết rụt rè. Nàng đi vợ vẫn trên các con đường mòn, nằm trên cát, vùng vẫy trong nước mặn ấm áp và cảm thấy mình là một con thú nhỏ sinh ra và lớn lên trong lòng, nay bỗng được tự do trong một thế giới yên tĩnh, tràn ngập ánh mặt trời, rộng thênh thang và niềm nở.

Xa mẹ, xa các anh em trai và Luke, xa tất cả những gì chi phối đời nàng một cách bộp chộp và tàn nhẫn, Meggie bỗng khám phá ra một điều: trên đời có sự rảnh rỗi, tự do, sự nhàn nhã. Như trong ống kính vạn hoa, trong ý thức nàng bắt đầu hình thành những ý nghĩ và quan niệm mới thay thế lẫn nhau. Lần đầu tiên trí óc nàng không chỉ mãi miết với công việc. Nàng ngạc nhiên hiểu rằng lao động liên tục thuần tuý bằng chân tay là trở ngại vững chắc nhất mà người ta có thể dựng nên để không cho mình suy nghĩ thực sự.

Nhiều năm trước, có lần cha Ralph hỏi nàng thường hay nghĩ về chuyện gì và nàng trả lời: nghĩ về bố và mẹ, về Bob, Jack, Hughie và Stuart, về các em trai và Frank, về nhà cửa, về công việc, về mưa. Nàng không nói về việc cha Ralph bao giờ cũng chiếm vị trí thứ nhất trong những ý nghĩ của nàng. Bây giờ thêm vào danh sách đó có Justine và Luke, Luddie và Anne, cây mía, nỗi nhớ nhà và vẫn lại là mưa. Cố nhiên sách đem lại sự nhẹ nhõm, không, còn hơn thế nữa, sự cứu rỗi. Nhưng những ý nghĩ bao giờ cũng xuất hiện và biến mất ngoài mọi mối liên hệ và trình tự, đứt đoạn và lẫn lộn; không có dịp mà cũng chẳng biết đường bình tĩnh ngồi xuống mà suy nghĩ – bởi vì chẳng ai dạy

cho nàng điều ấy, – nghĩ xem thực chất nàng là cái gì, Meggie Cleary, Meggie O’Neill? Nàng cần cái gì? Nàng sống trên đời để làm gì? Bây giờ nàng cay đắng hối tiếc rằng nàng không thể làm như thế, chỗ hồng đó không thể bù đắp được, dù nàng có rôi rãi thế nào đi nữa. Thế nhưng lúc này đang có cơ hội ấy – rôi rãi, yên ổn, nhàn hạ, cảm giác về sức khỏe và trạng thái phơi phơi thuần tuý và thể lực – có thể nằm trên cát và tập trung suy nghĩ.

Ờ, Ralph. Một tiếng cười khẩy chua chát. Bắt đầu từ đó thì không lấy gì làm dễ chịu lắm, nhưng Ralph tựa như Chúa trời, ông là khởi đầu và kết thúc của tất cả. Từ cái ngày mà ở ga Gillanbone, trong bụi đỏ thắm vì nhuộm ánh mặt trời đang lặn, ông quý xuống nắm lấy hai vai Meggie thì ông luôn luôn ở trong ý nghĩ của nàng, và cho dù đến lúc chết nàng không bao giờ nhìn thấy ông nữa thì ý nghĩ cuối cùng của nàng bên miệng huyết sẽ là ý nghĩ về ông, Ralph. Thật đáng sợ, một con người duy nhất mà có ý nghĩa lớn lao như thế mà thể hiện trong bản thân mình nhiều điều như thế.

Hồi nọ nàng nói với Anne thế nào nhỉ? Nàng cần và mong muốn một điều hết sức bình thường: có chồng, con, nhà riêng và một người nào đó để nàng yêu! Tuồng như đó là những mong muốn khá nhỏ nhoi, xét cho cùng thì hầu hết phụ nữ đều có những cái đó. Nhưng số phụ nữ có được tất cả những cái đó có phải là nhiều không, có phải như thế là đủ rồi không? Nàng thì có lẽ cho như thế là đủ, nhưng có lẽ nàng nghĩ như vậy vì nàng không có những cái đó.

Hãy nhìn thẳng vào sự thật, Meggie Cleary, Meggie O’Neill. Ta cần một người duy nhất – Ralph de Bricassart, song không bao giờ ta giành được người đó cho mình. Thế nhưng dường như do

lỗi của ông ấy mà ta là người bỏ đi đối với mọi người đàn ông khác. Thôi được. Hãy cứ cho rằng số kiếp ta không được có một người đàn ông mà ta yêu. Đành phải yêu con và bằng lòng với tình trạng sẽ chỉ có con cái yêu ta. Như vậy là còn Luke và các con Luke.

Ôi lạy Chúa, lạy Chúa lòng lành! Không, Chúa chẳng lành hiền chút nào! Chúa trời đã cho ta cái gì? Chúa đã lấy mất Ralph của ta, có thể thôi. Không, ta với Chúa trời chẳng yêu mến gì nhau cho lắm. Mà Ngài có biết thế nào không, hử Chúa? Ngài không còn làm tôi sợ như trước nữa đâu. Ôi, trước đây tôi sợ Ngài, sợ sự trừng phạt của Ngài biết bao! Suốt đời vì sợ Ngài mà tôi không rời khỏi con đường đức hạnh. Mà con đường ấy dẫn tôi đến đâu? Nếu như tôi phạm vào tất thảy mọi điều răn của Ngài thì cũng chẳng có gì tệ hại hơn. Ngài đối xử với chúng tôi như với con nít, chỉ biết đe dọa trừng phạt. Nhưng tôi không còn sợ Ngài nữa. Tôi tuyệt nhiên không nên căm thù Ralph, mà căm thù Ngài mới phải. Ralph khốn khổ chẳng có lỗi gì, tất cả là tại Ngài. Ông ấy chỉ sống trong nỗi khiếp sợ Chúa, như trước kia tôi cũng thế. Chưa bao giờ tôi hiểu nổi làm sao ông ấy có thể yêu Ngài. Tôi không hiểu phải yêu Ngài vì lẽ gì.

Nhưng tôi có cách nào để thôi không yêu một người yêu Chúa? Tôi có cố gắng đến mấy đi nữa cũng không ăn thua gì. Ông ấy cao xa không thể với tới được, ấy vậy mà tôi không sao hiểu nổi điều ấy. Nay thôi, Meggie O'Neill, muốn gì thì gì, đã đến lúc cần tỉnh ngộ ra. Ta chỉ cần Luke và các con Luke là đủ rồi. Phải bằng mọi cách dứt anh ấy ra khỏi cây mía và cùng anh ấy chuyển đến ở một vùng không có cả cây cối nữa kia. Sẽ phải tuyên bố với viên quản lý nhà băng Gillanbone rằng từ nay tất cả tiền của ta sẽ

không đứng tên Luke nữa, mà đứng tên ta, và ta sẽ dùng số tiền ấy làm cho ngôi nhà riêng không có qua lấy một cái cây nhỏ trở thành ngôi nhà tiện lợi và ấm cúng, bởi vì bản thân Luke không hề nghĩ đến chuyện ấy. Và với số tiền ấy, ta sẽ cho các con Luke được học hành đến nơi đến chốn và lo sao cho chúng không thiếu thốn gì.

Có vậy thôi, Meggie O'Neill ạ. Bởi vì ta là Meggie O'Neill chứ không phải là Meggie de Bricassart. Meggie de Bricassart nghe thật ngố. Lẽ ra phải gọi là Meghann de Bricassart, mà xưa nay ta vẫn không thể chịu nổi cái tên Meghann. Ôi chao, chắc là ta sẽ không bao giờ hết hối tiếc rằng ta không có con với Ralph! Tất cả vấn đề là ở đấy, phải thế không? Hãy nhắc lại cho mình, và nhắc lại bất tận: cô có cuộc đời của cô, Meggie O'Neill, chẳng tội gì mà phung phí nó cho những mơ ước trống rỗng về con người mà cô không lấy được làm chồng và về những đứa con mà cô sẽ không có.

Thế đấy! Xin nhập tâm điều đó! Nghĩ về cái đã qua mà làm gì, đã đến lúc đánh một gạch chéo ở đấy. Tương lai mới là quan trọng, mà tương lai là Luke và các con Luke. Trong tương lai không có chỗ cho Ralph de Bricassart. Ông ấy thuộc về dĩ vãng.

Meggie lật mình nằm sấp, úp mặt vào cát và khóc, chưa bao giờ nàng khóc như thế kể từ năm lên bốn – khóc to, nước nỡ, và chỉ có những con cua và chim nghe thấy sự bùng nổ của nỗi thất vọng.

* * *

Anne Mueller cố ý chọn cho Meggie đảo Matlock và dự định hề có dịp là thu xếp đưa Luke đến đấy. Meggie chưa đi, Anne đã đánh điện cho Luke: *Meggie cần đến anh, cần khẩn thiết, anh nên về cho mau.* Anne không hề có thói can thiệp vào việc của người khác, nhưng chị yêu Meggie và thương nàng, chị yêu thăm thiết con nhóc bướng bỉnh và khó tính, con gái của Meggie và Luke. Bé Justine cần có nhà, cần có bố và mẹ. Phải chia tay với nó thật đau lòng, nhưng thà là chia tay còn hơn là cuộc sống hiện nay của Meggie và đứa trẻ.

Hai ngày sau Luke về. Đúng dịp anh đi Sydney, đến xưởng tinh chế, đi vòng thêm một quãng đường ngắn cũng chẳng lâu la gì. Cũng nên về xem mặt con; giá mà hình con trai thì Luke đã về ngay để xem con, nhưng cái tin sinh con gái là một thất vọng nặng nề đối với anh. Nếu Meggie nhất thiết cần có con nít thì ít nhất cô ấy cũng nên sinh ra những người làm sau này cho trang trại ở Kynuna. Con gái thì chẳng có lợi quái gì, quỷ tha ma bắt chúng đi, toàn là phí tổn và thua thiệt; cho ăn cho uống, rồi lớn lên là chúng đi biệt, chúng sẽ làm lụng cho người khác, đâu có ngồi một chỗ như con trai và đỡ đàn bố lúc tuổi già.

– Meg thế nào? – Luke hỏi lúc đi lên hàng hiên. – Cô ấy không ốm chứ, tôi hy vọng như thế.

– Hy vọng ư? Không, cô ấy không ốm. Tôi sẽ kể hết cho anh nghe. Nhưng hãy đi xem mặt cô con gái xinh đẹp của anh đi đã.

Luke nhìn đứa bé từ trên xuống dưới, Anne có cảm giác anh ta nhìn với vẻ tò mò, có lẽ thậm chí là hứng thú, nhưng không chút triu mến.

– Mắt nó kỳ quá, cả đời tôi chưa từng thấy cặp mắt nào như

thế. – Anh nói – Vậy là giống ai nhỉ?

– Meggie nói rằng trong gia đình cô ấy chẳng ai có cặp mắt như thế.

– Trong gia đình tôi cũng vậy. Một con bé kỳ lạ. Có lẽ, nó giống một cụ tổ mẫu nào đó. Nom nó vui vẻ quá hả?

– Nó vui cái nỗi gì kia chứ? – Anne cố nén giận, ngắt lời. Nó chưa lần nào thấy mặt bố đẻ của mình, nó không có một ngôi nhà thực sự, và rõ ràng là sẽ không có, chừng nào nó chưa trưởng thành, nếu như bố nó không tu tỉnh lại!

– Thì tôi đang dành dụm tiền mà, chị Anne! – Luke bác lại.

– Nhảm nhí! Tôi biết hiện giờ anh có bao nhiêu tiền. Các bạn tôi ở Charters Towers đôi khi gửi cho tôi tờ báo địa phương, tôi xem các tin rao vặt và tôi biết đất ở miền tây bán với giá bao nhiêu, mà lại gần hơn nhiều so với Kynuna của anh và màu mỡ hơn nhiều. Bây giờ đang thời kỳ khủng hoảng, Luke ạ! Anh có thể mua với giá rẻ một khu vực tuyệt diệu nhất, mà không cần đến số tiền lớn như số tiền anh hiện có ở nhà băng, anh biết điều đó rất rõ.

– Vấn đề chính là ở chỗ đó! Hiện giờ đang thời kỳ khủng hoảng mà ở phía tây các dãy núi, từ Junee cho đến Isa, đang hạn hán ghê gớm. Năm nay là năm thứ hai không có mưa, trời không mưa xuống lấy một giọt. Tôi xin đem đầu ra cam đoan rằng hiện giờ ngay ở Drogheda cũng gay go, thế theo chị thì ở xung quanh Blackall và Winton như thế nào? Không, tôi phải chờ đã.

– Chờ mưa nhiều để đất dất lên ư? Thôi đi, Luke! Lúc này chính là lúc nên mua. Với lại, Meggie có đúng hai ngàn bảng một năm, vì vậy dù có hạn hán mười năm anh cũng vẫn đứng vững

được. Có điều tạm thời đừng nuôi gia súc. Cứ sống bằng tiền của Meggie, rồi khi trời bắt đầu mưa thì hãy mua cừu.

– Tôi rời bỏ các đồn điền bây giờ thì còn sớm. – Luke cau có nói, vẫn nhìn vào đôi mắt màu sáng lạ lùng của con gái.

– À, thì ra là thế! Tại sao anh không nói thẳng tuột ra? Anh chẳng cần vợ, cũng chẳng cần gia đình, Luke ạ, anh thích sống như anh hiện đang sống nhiều hơn, chẳng cần sự đầm ấm nào hết, chẳng cần phụ nữ, và làm việc quần quật như tên tù khổ sai, một nửa số người Úc là như thế, tôi biết. Cái đất nước trời đánh gì mà như thế, đàn ông quái quỷ gì thế – không muốn sống ở nhà, có vợ có con, mà chỉ thừa nhận cánh bạn bè đàn ông với nhau! Nếu anh muốn ở lại đây sống độc thân suốt đời thì anh lấy vợ làm cóc gì kia chứ? Anh có biết chỉ riêng vùng Dunny của chúng ta có bao nhiêu bà vợ bị bỏ mặc không? Họ long đong biết bao để sống lần hồi và nuôi dạy những đứa trẻ không bố? Thấy chưa, anh ta chỉ làm việc một thời gian ở đồn điền, chẳng lâu đâu, anh ta sắp trở về rồi! Ha! Mỗi lần người đưa thư đến, các bà vợ khốn khổ đều đứng sững ở cổng, vẫn hy vọng rằng cái gã đểu cáng có lẽ cũng gửi cho họ ít tiền, dù chẳng là bao. Vậy mà gã không gửi, mà nếu có gửi thì chỉ là khoản nhỏ mọn, chỉ là tượng trưng, để vợ đừng đoạn tuyệt hẳn với hẳn.

Anne run lên vì giận dữ, đôi mắt màu nâu sẫm bao giờ cũng dịu hiền của chị lóe lên.

– Tôi có đọc trong “Brisbane Mail” rằng Úc đứng đầu thế giới văn minh về số người vợ bị bỏ rơi, anh có biết không? Riêng về khoản này chúng ta vượt hơn tất cả các nước, một kỷ lục đẹp nhất, đáng để mà tự hào!

– Nhẹ lời chứ, Anne! Tôi không bỏ Meggie, cô ấy vẫn bình yên vô sự và không chết đói. Có gì chị nổi xung lên?

– Tôi kinh tởm thấy anh đối xử với vợ như thế, lý do là thế đấy! Vì tất cả những gì thiêng liêng, Luke ạ, rút cục anh hãy xử sự cho ra người lớn, hãy nhớ tới trách nhiệm của mình, dù chỉ là một thời gian! Anh có vợ và con. Hãy cho vợ con một ngôi nhà, hãy làm chồng và làm bố, chứ không phải là một người dưng, quý tha ma bắt anh đi!

– Tôi sẽ làm, tôi sẽ làm tất cả! Nhưng không phải vào lúc này, tôi cần làm việc chừng hai năm ở đồn điền cho chắc chắn. Tôi không muốn sống bằng tiền của Meggie, mà sẽ phải như thế nếu không chờ thời cơ tốt đẹp hơn.

Anne bĩu môi.

– A, cơn mê sáng chó má! Anh lấy cô ấy vì tiền, đúng không?

Khuôn mặt r ám nắng của Luke đỏ rừ lên từng đám. Anh nói, không nhìn Anne:

– Ừ, đúng thế, tôi cũng có nghĩ đến tiền, nhưng tôi lấy cô ấy vì tôi thích cô ấy hơn cả.

– Thích! Thế anh có yêu cô ấy không?

– Tình yêu! Tình yêu là cái quái gì! Chuyện bịa đặt, chuyện cổ tích của đàn bà, có thể thôi. – Anh quay mặt đi tránh cái nôi, tránh đôi mắt kỳ lạ gần như dọa dẫm: biết đâu đấy, có thể là với đôi mắt như thế, con nhỏ hiểu được tất cả mọi điều người ta nói trước mặt nó. – Chị mắng mỏ tôi xong rồi chứ? Thế thì xin làm ơn cho biết: Meg đâu?

– Cô ấy không được khỏe. Tôi đưa cô ấy đi nghỉ một thời gian. Anh đừng sợ, không dùng đến tiền của anh đâu! Tôi hy vọng sẽ

khuyên được anh đến với cô ấy, nhưng rõ ràng là hy vọng hão.

– Đừng nghĩ gì đến chuyện ấy. Hôm nay tôi với Arne đi Sydney.

– Thế thì biết nói thế nào với Meggie khi cô ấy về?

Luke nhún vai, anh muốn mau mau chuồn khỏi đây.

– Chị muốn nói gì thì nói. Chị hãy bảo cô ấy chịu khó chờ ít lâu nữa. Bây giờ khi cô ấy cần có con thì tôi muốn có con trai.

Anne vịn vào tường, đến chỗ cái nôi đan, nhắc con bé lên và chạt vật lần về đến giường, ngồi xuống. Luke không hề có ý đồ cho chị hay bé đưa bé, hình như anh sợ con bé.

– Đi đi, Luke! Anh không xứng đáng với những gì anh hiện có. Nhìn anh tôi phát ghét lên được. Cuốn xéo đến với gã Arne chết tiệt và với cây mía trời đánh của anh đi, rồi tha hồ nai lưng ra mà làm!

Đến ngưỡng cửa Luke dừng lại. – Tên nó là gì? Tôi quên hỏi.

– Justine, Justine, tên nó là Justine!

– Một cái tên dớ dẩn, – Luke nói, rồi đi ra.

Anne đặt con bé xuống giường và nước mắt lã chã. Trời chu đất diệt bọn đàn ông, tất cả bọn đàn ông, trừ Luddie! Có lẽ Luddie biết yêu vì anh dịu dàng và nhạy cảm gần như phụ nữ chẳng? Có lẽ Luke nói đúng, tình yêu chỉ là sự bịa đặt, là chuyện cổ tích của đàn bà chẳng? Hay chỉ có phụ nữ và những người đàn ông có phần nữ tính nào đó mới có khả năng yêu chẳng? Không một người phụ nữ nào cầm giữ được Luke, không một phụ nữ nào đã từng cầm giữ được anh ta. Người phụ nữ không thể đem lại cho anh ta cái mà anh ta cần.

Tuy nhiên, hôm sau Anne yên tâm và không còn nghĩ rằng chị cố gắng vô ích nữa. Buổi sáng có tấm bưu thiếp đầy hân hoan của Meggie gửi về: nàng rất thích đảo Matlock và nàng đã khỏe hẳn! Vậy là ý đồ ấy vẫn có kết quả. Meggie khỏe lên. Nàng sẽ trở về khi ngớt các đợt gió mùa và nàng sẽ đủ sức để tiếp tục sống. Nhưng Anne quyết định không kể cho nàng nghe cuộc nói chuyện với Luke.

Annunziata, tên thường gọi là Nancy, đưa Justine ra hàng hiên, Anne khập khiễng đi theo, rặng ngậm chiếc làn nhỏ trong có tất cả những thứ cần cho đứa bé – tã để thay, hộp bột talơ, đồ chơi. Chị ngồi xuống chiếc ghế bành tre đan, đỡ lấy đứa bé từ tay Nancy và bắt đầu cho nó ăn hỗn hợp sữa hâm nóng trong cái chai. Thật là tuyệt diệu, sống thật là tuyệt diệu; chị đã làm tất cả những gì có thể làm được để Luke tỉnh ngộ ra, mà nếu không thành công thì cũng chẳng sao, bù lại Meggie với Justine sẽ ở lại Himmelhoch lâu hơn. Chắc chắn là cuối cùng Meggie sẽ hiểu rằng không có hy vọng gì gìn giữ quan hệ con người với Luke, khi ấy nàng sẽ trở về Drogheda. Nhưng nghĩ đến ngày ấy Anne kinh hãi.

Chiếc ô tô thể thao màu đỏ phóng với tốc độ điên cuồng, rẽ khỏi con đường từ Dungloe về và bây giờ đang lên dốc. Đây là chiếc ô tô kiểu Anh, còn khá mới và sang trọng, có những dải da làm thành đường kẻ sọc trên mũi xe, xe bóng loáng nước sơn đỏ chói và lấp lánh ánh bạc của ống xả. Anne không nhận ra ngay cái người khom mình ra khỏi khung cửa xe thấp mở rộng, vì ông ta mặc y phục mùa hè bình thường của dân Bắc Queensland – chỉ toàn đồ soọc. Đẹp trai quá! – Anne nghĩ khi nhìn ông khách bằng con mắt tán thưởng, còn ông ta đi về phía chị, nhảy một lúc hai

bạc thang, và một hồi ức lơ mờ lay động trong đầu chị. Tiếc rằng Luddie ăn nhiều quá, sẽ tốt cho sức khỏe hơn nhiều nếu đừng để cho mình béo ra, như ông khách đẹp trai kia kia, thân hình ông ta mới tuyệt làm sao. Mà ông ta đâu còn trẻ trai, hai bên thái dương bạc trắng, nhưng ta chưa từng thấy người chặt mía nào cân đối như thế.

Chỉ đến khi gặp cái nhìn thân nhiên, phiêu diêu của người mới đến, chị mới hiểu trước mặt chị là ai.

– Trời ơi! – Chị buông rơi cái chai.

Ông khách nhặt cái chai lên, đưa cho Anne và tì vào tay vịn hành lang đối diện với chiếc ghế bành của chị.

– Không sao, – ông nói, – đầu vú không chạm sàn, có thể yên tâm cho nó bú.

Vừa hay đứa bé bị mất ăn bắt đầu ngộ nguậy lo ngại. Anne dúi đầu vú vào miệng nó và rút cục chị lấy lại được hơi.

– Bất ngờ quá, thưa Đức ông! – Chị nhìn ông bằng cặp mắt tươi cười. – Thực tình mà nói, lúc này nom Ngài không lấy gì làm giống một vị Tổng Giám mục. Tuy nhiên trước kia Ngài cũng chẳng giống lắm, dù là trang phục đủ lệ bộ. Tôi bao giờ cũng hình dung ra các Tổng Giám mục, bất kể thuộc về nhà thờ nào, đều là những người to béo và tự mãn.

– Lúc này tôi không phải là Tổng Giám mục, mà chỉ là một linh mục đã có được cơ hội nghỉ ngơi chính đáng, thành thử hãy gọi tôi là Ralph thôi. Đây chính là con bé đã đem lại cho Meggie bao nhiêu đau khổ khi tôi đến đây lần trước phải không? Tôi bế nó được chứ? Tôi nghĩ rằng tôi biết cầm chai sữa đúng cách.

Ông ngồi xuống chiếc ghế bành cạnh Anne, uể oải bắt chéo

chân, đỡ lấy đứa bé và cái chai, và đứa bé được cho ăn tiếp tục.

– Vậy ra Meggie đặt tên cho con là Justine à?

– Vâng.

– Tôi thích cái tên đó. Này, bà nhìn xem, màu tóc nó hay chưa? Giống ông ngoại như hệt.

– Meggie cũng nói thế. Tôi hy vọng rằng lớn lên con bé sẽ không bị tàn nhang, nhưng điều đó rất có thể xảy ra.

– Thế Meggie cũng tóc hung mà cô ấy có tàn nhang đâu. Thực ra da Meggie màu khác, không bóng. – Ông đặt cái chai không xuống sàn, dựng con bé ngồi trên đùi quay mặt về phía mình, cho nó hơi cúi xuống như cúi chào và bắt đầu xát mạnh và đều trên lưng nó. – Ngoài những trách nhiệm khác, tôi thường đến các nhà trẻ mồ côi của đạo thiên chúa, vì thế tôi là một vú em có kinh nghiệm. Mẹ Gonzaga cai quản nhà trẻ mà tôi yêu mến nói rằng đó là cách tốt nhất làm cho trẻ khỏi trớ. Khi chỉ cho đứa trẻ tựa vào vai không thôi thì nó nghiêng quá ít về phía trước, hơi không thoát ra dễ dàng, rồi khi hơi dâng lên thì cùng với hơi thoát ra, trẻ nôn theo nhiều sữa. Còn làm cách này thì sữa bị chặn lại, mà hơi thì thoát ra. Như để xác nhận điều đó, Justine nấc mấy tiếng thật to, nhưng tất cả những gì nó đã ăn vẫn còn nguyên trong bụng. Ralph bật cười, lại xoa lưng nó, và khi tiếp sau đó không còn chuyện gì xảy ra nữa, ông để con bé nằm thoải mái trên cánh tay khom khom. Cặp mắt kỳ dị, có ma thuật! Thật tuyệt trần, phải không? Thì nhất định rồi, nó là con gái của Meggie kia mà, nó phải là đứa bé phi thường chứ.

– Không phải tôi tìm cách lãng chuyện, nhưng Ngài là một cha đạo tuyệt diệu, cha Ralph ạ.

– Tôi yêu trẻ, đặc biệt là trẻ con nít thì bao giờ tôi cũng yêu. Tôi vui với trẻ em thoải mái hơn nhiều, vì tôi không phải gánh một trách nhiệm rầy rà nào của kẻ làm bố.

– Không phải thế, chẳng qua là cha cũng như Luddie. Tính cách của cha có cái gì dịu hiền như tính cách phụ nữ.

Justine thường ngày vẫn ưa cô độc, bây giờ nó tỏ ra thiện cảm rõ ràng với cha – nó ngủ trên tay cha. Cha đặt nó nằm cho thoải mái hơn, và lấy trong túi ra bao “Capstans”.

– Để tôi châm thuốc cho cha. – Anne nói.

Ralph cầm lấy điếu thuốc đã châm lửa ở tay chị.

– Thế Meggie đâu? – Ông hỏi. – Cám ơn. Xin lỗi, tôi không đoán ra là bà cũng hút thuốc.

– Meggie đi xa. Để xong cô ấy vẫn không lại sức, khi trời bắt đầu mưa thì sức khỏe cô ấy kém lắm. Tôi và Luddie đã thu xếp cho cô ấy đi nghỉ hai tháng. Khoảng đầu tháng ba cô ấy sẽ trở về, còn chừng bảy tuần nữa.

Ngay khi nói những lời đầu tiên Anne đã nhận thấy ở ông có sự thay đổi đột ngột – dường như hy vọng của ông đã tan biến, niềm vui sướng hằng mong đợi từ lâu đã lừa ông. Ông thở dài nặng nề.

– Đây là lần thứ hai tôi đến để từ biệt mà không gặp cô ấy. Lần ấy trước khi đi Athens, và lần này nữa. Lần ấy tôi đi một năm, nhưng có thể là tôi sẽ lưu lại lâu hơn nhiều, hồi ấy chính tôi cũng không biết rõ. Từ hồi Paddy và Stuart chết, tôi không về Drogheda lần nào, và gần đây tôi hiểu rằng tôi không thể rời khỏi Úc mà không gặp Meggie. Nhưng hóa ra cô ấy đã đi lấy chồng và cô ấy không ở Drogheda. Tôi muốn đến gặp cô ấy, nhưng như vậy là không đúng đắn cả đối với cô ấy cũng như đối với Luke. Bây giờ

tôi đến vì tôi biết rằng tôi không thể làm hại cái mà vốn đã không tồn tại.

– Cha đi đâu?

– Đi La Mã, đến Vatican. Đức Hồng y di Contini – Verchese bây giờ đảm nhiệm cương vị của Đức Hồng y Monteverdi mới tạ thế. Đúng như tôi tiên đoán, Ngài lấy tôi đi theo. Đây là một vinh dự lớn, nhưng không chỉ là vinh dự. Tôi không thể từ chối được.

– Ngài đi có lâu không?

– Tôi e rằng rất lâu. Ở châu Âu đang rùng rục ngọn lửa chiến tranh, tuy ở đây chúng ta có cảm giác rằng nó ở xa lắm. Nhà thờ thiên chúa La Mã cần từng nhà ngoại giao của mình, mà nhờ Đức Hồng y di Contini – Verchese, tôi được coi là nhà ngoại giao. Mussolini gắn bó chặt chẽ với Hitler, họ xứng đáng với nhau, mà Vatican cần làm cách nào thống nhất những thế giới quan đối lập – đạo thiên chúa và chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ không phải là dễ dàng. Tôi nói thạo tiếng Đức, trong thời gian ở Athens tôi nắm vững tiếng Hy Lạp, thời gian ở La Mã tôi nắm vững tiếng Ý. Thêm nữa tôi nói thạo tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha. – Ông thờ dài. – Tôi vốn có khiếu về ngôn ngữ, tôi có ý thức phát triển vốn ngoại ngữ. Bây giờ nhất định tôi bị điều khỏi đây.

– Được thôi, thưa Đức ông, nếu ngày mai Ngài chưa phải xuống tàu thủy. Ngài vẫn còn có thể gặp Meggie.

Những lời đó của Anne buột ra trước khi chị kịp nghĩ xem chị nói gì; ừ mà tại sao Meggie lại không gặp ông ấy một lần trước khi ông ấy đi, nhất là nếu quả thật ông ấy đi lâu?

Ralph quay đầu lại nhìn chị. Đôi mắt xanh rất đẹp có cái nhìn phiêu diêu, nhưng rất đỗi thông minh, hết sức thấu suốt. Không

thể đánh lừa con người này được. Ở đúng, ông ấy là nhà ngoại giao bẩm sinh! Ông ấy hiểu rất rõ ý nghĩa lời nói của chị và tất cả những động cơ thầm kín của chị. Anne nín thở chờ câu trả lời, nhưng ông im lặng hồi lâu, ngòì phóng tầm mắt qua khu rừng mía màu ngọc bích, nhìn ra con sông đầy nước, và dường như đã quên đưa bé trên tay. Anne mê mải nhìn ông từ phía bên – đường nét của mi mắt, cái mũi dọc dừa, đôi môi mím lại một cách bí ẩn, cái cằm bướng bỉnh. Ông ấy tập trung những sức mạnh gì trong tâm hồn khi ngắm nhìn khoảng xa ấy? Rằng cái chuẩn đo phức tạp nào ông ấy lượng định tình yêu, ước muốn, bổn phận, lẽ phải, ý chí, nỗi nhớ đam mê, cái gì sẽ nặng cân hơn trong cuộc đấu tranh này? Ông đưa điều thuốc lên môi, những ngón tay run run, và Anne thở dài khẽ lấy lại hơi. Như vậy là ông ấy không dừng dưng.

Ralph im lặng hẳn là đến mười phút. Anne châm thêm điều thuốc nữa, đưa cho ông thay cho mẫu thuốc đã tắt. Ông hút đến hết cả điều thuốc ấy nữa và không rời mắt khỏi những dãy núi xa, khỏi những đám mây đen u ám lại dày đặc lại trên trời, đe dọa đổ mưa. Rồi ông ném mẫu thuốc thứ hai tiếp theo mẫu thứ nhất qua hàng tay vịn ở hiên và hỏi bằng giọng đều đều hết sức bình thường.

– Hiện giờ cô ấy ở đâu?

Bây giờ đến lượt chị suy nghĩ: quyết định của ông ấy tùy thuộc vào câu trả lời của chị. Liệu ta có quyền đẩy người khác lên con đường đưa họ đến đâu không biết và kết thúc bằng cái gì chẳng rõ không? Chị chỉ nghĩ đến Meggie và thành thực mà nói, chị chẳng mảy may lo lắng về việc ông Tổng Giám mục này sẽ ra sao. Theo cách riêng của ông ta, ông ta không hơn gì Luke. Ông ta

hăm hở hướng tới một mục đích riêng hoàn toàn có tính chất đàn ông của mình, ông ta không có thời giờ và không muốn đặt người phụ nữ vào vị trí thứ nhất; ông ta bám lấy niềm mơ ước, theo đuổi cái ảo tưởng mà hẳn là chỉ tồn tại trong đầu óc gàn dở vững chắc hơn làn khói kia của nhà máy đường, làn khói đang tan biến trong không khí ngọt ngào, nồng nặc mùi nước mật. Ngoài ra ông ta chẳng cần gì nữa, ông ta phí hoài bản thân mình và cả cuộc đời mình vào cuộc săn đuổi vô ích ấy.

Mặc dù Meggie có ý nghĩa lớn lao như thế nào đối với ông, ý nghĩ tỉnh táo không bội phản ông. Dù là vì Meggie đi nữa, – mà Anne đã bắt đầu tin rằng ông ta yêu Meggie hơn hết trên đời ngoài cái mơ ước khó hiểu đó của mình, – ông ta cũng không ném vào cuộc may rủi cái cơ hội sớm muộn sẽ chiếm hữu được điều mà ông ta hết lòng khao khát. Không, ông ta sẽ không từ bỏ cái đó, cho dù là vì Meggie. Như vậy, nếu nói với ông ta rằng Meggie hiện giờ ở một khách sạn đông người tại nơi điều dưỡng, nơi người ta có thể nhận ra ông, Ralph de Bricassart, thì ông sẽ không đến đó. Ông ta hiểu hơn ai hết rằng tới bất cứ đám đông nào, ông cũng không thể không bị để ý. Anne liếm cặp môi đã khô hẳn đi.

– Meggie ở một căn nhà nhỏ trên đảo Matlock.

– Ở đâu?

– Trên đảo Matlock. Đây là nơi điều dưỡng cạnh vịnh Whitsunday, một nơi rất hẻo lánh. Vào thời kỳ này trong năm ở đây chẳng có ai. – Và không nên được, chị nói thêm: – Đừng ngại, ở đây sẽ chẳng ai nhìn thấy Ngài đâu!

– Rất đáng yên lòng! – Nhẹ nhàng, thận trọng, ông trao trả

đứa bé đang ngủ cho Anne... – Cám ơn bà – Ông đi ra cầu thang, rồi quay mặt lại, nhìn với vẻ xúc động, gần như cầu khẩn. – Bà rất làm. Tôi chỉ muốn gặp mặt Meggie, không có gì hơn. Chưa bao giờ tôi làm điều gì khác có thể hủy hoại linh hồn cô ấy.

– Và cả linh hồn của Ngài nữa chứ, hả? Thôi được, đi đi, hãy làm như mình là Luke O’Neill, ở đây người ta đang chờ anh ấy. Cứ như vậy thì chắc chắn là cả Ngài và Meggie chẳng sợ tai tiếng gì.

– Thế ngộ nhờ anh ta đến thì sao?

– Không làm gì có chuyện ấy. Anh ta đi Sydney và sẽ không trở về trước tháng ba. Về việc Meggie hiện ở Matlock, anh ta chỉ có thể biết được qua tôi, mà tôi chưa hề nói với anh ta, thưa Đức ông.

– Thế Meggie có mong đợi Luke không?

– Ồ không! – Anne mỉm cười không vui.

– Tôi không muốn làm điều gì có hại cho cô ấy, – Ralph vẫn khẳng khẳng. – Tôi chỉ muốn gặp cô ấy một lát, có thể thôi.

– Tôi biết điều đó rất rõ, thưa Đức ông. Nhưng thực ra Ngài sẽ ít gây hại cho cô ấy hơn nhiều nếu như Ngài mong muốn nhiều hơn nữa. – Anne nói.

* * *

Khi chiếc ô tô cũ kỹ của Rob rung chuyển lắc rắc và thở phì phò, lăn bánh trên đường tới gần nhà thì vẫn như thường lệ, Meggie đứng ở hiên và vẫy tay với ông ta, dấu hiệu tỏ rằng mọi việc ổn cả và nàng chẳng cần gì. Rob cho xe dừng lại ở chỗ mỗi

khi và ông vừa cho xe quay mũi thì từ trong xe nhảy ra một người mặc sơ mi, quần sooc và đi xăng đan, tay xách va li:

– Chúc ông hạnh phúc, Mr. O’Neill! – Rob nói lớn, lúc cho xe đi.

Nhưng Meggie không bao giờ còn lẫn Luke O’Neill với Ralph de Bricassart nữa. Đấy không phải là Luke – dù là ở cách xa, trong ánh sáng chiều hôm đang mau chóng tàn lụi cũng không thể nhầm được. Và nàng bàng hoàng đứng nhìn Ralph de Bricassart đang đi trên đường tới chỗ nàng. Như vậy dù sao nàng vẫn là người mà ông ấy ao ước? Nếu không thì tại sao ông ấy lại đổi tên Luke O’Neill đến với nàng ở một chốn như thế này.

Nàng sống sờ, hai chân cũng như lý trí và trái tim đều không vâng theo nàng nữa. Đấy kia, Ralph đến tìm nàng, vậy mà sao nàng không cảm thấy gì hết? Tại sao nàng không chạy đến đón, không nhảy bổ tới ôm lấy cổ ông, tại sao không có niềm vui sướng vô hạn khiến ta quên hết mọi thứ trên đời? Ông ấy đấy, Ralph, mà trong đời nàng chỉ cần có ông ấy – chẳng phải là suốt một tuần nàng đã cố tự ám thị ngược trở lại sao? Trời đánh ông ta, trời đánh ông ta đi! Cớ gì ông ta xuất hiện đúng vào lúc này, khi rút cuộc nàng đã xua đuổi được ông ta nếu không phải là ra khỏi trái tim thì cũng là ra khỏi ý nghĩ? Bây giờ tất cả bắt đầu lại từ đầu! Choáng váng, tức giận, khắp người đầm mồ hôi, nàng đứng ngây ra, nhìn Ralph cao lớn, cân đối đang đến gần.

– Chào ông Ralph. – nàng nói lí nhí, không nhìn vào mặt ông.

– Chào Meggie.

– Mang vali của ông vào phòng đi. Ông dùng trà chứ? – Nàng nói, vẫn không nhìn ông, và đi trước ông vào phòng khách.

– Tôi vui lòng dùng trà. – Ralph đáp, giọng cũng gượng gạo, thiếu tự nhiên như thế.

Ông đi theo nàng vào bếp và nhìn nàng loay hoay mở vòi lấy nước nóng vào ấm pha trà, cắm ấm điện, lấy trong tủ buýp phê chén uống trà, đĩa lót chén. Nàng đưa cho ông một hộp bích quy lớn, đến năm pound, ông trút ra đĩa một vốc, rồi vốc nữa. Ấm điện sôi. Meggie trút nước khỏi cái ấm trà nhỏ, cho trà mới. Nàng mang ấm trà và bích quy vào phòng khách, Ralph mang đĩa chén đi theo nàng.

Cả ba phòng nối liền nhau, buồng ngủ ở một bên, phòng khách, bếp ở phía bên kia, sau bếp là buồng tắm. Như vậy nhà có hai hàng hiên, một quay ra đường, một quay về phía bờ biển. Và như vậy thì ngồi đối diện nhau, mỗi người vẫn có thể không nhìn vào mặt nhau, mà nhìn ra nơi nào phía xa. Trời tối đột ngột, như vẫn thấy ở vùng nhiệt đới, nhưng qua cái cửa lùa, hơi gió ẩm áp nhẹ tràn vào cùng với tiếng sóng vỗ khe khẽ, tiếng sóng nhào ồn ào ở dãy đá ngầm.

Hai người lẳng lặng uống trà, không động đến bánh bích quy: không nuốt trôi được miếng bánh; uống nốt chỗ trà, Ralph đưa mắt nhìn Meggie, nàng vẫn dăm dăm nhìn cây dừa non đang nghịch ngợm vẩy lá bên hàng hiên trông ra đường.

– Em làm sao thế, Meggie? – Ralph hỏi hết sức âu yếm, dịu dàng đến nỗi tim nàng đập rộn ràng như điên như cuồng và gần như vỡ ra, vì đau đớn: ông ấy hỏi như hỏi xưa ông đã từng hỏi, như người lớn hỏi đứa trẻ nhỏ. Ông ấy đến Matlock hoàn toàn không phải để gặp một phụ nữ trưởng thành. Ông ấy đến thăm một cô bé nhỏ tuổi. Ông ấy yêu một cô bé nhỏ tuổi, chứ không

phải một phụ nữ trưởng thành. Ông ấy căm ghét người phụ nữ trong Meggie ngay từ phút đầu khi Meggie vừa hết là trẻ con.

Nàng quay mặt khỏi cây dứa, ngược cặp mắt ngạc nhiên, hồn oán, giận dữ lên nhìn ông – ngay cả lúc này, ngay cả giây phút này! Thời gian dừng lại, nàng nhìn thẳng vào ông, và ông ghen thở choáng váng, vô tình ông đã gặp cái nhìn có đầy đủ tính chất phụ nữ trưởng thành của cặp mắt trong veo ấy. Mắt Meggie. Ôi lạy chúa, mắt Meggie!

Ông đã nói với Anne Mueller ý nghĩ thực của ông, và quả tình là ông chỉ muốn gặp Meggie, không hơn. Ông yêu nàng, nhưng ông đến hoàn toàn không phải để làm người tình của nàng. Chỉ để gặp nàng, nói chuyện với nàng, là người bạn của nàng, ngủ đêm trong chiếc đi văng ở phòng khách và một lần nữa cố nhỏ bặt tận rễ sức hấp dẫn luôn luôn lôi cuốn ông đến với nàng – ông đã phải bùa của nàng từ lâu, nhưng có lẽ nếu như cái ma lực kỳ lạ ấy ra ánh sáng của Chúa thì ông sẽ tập trung được tinh thần và vĩnh viễn tự giải thoát được.

Không dễ gì quen được với Meggie mới mẻ này, Meggie có bộ ngực cao, eo lưng thon thả và bộ móng nở nang, nhưng ông đã quen được, vì ông nhìn vào mắt nàng, và ở đấy, như ngọn đèn trong điện thờ, ngời ngời hình ảnh Meggie trước kia của ông. Trong cái cơ thể đã đổi khác một cách đáng lo ngại, không thể nhận ra được này, vẫn là lý trí ấy và vẫn là tâm hồn ấy nó lôi cuốn ông không sao cưỡng lại được ngay từ lần gặp đầu tiên; và chừng nào ông vẫn nhận ra lý trí và tâm hồn ấy trong cái nhìn của nàng thì có thể quen được với cái lối mới, thẳng được lòng ham muốn nàng.

Ông vẫn gán cho nàng những ham muốn và mơ ước giản dị ấy

và định ninh rằng nàng không cần cái gì khác ở ông, ông nghĩ như thế cho đến khi Justine ra đời, khi Meggie bỗng nhiên sừng cò với ông như con mèo cái nổi khùng. Ngay cả lần ấy, khi cơn giận dữ và oán hận vừa nguôi, ông liền giải thích là do nàng phải chịu những đau khổ về tinh thần nhiều hơn về thể xác. Lúc này rút cuộc ông đã nhìn nàng đúng như thực trạng đã hình thành, bây giờ có thể nói chính xác đến từng giây về việc sự thay đổi đó đã hoàn tất vào lúc nào và vào lúc nào lần đầu tiên Meggie nhìn ông bằng con mắt không phải của đứa trẻ, mà của người phụ nữ – Ấy là lần gặp gỡ ở nghĩa trang Drogheda trong ngày sinh nhật Mary Carson. Tối hôm ấy, khi ông giải thích rằng ông không thể chú ý hơn đến Meggie trong vũ hội thì điều đó bỗng nhiên được hiểu như là ông say mê nàng với tư cách là một người đàn ông. Lúc ấy nàng nhìn ông một cách khá kỳ lạ và quay mặt đi, còn khi nàng lại nhìn ông thì ánh mắt không còn cái vẻ hiển hiện khó hiểu nữa. Mãi bây giờ ông mới hiểu rằng từ đó nàng thấy ông dưới một ánh sáng khác; và cái hôn lần ấy của nàng không phải là sự yếu đuối trong giây lát rồi sau đó nàng đối với ông lại như trước – chẳng qua là ông tưởng thế thôi. Ông cố lừa dối mình, an ủi mình bằng sự tự lừa dối ấy, cố sức làm cho nó khớp với con đường ông đã lựa chọn vĩnh viễn, ông mặc vào người sự lừa dối đó như mặc áo hãm mình^[81]. Còn trong lúc đó, hoàn toàn theo tình cảm phụ nữ nàng bày biện và trang hoàng tình yêu của mình như xây tổ ấm.

Phải thú thật là cơ thể ông thèm muốn nàng ngay từ sau cái hôn đầu tiên đó, nhưng ở ông sự thèm muốn không bao giờ gay gắt, dai dẳng như tình yêu, và ông tưởng rằng đấy không phải là hai mặt của cùng một tình cảm, cái nọ không dính líu với cái kia.

Còn nàng thì tội nghiệp thay, nàng vẫn không được thấu hiểu, nàng không bị chi phối bởi sự mù quáng rò dại như thế.

Nếu lúc ấy ông có cách nào chạy trốn khỏi đảo Matlock thì ông sẽ chạy trốn Meggie ngay, như Orestes chạy trốn các nữ thần Đại nộ^[82]. Nhưng không thể chạy được, thế thì ông đủ dũng cảm ở lại với Meggie mà không bỏ đi lang thang vợ vẫn suốt đêm trên đảo. Ta phải làm gì, làm thế nào chuộc lỗi của ta? Quả thật là ta yêu nàng kia mà! Mà nếu ta yêu thì cố nhiên là bởi vì nàng như thế, như lúc này, chứ hoàn toàn không phải trong một lúc ngắn ngủi của mối tình si mê nửa trẻ thơ. Ta bao giờ cũng yêu cái nền tảng nữ tính ở nàng: sự kiên nhẫn vô hạn nó giúp nàng gánh cái gánh nặng số phận. Vậy thì, Ralph de Bricassart, hãy vứt bỏ những tấm che mắt, đã đến lúc nhìn thấy Meggie đúng như hiện trạng của nàng, chứ không phải như hồi xưa. Mười sáu năm trước, mười sáu năm đằng đẳng không giống thực... Hiện giờ ta bốn mươi tư tuổi, nàng hai mươi sáu tuổi, cả hai ta đều không còn là trẻ con, nhưng ta còn xa lắm lắm mới đến độ trưởng thành.

Vào lúc ta ra khỏi xe của Rob, em đã quyết đoán rằng mọi việc đã rõ ràng, mọi việc đều là lẽ tất nhiên, phải thế không Meggie? Em cho rằng ta đã đầu hàng. Và em chưa kịp trấn tĩnh thì ta đã phải tỏ cho em thấy rằng em lầm. Ta đã xé tan tàn niềm hy vọng màu hồng của em như xé miếng giẻ bẩn. Ôi, Meggie, ta đã làm gì em? Sao ta lại có thể là một kẻ tự ái mù quáng và hoàn toàn không đạt được mục đích gì, chỉ làm tội em. Tất cả những năm ấy chúng ta yêu nhau bằng những tình cảm khác nhau và hoàn toàn không hiểu nhau.

Meggie nhìn vào mắt ông, trong mắt nàng mỗi lúc càng lộ rõ vẻ hổ thẹn và bẽ bàng; còn trên mặt ông thấp thoáng bóng dáng

những tình cảm rất khác nhau, cuối cùng gương mặt ấy biểu lộ niềm thương vô hạn, và đến đây nàng hiểu mình làm to, sai lầm ghê gớm. Tệ hơn nữa, nàng hiểu rằng Ralph biết điều đó.

Cuốn xéo khỏi đây, chạy đi! Chạy trốn ông ta, Meggie hãy gìn giữ chút kiêu hãnh thảm hại cuối cùng còn sót lại! Mới chớm nghĩ như vậy, nàng đã bật dậy và cầm đầu bỏ chạy thực sự.

Nàng chưa kịp chạy ra hàng hiên thì Ralph đã đón đầu nàng, nàng đâm lao vào ông mạnh đến nỗi chính nàng sa sầm mặt mày và suýt xô ngã ông. Thế là tất cả đều hoài công – cuộc đấu tranh nội tâm đến kiệt lực, những cố gắng lâu dài để giữ linh hồn trong sạch, để dùng sức mạnh ý chí đè bẹp ham muốn; trong giây lát Ralph sống qua một chục cuộc đời. Mọi sức mạnh thêm thiếp ngủ trong người ông, vốn bị lấn át, bị đè nén, chỉ chờ một kích thích nhỏ là phát sinh bùng nổ, hỗn loạn, và lý trí xun xoe lụy trước dục vọng, và mệnh lệnh của lý trí lụi tàn trước mệnh lệnh của xác thịt.

Hai tay Meggie bay vụt lên quán lấy cổ ông, hai tay ông lật bật xiết chặt lại sau lưng nàng; đầu cúi xuống, môi ông tìm môi nàng và đã tìm được. Môi nàng – sống động, ấm áp – không chỉ còn là một hoài niệm tự đứng hiện đến, không đáng có. Hai tay nàng quán lấy cổ ông, dường như không bao giờ buông ra nữa. Lúc này tưởng chừng như nàng là thỏi sáp trong tay ông, nàng tối như đêm, ở nàng ký ức và ham muốn đan kết với nhau, ký ức không đáng mong muốn và ham muốn tự nó cứ đến. Chắc là nhiều năm dài ông vẫn khao khát cái phút này, thèm khát Meggie, và ông bác bỏ quyền lực của nàng, chẳng qua là ông không cho phép mình nhìn thấy nàng là một người phụ nữ!

Ông đã bế nàng đến giường hay hai người cùng đi? Ông có cảm

giác là ông bế nàng, mà cũng có lẽ là không. Nhưng cả hai người đã ở trên giường, và bằng hai bàn tay ông cảm thấy thân thể nàng và hai tay nàng trên da ông. Ôi lạy Chúa! Meggie của ta! Làm sao từ thuở bé dại người ta đã tập được cho ta quen nghĩ rằng em là xấu xa?

Thời gian không còn tính từng giây, mà ào tới cả một luồng thác và đổ ập lên ông, làm mất mọi ý nghĩ, chỉ còn lại độ sâu của một chiều đo trước nay chưa từng biết, cái độ sâu đích thực hơn thời gian thực. Ralph vẫn còn cảm giác được Meggie, nhưng không phải như một cái gì riêng biệt, mong sao nàng sẽ triệt để và vĩnh viễn trở thành một bộ phận khăng khít của bản thể ông, thành một tổ chức mới duy nhất nó cũng chính là ông, chứ không phải là một cái gì gắn với ông mà dù sao vẫn là một cái khác, riêng biệt. Không bao giờ ông còn quên được sự đáp ứng cuồng nhiệt của bộ ngực này, cái bụng này, cặp đùi này, của tất cả những đường nét và nếp gấp thâm kín của tám thân này. Đích thực là nàng được tạo ra cho ông, chính ông đã tạo ra nàng. Mười sáu năm trời ông nhào nặn và tạc ra nàng mà không ngờ, ông hoàn toàn không nghĩ tới chuyện tại sao ông làm việc đó. Giờ đây ông không nhớ rằng trước kia đã có lần ông cự tuyệt nàng, rằng một người khác đã đưa nàng đến cuối con đường mà chính ông đã mở đầu, con đường mà chính ông đã chọn cho nàng và cho mình, vì nàng là cái chết của ông, bông hồng của ông, tác phẩm của ông. Là giấc ngủ khiến ông không còn tỉnh giấc được nữa, chừng nào ông vẫn là con người bằng thịt và máu. Ôi lạy Chúa, lạy Chúa lòng lành! Con biết, con biết! Con biết vì sao con nghĩ về nàng lâu và dai dẳng đến thế, như nghĩ về một hình ảnh không xương thịt, về một đứa trẻ, trong khi nàng đã lớn vượt cái vỏ chật

hẹp ấy từ lâu, – nhưng tại sao điều hiểu biết ấy lại đến với con qua bài học tàn bạo đến thế?

Bởi vì đến bây giờ rút cục ông mới hiểu rằng ông luôn luôn có khát vọng không chỉ là một con người, một người đàn ông, – ông mong muốn điều to tát hơn, mong muốn một số phận vĩ đại hơn nhiều so với số phận của người phàm trần. Thế mà tất cả đã kết thúc như vậy đó – nàng đấy, số phận của ông, dưới bàn tay ông bưng bưng và run rẩy cùng với ông, người đàn bà với người đàn ông. Con người vẫn cứ là con người. Lạy Chúa lòng lành, chẳng lẽ Chúa không thể giải thoát con khỏi cái đó sao? Con là con người và không bao giờ có thể thành thượng đế, và cuộc đời con, những tìm kiếm, những mưu toan vươn lên hàng thánh thần đều là tự dối mình. Chẳng lẽ tất cả chúng ta, những tội tớ của nhà thờ, đều như nhau và mỗi người đều khao khát chính mình trở thành thượng đế chẳng? Phải chăng vì thế mà chúng ta từ bỏ một hành động duy nhất nó chứng minh không thể bác bỏ được bản chất người của chúng ta chẳng?

Ông ôm nàng chặt hơn, mắt đầy lệ, ông chăm chú nhìn trong ánh sáng chạng vạng – khuôn mặt nàng dịu dàng, cặp môi mềm mại hé mở, thở một cách ngạc nhiên và hạnh phúc. Nàng bao bọc lấy ông bằng tay và bằng chân, những mối buộc sống động, mềm mại, mượt mà, đầy đau khổ và không thể phá bỏ được. Ông úp mặt vào vai nàng, áp má vào làn da mịn màng của nàng và buông mình theo cơn hứng tình cuồng dại, như đấu tranh với chính số phận. Ý nghĩ quay cuồng, lẫn lộn, ý thức mờ đi, và lại một luồng sáng bùng lên chói lòa; trong giây lát ông cảm thấy mình ở bên trong mặt trời, ánh quang huy mờ đi, cái nhá nhem màu xám, bóng tối. Điều đó nghĩa là làm con người, làm người đàn ông.

Không có gì hơn nữa. Nhưng nỗi đau không phải vì thế. Nỗi đau là ở phút kết thúc cuối cùng, ở cái ý thức dứt khoát, tuyệt vọng làm trống rỗng tâm hồn; hoan lạc đang tuột đi mất. Phải chia tay với nàng là điều không thể chịu đựng nổi – chia tay bây giờ, khi nàng đang thuộc về ông, chính ông đã tạo ra nàng cho bản thân mình kia mà. Tuyệt vọng như kẻ chết đuối vớ được cọng rơm, ông bám chặt lấy nàng, và chẳng bao lâu, một làn sóng mới, đợt triều mới, đã nhanh chóng trở nên quen thuộc, lại nâng ông lên, và ông phục tùng cái vận số không thể hiểu nổi của con người, cái vận số của người đàn ông.

Giấc ngủ là cái gì? – Meggie tự hỏi. Phúc lành hay quãng ngừng nghỉ trong đời, tiếng vọng của cái chết hay một nhu cầu thiết yếu rày rà? Muốn gì thì gì, Ralph đã chịu khuất phục – ông ngủ, đầu ngả vào vai nàng, một tay ôm quàng lấy nàng, như thể ngay trong giấc ngủ ông vẫn khẳng định nàng là của ông. Nàng cũng mệt, nhưng không dám ngủ. Dường như sợ dung túng cho ý thức: ngộ nhỡ khi trở về với hiện thực thì Ralph đã không còn ở bên cạnh nữa. Nàng có thể ngủ được sau khi ông thức giấc và cặp môi đẹp mím lại một cách bí ẩn này sẽ thốt lên những lời đầu tiên. Ông sẽ nói gì với nàng? Ông có lấy làm tiếc về chuyện đã xảy ra không? Nàng có đem lại được cho ông niềm vui sướng mà vì nó đáng từ bỏ hết mọi thứ không? Bao nhiêu năm ông đã đấu tranh, không chịu khuất phục niềm vui sướng ấy, và ông buộc nàng cũng phải đấu tranh; khó mà tin rằng giờ đây rút cục ông đang nằm trong vòng tay nàng – nhưng ban đêm, trong nỗi dẫn vật đau đớn, ông đã nói với nàng những lời thú nhận rằng ông xóa bỏ việc khước từ nàng lâu nay.

Nàng hạnh phúc khôn tả, suốt đời không khi nào nàng có được

hạnh phúc trọn vẹn như thế. Từ lúc ông chặn đón nàng ở cửa, tất cả trở thành bản trường ca của xác thịt – những cái ôm riết, tay, thân thể, khoái lạc không thể tả được. Ta được tạo nên cho ông ấy, cho riêng ông ấy... Đây là lý do tại sao với Luke, ta chẳng cảm thấy gì! Nàng bị cuốn đi bởi làn sóng thứ chín^[83] của dự vọng không thể chịu đựng nổi nữa, chỉ còn một ý nghĩ – hiến cho Ralph tất cả, toàn bộ bản thân mình, điều đó quan trọng hơn chính cuộc đời. Sao cho không bao giờ, không bao giờ ông ấy còn hối tiếc gì nữa. Ông ấy mới đau đớn day dứt làm sao! Có lúc chính nàng cũng cảm thấy nỗi đau ấy. Vì thế nàng càng cảm thấy hạnh phúc hơn: ông ấy đau đớn cũng là công bằng!

Ralph thức giấc. Nàng nhìn vào mắt ông – trong màu xanh của đôi mắt ấy, nàng nhìn thấy vẫn cái tình yêu đã sưởi ấm nàng từ thuở ấu thơ, đã đem lại ý nghĩa cho sự tồn tại của nàng, và cùng với tình yêu là sự mệt mỏi, vô hạn, tăm tối. Như vậy là không chỉ thể xác mệt mỏi, cả tâm hồn cũng kiệt sức.

Ông nghĩ về việc lần đầu tiên ông thức giấc trong giường không phải chỉ có một mình. Sự thức tỉnh như vậy có lẽ còn thâm kín hơn cả sự gần gũi trước đó, nó là dấu hiệu chứng tỏ rằng ông và Meggie gắn bó với nhau bằng những sợi dây tình cảm sâu hơn, rằng ông với nàng là một. Phóng khoáng, nhẹ bồng như không khí thần tiên ở đây, thấm nhiễm hơi thở mặn mặn của biển và hương thơm của lá nòng đọt ánh nắng mặt trời, ông bay lượn một lúc trên đôi cánh của sự tự do trước kia chưa từng biết: nhẹ nhõm biết bao – từ bỏ cuộc đấu tranh mà suốt đời ông đã ép mình phải lao vào, tâm hồn bình yên biết bao khi rút cuộc đã thua trong cuộc chiến tranh lâu dài, tàn bạo không thể tưởng được, thì ra thất bại còn ngọt ngào hơn nhiều so với giao tranh.

Phải, ta đã chiến đấu dữ dội với em, Meggie của ta ạ! Thế nhưng cuối cùng không phải em bị đập vỡ tan tành, để ta phải dàn lại từng mảnh một, mà chính ta phải gắp thâu lượm những mảnh vỡ của chính mình.

Em được đặt trên đường đi của ta để làm cho ta hiểu: sự kiêu hãnh của những đấng chẵn chiên như ta là giả dối và trống rỗng biết chừng nào. Tương tự như Lucifer^[84], ta nuôi tham vọng sánh ngang chúa trời, và cũng như Lucifer, ta đã thua bại. Ta đã sống giữ mình thanh sạch, còn trước khi gặp Mary Carson ta sống trong nghèo túng. Nhưng cho đến sáng hôm nay, ta chưa biết thế nào là khuất luy. Lạy Chúa, nếu như nàng không phải là người mà con yêu quý thì tình cảnh sẽ không đến nỗi nặng nề như thế, khổ nỗi có những lúc con cảm thấy yêu nàng hơn yêu Chúa nhiều, mà đấy cũng là cái cách Chúa trừng phạt con. Về nàng thì con không hề nghi gì cả, thế còn về Chúa? Một sự lừa dối, một ảo ảnh, sự giễu cợt. Liệu có thể yêu sự giễu cợt được không? Thế mà con vẫn yêu.

– Nếu như tôi có thể lấy lại được sức, tôi sẽ đi xưng tội, rồi sẽ chuẩn bị bữa ăn sáng. – Ông nói, cuối cùng thì phải nói điều gì, và ông cảm thấy trên ngực ông môi nàng run rẩy trong một nụ cười.

– Đi xưng tội đi, bữa ăn sáng để em làm. Mà chẳng cần mặc thêm gì hết. Chẳng ai đến đây đâu.

– Đích thực là thiên đường! – Ông ngồi dậy trên giường, buông hai chân xuống sàn, vươn vai. – Buổi sáng tuyệt diệu. Có lẽ đấy là điềm triệu chẳng?

Bây giờ đã là nỗi đau chia ly chỉ là vì ông đã ra khỏi giường;

Meggie nằm nhìn ông đi ra cái cửa dẫn ra vụng nước. Bước lên ngưỡng cửa, ông dừng chân, quay lại, giơ một tay ra:

– Em đi với tôi chứ? Rồi ta sẽ cùng sửa soạn bữa ăn sáng.

Triều đang lên, dẫy đá ngầm chìm dưới nước, mặt trời sáng sớm đã nóng như thiêu, nhưng làn gió mùa hè xáo động mang đến hơi mát; cỏ cứng rũ tua cuốn xuống cát cực mịn có những con cua và đủ các loại côn trùng đang kiếm ăn. Ralph mở to mắt nhìn xung quanh.

– Tôi có cảm giác như đang nhìn thế giới lần đầu. – Ông nói.

Meggie bóp chặt tay ông; đây là phần thưởng cho tất cả mọi điều, sự thức tỉnh tưng bừng này còn khó hiểu hơn cái đích thực khó tả như giấc chiêm bao của đêm qua. Nàng nhìn ông không chán mắt. Thời gian không chứa đựng vừa trong ý thức, một thế giới chưa từng biết.

Và nàng nói:

– Đúng là trước đây mình không hề thấy nó. Mình không thể nhìn thấy được. Đây là thế giới của chúng ta trong lúc chúng ta ở đây.

– Luke là người thế nào? – Ông hỏi trong bữa ăn sáng.

Meggie nghiêng đầu, nghĩ ngợi.

– Bề ngoài anh ấy rất giống mình, hồi ấy quả thực là em có cảm giác như vậy, bởi vì em nhớ ghê gớm, em vẫn chưa quen với sự thiếu vắng mình. Em lấy anh ấy có lẽ vì anh ấy hao hao giống mình. Bởi vì em đã quyết ý đi lấy chồng, mà anh ấy cao hơn những người khác một đầu. Không phải vì anh ấy xứng đáng hơn, dễ thương hơn, hay có những phẩm chất gì mà phụ nữ thường quý trọng ở người chồng. Đây có cái gì khác, chính em cũng

không hiểu rõ. Chỉ riêng có mặt này là có lẽ anh ấy quả thực là giống mình: anh ấy cũng không cần phụ nữ.

Ralph nhăn mặt đau đớn.

– Em nghĩ về tôi như thế ư, Meggie?

– Thực tình là có như thế. Em chưa bao giờ hiểu được tại sao, nhưng theo em thì đúng là như thế. Cả mình lẫn Luke, không hiểu sao trong thâm tâm đều tin chắc rằng cần đàn bà là yếu đuối. Em không nói về chuyện ngủ với đàn bà, em nói về việc thực sự cần đến người phụ nữ.

– Em có những ý nghĩ như thế mà vẫn không từ bỏ bọn đàn ông chúng tôi ư?

Nàng nhún vai, mỉm cười gằn như thương hại.

– Ôi chao Ralph. Em không nói rằng điều đó không quan trọng, và cố nhiên vì thế mà em đau khổ nhiều, nhưng thực tế là như thế. Có lẽ em thật là đại dốt: phí sức đấu tranh với cái mà dù sao em cũng không thắng được. Khá lắm thì em có thể lợi dụng được sự yếu đuối ấy, nhưng không thể nhắm mắt làm ngơ với nó được. Bởi vì em cũng mong muốn và cần những người như mình và Luke, nếu không thì em đã chả héo mòn đi vì cả hai người. Em muốn lấy một người tử tế, đôn hậu, giản dị như cha em hồi xưa, lấy một người mà em mong muốn và cần đến. Nhưng chắc là trong mỗi người đàn ông đều có một cái gì của Samson^[85]. Còn ở những người như mình và Luke thì điều đó đặc biệt mạnh.

Ralph dường như không mếch lòng, chỉ mỉm cười.

– Meggie sáng suốt của tôi!

– Đấy không phải là sự sáng suốt, Ralph. Chỉ là ý nghĩ lành mạnh. Em chẳng sáng suốt tí nào, chính mình biết đấy. Nhưng

mình hãy xem các anh của em đây. Em ngờ rằng các ông anh của em dù sao cũng không bao giờ lấy vợ, thậm chí sẽ không có bạn gái. Các anh ấy rụt rè không thể tưởng được, các anh ấy sợ rằng biết đâu người phụ nữ sẽ có quyền lực đối với các anh ấy, mà các anh ấy yêu mẹ đến mê mụ.

* * *

Ngày này tiếp ngày khác, đêm nọ tiếp đêm kia. Ngay cả trận mưa rào mùa hè cũng tuyệt diệu, thật thú vị khi đi dạo chơi mà cảm thấy mưa trên làn da trần, làn mưa ấm áp và âu yếm như ánh nắng mặt trời, thật thú vị khi nghe mưa dội âm âm trên mái tôn. Cả trong những giờ nắng họ cũng đi dạo, nằm trên cát sỏi ấm, bơi – Ralph dạy nàng bơi.

Đôi khi, không để Ralph nhận thấy, Meggie nhìn ông và gắng hết sức ghi lại trong óc từng đường nét khuôn mặt ông: nàng yêu Frank biết dường nào, vậy mà nhiều năm qua, hình ảnh anh ngày càng mờ đi trong trí nhớ, và bây giờ không còn tưởng tượng ra anh được nữa. Và bây giờ nàng cố ghi nhớ đôi mắt Ralph, cả mũi, môi, cả những mảng tóc bạc nom như đôi cánh trong bộ tóc đen, và toàn bộ tấm thân rắn chắc này, vẫn còn cân đối như thời trẻ trai, mềm mại, nhưng có lẽ không còn mềm mại như trước. Thế rồi bất chợt ông quay lại, bắt gặp cái nhìn của nàng chiếu vào mình, và trong mắt ông lộ vẻ lo ngại, đau xót, tuyệt vọng. Và nàng hiểu, hay có cảm giác rằng nàng hiểu cặp mắt đó nói gì – ông phải ra đi, trở về với nhà thờ, với trách nhiệm của mình. Có lẽ từ nay trở đi ông sẽ không còn nhiệt tâm như trước nữa, nhưng ông

sẽ trở thành kẻ phụng sự nhà thờ tốt hơn trước. Bởi vì chỉ có người nào đã một lần trượt ngã mới biết được cái trắc trở của đường đi.

Một lần, khi họ nằm trên bờ và mặt trời hoàng hôn đã nhuộm màu đỏ thắm lên các con sóng và rải lên cát san hô một màn sương óng ánh vàng, Ralph nói:

– Meggie, chưa bao giờ tôi hạnh phúc như thế này và cũng bất hạnh như thế này.

– Em biết, Ralph ạ.

– Tôi còn nghĩ thế này nữa. Có lẽ vì thế mà tôi yêu em chẳng? Em không có gì khác thường lắm, vậy mà dấu sao vẫn khác thường. Có lẽ tôi đã cảm thấy điều đó từ nhiều năm trước chẳng? Đúng, chắc là thế. Bây giờ tôi cũng mê thích màu tóc trong tranh của Titian! Giá như tôi biết niềm say mê ấy sẽ dẫn tôi tới đâu... Tôi yêu em, Meggie.

– Mình sắp đi phải không?

– Ngày mai. Cần phải đi. Tôi phải kịp đáp chuyến tàu thủy đi Genoa, còn chưa đến một tuần.

– Mình đi Genoa ư?

– Đi La Mã. Một thời gian lâu đấy, có lẽ cho đến hết đời. Tôi cũng chẳng biết nữa.

– Đừng sợ, Ralph. Em sẽ để mình đi mà không gào khóc gì đâu. Cũng sắp đến lúc em rời khỏi đây rồi. Em sẽ lia bỏ Luke, trở về nhà, về Drogheda.

– Trời. Chẳng lẽ vì chuyện này ư? Vì tôi ư?

– Cố nhiên là không. – Meggie nói dối. – Em đã quyết như thế

từ trước khi mình đến. Luke không cần đến em, em chẳng có nghĩa lý gì đối với anh ấy, anh ấy sẽ không mong nhớ lâu. Mà em thì em nghĩ rằng không đâu hơn Drogheda. Không nên để Justine tội nghiệp phải lớn lên trong ngôi nhà mà em là người ở, mặc dù đối với Anne và Luddie, em gần như người ruột thịt. Nhưng em thì em nhớ điều đó, còn Justine thì khi nó lớn lên và hiểu rằng nó không có nhà cửa thực sự, nó cũng sẽ coi em chỉ là người ở. Hiểu theo một nghĩa nào đó thì ngôi nhà cũng sẽ chẳng đem lại cho nó được bao lắm niềm vui, nhưng em phải làm cho nó tất cả những gì có thể làm được. Vì thế em sẽ trở về Drogheda.

– Tôi sẽ viết thư cho em, Meggie ạ.

– Không nên. Thế mình cho rằng sau tất cả những gì đã có trong thời gian vừa qua mà em còn cần thư từ nữa ư? Biết đâu một tên đồn mạt nào biết được chuyện chúng ta, rồi ngộ nhờ điều đó có hại cho mình. Không, không nên viết thư. Nếu có dịp nào mình lại về Úc thì việc mình về thăm Drogheda sẽ là hoàn toàn dễ hiểu và tự nhiên, tuy nhiên em báo trước, Ralph ạ, hãy nghĩ kỹ đi đã. Trên đời chỉ có hai nơi mà ở đó mình trước hết là của em, rồi sau mới là tôi tớ của Chúa: ở đây, trên đảo Matlock và ở Drogheda.

Ralph ôm ghì lấy nàng, vuốt tóc nàng.

– Meggie, Meggie, giá như tôi có thể lấy em, giá như không bao giờ phải chia tay nữa... Tôi không muốn xa rời em. Theo một nghĩa nào đó, em không bao giờ buông tha tôi nữa. Có lẽ tôi đến Matlock là lầm. Nhưng không thể thay đổi được bản thân mình, mà có lẽ như thế lại hơn. Bây giờ tôi biết mình, không thể thì không nhận biết được bản thân, không dám nhìn thẳng vào sự thật. Mà đấu tranh với những địch thủ quen biết thì dễ hơn là đấu

tranh với cái chưa từng biết. Tôi yêu em. Trước nay tôi vẫn yêu và sẽ yêu mãi mãi. Em hãy nhớ lấy.

Sáng hôm sau, lần đầu tiên Rob đến kể từ ngày ông đánh xe đưa Ralph tới đây, và ông kiên nhẫn chờ trong lúc hai người chia tay nhau. Rõ ràng họ không phải là vợ chồng mới cưới, Rob nghĩ, ông ta đến muộn hơn cô nàng và ra đi sớm hơn. Nhưng cũng không phải là cặp tình nhân lén lút. Họ là vợ chồng, nhìn thấy ngay. Nhưng họ yêu nhau, rất yêu nhau là đằng khác. Như thể chính ông, Rob, với bà nội tướng của mình. Chồng hơn tuổi vợ nhiều, thế là thành một cặp tốt đôi.

- Tạm biệt Meggie.
- Tạm biệt Ralph, hãy gìn giữ bản thân.
- Được, em yên tâm. Và cả em cũng thế.

Ông cúi xuống hôn nàng; bất chấp mọi quyết tâm của mình, nàng quàng tay ôm lấy cổ ông, áp mình vào ông, nhưng ông gỡ tay nàng ra, và lập tức nàng bắt hai tay ra sau lưng ông, đan các ngón tay vào nhau.

Ralph lên ô tô, và khi Rob cho xe quay mũi, ông nhìn qua kính chắn gió, không ngoảnh lại lần nào. Hiếm người có thể như vậy, Rob nghĩ, tuy ông không hề nghe chuyện Orpheus^[86]. Họ lặng lẽ ngồi trong xe đi qua những luồng mưa và cuối cùng ra bờ đảo Matlock, đến cái bến dài. Xiết chặt bàn tay khách lúc từ biệt, Rob nhìn vào mặt ông khách và ngạc nhiên. Chưa bao giờ ông thấy cặp mắt giàu sức biểu hiện đến thế, buồn đến thế. Cái nhìn của Tổng Giám mục Ralph đã vĩnh viễn mất vẻ phiêu diêu trước kia.

* * *

Khi Meggie trở lại Himmelhoch, Anne hiểu ngay rằng chị sắp mất nàng. Đúng, trước mắt chị vẫn là Meggie trước kia, nhưng cũng là người khác. Tổng Giám mục Ralph, trước khi đi Matlock dù có tự nhủ thế nào đi nữa thì ở đấy, trên đảo, mọi việc rút cục xoay chuyển không theo ý ông, mà theo ý Meggie. Phải thôi, đã đến lúc từ lâu rồi.

Meggie bế con bé lên, dường như đến bây giờ nàng mới hiểu Justine có ý nghĩa như thế nào đối với nàng và nàng đứng, đu đưa con bé, mỉm cười nhìn khắp phòng. Nàng bắt gặp cái nhìn của Anne, và trong cặp mắt ngời sáng của nàng chan chứa sức sống, chan chứa niềm vui đến nỗi mắt Anne cũng rân rấn lệ vì cảm động và vui sướng.

– Em không biết cảm ơn chị thế nào, chị Anne ạ.

– Ôi dào, cảm ơn cái nỗi gì kia chứ?

– Vì chị đã chỉ cho Ralph đến chỗ em. Chắc chị hiểu rằng sau đó thì em sẽ rời bỏ Luke, điều đó em cũng cảm ơn chị lắm lắm. Chị thậm chí không tưởng tượng được thế là thế nào đối với em đâu! Em đã định suốt đời ở lại với Luke. Bây giờ em sẽ trở về Drogheda và sẽ không bước chân khỏi nơi ấy một bước!

– Chị đau lòng phải chia tay với em, Meggie ạ, và chia tay với Justine càng đau lòng hơn, nhưng chị mừng cho cả hai. Luke sẽ không đem lại cho hai mẹ con cái gì, ngoài nỗi đau xót.

– Chị có biết hiện giờ anh ấy ở đâu không?

– Trước thì ở nhà máy tinh chế tại Sydney. Còn bây giờ thì

đang chặt mía ở gần Ingham.

– Em sẽ phải đến tìm anh ấy, nói với anh ấy. Và dù là bị ối và đáng ghét đến đâu đi nữa cũng phải ngủ với anh ấy.

– Cái gì?!

Mắt Meggie ngời lên.

– Em chậm kinh đã hai tuần, mà trước đây không hề chậm lấy một ngày. Chỉ có một lần như vậy, trước khi có Justine. Em sẽ có con. Chị Anne ạ, em biết đích xác!

– Lạy Chúa lòng lành! – Anne tròn mắt nhìn Meggie, như thể thấy nàng lần đầu; đúng, có lẽ quả thế thật. Chị lập tức liếm cặp môi khô héo, nói lấp bắp: – Có thể là tin báo hoảng.

Nhưng Meggie lắc đầu:

– Không, không. Sẽ có con. Em biết mà.

– Thật khủng khiếp, nếu đấy là sự thật. – Anne nói lí nhí.

– Ô kìa, chị Anne, chị không hiểu gì sao? Chẳng lẽ chị không hiểu ư? Ralph không thể là của em, em vẫn biết là như vậy. Nhưng bây giờ ông ấy là của em, của em! – Nàng phá lên cười và ghì chặt lấy Justine đến nỗi thậm chí Anne sợ hãi, nhưng thật đáng ngạc nhiên, con bé không khóc. – Em đã lấy của Ralph cái mà nhà thờ không có được, cái đó sẽ lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bây giờ ông ấy sẽ sống mãi, bởi vì em biết, em sẽ sinh con trai! Rồi đứa con trai đó sẽ có các con trai của mình, rồi chúng sẽ lại có con trai... em sẽ còn chiến thắng Chúa trời. Em đã yêu Ralph mười năm trời, và hẳn là nếu em sống đến trăm tuổi thì em vẫn cứ yêu ông ấy. Nhưng ông ấy không phải là của em, còn con ông ấy sẽ là của em. Của em, chị Anne ạ, của em!

– Ôi, Meggie! – Anne thở dài bất lực.

Sự bùng nổ của niềm hoan hỉ mãnh liệt đã qua đi. Anne lại nhận ra Meggie trước kia, điềm tĩnh và âu yếm, mãi đến giờ chị mới cảm thấy ở nàng có cái lõi thép, có khả năng chịu đựng nhiều điều. Nhưng Anne đã trở nên thận trọng hơn; thực ra chị cố đạt được cái gì khi chỉ cho Ralph đến đảo Matlock? Chẳng lẽ con người có thể thay đổi đến mức ấy ư? Chưa chắc. Như vậy là cái đó vẫn hằng có ở Meggie, nhưng được giấu kín đến nỗi ta không thể ngờ được. Mà không chỉ là cái lõi thép, không, thì ra Meggie cứng hơn thép.

– Meggie, nếu em yêu chị ít nhiều thì chị xin em nhớ lại một điều, được chứ?

Đôi mắt màu xám mỉm cười.

– Em sẽ cố gắng!

– Đã từ lâu chị đọc hết tất cả các sách của mình và mấy năm gần đây chị đọc sách của Luddie. Đặc biệt là về cổ Hy Lạp, những người Hy Lạp ấy đúng là đã làm chị mê mẩn. Nghe bảo họ hiểu hết mọi thứ trên đời, không có tình cảm và hành vi nào của con người mà ta không gặp trong sách của họ.

– Vâng, em biết. Em cũng có đọc một số sách của anh Luddie.

– Vậy em không nhớ sao? Người Cổ Hy Lạp cho rằng tình yêu cuồng dại là có tội với các thần. Thêm nữa, em nên nhớ, nếu người nào được yêu một cách điên cuồng thì các thần sẽ ghen và nhất định sẽ giết chết người được yêu giữa tuổi hoa niên. Đây là bài học cho tất cả chúng ta, Meggie ạ. Yêu quá mức là một sự báng bổ.

– Đúng thế, chị Anne ạ, chính là sự báng bổ. Không, em sẽ yêu con của Ralph không phải bằng một tình yêu báng bổ, mà bằng

một tình yêu trinh tuyền như chính Đức mẹ đồng trinh.

Cặp mắt màu nâu sẫm của Anne đượm một nỗi buồn sâu sắc.

– Nhưng tình yêu của Đức mẹ có thật trong trắng không? Chẳng phải là người được Mẹ yêu đã chết giữa tuổi hoa niên đó sao?

Meggie đặt con bé xuống giường:

– Cái gì ắt phải xảy ra thì không sao tránh khỏi. Em không thể giành được Ralph cho mình, nhưng con ông ấy sẽ là của em. Em có cảm giác rằng... rút cuộc em có cái gì đáng để mà sống! Đây là điều tệ hại nhất trong ba năm rưỡi trời đó, chị Anne ạ; em đã nghĩ rằng em chẳng đáng sống làm gì. – Meggie mỉm một nụ cười thoáng qua, kiên quyết. – Em muốn bằng mọi cách bảo vệ, giữ gìn đứa bé này, bằng bất cứ giá nào. Trước hết phải làm sao cho không một ai, ngay cả Luke, dù là trong chiêm bao cũng không thể nào thấy rằng đứa trẻ này không có quyền mang cái tên duy nhất mà em có thể đặt cho nó. Nằm chung giường với Luke, chỉ riêng ý nghĩ ấy cũng khiến em lộn mửa, nhưng em sẽ làm việc đó. Em sẵn lòng nằm với quý, miễn là điều đó giúp cho đứa bé sống được. Rồi sau đó em sẽ về nhà, về Drogheda, và em hy vọng rằng sẽ không bao giờ em còn nhìn thấy Luke nữa. – Nàng rời khỏi chiếc giường con. – Chị với anh Luddie sẽ về thăm mẹ con em chứ, hả? Ở Drogheda bao giờ cũng sẽ tìm được chỗ cho khách.

– Chúng tôi sẽ về thăm mỗi năm một lần, năm nào cũng về, cho đến khi nào em chán ngấy thì thôi. Chị với anh Luddie muốn thấy Justine lớn như thế nào.

Chỉ có ý nghĩ về đứa con của Ralph mới duy trì được lòng dũng cảm cứ tắt dần của Meggie, ngồi trong cái toa xe nhỏ ọp ẹp xóc

long người, nàng có cảm giác như thể những dặm đường đến Ingham dài bất tận. Nếu như không có cái sinh mạng mới đang trưởng thành trong cơ thể nàng thì một lần nữa nằm chung giường với Luke có lẽ là một tội chết người chống lại chính bản thân mình; nhưng vì đứa con của Ralph nàng quả thực là sẵn lòng bán linh hồn cho quỷ dữ.

Để hiểu là về mặt thực tế thuần túy, việc ấy không phải là đơn giản. Nhưng nàng nghĩ kỹ và tính trước hết cả – và kỳ lạ thay, Luddie đã giúp nàng. Ít khi giấu nổi anh điều gì, vì anh tinh quá, vả lại Anne đã thổ lộ hết với anh. Anh buồn rầu nhìn Meggie, lắc đầu và lần nào cũng đưa ra một lời khuyên xác đáng. Không ai nhắc đến mục đích thực trong chuyến đi của nàng, nhưng, như bất cứ người nào trong đời mình đã đọc khá nhiều pho sách uyên thâm, Luddie Mueller là một người nhanh trí.

– Hoàn toàn không nên nói với Luke vào lúc anh ấy mệt nhoài sau buổi chặt mía rằng em sẽ lìa bỏ anh ấy – Anh nói một cách mềm mỏng. – Lúc vui vẻ anh ấy sẽ dễ khiến hơn, phải không? Tốt nhất là gặp anh ấy tối thứ bảy hay chủ nhật, sau khi anh ấy hết một tuần làm bếp. Người ta kháo nhau rằng ở tất cả các đồn điền không tìm đâu ra một người nấu bếp nào được như Luke. Anh ấy học được cách nấu ăn từ khi còn là thợ phụ trong phường thợ xén lông cừu, mà thợ xén lông cừu ăn uống khó tính hơn thợ chặt mía nhiều. Vì vậy, em hiểu đấy, sau thời gian nấu ăn, anh ấy phẩn chấn. Đối với anh ấy, cái công việc như thế là nhẹ nhàng nhất hạng. Lúc đó thì không nên chần chừ, Meggie ạ. Hãy tìm cách gặp anh ấy sau tuần lễ nấu ăn ở bếp của phường thợ, khi anh ấy hể hả, vui vẻ, và tức khắc nói những gì cần nói.

Thời gian gần đây, Meggie có cảm giác rằng nàng đã hoàn toàn

mất thói quen đỏ mặt: nàng đón gập cái nhìn của Luddie và mặt không ửng hồng chút nào.

– Anh Luddie, thế anh có thể hỏi xem tuần nào anh ấy làm bếp được không? Hay em có thể tự mình làm cách nào dò ra được?

– Cô giỏi lắm! – Anh nói bằng giọng vui vẻ. – Không sao, tôi có nguồn của tôi. Tôi sẽ thăm dò.

* * *

Trưa thứ bảy, Meggie thuê một buồng ở khách sạn Ingham mà nàng cho là lịch sự nhất. Cần phải công bằng với Bắc Queensland: ở đây trong mỗi thành phố, tại mỗi góc phố đều có một khách sạn. Meggie để vali trong buồng và lại ra cái tiền sảnh xấu xí, đến máy điện thoại. Vừa đúng lúc có những đội bóng đá nào không rõ đến Ingham để giao hữu thân thiện theo thường lệ, các hành lang đầy những gã trai gần như trần trụi và say rượu, họ chào mừng Meggie bằng những tiếng reo vui thích và những cái vỗ lưng và vỗ vào chỗ thấp hơn nữa. Nhưng nàng vẫn đến được chỗ máy điện thoại, run lên vì sợ. Dường như toàn bộ cái dự định này từ đầu đến cuối sẽ là một khổ hình. Nhưng bất chấp tiếng ồn ào huyên náo và những bộ mặt say ở xung quanh, nàng vẫn khéo léo gọi được điện đến trại của một người tên là Braun, nơi phòng thợ của Luke hiện đang làm việc và nhờ nhắn lại cho O'Neill rằng vợ anh ở Ingham và muốn gặp anh. Ông chủ khách sạn nhận thấy nàng sợ hãi quá, liền đưa nàng về buồng và chỉ sau khi đã nghe thấy nàng khóa cửa, ông mới đi.

Còn Meggie thở dài nhẹ nhõm tựa vào cửa, chân nàng bủn nhủn. Nàng không xuống tiệm ăn, tuy sẽ phải chịu đói cho đến khi trở về Dungloe. Cám ơn ông chủ đã dành cho nàng một buồng cạnh buồng phụ nữ, nếu cần nàng có thể đến đấy. Cuối cùng chân dường như không còn bủn nhủn lắm nữa, Meggie loạng choạng lần đến giường, ngồi xuống và cúi đầu nhìn hai bàn tay run run.

Suốt dọc đường đến Ingham, nàng đã nghĩ ngợi tìm cách nào hành động tốt nhất, và tiếng nói nội tâm gào thét – mau lên, mau mau lên! Trước đây chưa bao giờ nàng đọc về những trò cám dỗ và những phụ nữ đi quyến rũ, lần đầu tiên những sách như thế lọt vào tay nàng ở Himmelhoch, tuy nhiên ngay cả bây giờ, đã biết được đôi điều, nàng vẫn không tin lắm rằng chính nàng có thể làm được việc đó. Nhưng cần thì phải làm, vì hễ nàng bắt đầu nói với Luke là chấm dứt hết. Lưỡi ngứa ngáy muốn nói với anh tất cả những gì nàng nghĩ về anh. Nhưng có một điều thôi thúc còn mạnh hơn: nàng nôn nóng muốn trở về Drogheda và biết chắc rằng không có gì đe dọa con của Ralph.

Mặc dù oi bức ngột ngạt, nàng run lên, nhưng nàng cởi áo đi nằm, nhắm mắt lại và bắt mình chỉ nghĩ đến một điều: phải làm sao cho con của Ralph không bị cái gì đe dọa.

Luke đến khách sạn một mình, lúc gần chín giờ tối, và các cầu thủ bóng đá không ngại trở gì anh – hầu hết bọn họ đã uống say đến mê man, còn những người chưa gục thì đã không còn nhìn thấy gì, nhận thấy gì ngoài những vại bia của mình.

Luddie nói đúng, qua một tuần làm bếp. Luke đã được nghỉ ngơi khá tốt, anh rất khoan khoái và muốn tiêu khiển chút ít. Khi

cậu con trai của Braun chạy vào căn nhà ở của thợ và nói về việc Meggie gọi điện thoại thì đúng là lúc Luke đang rửa cho xong bát đĩa sau bữa ăn tối và định lấy xe đạp đi Ingham để uống bia như thường lệ vào thứ bảy cùng với Arne và những thợ chặt mía khác. Vợ đến là một sự đổi mới thú vị: sau tháng ở Atherton, mặc dù việc chặt mía ở các đồn điền vắt hết sức lực của anh, đôi khi Luke vẫn thèm muốn Meggie. Anh chỉ sợ một điều là Meggie lại đòi “vứt quách cây mía đi, đã đến lúc tậu nhà riêng”, vì thế anh không tạt về Himmelhoch mỗi lần có mặt ở gần đây. Nhưng lần này chính nàng đến với anh, và anh vui lòng nằm chung giường với nàng một đêm. Vậy là anh mau mau rửa cho xong bát đĩa, và may mắn thay, chỉ phải đạp xe có nửa dặm, tiếp đó lại nhờ được chiếc cam nhông đi cùng đường. Nhưng trong lúc anh dắt xe đạp đi nốt ba khu phố còn lại cho đến khách sạn thì cái thú cảm thấy trước khoái lạc đã nguội lạnh. Tất cả các hiệu thuốc đều đóng cửa, mà anh không có sẵn “những món quà của Pháp”. Anh đứng một lúc trước cái tủ kính đầy những sôcôla để lâu chảy nhoét ra vì nóng và những con ruồi chết, anh nhún vai. Chẳng làm cách nào được, liêu thôi. Trước mắt chỉ có một đêm, mà nếu có con thì lần này có thể sẽ may mắn hơn và có con trai.

Nghe thấy tiếng gõ cửa, Meggie hoảng hốt bật dậy và chân đất lạch bạch chạy ra cửa.

– Ai đấy?

– Luke. – Tiếng đáp lại.

Nàng mở khóa, hé cửa và nấp ra phía sau khi Luke mở cửa cho rộng hơn. Anh vừa vào xong, nàng đã sập cửa, dừng lại nhìn anh. Còn Luke nhìn nàng: sau khi sinh con, ngực nàng càng đầy đặn hơn, căng tròn hơn, hấp dẫn hơn, đầu vú không hồng hồng nữa,

mà đỏ thắm. Nếu như Luke cần sưởi ấm thì chỉ riêng cái đó cũng đã quá đủ; anh bế xốc Meggie lên, đem đến giường.

Đã rạng sáng mà nàng vẫn chưa thốt lên lời nào, tuy những cái đụng chạm của nàng khiến anh rục lên đến cuồn dại, những cơn rạo rục trước kia chưa từng có. Thế rồi nàng nằm dịch ra, đột nhiên trở nên xa cách lạ lùng.

Luke khoái trá vươn vai, ngáp, hắng giọng, hỏi:

– Vì sao bỗng dưng em lại đến Ingham, Meg?

Nàng quay đầu lại, đôi mắt to đầy vẻ khinh miệt.

– Vì sao em đến đây? – Anh nhắc lại.

Lại vẫn im lặng, có điều vẫn cái nhìn cay độc ấy xoáy vào anh, như thể quả thực là nàng không buồn trả lời. Sau một đêm như thế mà lại thế này thì cũng khá kỳ cục.

Nhưng kìa, môi nàng rung lên trong một nụ cười.

– Em đến để nói với anh rằng em sắp trở về nhà, về Drogheda.

Thoạt đầu anh không tin, nhưng nhìn mặt nàng chăm chú hơn, anh hiểu đấy là sự thật.

– Tại sao? – Anh hỏi.

– Thì em đã nói trước với anh rằng sự thể cuối cùng sẽ ra sao nếu anh không cho em cùng đi Sydney. – Meggie nói.

Luke thành thực sửng sốt :

– Ô kìa em, Meg! Chuyện ấy cách đây một năm rưỡi rồi, quái quý! Thì anh đã đưa em đi nghỉ rồi đấy thôi! Một tháng ở Atherton tốn khá nhiều, em có biết không! Anh không phải là triệu phú để mà lại còn đưa em đi Sydney nữa.

– Anh đi Sydney hai lần, cả hai lần đều không có em. – Meggie

nói một cách bướng bỉnh. – Lần đầu em còn hiểu được, khi ấy em sắp sinh Justine, nhưng tháng giêng năm nay, khi trời mưa như trút, em cũng cần được nghỉ ngơi và sưởi ấm đôi chút chứ.

– Hừ, đồ quý!

– Anh là đồ keo kiệt, Luke ạ – Meggie khẽ giọng nói tiếp – Anh nhận được của em hai mươi ngàn bảng, đấy là tiền riêng của em, vậy mà anh tiếc không dám tiêu lấy mấy bảng để đưa em đi Sydney. Anh chỉ biết có tiền! Nhìn anh mà phát ghét lên được.

– Anh không động đến tiền của em. – Luke áp úng, bối rối. – Còn nguyên cả đấy, vẫn ở nhà băng, mà còn thêm lên bao nhiêu.

– Cái gì đúng thì nó vẫn đúng. Nó sẽ vẫn cứ nằm như thế ở nhà băng. – Anh không hề có ý định tiêu đến nó, sao, không phải ư? Anh cầu khẩn số tiền ấy, anh tôn sùng nó như con bê vàng. Hãy thành thật thú nhận đi, Luke, anh chỉ là một kẻ ki cốp, thêm nữa là một thằng ngốc vô phương cứu chữa. Ai đời lại đối xử với vợ và con gái tồi tệ hơn là với những con chó, quên cả nghĩ đến vợ con. Một tên vô lại tự mãn, tự say mê mình, nhẫn tâm, anh là kẻ như thế đấy!

Mặt Luke trắng bệch ra, anh run lên, không tìm được lời: Meggie mà lại mắng như tát nước vào mặt anh như thế, mà lại sau một đêm như thế... như vậy thật chẳng khác gì bị một con bướm nào đó châm chọc đến tử thương. Điển người vì những lời buộc tội bất công đến như vậy, anh không biết làm thế nào giải bày với nàng rằng lương tâm anh hoàn toàn trong sạch. Như bất cứ người phụ nữ nào khác, nàng chỉ xét đoán theo cái bề ngoài, nàng làm sao đánh giá được dự định của anh lớn lao dường nào.

– Ôi chao, Meg! – Cuối cùng anh thốt lên bằng giọng bối rối,

ngoan ngoan, gần như thất vọng. – Thì anh đã có lần nào xử tệ với em đâu! Không hề có chuyện gì như thế! Không ai có thể nói rằng anh đã đối xử tàn bạo với em dù chỉ một lần thôi. Không ai có thể nói như thế! Em no đủ, có mái nhà trên đầu, sống trong sự đầm ấm...

– Còn phải nói! – Meggie ngắt lời. – Đấy mới là những lời vàng ngọc. Trong đời chưa bao giờ em sống đầm ấm như thế. – Nàng lắc đầu và bật cười. – Nói với anh phỏng có ích gì? Như nói với bức tường...

– Thì nói với em cũng thế!

– Thôi xin tùy anh muốn nghĩ thế nào cũng được. – Meggie lạnh lùng nói, nàng đứng lên, mặc quần lót. – Em không định li dị với anh. Em sẽ không lấy chồng nữa. Nếu anh cần li dị thì anh biết phải tìm em ở đâu rồi đấy. Theo luật thì phần lỗi về em, thế chứ gì? Bởi vì em bỏ anh, dù sao thì tòa án Úc sẽ nhìn nhận sự việc như thế. Có thể anh với quan tòa sẽ khóc ngấm ngấm với nhau – phụ nữ toàn là đồ phản trắc và vô ơn thế đấy.

– Anh thì anh không hề bỏ em. – Luke tuyên bố.

– Anh có thể giữ lấy cho anh hai mươi ngàn bảng của em, Luke ạ. Nhưng anh sẽ không nhận thêm được một xu nào của em nữa đâu. Em sẽ nuôi dạy Justine bằng tiền của em, mà biết đâu may mắn lại có thêm đứa nữa.

– À, thì ra là thế đấy! Vậy là cô chỉ cần tôi cho cô thêm một đứa con nữa, quỷ tha ma bắt cô đi. Thì ra vì thế mà cô đến đây, vì bài ca thiên nga ấy, cốt là lấy được cái kỷ niệm cuối cùng của tôi mà mang về Drogheda! Không phải cô cần tôi, mà cần thêm một đứa con nữa! Chưa bao giờ cô cần đến chính bản thân tôi, phải không

nào? Đối với cô, tôi là con bò đực giống, có thể thôi. Quả là tôi hồ to!

– Hầu như bao giờ cũng thế, đối với phụ nữ, đàn ông chỉ là những con bò đực giống. – Meggie nói một cách độc ác – Anh đã đánh thức dậy trong tôi tất cả những gì tồi tệ nhất, Luke ạ. Thậm chí anh không hiểu nổi điều đó đâu. Anh có thể vui sướng được đấy! Trong ba năm rưỡi trời, tôi đã đem lại cho anh nhiều tiền gấp bội so với những cây mía của anh. Nếu tôi sinh thêm một đứa nữa thì cũng không can gì đến anh. Tôi không muốn thấy mặt anh nữa, không bao giờ, cho đến lúc chết.

Nàng đã vận y phục đầy đủ. Nàng lấy túi xách tay, vali, đến cửa nàng quay lại:

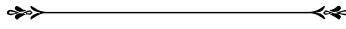
– Tôi muốn khuyên anh một điều, Luke ạ. Phòng khi về già anh không chặt được mía nữa và bỗng nhiên lại tìm được một người phụ nữ khác. Anh không biết hôn. Anh há miệng quá to, nuốt người phụ nữ như con trăn. Nước bọt, cái đó cũng chưa làm sao, người ta cũng chưa đến nỗi chết chìm trong đó. – Nàng dùng mu bàn tay quệt môi với vẻ ghê tởm. – Anh làm tôi lộn mửa! Luke O'Neill vĩ đại tự say đắm mình, cái rốn của trái đất! Thứ đồ hèn mạt!

Nàng bỏ đi, Luke còn ngồi một lúc lâu nữa ở mép giường và chờ dần nhìn ra cửa. Rồi anh nhún vai và mặc quần áo. Ở Bắc Queensland, việc đó làm nhanh thôi. Kéo chiếc quần soóc lên, thế là xong, chẳng có gì lâu la. Nhanh nhanh lên thì anh còn kịp ra ô-tô buýt để trở về đồn điền cùng với Arne và các thợ bạn khác. Arne là một chàng trai tuyệt vời. Một người bạn thực sự, một chàng trai đáng nên trai. Lấy vợ thật là xuẩn.

Chiếc giường là chiếc giường, còn tình bạn đàn ông lại là chuyện khác hẳn.

V

1938 – 1953



FEE

Meggie không muốn báo cho ai biết là mình sẽ về, người đánh xe đưa nàng về Drogheda là ông già đưa thư Williams *Chân chạy*, trên ghế xe cạnh nàng là Justine đang ngủ trong chiếc nôi nhỏ bằng tre đan. Williams rất vui sướng được gặp nàng, luôn miệng hỏi nàng sống thế nào trong những năm ấy, nhưng gần về đến nhà thì ông hiểu ra là nên im lặng và nên để nàng yên.

Xung quanh lại là toàn một màu nâu nhạt và ánh bạc, là bụi bặm, tất cả lại toát lên một vẻ sạch sẽ và dè dặt kỳ diệu mà Bắc Queensland hoàn toàn không có. Ở đây cây có nhiều sinh lực không mọc ào ạt và không vùi hư mục để nhường chỗ cho những cụm cây mới. Ở đây thiên nhiên diễn ra một vòng tuần hoàn thông thả và không thể đảo ngược, giống như sự vận động của các chòm sao. Hình như kangaroo sinh sôi nảy nở càng nhiều hơn. Những cây wilga không cao, đều đặn, gọn gàng, tròn trặn, đáng kính và nhũn nhặn như những bà chủ đáng mến. Những bầy vẹt galah bay vụt lên, mặt dưới cánh của chúng tạo thành những đám mây hồng xao động trên đầu. Những con *emu* cao kều ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Những con thỏ chạy trốn khỏi đường cái, đuôi mướt mà trắng muốt thấp thoáng như treu chọc. Giữa đám cỏ nhô lên những bộ xương nhợt nhạt của những cây chết

khô. Khi xe đi qua bình nguyên Dibban-Dibban, xa xa nơi chân trời uốn cong hình vòng cung lơ mờ hiện lên những cánh rừng, chỉ có căn cứ vào những đường xanh da trời ở dưới cùng mới có thể nhận ra đấy không phải là cây thực – mà là ảo ảnh. Qua gào lên thê lương, Meggie không hề ngờ rằng nàng nhớ tiếng “qua qua” ấy. Gió mùa thu khô hanh lùa qua chỗ hôm một tấm màn bụi màu nâu chên chéch, nom như một màn mưa bản thủ. Và cỏ, cỏ màu trắng bạc và vàng tươi của miền Đất lớn Tây bắc trải dài đến tận rìa bầu trời như một lời chúc phúc.

Drogheda, Drogheda! Những cây khuynh diệp kỳ ảo và những cây hồ tiêu khổng lồ tràn đầy tiếng ong vo vo. Kia là những sân gia súc, những vựa chứa và nhà kho tạo nên bằng sa thạch vàng như bơ, cái màu quá rực rỡ của bồn cỏ xung quanh Nhà Lớn, hoa mùa thu trong vườn – quế trúc thơm cúc, Zinnia, cúc tây và thược dược, cúc vạn thọ và cúc xu xi, cúc crizantem và hoa hồng, hoa hồng... Mảnh sân sau rải cát Mrs. Smith đứng trên bậc thềm ngạc nhiên há hốc mồm, cười, khóc, Minnie và Cat chạy tới, những cánh tay già nua nổi gân xanh quẩn lầy. Meggie, xung quanh những trái tim như những sợi xích. Đúng, ở đây, ở Drogheda này có nhà cha mẹ nàng, và trái tim nàng ở đây, mãi mãi ở đây.

Fee ra xem có chuyện gì ồn ào thế.

– Chào mẹ, con đã trở về.

Cái nhìn của cặp mắt xám không thay đổi, nhưng Meggie, với tâm hồn đã trưởng thành nàng hiểu : Mẹ vui sướng vì nàng đã về, có điều mẹ không biết bày tỏ điều đó.

– Con bỏ Luke ư? – Fee hỏi, bà cho rằng lẽ tự nhiên là Mrs. Smith và Minnie với Cat có quyền biết điều đó không kém gì bà.

– Vâng. Không bao giờ con trở lại với anh ấy nữa. Anh ấy chẳng cần gì, chẳng cần nhà, chẳng cần con, chẳng cần con cái.

– Con cái ư?

– Vâng, con sẽ có thêm đứa nữa.

Ba người đàn bà cùng “a” lên, còn Fee vẫn bằng giọng đều đều để che dấu niềm vui sướng thầm kín, đưa ra bản án của mình:

– Nếu anh ta không cần con thì con trở về nhà là đúng, mọi người ở đây có thể chăm lo cho con.

Kia là buồng trước kia của nàng, từ cửa sổ nhìn thấy vườn và Ấp chính. Bên cạnh là buồng của Justine và cho đứa bé sắp ra đời. Ở nhà thích biết bao.

Bob cũng vui thích vì em gái về. Thân hình anh gân guốc đã hơi gầy vì thể nom càng giống Paddy hơn, dường như ánh nắng đã hun khô quắt cả da lẫn xương anh. Ở anh người ta cảm thấy vẫn một sức mạnh tinh thần điềm tĩnh ấy, nhưng có lẽ vì anh không có một gia đình riêng đông đúc, nên anh không phải là hiện thân của tính khoan dung của người làm bố như Paddy. Anh có phần giống mẹ. Lặng lẽ, dè dặt, tuyệt nhiên không ưa thổ lộ tình cảm và ý nghĩ của mình. Anh đã quá ba mươi nhiều, Meggie bỗng nhiên nghĩ tới điều đó, vậy mà vẫn chưa lấy vợ. Rồi Jack và Hughie tới, cả hai đều là bản sao y hệt của Bob có điều là dịu dàng hơn, họ mỉm cười bẽn lễn khi thấy em gái. Có lẽ toàn bộ sự việc là ở đó, Meggie nghĩ, đất đã làm cho họ trở nên bẽn lễn, vì đất không cần sự hùng biện, không cần thói xã giao lịch thiệp kiểu thượng lưu. Đất chỉ cần cái mà họ hiến cho nó – tình yêu thầm lặng, lòng chung thủy sắt son.

Chiều hôm ấy tất cả các con trai nhà Cleary, đều có mặt ở nhà,

cần dỡ hàng trên chiếc ô tô tải chở hàng mà Jims và Pasty mua ở Gillanbone.

– Này, Meggie ạ, từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ anh chưa thấy lần hạn hán nào như thế này. – Bob nói. – Hai năm không mưa lấy một giọt. Lại còn một tai ách nữa là thỏ, chúng còn tệ hơn kangas: Chúng ngốn mất nhiều cỏ hơn cả cừu và kangas cộng lại, chúng ta sẽ thử không dùng thức ăn nuôi thả nữa, nhưng em biết cừu là thế nào rồi đấy.

Đúng, Meggie biết rất rõ điều đó, những con vật không có óc này đã mất hẳn khả năng tự lo cho bản thân. Nếu như tổ tiên chúng vẫn còn có cái gì na ná như óc thì lớp cừu quý tộc dòng dõi được gây giống để cung cấp lông hảo hạng đã mất nốt chút trí khôn cuối cùng. Chúng sẽ không ăn gì ngoài cỏ dưới chân và cành cây nhỏ cắt ở những bụi cây quen thuộc mọc xung quanh. Nhưng ở Drogheda thiếu sức lao động để cắt những cành cây bổ sung thức ăn cho một trăm ngàn cừu.

– Chắc là em sẽ có ích cho nhà ta chứ? – Meggie hỏi.

– Còn phải nói! Nếu em có thể cưỡi ngựa đi quanh các bãi chăn ở gần đây như trước kia thì bọn anh sẽ bắt ra được một người để cắt cành cây.

Hai anh em sinh đôi, như đã ước hẹn trước đây, đã về hẳn nhà. Đủ mười bốn tuổi thì chúng giã từ việc học, chúng nóng lòng mau mau trở lại đồng bằng đất đen của Drogheda. Hiện giờ chúng đã giống các anh lạ thường, cũng mặc như thế theo kiểu tất cả những người nuôi gia súc ở Đất lớn ở Tây Bắc: sơ mi bằng flannel và quần vải thô màu xám dần dần đã trở nên lỗi thời và được thay thế bằng vải giả da màu trắng, sơ mi trắng, mũ phớt màu xám

rộng vành chóp phang, ủng cưỡi ngựa ống thấp có canh chun và hầu như không có gót. Chỉ có một dúm người mang dòng máu pha trộn ở các vùng ngoại vi Gillanbone là bắt chước dân cao bồi “miền tây mọi rợ” của nước Mỹ, diện ủng cao gót và mũ “Stetson” có chóp cao bằng một lần rưỡi chiếc xô. Đối với người nuôi cừu ở đồng bằng đất đen thì cái mốt như thế chỉ là một trở ngại, là sự bắt chước vô bổ tập quán của nước ngoài. Đi ủng gót cao thì không len lỏi qua các lùm cây bụi được, mà thường là phải đi qua các lùm cây bụi. Đội chiếc mũ có chóp to bằng cái xô thì nặng và nóng quá.

Từ lâu đã không còn con ngựa cái hồng và con ngựa thiên màu ô, ngăn chuồng của chúng bỏ trống. Meggie cam đoan rằng nàng chỉ cần một con ngựa kéo bình thường là hoàn toàn đủ, nhưng Bob đến Martin King và mua cho em gái hai con ngựa lai nửa máu – một con ngựa cái màu vàng nhạt, bồm và đuôi đen và một con ngựa cái sắc hồng chân dài. Không hiểu sao, việc không còn con ngựa cái sắc hồng khiến Meggie bàng hoàng có lẽ còn hơn cả cuộc chia ly với Ralph hẳn là mãi đến bây giờ nàng mới thực sự thấm thía cuộc chia ly ấy, dường như lúc này nàng mới hoàn toàn thấy rõ: ông đã đi hẳn, không còn ông ở bên nàng nữa. Nhưng thật thú vị biết bao khi lại được cưỡi ngựa qua các bãi chăn với những con chó chạy bên cạnh, lại được hít bụi do đàn cừu kêu be be làm bốc lên, lại được nhìn chim chóc, bầu trời, đất đai bao la.

Hạn hán thật khủng khiếp. Theo như Meggie còn nhớ, đồng cỏ Drogheda bao giờ cũng có cách vượt qua được hạn hán, nhưng lần này thì khác. Giữa những cụm cỏ còn sót, đất lộ trần ra, mặt đất vón lại thành lớp vỏ thẫm màu chẳng chịt vết nứt đan thành

một mạng lưới mau, những vết nứt há hoác như những cái miệng khô héo đang khát. Tất cả là do thỏ nhiều hơn. Trong bốn năm sau khi Meggie đi, thỏ bỗng sinh sôi nảy nở không thể tưởng được, nàng nghĩ, cả những năm trước chúng cũng gây thiệt hại không nhỏ. Còn bây giờ, tuồng như chỉ trong một tiếng đồng hồ chúng đã làm người ta khốn đốn. Chúng nhung nhúc trên các bãi chăn và gốc sạch số cỏ quý giá.

Meggie đã biết cách đặt bẫy thỏ. Chẳng lấy gì làm dễ chịu lắm khi nhìn những răng thép gây thương tích cho những con thú nhỏ mượt mà kháu khỉnh, nhưng từ tấm bé Meggie đã quen làm lụng trên đất đai, và không quen tránh né: cần thì cứ phải làm. Giết để mà sống còn thì không phải là tàn bạo.

– Những pommy trời đánh, những tên nhãi ranh yêu nước, ma quỷ xui khiến chúng đem thỏ đến vùng chúng ta! – Bob càu nhàu.

Trước kia ở Úc không có thỏ, người Anh đã đưa thỏ đến đây như một kỷ niệm trữ tình về tổ quốc, và thỏ đã phá hủy hoàn toàn cân bằng sinh thái của đại châu. Cừu và bò không gây nên tình trạng ấy, vì ngay từ đầu chúng đã được chăn nuôi theo mọi qui tắc khoa học. Ở Úc không có những loại thú ăn thịt địa phương có thể ngăn cản thỏ sinh sôi nảy nở tràn lan, cáo nhập nội không quen được với khí hậu. Muốn hay không, con người phải tự đảm nhiệm lấy vai trò con thú ăn thịt, nhưng người quá ít mà thỏ quá nhiều.

Về sau, đi ngựa trở thành việc khó khăn đối với Meggie, và nàng toàn ở nhà, cùng với Mrs. Smith, Minnie và Cat may và đan những đồ vật nhỏ xíu cho cái sinh mạng đang cựa quậy trong bụng nàng. Mang thai thẳng bé này (Meggie không hề nghi gì về

việc nàng sinh con trai) nhẹ nhàng hơn mang thai Justine nhiều – nàng không buồn nôn, không có những cơn suy yếu và chán nản, chỉ muốn thành bé mau mau ra đời. Sự nôn nóng như thế có lẽ một phần là do Justine: cái sinh vật nhỏ xíu có đôi mắt sáng màu kỳ lạ này biến đổi không phải từng giờ, mà từng ngày, từ một con bé ngờ nghệch biến thành một con bé thông minh, theo dõi sự biến đổi thần kỳ ấy thú vị vô cùng. Trước kia Meggie hồ hững với con gái, còn giờ đây nàng say mê muốn trút lên nó tình cảm triu mến của người mẹ, muốn ôm, hôn, cười với nó. Và Meggie bàng hoàng khi thấy con bé lần nào cũng lễ phép lảng tránh sự ve vuốt của nàng.

Khi Jims và Pasty thôi học trở về Drogheda, Mrs. Smith lại toan áp chúng dưới cánh bà, nhưng bà thất vọng to, chúng suốt ngày mất mặt ở các bãi chẵn. Mrs. Smith sẵn lòng hiến trái tim mình cho bé Justine, nhưng bà bị cự tuyệt cũng kiên quyết như với Meggie. Rõ ràng Justine hoàn toàn không muốn người ta ôm hôn mình, làm cho mình cười.

Nó biết nói, biết đi rất sớm, khi được chín tháng. Vừa mới đứng được và mới biết nói (mà nó nói mới sôi làm sao), con người có tính độc lập ấy bây giờ làm gì cũng chỉ theo ý mình. Không phải nó hay ồn ào hoặc ngổ ngáo gì cho lắm, chẳng qua là tính tình nó rất kiên quyết và cứng đầu. Nếu như Meggie có chút ý niệm về gen thì có lẽ nàng sẽ nghĩ về việc sự kết hợp các dòng họ Cleary, Armstrong và O'Neill có thể tạo nên cái gì. Một hỗn hợp nổ khá mạnh không thể khác được.

Người xung quanh đặc biệt phiền lòng vì Justine khăng khăng không muốn cất tiếng cười hay ít ra là mỉm cười. Mọi người ở Drogheda, không trừ một ai, đều cố gắng hết sức, thử mọi mảnh

lời và mọi điều bộ để làm trò vui cho nó, song đều hoài công, về tính nghiêm nghị bẩm sinh, con bé không cười này còn vượt cả bà nó.

Ngày mừng một tháng mười, đúng ngày Justine tròn một năm bốn tháng, con trai Meggie ra đời ở Drogheda. Nó ra đời bất ngờ, trước kỳ hạn ngót một tháng: hai ba cơn đau hết sức dữ dội, nước ối lập tức túa ra, và vừa kịp gọi điện xong cho bác sĩ là Fee và Mrs. Smith đã đón nhận đứa bé mới sinh. Meggie thật không mở mắt ra được. Nàng hầu như không cảm thấy đau : cơn thử thách ấy kết thúc nhanh quá : vì đứa bé ra đời vội vã như thế, nàng phải khâu, nhưng Meggie cảm thấy rất khoẻ khoắn. Trước đây, sinh Justine, nàng không có lấy một giọt sữa, bây giờ dường như sữa đủ cho hai người. Không cần chai bú sữa, cũng không cần cho ăn nhân tạo.

Thằng bé sinh ra mới tuyệt diệu làm sao! Thân khá dài nhưng cân xứng, cái đầu hình dạng tuyệt mỹ với một chòm tóc vàng ánh và đôi mắt xanh sáng chói, màu xanh chói lọi đến nỗi sẽ không bao giờ biến đổi. Mà can gì nó phải thay đổi kia chứ? Đây là mắt Ralph, và tay nó cũng hệt tay Ralph, cả mũi, mồm và chân nữa. Trong thâm tâm Meggie trắng trợn tạ ơn về sự giống nhau giữa Luke và Ralph – rất may là vóc dáng họ giống nhau, cả hai đều tóc đen, ngay cả đường nét khuôn mặt cũng giống nhau. Nhưng hai bàn tay, hình dạng đôi lông mày, chòm tóc trên trán mà lúc này vẫn có một đường viền rõ nét bằng lớp lông măng ánh vàng của hài nhi, những ngón tay ngón chân bé xíu, tất cả những cái đó là của Ralph, không có gì giống với Luke. Chỉ còn hy vọng rằng sẽ không ai nhận ra điều đó.

– Con đã định đặt tên cho nó là gì chưa? – Fee hỏi, hình như

bà đã mê ngay thằng bé.

Meggie nhìn mẹ đứng bế cháu trên tay và vui sướng trong lòng: rút cục mẹ sẽ lại có thể yêu, chắc không thể như mẹ yêu Frank, nhưng dấu sao trái tim đã hóa đá của mẹ sẽ mềm đi.

– Con muốn đặt tên nó là Dane.

– Cái tên lạ lùng! Sao con chợt nảy ra ý ấy? Hay đấy là tên ưa thích của dòng họ O'Neill? Mẹ tưởng con chấm dứt quan hệ với họ O'Neill rồi chứ?

– Luke không dính dáng gì đến đây. Đấy sẽ chỉ là tên nó, không còn là của ai khác. Con không thể chịu nổi cái chuyện ông và cháu cùng tên. Con gọi Justine là Justine chỉ vì con thích cái tên ấy, con đặt tên cho Dane là Dane bởi vì con thích như thế.

– Được thôi, cái tên rất hay – Fee đồng ý.

Meggie cau mặt, khó chịu vì nhiều sữa quá.

– Mẹ trao nó cho con. Con hi vọng rằng nó đang đói. Và con hy vọng ông già *Chân chạy* sẽ không quên đem bơm hút sữa về, không thì mẹ sẽ phải đích thân đến Gilly thôi.

Thằng bé đói, nó bú tham lam đến nỗi đôi môi nhỏ xíu dai dẳng của nó làm nàng đau. Còn Meggie nhìn hai mí mắt nhắm lại với những hàng mi sẫm màu, ánh vàng ở đường rìa, nhìn đôi lông mày mềm mại, đôi má nhỏ xíu cử động một cách thành thạo và cảm thấy nàng yêu nó bằng một tình yêu xuyên suốt đến đau đớn, đau hơn nhiều so với cái đau gây nên bởi cặp môi đang bú hau háu.

Một đứa con trai, thế là đủ rồi, như thế hẳn là đủ, ta sẽ không có được gì nữa. Nhưng thề có Chúa, Ralph de Bricassart ạ, thề có Chúa mà anh quý hơn em, không bao giờ anh sẽ biết em đã đánh

cấp được cái gì của anh và của Chúa của anh! Không bao giờ em kể cho anh biết về Dane. Thằng bé của tôi! Meggie xê dịch trên những chiếc gối, đặt thằng bé nằm lại trên tay cho thoải mái hơn và nhìn thấy rõ hơn khuôn mặt nhỏ nhắn thanh tú. Bé của mẹ! Con là của mẹ và không bao giờ mẹ nhường con cho ai. Dù sao đi nữa cũng không trả cho bố con, vì bố con là linh mục và không thể nhận con. Tuyệt diệu, phải không?

* * *

Tàu thủy vào cảng Genoa đầu tháng tư. Tổng giám mục Ralph đến Ý giữa lúc mùa xuân miền nam đang độ tưng bừng nhất và vừa kịp chuyển xe đi La Mã. Nếu ông muốn báo trước việc ông đến thì người ta sẽ cho xe từ Vatican đến đón ông, nhưng ông sợ cái phút ông lại là tên tù của nhà thờ, và cố hoãn phút ấy càng lâu càng hay. Một thành phố vĩnh cửu. Đúng, một thành phố thực sự vĩnh cửu, Ralph de Bricassart nghĩ khi từ cửa sổ xe taxi nhìn những mái vòm và tháp chuông, những quảng trường rải rác những đàn bò câu, những đài phun nước tráng lệ và những cột trụ La Mã mà chân cột ăn vào lòng sâu của các thế kỷ. Không, đối với ông tất cả những cái đó đều là thừa. Đối với ông ở La Mã chỉ có một cái quan trọng : Vatican, những gian phòng lộng lẫy của nó mở cửa cho tất cả mọi người, chứ hoàn toàn không phải là những phòng làm việc mà người ngoài không được bén mảng đến.

Một tu sĩ dòng Dominican mặc bộ đồ lễ hai màu đen trắng đưa ông qua những hành lang cao bằng đá cẩm thạch, giữa những pho tượng bằng đồng đen và bằng đá có thể tô điểm cho bất cứ

nhà bảo tàng nào trên thế giới, qua trước những bức tranh tuyệt mỹ theo phong cách Giotto và Raphael, Botticelli và Fra Angelico^[87]. Lúc này ông đã ở trong những lễ đường của Đức Hồng y – cố nhiên dòng họ Contini-Verchese giàu có đã cố sức làm tăng thêm sự lộng lẫy cho hoàn cảnh xung quanh của một người trong dòng họ đã lên tới địa vị cao cả như thế.

Tường trang trí ngà voi nạm vàng, chỗ nào cũng có những tấm thảm treo tường sặc sỡ, những bức tranh vẽ nhiều màu, bàn ghế cầu kỳ của Pháp, những tấm thảm Pháp trên sàn, đó đây rục lên nước sơn đỏ thắm, và ngồi giữa tất cả sự lộng lẫy huy hoàng đó là Vittorio Scarbanza, Hồng y di Contini-Verchese. Một bàn tay nhỏ nhắn mềm mại đeo nhẫn hồng ngọc chìa ra cho người mới vào, vui sướng vì có thể hạ mắt xuống Tổng giám mục Ralph đi ngang qua phòng, quỳ xuống hôn chiếc nhẫn. Ông áp má vào tay Hồng y – không, ông không thể nói dối, tuy ông đã định nói dối. Sẵn sàng nói dối, cho đến lúc môi ông chạm vào cái vật tượng trưng cho quyền lực tinh thần và uy quyền thế tục.

Hồng y Vittorio đặt một tay lên vai Tổng Giám mục gạt đầu ra hiệu cho tu sĩ kia lui ra, và khi người kia đã ra, nhẹ nhàng khép cửa lại thì Ngài nhắc tay khỏi vai Ralph mà Ngài vẫn chưa thấy mặt và vuốt mái tóc dày thẫm màu, âu yếm vén tóc khỏi trán. Tóc không còn đen như trước, màu tóc nhanh chóng đổi thành màu muối tiêu. Tấm lưng cúi khom duỗi thẳng, vai ưỡn ra, Tổng Giám mục Ralph ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mắt đáng bề trên linh hồn của mình.

Thì ra sự thay đổi là ở khuôn mặt! Môi mím lại một cách đau xót – dấu hiệu chắc chắn của nỗi đau khổ đã trải qua, và cặp mắt đẹp lạ thường (cặp mắt phi thường ấy, cả màu sắc và hình dạng,

đức Hồng y nhớ rõ như thể người có đôi mắt ấy chưa bao giờ xa cách Ngài) đã đổi khác đến không nhận ra được. Hồng y Vittorio bao giờ cũng có cảm giác rằng mắt của Chúa Kitô hệt như mắt Ralph : xanh, điềm tĩnh, hờ hững với tất cả những gì lọt vào tầm mắt, vì thế cái nhìn của Chúa có thể bao quát hết và thấu hiểu hết. Nhưng có lẽ quan niệm như thế là lầm. Với một người đau nỗi đau của nhân loại và chính mình đau khổ thì lẽ nào điều đó lại không phản ánh trong mắt?

– Đứng dậy, Ralph.

– Trình Đức ông, tôi muốn xưng tội.

– Để sau, để sau. Ta hãy chuyện trò một lúc đã, mà nói bằng tiếng mẹ đẻ của ông. Thời gian gần đây xung quanh có nhiều tai rình nghe, nhưng ơn Chúa, những cái tai ấy không quen nghe tiếng Anh. Ngồi xuống đi, Ralph. Được gặp ông, tôi vui sướng quá! Tôi cảm thấy rất thiếu những lời khuyên sáng suốt, sự khôn ngoan của ông, sự tiếp xúc thú vị với ông. Ở đây tôi không tìm được một người phụ tá dù chỉ xứng đáng và dễ mến bằng một nửa ông mà thôi.

Ralph de Bricassart cảm thấy trí óc ông đã được điều chỉnh ở cung bậc cần thiết, và những ý nghĩ thậm chí chưa nói ra, được bọc trong những lời hoa mỹ hơn. Hơn nhiều người khác, ông biết người ta đang thay đổi như thế nào, tùy theo người nói chuyện với ông là ai, do đó muốn hay không ta cũng phải thay đổi cả cách nói. Không, nhịp độ nhanh của tiếng nói Luân Đôn thường ngày không phải để cho những cái tai ấy. Ông ngồi cách quãng khá xa trước mặt con người nhỏ bé gầy gò mặc bộ y phục bằng lụa vân đỏ thắm có sắc thái đặc biệt, óng ánh mà vẫn giữ nguyên màu, thành thử y phục không trái ngược với toàn bộ bối cảnh xung

quanh, mà như hòa hợp với nhau.

Sự mệt mỏi vô hạn áp chế ông trong những tuần gần đây bỗng nhiên có vẻ không đến nổi nặng nề lắm: thực ra tại sao ông lại sợ cuộc gặp gỡ đó đến thế, vì trong thâm tâm ông biết người ta sẽ hiểu và tha thứ cho ông kia mà? Không, hoàn toàn không phải điều đó làm ông sợ, mà là cái khác hẳn. Ý thức về lỗi lầm thật là khủng khiếp, vì ông đã sa ngã, không đạt được sự hoàn hảo mà ông cố vươn tới, không xứng đáng với lòng tin cậy của con người bao giờ cũng là người bạn chân chính, ân cần, vô cùng tốt bụng của ông. Ý thức về lỗi lầm thật là khủng khiếp, bởi vì ta đứng trước một người linh hồn trong sạch, còn ta thì đã mất sự trong sạch.

– Ralph, chúng ta là những đấng chần chừ, nhưng đây chưa phải là tất cả, chúng ta vẫn cứ là một cái gì đó trước khi được phong chức sắc, và ta không lẩn trốn đi đâu thoát khỏi điều đó được, mặc dù chúng ta là những tinh hoa đặc tuyển. Chúng ta là người, vì thế không sao thoát khỏi tội lỗi và sự yếu đuối của con người. Dù ông có thú nhận gì đi nữa thì cũng không cái gì có thể làm thay đổi ý kiến của tôi đã có về ông trong tất cả những năm ấy, không điều gì có thể khiến tôi nghĩ xấu đi về ông và kém yêu ông hơn. Nhiều năm rồi tôi vẫn biết rằng ông sẽ phải trải qua kinh nghiệm bản thân để thấy rõ bản chất con người của chúng ta yếu đuối như thế nào và tôi cũng biết rằng ông sẽ không tránh khỏi trải qua điều đó như tất cả chúng tôi đã trải qua. Ngay cả chính Đức Thánh cha, người chịu khuất lụy nhất và giàu lòng nhân nhất trong chúng ta.

– Tôi đã lỗi phạm lời nguyện, thưa Đức Ông. Tội ấy không dễ được tha thứ. Đây là tội đại phạm thánh.

– Lời nguyện cam chịu nghèo khó thì ông đã lỗi phạm từ nhiều năm trước khi ông nhận tài sản của Mary Carson để lại. Còn lời nguyện giữ mình thanh sạch và khuất lụy phải không?

– Như vậy là tôi đã lỗi phạm cả ba, thưa Đức Ông.

– Tôi thích ông cứ gọi tôi như trước, chỉ bằng tên thôi. Không, tôi không nổi giận, Ralph ạ, và không thất vọng. Tất cả là do ý Chúa, và tôi cho rằng chính bằng cách đó ông đã nhận được bài học quan trọng nhất và hiểu được một chân lý mà ta không thể hiểu được bằng cách kém tàn bạo hơn. Chúa là sự bí mật và những con đường của Chúa cao hơn sự hiểu biết nhỏ nhoi của chúng ta. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng cái việc mà ông đã làm hoàn toàn không phải vì nhẹ dạ và không đơn giản là ông đã vứt bỏ lời khấn nguyện thiêng liêng, coi đó như những lời nói trống rỗng. Tôi biết ông quá rõ. Tôi biết ông kiêu hãnh, ông hết lòng trung thành với chức sắc của mình, ông có ý thức rằng người như ông là một biệt lệ. Có lẽ chính là ông cần bài học như thế để sự kiêu hãnh của ông giảm bớt đi và để ông hiểu rằng trước hết ông là con người, vì thế tính cách biệt lệ của ông không lấy gì làm lớn lắm như ông tưởng trước kia. Phải thế không?

– Đúng thế ạ. Tôi thiếu đức khuất lụy, theo một nghĩa nào đó tôi có tham vọng trở thành chính Chúa trời. Tội của tôi cực trọng và không tha thứ được. Chính tôi không thể tự tha tội cho mình thì làm sao tôi có thể hy vọng được Chúa tha tội?

– Thói kiêu hãnh, Ralph ạ, lại thói kiêu hãnh! Tha tội không phải là việc của ông, chẳng lẽ đến lúc này ông vẫn chưa hiểu sao? Chỉ có Chúa trời thôi! Chúa tha tội nếu ta thành thật hối lỗi. Ông biết đấy, Chúa tha tội còn trọng hơn nhiều cho những người mà

sự thánh thiện còn hơn ông nhiều, cũng như cả cho những người còn vượt xa ông về thói xấu. Ông có cho rằng Lucifer chúa tể của bóng tối không được tha tội không. Y được tha tội đúng vào lúc y dám chống lại Chúa. Và cái số phận kẻ cai quản địa ngục không phải do Chúa định đoạt cho y, mà do y tự chọn. Chẳng phải y nói : “Thà cai trị dưới địa ngục, còn hơn là hầu hạ trên trời” đó sao? Bởi vì y không thể kìm nén thói kiêu hãnh và không chịu phục tùng ý muốn của bất cứ ai, cho dù đó là ý của Chúa trời. Tôi không muốn ông cũng phạm sai lầm như thế, bạn thân mến của tôi ạ. Sự khuất lụy, đấy là cái ông thiếu, mà chính sự khuất lụy tạo nên cả những vị thánh vĩ đại và những con người vĩ đại. Chẳng lẽ nào ông chưa dành quyền tha tội cho Chúa thì ông chưa có sự khuất lụy chân chính.

Sự đau khổ làm méo mó những nét nghiêm khắc của Ralph.

– Vâng, tôi biết, Đức ông nói đúng. Tôi phải bằng lòng với tình trạng tôi hiện nay và cố gắng trở nên tốt hơn, nhưng phải vứt bỏ thói kiêu hãnh. Tôi ăn năn, sẵn sàng xưng tội và chờ được tha tội. Ôi, tôi ăn năn chua xót biết bao!

Tổng Giám mục thở dài, cái nhìn của ông bộc lộ sự đấu tranh nội tâm mà ông không thể nói lên bằng những lời được cân nhắc cẩn thận và cố nhiên là giữa những bức tường này.

– Tuy nhiên, Vittorio ạ, tôi không thể hành động khác. Tôi chỉ còn cách hoặc là giết chết nàng, hoặc là hứng cái chết vào mình. Giờ phút ấy tôi có cảm giác rằng sự lựa chọn là rõ ràng, vì tôi yêu nàng. Không phải tại nàng mà tôi không bao giờ muốn nhượng bộ tình yêu xác thịt. Nhưng xin hiểu cho, đối với tôi số phận nàng đã trở nên quan trọng hơn số phận bản thân tôi. Cho đến phút ấy tôi luôn luôn nghĩ trước hết về mình, đặt mình cao hơn, vì tôi là

kẻ phụng sự nhà thờ, còn nàng chỉ là một trong những lực lượng bé mọn. Còn bây giờ thì tôi thấy rõ rằng tôi chịu trách nhiệm về nàng đã trở thành người thế nào... Đáng ra tôi phải cự tuyệt nàng lúc nàng còn là trẻ con, tôi đã không làm như vậy. Nàng đã chiếm vị trí vững chắc trong tim tôi và nàng hiểu điều đó sẽ trở nên hoàn toàn khác, như thế thì tôi sẽ không thể là bậc dẫn dắt linh hồn của nàng. – Ralph mỉm cười. – Người thấy đấy, tôi có nhiều điều phải ăn năn. Tôi đã thử chính mình tạo ra một linh hồn sống.

– Chính là bông hồng ấy phải không?

Tổng Giám mục Ralph ngẩng đầu lên nhìn những họa tiết rắc rối của cái trần đắp nổi thép vàng, nhìn bộ đèn chùm kỳ quặc.

– Còn có thể là ai được nữa? Nàng là mưu toan sáng tạo duy nhất của tôi.

– Liệu tai họa có xảy đến với cô ta không, bông hồng của ông ấy mà? Liệu ông có làm hại cho cô ta hơn là nếu ông cự tuyệt cô ta không?

– Tôi không biết, Vittorio ạ! Giá mà biết được! Khi ấy tôi cho rằng tôi không thể làm khác được. Tôi không được trời phú cho cái tài tiên tri của Promethean, mà tình cảm làm cho không thể suy xét tỉnh táo được. Rồi sau đó... việc ấy tự nó xảy ra! Nhưng tôi có cảm giác rằng cái mà tôi đã cho nàng là cái mà nàng cần hơn hết: cần phải thừa nhận nàng là người phụ nữ. Không, bản thân nàng cố nhiên có ý thức mình là người phụ nữ. Nhưng tôi không biết điều đó. Nếu như khi tôi gặp nàng lần đầu tiên nàng đã là người lớn thì hẳn là sự thế sẽ khác, nhưng trong nhiều năm tôi biết nàng thì nàng còn là trẻ con.

– Trong lời lẽ của ông tôi thấy có sự tự mãn, Ralph ạ, ông vẫn chưa sẵn sàng để được tha tội. Điều đó gây tổn thương cho ông, phải không? Sự khám phá rằng ông không phải là siêu nhân và chịu khuất phục những cái yếu của con người. Có thật là trong hành động của mình, ông bị thúc đẩy bởi tinh thần hy sinh cao quý không?

Ralph giật mình, nhìn cặp mắt màu cánh gián long lanh ấy: ở đấy có hai hình bóng nhỏ xíu của ông đang nhìn ông, hai người chim chích hèn mọn.

– Không, – ông nói, – tôi chỉ là con người, và nàng đã cho tôi sự khoái lạc mà trước kia tôi không thể tưởng tượng nổi. Tôi không biết rằng với phụ nữ, người ta có thể được biết cái cảm giác như thế, không biết rằng nàng tặng cho tôi niềm vui sướng lớn lao như thế. Tôi khao khát không bao giờ phải xa lìa nàng, không chỉ vì xác thịt của nàng, mà vì cái hạnh phúc được ở cạnh nàng, nói với nàng và im lặng, ăn bữa ăn trưa do tay nàng làm, mỉm cười với nàng, chia sẻ những ý nghĩ của nàng. Tôi sẽ mong nhớ nàng cho đến hơi thở cuối cùng.

Trên khuôn mặt nước da bánh mật của Vittorio, khuôn mặt của người khổ hạnh, Ralph bỗng mừng rỡ thấy có cái gì giống với mặt Meggie lúc chia tay – thế là dường như cất bỏ được sự trĩu nặng trong tâm hồn và phần thắng thuộc về ý chí và quyết tâm đi con đường của mình, bất chấp mọi gian nan, đau xót và giày vò. Người đã từng ném trái những gì trong đời, đáng Hồng y vận bộ đồ lụa đỏ này, con người dường như chỉ yêu mến con mèo cái Abyssinian lười nhác?

Nhưng Đức Hồng y im lặng và Ralph lại lên tiếng.

– Tôi không thể ăn năn về việc đã xảy ra giữa tôi và nàng. Tôi ăn năn về cái khác – tôi đã lỗi phạm lời khấn nguyện thiêng liêng và không gì phá bỏ được, lời khấn nguyện trọn đời. Không bao giờ tôi có thể làm tròn bổn phận đáng chẵn chên với lòng nhiệt thành không hề bị mờ tối như trước nữa. Đây là điều tôi xót xa hối tiếc. Nhưng mà hối tiếc về Meggie ư?...

Về mặt Tổng Giám mục lúc thốt lên cái tên ấy khiến Hồng y Vittorio quay đi, cố làm chủ những ý nghĩ của mình.

– Ăn năn về chuyện đã có Meggie tức là giết chết nàng – Ralph mệt mỏi đưa tay quệt ngang mắt. – Tôi không biết tôi nói có dễ hiểu không, thực tình tôi không biết diễn tả ý nghĩ của mình như thế nào. Tôi có cảm giác rằng dù có đem cái chết ra đe dọa tôi đi nữa thì tôi cũng không diễn tả được tất cả những gì tôi cảm thấy đối với Meggie. – Ralph cúi về phía trước và trong mắt vị Hồng y lúc này đã lại quay về phía ông, ông lại nhìn thấy hai hình bóng của mình, bây giờ đã to hơn một chút. Mắt Vittorio như hai chiếc gương : nó phản chiếu tất cả những gì nó nhìn thấy, nhưng không cho ai nhìn thấy dù chỉ trong giây lát những gì đang diễn ra ở phía sau cái vật chắn bằng phẳng ấy. Không phải như với Meggie, trong mắt nàng, Ralph chìm mỗi lúc một sâu, đến tận đáy tâm hồn. – Bản thân Meggie là sự ban phước. – Ralph nói. – Đối với tôi, nàng là một cái gì thiêng liêng tựa như lễ ban thánh thể.

– Tôi hiểu. – Hồng y thở dài nói. – Ông có tình cảm như thế là tốt. Tôi nghĩ rằng trước Chúa, điều đó làm giảm nhẹ tội trọng của ông. Nhưng ông không nên xưng tội với cha Guillermo, mà với cha Giorgio thì hơn. Ông ấy sẽ không hiểu sai tình cảm và lý lẽ của ông. Ông ấy nhìn thấu chân lý. Cha Ghiliermô không tinh nhạy lắm và có thể sẽ nghi ngờ sự ăn năn của ông. – Một nụ cười

yếu ớt như cái bóng thoáng hiện lướt trên cặp môi mỏng của Hồng y Vittorio. – Họ cũng là người, Ralph của tôi ạ, những người nghe lời xưng tội của các đấng vĩ đại ấy mà. Đừng bao giờ quên điều đó. Chỉ khi làm lễ, linh mục mới là cái bình của Chúa. Ngoài ra ông ta chỉ là người. Qua ông ta mà Chúa tha tội, Chúa ban sự tha thứ, nhưng nghe kẻ có tội và đưa ra sự phán xét của mình lại là con người.

Có tiếng gõ cửa dè dặt, trong lúc người ta mang khay trà vào và đặt lên chiếc bàn con khám xà cừ, Đức Hồng y không thốt ra một lời nào.

– Ông thấy chứ, Ralph? – Sau đó Ngài nói. – Từ hồi ở Úc tôi đã đâm ra ham uống trà ban ngày. Bây giờ ở bếp của tôi, người ta vẫn pha thứ trà ngon tuyệt trần, tuy họ chưa nắm vững ngay được nghệ thuật đó. – Ralph toan cầm lấy ấm trà, nhưng Đức Hồng y giơ tay ngăn lại. – Không, không! Tôi sẽ tự rót lấy. Hầu trà là cái thú tiêu khiển đối với tôi.

– Tôi thấy các phố ở Genoa và La Mã nhan nhản những sơ mi đen. – Ralph vừa nói vừa nhìn Đức Hồng y rót trà.

– Đây là quân đội đặc biệt của chính *Duce*^[88]. Chúng ta sắp phải qua một thời kỳ gay go, Ralph của tôi ạ. Đức Thánh Cha cho rằng không được có một sự cọ sát nhỏ nào giữa nhà thờ và chính quyền thế tục ở Ý, về việc đó Ngài không lay chuyển, và vẫn như xưa nay, Ngài đứng, Mặc dù các biến cố xoay chuyển thế nào đi nữa, không cái gì được ngăn cản chúng ta đem ánh sáng và sự cứu giúp đến cho toàn thể con chiên của chúng ta, cho dù chiến tranh nổ ra và chia rẽ những người công giáo và họ sẽ đánh lẫn nhau nhân danh Chúa. Bất kể trái tim và tình cảm của chúng ta ở về phía nào, bổn phận của chúng ta là không để cho nhà thờ dính

lú vào chính trị, vào cuộc đấu tranh tư tưởng và những cuộc tranh chấp quốc tế. Tôi triệu ông về với tôi vì tôi có thể trông cậy vào ông, nhìn mặt ông không thể dò xét ý tứ được, bất kể ông nhìn thấy gì và nghĩ gì về những điều ông nhìn thấy, và về nếp suy nghĩ, ông là nhà ngoại giao bẩm sinh, tôi chưa hề gặp người nào khác như thế.

Tổng Giám mục Ralph mỉm cười ảo não.

– Người giúp cho bước đường công danh của tôi ngoài cả ý muốn của tôi, phải không ạ? Không biết tôi sẽ ra sao nếu không gặp được Người?

– Ở thì ông sẽ trở thành Tổng Giám mục ở Sydney, một cương vị khá tốt và quan trọng. – Đức Hồng y đáp với một nụ cười rạng rỡ. – Nhưng số phận chúng ta không ở trong tay chúng ta. Chúng ta gặp nhau vì số mệnh định như thế, cũng như thể số mệnh định đoạt là bây giờ cả hai ta phải hầu hạ Đức Thánh Cha.

– Tôi sợ rằng ở cuối con đường ấy không phải là thành công đang chờ đợi chúng ta. – Tổng Giám mục nói. – Kết quả của việc không ngã về bên nào bao giờ cũng vẫn thế. Tất cả các bên đều bực tức như nhau về chúng ta, tất cả sẽ lên án chúng ta như nhau.

– Đúng, tôi biết điều đó, và Đức Thánh Cha cũng biết thế. Nhưng chúng ta không thể hành động khác được. Và chẳng có gì ngăn cản chúng ta từng người riêng biệt cầu nguyện cho *Duce* và *Fuehrer*^[89] mau sụp đổ, phải không nào?

– Như vậy Người cho rằng chiến tranh không tránh khỏi?

– Tôi không thấy có khả năng nào tránh được.

Từ trong cái góc nơi nó ngủ ở chỗ nắng rọi, con mèo cái được

Đức Hồng y yêu quý đi ra và hơi vụng về vì đã già, nó nhảy lên bộ đùi phủ lớp lụa đỏ thắm.

– A, Vương hậu Xapskaia! Hãy chào Ralph người bạn cũ của mi đi, trước kia, thậm chí mi còn quý ông ấy hơn ta kia mà.

Cặp mắt quỷ Satan màu vàng ném lên Tổng Giám mục một cái nhìn kiêu kì và thản nhiên nhắm lại. Chủ và khách phá lên cười.

Drogheda bây giờ đã sắm được cỗ máy thu thanh. Sự tiến bộ thể hiện ở hệ thống truyền thanh vô tuyến của Úc đã tiến cả vùng Gillanbone, thế là cuối cùng đã xuất hiện thêm một nguồn tin tức và trò giải trí chung nữa, không kể đường dây điện thoại với nhiều ống nhánh. Bản thân cái máy thu thanh nom khá kì quái, một cái hộp thô kệch bằng gỗ hồ đào đặt trên cái tủ con duyên dáng ở phòng khách, điện chạy máy lấy từ chiếc ắc qui ô tô giấu trong ngăn kéo dưới của chiếc tủ.

Sáng sáng Mrs. Smith, Fee và Meggie mở đài nghe tin địa phương Gillanbone và dự báo thời tiết, buổi tối Fee và Meggie nghe tin giờ chót của đài phát thanh trung ương Úc. Đây là một cảm giác kì lạ: không chờ Williams *Chân chạy* và những tờ báo đã cũ của ông mà tức khắc có được liên hệ với thế giới bên ngoài, biết về chính sách của chính phủ, những vụ lộn xộn ở châu Âu.

Buổi tối thứ sáu ngày mừng một tháng chín, khi đài truyền thanh báo tin quân đội của Hitler đột nhập vào Ba Lan thì ở nhà chỉ có Fee và Meggie, và cả hai bỏ ngoài tai tin đó. Đã mấy tháng có tin đồn về chuyện ấy, và chẳng châu Âu xa lắm, mãi tận nơi cùng trời cuối đất. Drogheda có gì chung với nó đâu, Drogheda là trung tâm của vũ trụ. Nhưng chủ nhật ngày ba tháng chín, đàn

ông từ các bãi chôn tập tộ về để dự lễ Missa và nghe cha Watty Thomas khả kính rao giảng, mà đàn ông thì quan tâm đến châu Âu. Nhưng Fee lẫn Meggie đều không nghĩ đến chuyện kể cho họ cái tin họ nghe được hôm thứ sáu, còn Watty khả kính, người mà chắc là có khả năng cho biết tin đó thì lại vội về Narrenggang.

Buổi tối, buổi tin giờ chót, như thường lệ, họ mở đài. Nhưng thay cho cái giọng Oxford đích thực, rành rẽ của người phát thanh thường xuyên, họ nghe thấy một giọng mềm mỏng, với lối phát âm đặc Úc của thủ tướng Robert Gordon Menzies.

– Hỡi đồng bào Úc! Cái bốn phận đáng buồn buộc tôi phải báo tin cho đồng bào biết: vì Đức không chịu rút quân khỏi Ba Lan, nước Anh đã tuyên chiến với Đức, như vậy nước Anh bước vào cuộc chiến tranh với Đức, vì thế nước ta... Không còn hồ nghi nữa, Hitler không chỉ muốn đặt tất cả những người Đức dưới quyền cai trị của mình, mà còn muốn bắt tất cả những nước mà hắn có thể chinh phục được bằng sức mạnh phải phục tùng quyền lực ấy. Nếu sự thế cứ tiếp diễn như thế thì sẽ không có an ninh ở châu Âu, sẽ không có hòa bình trên cả trái đất... Hoàn toàn rõ ràng là tất cả các bộ phận của Đế quốc Anh đều tán thành lập trường ấy...

Cách tốt nhất để biểu thị sự kiên cường của chúng ta và ủng hộ chính quốc là mỗi người hãy ở vị trí của mình và làm công việc của mình, chúng ta phải lao động trên đồng ruộng và các đồn điền, trên các bãi chôn và các công xưởng và bằng thành quả lao động của chúng ta mà củng cố sức mạnh của chúng ta. Tôi tin chắc: dù tình cảm của chúng ta hiện nay thế nào đi nữa, nước Úc sẵn sàng làm trọn bốn phận của mình.

Cầu Chúa ban ơn lành cho chúng ta và xuống ơn cho cả thế

giới mau chóng thoát khỏi tai họa đã ập đến với chúng ta.

Trong phòng khách mọi người im lặng hồi lâu, rồi bài diễn văn sấm sét của Neville Chamberlain ập vào bầu không khí im lặng, ông ta kêu gọi nhân dân Anh. Fee và Meggie nhìn cánh nam giới.

– Tính cả Frank thì chúng ta có sáu người. – Cuối cùng Bob nói. – Tất cả chúng ta, trừ Frank, đều làm việc trên đồng đất, đo đó người ta sẽ không lấy chúng ta vào quân đội. Trong số những người chần chừ hiện nay của chúng ta, tôi nghĩ rằng sáu người muốn đi chiến đấu, còn hai người sẽ ở lại.

– Tôi sẽ vào quân đội! – Jack tuyên bố, mắt long lanh.

– Cả tôi nữa! – Hughie hứa theo.

– Cả chúng em nữa. – Jims nói cho mình và cho Patsy luôn luôn im lặng.

Mọi người đều nhìn Bob: tiếng nói quyết định thuộc về anh.

– Ta hãy suy xét một cách tỉnh táo. – Bob nói. – Chiến tranh cần len, không phải chỉ để làm quân phục. Len còn dùng để làm đạn, làm chất nổ, và còn làm những gì gì nữa mà hẳn là chúng ta chưa từng nghe nói đến. Chúng ta cần có cả bò nữa, vậy là chúng ta cung cấp thịt bò, còn cừ đực thiến và cừ cái già thì đó là da, keo, mỡ và lanolin, tất cả đều cần cho chiến tranh. Vậy thì bất kể ai trong chúng ta muốn thế nào đi nữa cũng không thể bỏ rơi Drogheda được. Một khi đã có chiến tranh thì trong số người chần chừ sẽ có người ra đi, khi ấy hãy thử tìm người thay thế xem. Mà hạn hán năm nay là năm thứ ba rồi, chúng ta chặt các bụi cây làm thức ăn chăn nuôi, thế là cần đến những bàn tay lao động, đã vậy lại còn không làm sao thoát được cái nạn thổ. Vậy thì việc của chúng ta lúc này là Drogheda. Không hấp dẫn lắm,

không phải như trong chiến đấu, nhưng vẫn cứ cần thiết. Bằng cách đó ta sẽ đem lại ích lợi nhiều hơn.

Khuôn mặt cánh đàn ông dài ra còn phụ nữ thì hớn hờ.

– Thế ngộ nhờ chiến tranh kéo dài hơn là Bob *Gang đúc* tưởng thì sao? – Hughie nói, gọi thủ tướng bằng cái biệt hiệu ai nấy đều biết.

Bob nghĩ ngợi, những nếp nhăn hằn sâu hơn trên khuôn mặt sạm màu nắng gió, một nếp nhú nghiêm khắc giữa đôi lông mày.

– Nếu tình hình xấu đi và chiến tranh kéo dài, mà chúng ta có được hai người chặn cừu thì hai người nhà Cleary có thể vào quân đội. Nhưng với điều kiện là Meggie lại nhận những bãi chặn gần nhà, không thì chúng ta không xoay xỏa nổi đâu. Chúng ta sẽ gay go vô cùng, ngay khi thời tiết tốt cũng hoàn toàn không kham nổi, còn trong lúc hạn thế này, tôi nghĩ rằng năm người đàn ông với Meggie nữa thì có thể đảm đương được công việc của Drogheda. Nhưng làm sao có thể đòi hỏi Meggie như vậy được, cô ấy có hai đứa bé trên tay.

– Cần thì đành phải thế vậy thôi, anh Bob ạ – Meggie nói – Mrs. Smith sẽ không từ chối việc trông nom Justine và Dane. Khi cần có sự giúp sức của em để Drogheda cung cấp đủ mọi thứ có thể được thì anh chỉ cần nói một câu là em sẽ đi khắp các bãi chặn gần nhà.

– Vậy thì chúng em vào quân đội, không có hai chúng em thì ở đây các anh chị vẫn càng đáng được. – Jims mỉm cười nói.

– Không, tôi với Hughie sẽ đi – Jack phản đối ngay.

– Theo lẽ công bằng thì nên để Jims và Patsy đi – Bob nói chậm rãi – Hai em là út, chặn cừu thì chưa có kinh nghiệm, mà

kinh nghiệm người lính thì ngay đến các anh đây cũng chẳng có tí kinh nghiệm nào. Có điều tuổi các em còn nhỏ, mới có mười sáu tuổi đầu.

– Khi tình hình xấu đi thì bọn em đã mười bảy tuổi rồi – Jims nói bằng giọng van vỉ – Bề ngoài nom chúng em có vẻ nhiều tuổi hơn, nếu anh viết giấy và Harry Gough bảo lãnh thì chúng em sẽ xung vào quân tình nguyện ngay.

– Ồ, tạm thời thì trong chúng ta sẽ không ai đi cả. Tốt hơn hết là chúng ta sẽ cố gắng sao cho ở Drogheda mọi thứ đều thu hoạch được nhiều hơn: cả thịt, cả len, bất chấp hạn hán, bất chấp nạn thổ hoang.

Meggie nhẹ nhàng ra khỏi buồng, lên buồng trẻ, Dane và Justine ngủ trong những chiếc giường con màu trắng. Meggie đi qua chỗ con gái, dừng lại cạnh con trai và đứng nhìn nó hồi lâu.

– Ôn Chúa, con còn bé bỏng. – Nàng nói.

* * *

Gần một năm sau, chiến tranh mới ập đến cái thế giới nhỏ bé biệt tịch này của Drogheda, trong năm ấy tất cả những người chần chừ thuê lần lượt ra đi, còn thổ thì sinh sôi nảy nở vô chùng mực, Bob không tiếc sức cố làm sao cho Drogheda cung cấp càng nhiều sản phẩm hơn theo đòi hỏi của thời chiến. Nhưng đến đầu tháng sáu 1940 thì được biết rằng quân Anh đành phải bỏ Dunkirk, thế là hàng nghìn người tình nguyện đổ đến các địa điểm tuyển quân ghi tên vào quân đoàn viễn chinh Úc số hai, trong số người tình nguyện có cả Jims và Patsy.

Bốn năm trên yên ngựa đi khắp đó đây trên các bãi chẵn trong bất cứ thời tiết nào đã để lại dấu vết trên cơ thể và gương mặt của hai anh em sinh đôi – họ nom không còn là những chàng trai măng sữa, mắt có cái nhìn điềm tĩnh già dặn trước tuổi, ở khoé mắt và từ hai cánh mũi đến khoé môi đã hiện rõ những nếp nhăn mảnh. Hai anh em xuất trình giấy tờ và được nhận ngay không đòi hỏi gì hết. Người ở các vùng đồng bằng Úc được đánh giá cao trong quân đội. Đây là loại người cường tráng, thường là những tay súng giỏi và biết tuân thủ mệnh lệnh.

Jims và Patsy ghi tên tình nguyện ở Dubbo, nhưng được điều đến các đơn vị thành lập ở Ingleburn gần Sydney, và buổi tối mọi người đi tiễn họ ra chuyến tàu thủy. Té ra cả Cormac Carmichael con teai út của Eden cũng đi chuyến tàu ấy, cũng đến trại lính ấy. Vậy là hai gia đình đưa con em mình vào một buồng toa hạng nhất thuận tiện và bồi rổi đứng chen chúc quanh họ – người ta rất muốn khóc, hôn, hoặc bằng một cách âu yếm bông bột nào đó sưởi ấm những phút chia tay để sau đó có cái gì mà nhớ lại, nhưng tất cả đều bị trói buộc bởi cái tính dè dặt đích thực là của người Anh. Chiếc đầu tàu khổng lồ rú lên rền rĩ, trường ga thổi còi.

Meggie cúi xuống, bên lên hôn chụt một tiếng vào má Jims, Patsy, rồi đến Cormac, cậu ta giống anh mình là Connor như hai giọt nước. Bob, Jack và Hughie lần lượt xiết chặt tay cả ba người, chỉ riêng Mrs. Smith là dám làm những việc mà tất cả những người đi tiễn đều muốn làm chết đi được: nước mắt ròn ròn, bà ôm ghì lấy họ và hôn lấy hôn để cả ba chàng trai. Eden Carmichael, vợ ông và cô con gái không còn trẻ lắm nữa, nhưng vẫn đẹp, cũng từ biệt một cách khách khí, dè dặt. Rồi tất cả ra sân

ga Gillanbone, tiếp đó xe lửa giật dội, những tấm pông loãng xoảng và tàu chậm chạp rời đi.

– Tạm biệt, tạm biệt! – Những người đi tiên gào lên, vẫy những chiếc khăn tay to màu trắng, cho đến khi đoàn xe biến thành một dải khói xa xăm khó phân biệt trong không khí oi nồng lung linh.

* * *

Thế theo yêu cầu của họ, Jims và Patsy được điều về cùng một nơi, về sư đoàn Úc số chín mới thành lập và chưa được huấn luyện đến nơi đến chốn, đầu năm 1941 họ được đưa sang Ai Cập, vừa kịp để được ném đòn tơ bời ở Benghazi. Tướng Erwin Rommel vừa đến đã khiến cho lực lượng của trục Berlin – La Mã có ưu thế trội hẳn và đẩy bật các nước đồng minh về phía sau – con lắc khổng lồ đã bắt đầu hoạt động với biên độ cắt ngang Bắc Phi như vậy đó.

Quân đội còn lại của Anh đã rút lui nhục nhã về Ai Cập trước quân đoàn châu Phi của Rommel, còn trong lúc đó sư đoàn Úc số chín được lệnh chiếm giữ Tobruk, tiền đồn của đồng minh trên lãnh thổ mà quân phe Trục đã chiếm được. Kế hoạch ấy có thể thực hiện được chỉ là vì vẫn còn đến được Tobruk bằng đường biên và đưa được đạn và quân bổ xung đến trong lúc Địa Trung Hải còn bỏ ngõ cho tàu Anh. Tobruk bị bao vây trụ được tám tháng, Rommel luôn luôn tung thêm ra những lực lượng mới tấn công pháo đài này nhưng vẫn không chiếm được nó.

– Này, thế các cậu có biết tại sao bọn mình cứ cắm chân ở đây

không? – Binh nhì Col Stuart vừa hỏi vừa uể oải quần điều thuốc lá.

Trung sĩ Bob Malloy kéo dài cái mũ sụp xuống gáy để vành mũ rộng không che lấp mặt người nói chuyện với mình và nhếch mép cười: câu hỏi đó được nêu ra không phải lần đầu.

– Tớ chẳng biết cóc gì hết. – Anh nói.

– Ờ, thà ngồi đây còn hơn là ngồi sau chân song sắt – Binh nhì Jims Cleary nói, rồi kéo thấp chiếc quần sooc của thằng em sinh đôi xuống một chút, đặt đầu thoải mái lên cái bụng mềm mại ấm áp của cậu em.

– Đúng, nhưng ngồi sau chân song sắt thì không bị người ta luôn luôn nã đạn vào. – Col phản đối và ném que diêm tắt trúng vào con thằn lằn sỏi nắng ở gần đấy.

– Cái đó thì chính tớ cũng biết, bạn ạ. – Bob nói và lại dùng vành mũ che lấp mắt. – Nhưng tớ cho rằng chết buồn thì ngán không chịu nổi, chẳng thà là cái đích cho người ta bắn còn hơn.

Họ bố trí thoải mái trong các công sự khô đào trong cát, đối diện ngay với bãi mìn và hàng rào dây thép gai ngăn ra góc Tây nam trên phần đất của họ. Ngay trong công sự có đặt khẩu súng máy cỡ lớn “Browning” và cạnh nó là những hòm đạn xếp cẩn thận, nhưng hình như không ai cảnh giác đề phòng bị tấn công. Súng trường dựng vào vách đất, lưỡi lê lấp lánh dưới ánh mặt trời Châu Phi chói loà. Xung quanh ruồi vo ve, nhưng cả bốn người đều là người Úc chính gốc – nóng bụi và ruồi Tobruk và nói chung là Bắc Phi không làm cho họ ngạc nhiên.

– Các cậu là anh em sinh đôi, hạnh phúc thật đây, Jims ạ. – Col vừa nói vừa ném những hòn đá nhỏ vào con thằn lằn rõ ràng

là không có ý định nhích khỏi chỗ. – Nhìn cứ như là một cặp gần bó không rời, đúng là cặp tình nhân.

– Chẳng qua là cậu ghen. – Jims mỉm cười giấu cợt và vỗ vào bụng em. – Tìm khắp Tobruk cũng không moi đâu ra cái gối nào tốt hơn.

– Ồ, cậu thì khoái, nhưng Patsy đáng thương thì sao? Này Harpo, nói lên một tiếng đi chứ! – Bob khích.

Patsy đáp lại bằng nụ cười phô ra hàng răng trắng, nhưng vẫn lặng thinh như thường lệ. Tất cả, không trừ một ai, đều thử làm cho cậu ta “bắt chuyện”, nhưng chỉ có thể moi ở cậu ta tiếng “ừ” hoặc “không”, vì vậy họ đặt cho cậu ta cái biệt hiệu là Harpo – tên của một người im lặng trong bộ ba anh em hề nhà Marx.

– Biết tin rồi chứ? – Col bỗng hỏi.

– Tin gì?

– Lữ đoàn “Matildas” số bảy bị đánh tơi tả ở gần Halfaya, họ bị dọt bằng pháo tám mươi tám. Loại pháo lớn nhất ở đây, trong sa mạc, chỉ có nó mới áp đảo được “Matildas”. Những chiếc tăng cực to bị đạn xuyên suốt.

– Cậu thì còn phía ra đủ thứ chuyện giật gân hơn nữa ấy chứ, – Bob nói dài giọng, vẻ ngờ vực, – Tớ là trung sĩ mà tớ chẳng hề nghe nói gì về chuyện ấy cả, còn cậu là binh nhì mà cậu lại biết hết. Này anh bạn ạ, bọn Đức không có thứ vũ khí nào tiêu diệt nổi cả một lữ đoàn “Matildas”.

– Tớ thì tớ bảo với cậu rằng đấy là sự thật trăm phần trăm. – Col vẫn khẳng khẳng một mực. – Tớ vào lều của Morshead có việc do chỉ huy trưởng sai đến và chính tớ nghe thấy đài nói rành rành mà.

Mọi người im bật: trong pháo đài vây hãm, mỗi người cần tin chắc như đinh đóng cột rằng quân nhà có đủ lực lượng và vũ trang để cuối cùng giải thoát cho mình. Vì thế câu chuyện Col kể không làm cho ai vui sướng, nhất là ở Tobruk này, tất cả mọi người, cho đến người lính cuối cùng, đều hiểu rằng Rommel là kẻ thù nguy hiểm. Điều giúp họ đẩy lùi cuộc tiến công của y là niềm tin thành thật rằng trong chiến đấu, có lẽ chỉ có người chiến binh Ấn Độ Gurkha mới sánh được với người Úc, và nếu như niềm tin là chín phần lực lượng thì ở đây họ lấy niềm tin vững chắc để chứng minh không nghi ngờ gì được nữa sức mạnh của họ.

– Những pommy ấy là đồ hèn yếu. – Jims nói – Nên đưa người Úc chúng ta đến Bắc Phi này nhiều hơn nữa.

Bọn họ nhất trí với anh, liền đó một tiếng súng nổ vang ầm ngay trên rìa công sự – không còn vết tích gì của con thần lẩn, bốn người lính đâm bổ đến cỗ súng máy và cụm súng trường.

– Cái thứ lựu đạn Ý chó chết, chẳng có tí sức mạnh nào, chỉ toàn mảnh vụn – Bob thở dài nhẹ nhõm, nói. – Nếu đó là món quà của Hitler thì chúng ta đã chơi đàn thụ cầm trên thiên đường với những người công chính rồi, như thế chắc là vừa ý cậu đấy, Patsy nhỉ?

Sau những tháng gay go bị tổn thất lớn và dường như không đem lại cái gì, mở đầu chiến dịch “Người thập tự quân” sư đoàn Úc số chín được di tản qua đường biển về Cairo. Nhưng trong thời gian nó còn giữ Tobruk, quân đội Anh ở Bắc Phi không ngừng được bổ sung và cuối cùng biến thành quân đoàn tám, đứng đầu là vị chỉ huy mới: tướng Bernard Law Montgomery.

* * *

Bây giờ Fee đeo một vật bằng bạc – biểu hiện của lực lượng vũ trang Úc; vàng mặt trời đang mọc, còn phía dưới, ở đầu sợi dây chuyền đôi là tám thẻ bằng bạc có hai ngôi sao bằng vàng, điều đó chứng tỏ rằng bà có hai con trong quân đội. Người nào gặp bà cũng thấy rằng bà đã làm tròn bổn phận đối với Tổ quốc. Meggie không được đeo cái huy hiệu như thế, nàng không hề đưa tiễn chồng hay con trai vào quân đội. Có thư của Luke – anh dự định vẫn tiếp tục làm việc ở các đồn điền, anh cho nàng biết điều đó vì e rằng nàng lo lắng không biết anh có ra trận không. Rành rành là anh đã quên sạch những gì nàng nói với anh trong buổi sáng đáng nhớ ấy ở khách sạn Ingham, Meggie mỉm cười mệt mỏi, lắc đầu, quăng lá thư vào cái sọt dưới bàn viết của mẹ và nghĩ: mẹ có lo lắng về các con trai hiện đang chiến đấu không nhỉ? Thực tình mẹ nghĩ gì về chiến tranh? Nhưng chưa hề có lần nào mẹ thốt lên lấy một lời về chuyện đó, tuy ngày nào mẹ cũng đeo cái huy hiệu ấy từ sáng và đến đêm cũng chưa tháo ra.

Thỉnh thoảng có thư ở Ai Cập gửi về, mở phong bì là lá thư rã ra từng mảnh, vì chỗ nào có nhắc đến tên địa phương và đơn vị quân đội là lưới kéo kiểm duyệt cắt một miếng hình chữ nhật gọn gàng. Đọc những lá thư ấy thực ra có nghĩa là rút ra một điều gì đó từ cái không có gì, nhưng chúng cho biết một tin cốt yếu nhất, quan trọng nhất, có thư tức là hai chàng trai còn sống.

Đã lâu không mưa. Dường như những lực lượng thiên nhiên trên trời câu kết với nhau để tước đi mọi hy vọng của con người: năm 1941 là năm thứ năm hạn hán ác liệt. Bob, Jack và Hughie,

Meggie và Fiona đều thất vọng. Tài khoản của Drogheda ở nhà băng đủ để mua thức ăn cho cừu, khốn nỗi cừu sẽ không chịu ăn. Mỗi đàn đều có con đầu đàn của mình, phải dụ được con đầu đàn chịu ăn thì mới hy vọng những con khác sẽ noi theo. Nhưng nhiều khi nhìn thấy con đầu đàn nhai mà những con còn lại vẫn mặc kệ, không đụng đến thức ăn.

Thế là, mặc dù hết sức ghét làm đổ máu, những người ở Drogheda vẫn không tránh được điều đó. Không còn tí cỏ nào, đất trên các bãi chăn biến thành một lớp vỏ bị nung kết đen thẫm, đầy vết nứt, chỉ rải rác đôi chỗ có những khoảnh rừng màu xám và nâu sáng làm cho vùng đất hoang vu này tươi tỉnh lên chút ít. Phải cầm lấy súng và dao: một con cừu đuôi sức ngã quy, người ta cắt cổ nó để giải thoát cho nó khỏi phải chết dằng dai khổ ải, khi quạ chưa kịp mổ mắt con vật tội nghiệp giữa lúc nó còn sống. Bob mua nhiều bò cái hơn, bò cái thì có thể cho ăn ngay trong ngăn chuồng, vì vậy Drogheda vẫn không ngừng cung cấp cho quân đội. Việc đó không đem lại thu nhập nào, thức ăn gia súc quá đắt, đồng ruộng trong nước bị thiệt hại vì hạn hán không kém gì các bãi chăn. Đất hầu như không cho thu hoạch. Tuy nhiên từ La Mã, người ta báo cho biết: từ nay trở đi vẫn phải làm tất cả những gì có thể làm được để phục vụ quân đội, không tính đến chi phí.

Đối với Meggie công việc trên bãi chăn bây giờ là đáng ghét nhất, ở Drogheda chỉ giữ lại được một người chăn cừu thuê, và không tìm được người thay thế anh ta, ở Úc cái thiếu nhất bao giờ cũng là sức lao động. Cho đến lúc Bob nhận thấy Meggie đã kiệt lực và bảo em chủ nhật phải nghỉ thì Meggie vẫn làm việc hàng tuần liền không nghỉ trên bãi chăn. Nhưng anh cho em gái nghỉ

thì anh sẽ càng vất vả hơn, vì vậy Meggie cố không để lộ cho thấy mình kiệt quệ đến mức nào. Nàng không hề có ý nghĩ rằng nàng có thể từ chối phứt việc cưỡi ngựa qua các bãi chẵn như một người chẵn cừu bình thường, vì nàng có con nhỏ. Nàng biết ở nhà các con vẫn được chăm nom, chúng không cần đến nàng bằng Bob, nàng cần cho Bob hơn nhiều. Nàng không thể hiểu rằng hai đứa trẻ dù sao vẫn cần nàng, nàng đã trao chúng cho những người thân thiết, yêu quý chúng, nàng nghĩ, vì vậy nếu nàng cứ muốn ở bên chung là nàng hoàn toàn ích kỷ. Đúng, đúng, ích kỷ, nàng tự nhủ. Và chẳng nàng thiếu một niềm tự tin mách bảo cho nàng hiểu rằng đối với hai trẻ, nàng là người duy nhất và không thể thay thế được, cũng như chúng đối với nàng. Thế là nàng vẫn cưỡi ngựa đi trên các bãi chẵn, hàng tuần không thấy mặt con, tối khuya mới trở về nhà khi chúng đã ngủ.

Hễ Meggie nhìn Dane là tim nàng thắt lại. Thằng bé xinh trai, ngay cả người ngoài trên các phố ở Gilly cũng nhận thấy điều đó khi Fee cho nó theo ra thành phố. Hầu như bao giờ nó cũng mỉm cười, tính tình nó thật đặc biệt – một sự pha trộn kỳ lạ tính điềm đạm với niềm vui sướng sâu sắc, lặng lẽ. Dường như con người này đã trở thành một cá tính và nhận thức được bản thân mình, và nó đạt tới mức độ ấy không thông qua những dày vò mà đứa trẻ đang lớn lên thường phải trải qua, hầu như bao giờ nó cũng hiểu đúng, không lăm lẩn về người và sự vật xung quanh, không bao giờ nó nổi cáu hay bối rối về chuyện gì hết. Có những lúc mẹ nó thực sự hoảng sợ khi thấy nó giống Ralph quá, nhưng những người khác rõ ràng là không nhận ra sự giống nhau ấy. Ralph đã đi khỏi Gilly từ lâu, thêm nữa tuy Dane có vóc dáng và nét mặt cũng như thế, nhưng có một sự khác nhau căn bản làm mờ nhòa

chân lý. Tóc nó không đen như tóc Ralph, mà óng ánh vàng – không phải màu hoàng hôn hay màu lúa mạch chín, mà là màu cỏ Drogheda: đấy là vàng kim loại nhạt màu có ánh kem sữa và ánh bạc.

Justine mê thằng em, nó yêu em ngay từ phút đầu. Nó sẵn lòng nhường em cho tất cả những gì tốt nhất, không quản ngại chi, miễn là làm cho em vui thích. Từ khi thằng bé biết đi, nó không bao giờ bỏ mặc em một mình, điều đó khiến Meggie hời lòng hời dạ – Mrs. Smith và Cat với Minne không còn trẻ nữa, có thể họ trông không xuể thằng bé lanh lợi. Vào một trong những ngày chủ nhật rảnh rỗi hiếm hoi của mình, Meggie bế con gái lên đùi và rất nghiêm chỉnh yêu cầu nó trông nom Dane cẩn thận.

– Mẹ không thể ở nhà và đích thân trông nom em, – nàng nói, – vì vậy mẹ trông cậy vào con, Justine ạ. Dane là em con, nó còn nhỏ, con phải luôn luôn để mắt đến nó, chớ để có chuyện gì không hay xảy ra cho nó.

Cặp mắt màu sáng của con bé nhìn với vẻ hiểu biết, chăm chú, nó hoàn toàn không phải là đứa bé bốn tuổi mà chốc chốc lại bị làm cho lãng ý.

– Mẹ đừng lo, mẹ ạ. – Nó nói bằng giọng sôi nổi. – Con sẽ luôn luôn chăm sóc em thay mẹ.

– Tiếc rằng mẹ không thể tự mình chăm sóc nó. – Meggie thở dài.

– Con thì con lại không tiếc. – Con bé tuyên bố một cách cá quyết. – Dane sẽ là của con, như thế càng hơn. Mẹ đừng sợ. Con sẽ trông nom. Sẽ chẳng có chuyện gì không hay xảy ra cho nó đâu. – Con bé cam kết.

Những lời đoán quyết ấy cố nhiên làm Meggie yên tâm, nhưng chẳng an ủi nàng được mấy. Meggie cảm thấy rằng con bé tinh khôn hơn tuổi của nó sẵn sàng đoạt mất con trai của nàng, và không có cách nào ngăn cản được điều đó. cần phải trở lại bãi chôn thả, để mặc Dane dưới sự bảo vệ cẩn mật của Justine. Con gái nàng, con quái vật bé bỏng cướp đoạt của nàng. Thử hỏi, nó sinh ra giống ai vậy? Không giống mẹ, không giống Luke, không giống Fiona.

Nhưng bây giờ ít ra nó còn mỉm cười, còn cất tiếng cười. Trước bốn tuổi, chẳng bao giờ có cái gì làm nó thích thú, nó biết cười chắc là do học ở Dane, thằng bé biết cười thành tiếng ngay từ lúc còn trong nôi. Mà khi Dane cười, Justine cũng cười theo em. Các con của Meggie bao giờ cũng học lẫn nhau điều gì đấy. Nhưng rất bực là chúng chẳng cần gì đến mẹ cả. Khi cuộc chiến tranh gồm ghiecs này chấm dứt, Meggie nghĩ, thì Dane đã lớn và sẽ không yêu ta như đáng phải yêu nữa. Justine bao giờ cũng sẽ gần nó hơn.

Nhưng tại sao lần nào cũng thế, hễ ta cứ tưởng như ta bắt đầu sắp đặt cuộc sống theo ý mình thì bao giờ cũng có chuyện gì xảy ra? Ta chẳng cần quái gì cuộc chiến tranh này, cái hạn hán này, ấy thế mà chúng lại bùng ra.

* * *

Có lẽ thời buổi khó khăn xảy đến lại là điều hay cho Drogheda hơn. Nếu không thế thì Jack và Hughie cũng vào quân đội ngay tắp lự. Nhưng tình thế này thì không còn lựa chọn gì nữa – phải ở

lại và cố gắng cật lực để cứu vãn tất cả những gì có thể cứu được khỏi nạn hạn hán mà sau này người ta gọi là Đại Hạn. Hạn hán làm hại hơn một triệu dặm vuông diện tích trồng trọt và chăn nuôi, từ phần nam bang Victoria cho đến các đồng cỏ Mitchell ở miền Bắc, nơi mà cỏ thường mọc cao đến thắt lưng.

Nhưng chiến tranh đòi hỏi người ta chú ý đến nó không kém gì hạn hán. Hai anh em sinh đôi chiến đấu ở Bắc Phi, vì thế ở Drogheda người ta hau háu theo dõi từng đợt triều lên xuống trong cuộc giao tranh càn đi quét lại trên đất Libya. Là những người lao động gốc gác lâu đời, họ hết lòng ủng hộ công đảng, nhưng họ không thể chịu nổi chính phủ hiện nay, mang tên là chính phủ công đảng, nhưng thực chất là chính phủ bảo thủ. Tháng tám 1941, khi Robert Gordon Menzies thừa nhận sự bất lực của mình và từ chức thì họ hân hoan, rồi ngày mừng ba tháng mười, khi John Curtin, người lãnh đạo công đảng được mời ra đứng đầu chính phủ thì đối với Drogheda, đây là ngày hội lớn nhất trong nhiều năm.

Năm bốn mươi và bốn mươi một, Nhật Bản gây nên nỗi lo ngại ngày càng tăng, đặc biệt sau khi Roosevelt và Churchill làm nó mất nguồn dầu hỏa. Châu Âu ở xa, và muốn đột nhập vào Úc, Hitler phải điều quân vượt qua mười hai ngàn dặm, còn Nhật là châu Á, một phần của Mối Nguy hiểm Màu Vàng. Tựa như con lắc đang tụt xuống không sao giữ lại được trong truyện của Etga Po, nó treo lơ lửng trên cái giếng nước Úc giàu có, hoang vắng, ít người. Và ở Úc chẳng ai ngạc nhiên chút gì khi Nhật tấn công Pearl Harbor; mọi người đã chờ đợi điều đó từ lâu, không phải Pearl Harbor thì sẽ ở một nơi nào khác nữa. Chiến tranh đột ngột tiến sát đến, chỉ nay mai sẽ xộc vào từng nhà. Giữa Úc và Nhật

không phải là một đại dương, giữa hai nước chỉ có những đảo lớn và những biển nhỏ.

Đến lễ Giáng sinh 1941, Hong Kong thất thủ, nhưng còn Singapore thì bọn Nhật không khi nào chiếm được, người Úc tự an ủi mình. Nhưng rồi có tin Nhật đổ bộ lên Mã Lai và Philippin, căn cứ hải quân hùng hậu ở đầu cuối bán đảo Mã Lai đặt vùng biển dưới tầm ngắm bắn thường xuyên của những khẩu pháo lớn, và hạm đội của nó sẵn sàng chiến đấu. Nhưng ngày 8 tháng hai 1942, quân Nhật vượt ngang qua vịnh Johore nhỏ hẹp, đổ bộ lên phần bắc đảo Singapore và tiến đến phía sau thành phố, ở đây tất cả các khẩu pháo của thành phố đều bất lực. Singapore bị chiếm mà thậm chí không đánh chác gì hết.

Rồi đến một tin đặc sắc! Tất cả đội quân Úc ở Bắc Phi trở về Tổ Quốc! Thủ tướng Curtin hết sức diễm nhiên chịu đựng cơn giận bão táp của Churchill và tuyên bố rằng quân đội Úc trước hết phải bảo vệ tổ quốc mình. Sư đoàn Úc số sáu và bảy lập tức xuống tàu ở Alexandra, sư đoàn chín tạm thời bồi bổ sức lực ở Cairo sau những trận đánh nặng nề ở Tobruk, hễ tàu đến là sẽ về theo ngay. Fee mỉm cười, Meggie hoan hỉ vô cùng, Jims và Patsy sắp trở về nhà.

Nhưng họ không trở về. Trong lúc sư đoàn chín chờ tàu thủy đến chỗ đi thì cán cân lại nghiêng sang phía kia, quân đoàn tám vội vã rút khỏi Benghazi. Thủ tướng Churchill đã mặc cả xong với thủ tướng Curtin. Sư đoàn Úc số chín sẽ ở lại Bắc Phi, và thay thế cho nó, để phòng thủ nước Úc, một sư đoàn Mỹ sẽ được đưa đến bằng đường biển. Những người lính tội nghiệp bị quăng tới quăng lui, theo quyết định của những nhà cầm quyền không phải là của họ, mà của nước khác. Một sự nhượng bộ nhỏ ở đây, một chút lợi

nhỏ ở kia.

Nhưng đối với Úc, đây là một đòn nặng khi nước Anh xua ra khỏi cái tổ ở rìa viễn đông của đế quốc Anh luôn một lúc tất cả số gà con, cho dù Úc là cái sân gia cầm hậu hĩ và nhiều hứa hẹn.

* * *

Buổi tối 23 tháng chạp 1942 là một buổi tối yên tĩnh hiếm có trên sa mạc, Patsy nhích đi một chút trong bóng tối, và như một đứa trẻ con, thân thiết áp đầu vào vai anh. Jims quàng một tay ôm vai em, và cả hai đều im lặng, không cần nói cũng hiểu nhau. Trung sĩ Bob Malloy thúc khuỷu tay vào binh nhì Col Stuart.

- Một cặp hề. – Anh ta vừa nói vừa mỉm cười giấu cợt.
- Cút xéo đi! – Jims đáp lại.
- Này Harpo, nói lên một lời đi chứ. – Col lầu bầu.

Patsy đáp lại bằng nụ cười thiên thần thương lệ của mình, nụ cười khó nhận rõ trong bóng tối, và há mồm, miêu tả hết như Harpo Marx thổi kèn.

Từ khắp các phía trong vòng một chục bước, người ta suyt anh chàng : mặt hận không yên, có lệnh phải im lặng.

- Hừ, quý thật, cứ chờ đợi hoài, cứ vậy thì tớ đến chết mất thôi.
- Tớ cũng đến chết mất thôi vì cứ phải im lặng. – Patsy bỗng gào lên.
- Câm mồm, thẳng hề, không thì chính tao sẽ kết liễu đời mày cho mà xem!

Col quát bằng giọng khàn khàn và với khẩu súng cầm lê.

– Khẽ chứ! – Tiếng thì thào rất to của đại úy. – Thằng ngu nào gào lên thế?

– Patsy đấy! – Một chục tiếng cùng cất lên.

Tiếng cười rộ sáng khoái lan truyền trên bãi mìn và bỗng bật đi, bị dập tắt bởi tiếng chửi khe khẽ, cuồng nộ của viên đại úy. Trung sĩ Malloy nhìn đồng hồ : 21.40.

Tám trăm tám mươi hai khẩu pháo và lựu pháo của Anh cùng lên tiếng. Bầu trời chao đảo, mặt đất dâng cao, trương phồng lên và không còn yên được nữa, trận pháo kích không ngừng lặn lấy một giây, tiếng ầm ầm khiến người ta phát điên lên được. Bịt tai vô ích, tiếng nổ inh tai làm rung chuyển đất dưới chân, truyền qua xương lên não. Có thể tưởng tượng được tất cả những cái đó có tác động đến quân đội của Rommel trong các công sự đối diện như thế nào. Thông thường có thể phân biệt được pháo bắn là loại nào, cỡ bao nhiêu, nhưng hôm nay, tất cả các họng thép đều nhất loạt gầm lên thành một dàn đồng ca duy nhất và bất tận.

* * *

Chiếu sáng sa mạc không phải là ánh sáng ban ngày, mà dường như là lửa của chính mặt trời: đám mây bụi khổng lồ mỗi lúc một phình ra, như những cột bốc khói lên cao hàng nghìn *feet*, bị cắt xé bởi những tia chớp lóe của đạn pháo và mìn nổ, những lưỡi lửa bay vụt lên khi sức chấn động làm nổ tung số đạn và chất cháy tập trung rất nhiều trên mảnh đất này. Tướng Montgomery trút tất cả sức mạnh hỏa lực của pháo, lựu pháo, mortars xuống các bãi mìn của bọn Đức. Tất cả những gì thuộc

quyền sử dụng của tướng Montgomery đều trút xuống đầu quân địch với tốc độ mà những người lính pháo binh đầm đìa mồ hôi kịp nạp đạn và bắn. Họ tống đạn vào những cái mồm không biết no của các khẩu pháo, hối hả, ráo riết, như những con chim nhỏ cố bòn cho con tu hú non háu ăn. Những nòng pháo nóng rẫy lên, quãng thời gian ngắn ngủi giữa lúc súng giật và phát bắn mới mỗi lúc một ngắn hơn, những người lính pháo binh như bị quỷ ám, nạp đạn và bắn mỗi lúc một nhanh hơn. Như người điên, họ thực hiện mỗi lúc một điên cuồng hơn vẫn cái nghi thức ấy để phụng thờ khẩu pháo của mình.

Việc đó thật là đẹp đẽ, kỳ diệu – cái đỉnh cao của cuộc đời người lính pháo binh, sau này anh ta sẽ luôn luôn sống lại những giây phút đáng ghi nhớ ấy, trong mơ và trong thực tại, cho đến hết những ngày hòa bình còn lại với anh. Và anh ta sẽ luôn luôn khắc khoải mong được sống lại mười lăm phút ấy bên những khẩu pháo của tướng Montgomery.

Yên tĩnh. Sự yên tĩnh sâu thẳm, không gì phá vỡ được, như những đợt sóng nhào đập vào màng tai càng đến tột độ. Yên ắng không thể chịu nổi. Đúng mười giờ kém năm. Sư đoàn chín ra khỏi công sự và tiến về phía trước, trên khu vực không thuộc về bên nào, người thì vừa đi vừa cầm lưỡi lê, người thì sờ nắn bao đạn xem đạn có còn nguyên không, đồng hồ, mũ có ổn không, giày đã buộc dây chu đáo chưa, khẩu súng máy được kéo đi ở bên phải hay bên trái cách mình có xa không. Trong ánh phản quang dữ dội của đám cháy và cát nóng chảy thành thủy tinh, mọi vật đều nhìn thấy rất rõ. Những đám mây bụi vẫn còn lơ lửng giữa họ và quân địch, lúc này họ vẫn còn an toàn. Tạm thời, trong một lúc. Họ dừng lại ngay ở rìa bãi mìn, chờ đợi.

Đúng mười giờ. Trung sĩ Malloy đưa chiếc còi lên môi, tiếng còi the thé vang khắp đại đội từ sườn bên phải sang sườn bên trái, viên đại úy hô to mệnh lệnh. Trên một mặt trận bề rộng hai dặm, sư đoàn chín tiến lên, đi vào các bãi mìn, sau lưng nó lập tức pháo lại gầm lên. Những người lính thấy rất rõ họ đang đi đâu, sáng như ban ngày, đạn pháo dã chiến bắn ở khoảng cách gần nhất, nổ ở phía trước, chỉ cách có vài yard^[90]. Cứ ba phút, tầm bắn lại nhích lên một trăm yard, và phải đi qua một trăm yard ấy và cầu trời sao cho dưới chân chỉ có mìn chống tăng, còn mìn sát thương chống bộ binh thì đã bị pháo binh của tướng Montgomery tiêu diệt hết. Ở phía trước còn có bọn Đức, bọn Ý, các hỏa điểm súng máy, pháo 50 li và súng cối. Có khi một người giẫm lên mìn sát thương chưa nổ, chỉ kịp nhìn thấy lửa phụt lên từ dưới cát, thế là đã tan xác.

Không có thời giờ nghỉ ngơi, không lúc nào có thời giờ, chỉ mau mau chạy đuổi theo bức rào lửa, cứ ba phút một trăm yard, và cầu nguyện. Tiếng ầm ầm, những làn lửa lóe sáng, bụi, khói đến lộn mửa làm giảm sự khủng khiếp.

Những bãi mìn bất tận, phải bước đi trên bãi mìn hai ba dặm nữa, không lùi đi đâu được. Thịnh thoảng, trong mấy giây tạm yên giữa những đợt bão lửa, tiếng kèn túi man rợ, chói tai từ xa lại xuyên qua bầu không khí nóng bỏng đầy cát, phía bên trái sư đoàn chín, sư đoàn Sơn cước số năm mươi một đang đi qua các bãi mìn, và mỗi đại đội trưởng đều có người thổi kèn của mình. Đối với người lính Scotland, không có thứ âm nhạc nào ngọt ngào hơn tiếng kèn trận, tiếng hát của kèn trận cũng là lời chào mừng thân mật tốt lành cả với người Úc. Nhưng nó làm cho người Ý và người Đức tức điên lên.

Trận đánh kéo dài mười hai ngày, mà mười hai ngày là một trận đánh rất dài. Thoạt đầu sư đoàn chín gặp may: khi vượt qua các bãi mìn và trong những ngày tấn công đầu tiên trên địa phận của Rommel, tổn thất không lấy gì làm lớn.

– Tớ cho rằng làm thằng lính hứng đạn còn hơn làm công binh, tớ nói với các cậu thế đây. – Col Stuart tì vào cái xẻng, tuyên bố.

– Cái gì thì tớ không biết, bạn ạ. – Viên trung sĩ lâu bầu đáp lại.
– Theo tớ thì họ giải quyết công việc không kém chút nào. Thoạt tiên họ ở phía sau các công sự, chờ cho chúng ta làm xong toàn bộ cái việc chó chết của chúng ta, rồi họ mang máy dò mìn thông thả dò dẫm mở đường cho những chiếc xe tăng chó chết ấy.

– Xe tăng không có lỗi gì. Bob ạ, chẳng qua là cấp trên của ta sử dụng một cách quá khôn khéo. – Jims nói và dùng cái xẻng đập bẹp rìa trên cùng của công sự mới đào. – Hừ, quý thật, giá như họ cho chúng ta dừng lại tí chút ở một chỗ. Trong năm ngày qua tôi đã đào bao nhiêu là đất, làm gọn sạch hơn là bất cứ con vật ăn kiến nào^[91].

– Thế thì cứ tiếp tục đào nữa đi, – Bob ngắt lời, không mấy may thông cảm.

– Này, xem kia! – Col chỉ lên trời.

Mười tám chiếc máy bay ném bom hạng nhẹ của Anh dàn thành một đội ngũ hết sức chỉnh tề như trong cuộc duyệt binh, bay trên thung lũng và ném bom chính xác không chệ vào đâu được xuống vị trí của bọn Đức và bọn Ý.

– Thậm chí nom rất đẹp. – Trung sĩ Bob Malloy vươn cái cổ dài nhìn lên trời, nhận xét.

Ba ngày sau anh ta chết – trong cuộc tấn công mới, một mảnh đạn trái phá rất lớn phạt mất một tay và một mảng sườn của anh, nhưng không ai có thời giờ nán lại cạnh anh, có người nào chỉ kịp rút cái còi khỏi cặp môi giập nát của anh. Bây giờ người chết như ruồi, họ kiệt sức quá, không còn nhanh nhẹn và thận trọng như trước nữa, nhưng mỗi mảnh đất đã chiếm được trên cái sa mạc cằn cỗi bất hạnh này họ đều bám chặt lấy, bất chấp sự kháng cự điên cuồng của quân tinh nhuệ bên kia. Bây giờ trong họ chỉ còn một cảm giác ngây độn, ương bướng duy nhất, – nhất quyết không chịu bại trận.

Sư đoàn chín bám giữ trận địa đối diện với quân của von Sponeck và Lungerhausen, trong lúc đó ở phía nam, phòng tuyến của quân Đức bị xe tăng chọc thủng, và cuối cùng Rommel bị đánh bại. Tối mùng 8 tháng chạp, y vẫn còn toan tập hợp lại lực lượng ở ngoài Ai Cập, nhưng Montgomery đã làm chủ toàn bộ Sahara. Đã giành được một thắng lợi chiến thuật hết sức quan trọng, một El Alamein thứ hai. Khi rút lui, Rommel phải bỏ lại một số lớn xe tăng, pháo và phương tiện kỹ thuật khác. Bây giờ có thể vững tâm hơn để mở chiến dịch “Ngọn đuốc” – tấn công từ Morocco và Algeria về hướng đông. “Con báo của sa mạc” vẫn còn hăng đánh lắm, nhưng dấu sao cũng không còn như trước, y đã bị nện quá đau ở gần El Alamein. Cuộc giao tranh lớn nhất và có tầm quan trọng quyết định ở Bắc Phi bây giờ đã ở phía sau, và trong cuộc giao tranh đó, chuẩn thống chế Montgomery đã thắng.

El Alamein thứ hai đó là lần trở tài cuối cùng của sư đoàn Úc số chín ở Bắc Phi. Cuối cùng nó được điều về xứ sở quê hương để giành lại New Guinea trong tay quân Nhật. Từ tháng ba 1941, sư

đoàn hầu như liên tục ở các vị trí tuyến đầu – khi đến mặt trận, nó trang bị kém và huấn luyện kém, khi trở về thì đã ngời ánh vinh quang, danh tiếng của nó có lẽ chỉ thua sư đoàn bốn Ấn Độ. Trong hàng ngũ sư đoàn chín, Jims và Patsy đã trở về tổ quốc bình yên vô sự.

Cố nhiên họ được phép nghỉ về thăm nhà ở Drogheda. Bob đánh ô tô ra Gilly đón họ về chuyến tàu từ Goondiwindi; sư đoàn chín hiện đóng ở Brisbane để huấn luyện đánh trong rừng nhiệt đới, sau đó nó sẽ phải sang New Guinea. Khi chiếc “Rolls Royce” đến gần Nhà Lớn, phụ nữ đã đứng chờ trên bãi cỏ. Jack và Hughie đứng lui một chút về phía sau, nhưng họ cũng nóng lòng muốn nhìn thấy hai em. Tất cả số cừu còn lại ở Drogheda có thể trút hơi thở cuối cùng nếu chúng muốn, dù sao hôm nay cũng là ngày hội, không ai làm việc.

Nhưng khi xe dừng lại và Jims với Patsy bước ra thì không ai nhúc nhích. Hai anh em sinh đôi đã đổi khác biết bao! Qua hai năm trên sa mạc, bộ quân phục trước kia đã rách tơi tả, họ được cấp bộ mới màu lá cây, hợp với màu rừng nhiệt đới, nói chung không thể nhận ra họ. Họ nom cao hơn trước nhiều, quả thực là đã lớn vòng lên. Hai năm gần đây, ở xa Drogheda, họ đã trưởng thành hẳn lên và vượt xa các anh. Thì đây, họ không còn là những chú thiếu niên nữa, mà là những người đàn ông, nhưng là những người đàn ông thuộc loại khác hẳn Bob, Jack và Hughie: những thử thách gay go, cái hăng say ngây ngất của chiến trận, sự gần gũi từng giờ với cái chết khiến họ trở thành những người mà Drogheda sẽ không bao giờ đào luyện được như thế.

Mặt trời Bắc Phi làm họ khô quắt đi, hun đốt da họ thành màu gỗ đỏ, đốt cháy sạch những dấu vết cuối cùng của sự ấu trĩ. Đúng,

hoàn toàn có thể tin rằng hai con người này – hai con người mặc quân phục giản dị, đội mũ có vành ghim lại ở phía trên tai trái bằng cái quân hiệu của lực lượng vũ trang Úc – vàng mặt trời mọc, chính họ đã giết những người đồng loại. Nhìn mắt họ thì biết – mắt họ xanh như mắt Paddy, nhưng buồn hơn nhiều, trong cái nhìn không có sự dịu hiền như bố.

– Các con, các con của ta! – Mrs. Smith kêu lên, nước mắt rùng rùng, đầm bở đến với họ. Không, dù họ có làm gì đi nữa, đổi khác thế nào đi nữa thì họ vẫn cứ là những chú bé con của bà, chính những chú nhóc đã được bà tắm táp, bọc tã, cho ăn, lau nước mắt, bà đã hôn những vết thâm tím và xây xước của chúng cho mau hết đau. Duy có những vết thương mới của họ mà mắt không nhìn thấy được thì bà không còn đủ phép chữa lành nữa.

Thế rồi những trở ngại do tính dè dặt đích thị kiểu Anh dựng lên đã sụp đổ, mọi người vừa cười vừa khóc vây xung quanh hai anh em sinh đôi, ngay cả Fee bất hạnh cũng vỗ vai họ và gắng gượng mỉm cười. Tiếp sau Mrs. Smith, phải hôn Meggie hôn cả Minne và Cat, và bên lên ôm hôn mẹ, không nói năng gì, xiết chặt tay Jack và Hughie. Ở đây, ở Drogheda, chẳng ai hiểu điều đó nghĩa là thế nào: trở về nhà, chẳng ai hiểu hai người ấy khao khát và sợ cái phút này biết dường nào.

Và họ ăn mới ngấu ngiến làm sao chứ! Trong quân đội đâu có được ăn như thế, họ vừa cười vừa nói. Bánh ngọt phủ lớp kem mặt màu trắng và màu hồng, bánh ngọt cuộn lớp có hồ đào và sôcôla, pudding mặn nóng hổi, kem sữa làm từ sữa bò của Drogheda. Vẫn còn nhớ thuở bé họ đã đau bụng như thế nào, Mrs. Smith chắc nhảm rằng phen này họ phải khổ sở đến một tuần lễ, chỉ cốt sao nhờ cho trôi những núi cái ăn này bằng vô số chén trà

là được.

– Đây không phải là thứ bánh dẹt của các Wog, phải không, Patsy.

– Ờ.

– “Wog” là cái gì? – Mrs. Smith hỏi.

– Wog là người Ả rập, lại còn có *Wop* nữa – đấy là người Ý, đúng không, Patsy?

– Ờ.

Điều kỳ lạ là hai anh em có thể hàng giờ nói về Bắc Phi, đúng hơn là Jims nói; thành phố và người ở đấy như thế nào, họ ăn những thức gì, ở Cairo có nhà bảo tàng như thế nào, sinh hoạt trên tàu xe và ở trại lúc nghỉ ngơi như thế nào. Nhưng không có cách gì buộc họ kể chuyện về những trận đánh thực sự, về cuộc chiến ở Gazala, Benghazi, Tobruk, El Alamein. – Hỏi gì họ cũng chỉ trả lời lảng tránh và vội nói sang chuyện khác. Sau này khi chiến tranh kết thúc, phụ nữ lại nhiều lần thấy rõ : những người đàn ông đã ở ngay trong lò lửa không bao giờ kể chuyện về điều đó, không bao giờ gia nhập các hội và các câu lạc bộ cựu chiến binh, và nói chung không muốn dính dáng gì đến những tổ chức có mục đích cố tìm cách ghi nhớ mãi mãi kỷ niệm về chiến tranh.

Để chào mừng hai anh em, người ta mời khách về Drogheda. Cố nhiên cả ở Rudna Hunish cũng có chiêu đãi, vì Alastair MacQueen cũng chiến đấu ở sư đoàn chín và cũng về nghỉ phép. Hai con trai sau của Dominic O'Rourke ở sư đoàn sáu tại New Guinea, tuy chính họ không về được, nhưng ở Dibban-Dibban vẫn tổ chức ăn mừng. Trong toàn vùng Gillanbone, mỗi gia đình có con trai trong quân đội đều nhất thiết muốn chào mừng việc

ba chàng trai ở sư đoàn chín trở về bình yên. Các bà các cô bám theo họ sát gót, nhưng sự chú ý của phụ nữ gây cho hai chàng dũng cảm nhà Cleary một nỗi sợ mà chưa bao giờ họ cảm thấy trong chiến đấu, và lần nào cả hai chàng cũng cố tìm cách lỉnh đi.

Hình như Jims và Patsy nói chung, không muốn giao thiệp với phụ nữ, họ chỉ thích đến với Bob, Jack và Hughie. Đêm đến, phụ nữ Drogheda đi ngủ, còn họ vẫn ngồi với các anh (mà như vậy dù muốn hay không cũng phải ngồi đến khuya) và phớt bầy với họ những trái tim bị thương đau đớn. Ban ngày họ cười ngửa qua các bãi chẵn nóng bỏng của Drogheda (đã sang năm hạn hán thứ bảy) và hạnh phúc vì lại cảm thấy mình là dân thường, dù chỉ trong thời gian ngắn.

Đúng, đối với cả hai, ngay cả đất Drogheda khô nẻ, kiệt màu như thế này cũng vẫn đáng yêu khôn tả, chỉ nhìn thấy cừu cũng đã làm niềm an ủi, mùi hoa hồng muôn mãn là hương thơm thiên đường, cần làm cách nào thấm hút lấy tất cả những cái đó và lưu giữ vĩnh viễn ở nơi sâu thẳm nhất của ký ức: vì đây là lần đầu tiên cả hai bay ra khỏi tổ ấm gia đình một cách nhẹ nhõm, vô tư lự đến thế, thậm chí không hình dung được cuộc chia ly sẽ là thế nào. Còn bây giờ, khi ra đi, họ sẽ trân trọng đem theo nguồn dự trữ quý báu : những hồi ức, từng phút đáng yêu không thể quên được, và trong ví của mỗi người có một bông hồng khô của Drogheda và mấy cọng cỏ ở các bãi chẵn cằn cỗi của Drogheda. Với Fiona, cả hai luôn luôn tỏ ra hiền hậu và đầy thông cảm, còn với Meggie, Mrs. Smith, Minnie và Cat thì thái độ của họ là hiện thân của tình yêu và sự triu mến. Vì chính những người ấy, ngay từ đầu đã là những người mẹ thực sự đối với hai anh em sinh đôi.

Meggie sung sướng nhất là hai đứa em trai sinh đôi rất yêu

Dane, chơi với nó hàng giờ, cười với nó, cho nó đi ngựa, nô với nó không biết mệt trên bãi cỏ trước nhà. Với Justine thì tuồng như họ sợ nó, là bởi họ nhút nhát với tất cả phụ nữ bất cứ lứa tuổi nào nếu đấy không phải là những người quen biết từ lúc còn trong nôi. Thêm nữa, cô bé Justine đáng thương ghen ghê gớm: Jims và Patsy chiếm hẳn Dane, bây giờ cô bé không biết chơi với ai.

– Chị Meggie ạ, thằng nhóc của chị là loại nhất đấy. – Có lần Jims nói với nàng đúng lúc nàng ra hàng hiên, còn Jims ngồi trong chiếc ghế bành đan và nhìn Patsy chơi với Dane trên bãi cỏ.

– Ồ, nó đáng yêu, phải không? – Meggie mỉm cười, ngồi xuống ngay phía trước để nhìn cho rõ hơn khuôn mặt của cậu em. Và nàng nhìn em như hồi xưa, với sự trù mến và tình thương của người mẹ. – Em làm sao thế, Jims? Có lẽ em sẽ nói với chị chẳng?

Jims ngược mắt nhìn chị, cặp mắt đầy đau khổ thắm kín, nhưng anh chỉ lắc đầu, dường như không hề bị cảm dỗ vì có dịp thổ lộ tâm tình.

– Không, chị Meggie ạ. Chuyện như thế không đem kể với phụ nữ được.

– Thế thì mọi việc đã thuộc về quá khứ và em lấy vợ thì sao? Chẳng lẽ em cũng không muốn chia sẻ với vợ à?

– Chúng em mà lấy vợ ấy ư? Không, chuyện ấy chưa chắc. Chiến tranh lấy mất của con người quá nhiều. Khi ấy chúng em hăm hở xông ra mặt trận, nhưng bây giờ chúng em khôn hơn rồi. Ồ, thì lấy vợ, đẻ các con trai, nhưng để làm gì? Để nhìn thấy chúng lớn lên và đẩy chúng đến chỗ ấy, khiến chúng sẽ phải làm cái việc mà chúng em đã làm, nhìn thấy những cái mà chúng em đã nhìn thấy quá nhiều ư?

– Im đi, Jims, im đi!

Jims dõi theo luồng mắt của Meggie : Patsy lộn ngược Dane xuống, và thằng bé hai chân chống ngược, cười sặc sụa, khoái trá.

– Đừng cho nó rời khỏi Drogheda, chị Meggie ạ. – Jims nói. – Chẳng nào nó còn ở Drogheda thì sẽ chẳng có chuyện gì không hay xảy ra cho nó cả.

* * *

Không để ý đến những cái nhìn sững sốt, Tổng Giám mục de Bricassart chạy vùn vụt trong cái hành lang sáng sủa tuyệt đẹp, xộc vào phòng làm việc của Đức Hồng y và dừng phắt lại như trời trồng. Đức Hồng y đang nói chuyện với ngài Papee, đại sứ của chính phủ Ba Lan lưu vong ở Vatican.

– Ralph, ông đấy ư? Có chuyện gì xảy ra?

– Việc xảy ra rồi, Vittorio ạ, Mussolini bị lật đổ.

– Chúa thật công bằng! Thế Đức Thánh cha biết rồi chứ?

– Chính tôi gọi điện thoại về Castel Gandolfo, nhưng nên chờ tin loan báo trên đài vào bất cứ lúc nào. Một người bạn ở bộ tham mưu Đức đã gọi điện cho tôi.

– Tôi hy vọng rằng đức cha đã chuẩn bị sẵn mọi thứ cần thiết để lên đường.

Ngài Papee thốt lên, giọng có một âm sắc thỏa mãn khó nắm bắt.

– Đức Thánh Cha có thể đi thoát được nếu chúng ta cải trang Ngài thành một tu sĩ hành khất dòng Franciscan, không có cách

nào khác.

Tổng Giám mục Ralph trả lời một cách gay gắt:

– Kesselring vây thành phố kín đến nỗi con chuột nhắt không đi lọt.

– Và chẳng Ngài cũng không muốn bỏ chạy, – Hồng y Vittorio nói.

Đại sứ đứng lên.

– Tôi phải xin cáo từ Ngài thôi, thưa Đức Ông. Tôi là đại diện của một chính phủ thù địch với nước Đức. Nếu ngay đến Giáo hoàng còn không an toàn thì nói gì đến tôi. Ở văn phòng của tôi có những giấy tờ mà tôi phải lo liệu.

Kiểu cách dè dặt, đích thực là nhà ngoại giao, ông ta nghiêng mình chào.

Còn lại Hồng y và Tổng Giám mục.

– Ông ta đến làm gì, để bênh vực những người Ba Lan bị đàn áp chẳng?

– Đúng. Khổ thân ông ta, ông ta rất đau lòng về đồng bào của mình.

– Thế chúng ta không đau lòng ư?

– Tất nhiên là chúng ta đau lòng, Ralph ạ! Nhưng ông ta không hình dung được tình hình gay go như thế nào.

– Tất cả tai họa là ở chỗ người ta không tin ông ta.

– Ralph!

– Thế tôi nói không đúng sự thực sao? Thời thanh niên Đức Thánh Cha sống nhiều năm ở Munich, Ngài mê người Đức, và bất chấp tất cả, cho đến nay Ngài vẫn yêu họ. Hãy đưa bằng chứng ra

với Ngài, thân thể những người xấu số, những người bị hành hạ, những bộ xương bọc da, thì Ngài sẽ bảo chắc chắn đấy là việc làm của người Nga. Chứ không phải là của những người Đức mà Ngài quý mến, ồ không, một dân tộc có văn hóa như thế, văn minh như thế.

– Ralph, ông không thuộc dòng Juses, nhưng ông ở đây, ở Vatican chỉ bởi vì bản thân ông đã thề nguyện trung thành với Giáo hoàng La Mã. Trong mạch ông vẫn mang dòng máu nóng của tổ tiên Ireland và Norman của ông, nhưng tôi xin ông, hãy khôn khéo! Bắt đầu từ tháng chín, chúng ta chỉ có chờ đợi đòn cuối cùng sẽ giáng xuống bất cứ lúc nào và cầu Chúa sao cho *Duce* được yên lành và bảo vệ chúng ta khỏi sự đàn áp của Đức, Adolf Hitler là một cá tính thiếu nhất quán đến kỳ lạ, không hiểu sao hẳn rất muốn giữ nguyên hai kẻ thù hiển nhiên của mình : đế quốc Anh và nhà thiên chúa La Mã. Nhưng khi hoàn cảnh thôi thúc, hẳn đã làm tất cả những gì có thể làm được để tiêu diệt đế quốc Anh. Vậy theo ý ông, nếu chúng ta thúc bách hẳn, hẳn lại không cố tìm cách tiêu diệt chúng ta sao? Ta cứ thử thốt ra lấy một lời buộc tội về hẳn, về sự việc xảy ra với Ba Lan xem, chắc chắn hẳn sẽ đè bẹp chúng ta. Theo ông thì những lời buộc tội và vạch mặt của chúng ta sẽ đem lại điều gì tốt đẹp, chúng ta sẽ đạt được gì bằng cách đó, bạn tôi ơi? Chúng ta không có quân đội, không có binh lính, sự đàn áp sẽ tiếp liền ngay sau đó, Đức Thánh Cha sẽ bị đưa sang Berlin, đấy là điều Ngài sợ nhất. Chẳng lẽ ông không còn nhớ Đức Giáo hoàng đã trở thành bù nhìn ở Avignon nhiều thế kỷ trước hay sao? Chẳng lẽ ông muốn Giáo hoàng của chúng ta sẽ trở thành bù nhìn ở Berlin sao?

– Thứ lỗi cho tôi, Vittorio, nhưng tôi có cách nhìn khác đối với

sự việc đó. Chúng ta có nhiệm vụ, có bốn phẫn vạch mặt Hitler, phải hét vang khắp thế giới về những tội ác thú vật của chúng! Nếu hấn có bắn chết chúng ta thì chúng ta sẽ nhận lấy cái chết tử vì đạo, điều đó sẽ có tác động mạnh hơn bất cứ lời vạch mặt nào.

– Hôm nay ông chậm hiểu ít thấy, Ralph ạ! Hấn tuyệt nhiên không đưa chúng ta đi xử bắn. Hấn hiểu không kém gì chúng ta rằng tấm gương tuân đạo làm rung động lòng người như thế nào. Đức Thánh Cha sẽ bị đưa sang Berlin, còn tôi với ông sẽ bị đưa sang Ba lan, không một chút ồn ào. Sang Ba Lan, Ralph ạ, sang Ba Lan! Chẳng lẽ ông muốn chết ở Ba Lan à? Như vậy sẽ ít ích lợi hơn nhiều so với những gì ông đang làm hiện nay.

Tổng Giám mục ngồi xuống, hai bàn tay xiết chặt kẹp giữa đùi và phóng mắt bắt phục tùng ra cửa sổ, ở ngoài đó những con bồ câu óng ánh vàng trong những tia hoàng hôn cất cánh bay lên, sửa soạn về chỗ nghỉ đêm. Ở tuổi bốn mươi chín, Ralph de Bricassart đã gầy hơn thời thanh xuân, nhưng ông bắt đầu về già cũng tuyệt diệu như ông vẫn tuyệt diệu trong mọi việc, bất kể ông là gì.

– Ralph, đừng quên chúng ta là ai. Chúng ta là người, đó chỉ là chuyện phụ. Trước hết chúng ta là những kẻ phụng sự nhà thờ, những đấng chặn dắt linh hồn.

– Khi tôi từ Úc về, Đức Ông sắp đặt những phẩm chất của chúng ta theo trật tự khác, Vittorio ạ.

– Khi ấy là nói về việc khác, ông biết đấy. Nói chuyện với ông hôm nay đến là khó. Tôi nói về việc lúc này chúng ta không thể suy xét chỉ như những con người bình thường. Chúng ta có trách nhiệm suy xét như những đấng chặn dắt linh hồn, bởi vì trong

đời chúng ta, cái đó cao hơn hết. Dù rằng mỗi người chúng ta tự mình nghĩ gì đi nữa, dù có muốn hành động thế nào đi nữa thì chúng ta vẫn có bốn phận trung thành không phải với một chính quyền thế tục nào, mà với nhà thờ! Chúng ta phải trung thành với Đức Thánh Cha, chứ không với ai khác! Ông đã khấn nguyện vâng lời, Ralph ạ. Chẳng lẽ ông lại muốn lỗi phạm cả lời khấn nguyện ấy nữa chẳng? Trong mọi việc liên can đến nhà thờ, Giáo hoàng không thể sai lầm.

– Đức Thánh cha làm! Nhận định của Ngài đầy thiên kiến. Mọi cố gắng của Ngài đều nhằm chống chủ nghĩa cộng sản. Đối với Ngài, nước Đức là kẻ thù chắc chắn nhất của chủ nghĩa cộng sản, là trở ngại duy nhất ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản tiến về phương tây, và cũng như Ngài hoàn toàn hài lòng về Mussolini cầm quyền ở Ý.

– Hãy tin tôi, Ralph ạ, ông không biết hết đâu. Còn Ngài là Giáo hoàng, ngài không thể sai lầm. Nếu ông phủ nhận điều đó, ông phủ nhận chính đạo của mình.

Cửa mở ra một cách e dè, nhưng vội vã.

– Trình Đức ông, có tướng Kesselring đến xin gặp.

Cả hai vị giáo sĩ cao cấp đứng dậy, trên mặt họ không còn dấu vết của cuộc tranh luận sôi nổi vừa rồi, cả hai đều mỉm cười.

– Rất hân hạnh được gặp Ngài, thưa các hạ. Xin mời Ngài ngồi. Ngài dùng trà chứ ạ?

Cuộc nói chuyện diễn ra bằng tiếng Đức: Trong các giới chức cao cấp ở Vatican, nhiều người nói thạo thứ tiếng này. Bản thân Giáo hoàng rất thích nói tiếng Đức và nghe tiếng Đức.

– Đa tạ Đức Ông, tôi rất lấy làm thích thú được uống trà. Trong

cả La Mã, chỉ có đến Đức ông mới có thể được nếm thứ trà tuyệt diệu đến như thế, đích thực là trà Anh.

Hồng y Vittorio mỉm cười hồn nhiên.

– Tôi đã nhiễm thói quen đó trong sinh hoạt từ hồi tôi là Khâm mạng ở Úc, thế rồi không thể bỏ được, mặc dù tôi là người Ý chính cống.

– Thế còn Ngài, thưa Đức cha?

– Tôi gốc gác là người Ireland, thưa tướng quân. Người Ireland cũng quen dùng trà từ bé.

Tướng Albert Kesselring bao giờ cũng có thiện cảm với Tổng Giám mục de Bricassart: giữa những giáo sĩ cao cấp người Ý tâm địa nhỏ nhen, nói năng ngọt xớt, thật dễ chịu khi gặp một người thẳng thắn, không hề quanh co trí trá.

– Bao giờ tôi cũng ngạc nhiên về việc Ngài nói tiếng Đức sõi như thế, thưa Đức cha. – Ông ta nói.

– Chẳng qua là tôi có khả năng về ngôn ngữ, thưa tướng quân, mà cái đó, cũng như mọi khả năng khác, không đáng khen ngợi.

– Chúng tôi có thể hầu Ngài việc gì đây, thưa các hạ? – Hồng y hỏi một cách lịch thiệp.

– Chắc các Ngài đã nghe tin về số phận của *Duce*?

– Dạ, có, thưa các hạ.

– Thế thì các Ngài phần nào đã hiểu tại sao tôi đến đây. Tôi đến đây để cam đoan với các Ngài rằng mọi việc đều ổn thỏa cả, và để biết các Ngài có thể thay mặt tôi báo tin về dinh tư của Giáo hoàng ở Castel Gandolfo được không? Hiện giờ tôi quá bận và không thể đích thân đến đây được.

– Chúng tôi sẽ báo tin. Vậy là các hạ bận lắm ạ?

– Tất nhiên, hẳn các vị hiểu rằng bây giờ người Đức chúng tôi ở đây là ở trong một nước thù địch?

– *Ở đây ư*, thưa tướng quân? Ngài ở đây không phải là ở trên đất Ý, và không một người nào ở đây là kẻ thù, nếu người đó không phải là kẻ đại diện cho cái ác.

– Xin thứ lỗi cho tôi, thưa Đức Ông. Tất nhiên tôi không cố ý nói Vatican, mà nói về nước Ý. Mà đối tượng với nước Ý, tôi phải hành động như quốc trưởng của tôi ra lệnh. Nước Ý sẽ bị chiếm đóng, và binh lính của tôi, cho đến giờ vẫn là quân đồng minh, bây giờ sẽ lãnh trách nhiệm cảnh sát.

Tổng Giám mục Ralph ngồi với tư thế thoải mái, nom mặt ông không thể giả định rằng ông biết có những va chạm nào đó về tư tưởng. Ông chăm chú nhìn người khách. Chẳng lẽ viên tướng này không biết quốc trưởng của y dở trò gì ở Ba Lan sao? Y không biết sao được.

Hồng y Vittorio tỏ vẻ lo lắng ra mặt.

– Thưa tướng quân quý mến, nhưng Ngài sẽ không đưa quân đội vào La Mã chứ? Không, không, miễn là đừng vào La Mã, Ngài hãy nghĩ đến lịch sử của nó, đến những di tích cổ xưa vô giá của nó! Quân đội ở trên bảy ngọn đồi của chúng tôi, điều đó nghĩa là chiến đấu, tàn phá. Tôi van Ngài đừng làm điều đó.

Tướng Kesselring dường như bối rối.

– Tôi hy vọng rằng sẽ không đến nỗi thế, thưa Đức Ông. Nhưng tôi đã tuyên thệ và tôi phải tuân lệnh. Tôi phải làm những gì mà quốc trưởng của tôi muốn.

– Nhưng Ngài sẽ thử bênh vực chúng tôi chứ, thưa tướng

quân? Tôi van Ngài, Ngài hãy cố thử xem! – Tổng Giám mục Ralph nói nhanh, ông nhào về phía trước trong ghế bành, cái nhìn của đôi mắt mở rộng đầy sức cảm dỗ, mảng tóc muối tiêu đã hơi ánh bạc xõa xuống trán. Ông hiểu rất rõ sự duyên dáng của ông có tác động như thế nào đối với viên tướng, và ông lợi dụng điều đó mà không hề bị lương tâm cắn rứt – Tướng quân ạ, mấy năm trước tôi có đến Athens, Ngài đã đến Athens chưa, thưa các hạ?

– Có, tôi có đến. – Viên tướng trả lời khô khan.

– Thế thì tất nhiên Ngài biết câu chuyện này. Làm thế nào mà cách đây không đến nổi lâu la lắm, người ta dám phá hủy những tòa nhà trên đỉnh đồi Acropolis? Thưa tướng quân, La Mã đã và vẫn là công trình bất hủ của hai ngàn năm chăm chút nâng niu, yêu thương triu mến. Tôi xin Ngài, xin đừng để cho La Mã lâm vào vòng nguy hiểm!

Viên tướng không rời mắt khỏi người đang nói, cái nhìn ấy biểu lộ niềm thán phục gần như sợ hãi, bản thân y đã mặc bộ quân phục cấp tướng rất hợp, nhưng tổng giám mục de Bricassart mặc bộ áo chùng pha màu huyết dụ vương giả càng đẹp hơn. Ông ta nom cũng như một người lính, một chiến binh có thân hình gầy gò cân đối và bộ mặt thiên thần. Hẳn là Tổng thiên thần Michael là như thế – không phải là một chàng trai dễ thương trên các bức tranh thời Phục hưng, nhưng là người đàn ông trưởng thành, tuyệt mỹ, người đã yêu Lucifer và đã đánh bại hắn, người đã đuổi Adam và Eve ra khỏi thiên đường, đã hạ sát con rắn, người đứng bên phải Chúa trời. Ralph có biết hình dáng bên ngoài của ông như thế nào không? Khỏi phải nói, một con người như thế, ta không thể quên được.

– Tôi sẽ làm tất cả những gì trong phạm vi ảnh hưởng của tôi, thưa Đức Ông, tôi xin hứa như vậy. Thú thực là tới mức độ nào đó, ở đây tiếng nói của tôi có tác dụng quyết định. Ngài biết đấy, tôi là một người có văn hóa. Nhưng Ngài mong muốn quá nhiều. Nếu tôi tuyên bố La Mã là một thành phố bỏ ngõ thì có nghĩa là tôi sẽ không thể phá sập cầu hay biến các tòa nhà thành pháo đài, và điều đó rút cuộc có thể bất lợi cho nước Đức. Tôi có những đảm bảo gì rằng La Mã sẽ không đáp lại lòng tốt của tôi bằng sự phản bội?

Hồng y Vittorio bập môi nghe như tiếng hôn, vuốt ve con vật yêu kế tiếp của mình: bây giờ là con mèo Siamese kiều diễm. Kesselring nói xong, Hồng y mỉm cười nhìn Tổng giám mục.

– La Mã sẽ không bao giờ đem lại sự phản bội đáp lại lòng tốt, thưa tướng quân. Tôi tin chắc rằng khi nào Ngài có thời giờ đến thăm dinh thự mùa hè của Giáo hoàng ở Castel Gandolfo thì Ngài sẽ lại nhận được những đảm bảo vẫn như thế. Này – này, Kheng-see mỹ miều của ta! Mà xinh đẹp biết bao! Tổng Giám mục de Bricassart và tôi, đều thuộc những dòng họ lâu đời và đáng kính, nhưng so với phổ hệ của con mèo tuyệt đẹp này thì dòng họ của chúng tôi chẳng là cái gì cả. Ngài có thích cái tên của nó không? Tiếng Trung Quốc tên nó có nghĩa là “bông hoa lụa”. Hợp với nó lắm, phải không ạ?

Người ta đưa trà lên, trong lúc người hầu bày biện tất cả những thứ cần thiết và chưa ra khỏi phòng, mấy người đàn ông im lặng.

– Ngài sẽ không phải lấy làm tiếc về quyết định tuyên bố La Mã là thành phố bỏ ngõ đâu, thưa các hạ – Miệng nở nụ cười mê hồn, Tổng Giám mục Ralph nói với vị chúa tể mới của La Mã. Rồi

quay về phía Đức Hồng y, ông vút bỏ nụ cười ấy như bỏ tấm áo khoác ngoài: Với người đàn ông yêu mến sâu sắc như thế, chẳng việc gì phải dùng đến nụ cười ấy. – Trình Đức Ông, Người sẽ làm “bà nội trợ” hay trao cái vinh dự ấy cho tôi ạ?

– Bà nội trợ ư? – mặt tướng Kesselring lộ vẻ băn khoăn.

Hồng y đi Contini-Verchese cười phá lên.

– Những người độc thân chúng tôi có lối đùa như thế đấy. Người rót trà được coi là “bà nội trợ”. Một từ thuần túy Anh, thưa tướng quân.

* * *

Tối hôm ấy, Tổng Giám mục Ralph mệt mỏi, bực tức, bút rút không yên. Rõ ràng ông không làm được gì để cuộc chiến tranh này mau mau chấm dứt, ngoại trừ việc mặc cả xung quanh việc lật vạt, giúp gìn giữ di tích văn hóa cổ xưa, và giờ đây ông hết sức căm ghét tình trạng không hoạt động của Vatican ị ạch. Bản thân ông là con người thận trọng, nhưng sự e sợ, chậm chạp như rùa của những người cầm quyền cao cấp nhất của nhà thờ La Mã quả thực là không thể chịu nổi! Nếu không kể đến nữ tu sĩ và những linh mục lành như đất phục dịch ở đây thì đã nhiều tuần, thậm chí nhiều tháng ông không nói chuyện với người bình thường giản dị không bận bịu hết ngày này sang ngày khác về chính trị, về những việc tôn giáo hay chiến tranh. Ngay cả cầu nguyện đối với ông bây giờ cũng không phải là chuyện dễ, dường như chính Chúa trời cũng đã lánh ra xa nhiều năm ánh sáng, như thể lảng tránh con người – một khi họ đã nảy sinh ra ý định ấy thì mặc

cho họ phá hủy cái thế giới mà Chúa đã sáng tạo ra cho họ. Và Ralph khát khao mong gặp Meggie như mong một thứ thuốc chữa bệnh hiệu nghiệm nhất – ước gì được chơi thỏa thích với nàng, với Fiona hay ít ra với một người nào không bận tâm về số phận của Vatican và La Mã.

Lòng khắc khoải không yên, ông đi tha thẩn không có mục đích gì, và cuối cùng ông dùng cầu thang trong vào basilica^[92] uy nghiêm – nhà thờ thánh Pie. Cửa vào đóng từ lúc hoàng hôn, điều đó nói lên còn hùng hồn hơn cả những đại đội lính mặc quân phục Đức màu xám đi đều bước trong các phố La Mã rằng sự yên ổn của La Mã bấp bênh và đáng lo ngại như thế nào. Khoảng trống há hoác của phần hậu cung bao la được chiếu sáng lơ mơ trong ánh phản quang yếu ớt huyền ảo. Tổng Giám mục đi trên những phiến đá lát, và tiếng bước chân ông vang dội trong yên lặng, bật đi khi ông quỳ xuống trước bàn thờ, rồi lại vang lên. Bỗng nhiên, trong khoảnh khắc dừng hẳn giữa hai tiếng bước chân dội lại, ông nghe thấy một tiếng thở ngắn ngủi. Lập tức chiếc đèn pin trong tay ông bừng lên, tia đèn rọi về phía có âm thanh – Tổng Giám mục cảm thấy sợ thì ít, mà tò mò nhiều hơn. Ông ở đây là ở nhà mình và ông có thể bảo vệ thế giới của mình không sợ hãi gì.

Trong luồng đèn pin, trước mắt ông hiện lên công trình tuyệt mỹ nhất mà con dao của nhà điêu khắc có thể tạo nên trong nhiều thế kỷ qua: “Pieta”^[93] của Michelangelo. Còn bên dưới hai khuôn mặt bất động, sững sờ vì ánh sáng ấy là một khuôn mặt nữa, không phải bằng thạch cao, nhưng bằng da thịt của người sống, thứ da thịt suy kiệt, với những vết tối hằn rõ, nom như mặt tử thi.

– Ciao^[94] – Tổng Giám mục mỉm cười nói.

Không có câu trả lời, nhưng nhìn áo quần, ông hiểu rằng trước mặt ông là người lính Đức, một người lính bộ binh bình thường – đấy, con người bình thường chất phác mà ông khao khát gặp đây này! Dù là người Đức cũng chẳng sao.

– Wie geht's^[95]? – Ông hỏi vẫn mỉm cười.

Người kia động đậy, trong khoảng tranh tối tranh sáng lộ ra vầng trán cao hình dáng tuyệt đẹp lấp lánh những giọt mồ hôi.

– Du bist krank?^[96] – Tổng Giám mục hỏi, ông có cảm giác rằng gã trai này ốm (anh ta gần như một chú thiếu niên).

– Nien^[97] – cuối cùng có tiếng nói khẽ khàng.

Tổng Giám mục đặt chiếc đèn pin xuống sàn, đến gần, giữ lấy cằm gã lính, nâng đầu gã lên, nhìn vào cặp mắt thâm màu, trong bóng tối cặp mắt ấy gần như đen.

– Có chuyện gì xảy ra vậy ? – Ông hỏi bằng tiếng Đức và bật cười – Thế đấy – Ông tiếp tục nói bằng tiếng Đức – điều này con không biết đâu, nhưng suốt đời ta chỉ làm cái việc hỏi mọi người xem đã có chuyện gì xảy ra với họ. Và con nên biết, vì câu hỏi đó mà ngày xưa ta đã chuốc lấy khá nhiều chuyện rầy rà.

– Con tới để cầu nguyện – gã trai nói bằng giọng trầm sâu lắng không hợp với tuổi, với ngữ điệu Bavarian rõ ràng rành.

– Thế sao, con không kịp ra và bị nhốt ở đây chứ gì?

– Vâng, nhưng đã xảy ra một điều gì quan trọng hơn.

Tổng Giám mục nhặt chiếc đèn pin dưới sàn lên.

– Ở này, con không thể ở đây suốt đêm, mà ta không có khóa cửa ngoài. Ta đi đi – ông đi lộn trở lại về phía cầu thang trong dẫn

về các căn buồng của Giáo Hoàng, khe khẽ nói tiếp bằng giọng mềm mỏng. – Chính ta cũng đến đây để cầu nguyện, ơn nhờ bộ chỉ huy tối cao của con, ngày hôm nay không phải là một trong những ngày khó chịu. Đi về phía này, thế... Ta hãy hy vọng rằng những người hầu hạ Đức Thánh Cha không tưởng lầm rằng ta bị bắt, và sẽ hiểu rằng ta đi kèm con, chứ không phải con đi kèm ta.

Họ lẳng lặng đi mười phút nữa, dọc theo các hành lang, ra sân, qua vườn, lại qua những hành lang nối bên trong, lên thang. Gã trai người Đức rõ ràng không mong muốn thoát khỏi người bạn đường của mình và trái lại, càng áp sát hơn nữa vào ông. Cuối cùng Tổng Giám mục mở thêm cánh cửa nữa. Đưa gã trai mà ông tìm thấy vào một phòng khách nhỏ bày biện đơn sơ, bật công tắc và đóng cửa lại.

Họ đứng – Bây giờ dưới ánh sáng chói rục, họ thực sự nhìn thấy nhau. Gã lính Đức thấy một người rất cao, khuôn mặt tuyệt đẹp với cặp mắt xanh nhìn thấu suốt. Tổng Giám mục Ralph nhìn thấy một gã thiếu niên đã bị người ta lừa dối bắt mặc bộ quân phục lính đang gieo rắc sợ hãi và kinh hoàng khắp châu Âu. Đúng, đây là một gã thiếu niên, nhất định không quá mười sáu tuổi. Tầm vóc trung bình, vẫn còn gầy gò hợp với tuổi thiếu niên, nhưng tay dài, và căn cứ vào toàn bộ vóc dáng thì chú ta sẽ trở thành một người đàn ông cường tráng. Mặt kiểu người Ý, với những đường nét cao quý, hấp dẫn hiếm có, mắt to màu hạt dẻ sẫm, lông mi đen, dài rủ xuống, mái tóc đen lượn sóng nom như cổ bờm lông lầy. Thì ra chú ta hoàn toàn không phải là người bình thường, xoàng xĩnh, mặc dù cái nghề lính tầm thường của mình. Và dù lúc này de Bricassart rất mong muốn nói chuyện với một người bình thường, loại trung bình, gã thiếu niên này khiến

ông thích thú.

– Ngồi xuống đi, – ông nói, tới gần chiếc tủ con và lấy ra một chai vang Marsala. Ông rót một ít vào hai cái cốc, một cốc đưa cho khách, còn ông cầm cốc kia ngồi xuống chiếc ghế bành, ở vị trí có thể bình tĩnh nhìn kỹ khuôn mặt kỳ lạ ấy. – Này, tình hình xấu đến nỗi phải đưa cả trẻ em ra mặt trận kia à? – Ông hỏi và bắt chéo chân lên nhau.

– Con không biết, – Chú thiếu niên nói. – Con sống ở nhà trẻ mồ côi, vì vậy đằng nào người ta cũng mau chóng gọi đi.

– Tên con là gì, anh bạn nhỏ?

– Rainer Moerling Hartheim. – Chú thiếu niên đáp với giọng tự hào.

– Cái tên tuyệt hay. – Linh mục nói một cách nghiêm chỉnh.

– Thật thế chứ ạ? Con tự chọn lấy cái tên ấy đấy, ở nhà trẻ mồ côi người ta gọi con là Rainer Schmidt, còn khi con vào quân đội thì con khai tên khác, con bao giờ cũng thích cái tên ấy.

– Con mồ côi ư?

– Các nữ tu sĩ gọi con là “đứa con của tình yêu”.

Tổng Giám mục phải khó khăn mới nén được nụ cười, bây giờ khi sự sợ hãi đã qua đi, chú thiếu niên xử sự đường hoàng và tự chủ tuyệt vời. Nhưng ban nãy vì sao chú ta hoảng sợ như vậy? Rõ ràng không phải vì chú ta bị nhốt trong nhà thờ và bắt gặp bất ngờ.

– Tại sao lúc nãy con sợ hãi như thế, Rainer?

Chú thiếu niên thận trọng uống một chút rượu vang và mặt chú ngồi lên niềm thích thú.

– Ngon quá, có vị ngọt. – Chú ngồi lại cho thoải mái hơn. – Con muốn xem đèn thờ thánh Pie, các nữ tu sĩ đã kể chuyện nhiều về đèn thờ ấy và cho xem ảnh. Thành thử khi đơn vị con được đưa sang La Mã, con mừng rỡ. Đơn vị con đến sáng nay. Con lập tức đến đây ngay khi vừa kiếm cách đi được. – Lông mày chú ta nhíu lại. – Có điều mọi việc đều không như con tưởng. Con nghĩ rằng mình vào một nhà thờ quan trọng nhất và sẽ cảm thấy Chúa ở ngay đây, rất gần. Vậy mà nhà thờ quá đồ sộ, trống vắng, lạnh lẽo. Con hoàn toàn không cảm thấy Chúa ở gần bên.

Tổng giám mục Ralph mỉm cười.

– Ta hiểu con. Nhưng con ạ, đèn thờ thánh Pie không phải là nhà thờ. Không phải như các nhà thờ khác. Đây là đèn thờ chính ở La Mã. Ta nhớ, chính ta quen được với nó cũng không mau chóng lắm đâu.

Chú thiếu niên gật đầu, tỏ ý có nghe thấy, nhưng không ngờ được nghe những lời ấy.

– Con muốn cầu khẩn hai điều. – Chú nói.

– Về cái điều làm con sợ phải không?

– Vâng. Con nghĩ rằng ở nhà thờ thánh Pie, lời cầu khẩn của con sẽ được nghe thấy.

– Con sợ cái gì, Rainer?

– Con sợ sẽ bị coi là người Do thái và trung đoàn của con thế nào rồi cũng bị đưa sang Nga.

– Ta hiểu. Không lấy gì làm lạ rằng con sợ. Thế con có thể bị coi là người Do thái thực sự?

– Thì cha hãy nhìn con xem! – Chú thiếu niên nói một cách

giản dị – Khi ghi tên con vào quân đội, người ta nói rằng sẽ phải kiểm tra lại mọi việc. Con không biết người ta có thể kiểm tra được không, nhưng có lẽ các nữ tu sĩ ở nhà trẻ mồ côi biết một điều gì đó về con, nhưng không nói với con.

– Nếu họ có biết thì họ cũng sẽ không nói với ai, – Tổng Giám mục vỗ về. – Họ sẽ hiểu tại sao người ta hỏi họ.

– Cha nghĩ thế thực ư? Ôi, cầu Chúa ban ơn lành.

– Còn con hết sức lo lắng rằng trong mạch máu của con có lẽ có dòng máu Do thái thật chẳng?

– Con mang dòng máu gì thì cũng vậy thôi. Con sinh ra là người Đức, đấy mới là điều quan trọng.

– Nhưng ở nước con, người ta có cái nhìn khác đối với vấn đề đó, phải không?

– Vâng.

– Thế còn về nước Nga thì sao? Chắc là hiện tại chẳng có gì phải e sợ rằng trung đoàn của con sẽ bị đưa sang Nga. Các con đang ở La Mã, một hướng khác hẳn.

– Sáng nay con nghe thấy ông chỉ huy nói rằng có lẽ bọn con sẽ vẫn bị đưa sang đấy. Ở đấy tình hình không lấy gì làm tốt.

– Con hãy còn là trẻ con. – Tổng Giám mục Ralph nói bằng giọng gay gắt. – Chỗ của con là ở trường học.

– Dù sao thì con cũng không muốn đến trường nữa. – Chú thiếu niên mỉm cười bác lại. – Con đã mười sáu tuổi, bây giờ con muốn làm việc. – Chú thở dài. – Nhưng giá như được đi học nữa thì tốt. Học tập là điều rất quan trọng.

Tổng Giám mục cất tiếng cười cụt lủn, rồi đứng lên và rót thêm

rượu vang cho mình và cho chú thiếu niên.

– Đừng để ý đến ta, Rainer. Ta nói nhăng nhít đấy thôi. Chẳng qua là những ý nghĩ linh tinh nảy ra trong đầu. Có lúc ta như vậy : nghĩ linh tinh. Ta là một ông chủ nhà hơi tòi, phải không?

– Không ạ, cha tốt đấy chứ. – Chú thiếu niên nói.

– Thôi được, – Tổng Giám mục lại ngồi vào ghế bành. – Nào, nói rõ đi, con là người thế nào. Rainer Moerling Hartheim.

Một niềm tự hào lạ lùng lộ rõ trong những đường nét của trẻ thơ.

– Con là người Đức và theo đạo Thiên Chúa. Con muốn nước Đức trở thành một nước ở đó không ai bị truy thù vì thành phần dân tộc và tín ngưỡng, và nếu con còn được sống, con sẽ dốc hết sức mình làm cho được điều đó.

– Ta sẽ cầu khẩn cho con, cầu cho con vẫn sống và đạt được mục đích.

– Thực nhé, cha sẽ cầu khẩn chứ? – Chú thiếu niên bẽn lễn hỏi. – cầu khẩn đích thị cho con, Rainer Moerling Hartheim chứ ạ.

– Tất nhiên rồi. Thật ra con đã dạy cho ta một điều. Con đã dạy cho ta thấy rằng trong hoạt động của ta ở đây, ta chỉ có một thứ vũ khí – cầu khẩn. Ta không có chức trách nào khác.

– Thế cha là gì? – Rainer hỏi và chớp mắt có vẻ buồn ngủ, rượu vang khiến mi mắt chú trĩu nặng.

– Ta là Tổng Giám mục de Bricassart.

–Ồ – ồ! Vậy mà con cứ tưởng cha chỉ là linh mục.

– Thì ta cũng chỉ là một linh mục. Không hơn.

– Cha con ta giao hẹn nhé! – Chú thiếu niên bỗng nói, mắt lóe lên. – Cha sẽ cầu khẩn cho con, thừa đức cha, còn nếu con còn sống và sẽ đạt được điều con muốn thì con sẽ trở về La Mã và cha sẽ thấy lời cầu của cha đã giúp cho con như thế nào.

Cặp mắt xanh mím cười âu yếm với chú thiếu niên.

– Được, ta giao hẹn. Khi con trở về, ta sẽ nói cho con biết theo nhận định của ta thì sự cầu khẩn của ta đã thành cái gì. – Tổng Giám mục đứng lên. – Cứ ngồi đây một lát, nhà chính trị trẻ tuổi. Ta sẽ mang cho con thứ gì ăn.

Hai người nói chuyện cho đến khi rạng đông đã nhuộm vàng các tháp chuông và các mái vòm và cánh chim câu đã vỗ òn ào ngoài cửa sổ. Khi đó, Tổng Giám mục, – mà sự hân hoan sùng mộ của khách đã khiến ông thực sự vui thích – đưa gã thiếu niên qua các gian phòng của cung điện giáo hoàng và cho chú ta ra ngoài khí trời tươi mát buổi sớm mai. Ông không biết rằng số phận chú bé đúng là sẽ phải sang Nga và chú sẽ mang theo một hồi ức vui sướng kỳ lạ và có sức an ủi: đó là trên đời có một người ở La Mã, trong đền thờ chính ở La Mã, hàng ngày cầu khẩn cho chú, Rainer Moerling Hartheim.

* * *

Trong lúc sư đoàn Chín chuẩn bị đi New Guinea thì ở đây đối phương đã bị đánh tan tành. Thật là một thất vọng không nhỏ cho đạo quân tinh nhuệ này, đạo quân ưu tú nhất trong toàn bộ lịch sử quân đội Úc, chỉ còn hy vọng rằng sư đoàn sẽ rạng rỡ vinh quang trong các trận đánh khác khi đánh bật bọn Nhật ra khỏi

Indonesia. Sau cuộc bại trận ở Guadalcanal, quân đội Nhật không còn hy vọng gì chiếm nước Úc. Nhưng, cũng như quân Đức, chúng rút lui một cách miễn cưỡng, vẫn chống cự điên cuồng. Mọi dự trữ của chúng đã cạn, các đạo quân tơi tả hết sức thiếu đạn dược và quân số bổ sung, tuy nhiên chúng vẫn bắt quân Úc và quân Mỹ phải trả giá đắt cho mỗi inches đất chiếm lại được. Quân Nhật đã bỏ cảng Buna, Gona, Salamaua và theo bờ biển phía Bắc rút về Lae và Finschafen.

Ngày 5 tháng chín năm 1943, sư đoàn chín đổ bộ ở một địa điểm chệch về phía đông Lae một chút. Tiết trời nóng bức, độ ẩm lên tới trăm phần trăm, và ngày nào cũng mưa, tuy còn đúng hai tháng nữa mới đến mùa mưa. Để tránh bệnh sốt rét, người ta bắt lính phải uống Atabrine- những viên thuốc nhỏ màu vàng khiến cho mọi người lộn mửa và sút sức không kém gì sốt rét thực sự. Không khí ở đây lúc nào cũng ẩm ướt, giày và bít tất không bao giờ khô, bàn chân sưng lên như miếng bọt biển, giữa các ngón chân xuất hiện những vết nứt chảy máu. Nốt ruồi đốt và muỗi cắn biến thành những nhọt viêm tấy ngứa ngáy.

Ngay ở cảng Moresby, người Úc đã được thấy chán mắt những người dân địa phương đáng thương khổ sở vì bệnh tật – nếu sống trong cái khí hậu không thể chịu nổi này, người New Guinea mắc các bệnh ghẻ cóc, tê phù và sốt rét, viêm phổi, các bệnh ngoài da mãn tính, các bệnh gan và lách thì người da trắng càng có cơ mắc bệnh, ở Moresby, họ gặp một số ít người còn sống sót sau trận đánh ở Kokoda – đấy là những nạn nhân của Nhật thì ít, mà của chính New Guinea nhiều hơn, những bộ xương còn sống đầy những mụn là mụn, kiệt quệ vì sốt và mê sảng, ở độ cao chín ngàn *feet* nơi mà bộ quân phục nhiệt đới mỏng mảnh không thể

chống nổi cái rét thấu xương, bệnh viêm phổi cướp đi số sinh mạng gấp mười lần số sinh mạng bị mất vì đạn súng trường và đạn pháo Nhật. Trong các khu rừng huyền bí, ban đêm những cây nấm kỳ lạ sáng lên ánh lân tinh ma quái, ở đây phải leo lên các sườn dốc trong bùn lầy dính nhớp trơn chuối, còn dưới chân thì những nhánh rễ sần sùi đâm lên khỏi mặt đất, quán quít chẳng chịt, và không thể ngóc đầu lên lấy một phút, mỗi người là cái đích rất tốt cho tay thiện xạ bắn tia của địch. Phải, điều đó hoàn toàn không như ở Bắc Phi và sư đoàn chín tuyệt nhiên không lấy làm tiếc rằng nó ở lại và đương đầu trong hai trận giao tranh ở El Alamein – bù lại nó không phải vượt qua chặng đường về Kokoda.

Thành phố Lae nằm trên đồng bằng ven biển có rừng cây, cách xa phần giữa có núi của đảo, cao mười một ngàn *feet* trên mặt biển, địa điểm này thuận tiện cho hoạt động tác chiến hơn Kokoda nhiều. Trong thành phố chỉ có mấy ngôi nhà Âu, một trạm tiếp xăng và một đám nhà lụp xụp lộn xộn của dân địa phương, vẫn như mọi khi, cả ở đây bọn Nhật cũng chiến đấu rất gan dạ, nhưng số quân chúng ít ỏi. New Guinea làm chúng kiệt sức và hành hạ chúng không kém gì hành hạ đối phương người Úc của chúng, chúng cũng mắc đủ thứ bệnh, ở Bắc Phi họ chiến đấu có sự yểm trợ của pháo binh hùng hậu và mọi phương tiện kỹ thuật có thể có, và điều có vẻ lạ lùng là ở đây, ở New Guinea, không có súng cối, không có pháo dã chiến, chỉ có súng máy và súng trường luôn luôn cầm lê. Jims và Patsy thậm chí thích đánh giáp lá cà, thích vai kề vai che chở lẫn nhau xông vào quân địch. Nhưng khỏi nói, sau những trận giao chiến với đạo quân châu Phi của Đức, tất cả những cái đó có vẻ vô cùng thảm hại. Những

tên lính địch da vàng bé nhỏ, gầy guộc, hầu như đứa nào cũng đeo kính và răng vẩu trắng nhón. Nom không đẹp, không có tư thế, không như những chiến binh hiên ngang ở Rommel.

Hai tuần sau khi sư đoàn đổ bộ lên Lae, trên đảo không còn quân Nhật. Đối với mùa xuân ở New Guinea, hôm ấy là một ngày tuyệt diệu. Độ ẩm giảm hai mươi phần trăm, bầu trời trắng nhờ nhờ như phủ tấm màn hơi bông ngả sang màu xanh, mặt trời ngời sáng, mặt nước gương ở ngoài thành phố lấp lánh những màu sắc rực rỡ – lá mạ, tím hoa cà, màu tử đinh hương. Kỷ luật không nghiêm ngặt lắm, dường như tất cả mọi người đều được nghỉ phép và có thể chơi cricket, đi dạo chơi đến bất cứ chỗ nào mình muốn và trêu ghẹo dân địa phương – bọn họ cười, phô ra những hàng lợi không răng đỏ chót, bị hư hại vì luôn luôn nhai trầu. Jims và Patsy vợ vẫn ở ngoài thành phố, trong đám cỏ cao, thứ cỏ này khiến họ nhớ tới Drogheda – cũng óng ánh vàng như thế, dường như phai màu, và cũng cao như cỏ ở Drogheda sau những trận mưa lâu.

– Bây giờ chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ ở nhà. – Jims nói. – Bọn Nhật đã bị nện nên thân, bọn frit cũng thế. Ta sẽ trở về nhà, Patsy, về nhà, về Drogheda! – Chỉ mong sao chóng chóng lên, đúng không?

– Đúng thế. – Patsy nói.

Họ bước đi, vai kề vai, quá gần gụi so với mức bình thường giữa những người đàn ông, và đôi khi chạm vào nhau, vô tình như người ta chạm vào chỗ ngựa bắt chột hay lơ đãng kiểm tra xem vết xước đã lành chưa. Thật là thích thú khi vàng mặt trời chói lọi đích thực là mặt trời chiếu vào mặt, chứ không phải là một quả cầu dùng đục như trong nhà tắm hơi Thổ Nhĩ Kỳ! Hai

anh em cứ luôn luôn lại ngứa đầu lên, nheo mắt vì ánh nắng, phòng mũi hít mùi cỏ bị hun nóng gợi nhớ đến Drogheda rất nhiều, và họ tưởng đâu như mình đã ở nhà, giữa buổi trưa oi nồng đến nằm dưới bóng cây wilga chờ cho qua lúc nóng bức nhất, đọc sách một lúc, thiu thiu ngủ. Rồi trở mình, bằng toàn bộ mặt da cảm giác được mặt đất thân thương và cảm thấy ở đâu đây trong lòng đất dường như có một trái tim cực khỏe đang đập, như đứa hài nhi nghe thấy tiếng tim mẹ...

– Jims, xem kia! Con vẹt vẫn! Vẹt vẫn đích thực, vẹt Drogheda!
– Vì ngạc nhiên, Patsy thậm chí được cởi lười. Có lẽ chẳng có gì lạ lùng lắm về chuyện ở xung quanh Lae cũng có vẹt vẫn, nhưng hôm nay là một ngày rất hạnh phúc, sự gợi nhớ đến quê hương như thế rất là bất ngờ, và trong Patsy bỗng bùng lên một niềm sung sướng mãnh liệt.

Anh cười phá lên, khoái trá cảm thấy cỏ cao mơn man đôi đầu gối trần, giật khỏi đầu chiếc mũ rộng vành cũ nát và lao mình đuổi theo con chim, như quả thật hy vọng dùng mũ chụp được nó như bắt bướm. Jims đứng mím cười nhìn cậu em.

Patsy chạy được một quãng khoảng hai chục yard, bỗng nhiên cỏ xung quanh vọt lên từng cụm, một tràng súng máy đã phạt đứt cỏ, Jims thấy em quay ngoặt đi tại chỗ, giơ hai tay lên trời như cầu nguyện. Suốt từ ngang lưng đến đầu gối, khắp người Patsy đầm máu đỏ tươi.

– Patsy, Patsy! – Jims gào lên tuyệt vọng.

Bằng từng tế bào cơ thể, anh cảm giác được trong mình những viên đạn đã hạ em trai anh, chính anh đang mất máu tươi, chính anh đang chết.

Anh lao lên – nhảy chạy, những kỹ năng của người lính nhắc anh thận trọng, đang chạy anh nằm xoài xuống cỏ, và súng máy lại nổ giòn.

– Patsy, Patsy, em không làm sao chứ! – anh gào lên như một thằng điên : thì chính mắt anh thấy bao nhiêu máu tủa ra đấy thôi.

Nhưng kỳ lạ chưa, có tiếng yếu ớt đáp lại:

– Không hề gì!

Jims bò chậm chạp trong cỏ cao thơm thơm, lắng nghe cỏ xào xạc trong gió, xào xạc dạt ra trước mắt anh.

Cuối cùng anh bò đến chỗ Patsy, ngả đầu vào bên vai lộ trần của em và khóc.

– Thôi đi. – Patsy nói. – Em còn sống mà.

– Gay lắm phải không ?- Jims hỏi, toàn thân run lên, anh kéo cái quần soóc đẫm máu của em và nhìn tấm thân đẫm máu.

– Gì thì gì chứ chết thì em không chết đâu.

Đồng đội từ khắp các phía chạy tới, những người chơi cricket không kịp tháo bao đầu gối và bao tay, có người chạy trở lại để lấy cang, những người còn lại lẳng lặng đi về phía đầu kia bãi ở đằng xa, chỗ đặt khẩu súng máy. Họ thẳng tay trừng trị bọn bắn súng máy, tất cả đều yêu gã Harpo ít nói. Nếu Patsy nguy kịch thì Jims cũng sẽ không bao giờ lại hồn được.

Thế mà hôm ấy là ngày vô cùng tuyệt diệu, con vẹt vẫn đã bay đi từ lâu, nhưng những con chim khác vẫn riu rít líu lo, chỉ có tiếng súng nổ thực sự mới bắt được chúng im tiếng.

– Patsy của anh may quá đỗi. – Sau đó một chút bác sĩ nói với

Jims. – Chừng một chục viên đạn trúng cậu ấy, nhưng hầu như tất cả đều vào phần mềm của đùi. Theo như tôi có thể đoán định lúc này, cả ruột lẫn bàng quang đều không bị đụng đến. Có điều....

– Sao kia ạ? – Jims sốt ruột ngắt lời, anh vẫn còn run, mặt tái xanh tái xám.

– Hiện giờ thì khó nói chắc, mà tôi cũng không phải là nhà giải phẫu thiên tài như một số người ở Moresby. Họ sẽ hiểu rõ và sẽ nói với anh. Số là đường niệu đạo và những dây thần kinh nhỏ ở vùng bẹn bị hư hại. Tất nhiên bẹn thì có thể vá đắp lại, nó sẽ như mới, trừ chính những dây thần kinh ấy không dễ gì phục hồi được. – Bác sĩ hắng giọng. Tôi muốn nói rằng có thể cậu ấy sẽ mãi mãi mất cảm giác sinh dục.

Jims cúi đầu xuống, mắt mờ lẹ.

– Ít ra thì em nó vẫn còn sống.

Anh được nghỉ phép để cùng em đáp máy bay về cảng Moresby và ở lại với em cho đến khi các bác sĩ kết luận rằng Patsy ở ngoài vòng nguy hiểm. Tình trạng bị thương như thế có thể được coi là phép lạ. Đạn rải ở các phần dưới bụng, nhưng không một viên nào xuyên vào khoang bụng. Nhưng bác sĩ sư đoàn nói đúng : phần khung chậu hầu như mất cảm giác. Không ai có thể nói trước rằng sự nhạy cảm sẽ được phục hồi đến mức nào.

– Chẳng có gì quan trọng lắm. – Patsy nằm trên cáng nói khi người ta khiêng anh ra máy bay đi Sydney. – Thì em cũng chẳng hám lấy vợ lắm đâu. Còn anh nên cẩn thận đấy. Jims ạ. Hãy giữ gìn thân mình, nghe thấy chứ? Em chẳng muốn để anh ở lại một mình chút nào.

– Đừng lo, Patsy ạ, anh sẽ không chết đâu. Jims nhếch mép cười và xiết chặt tay em – Quái quỷ, tệ thật, sắp hết chiến tranh rồi mà phải ở lại một mình không có người đồng đội chí thiết nhất. Anh sẽ viết thư cho em biết tình hình về sau ra sao. Em thay mặt anh thăm hỏi Mrs. Smith, chị Meggie, mẹ và các anh nhé. Dù sao em cũng vẫn may mắn, được trở về Drogheda của chúng ta.

* * *

Fee và Mrs. Smith bay đi Sydney đón chuyến máy bay Mỹ đưa Patsy từ Townsville về. Fee ở Sydney có mấy ngày còn Mrs. Smith lưu trú tại một khách sạn cạnh quân y viện. Patsy nằm ở đây ba tháng. Anh không còn chiến đấu được nữa. Mrs. Smith đổ nhiều nước mắt, tuy nhiên vẫn có điều đáng mừng. Theo một nghĩa nào đó, anh không bao giờ có thể sống một cuộc sống đầy đủ, nhưng mọi cái khác anh đều làm được – anh có thể đi lại, chạy, cười ngượng. Còn về việc lấy vợ thì hình như đàn ông trong gia đình Cleary không hám chuyện ấy. Khi Patsy được ra viện, Meggie đi xe “Rolls Royce” từ Gilly đến đón và nàng với Mrs. Smith để cậu em ngồi thoải mái ở ghế sau, giữa những đồng báo và tạp chí, lấy chăn bọc ấm cho em. Bây giờ họ có thể cầu xin số phận ban cho một ân huệ nữa : Sao cho Jims cũng trở về nhà.

Chỉ khi đại diện toàn quyền của Hoàng đế Hirohito ký văn bản đầu hàng của Nhật, ở Gillanbone người ta mới tin rằng chiến tranh quả thật đã chấm dứt. Người ta biết tin đó vào ngày chủ nhật mùng hai tháng chín năm 1945. Đúng sáu năm sau khi chiến tranh khởi diễn. Sáu năm khổ ải. Biết bao nhiêu mất mát không gì bù đắp được cả Rory, con trai Dominic O'Rourke, cả John con trai Horry Hopeton, cả Cormac con trai Eden Carmichael đều không bao giờ trở về nữa. Angus, con trai thứ của Ross MacQueen không bao giờ còn đi lại được nữa; David, con trai Anthony King đã đi lại được, nhưng sẽ không nhìn thấy mình đang đi đâu, Pasty con Cleary thì sẽ không bao giờ có con. Còn biết bao nhiêu người mà vết thương không nhìn thấy được bằng mắt, nhưng cũng sâu như thế, những người lúc rời nhà ra đi thì vui vẻ, yêu đời, tươi cười, mà sau chiến tranh trở về thì thầm lặng, sèn lờn và hầu như mất hết thói quen cười. Khi chiến tranh mới bắt đầu, có người nào chiêm bao thấy được sẽ mất mát lâu dài và nặng nề đến thế không?

Người Gillanbone không mê tín lắm, nhưng ngay cả người có đầu óc tự do nhất hạng thì ngay chủ nhật mùng hai tháng chín cũng phải run lên. Vì cùng một ngày hôm ấy, chiến tranh chấm

dứt và đồng thời nạn hạn hán dài nhất trong lịch sử nước Úc cũng chấm dứt luôn. Gần mười năm không có lấy một trận mưa thực sự, vậy mà hôm ấy bầu trời đặc kịt mây đen tối mít như bung, rồi nứt toác ra kèm theo tiếng sấm âm âm và trên mặt đất chết khát cuồn cuộn những dòng chảy sâu mười hai inches. Nếu lượng mưa một inches thì chưa nhất thiết là hạn hán chấm dứt, có thể không có trận mưa thứ hai, nhưng mười hai inches thì nghĩa là cỏ sẽ mọc!

Meggie, Fee, Bob, Jack, Hughie và Pasty đứng ở hiên trong bóng tối cơn giông và nhìn trận mưa rào ấy, thở hít hương thơm ngọt ngào khôn xiết tả của nó, mùi đất khô nứt nẻ rút cuộc đã thỏa cơn khát. Ngựa, cừu, bò và lợn đứng choãi chân trong bùn lỏng đang tràn lan, và da toàn thân rung động, khoái trá phơi mình dưới những dòng sông hồi sinh ấy, hầu như tất cả bọn chúng từ thuở ra đời đến giờ không biết thế nào là mưa. Ở nghĩa trang, bụi đã bị rửa sạch hết, đá cẩm thạch lại trắng ra, đôi cánh xòe rộng của đấng thiên thần lạnh lùng của Botticelli^[98] đã được gột sạch bụi. Con sông nhỏ dâng nước, cuộn réo, tiếng nước sông ào ào lẫn với tiếng mưa rào như trống gõ liên hồi, mưa! Mưa. Như có một bàn tay khổng lồ không sao hiểu được cuối cùng đã ban ơn phúc. Mưa là sự ban phúc lành và là phép màu. Bởi vì mưa có nghĩa là cỏ, mà cỏ có nghĩa là sự sống.

Từ dưới đất đâm lên một túm lông tơ màu xanh dịu dàng, những mầm non nhỏ xíu vươn lên trời, bắt đầu đơm đọt nhánh, phồng lên thành nụ, nhô lên ngày càng cao, ngày càng xanh đậm hơn, rồi ngả sang màu sáng, tràn trề nhựa sống, và cỏ lại cao ngang đầu gối. Cỏ Drogheda, khi thì ánh bạc, khi thì màu đục cà phê sữa. Ấp chính hệt như một cánh đồng lúa mạch rập rờn gọn

sóng khi có một hơi gió nhẹ tinh nghịch thoảng qua, và các vườn hoa quanh nhà rực lên màu sắc chói lọi, những nụ hoa rất to mở cánh, những cây khuynh diệp kỳ ảo chín năm liền mang bộ dạng cau có, xám xịt, bụi bậm, tức thời lại ngời lên màu trắng muốt và màu xanh ánh vàng. Đúng, trong các kết nước được bố trí ở đây do sự ngông cuồng hoang phí của Michael Carson, vẫn có đủ nước để các vườn hoa không chết, nhưng đã từ lâu phủ lên từng chiếc lá và từng cánh hoa, che mờ và làm u ám màu sắc của chúng. Niềm mê tín cũ được xác nhận : dũ trữ nước ở Drogheda đủ để sống qua mười năm hạn hán, nhưng điều đó chỉ đúng với Nhà Lớn.

Bob, Jack, Hughie và Pasty trở lại các bãi chăn, bắt đầu ước tính xem làm cách nào tốt nhất khôi phục lại các đàn cừu, Fee mở lọ mực đen mới và nút kín hẳn lọ mực đỏ dùng để ghi những thua lỗ. Còn Meggie hiểu rằng đối với nàng, cuộc sống trên yên ngựa sắp chấm dứt : Jims sắp trở về và sẽ xuất hiện những người đàn ông cần việc làm.

Sau chín năm gay go, gia súc chỉ còn lại rất ít: chỉ còn những con vật giống mà suốt thời gian đó vẫn được nuôi trong các ngăn chuồng, một dùm cừu đực và bò đực hạng nhất có chọn lọc. Bob đi về miền tây, tới những vùng không bị thiệt hại lắm vì hạn hán để mua cừu cái tơ thuần giống. Jims đã trở về. Họ đã thuê tám người chăn cừu. Và Meggie từ biệt chiếc yên ngựa của mình.

Ít lâu sau nàng nhận được thư của Luke, lá thư thứ hai kể từ khi nàng lìa bỏ anh.

“Anh nghĩ rằng chẳng còn bao lâu nữa đâu. – Anh viết – Thêm mấy năm nữa ở các đồn điền là anh sẽ dòn được tiền. Đôi khi có đau lưng, nhưng anh vẫn còn có thể ganh đua được với những tay cừ khôi bậc nhất,

*một ngày anh chặt được tám tấn, có khi chín tấn. Anh với Arne còn cầm đầu mười hai phường thợ nữa, toàn là những người xuất sắc. Tiền bây giờ dễ kiếm hơn nhiều, ở châu Âu bây giờ nhu cầu về đường đã đến mức không cung cấp xuể. Anh kiếm được hơn năm ngàn bảng một năm và hầu hết là để dành. Bây giờ chẳng bao lâu nữa anh sẽ về ở Kynuna, Meca. Có lẽ khi anh thu xếp xong ở đây, em sẽ muốn đến với anh. Hồi ấy em đã có một đứa con với anh phải không? Kỳ lạ thật, phụ nữ sao mà ham sinh con làm vậy? Anh nghĩ như vậy, mọi chuyện xích mích giữa chúng ta là do đó mà ra, đúng không? Hãy viết cho anh biết tình hình của em ra sao và Drogheda chịu đựng hạn hán như thế nào? **Luke của em.**"*

Meggie ngồi ở hàng hiên, tay cầm lá thư, luông mắt xa vắng nhìn đăm đăm ra bãi cỏ xanh rờn, vừa hay Fee ra khỏi nhà.

– Này, Luke thế nào?

– Vẫn thế, mẹ ạ. Không thay đổi tí nào. Lại viết rằng anh ấy cần làm việc một thời gian nữa tại những đồn điền mía đáng nguyên rủa ấy, rồi sẽ mua đất ở đâu đó tại Kynuna.

– Theo ý con thì có thực là điều đó sẽ trở thành sự thật không?

– Vâng, có lẽ... cuối cùng thì ngày ấy sẽ đến.

– Và con sẽ trở lại với anh ấy chứ, Meggie?

– Không đời nào.

Fee xoay chiếc ghế bành đan và ngồi đối diện với con gái, chăm chú nhìn con. Cách đó một quãng, những người đàn ông gọi nhau, có tiếng gõ búa, – cuối cùng thì người ta đã chằng một mạng lưới dày ở các hàng hiên trên để chống ruồi. Nhiều năm rồi Fee nhất quyết không chấp nhận điều đó. Ruồi thì ruồi, chứ bà không muốn chằng một mạng lưới dây thép xấu xí làm hỏng vẻ đẹp của ngôi nhà. Nhưng hạn hán càng kéo dài thì giống ruồi bắt

trị càng quấy phá dữ, và cuối cùng, hai tuần trước khi mưa, Fee nhượng bộ và thuê một người thầu với một phương thợ để họ bảo vệ áp chính khỏi cái tai ác đó – không chỉ Nhà Lớn, mà cả nhà ở của người làm thường xuyên và lều quán của thợ làm vụ.

Nhưng còn mắc điện vào nhà thì bà không nghe, tuy từ năm 1915, ở ngay cạnh nhà đã ồn ào tiếng động của cỗ máy “sinh sịch” – thợ xén lông cừu gọi là động cơ cung cấp điện cho nhà xén lông cừu như thế. Hãy thử hình dung Drogheda không có ánh sáng khuyếch tán dịu dịu của những cây đèn kiểu cũ xem sao. Không, không thể tưởng tượng nổi. Tuy nhiên, một số cái mới đã xuất hiện trong nhà: bếp hơi mà hơi đốt đặt mua được đưa đến trong những bình chứa, chừng một chục chiếc tủ lạnh chạy bằng dầu hỏa, công nghiệp Úc vẫn chưa chuyển hẳn sang nếp thời bình, nhưng chẳng bao lâu những sáng chế kiểu mới sẽ đến đây.

– Meggie, có lẽ con nên li dị với Luke và đi bước nữa chẳng? – Fee bỗng hỏi. – Enoch Davies sẽ vui mừng và hạnh phúc nếu cưới được con, ngoài con ra, anh ấy không buồn nhìn một cô gái nào hết.

Cặp mắt xám tuyệt diệu ngạc nhiên nhìn mẹ.

– Mẹ ơi, có thực mẹ nói chuyện với con như với một người lớn không?

Fee thậm chí không mỉm cười, vẫn như trước không mấy khi bà mỉm cười.

– Ồ, nếu như cho đến giờ con vẫn không trở thành người lớn thì con sẽ không bao giờ thành người lớn. Theo mẹ thì con đã là một phụ nữ trưởng thành thực sự. Còn mẹ thì rõ ràng là đang về già. Mẹ đang trở nên lắm lời.

Meggie bật cười vui sướng : hay quá, mẹ đã bắt đầu nói một cách thân mật, cốt sao đừng làm mẹ hoảng sợ!

– Đây là vì mưa đã có ảnh hưởng đến mẹ, mẹ ạ. Chắc là do mưa. Hạnh phúc biết bao, khắp nơi cỏ sẽ lại mọc lên và các bãi cỏ của chúng ta sẽ lại xanh tươi! Quả là hạnh phúc, phải không ạ?

– Thì cố nhiên rồi. Nhưng con đã không trả lời mẹ. Tại sao con không ly dị với Luke và đi lấy chồng?

– Nhà thờ không cho phép ly hôn.

– Vớ vẩn! – Fee nạt, nhưng không có vẻ gì là cáu kỉnh – Con một nửa là con gái mẹ, mà mẹ không phải là người theo đạo thiên chúa. Đừng nói những điều ngốc nghếch Meggie ạ. Nếu con thực sự muốn lấy chồng lần nữa, con sẽ ly dị với Luke rất ổn thỏa!

– Vâng, chắc là thế. Nhưng con không muốn lấy chồng nữa. Con có hai đứa con, có Drogheda, con chẳng cần gì nữa.

Trong đám bụi cây cách đây không xa, có ai cười vang giòn hệt như tiếng cười của Meggie, nhưng những cụm hoa đỏ thắm buông rủ dày đặc khiến họ không thể nhìn thấy ai cười.

– Mẹ nghe thấy chứ? Đây là Dane ở trong đám bụi cây. Mẹ ạ, thằng bé này ngồi trên yên ngựa đã không kém gì con đâu. Dane!
– Meggie quát. “Con trốn trong ấy làm gì thế, thằng nghịch ngợm kia? Ra đây ngay!”

Chú bé bò ra dưới bụi cây gần đây : hai tay đen nhem, toàn đất, môi cũng đen bẩn một cách đáng ngờ.

– Mẹ có biết đất ngon như thế nào không? Quả là ngon, mẹ ạ, con nói thực đấy.

Nó đến gần và đứng trước Meggie, thằng bé bảy tuổi này cao,

duyên dáng, thanh mảnh, nhưng rắn chắc, khuôn mặt nhỏ nhắn màu sứ hình trái xoan.

Justine xuất hiện và đến đứng cạnh em. Nó cũng cao so với tuổi của mình, nhưng không thanh mảnh, mà chỉ là gầy, mặt đầy tàn nhang. Dưới những nốt lấm tẩm màu nâu dày đặc ấy không thể thấy rõ khuôn mặt thế nào, tàn nhang làm lu mờ hẳn cặp lông mày và lông mi óng ánh vàng, nhưng đôi mắt kỳ lạ vẫn cứ quá sáng màu, và cái nhìn của nó gây nên cảm giác lo ngại cũng như trước kia, hầu như từ trong nôi. Đóng khung lấy khuôn mặt của *en-far*^[99] này là một khối đồ sộ những búp tóc xoắn tít màu đỏ như lửa, hệt như tóc Paddy. Con bé không thể gọi là xinh, nhưng gặp nó dù chỉ một lần là không thể quên được : điều làm người ta ngạc nhiên không chỉ là đôi mắt, mà là sức mạnh nội tâm hiếm có. Nghiêm khắc, cương quyết, thông minh và gay gắt, Justine năm lên tám cũng ít đếm xỉa đến việc người ta nghĩ về nó thế nào chẳng kém gì thời thơ ấu. Trên đời chỉ có một người thật sự thân thiết với nó : Dane. Vẫn như trước, nó yêu em thắm thiết, và vẫn như trước, nó cho rằng Dane là thuộc quyền sở hữu không chia sẻ của nó.

Vì nguyên nhân ấy, giữa nó và mẹ thường xuyên có va chạm. Việc Meggie không cưới ngựa qua các bãi chăn nữa và trở lại bồn phận làm mẹ là một đòn nặng đối với Justine. Bắt đầu từ sự việc là trong mọi hoàn cảnh, con bé bao giờ cũng tin chắc là mình đúng, dường như tuyệt nhiên nó không cần đến mẹ. Tính nó không ưa thổ lộ tâm tình với ai hay chờ mong lời khen và sự tán thành âu yếm. Đối với nó, Meggie trước hết là người cạnh tranh chiếm mất Dane của nó. Justine hòa thuận với bà hơn nhiều : đấy mới là con người xứng đáng, không xọc vào những việc không

phải của mình, bà hiểu rằng người khác cũng như bản thân mình đều có cái đầu trên vai.

– Con đã bảo nó là không được ăn đất. – Justine nói.

–Ồ, ăn đất cũng chẳng chết đâu, Justine ạ, nhưng cũng chẳng có lợi gì. – Meggie nhìn con trai. – Sao con lại nảy sinh ý định ấy, Dane?

Thằng bé suy nghĩ nghiêm chỉnh một lúc về câu hỏi của mẹ.

– Đất có sẵn đấy, thế là con ném thử. Nếu nó có hại thì vị phải khó chịu, phải không ạ? Thế nhưng nó lành, ngon.

– Điều đó chẳng có ý nghĩa gì. – Justine ngắt lời một cách kiêu kỳ. – Chị thật đến khổ với em, Dane ạ, em chẳng hiểu gì cả. Đôi khi những cái ngon nhất lại là thứ độc hại nhất.

– Á chà! Những thứ nào nào? – Dane hỏi một cách khiêu khích.

– Nước mật! – Justine tuyên bố với vẻ đắc thắng.

Đòn đánh trúng đích, có lần Dane đã bị một vố như thế này : nó tìm thấy trong kho của Mrs. Smith một lọ nước mật, ních đầy bụng, rồi sau bị một trận nguy kịch. Tuy thế nó vẫn phản đối :

– Thế mà em vẫn còn sống, như vậy là nó không độc lắm.

– Là bởi vì lần ấy em nôn ra. Nếu không thì em chết rồi.

Đến đây thì không phản đối được. Dane thân mật khoác tay chị, hai đứa tầm vóc gần như nhau, cả hai thông thả đi trên bãi cỏ về phía căn nhà nhỏ mà những ông chú yêu trẻ đã dựng cho chúng dưới những cành hồ tiêu rủ xuống, đúng chỗ chúng chỉ cho. Thoạt đầu người lớn cực lực phản đối sự lựa chọn như thế, vì sợ ong, nhưng bọn trẻ có lý. Ong sống rất hòa thuận với chúng.

Cây hồ tiêu là loại cây thân mật nhất, tốt nhất, Dane và Justine giải thích. Rất là tươi tắn, tỏa hương thơm, mà khi bóp nát trong tay một chùm quả nhỏ xíu màu hồng tương tự như những trái nho con con thì ta được những bông màu hồng thơm thơm, lạo sạo rất tuyệt.

– Hai đứa rất khác nhau. Dane và Justine, vậy mà chúng rất mực hòa hợp với nhau. – Meggie nói. – Thật đáng ngạc nhiên. Hình như con chưa lần nào thấy chúng nó cãi cọ, tuy trước đây con bé rất là cố chấp và bướng bỉnh... thật không thể hiểu được Dane làm cách nào không cãi nhau với nó.

Nhưng Fee nghĩ đến chuyện khác hẳn:

– Khởi phải nói, giống bố như đúc. – Bà vừa nói vừa đưa cặp mắt nhìn theo Dane, đúng lúc ấy nó chui qua dưới những cành cây là thấp và biến mất.

Meggie lạnh người đi, bao giờ nàng cũng thế khi nghe những lời đó, tuy trong nhiều năm nàng vẫn nghe thấy những lời ấy từ miệng những người rất khác nhau thốt ra. Cố nhiên chẳng qua lương tâm nàng không trong sạch. Người ta bao giờ cũng hiểu ngầm đây là sự giống nhau giữa Dane và Luke. Mà tại sao lại không nhỉ? về một điểm căn bản, Luke O'Neill bề ngoài rất giống Ralph de Bricassart. Nhưng mặc dù Meggie cố làm ra vẻ thản nhiên như không, cái nhận xét Dane giống bố bao giờ cũng làm nàng bứt rứt.

Nàng thận trọng thở lấy hơi, nói bằng giọng cố làm ra vẻ thờ ơ:

– Thế ư, mẹ? – Nàng nói tiếp, đu đưa chân một cách vô tư lự: – Quả là con không thấy điều ấy. Cả về tính tình cũng như về cách xử sự, Dane không có gì giống Luke.

Fee bật cười. Dường như bà phì cười khinh bỉ, nhưng đấy là tiếng cười thực sự. Với tuổi tác, mắt bà đã bọt màu, thêm nữa lại bắt đầu đục nhân mắt, nhưng lúc này, vẻ cau có và giễu cợt, bà nhìn thẳng vào bộ mặt sợ hãi của con gái.

– Thế là thế nào, Meggie, con coi mẹ là kẻ hoàn toàn ngu ngốc sao? Mẹ không nói về Luke O’Neill. Mẹ nói rằng Dane giống Ralph de Bricassart như đúc.

Chất chì. Cái chân nặng như chì buông xuống mặt sàn ở hiên lát đá hoa Tây Ban Nha, tấm thân đúc bằng chì trĩu xuống trong ghế bành, trái tim nặng như chì không đủ sức đập nữa. Đập đi, đồ chết giẫm, đập đi chứ! Mi phải đập đi vì con trai ta!

– Ô kìa, mẹ! – Cái giọng nói cũng nặng như chì hỏi. – Mẹ nói gì thế? Ralph de Bricassart khả kính ấy ư?!

– Con còn biết có những Ralph de Bricassart khác nữa ư? Luke O’Neill không có quan hệ gì với thằng bé này, Ralph de Bricassart mới chính là bố nó. Mẹ biết ngay từ phút đầu tiên khi con sinh nở, nhưng mẹ chấp nhận.

– Nhưng... nhưng thế thì tại sao mẹ im lặng? Mẹ chờ đợi bảy năm, rồi bây giờ mẹ ném vào con lời buộc tội vô lý, điên rồ như thế ư?

Fee duỗi chân ra, bắt chéo chân một cách duyên dáng ở mắt cá.

– Cuối cùng thì mẹ đang về già, Meggie ạ. Và mẹ không còn bận tâm lắm đến mọi chuyện như trước nữa, Meggie ạ. Đôi khi tuổi già thật khoan khoái biết bao. Mẹ vui thích thấy Drogheda sống lại, điều đó làm mẹ hời hợt hời hợt. Vì thế mẹ muốn chuyện trò một chút, lần đầu tiên sau ngàn ấy năm.

– Này mẹ ạ, khi mẹ quyết định chuyện trò một chút thì mẹ rõ khéo tìm được chuyện để nói! Mẹ ơi, mẹ không có quyền gì nói như thế! Điều đó không đúng sự thật! – Meggie nói với giọng thất vọng, nàng không thể hiểu được là mẹ thương nàng hay muốn hành hạ nàng.

Bỗng nhiên Fee đặt tay lên đầu gối nàng và mỉm cười, không phải là chua xót và khinh miệt, mà với vẻ cảm thông khá lạ lùng.

– Đừng nói dối mẹ, Meggie. Có thể nói dối bất kỳ ai, nhưng chớ nói dối mẹ. Không bao giờ con làm cho mẹ tin được rằng thằng bé này là con Luke O'Neill. Mẹ không ngu ngốc và không mù. Ở đó chẳng có cái gì của Luke, và không bao giờ có được, vì chuyện ấy không thể có. Nó giống hệt đức cha khả kính. Tay nó cũng thế, tóc cũng thế, cũng một mảng tóc như thế trên trán, khuôn mặt trái xoan cũng thế. Ralph de Bricassart, Ralph de Bricassart đức khuôn.

Thế là Meggie chịu thua, tâm hồn trút được sự trĩu nặng ghé gớm, tất cả dáng vẻ của nàng lúc này cho thấy nàng thanh thản, bình tâm.

– Cái chính là mắt, thằng bé dường như nhìn về một nơi nào xa xăm. Đấy chính là điều làm con sững sốt hơn hết. Nhưng điều đó dễ nhận thấy đến thế ư? Chẳng lẽ mọi người đều biết cả ư, mẹ?

– Không, cố nhiên. – Fee nói cả quyết – Người ta chỉ để ý màu mắt, hình dạng mũi, vóc dáng. Mà cái đó thì khá giống cả với Luke. Mẹ biết, vì nhiều năm mẹ đã quan sát con và Ralph de Bricassart. Ông ấy chỉ vẫy một ngón tay gọi con là con sẽ chạy theo ông ấy đến cùng trời cuối đất, và đừng có nói nhăng nhít rằng nhà thờ không cho phép ly dị, không bịp được mẹ bằng cái

trò vô lý ấy đâu. Con rất muốn phạm vào điều răn còn nghiêm trọng hơn nhiều so với điều răn về ly hôn. Hồi ấy con đã mất hết mọi sự hổ thẹn, Meggie ạ, con đã mất hết mọi sự hổ thẹn. – Fee nói bằng giọng nghiệt ngã hơn. – Nhưng ông ấy rất gan. Dù thế nào ông ấy vẫn nhất quyết làm một linh mục không chê trách vào đâu được, đối với ông ấy con chỉ được xếp ở một chỗ nào đó thuộc lớp cảnh sau. Ngu ngốc làm sao! Sự gan lì ngu ngốc của ông ấy chẳng giúp ông ấy được gì nhiều, phải không? Sớm hay muộn chuyện ấy phải xảy ra.

Ở sau góc hàng hiên có người nào đánh rơi chiếc búa và quát mắng một hồi dài. Fee giật mình, nhả mặt.

– Hừ, miễn sao họ mau mau làm xong mạng lưới ấy đi! – Và bà lại bắt đầu nói vẫn về chuyện vừa rồi. – Thế con tưởng con lừa được mẹ khi con không muốn Ralph de Bricassart làm phép cưới cho con với Luke sao? Mẹ biết chứ. Con không muốn ông ấy làm phép cưới cho con với người khác, con muốn cùng với chính ông ấy nhận phép cưới. Khi ông ấy đến Drogheda trước khi đi Athens, mà con thì đã không còn ở đây nữa, mẹ hiểu rằng sớm hay muộn ông ấy sẽ không chịu đựng nổi và sẽ tìm con. Ông ấy đi tha thẩn khắp trang viên như kẻ bắt đắc chí, như đứa trẻ nhỏ bị lạc trong cuộc triển lãm ở Sydney. Con lấy chồng, đấy là nước cờ ranh mãnh nhất của con, Meggie ạ. Chẳng nào Ralph biết rằng con héo hắt vì ông ấy thì ông ấy không cần con, nhưng hễ con đi lấy người khác là tức khắc ông ấy tự lộ mặt: không ăn nhưng cũng không muốn để lọt vào tay kẻ khác. Tất nhiên ông ấy tự nhủ rằng tình cảm của ông ấy với con hết sức trong trắng, lý tưởng, nhưng muốn gì thì gì, hóa ra ông ấy cần con. Cần đến con, con là một nhu cầu thiết yếu hơn bao giờ hết, và mẹ ngờ rằng không có một

phụ nữ nào trên đời cần thiết cho ông ấy hơn nữa. Kỳ lạ thật, – bà nói thêm với vẻ băn khoăn thành thật, – mẹ bao giờ cũng thấy đây là một điều bí ẩn : ông ấy tìm thấy gì đặc biệt ở con kia chứ... Ồ, nhưng chắc là mọi bà mẹ đều hơi mù quáng và không hiểu con gái mình, cho đến khi nào họ về già và không ghen với tuổi trẻ của các cô con gái mình nữa. Con cũng ít hiểu Justine như mẹ ít hiểu con.

Bà ngả người lên lưng chiếc ghế đu và đu đưa nhẹ nhàng, lim dim mắt, nhưng từ dưới hai hàng mi sụp xuống, bà chăm chú nhìn Meggie một cách tinh tường, như nhà bác học nhìn con thỏ thí nghiệm.

– Dù ông ấy tìm thấy gì ở con thì ông ấy cũng đã nhận thấy cái đó ngay từ lúc thoát nhìn và bằng cái đó con đã bùa chài ông ấy mãi mãi. Điều khổ tâm nhất đối với ông ấy là phải hiểu ra rằng con đang trở thành người lớn, nhưng ông ấy đã phải hiểu ra khi ông ấy về đây mà con không có ở đây, con đã đi lấy chồng. Tội nghiệp Ralph! Không làm sao được, ông ấy chỉ còn cách lao đầu đi tìm. Ông ấy đã tìm thấy con, phải không nào? Mẹ hiểu điều đó từ trước khi Dane ra đời, khi con vừa mới trở về nhà. Một khi con đã có được Ralph de Bricassart thì con chẳng ở lại với Luke làm gì.

– Vâng, – Meggie thở dài, – Ralph đã tìm được con. Thế nhưng điều đó cũng chẳng giúp được gì, phải không ạ? Con biết, ông ấy sẽ không bao giờ chối bỏ Chúa của mình. Bởi vậy con đã quyết định : thế thì làm thế nào để con giữ lại được dù chỉ một phần nhỏ của ông ấy, cái duy nhất mà con có thể chiếm hữu được. Đây là đứa con của ông ấy, Dane!

– Hình như mẹ nghe thấy tiếng vọng dội về – Fee cất tiếng

cười không vui. – Con nói bằng lời của mẹ.

– Frank phải không ạ?

Ghế bành két một tiếng, Fee đứng lên, đi lại trên những phiến đá lát dội tiếng ở hàng hiên, rồi dừng lại trước con gái, nhìn thẳng vào con.

– Phải, đúng thế! Thế là mẹ con ta hòa nhau, phải không Meggie? Này, con biết điều đó đã lâu chưa?

– Từ hồi còn bé. Khi anh Frank bỏ nhà đi.

– Bố Frank đã có vợ. Hơn tuổi mẹ nhiều, một chính khách lỗi lạc. Danh tiếng lẫy lừng, thậm chí có lẽ con cũng biết tiếng, ở New Zealand có vô số đường phố mang tên ông ấy, thậm chí sẽ có hai – ba thành phố mang tên ông ấy. Lần này mẹ sẽ cho biết cái tên ấy: *Pakeha*. Tiếng Maori từ đó có nghĩa là “người da trắng” – kể cũng được. Ông ấy chết rồi, tất nhiên. Trong bản thân mẹ cũng có chút máu Maori, còn bố Frank cũng phần nửa là người Maori. Ở Frank thấy rất rõ điều đó, di truyền cả từ bố lẫn mẹ mà. Ôi chao, mẹ yêu người đó biết bao! Có lẽ đấy là tiếng gọi của dòng máu, mẹ cũng không biết nữa. Ông ấy đẹp trai. Người cao, tóc đen như có bõm, mắt đen long lanh tươi cười, ở ông ấy có tất cả những gì mà Paddy không có – văn hóa, sự tao nhã, sức hấp dẫn hiếm có. Mẹ yêu ông ấy đến mất trí. Mẹ nghĩ rằng mẹ sẽ không bao giờ còn yêu ai nữa, và mẹ say sưa với sự tự lừa dối ấy một thời gian dài, rất dài, và mẹ tỉnh ra quá muộn... – Giọng nói phản lại bà. Bà quay đi, nhìn ra vườn mấy phút. – Mẹ có nhiều điều lầm lỗi, Meggie ạ, có thể tin mẹ.

– Chính vì thế mà mẹ yêu Frank hơn tất cả chúng con. – Meggie nói.

– Thì chính mẹ cũng nghĩ thế: vì đó là con Pakeha, còn tất cả những đứa còn lại là con Paddy. – Fee gieo mình xuống ghế bành, môi bà buột ra một âm thanh đau xót kỳ lạ, không ra tiếng rên, không ra tiếng thở dài. – Vậy là câu chuyện lặp lại. Đúng, mẹ cười thầm khi nhìn thấy Dane, có thể tin mẹ.

– Mẹ là người phụ nữ phi thường, mẹ ạ!

– Thật ư? – Ghế bành kết lên một tiếng. Fee nhào mình về phía trước. – Mẹ sẽ rỉ tai con một bí mật nhỏ, Meggie ạ. Phi thường hay hết sức bình thường nhưng mẹ là một phụ nữ hết sức bất hạnh. Vì nguyên nhân này hay nguyên nhân khác, mẹ là người bất hạnh từ ngày gặp Pakeha. Trước hết là lỗi tại mẹ. Mẹ yêu ông ấy, nhưng cầu trời đừng bắt một phụ nữ nào trong đời phải trải qua những gì mà mẹ đã phải hứng chịu vì ông ấy. Lại nữa, Frank... Mẹ chỉ quý có một mình Frank, còn tất cả các con thì mẹ không nghĩ gì đến. Mẹ không nghĩ đến Paddy, thế mà ba con là điều tốt đẹp nhất mà đời mẹ có được. Nhưng hồi ấy mẹ không hiểu điều đó. Mẹ chỉ biết so sánh ba con với Pakeha. Không, cố nhiên mẹ biết ơn ba con, và mẹ không thể không thấy ba con là người tuyệt vời... – Fee nhún vai. – Mà thôi, chuyện đã qua là chuyện đã qua. Chẳng qua mẹ muốn nói : con có lỗi, Meggie ạ. Chẳng lẽ con không hiểu rằng lỗi tại con ư?

– Không, con không hiểu. Theo ý con thì lỗi tại nhà thờ, nó tước mất ở các linh mục cả cái ấy nữa.

– Lạ thật, chúng ta luôn luôn nói về nhà thờ như một kẻ tình địch. Con đã cuôm được người đàn ông của kẻ tình địch, hết như mẹ hồi xưa cũng vậy.

– Ralph không có quan hệ với một người phụ nữ nào, chỉ với

con mà thôi. Nhà thờ không phải là phụ nữ, mẹ ạ. Đây không phải là con người, chỉ là một thiết chế.

– Con phí công tự biện bạch với mẹ. Mẹ biết tất cả những gì có thể nói ở đây. Hồi xưa chính mẹ cũng lập luận như vậy, về việc Pakeha ly dị vợ thì không thể nghĩ gì đến. Ông ấy là một trong những người Maori đầu tiên trở thành nhà hoạt động chính trị lớn, ông ấy phải lựa chọn giữa mẹ và nhân dân mình. Có người đàn ông nào đứng vững trước sự cám dỗ như vậy, có người đàn ông nào khước từ sự vĩ đại? Thì Ralph của con cũng đã chọn nhà thờ, phải không? Ồ, thế là mẹ đã quyết – mặc kệ, mẹ bất cần. Mẹ sẽ lấy của Pakeha cái mà mẹ có thể lấy được, ít ra mẹ cũng sẽ có với ông ấy một đứa con, chẳng có lí do gì ngăn cản được mẹ yêu đứa bé.

Bỗng nhiên Meggie sôi sục căm hờn, một niềm oán giận mọi rợ chen lẫn tình thương đối với mẹ : chẳng lẽ mẹ cho rằng nàng cũng sẽ làm hỏng hết, sẽ hủy hoại đời mình và cuộc đời con trai nàng ư? Nàng nói:

– Ồ không, mẹ ạ, con ranh mãnh hơn mẹ nhiều. Con trai của con có cái tên hợp pháp, không ai tước được của nó cái tên ấy, ngay cả Luke.

Fiona Cleary ngạt thở, không thốt ngay được nên lời, nghiêng rằng nói lí nhí:

– Nói cay độc đấy! Thì ra con là như thế, Meggie! Vậy mà nom thì nhu mì, một con ruồi cũng không đụng đến. Thôi được, đúng là ông thân sinh ra mẹ đã mua cho mẹ một người chồng để cho Frank có cái tên hợp pháp và đẩy mẹ đi cho xa. Mẹ sẵn lòng lấy đầu ra bảo đảm rằng con không biết chuyện ấy. Làm sao con biết

được?

– Đây là việc của con.

– Nhưng con rồi cũng sẽ bị trừng phạt. Hãy tin mẹ, không tránh khỏi sự trừng phạt đâu. Con sẽ không thoát khỏi đâu, cũng như mẹ đã không thoát khỏi. Mẹ đã mất Frank, đối với người mẹ không thể có sự mất mát nào ác nghiệt hơn, mẹ thậm chí không thể thấy mặt anh con, vậy mà mẹ nhớ anh con biết chừng nào... Nhưng cứ chờ đây! Con rồi cũng sẽ mất Dane.

– Không đâu, con sẽ cố để không bị mất. Mẹ mất Frank vì anh ấy không thể sống hòa thuận với ba. Còn con đã lo tính để Dane không có ông bố nào cả, để không ai có thể đóng yên cương vào nó. Chính con sẽ đóng yên cương cho nó, đóng thật chắc vào Drogheda. Mẹ có nghĩ tại sao con vẫn dần dần làm cho nó trở thành người chần cừ không? Ở Drogheda thì nó an toàn, ở đây chẳng có gì đe dọa nó.

– Thế thì cái gì đe dọa ba con nào? Thế Stuart? Trên đời này không có sự an toàn. Nếu Dane muốn đi khỏi đây, con sẽ không giữ nổi nó. Ba hoàn toàn không gò ép Frank. Không hề có chuyện gì như thế. Mà Frank không phải là người chịu để cho người ta gò ép. Nếu con tưởng rằng con là phụ nữ mà có thể gò ép được con trai của Ralph de Bricassart thì con lầm to. Con cứ nghĩ xem, điều đó hết sức rõ ràng. Nếu như cả mẹ lẫn con đều không giữ nổi những ông bố thì làm thế nào chúng ta giữ được những người con trai?

– Con sẽ chỉ mất Dane trong một trường hợp duy nhất, mẹ ạ, ấy là nếu mẹ lộ ra. Nhưng con sẽ giết mẹ trước, mẹ nên biết như vậy.

– Đừng lo, không đến nỗi do mẹ mà con phải đi lên giá treo cổ đâu. Mẹ không có ý định tiết lộ bí mật của con, chẳng qua là mẹ tò mò muốn từ bên ngoài mà nhìn sự việc đó. Đúng, cho đến nay mẹ vẫn chỉ làm cái việc ấy thôi. Đứng ngoài cuộc mà nhìn mọi sự việc.

– Ôi, mẹ ơi! Vì sao mẹ lại trở thành người như thế? Đứng ngoài mọi chuyện, kín đáo, không muốn thổ lộ gì hết!

Fee thở dài.

– Bởi vì chuyện đó xảy ra lâu lắm rồi, từ nhiều năm trước khi con ra đời. – Bà nói một cách chua xót.

Nhưng Meggie rung nắm tay xiết chặt với vẻ cuồng nộ.

–Ồ không, con không muốn nghe đâu! Sau tất cả những gì mà mẹ vừa kể với con ở đây? Mẹ sẽ không kể cho con câu chuyện cũ thương tâm ấy nữa! Vô lý, vô lý, vớ vẩn! Mẹ có nghe thấy không, mẹ? Mẹ đã nhắm nháp những đau khổ ấy của mẹ suốt nửa đời người, đủ rồi!

Fee mỉm cười với con gái, cười vui vẻ, thật tình.

– Trước kia mẹ nghĩ rằng con gái là không đáng kể, thêm thất vào thôi, điều quan trọng là sinh con trai, nhưng mẹ lầm. Con đem lại cho mẹ niềm thích thú đặc biệt. Meggie ạ, với các con trai mẹ không có được niềm vui như thế. Với các con gái thì mẹ con bằng nhau. Các con trai thì không vậy. Các con trai chỉ là những con búp bê không có gì bảo vệ, chúng ta tùy ý sắp đặt họ, nếu muốn ta chỉ búng một cái là lật nhào.

Meggie tròn mắt nhìn mẹ.

– Mẹ tàn nhẫn quá thể. Thế thì mẹ hãy nói cho con biết, chúng ta có lỗi gì nào?

– Có lỗi là đã sinh ra đời.

* * *

Hàng nghìn đàn ông trở về nhà, trút bỏ bộ quân phục màu kaki, những chiếc mũ rộng vành và lại mặc toàn thường phục. Chính phủ công đảng vẫn còn cầm quyền, bắt đầu nghiêm chỉnh chú ý đến các điền địa lớn ở vùng đồng bằng miền tây, đến các khu vực sở hữu lớn nhất ở trong lòng đất nước. Thật là bất công khi ngàn ấy đất của một gia đình nào đó, trong khi có rất nhiều người Úc làm tròn bổn phận với tổ quốc một cách vẻ vang lại không có chốn nương thân cùng với gia đình mình, và nhà nước lo làm sao cho người ta khai thác đất đai cần khẩn hơn. Không gian thì rộng lớn, đất nước không nhỏ hơn nước Mỹ, dân chỉ có sáu triệu, mà trong sáu triệu ấy chỉ một nhóm người là chúa trùm về đất đai, một nhóm người sở hữu những điền địa khổng lồ. Không, những khu điền địa lớn nhất phải nhường lại phần đất của mình, phải san sẻ vô số acres của mình với các cựu chiến binh.

Ở Bugela, trong số một trăm năm mươi ngàn acres, còn lại bảy chục ngàn; Hai người lính ở mặt trận về nhận được của Martin King mỗi người bốn mươi ngàn acres. Rudna Hunish có một trăm hai mươi ngàn acres, vì thế Ross MacQueen mất sáu chục ngàn. Số đó đem chia cho hai người hôm qua còn là chiến binh. Sự việc diễn ra như thế. Cố nhiên chính phủ bồi thường phần nào cho những người nuôi cừ, nhưng trả rẻ hơn nhiều so với giá họ bán đất. Thật là bực, bực quá đi chứ! Nhưng cả Chính quyền

Kanberra không nghe một lý lẽ nào cả: những khu sở hữu cực lớn như Bugela và Rudna Hunish thì nên chia. Rõ ràng và dễ hiểu là một chủ sở hữu hoàn toàn không cần đến ngàn ấy đất, vì ở vùng Gillanbone có rất nhiều chủ trại có dưới năm chục ngàn acres mà làm ăn vẫn phát đạt.

Đây mới là điều đáng bực hơn cả: dường như bây giờ những người trước kia đã từng làm lính sẽ không chịu lùi bước. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, đa số những khu điền địa lớn cũng bị cắt mất một phần đất đai, nhưng khi đó có những ông chủ mới xuất hiện không có kiến thức, không có kinh nghiệm, không biết nhân giống gia súc một cách khôn khéo và có lợi, dần dần các cựu chiến binh mất hy vọng thành công, và các chủ sở hữu trước kia mua lại phần đất của họ đã bị lấy đi với giá rẻ mạt. Nhưng lần này chính phủ chủ tâm gánh lấy việc dạy dỗ và hướng dẫn các chủ trại mới lập nghiệp. Hầu hết các chủ sở hữu những điền trang cũ đều là người nhiệt liệt ủng hộ Đảng ruộng đất và đều một lòng căm ghét người công đảng, họ cho rằng đây toàn là người thành phố, công nhân ở các trung tâm công nghiệp lớn, những kẻ cầm đầu nghiệp đoàn và những phần tử trí thức Marxist vô tích sự. Họ càng bị tổn thương ghê gớm hơn khi phát hiện ra rằng gia đình Cleary, mà ai cũng biết là bỏ phiếu cho công đảng, không bị cắt một acres nào trong số đất đai mênh mông của Drogheda. Bởi vì Drogheda thuộc quyền sở hữu của tòa thánh La Mã, cho nên không đem chia được. Tiếng la ó phản đối vang tới Canberra, nhưng không ai nghe. Các chủ đất khó lòng chịu sự khinh miệt như thế. Họ xưa nay vẫn coi mình là có thể lực nhất trong các hành lang của nghị viện, vậy mà té ra các nhà cầm quyền ở thủ đô không coi họ vào đâu. Tất cả quyền lực là ở

chính phủ Liên Bang, những đại diện ở các bang không đòi được gì ở chính phủ.

Vậy là Drogheda giữ được toàn bộ một phần tư triệu acres của mình mà vẫn cứ là người khổng lồ trong xứ Lilliputian.

Trời đổ mưa rồi lại tạnh, khi thì lượng mưa vừa phải, khi thì nhiều hơn một chút, khi thì ít hơn một chút, nhưng may thay không xảy ra hạn hán khủng khiếp như trước. Dần dần số đầu cừ tăng lên, len trở nên tốt hơn nhiều. Drogheda thậm chí còn vượt tất cả những gì nó đạt được trước khi hạn hán, – đấy là một thành tích lớn thực sự. Tất cả mọi người đều say mê cải tiến giống. Người ta kháo rằng một người tên là Haddon Rig ganh đua với ông chủ trại Warren bên cạnh là Max Falkiner và có ý định giành giải thưởng ở triển lãm Sydney về cừ đực giống tốt nhất và cừ cái tốt nhất. Giá lông cừu tăng dần, rồi tăng vọt chưa từng thấy. Châu Âu, Mỹ, Nhật háo hức vồ lấy toàn bộ số lông cừu mịn của Úc, cho đến sợi cuối cùng. Lông cừu loại thô hơn, dùng để làm vải dày, thảm, da phốt thì còn cả các nước khác cung cấp, nhưng chỉ có sợi lông dài óng mượt của cừu mêrinôx lông mịn của Úc mới có thể dùng làm vải cực mỏng mềm mại như vải batit mịn màng nhất. Và lông cừu tốt nhất thuộc loại đó thì người ta thu hoạch trên các đồng bằng đất đen nằm ở phía tây bắc New South Wales và phía tây nam Queensland.

Dường như sau những thử thách nặng nề kéo dài nhiều năm, nay phần thưởng xứng đáng đã đến.

Chưa bao giờ Drogheda đem lại thu nhập lạ đời như vậy. Năm này tiếp năm khác – hàng triệu bảng Anh. Fee tính toán và hờ hởi vui sướng. Bob thuê thêm hai người chăn cừu nữa. Mọi việc thuận lợi tuyệt vời, nếu như không có cái tai họa ấy: Thỏ, chúng

vẫn là tai họa của các bãi chôn như trước.

Còn ở Ấp chính tình hình bỗng trở nên tuyệt vời chưa từng thấy. Sau khi đã chằng lưới khắp xung quanh trong các buồng không có ruồi: mọi người đã quen với những tấm lưới và không còn hiểu được làm sao có thể sống không có cái đó. Cố nhiên đây là thứ trang trí chẳng ra gì nhưng nó làm cho đời sống dễ chịu hơn, chẳng hạn lúc nóng nực nhất vẫn có thể ung dung ngồi ăn nơi khí trời thoáng mát ở hàng hiên quán quýt những đậu đậu tía rậm lá rì rào trong gió.

Nhái bén cũng ưa thích những mạng lưới. Những con nhái nhỏ bé màu lục ánh vàng với những cẳng chân bám chắc, leo lên mặt ngoài tấm lưới và ngậy ra, trịnh trọng và nghiêm chỉnh chiêm ngưỡng hồi lâu những người ngồi bên bàn. Rồi đột nhiên một con nào đó nhảy lên, chộp lấy con bướm gần như to hơn chính bản thân nó và lại ngồi yên không động đậy, mồm đầy ắp, từ trong đó con mồi thòi ra đến hơn một nửa và giãy giụa điên cuồng. Dane và Justine tò mò nhìn con nhái giải quyết con mồi rất lâu: con vật ngồi nhìn qua tấm lưới một cách hết sức nghiêm chỉnh, cứ mười phút lại nuốt thêm một miếng to hơn. Sâu bọ có sức sống dai dẳng ngạc nhiên, đôi khi những đầu cánh đã biến mất trong mồm nhái mà những cái chân vẫn còn co giật.

– Br-rừ! Đúng là số kiếp! – Dane cười. – Hãy tưởng tượng một nửa thân ta hãy còn sống, còn nửa kia đã bị kẻ nào đó tiêu hóa.

Cũng như mọi người ở Drogheda, mấy đứa nhỏ con O'Neill đã sớm ham đọc và có vốn từ phong phú vượt lứa tuổi của chúng. Chúng linh lợi, sáng ý và hứng thú với mọi thứ trên đời. Ai chứ chúng sống rất thoải mái. Chúng đã biết cưỡi những con ngựa pônì thuần giống, và lớn lên chút nữa, chúng có con ngựa to hơn,

chúng học theo lối gửi thư và kiên nhẫn chuẩn bị bài ở bếp, bên cái bàn xanh của Mrs. Smith, chúng chơi trong căn nhà nhỏ dưới cây hồ tiêu, chúng có những con vật yêu thích của mình. Những con vật chúng thích nhất là những con lợn nhỏ xíu màu hồng, rất khôn không kém gì con chó, tên hiệu là Iggle-Piggle.

Ở Drogheda, xa cảnh chật chội của thành phố, trẻ hầu như không bao giờ ốm, không hề biết thế nào là cúm và cảm lạnh. Meggie khiếp sợ bệnh bại liệt trẻ em, bị kiết lỵ và các bệnh nhiễm trùng – ngộ nhỡ như sét đánh giữa trời quang, các con nàng sẽ mắc một bệnh gì loại đó – vì thế nàng cho chúng tiêm chủng đủ mọi thứ. Dane và Justine sống cuộc sống tốt đẹp, lành mạnh, tha hồ luyện tập cơ bắp và đầy đủ món ăn trí tuệ.

Khi Dane mới mười tuổi và Justine mười một, chúng được gửi đi học ở Sydney: Dane thì theo truyền thống, vào Riverview-College, còn chị nó thì vào trường nội trú Kincoppal. Lần đầu tiên Meggie đưa các con lên máy bay và nhìn chúng không dứt khi chúng vẫy khăn tay từ biệt, cả hai trẻ đều tái nhợt, nhưng can đảm giữ vẻ mặt bình tĩnh, chúng đã bao giờ đi xa nhà đâu. Nàng rất muốn đưa chúng đi, tận mắt thấy chúng được thu xếp chu đáo ở chôn mới, nhưng cả gia đình phản đối, và Meggie phục tùng. Mọi người từ Fiona cho đến Jims và Pasty đều cho rằng sự tự lập có ích cho bọn trẻ hơn nhiều.

– Con cục ta cục tác với chúng như thế là đủ rồi. – Fee nói một cách nghiêm khắc.

Nhưng khi máy bay cất cánh, làm bốc lên một đám mây bụi và bắt đầu vút lên khoảng cao nóng nực lấp lánh thì Meggie dường như phân đôi. Tim như vỡ ra vì phải chia tay với Dane, nhưng khi chia tay với Justine đem lại sự nhẹ nhõm. Trong tình cảm của

Meggie với con trai không có sự phân đôi, thằng bé bản tính rất vui vẻ, điềm tĩnh, giàu tình yêu thương, nó đáp lại sự âu yếm bằng sự âu yếm cũng tự nhiên như nó thở vậy. Còn Justine là con quái vật có sức hấp dẫn, nhưng không thể chịu đựng nổi. Người ta cứ phải yêu nó, không thể không yêu được: Con bé này có chứa đựng một sức mạnh ghê gớm, cả sự toàn vẹn nội tâm, cả niềm tự tin, và không ít ưu điểm. Nó không tiếp nhận tình yêu như Dane tiếp nhận và không lần nào đem lại cho Meggie niềm vui sướng cao cả nhất của người làm mẹ: cảm thấy mình cần cho con gái. Không có cái xởi lởi thân tình, không có sự trò chuyện, nghịch thoả mái lại còn đối xử tai ác với tất cả mọi người, chủ yếu là với mẹ, lạnh lùng và kiêu kỳ, Meggie nhận ra ở con không ít cái ở Luke O'Neill mà trước đây làm nàng tức điên lên, nhưng Justine ít ra cũng không keo kiệt. Vậy là may rồi.

Đường hàng không đi Sydney phồn thịnh, và tất cả các kỳ nghỉ, ngay cả kỳ nghỉ ngắn nhất, bọn trẻ đều có thể ở Drogheda. Nhưng cả hai đều rất nhanh quen với nhà trường và thích thú cuộc sống mới. Sau mỗi lần về nhà Dane bao giờ cũng hơi buồn, nhưng Justine cảm thấy mình ở Sydney như cá ở trong nước và khi về Drogheda, nó luôn luôn muốn trở lại thành phố. Các cha dòng Jesuit ở Riverview-College mê thích Dane, khen ngợi thằng bé không hết lời: nó không phải là học trò nữa, mà là hiện tượng kỳ lạ, đứng đầu cả trong học tập, cả trong thể thao. Các nữ tu sĩ ở Kincoppal thì hoàn toàn không hân hoan về Justine: những kẻ có con mắt sắc sảo và miệng lưỡi độc ác như thế thường không được ưa thích. Justine học trên Dane một lớp và có lẽ giỏi hơn em, nhưng nó chỉ đứng đầu trong học tập thôi.

* * *

Số “Sydney Morning Herald” ngày 4 tháng tám năm 1952 rất đáng chú ý. Ở trang đầu thông thường chỉ in một tấm ảnh, ở phía trên, ngay chính giữa, như minh họa cho cái tin đặc sắc nhất. Hôm ấy trên báo xuất hiện bức chân dung tuyệt đẹp của Ralph de Bricassart. “Giáo hoàng Pi XII hôm nay phong chức Hồng y cho Tổng giám mục Ralph de Bricassart hiện đang là trợ lý quốc vụ khanh ở Vatican.

Đức Ông Ralph de Bricassart trong một thời gian dài là người sốt sắng phụng sự nhà thờ thiên chúa ở nước Úc chúng ta. Ngài bắt đầu hoạt động từ tháng sáu năm 1919 ngay sau khi chịu chúa Thánh, và Ngài đã lao động không mệt mỏi ở đây đến tháng ba năm 1938, khi Ngài được triệu vào Vatican.

Đức Hồng y de Bricassart sinh ngày 23 tháng chín năm 1893 ở Ireland. Ngài là con thứ hai trong một gia đình có nguồn gốc từ nam tước Ranulf de Bricassart đã đến nước Anh trong đoàn tùy tùng của William Người chinh phục. Theo truyền thống gia đình, Ngài đã chọn lãnh vực tôn giáo làm chí hướng. Mười bảy tuổi Ngài vào trường dòng, sau khi chịu phép đặt tay^[100], Ngài được phái sang Úc. Những tháng đầu ở đây, Ngài phục sự bên cạnh Đức Tổng Giám mục Michael Clabby hiện đã quá cố, tại địa quận Winnemurra.

Tháng sáu năm 1920, Ngài được chuyển về làm linh mục ở xứ đạo Gillanbone miền Tây bắc New South Wales. Về sau Ngài được phong chức giáo sĩ tối cấp và ở Gillanbone cho đến tháng chạp năm 1928. Sau đó Ngài trở thành bí thư riêng của Đức Tổng Giám

mục Dark và cuối cùng là bí thư riêng của Khâm mạng giáo hoàng thời bây giờ là Đức Hồng y di Contini-Verchese. Ngài được phong Giám mục. Khi Đức Hồng y chuyển về La Mã và con đường công danh chói lọi của Ngài mở ra. Giám mục de Bricassart được phong Tổng Giám mục, trở về Úc và lại đảm nhiệm cương vị Khâm mạng giáo hoàng, ở đây Ngài là nhân vật đại diện quan trọng nhất của Vatican cho đến khi chuyển về La Mã năm 1938, từ đó ngài thăng tiến lạ thường trong giới cầm quyền của tòa thánh. Hiện nay, ở tuổi 58, ngài được coi là một trong số ít nhà hoạt động quyết định chính trị của Vatican.

Hôm qua phóng viên của chúng tôi đã nói chuyện với một số người trước kia là giáo dân của Hồng y de Bricassart.^[101]

“Đức cha de Bricassart đã thành lập Hội những người yêu sách ở vùng chúng tôi hồi Ngài là linh mục ở đây. – Mr. Harry Gough hiện là thị trưởng Gillanbone nói. – Đặc biệt vào cái thời xa xưa ấy, đấy là một sáng kiến hết sức quý báu, thoát đầu được Mrs. Mary Carson giúp đỡ một cách hào hiệp, còn sau khi bà ta qua đời thì đó là sự giúp đỡ của Đức Hồng y không bao giờ quên sự thiếu thốn của chúng tôi!”.

“Đức cha de Bricassart đẹp trai lạ thường. – Mrs. Fiona Cleary hiện là người quản lý Drogheda, một trong những trại nuôi cừ lớn nhất và phát đạt nhất ở New South Wales, nói. – Trong tất cả những năm ở Gilly, Ngài là chỗ dựa tinh thần vô cùng lớn lao cho giáo dân của mình, đặc biệt là Drogheda chúng tôi mà các vị đều biết là hiện nay thuộc về nhà thờ thiên chúa giáo. Ngài đã giúp chúng tôi lùa các đàn cừ trong thời kỳ lụt. Ngài đã đến giúp lúc xảy ra đám cháy, ít nhất là Ngài đã giúp mai táng những người chết. Đúng, về mọi mặt đấy là một người xuất chúng, tôi không

hề gặp được người nào có sức hấp dẫn như thế nữa. Có thể thấy ngay rằng một tương lai vĩ đại đang chờ đón Ngài. Tất nhiên chúng tôi không quên Ngài, tuy đã hơn hai chục năm qua từ khi Ngài rời xa chúng tôi. Tôi cho rằng tôi sẽ không phản lại chân lý nếu nói rằng ở vùng chúng tôi có những người ngay hiện nay cũng hết lòng mong nhớ Ngài”.

Trong những năm chiến tranh de Bricassart khả kính, lúc đó còn là Tổng Giám mục, là người phụng sự trung thành và kiên cường của Đức Thánh cha, khi nước Ý ở phe thù địch với Đức, chính Ngài đã thuyết phục chuẩn nguyên soái Albert Kesselring tuyến bố La Mã là thành phố bỏ ngỏ. Florence đã cố giành lấy sự ưu đãi như thế mà không được và đã mất nhiều vật quý mà sau này được trả lại chỉ là vì nước Đức thua trận. Trong những năm liền ngay sau chiến tranh, Hồng y de Bricassart đã cứu giúp hàng nghìn người bị chuyển cư tìm được quê hương mới và đặc biệt cống hiến nhiều công sức cho chương trình nhập cư vào nước ta.

Tuy Hồng y de Bricassart là người gốc Ireland và có lẽ Ngài không có ý lợi dụng địa vị cao cả của mình gây ảnh hưởng đến công việc nội bộ của chúng ta, chúng tôi cho rằng theo lẽ công bằng, nước Úc có thể coi con người lỗi lạc ấy, trong chừng mực, đó là người con của mình”.

* * *

Meggie trả lại tờ báo cho Fee và mỉm cười gượng gạo với mẹ.

– Phải thôi, cần chúc mừng ông ấy, con cũng đã nói như thế với phóng viên tờ “Herald”. Nhưng điều đó thì sao họ không đăng

lên? Còn những lời ca ngợi của mẹ thì con thấy họ dẫn ra gần như nguyên si. Mẹ thật là ác khẩu, mẹ ạ! Ít ra thì cũng hiểu được Justine cay độc như thế là giống ai. Con muốn biết có nhiều người đủ thông minh đoán ý ngoài lời để hiểu mẹ muốn ám chỉ điều gì không?

– Ông ấy thì chắc là hiểu nếu tờ báo lọt vào mắt ông ấy.

– Con muốn biết liệu ông ấy có nhớ đến chúng ta không? – Meggie thở dài.

– Khỏi phải hồ nghi. Dù sao đi nữa, ngay hiện giờ ông ấy vẫn tìm được thời giờ để đích thân theo dõi công việc của Drogheda. Cố nhiên ông ấy vẫn nhớ đến chúng ta, Meggie ạ. Làm sao ông ấy có thể quên được?

– Đúng, Drogheda, con quên mất đấy. Chúng ta đem lại thu nhập như thế kia mà, chuyện chơi đâu. Hẳn là ông ấy rất hài lòng. Trong các cuộc bán đấu giá, lông cừu của chúng ta được tới một bảng Anh một pound, năm nay về lông cừu chúng ta thu được nhiều lắm, không mạch vàng nào sinh lợi nhiều như thế. Người ta còn bảo đấy là bộ lông cừu vàng. Chỉ riêng về cừu non, ta đã xén được hơn bốn triệu pound rồi kia mà.

– Đừng mĩa mai cay độc, Meggie ạ, điều đó không xứng với con đâu. – Fee nói, thời gian gần đây bà nói năng với con gái tuy có hơi gay gắt, nhưng không phải không có phần tôn trọng, và có lẽ không phải không có phần trù mến. – Hãy thừa nhận rằng chúng ta sống khấm khá. Đừng quên rằng chúng ta vẫn nhận được phần tiền của mình, bất kể là năm làm ăn gay go hay thuận lợi. Chẳng phải là ông ấy đã thưởng tiền cho Bob một trăm ngàn bảng và cho tất cả chúng ta mỗi người năm chục ngàn đó sao?

Cho dù ngày mai ông ấy có đuổi chúng ta ra khỏi Drogheda thì chúng ta vẫn đủ tiền để mua Bugela, dù giá đất bây giờ có vọt lên. Còn các con của con được ông ấy cho bao nhiêu? Hàng nghìn, vậy thì đừng bắt công với ông ấy.

– Nhưng các con của con không biết rằng ông ấy làm gì cho chúng, và không được biết. Không, hãy để Dane và Justine lớn lên với ý thức rằng chúng cần tự mở đường cho mình trong đời, chứ không phải là trông chờ vào vị ân nhân vô cùng quý hóa Ralph Raoul, Hồng y de Bricassart. Gớm chưa, ông ấy lại còn là Raun nữa kia đấy! Đích thị là cái tên Norman, phải không ạ?

Fee đứng lên, đến gần lò sưởi và quẳng trang một tờ “Herald” vào lửa, Ralph Raoul Hồng y de Bricassart giật mình, nháy mắt với bà và biến thành tro.

– Con sẽ làm gì nếu ông ấy trở về, Meggie?

Meggie phì một tiếng khinh bỉ.

– Ông ấy sẽ trở về, hẳn là thế.

– Mọi chuyện đều có thể xảy ra. – Fee nói một cách bí ẩn.

Tháng chạp ông ấy đã về. Không ồn ào, không báo trước cho ai, đến bằng chiếc ô tô thể thao “Aston Martin”, tự lái xe suốt từ Sydney về. Không một lời lọt lên báo về việc ông đến Úc, chẳng ai ở Drogheda mơ đến chuyện ông về đột ngột. Khi xe dừng lại trên cái bãi rải cát ở phía bên Nhà Lớn, ở đấy không có người nào, rõ ràng không ai nghe thấy tiếng ô tô đến gần, chẳng ai ra hàng hiên.

Bằng tất cả bản thể của mình, bằng toàn bộ cơ thể Ralph nhận biết từng dặm đường từ Gilly về, ông thở hít mùi bụi cây, mùi cừu, mùi cỏ khô héo lấp lánh đổi màu dưới nắng. Kangaroo và *emu*,

vẹt gala mặt dưới cánh màu hồng và thằn lằn goannas, vô vàn sâu bọ vo ve, vù vù, vẫy cánh, những đoàn kiến hành quân như những dòng nước mật tối thâm cắt ngang đường cái, và khắp nơi là là con cừu no nê béo mập. Tất cả những cái đó quý giá biết chừng nào đối với ông, vì theo một nghĩa nhất định, thế giới này và sự bình yên này là thể hiện tất cả những gì mà ông quý trọng. Những năm vừa qua ở đây người ta không cải đổi chút gì.

Chỉ có mạng lưới chống ruồi là cái mới, nhưng Ralph mỉm cười nhận xét thầm rằng đoạn hiên nhìn ra đường cái Gillanbone thì Fee không cho chằng lưới, chỉ đóng kín các cửa sổ trông ra cái hiên đó. Ồ, phải thôi, một mảng cực lớn lưới thép sợi nhỏ sẽ làm xấu xí không phương cứu chữa cái mặt tiền tuyệt diệu theo phong cách George. Không biết những cây khuynh diệp kỳ ảo có thể sống bao nhiêu năm nhỉ? Những cây giống ở đây hẳn là được đưa tới từ giữa lòng Sa mạc Chết khoảng tám chục năm trước. Những cành trên cùng của cây hoa giấy trĩu xuống dưới cái khối dày đặc những bông hoa màu hồng đỏ và màu tím hoa cà.

Đã là mùa hè, chỉ còn hai tuần nữa là lễ Giáng sinh, hoa hồng của Drogheda đang kỳ nở rộ. Hồng ở khắp nơi – hồng trắng và hồng thường, hồng vàng, hồng đỏ như máu và hồng thắm như màu áo của đấng Hồng y. Hồng leo quấn quýt với những cánh đậu tía xanh tươi vào cỡ này những bông hoa điềm tĩnh mơ màng, trắng và hồng, rủ xuống từ mái hiên, che lấp mạng lưới dây thép, âu yếm áp sát vào những cánh cửa sổ màu đen ở tầng hai, rút những tua cuốn xanh tươi lên cao hơn nữa về phía bầu trời. Những cột trụ đỡ những kết nước đồ sộ bây giờ đã bị che khuất hẳn sau tấm màn nở hoa ấy, không còn thấy chính những kết nước. Mà nhiều nhất là loại hồng màu hồng dịu ánh bạc. Tro

của hoa hồng chẳng? Đúng, màu này có tên như thế. Hẳn là loại này do Meggie trồng, cố nhiên là Meggie, chẳng còn ai khác.

Liền đó ông nghe thấy tiếng cười của Meggie và ông lặng người đi, ngây ra vì khiếp sợ, rồi gắng gượng tiến về phía đang vang lên tiếng cười giòn giã ấy. Nàng cười như thế từ lúc còn nhỏ. Thì ra là ở đây! Sau bụi hoa hồng màu tro um tùm, rất lớn cạnh cây hồ tiêu. Ralph đưa tay rẽ những cành chi chít hoa, đầu choáng váng vì hương thơm và vì tiếng cười.

Nhưng không, đây không phải là Meggie. Trong đám cỏ xanh tươi rậm rì, một thằng bé ngồi xồm và trêu ghẹo một chú lợn con nhỏ xíu màu hồng, con lợn đột nhiên nháy chồm vào thằng bé một cách lố lửng, phóng chạy ra xa, rồi lại lén tới gần nó phía bên. Không nhận thấy người đang nhìn mình, thằng bé ngửa mái đầu vàng óng ra sau và lại cất tiếng cười. Từ cặp môi không quen biết bay ra tiếng cười của Meggie. Bất giác Đức Hồng y buông những cành cây, và không để ý đến gai nhọn, bước thẳng về phía trước. Thằng bé gần như một thiếu niên, nom có thể đồ chừng nó khoảng mười hai – mười bốn tuổi, hốt hoảng ngược mắt lên, con lợn con kêu ré lên, cất cao cái đuôi nhỏ xíu nom như một nét móc và ù té chạy đi.

Thằng bé chân đi đất, gần như trần trụi, chỉ mặc chiếc quần soóc cũ màu kaki, da bắt nắng rất đậm, trơn nhẵn, hơi ánh vàng, trong cái thân hình thiếu niên mềm dẻo đã có thể dự đoán thấy sức mạnh sau này: vai vuông vức và rộng, chân vạm vỡ có bắp rắn chắc, bụng thót, hông hẹp. Mái tóc vàng rơm, cùng màu với cỏ Drogheda cháy nắng, hơi dài và xoắn một cách mềm mại, còn mắt với hàng mi đen không ngờ, dày chưa từng thấy, có màu xanh biếc. Như thể một thiên thần trẻ măng trốn xuống cõi trần.

– Chào ông ạ. – Thằng bé mỉm cười nói.

– Chào cháu. – Hồng y Ralph đáp, không thể cưỡng lại sức cám dỗ của nụ cười ấy. – Cháu là ai?

– Cháu là Dane O’Neill. Thằng bé nói. – Thế còn ông ạ?

– Ta là Ralph de Bricassart.

Dane O’Neill. Thì ra là con trai Meggie. Vậy là nàng vẫn không bỏ Luke, nàng đã trở lại với anh ta và sinh ra thằng bé kháu khỉnh này mà lẽ ra là có thể là con trai ông, Ralph, nếu trước đây ông không gắn số phận của mình với nhà thờ. Nhưng ông hiến mình cho nhà thờ hỏi ông bao nhiêu tuổi? Ông không hơn tuổi nó nhiều lắm, không trưởng thành hơn nó bao nhiêu. Nếu ông chậm lại ít nữa thì thằng bé này có thể là con ông. Vô lý biết bao. Hồng y de Bricassart! Nếu ông không hiến mình cho nhà thờ thì ông sẽ ở lại Ireland, sẽ nuôi ngựa và không bao giờ nhận biết số phận của mình, không, không biết Drogheda, không biết Cleary Meggie.

– Cháu có thể giúp gì cho ông được ạ? – Thằng bé hỏi một cách lễ phép và đứng lên: cử chỉ của nó có một vẻ duyên dáng mềm mại rất quen thuộc, hẳn là do Meggie truyền cho.

– Bố cháu có ở nhà không Dane?

– Bố ạ? – Đôi lông mày đường nét thanh tú nhíu lại. – Không, không có, bố không ở đây ạ.

– À, hiểu rồi. Thế mẹ có nhà không?

– Mẹ cháu đi Gilly, sắp về rồi ạ. Bà cháu có nhà. Ông muốn gặp bà cháu không ạ? Cháu đưa ông đi. – Cặp mắt xanh ngắt, màu hoa mua vẫn nhìn vào khách bỗng mở to, rồi lại khuất đi một nửa dưới hàng mi. – Ralph de Bricassart. Cháu có nghe nói điều gì đó về ông. Ồ, ông là Hồng y de Bricassart! Xin thứ lỗi cho con, thưa

đức cha thiêng liêng! Con không muốn là đứa vô lễ.

Tuy Ralph đã thay bộ hồng y bằng sơ mi trắng quần ống bó và ủng đi ngựa, trên ngón tay ông lúc này vẫn lấp lánh chiếc nhẫn hồng ngọc mà ông không được tháo ra cho đến lúc chết. Dane quỳ xuống, đưa hai bàn tay thanh mảnh cầm lấy hai bàn tay thanh mảnh của Hồng y và kính cẩn hôn chiếc nhẫn.

– Không sao, Dane. Ta đến đây không phải vì tư cách một vị Hồng y. Ở đây ta chỉ là bạn của mẹ con và bà.

– Xin tha lỗi cho con. Thưa Đức cha thiêng liêng, đáng ra con phải hiểu ngay khi Người vừa nói tên. Ở đây chúng con vẫn thường nói về Người. Nói tên hơi khác một chút, vì thế cái tên Ralph làm con rối trí. Mẹ con sẽ rất vui mừng gặp được Người.

– Dane, Dane, em ở đâu đấy? – Một giọng trầm ngâm vang, khàn khàn, nghe đến mê ly, gọi một cách nôn nóng.

Những cánh hồ tiêu là xuống gần sát đất rẽ ra, một cô gái trạc mười lăm chui ra dưới những cành cây, đột ngột vươn thẳng người lên. Ralph tức khắc nhận ra đôi mắt lạ thường ấy. Con gái Meggie. Còn khuôn mặt nhỏ nhắn thanh tú với những đường nét gãy góc đầy tàn nhang, bực thay chẳng giống Meggie chút nào.

– A, Chào ông, Xin lỗi, cháu không biết là có khách. Tên cháu là Justine O'Neill.

– Jussy, đây là đức Hồng y de Bricassart. – Dane thì thầm rất to. – Hôn nhẫn đi, mau lên!

Cặp mắt quá sáng, như không nhìn thấy gì, loé lên vẻ khinh bỉ.

– Em đâm ra mê mụ hẳn rồi, cái thằng vờ vĩnh! – Con bé thậm chí không buồn hạ thấp giọng. – Chị sẽ không hôn nhẫn đâu, mất vệ sinh. Vói lại vì sao chúng ta biết đây là Hồng y de Bricassart?

Theo chị ông ấy giống như một chủ trại hết sức bình thường hết như Mr. Gordon.

–Ồ không, đây là đức Hồng y! Dane vẫn khẳng khẳng. – Nào, chị Jussy, phải ngoan chứ! Em van chị đấy.

– Được, chị sẽ là cô bé ngoan, một khi em đã nài, nhưng chị vẫn không hôn nhân, dù là vì em đi nữa. Việc đó thật là tởm. Chị làm sao biết được ai hôn nhân trước chị? Có thể là một người bị số mũi thì sao?

– Con không nhất thiết phải hôn nhân của ta Justine ạ. Ta đến đây để nghỉ ngơi, lúc này ta không phải là vị Hồng y.

– Thế thì tốt, bởi vì nói thật với ông, con là người không theo đạo. – Con gái Cleary Meggie thân nhiên tuyên bố. – Con đã học bốn năm với các nữ tu sĩ ở Kincoppal và con cho rằng tất cả những lời ba hoa ấy về Chúa trời hoàn toàn là mê sảng.

– Con hoàn toàn có quyền không tin. – Hồng y Ralph nói, cố hết sức giữ vẻ nghiêm trang đầy tự hào như con bé này. – Ta có thể đến nói chuyện với bà các con được không?

– Được chứ ạ. – Justine cho phép. – Đưa ông đi chứ ạ?

– Cảm ơn, không cần, ta biết đường.

– Thế thì tốt. – Nó quay về phía thằng em trở mắt nhìn đấng Hồng y như trước. – Ta đi đi. Dane, hãy giúp chị với. Ta đi đi nào!

Nó nắm vai em thật đau, giật mạnh, nhưng Dane vẫn đứng nhìn theo đấng Hồng y thân hình cao, thẳng, cho đến khi ông khuất sau những bụi hoa hồng.

– Em thật là thằng ngố, Dane ạ, một thằng vờ vĩnh khôn khổ! Em thấy ông ta có cái gì ghê gớm nào?

– Ông ấy là đấng Hồng y. – Dane nói. – Chị thử nghĩ xem! Ở Drogheda chúng ta có một vị Hồng y thực sự bằng xương bằng thịt.

– Các Hồng y là đấng chức sắc cao của nhà thờ. – Justine nói – có lẽ em nói đúng, ở nhà ta là hiện tượng khá hiếm, nhưng chị không ưa ông ta.

* * *

Fee có thể ở đâu, nếu không ở bàn viết của mình? Từ hàng hiên Ralph bước thẳng vào phòng khách, nhưng bây giờ muốn vậy phải mở cái khung chằng lưới. Hẳn là Fee đã nghe tiếng bước chân, nhưng vẫn tiếp tục viết, lúi húi trên bàn, mái tóc vàng óng tuyệt đẹp của bà đã chi chít sợi bạc. Ông phải khó khăn mới nhớ được ra rằng bà ít nhất cũng đã bảy mươi hai tuổi, hẳn là thế.

Fee ngẩng đầu lên, và ông thấy bà đã đổi khác, tuy ông không hiểu ngay đổi khác cái gì, ông nhận ra cái vẻ thờ ơ phớt lạnh trước kia, nhưng trên mặt bà còn có cái gì khác nữa. Dường như tâm tình bà đã mềm dịu đi, đồng thời lại trở nên chai cứng, bà không còn xa lạ lắm nữa với những tình cảm của con người nhưng lại có phần hao hao giống Mary Carson. Ôi chao, những bà chúa đó của Drogheda! Chẳng lẽ Meggie cũng sẽ chịu cái số phận như thế đến khi đến lượt nàng ư?

– Chào ông Ralph. – Fee nói, như thể ngày nào ông cũng đến thăm bà. – Rất vui mừng được gặp ông.

– Tôi cũng rất vui mừng được gặp bà.

- Thế mà tôi không biết ông đang ở nước Úc.
- Không ai biết. Tôi được nghỉ phép gần một tháng.
- Tôi hy vọng ông sẽ ở chơi đây với chúng tôi chứ?

– Chứ còn ở đâu nữa? – Ông đưa mắt nhìn khắp lượt căn phòng trắng lệt, bức chân dung Mary Carson thu hút sự chú ý của ông. – Quả thực bà có cảm quan thẩm mỹ rất tốt, không chê vào đâu được. Phòng khách của bà không thua gì những phòng đẹp nhất của cung điện Vatican. Những ô van màu đen trang điểm hoa hồng trên các bức tường là một khám phá thiên tài.

– Cảm ơn, ông rất lịch thiệp, chúng tôi cố gắng bằng tất cả sức lực nhỏ mọn của chúng tôi. Tôi thích phòng ăn hơn, từ khi ông đến thăm chúng tôi lần cuối, tôi đã trang trí lại phòng ăn. Hoa trắng, hoa hồng và hoa xanh. Nghe thật khiếp, nhưng hãy chờ một lát, rồi chính ông sẽ thấy. Nhưng thật tình tôi không hiểu vì lẽ gì mà tôi cố gắng như vậy. Vì ngôi nhà này là của ông kia mà, phải không ạ?

– Không, bà Fee ạ, không phải là của tôi, chùng nào trên đời còn một người nam mang họ Cleary. – Ralph khẽ đáp.

– Rất đáng yên tâm. Vâng, khỏi phải nói, từ thời Gillanbone đến nay ông thành công nhiều lắm. Tôi đã đọc bài trên tờ “Herald” về việc thăng chức của ông.

Ralph nhăn mặt.

– Vâng, tôi có xem. Bà học được cách nói châm chọc.

– Đúng, và điều đó khiến tôi thích thú. Bao nhiêu năm trời tôi ngậm tằm! Thậm chí tôi đã không hiểu rằng tôi mất mát nhiều biết bao! – Bà mỉm cười. – Meggie đi Gilly, sắp về rồi đấy.

Dane và Justine từ ngoài hiên vào.

– Bà ơi, chúng cháu lấy ngựa ra hồ chứa nước được chứ ạ?

– Các cháu biết lệ nhà rồi còn gì. Chỉ có thể đi ngựa nếu mẹ cho phép. Xin lỗi, nhưng mẹ cháu quy định như vậy. Mà các cháu cứ xử như thế ư? Đến chào khách đi.

– Tôi đã làm quen với các cháu rồi.

– À ra thế.

Ralph mỉm cười với Dane.

– Ta cứ tưởng con đang học ở Sydney.

– Bây giờ là tháng chạp mà, thưa đức cha thiêng liêng. Mùa hè chúng con được nghỉ học suốt hai tháng.

Đã quá nhiều năm trôi qua rồi, ông đã quên rằng ở nam bán cầu, kỳ nghỉ dài nhất, hạnh phúc nhất của trẻ em là vào tháng chạp và tháng giêng.

– Cha ở chơi với chúng con có lâu không, thưa đức cha thiêng liêng? – Dane hỏi vẫn nhìn vị Hồng y như thể bị bùa chài.

– Đức cha ở đây với chúng ta có thể lâu hết mức có thể được, Dane ạ. – Bà nói. – Nhưng bà cảm thấy rằng cha sẽ khá mệt mỏi nếu lúc nào cũng phải nghe người ta tôn xưng là đức cha thiêng liêng. Có thể nên gọi một cách giản dị hơn. Bác Ralph chẳng hạn?

– Bác ư? – Justine kêu lên. – Bà ơi, bà biết đấy, chúng con không gọi người ngoài là chú bác. Các bác, các chú của chúng con là Bob, Jack, Hughie, Jims và Pasty, còn ông ấy chỉ là Ralph thôi.

– Đừng hỗn, Justine! Sao thế, cháu tự dưng lại bỗng quên phép tắc lịch sự rồi ư? – Fee hỏi một cách nghiêm khắc.

– Không có gì ghê gớm Fee ạ. Thực tế mà nói, tôi chỉ dễ chịu

hơn nhiều nếu mọi người chỉ gọi tôi là Ralph thôi. – Hồng y de Bricassart vội xen vào. Tại sao nó lập tức không ưa ông, con bé kỳ lạ này?

– Con không thể làm thế được! – Dane kêu lên. – Con không thể gọi đức cha chỉ là Ralph!

Hồng y đi ngang qua phòng, đặt hai tay lên đôi vai trần rám nắng, mỉm cười, từ trên nhìn xuống thằng bé trong căn phòng râm bóng đôi mắt xanh của ông có vẻ rất sáng và rất hiền từ.

– Cố nhiên là có thể được, Dane ạ, chẳng có gì là tội lỗi.

– Đi đi, Dane, chúng ta cần trở lại căn nhà nhỏ của chúng ta. – Justine nói.

Hồng y Ralph và con trai ông quay về phía Fiona cùng nhìn bà.

– Ôi! Lạy chúa lòng lành. Fee nói. – Đi đi, Dane chạy ra vườn mà chơi, nghe thấy chứ? – Bà vỗ hai tay vào nhau, – Đi!

Thằng bé ba chân bốn cẳng chạy đi, còn Fee sốt ruột nhìn những quyển sổ quyết toán của mình. Ralph thấy thương bà, và ông nói rằng ông sẽ xuống bếp. Drogheda ít thay đổi biết bao! Trong nhà rõ ràng là cho đến giờ vẫn không mắc điện. Và vẫn như trước, sức nức mùi sáp nến và mùi hoa hồng cắm ở khắp mọi chỗ trong những lọ lớn.

Ralph ngồi lâu ở bếp, nói chuyện với Mrs. Smith. Minnie và Cat. Cả ba đều già đi trong những năm ấy, nhưng không hiểu sao tuổi già lại hợp với họ hơn là với Fee, hiển nhiên là họ hạnh phúc. Đúng, tất cả vấn đề là ở đây. Họ hạnh phúc thực sự, hầu như không chút bận lòng. Tội nghiệp Fee, bà tuyệt nhiên không hạnh phúc và ông khao khát mau mau gặp Meggie: Nàng thế nào, có hạnh phúc không?

Nhưng lúc ông ra khỏi bếp, Meggie vẫn chưa về, và để giết thời giờ, ông thong thả đi ra sông. Cái nghĩa trang lâu đời của Drogheda tĩnh mịch, bình an biết bao, trên tường hầm mộ sáu tám biển đồng đen, vẫn những tấm biển nhiều năm trước. Mong rằng ông cũng sẽ được mai táng ở đây, đừng quên căn dặn điều ấy khi ông trở về La Mã. Kìa cách hầm mộ không xa đã xuất hiện thêm hai nấm mộ nữa, ông già làm vườn Tom đã qua đời, thêm nữa là vợ của một người chần cừu vẫn làm ở Drogheda từ 1946 đến nay. Một thời hạn không nhỏ, một loại kỷ lục. Theo ý kiến của Mrs. Smith, người chần cừu này không đi nơi khác vì mộ vợ anh ta ở đây. Còn chiếc ô có những chiếc chuông trên mộ người Tàu nấu bếp thì qua nhiều năm dài đã bạc hẳn đi dưới ánh nắng dữ dội của nước Úc. Ông còn nhớ, chiếc ô rất lộng lẫy, đỏ rực, nhưng dần dần bạc đi, đổi màu, và bây giờ nó bọt hẳn đi, hơi hồng hồng, gần như màu tro của hoa hồng. Meggie, Meggie. Sau lần gặp ta, em vẫn cứ trở lại với anh ta và sinh cho anh ta một đứa con trai.

Nóng nực hết sức, kể có một hơi gió là những cành thùy liễu trên bờ lay động, nhưng những cái chuông nhỏ xíu bằng sắt tây trên chiếc ô Tàu ngân lên lạnh lạnh hát bài ca đau xót của mình: Hee Sing, Hee Sing, Hee Sing – “Charlie ở Tankstand là một chàng trai tốt”. Hàng chữ bia mộ ấy cũng đã bọt đi, hầu như không còn đọc được nữa. Kể thì cũng phải thôi. Các nghĩa trang phải chìm trở lại vào lòng mẹ đất, sống với thời gian sẽ dần dần cuốn xuống vực xoáy cái phần nặng nề của con người và cuối cùng mọi dấu vết sẽ biến mất, sẽ chỉ còn có gió còn nhớ và hơi thở dài. Không, ông không muốn sau khi chết sẽ nằm trong một cái lăng nào đó ở Vatican, giữa những người cũng như ông. Hãy

để ông được mai táng ở đây, giữa những người sống cuộc sống thực sự.

Ông quay lại và bắt gặp cái nhìn mờ đục của đấng thiên thần bằng cẩm thạch. Ralph niềm nở vẫy tay với ông ta. Rồi ông nhìn về phía Nhà Lớn. Kia rồi, nàng đang đi trên đồng cỏ về phía ông, Meggie. Thân hình thanh mảnh, tóc vàng óng, mặc quần ống bó và sơ mi nam màu trắng, cũng như chiếc sơ mi ông đang mặc, chiếc mũ phớt đàn ông màu xám hắt ra sau gáy, chân đi ủng màu nâu nhạt. Nàng giống một thằng bé, giống con trai nàng, thằng bé đáng ra phải là con trai ông. Ông là một người đàn ông, nhưng khi chết ông cũng sẽ được vùi trong đất này, ông sẽ không để lại một sinh vật nào làm bằng chứng về ông.

Nàng tới gần, bước qua bức tường vây thấp màu trắng, tới gần đến mức ông không nhìn thấy gì nữa: chỉ còn thấy đôi mắt nàng, đôi mắt màu xám, đầy ánh sáng, vẫn đẹp như thế, vẫn có uy lực như thế đối với trái tim ông. Hai tay nàng quấn lấy cổ ông, ông lại đụng chạm với số phận của mình, dường như ông chưa bao giờ chia lìa nó, dưới môi ông – không phải trong mơ mà là thực tại, – lại là cặp môi ấm áp, sống động của nàng, đã từ lâu ông khao khát mãi điều này. Ông lại chịu phép ban các bí tích, một phép ban lễ khác hẳn, tối tăm như đất, không có gì dính dáng đến các tầng trời.

– Meggie, Meggie. – Ông nói, vẫn giữ nàng trong vòng tay, vùi mặt vào tóc nàng, chiếc mũ rộng vành của nàng rơi xuống cổ.

– Có lẽ mọi cái khác đều không đáng kể, phải không? – Nàng nói, mắt nhắm lại. – Chẳng có gì thay đổi, tất cả vẫn như cũ.

– Phải, chẳng có gì thay đổi. – Chính ông cũng tin như vậy.

– Mình đang ở Drogheda, Ralph ạ, hãy nhớ rằng Drogheda mình không phải là của Chúa, ở đây mình là của em.

– Có, tôi biết. Tôi chấp thuận. Nhưng tôi đã đến đây. – Ông ngồi xuống cỏ, kéo nàng ngồi xuống bên cạnh. – Tại sao thế, Meggie, tại sao?

– Tại sao cái gì kia? Nàng vuốt tóc ông, mái tóc vẫn dày và đẹp như trước, có điều bây giờ sợi bạc nhiều hơn tóc Fiona.

– Tại sao em trở lại với Luke? Và sinh cho anh ta một đứa con trai? – Ông hỏi với giọng ghen tuông.

Tâm hồn nàng nhìn ông qua hai chiếc gương màu xám sáng ngời, nhưng chúng không tiết lộ những ý nghĩ của nàng.

– Anh ấy ép em. – Meggie nói dịu dàng. – Chỉ có một lần thôi. Nhưng em không tiếc, vì bây giờ em có Dane. Dane đáng giá với tất cả những gì mà em đã phải chịu đựng vì nó.

– Xin lỗi, tôi không có quyền hỏi. Thì ngay từ đầu tôi đã nhường em cho Luke phải không?

– Vâng, đúng thế, mình đã nhường.

– Thằng bé tuyệt diệu. Giống Luke lắm phải không?

Meggie mỉm cười ngấm ngầm, bứt một cọng cỏ, rồi đưa tay sờ vào ngực Ralph dưới áo sơ mi.

– Không đâu, không giống lắm. Các con em không giống em, cũng chẳng giống Luke lắm.

– Cả hai đều rất dễ thương, vì chúng là con của em.

– Mình vẫn đa cảm như thế. Năm tháng làm mình đẹp lên, Ralph ạ. Em vẫn biết là sẽ như thế, em hy vọng nhìn thấy mình như thế. Em biết mình đã ba mươi năm nay! Vậy mà dường như

mới có ba mươi ngày.

– Ba mươi năm? Lâu đến thế ư?

– Đúng, chẳng làm thế nào được, anh yêu ạ, thì em đã bốn mươi mốt rồi kia mà. – Meggie đứng lên. – Em được sai đi mời anh vào nhà, Mrs. Smith mở một bữa trà sang trọng chào mừng anh, rồi khi khí trời mát hơn, chúng ta sẽ được ăn món đùi lợn rán ngon tuyệt với vô số tốp mỡ.

Ralph chậm rãi đi với nàng về nhà.

– Con trai em hệt như em, Meggie ạ. Tiếng cười của nó là cái tôi nghe thấy trước tiên ở đây, ở Drogheda. Tôi tưởng là em cười, tôi đi tìm, nhưng không phải là em mà là con trai em.

– Vậy ra nó là người đầu tiên mình gặp ở Drogheda?

– Đúng, hiển nhiên là thế.

– Mình có thể nói gì về nó, Ralph? – Meggie hỏi với vẻ nôn nóng háo hức.

– Tôi rất thích nó. Làm sao có thể khác được? Vì nó là con trai em kia mà! Nhưng tôi ưa nó ngay, ưa hơn con gái em nhiều. Với lại con gái em nó cũng không ưa tôi.

– Ô, Justine tuy là con gái em, nhưng là một đứa cực kỳ khả ố. Về già em đã học được thói mắng chửi, chủ yếu là do nó. Và một phần là do mình. Một phần nữa do Luke. Một phần do chiến tranh. Kỳ lạ thật, tất cả móc nối vào nhau.

– Em thay đổi nhiều lắm, Meggie ạ.

– Thật ư? Cặp môi mọng mềm mại rung rung trong một nụ cười. – Không, em không nghĩ thế.

Chẳng qua Đất lớn Tây bắc đã hành em tới bởi, tất cả những gì

thừa đã bay hết như bảy lớp voan của Salome^[102]. Hay như lớp vỏ hành, Justine thì chắc sẽ diễn tả như thế. Con bé này không thừa nhận thứ thi ca nào hết. Không, Ralph ạ, em vẫn là Meggie trước đây, có điều là thẳng thắn hơn.

– Có thể.

– Nhưng mình quả thực đã đổi khác, Ralph ạ.

– Đổi khác thế nào kia, Meggie của tôi?

– Tựa như mình đã ngự trên bệ cao, còn cái bệ chung chiêng trước mỗi làn gió nhẹ, và từ trên tầm cao như thế nhìn xuống, mình thất vọng.

– Chính thế. – Ralph cười không thành tiếng. – Vậy mà hồi trước tôi bộp chộp tuyên bố rằng em là người phụ nữ hết sức bình thường! Tôi xin rút lại lời tôi đã nói. Em là người duy nhất trên đời, Meggie ạ! Người duy nhất và có một không hai!

– Có chuyện gì xảy ra vậy?

– Tôi không biết, có lẽ tôi đã khám phá ra rằng nhà thờ thiêng liêng là người khổng lồ chân bằng đất sét chẳng? Có lẽ tôi đã bán mình vì món xúp đậu chẳng? Tôi theo đuổi những cái hào huyền chẳng? – Ông nhíu đôi lông mày, nhăn mặt, như đau đớn. – Có lẽ tất cả thực chất là ở đấy. Bản thân tôi chỉ là một tập hợp những câu sáo mòn. Đấy là lỗi của Vatican, ở đấy mọi cái đều trở nên chai lưng và già lão, ở đấy không có sự sống.

– Còn em là con người thực, sống động, nhưng mình không hiểu được điều đó.

– Nhưng hãy tin tôi, tôi không thể làm khác được. Tôi biết nên chọn con đường nào, nhưng tôi không thể đi con đường ấy. Với em, chắc hẳn tôi sẽ trở nên khá hơn xét về mặt là con người, tuy

sẽ không lên cao được đến thế. Nhưng quả tình là tôi không thể khác được, Meggie ạ, không thể được! Làm thế nào cắt nghĩa cho em hiểu được kia chứ.

Nàng âu yếm xoa vuốt cánh tay trần đến khuỷu của ông.

– Ralph, mình thân yêu, em hiểu. Em biết, em biết hết... trong mỗi chúng ta đều có một cái gì mà dù có gào khóc thế nào đi nữa ta cũng không vượt qua được nó. Chúng ta là như thế, và không làm thế nào được. Mình ạ, như con chim nọ trong một truyền thuyết cổ tích của dân tộc Celtic: lao ngực vào chiếc gai của bụi mận, và khi trái tim bị xuyên thủng thì cất tiếng hót và chết dần. Nó không thể làm khác đi được, số phận nó là như thế. Cho dù chính ta biết rằng ta sảy chân, thậm chí biết được khi ta đi bước đầu tiên thì điều đó cũng không ngăn giữ được gì, không thể thay đổi được gì, phải không nào? Mỗi người hát bài ca của mình và tin chắc rằng chưa bao giờ thế gian nghe thấy bài nào hay hơn. Chẳng lẽ mình không hiểu sao? Chính chúng ta tự tạo ra cho mình những chiếc gai nhọn và thậm chí không nghĩ đến việc ta sẽ phải trả một giá như thế nào. Rồi sau chỉ còn có việc chịu đựng và tự nhủ rằng ta đau khổ không phải là vô ích.

– Chính đấy là điều tôi không hiểu. Nỗi đau khổ. – Ông hạ mắt xuống nhìn bàn tay nhỏ nhắn đang vuốt ve tay ông rất đổi triu mến, điều đó khiến ông đau đớn khôn tả. – Để làm gì, những đau khổ ấy, hả Meggie?

– Hãy hỏi Chúa trời, Ralph ạ. – Meggie nói. – Ông ấy rất thông thạo về khoản những đau khổ, phải thế không. Thì ông ấy tạo ra chúng ta như thế mà. Ông ấy sáng tạo ra thế gian của chúng ta. Thành thử ông ấy sáng tạo ra cả những đau khổ.

* * *

Hôm ấy là thứ bảy, vì vậy Bob, Jack, Hughie, Jims và Pasty tập trung về cùng ăn bữa tối. Sáng hôm sau cha Watty phải tới làm lễ Missa, nhưng Bob gọi điện cho ông, nói rằng sẽ không có ai ở nhà. Lời nói dối vô hại về việc Đức Hồng y về đây không loang ra. Qua nhiều năm, năm anh em trai nhà Cleary trở nên giống Paddy hơn trước: ít lời, cứng cỏi và dẻo dai như bản thân đất đai. Mà họ yêu Dane biết chừng nào! Họ không rời mắt khỏi nó, thậm chí đưa mắt nhìn theo nó đến tận cửa khi nó đi ngủ. Nom thấy ngay là họ chỉ mơ ước nó lớn lên và cùng họ lo liệu việc làm ăn ở Drogheda.

Hồng y Ralph cũng đã hiểu tại sao Justine nhìn ông bằng con mắt thù địch như thế. Dane hết lòng say mê ông, đón bắt từng lời của ông, không rời ông lấy một bước, con chị ghen, có thể thôi.

Khi bọn trẻ đã lên gác, Ralph đưa mắt nhìn tất cả những người còn lại: năm anh em trai, Meggie, Fiona.

– Hãy gác giấy tờ của bà lại một lát, bà Fee. – Ông nói. – Lại đây ngồi với chúng tôi một chút. Tôi muốn nói với cả nhà một câu chuyện.

Fee đi đứng vẫn thẳng người, bà vẫn giữ được cả phong thái lẫn hình dáng, có điều ngực không còn cao như trước, eo lưng không còn thon lắm nữa – bà không xò ra, nhưng tuổi tác đã có ảnh hưởng. Bà lẳng lẳng ngồi vào ghế bành sâu bọc vải màu cream, đối diện với Hồng y, Meggie ngồi bên cạnh, mấy anh em trai ngồi ngay đấy, vai kề vai, trên chiếc ghế dài bằng đá cẩm thạch.

– Chuyện này liên can đến Frank.

Cái tên ấy lơ lửng trong không khí trên đầu họ, đấy là tiếng vang từ xa dội đến.

– Cái gì liên can đến Frank? – Fee điềm tĩnh hỏi.

Meggie đặt món đồ đan xuống đùi, nhìn mẹ, rồi nhìn Hồng y.

Không còn có thể chịu đựng nỗi sự bình thản đó thêm một phút nào nữa.

– Cha nói đi, cha Ralph. – Nàng vội vã hỏi.

– Frank ở trong tù đã ngót ba mươi năm nay, mọi người hiểu như thế là thế nào chứ? – de Bricassart nói. – Tôi biết, những người phụ tá của tôi đã báo cho nhà ta biết về Frank, như đã thỏa thuận, nhưng tôi yêu cầu họ không làm cho gia đình ta thêm buồn vô ích. Thực tình, tôi không thấy có ích lợi gì cho Frank hay cho nhà ta, nếu gia đình biết hết mọi chi tiết đau lòng về việc Frank sống buồn tẻ và cô đơn như thế nào, vì không một ai trong chúng ta giúp được gì cho Frank. Tôi cứ tưởng Frank có thể được tha từ mấy năm trước, nhưng trong những năm đầu ở nhà tù Goulburn, Frank đã có thừa tiếng xấu, cậu ấy quá hung hăng, bất kham. Ngay cả trong thời gian chiến tranh, một số tù được tha để cho ra mặt trận, Frank đáng thương vẫn không được hưởng sự khoan hồng đó.

Fee ngẩng đầu lên:

– Tính nó như thế. – Bà nói, vẫn điềm tĩnh như trước.

Ralph im lặng, dường như không biết nói tiếp ra sao, và trong lúc ông tìm lời, mọi người nhìn ông với tâm trạng sợ hãi và hy vọng, nhưng không phải họ lo cho Frank.

– Hẳn là mọi người trong gia đình ta băn khoăn về việc cái gì đã khiến cho tôi về Úc sau ngần ấy năm. – Cuối cùng Hồng y nói, không nhìn Meggie. – Tôi biết, không phải bao giờ tôi cũng quan tâm đúng mức đến đời sống của gia đình ta. Ngay từ những ngày đầu tiên tôi quen biết gia đình ta, tôi nghĩ về mình nhiều hơn, trước hết là về mình. Khi để thưởng công tôi đã ra sức phụng sự lợi ích của nhà thờ, Đức Thánh Cha ban cho tôi bộ đạo phục Hồng y, tôi tự hỏi tôi có thể làm gì cho gia đình Cleary, làm gì để chứng tỏ rằng tôi chăm lo đến số phận của họ. – Ralph nghĩ lấy hơi, mắt ông không chú mục vào Meggie, mà vào Fiona. – Tôi trở về Úc để làm tất cả những gì trong phạm vi khả năng của tôi vì Frank. Bà Fee, bà có nhớ tôi đã nói gì với bà khi Paddy và Stuart qua đời không? Hai mươi năm rồi mà tôi vẫn không thể nào quên được cặp mắt bà khi ấy. Một tâm hồn đầy sức sống, một sức mạnh tinh thần mãnh liệt đã bị huỷ diệt.

– Đúng, – Bob buột thốt lên, nhìn không dứt vào mặt mẹ. – Điều đó đúng.

– Hiện giờ đã có thỏa thuận là Frank sẽ được tha. – de Bricassart nói. – Chỉ bằng cách ấy tôi mới có thể chứng minh với gia đình ta là tôi quan tâm đến tất cả mọi việc như thế nào.

Nếu như ông hy vọng rằng trong cái bóng tối mà Fee đã chìm vào nhiều năm ròng, sẽ lập tức bùng lên ánh sáng chói lòa thì ông sẽ thất vọng: thoát tiên chỉ nhấp nháy một tia lửa yếu ớt, có lẽ dưới sức đè ép của quầng đời đã qua, bà chưa bao giờ thực sự bùng cháy. Nhưng mắt các con trai bà ngời lên ánh sáng huy hoàng không gì kìm nén được đến nỗi Ralph hiểu rằng ông không phải là phí hoài. Ông chưa hề trải qua tình cảm gì như thế từ hồi chiến tranh, kể từ khi ông nói chuyện suốt đêm với người lính

Đức trẻ tuổi có cái tên rất kêu.

– Cám ơn ông. – Fee nói.

– Nếu Frank trở về thì gia đình chấp nhận chứ? – Ralph hỏi các anh em trai nhà Cleary.

– Nhà anh ấy ở đây, anh ấy còn ở đâu được nữa? – Bob nói, như nói về một điều đương nhiên.

Mọi người gật đầu đồng ý, riêng có Fee mãi miết với điều gì mà chỉ mình bà nhìn thấy.

– Frank đã trở nên khác hẳn. – Ralph nói một cách mềm mỏng, – Trước khi đến đây tôi đã đến Goulburn, nói với anh ấy rằng anh ấy sẽ được tha và tỏ cho biết rằng ở Drogheda từ lâu mọi người đã biết anh ấy ở đâu và tại sao. Anh ấy không phẫn nộ, không buồn, điều đó chứng tỏ anh ấy đã đổi khác nhiều lắm. Anh ấy chỉ tỏ ra... biết ơn. Anh ấy rất muốn gặp tất cả mọi người trong gia đình, đặc biệt là bà, bà Fee ạ.

– Khi nào anh ấy được tha? – Bob hỏi và hăng giọng. Rõ ràng là anh vừa mừng cho mẹ, vừa e ngại rằng việc Frank trở về sẽ đem lại cho họ điều gì chưa rõ.

– Một hay hai tuần nữa. Anh ấy sẽ về bằng chuyến tàu bưu điện buổi chiều. Tôi đề nghị đi máy bay, nhưng anh ấy nói rằng thích đi tàu hỏa hơn.

– Tôi với Pasty sẽ đi đón. – Jims hăm hờ nhận việc nhưng lại thất vọng nói thêm. – Ôi, chúng tôi không biết mặt anh ấy!

– Không, chính tôi sẽ đi đón nó. – Fee nói. – Tôi đi một mình. – Tôi chưa già lão đến nỗi hoàn toàn không thể lái ô tô đến Gilly.

– Mẹ làm thế là đúng. – Meggie kiên quyết can thiệp, ngắt lời mấy anh em trai định đồng thanh phản đối. – Để mẹ một mình đi

đón anh ấy. Mẹ phải là người đầu tiên gặp anh ấy.

– Thôi, tôi cần làm việc thêm chút nữa. – Fee nhăn nhó nói, đứng lên và tới gần bàn viết.

Năm anh em trai như một cùng đứng lên. Bob ngáp dài.

– Tôi cho rằng chúng ta đến lúc đi ngủ rồi. – Anh nói. Rồi bẽn lẽn mỉm cười với Ralph. – Buổi sáng cha sẽ làm lễ Missa, chúng tôi sẽ xem lễ, như hồi xưa.

Meggie xếp món đồ đan lại, đứng lên.

– Tôi cũng đi ngủ đây, cha Ralph ạ. Chúc ngủ ngon.

– Chúc ngủ ngon, Meggie. – Ông nhìn theo nàng, rồi quay về phía Fiona đã lúi húi trên bàn viết. – Chúc bà ngủ ngon, Fee.

– Sao? Ông nói với tôi à? Xin lỗi, tôi không nghe thấy.

– Tôi nói là chúc bà ngủ ngon.

– À. Chúc ông ngủ ngon, ông Ralph.

Ông không muốn lên gác theo Meggie ngay.

– Có lẽ tôi sẽ đi dạo một lúc trước khi đi ngủ. Bà có biết thế nào không, bà Fee?

– Sao kia? – Fee buông một tiếng lơ đãng.

– Bà không một giây phút nào đánh lừa được tôi đâu.

Fee phì một tiếng khinh miệt, tiếng cười gọn lỏn ấy nghe hơi đáng sợ.

– Thế ư? Tôi không biết, không biết.

Khuya rồi, bầu trời đầy sao. Những ngôi sao phương nam vẫn đi con đường của chúng ở trên cao. Ông luôn luôn đánh mất những ngôi sao ấy, còn chúng vẫn thế, quá xa vời, chúng không tỏa hơi ấm, không thể với tới được, chúng không an ủi. Chúng gần

Chúa hơn, Chúa lẫn giữa các vì sao như một đám mây hơi nước nhỏ bé không thể nắm bắt được. Ralph ngửa đầu đứng dưới các vì sao, nghe tiếng gió thì thầm trong lá cây, mỉm cười.

Ông không muốn đi qua chỗ Fiona, và ông lên cầu thang ở mé đằng kia nhà. Cây đèn của bà vẫn cháy sáng, một hình bóng thẫm màu vẫn lúi húi trên bàn viết, bà vẫn làm việc. Tội nghiệp Fee. Hẳn là bây giờ bà rất sợ phải nằm vào giường, nhưng có lẽ khi Frank đã ở nhà, bà sẽ nhẹ nhõm hơn. Có lẽ...

Ở trên gác, cái im lặng sâu thẳm làm Ralph ù tai, đối với những người chột có ý định đi lang thang giữa đêm hôm thì đã có cây đèn dầu hỏa nhỏ bé cháy sáng trên chiếc bàn con cạnh cửa sổ... làn gió đêm nhẹ nhàng lọt vào cửa sổ, làm cho những rèm cửa căng lên như cánh buồm, và ngọn lửa yếu ớt rung rinh dưới chao đèn pha lê. Ralph đi qua, dưới chân là tấm thảm dày, không nghe thấy tiếng bước chân.

Cửa buồng Meggie mở toang, ánh sáng từ trong buồng lọt ra cả hành lang. Ralph đứng một lúc ở ngưỡng cửa, che lấp ánh sáng, rồi bước vào buồng, đóng cửa lại. Meggie mặc chiếc áo choàng rộng rãi ngồi bên cửa sổ, nhìn vào bóng tối, nhưng lập tức quay đầu lại, nhìn ông bước vào và ngồi xuống mép giường.

– Để em giúp mình tháo ủng. Đây là duyên do vì sao em không bao giờ đi ủng cao. Em không thể tự cởi lấy nếu không dùng cái nong gót, mà dùng nong gót thì ủng tốt sẽ hỏng.

– Em cố ý mặc màu này ư, Meggie?

– Tro của hoa hồng phải không? – Nàng mỉm cười. – Đây bao giờ cũng là màu em ưa thích. Nó hợp với màu tóc em.

Ông tì vào vai nàng, nàng kéo chiếc ủng ở chân ông, rồi chiếc

kia.

– Vậy em tin chắc là tôi sẽ đến với em ư, Meggie?

– Em đã nói với mình rồi. Ở Drogheda mình là của em. Nếu mình không đến thì hãy tin chắc rằng em sẽ tự đến với mình.

Meggie cởi chiếc sơ mi chui cổ cho Ralph, trong giây lát bàn tay nàng đặt trên lưng ông với niềm khoái cảm tình dục, rồi nàng đi tắt đèn, còn Ralph vắt bộ áo quần của mình lên lưng ghế. Ông nghe thấy tiếng cử động của nàng trong bóng tối, tiếng loạt soạt của chiếc áo choàng cởi ra. Sáng mai ta sẽ làm lễ Missa. Nhưng đến sáng mai còn xa, và trong việc làm lễ từ lâu đã không còn sự thần diệu nữa. Còn lúc này chỉ có đêm tối và Meggie. Người yêu hằng mong ước. Đây cũng là lễ ban thánh thể thiêng liêng.

* * *

Dane thất vọng.

– Con cứ nghĩ rằng cha sẽ mặc bộ áo chùng đỏ! – Thằng bé nói.

– Đôi khi ta cũng mặc áo đỏ, Dane ạ, nhưng chỉ khi ta làm lễ Missa ở cung điện mà thôi. Còn khi không ở Vatican thì ta mặc áo chùng đen và chỉ thắt lưng đỏ như hiện nay.

– Chỗ cha ở là cung điện thực sự?

– Đúng.

– Thế ở đấy chỗ nào cũng thấp nển chứ ạ?

– Ừ, nhưng ở Drogheda cũng thấp nển đấy thôi.

– Ôi chà, ở Drogheda. – Dane lặp lại với vẻ bất bình. – Cố nhiên

nền của nhà con còn xơi mới bì được với những cây nền ấy. Ước gì con được thấy cung điện của cha và cha mặc bộ áo đỏ.

Hồng y de Bricassart mỉm cười.

– Biết đâu đấy. Dane ạ, có thể rồi có khi con sẽ được nhìn thấy.

Trong mắt thẳng bé này ẩn náu một vẻ gì kỳ lạ như thể nó từ một nơi nào xa xăm nhìn về. Quay về phía người nghe trong thời gian làm lễ Missa, Ralph nhận thấy vẻ biểu hiện ấy càng trở nên rõ rệt hơn, nhưng ông không nhận ra nó, chỉ cảm thấy một cái gì rất quen. Không một người nào trên đời, dù là nam hay nữ, nhìn thấy mình trong gương đúng như mình trong thực tế.

* * *

Sắp tới lễ giáng sinh, ở Drogheda, cũng như mọi lễ giáng sinh khác, người ta chờ Luddie và Anne Mueller về chơi. Trong nhà mọi người chuẩn bị mừng lễ một cách vô tư và vui vẻ chưa từng thấy trong nhiều năm nay. Minnie và Cat vừa làm vừa lẩm nhẩm hát nghe khá chối tai, bộ mặt múp míp của Mrs. Smith chốc chốc lại nhòe đi trong một nụ cười, Meggie thầm lặng giao phó Dane cho Ralph, ngay cả Fee dường như cũng trở nên vui nẻ, không ngồi miết bên bàn viết như bị đóng đinh nữa. Bây giờ cánh nam giới tìm bất cứ cơ gì để ngủ đêm ở nhà, vì buổi tối, sau bữa ăn muộn, trong phòng không ngớt tiếng chuyện trò sôi nổi, và mặc dù đêm hôm, Mrs. Smith vui lòng thiết họ bánh mì rán và pho mát, bánh mì dẹt tấm bơ nóng hổi và bánh sữa với nho khô. Ralph phản đối – người ta cho ông ăn quá no, không khéo thì phát phì ra mất, – nhưng trong ba ngày đầu tiên, bản thân không

khí ở Drogheda, những bữa ăn thịnh soạn và người ở đây đã làm ông biến đổi hẳn, ông không còn kiệt quệ và phờ phạc như lúc mới đến nữa.

Ngày thứ tư là một ngày rất nóng. Ralph với Dane đi lùa một trong các đàn cừ từ bãi chăn về, Justine rầu rĩ, lẩn đi một mình trong chỗ trú ẩn dưới cây hồ tiêu, còn Meggie nằm nghỉ ở hàng hiên. Nàng nhọc lử, cả cơ thể và tâm hồn tràn ngập một cảm giác lâng lâng khoan khoái. Phụ nữ có thể hàng năm không có cái đó cũng vẫn thoải mái, nhưng thật tuyệt diệu khi bên cạnh mình là người đàn ông ấy, người duy nhất. Trong những giờ Ralph ở cạnh nàng, toàn bộ bản thể nàng sống trong trạng thái rộn ràng xao xuyến, chỉ riêng có phần của nàng thuộc về Dane là không bị đụng chạm đến, nhưng khổ một nỗi, khi Dane ở bên nàng, toàn bộ bản thể nàng sống trong rộn ràng xao xuyến, trừ phần thuộc về Ralph. Chỉ khi cả hai cùng ở bên nàng như lúc này đây, nàng mới thực sự sống cuộc sống đầy đủ. Kể thì cũng rất dễ hiểu thôi. Dane là con trai nàng, nhưng Ralph là người tình của nàng.

Duy có một bóng đen làm u tối hạnh phúc của nàng: Ralph chẳng hiểu gì cả. Và nàng im lặng, không muốn tiết lộ điều bí mật. Nếu ông ấy không tự nhìn thấy thì nói với ông ấy làm gì? Ông ấy có gì đáng được biết điều đó? Làm sao ông ấy có thể tưởng tượng dù chỉ trong phút chốc tuồng như nàng tự nguyện trở về với Luke hồi ấy? Không, cái giọt ấy làm tràn đầy chén nước. Ông ấy không đáng được nàng cho biết sự thật, nếu như ông ấy có thể nghĩ như thế về nàng. Có những lúc nàng cảm thấy cái nhìn giễu cợt của mẹ chiếu vào mình, nhưng để đáp lại, nàng nhìn vào đôi mắt sáng hơi bọt màu ấy với vẻ thách thức bình tĩnh. Fee hiểu rằng Meggie hiểu biết. Bà hiểu rằng trong toàn bộ thái độ đó có

một phần căm thù, hờn giận, ý muốn trừng phạt vì những năm dài cô đơn. Cái ông Ralph de Bricassart này suốt đời theo đuổi những cái hão huyền, đuổi theo cái cầu vòng rực rỡ, săn đuổi mặt trăng trên trời, vậy mà lại tặng cho ông ta món quà đẹp nhất, rạng rỡ nhất là đứa con trai sao? Vì lẽ gì? Cứ mặc cho ông ta vẫn là kẻ ăn mày. Cứ mặc cho ông ta thậm chí không biết rằng sự mất mát của ông ta cay đắng biết chừng nào.

Tiếng chuông điện thoại vang lên – tín hiệu qui ước gọi Drogheda. Meggie uể oải lắng nghe, rồi chợt nhớ ra rằng có lẽ mẹ không ở gần đây, nàng miễn cưỡng đứng lên và đến gần.

– Làm ơn cho gặp Mrs. Fiona Cleary, – Một giọng đàn ông hỏi.

Meggie gọi mẹ, và Fiona cầm lấy ống điện thoại.

– Fiona Cleary nghe đây. – Bà nói và đứng nghe một hai phút, máu chậm chạp dồn khỏi khuôn mặt bà, mặt bà như choắt đi, nom bất lực như những ngày xa xôi sau khi Paddy và Stuart chết.
– Cám ơn ông. – Bà nói và treo ống điện thoại.

– Chuyện gì thế, hả mẹ?

– Frank được tha rồi. Hôm nay anh ấy về bằng chuyến tàu bưu điện đêm của Sydney. – Fee nhìn đồng hồ. – Đã hơn hai giờ rồi, mẹ sắp phải đi đây.

– Con sẽ đi với mẹ. – Meggie đề nghị, khi nàng hạnh phúc, thấy mẹ buồn phiền nàng không thể chịu đựng nổi: mà cuộc gặp gỡ này chắc không chỉ đem đến cho mẹ niềm vui.

– Không, Meggie ạ, mẹ sẽ tự giải quyết lấy. Con ở lại trông nhà, chờ mẹ và anh về ăn bữa tối.

– Anh Frank về đúng dịp lễ giáng sinh, thật là tuyệt vời, mẹ nhỉ?

– Đúng – Fee nói. – Tuyệt vời.

* * *

Bây giờ ít ai đi chuyến tàu bưu điện ban đêm, nếu có thể đáp máy bay, và khi chuyến tàu hì hụi vượt sáu chục dặm từ Sydney đến Gilly, đến các ga hẻo lánh và ga xếp lại cho xuống mỗi nơi mấy hành khách, phần lớn là đi toa hạng hai, thì trong tàu hầu như không còn ai.

Trưởng ga có quen sơ sơ Mrs. Cleary, nhưng không hề có ý định bắt chuyện trước với bà. Ông chỉ từ xa nhìn bà bước lên những bậc thang gỗ xuống khỏi cái cầu bắc qua phía trên đường và đứng ngây ra một cách bơ vơ trên sân ga. Không trẻ nhưng trang nhã, ông nghĩ, bộ áo váy và mũ hợp thời trang, giày cao gót. Fiona còn cân đối, mặt ít nếp nhăn so với tuổi, thì đấy là một bà chủ trại giàu có mà, bà ta sống nhàn nhã, được sống nhàn nhã thì phụ nữ không già đi.

Chính vì thế mà nhìn mặt, Frank nhận ra mẹ nhanh hơn mẹ nhận ra anh, tuy bà tức khắc nhận ra anh bằng trái tim. Frank đã năm mươi hai, cả thời kỳ tuổi trẻ trôi đi và suốt những năm trưởng thành, anh sống xa nhà. Giờ đây anh đứng dưới vàng mặt trời Gillanbone chói rục, anh rất nhợt nhạt và gầy, gầy như gầy giờ xương, tóc thưa đi nhiều, trán hói, bộ comle rộng thùng thình trên tấm thân gầy đét mà mặc dù tầm vóc nhỏ, vẫn còn đoán ra được là nó có sức mạnh, hai bàn tay đẹp, ngón dài nắm chặt vành chiếc mũ phớt màu xám. Anh không cồng lừng và nom không ốm o, nhưng anh đứng đấy, hai tay xoay chiếc mũ một cách bất lực

và rõ ràng không ngờ là có người ra đón và không biết làm gì nữa.

Fee, dè dặt, điềm tĩnh, đi nhanh trên sân ga:

– Chào con, Frank.

Anh ngược mắt lên, cặp mắt xưa kia lấp lóe ánh lửa sống động nồng nhiệt. Bây giờ trên khuôn mặt đã già đi là cặp mắt khác hẳn. Cặp mắt đã tắt ánh sáng, ngoan ngoãn, mệt mỏi vô hạn. Cặp mắt ấy nhìn chăm chăm vào Fiona, và cái nhìn ấy thật kỳ lạ – đau khổ, bất lực, đầy cầu khẩn, như cái nhìn của người sắp chết.

– Ôi, Frank! – Fiona ôm lấy con, ghì đầu con trai vào vai mình, đu đưa như ru con nhỏ. – Ồ, không sao, không sao. – Bà nói càng khê hơn, triu mến hơn. – Không sao.

Thoạt đầu, ngồi trong xe, anh im lặng, ảo não, nhưng chiếc “Rolls Royce” tăng tốc, ra khỏi thành phố và Frank đã bắt đầu thích thú nhìn ra cửa sổ.

– Nom bề ngoài ở đây tất cả vẫn như cũ – Anh lẩm bẩm.

– Hẳn là thế. Ở vùng ta thời gian trôi chậm chạp.

Xe đi trên chiếc cầu ván dẹt tiếng, vượt qua con sông nhỏ đục lờ thảm hại, sông đã cạn hẳn, giữa những vũng nước lớn màu nâu lộ ra lớp sỏi dưới đáy, đám rễ cây chằng chịt, thùy liễu nghiêng xuống bên bờ sông, xung quanh trên những khoảnh đất trống lờm chớm đá, sừng sững những cây khuynh diệp.

– Barwon. – Frank nói. – Con không hề nghĩ rằng sẽ có lúc con lại nhìn thấy nó.

Sau xe bốc lên một đám mây bụi, phía trước, trên đồng bằng cỏ mọc, không có lấy một cái cây, đường chạy ra xa thẳng tắp như kẻ bằng thước theo luật phối cảnh.

– Đây là con đường mới, hả mẹ? – Anh cố tìm những gì có thể nói để mọi việc có vẻ giản dị và tự nhiên.

– Ừ, con đường này chạy từ Gilly đến Milparinka, làm ngay sau chiến tranh.

– Giá như trái nhựa thì hơn, chứ thế này thì bụi bặm và bùn lầy như trên con đường làng cổ lỗ.

– Trái nhựa mà làm gì kia chứ? Ở đây chúng ta đã quen nuốt bụi, và con thử nghĩ xem, như vậy sẽ tốn kém bao nhiêu: làm một nền đường như thế để chống lại bùn lầy của chúng ta. Đường thẳng tắp, không chỗ nào vòng vèo, lên dốc xuống dốc thế nào thì để nguyên như thế, nó tránh cho ta mười ba cái cổng trong số hai mươi bảy cổng. Từ Gilly đến Ấp chính chỉ phải qua mười bốn cổng và bây giờ con sẽ thấy chúng ta xử trí thế nào với những cổng đó, Frank ạ. Bây giờ đến mỗi cổng không phải xuống xe, mở rồi lại đóng cổng.

Chiếc “Rolls Royce” vào đoạn dốc thoải thoải trước cái cổng thép và thông thả đi lên, xe chui qua dưới tấm màn kim loại và vừa đi khỏi mấy bước thì tấm màn lại hạ xuống.

– Tuyệt diệu, quả là tuyệt! – Frank nói.

– Chúng ta là những người đầu tiên trong toàn vùng đặt những cổng tự động, nhưng mới chỉ từ đường Milparinka tới Ấp chính thôi, cổng trên các bãi chăn hiện giờ vẫn phải mở và đóng bằng tay.

– Chắc là nhà sáng chế thông minh nọ chán ngấy cái cảnh mất thời giờ với những cái cổng thường nên mới nghĩ ra cổng tự động, phải không ạ? – Frank nhếch mép cười.

Đây là ánh sáng yếu ớt đầu tiên của sự hồi sinh, nhưng rồi anh

lại im bật, mẹ không muốn hối thúc anh và tiếp tục chăm chỉ lái xe. Họ đã vượt qua cái cổng cuối cùng, vào Ấp chính.

– Thế mà con đã quên hẳn là ở đây thú vị như thế nào! – Frank thốt lên ngạc nhiên.

– Đây là nhà ta. – Fee nói. – Chúng ta chăm sóc nó.

Bà đánh xe vào gara, rồi cùng với Frank trở lại nhà, anh mang vali của mình.

– Như thế nào tiện cho con hơn, Frank, con muốn ở một buồng trong Nhà Lớn hay ở riêng hẳn ra, trong một buồng dành cho khách? – Fee hỏi.

– Cám ơn mẹ, ở riêng hơn. – Frank ngược cặp mắt đã tắt ánh sáng lên. – Được ở riêng một mình thì thật dễ chịu. – Anh giải thích. Và không một lời nào nữa nhắc đến việc anh đã sống trong tù như thế nào.

– Đúng, mẹ cũng nghĩ rằng như vậy tốt cho con hơn, – Fee đồng ý, đi trước Frank vào phòng khách của mình. – Ở Nhà Lớn hiện giờ rất đông người: Hồng y giáo chủ về chơi, Dane và Justine nghỉ hè, ngày kia Luddie và Anne Mueller về nhân dịp lễ giáng sinh.

Fee kéo chuông – gọi đưa trà lên, – và bà thong thả đi trong phòng, thắp những cây đèn dầu hỏa.

– Mueller ư? – Frank hỏi lại.

Đúng lúc Fee đang vắn bấc, đang vắn dờ, bà quay lại nhìn con trai.

– Đã nhiều thời gian qua rồi, Frank ạ. Vợ chồng Mueller là bạn cũ của Meggie. – Bà vắn bấc cao lên và ngồi vào chiếc ghế bành sâu của mình. – Một giờ nữa ăn tối, nhưng mẹ con ta hãy uống

mỗi người một chén trà đã. Dọc đường mẹ đã nuốt quá nhiều bụi, cổ họng khô rát.

Frank lúng túng ngồi ghé xuống rìa chiếc đi văng bọc lụa màu cream, nhìn khắp phòng với vẻ gần như súng kính.

– Tất cả đều khác hẳn hồi bác Mary còn sống.

Fee mỉm cười.

– Hẳn là thế. – Bà nói.

Lúc ấy Meggie vào, thì ra quen với cái sự thực đây không còn là bé Meggie, mà là người phụ nữ trưởng thành còn khó hơn nhiều so với việc tìm thấy mẹ đã già đi. Em gái ôm hôn anh, còn Frank quay đi, co rúm lại trong bộ áo quần rộng thùng thình và phóng luồng mắt bối rối qua vai em nhìn mẹ. Fiona đáp lại bằng cái nhìn nói với con trai: không sao, chờ một chút, chẳng bao lâu mọi việc sẽ trở nên giản dị hơn. Lát sau, khi Frank vẫn còn đang tìm lời để nói với người phụ nữ không quen biết này thì con gái Meggie vào – thân hình cao, gầy, con bé nguôi xuống với vẻ kiêu cách, hai bàn tay to vân vê những nếp váy, nó lần lượt nhìn tất cả mọi người bằng cặp mắt rất sáng màu. Ồ, mà nó nhiều tuổi hơn Meggie hồi anh bỏ nhà ra đi, Frank nghĩ. Rồi Hồng y và con trai Meggie vào – thằng bé đẹp trai, vẻ mặt điềm tĩnh, thậm chí hơi lạnh lùng, nó đến gần chị và ngồi xuống sàn cạnh chị.

– Hết sức vui mừng được gặp anh – Hồng y de Bricassart xiết chặt tay Frank rồi quay về phía Fee nhướn cao lông mày trái. – Trà ư? Một ý tưởng tuyệt hay!

Năm anh em trai Cleary cùng vào một lúc, và đây mới là lúc nặng nề, họ không tha thứ cho anh điều gì hết. Frank biết tại sao, anh đã gây cho mẹ vết thương quá ác liệt. Nhưng phải dùng lời lẽ

như thế nào giải bày với họ một điều gì đấy, làm thế nào kể với họ nỗi đau và sự cô đơn của mình, làm thế nào xin họ tha thứ – điều đó anh không biết. Tuy nhiên chỉ có một điều thực sự quan trọng ấy là mẹ, mà mẹ không bao giờ nghĩ rằng anh có điều gì cần được tha thứ.

Không phải ai khác, mà Hồng y de Bricassart đã cố làm cho buổi tối được trôi chảy, ông duy trì cuộc chuyện trò bên bàn và sau đó, khi lại chuyển sang phòng khách, với sự thoải mái đích thực là của nhà ngoại giao, ông nói đủ thứ chuyện linh tinh, và đặc biệt quan tâm đến việc lôi cuốn Frank vào cuộc chuyện trò chung.

– Bob ạ, tôi vẫn cứ muốn hỏi xem thỏ biến đi đâu cả rồi? Xung quanh vô số hang thỏ, nhưng tôi chưa hề thấy con thỏ nào cả.

– Thỏ chết ráo cả rồi. – Bob nói.

– Chết hết rồi ư?

– Đúng thế, do một thứ gì đó tên là myxomatosis^[103]. Vào năm bốn mươi bảy, cùng với hạn hán kéo dài như thế, có thể nói là loài thỏ giết chúng tôi, trong toàn nước Úc đất không còn đem lại gì cho ta nữa. Tình thế thật hiểm nghèo – Bob hăm hở nói tiếp, anh vui mừng có dịp nói về một chuyện gì khác không dính líu đến Frank.

Nhưng lúc đó Frank vô tình càng kích thêm sự thù địch của người em trai.

– Thế mà tôi không biết rằng sự thể gay đến như vậy. – Anh xen vào và vươn thẳng người trên ghế, anh hy vọng rằng Hồng y sẽ hài lòng về việc anh tham gia chút đỉnh như vậy vào cuộc chuyện trò.

– Ô, tôi không phóng đại chút gì, có thể tin tôi! – Bob nói sảng giọng; Cố gì Frank xen ngang vào, làm sao anh ta biết được!

– Đã có chuyện gì xảy ra vậy? – de Bricassart vội hỏi.

– Ở Hội nghiên cứu khoa học và kỹ thuật Úc, người ta đã gây được một loại virus gì đó và năm kia người ta đã bắt đầu làm thí nghiệm ở bang Victoria truyền bệnh cho thỏ. Tôi không biết virus là cái gì, chắc là đại loại như vi khuẩn. Cái đó gọi là virus myxomatosis. Thoạt đầu bệnh truyền nhiễm không lây lan rộng lắm, tuy những con thỏ mắc bệnh đều chết hết. Nhưng rồi một năm sau những thí nghiệm đầu tiên đó, chúng bắt đầu chết như rạ, người ta cho rằng bệnh đó do muỗi truyền, và nghệ tây cũng góp sức một phần. Ồ, thỏ bắt đầu chết hàng triệu, từng đàn từng đống. Bây giờ rất hiếm khi thấy một con thỏ ốm, mồm sưng tưng lên, đầy những cục u, nom phát sợ lên được. Nhưng cái cách đó cực kỳ hiệu nghiệm, cha Ralph ạ, nói thực đấy. Không một loài nào mắc bệnh myxomatosis nữa, ngay cả họ hàng gần nhất của thỏ. Vậy nên phải hết sức cảm ơn các nhà bác học, chúng ta đã thoát khỏi cái tai ương đó.

Hồng y tròn mắt nhìn Frank.

– Anh có tưởng tượng được không, Frank? Không, anh không hiểu như thế nghĩa là thế nào đâu?

Frank bắt hạnh lắc đầu. Ước gì người ta để cho anh được yên.

– Đây là chiến tranh vi trùng, tiêu diệt trọn một giống loài. Tôi muốn biết phần còn lại của thế giới có hay chẳng rằng ở đây, ở nước Úc, giữa năm bốn mươi chín và năm mươi hai, người ta đã khởi xướng chiến tranh vi trùng và đã tiêu diệt hàng tỉ sinh vật sống trên mảnh đất này! Khá lắm! Vậy là điều đó có thể thực hiện

được. Không còn là những chuyện bịa đặt của báo chí màu vàng nữa, mà là một phát minh đã được áp dụng trên thực tế.

Bây giờ có thể yên tâm chôn vùi những trái bom nguyên tử và kinh khí của mình. Ta hiểu rằng cần phải trừ bỏ nạn thổ, nhưng thành tựu khoa học vĩ đại này hẳn sẽ không đem lại vinh quang cho khoa học. Không thể nghĩ tới điều đó mà không khiếp hãi.

Ngay từ đầu Dane đã chăm chú lắng nghe cuộc nói chuyện.

– Chiến tranh vi trùng? – Nó hỏi. – Lần đầu tiên con nghe thấy. Nó là cái gì vậy, cha Ralph?

– Tiếng đó nghe lạ tai, Dane ạ, nhưng ta là nhà ngoại giao của Vatican, vì vậy, than ôi, ta không có quyền lực hậu không biết đến những từ mới như “chiến tranh vi trùng”. Nói ngắn gọn, nó có nghĩa là myxomatosis. Khi trong phòng thí nghiệm người ta gây cấy thứ vi trùng có khả năng giết chết hay làm tàn phế những sinh vật thuộc một loài nhất định.

Dane bắt giác làm dấu chữ thập và áp sát vào đầu gối Ralph de Bricassart.

– Có lẽ chúng ta nên cầu nguyện, phải không ạ?

Hồng y nhìn xuống mái tóc màu sáng của thằng bé và mỉm cười.

* * *

Nếu như rút cuộc Frank đã thích nghi phần nào với cuộc sống Drogheda thì chỉ là nhờ có Fiona : bất chấp sự bất bình dai dẳng của các con trai còn lại, bà xử sự như thể con trai cả chỉ vắng nhà

ít lâu, không hề có điều gì làm nhục gia đình và không hề gây cho mẹ bao nhiêu đau xót. Từ từ, không lộ liễu, bà dành cho anh một chỗ ở Drogheda nơi anh muốn nấu mình tránh xa các em trai, và bà không tìm cách khơi lại trong anh cái sôi nổi trước kia. Ngọn lửa sống động đã tắt vĩnh viễn, bà mẹ hiểu điều đó ngay từ phút đầu, khi ở sân ga Gillanbone anh nhìn vào mắt bà. Tất cả đã bay biến trong những năm mà anh không muốn kể lại gì với bà. Bà chỉ còn có việc làm tất cả những gì có thể được, sao cho anh dễ sống hơn, muốn vậy chỉ có một con đường duy nhất đúng – chấp nhận Frank hiện tại, như thể người đã trở về Drogheda vẫn là Frank trước kia.

Không thể nói gì đến chuyện để anh làm việc ở các bãi chẵn, các em trai không muốn dính dáng gì đến anh, vả lại từ xưa anh vẫn không chịu nổi cuộc sống lang thang của người chẵn cừ. Anh thích nhìn tất cả những gì mọc lên từ đất và đơm hoa, vì vậy Fee giao cho anh việc vun xới các bồn hoa của Ấp chính và để anh yên. Dần dần các anh em trai nhà Cleary đã quen với việc Frank trở về tổ ấm gia đình và bắt đầu hiểu rằng anh hoàn toàn không đe dọa sự yên ổn của họ như thuở trước. Không cái gì có thể làm thay đổi thái độ của mẹ đối với anh, không bao giờ hết: dù là Frank ở trong tù hay ở đây, tình yêu của bà vẫn thế. Chỉ có điều này là quan trọng : mẹ hạnh phúc vì anh ở đây, ở Drogheda. Còn đối với đời sống của các em trai thì anh không có liên can gì, với họ anh có ý nghĩa không hơn không kém gì trước kia.

Về phía Fee thì hoàn toàn không vui sướng khi nhìn Frank, làm sao có thể khác thế được? Hàng ngày nhìn thấy anh trong nhà cũng khổ tâm – tuy là có khác – không khác gì bà đã từng khổ tâm khi không thể nhìn thấy anh. Thật đau xót và đáng sợ

khi nhìn thấy một cuộc đời bị hủy hoại, một con người bị hủy diệt. Người ấy là đứa con trai yêu dấu của bà, và hẳn là nó đã phải chịu đựng những đau khổ mà bà không sao tưởng tượng nổi.

Có lần, chừng nửa năm sau khi Frank trở về, Meggie vào phòng khách và bắt gặp mẹ ngồi trong chiếc ghế bành bên cửa sổ : Fee nhìn ra vườn, nơi Frank đang xén những bụi hồng. Nghe tiếng bước chân, bà quay lại và trên khuôn mặt điềm nhiên của bà có cái gì đâm xuyên qua tim con gái... Meggie vụt đưa hai tay lên áp chặt vào ngực.

– Ôi, mẹ! – Nàng thì thào một cách bất lực.

Fee nhìn con gái lắc đầu và mỉm cười.

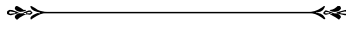
– Không sao, Meggie, chẳng sao cả.

– Giá như con có thể làm được điều gì!

– Con có thể làm được. Chỉ cần từ nay về sau con vẫn cứ như thế. Mẹ rất cảm ơn con. Bây giờ con là đồng minh của mẹ.

VI

1954 – 1965



DANE



– Mẹ ạ, – Justine nói, – thế là con đã quyết định sau đây sẽ làm gì.

– Mẹ tưởng con quyết định từ lâu rồi chứ. Con định vào trường đại học Sydney, học họa cơ mà.

– Ô, đấy chỉ là con đánh lừa mẹ đừng lôi thôi khiến con không cần nhắc kỹ càng được mọi chuyện. Còn bây giờ thì dự định của con là dứt khoát, con có thể nói rõ hết với mẹ.

Meggie ngừng tay, ngẩng đầu lên (chị cắt bột để làm bánh bích qui hình cây thông Nôen : Mrs. Smith ôm, chị với Justine giúp việc bếp núc). Mệt mỏi, sốt ruột, bất lực, chị nhìn con gái. Biết làm thế nào được, một khi con bé ngang ngạnh như thế. Nếu như ngay bây giờ nó tuyên bố rằng nó sẽ vào nhà chứa Sydney để nghiên cứu nghề làm đi qua thực tế có lẽ cũng chẳng can ngăn nổi nó. Ôi, con quái vật hết sức dễ thương Justine này, đích thực là một tai ương Ai Cập^[104].

– Nói đi, nói đi, mẹ căng tai ra nghe đây. – Và Meggie lại bắt đầu cắt bột thành hình cây thông Noen.

– Con sẽ làm diễn viên.

– Cái gì? Làm gì?

– Diễn viên.

– Lạy Chúa lòng lành! – Bột nhào làm bánh lại bị bỏ quên. –
Này, Justine, mẹ không chịu được cái việc làm người khác bực
bội và không muốn xúc phạm con, nhưng con... tin chắc rằng để
làm việc đó con có đủ ... hừm... tư chất ngoại hình ư?

– Ôi, mẹ! – Justine thốt lên với vẻ khinh miệt. – Con có làm
ngôi sao màn ảnh đâu, mà làm diễn viên kia mà. Con không định
làm cái trò ngoáy mộng, mặc áo hở ngực đến rốn, và cong môi
phụng phịu! Con muốn biểu diễn ra biểu diễn trên sân khấu kia.
– Cô gái vừa nói vừa xếp những miếng thịt bò nạc ướp muối vào
cái thùng con. – Hình như con có đủ tiền, đủ thời giờ để học
những gì con muốn, đúng không ạ?

– Đúng, hãy cảm ơn Hồng y de Bricassart.

– Vậy là ổn cả. Con sẽ vào nhà hát Culloden của Albert Jones
học nghề diễn viên và con đã viết thư đi Luân Đôn, gửi đến
trường Đại học hoàng gia về nghệ thuật sân khấu, xin ghi tên vào
danh sách dự tuyển.

– Con tin chắc là con chọn đúng chứ, Jussy?

– Hoàn toàn đúng. Con đã quyết định điều đó từ lâu rồi. –
Miếng thịt chết tiệt cuối cùng đã biến mất trong nước muối,
Justine đập sập nắp thùng lại. – Xong! Con hy vọng rằng suốt đời
sẽ không bao giờ phải nhìn thấy miếng thịt muối nữa!

Meggie đưa cho con gái cái khay nướng xếp kín những mảng
bột cắt thành hình cây thông Nôen.

– Này, cho vào lò nướng đi. Gạt kim chỉ bốn trăm độ. Ồ, thú
thật điều đó hơi bất ngờ. Mẹ cứ nghĩ rằng những cô bé muốn trở
thành diễn viên bao giờ cũng làm ra vẻ thế này thế nọ, còn con

thì dường như trước sau vẫn là một, không bao giờ sắm một vai nào cả.

– Ôi, mẹ lại lẫn lộn hết rồi, ngôi sao màn ảnh là một chuyện, diễn viên lại là chuyện khác hẳn. Đến chịu mẹ thôi.

– Thế ngôi sao màn ảnh không phải là diễn viên à?

– Loại bệt đem. Chỉ trừ những người mở đầu sự nghiệp trên sân khấu. Như Laurence Olivier^[105] thì đôi khi cũng có đóng phim đấy.

Ảnh Laurence Olivier có bút tích của ông xuất hiện trên bàn điểm trang của Justine đã từ lâu. Meggie cho rằng đấy chỉ là sự say mê của một cô bé, tuy nhiên bây giờ chị nhớ lại, hồi ấy chị đã nghĩ rằng ít nhất thì cảm quan thẩm mỹ của con gái chị cũng không đến nỗi tồi. Những bạn gái mà thỉnh thoảng Justine đưa về Drogheda chơi thường khoe ảnh của Tab Hunter và Rory Calhoun.

– Tuy vậy mẹ vẫn không hiểu – Meggie lắc đầu. – Con mà bỗng nhiên lại là diễn viên!

Justine nhún vai.

– Thế con có thể gào rú và khóc thét lên ở đâu, nếu không phải trên sân khấu? Con không được phép làm như thế ở đây cũng như ở trường, chẳng được phép làm ở đâu cả! Mà con lại thích gào rú và khóc thét lên, quái quỷ thay!

– Nhưng con vẽ rất khá kia mà, Jussy! Thế thì tại sao con lại không làm họa sĩ nhỉ. – Meggie năn nỉ.

Justine quay đi khỏi cái bếp hơi đồ sộ, gõ ngón tay vào bình hơi.

– Cần bảo người làm thay bình đi, hơi gần như không còn, tuy

hôm nay thì đủ dùng. – Cặp mắt sáng màu nhìn chăm chăm vào Meggie lộ vẻ thương hại. – Thực quả mẹ là người rất không thực tế, mẹ ạ. Bởi thế mới cho rằng con cái khi chọn nghề thường không nghĩ đến mặt thực tế. Vậy thì xin mẹ nhớ cho rằng con không có ý định chết đói ở một chỗ nào trên gác trang và chỉ nổi tiếng sau khi chết. Con định ném mùi vinh quang ngay khi còn sống và sống không thiếu thốn gì hết. Thành thử hội họa là dành cho tâm hồn, còn sân khấu là để kiếm tiền. Mẹ rõ chứ?

– Nhưng Drogheda đem lại cho con khá nhiều tiền đấy chứ! – Vì tuyệt vọng, Meggie đã vi phạm điều chị tự thề với mình là bất kể thế nào cũng không nói lộ ra. – Con sẽ chẳng bao giờ phải chết đói ở một chỗ nào trên gác trang. Muốn làm hội họa thì cứ việc. Không có trở ngại nào hết.

Justine tươi tỉnh hẳn lên, hỏi với vẻ sôi nổi:

– Thế phần con có bao nhiêu tiền, hả mẹ?

– Thừa đủ, nếu muốn, con có thể suốt đời ngồi không cũng được.

– Thế thì chán ngấy! Cuối cùng thì từ sáng đến tối con sẽ chỉ có việc chuyện gẫu qua điện thoại và chơi bài bridge. Ít nhất thì các bà mẹ của hầu hết các bạn gái ở trường con cũng chẳng có việc gì hơn. Con thì con sẽ không ở Drogheda đâu, con sẽ chuyển về Sydney. Con thích Sydney hơn ở Drogheda nhiều. – Cặp mắt sáng màu loé lên niềm hy vọng. – Thế liệu con có đủ tiền để đi chữa tàn nhang bằng điện lần nữa không?

– Hẳn là có. Nhưng con cần chữa để làm gì kia chứ?

– Để người ta nhìn con khỏi phát sợ.

– Vậy ra đối với diễn viên, ngoại hình xem ra cũng không phải

không có ý nghĩa gì đâu nhỉ?

– Thôi đi, mẹ. Con ớn những nốt tàn hương ấy lắm rồi.

– Vậy con dứt khoát không muốn làm họa sĩ ư?

– Dứt khoát quá đi chứ, xin hết lòng cảm tạ. – Justine nhún nhảy đi trong bếp. – Con sinh ra là để cho bực sân khấu, thừa phụ nhân!

– Con làm thế nào vào được nhà hát Culloden?

– Người ta nghe con diễn thử.

– Và con được nhận vào chứ?

– Niềm tin của mẹ vào tài năng của con gái mẹ thật đáng cảm động, mẹ ạ. Cố nhiên là con được nhận vào! Xin nói để mẹ biết, con thật là trác việt. Rồi sẽ có lúc con nổi tiếng.

Meggie trộn kem mặt bánh màu lá cây trong chiếc bát chậu và bắt đầu cẩn thận phết kem lên bánh đã nướng xong.

– Đối với con điều đó quan trọng đến thế ư? Justine? Con thèm muốn danh tiếng đến thế ư?

– Hẳn rồi. – Justine rắc đường vào khối bơ chảy nhều đến đầy cả bát như kem sữa, tuy cái bếp củi cũ đã được thay thế bằng bếp hơi, trong bếp khá nóng. Quyết định của con là dứt khoát và không lay chuyển, con phải trở nên nổi tiếng.

– Thế con không định lấy chồng à?

Justine bĩu môi khinh miệt.

– Không khi nào! Suốt đời lau chùi những cái mũi thò lò và những nửa mình dưới bồn thiu ư? Và cúi rạp xuống tận chân một thằng ngốc nào đó không đáng giá bằng cái gót giày của con, vậy mà lại tưởng mình là ông chủ và chúa tể của con ư? Đừng hòng,

cái trò đó không xứng đáng với con!

– Này Justine, con quả là quá quắt! Con học đâu được cái lối nói năng như vậy?

– Trong college tao nhã của chúng con, lẽ tất nhiên, – nhanh nhẹn và khéo léo, bằng một tay Justine đập hết quả trứng này đến quả trứng khác trên cái bát tô. Rồi hăm hờ đánh trứng bằng cái muỗng. – Tất cả chúng con ở đây, đều là những cô gái rất nét na. Và rất có học vấn. Không phải bất cứ lũ con gái đàn độn nào cũng có khả năng đánh giá được tất cả vẻ đẹp của những bài thơ La Tinh đại loại như :

Một anh chàng La Mã ở Vinidium

Mặc sơ mi bằng iridium

Người ta bảo anh chàng: – anh ăn mặc có kỳ không chứ?

Anh ta bèn đáp:

“Id est bonum sanguinempresidium”^[106]

Môi Meggie run lên một cách nóng nảy :

– Phải thú nhận mình dốt cổ nhiên là điều rất khó chịu, nhưng dù sao con hãy cắt nghĩa cho mẹ nghe anh chàng La Mã ấy nói gì ?

– Nói rằng đây là bộ y phục cực kỳ chắc chắn.

– Chỉ thế thôi ư? Mẹ đã tưởng sẽ nghe thấy một điều gì tệ hại hơn. Con làm mẹ ngạc nhiên. Nhưng mặc dù con đã hết sức cố gắng đổi hướng câu chuyện, con yêu quý, ta hãy trở lại câu chuyện trước. Lấy chồng thì có gì là không tốt?

Justine phì một tiếng với vẻ giễu cợt, bắt chước bà ngoại khá giống.

– Ôi chao, mẹ. Lại thế nữa kia! Mẹ mà lại còn phải hỏi!

Meggie cảm thấy máu dồn lên má, chị cup mắt xuống, nhìn cái khay đựng những cây thông Nôen màu lá cây rực rỡ.

– Dĩ nhiên con đã lớn lắm rồi, mười bảy tuổi chứ có ít đâu, nhưng cũng không được hôn.

– Hễ cứ thử bước chân lên miếng đất của cha mẹ là lập tức bị chụp tội là hôn, kỳ thật đấy chứ? – Justine hỏi, đứng bên bát trứng đánh bông. – Thì con nói gì nào? Mẹ mà lại còn phải hỏi ư? Con nói đúng, trúng giữa điểm đen, quỷ thật! Thì con không bảo mẹ là người hăm hiu, hay là tội lỗi, hay là cái gì đó tồi tệ hơn. Trái lại, theo ý con, mẹ đã làm một việc khôn ngoan hiếm có khi tự giải thoát khỏi ông chồng của mình. Mẹ cần gì chồng kia chứ? Tiền để sinh sống thì mẹ có đủ, ảnh hưởng của đàn ông đối với con cái thì thừa thãi: chúng con có bao nhiêu chú bác. Không, mẹ làm vậy là rất đúng! Lấy chồng – đấy là dành cho những cô bé không có óc, mẹ ạ.

– Con hết như bố.

– Lại nói lảng rồi. Nếu con có điều gì không vừa ý mẹ thì tức là con hết như bố. Vâng thì cũng đành phải tin lời mẹ thôi, cả đời con chưa hề nhìn thấy *gentleman* đáng kính ấy kia mà.

– Khi nào con đi? – Tuyệt vọng, Meggie hỏi.

– Mẹ muốn mau mau thoát khỏi con chứ gì? – Justine cười khẩy. – Không sao, mẹ ạ, con không mảy may chê trách mẹ đâu. Nhưng biết làm thế nào được, con rất thích làm cho người khác bối rối, đặc biệt là mẹ. Mai mẹ đánh xe đưa con ra máy bay đi Sydney chứ?

– Ngày kia thì hơn. Ngày mai mẹ sẽ đưa con ra nhà băng. Con

sẽ chính mắt nhìn thấy ở tài khoản vãng lai của con hiện có bao nhiêu. Mà này, Justine ạ...

Justine cho thêm bột và khéo léo luyện bột nhào, nhưng nghe thấy trong giọng nói của mẹ có cái gì mới, cô ngẩng đầu lên :

– Sao ạ?

– Nếu rồi đây con gặp chuyện gì không hay thì mẹ xin con hãy trở về nhà. Nên nhớ rằng ở Drogheda bao giờ cũng có chỗ cho con. Dù con có làm điều gì dại dột, dù con có làm lỡ gì đi nữa thì bao giờ con cũng có thể trở về nhà.

Cái nhìn của Justine dịu đi.

– Cám ơn mẹ. Trong đáy lòng, mẹ là một bà già không đến nỗi tồi, đúng không ạ?

– Bà già ư? – Meggie kêu lên. – Mẹ mà là bà già! Mẹ mới có bốn mươi ba.

– Trời ơi! Nhiều tuổi thế kia ư?

Meggie ném chiếc bích qui hình cây thông Nôen vào con gái và ném trúng mũi.

– Đồ hư đốn! – Chị bật cười. – Con quả là quái vật! Bây giờ mẹ cảm thấy mẹ đã tròn một trăm tuổi.

Con gái toét miệng cười.

Vừa hay Fee đi vào để xem ở bếp ra sao, thấy mẹ vào Meggie mừng rỡ như tìm được lối thoát.

– Mẹ ơi, mẹ có biết Justine vừa tuyên bố gì với con không?

Mắt Fiona đã kém, bây giờ công việc tính toán khá vất vả với bà, nhưng sau đôi con người mờ đục, trí tuệ vẫn tinh nhạy như trước.

– Làm sao mẹ biết được? – Bà nói bằng giọng điềm tĩnh và nhìn thứ bích qui màu xanh lục, cái nhìn có phần sợ hãi.

– Mẹ ạ, đôi khi con có cảm giác rằng hai bà cháu có những bí mật gì đó giấu con. Thì đấy, con gái con vừa cho biết một tin khiến con sửng sốt thì mẹ xuất hiện liền, mà lâu nay có thấy mẹ ở bếp bao giờ đâu.

– Hừm, nom thì đáng sợ, nhưng ăn thì khá ngon. – Fee đánh giá thứ bích qui màu lá cây. – Meggie này, thực quả là mẹ hoàn toàn không có âm mưu gì với con gái con ở sau lưng con. Lần này cháu làm cái trò bậy bạ gì vậy? – Bà quay về phía Justine, cô gái lại dàn bột nhào ra đầy những khay nướng đã quét bơ và rắc bột khô.

– Cháu nói với mẹ rằng cháu sẽ thành diễn viên, bà ạ, chỉ thế thôi.

– Chỉ thế thôi à? Thật như thế hay chỉ là thêm một trò bông đùa đáng ngờ nữa của cháu?

– Hoàn toàn thật. Cháu sắp vào đoàn kịch Culloden.

– Ra thế đấy. – Fee chống tay xuống bàn, nhìn vào mặt con gái với vẻ giễu cợt. – Con cái bao giờ cũng rất thích sống theo ý mình, không hỏi gì người lớn, phải không, Meggie?

Meggie im lặng.

– Thế sao, bà không tán thành con, hả bà? – Justine cất cao giọng, đã sẵn sàng xông vào cuộc chiến đấu.

– Không tán thành ấy ư? Bà lại thế ư? Cứ sống theo ý mình, Justine ạ, đấy không phải là việc của bà. Tiện thể xin nói, bà cho rằng con sẽ thành một diễn viên khá đấy.

- Mẹ nghĩ thế ư? – Meggie ngạc nhiên.
 - Ừ, cố nhiên rồi. – Fee xác nhận, Justine không phải loại người gặp chẳng hay chớ, bà nói đúng không, cháu?
 - Đúng ạ. – Cô gái mỉm cười gạt máng tóc ướt xõa xuống mắt, nhìn bà với vẻ triu mến, còn người mẹ nghĩ rằng Justine không hề có chút triu mến nào với mình cả.
 - Cháu của bà là cô gái thông minh, Justine ạ. – Fee đã ăn hết chiếc bánh qui mà lúc mới ăn bà rất đổi e dè. – Khá lắm, nhưng giá như kem mặt không phải là màu lá cây, mà màu trắng thì mẹ thích hơn.
 - Làm gì có cây màu trắng – Justine phản đối.
 - Không phải thế nếu đây là cây thông Nôen thì trên cây có thể có tuyết. – Meggie nói.
 - Nhưng bây giờ thì muộn rồi, mọi người sẽ ối mưa vì bánh màu lá cây! – Justine bật cười.
 - Justine!!!
 - Chết nổi! Xin lỗi mẹ, con không muốn làm mẹ phật lòng. Con cứ quên rằng bất cứ điều lật vật gì cũng khiến mẹ lộn mưa.
 - Không hề có chuyện như thế. – Meggie nổi nóng.
 - Tôi đến với hy vọng được một chén trà. – Fee xen vào, nhích ghế lại gần và ngồi xuống. – Đặt ấm pha trà đi, Justine, chóng ngoan nào.
- Meggie cũng ngồi xuống.
- Mẹ cho rằng Justine quả thật sẽ đạt được thành công gì đó ư, mẹ? – Meggie hỏi với vẻ lo ngại.
 - Tại sao lại không nhỉ? – Fee đáp, đồng thời theo dõi cháu gái

đang sốt sắng pha trà theo đúng mọi phép tắc.

– Có lẽ đây chỉ là sự say mê ngẫu nhiên của nó chẳng?

– Đây là sự say mê ngẫu nhiên của cháu, phải không Justine?

– Fee hỏi.

– Không ạ. – Justine vừa đáp gọn lỏn vừa bày chén và đĩa lót lên chiếc bàn nhà bếp cũ màu lá cây.

– Trút bánh ra đĩa, Justine, đừng đặt cả cái bát tô lên bàn. – Meggie nhận xét một cách máy móc. – Mà cũng đừng đặt cả vò sữa lên bàn, vì Chúa, hãy rót sang bình nhỏ cho phải phép.

– Vâng, thưa mẹ, vâng được, mẹ ạ. – Justine đáp, cũng máy móc như thế. – Con không hiểu ở bếp mà cũng phải lễ nghi như thế để làm gì. Chỉ tội cho con sau đó phải trút trả về chỗ cũ những gì còn lại và rửa thêm một số đĩa.

– Cứ làm như mẹ bảo. Như thế hay hơn nhiều.

– Này thôi, ta lại nói sang chuyện khác rồi. – Fee nhắc. – Mẹ cho rằng việc đó chẳng có gì phải bàn. Theo ý mẹ, cần để cho Justine thử xem, nhiều phần chắc là sẽ thành công.

– Ước gì con có được niềm tin như mẹ, Meggie cau có thốt lên.

– Thế còn cháu, cháu nghĩ về vòng nguyệt quế và vinh quang phải không, Justine? – Bà hỏi bằng giọng gay gắt.

– Về vòng nguyệt quế và vinh quang thì cháu cũng không từ chối. – Justine đặt chiếc ấm trà cũ màu nâu lên bàn với vẻ thách thức và vội vã ngồi xuống. – Xin mẹ lượng thứ cho, mẹ muốn thế nào tùy, chứ con sẽ không hầu trà trong bếp với cái ấm bằng bạc đâu.

– Cái ấm này cũng được lắm rồi. – Meggie mỉm cười.

– A, tuyệt thật! Còn gì thú vị hơn chén trà. – Fee khoan khoái hít hơi. – Sao cháu cứ luôn luôn phô ra với mẹ mặt xấu nhất của cháu thế, Justine? Cháu biết rất rõ rằng thực chất không phải là sự giàu có, không phải là danh tiếng, mà là tự bộc lộ mình.

– Tự bộc lộ ư, thưa bà?

– Thì rõ rồi. Thực chất là ở bản thân cháu. Cháu cảm thấy cháu sinh ra là để cho sân khấu, đúng không?

– Vâng.

– Thế thì tại sao cháu không nói thẳng với mẹ như thế? Vì lẽ gì cháu nói lảng nhảng dớ dẩn làm mẹ phiền lòng?

Justine nhún vai, uống một hơi hết chén trà và đưa cho mẹ cái chén không.

– Làm sao con biết được. – Cô gái lâu bầu.

– Chính bà cũng chẳng biết tại sao. – Fee sửa lại. – Hẳn là trên sân khấu người ta nói năng rõ ràng và rành rọt. Nhưng cháu đi làm diễn viên là để biểu lộ những gì hiện có ở cháu, phải không nào?

– Chắc là thế. – Justine miễn cưỡng đồng ý.

– Gớm chưa! Tất cả mọi người dòng họ Cleary đều như nhau: suốt đời kiêu hãnh và bướng như lừa! Coi chừng đấy, Justine ạ, hãy học kìm hãm thói ngông của mình, không thì cái tính ấy sẽ giết cháu đấy. Dớ dẩn làm sao : cứ sợ ngộ nhỡ người ta sẽ cười mình? Nhưng thực ra vì sao cháu cho rằng mẹ cháu nhẫn tâm đến như vậy? – Fee vỗ nhẹ vào tay cháu. – Hãy mềm mỏng hơn, Justine. Không nên tự ngăn mình ra với tất cả mọi người như thế.

Nhưng Justine lắc đầu.

– Cháu không thể khác được.

Fee thở dài.

– Thôi được, cô bé ạ, chúc cháu lên đường may mắn, bà cầu chúc cho cháu, có điều chẳng biết lời cầu chúc của bà có lợi ích gì lắm không....

– Cám ơn bà, cháu rất biết ơn bà.

– Thế thì xin hãy chứng tỏ lòng biết ơn bằng việc làm : đi tìm bác Frank và nói với bác rằng ở bếp có trà rồi đấy.

Justine đi ra, Meggie tròn mắt nhìn mẹ.

– Thành thực mà nói, mẹ quả là tuyệt diệu, mẹ ạ.

Fee mỉm cười.

– Ờ, hẳn là con đồng ý rằng mẹ không bao giờ tìm cách răn dạy các con mình phải sống thế nào và phải làm gì.

– Vâng, đúng thế. – Meggie đáp một cách triu mến. – Và chúng con bao giờ cũng biết ơn mẹ về điều đó.

* * *

Trở lại Sydney, Justine trước hết cố làm mất những vết tàn nhang. Rủi thay, hóa ra đấy là việc lâu dài, cô có quá nhiều vết tàn nhang: sẽ phải mất thời giờ vào việc đó gần suốt cả năm, rồi sau đó suốt đời không được ra nắng để vết tàn nhang không lên lại. Mối bận tâm thứ hai là tìm chỗ ở, một nhiệm vụ không phải là dễ dàng ở Sydney thời ấy, khi người ta đều làm nhà riêng, còn đến ở một ngôi nhà to nhiều tầng, chung một mái nhà với một đồng hàng xóm thì đích thị là sự nguyên rủa. Nhưng cuối cùng

Justine đã tìm được căn hộ hai buồng trên đường bờ sông Neutral Bay, ở một trong những ngôi nhà cũ đồ sộ đã mất vẻ hùng tráng của phong cách Victoria, đã suy vi và biến thành những nhà cho thuê rẻ tiền khả nghi. Tiền thuê căn hộ đó là năm bảng mười shilling một tuần với nhà tắm và bếp chung cho tất cả các khách trọ, đây là một giá đắt quá xá. Nhưng Justine hoàn toàn ưng ý chỗ ở mới. Tuy từ bé cô đã được tập rèn làm công việc nội trợ, nhưng cô hoàn toàn không có ý định thu xếp cho mình một tổ ấm xinh xắn.

Sống trong ngôi nhà này, ngôi nhà có tên là Bothwell Gardens, thú vị hơn nhiều so với việc học ở nhà hát Culloden, ở đó Justine dường như chỉ có việc nấp sau cánh gà nhìn người khác diễn tập, thỉnh thoảng tham gia những cảnh đông người và học thuộc lòng từng đoạn lớn trong tác phẩm của Shakespeare, Shaw và Sheridan^[107].

Ở Bothwell Gardens có sáu căn hộ, kể cả căn hộ Justine thuê và những buồng mà chính bà chủ Mrs. Devine ở. Nhân vật sáu mươi lăm tuổi này sinh ở Luân Đôn, mắt lồi và có thói quen khịt mũi một cách thảm thiết, hết sức khinh miệt nước Úc và người Úc, nhưng không cho rằng việc lấy tiền của họ với giá cửa cổ là làm hạ phẩm giá của mình. Hình như nỗi phiền lòng lớn nhất đời của bà ta là khoản chi về hơi đốt và điện, còn nhược điểm lớn nhất của bà ta là tình cảm triu mến với một người láng giềng của Justine, một gã người Anh trẻ tuổi hết sức vui vẻ lợi dụng cái ưu thế đó về dân tộc của mình.

– Tôi sẵn lòng mua vui cho con ngỗng già ấy, thỉnh thoảng cùng mẹ hồi tưởng lại xứ sở quê hương. – Có lần anh ta nói với Justine. – Bù lại mẹ không hoạch họa tôi. Các cô, những cô nàng

đáng yêu, thì mùa đông không được phép cho chạy lò sưởi điện, còn tôi thì chính mục cho tôi lò sưởi và tôi muốn cho chạy lò bất kể mùa đông hay mùa hè cũng được.

– Con lợn cái. – Justine thản nhiên nói.

Anh chàng người Anh tên là Peter Wilkins, anh ta là người chào hàng. Cặp mắt sáng màu bí ẩn của cô gái hàng xóm khơi gợi trong anh ta niềm hứng thú hết sức sôi động.

– Ghé vào chỗ tôi chơi, tôi sẽ mời cô dùng trà. – Gã hét với theo.

Justine bắt đầu ghé vào chơi, chọn lúc mà Mrs. Devine hay ghen lớn vờn ở gần đấy, và cô rất mau chóng tìm được cách đẩy lùi những trò âu yếm của Peter. Những năm ở Drogheda, việc cưỡi ngựa và lao động chân tay đã tạo cho cơ bắp rắn chắc, và cô không chút ngại ngùng về luật lệ cấm đánh vào phía dưới thắt lưng.

– Quỷ bắt cô đi, Justine! – Peter nghệt thở vì đau, lau nước mắt tự dưng cứ ứa ra. – Đừng có đóng trò tiết hạnh nữa! Cái gì phải đến thì nó sẽ đến. Cô biết chứ, chúng ta không phải đang sống ở Anh thời hoàng hậu Victoria, hoàn toàn không cần giữ trinh tiết cho đến khi lấy chồng.

– Thì tôi cũng không định giữ kia mà. – Justine vừa nói vừa sửa lại áo xống. – Nhưng tôi chưa quyết định sẽ tặng cái tiết trinh của tôi cho ai.

– Báu ngọc lắm đấy! – Peter cầu nhàu một cách hần học, cô đánh anh ta đau quá.

– Đúng là không phải báu ngọc, Petter ạ. Không lung lạc nổi tôi bằng cái lối châm chọc ấy đâu. Vả lại trên đời đầy rẫy những

kẻ hám bất cứ cô gái non nào, miễn là chưa bị bóc tem.

– Mà cũng khối cô ả hám tình dục. Thì hãy nhìn xuống căn hộ bên dưới thôi.

– Tôi vẫn nhìn đấy chứ, – Justine nói.

Ở căn hộ dưới có hai cô ả đồng tình luyến ái, họ hân hoan về sự xuất hiện của Justine ở trong nhà và không hiểu ra ngay rằng họ không hề hấp dẫn được cô, hay đơn giản là cô không quan tâm đến họ. Thoạt đầu cô hoàn toàn không hiểu những lời bóng gió của họ, khi họ dùng mọi lời lẽ giảng giải cho cô sự tình là như thế nào, cô chỉ thờ ơ nhún vai.

Quan hệ được dàn xếp khá nhanh: đối với hai cô gái ấy, Justine là chỗ tâm phúc để thổ lộ mọi nỗi đau xót buồn phiền, là vị quan tòa không thiên vị và là cái bến cảng chắc chắn trong mọi cơn bão táp: cô bảo lãnh cho Billie khi cô này bị vào tù, cô đưa Bobbi đi bệnh viện rửa dạ dày khi cô ta nuốt quá nhiều một thứ không nên nuốt sau một trận cãi cọ kịch liệt với Billie, cô dứt khoát không đứng về phía nào khi ở chân trời của một cô nào trong hai cô bỗng lù lù một cô Pat, Also, Georgie hay Ronnie nào đó. Nhưng thứ tình yêu như thế lồi thòi quá, cô nghĩ. Đàn ông cũng là thứ mệt hạng, nhưng vẫn là giống khác, như vậy ít ra cũng thú vị hơn.

Như vậy, bạn gái thì đủ rồi – cả những bạn trước đây, bạn ở trường phổ thông, cả bạn mới, ở nhà và ở nhà hát, mà chính cô cũng là một người bạn không tồi. Cô chẳng thổ lộ với ai những đau xót của mình như những người khác vẫn thổ lộ với cô, – về khoản này cô đã có Dane, – tuy vẫn có một số đau xót mà cô không tự thú nhận, như thế những điều đó không giày vò cô lắm. Nhưng ở Justine điều làm các bạn gái sững sốt là tính tự chủ

hiếm có của cô – không cái gì có thể làm cô mất phương hướng, dường như cô đã học được điều đó từ bé.

Điều mà những người gọi là bạn gái muốn biết nhất là bằng cách nào, bao giờ và nhờ ai mà cuối cùng Justine sẽ quyết định thành người đàn bà thực sự, nhưng cô không vội.

Arthur Lestrangle làm việc ở nhà hát của Albert Jones lâu lắm rồi và chuyên đóng các vai người tình, tuy từ một năm trước khi Justine đến đoàn, anh ta không phải không buồn rầu vĩnh biệt tuổi trẻ của mình: anh đã bốn mươi tuổi. Lestrangle là một diễn viên có kinh nghiệm, diễn khá, đẹp trai – thân hình cân đối, khuôn mặt dửng cảm với đường nét đều đặn khuôn giữa những búp tóc xoắn màu sáng, – khán giả luôn luôn thưởng cho anh những tràng vỗ tay. Năm đầu tiên quả tình là anh ta không để ý đến Justine : cô gái mới đến tính tình trầm lặng, nhũn nhặn và ngoan ngoãn thực hiện tất cả những gì người ta bảo làm. Nhưng đến cuối năm, cô đã trừ hết được vết tàn hương và không còn lẫn vào các vật trang trí, mà trở nên nổi bật hơn.

Tàn nhang đã hết, lông mày và lông mi thâm lại nhờ trang điểm, và ở Justine xuất hiện một vẻ duyên dáng kín đáo, bí ẩn. Cô không có vẻ đẹp rực rỡ của Luke O'Neill, không có cái tao nhã tế nhị của mẹ. Thân hình khá đẹp, nhưng không xuất chúng, có lẽ là quá gầy. Chỉ có mái tóc hung đỏ như lửa thu hút được sự chú ý. Nhưng trên sân khấu thì không nhận ra cô được nữa – khi đích thực là Helen kiều diễm, khi thì gớm guốc hơn mụ phù thủy hung ác nhất.

Lần đầu tiên Arthur chú ý đến cô gái là cái lần để nhằm mục đích học tập, cô được lệnh dường như thể hiện những người hoàn toàn khác nhau, đọc những đoạn trích “Huân tước Jim” của

Conrad. Cô quả là tuyệt diệu. Arthur thấy Albert Jones hoan hỉ, và cuối cùng anh hiểu tại sao đạo diễn dành nhiều thời giờ như thế cho cô diễn viên mới. Không phải chỉ là cô có năng khiếu bắt chước bẩm sinh, mà mỗi lời của cô có sức diễn cảm phi thường. Lại thêm giọng nói, món quà quý báu nhất đối với nữ diễn viên: cái giọng trầm hơi khàn, đi thẳng vào tâm hồn.

Vì thế sau đó, thấy cô ngồi với chén trà trong tay và quyển sách mở để trên đùi, Arthur đến ngồi cạnh cô.

– Cô đọc gì thế?

Justine ngược mắt lên, mỉm cười.

– Proust^[108].

– Cô không thấy là ông ta hơi tẻ nhạt à?

– Proust mà hơi tẻ nhạt ư? Trừ phi là với những người không ưa chuyện con cà con kê. Vì Proust chính là người như thế. Một tay đưa chuyện con cà con kê lão luyện.

Arthur Lestrangle co rúm lại trong nội tâm – dường như cô gái thông minh này từ trên cao ngạo nghệ nhìn anh, nhưng anh quyết định là không méch lòng. Chẳng qua là cô ta quá trẻ.

– Tôi đã nghe cô đọc Conrad. Thật xuất sắc.

– Cám ơn anh.

– Có lẽ lúc nào ta sẽ cùng nhau đi uống cà phê và bàn bạc về kế hoạch của cô cho tương lai chẳng?

– Được thôi. – Justine nói và lại bắt đầu đọc Proust.

Anh vui mừng vì đã không mời đi ăn tối, mà chỉ mời đi uống cà phê : vợ rất nghiêm ngặt với anh, bữa tối dự tính phải có một mức độ đèn đáp mà vị tất có thể chờ đợi ở Justine. Nhưng anh không

quên lời mời ngẫu nhiên ấy và đưa cô đến một tiệm cà phê nhỏ bé hẻo lánh ở xa trung tâm – chắc là vợ không thể nảy ra ý nghĩ tìm anh ở một chốn như thế.

Đã từ lâu Justine chán ngấy cái trò làm ra vẻ một cô bé ngoan, từ chối khi người ta mời thuốc lá, và cô đã biết hút thuốc. Bây giờ, khi hai người ngồi vào bàn, cô lấy trong túi xách ra một bao thuốc chưa bóc, cẩn thận tách rìa lớp giấy bóng kính ra để giấy bóng khỏi bong mất hẳn, chỉ mở nắp bao và rút một điếu. Arthur theo dõi sự cẩn thận nhiệt thành ấy với vẻ tò mò giễu cợt.

– Cô thích công việc tỉ mỉ ư, Justine? Cứ bóc tuột lớp bọc ra là xong.

– Tôi không thể chịu được sự cầu thả.

Anh lấy một điếu thuốc lá của cô, trầm ngâm vượt lớp giấy bọc còn nguyên vẹn.

– Ồ, giá như tôi là học trò của Sigmund Freud^[109] trứ danh...

– Nếu anh là Freud thì sao? – Justine ngẩng đầu lên, cô nhân viên phục vụ đứng bên cạnh. – Cho tôi cappuccino^[110].

Anh bực mình vì cô tự quyền định đoạt, nhưng anh không bẻ lại, vì còn mãi mê với những ý nghĩ khác.

– Làm ơn cho tôi cà phê kiểu Vienna. Ờ thì nói về Freud. Tôi muốn biết ông ta sẽ nhận định điều đó như thế nào? Có lẽ ông ta sẽ nói...

Justine lấy lại bao thuốc lá trong tay anh, mở ra, rút một điếu, châm thuốc hút trước khi anh kịp lấy diêm trong túi.

– Vậy sao nào?...

– Freud sẽ quyết đoán rằng cô ưa giữ mình nguyên vẹn đúng

không?

Mấy người đàn ông tò mò quay về phía có tiếng cười giòn giã bất ngờ vang lên trong cái tiệm cà phê nồng nặc mùi thuốc lá.

– Vậy ư? Thế là thế nào, Arthur, mưu toan đi con đường vòng dò xem tôi còn trình không chứ gì?

Anh cái kỉnh tặc lưỡi.

– Justine! Tôi thấy, ngoài tất cả những cái khác ra, tôi sẽ còn phải dạy cô nghệ thuật tinh vi để lảng tránh.

– Ngoài tất cả những cái khác ư, Arthur? – Cô chống khuỷu tay xuống bàn, mắt long lanh trong chỗ tranh tối tranh sáng.

– Này, thế cô còn phải học thêm những gì nữa.

– Nói chung tôi khá thành thạo.

– Về mọi phương diện ư?

– Ô hô, anh khéo biết nhấn mạnh cái tiếng cần thiết một cách ý vị làm sao! Tuyệt lắm, nhất định tôi sẽ ghi nhớ cách anh thốt lên điều đó.

– Có những điều chỉ có thể học được qua kinh nghiệm. – Anh nói một cách mềm mỏng, giơ tay ra và vén một búp tóc ra sau tai cô.

– Thế ư? Tôi bao giờ cũng có đủ óc quan sát bình thường.

– Ồ, nhưng nếu điều đó có liên can đến tình yêu thì sao? – Anh nói tiếng đó một cách tình cảm, nhưng không dồn ép. – Làm sao cô có thể đóng Juliet nếu không biết thế nào về tình yêu?

– Một lý lẽ rất có sức thuyết phục. Tôi đồng ý.

– Cô đã yêu bao giờ chưa?

– Chưa.

– Nhưng cô có biết chút ít về tình yêu không? – Lần này điều mà anh ta thốt lên với sức diễn cảm nhiều nhất không phải là tiếng “tình yêu”, mà là mấy tiếng “tí chút gì”.

– Tịnh không.

– A ha! Như vậy là Freud đúng chứ gì?

Justine lấy bao thuốc lá của mình trên bàn, mỉm cười nhìn lớp giấy bóng kính.

– Theo một nghĩa nào đó thì có lẽ là đúng.

Bằng một động tác nhanh, anh túm lấy phía dưới cái giấy bóng kính, kéo tuột ra, giữ một thoáng, rồi với một điệu bộ đích thực là của diễn viên, anh vò nhàu và ném vào gạt tàn; cái cục trong suốt sột soạt, động đậy và vỡ ra.

– Nếu cô cho phép, tôi muốn dạy cô làm người đàn bà là thế nào.

Trong giây lát, Justine lảng lạng nhìn cái vỏ bọc trong suốt bị vò nhàu quăn quại một cách kỳ quặc và duỗi ra trong cái gạt tàn, rồi cô đánh diêm và thận trọng đốt lớp giấy bóng kính.

– Tại sao lại không nhỉ? – Cô hỏi bên ngọn lửa bùng lên trong khoảnh khắc. – Thực vậy, sao lại không nhỉ?

– Vậy thì có cần những cuộc dạo chơi thần tiên dưới ánh trăng cùng những bông hồng và những lời âu yếm say mê, hay mọi chuyện sẽ nhanh gọn và xuyên suốt như mũi tên? – Anh nói như ngâm thơ, đặt một tay lên chỗ tim đập.

Justine cười phá lên.

– Rõ chán với anh, Arthur ạ! Tôi hy vọng là sẽ dài và xuyên suốt thì hơn. Nhưng xin miễn ánh trăng và hoa hồng. Tôi sinh ra

không phải để cho những trò âu yếm, cái đó làm tôi lộn mửa.

– Ôi chao, Justine! Tất cả sinh ra đời là để hưởng sự âu yếm, kể cả cô, một trinh nữ giữ đền thờ Vestal^[111] hoàn toàn vô hình. Rồi sẽ có lúc cô thấy rõ điều đó. Rồi cô sẽ còn hết sức thèm muốn chính những sự âu yếm ấy.

– P-fừ! – Cô đứng lên. – Nào đi đi, Arthur, ta làm xong luôn cái chuyện ấy đi, trước khi tôi kịp nghĩ lại.

– Sao? Ngay lúc này à?!

– Tại sao lại không nhỉ? Nếu anh không đủ tiền thuê buồng khách sạn thì tôi có khối tiền đây.

Đến khách sạn “Metropole” chẳng xa xôi gì; Justine khoác tay Arthur một cách tự nhiên và họ vừa cười vừa đi trên những đường phố yên tĩnh mơ màng. Vào giờ này, quá muộn đối với những người đến hiệu ăn bữa tối, nhưng còn lâu nữa mới đến giờ tan rạp, ngoài đường hầu như không có người, chỉ rải rác chỗ này chỗ kia có những tốp thủy thủ Mỹ được lên bờ và những bầy thiếu nữ dường như đang chăm chú xem các tử kính, nhưng thực ra là nhằm vào các thủy thủ ấy. Chẳng ai để ý đến Arthur và người bạn gái cùng đi, điều đó khiến anh hoàn toàn vừa ý. Để Justine ở cạnh cửa, anh chạy vào hiệu thuốc, lát sau anh trở ra, rất hài lòng.

– Thế là ổn cả, cô bạn thân mến của tôi ạ.

– Anh sắm sẵn cái gì thế? “Những món quà nhỏ của Pháp” à? Anh nhìn mặt.

– Cầu Chúa tha cho. Cái của nợ ấy làm hỏng hết mọi khoái lạc. Không, anh lấy cho cô thuốc bột nhão. Do đâu cô biết về “những món quà nhỏ của Pháp”?

– Sau bảy năm học ở trường nội trú của đạo thiên chúa. Thế

anh cho rằng ở đây chúng tôi chỉ có đọc kinh thôi ư? – Justine nhếch mép cười. – Làm thì chẳng làm gì nhiều, nhưng nói thì chúng tôi nói đủ thứ chuyện.

Mr. và Mrs. Smith xem xét khu vực sở hữu của mình, đối với khách sạn Sydney thời ấy thì nó không đến nỗi tồi. Thời đại của những khách sạn “Hilton” sang trọng chưa đến. Căn buồng rộng thênh thang, cảnh nhìn ra bến cầu Sydney tuyệt đẹp. Không có nhà tắm, tất nhiên, nhưng phù hợp với những vật trang trí khác – những con voi răng kiếm theo phong cách thời Victoria, – ở đây có cái bồn rửa đồng kền bằng đá cẩm thạch, một cái bình và cái chậu.

– Nào, thế bây giờ tôi phải làm gì? – Justine hỏi và vén rèm cửa, – cảnh đẹp đấy chứ, nhỉ?

– Đẹp. Còn phải làm gì ấy à... ờ, cố nhiên là cởi bỏ cái gì thừa.

– Chỉ là cái thừa thôi à? – Justine hỏi một cách châm chọc.

Anh thở dài.

– Bỏ tất! Cần cảm nhận người khác bằng tất cả bề mặt da.

Nhanh nhẹn, cẩn thận, không một chút bẽn lẽn, Justine cởi xong áo, đến giường và nằm giạng ra trên giường.

– Thế này chứ, Arthur?

– Ôi lạy Chúa lòng lành! Anh thở dài, gấp quần cẩn thận : vợ bao giờ cũng kiểm tra xem quần có nhàu không.

– Sao kia? Có chuyện gì vậy?

– Thế mới đích thực là một cô bé tóc hung.

– Thế anh tưởng tôi có lông vũ đỏ à?

– Thôi đừng pha trò nữa, bé ạ, lúc này cái trò đó không hợp

chút nào. – Anh thót bụng, quay lại, hiên ngang đến gần, nằm xuống bên cạnh và bắt đầu khéo léo, tới tấp đặt những cái hôn ngắn lên má, cổ, vú trái Justine. – Em ngon lành quá – Anh ôm lấy cô. – Tuyệt trần! Thích chứ hả?

– Vâng, có lẽ. Vâng, rất thích là khác.

Bắt đầu im lặng, chỉ nghe thấy tiếng hôn và thỉnh thoảng có tiếng rì rầm lí nhí. Ở chân giường nhô lên một chiếc bàn điểm trang kiểu cổ, một gã dâm dăng nào trước đó đã nghiêng tấm gương sao cho vũ đài của cuộc hành lạc hiện lên trong gương.

– Tắt đèn đi, Arthur.

– Không, không, em xinh đẹp của anh ạ! Bài học số một : trong tình yêu không có những bước xoay chuyển không chịu nổi ánh sáng.

Sau khi đã khéo léo chuẩn bị cho cô. Arthur bắt đầu vào việc chính. Justine không cảm thấy khó chịu đặc biệt – hơi đau và không có gì khoái trá lắm, tuy nhiên vẫn có một cảm giác bao dung âu yếm nào đó; qua vai Arthur, luồng mắt của cô xoáy vào chiếc gương ở chân giường... Một cảnh tượng hết sức ngộ nghĩnh...

Cô nhìn một lần, lần nữa. Cô đột ngột đưa nắm tay lên ép chặt vào môi, cắn những đốt ngón tay, hơi ghen ngào rên lên.

– Ồ-Ồ, không sao, em xinh đẹp của anh! Mọi việc đã qua rồi, bây giờ không thể quá đau nữa đâu. – Arthur thì thầm.

Ngực cô rung lên bần bật như khóc nức nở; anh càng ôm ghì lấy cô chặt hơn, lí nhí những lời âu yếm gì đó.

Bỗng nhiên Justine ngật đầu ra sau, rên lên thảm thiết và phá lên cười, tiếng cười vang giòn, không gì kìm lại được. Và Arthur

luống cuống, điên tiết càng tức giận một cách bất lực thì cô càng cười tợn, cười ha hả đến chảy nước mắt và chỉ giơ ngón tay vào chiếc gương ở chân giường.

Toàn thân cô rung chuyển, nhưng hơi ôi, hơi khác với điều mà Arthur đen đui đã khoái trá cảm thấy trước.

* * *

Về nhiều mặt Justine gần Dane hơn mẹ nhiều, nhưng điều mà hai đứa cảm thấy đối với mẹ vẫn tự nó tồn tại. Tình cảm ấy tuyệt không gây trở ngại và mâu thuẫn với những gì gắn bó hai chị em với nhau. Cái điều gắn bó chúng từ rất sớm và vững chắc thì với năm tháng chỉ càng vững chắc thêm. Khi Meggie rút cuộc không còn phải làm việc trên các bãi chôn nữa, cái công việc nhiều năm liền không cho chị có lúc nào thở được, thì hai trẻ đã lớn đến mức chúng học viết bên chiếc bàn nhà bếp của Mrs. Smith, còn khi cần sự ủng hộ và an ủi thì chúng đã quen tìm ở nhau.

Tính cách hai đứa rất khác nhau, nhưng chúng có nhiều sở thích và khuynh hướng chung, và khi sở thích khác nhau thì chúng có thái độ dễ dãi đối với điều đó: linh cảm nhắc cho biết phải tôn trọng cái kỳ quặc của người kia và thậm chí phải quý trọng sự không giống nhau, không thì quan hệ với nhau có lẽ sẽ hơi tẻ nhạt. Chúng biết nhau rất rõ. Điều tự nhiên đối với Justine là chê trách những thiếu sót ở người khác và không nhận thấy những thiếu sót ở mình, còn đối với Dane thì điều tự nhiên là hiểu và tha thứ những thiếu sót của người khác, nhưng lên án không thương tiếc những thiếu sót của mình. Justine cảm thấy

minh có sức mạnh vô địch. Dane cho rằng mình vô cùng yếu đuối.

Bằng cách nào không rõ, từ tất cả những cái đó nảy sinh ra một tình bạn gần như lý tưởng, một tình bạn mà đối với nó, trên đời – không có cái gì là không thể được. Nhưng Justine hay nói hơn nhiều, vì thế Dane biết về chị và về tình cảm của chị nhiều gấp bội những gì cô chị biết về cậu em. Xét về ý nghĩa đạo đức, cô chị đôi khi hơi dằn, không thừa nhận cái gì thiêng liêng, và Dane cho rằng phải thức tỉnh lương tâm đang thiu thiu ngủ với chị. Vì thế cậu hiền lành nghe hết những điều chị nói – bất kể là nói gì, – với sự trù mến và thông cảm mà hẳn là sẽ khiến Justine nổi cáu nếu như cô ngờ rằng có những tình cảm ấy. Nhưng cô không hề nghi ngờ gì hết; cô thô lộ hết mọi điều với người nghe kiên nhẫn từ cái thuở xa xưa khi chú mới chỉ học biết nghe và hiểu được điều gì đó.

– Em đoán xem tối qua chị đã làm gì? – Cô hỏi, chăm chút sửa lại chiếc mũ rơm rộng vành, để cho mặt và cô vẫn ở trong bóng rợp.

– Lần đầu tiên chị đóng vai chính phải không? – Dane nói.

– Đồ ngốc! Vậy mà chị lại không bảo em đến xem! Đoán nữa đi.

– Rút cuộc chị đã tìm được cách không cho Bobbi đánh Billie chứ gì?

– Xoàng xính, xoàng xính.

Dane nhún vai, cậu đã hơi chán.

– Em chẳng hiểu gì hết.

Hai chị em ngồi trên cỏ trong khu vườn nhà thờ, dưới bóng

ngôi Đền thờ Đức bà đồng trinh Rất thánh đồ sộ theo kiểu Gothic. Dane đã báo trước cho chị biết qua điện thoại rằng cậu sẽ dự một cuộc lễ đặc biệt nào đó, liệu Justine có đến Đền thờ sớm một chút để hai chị em gặp nhau được không. Cố nhiên là Justine đồng ý, cô nóng lòng muốn kể với em cuộc phiêu lưu của mình.

Dane học Riverview-College năm cuối cùng, chẳng còn mấy nữa là ra trường. Bây giờ cậu là đoàn trưởng của trường, đội trưởng đội cricket, cả đội trưởng bóng bầu dục, bóng tennis, bóng tay nữa. Cậu đã hơn mười bảy, cao sáu *feet* hai inches, cái giọng thiếu niên lạnh lạnh đã từ lâu chuyển thành giọng nam trung, và Dane may mắn tránh được những tai ương của lứa tuổi chuyển tiếp : không bị mụn trứng cá, không có dáng vẻ vụng về, yết hầu không nhô ra. Lông tơ trên má nhạt màu đến độ không nhất thiết phải cạo, nhưng về những cái khác thì cậu không còn là chú thiếu niên nữa, mà là chàng trai trưởng thành. Chỉ có bộ đồng phục mới khiến người ta nhận ra rằng cậu còn là học trò.

Hôm ấy là một ngày nắng đẹp. Dane bỏ mũ rơm, nằm dài trên cỏ. Justine ngồi bên cạnh, khom mình, hai tay bó gối, vì sợ bị tàn hương nên phải che từng mảnh da trần không cho ánh mặt trời chiếu vào. Dane uể oải hé một con mắt xanh nhìn chị.

- Thế hôm qua chị làm gì, Jus?
- Chị đã mất trinh. Ít nhất là chị nghĩ như thế.

Cả hai mắt mở to.

- Đúng là đồ ngốc!
- P-fi! Đã đến lúc từ lâu rồi. Làm thế nào chị có thể trở thành diễn viên giỏi nếu chị không có tí khái niệm gì về việc xảy ra giữa đàn ông và đàn bà?

– Đáng phải giữ gìn thân mình cho người mà chị sẽ lấy làm chồng.

Justine nhăn mặt bực bội.

– Em hơi cổ lỗ đấy, Dane ạ, đôi khi nghe mà phát ngượng. Có thể mãi đến năm bốn mươi tuổi chị mới gặp được người sẽ làm chồng chị thì sao? Vậy từ giờ đến lúc ấy em bảo chị phải làm thế nào? Ướt mình bỏ xó chắc? Còn em thế nào, định giữ mình trai tân cho đến khi lấy vợ chắc?

– Chưa chắc em đã lấy vợ.

– Mà chị cũng chưa chắc đã lấy chồng. Vậy thì thế nào? Buộc cái trinh tiết lại bằng dải băng xanh và cất vào cái hòm đựng của hồi môn chẳng, mà chị có cái hòm ấy đâu kia chứ? Chị không muốn cho đến lúc chết cũng chỉ đoán mò đoán mẫm.

Dane toét miệng cười.

– Thế thì bây giờ chị không còn phải đoán mò nữa rồi.

Cậu nằm úp xuống, một tay chống cằm, và chăm chú nhìn chị, mặt cậu trở nên hiền lành, lo lắng.

– Vậy nó thế nào, bình thường chứ? Hay là khủng khiếp? Rất đáng ghét ư?

Môi cô chị run run, cô im lặng một lát, nhớ lại.

– Không, hoàn toàn không đáng ghét. Mà cũng không khủng khiếp. Nhưng quả tình chị không hiểu tại sao cái đó khiến cho mọi người cứ sững rên lên. Khá thích thú, có thể thôi. Mà không phải chị đâm bổ đến với một người mới thoát gặp, chị chọn có cân nhắc; anh ta khá hấp dẫn và hoàn toàn không phải là một gã mới lớn, một người có kinh nghiệm hẳn hoi.

Dane thở dài.

– Chị đúng là đồ ngốc, Justine ạ. Em sẽ yên tâm hơn nhiều nếu chị nói : “Bề ngoài nom anh xoàng xĩnh thôi, nhưng chị với anh ấy quen nhau và chị không kiên gan được”. Thậm chí em có thể hiểu được việc chị không muốn chờ đến khi lấy chồng, nhưng dẫu sao chỉ nên mong muốn điều đó khi chị bị lôi cuốn đến với người ta, Justine ạ. Chứ không phải là để thử xem việc đó diễn ra như thế nào. Không lấy gì làm lạ rằng chị chẳng có được chút vui sướng nào.

Sự đặc chí vui vẻ biến mất trên gương mặt Justine.

– Ôi, quý bắt em đi, em làm hỏng ráo cả rồi, bây giờ quả thật chị cảm thấy mình khủng khiếp. Nếu như chị không biết em, chị sẽ nghĩ rằng em muốn đập chị ngập sâu xuống bùn... nếu không phải là bản thân chị thì là lý thuyết của chị.

– Nhưng chị biết em, phải không nào? Chẳng bao giờ em lại đập chị xuống bùn, nhưng đôi khi chị suy xét thật là dớ dẩn, ngốc hết sức kia. – Và Dane nói thêm bằng giọng chậm rãi, trịnh trọng : – Em là tiếng nói của lương tâm chị, Justine O’Neill ạ.

– Cái đó thì đúng, ngốc ạ. – Quên rằng cần phải tránh ánh mặt trời, Justine nằm ngửa cổ ra trên cỏ cạnh em khiến em không nhìn thấy mặt cô. – Này, em hiểu tại sao chị làm việc đó. Đúng không nào?

– Ôi, Jussy. – Cậu bắt đầu nói với giọng buồn rầu, nhưng cô chị không để cho em nói nốt, cô ngắt lời một cách sôi nổi, cáu kỉnh :

– Không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ chị yêu ai cả! Hãy cứ thử yêu một người nào xem, người đó sẽ giết ta. Chỉ cần

cảm thấy thiếu một người nào đó ta không sống nổi tức là người đó giết ta. Chị xin nói với em là về điểm này mọi người đều như nhau!

Dane bao giờ cũng khổ tâm vì cô chị cảm thấy số phận lấy mất phần tình yêu của cô, cậu càng khổ tâm hơn vì biết rằng đây là tại cậu. Nếu có thể nêu ra một nguyên nhân nào xác đáng nhất khiến cho cô chị có ý nghĩa nhiều như thế đối với cậu thì điều đó chủ yếu có lẽ là : tình yêu của chị đối với cậu không một lần nào, không giây lát nào bị u ám bởi sự tị nạnh hay ghen tuông. Dane đau khổ ghê gớm; cậu được tất cả mọi người yêu mến, cậu là trung điểm của Drogheda, còn Justine ở một chỗ nào đó ngoài rìa, trong bóng tối. Mặc dù cậu ra sức cầu khẩn cho sự thể khác đi, nhưng lời cầu khẩn không đem lại sự thay đổi nào. Lòng tin của cậu không vì thế mà giảm sút, song có một điều khác càng trở nên sắc bén hơn: đó là ý thức rằng rồi sẽ có lúc phải trả nợ về tình yêu đó, cái tình yêu trút lên cậu một cách hậu hỉ làm thiệt hại cho Justine. Justine tỏ ra rất đáng khen, thậm chí cô tự nhủ rằng như thế càng hay cho cô – sống tách riêng, trong bóng tối, nhưng Dane cảm thấy chị đau đớn. Cậu biết : Chị cậu có rất nhiều, rất nhiều điều đáng yêu, còn cậu thì chẳng có gì mấy. Không hy vọng tìm được những nguyên nhân khác, vì thế Dane dứt khoát, cho rằng cậu được hưởng phần tốt đẹp nhất là bởi vì cậu đẹp trai và dễ tính hơn nhiều, dễ hòa hợp hơn với mẹ và mọi người ở Drogheda. Hơn nữa cậu là đàn ông. Hầu như không cái gì lọt ra ngoài tầm tay cậu, chỉ trừ những gì cậu quả là không thể biết được; Justine không bao giờ tin cậu ai như thế, suốt đời không còn ai gần gũi với cô về tâm hồn như thế. Đúng, đối với cô, mẹ có ý nghĩa lớn hơn nhiều so với điều cô tự nhận với mình.

Nhưng ta sẽ chuộc lại hết, Dane nghĩ. Ta không bị thua thiệt chút gì. Cần có cách nào trả món nợ đó, phải có cách nào đền bù lại hết cho chị.

Vô tình cậu nhìn đồng hồ, cậu đứng lên bằng một cử động mềm mại. Dù bốn phạt của cậu đối với chị lớn đến đâu đi nữa thì bốn phạt đối với Chúa vẫn lớn hơn.

– Em phải đi đây, Justine ạ.

– Lại cái nhà thờ chết tiệt của em! Liệu có bao giờ em lớn vượt lên tới mức không thiết đến cái trò chơi dở dẩn ấy không?

– Em hy vọng rằng không.

– Bao giờ ta sẽ lại gặp nhau?

– Hôm nay thứ sáu, vậy thì vẫn như mọi khi, ngày mai, mười một giờ ở đây.

– Được, chóng ngoan nhé.

Cậu đã đội chiếc mũ rơm và bước đi, nhưng nghe thấy những lời ấy, cậu mỉm cười quay lại.

– Thì em vẫn ngoan đấy chứ?

Justine vui vẻ mỉm cười đáp lại:

– Ồ, cái chú em này! Em đẹp một cách hoang đường, trên đời không có những người đẹp như thế! Chỉ có chị là bao giờ cũng làm một điều gì đại dột. Mai nhé!

Những cánh cửa đồ sộ của Đền thờ Rất thánh Đức mẹ đồng trinh bọc da màu đỏ. Dane nhẹ nhàng mở một cánh cửa và lên vào trong. Lẽ ra còn có thể ở lại với Justine mấy phút nữa, nhưng Dane thích vào nhà thờ sớm một chút, khi trong nhà thờ vẫn chưa đầy người cầu nguyện và những tiếng thở dài, tiếng ho,

tiếng áo quần sột soạt, tiếng thì thầm chưa lan truyền khắp nơi. Chỉ có một mình thích hơn nhiều. Không có ai ngoài người giữ kho đồ thánh đang thắp nến trên bàn thờ chính, – viên trợ tế, Dane xác định được ngay không chút lầm lẫn. Cậu khuyu gối xuống trước bàn thờ, làm dấu thánh, rồi khẽ khàng đi giữa các hàng ghế.

Cậu quỳ gối, tì trán vào đôi tay khoanh lại và thả tâm trí theo dòng suy nghĩ. Đấy không phải là sự cầu nguyện có ý thức, chẳng qua là cậu hòa nhập với một cái khó nắm bắt nhưng lại hiển nhiên, sờ mó thấy được, không tả được, thiêng liêng mà cậu có cảm giác là thấm đượm ngay trong không khí ở đây. Dường như cậu biến thành đốm lửa của một trong những cây đèn thờ bé nhỏ lung linh sau tấm kính đỏ, tưởng chừng như sắp tắt đến nơi, nhưng được duy trì bởi một số ít giọt chất lỏng tại sức sống, nên vẫn không ngừng phóng vào bóng tối đằng xa thứ ánh sáng yếu ớt nhưng đáng tin cậy của mình. Trong nhà thờ, Dane bao giờ cũng yên tâm, cậu hòa tan vào cái tĩnh lặng, quên “cái Tôi” con người của mình. Chỉ có trong nhà thờ cậu mới ở đúng vị trí, không bất hòa với chính mình và nỗi đau mới buông tha cậu. Hai hàng mi hạ xuống, cậu nhắm mắt lại.

Từ hành lang, nơi đặt cỗ đại phong cầm, có tiếng chân lệt quệt, ống xếp thở dài ồn ào; người nhạc công đại phong cầm chuẩn bị làm việc. Những chú bé trong ban đồng ca đã tập hợp sẵn, cần diễn tập lần nữa trước khi bắt đầu. Sắp tới, như thường lệ mỗi thứ sáu, chỉ có buổi lễ bình thường vào ban ngày, nhưng người làm lễ là một trong những giảng viên của Riverview-College, người này thân với Dane và Dane muốn nghe ông rao giảng.

Cỗ đại phong cầm phóng ra mấy hợp âm mạnh mẽ, rồi khẽ

dần, khẽ dần, tiếng nhạc ngân rung nổi lên, và một giọng trẻ em đơn độc, yếu ớt, âm sắc cao, trùi mền vút lên, bay vào bóng tối, lên tận tấm đăng đen bằng đá của vòm trần, cái giọng trong trắng vô ngần, siêu phàm – số người ít ỏi lúc này có mặt trong cái đền thờ vắng vẻ đồ sộ bất giác nhắm mắt lại, đau xót về sự trong trắng thơ ngây đã mất đi không bao giờ còn trở lại nữa.

Panis angelicus,
Fit paris honimum,
Dat panis coelicus
Figuris terminum,
O res mirabilis,
Manduca t Dominus,
Pauper, pauper,
Servus et humilis...

Bánh mì của các thiên thần, bánh mì thượng giới, ôi kỳ diệu. Từ vực xoáy của những đau xót, con kêu cầu Chúa, lạy Chúa, xin hãy nghe con! Xin hãy để tai nghe lời cầu khẩn của con. Xin đừng bỏ mặc con, lạy Chúa, xin đừng bỏ mặc con! Bởi vì Chúa là chủ và chúa tể của con, còn con là kẻ tôi tớ hèn mọn của Chúa. Dưới mắt Chúa chỉ có đức hạnh là được coi trọng. Chúa không nhìn xem mặt những kẻ tôi tớ của Chúa đẹp hay xấu. Đối với Chúa chỉ có trái tim là quan trọng. Chỉ có Chúa mới đem đến sự lành bệnh, chỉ có ở Chúa con mới tìm thấy sự yên tĩnh.

Con đơn côi, lạy Chúa. Con cầu khẩn Chúa, xin cho đời con mau mau chấm dứt, bởi vì sự sống là đau đớn. Chẳng ai hiểu rằng một kẻ được ban thưởng hậu hĩ như con lại đau đớn khổ sở đến thế vì phải sống. Nhưng Chúa hiểu chỉ có sự an ủi của Chúa nâng đỡ con. Lạy Chúa, Chúa đòi hỏi gì ở con, con cũng xin hiến dâng hết, vì con yêu Chúa. Nếu con có thể cầu

xin Chúa thì con chỉ cầu xin một điều : mãi mãi quên đi mọi cái khác, tìm thấy trong Chúa sự lãng quên...

* * *

– Sao mẹ lại lặng thinh, hả mẹ? – Dane hỏi, – Mẹ nghĩ gì thế? Nghĩ về Drogheda à?

– Không. – Meggie đáp như mơ ngủ. – Mẹ nghĩ về việc mẹ đang già đi. Sáng nay mẹ tìm thấy trên đầu nửa tá sợi tóc bạc, lại còn đau nhức xương nữa chứ.

– Mẹ sẽ không bao giờ già, mẹ ạ. – Dane đoán quyết với giọng điềm tĩnh.

– Nếu vậy thì tốt, con yêu quý ạ, nhưng tiếc thay con làm. Mẹ bị lòi cuốn đến đây, đến chỗ có nước, đấy là dấu hiệu chắc chắn của tuổi già.

Hai mẹ con nằm dưới vầng mặt trời mùa đông ấm áp, trên những tấm khăn trải trên cỏ bên Hồ chứa nước, ở rìa phía xa của khu rừng rộng, nước ồn ào, cuộn réo, sôi sục, tỏa ra mùi lưu huỳnh hăng nồng, rồi mùi đó dần dần yếu đi, tan trong không khí. Bơi ở đây, trong ao về mùa đông là một trong những lạc thú lớn nhất. Mọi bệnh tật đau yếu của tuổi già đang tới bay biến tức thì, Meggie nghĩ, chị xoay mình nằm ngửa, đầu ở trong bóng rợp của một thân cây khổng lồ đã bị hạ mà ngày xưa chị đã ngồi cùng với cha Ralph. Đã lâu lắm rồi, chị không làm thức dậy được trong mình một dư âm là hết sức yếu ớt của cái cảm giác mà hẳn là chị đã trải qua khi Ralph hôn chị.

Chị nghe thấy Dane đứng dậy, và chị mở mắt. Dane bao giờ

cũng là đứa con bé bỏng của chị, thằng bé đáng yêu, đầy sức hấp dẫn; chị tự hào theo dõi con lớn lên và thay đổi, nhưng tất cả những thay đổi, những dấu hiệu trưởng thành ngày càng rõ hơn được chị nhìn qua cái bề ngoài trước kia vẫn là của thằng bé tươi cười ấy của chị. Chưa lần nào chị nảy ra ý nghĩ rằng về mọi mặt, đã từ lâu nó không còn là một đứa trẻ con.

Mãi đến lúc này, khi Dane đứng trước mặt chị với tất cả tâm vóc, chỉ độc có chiếc quần tắm, trên nền trời rực rỡ, chị mới chợt hiểu ra.

Chúa trời công bình, thế là hết cả rồi! Cả thời thơ ấu, cả thời niên thiếu. Nó đã trưởng thành, đã là người đàn ông. Niềm tự hào, nỗi bực bội, sự cảm động ngấm ngầm rất là đàn bà, ý thức kinh hoàng về một tai họa nào đó không tránh khỏi, cơn giận, sự thán phục, nỗi buồn Meggie cảm thấy tất cả những cái đó và nhiều điều khác nữa khi nhìn con trai. Sinh ra một người đàn ông là điều đáng sợ, đáng sợ hơn nữa là sinh ra một người như thế. Với vẻ dũng cảm kỳ lạ như thế, đẹp kỳ lạ như thế.

Ralph de Bricassart đúc khuôn, thêm vào đó nữa một cái gì thừa hưởng ở chị. Làm sao chị có thể không xao xuyến khi nhận ra trong cái thân hình còn rất trẻ này một thân hình khác mà hồi xưa đã gắn kết với chị bằng những vòng tay tình ái? Chị nhắm mắt, bối rối, giật mình đã nhìn thấy ở con trai một người đàn ông. Chẳng lẽ bây giờ nó cũng nhìn thấy ở chị một người đàn bà, hay đối với nó, vẫn như trước, chị chỉ là một tượng trưng bí ẩn : mẹ? Ối, quỷ tha ma bắt nó đi! Sao nó dám trở thành người lớn?

Chị lại mở mắt và bỗng hỏi :

– Con đã biết gì về phụ nữ chưa, Dane?

Cậu mỉm cười:

– Những con ong con và con chim con ở đâu ra?

– Ờ thì có chị Justine nên cố nhiên con đã có những hiểu biết đơn giản nhất. Chỉ cần Justine lần đầu tiên mở cuốn sách giáo khoa sinh lý học là nó liền đi phổ biến kiến thức của mình với bất cứ ai gặp được. Không, mẹ nói ý khác kia: con đã thử thực hành những bài giảng của chị con chưa?

Dane lắc đầu gọn lỏn, ngồi xuống cỏ cạnh mẹ, nhìn vào mặt mẹ.

– Lạ lùng quá, mẹ lại đi hỏi điều đó, mẹ ạ. Đã từ lâu con muốn nói với mẹ chuyện ấy, nhưng không biết mở đầu như thế nào.

– Con mới có mười tám tuổi, con yêu quý. Liệu chuyển từ lý thuyết sang thực hành có sớm quá chăng? (Mới có mười tám. Mới chỉ có ngần ấy. Nhưng nó đã là người đàn ông, phải không nào).

– Chính đấy là điều con muốn nói với mẹ. Nói về việc hoàn toàn không chuyển sang thực hành.

Một luồng gió giá buốt xiết bao từ trên núi đổ về. Tại sao mãi đến giờ chị mới nhận thấy? Chiếc áo choàng của chị đâu?

– Hoàn toàn không chuyển sang thực hành. – Chị nhắc lại bằng giọng khàn khàn, đấy không phải là câu hỏi.

– Chính thế đấy ạ. Con không muốn điều đó, không bao giờ cả. Không phải là con hoàn toàn không nghĩ đến chuyện ấy và không muốn có vợ con. Con muốn. Nhưng con không thể làm được. Bởi vì không thể cùng một lúc gộp chung với nhau tình yêu vợ con và yêu Chúa – con muốn lòng yêu Chúa của con phải như thế. Con đã hiểu điều đó từ lâu. Thậm chí con không nhớ con hiểu điều đó từ bao giờ, và con càng nhiều tuổi hơn thì lòng yêu Chúa của con

càng lớn lao. Yêu Chúa, điều đó thật lớn lao và không thể hiểu được.

Meggie nằm và nhìn cặp mắt xanh đằm tĩnh, phiêu diêu ấy. Hồi xưa mắt Ralph cũng như thế. Nhưng trong cặp mắt này rực cháy một ngọn lửa nào đó mà trong mắt Ralph không có. Có lẽ nó cũng đã rực cháy trong mắt Ralph, nhưng chỉ ở tuổi mười tám chẳng? Khi chị bước vào đời Ralph, ông đã quá cái tuổi ấy mười năm. Nhưng con trai chị là một người có khuynh hướng thần bí, chị vẫn biết điều đó. Còn Ralph thời thanh niên chưa chắc đã có khuynh hướng thần bí. Meggie nuốt các cục tắc nghẽn trong họng, khép áo choàng cho kín hơn, cái lạnh cô đơn thấu đến tận xương.

– Con đã tự hỏi con sẽ làm cách nào bày tỏ với Chúa tất cả sức mạnh tình yêu của con? Con đã vật vờ một thời gian dài, lẩn tránh câu trả lời con không muốn nhìn thấy câu trả lời. Bởi vì con cũng ham muốn cả cuộc sống bình thường của con người, rất muốn là khác. Nhưng con cũng biết con phải hy sinh cái gì, con biết... Chỉ có một thứ con có thể dâng lên Chúa, chỉ có bằng cách đó con mới chứng tỏ được rằng trong tim con không bao giờ có cái gì vượt cao hơn Chúa, đây là sự hy sinh mà Chúa đòi hỏi ở con. Con là tôi tớ của Chúa, và sẽ không có những kẻ cạnh tranh với Chúa. Con phải lựa chọn. Chúa cho phép con có đủ mọi thứ và hưởng lạc thú, trừ một điều – Dane thờ dài, vân vê lá cỏ Drogheda nom như chiếc lông vàng óng ánh. – Con phải chứng tỏ với Chúa rằng con hiểu tại sao khi con ra đời, Chúa ban phát cho con nhiều thứ đến thế. Con phải chứng tỏ rằng con biết rõ đời con ở ngoài Chúa ít có ý nghĩa như thế nào.

– Không thể thế được, mẹ không cho phép con! – Meggie quát

lên. Chị vươn người, bóp chặt tay con ở phía trên khuỷu. Làn da mới nhẵn làm sao, và dưới da là một sức mạnh ẩn giấu, hệt như ở Ralph! Vậy mà lại mất quyền cảm giác trên làn da ấy sự đụng chạm của bàn tay con gái trù mẫn sao?

– Con sẽ làm linh mục. – Dane nói. – Con sẽ hết mình phụng sự Chúa, con sẽ hiến dâng Chúa tất cả những gì con hiện có và tất cả bản thân con hiện nay. Con xin khẩn nguyện chịu nghèo khó, giữ mình thanh sạch và khuất phục. Chúa đòi hỏi những tội tớ được lựa chọn phải trung thành tuyệt đối. Điều đó không dễ, nhưng con sẵn sàng.

Mắt mẹ cậu lúc này mới lạ làm sao! Như thể cậu giết mẹ, chà đạp mẹ xuống bụi đất. Cậu không ngờ sẽ phải chịu đựng điều đó, cậu mơ ước mẹ sẽ tự hào về cậu, mẹ sẽ vui sướng hiến dâng con trai cho Chúa.

Người ta nói với cậu rằng đối với mẹ thì đấy là niềm phấn khởi, là hạnh phúc cao cả, cố nhiên mẹ sẽ ưng thuận. Vậy mà mẹ nhìn cậu như thể cậu trở thành linh mục tức là ký bản án tử hình đối với mẹ.

– Con trước nay chỉ mong muốn điều ấy, – Dane nói với giọng thất vọng, nhìn cặp mắt chất chứa nỗi đau khổ tột cùng của mẹ. – Ôi, mẹ, lẽ nào mẹ không hiểu? Chẳng bao giờ con mong muốn điều gì khác, con chỉ muốn trở thành linh mục! Con không thể nào làm khác được!

Những ngón tay Meggie buông ra, Dane nhìn xuống, ở chỗ mẹ bầu chặt tay cậu còn lại những vết trắng và những vòng cung mảnh mai trên da – vết móng tay bám vào. Meggie ngửa đầu lên và cười vang, không sao nén lại được, như điên dại, tưởng như

tiếng cười cay độc chua chát ấy không bao giờ dứt.

– Hay lắm, thực không thể tin được! – Cuối cùng chị ghen ngào thốt lên, tay run run gạt nước mắt trào ra. – Không, cái trò giễu cợt tai ác làm sao! Tro của hoa hồng. Tro bụi. Là cát bụi thì lại trở về cát bụi. Người là của nhà thờ và sẽ được hiến dâng cho nhà thờ. Tuyệt vời, không chê vào đâu được! Đáng nguyên rủa thay Chúa trời, Chúa trời bỉ ổi, đê tiện! Kẻ thù ác độc nhất của tất cả phụ nữ, ông ta như thế đây! Chúng ta cố gắng tạo nên một cái gì, còn ông ta chỉ biết phá hoại!

– Không nên, mẹ ơi! Đừng nói thế, thôi đi, mẹ! – Dane nức nở buột thốt lên.

Nỗi đau đớn của mẹ khiến cậu khiếp sợ, nhưng cậu không hiểu nỗi đau đớn ấy, cũng không hiểu những điều mẹ nói. Nước mắt chảy trên mặt cậu, cõi lòng tan nát, thế là bây giờ cậu đã bắt đầu chịu sự hy sinh, thêm nữa lại là những hy sinh không thể tưởng tượng được dù là trong chiêm bao. Nhưng mặc dù cậu khóc vì mẹ, cậu cũng không thể vì mẹ mà từ bỏ sự hy sinh. Cậu phải dâng tặng phẩm của mình, và sự hiến dâng đó càng nặng nề thì món quà cậu dâng Chúa càng quý.

Mẹ khiến cậu phải khóc, lần đầu tiên trong suốt cuộc đời cậu. Nhưng người mẹ lập tức nén cơn giận dữ và đau xót. Không, như thế thật là bất công: giận cá chém thớt. Nó vốn như thế, loại *gen* mà nó nhận được làm cho nó thành người như thế. Hay là Chúa của Ralph. Nó là ánh sáng của đời chị, là con trai của chị. Không được để cho nó vì mẹ mà phải đau khổ, không bao giờ.

– Đừng khóc, Dane. – Meggie thì thầm và vuốt ve cánh tay con, trên đó còn hằn lên những vết đỏ, dấu vết cơn giận ban nãy vừa

bùng lên của chị. – Xin lỗi, mẹ không định nói như thế. Chỉ vì con làm mẹ sững sốt. Tất nhiên mẹ vui mừng cho con, thật đấy, vui mừng. Làm sao có thể khác được? Chẳng qua là mẹ không ngờ sự thể lại như thế. – Chị cất tiếng cười khe khẽ. – Con làm cho mẹ choáng váng, chẳng khác gì choảng hòn đá vào đầu.

Dane gạt nước mắt, ngập ngừng nhìn mẹ. Vì sao cậu lại có cảm giác như cậu giết mẹ? Đấy kia, cặp mắt của mẹ, vẫn như mọi khi, rất đôi linh lợi, chan chứa yêu thương. Đôi tay trẻ khỏe của cậu ôm choàng lấy mẹ, ghì chặt và triu mến.

– Mẹ thực sự không phản đối chứ?

– Phản đối ư? Có thể nào một người đích thực là tín đồ của đạo Thiên Chúa lại chống đối việc con trai mình trở thành linh mục? Không làm gì có chuyện như thế! – Meggie bật dậy. – Br-r! Bắt đầu lạnh gớm rồi! Ta về nhà thôi.

Hai mẹ con đến đây không phải bằng ngựa, mà bằng chiếc xe vượt mọi địa hình và bây giờ Dane ngồi lên chiếc ghế cao sau tay lái, Meggie ngồi bên cạnh. Chị thở dứt quãng, gần như nức nở, chị gạt mảng tóc rối xõa xuống mắt.

– Con đã quyết định vào học ở đâu chưa?

– Có lẽ là vào trường Thánh Patrick. Ít ra thì bước đầu là như thế. Rồi sau con sẽ vào một dòng tu. Con muốn gia nhập dòng Jesus, nhưng chưa chắc chắn lắm, vì con đến thẳng với những người Jesus thì sớm quá.

Mắt mở to, Meggie nhìn đồng cỏ màu hung nhạt qua tấm kính chắn gió của cỗ xe đang ngoi ngóp trên những ổ gà, tấm kính lốm đốm vì muối tép bám vào chết dính trên đó.

– Mẹ đã nghĩ ra một cách hay hơn kia, Dane ạ.

– Thật ư? – Dane chăm chú lái xe : đường sá mỗi năm một xấu đi, và cứ chốc chốc lại có một thân cây hay một khúc gỗ nằm chắn ngang.

– Mẹ sẽ gửi con đến La Mã với Hồng y de Bricassart. Con còn nhớ ông ấy chứ?

– Còn nhớ chứ! Câu hỏi kỳ lạ, mẹ ạ! Có đến một triệu năm con cũng không quên. Đối với con, Người là sự hoàn mỹ, là lý tưởng về đấng chân chiên. Nếu như con được như vậy thì thật là hạnh phúc.

– Lý tưởng là người mà việc làm của người đó là lý tưởng. – Meggie nói một cách gay gắt. – Nhưng mẹ có thể ký thác con cho ông ấy, mẹ biết, vì mẹ mà ông ấy sẽ chăm sóc con. Con có thể vào trường dòng La Mã.

– Mẹ nói thật đấy chứ, mẹ? Thực thế ư? – Niềm vui sượng trên gương mặt Dane nhường chỗ cho nỗi lo ngại. – Liệu có đủ tiền không? Nếu con ở lại Úc thì sẽ đỡ tốn hơn nhiều.

– Nhờ Hồng y de Bricassart bao giờ con cũng sẽ có đủ tiền, con yêu quý của mẹ ạ.

Đến nhà bếp, Meggie đẩy con vào cửa.

– Đến nói với Mrs. Smith và những người khác đi. Họ sẽ hoan hỉ lắm đấy.

Còn bản thân Meggie gắng gượng lê bước về Nhà Lớn, vào phòng khách, và kỳ diệu vô cùng, Fee không làm việc, mà đang chuyện trò với Anne Mueller trong bữa trà. Khi Meggie vào, cả hai cùng quay lại và nhìn mặt chị, họ hiểu ngay : đã có chuyện gì xảy ra.

Mười tám năm liền, vợ chồng Mueller thường xuyên đến thăm

Drogheda, và tưởng chừng sẽ như thế mãi mãi. Nhưng mùa thu vừa qua, Luddie chết đột ngột, và Meggie lập tức viết thư cho Anne, mời bà về ở hẳn Drogheda. Chỗ ở thì thừa thãi, trong căn nhà nhỏ dành cho khách có thể sống theo sở thích, không bị ai làm phiền. Nếu lòng kiêu hãnh không cho phép làm khác thì Anne cứ việc trả tiền nhà, mặc dù thực tình mà nói, gia đình Cleary có đủ tiền để tiếp một nghìn vị khách thường xuyên. Đối với Meggie, đây là một dịp để tạ ơn Anne về những năm cô đơn đáng ghi nhớ ở Queensland, còn đối với Anne thì đây thực sự là lối thoát. Tuy nhiên bà không bán Himmelhoch, mà để lại ở đây một người quản lý: sau khi bà qua đời, Justine sẽ thừa kế tất cả.

– Có chuyện gì vậy, Meggie? – Anne hỏi.

Meggie ngồi xuống chiếc ghế bành.

– Tựa như em bị trời đánh.

– Chuyện gì vậy?

– Cả mẹ và chị đều nói đúng. Mẹ và chị nói rằng em sẽ mất nó. Nhưng em không tin, em thực sự cho rằng em thắng được Chúa trời. Nhưng trên đời này không người phụ nữ nào thắng được Chúa trời. Vì ông ta là đàn ông mà.

Fee rót trà cho con gái.

– Này, uống đi. – Bà nói, tuồng như trà bồi bổ sức lực không kém gì brandy – Tại sao con mất nó kia chứ?

– Nó có ý định trở thành linh mục.

Meggie cất tiếng cười và òa khóc.

Anne lấy nạng, khập khiễng tới gần Meggie, vụng về ngồi xuống tay ghế bành của chị và bắt đầu vuốt mái tóc tuyệt diệu vàng rực như lửa.

– Ôi chào, em thân yêu! Chuyện ấy không lấy gì làm ghê gớm cho lắm!

– Bà có biết chuyện về Dane không? – Fee hỏi.

– Tôi biết từ đầu. – Anne đáp.

Meggie cố cầm nước mắt.

– Chị cho rằng điều ấy không lấy gì làm ghê gớm lắm phải không? Đây là bước đầu của sự kết thúc, chẳng lẽ chị không hiểu sao? Sự trừng phạt. Em đánh cắp Ralph của Chúa trời, và em phải đền lại bằng đứa con trai. Mẹ đã nói với con rằng đây là vụ đánh cắp, mẹ nhớ chứ? Con không muốn tin mẹ, nhưng hóa ra bao giờ mẹ cũng vẫn đúng.

– Nó sẽ vào trường thánh Patrick chứ? – Fee hỏi một cách thông thạo.

Meggie bật cười, bây giờ tiếng cười hầu như đã bình thường.

– Đây vẫn chưa phải là sự trừng phạt đầy đủ, mẹ ạ. Không, cố nhiên, con sẽ gửi nó đến với Ralph. Một nửa bản thân nó là do Ralph mà có, thế thì hãy để cho Ralph được vui sướng. – Meggie nhún vai. – Đối với con, nó có ý nghĩa nhiều hơn Ralph, và con biết nó muốn đi La Mã.

– Thế em có nói với Ralph về Dane không? – Anne hỏi, lần đầu tiên điều đó được nêu ra.

– Không, và em sẽ không bao giờ nói. Không bao giờ.

– Hai người giống nhau lắm, ông ấy có thể tự đoán ra.

– Ai, Ralph ấy ư? Không bao giờ ông ấy đoán ra! Điều ấy dù thế nào đi nữa em vẫn cứ giữ riêng cho mình. Em gửi gắm cho ông ấy con trai *của em, của em*, thế thôi. Ông ấy sẽ không có được con trai

của mình do em sinh ra.

– Hãy coi chừng các thần, Meggie, các thần hay ghen lắm. – Anne nói một cách mềm mỏng. – Có lẽ họ vẫn chưa tính sổ xong với em đâu.

– Họ còn có thể làm gì em nữa? – Meggie phản đối một cách cay đắng.

* * *

Được biết tin, Justine nổi khùng, tuy ba bốn năm gần đây cô đã ngấm ngấm ngờ rằng việc đó sẽ xảy ra. Đối với Meggie, quyết định của Dane như sét giữa trời quang, nhưng đối với Justine, đấy là làn nước hương sen giá buốt mà cô chờ đợi từ lâu.

Hai chị em đã cùng học trường phổ thông Sydney, ngay từ hồi ấy Dane đã thổ lộ với cô nhiều điều mà cậu không bao giờ nói với mẹ. Justine biết đối với Dane tôn giáo có ý nghĩa lớn lao như thế nào, – không chỉ riêng Chúa trời mà là ý nghĩa thần bí của các nghi thức thiên chúa giáo. Cho dù Dane có được giáo dục như một người thanh giáo, Justine nghĩ, thì nhất định nó sẽ đổi theo đạo thiên chúa, chỉ có đạo thiên chúa mới làm thỏa mãn được một niềm khao khát gì đó vốn có sẵn trong tâm hồn nó vì bản chất nó là như thế. Vị Chúa khắc nghiệt của đạo Calvinistic không thích hợp với Dane. Chúa của Dane là những vệt sáng của kính ghép nhiều màu, chìm trong khói trầm nghi ngút trang điểm bằng đăng ten và những hình thêu bằng vàng được ca ngợi bằng nhạc điệu trang nhã và lời cầu Chúa bay vút lên bằng những vần thơ La Tinh du dương.

Lại còn một sự giễu cợt độc ác nữa của số phận: một người được trời phú cho vẻ đẹp hiếm có mà lại phiền muộn về sự đẹp trai đó như vướng phải một trở ngại ác nghiệt, như thể mình là một kẻ tàn tật. Dane có thái độ chính như thế đối với ngoại hình của mình. Hễ cứ nhắc đến vẻ đẹp của cậu là cậu phật ý; dường như cậu sẽ vừa ý hơn nếu cậu là kẻ xấu xí và không có gì hấp dẫn mọi người. Cô chị hiểu em phần nào, có lẽ bởi vì nghề nghiệp của cô gắn liền với sự chiêm ngưỡng trong chừng mực nhất định, thậm chí cô cho rằng Dane không có những thói tự chiêm ngưỡng ấy là tốt. Nhưng cô không thể hiểu nổi tại sao Dane chẳng những đứng đưng với vẻ ngoài của mình, mà còn có thái độ cực kỳ gớm ghét nó.

Tiếng nói của giới tính ở cậu rõ ràng bị đè nghẹt, còn duyên do vì sao thì không rõ; hoặc giả cậu đã học được nghệ thuật điều luyện thăng hoa dục vọng của mình, hoặc trong tấm thân tuyệt mỹ ấy thiếu mất một cái gì căn bản chỉ bộ não mới tạo nên được. Nhiều phần chắc là do nguyên nhân thứ nhất, chẳng thế mà Dane thường xuyên luyện tập một môn thể thao nào đó đòi hỏi nhiều sức lực, và ban đêm cậu trăn trở trên giường, nhọc lữ. Justine biết chắc rằng về thể chất em trai cô hoàn toàn “bình thường”, nói cách khác, tuyệt nhiên cậu không có khuynh hướng đồng tính luyến ái, thậm chí cô biết em ưa thích những cô gái nào – những cô gái cao lớn, mũm mĩm, tóc sẫm màu. Nhưng mọi tình cảm ở cậu đều bị dập tắt; cậu không để ý đến những vật mình cầm trong tay gây nên cảm giác gì, cậu không cảm thấy mùi mẽ, không đặc biệt thích thú về hình dạng và màu sắc của mọi vật xung quanh. Phải có cái gì hết sức đột ngột và mãnh liệt để phụ nữ cuốn hút được cậu, chỉ trong những phút cực kỳ hiếm hoi cậu

dường như mới ý thức được rằng trên đời này có những cảm giác và cảm xúc mà hầu hết mọi người đều cố bám giữ cho thật lâu.

Dane đã kể hết với chị sau một buổi diễn, trong hậu trường của nhà hát Culloden. Hôm ấy đã nhận được sự đồng ý của La Mã. Dane nóng lòng muốn Justine biết tin đó, tuy cậu biết rằng chị hoàn toàn không thích điều đó. Trước đây cậu nói với chị về những ước mơ và khát vọng của mình ít hơn nhiều so với những gì cậu muốn nói, vì chị nổi cáu ngay. Nhưng chiều hôm ấy, ở hậu trường, cậu không nén nổi niềm vui sướng của mình nữa.

– Đồ ngốc. – Justine nói với giọng gớm ghiếc.

– Em không mong muốn gì khác.

– Thằng ngớ ngẩn.

– Chị có mắng em đi nữa cũng không thay đổi được gì.

– Em tưởng chị không hiểu điều đó ư? Chẳng qua mắng mỏ làm cho lòng vợ đi chút ít, chị cần có sự giải tỏa nào đó.

– Em tưởng chị đã giải tỏa tình cảm khá đủ trong vai Electra rồi. Chị đóng rất tốt, Justine ạ.

– Sau cái tin này ngày hôm nay chị đóng còn hay hơn nữa. – Justine hứa hẹn với vẻ bực bội. – Còn em thế nào, em sẽ vào trường thánh Patrick chứ?

– Không, em sẽ đi La Mã, đến với Hồng y de Bricassart. Mẹ đã thu xếp xong hết.

– Ồ kìa, Dane! Đi xa thế kia à?

– Còn chị nữa, tại sao chị không ra đi, sang Anh chẳng hạn? Với cái vốn kiến thức và khả năng của chị, xin vào một đoàn diễn viên nào đó chắc không lấy gì làm khó lắm.

Justine ngồi trước gương, vẫn còn vận y phục của Electra, đang gỡ bỏ hóa trang. Đôi mắt lạ thường của cô tô vẽ một cách kỳ quặc, viền những quầng đen, nom càng lạ thường hơn. Cô chậm rãi gặt đầu.

– Ủ, hẳn là chị cũng có thể đi được chứ nhỉ? – Cô nói bằng giọng trầm ngâm. – Đã đến lúc từ lâu rồi... Ở Úc bây giờ chị cũng cảm thấy hơi gò bó... Đúng đấy, anh bạn ạ! Cậu nói xác đáng lắm. Nước Anh thì nước Anh!

– Tuyệt diệu! Chị thử nghĩ xem! Em sẽ có những kỳ nghỉ, ở các trường dòng, sinh đồ cũng được nghỉ như ở các trường đại học. Chúng ta sẽ thu xếp thế nào để được nghỉ cùng một thời gian, ta sẽ đi du lịch ít nhiều ở châu Âu, rồi sẽ cùng về nhà, về Drogheda. Em đã cân nhắc kỹ mọi điều, chị Justine! Nếu thêm nữa lại có chị ở gần thì quả là tuyệt trần!

Justine mỉm cười.

– Còn phải nói! Nếu như chị không còn được tán gẫu với em thì sống thế còn là sống à?

– Ấy thế, chẳng phải vô cơ mà em vẫn sợ chị sẽ nói như vậy. – Dane cũng mỉm cười. – Không, thật đấy, Justine ạ, chị làm em lo ngại. Chị mà ở gần và chị em ta có thể gặp nhau, dù chỉ là thỉnh thoảng thôi thì em thích hơn. Không thì ai sẽ là tiếng nói lương tâm của chị.

Cậu lượn qua giữa cái mũ của người chiến binh thời cổ và cái mặt nạ ghê gớm của Pythoness^[112], ngồi xuống sàn, thu người lại để chiếm một chỗ nhỏ hơn, bây giờ cậu nhìn thấy mặt chị và không làm vướng chân ai. Ở nhà hát Culloden chỉ có hai “ngôi sao” có buồng hóa trang riêng, còn Justine hiện thời vẫn chưa trở

thành ngôi sao. Cô phục trang trong buồng chung của diễn viên, ở đó các nữ đồng nghiệp của cô đi lại như mắc cửi.

– Quỷ xé xác cái lão Hồng y de Bricassart ấy đi! – Cô nói với vẻ hằn học. – Mới thoát nhìn chị đã căm ghét lão ta.

Dane bật cười.

– Không hề có chuyện như thế, đấy là chị bịa đặt ra.

– Không, chị căm ghét!

– Không hề có chuyện như thế. Có lần trong lễ giáng sinh, bác Anne đã kể với em, chị không biết đâu nhé.

– Chị không biết cái gì kia? – Justine hỏi một cách e dè.

– Hồi chị còn bé, Ngài đã cho chị ăn sữa bằng chai và ru chị và chị đã ngủ trên tay Ngài. Bác Anne bảo thuở bé chị quấy lắm và không chịu cho bế, nhưng khi Ngài bế chị thì thậm chí chị lấy làm thích.

– Nói nhảm!

– Không, không phải là nói nhảm. – Dane mỉm cười. – Thế bây giờ, thực ra vì lẽ gì mà chị căm Ngài mới được chứ?

– Chị căm thù, có thể thôi. Một con chim ăn xác thối già nua gầy nhom, lão khiến chị muốn lộn mửa.

– Thế mà em lại thích Ngài. Thích từ xưa đến giờ. Cha Watty gọi Ngài là đấng chặn chân chân chính. Em cũng nghĩ như thế.

– Lão thầy tu hổ mang...

– Justine!!!

– A ha, rút cuộc em đã bực tức vì những tình cảm tốt đẹp nhất của mình bị xúc phạm! Chị đánh cuộc là em tưởng chị không biết đến những lời như thế nữa kia.

Mắt Dane long lanh cười cợt.

– Thế chị có biết câu đó nghĩa là gì không ? Nào, Jussy, cắt nghĩa đi!

Khi Dane bắt đầu trêu ghẹo cô, Justine không thể gan lì được, và mắt cô cũng long lanh vui vẻ.

– Này nhé, có lẽ em định trở thành một vị thánh, chú ngọc xấu số ạ, nhưng nếu cho đến giờ em vẫn chưa biết cái đó là thế nào thì không nên tìm biết là hơn.

Dane trở nên nghiêm trang.

– Đừng lo, em sẽ không làm việc đó đâu.

Ở bên cạnh cậu xuất hiện một cặp chân phụ nữ nhỏ nhắn, cân đối, cặp chân đó quay ngoắt đi. Dane ngược mắt lên, đỏ mặt tía tai, nhìn đi nơi khác, nói một cách thờ ơ :

– A, Martha, chào chị.

– Chào cậu.

Cô gái đẹp lạ lùng, không tài ba chi lắm, nhưng chỉ riêng sự xuất hiện của cô trên sân khấu đã tô điểm cho bất cứ vở diễn nào. Thêm nữa, dường như cô sinh ra là để sánh đôi với Dane, và Justine đã nhiều lần nghe thấy Dane ca ngợi cô. Vóc người cao lớn, cô là cô gái mà các nhà phê bình điện ảnh vẫn gọi là trái bom Sex. Tóc đen nhánh, mắt đen, da trắng như tuyết, ngực cao.

Martha ngồi lên mép chiếc bàn của Justine, bắt chân nọ lên chân kia ngay trước mũi Dane với vẻ khiêu khích và nhìn chăm chăm vào cậu, cái nhìn trầm trồ ra mặt khiến cậu bối rối. Trời ơi, cậu ta đẹp trai quá! Không thể hiểu nổi con bé Justine mặt tàn nhang làm sao có được cậu em xinh trai như thế? Có lẽ cậu ta

chưa quá mười tám, và có lẽ như thế là cô dụ dỗ trẻ em vào con đường hư hỏng, nhưng cóc cần.

– Hay là đến chỗ tôi uống cà phê hoặc thứ gì đó nhé? – Martha đề nghị, từ trên nhìn Dane ở phía dưới. – Tôi mời cả hai chị em đấy. – Cô nói thêm một cách miễn cưỡng.

Justine lắc đầu với vẻ dứt khoát, trong mắt cô loé lên một ý nghĩa không nói ra.

– Không, cảm ơn, tôi không có thời giờ. Sẽ chỉ có Dane thôi, bạn bằng lòng vậy.

Nhưng Dane lắc đầu cũng cương quyết như vậy, mặc dù không phải không có phần luyến tiếc, rõ ràng sự cảm dỗ quả là quá lớn.

– Cảm ơn Martha, nhưng tôi không có thời giờ. – Cậu nhìn đồng hồ, như đây là lối thoát cuối cùng. – Ôi, tôi phải đi rồi đây. Chị sắp xong chưa, Justine?

– Mười phút nữa chị sẽ xong.

– Em đợi chị ở ngoài đường, được chứ?

– Đồ hèn nhát! – Justine nhếch mép cười.

Martha dăm chiêu nhìn theo gã trai bằng cặp mắt đen láy.

– Quả là đẹp tuyệt trần. Nhưng tại sao cậu ta không để mắt đến tôi.

Justine cười gượng, cuối cùng cô đã xóa bỏ hết hóa trang. Những vết tàn hương lại lộ ra. Có lẽ Luân Đôn sẽ giúp cô trừ được tàn nhang, ở đây không có ánh mặt trời.

– Nó sẽ để mắt đến, đừng lo. Nó cũng thích đấy. Có điều là nó sẽ không hành động. Đây là Dane mà.

– Nhưng tại sao? Nói cho đúng thì làm sao cậu ta lại như thế?

Song đừng có nói với tôi rằng cậu ta là kẻ đồng tính luyến ái! Quý thật, không hiểu sao tất cả những người đàn ông đẹp trai tuyệt trần mà tôi gặp thì người nào cũng là kẻ đồng tính luyến ái? Nhưng về Dane thì tôi không bao giờ nghĩ như thế, theo tôi không có gì giống như thế cả.

– Im đi, cô ả ngốc nghếch khốn khổ ạ! Nó tuyệt nhiên không phải là kẻ đồng tính luyến ái. Nó mà để mắt đến thằng cha William nhân vật người tình của chúng ta là tở vạ cổ cả hai ngay.

– Ờ được, nếu cậu ta không phải là như thế và cậu ta cũng thích thì có gì ngăn trở đâu nhỉ? Có lẽ cậu ta không hiểu tôi chẳng? Hay có lẽ cậu ta cho rằng tôi quá già so với cậu ta.

– Cô bé ơi, đừng lo, đối với người đàn ông bình thường thì cô có đến một trăm tuổi cũng không già. Không, thằng ngốc ấy đã từ bỏ dục tính suốt đời. Nó rấp tâm trở thành linh mục.

Cặp môi mọng của Martha hé mở một cách sững sốt, cô hát mái tóc đen dày rậm như cỗ bờm ra sau lưng.

– Thôi đừng đùa nữa!

– Mình nói thật mà.

– Thế là thế nào, tất cả những cái đó sẽ bỏ hoài ư?

– Mình sợ rằng sự thể đúng như thế. Nó hiến dâng tất cả cho Chúa trời.

– Thế thì chính Chúa trời là kẻ đồng tính luyến ái hơn cả Willie.

– Có lẽ đằng ấy nói đúng, – Justine đáp. – Dù sao đi nữa, ông ta cũng không thích phụ nữ. Chúng ta là loại hai, là tầng gác trên cùng. Ghế lô và những dây đầu tầng dưới chỉ dành cho đàn ông.

– Ô-ô.

Justine trút bỏ y phục của Electra, mặc bộ áo váy vải hoa mỏng. Chợt nhớ ra rằng bên ngoài trời lạnh, cô mặc thêm chiếc áo len dài tay và xoa đầu Martha với vẻ bao dung.

– Đừng buồn nữa, cô bé ạ. Chúa trời rất rộng lượng với đấng ấy – không cho đấng ấy một bộ óc. Hãy tin tớ : không có óc tiện hơn nhiều. Đấng ấy sẽ không bao giờ là tình địch của giới khỏe.

– Cái đó thì không biết, tôi sẵn lòng ganh đua với Chúa trời để đoạt lấy em trai đấng ấy.

– Đừng có nghĩ đến chuyện đó. Không thể thắng nổi nhà thờ đâu, một mưu đồ vô vọng. Ngay đến thằng cha Willie, đấng ấy cũng còn dễ quỵen rũ hơn; hãy tin mình.

* * *

Chiếc ô tô do Vatican phái đi đón Dane ở sân bay phóng vùn vụt trên các đường phố bọt màu chan hòa ánh nắng, phố xá đông đúc toàn những người xinh đẹp tươi cười. Dane dán mặt vào cửa sổ, hoan hỉ đến ngây người, hạnh phúc biết bao, được tận mắt nhìn thấy tất cả những gì chỉ biết qua tranh ảnh – những cột tròn của La Mã, những cung điện lộng lẫy và nhà thờ thánh Pie với tất cả sự huy hoàng của thời Phục hưng.

Và lần này, toàn thân đỏ thắm từ đầu đến chân, Ralph Rauol, hồng y de Bricassart đang chờ cậu. Tay chìa ra, chiếc nhẫn lấp lánh. Dane quỳ xuống, hôn chiếc nhẫn.

– Đứng dậy, Dane, cho ta nhìn con nào.

Cậu đứng dậy, mỉm cười với Đức Hồng y. Cả hai đều rất cao, tầm vóc như nhau và nhìn thẳng vào mắt nhau. Dane có cảm giác ở con người này tỏa ra sự cao cả tinh thần không thể hiểu được. Ngài giống Giáo hoàng hơn là một vị thánh, nhưng mắt không như mắt Giáo hoàng, mà buồn vô hạn. Hẳn là Ngài đã trải qua biết bao đau khổ và đã vượt lên trên nỗi đau khổ của mình với đức tính cao quý biết chừng nào để trở thành đáng hoàn hảo nhất trong các đáng chẵn chẵn.

Còn Hồng y Ralph nhìn con trai, không hề ngờ rằng nó là con trai ông và tưởng rằng ông thấy chàng trai đáng yêu chỉ vì đây là con trai của Meggie yêu dấu. Ông mong muốn nhìn thấy con trai mình chính như thế, nếu đây là điều có thể có – cao lớn, cân đối duyên dáng, đẹp lạ thường, đúng như thế. Chưa bao giờ ông thấy có người nào mà mỗi cử động đều duyên dáng đến như thế. Nhưng, điều đáng vui mừng gấp bội so với vẻ đẹp bên ngoài là vẻ đẹp lồ lộ của tâm hồn. Ở gã trai này ta cảm thấy một sức mạnh thiên thần. Thế còn bản thân ông, hồi mười tám tuổi, ông có như thế không? Hồng y cố nhớ lại, trở lại ba mươi năm trước, quãng đầu của cuộc đời rất nhiều biến cố; không, ông không bao giờ như thế. Có lẽ là vì chàng trai này thực sự tự chọn lấy số phận của mình chẳng? Còn Ralph de Bricassart không tự mình lựa chọn, tuy ông cảm thấy thiên hướng của mình, điều đó ngay giờ đây ông cũng không hề ngờ vực.

– Ngồi xuống, Dane. Con đã bắt đầu học tiếng Ý như ta yêu cầu chưa?

– Con đã nói thạo, có điều con chưa nắm chắc các đặc ngữ, con đọc không đến nỗi kém. Con học khá dễ dàng có lẽ vì đây đã là ngoại ngữ thứ tư của con. Con học tiếng rất dễ dàng. Chừng vài

tuần đến một tháng nữa, con cho rằng ở đây con sẽ có thể nắm vững cả ngôn ngữ nói sinh động.

– Tất nhiên rồi. Ta học tiếng cũng dễ dàng.

– Khả năng học ngoại ngữ, nói chung đây là điều thuận lợi. – Dane áp úng thốt lên. Cái dáng hình uy nghi trong bộ đồ đồ thảm khiến cậu bối rối. Bỗng nhiên cậu có cảm giác khó tin rằng hồi nào con người này quả thật đã từng đến Drogheda, cưỡi con ngựa thiến sắc hồng.

Hồng y cúi xuống gần cậu, nhìn vào mặt cậu.

“Em phó thác nó cho ông. – Meggie viết – Bây giờ ông chịu trách nhiệm về sự yên ổn của nó, về hạnh phúc của nó. Em trả cho ông cái mà em đã đánh cắp. Cuộc sống đòi hỏi em điều đó. Chỉ xin ông hứa với em hai điều, như vậy em sẽ yên tâm, sẽ biết rằng ông thực sự chăm lo đến lợi ích của nó. Thứ nhất, trước khi tiếp nhận nó, hãy tìm hiểu kỹ để biết chắc rằng đúng nó thực sự muốn chọn một số phận như thế. Thứ hai, nếu đích thực là nó mong muốn điều ấy, hãy theo dõi, kiểm tra xem nguyện vọng của nó có thay đổi không. Nếu nó thất vọng, hãy cho nó trở về với em. Bởi vì nó trước hết là của em. Mà em tự ý nhường nó cho ông.”

– Dane, con tin chắc rằng con lựa chọn không nhầm chứ? – Hồng y hỏi.

– Chắc ạ.

– Tại sao?

Cái nhìn phiêu diêu kỳ lạ của gã trai, và điều làm ông bối rối là ở nó có cái gì rất quen thuộc, nhưng dường như từ dĩ vãng xa xăm.

– Bởi vì ở con tràn đầy lòng yêu Chúa. Con muốn suốt đời phụng thờ Chúa.

– Con có hiểu việc phụng thờ đó đòi hỏi ở con những gì không, Dane?

– Con hiểu.

– Con có hiểu rằng không một tình yêu nào khác được xen vào giữa con và Chúa không? Con sẽ phải hoàn toàn thuộc về Chúa và phải từ bỏ mọi sự gắn bó khác?

– Con hiểu.

– Và tuân theo ý Chúa trong mọi việc, để phụng sự Chúa con phải chôn vùi cá tính của mình, cái ‘Tôi’ riêng của mình, cảm giác về sự duy nhất và không lặp lại của mình?

– Con hiểu.

– Và nhân danh Chúa, nếu cần con phải chịu đựng cả cái đó, cả tù đày, cả cái chết? Và không được chiếm hữu gì hết, không được quý trọng cái gì làm giảm bớt dù là chút tình yêu của con đối với Chúa?

– Con hiểu.

– Con đủ sức không, Dane?

– Con là nam nhi, thừa Đức Ông. Trước hết con là người đàn ông. Con biết là sẽ khó khăn. Nhưng con sẽ cầu nguyện, và Chúa sẽ giúp con có được sức mạnh.

– Con không thể làm khác được ư, Dane? Không còn con đường nào khác làm con thoả mãn được ư?

– Không ạ.

– Con sẽ làm thế nào nếu sau này con nghĩ lại?

– Khi ấy con sẽ xin cho con ra khỏi trường dòng. – Dane nói, ngạc nhiên vì câu hỏi ấy. – Nếu con nghĩ lại thì như thế chỉ có

nghĩa là con đã làm, con không hiểu thiên hướng của mình. Khi ấy thì nên xin ra. Lòng yêu Chúa của con sẽ không hề giảm đi, nhưng khi ấy con sẽ biết rằng Chúa chờ đợi ở con một cách phụng sự khác.

– Thế con có hiểu rằng khi con đã có lời khẩn nguyện cuối cùng và đã chịu chức thì sẽ không trở lại được nữa, chẳng bao giờ có cái gì giải thoát cho con được nữa không?

– Con hiểu. – Dane kiên nhẫn trả lời. – Nhưng nếu cần có quyết định khác thì con sẽ quyết định sớm hơn.

Ralph thở dài ngả người lên lưng ghế bành. Hồi xưa ông có tin chắc như thế vào sự lựa chọn của mình không? Ông có sức mạnh như thế không?

– Tại sao con đến với ta, Dane? Tại sao con muốn đến La Mã? Tại sao con không ở lại Úc?

– Đây là do mẹ con thu xếp, nhưng con mơ ước La Mã từ lâu. Song con nghĩ rằng không có tiền để thực hiện mơ ước ấy.

– Mẹ con là người rất sáng suốt. Thế mẹ không nói với con à?

– Về chuyện gì kia, thưa Đức Ông?

– Về việc con có thu nhập hàng năm 5000 bảng và còn nhiều ngàn nữa ở tài khoản của con tại nhà băng?

Dane chau mày.

– Không ạ. Mẹ con chưa bao giờ nói với con.

– Rất sáng suốt. Nhưng số tiền ấy có đấy, và La Mã ở trong tầm tay con, nếu con muốn. Vậy con muốn ở lại La Mã ư?

– Vâng.

– Thế tại sao con muốn đến với ta?

– Bởi vì đối với con, Đức Ông là tấm gương về đứng chẵn chiên chân chính, thưa Đức Ông.

Hồng y nhăn mặt đau đớn.

– Không, Dane, con không được nhìn ta như thế. Ta còn xa mới là đứng chẵn chiên mẫu mực. Con nên hiểu, ta đã lỗi phạm tất cả các lời khẩn nguyện của ta. Ta là người, cũng như con thôi, con biết đấy, ta đã phải học tập bằng con đường khổ ải nhất đối với một linh mục : lỗi phạm những lời khẩn nguyện. Bởi vì ta không muốn thừa nhận rằng ta trước hết chỉ là một người trần tục, rồi sau mới là linh mục.

– Điều đó không đáng kể gì, thưa Đức Ông. – Dane nói khê. – Dù sao đối với con Đức Ông vẫn là tấm gương về đứng chẵn chiên chân chính. Con cho rằng chẳng qua Đức Ông không hiểu ý con muốn nói gì. Đối với con, lý tưởng hoàn toàn không phải là cỗ máy tự động vô hồn không biết đến sự yếu đuối của xác thịt con người. Con nói về việc Đức Ông đã đau khổ và bằng cách đó mà lên tới sự cao cả. Có lẽ nói như vậy là quá tự thị chẳng? Thực tình con không muốn như vậy. Nếu con xúc phạm đến Đức Ông thì xin thứ lỗi cho con. Rất khó tìm lời lẽ cần thiết! Con muốn nói rằng để trở thành đứng chẵn chiên chân chính, cần phải qua nhiều những đau khổ nặng nề, và phải luôn luôn có lý tưởng ở trước mắt và nhớ đến Chúa.

Chuông điện thoại réo, Hồng y đưa tay ngấp ngừng cầm lấy ống điện thoại, nói bằng tiếng Ý.

– Vâng, cảm ơn, chúng tôi đến ngay bây giờ đây. – Ông đứng lên. – Đến giờ uống trà rồi, người bạn cố tri của ta đang đợi chúng ta. Ngài có lẽ là đáng bậc quan trọng nhất của nhà thờ sau Giáo

hoàng. Ta đã nói với Ngài rằng con sẽ tới và Ngài tỏ ý muốn làm quen với con.

– Cám ơn, thưa Đức Ông.

Hai người đi qua các hành lang, rồi đi qua các khu vườn đẹp hoàn toàn không như các khu vườn ở Drogheda, qua bên các cây bách và cây dương, qua chỗ các bồn cỏ vuông vắn gọn gàng, dọc theo chúng có những đường cầu thang tấp lát đá phiến đầy rêu; qua những vòm cuốn kiểu Gothic, qua dưới những chiếc cầu nhỏ theo phong cách Phục hưng. Dane háo hức thu nhận tất cả những cái đó, mọi cái đều làm cậu mê thích. Một thế giới kỳ diệu, không giống nước Úc chút nào, một thế giới cổ xưa, vĩnh cửu.

Mặc dù họ đi nhanh mà vẫn mất trọn mười lăm phút. Họ vào cung điện, lên cái cầu thang uy nghi bằng đá cẩm thạch, đi dọc những bức tường có treo những tấm thảm vô giá.

Vittorio Scarbanza, Hồng y di Contini-Verchese đã ngoài sáu mươi sáu, ông mắc bệnh tê thấp và đã mất vẻ cân đối và linh hoạt trước kia, nhưng trí tuệ ông vốn minh mẫn và sắc sảo, nay vẫn thế. Trên đùi ông, con vật yêu mến hiện nay của ông, con mèo cái Xibir màu khói hương Natasha nằm cuộn mình, gừ gừ – Ông không thể đứng lên đón khách, vì vậy ông chỉ mỉm cười niềm nở và ra hiệu mời vào. Ông nhìn khuôn mặt của Ralph mà ông yêu mến từ lâu, rồi nhìn Dane O'Neill... mắt ông mở rộng, rồi thu hẹp lại, cái nhìn bất động xoáy vào chàng trai. Trái tim thảng thốt giật thót, bàn tay chìa ra cho khách tự dưng áp chặt vào ngực, như che chở cho trái tim già lão khỏi đau – Hồng y ngồi và sững sờ, ngơ ngẩn nhìn chàng trẻ tuổi giống Ralph de Bricassart như đúc.

– Vittorio, Ngài không được khỏe ư? – Ralph lo ngại hỏi, thận

trọng cầm lấy cái cườm tay mảnh dẻ, bắt mạch.

– Không hề gì. Chuyện vặt, đau một lát thôi. Mời ngồi, mời ngồi.

– Trước hết cho phép tôi giới thiệu với Ngài : Dane O'Neill, như tôi đã kể với Ngài, cháu nó là con một người bạn rất thân lâu năm của tôi. Dane, đây là Đức Hồng y di Contini-Verchese.

Dane quỳ một gối xuống, áp môi vào chiếc nhẫn của Hồng y. Phóng tầm mắt qua phía trên mái đầu vàng ánh cúi xuống, Hồng y Vittorio nhìn Ralph, nhìn chăm chăm vào mặt, cái nhìn sắc sảo, dò xét mà đã nhiều năm nay ông không hề nhìn như thế. Và ông cảm thấy nhẹ nhõm hơn chút ít : như vậy là người phụ nữ ấy không nói gì với ông ta. Còn bản thân ông ta cố nhiên không hề ngờ tới cái điều sẽ tức khắc xảy ra trong đầu óc bất cứ người nào nhìn thấy hai con người này ở cạnh nhau. Cố nhiên người ta không đoán ra đây là cha và con, nhưng sẽ hiểu ngay rằng giữa hai người có mối quan hệ ruột thịt gần gũi. Tội nghiệp Ralph! Ông ta không bao giờ từ phía ngoài nhìn thấy dáng đi, vẻ mặt của mình, chưa bao giờ nhận thấy lông mày bên trái của ông giật giật như thế nào. Chúa đích thực là lòng lành khi tạo dựng nên con người vốn mù quáng.

– Mời ngồi. Sẽ có trà đưa lên ngay bây giờ. Này, anh bạn trẻ, vậy là con muốn chịu chức và nhờ Đức Hồng y de Bricassart giúp đỡ phải không?

Dane mỉm cười, đấy là nụ cười của Ralph, có lẽ chỉ khác một điều là nó không có cái chủ ý cảm dỗ vốn có ở Ralph, nhưng đấy vẫn là nụ cười của Ralph, và trái tim già lão mệt mỏi giật nảy lên, như thể bị dây thép gai kéo sượt qua.

– Con bàng hoàng, thưa Đức Ông. Trước đây con không thực sự hình dung được các đấng Hồng y đứng cao như thế nào. Ngay trong chiêm bao con cũng không tưởng đến chuyện con được đón ở sân bay và con sẽ uống trà với các Đức Ông.

– Ồ, điều đó không thông thường lắm... thậm chí có thể gây xúc động, ta hiểu. A kìa, có trà đây rồi. – Ông thích thú nhìn người ta bày lên chiếc bàn con mọi thứ cần thiết, rồi giơ một ngón tay lên ngăn trước. – Không – không ! Chính tôi sẽ làm “nội trợ”. Rót trà cho con thế nào đây, Dane?

– Cũng như với Ralph ạ. – Dane trả lời và đỏ mặt tía tai. – Xin Đức Ông thứ lỗi, con trót lỡ lời!

– Không sao, Dane ạ, Đức Hồng y di Contini-Verchese hiểu thôi. Hồi xưa ta với con quen nhau chỉ như Dane và Ralph, vì thế càng biết rõ nhau hơn, phải thế không? Lối xưng hô kiểu cách còn là mới mẻ đối với chúng ta. Ta thích trong đời tư, chúng ta với nhau vẫn cứ là Ralph và Dane thì hơn. Đức Ông sẽ không phản đối phải không, Vittorio?

– Vâng, đúng vậy. Chính tôi vẫn thích gọi mọi người chỉ bằng tên. Nhưng ta hãy trở lại với điều tôi đã nói về những người bạn cấp cao, con của ta ạ. Dù con chọn chủng viện nào đi nữa, khi con vào học, tình bạn lâu năm của con với Ralph của chúng ta có thể đặt con vào tình thế hơi khó xử. Sẽ rất mệt nếu cứ phải giải thích mỗi khi có người nào nhận thấy điều gì đó về việc ấy. Chúa đôi khi cũng cho phép ta nói dối để cứu rỗi, – Hồng y Vittorio mỉm cười, những chiếc răng vàng lấp lánh, – và để tiện cho tất cả mọi người, ta cho rằng chúng ta nên dùng đến một sự bịa đặt nhỏ nhặt vô hại. Giải thích một cách đơn giản và dễ hiểu mối quan hệ

tình bạn tinh tế là một nhiệm vụ không dễ. Nhưng giải thích về mối quan hệ ruột thịt thì rất dễ dàng và đơn giản. Vì thế chúng ta sẽ nói với mọi người rằng Hồng y de Bricassart là bác ruột của con, anh bạn Dane của ta ạ, chúng ta quyết định thế nhé. – Hồng y Vittorio nói thêm với nụ cười hết sức nhã nhặn.

Dane sững sốt và bối rối ra mặt, Hồng y de Bricassart nghiêng đầu phục tùng.

– Đừng thất vọng về những người vĩ đại của thế giới này, con ạ. – Hồng y Vittorio nói bằng giọng mềm mỏng. – Họ cũng có chỗ yếu của họ, để cho thuận tiện đôi khi họ cũng dùng đến sự nói dối vô hại để giải thoát. Con vừa nhận được một bài học có ích, tuy rằng chưa chắc con đã có dịp nào phải dùng đến. Song con nên hiểu rằng chúng ta, những đức ông áo đỏ, là những nhà ngoại giao đến tận xương tủy. Hãy tin ta, con của ta ạ, chỉ là vì ta chăm lo cho con. Sự hằn học và ghen tị không chỉ lớn vồn trong các trường đại học thế tục, mà cả trong các chủng viện. Con sẽ phải chịu sự ganh ghét của các bạn cùng học, vì họ coi Ralph là bác con, anh của mẹ con, nhưng con sẽ còn phải chịu đựng nhiều hơn nữa nếu họ nghĩ rằng giữa hai người không có mối quan hệ ruột thịt. Tất cả chúng ta trước hết là người, ở đây cũng như ở bất cứ môi trường nào khác quanh ta, con sẽ tiếp xúc với những con người.

Dane cúi đầu, rồi vươn tay toan vuốt ve con mèo, nhưng chợt dừng lại.

– Được không ạ, thưa Đức ông? Con thích mèo.

Không thể tìm con đường nào chắc chắn hơn, ngắn hơn dẫn đến trái tim già lão thủy chung trong tình cảm quyến luyến của

minh.

– Được. Thú thật là nó dần dần trở nên khá nặng đối với ta. Nó rất thích ăn ngon, phải không, Natasha? Đến với Dane đi, cậu ấy trẻ hơn, cường tráng hơn.

* * *

Với tất cả những đồ lễ vật vĩnh của mình, Justine chuyển từ bán cầu nam sang bán cầu bắc không đơn giản như Dane. Dane đã ở La Mã được hai tháng khi cô chị kết thúc mùa diễn ở nhà hát Culloden và không phải không luyến tiếc già từ căn hộ của mình ở Bothwell Gardens.

– Ở đâu mà lắm đồ tầm tầm thế này nhỉ? – Cô băn khoăn nhìn những áo váy, báo và những hộp nhỏ ngón ngang khắp nơi.

Meggie ngồi xổm trên sàn, ngẩng đầu lên, hai tay chị cầm cái hộp đựng những bó xơ bằng dây thép để cọ xoong nôi.

– Làm sao cái này lại ở dưới gầm giường của con?

Gương mặt đỏ bừng của cô con gái bỗng trở nên nhẹ nhõm hẳn đi.

– Ôi, sáng danh Chúa! Thì ra nó ở đây! Vậy mà con cứ ngỡ là con chó poodle^[113] báu ngọc của Mrs. Devine đã ngón hết rồi, suốt một tuần nay nó lử khử làm sao ấy, thế mà con sợ không dám nói đến chuyện những bó xơ cọ nôi của con biến đâu mất. Con tin chắc rằng con chó ấy đã nuốt hết, con quái này ngón ráo cả những gì không thể ngón được chính bản thân nó. Nói chung con không buồn phiền tí nào nếu như con chó ấy về châu thổ. – Cô

nói thêm với vẻ trầm ngâm.

Meggie vẫn ngồi xồm cười phá lên.

– Chà – chà, Justine! Ở với con thật không thể buồn được. – Chị quăng cái hộp đựng những bó xơ vào gầm giường, ở đó đã chôn cất hàng đống những thứ linh tinh. – Con không làm vinh dự cho Drogheda đâu, con yêu quý của mẹ ạ. Vậy mà chúng ta đã gắng hết sức tập cho con thói quen sạch sẽ và gọn gàng.

– Phí công vô ích, con có thể nói với mẹ điều ấy từ lâu rồi. Hay mẹ đem những bó xơ này về Drogheda chẳng? Đi tàu thủy thì con có thể đem theo bao nhiêu hành lý cũng được, nhưng ở Luân Đôn hẳn là không thiếu cái cọ rửa nôi.

Meggie để chiếc hộp nhỏ vào cái thùng các tông lớn có đề “Mrs. D”.

– Ta sẽ để lại cho bà chủ, bà ấy sẽ phải mất nhiều công sức lắm rồi mới lại có thể cho thuê chỗ này. Sau con thì nơi này thật không thể ở được. – Ở đầu bàn ngất ngưỡng một chồng đĩa chưa rửa nom rất dễ đổ, trên đĩa đây đó mọc mọc lên những sợi ria vênh ngược nom đến đáng sợ. – Thế là thế nào, con không bao giờ rửa bát đĩa à?

Justine phì một tiếng, không mấy may tỏ ra ân hận.

– Dane bảo rằng không phải con rửa bát đĩa, mà là cạo râu chúng.

– Con sẽ phải hớt râu tóc cho chúng trước đã. Tại sao con không rửa bát đĩa ngay sau bữa ăn?

– Bởi vì sẽ phải du hành một lần nữa xuống bếp, mà con thường ăn sau nửa đêm, vào giờ ấy không một ai mê thích đáng đi nhẹ nhàng của con.

– Đưa cho mẹ một cái hòm không nào. Mẹ sẽ hạ chúng xuống và giải quyết xong ngay. – Meggie nói với giọng nhẫn nhịn.

Khi tình nguyện đến giúp con gái sửa soạn lên đường, chị đã thấy trước cái gì đang chờ đợi chị, thậm chí chị thích thú dự cảm trước điều đó. Justine không mấy khi nhận sự giúp đỡ của ai, và mỗi lần ngỏ ý muốn làm cái gì cho con gái, Meggie rút cuộc đều cảm thấy mình hết sức ngớ ngẩn. Nhưng lần này tất cả đều ngược lại, có thể tha hồ giúp nó dọn dẹp trong nhà mà không cảm thấy mình dở dẩn.

Hai mẹ con thu xếp tạm xong, và vẫn bằng chiếc ô tô hòm mà Meggie đánh từ Gilly đến, hai mẹ con chuyển đến khách sạn “Australia”, ở đó Meggie đã thuê một buồng lớn.

– Kể thì gia đình ta cũng nên mua một ngôi nhà ở Palm Beach hay ở Avalon, – Justine nói, đặt vali xuống sàn trong căn buồng ngủ thứ hai. – Ở đây thật là khủng khiếp, ngay trên quảng trường, còn ở đấy, mẹ tưởng tượng xem, chỉ hai bước là đã ở trên bãi tắm. Có thể khi ấy mẹ sẽ thích và sẽ thường xuyên đáp máy bay rời khỏi Gilly hơn?

– Mẹ cần gì phải đi đâu, dù là ra Sydney đi nữa? Bảy năm gần đây, mẹ có mặt ở nơi này mới là lần thứ hai, lần đi tiễn Dane, và lần này tiễn con. Nếu chúng ta có một ngôi nhà nữa ở đâu đó thì nhà sẽ luôn luôn bỏ không.

– Thật là lẩn thẩn.

– Tại sao?

– Tại sao à? Là bởi vì thế giới này không chỉ duy nhất có một Drogheda đáng ghét ấy, vứt quách nó đi cho rồi! Rồi sẽ có lúc con đến phát điên lên vì cái xó ấy mất!

Meggie thở dài.

– Có thể tin mẹ, Justine ạ, rồi sẽ có lúc con khao khát trở về nhà, về chính cái xó Drogheda ấy.

– Thế theo ý mẹ thì Dane cũng thế ư?

Im lặng. Không nhìn con gái, Meggie lấy túi xách tay của mình ở trên bàn.

– Chúng ta muộn giờ mất. Bà Rocher chờ chúng ta đến vào lúc hai giờ. Nếu con muốn bộ áo của con may xong trước lúc con đi thì chúng ta phải gấp lên.

– Thế là con đã bị “sửa gậy” rồi nhé, – Justine nhếch mép cười.

– Này, Justine, tại sao con không giới thiệu với mẹ một người trong số các bạn gái của con? Ngoài Mrs. Devine, mẹ không gặp một ai trong nhà. – Meggie nói khi hai mẹ con đã ngồi trong xưởng may của Germaine Rocher và các cô mặc hàng mẫu làm duyên làm dáng lần lượt xuất hiện trước mặt họ, uể oải, điệu bộ.

– Kìa, nom họ bẽn lễn quá. – Con thích cái mẫu áo màu da cam kia, còn mẹ?

– Không hợp với tóc con. Cái màu xám kia hơn.

– Ps-sì! Màu da cam rất hợp với tóc con. Con mà mặc màu xám thì cứ nom như con chuột chết mà còn bị con mèo kéo lê qua đám bùn. Mẹ lạc hậu với thời đại, mẹ ạ. Người tóc hung bây giờ hoàn toàn không nhất thiết chỉ mặc đồ trắng, xám, đen, xanh ngọc bích hay cái màu khủng khiếp mà mẹ hết sức ham thích – tên nó là gì nhỉ, tro của hoa hồng phải không? Cái quan niệm cổ lỗ thời Victoria?

– Tên của cái màu đó con nhớ kỹ thật đấy. – Meggie xác nhận. Chị quay lại, nhìn con gái. – Con là con quái vật. – Chị càu nhàu với vẻ cáu kỉnh, nhưng trù mến.

Justine không hề dẫn đo chi hết, không phải lần đầu tiên cô được nghe những lời như thế.

– Con sẽ lấy bộ áo váy màu da cam, màu đỏ rực, vải fin có hoa màu tím nhạt, bộ áo váy màu lục sáng, bộ áo quần màu anh đào...

Meggie không biết nên tức giận hay nên cười: con bé nhỏ nhăng thế, biết làm thế nào được?

Ba ngày sau tàu “Himamaya” rời cảng Darling. Đây là con tàu cũ đẹp đẽ, rất chắc chắn, thân rộng, đóng từ cái thời chưa ai mắc chứng hối hả điên cuồng và người ta yên tâm với tình trạng tàu vượt kênh Suez đến Anh phải mất một tháng, còn đi vòng quanh mũi Hảo vọng mất những năm tuần. Còn trong thời đại chúng ta, ngay tàu vượt đại dương cũng có dạng thuỷ động học, thân tàu hẹp như khu trục hạm, tất cả vì tốc độ. Nhưng trên con tàu nhỏ như thế, ngay cả con sói biển thực thụ cũng thấy gay, còn hành khách có dạ dày dễ ói mưa thì khốn khổ biết chừng nào...

– Thú vị thật! – Justine cười. – Cùng đi vé hạng nhất có các cầu thủ bóng đá, cả một đội, như vậy sẽ không buồn chán. Có những chàng trai quả thực là nhìn lóa mắt.

– Thế là bây giờ con vui mừng vì mẹ đã bắt con đi vé hạng nhất chứ?

– Vâng, có lẽ vậy.

– Justine, suốt đời con làm mẹ phát khùng lên, vì con mà mẹ trở thành một mục phù thuỷ thực sự! – Meggie nổi nóng, chị có cảm giác rằng cách xử sự của Justine hết sức vô ơn. Con bé tồi tệ,

ít ra lần này nó cũng vờ lấy làm tiếc vì phải ra đi chứ! – Con đến là ương bướng, trái tính trái nết, khó chịu hết sức! Không tài gì nín nhịn nổi với con!

Justine không trả lời ngay, cô quay đi, như thể tiếng chuông báo cho những người đi tiễn lên bờ khiến cô quan tâm hơn lời mẹ nói. Môi cô run run, nhưng cô bặm môi và tạo ra một nụ cười vô cùng rạng rỡ.

– Con biết là con làm cho mẹ phát cáu! – Cô vui vẻ quay về phía mẹ. – Biết làm thế nào được, tính nết mẹ con ta như thế. Mẹ vẫn bảo con hết như bố mà.

Hai mẹ con ngượng nghịu ôm lấy nhau, và Meggie khoan khoái lẩn vào đám đông trên cầu tàu, mất hút trong đó. Justine lên boong trên, dừng lại bên hàng lan can, nắm chặt trong tay những cuộn giấy rằn^[114] nhiều màu. Xa mãi phía dưới, trên bên, cô thấy bộ áo váy màu tro của hoa hồng và chiếc mũ quen thuộc: mẹ đến chỗ đã hẹn, ngẩng đầu, đưa tay lên trán che mắt để nhìn cho rõ hơn. Lạ thật, từ xa thấy rõ hơn là mẹ đã ngoài bốn mươi. Kể ra thì mẹ chưa đến năm mươi, nhưng dáng dấp đã in dấu tuổi tác. Hai mẹ con lập tức vẫy nhau, rồi Justine ném băng giấy rằn đầu tiên và Meggie khéo léo bắt lấy đầu băng giấy. Nhưng băng giấy màu đỏ, xanh, vàng, hồng, lá mạ uốn éo, xoay vặn, vật vờ trước gió.

Đi tiễn các cầu thủ bóng đá có đội kèn, những lá cờ nhỏ phấp phới, những chiếc váy Scotland phồng lên, the thé vang lên những biến điệu kỳ quặc của bài hát Scotland “Giờ của chúng ta đã điếm”. Hành khách tụ tập bên mạn tàu, gập mình qua lan can, nắm chặt đầu những băng giấy hẹp; trên bến những người đi tiễn ngửa đầu, háo hức nhìn kỹ những khuôn mặt trước lúc chia tay, hầu hết là những khuôn mặt trẻ – đấy là những con người đi sang

bán cầu bên kia để chính mắt nhìn thấy trung tâm của văn minh. Những con người trẻ tuổi sẽ sống và làm việc ở đây, một vài năm nữa sẽ có người trở về nhà, có những người sẽ không bao giờ về. Mọi người đều hiểu điều đó, mỗi người đều đoán xem tương lai sẽ ra sao.

Những đám mây xốp màu trắng bạc trôi trên nền trời xanh, gió thổi mạnh, đích thực là gió Sydney. Mặt trời nung đốt những khuôn mặt ngứa lên của người đi tiễn, lưng của những người cúi xuống trên lan can; bờ và con tàu nối với nhau bằng vô số băng giấy sặc sỡ run rẩy. Bỗng nhiên giữa mạn con tàu cũ và lớp ván bên tàu xuất hiện một khoảng trống; không khí nổ tung vì tiếng la gào, tiếng khóc, hàng nghìn băng giấy đứt phụt, lật phật trong gió, rủ xuống hỗn độn rơi xuống nước như những sợi dọc bị đứt trên cỗ máy dệt khổng lồ và chúng bị cuốn đi một cách chậm chạp xen lẫn với những con sứa và những mảnh vỏ cam.

Justine đứng bên lan can cho đến khi bến tàu chỉ còn là mấy đường thẳng vệt rõ ở đằng xa và những đốm màu hồng nhạt bằng đầu kim găm. Những chiếc tàu kéo dắt con tàu quay mũi đưa con tàu đồ sộ dễ khiến chui qua dưới cây cầu Sydney dội tiếng âm vang tới chỗ ra khỏi cái bến cảng lộng lẫy ngời ánh hào quang dưới ánh mặt trời.

Phải, đây hoàn toàn không giống như đi phà đến Manly tuy đường đi vẫn vậy – qua Neutral Bay và Rose Bay qua Cremorne và Vaucluse. Vì vậy bây giờ cả lối vào bến, cả những khối đá dũ tợn, cả những làn bọt sóng vọt lên cao nom như những chiếc quạt bằng đăng ten đều đã rút lại sau, còn phía trước là đại dương bao la. Đường đi dài mười hai ngàn dặm qua đại dương tới đầu kia thế giới. Dù họ có trở về quê hương hay không, nhưng từ nay, ở đây

hay ở nơi ấy, họ vẫn không phải là đang ở nhà bởi vì họ đang ở trên hai đại châu khác nhau và nếm trải hai nếp sống khác nhau.

* * *

Đối với những người có tiền, Luân Đôn đầy rẫy những cám dỗ, Justine nhanh chóng thấy ngay điều đó. Cô không phải chịu cái cảnh túi không có lấy một xu, đành phải tạm nương náu ở một nơi nào đó vùng ven Earl Court; “cái thung lũng Kangaroo”, như người ta mệnh danh cho vùng này, vì người Úc thường cư trú tại đây. Cô không phải chịu cái số phận thường có của người Úc ở Anh: nương thân trong các chung cư cho thanh niên, kiếm cách sinh nhai trong một phòng giấy nào đó, trong một bệnh viện hay trường học, run lên vì lạnh, áp mình vào cái lò sưởi hơi âm ỉm trong những căn buồng nhỏ ẩm sì. Không, Justine ở một căn hộ xinh xắn tiện lợi có hệ thống sưởi tập trung ở Kensington cạnh Knightsbridge, và gia nhập đoàn diễn viên Elizabeth của Clyde Daltinham-Roberts.

Mùa hè đã tới, cô đáp xe lửa đi La Mã. Những năm sau cô sẽ mỉm cười nhớ lại rằng cô chẳng xem xét được gì mấy trong chuyến đi ấy qua cả nước Pháp và tiếp đó qua nước Ý: cô quá mê với những điều nhất thiết phải nói với Dane, cố ghi nhớ điều quan trọng nhất để khỏi quên. Bao nhiêu điều đã dồn đọng lại, không thể nói hết được.

Nhưng đây có phải là Dane không? Cái người cao lớn, tóc màu sáng trên sân ga kia có phải là Dane không? Dường như nó không đổi khác chút nào, vậy mà vẫn là người xa lạ. Từ một thế giới

khác, Justine toan gọi em, nhưng tiếng gọi lịm đi trên môi. Cô ngả người về phía sau trên ghế, chăm chú nhìn – toa xe của cô dừng lại gần như ngay trước chỗ Dane đang đứng và bình tĩnh nhìn các cửa sổ bằng cặp mắt xanh. Ồ, cuộc chuyện trò sẽ chỉ là một chiều, cô định kể với em về việc cô sống thế nào sau khi nó đi, nhưng bây giờ thì rõ ràng là nó hoàn toàn không khao khát thổ lộ với cô những gì mà chính nó đã trải qua. Ôi, cái thằng tệ hại! Cô không còn thằng em trước kia nữa, trong cuộc sống của nó bây giờ ít có cái gì gần gũi với cô. Dane, Dane! Thế là thế nào, khi toàn bộ sự tồn tại của em hết ngày này sang ngày khác, ngày đêm hiến dâng cho một cái gì độc tôn?

– Ha! Hẳn em nghĩ rằng chị lôi em đến đây chứ không tự đến và không đúng chứ gì? – Cô lén đến gần em từ phía sau và hỏi.

Dane quay lại, bóp chặt hai tay chị mỉm cười nhìn chị từ trên xuống.

– Ngốc ơi là ngốc, – Cậu nói bằng giọng trêu mếu, đỡ lấy chiếc vali to hơn, tay kia khoác tay chị. – Được gặp chị, em mừng hết chỗ nói!

Dane đưa chị lên chiếc ô tô “Lagonda” đỏ mà cậu vẫn dùng để đi khắp nơi: bao giờ cậu cũng mê ô tô thể thao, và cậu có xe riêng từ khi cậu đủ lớn để lấy bằng lái.

– Chị cũng vui sướng, chị hy vọng rằng em đã tìm cho chị một khách sạn tiện lợi, chị đã viết cho em một cách nghiêm chỉnh rằng chị không muốn chôn chân ở một phòng tu tại Vatican giữa một đồng đàn ông suốt cuộc đời độc thân. – Justine bật cười.

– Mà người ta cũng không để cho chị vào đây đâu, một cô phù thủy tóc hung như thế này. Chị sẽ ở trong một khách sạn nhỏ,

gần chỗ em, ở đây người ta nói tiếng Anh, như vậy chị có thể chuyện trò được nếu không có em ở bên cạnh. Nói chung ở La Mã chị sẽ không lạc lõng đâu, bao giờ cũng tìm được một người nào nói tiếng Anh.

– Nếu vậy thì chị lấy làm tiếc rằng chị không có khả năng ngoại ngữ như em. Nhưng nói chung thì chị rất giỏi đoán lời và diễn tả bằng điệu bộ.

– Em có hai tháng rảnh rồi, Jussy ạ, thực đấy, tuyệt không? Chúng ta có thể đi du lịch ở Pháp, ở Tây Ban Nha và vẫn còn một tháng để về Drogheda. Em nhớ nhà.

– Vậy ư? – Justine quay lại nhìn em, nhìn đôi tay đẹp đang khéo léo lái chiếc xe giữa luồng xe cộ tấp nập trên các đường phố La Mã. – Chị chẳng nhớ tí nào. Ở Luân Đôn rất thú vị.

– Này, không lừa được em đâu. – Dane bác lại. – Em thì em biết chị quen luyên với mẹ và Drogheda như thế nào.

Justine không trả lời, chỉ xiết chặt hai tay để trên đùi.

– Chị em ta sẽ đến uống trà ở chỗ các bạn em, chị không phản đối chứ? – Dane hỏi khi hai người đã ở trong khách sạn. – Em đã thay mặt chị nhận lời từ trước. Họ rất muốn gặp chị, riêng em thì còn bận cho đến mai và em không tiện từ chối.

– Đồ ngốc! Có gì mà chị phản đối? Nếu em đến Luân Đôn thì chị sẽ đưa em đến với vô số bạn bè của chị, vậy thì tại sao ở đây em lại không đưa chị đến với bạn bè của em nhỉ? Chị vui lòng gặp mặt các bạn của em ở chủng viện, tuy như vậy có phần không chính đáng, vì tất cả bọn họ đều là của cấm đối với chị: nhìn thì nhìn, nhưng không được sờ tay vào.

Cô đến gần cửa sổ, nhìn cái quảng trường nhỏ xấu xí: một

khoảnh chữ nhật lát đá, trên đó có hai cây ngô đồng héo hắt, bên dưới đặt một chiếc bàn con, ở một phía là ngôi nhà thờ được xây dựng mà không bận tâm gì lắm đến sự thanh nhã và vẻ đẹp, lớp trát tường long lở.

– Dane...

– Gì cơ?

– Chị hiểu hết, thực đấy.

– Em biết, Justine ạ. – Nụ cười biến mất trên gương mặt Dane.

– Ước gì cả mẹ cũng hiểu em.

– Mẹ lại là chuyện khác. Mẹ cho rằng em bội bạc với mẹ, mẹ không hiểu rằng đấy tuyệt nhiên không phải là bội bạc gì cả. Đừng buồn. Dần dần mẹ sẽ hiểu ra.

– Em hy vọng như thế. – Dane cất tiếng cười. – À này, hôm nay chị sẽ gặp không phải là các bạn ở chủng viện của em. Em không dám đưa họ cũng như đưa chị vào sự cảm dỗ như thế. Chúng ta uống trà ở chỗ Đức Hồng y de Bricassart. Em biết chị không ưa Ngài, nhưng chị phải hứa là chị sẽ ngoan ngoãn nhé.

Mắt Justine bừng lên một vẻ láu lỉnh hết sức đáng yêu.

– Chị hứa với em. Thậm chí chị sẽ hôn tất cả những chiếc nhẫn của ông ta.

– A, chị vẫn không quên! Hồi ấy em ước chị ghê lắm, lại đi làm em bẽ như thế trước mặt Ngài.

– Từ đó đến nay chị đã hôn quá nhiều, mà còn thiếu vệ sinh hơn là hôn nhẫn của linh mục kia. Ở lớp diễn viên có một anh chàng mặt sần sùi mụn trứng cá đến gớm ghiếc, anh ta có amidan và dạ dày không kín, vì thế miệng có mùi rất hôi, vậy mà chị đã phải hôn anh ta đúng hai mươi chín lần, thành thử, em ạ,

sau đó đối với chị không còn gì đáng sợ nữa. – Justine vuốt tóc và quay mặt khỏi chiếc gương. – Chị có kịp thay áo xống không?

– Khỏi lo. Cứ thế này nom chị cũng đẹp lắm rồi.

– Ở đây còn ai nữa?

Mặt trời đã xuống thấp đến nỗi không còn sưởi ấm cái quảng trường cổ xưa nữa, những thân ngô đồng tróc vỏ nom ốm yếu và tàn tạ như mắc bệnh hủi. Justine rùng mình, cô bắt đầu thấy lạnh.

– Còn có Đức Hồng y di Contini – Verchese.

Cái tên ấy quen thuộc với Justine, mắt cô tròn xoe:

– Ô hô! Em lui tới với giới chức cao cấp đến thế kia ư?

– Vâng. Em cố gắng xứng đáng với điều đó.

– Nhưng có lẽ vì thế mà trong các giới khác, em giao tiếp với mọi người không phải là dễ dàng, phải không, Dane? – Cô chị nhận xét một cách thấu suốt.

– Không phải đâu, thực đấy. Ai quen ai thì quan trọng gì đâu. Em chẳng hề nghĩ đến chuyện ấy. Những người khác cũng thế.

Căn buồng lạ thường, những con người áo đỏ lạ thường! Chưa bao giờ Justine ý thức một cách sắc bén đến như thế về việc có những người đàn ông mà phụ nữ không có chỗ trong đời họ. Lúc này cô đã bước vào một thế giới mà phụ nữ chỉ được vào khi họ là những nữ tu khiêm nhường làm công việc hầu hạ. Cô vẫn mặc bộ quần áo màu xanh ô liu bằng vải lanh đã nhàu nát trong toa xe, bộ quần áo mà cô mặc từ lúc rời khỏi Turin, và khi bước trên tấm thảm mềm đỏ thắm, cô thầm rửa Dane: can gì cứ phải vội vã đến đây, cô không thay y phục sau khi đi đường là nhầm!

Hồng y de Bricassart mỉm cười tiến một bước về phía cô; ông không còn trẻ chút nào, nhưng đẹp biết bao!

– Justine quý mến. – Ông chìa ra bàn tay đeo nhẫn, nhìn cô bằng ánh mắt không phải không có phần cay độc: rõ ràng là ông vẫn nhớ lần gặp trước, ông nhìn chăm chăm vào mặt cô với vẻ tò mò, như tìm kiếm cái gì, nhưng cái gì thì không thể hiểu được. – Con chẳng giống mẹ con chút nào.

Justine quỳ một gối xuống, hôn chiếc nhẫn, mỉm cười khiêm nhường, đứng lên, lại mỉm cười, lần này thì không còn khiêm nhường lắm nữa.

– Không giống chút nào thật ư? Trong nghề nghiệp của con, có sắc đẹp như mẹ con thì rất tốt, nhưng trên sân khấu con vẫn tạm đảm đương được vai trò của mình. Bởi vì, thưa Đức Ông, ở đây bộ mặt của ta thực sự như thế nào là điều hoàn toàn không quan trọng. Điều quan trọng là người diễn viên có biết cách làm cho người xem tin rằng mình có bộ mặt cần phải có hay không?

Trong ghế bành cách đây một quãng có người nào cất tiếng cười gọn lỏn. Justine đến gần và kính cẩn hôn một chiếc nhẫn nữa trên bàn tay khô héo già lão, nhưng bây giờ nhìn cô là một cặp mắt đen, và điều đáng sửng sốt là cặp mắt ấy nhìn cô với tình cảm yêu thương. Yêu thương cô, tuy ông già thấy cô lần này là lần đầu và chưa chắc đã nghe nói gì về cô. Tuy vậy ông nhìn cô đầy lòng yêu thương. Đối với Hồng y de Bricassart, ngay cả lúc này cô cũng không cảm thấy một tình cảm triu mến nào, cũng như hồi cô mười lăm tuổi, nhưng còn ông già này thì cô thấy mến ngay.

– Ngồi xuống đi con yêu quý. – Hồng y Vittorio chỉ cho cô chiếc ghế bành bên cạnh mình.

– Chào “mi-mi” – Justine nói và gãi cổ con mèo màu khói hương nằm trên bộ đùi phủ lớp lụa đỏ thắm. – Con mèo tuyệt quá, phải không ạ?

– Phải, rất đẹp.

– Tên nó là gì ạ?

– Natasha.

Cửa mở ra, nhưng không có chiếc bàn trà xuất hiện. Người bước vào, ơn Chúa, là một người ăn vận hoàn toàn bình thường. Thêm một bộ áo chùng đỏ nữa là ta sẽ rống lên như con bò đực mất, Justine nghĩ.

Nhưng đây là một con người không hoàn toàn bình thường, tuy không phải là linh mục. Chắc là ở Vatican của họ có cả cái lệ như thế, một điều chợt loé lên trong óc Justine giữa những ý nghĩ lộn xộn: người tầm thường không vào được đây. Người này không hẳn là tầm vóc nhỏ, nhưng thân hình rắn chắc hiếm có, vì thế có vẻ như vạm vỡ hơn thực trạng của anh ta: vai lực lưỡng, ngực rộng, cái đầu sư tử cực to, tay dài như tay thợ xén lông cừu. Ở anh ta có cái gì gần với khí, nhưng toàn bộ dáng vẻ của anh ta toát ra sự thông minh, và qua động tác và dáng đi của anh ta, có thể cảm thấy anh ta nhanh như tia chớp, và nếu anh ta muốn điều gì, anh ta sẽ chớp lấy ngay, không để ai kịp hiểu gì cả. Anh ta sẽ chớp lấy và có thể sẽ xiết chặt trong tay và bóp bẹp, không phải là không có mục đích, vô nghĩa lý, mà có dự tính hết sức tính vi. Da anh ta ngăm đen, còn cổ bờm sư tử dày rậm thì hệt như màu dây thép mảnh, và có lẽ sờ vào cũng gây cảm giác như thế, nếu sợi dây thép, dù là cực mảnh, có thể xếp thành những lượn sóng mềm mại gọn gàng.

– Anh đến đúng lúc quá, Rainer ạ. – Hồng y Vittorio nói, vẫn bằng tiếng Anh và trở cho người mới vào chiếc ghế bành ở phía tay bên kia của mình. – Con yêu quý của ta ạ. – Ông nói với Justine khi người kia hôn chiếc nhẫn của ông và đứng lên. – Hãy làm quen với nhau đi, đây là người bạn thân nhất của ta, Herr^[115] Rainer Moerling Hartheim, Rainer đây là Justine, chị của Dane.

Hartheim dập gót giày, cúi chào kiểu cách, mỉm cười giây lát với Justine một cách khá lạnh nhạt và ngồi cách một quãng xa, thành thử từ chỗ của mình cô không thể nhìn thấy anh ta. Justine thở dài nhẹ nhõm, lại thêm một điều may mắn nữa là Dane, với tính hồn nhiên quen thuộc của cậu, đã ngồi ngay xuống sàn cạnh ghế bành của Hồng y de Bricassart, đối diện ngay với cô. Chừng nào cô còn nhìn thấy một gương mặt quen, nhất là gương mặt yêu mến, thì cô không sợ gì hết. Tuy nhiên, căn phòng này và những người vận đồ đỏ, bây giờ lại thêm anh chàng nước da ngăm đen, càu quạu này bắt đầu làm cô bực tức nhiều hơn là sự có mặt của Dane làm cô bình tâm: họ cách biệt với cô, tỏ cho biết ở đây cô là người xa lạ! Ở được, cô cúi gập mình trong ghế bành và lại bắt đầu gãi con mèo, cảm thấy Hồng y Vittôrô nhận ra sự bực bội của cô, điều đó khiến cô thích thú.

– Nó bị triệt sản rồi sẽ không có con chứ ạ?

– Tất nhiên.

– Tất nhiên! Thế nhưng con không biết vì sao mà các Ngài lo ngại. Chỉ cần sống trong những bức tường này là bất cứ ai cũng thành ra không còn giới tính.

– Trái lại, con yêu quý ạ. – Hồng y Vittorio bác lại, nhìn cô với vẻ khoái trá thực sự. – Chúng ta là người, chúng ta tự làm cho

mình trở nên không có giới tính về mặt tâm lý.

– Xin cho phép được có ý kiến bất đồng, thưa Đức ông.

– Vậy là cái thế giới nhỏ bé khiêm nhường của chúng ta không vừa ý con chứ gì?

– Dạ, cứ cho là thế đi, thưa Đức Ông, con cảm thấy ở đây mình là người hơi thừa. Đến thăm các Đức Ông thì dễ chịu, chứ ở đây thường xuyên thì con không muốn.

– Ta không thể chê trách con về điều đó. Thậm chí ta không tin lắm rằng đến đây chơi con cảm thấy dễ chịu. Nhưng rồi con sẽ quen với chúng ta, bởi vì ta hy vọng con sẽ là vị khách thường xuyên của chúng ta.

Justine cười mỉm.

– Con không thể nào làm một cô gái nét na được. – Cô thú nhận. – Ở con tức thời thức tỉnh ngay những đặc điểm tính cách tai hại nhất... Dane cố nhiên lúc này đã khiếp lên vì con, không cần nhìn em nó con cũng cảm thấy.

– Em chỉ đoán xem sự nét na của chị có được lâu không thôi. – Dane đáp lại không chút bối rối. – Thì Justine là hiện thân của tinh thần ngang ngạnh và mâu thuẫn mà. Bởi thế em không mong muốn một người chị nào hơn thế. Bản thân em không phải là kẻ nổi loạn, nhưng em khâm phục những người ngang ngạnh.

Hartheim nhích ghế của mình lên một chút để Justine khỏi lọt ra ngoài tầm mắt của anh khi cô ngừng đùa giỡn với con mèo và vươn thẳng người lên. Bàn tay mang hơi hướng phụ nữ lạ lẫm đã khiến con mèo đẹp có bộ lông mềm mại phát chán, nó không đứng dậy và bằng một động tác uyển chuyển, nó rời khỏi bộ đùi phủ lụa đỏ chuyển sang bộ đùi dưới lớp vải xám, nằm cuộn mình

dưới sự ve vuốt của đôi tay rắn chắc rộng bản của *Herr* Hartheim và gù gù to đến nỗi mọi người bật cười.

– Tôi sinh ra vốn như thế, chẳng nét na tí nào. – Justine nói, cô không bao giờ rụt rè, dù là trong lòng bối rối đến đâu đi nữa.

– Động cơ trong con vật này hoạt động rất tốt. – *Herr* Hartheim nói, nụ cười vui vẻ làm cho mặt anh biến đổi không nhận ra được nữa. Anh nói tiếng Anh tuyệt giỏi, không lơ lơ chút nào, trừ có âm “r” của anh rất rung như lối nói của người Mỹ.

Khi người ta đưa trà lên, tiếng cười của mọi người vẫn chưa bật hẳn, và thật lạ lùng, người rót trà là Hartheim. Khi đưa chén trà cho Justine, anh nhìn cô thân thiện hơn nhiều so với phút đầu quen biết.

– Đối với người Anh, bữa trà giữa ban ngày là bữa ăn quan trọng nhất, phải không? – Anh nói với cô. – Có nhiều điều diễn ra bên chén trà. Tôi cho rằng sở dĩ như vậy là vì có thể ngồi uống trà và chuyện vãn hầu như vào bất cứ lúc nào, từ hai giờ đến năm rưỡi, mà chuyện trò thì lại càng khát thêm.

Nửa giờ sau đó đã xác nhận điều anh nêu ra, tuy Justine không tham gia cuộc chuyện trò. Người ta nói về sức khỏe yếu kém của Giáo hoàng, rồi về chiến tranh lạnh, về sự suy thoái kinh tế. Cả bốn người đàn ông đều nói và nghe một cách sôi nổi, say sưa đến nỗi Justine sững sốt có lẽ đấy là cái liên kết họ lại với nhau, kể cả Dane, bây giờ cậu thật là lạ lùng, hoàn toàn là người cô chưa hề quen biết. Cậu tích cực tham gia cuộc đàm thoại, và Justine không bỏ qua một điều là ba người lớn tuổi lắng nghe cậu nói một cách chăm chú kỳ lạ, gần như nhún nhường, thậm chí như tôn sùng. Lời lẽ của cậu không có vẻ gì là thiếu hiểu biết hay ngây

thơ, nhưng người ta cảm thấy một cái gì rất riêng tư, không giống ai... trong trắng. Có lẽ người ta đối với cậu nghiêm trang, chăm chú như thế là vì ở cậu có sự trong trắng chẳng? Đây là đặc tính vốn có của cậu, còn họ không có cái đó chẳng? Có lẽ đây thực sự là đức hạnh và họ khâm phục điều đó, mong nhớ nó chẳng? Có lẽ đây là điều cực hiếm chẳng? Ba người đó hoàn toàn khác nhau, tuy vậy họ gần nhau hơn nhiều so với bất cứ người nào trong bọn họ với Dane. Nhưng nhìn nhận Dane một cách nghiêm túc như ba người kia thật là quá khó! Phải, cố nhiên về nhiều phương diện Dane dường như không phải là em mà là anh trai cô thì đúng hơn. Cố nhiên cô cảm thấy Dane rất thông minh, thậm chí anh minh, và quả là trong trắng. Nhưng trước kia hai chị em bao giờ cũng có một cuộc sống chung. Còn bây giờ cậu em xa cô, và cô sẽ phải quen với tình trạng đó.

– Nếu cậu muốn cầu kinh ngay bây giờ thì tôi sẽ đưa tiễn chị cậu về khách sạn, Dane ạ – Rainer Moerling Hartheim nói như ra lệnh, không hỏi xem những người khác nghĩ gì về chuyện này.

Thế là cô xuống cái cầu thang bằng đá cẩm thạch cùng với người đàn ông xa lạ, vạm vỡ và uy quyền nọ, không dám lên tiếng, ở ngoài phố, trong ánh hào quang vàng rực của hoàng hôn La Mã, anh khoác tay cô và dẫn tới chiếc “Mercedes” màu đen có mui, người lái xe vươn thẳng người đứng “nghiêm” trước mặt anh.

– Cô không tội gì mà trở trội một mình trong buổi tối đầu tiên ở La Mã, còn Dane có những việc khác của cậu ấy. – Anh nói khi ngồi vào xe theo Justine. – Cô mệt mỏi, bỡ ngỡ trong hoàn cảnh mới, có một người bạn đường càng tốt thôi.

– Hình như anh không để cho tôi lựa chọn, Herr Hartheim ạ.

– Hãy gọi tôi là Rainer thôi.

– Rõ ràng anh là một nhân vật quan trọng, anh có chiếc xe sang quá và có lái xe riêng.

– Rồi tôi sẽ trở thành thủ tướng Tây Đức và khi ấy tôi sẽ còn quan trọng hơn.

Justine phì cười.

– Thế ra anh chưa phải là thủ tướng à?

– Bạo tợn chưa! Tôi còn quá trẻ để có thể làm thủ tướng.

– Thật ư? – Justine quay lại nhìn anh từ phía bên bằng cái nhìn chăm chú: ừ; thật vậy, lớp da ngăm đen của anh trơn láng, nhẵn nhụi, xung quanh cặp mắt thụt sâu không có vết nhăn, không có cái vẻ hum húp thường đến với tuổi tác.

– Tôi đã trở nên nặng nề và bạc tóc, nhưng tôi có tóc bạc từ năm mười sáu, còn tôi đẩy ra là từ khi không còn bị đói nữa. Tôi mới có ba mươi một.

– Tôi tin lời anh, – Justine nói và tháo bỏ giày. – Theo tôi dù sao như thế cũng là khá nhiều rồi, cái tuổi đáng yêu của tôi mới có hai một.

– Cô là con quái vật! Hartheim mỉm cười.

– Hẳn là đúng. Mẹ tôi cũng bảo tôi là con quái vật. Có điều tôi không rõ mỗi người hiểu điều đó như thế nào, vì vậy xin làm ơn nói cho tôi biết cách hiểu của anh.

– Thế cách hiểu của mẹ cô thì cô biết rồi chứ?

– Mẹ tôi sẽ lúng túng hết sức nếu tôi hỏi.

– Thế cô cho rằng câu hỏi của cô không làm tôi bối rối ư?

– Tôi rất ngờ rằng chính anh là con quái vật, Herr Hartheim ạ,

vị tất đã có điều gì có thể làm anh bối rối.

– Quái vật – Anh thì thầm nhắc lại. – Ở thì thôi được, Mrs. O’Neill ạ, tôi sẽ cố gắng giải thích cho cô như thế là thế nào. Quái vật là kẻ gây khiếp sợ cho người xung quanh, đi trên đầu người ta, cảm thấy mình mạnh hơn tất cả, trừ Chúa trời; không hề biết thế nào là lương tâm cắn rứt và có quan niệm rất yếu về đạo lý.

– Theo tôi tất cả những cái đó rất giống anh. – Justine cười mỉm. – Tôi không thể không có quan niệm về lương tâm và đạo lý. Tôi là chị của Dane kia mà.

– Cô không giống Dane chút nào.

– Càng tệ cho tôi.

– Cái ngoại hình của Dane không thích hợp với tính cách của cô.

– Tất nhiên anh có lý, nhưng nếu tôi có ngoại hình như của Dane thì có lẽ tính cách tôi sẽ khác.

– Tùy theo cái gì có trước: con gà mái hay quả trứng? Đi giày vào, bây giờ chúng ta sẽ đi bộ.

Tiết trời rất ẩm, đã sẩm tối. Khắp nơi đèn đường sáng rực, đi đến đâu cũng đông nghịt người, phố xá đầy xe cộ: xe vetspa nổi còi the thé, những chiếc “Fiat” nhỏ nhắn bèn gan nhảy vọt từng quãng như đàn nhái hoảng hốt. Cuối cùng Hartheim cho chiếc xe con của mình dừng lại trên một quảng trường nhỏ mà lớp đá lát của nó qua nhiều thế kỷ đã trở nên nhẵn bóng do vô số bàn chân mài mòn, và anh đưa Justine vào một tiệm ăn.

– Hay có lẽ cô thích ăn bữa tối ở ngoài trời hơn chẳng? – Anh hỏi.

– Miễn là cho tôi ăn, còn ăn ở giữa trời, dưới mái nhà hay ở chỗ

nào lưng chừng thì tôi chẳng bận tâm.

– Cô cho phép tôi gọi các món cho cô chứ?

Cặp mắt rất nhạt màu của Justine nhắm lại một lúc với vẻ mệt mỏi, nhưng tính bướng bỉnh không lặng hẳn trong cô.

– Tôi không hiểu vì cớ gì tôi phải dung túng cho cái thói quen muôn thuở của đàn ông là cứ tự mình định đoạt. Suy cho cùng, làm sao anh biết lúc này tôi muốn gì?

– Ôi, cô gái Amazon kiêu hãnh. – Anh lâu bầu. – Thế thì cô nói đi, cô thích món gì hơn, tôi cam đoan là tôi sẽ có thể chiều ý cô. Cá ư? Thịt bê ư?

– Anh chịu thỏa hiệp à? Thôi được, tôi đáp ứng đề nghị của anh. Tôi muốn ba tê, tôm, một suất kha khá saltimbocca^[116], sau hết là kem sữa Sôcôla và cà phê sữa. Đấy, bây giờ anh muốn sáng tác thêm gì tùy ý.

– Đáng phải đánh cho cô một trận. – Anh nói về hồn hậu không bao giờ suy xuyễn, và lặp lại chính xác bằng tiếng Ý những món ăn với người nhân viên phục vụ.

– Anh bảo là tôi không giống Dane chút nào. Chẳng lẽ không giống mấy may nào ư? – Justine hỏi, không phải không có vẻ buồn rầu, khi đã bắt đầu uống cà phê: cô đói đến nỗi không mất thời giờ vào việc chuyện trò khi chưa ăn xong.

Harthem đưa lửa cho cô châm thuốc, chính anh cũng rít thuốc lá và ngả người vào bóng tối để quan sát cô thoải mái hơn, anh nhớ lại mấy tháng trước lần đầu tiên anh làm quen với Dane. Chàng trai này là bản sao đúc khuôn của Hồng y de Bricassart, có điều là trẻ hơn bốn chục tuổi. Harthem thấy ngay tức khắc sự giống nhau, rồi anh được biết hai người là bác cháu, mẹ của Dane

và Justine là em gái Ralph de Bricassart.

– Ờ, cũng có giống phần nào. – Bây giờ anh nói. – Có những lúc thậm chí mặt cũng giống, không phải về đường nét, mà về vẻ biểu hiện. Giống ở mắt và môi: cách mở mắt và mím môi. Nhưng có điều lạ: cả hai chị em không giống ông bác Hồng y chút nào.

– Ông bác Hồng y ư? – Justine bắn khoảnh nhắc lại.

– Hồng y de Bricassart. Thế ông ấy không phải là bác của cô à? Thì người ta đã nói dứt khoát với tôi như thế mà.

– Con điều dâu già ấy ư? Ớn Chúa, ông ấy chẳng họ hàng gì với tôi cả. Chẳng qua là đã lâu lắm rồi, từ trước khi tôi ra đời kia, ông ấy là linh mục ở giáo khu chúng tôi.

Justine chẳng ngạc nhiên gì, nhưng cô mệt quá. Tội nghiệp cô bé, cô ta là như thế đấy, chỉ là một cô gái bé bỏng. Đột nhiên anh có cảm giác rằng giữa hai người không phải chỉ có mười năm tuổi đời, mà là một vực thẳm toang hoắc, là vĩnh cửu. Thức tỉnh sự ngờ vực trong cô thì toàn bộ cái thế giới mà cô bảo vệ một cách hết sức gan dạ sẽ sụp đổ. Nhiều phần chắc là cô sẽ không tin, cho dù có nói thẳng ra. Có cách nào làm ra vẻ như chuyện ấy chẳng lấy gì làm quan trọng lắm? Không đi sâu vào chuyện này, không, bất kể thế nào, nhưng cũng không chuyển ngay sang chuyện khác.

– Thế thì hiểu rồi. – Harthem nói bằng giọng thờ ơ.

– Hiểu cái gì kia?

– Dane và Đức Hồng y chỉ giống nhau về cái bề ngoài chung chung nhất: tầm vóc, dáng vẻ và màu mắt.

– À đúng. Bà tôi nói rằng bố tôi và Hồng y giáo chủ thoạt nhìn khá giống nhau. – Justine nói bằng giọng bình tĩnh.

– Cô chưa bao giờ nhìn thấy bố à?

– Thậm chí chưa bao giờ được xem ảnh. Bố mẹ tôi xa nhau từ trước khi sinh Dane kia. – Justine gật đầu gọi người nhân viên. – Cho thêm một cà phê sữa nữa.

– Justine, cô kém xã giao quá. Việc gọi các món phải để cho tôi chứ?

–Ồ không, quý quá! Tôi hoàn toàn độc lập và không cần ai bảo trợ! Tôi không muốn bất cứ sự gợi ý nào của đàn ông cả, tự tôi biết tôi muốn gì và khi nào tôi muốn, anh hiểu chưa?

– Ở phải, Dane cũng có nói với tôi rằng cô là hiện thân của tinh thần ngang ngạnh và mâu thuẫn.

– Dane nói đúng đấy. Ôi chao, tôi cũng căm ghét khi xung quang tôi người ta tíu tít, chăm chú và mơn trớn! Tôi tự biết tôi phải làm gì và chẳng ai có quyền ra lệnh cho tôi! Tôi không cầu xin ai khoan thứ cho tôi và tôi không có ý định khoan thứ cho ai cả.

– Đúng, điều đó thì rõ ràng rành rành. – Hartheim nói bằng giọng khô khan. – Vì sao cô trở nên như thế, herzchen^[117]. Hay đó là bản chất của gia đình cô?

– Bản chất gia đình ư? Quả thực là tôi không biết. Khó mà xét đoán được, dòng họ tôi quá ít phụ nữ. Mỗi thế hệ chỉ có một người. Bà, mẹ và tôi. Nhưng đàn ông thì đầy.

– Nhưng thế hệ của cô thì không nhiều nhận gì. Có mỗi một mình Dane.

– Chắc là vì mẹ tôi lìa bỏ bố tôi. Theo nhận xét của tôi thì mẹ tôi không để mắt đến ai nữa. Rất tiếc, anh ạ. Mẹ tôi sinh ra đúng là cho tổ ấm gia đình, mẹ tôi cần có chồng để có người chăm sóc

chiều chuộng.

– Thế bên ngoài cô có giống mẹ không?

– Tôi cho là không.

– Thế cô có thân với mẹ không? Điều đó quan trọng hơn.

– Thân ư? Tôi với mẹ ư? – Justine mỉm cười hiền lành, cũng gần như Meggie sẽ mỉm cười nếu có ai hỏi chị rằng con gái có thân với chị không. – Tôi không biết chắc là mẹ con tôi có thân nhau không, nhưng có cái gì đó gắn bó hai mẹ con tôi với nhau! Có lẽ đây chỉ là mối quan hệ ruột thịt, quả tình là tôi không biết rõ. – Mắt Justine sáng bừng lên. – Bao giờ tôi cũng muốn mẹ nói chuyện với tôi như với Dane, tôi muốn hòa hợp với mẹ như Dane. Nhưng tôi không rõ là ở mẹ hay ở tôi còn thiếu cái gì đó. Chắc là ở tôi. Mẹ là con người tuyệt diệu, tốt hơn tôi nhiều lắm.

– Tôi không biết bà ấy, vì vậy tôi không thể đồng ý hay không đồng ý với cô. Nhưng nếu điều này có thể làm cô yên lòng đôi chút thì tôi xin nói: tôi thích cô chính như hiện nay. Không, cô không việc gì phải thay đổi, thậm chí cả cái tính hung hăng tức cười của cô tôi cũng thích.

– Anh thật có nhã ý. Thậm chí anh không giận, mặc dù tôi đã nói với anh bao nhiêu điều ngang chướng. Nhưng tôi không giống Dane chút nào thật ư?

– Dane không giống bất cứ ai trên cõi thế gian này.

– Anh cho rằng Dane không phải là người của cõi đời này ư?

– Có lẽ đúng thế. – Harthem nhòai người về phía trước, mặt anh, cho đến lúc ấy vẫn ở trong bóng tối, được chiếu sáng bởi ánh sáng yếu ớt của cây nến cắm vào cái vỏ chai Chianti. – Tôi là người theo đạo Thiên Chúa và tín ngưỡng của tôi là cái duy nhất

trong đời chưa lần nào phản bội lại tôi, tuy bản thân tôi đã nhiều lần phản lại tín ngưỡng của mình. Tôi không muốn nói về Dane, vì trái tim mách bảo tôi rằng có những điều mà tốt nhất là không nên bàn đến. Cố nhiên, cô với Dane có thái độ khác nhau đối với cuộc sống và đối với Chúa trời. Không nên nói đến chuyện ấy nữa, được không?

Justine ngạc nhiên nhìn anh.

– Được, Rainer ạ, tùy anh. Ta giao kèo với nhau: tôi với anh bàn luận bất cứ chuyện gì cũng được, song không đụng đến tính cách của Dane và tôn giáo.

Rainer Moerling Hartheim đã trải qua nhiều gian truân sau cuộc gặp gỡ đáng ghi nhớ với Ralph de Bricassart hồi tháng bảy năm 1943. Mấy tuần sau trung đoàn anh bị điều sang mặt trận phía đông, anh ở đấy cho đến cuối cuộc chiến tranh. Trước chiến tranh anh còn là một chú nhóc hồn nhiên, người ta chưa kịp nhồi nhét cho anh tư tưởng của “thanh niên Hitler”, vậy mà anh phải thu hái thành quả của chủ nghĩa quốc xã, lòng đầy hoang mang đau khổ, tê cóng trong tuyết trên một mặt trận thiếu cả đạn lẫn người – gần như chỉ có một lính Đức trên một trăm mét. Những năm chiến tranh để lại cho anh hai hồi ức: những trận đánh ác liệt trong băng giá khốc liệt và gương mặt Ralph de Bricassart. Sự khùng khiếp và cái đẹp, ác quỷ và thiên thần. Nửa điên dại, nửa tê cóng, anh chờ đợi một cách bất lực ngay bây giờ, trong bão tuyết, từ những chiếc máy bay sà sát mặt đất, du kích Liên Xô sẽ ào ào nhảy xuống không cần dù, anh đấm ngực và thì thầm cầu khẩn. Nhưng chính anh cũng không biết anh có cầu Chúa ban đạn cho khẩu tiểu liên của anh không, hay cầu Chúa cứu anh thoát khỏi tay người Nga, hay cầu cho linh hồn bất tử của mình,

hay cầu xin được gặp lại con người trong đền thờ ở La Mã, cầu khẩn cho nước Đức hay cầu xin cho được nhẹ bớt nỗi lòng.

Mùa xuân năm bốn mươi lăm, trước sức ép của quân Nga, anh cùng đồng đội rút lui qua Ba Lan, và anh chỉ mơ ước có một điều: đến được phần nước Đức mà người Anh hay người Mỹ đã chiếm. Vì nếu anh sa vào tay người Nga thì sẽ bị họ xử bắn. Anh xé và đốt giấy tờ của mình, chôn vùi hai huân chương Chữ thập sắt, đánh cắp một bộ quần áo gì đó và ở biên giới Đan Mạch anh đến trình diện nhà chức trách Anh. Anh được đưa sang Bỉ, vào trại dành cho những người lưu lạc. Anh sống ở đây suốt một năm bằng bánh mì và bằng cháo kiều mạch loãng, người Anh không còn gì để nuôi hàng nghìn người được họ bảo trợ, chính họ cũng gay go phải qua một năm nữa họ mới hiểu ra rằng họ không còn cách nào khác ngoài cách để cho những người đó được tự do.

Hai lần ban chỉ huy trại gọi Hartheim lên để nói chuyện dứt khoát. Anh sẽ được cấp giấy tờ mới và được đáp tàu thủy không mất tiền đến Úc, bù lại anh sẽ làm việc hai năm ở nơi nào mà chính phủ Úc tìm được chỗ làm cho anh, sau đó anh có thể tùy ý thu xếp cuộc đời của mình. Đấy sẽ không phải là lao động nô lệ, cố nhiên, việc làm của anh sẽ được trả công theo quy định. Nhưng Hartheim đã hailần khéo léo thuyết phục được các viên chức không đưa anh đi cùng với những người lưu vong khác. Anh căm thù Hitle, nhưng không căm thù nước Đức và không xấu hổ vì mình là người Đức. Tổ quốc của anh là nước Đức, hơn ba mươi năm trời anh mơ ước trở về nhà. Lại đến ở một nước mà anh không hiểu tiếng của người ta và người ta không hiểu tiếng của anh, anh không thể tưởng tượng ra sự nguyên rủa nào độc ác hơn. Thế là đầu năm 1947 anh đã ở trên các đường phố Athen, túi

không có lấy một xu, sẵn sàng tìm cách làm lại cuộc đời; đã lâu lắm anh thiết tha khao khát điều đó.

Anh còn lành lặn và gìn giữ được tâm hồn đầy sức sống không phải để lại sống lay lắt trong nghèo khổ và không ai biết đến. Bởi vì Rainer không phải chỉ hết sức háo danh, có lẽ anh còn là một thiên tài loại đó. Anh vào làm ở hãng Grundig và bắt đầu nghiên cứu cái lĩnh vực đã lôi cuốn anh ngay từ phút đầu khi anh biết thế nào là ra-đa điện tử học. Trong óc anh vô vàn ý tưởng chen chúc nhau, nhưng anh không muốn bán chúng cho Grundig lấy một phần triệu giá trị thực của chúng. Không, anh nghiên cứu kỹ thị trường, rồi anh lấy vợ góa của một người đã khôn khéo gìn giữ được hai xưởng chế tạo radiô xoàng xĩnh và anh bắt đầu tổ chức sản xuất thứ đó. Anh chỉ mới ngoài hai mươi tuổi, nhưng có gì là quan trọng đâu. Anh suy xét như một người trưởng thành và lão luyện, mà trong tình trạng hỗn loạn của nước Đức sau chiến tranh thì trước những người trẻ tuổi bày ra không ít cơ hội.

Cuộc hôn nhân chỉ là đăng ký theo luật, vì vậy nhà thờ Thiên chúa cho phép ly hôn: năm 1954 anh trả cho Annelise Hartheim đúng gấp đôi trị giá hai xưởng chế tạo của người chồng quá cố của chị ta theo thời giá lúc ấy, và ly dị với chị ta. Nhưng anh không lấy vợ khác.

Tất cả những gì mà chàng trai Hartheim đã trải qua trên các cánh đồng băng giá đáng sợ của nước Nga không làm cho anh trở thành một kẻ vô hồn, thứ biếm họa về con người; có điều tất cả những gì là đôn hậu và dịu dàng trong bản chất của anh ngừng tăng trưởng và phát triển, nổi bật lên hàng đầu là những phẩm chất khác: trí thông minh, sự nghiêm khắc, tính kiên quyết. Người không có gì để mất có thể đạt được tất cả, người không dễ

bị đau thì không cái gì làm tổn thương được. Dù sao cũng là Hartheim tự nhủ như vậy. Mà thật vậy, anh giống lạ thường với người mà anh gặp ở La Mã năm 1943, cũng như Ralph de Bricassart, anh hành động không đúng như cần phải làm, chính anh hiểu điều đó. Tuy nhiên, ý thức rằng anh có khả năng làm điều xấu không khiến anh dừng bước lấy một giây, anh chỉ lẳng lẳng chịu sự giày vò, tự hành hạ mình và bằng cách đó trả giá cho những thành công trong sự nghiệp. Nhiều người có thể cho rằng cái đó không đáng phải trả giá đắt như thế, nhưng anh sẵn lòng chịu đau khổ gấp đôi. Sẽ đến một ngày anh điều khiển nước Đức và làm cho nó thành một nước như anh mơ ước, anh sẽ diệt trừ tận gốc tinh thần Aryan Lutheran^[118], sẽ truyền bá một thế giới quan bao dung hơn, chấp nhận rộng rãi các quan điểm. Anh không thể hứa là sẽ không phạm tội nữa, vì thế đã mấy lần người ta từ chối không cho anh xưng tội và được giải tội, nhưng thật lạ lùng, anh vẫn không từ bỏ đạo trước đây của mình, cuối cùng anh đã thâm tóm được một số tiền và quyền lực lớn lao đến mức không thể nói gì đến chuyện tội lỗi, anh đến xưng tội, sám hối và được giải tội.

Năm 1955 Hartheim là một trong những nhà hoạt động giàu nhất và có thế lực nhất của nước Tây Đức mới, và là nghị sĩ mới được bầu của nghị viện Bonn và bây giờ anh lại đến La Mã, cần tìm Hồng y de Bricassart để ông nhìn thấy lời cầu khẩn của ông đã đem lại thành quả như thế nào. Về sau Hartheim không thể nhớ được anh hình dung trước cuộc gặp gỡ ấy như thế nào, bởi vì từ phút đầu tiên đến phút cuối cùng anh chỉ ý thức được một điều – Ralph de Bricassart thất vọng về anh. Chính anh cũng hiểu Đức Hồng y de Bricassart thất vọng điều gì, không cần hỏi. Nhưng

những lời Ralph de Bricassart nói với anh lúc chia tay thì anh không ngờ.

– Tôi cầu khẩn cho số phận của anh khá hơn số phận của tôi, vì anh còn trẻ lắm. Không có thứ mục đích có thể được bào chữa bằng bất cứ phương tiện nào. Nhưng hẳn là hạt giống sinh ra cái chết của chúng ta đã được gieo từ trước khi chúng ta ra đời.

Trở về buồng khách sạn của mình, Hartheim òa khóc nức nở, nhưng rồi anh bình tĩnh suy nghĩ: với dĩ vãng thế là hết. Từ nay ta sẽ trở thành người như ông ấy hy vọng. Đôi khi anh thành công, đôi khi không. Nhưng anh đã cố gắng. Tình bạn gắn bó anh với nhiều người ở Vatican được anh quý trọng hơn hết trên đời và anh tìm mọi cách đến La Mã mỗi khi chỉ có những con người ấy mới an ủi được anh trong tình trạng tuyệt vọng tằm tối. An ủi. Anh tìm được sự an ủi kỳ lạ ở họ. Họ không chi phối anh, không nói những lời âu yếm. Dầu thơm chữa bệnh được rót thẳng vào tâm hồn, dường như những người bạn hiểu nỗi đau khổ của anh là ở đâu.

Vào buổi tối ấm áp ấy, sau khi tiễn Justine về khách sạn, anh đi lang thang trên các phố La Mã và nghĩ rằng anh sẽ mãi mãi biết ơn cô. Trong bữa trà ban ngày, khi trước mắt anh, cô gan góc chịu đựng sự tra tấn thực sự, trong tâm hồn anh dậy lên tình cảm triu mến. Con quái vật nhỏ bé bị thương nhưng không bị đánh bại. Họ có hiểu rằng cô là đối thủ xứng đáng của họ không? Anh cảm thấy rằng anh có thể chiêm ngưỡng và tự hào về con gái mình trong tình huống như thế, tiếc rằng anh không có con gái.

Thế là anh phỏng luôn Justine của Dane, đưa cô đi để thử xem cô sẽ xử sự thế nào sau khi tiếp xúc với cái uy nghi đè nặng của nhà thờ và sau khi cậu em Dane, mà trước kia cô chưa từng thấy,

cậu em mà từ nay sẽ không bao giờ còn hoàn toàn gần gũi với cô về tâm hồn nữa.

Ở Chúa trời, mà Rainer tin là có Chúa trời, anh nghĩ, điều tốt đẹp hơn hết là Chúa có thể tha thứ hết thảy. Chúa tha thứ cho Justine thái độ vô thần, nó là đặc tính cố hữu của cô, tha thứ cho Rainer về việc anh khóa kín mọi tình cảm của mình cho đến khi anh thấy cần cho chúng thoát ra. Có thời kỳ anh khiếp sợ nghĩ rằng đã mất đứt chìa khóa. Rainer nhếch mép cười, quăng mẩu thuốc lá đi. Chìa khóa... Ồ phải, đôi khi chìa khóa có hình dạng hết sức kỳ dị. Có lẽ cần đến từng vòng uốn, từng búp xoắn của cái đầu đỏ rực như lửa ấy để mở khóa bộ máy rắc rối. Có lẽ giữa những bức tường có những bộ đạo phục Hồng y đỏ rực, Chúa trời đã trao cho anh chiếc chìa khóa đỏ rực như lửa.

Ngày trôi qua như một khoảnh khắc. Nhưng nhìn đồng hồ, Rainer thấy rõ rằng vẫn chưa muộn – cố nhiên, bây giờ khi Đức Thánh cha sắp tạ thế, người có quyền lực vô cùng lớn lao ở Vatican vẫn chưa ngủ, cũng như con mèo mà Ngài yêu quý đêm đêm vẫn thức. Trong căn buồng nhỏ của lâu đài Castel Gandolfo có tiếng nấc ghê rợn trước khi chết, những cơn co giật trước khi chết làm méo mó khuôn mặt khổ hạnh nhợt nhạt gầy guộc của người nhiều năm ròng đã mang chiếc mũ miện Giáo hoàng. Nói gì thì nói, ngài có cái vẻ cao cả. Nếu Ngài yêu người Đức, nếu như ngay lúc này Ngài vẫn thích nghe tiếng Đức thì điều đó có thay đổi gì đâu? Không phải Rainer Hartheim có quyền phán xét về điều đó.

Nhưng điều mà lúc này anh cần dò hỏi thì ở Castel Gandolfo người ta sẽ không nói ra đâu. Thế là anh lên những bậc thang bằng cẩm thạch, vào những căn buồng đỏ tía và đỏ thắm để nói

chuyện với Vittorio Scarbanza, Hồng y di Contini-Verchese, người có lẽ sẽ trở thành giáo hoàng mới. Đã ngót ba năm nay, Rainer để ý thấy cái nhìn của cặp mắt thâm màu anh minh và âu yếm ấy bao giờ cũng trù mẩn hướng vào độc một khuôn mặt; phải, tốt hơn hết là tìm câu trả lời ở Vittorio, chứ không phải ở Hồng y de Bricassart.

* * *

– Trong đời tôi không bao giờ nghĩ rằng tôi sẽ nói những lời như thế này, nhưng ơn Chúa, cuối cùng chúng ta sẽ đến Drogheda! – Justine tuyên bố; cô dứt khoát không chịu ném đồng tiền vào đài phim nước Trevi để đảm bảo là nhất định cô sẽ trở lại. – Chúng ta muốn đến Tây Ban Nha và Pháp, vậy mà cho đến giờ ta vẫn cắm chân ở La Mã, mà ở đây tôi là người hoàn toàn thừa, đúng như cái rốn. Vô nghĩa quá!

– Hừm, cô cho rằng cái rốn là vật thừa ư? Mà này, tôi nhớ ngay cả Socrates cũng có ý kiến như thế. – Rainer nói.

– Socrates ư! Thế à? Tôi không nhớ! Hay nhỉ, vậy mà tôi cứ tưởng là tôi đã đọc gần như toàn bộ Plato.

Justine uyển chuyển xoay mình lại, nhìn anh và thấy rõ rằng bộ y phục xuề xòa của khách du lịch phù phiếm hợp với anh hơn nhiều so với bộ comlê nghiêm nghị mà anh mặc khi đến Vatican.

– Phải, đúng thế. Socrates tin chắc rằng chẳng ai cần đến cái rốn. Để chứng minh, thậm chí ông vặn rốn của mình và vứt đi.

Môi Justine rung rung đầy vẻ giễu cợt.

– Thế rồi kết quả ra sao?

– Áo toga^[119] của ông ta rơi xuống.

– Toàn là bịa đặt. – Justine bật cười, ở Athens hồi ấy chẳng ai mặc toga. Nhưng tôi khiếp sợ cảm thấy trong câu chuyện tiểu lâm của anh có ẩn giấu một sự răn dạy nào đó. – Nụ cười biến mất trên mặt cô. – Vì lẽ gì anh phí thời giờ về tôi, Rain?

– Bướng bỉnh chưa! Thì tôi đã giải thích cho cô rồi kia mà, tên tôi đọc lên không phải là Rain, mà là Rainer.

– À không, anh không hiểu... – Justine trầm ngâm nhìn những dòng lấp lánh tia sáng của đài phun nước, nhìn cái be nước bắn thiu mà người ta đã vút vào đó vô vàn đồng tiền bản. – Anh đã bao giờ ở Úc chưa?

Vai anh rung lên vì cười không ra tiếng, nhưng anh không trả lời ngay:

– Hai lần tôi suýt đến đấy, herzchen ạ, nhưng tôi đã tránh được.

– Giá như anh đã từng ở vùng chúng tôi thì anh sẽ hiểu. Nếu tên anh phát âm theo cách của tôi thì đối với cái tai người Úc nghe thật thần kỳ – Rain. Trận mưa rào. Nó đem lại sự sống cho hoang mạc.

Vì bất ngờ, Rainer buông rơi điếu thuốc lá.

– Justine, cô không có ý định phải lòng tôi đấy chứ?

– Đàn ông các người tự thị biết bao! Tôi lấy làm tiếc phải đem lại sự thất vọng cho anh, nhưng mà không, không có gì như thế cả. – Và dường như để chuộc lại thái độ gay gắt của mình, cô chạm vào tay anh. – Không, đây là cái khác, tốt hơn nhiều.

- Còn gì có thể tốt hơn chuyện yêu đương?
- Hầu như là tất cả. Tôi không muốn rằng thiếu một người nào đó tôi không sống nổi. Tôi không cần cái đó!
- Có thể cô có lý. Nếu yêu như thế quá sớm thì cố nhiên là bị cắt cụt cánh, ừ, nhưng cái gì tốt hơn nhiều?
- Tìm một người bạn. – Cô vuốt tay anh. – Anh là bạn tôi mà, phải không?
- Đúng thế. – Anh mỉm cười ném đồng tiền vào đài phun nước. – Ra vậy đấy! Trong những năm ấy tôi đã ném vào đây để có đến một ngàn đồng mác Đức, vì tôi muốn sau này vẫn còn được sưởi ấm dưới ánh mặt trời phương nam. Đôi khi trong những giấc chiêm bao ghê sợ, tôi lại tê dại dưới băng giá.
- Anh nên ném thử cho biết mặt trời phương nam thực sự là như thế nào. – Justine nói. – Một trăm mười lăm độ trong bóng rợp, mà lại còn phải tìm chỗ rợp nữa.
- Không lấy gì làm lạ rằng ở đây cô không cảm thấy nóng bức.
- Anh cười, vẫn luôn luôn là cái cười không ra tiếng, một thói quen còn lưu lại từ thời xa xưa, khi cười thành tiếng có nghĩa là cảm dỗ số phận. – Hẳn là do cái nóng của nước Úc mà tính tình cô nghiệt ngã như thế.
- Tính nghiệt ngã hiểu theo nghĩa nào? Đây là cách diễn đạt của người Mỹ. Tôi vẫn cứ tưởng anh học tiếng Anh ở một trường đại học cao sang nào của Anh.
- Không, tôi bắt đầu học tiếng Anh trong trại tập trung ở Bỉ, học ở các tommies^[120] bình thường, đây là những “Cockney”^[121] Luân Đôn, hay người Scotland, hay người nông thôn, mỗi người có tiếng lóng của mình, mỗi người dạy tôi theo kiểu của mình, và

tôi chỉ có thể hiểu người ấy. Cùng một từ mỗi người phát âm một khác. Rồi khi tôi trở về Đức, tôi bắt đầu đi xem tất cả các phim Anh, mua tất cả những đĩa có thể kiếm được, mà chỉ có thể lùng được đĩa ghi âm các diễn viên hài kịch Mỹ. Nhưng ở nhà, tôi quay đi quay lại mãi những đĩa đó, cho đến khi nói được tiếng Anh đủ để tiếp tục học thêm.

Như lệ thường, Justine bỏ giày. Hartheim sợ hãi nhìn cô chân không bước trên đá lát hè đường nóng bỏng như cái chảo trên lửa.

– Đi giày vào! Đích thực là một thằng bé lêu lổng!

– Tôi là người Úc mà, bàn chân chúng tôi quá rộng, giày bó chân, ở nước chúng tôi hầu như không hề có cái lạnh thực sự, vì thế hễ có thể được là chúng tôi đi chân không. Tôi có thể đi trên bãi chăn, bước thẳng lên đám ngưu bàng mà không cảm thấy gì, rồi sau đó điềm nhiên nhổ gai khỏi lòng bàn chân. – Justine nói bằng giọng kiêu hãnh. – Hẳn là tôi có thể đi cả trên than nóng bỏng. – Và cô bỗng hỏi: – Anh có yêu vợ không, Rain?

– Không.

– Thế chị có yêu anh không?

– Có. Không thì cô ấy chẳng lấy tôi.

– Tội nghiệp! Anh sử dụng chị ấy như vắt quả chanh rồi vứt đi.

– Vì thế cô thất vọng về tôi chứ gì?

– Có lẽ là không. Thậm chí điều đó ở anh còn làm tôi khâm phục. Nhưng tôi rất thương vợ anh, còn bản thân tôi dứt khoát không muốn lâm vào cảnh khốn khổ như thế.

– Cô khâm phục tôi ư? – Hết sức băn khoăn, Rainer hỏi lại.

– Tại sao lại không nhỉ? Thì tôi đâu có chờ đợi ở anh cái mà vợ anh cần, đúng không? Tôi thích anh, chúng ta là bạn. Còn chị ấy yêu anh, anh là chồng của chị ấy.

– Hẳn là tất cả những kẻ háo danh đều đối xử không ra gì với vợ, herzchen ạ. – Anh nói, không phải không có vẻ buồn rầu.

– Bởi vì kẻ háo danh thường chọn cho mình một người vợ mềm yếu, tôi biết loại phụ nữ ấy: “Vâng, anh yêu, không, anh yêu ạ, em đã làm tất cả như anh bảo, anh yêu, anh còn ra lệnh gì nữa ạ?”. Những kẻ như thế cố nhiên là ném đủ mùi tân khổ. Tôi mà là vợ anh thì tôi sẽ mặc xác anh, còn chị ấy thì chắc là không lần nào dám nói lấy một lời trái ý anh phải không?

Môi Rainer rung động.

– Đúng thế. Annelise tội nghiệp. Cô ấy bản chất là người tuấn đạo, cô ấy không biết tự bảo vệ mình và không biết khéo nói làm mê lòng người. Tiếc rằng không rõ vì sao tôi không được xem các phim Úc, không thì tôi đã học được từ vụng của cô. “Vâng, anh yêu” – cái đó thì hiểu được, còn “ném mùi tân khổ” nghĩa là gì?

– Nghĩa là khổ sở, gay go, nhưng nghĩa mạnh hơn. – Cô bấm những ngón chân mạnh mẽ của đôi chân không giày vào rìa bể nước, mắt thẳng bằng, ngả về phía sau, nhưng lập tức vươn thẳng lên một cách dễ dàng. – Ở mà cuối cùng thì anh đã đối xử tử tế với chị ấy. Anh tự giải thoát khỏi chị ấy. Mà không có anh, chị ấy thoải mái hơn là ở với anh, tuy chị ấy chắc không nghĩ như thế. Còn tôi thì tôi có thể giữ anh cho tôi, vì tôi không có ý định vì anh mà buồn phiền.

– Tính nết cô quả thực là khát khe, Justine ạ. Nhưng do đâu mà cô biết đủ điều về tôi như vậy?

– Tôi hỏi Dane. Đương nhiên Dane là Dane, nó chỉ nói với tôi toàn sự kiện, còn tôi thì tôi tự hiểu lấy.

– Tất nhiên là dựa trên kinh nghiệm riêng cực kỳ phong phú. Cô đích là kẻ lừa dối! Người ta bảo cô là một diễn viên rất giỏi, nhưng tôi có phần không tin. Làm thế nào cô có thể diễn tả những tình cảm mà cô chưa bao giờ trải qua? Theo nghĩa đó cô là một kẻ hoàn toàn non nớt, ngay cả các cô bé mười lăm tuổi cũng còn cảm nhận được nhiều hơn.

Justine nhảy xuống đất, ngồi lên cái gờ không cao lắm của đài phun nước, định đi giày vào, ngọ nguậy những ngón chân một cách rầu rĩ.

– Chân tôi sưng lên rồi, khỉ thật.

Không có gì cho thấy cô cúi kính hay hờn giận về những lời cuối cùng của Rainer, dường như cô không nghe thấy. Dường như khi có ai trách móc hay bài bác cô, cô chỉ việc ngắt bộ máy thính giác bên trong nào đó. Mà những lời trách móc và bài bác thì cô đã phải nghe quá đủ. Cô không căm ghét Dane kể cũng kỳ lạ.

– Anh đặt cho tôi một câu hỏi đến là khó. – Cô nói. – Chắc là dù sao tôi vẫn miêu tả được điều gì, không thì tôi làm diễn viên sao được, phải không? Nhưng đấy là... tuồng như ta chỉ mới đang mong đợi. Tôi nói về cuộc đời của tôi ở ngoài sân khấu. Tôi ướp lạnh bản thân tôi để dự trữ, không phải trên sân khấu, thì tôi không thể phung phí bản thân tôi được. Chúng ta chỉ có thể trao tặng cái gì mà bản thân ta có, không ngoài cái đó, đúng không nào? Còn trên sân khấu thì tôi không còn là tôi, hay có lẽ nói đúng hơn là ở đấy những “cái Tôi” khác nhau thay thế cho nhau. Chắc là trong mỗi chúng ta có pha trộn vô số “cái Tôi” đủ các loại,

anh đồng ý không? Đối với tôi, sân khấu trước hết là lý trí, rồi sau đó mới là tình cảm. Lý trí giải phóng và mài sắc tình cảm. Không phải chỉ cần khóc, kêu gào hay cười sao cho khán giả tin ta. Anh ạ, đấy thật là điều kỳ diệu. Tưởng tượng mình là người khác hẳn, người mà ta muốn trở thành kẻ như thế, luôn luôn đối khác. Tất cả bí quyết là ở đấy. Không phải là biến thành người phụ nữ khác, mà nhập vai và nhập vào số phận, như thế nhân vật của tôi chính là tôi. Khi nhân vật ấy trở thành tôi. – Justine say mê đến nỗi không ngồi yên được và bật dậy. – Anh thử tưởng tượng xem, Rain! Hai mươi năm nữa tôi sẽ có thể nói: tôi đã từng là kẻ giết người, là kẻ tự sát, là kẻ loạn trí, tôi đã cứu nhiều người và giết nhiều người. Ô-hô! Ta đã từng là đủ mọi hạng người!

– Cô sẽ là tất cả những cái đó! – Hartheim đứng lên, lại cầm lấy tay cô. – Đúng, cô hoàn toàn có lý, Justine ạ. Ở ngoài sân khấu thì không thể phung phí hết những cái đó được. Với một người nào khác thì tôi sẽ nói: dù sao bạn cũng sẽ phung phí hết được thôi, nhưng với tính cách của cô thì tôi không tin là điều đó có thể được.

Nếu những người ở Drogheda suy nghĩ về điều này thì họ sẽ hình dung La Mã và Luân Đôn không xa hơn Sydney là mấy, còn Dane và Justine đã lớn thì họ vẫn coi là những đứa trẻ đang học trường phổ thông ở đấy. Đương nhiên, trong những kỳ nghỉ ngắn như trước kia, hai chị em khó mà về nhà được, nhưng mỗi năm một lần họ vẫn ở nhà ít ra là một tháng. Họ thường về vào tháng tám hay tháng chín, và nom bề ngoài họ vẫn như thế. Còn trẻ lắm. Nào có gì quan trọng cho lắm nếu như họ không còn là mười lăm, mười sáu nữa, mà là hăm hai hoặc hăm ba? Người Drogheda sống bằng sự mong chờ tháng ấy, đầu mùa xuân, nhưng cố nhiên không phải họ cứ luôn miệng nhắc nhở: “Thế là còn ba tuần nữa chúng nó sẽ có mặt ở đây”, hay “Trời ơi, chưa được một tháng mà chúng đã đi rồi.” – Không, không ai nói gì như thế cả, nhưng khoảng chừng từ tháng bảy, dáng đi của mọi người trở nên nhún nhẩy hơn và mọi khuôn mặt chốc chốc lại nở nụ cười. Ở bếp, trong các bãi chăn thả, trong phòng khách, ở đâu đâu người ta cũng nghĩ kỹ về các món quà tặng và những trò tiêu khiển.

Còn ở thời kỳ giữa thì có thư từ. Thường thường thư phản ánh cá tính của tác giả, nhưng đôi khi cũng có những mâu thuẫn. Chẳng hạn, có thể cho rằng Dane là người viết thư tỉ mỉ và cẩn

thận, còn Justine chỉ trả lời qua loa cho xong chuyện – Fee nói chung sẽ không viết, còn các anh em trai nhà Cleary thì nhiều lắm là mỗi người hai thư một năm. Meggie sẽ dồn cho bưu điện cả đồng thư, ít ra là thư cho Dane, ngày nào cũng có. Mrs. Smith, Minnie và Cat sẽ chỉ giữ những bưu thiệp chúc mừng ngày sinh nhật và vào dịp lễ Giáng sinh. Còn Anne Mueller sẽ thường xuyên viết thư cho Justine và không viết cho Dane.

Dane thì đầy thiện ý và quả thực là viết thư luôn. Khổ nỗi anh quên gửi những thành quả lao động của mình đi, và ở Drogheda có khi hai ba tháng không nhận được chữ nào của anh, rồi bưu điện gửi đến luôn một lần cả chục lá thư. Cô Justine lắm mồm viết những bức thư xưng tội dài dằng dặc, đầy thực sự là dòng thác ý thức, lộ liễu thô lỗ đến nỗi người đọc đỏ mặt và sợ hãi kêu lên, nhưng được cái nó hấp dẫn lạ thường. Meggie viết cả cho con trai và con gái vền vện chỉ hai tuần một lần. Justine không nhận được thư của bà ngoại bao giờ, nhưng Dane vẫn nhận được, thậm chí là thường xuyên, cả các bác trai và các chú cũng viết cho anh – nói về đất, về cừu, về sức khỏe của tất cả các phụ nữ Drogheda; rõ ràng họ coi bổn phận của họ là làm sao cho cháu tin chắc rằng ở nhà mọi việc đều ổn cả. Nhưng họ không thấy cần phải đoán chắc như thế với Justine: cô sẽ chỉ ngạc nhiên. Còn về Mrs. Smith, Minnie, Cat và Anne Mueller thì sự trao đổi thư từ của họ với Justine và Dane tình trạng đúng như đáng phải có.

Đọc thư thực là thú vị, viết thư là việc nặng nhọc. Nặng nhọc cho tất cả mọi người, trừ Justine, cô chỉ lấy làm bực vì chẳng ai gửi cho cô những lá thư như cô muốn, những lá thư dày, tỉ mỉ và thành thật. Chính nhờ Justine mà ở Drogheda người ta biết nhiều nhất về Dane: thư của anh khá trừu tượng. Còn Justine miêu tả

sinh động ngay thực chất của sự việc.

“Hôm nay Rain đáp máy bay đến Luân Đôn – Có lần cô viết – Anh viết rằng tuần trước anh đã gặp Dane ở La Mã. Nói chung anh ấy gặp Dane thường xuyên hơn con nhiều, La Mã là mục đích của tất cả các chuyến đi của anh ấy, còn Luân Đôn chỉ là một ga xếp thể thôi. Thú thực là chủ yếu nhờ Rain mà hàng năm trước khi về nhà, con gặp Dane ở La Mã. Dane sẵn lòng đến Luân Đôn đón con, nhưng nếu Rain ở La Mã thì con không ưng như vậy. Cố nhiên con là kẻ ích kỷ. Nhưng mẹ và mọi người không thể hình dung được anh ấy đem lại cho con niềm thích thú thế nào đâu. Anh ấy là một trong số những người quen – mà những người như thế tính ra chỉ một hai người – không hề nuông chiều con, con rất lấy làm tiếc rằng con với anh ấy rất ít gặp nhau.

Hiểu theo một nghĩa thì Rain hạnh phúc hơn con. Anh ấy gặp gỡ Dane và các bạn cùng chủng viện của nó ở nơi mà con không đến được. Chắc Dane sợ rằng con sẽ làm họ mất tâm^[122] ngay tại chỗ. Hay là họ sẽ làm con mất trinh. Ha! Chỉ trừ phi họ thấy con trong bộ y phục Charmian! Trang phục như thế con nom thật kỳ dị, giá mà mọi người nhìn thấy! Thực là một Theda Bara hiện đại! Hai miếng đồng đen nhỏ xíu chỉ vừa che núm vú, và một đồng dây chuyền đủ loại, lại thêm một vật nữa – theo con thì đấy là cái vành đai giữ trinh tiết, dù sao không có kim cắt thép thì không thể thọc vào dưới cái đó được. Lại thêm bộ tóc giả – tóc đen và dài, và cả toàn thân tô màu nước da sạm nắng, mang những thứ như thế con có bộ dạng khiến cho người xem phải ghen tở.

Con đang nói chuyện gì nhỉ! À, vâng, tuần trước ở La Mã, Rain đã gặp Dane và các bạn cùng học với nó. Cả bọn kéo nhau đi ăn uống. Rain trả tiền hết, anh ấy nhất quyết như vậy, để Dane khỏi

lúng túng. Một tối vui ra tối vui. Không có lấy một phụ nữ, cố nhiên, nhưng mọi cái khác thì như bình thường, cả nhà thử tưởng tượng xem, Dane quỳ gối trong một tiệm rượu đáng ghét nào đó ở La Mã, trước một bình hoa thủy tiên và ngậm:

Thủy tiên yêu dấu của ta, chúng ta sẽ héo tàn

Bởi vẻ duyên dáng của hoa đang mau chóng khóc than^[123]

Suốt mười phút, Dane cố nhớ lại cho đúng những câu ấy, không làm cho nó sai lạc đi chút nào, rồi nó thất vọng, cắn một nhánh thủy tiên bằng răng và nhảy múa. Đây là Dane, có thể tưởng tượng được không? Rain bảo rằng cái đó hoàn toàn vô hại và quả thực là cần thiết, không thể chỉ có làm việc và hoàn toàn không giải trí, vân vân và vân vân. Một khi phụ nữ đã bị loại trừ thì cần uống rượu kha khá vào. Rain đoán chắc như thế. Đừng nghĩ rằng việc đó diễn ra thường xuyên, không có đâu, đây là điều rất hiếm, và theo con hiểu, trong những trường hợp như thế, Rain cầm đầu và đích thân trông coi họ, vì tất cả bọn họ chỉ là những kẻ ngờ nghệch và non dại. Nhưng con được một mẻ cười thỏa thích – thử tưởng tượng xem, Dane ngậm nhánh hoa thủy tiên và nhảy flamenco^[124], lúc ấy ánh hào quang thần thánh ở nó như không hề có!”.

Dane ở La Mã tám năm rồi mới chịu chức, thoát đầu mọi người đều có cảm giác như những năm đấy không bao giờ hết. Nhưng tám năm trôi qua nhanh hơn nhiều so với điều người ta có thể tưởng tượng được ở Drogheda. Anh sẽ làm gì sau khi là linh mục, chẳng ai hình dung rõ, nhưng chắc là sẽ trở về Úc. Chỉ có Meggie và Justine ngờ rằng anh muốn ở lại Ý, nhưng Meggie vẫn át được nỗi e sợ đó: hàng năm Dane vẫn hết sức vui thú được về nhà trong kỳ nghỉ. Nó là người Úc, cố nhiên nó muốn về quê hương.

Justine lại là chuyện khác. Chẳng nên mơ tưởng gì đến chuyện con bé sẽ về hẳn nhà. Nó là diễn viên, mà ở Úc, nó không thể có con đường tiến thân trên sân khấu. Còn Dane có thể phụng sự thiên chức của mình ở bất cứ nơi nào.

Vậy là, sang năm thứ tám, không ai đặt kế hoạch bọn trẻ sẽ giải trí như thế nào khi họ về nhà trong kỳ nghỉ. Trái lại cả gia đình tính chuyện đi La Mã để tận mắt xem Dane chịu chức.

- Rút cuộc là chúng ta xôi hỏng bỏng không. Meggie tuyên bố.
- Xin lỗi, em thân mến, em nói gì nhỉ? – Anne hỏi lại.

Họ ngồi trong một góc ấm áp ở hàng hiên và đọc sách, nhưng cuốn sách của Meggie đã từ lâu bị bỏ quên trên đui, còn chị lơ đãng nhìn theo hai con chim chìa vôi đang vui vẻ nhảy trên bãi cỏ. Năm nay mưa nhiều, sâu bọ đầy rẫy, chưa bao giờ loài chim sống no nê và thoải mái như thế. Tiếng chim hót và tiếng líu lo đủ giọng không hề ngừng lặng từ tinh mơ cho đến tối.

– Em nói là rút cuộc thì chúng ta xôi hỏng bỏng không, – Meggie nói bằng giọng sâu thẳm. – Như ống thuốc nổ bị ẩm của chiếc pháo hoa. Mọi hy vọng đều tan tành! Năm một ngàn chín trăm hai một khi gia đình em đến Drogheda, có ai nghĩ sự thể rút cuộc lại như thế này.

- Chị vẫn không hiểu.
- Bố mẹ em có sáu con trai và em. Một năm sau lại sinh thêm hai con trai nữa. Còn mong gì hơn nữa? Sẽ có hàng chục con, dăm chục đứa cháu ư? Thế mà bây giờ thì đây. Hal và Stu chết, các anh em trai còn lại thì rõ ràng là không định lấy vợ, còn em, đứa con duy nhất không có quyền truyền lại họ cho mình, chỉ một mình em có thể đem lại của Drogheda những người thừa kế.

Nhưng các vị thần tối cao chưa cho thế là đủ. Em có một con hai và một con gái. Có thể mong được mấy đứa cháu. Vậy mà không! Con trai trở thành linh mục, còn đứa con gái, với nghề nghiệp của nó, sẽ suốt đời là gái già. Và Drogheda vẫn lại là trắng tay.

– Chị không thấy có gì đáng ngạc nhiên. – Anne nói. – Xét cho cùng, có thể chờ đợi gì ở các anh em trai của em? Cứ ru rú ở các bãi chăn thả, nhát như kangas, không bao giờ gặp gỡ các cô gái mà họ có thể lấy làm vợ. Còn Jims và Pasty thì đã bị chiến tranh tàn phá tâm hồn. Em có thể tưởng tượng Jims sẽ lấy vợ một khi đã biết rằng Pasty hoàn toàn không thể tính đến chuyện ấy được không? Họ quá quyến luyến với nhau, vả lại, việc trông trọt chăn nuôi làm cho người đàn ông trở nên không có giới tính, lấy đi gần hết sức lực của họ, mà sức lực ấy chẳng nhiều nhận gì lắm. Theo nghĩa đen, hoàn toàn về thể lực. Em không bao giờ nghĩ về chuyện ấy ư, Meggie? Nói một cách thô thiển, dòng họ em sinh ra không phải để có một đời sống tình dục mãnh liệt. Điều đó cũng đúng cả với Dane và Justine. Chị muốn nói rằng có một số người chỉ biết theo đuổi cái đó như những con mèo đực hoang, còn trong dòng họ em không hề có cái gì như thế cả. Tuy nhiên Justine vẫn có thể sẽ lấy chồng. Hình như cháu nó rất mến cái anh chàng người Đức ấy, Rainer ấy mà.

– Chính thế, chị nói rất trúng. – Meggie không chấp nhận một lời an ủi nào cả. – Cháu nó mến anh ta lạ thường. Chỉ thế không hơn. Rút cuộc thì hai người quen nhau đã bảy năm. Nếu nó định lấy anh ta thì hai người đã thành vợ chồng từ lâu rồi.

– Em nghĩ như thế ư? Chị biết Justine khá rõ (Anne nói hoàn toàn đúng sự thật, ở Drogheda không có ai, kể cả Fee và Meggie, hiểu được Justine). Chị cho rằng con bé vô cùng sợ phải yêu bằng

thứ tình yêu nó là kết quả của việc lấy chồng, và thú thật là chị khâm phục anh chàng Rainer ấy. Rõ ràng anh ta hiểu thấu ruột gan Justine. Không, chị không thể nói chắc là anh ta yêu con bé, nhưng nếu anh ta yêu thì anh ta đủ khôn ngoan chờ đợi cho nó đủ chín để đi bước quyết định. – Anne cúi xuống trong chiếc ghế bành, cuốn sách bị bỏ quên đã rơi xuống sàn đá men của hàng hiên. – Này, em nghe tiếng hót của con chim ấy chứ? Hay biết bao, chị cho rằng họa mi còn thua xa nó... – Và ngàn ngừ một lát, rồi cuối cùng bà nói ra cái điều đã nhiều tuần nung nấu trong tâm tư. – Meggie, tại sao em không đi La Mã? Em nên có mặt ở đấy khi Dane chịu chức.

– Em sẽ không đi La Mã! – Meggie nghiêng răng nói. – Em sẽ không bao giờ rời khỏi Drogheda nữa!

– Sao kỳ thế, Meggie! Dane sẽ buồn lắm đấy! Đi đi em! Nếu em không đi thì ở đấy sẽ không có một phụ nữ nào của Drogheda cả, chỉ có em là còn trẻ và đi máy bay được. Hãy tin chị, nếu người già khòm như chị mà còn hy vọng chịu đựng được chuyến đi như thế thì hẳn là chị đã ở trên chiếc máy bay ấy.

– Đi La Mã để nhìn xem Ralph de Bricassart ăn mừng thắng lợi của ông ta như thế nào ư? Em thà chết còn hơn!

– Meggie, Meggie! Cố nhiên là em thất vọng, nhưng sao lại trút giận lên ông ấy và con trai mình? Có lần em đã thú nhận rằng lỗi tại em cả kia mà. Vậy thì hãy dẹp sự kiêu hãnh đi và làm ơn đến La Mã cho.

– Không phải là chuyện kiêu hãnh. – Meggie giật mình. Ôi, Anne, em khiếp sợ không dám đi! Em không tin đấy là điều không tránh khỏi, em không thể tin được. Hễ cứ nghĩ đến là sờn

da gà lên.

– Nhưng nếu sau khi chịu chức, cháu nó không thể về nhà được thì sao, em có nghĩ đến điều ấy không? Em không hề nghĩ tới à? Linh mục sẽ không có thời gian nghỉ dài như sinh đồ chủng viện, và nếu nó quyết định ở lại La Mã thì em phải thân hành đến đấy, nếu không thì em sẽ không bao giờ gặp con nữa. Đi La Mã đi, Meggie!

– Em không thể đi được. Giá như chị biết em khiếp sợ đến chừng nào! Không phải do kiêu ngạo, cũng không phải vì Ralph đã thắng em và vân vân, đây chỉ là cái cơ em viện ra để khỏi bị hỏi han lôi thôi. Có trời chứng giám, em nhớ cả hai người lắm lắm, em sẵn lòng quỳ gối lết đến để được ngắm nhìn cả hai, nhưng không một phút nào em tin rằng họ cần đến em. Không, Dane sẽ vui sướng được gặp mặt em, nhưng còn Ralph? Ông ấy đã không còn nhớ rằng có em ở trên đời. Em xin nói với chị rằng em sợ. Tự đáy lòng em cảm thấy: em mà đi La Mã thì sẽ xảy ra tai họa. Vì thế em không đi.

– Nhưng có thể xảy ra chuyện gì, em nói đi.

– Em không biết. Giá như em biết sẽ phải đấu tranh với cái gì. Đẳng này chỉ là cảm giác, làm thế nào vượt thắng được cảm giác? Không có gì khác. Linh cảm. Tuồng như các thần bất tử định bắt em phải đền nợ.

Anne bật cười.

– Thôi đi, Meggie! Em hệt như một bà già thực thụ vậy!

– Em không thể đi được, không thể được! Em đúng là già rồi.

– Vợ vẫn, em là một phụ nữ khá trẻ còn đang sung sức. Đủ trẻ có thể đi máy bay.

– Ôi, buông tha em đi! – Meggie hằm hè đáp lại và chúi vào quyển sách.

* * *

Có những dịp La Mã tràn ngập những người bị thu hút về đây bởi một mục đích đặc biệt. Không phải là khách du lịch, không phải là những kẻ vô công rỗi nghề tò mò lần theo những di tích hiện nay để cố hình dung ra cái huy hoàng của thời xưa, cũng không phải là những con chim đi trú vôi vữa tham quan La Mã vào lúc rảnh rỗi nhân đi qua từ địa điểm A đối địa điểm B. Không, khối người này gắn kết với nhau bởi một tình cảm chung; họ đầy lòng tự hào, họ đến để tận mắt nhìn thấy trong nhà thờ uy nghi ở La Mã – nhà thờ được tôn kính nhất thế gian, – con trai họ, cháu họ hay một người họ hàng nào đó sẽ được long trọng phong chức thánh. Họ lưu lại nơi đây, người thì ở các nhà trọ xoàng xĩnh, người thì ở các khách sạn sang trọng, người thì ở nhà họ hàng hay bạn bè. Nhưng tất cả bọn họ cùng đồng lòng, hòa hảo với nhau và với cả thế gian. Lẽ tự nhiên là họ đi thăm liên tiếp tất cả mọi cái: đây là nhà bảo tàng Vatican và cuối cùng, coi như phần thưởng cho sự kiên nhẫn, là nhà nguyện Sistine^[125] ; đây là Quảng trường nghị hội^[126], Đại diện trường Colosseum^[127], đường Appian^[128], bậc thang trên quảng trường Tây Ban Nha, đài phun nước Trevi, son et lumière^[129]. Tất cả những cái đó lấp kín thời gian trong lúc chờ đợi cái ngày thiết tha mong mỏi. Những người đó được ban một đặc ân: được chính Giáo hoàng tiếp kiến, La Mã hào hiệp không tiếc gì họ.

Lần này, khác với những năm trước, Dane không đón chị ở ga: anh lánh riêng một nơi để chuẩn bị cho sự kiện sắp tới. Thay cho Dane, trên sân ga lem luốc vì đông người giẫm xéo, Rainer Moerling Hartheim chạy lòng lên như một con thú to lớn. Gặp Justine anh không hôn – không bao giờ anh làm như thế, – anh chỉ ôm vai cô và ghì chặt.

– Đúng là con gấu. – Justine nói.

– Gấu ư?

– Trước kia, khi mới quen nhau, tôi nghĩ rằng anh là một khâu còn thiếu nào đó trong lịch sử nguồn gốc loài người, nhưng rồi tôi thấy rằng anh giống gấu hơn là vượn gorilla. Gorilla là một sự so sánh không lấy gì làm hay ho.

– Thế gấu thì hay ho à?

– Phải, gấu có lẽ cũng hạ thủ bất cứ ai trong chớp nhoáng, nhưng dù sao vẫn dịu dàng hơn. – Cô khoác tay Rainer và dễ dàng nhịp bước theo anh, tầm vóc họ gần bằng nhau. – Dane thế nào? Anh có nhìn thấy cậu ấy trước khi nó lánh riêng đi một chỗ không? Tôi suýt giết chết Clyde, ông ta nhất định không cho tôi đi sớm hơn.

– Dane vẫn như mọi khi.

– Anh không rủ rê nó đi chệch khỏi con đường chính đạo đấy chứ?

– Tôi ấy à? Tất nhiên là không. Còn cô nom quyền rũ quá.

– Tôi rất chi là ngoan ngoãn, thêm nữa tôi làm cho tất cả các thợ may Luân Đôn phát tài to. Anh có thích chiếc váy mới ngắn cũn của tôi không? Nó gọi là mini-juyp đấy.

– Đi lên trước đi, rồi tôi sẽ nói cho cô biết.

Chiếc váy lụa rộng buông đến khoảng giữa đùi bay tốc lên khi Justine quay ngoắt về phía Rainer.

– Anh sẽ nói sao, Rain? Bất nhã phải không? Ở Paris tôi chưa thấy một phụ nữ nào mặc váy ngắn như thế này.

– Herzchen ạ, điều đó chỉ xác nhận rằng có đôi chân cân đôi như chân cô mà mặc váy dài thêm lấy một milimet nữa thôi là rất bất nhã. Người La Mã chắc sẽ đồng ý với tôi.

– Như vậy thì không cần chờ đến tối, mà chỉ một vài giờ nữa thôi móng tôi sẽ đầy vết tím bầm. Quý tha ma bắt tất cả bọn họ đi: Anh có biết thế nào không, Rain?

– Sao?

– Chưa lần nào có một linh mục bầu véo tôi. Bao nhiêu năm nay tôi đi lang thang khắp Vatican, chỉ mong có một lần người ta véo tôi một cái. Bây giờ tôi nghĩ rằng mặc mini-juyp, tôi sẽ quyến rũ được một giáo sĩ cao cấp nào đó.

– Có lẽ cô sẽ quyến rũ được tôi đấy. – Hartheim mỉm cười.

– Thực ư? Mà lại với áo váy màu da cam ư? Tôi tưởng anh sẽ gớm ghét thấy tôi mặc áo váy màu da cam khi tóc tôi màu da cam.

– Cái đó làm tình cảm bốc cháy, một màu thật dữ dội.

– Anh chế nhạo tôi. – Justine vừa nói vừa ngồi vào chiếc “Mercedes” mù kín có lá cờ đỏ Đức nhỏ phấp phới trên bộ tản nhiệt. – Anh đã kịp sắm quốc kỳ bao giờ vậy?

– Khi nhận chức vụ mới trong chính phủ.

– Chẳng phải vô cơ mà tôi đánh giá cao cái tin đăng trong tờ

“News”. Anh đã xem chưa?

– Cô biết đấy, Justine ạ, tôi không đọc những loại báo lẩm cẩm đó.

– Tôi cũng thế, nhưng có người đã đưa cho tôi xem số báo ấy.
– Đến đây cô nói to hơn, bằng một giọng làm ra vẻ quý tộc, giả tạo kinh khủng: “Một ngôi sao đang lên của giới sân khấu, tóc màu hung, gốc người Úc, kết bạn thân thiết với một thành viên của nội các Tây Đức”.

– Họ không thể biết rằng chúng ta quen nhau đã lâu lắm rồi. – Rainer nói một cách điềm tĩnh, duỗi chân ra và ngồi cho thoải mái hơn.

Justine nhìn bộ comle của Rainer bằng con mắt tán thưởng – bộ y phục rất xuề xòa, rất Ý. Đúng, bản thân Rainer tuyệt nhiên không lạc hậu với một châu Âu, thậm chí anh dám mặc sơmi lưới cho phép người Ý phô ra lớp lông dày rậm trên ngực.

– Anh hoàn toàn không nên mặc comle với áo có cổ và cà vạt.

– Vậy ư? Tại sao kia?

– Phong cách của anh là phong cách phóng túng, chính như lúc này đây : tấm medallion vàng đeo dây chuyền trên bộ ngực lông lá. Khi anh mặc comle, tôi có cảm tưởng như anh bụng phệ và chẳng có eo ách gì cả, nhưng thực ra đâu có như thế.

Rainer nhìn cô với vẻ ngạc nhiên, rồi luồng mắt anh trở nên cảnh giác, Justine gọi đó là “cái nhìn đăm chiêu chăm chú”.

– Lần đầu tiên. – Anh nói.

– Lần đầu tiên cái gì kia?

– Bảy năm trời chúng ta quen nhau, nếu cô có ý kiến gì về vẻ

bề ngoài của tôi thì chỉ là chệ bai.

– Thật ư? – Justine dường như thẹn. – Không – không, tôi vẫn thường hay nghĩ về vẻ ngoài của anh và không hề có ý chệ bai gì cả. – Và không hiểu sao cô vội vã nói thêm. – Chẳng hạn về việc anh mặc comle có hợp không.

Anh không đáp, chỉ mỉm cười với những ý nghĩ gì không rõ.

Chuyến đi này bằng ô-tô là sự việc êm ả cuối cùng, tiếp theo là những ngày cực kỳ sôi động. Justine cùng với Rainer đến thăm Hồng y de Bricassart và Hồng y Contini-Verchese và vừa ở chỗ hai người về là chiếc xe con do Rainer thuê đã đưa cả đoàn người Drogheda về khách sạn của họ. Justine liếc mắt theo dõi xem những người họ hàng của cô gây nên ấn tượng như thế nào đối với Rain: toàn là đàn ông. Cho đến phút cuối cùng Justine tin chắc rằng mẹ sẽ nghĩ lại và đến La Mã, nhưng cô uống công đưa mắt tìm mẹ. Đây là một đòn khủng khiếp, chính Justine cũng không hiểu cô đau lòng cho ai hơn: cho bản thân hay cho Dane. Nhưng lúc này họ ở đây, các bác trai và các chú, tất nhiên cô phải tiếp đón họ với tư cách chủ nhà.

Họ mới rụt rè và ngượng ngùng làm sao! Không thể hiểu được ai là thứ mấy. Năm tháng qua đi làm cho họ trở nên không có gì khác biệt nhau, ở La Mã họ là hiện tượng đập vào mắt như thể là... ờ, như thể là những chủ trại người Úc chính cống đến thăm ai ở La Mã. Tất cả đều như nhau; trang phục bình thường của các điền chủ phong lưu cả đời có một lần kéo nhau ra thành phố: ủng cao màu nâu dùng để cưỡi ngựa, có chun ở phía bên, quần có màu không rõ rệt, áo vét thể thao bằng len xù lông dày khít có đường xẻ bên sườn và vô số miếng da ghép thêm vào, sơ mi trắng, cà vạt đen bằng len, mũ rộng vành màu xám chóp phẳng.

Trên các đường phố Sydney vào những ngày lễ Phục sinh, kiểu trang phục như thế không làm ai ngạc nhiên, nhưng ở La Mã vào cuối mùa hè thì đây là cảnh tượng khá hiếm.

Nói thật tình, ơn nhờ Chúa là có Rain ở đây! Anh tốt với họ biết bao! không bao giờ tôi tin là có người nào làm được cho Pasty “chịu bắt chuyện”, vậy mà anh làm được, cảm ơn anh. Họ chuyện trò huyền thuyên như những người ham chuyện ngồi lê đôi mách, và anh khéo xoay đầu ra bia Úc cho họ? Anh ưa thích cả sáu người, và xem ra tiếp xúc với họ anh cảm thấy thích thú. Rõ ràng là mọi việc đều có ích cho nhà chuyên gia về chính trị và công nghiệp Đức. Không thể nào hiểu được làm sao một người có tư chất như thế mà bỗng nhiên lại là một tín đồ Thiên Chúa giáo ngoan đạo! Đúng, quả thật anh là con người bí ẩn, Rainer Moerling Hartheim ạ. Bạn của Giáo hoàng và các Hồng y, đồng thời là bạn của Justine O’Neill. Tôi biết ơn anh biết bao, nếu anh không xấu xí đến như thế thì hẳn là tôi sẽ hôn anh tới tấp! Tôi ở La Mã này, phải chăm lo cho các bác các chú mà không có Rain thì thật đẹp mắt! Anh có cái tên rất đúng.

Anh ngã người ra sau trong chiếc ghế bành, nghe Bob kể chuyện về việc xén lông cừu, và bởi vì anh gánh lấy trách nhiệm của chủ nhà, Justine không còn việc gì phải làm nữa, cô tò mò chăm chú nhìn. Thông thường, cô nhận ra những đặc điểm bên ngoài của khuôn mặt mới ngay từ lúc thoát nhìn, nhưng đôi khi sự tinh tường ấy phản lại cô và có những người đã bước vào đời cô tự lúc nào không biết và chiếm được vị trí vững chắc trước khi cô kịp rút ra kết luận đầu tiên quan trọng nhất về dung mạo của họ. Khi ấy, đôi khi nhiều năm sau cô mới lại có dịp nhìn người đó bằng con mắt mới mẻ như nhìn người không quen. Bây giờ cô

nhìn Rain như thế đấy. Lỗi làm cố nhiên là tại cuộc gặp gỡ đầu tiên ấy cả: giữa những vị Hồng y ấy, cô hoảng hốt, mất tinh thần, chỉ tỏ ra táo tợn, cố làm cho mình mạnh bạo lên. Cô chỉ kịp nhận thấy những gì rõ ràng nhất: anh rắn chắc vạm vỡ, nước da rám nắng, tóc thẫm màu dày rậm như thế nào. Còn khi anh đưa cô đi ăn tối thì cơ hội để quan sát chính xác hơn đã lỡ mất rồi: anh buộc cô nhìn thấy không phải là những đường nét trên mặt anh, mà cá tính độc đáo của anh; cô quá mải mê theo dõi môi anh phát âm như thế nào để có thể nhìn xem cặp môi ấy đường nét ra sao.

Anh hoàn toàn không xấu xí, bây giờ cô cả quyết như vậy. Có lẽ vẻ ngoài của anh hoàn toàn khớp với thực chất, ở anh lẫn lộn cả cái tốt nhất và cái xấu nhất. Dường như ở một vị hoàng đế La Mã nào đó. Không lấy gì làm lạ rằng anh yêu La Mã như thế. Đây là quê hương tinh thần của anh. Khuôn mặt rộng, hai mắt lấn sâu, gò má nhô hẳn ra, mũi nhỏ nhưng sống gồ lên. Cặp lông mày đen và rậm không uốn theo đường lượn của hốc mắt, mà hoàn toàn thẳng. Lông mi đen và dài hết như lông mi con gái, cặp mắt thẫm màu tuyệt diệu, mí mắt hầu như bao giờ cũng hạ xuống và che giấu ý nghĩ của anh. Nhưng đẹp nhất trên khuôn mặt này là cái miệng – không quá mỏng và môi không mỏng, không to và không nhỏ, nhưng đường nét đẹp và rành rẽ hiếm có, miệng mím lại nom kiên quyết lạ thường; tuồng như nếu Rain ngừng theo dõi bản thân mình, nếu anh không mím môi chặt như thế thì cặp môi ấy sẽ tiết lộ hết mọi bí mật của anh và người ta sẽ biết rõ thực ra anh là người thế nào. Thú vị biết bao khi ta phân tích từng nét khuôn mặt đã rất quen mà hóa ra lại là khuôn mặt ta hoàn toàn chưa biết.

Justine chợt thoát ra khỏi trạng thái trầm tư, hóa ra anh cũng đang chăm chú nhìn cô như cô đang xem xét anh: cô có cảm giác như trước mắt đám đông nhăm nhăm cầm đá trong tay, cô bị lột bỏ hết áo váy! Khoảng một phút, anh nhìn thẳng vào mắt cô bằng cặp mắt mở to, cảnh giác, không hẳn là ngạc nhiên, mà dò xét thì đúng hơn. Rồi anh điềm tĩnh đưa mắt nhìn Bob và hỏi điều gì hoàn toàn đúng thực chất về vùng đất lầy. Justine thầm mắng mình: đừng có nghĩ vớ vẩn! Nhưng kể ra cũng hấp dẫn lắm chớ: con người mà bao nhiêu năm nay chỉ là người bạn, bỗng nhiên ta thấy người đó có thể là người tình. Ý nghĩ ấy tuyệt nhiên không có gì đáng ghét.

Arthur Lestrangle có không ít người kế chân, và với họ cô không còn buồn cười nôn ruột nữa. Ô, ta đã qua một chặng đường không nhỏ sau cái đêm đáng ghi nhớ ấy. Nhưng đây là vấn đề; ta có tiến thêm được bước nữa không? Thật là thích thú khi ta có một người đàn ông, xin đủ cái lý sự của Dane rằng người đàn ông, phải là người duy nhất. Ta không định gấn bó mình với một người duy nhất, vì thế ta sẽ không ngủ với Rain, không, không đời nào. Sẽ có quá nhiều điều thay đổi sau đó, ta sẽ mất một người bạn. Mà ta cần bạn, cần phải có bạn, ta không thể sống không có bạn. Ta cần giữ gìn anh ấy, cũng như ta đã giữ gìn Dane, sao cho bên cạnh ta có một người đàn ông mà về mặt thể xác không có ý nghĩa gì với ta.

* * *

Nhà thờ này có thể chứa được hai mươi ngàn người cầu

nguyện, vì vậy không thiếu chỗ. Cả thế giới không có ngôi đền thờ nào mà để dựng nên nó người ta đã đổ vào đấy bấy nhiêu thời gian, suy nghĩ và thiên tài, đứng trước nó mọi tác phẩm ngẫu tượng giáo của người xưa để phai mờ. Phải, đem so sánh thì những cái đó đều không đáng gì. Bao nhiêu tình yêu, bao nhiêu công sức. Basilica của Bramante^[130], nóc vòm của Michelangelo^[131], hàng cột của *Bernini*^[132].

Những cái đó ca ngợi sự cao cả không chỉ của Chúa trời, mà cả của Con Người. Nằm sâu dưới confession^[133] đó, trong cái hầm mộ nhỏ xíu bằng đá, là hài cốt của chính thánh Pie: hồi xưa Đại đế Charlemagne đã làm lễ đăng quang ở đây. Tưởng chừng âm vang của những tiếng nói đã tắt lặng từ lâu vẫn còn văng vẳng trong những luồng ánh sáng từ ngoài tuôn chảy vào, những ngón tay đã từ lâu không còn nữa vẫn ve vuốt lớp đồng đen của những tia tỏa ra ở phía sau bàn thờ chính và âu yếm vuốt ve những cột vặn xoắn bằng đồng đen của baldacchino^[134].

Dane nằm phủ phục trên các bậc thềm như người chết. Anh đang nghĩ gì? Có lẽ anh đang bị giầy vò bởi một nỗi đau không đúng lúc vào giờ này chẳng: tại sao mẹ không đến? Hồng y de Bricassart nhìn qua hàng nước mắt và hiểu: lúc này không có sự đau đớn. Đau đớn là trước đây kia, đúng, cố nhiên; hẳn là sẽ đau đớn sau này. Nhưng lúc này thì không, ở chàng trai, tất cả đều tập trung vào phút này, vào phép lạ. Tất cả bản thể anh tràn đầy Chúa. Hôm nay là một ngày duy nhất, có một không hai trong đời anh, và chỉ có một điều quan trọng: nói lên lời khẩn nguyện thiêng liêng, hiến dâng Chúa cả cuộc đời và linh hồn mình. Chắc là điều đó vừa sức anh ta, nhưng liệu có nhiều người thực sư đạt được điều ấy không? Chỉ biết là không phải Hồng y Ralph đã đạt

được, mặc dù cho đến nay ông vẫn nhớ bản thân ông cũng tràn đầy niềm phấn khởi thiêng liêng như thế nào trong giờ thụ phong. Ông đã say mê gắng hiến dâng toàn bộ bản thân, thế nhưng ông đã giấu đi một cái gì.

Không, sự phong chức của ta không lấy gì làm cao cả lắm, nhưng qua chàng trai này ta sẽ trải nghiệm lại tất cả. Anh ta đích thực là sự huyền nhiệm, quả là đáng kinh ngạc: anh ta đã sống giữa chúng ta ngàn ấy năm, và bất chấp sự lo sợ của tất cả chúng ta cho anh ta, không có lấy một kẻ nào ghét anh ta chứ đừng nói đến kẻ thù. Anh ta được mọi người yêu mến và anh ta cũng yêu mến mọi người. Anh ta chưa lần nào nảy ra ý nghĩ rằng đây là trường hợp hiếm hoi ngoại lệ. Vậy mà khi đến với chúng ta lần đầu tiên, anh ta không tự tin lắm; niềm tự tin ấy là do chúng ta đem lại cho anh ta; có lẽ đây là sự biện minh cho chúng ta. Nhiều người đã được phong chức sắc ở đây, hàng nghìn linh mục đã từ giữa những bức tường này mà ra, nhưng với chàng trai này thì tất cả đều khác. Ôi Meggie! Tại sao em không đến, tại sao sẽ không nhìn thấy em đã dâng Chúa một tặng phẩm như thế nào, một tặng phẩm mà ta đã không thể dâng Chúa, vì chính ta đã được hiến cho Chúa? Chắc là vì thế nên hôm nay anh ta được giải thoát khỏi nỗi đau. Bởi vì hôm nay ta được ban quyền phép nhận lấy nỗi đau của anh ta, giải thoát cho anh ta khỏi đau khổ. Ta khóc bằng nước mắt của anh ta, ta đau xót thay cho anh ta. Như thế là phải.

Rồi Ralph quay lại, nhìn những người Drogheda, họ ngồi sát cạnh nhau, tất cả đều mặc comle thâm màu, nom không thuận mắt đối với nơi này. Bob, Jack, Hughie, Jims, Pasty. Chiếc ghế bỏ trống – Meggie không đến, rồi đến Frank. Người phụ nữ duy nhất

trong gia đình Cleary là Justine, ngọn lửa của mái tóc được dập tắt đi bằng tấm khăn choàng đăng ten màu đen. Bên cạnh cô là Rainer. Và rất nhiều người không quen, nhưng hôm nay họ hết lòng chia sẻ tình cảm của những người từ Drogheda đến. Còn đối với Ralph, hôm nay tất cả đều đặc biệt, ngày hôm nay của ông là một ngày phi thường. Ông có một tình cảm gần như ông hiến dâng con trai ruột thịt của mình. Ralph mỉm cười, thờ dài. Lúc này Vittorio có cảm thấy điều gì khi phong chức cho Dane không?

Có lẽ hôm nay anh quá khổ tâm về việc mẹ không đến, nên trong buổi chiều dài long trọng do Hồng y Vittorio và Ralph tổ chức để mừng anh, Dane cố gắng trước hết trao đổi mấy lời với Justine. Trong bộ áo chùng thâm với cái diềm trắng như tuyết trên cổ áo đen kín mít, Dane nom thực tuyệt vời, cô chị nghĩ như vậy; nhưng không giống linh mục một chút nào. Giống diễn viên đóng vai linh mục nhiều hơn; tuy nhiên đây là chưa nhìn vào mắt cậu em. Trong mắt nói với mình như thế về bác Frank của chúng ta. Mà thực ra tại sao lại như thế hả chị Jus?

Nhưng Justine không thừa nhận một sự nhượng bộ và vòng vo nào hết, cô bị hút hết tâm trí vào điều căn cốt nhất.

– Chị sẵn sàng giết chết mẹ! – Cô nghiêng răng khê nói. – Sao mẹ dám đối xử với em như thế!

– Ô kìa, chị Jus! Em hiểu mẹ. Chị cũng cố mà hiểu mẹ. Nếu như đó là vì độc ác hay để trả thù thì em sẽ cay đắng trong lòng, nhưng chị biết mẹ không kém gì em, chị cũng hiểu rằng không làm gì có chuyện như thế. Chẳng bao lâu nữa em sẽ về Drogheda. Em sẽ nói chuyện với mẹ, khi ấy mọi việc sẽ sáng tỏ.

– Hẳn là con trai đối với mẹ kiên nhẫn hơn con gái. – Môi

Justine méo đi một cách buồn rầu, cô nhún vai. – Chẳng thế mà chị thích sống một mình theo ý thích của mình, như vậy là hơn, vì chị sẽ không ràng buộc người nào phải có chị là mẹ.

Trong đôi mắt xanh hướng vào cô ngồi lên vẻ đôn hậu và triu mến vô hạn, Justine tức tối: phải chăng Dane có ý thương hại cô?

– Tại sao chị không lấy Rainer? – Dane bỗng hỏi.

Cô buột kêu lên, thậm chí há hốc mồm. Cô trả lời một cách lúng túng:

– Anh ấy không ngờ ý.

– Chỉ vì anh ấy nghĩ rằng chị sẽ từ chối. Nhưng chuyện ấy có thể thu xếp được.

Không ngần ngại, cô véo tai cậu em, y như thời thơ ấu.

– Hãy cứ thử xem, đấng linh mục gốc ghéch kia! Giữ mồm giữ miệng đấy, nghe chưa? Chị không yêu Rain!!! Anh ấy chỉ là bạn chị, chị muốn anh ấy vẫn cứ là bạn. Em mà cầm lấy một ngọn nến để cầu cho việc ấy thì thề là chị sẽ ngồi xuống, lừ mắt nhìn và nguyên rửa em, – em có nhớ hồi xưa cái phép thuật ấy làm em sợ chết khiếp chứ?

Dane ngửa đầu lên và cất tiếng cười vui vẻ.

– Tiết mục ấy không trôi đâu, chị Justine! Bây giờ phép của em mạnh hơn phép của chị. Chị đừng có nổi nóng, bà chị bản tính ạ! Em làm, có thể thôi. Em tưởng chị với anh Rainer yêu nhau.

– Không hề. Sau bảy năm quen nhau ư? Đừng hy vọng, trừ phi tôm biết huyết sáo và cá cất tiếng hát. – Justine im lặng một lát như không tìm được lời cần thiết, rồi ngược mắt nhìn em gần như rụt rè. – Dane ạ, chị mừng cho em lắm lắm. Chị nghĩ rằng mẹ mà

ở đây thì mẹ cũng mừng như thế. Muốn vậy chỉ cần thấy lúc này. Hãy chờ đợi, rồi mẹ sẽ ưng chịu tất.

Dane thận trọng đưa hai tay ôm chặt lấy khuôn mặt nhỏ nhắn gầy gò của chị, mỉm cười với chị âu yếm, trùi mền đến nỗi Justine bóp chặt hai cườm tay em, như cố thắm hút lấy tình yêu của em bằng mọi đường gân thớ thịt. Đường như tức thời trong ký ức trôi dạt những năm tháng tuyệt diệu vô giá của thời thơ ấu.

Tuy nhiên, đằng sau sự trùi mền của em trai, trong đáy mắt em, cô cảm thấy thấp thoáng bóng dáng của sự hồ nghi, không, không phải hồ nghi có lẽ nói như vậy quá mạnh, đúng hơn là bóng dáng của nỗi lo ngại. Thường thường nó vẫn tin rằng cuối cùng mẹ sẽ hiểu, nhưng nó là một người không xa lạ với bất cứ cái gì thuộc về con người, chứ ngoài nó ra, tất cả mọi người đều quên điều đó quá dễ dàng.

– Chị Jus ơi, nếu em cầu xin chị điều gì thì chị sẽ làm chứ? – Dane buông chị ra hỏi.

– Mọi việc trên đời. – Justine đáp một cách nghiêm chỉnh.

– Em có được một thời gian đại loại như sự tạm hoãn để suy nghĩ xem sau đây em sẽ làm gì nữa. Hai tháng. Em có ý định suy nghĩ một cách chín chắn trong lúc cưỡi lên lưng một con ngựa nào đó của Drogheda, song trước đó phải nói chuyện với mẹ đã... em có cảm giác rằng sẽ không làm sáng tỏ được điều gì cho bản thân mình khi chưa nói chuyện với mẹ. Nhưng trước hết... chị ạ, em cần thu được can đảm để trở về nhà. Vậy thì nếu có thể được, chị đi với em về Peloponnese khoảng hai tuần, ở đây chị sẽ la rầy nhiec móc em về thói hèn nhát, điều đó sẽ làm em chán ngấy đến nỗi em mau mau lên máy bay để khỏi phải nghe những lời chối

tai như vậy. – Dane mỉm cười với chị. – Mà này, chị Jussy ạ, chớ có tưởng rằng bây giờ chị không còn chỗ trong đời em, cả chị và mẹ đều không được nghĩ như vậy. Em là lương tâm của chị, mà nghe tiếng nói của lương tâm đôi khi cũng có ích.

– Ờ, cố nhiên, cố nhiên, Dane ạ, chúng ta sẽ đi!

– Thế thì tốt. – Dane mỉm cười, nhìn với vẻ ranh mãnh. – Em quả thực cần có chị Jus ạ. Đối với em, chị sẽ là cái đinh cắm vào móng, y như ngày xưa.

– Chà chà! Nói những lời như thế là bất lịch sự, đức Cha O’Neill khả kính ạ!

Dane bắt hai tay ra sau đầu, khoái trá ngả người trên lưng ghế.

– Em là đức Cha khả kính! Tuyệt đấy chứ nhỉ? Rồi em sẽ gặp mẹ và có lẽ em sẽ có thể tập trung mọi ý nghĩ vào Chúa. Chị ạ, em cho rằng đối với em đây là điều chủ yếu. Chỉ nghĩ về Chúa thôi.

– Em phải vào một dòng đạo, Dane ạ.

– Điều đó bây giờ vẫn có thể được, mà chắc là em sẽ làm như thế. Em có cả cuộc đời ở phía trước, chẳng việc gì phải vội.

* * *

Justine rời khỏi cuộc chiêu đãi ra về cùng với Rainer. Cô nói với anh rằng cô định cùng Dane sang Hy Lạp, còn anh nói rằng anh định trở về Bonn.

– Đến lúc từ lâu rồi, quý bắt anh đi. – Justine tuyên bố. Là bộ trưởng mà anh chẳng bận tâm nhọc sức gì cho lắm. Các báo đều viết rằng anh là kẻ vô công rồi nghề, kẻ chơi bời, chỉ biết đàn

đúm với các nữ diễn viên tóc hung người Úc, một gã ba que xỏ lá.

Rainer giờ nắm đấm oai vệ lên đe cô.

– Cô không hề ngờ rằng tôi vẫn phải trả giá đắt như thế nào về những lạc thú ít ỏi của tôi.

– Có lẽ ta nên đi bộ. Rain ạ, anh không phản đối chứ?

– Không, nếu như cô sẽ không đi chân trần.

– Bây giờ thì không thể đi chân trần được. Mini-juyp có những khuyết điểm của nó; trước kia chúng tôi đi bít tất, cởi bỏ không khó gì. Còn bây giờ người ta sáng chế ra một thứ đại loại như quần nịt dùng trên sân khấu, không thể cởi ra trước mắt mọi người, như vậy sẽ làm chấn động ghê gớm phong tục từ thời Lady Godiva. Vậy nếu tôi không muốn phá hỏng chiếc quần liền tất, mà nó trị giá năm guinea^[135] thì muốn hay không cũng cứ phải đi giày.

– Ít ra cô cũng bổ sung kiến thức cho tôi về trang phục của phụ nữ, cả cái mặc ngoài cũng như đồ lót trong. Harthem nói vẫn gọn.

– Thôi đi! Tôi đánh cuộc là anh có cả chục cô nhân tình và anh lột truồng tất cả bọn họ.

– Tôi chỉ có một nàng, và đúng như một người tình đáng mặt người tình, nàng bao giờ cũng chờ đợi tôi trong bộ đồ hở hang.

– Này anh ạ, hình như chúng ta chưa bao giờ bàn về đời sống tình dục của anh phải không? Hấp dẫn lắm đấy! Người tình của anh như thế nào?

– Một nàng bốn mươi tuổi tròn như cái thùng tônô, ngu độn, tóc và lông mày trắng nhợt, lại bẻm mép nữa.

Justine dừng phắt lại như trời trồng.

– Anh gạt tôi. – Cô chậm rãi. – Tôi không tưởng tượng được anh bên cạnh người phụ nữ như thế.

– Tại sao vậy?

– Cảm quang thẩm mỹ của anh quá tốt để có thể như vậy.

-*Chacun a son gout*^[136], cô bạn thân mến của tôi ạ. Bản thân tôi hoàn toàn không đẹp trai, thế theo ý cô thì tôi có khả năng làm cho một phụ nữ trẻ đẹp mê tôi và trở thành người tình của tôi ư? Vì đâu mà cô nghĩ như vậy?

– Hoàn toàn có khả năng! – Justine cúi kính phản đối – Quá đi chứ!

– Bằng cách gì, bằng tiền ư?

– Liên can gì đến tiền nong của anh! Chẳng qua là anh chọc tức tôi, bao giờ anh cũng chọc tức tôi! Rainer Moerling Hartheim, anh biết rất rõ là anh có sức hấp dẫn như thế nào, nếu không thì anh đã chẳng mặc áo sơmi lưới đeo medallion vàng trên ngực. Ngoại hình chưa phải là tất cả, nếu như nó là tất cả thì có lẽ tôi cũng sẽ dẫn đo.

– Thiện cảm của cô đối với tôi rất đáng cảm động, herzchen ạ.

– Tại sao với anh bao giờ tôi cũng có cảm giác là tôi không thể đuổi kịp anh? – Justine đã hết hăng say; bây giờ cô đứng một chỗ và do dự nhìn Rainer. – Lúc này, anh nói không thực, phải không?

– Thế theo cô thì thế nào?

– Không! Anh không phải là người háo danh, nhưng anh thừa biết anh có sức cám dỗ như thế nào.

– Tôi biết hay không, không quan trọng. Nhưng cô thấy tôi có gì hấp dẫn, đây mới là điều quan trọng.

Cố nhiên tôi thấy chứ, thiếu chút nữa thì cô trả lời, mới rồi tôi đã thử đoán chừng xem anh sẽ như thế nào trong vai người tình của tôi, nhưng tôi đã quyết đoán rằng chuyện ấy sẽ chẳng đi đến đâu, tôi cần anh là người bạn hơn. Nếu anh để cho cô nói ra điều đó thì có lẽ anh sẽ đi đến kết luận rằng thời cơ của anh chưa đến và anh sẽ hành động khác. Nhưng cô chưa kịp thốt lên lời nào thì anh đã ôm chầm lấy cô và hôn tới tấp. Đúng sáu chục giây đồng hồ cô lịm đi, bất lực, bàng hoàng, bị ám ảnh bởi một điều duy nhất làm thế nào đủ sức cưỡng lại cơn bột phát cuồng loạn ấy. Mối anh... ôi thật là tuyệt diệu! Và tóc, mái tóc dày rậm dững mãi, đây cũng là bản thân cuộc sống, vọc ngón tay vào đó thật là khoái trá! Rồi hai tay anh áp chặt lấy hai má cô, anh mỉm cười nhìn vào mắt cô.

– Anh yêu em.

Justine túm lấy hai cườm tay anh, nhưng không phải là nhẹ nhàng triu mến như với Dane trước kia, mà bầu bằng móng tay gằn như đến chảy máu. Cô lùi lại một bước, bước nữa. Cô đứng và quệt nhanh môi vào chỗ gấp khuỷu tay, mắt thao láo, sợ hãi, ngực phập phồng nặng nhọc.

– Sẽ không hay ho gì. – Cô thở hổn hển. – Như vậy sẽ không hay ho gì, Rain ạ.

Cô cởi giày, cúi xuống nhặt đôi giày và cầm đầu chạy, ba giây sau không còn nghe thấy tiếng chân chạy nhẹ nhàng vùn vụt ấy nữa.

Anh tuyệt nhiên không có ý định đuổi theo cô, tuy rõ ràng là cô

sợ anh đuổi theo. Hai cườm tay bật máu nhức nhối. Anh dùng mũi soa lần lượt thắm khô từng bên, nhún vai, cất chiếc mũi soa loang lổ vết vào túi, đứng một lúc lắng nghe cảm giác đau. Lát sau anh lấy hộp thuốc lá, châm thuốc hút và chậm chạp đi trên phố. Không một người nào gặp trên đường có thể nhìn mặt anh mà đoán được anh cảm thấy gì trong những phút ấy. Tất cả những gì anh ao ước, những gì anh mưu cầu đã ở trong tay, vậy mà lại tuột mất. Cô bé ngốc nghếch. Bao giờ rút cuộc cô ta mới trưởng thành? Cảm thấy hết, đáp lại đủ mọi điều và khước từ tất cả...

Bản chất anh là người chơi bạc, loại người biết thua và biết được. Bảy năm đằng đẳng anh chờ dịp, cho đến ngày Dane được phong chức, khi anh cảm thấy ở cô có sự thay đổi và quyết định thử hạnh phúc. Rõ ràng là anh đã vội vã. Nhưng không sao. Mọi việc sẽ còn có thể xoay chuyển khác đi, – ngày mai, hay với tính nết của Justine, một năm hai năm nữa. Gì thì gì, chứ anh không có ý định đầu hàng. Chỉ cần luôn luôn sẵn sàng, rồi thế nào cũng làm hạnh phúc sẽ mỉm cười với anh.

Trong anh tất cả rung lên vì trận cười không thành tiếng: một nàng bốn mươi tuổi tròn như cái thùng tônô, ngu độn, tóc và lông mày trắng nhợt, lại bẻm mép nữa! Không hiểu vì sao anh buột ra như vậy, chắc hẳn chỉ là vì đã lâu lắm rồi vợ cũ của anh đã nói với anh những lời như thế. Người ta bảo những người như thế bao giờ cũng bị sỏi gan. Chính bà ấy khổ sở vì những viên sỏi ấy, Annelise tội nghiệp, tuy nhiên bà ta những năm mươi rồi, và bà ta tóc thâm màu, gầy gò và dè dặt kỳ lạ – kín đáo, bị niêm phong kỹ như thần Jin trong cái chai. Vì lẽ gì lúc này ta nghĩ đến *Annelise*? Chiến dịch mà ta kiên nhẫn tiến hành bấy nhiêu năm đã kết thúc bằng sự thất bại, ta thành công không hơn Annelise đáng thương.

Được, không sao, Fraulein Justine O'Neill ạ! Để rồi xem.

Trong các cửa sổ cung điện đèn vẫn sáng; cần lên đó nói chuyện mấy phút với Hồng y Ralph, nom ông ấy già đi nhiều. Rõ ràng ông ấy không được khỏe. Có lẽ nên khuyên ông ấy đi đến bác sĩ. Rainer thấy đau nhói trong tim, nhưng không phải vì Justine – cô ấy còn trẻ, trước mắt còn nhiều thời gian. Đau vì Hồng y Ralph, con trai ông thu phong chức sắc ngay trước mắt ông mà ông không hề ngờ tới.

* * *

Hãy còn sớm, ở tiền sảnh của khách sạn rất đông người. Justine, bây giờ đã đi giày, hối hả đi tới cầu thang, cúi đầu chạy lên thang. Trong mấy phút, hai tay run run, cô lục lọi túi xách tay mà không tìm thấy chìa khóa, cô đã nghĩ rằng sẽ phải xuống gặp người gác cửa, lại phải chịu đựng những luồng mắt của cả đám đông đó. Nhưng hóa ra chìa khóa ở trong túi, cô đã nhận thấy nó, có điều là có lẽ mãi đến lần thứ hai mươi mới nhận thấy.

Cuối cùng cô đã ở trong phòng mình, sờ soạng lần đến giường, ngồi xuống mép giường, dần dần bắt đầu tập trung ý nghĩ. Cô tự nhủ rằng lòng cô tràn đầy sự ghê tởm, cô phần nộ, thất vọng; bằng luồng mắt đờ đẫn, ảo não, cô nhìn chăm chăm vào cái hình chữ nhật sáng mờ mờ – mảnh trời đêm trong khung cửa sổ; cô muốn chửi mắng, muốn khóc. Bây giờ sẽ không bao giờ còn như trước, đây là bi kịch. Đã mất một người bạn thân thiết nhất. Sự phản bội.

Những lời trống rỗng, giả dối. Đột nhiên cô hiểu tại sao cô

hoảng sợ đến thế, tại sao cô chạy trốn Rain như thể không phải anh hôn cô, mà toan sát hại cô. Đây là *điều thực sự!* Cái cảm giác như thể cô đang ở nhà, mà cô không muốn trở về nhà, và không muốn để tình yêu ràng buộc mình. Nhà là ngõ cụt, và tình yêu là ngõ cụt. Hơn nữa, mặc dù thừa nhận điều này khá là bẽ: có lẽ cô không biết yêu. Nếu như cô có khả năng ấy thì chắc là sự thận trọng phải một đôi lần phản lại cô; chắc là ít nhất một vài lần ở cô sẽ trỗi dậy một tình cảm mạnh hơn cái thiện cảm hạ cố đối với số người tình không lấy gì làm nhiều của cô – Lúc này Justine không hề nghĩ rằng chẳng phải ngẫu nhiên mà cô chọn những người tình tuyệt không nguy hiểm đối với sự đối lập của cô, điều mà cô đã tập cho mình quen đi và nó đã trở thành thói quen vững chắc đến nỗi cô đã cho rằng đây là do bản tính của cô. Lần đầu tiên trong đời, cô không có cái gì để tựa, không có cái gì để so sánh. Không có cái gì trong quá khứ đem lại niềm an ủi cho cô, trong quá khứ chưa hề có lần nào bùng lên một tình cảm mãnh liệt, sâu sắc – dù là trong bản thân cô hay trong những người tình thoáng qua như cái bóng ấy. Cả những hồi ức về Drogheda cũng không giúp được gì, ở đấy bao giờ cô cũng tách mình ra khỏi mọi người kia mà.

Đúng, nhất thiết cần trốn tránh Rain. Nói “vâng”, để mình sa vào vòng quyền lực của anh, rồi nhìn thấy anh hiểu rõ cô xoảng xinh như thế nào và lùi ra ư? Không thể chịu đựng nổi! Anh sẽ hiểu thực ra cô là người thế nào, và điều đó sẽ giết chết tình yêu của anh. Ứng thuận để rồi cuối cùng bị ruồng bỏ mãi mãi, thật không thể chịu nổi. Tự mình gạt bỏ đi còn hơn. Như vậy ít ra lòng kiêu hãnh cũng không bị tổn thương, mà ở Justine lòng kiêu hãnh không kém gì mẹ. Không bao giờ, không bao giờ Rain được

biết thực ra cô là người thế nào dưới cái mặt nạ nông nổi táo tợn.

Anh yêu cái cô Justine mà anh vẫn nhìn thấy; cô không để cho anh có dịp nào nghi ngờ rằng ẩn dưới cái bề ngoài nông nổi là cả một biển hoài nghi như thế nào. Nghi ngờ điều đó – ồ không, biết điều đó – chỉ có Dane mà thôi.

Cô cúi thấp hẳn xuống, áp trán vào chiếc bàn đêm nhỏ bé mát lạnh, nước mắt chảy ròng ròng trên mặt cô. Chính bởi thế mà cô yêu Dane dường ấy. Nó biết Justine thực và vẫn yêu chị. Góp phần vào đấy có cả tình ruột thịt máu mủ, cả toàn bộ cuộc đời của hai chị em, bao nhiêu kỷ niệm chung, bao nhiêu điều rắc rối, đau xót và niềm vui chung – Còn Rain là người đứng, anh không gần bó với cô như Dane và thậm chí như những người họ hàng còn lại. Anh hoàn toàn không có bổn phận phải yêu cô.

Justine khóc nức lên, đưa tay quệt đôi má ướt, nhún vai và bắt đầu thực hiện một nhiệm vụ không dễ dàng – cần phải xô đẩy cái đã xảy ra vào một xó nào xa nhất trong ý thức, không bối rối, không nhớ lại. Cô làm được điều đó, suốt đời cô hoàn thiện kỹ thuật ấy. Chỉ cần luôn luôn bị việc này việc nọ cuốn hút, không có thời giờ nghĩ đến chuyện tâm tình. Justine vươn tay ra, bật cây đèn bàn.

Hẳn là một người nào đó trong số các bác các chú đã mang lá thư này vào buồng cô, nó nằm trên chiếc bàn đêm – phong bì thư máy bay màu xanh, góc trên cùng dán tem in chân dung nữ hoàng Elizabeth.

“Justine thân mến! – Clyde Daltinham Roberts viết – Hãy trở về trong lòng nhà hát thân yêu, chúng tôi cần có cô! Về ngay đi! Trong vốn tiết mục của mùa biểu diễn mới có một vai lêu lổng và tôi rí tai cô điều này,

tôi ngờ rằng cô sẽ thích đóng vai ấy. Còn về Desdemona thì sao, bạn thân mến? Với Marc Simpson đóng vai Othello của cô? Cuộc diễn tập dành cho các diễn viên chủ chốt tham gia vở diễn bắt đầu vào tuần sau, cố nhiên cô coi đó là điều thú vị!”.

Nếu cô coi đó là điều thú vị! Đóng Desdemona! Drogheda, ở Luân Đôn! Mà Othello chính là Marc Simpson! Cái hạnh phúc như thế chỉ có một lần trong đời. Tức khắc cô cảm thấy mình ở trên tầng trời thứ bảy, cái chuyện xảy ra giữa cô với Rain đã không còn ý nghĩa gì, hay không, đúng hơn là có ý nghĩa hoàn toàn khác. Có lẽ nếu như hết sức, hết sức thận trọng thì sẽ giữ được tình yêu của Rain. Một nữ diễn viên nổi tiếng, lừng danh bao giờ cũng bận, cô ta chẳng còn mấy thời gian dành cho những người tình. Nên thử xem. Nếu cô nhận thấy anh sắp hiểu ra chân lý thì bao giờ cũng vẫn còn đường tháo lui. Để đừng mất Rain, nhất là Rain mới này, cô sẵn sàng làm tất cả, có điều là cô không đời nào vứt bỏ cái mặt nạ của mình.

Nhưng dù sao nhận được cái tin như thế cũng nên ăn mừng. Lại giáp mặt với Rain lúc này thì cô chưa đủ can đảm, nhưng còn có những người sẽ vui mừng về thắng lợi của cô. Thế là cô đi giày vào, vượt qua hành lang đến phòng khách chung của các bác các chú, và Pasty vừa mở cửa cho cô, cô giang hai tay ra, mỉm cười rạng rỡ và tuyên bố:

– Đưa bia ra đây nào, cháu sẽ là Desdemona!

Trong giây lát mọi người đều im lặng, rồi Bob nói một cách âu yếm:

– Thế thì tuyệt, Justine ạ.

Nhưng niềm vui sướng của cô không tàn lụi, trái lại, niềm

hoan hỉ mãnh liệt dậy lên trong cô. Justine vừa cười vừa ngò vào ghế bành, chăm chú nhìn khắp lượt các bác các chú. Những người đáng yêu biết bao! Cố nhiên cái tin cô cho biết không nói với họ điều gì. Họ không hề biết Desdemona là ai. Nếu như bây giờ cô tuyên bố rằng cô sắp lấy chồng thì Bob cũng sẽ trả lời đại loại như thế.

Từ thuở cô biết nghĩ về mình, họ luôn luôn ở cạnh cô, và hỡi ôi, cô luôn luôn nhìn họ bằng nửa con mắt, như nhìn mọi cái ở Drogheda. Các bác các chú là một cái gì thuộc số nhiều, không có quan hệ gì với Justine O'Neill. Chỉ là những thành viên của một cộng đồng – khi thì tạt vào Áp chính khi thì lại biến mất, gặp cô thì bẽn lẽn mỉm cười với cô, nhưng tránh chuyện trò với cô. Bây giờ thì cô hiểu: không phải là họ không ưa cô, chẳng qua là họ cảm thấy cô rất khác họ và tiếp xúc với cô họ ngượng ngập. Còn ở đây, ở thành phố La Mã xa lạ với họ, nhưng lại quen thuộc với cô, cô bắt đầu hiểu họ hơn! Cảm thấy trong mình bừng lên một tình cảm nồng nhiệt đối với họ, thứ tình cảm có lẽ có thể gọi là tình yêu, Justine đưa mắt nhìn hết khuôn mặt này đến khuôn mặt khác, những khuôn mặt tươi cười chi chít nếp nhăn. Kia là Bob, lực lượng chủ yếu cổ vũ tất cả mọi người, ông chủ của Drogheda, nhưng bác đóng vai trò ấy mới thoải mái làm sao, không để ai nhận thấy; kia là Jack, bác ấy dường như chỉ làm có mỗi một việc là bám sát gót Bob, mà có lẽ chẳng qua là hai người rất ăn ý với nhau; Hughie, ở bác ấy, khác với hai ông anh, có cái gì tinh nghịch, tuy thế bác vẫn rất giống hai anh; Jims và Pasty, hai mặt của toàn bộ thống nhất, có điều một người thì nổi bật, người kia thì lằm lì, ít được để ý; cuối cùng là Frank tội nghiệp, trầm lặng, tàn lụi, người duy nhất trong bọn họ dường như vẫn bị nỗi sợ hãi

và thiếu tin tưởng dày vò. Tất cả bọn họ, trừ Jims và Pasty, tóc đều đã ngả bạc, Bob và Frank thì tóc đã bạc trắng hết cả. Nhưng dù sao, các bác các chú ấy nom vẫn gần như hình ảnh đã lưu giữ trong ký ức cô từ thời thơ ấu.

– Ồ, ta không biết có nên cho cháu uống bia không, – Bob trầm ngâm nói; ông đứng đối diện với Justine, tay cầm cái chai.

Mấy giờ trước, những lời đó hẳn sẽ làm cô tức giận, nhưng lúc này cô quá hạnh phúc để có thể giận dỗi.

– Bác yêu quý ơi, cháu hiểu, bác không hề nghĩ đến chuyện mời cháu khi các bác các chú uống với Rain ở đây, nhưng thề có Chúa, cháu đã thành người lớn rồi và uống bia không say đâu. Có thể rót cho cháu, sẽ không tội lỗi gì đâu, – Cô mỉm cười nói thêm.

– Thế Rainer đâu? – Jims hỏi, nhận từ tay Bob một cốc đầy và đưa cho cháu.

– Cháu với anh ấy cãi nhau to.

– Với Rainer ấy à?

– Thưa vâng. Nhưng lỗi chính là tại cháu. Rồi cháu sẽ đến xin lỗi anh ấy.

Các bác các chú không ai hút thuốc lá. Tuy trước đây Justine không bao giờ đòi bia, nhưng đã có những lần tất cả các bác các chú nói chuyện với Rain thì cô ngồi hút thuốc lá với vẻ khiêu khích; vậy mà lúc này cô không đủ can đảm rút thuốc lá ra, đành bằng lòng với thẳng lợi nhỏ này. Cô rất thèm uống thẳng một hơi cốc bia đã giành lấy được, nhưng dưới những luồng mắt tò mò của họ, làm thế là liều lĩnh. Hãy uống từng giọt một, Justine ạ, đúng như một người có giáo dục, cho dù cổ họng cô khô khốc như bài thuyết giáo kém cỏi.

– Anh chàng Rainer ấy thật là giỏi giang. – Huyghi nói, mắt ông lóe lên một cách ranh mãnh.

Đột nhiên Justine sợ hãi hiểu ra rằng tại sao cô lớn lên như thế trong sự nhìn nhận của họ: cô đã có được một người hâm mộ mà họ sẽ vui sướng nếu thấy người đó là thành viên của gia đình.

– Vâng, cũng tạm được. – Cô đáp gọn lỏn và đổi sang chuyện khác. – Hôm nay là một ngày tuyệt vời, phải không ạ?

Mọi người, kể cả Frank, đều cùng gật đầu, nhưng xem ra họ không muốn nói chuyện ấy. Tất cả bọn họ đều mệt mỏi ra mặt, nhưng cô tuyệt nhiên không lấy làm tiếc rằng cô đã bốc lên và đến thăm họ. Có những tình cảm nào đó gần như đã tiêu vong, cần phải học lại, và có thể tập dượt khá thành công nhờ các bác các chú ấy. Đây là lý do vì sao thật là dở khi ta là hòn đảo: ta quên mất rằng ngoài phạm vi bến bờ của ta vẫn còn điều gì đang diễn ra.

– Thế còn Desdemona là cái gì? – Frank hỏi từ trong cái xó tối mà ông vẫn quen chúi vào đó.

Justine bắt đầu miêu tả một cách đầy màu sắc và khoái trá thấy họ khiếp sợ khi biết rằng cứ mỗi buổi biểu diễn cô lại bị bóp cổ, và mãi đến nửa giờ sau, khi Pasty ngáp cô mới nhớ ra rằng hẳn là họ đã mệt nhoài rồi.

– Cháu phải đi đây. – Cô đặt cái cốc rỗng không xuống. Người ta không mời cô cốc thứ hai, rõ ràng là phụ nữ không được uống quá một suất bia. – Cám ơn các bác các chú đã nghe cháu ba hoa thiên địa.

Khi chúc Bob ngủ ngon, cô hôn bác, khiến ông bác hết sức ngạc nhiên và luống cuống, Jack lùi lại, nhưng bị tóm một cách

dễ dàng, còn Hughie tiếp nhận biểu hiện ân cần đó với thái độ vô cùng thích thú. Jims đỏ mặt tía tai, nhưng chịu đựng một cách hiền lành. Với chú Pasty, cô không chỉ hôn lúc chia tay, mà còn ôm ghì lấy, bản thân chú ấy phần nào cũng là một hòn đảo. Frank cố tránh những cái hôn, quay ngoắt đi. Nhưng khi Justine ôm bác, cô tưởng như nghe thấy một dư âm đã lịm tắt, như thể ở bác ấy sống dậy một sự xao xuyến thầm kín không hề có ở những người khác. Tội nghiệp bác Frank, nhưng tại sao bác ấy như thế?

Ra khỏi chỗ các bác các chú, cô tựa vào tường một lát. Rain yêu cô. Nhưng khi cô thử gọi điện cho anh, cô nhân viên điện thoại nói rằng người thuê điện thoại đã đi Bonn.

Không sao. Có lẽ như thế càng hay hơn: chờ đến khi đi Luân Đôn và gặp anh ở đấy. Gửi thư xin lỗi, một lá thư sám hối, và mời anh cùng đi ăn tối khi anh đến nước Anh lần sau. Còn rất nhiều điều không rõ ràng ở Rain, nhưng có một điều có thể nói chắc: anh sẽ đến, vì anh hoàn toàn không có tính thù dai. Và bởi vì anh đã trở thành một chuyên gia lớn về đối ngoại, nên anh thường xuyên đến nước Anh.

– Rồi sẽ biết, anh bạn thân mến ạ. – Cô vừa nói vừa nhìn vào gương, ở đấy thay cho hình của chính cô, cô thấy mặt của Rain. – Ta sẽ không phải là Justine O'Neill nữa nếu ta không làm được cho nước Anh trở thành quan trọng nhất trong tất cả những công việc đối ngoại của anh.

Cô không hề nghĩ rằng Rain đã tự đặt cho mình mục đích đổi họ của cô. Cô đã có những thói quen của mình, lối sống của mình mà trong đó không có chỗ cho sự lấy chồng. Cô không đoán ra rằng Rain muốn làm cho cô trở thành Justine Hartheim. Cô chỉ không ngớt nhớ tới cái hôn ấy của anh và mơ ước được ném lại

cái thứ ấy.

Còn phải nói cho Dane biết cô không thể đi Hy Lạp với em, nhưng việc đó không có gì đáng sợ. Dane sẽ hiểu, nó bao giờ cũng hiểu hết. Có điều chưa chắc cô đã nói hết với em những nguyên nhân khiến cô không đi được. Chắc hẳn cậu em sẽ cho cô nghe một bài thuyết giáo hết sức khắc nghiệt, còn cô, mặc dù hết sức yêu em, thực quả cô không thể nào nghe nổi thứ gì như thế. Cậu em muốn cô lấy Rain, và nếu cô nói rằng cô có kế hoạch hoàn toàn khác thì cậu ấy sẽ lôi cô đi Hy Lạp, dù có phải dùng đến sức mạnh đi nữa. Không nói cho cậu ấy nghe thì cậu ấy sẽ không phiền lòng về chuyện ấy.

Anh Rain thân mến, – bức thư viết. – Thứ lỗi cho tôi vì tối hôm ấy tôi đã ù té chạy như một con rồ, chính tôi cũng không biết cái gì đã xui khiến tôi như vậy. Hẳn là thần kinh tôi căng thẳng, hôm ấy là một ngày rất khó khăn. Xin anh thứ lỗi, tôi đã tỏ ra hoàn toàn dớ dẩn. Tôi xấu hổ vì đã làm um lên như thế về một chuyện không đâu. Tôi ngờ rằng hôm ấy anh cũng không yên ổn trong lòng, vì thế mới có chuyện tỏ tình và vân vân. Vậy thì anh hãy tha thứ cho tôi, tôi cũng tha thứ cho anh. Chúng ta hãy là bạn của nhau. Thậm chí tôi không thể tưởng tượng được rằng tôi với anh lại xích mích với nhau. Khi nào anh tới Luân Đôn, hãy tới tôi ăn tối, chúng ta sẽ ký hòa ước thực sự”.

Cô ký tên, vẫn như mọi khi, chỉ là “Justine”. Không một lời âu yếm: cô không quen như thế. Rain nhíu đôi lông mày, chăm chú đọc những dòng sơ sài, chất phác, như thể qua đó cố nhìn cho thấy cô nghĩ gì khi viết những dòng này. Tất nhiên đó là đề nghị về tình bạn, nhưng chỉ thế thôi ư? Còn gì nữa chẳng? Anh thở dài miễn cưỡng thừa nhận với mình: nhiều phần chắc hơn cả là hầu như không còn gì. Anh đã làm cô hoảng sợ ghê gớm. Cô muốn giữ

lấy tình bạn của anh, vậy là anh có ý nghĩa không nhỏ đối với cô, nhưng rất đáng ngờ rằng cô đã thực sự hiểu tình cảm của cô đối với anh là như thế nào. Bây giờ cô biết: anh yêu cô, nếu như cô hiểu rõ lòng mình thì cô đã hiểu rằng chính cô cũng yêu anh và cô sẽ viết thẳng như thế. Nhưng tại sao cô không đi Hy Lạp với Dane, mà lại trở về Luân Đôn? Không nên tự lừa mình và hy vọng rằng đây là vì anh... nhưng bất chấp mọi e dè, hy vọng vẫn cứ rạn vỡ hơn và trong lòng phẫn chấn đến nỗi Rain gọi cô thư ký. Mười giờ sáng theo giờ Greenwich, vào giờ này dễ gặp Justine ở nhà nhất.

– Cho tôi nói chuyện với căn hộ ở Luân Đôn của Miss O’Neill. – Anh ra lệnh và chờ mấy giây, cặp lông mày nhú lại trên góc mũi thành một vạch duy nhất hẳn hoi.

– Rain! – Giọng nói của Justine lộ vẻ sung sướng công khai. – Nhận được thư của tôi rồi chứ?

– Vừa nhận được.

Im lặng một lát, cô hỏi:

– Sắp tới anh đến ăn tối với tôi chứ?

– Tôi sẽ ở Anh vào thứ sáu và thứ bảy này. Tôi cho cô một thời hạn quá ngắn chằng?

– Không, nếu tối thứ bảy tiện cho anh. Thứ sáu thì không được, tôi tập thử vai Desdemona.

– Desdemona ư?

– Đúng thế, anh chẳng biết gì cả! Clyde viết thư về La Mã cho tôi và đề nghị tôi đóng vai đó. Vai Othello do Marc Simpson đóng, chính Clyde cắt đặt. Tuyệt đấy chứ? Tôi đã đáp chuyến máy bay đầu tiên trở về Luân Đôn.

Anh đưa tay che mắt, may quá, cô thứ ký ở vị trí của cô ta, trong phòng tiếp khách phía trước phòng làm việc của anh, cô ta không nhìn thấy mặt anh.

– Justine, herzchen, đây quả là một tin đặc sắc. – Anh cố làm cho giọng nói của mình nghe hân hoan. – Thì tôi cũng ngạc nhiên không hiểu cái gì đưa cô trở lại Luân Đôn.

– Này nhé, Dane đã hiểu hết. – Justine nói với giọng nhớn nhỡ. – Tôi cho rằng thậm chí cậu ấy vui sướng vì được bỏ mặc một mình. Cậu ấy bịa ra câu chuyện hoang đường như thể cậu ấy cần đến tôi, vì tôi sẽ ngày ngà cậu ấy khiến cậu ấy buộc phải trở về nhà, nhưng theo tôi chẳng qua cậu ấy sợ ngộ nhỡ tôi sẽ nghĩ rằng bây giờ khi cậu ấy đã trở thành linh mục thì đối với cậu ấy tôi chẳng còn là cái gì nữa.

– Rất có thể. – Rain đồng ý một cách lịch thiệp.

– Vậy là tối thứ bảy nhé. – Justine nói. – Vào quăng sáu giờ, khi ấy rảnh rồi, với một vài chai, chúng ta sẽ bàn những điều khoản hòa ước, rồi khi đã đi đến thỏa thuận thì tôi sẽ cho anh ăn. Thế nhé?

– Ừ, cố nhiên. Tạm biệt, herzchen.

Cô đã bỏ ống nói, thế là chấm dứt hết. Rain ngồi một lúc, tay cầm ống điện thoại, rồi anh nhún vai, đặt ống xuống cần đỡ. Quỷ tha ma bắt cô ta đi, cái cô Justine ấy! Cô ta bắt đầu khiến anh khó làm việc.

Cô khiến anh khó làm việc trong cả mấy ngày tiếp theo, tuy chắc không ai nhận thấy điều đó. Tối thứ bảy, sau sáu giờ một chút, anh đến nhà cô, vẫn như mọi khi, đến tay không: tặng cô cái gì không phải là chuyện đơn giản cho lắm. Hoa thì cô dừng

dưng, kẹo thì cô không ăn, quà tặng quý giá hơn thì cô hồ hững quăng vào một xô nào đó và quên đi. Xem ra cô chỉ quý những món quà tặng của Dane.

– Sớm ban trưa bữa ăn tối à? – Rain ngạc nhiên.

– Thế đấy, tôi cho rằng nó cần thiết nhân dịp này, anh không đồng ý ư? Thì đây là lần đầu tiên chúng ta đoạn tuyệt với nhau và lần đầu tiên ta làm lành với nhau mà, trước đây chưa hề có lần nào như thế.

Câu trả lời nghe hoàn toàn gần với sự thật. Justine chỉ cho khách chiếc ghế bành thuận tiện, còn cô thì ngồi trên tấm thảm bằng da kangaroo màu nâu sáng, môi cô hơi hé mở, tuồng như bây giờ dù anh nói gì đi nữa, cô cũng có sẵn câu đối đáp tiếp theo.

Nhưng anh không có bụng dạ đâu mà chuyện trò – trước hết ít nhiều cần hiểu được tâm trạng cô, vì thế anh chỉ lảng lạng chăm chú nhìn cô. Trước kia anh dễ dàng giữ thái độ dương như hồ hững, nhưng bây giờ, trong cuộc gặp gỡ đầu tiên sau cái hôn ấy, phải tự thú nhận rằng từ nay giữ thái độ hồ hững sẽ khó khăn hơn nhiều.

Có lẽ ngay cả khi cô đã già hẳn, gương mặt và dáng điệu của cô vẫn sẽ còn một cái gì ấu trĩ, dường như số phận không cho cô có được một cái gì đó là đặc điểm của người phụ nữ trưởng thành. Tuồng như toàn bộ bản thể của cô chịu sự chỉ huy của lý trí logic tỉnh táo và ích kỷ, thế mà cô vẫn có sức thu hút không thể cưỡng lại được đối với Rainer, có lẽ không bao giờ có người phụ nữ nào khác thay thế được cô. Thậm chí không lần nào anh tự hỏi liệu cô có đáng để anh theo đuổi cuộc chinh phục lâu dài và vất vả đến như thế chẳng. Theo quan điểm triết lý thì chắc là không. Nhưng

xá gì cái đó nhỉ? Chỉ có cô mới là đối tượng mà anh cố đoạt cho bằng được, chỉ có cô mới là cái đích mà anh hướng tới.

– Hôm nay cô nom rất đáng yêu, herzchen ạ. – Cuối cùng anh nói và nâng cốc lên bằng một cử chỉ khá mơ hồ: không rõ là nâng cốc chúc tụng hay chào đối thủ.

Trong cái lò sưởi nhỏ thời Victoria, than cháy đỏ rực, trước lò không có màn chắn, nhưng Justine rõ ràng không sợ nóng – cô ngồi trên tấm thảm, sát gần lửa, và không rời mắt khỏi Rain. Rồi cô gạt cái cốc vại về phía lò sưởi, làm bật lên tiếng ngân rung lạnh lạnh, nhích về phía trước, hai tay ôm đầu gối, đôi bàn chân trần giấu trong những nếp gấp của bộ áo váy đen như đêm tối.

– Tôi không thể cứ loanh quanh vòng vo. Anh nói nghiêm chỉnh đấy chứ, Rain?

Anh tức khắc trút được gánh nặng, trong lòng hết sức nhẹ nhõm, anh ngả người ra sau trong ghế bành.

– Đích xác là chuyện gì kia chứ?

– Điều anh đã nói ở La Mã ấy... Anh nói rằng anh yêu tôi.

– À, ra đấy là điều cô muốn biết phải không, herzchen? Vì thế mà cô mời tôi đến ư?

Justine đưa mắt đi nơi khác, nhún vai, lại nhìn Rain và gật đầu:

– Phải, cố nhiên.

– Thế thì bới chuyện ấy ra làm gì? Lần ấy cô đã nói với tôi tất cả ý nghĩ của cô và tôi hiểu rằng tôi được mời đến hôm nay không phải là để làm sống lại dĩ vãng, mà chỉ để suy nghĩ về tương lai.

– Ôi, Rain! Anh nói như thể tôi là kẻ ba hoa trơ tráo. Mà cho dù

là thế đi nữa thì chắc hẳn anh tự biết là tại sao.

– Không, tôi không biết. – Anh đặt cốc sang một bên, cúi xuống để nhìn mặt cô cho rõ hơn. – Cô đã hết sức ý nhị tỏ cho tôi hiểu rằng cô chẳng cần gì đến tình yêu của tôi, và tôi hy vọng rằng ít ra là vì lịch sự, cô sẽ tránh đụng đến chuyện ấy.

Justine không hề nghĩ rằng tối hôm ấy – bất kể nó kết thúc ra sao – cô sẽ lâm vào tình thế khó xử đến như thế: dù sao thì chính Rain lúc đầu đã sắm vai người cầu xin, lẽ ra bây giờ anh phải ngoan ngoãn chờ cô thay đổi quyết định chứ. Vậy mà anh đã xoay ngược tất cả mọi cái chống lại cô. Bây giờ hóa ra cô lại cảm thấy mình là con bé nghịch ngợm đang bị mắng về một trò đại dột nào đó.

– Thế này này, anh bạn ạ, không phải tôi là người đầu tiên phá vỡ status quo^[137] của chúng ta! Tôi hoàn toàn không có ý định xin tha thứ vì đã làm thương tổn lòng tự ái của Hertheim vĩ đại, không phải vì thế mà hôm nay tôi mời anh đến đây!

– Cô chuyển sang phòng thủ ư, Justine?

Cô cau mày đầy vẻ nôn nóng.

– Phải, quý bắt anh đi! Làm sao anh lại khôn khéo đẩy tôi đến nước ấy, Rain? Ít ra là một lần anh cũng nên để cho tôi khoái chí, để cho tôi thắng anh chứ!

– Tôi mà chiều theo cô lấy một lần thôi là cô sẽ quăng tôi đi như một mớ giẻ cũ. – Anh mỉm cười nói.

– Ngay cả bây giờ tôi cũng có thể làm được, anh bạn ạ!

– Vớ vẩn! Nếu cho đến giờ cô vẫn không quăng thì cô sẽ không quăng được nữa đâu. Từ nay trở đi cô cũng sẽ không cắt đứt quan hệ với tôi, vì có tôi cô như ngồi trên bàn chông.

– Bởi thế anh mới nói rằng anh yêu tôi chứ gì? – Justine gắng gượng hỏi. – Chẳng qua là anh lập kế để làm cho tôi như ngồi trên bàn chông chứ gì?

– Thế theo ý cô thì thế nào?

– Theo tôi anh chỉ là đồ xỏ lá! – Cô nói rít lên qua kẽ răng, lét đầu gối trên sàn tới sát gần anh để anh thấy rõ hơn cô dữ tợn như thế nào. – Anh cứ thử nói lần nữa rằng anh yêu tôi xem, anh chàng người Đức ngớ ngẩn xấu số kia, tôi thì cứ nhổ toẹt ngay vào cái mặt anh!

Cả Rain cũng nổi cáu.

– Không, tôi sẽ không nói điều đó nữa! Cô mời tôi đến không phải là để như thế, đúng không nào? Cô không hề bận tâm đến tình cảm của tôi, Justine. Cô gọi tôi đến để thử thách những tình cảm của bản thân cô, còn về việc như thế là bất công với tôi thì cô hơi đâu mà nghĩ tới.

Cô không kịp lùi lại, anh cúi xuống, nắm lấy hai tay cô ở dưới vai một chút, kẹp chặt lấy cô bằng hai đầu gối, không thể vùng ra được. Tức khắc cơn thịnh nộ của cô như chưa hề có, hai nắm tay mở ra, cô chống hai tay vào đùi anh, ngửa đầu ra sau. Nhưng Rain không hôn cô. Anh giang hai tay, uốn người về phía sau, tắt đèn ở sau lưng, rồi anh buông Justine, ngả đầu trên lưng ghế bành, không thể hiểu được anh cần cái bóng tối chỉ bị khuấy động bởi ánh lửa từ lò sưởi hắt ra là để làm tình hay chỉ để Justine không nhìn thấy mặt anh. Bối rối, lo sợ ngộ nhỡ anh sẽ đẩy hẳn cô ra, Justine chờ đợi: anh sẽ nói gì, tiếp đó sẽ thế nào? Ồ, đáng lẽ phải hiểu từ trước rằng đùa với những người như Rainer là dại. Họ sắt đá như bản thân cái chết. Mà tại sao cô

không thể áp đầu vào đùi anh và nói: hãy yêu em đi Rain, tha thứ cho em, em có lỗi, em không thể thiếu anh... Chắc hẳn nếu như bây giờ tìm cách gần gũi với anh thì một con đê nào đó sẽ vỡ và tất cả sẽ ào ra ngoài.

Vẫn còn kín đáo, lạnh nhạt, anh để cho cô cởi áo vét tông của anh, tháo cà vạt, nhưng trong lúc cởi khuy áo sơmi của anh, cô đã hiểu rằng tất cả những cái đó là sai lầm. Trong vốn tiết mục của cô không có mục biểu diễn sự thành thạo của một ả có tài quyến rũ, biết dùng những hành động hết sức thông thường để gợi tình. Những phút quan trọng như thế này mà cô làm hỏng hết. Những ngón tay cô run run, môi méo xệch đi. Cô òa khóc nức nở.

– Không, không! Herzchen, liebchen^[138], đừng khóc! – Rainer kéo cô lên đùi mình, áp đầu cô vào ngực, ôm lấy cô. – Thứ lỗi cho anh, Herzchen, anh không muốn làm em phải nhỏ nước mắt.

– Bây giờ thì anh biết rồi đấy. – Justine nức nở thốt lên. – Em chẳng ra cái quái gì hết. Thì em đã nói với anh rồi, vô ích cả thôi, giữa chúng ta sẽ chẳng đi đến đâu hết. Em rất sợ mất anh, Rain, nhưng em biết, nếu anh thấy em chẳng ra cái nghĩa lý gì thì giữa chúng sẽ chẳng đi đến đâu!

– Thì cố nhiên có thể không đi đến đâu. Làm sao có thể khác được? Bởi vì anh có giúp đỡ em đâu, herzchen. – Anh nâng đầu cô lên, nhìn vào mặt và hôn mi mắt, hôn hai má ướt, hôn khước miệng. – Lỗi không phải ở em, mà là tại anh. Anh cố trả đũa em, anh muốn nhìn xem em có tiến xa nữa không nếu như anh không bước một bước nào đón gặp em. Nhưng rõ ràng là anh hiểu em không đúng, “nicht wahr”^[139]. – Tiếng anh trầm khàn hơn, nghe rõ hơn giọng tiếng Đức. – Em ạ, nếu em muốn cái đó thì sẽ có cái đó, cả cái đó và cái khác.

– Không, Rain, ta hãy quên điều đó đi. Em không biết cảm nhận hợp với tình người. Anh chỉ tổ thất vọng về em thôi.

– Em biết cảm nhận rất giỏi tất cả mọi điều, herzchen ạ, anh hiểu điều đó khi nhìn em trên sân khấu. Làm sao em có thể nghi ngờ bản thân em khi em ở bên anh?

Câu nói đúng đến nỗi nước mắt cô khô ráo ngay lập tức.

– Hôn em đi, như anh đã hôn ở La Mã ấy. – cô thì thầm.

Song cái hôn này hoàn toàn không giống cái hôn ở La Mã. Ở đây là một cái gì thô bạo, bất ngờ, nguy hiểm, còn ở đây là trạng thái bủn nhủn sâu thẳm mà cô thông thả đắm mình vào, và tất cả những gì mà cô cảm giác bằng da, bằng mũi, bằng vị đều tràn đầy khoái cảm. Ngón tay Justine trở lại với những cúc áo sơ mi của anh, còn những ngón tay Rain tìm tới Fecmơ-tua áo váy của cô, rồi anh kéo tay cô luồn qua dưới áo sơ mi, đặt lên ngực anh, chỗ có một lớp lông xoăn, mềm mại và dày rậm. Bất ngờ môi anh áp chặt hơn vào má cô và Justine bất lực, bàng hoàng, suýt ngất đi, cảm thấy như cô đang ngã xuống, và quả thật cô đã nằm sòng sượt trên tấm thảm mịn màng và lờ mờ nhận ra khuôn mặt Rain ở phía trên người cô. Trên người anh không còn áo sơ mi, mà có lẽ không chỉ riêng sơ mi, trong ánh lửa nhảy nhót từ lò sưởi hắt ra chỉ nhìn thấy vai anh và cặp môi đẹp mím lại một cách nghiêm khắc. Không, cô sẽ vĩnh viễn xóa đi cái đường nét nghiêm khắc ấy! Cô vọc ngón tay vào mái tóc dày sau gáy anh, kéo đầu anh về phía mình: hôn nữa đi, nồng nàn hơn nữa! nồng nàn hơn nữa!

Cái cảm giác kỳ thú biết bao! Bằng môi, bằng tay, bằng toàn bộ cơ thể, cô nhận biết từng phần nhỏ cơ thể anh, như thể cô tìm được một cái gì thân thuộc từ lâu mà vẫn hoang đường, chưa

từng biết. Thế giới thu lại thành một dải hẹp bên lò sưởi, nơi ánh lửa hắt ra rập rờn vào rìa bóng tối, Justine bộc lộ hết mình đáp ứng lại anh và rút cuộc cô hiểu ra điều bí mật của anh suốt những năm họ quen nhau: trong tưởng tượng hẳn là anh đã hàng nghìn lần chiếm hữu cô. Cả kinh nghiệm, cả sự nhạy cảm của phụ nữ, lần đầu tiên thức tỉnh trong cô mách với cô điều đó. Và cô bất lực, bị tước vũ khí. Với bất cứ người đàn ông nào khác, sự gần gũi vô hạn như thế, cái nhục cảm đáng kinh ngạc như thế hẳn sẽ làm cô khiếp sợ, nhưng anh buộc cô phải hiểu rằng tất cả những cái đó chỉ dành riêng cho cô thôi. Cho đến khoảnh khắc cuối cùng, khi cô kêu lên, không đủ sức chờ đợi đến lúc kết thúc, cô ôm ghì lấy anh mạnh đến nỗi tưởng chừng cô cảm giác được từng khúc xương nhỏ của anh.

Mấy phút trôi qua trong trạng thái bình lặng thỏa mãn. Bây giờ cả hai cùng thở đều đều, nhẹ nhàng và thoải mái, đầu cô đặt lên vai anh, đầu gối cô trên đùi anh. Hai bàn tay nắm chặt của cô dần dần nới ra, cô mơ mơ màng màng, âu yếm vuốt lưng anh. Rain thở dài, xoay người nằm ngửa ra, dường như anh phó mặc mình cho cô muốn làm gì thì làm, bất giác anh chờ đợi cô hưởng thụ trọn vẹn hơn nữa sự hòa nhập giữa anh và cô...

Thế nhưng cô vẫn bị bất ngờ, cô thở hổn hển vì ngạc nhiên; hai tay anh ôm chặt lấy thái dương cô, anh kéo cô về phía mình, mặt anh áp lại rất gần, và cô nhìn thấy trên cặp môi ấy không còn dấu vết gì của sự dè dặt nghiêm khắc muôn thuở kia nữa, cặp môi ấy mím lại như thế chỉ là vì cô và dành riêng cho cô thôi. Chính lúc đó ở cô đã nảy sinh tình cảm triu mến, cả sự ngoan ngoãn. Chắc hẳn điều đó hiện rõ trên khuôn mặt cô, vì mắt Rain ngời lên đáp lại cô, khiến cô không thể chịu đựng nổi cái nhìn của anh nữa, cô

cúi xuống gần và áp môi mình vào môi anh. Cuối cùng ý nghĩ và tình cảm hòa làm một, thậm chí cô không buột ra lấy một tiếng kêu, tiếng nức nở không âm thanh tràn đầy hạnh phúc làm rung chuyển toàn bộ con người cô, cô không còn ý thức được gì nữa, chỉ mù quáng hưởng thụ sự đầy đủ của từng giây lát. Thế giới khép kín trong cái kết cục sau chót ấy, và tất cả biến mất.

Chắc là Rain vẫn giữ lửa trong lò sưởi, bởi vì khi ánh sáng êm dịu của buổi sáng ở Luân Đôn lọt qua những tấm rèm thì trong buồng vẫn còn ấm. Lần này, anh vừa tựa mình thì Justine đã choàng tỉnh và sợ hãi nắm chặt lấy khuỷu tay anh.

– Anh đừng đi!

– Anh không đi đâu, herzchen. – Anh rút một chiếc gối nữa ở đi vắng, kê xuống đầu mình, kéo Justine lại gần hơn nữa và khẽ thở dài. “Em có sung sướng không?”

– Có.

– Không lạnh chứ?

– Không, nhưng nếu anh lạnh thì có thể lên giường.

– Sau khi chúng ta đã yêu nhau ngàn ấy tiếng đồng hồ trên tấm thảm lông thú ư? Vậy thì xuống cấp quá! Cho dù vải trải giường của em bằng lụa đen đi nữa.

– Không, chỉ là vải sợi trắng hết sức bình thường. Nhưng cái mẫu này của Drogheda cũng khá đấy chứ, phải không?

– Cái mẫu của Drogheda?

– Tấm thảm. Nó làm bằng da kangaroo ở đấy mà.- Justine giải thích.

– Hơi ít chất ngoại lai và tình dục. Anh sẽ gửi mua cho em tấm

da hổ ở Ấn Độ.

– Anh làm em nhớ đến một bài thơ em đã từng được nghe:

Anh có thích thế không?

Cùng với Elinor Glyn

Dấn mình vào những trò chơi tội lỗi

Trên tấm da hổ

Hay anh bị cám dỗ

Riêng anh với nàng

Quyện mình vào tội lỗi

Trên tấm da thú khác?

– Ồ, phải, herzchen ạ, quả thật đã đến lúc em nhớ lại những thói quen của em. – Rain mỉm cười. – Đã nửa ngày rồi em không bộc lộ tính nông nổi của em, chỉ dốc lòng thờ thần Eros và thần Morpheus^[140].

– Hiện giờ em không cảm thấy nhu cầu biểu lộ tính nông nổi. – Justine mỉm cười đáp lại và rất điềm nhiên kéo anh để vào chỗ cô muốn. – Bài thơ về tấm da hổ rất đúng lúc, vì thế em không nén được, nhưng bây giờ em không có gì phải giấu giếm anh, thành thử thói nông nổi chẳng dùng làm gì nữa, phải không? – Cô bỗng đánh hơi, thoang thoảng có mùi cá ươn. – Quái quỷ, thế là anh không ăn bữa tối, mà bây giờ đã đến lúc ăn sáng. Anh không thể chỉ sống bằng tình yêu thay món ăn!

– Cũng có thể, nếu em muốn từ nay anh vẫn cứ chứng tỏ tình yêu của anh một cách hùng hồn như thế.

– Này thôi đi, chính anh cũng thỏa thích.

– Đã đành. – Anh thở dài, vươn mình, ngáp. Không hiểu em có

đoán ra được ít nhiều là anh hạnh phúc biết đường nào không.

– Hình như em đoán được. – Justine khẽ đáp.

Anh chống khuỷu tay nhòm lên, chăm chú nhìn.

– Này, có phải chỉ vì vai Desdemona mà em trở về Luân Đôn không?

Cô véo tai anh đau điếng.

– Bây giờ em sẽ trả đũa anh, anh truy hỏi em quá nhiều như truy hỏi một cô bé trong kỳ thi. Thế còn anh thì anh nghĩ thế nào?

Rain nhếch mép cười, nhẹ nhàng gỡ những ngón tay cô ra.

– Nếu em không trả lời anh, herzchen ạ, thì anh sẽ bóp cổ em còn ác hơn anh chàng Othello – Marc của em.

– Em trở về Luân Đôn để đóng vai Desdemona, nhưng dù sao vẫn là vì anh. Từ lúc anh hôn em lần ấy, em đứng ngồi không yên, anh biết rất rõ điều đó. Anh là người rất thông minh, Rainer Miôrlinh Hartheim ạ.

– Ít ra anh cũng đủ thông minh để hiểu ngay từ lần gặp đầu tiên rằng anh muốn lấy em là vợ anh.

– Vợ anh ư?

– Phải, vợ. Nếu anh cần em như mọi người tình, anh đã chiếm được em từ nhiều năm trước. Việc đó không lấy gì làm khó khăn lắm, anh biết cái đầu em làm việc như thế nào. Anh không cố đạt được điều đó chỉ là vì anh cần em làm vợ anh kia, và anh hiểu, em vẫn chưa hình dung được mình trong vai trò đó.

– Có lẽ ngay cả bây giờ em cũng không hình dung được. – Justine thử làm quen với ý nghĩ đó.

Rainer đứng lên, đỡ cả cô đứng dậy.

– Thôi được, hãy tập dượt chút ít, làm cho anh món gì ăn sáng. Nếu là ở nhà thì anh sẽ là người nội trợ, nhưng bếp nhà ai thì người ấy làm.

– Hôm nay em sẵn lòng nấu cho anh ăn sáng, nhưng phải làm cái việc bếp núc ấy cho đến những ngày cuối cùng của đời em ư?

– Cô lắc đầu. – Có lẽ việc đó không hợp với em, Rain ạ.

Và trước mắt cô lại là một bộ mặt oai quyền của vị hoàng đế La Mã, đầy vẻ điềm tĩnh để vương trước sự đe dọa nổi loạn.

– Đấy không phải là chuyện đùa cợt, Justine ạ, và anh không phải là người để người ta đùa cợt. Không can gì phải vội. Em biết rất rõ là anh có đủ kiên nhẫn. Nếu em tưởng rằng ở đây có thể có cái gì ngoài hôn nhân thì hãy vứt bỏ ý nghĩ ấy đi. Hãy để cho mọi người đều biết anh là chồng em chứ không phải ai khác.

– Em sẽ không lia bỏ sân khấu! – Justine nổi nóng.

– Verfluchte Kiste^[141], nào anh có đòi hỏi như thế đâu? Bao giờ thì rút cuộc em mới thành người lớn, Justine? Cứ như thế anh kết án em khổ sai chung thân bên cái bếp nấu ăn ấy! Em nên nhớ rằng chúng ta không đến nỗi nghèo. Em sẽ thuê người làm, vú nuôi cho các con và nói chung là tất cả những gì em cần.

– Br-r! – Về con cái thì Justine hoàn toàn không nghĩ đến.

Anh ngửa đầu lên và cười ha hả.

– Phải rồi, herzchen ạ, đấy chính là cái gọi là sự nôn nao buổi sáng sau cơn say đêm hôm trước, thậm chí còn quá thế là đàng khác! Anh biết, về phía anh thật là ngốc nghếch khi gọi ngay ra câu chuyện về văn xuôi của cuộc sống, hiện thời chỉ cần em nghĩ đến điều đó là đủ. Nhưng anh báo trước một cách thẳng thắn,

trong lúc em cân nhắc xem ưng hay không thì nên nhớ rằng nếu anh không lấy được em làm vợ thì nói chung anh không cần em.

Justine ôm chầm lấy anh, bám lấy anh một cách tuyệt vọng như người chết đuối.

– Rain, Rain, không nên nghiêm khắc với em như vậy! – Cô van vãn.

* * *

Dane một mình lái ô tô ngược lên phía bắc trên “cái ửng” Ý^[142] qua Perugia, Firenze, Bologna, Ferrara, Padova, chọn con đường thuận tiện nhất đi vòng qua Venezia, nghỉ đêm ở Triest. Anh thích Triest hơn nhiều thành phố khác, vì vậy anh lưu lại trên bờ biển Adriatic thêm hai ngày nữa, rồi theo đường núi lên Ljubljana, dừng lại một đêm nữa ở Zagrep. Rồi anh lại đi xuôi xuống, qua cái thung lũng rộng mênh mông của sông Sava, giữa những cánh đồng rau diếp xoắn xanh rờn, đến Beograd và nghỉ đêm ở Nis. Tiếp nữa là Macedonia, Skopje vẫn còn hoang tàn sau trận động đất xảy ra ở đây hai năm trước; rồi Tito-Veles với những giáo đường và tháp giáo đường gợi nhớ đến Thổ Nhĩ Kỳ một cách lạ lùng. Ở Nam Tư, suốt dọc đường, Dane ăn uống hết sức đạm bạc, thật xấu hổ nếu đặt trước mặt mình một đĩa đầy thịt khi dân địa phương chỉ có bánh mì.

Evzone, biên giới Hy Lạp, rồi Thessalonika. Báo chí Ý từ lâu đã làm âm lên rằng ở Hy Lạp đang chín muồi một cuộc đảo chính. Dane đứng bên cửa sổ buồng ngủ của mình trong khách sạn, nhìn hàng nghìn ngọn đuốc cháy bùng bùng lồng lộn lao lên lao

xuống trong đêm tối Thessalonika và lấy làm mừng rằng Justine không đi với anh.

– Pap-an-dre-out! Pap-an-dre-out! Pap-an-dre-out!^[143] – Quá nửa đêm rồi mà đám đông vẫn dài giọng gầm thét trong ánh đuốc.

Nhưng chính biến diễn ra ở các thành phố lớn, tại trung tâm điểm của quần chúng nhân dân và của sự bần cùng ; còn đất đai của đồng bằng Thessaly chằng chịt vết sẹo hẳn là giờ đây nom vẫn như hồi các đoàn quân của Caesar đã từng nhìn thấy nó khi bước đi trên các ruộng rạ cháy trụi để tiến về Pharsala^[144] đón đánh quân của Pompey. Những người chần gia súc ngủ dưới bóng những mái lều bằng da dê, cò đậu một chân trên mái những ngôi nhà nhỏ màu trắng quá già lão, mọi vật xung quanh đều khô héo, ngạt thở vì khát kinh khủng. Trên bầu trời cao không một cụm mây, trên những khoảng đất mênh mông nâu sạm dưới ánh nắng thiêu đốt không có lấy một cái cây, sao mà giống nước Úc đến thế. Dane hít căng lồng ngực tất cả những cái đó và mỉm cười khi nghĩ rằng mình sẽ về nhà. Anh sẽ nói chuyện với mẹ và mẹ sẽ hiểu anh.

Ở phía trên Larisa^[145], từ trên cao anh nhìn thấy biển, anh dừng xe và ra ngoài. Biển trải rộng tới chân trời hình vòng cung, ở gần bờ thì xanh màu ngọc biếc trong suốt dịu dàng, ra xa thì sẫm như rượu vang, như Homer miêu tả, với những vệt tím nhạt y hệt màu những chùm nho. Xa xa ở phía dưới, trên nền cỏ xanh tươi rực rỡ, là một ngôi đền nhỏ bé, tròn trịa, có cột, trắng lóa dưới ánh nắng, còn trên sườn núi phía sau Dane là một pháo đài thời thập tự chinh vẫn đứng vững qua nhiều thập kỷ với bộ mặt cau có. Người đẹp biết bao, ơi Hy Lạp, dù ta yêu nước Ý đến đâu

thì Người vẫn đẹp hơn. Người đời đời là cái nôi của tất cả.

Anh nóng lòng muốn đến Athens, và anh xả hết tốc độ cho chiếc xe hơi thể thao màu đỏ của mình phóng trên những con đường ngoằn ngoèo dốc ngược của Domokos và sau khi vượt qua đèo, anh bắt đầu xuống Boeotia; cảnh tượng mênh mông của những khu rừng ô liu, những sườn núi màu hung, những đỉnh núi hùng vĩ phơi ra tất cả vẻ đẹp có một không hai khiến anh sửng sốt. Nhưng dù hết sức vội vã, Dane vẫn dừng lại trước đài kỷ niệm Leonidas^[146] và những chiến sĩ Spartans của ông đã gục ngã ở Thermopylae, điều kỳ lạ là tấm bia mộ này có cái gì mang hơi hướng Hollywood. “Hỡi người không quen biết, – đây là lời văn trên bia đá. – Hãy đến nói với dân Spartans rằng chúng tôi nằm lại đây là theo mệnh lệnh của họ”. Những lời đó đùng chạm đến một sợi dây bí mật nào đó trong tâm hồn Dane, hình như anh đã nghe thấy những lời đó trong một dịp nào khác; anh run lên và vội vã đi tiếp.

Đã bớt nóng nực, và Dane dừng lại một thời gian ngắn ở phía trên Kamena Voura, đi thuyền trong làn nước trong suốt của cái vịnh hẹp mà phía sau đó nhìn thấy Euboea; hẳn là ở đây có hàng nghìn tàu đi qua từ Aulis đến Troy. Dòng chảy mãnh liệt ào ào cuốn ra biển; hẳn là các nhân vật của Homer không phải chèo nhiều. Ở phòng gửi áo trên bãi tắm, một bà già thời cổ vận đồ đen khiến Dane bối rối, bà hân hoan nói với anh bằng giọng nhỏ nhẹ âu yếm và cứ cố tìm cách vuốt ve vai anh; anh không biết làm cách nào mau mau thoát khỏi bà ta. Bây giờ người ta không còn nói thẳng vào mặt anh là anh đẹp trai như thế nào, và hầu như bao giờ cũng có thể quên đi điều đó. Anh mua vội vàng ở một quầy hàng hai chiếc bánh ngọt cực to có kem, rồi tiếp tục cho xe

đi dọc bờ biển Athens, và cuối cùng, lúc hoàng hôn, anh vào Athens : ánh mặt trời mạ vàng một vách đá khổng lồ đoạn hậu bằng một hàng cột vô giá.

Nhưng ở Athens, không khí tràn đầy sự hung hăng và vẻ hoan hỉ ra mặt của phụ nữ thật là điều sỉ nhục, phụ nữ La Mã dù sao vẫn thanh nhã hơn, dè dặt hơn. Trên các đường phố đầy những đám đông náo động, đây đó bùng ra những cuộc đụng độ, có khá nhiều người mặt mày sa sầm và kiên quyết – họ ủng hộ Papandreou. Không, Athens không còn là Athens, nên ra khỏi đây là hơn. Dane đưa xe vào một garage cho thuê và đi phà sang đảo Crete.

Ở đây, giữa núi non, giữa những cánh rừng ô liu và cỏ xạ hương thơm, cuối cùng anh đã tìm được sự bình yên đáng ao ước. Anh chịu sóc một lúc lâu trong chiếc ô tô buýt có những con gà mái bị trói chân kêu quang quác và mùi tỏi xộc vào mũi, rồi anh tìm được một khách sạn nhỏ xíu quét vôi trắng có hàng cột dàn thành nửa vòng tròn và ba chiếc bàn nhỏ trên mảnh sân lát đá phiến ở trước khách sạn, dưới những chiếc ô lớn bằng vải buồm ; khắp nơi treo la liệt những túi xách tay có hình thêu rực rỡ kết thành tràng như hoa đăng ngày hội. Trên đất khô và cằn cỗi đối với cây châu Âu, vẫn mọc lên những cây hồ tiêu và khuynh diệp Úc đưa từ phương nam xa xôi đến đây. Ve sầu kêu inh ỏi. Những đám mây bụi màu hung bốc lên và quay tròn.

Ban đêm Dane ngủ trong một căn buồng nhỏ như một phòng tu, các cánh cửa sổ mở toang. Rạng sáng, khi chưa có cái gì khuấy động sự yên tĩnh, anh làm lễ mixa một mình : suốt ngày anh đi lang thang. Chẳng ai làm phiền anh và anh cũng không làm phiền ai. Nhưng những người dân quê nhìn theo anh hồi lâu

bằng con mắt ngạc nhiên và trên những khuôn mặt nhăn nheo ngồi lên nụ cười tươi tắn. Nóng nực, yên tĩnh lạ thường và rất đổi mơ màng. Bình yên vô hạn. Ngày lại ngày cứ thế qua đi, như những tràng hạt chuỗi đi giữa những ngón tay thô nhám sạm màu của người nông dân Crete.

Dane thềm lặng cầu nguyện, lời cầu nguyện là sự kể tục cái cảm giác tràn đầy trong anh, ý nghĩ như những tràng hạt, và ngày nối ngày như những tràng hạt. Lạy Chúa, con thực sự là của Chúa. Tạ ơn Chúa về tất cả những gì Chúa đã ban cho con, về sự hào hiệp của Đức Hồng y, về sự nâng đỡ của Người, về tình bạn hào hiệp và tình yêu trước sau như một của Người. Về La Mã, về cái hạnh phúc được đến gần chính trái tim Chúa, được sống mình trước Chúa trong đền thờ yêu quý của Chúa, được cảm thấy mình là một phần nhỏ của nhà thờ Chúa : Chúa ban cho con nhiều hơn phần con đáng được, con sẽ làm gì cho Chúa, con sẽ làm cách gì bày tỏ được hết tấm lòng biết ơn của con? Con đau khổ quá ít. Từ khi con bắt đầu phụng thờ Chúa, cả cuộc đời con là một niềm vui sướng không ngừng và không chút u buồn. Con khao khát được đau khổ, Chúa đã đau khổ bao nhiêu, Chúa hiểu điều đó. Chỉ có qua đau khổ con mới có thể vượt lên trên chính mình, mới có thể hiểu Chúa hơn. Kiếp sống trần thế chính là như vậy : đây chỉ là bước chuyển tiếp để hiểu được bí mật của Chúa. Xin hãy cắm ngọn giáo của Chúa vào ngực con, cắm sâu đến mức con không đủ sức rút mũi nhọn ra! Xin hãy để con đau khổ... Con chối bỏ tất cả vì Chúa, cả mẹ, cả chị, cả Đức Hồng y, Chúa là duy nhất, nỗi đau khổ của con và niềm vui sướng của con. Xin hãy biến con thành tro bụi, con sẽ ngợi khen cái tên yêu dấu của Chúa. Xin hãy tiêu diệt con, con sẽ hân hoan vui sướng. Con yêu

Chúa, lạy Chúa, chỉ yêu có Chúa thôi...

Dane đến cái vịnh nhỏ, đi thuyền ở đấy rất tuyệt vời, dải bờ cát vàng óng ánh hình bán nguyệt có hai ghềnh đá vây bọc quanh rìa. Dane đứng một lát, nhìn ra xa phía trên Địa Trung Hải – ở đấy, phía sau vạch chân trời tối thẫm, chắc là nước Libya. Anh nhảy những bước nhẹ nhàng theo các bậc thang xuống bờ cát, trút bỏ đôi giày chơi tennis, cầm lên tay và đi chân không trên cát mềm dễ lún đến chỗ anh vẫn để lại giày, sơ mi và quần sooc. Cách đấy không xa, hai người Anh trẻ tuổi đỏ như tôm luộc, nằm phơi nắng, chuyện trò gì không rõ, kéo dài từng tiếng theo giữ điệu Oxford; cách đấy một quãng nữa, hai người phụ nữ uể oải trao đổi với nhau bằng tiếng Đức. Dane liếc nhìn hai người phụ nữ, bẽn lẽn kéo lại chiếc quần tắm cho chỉnh, bất giác anh thấy họ lập tức im lặng, ngồi lên, vuốt lại tóc và mỉm cười với anh.

– Nước thế nào? – Anh hỏi mấy người Anh, tuy trong óc, cũng như mọi người Úc, anh thầm gọi họ một cách khinh miệt là “pommy”. Hai người này rõ ràng là đã ở hẳn Crete, ngày nào cũng ra bãi tắm.

– Tuyệt lắm, anh bạn ạ. Nhưng phải coi chừng luồng chảy, nó quá mạnh đối với chúng ta. Chắc là ở đâu đó đang có bão.

– Cám ơn.

Dane nhếch mép cười, chạy xuống đón gặp những làn gợn nhí nhảnh hiền lành, và như một tay bơi thành thạo, anh chìm mình trong làn nước nông mà không làm nước bắn tóe lên.

Kỳ lạ thật, cái bằng lặng của nước mới đối lừa làm sao. Luồng chảy thật quý quyết, anh cảm thấy nó như nắm lấy chân anh kéo xuống sâu; nhưng anh là tay bơi lợi hại nhất, điều đó không làm

anh lo ngại. Đầu cúi thấp, anh lướt đi trong nước, khoái trá vì cảm giác mát lạnh, vì cảm giác tự do. Rồi anh ngoảnh lại, nhìn lên bờ, hai người phụ nữ Đức chụp những chiếc mũ cao su lên đầu, vừa cười vừa chạy xuống nước.

Dane bắc tay lên miệng làm loa và gào lên bằng tiếng Đức bảo họ cứ ở chỗ nước nông, luồng chảy quá mạnh. Họ vừa cười vừa vẫy tay đáp lại. Anh lại cúi đầu xuống và bơi đi, liền đó anh tưởng chừng như có tiếng kêu thét. Anh bơi thêm quãng nữa rồi trùng trùng một lát – ở đây luồng nước ngầm yếu hơn – và bơi đứng. Đúng, không phải là tưởng tượng, đằng sau có tiếng la thét, anh quay lại, hai người phụ nữ đang vẫy vùng một cách tuyệt vọng, mặt méo đi trong tiếng kêu gào, một người giơ tay lên và chìm xuống nước. Trên bờ, hai người Anh đứng lên và miễn cưỡng tới mép nước.

Dane lập tức lật sấp mình xuống, sai thật nhanh tới chỗ hai người đang bị chìm, mỗi lúc một gần, mỗi lúc một gần. Những cánh tay sợ hãi vươn về phía anh, bám lấy anh, kéo xuống đáy. Anh đối phó một cách khéo léo, ôm lấy ngang lưng một người phụ nữ và kịp thời đánh nhẹ vào cằm khiến chị ta bị choáng, thôi không vùng vẫy nữa, còn người kia thì anh nắm lấy quai áo tắm, thúc đầu gối vào lưng khiến chị ta nghẹn thở. Vừa ho vừa sặc trong lúc suýt bị họ dìm xuống, anh đã uống nhiều nước – anh lật ngửa người lên, và như chiếc tàu kéo, lôi cái khối nặng bất lực của mình về phía bờ.

Hai người Anh đứng ngập đến vai trong nước, hoảng sợ đến nỗi không dám tiến xa hơn nữa, Dane tuyệt nhiên không chê trách họ về điều đó. Những đầu ngón chân anh chạm đất và anh thở phào nhẹ nhõm. Kiệt lực, bằng một cố gắng phi thường cuối

cùng, anh đẩy hai người phụ nữ lên chỗ an toàn. Họ nhanh chóng hồi tỉnh và lại la hét, đập tay túi bụi xuống nước. Gần như đứt hơi, anh vẫn mỉm cười với họ. Anh đã làm xong việc của mình, hai pommy vụng dại có thể lo liệu nốt phần việc tiếp theo. Còn trong lúc anh thở hỗn hển, nghỉ sức thì luồng nước lại cuốn anh đi, lôi ra xa bờ, chân không còn chạm đáy nữa rồi, ngay cả khi Dane vươn hết toàn thân thử tìm đáy. Đúng, tính mạng hai người phụ nữ đã treo trên sợi tóc. Không gặp được anh, chắc chắn họ chết chìm, hai người Anh hoặc không đủ sức, hoặc không biết cách, sẽ không cứu được họ. Nhưng hai người phụ nữ ấy bơi ra xa chỉ để đến gần anh hơn, có cái gì mách bảo anh như vậy; lúc chưa nhìn thấy anh, họ không hề có ý định xuống nước. Họ gặp nguy hiểm là lỗi tại anh, lỗi tại anh.

Anh bồng bênh trên sóng, buông mình theo dòng, bỗng nhiên trong ngực đau nhói không thể tưởng được, cái đau buốt nhói, bỏng rát, không thể chịu nổi, hết như có mũi giáo nung đỏ cắm vào anh. Dane hét lên một tiếng, giơ hai tay lên đầu, căng hết mọi cơ bắp, nhưng cảm giác đau càng dữ dội hơn, khiến anh phải bỏ tay xuống, rồi đến cơn co giật – hai tay nắm lại quắp lên nách, đầu gối co gập lại. Tim! Tim ta làm sao rồi, ta chết mất! Tim! Ta không muốn chết! Chẳng lẽ chết sớm thế ư, sự khó nhọc của ta chưa bắt đầu, ta không kịp thử thách bản thân! Lạy Chúa, xin cứu giúp con! Con không muốn chết, không muốn chết!

Cơn co rút đã hết; Dane nằm ngửa lên, hai tay anh dang ra thoải mái trên mặt nước, mềm nhũn, tuy vẫn đau. Qua hàng mi ướt, anh nhìn lên cao, lên cái vòm trời không thể với tới được. Nó đây, ngọn giáo của Chúa mà mới một giờ trước, trong lúc kiêu hãnh con đã cầu xin Chúa. Xin cho con đau khổ, con đã nói như

thế, hãy bắt con đau khổ. Giờ đây đau khổ đang đến, vậy mà con chống lại nó, con không có khả năng đạt tới tình yêu hoàn mỹ. Đây là nỗi đau của Chúa, ôi lạy Chúa, con phải tiếp nhận nỗi đau ấy, con không được chống lại nó, không được chống lại ý Chúa. Bàn tay Chúa đầy uy lực, cái đau này là của Chúa, đây hẳn là điều Chúa đã trải qua trên cây thập giá. Lạy Chúa tôi, lạy Chúa, con là của Chúa. Nếu đây là ý Chúa thì cứ như thế. Con đã làm gì để xứng đáng với bấy nhiêu ân huệ của Chúa và của những người yêu con hơn ai hết? Tại sao Chúa ban cho con nhiều như thế một khi con không xứng đáng? *Đau đớn, đau đớn!* Chúa quá tốt với con, lạy Chúa. Mong cho đời con ngắn ngủi, con cầu xin, thế là nó ngắn ngủi. Những đau khổ của con cũng sẽ ngắn ngủi, nó sắp kết thúc rồi. Chẳng bao lâu nữa con sẽ nhìn thấy mặt Chúa, nhưng ngay trong cõi đời này con cũng tạ ơn Chúa! Đau! Lạy Chúa, Chúa quá tốt với con. Con yêu Chúa!

Cơn run khủng khiếp làm rung chuyển tấm thân đã chờ ra chờ đợi. Môi Dane mấp máy, thì thầm gọi tên Chúa, gắng mỉm cười. Rồi trong con người mở rộng, vầng viển xưa đuổi màu xanh ra khỏi cặp mắt ấy. Hai người Anh rút cục đã lên bờ, đặt hai người phụ nữ đang khóc lóc xuống cát, và đứng dậy, đưa mắt tìm Dane. Nhưng cái màu xanh đậm hiền hòa của làn nước mênh mông hoàn toàn hoang vắng; một con sóng nhỏ nô giỡn chạy lên bờ và lại rút đi. Dane đã biến mất.

Có người nào nhớ rằng cách đây không xa có một sân bay quân sự Mỹ và chạy đến cầu cứu. Chưa đến nửa giờ sau khi Dane mất tích, một chiếc trực thăng cất cánh từ sân bay đó và xoáy không khí một cách dữ dội, lượn vòng mỗi lúc một rộng, mỗi lúc một ra xa bờ, tìm kiếm. Chẳng ai cho rằng sẽ nhìn thấy gì. Người chết

đuổi thường chìm xuống đáy và mấy ngày mới nổi lên. Một giờ qua, rồi cách bờ mười lăm dặm, từ trên không người ta nhìn thấy Dane, anh bập bênh một cách êm ả trên ngực vục nước, hai tay dang ra, mặt ngửa lên trời. Phút đầu người ta ngỡ rằng anh còn sống, họ vui vẻ reo hò, nhưng khi máy bay xuống thấp đến mức nước bên dưới sủi réo nổi bọt thì thấy rõ là anh đã chết. Từ trên trực thăng người ta đánh điện vô tuyến cho biết tọa độ, một chiếc xuồng phóng đến đó và ba giờ sau trở lại.

Tin lan ra trong vùng. Những người dân đảo Crete trước đây vẫn thích nhìn anh khi anh đi qua, thích bẽn lễn trao đổi với anh mấy lời. Họ yêu anh, tuy không biết anh. Và bây giờ họ kéo ra bờ biển, phụ nữ toàn mặc đồ đen như những con chim xù lông, đàn ông theo tục lệ xưa, mặc quần rộng thùng thình, cổ áo sơ mi trắng không cài cúc, tay áo xắn lên. Họ đứng từng tốp, im lặng, chờ đợi.

Chiếc xuồng cặp bờ, viên trung sĩ mập mạp nhảy lên cát, quay người lại và đưa hai tay đỡ lấy tấm thân bất động bọc trong tấm chăn. Anh ta đi mấy bước ra xa mép nước và cùng người giúp việc đặt cái vật họ mang theo xuống cát. Rìa chăn tung ra, tiếng rì rầm vang to lan ra trong đám đông người Crete. Họ chen sát vào nhau hơn, áp những cây thập giá đeo trên người vào làn môi sạm nắng gió, phụ nữ than khóc nghẹn ngào không thành lời, nghe nửa như tiếng thở dài, nửa như tiếng rên ngân dài, gần như một làn điệu – bài ca trần thế đau buồn thể hiện nỗi đau xót đã dồn nén quá nhiều của phụ nữ.

Ngót năm giờ, mặt trời đã ngã về tây, khuất đến một nửa sau vách đá âm đạm, nhưng vẫn còn nhìn thấy một tốp người tối thẫm trên bờ biển và tấm thân bất động nằm dài trên cát: làn da

ánh vàng, mí mắt nhắm lại, những hàng mi dài dính vào nhau như những mũi tên (vì muối đã khô đi), một nụ cười yếu ớt trên cặp môi tím ngắt. Những người khiêng cáng xuất hiện và tất cả mọi người, nông dân Crete cùng lính Mỹ, đưa Dane đi.

Athens sôi sục, đám đông náo động nhào nhào mọi trật tự, nhưng viên đại tá không quân Mỹ cầm trong tay tấm chứng minh thư Úc bìa xanh của Dane vẫn liên lạc bằng vô tuyến tới cấp trên của mình. Cũng như mọi giấy tờ loại này, chứng minh thư không nói gì về Dane. Trong mục “nghề nghiệp” chỉ ghi “sinh viên”, và ở cuối, giữa những người thân thích gần nhất, có tên Justine và địa chỉ của cô ở Luân Đôn. Viên đại tá ít quan tâm đến việc quan hệ họ hàng nào gần hơn theo luật định, nhưng Luân Đôn gần La Mã hơn nhiều so với Drogheda. Không ai mở chiếc vali hình vuông màu đen để lại trong căn buồng khách sạn nhỏ xíu, ở đó có bộ áo chùng và mọi cái khác chứng tỏ chức sắc của Dane; cùng với một chiếc vali khác, chiếc này cũng đang chờ chỉ thị : gửi hành lý của người quá cố đi đâu.

Lúc chín giờ sáng khi chuông điện thoại réo, Justine trần trở trên giường, khó nhọc hé một mắt và vẫn nằm, tức tối chửi cái máy trời đánh – thế là cô sẽ tháo nó đi! Thiên hạ lại cứ tưởng rằng buổi sáng cần phải bắt đầu làm việc sớm sớm một chút, nhưng làm sao họ lại nghĩ rằng cô vẫn dậy từ tinh mơ kia chứ?

Nhưng điện thoại vẫn cứ réo hoài. Có lẽ Rain gọi điện chẳng? Ý nghĩ ấy đưa cô ra khỏi trạng thái nửa thức nửa ngủ, và Justine trở dậy, chân đứng không vững, lê bước sang phòng khách. Nghị viện Đức họp bất thường, cô với Rain không gặp nhau đã suốt một tuần, và ít hy vọng gặp anh trước một tuần nữa. Nhưng có lẽ cuộc khủng hoảng ở đây đã được giải quyết và anh gọi điện báo

cho cô biết anh sẽ tới.

– Ai gọi gì đấy?

– Miss Justine O’Neill phải không?

– Vâng, tôi nghe đây.

– Xin lỗi đã quấy quả chị, chúng tôi ở lãnh sự quán Úc tại Aldwych.

Người đang nói rõ ràng là một người Anh, anh ta xưng tên, nhưng đang ngái ngủ, cô không nghe rõ tên, cần phải một lần nữa làm quen với sự thực là người gọi điện không phải là Rain.

– Tôi nghe đây. – Cô ngáp, đứng một chân, dùng gót chân gãi chân kia.

– Chị có người em trai là Mr. Dane O’Neill phải không?

Mắt Justine mở rộng.

– Vâng, có.

– Anh ấy hiện đang ở Hy Lạp phải không, Miss O’Neill?

Justine vươn thẳng người lên, bây giờ cô đứng cả hai chân trên tấm thảm.

– Vâng, đúng. – Cô không hề nghĩ đến chuyện sửa lại điều người kia nói, giải thích rằng Dane không phải là mixtơ, mà là cha đạo.

– Miss O’Neill, tôi rất lấy làm tiếc rằng tôi có cái trách nhiệm nặng nề báo cho chị biết một tin xấu.

– Tin xấu ư? Tin xấu ư? Gì thế? Làm sao kia? Có chuyện gì xảy ra vậy?

– Tôi lấy làm đau xót buộc lòng phải báo tin cho chị biết em trai chị, Mr. Dane O’Neill, hôm qua đã chết đuối ở Crete, theo tôi

hiểu thì đã chết như một người anh hùng trong khi cứu những người bị chìm. Nhưng, chị hiểu đấy, ở Hy Lạp hiện giờ đang có đảo chính và tin tức chúng tôi nhận được chỉ là lẻ tẻ thôi, có thể không được chính xác cho lắm.

Máy điện thoại ở trên chiếc bàn con cạnh tường, và Justine tì vào cổ máy làm chỗ tựa. Đầu gối khụy xuống, cô trượt xuống một cách chậm chạp và cuối cùng cô co quắp trên sàn. Những âm thanh khó hiểu gì đó buột ra từ môi cô, không ra tiếng cười, không ra tiếng nức nở, một cái gì trung bình giữa hai cái đó, những tiếng nấc to, giật đột. Dane đã chết đuối. Tiếng khóc nấc, Dane đã chết đuối. Tiếng khóc nấc. Crete... Dane ... chết đuối. Tiếng khóc nức. Chết rồi, chết rồi.

– Miss O’Neill ? Chị vẫn nghe đấy chứ, Miss O’Neill? – Tiếng nói trong ống điện thoại lặp lại một cách dai dẳng.

Đã chết rồi. Chết đuối. Em trai tôi!

– Miss O’Neill, chị vẫn nghe tôi đấy chứ?

– Vâng, vâng, vâng, vâng! Ôi lạy Chúa, tôi nghe đây!

– Theo như tôi hiểu, chị là người thân thích gần nhất, vì thế chúng tôi cần ý kiến của chị : xử trí với thi hài như thế nào. Chị nghe chứ, Miss O’Neill?

– Vâng, vâng!

– Chị nên xử trí thế nào với thi hài, Miss O’Neill?

Thi hài! Dane bây giờ là cái thi hài, đáng lẽ ít ra cũng nói thi hài *anh ấy*, không, chỉ là thi hài. Dane, Dane của tôi. Thi hài.

– Người thân thích gần nhất ư? – Cô nghe thấy tiếng nói thanh thanh yếu ớt của mình bị ngắt quãng bởi tiếng nức nở vang to. – Người thân thích gần nhất chắc hẳn không phải là tôi. Người thân

thích gần nhất là mẹ.

Một quăng im lặng ngắn ngủi.

– Điều đó làm cho công việc trở nên phức tạp, Miss O'Neill. Nếu chị không phải là người thân thích gần nhất thì chúng tôi mất thời gian quý giá. – Rõ ràng là chị không hiểu, ở Hy Lạp có đảo chính, mà sự bất hạnh xảy ra ở Crete, nơi ấy càng xa hơn, bắt liên lạc càng khó hơn. Chị hiểu cho! Liên lạc với Athens thực tế không thể được, và chúng tôi được chỉ thị phải lập tức cho biết nguyện vọng của những người thân thích gần nhất về thi hài. Mẹ có ở với chị không? Tôi có thể nói chuyện với bà không?

– Mẹ tôi không ở đây. Mẹ tôi ở Úc kia.

– Ở Úc à? Trời ơi, mỗi lúc một khó khăn hơn! Sẽ phải đánh điện về Úc, lại phải trì hoãn. Nếu chị không phải là người thân thích gần nhất của em trai chị thì tại sao trong chứng minh thư anh ấy lại ghi như vậy, Miss O'Neill ?

– Tôi không biết. – Cô bỗng thấy mình đang cười.

– Cho tôi địa chỉ của mẹ chị ở Úc, chúng tôi sẽ đánh điện ngay cho bà. Chúng tôi cần biết phải xử trí với thi hài như thế nào! Trong thời gian chờ bà nhận được điện và điện trả lời đến được chúng tôi thì sẽ mất mười hai tiếng nữa, chính chị hiểu đấy. Không có sự rắc rối ấy thì mọi việc cũng đã khá phức tạp.

– Thế thì gọi điện thoại cho mẹ tôi. Đừng mất thời giờ đánh điện.

– Ngân sách của chúng tôi không dự tính khoản chi cho đàm thoại quốc tế, Miss O'Neill ạ. – Người ta trả lời cô một cách khô khan. – Vậy xin cho biết : chị có thể cho chúng tôi tên và địa chỉ của bà thân sinh không?

– Mrs. Meggie O’Neill. – Justine đọc. – Drogheda, Gillanbone, New South Wales, Úc. – Cô nhắc lại rành rọt những cái tên mà anh ta không quen.

– Một lần nữa xin nhận lời chia buồn sâu sắc của tôi, Miss O’Neill.

Một tiếng tách cắt máy, hồi còi đều đều hơn điệu đường dây hết bận. Justine ngồi trên sàn, ống điện thoại Chuôi xuống đùi. Một sai lầm nào đó, mọi sự phải được sáng tỏ. Dane không thể chết đuối, chú ấy bơi như một quán quân! Cố nhiên đây là điều sai lạc. Không, Justine, tất cả là sự thật, chính cô biết đấy, cô không đi với em cô, không gìn giữ được em cô, vì thế em cô đã chết đuối. Cô vẫn luôn luôn trông nom nó từ lúc còn bé tí, bây giờ lẽ ra cô cũng phải ở bên nó. Nếu cô không thể cứu được nó thì cô nên chết đuối ở đấy cùng với nó. Cô không đi với em cô chỉ vì cô nóng lòng về Luân Đôn để kéo Rain lên giường với cô.

Suy nghĩ chật vật biết bao. Mọi việc đều khó khăn. Không làm nổi việc gì, thậm chí chân không theo ý cô. Không thể nào đứng dậy khỏi sàn, không bao giờ cô còn đứng dậy được nữa. Trong ý thức không còn chỗ cho ai ngoài Dane, mọi ý nghĩ xoay tròn xung quanh Dane mỗi lúc một sát sao hơn. Bỗng nhiên cô nghĩ về mẹ, về tất cả mọi người ở Drogheda. Ôi lạy Chúa. Người ta sẽ báo tin về đấy, báo tin cho mẹ, cho mọi người ở đấy. Thậm chí trước khi vĩnh biệt, mẹ không được nhìn thấy Dane đáng yêu như thế nào trong ngày đáng ghi nhớ ấy ở La Mã. Chắc là người ta sẽ gửi điện cho cảnh sát ở Gillanbone, và viên trung sĩ già Ern sẽ ngồi vào chiếc xe hơi của mình, đánh xe về Drogheda nói với mẹ cô rằng đứa con trai duy nhất của bà đã chết. Không nên để ông ta, một người gần như xa lạ, mang cho mẹ cái tin ấy. Xin nhận lời chia

buồn thành thật, sâu sắc của tôi, Mrs. O'Neill, con trai bà đã chết. Những lời lịch sự hời hợt, trống rỗng... Không! Ta sẽ không để cho mẹ biết tin đó qua những người xa lạ, mẹ là mẹ ta kia mà! Cốt sao không phải như ta đã nghe tin ấy, không phải như cách ấy.

Cô với máy điện thoại, nhắc nó khỏi chiếc bàn con, đặt nó lên đùi mình, áp ống nói vào tai.

– Trạm điện thoại đầy ư? Cho xin đường dây giữa các thành phố. Alô? Tôi cần liên hệ gấp với Úc. Jilênbôm mười hai – mười hai. Làm ơn nhanh nhanh lên, nhanh nhanh lên.

Meggie tự tay nhắc ống điện thoại. Lúc này đã khuya rồi, Fee đã đi nằm. Còn Meggie thời gian gần đây không muốn đi nằm sớm, chị thích ngồi một lúc lâu, nghe tiếng đế và ếch nhái kêu, ngủ gật trên cuốn sách nhớ lại...

– Ai đấy?

– Điện từ Luân Đôn gọi bà, Mrs. O'Neill – Hazel, cô điện thoại viên ở Gilly nói.

– Chào con, Justine. – Meggie nói bằng giọng điềm tĩnh. Jussy gọi điện, tuy không thường xuyên, để thăm hỏi tình hình.

– Mẹ đấy ư? Mẹ phải không?

– Ủ, mẹ nghe đây. – Meggie nói bằng giọng mềm mỏng. Chị cảm thấy ngay Justine có điều gì buồn phiền.

– Mẹ ơi, ôi, mẹ ôi! – Cái âm thanh kỳ lạ, không ra tiếng thở dài, không ra tiếng nức nở. – Dane chết rồi, mẹ ơi! Dane chết rồi!

Đất nứt toác ra dưới chân. Cái vực thẳm không đáy, không có đáy. Meggie rơi xuống vực, mỗi lúc một sâu, mỗi lúc một xuống sâu, rìa vực khép lại trên đầu, suốt đời không thoát ra được nữa, cho đến lúc chết. Các thần bất tử còn có thể làm gì được chị nữa?

Chị đã không hiểu khi chị hỏi điều đó. Sao chị dám hỏi, sao chị không thể hiểu ra? Đừng có thách các thần, họ không thích điều đó. Khi chị không đi để nhìn thấy con trai trong phút tốt đẹp nhất của đời nó, để chia sẻ niềm vui sướng của nó, quả thực chị tưởng rằng chị đã đền nợ đầy đủ về tất cả mọi điều. Dane sẽ thoát khỏi cả sự trừng phạt, thoát khỏi cả chính trị. Chị sẽ không nhìn thấy mặt nó, gương mặt thân quý nhất đời, và như vậy chị sẽ đền nợ về mọi điều. Rìa vực khép kín lại, không sao thở được. Đứng dưới đáy rồi mới hiểu – như vậy là quá muộn.

– Justine, con thân yêu, hãy bình tĩnh lại. – Chị gắng gương nói, giọng chị không run. – Hãy bình tĩnh lại và kể rõ đầu đuôi. Con tin chắc thế chứ?

– Người ta gọi điện cho con từ lãnh sự Úc... ở đây người ta cho rằng con là người họ hàng gần nhất. Một anh chàng khủng khiếp nào đó cứ nằng nặc đòi con cho ý kiến phải xử trí thế nào với thi hài. Anh ta luôn luôn dùng tiếng “thi hài” để nói về Dane. Dường như đây không phải là xác của Dane, mà là của ai không biết. (Meggie nghe thấy tiếng khóc nức nở). Trời ơi! Chắc anh chàng đáng thương ấy rất cực lòng phải gọi điện cho con. Mẹ ơi, mẹ ơi, Dane chết rồi!

– Nhưng làm sao kia Justine? Ở đâu? Ở La Mã ư? Tại sao Ralph không gọi điện cho mẹ?

– Không, không phải ở La Mã. Hồng y chắc là chưa biết gì. Người ấy nói Dane chết đuối khi cứu những người bị chìm. Em nó có hai tháng rảnh rồi, mẹ ạ, và nó nài con cùng đi với nó, con muốn sắm vai Desdemona và ở bên Rain. Giá như con ở bên Dane! Nếu con ở đây thì có lẽ không xảy ra chuyện gì. Con biết làm gì bây giờ!

– Thôi đi, Justine. – Meggie nói một cách nghiêm khắc. – Bỏ ý nghĩ ấy đi, nghe chưa? Ý nghĩ ấy sẽ làm Dane phần nộ, chính con biết đấy. Sự bất hạnh bao giờ cũng có thể xảy ra, còn duyên do vì đâu và tại sao thì chúng ta không biết. Bây giờ điều quan trọng là con vẫn sống và khỏe mạnh, mẹ không mất cả hai. Bây giờ mẹ chỉ còn một mình con. Ôi, Jussy, Jussy, thật xa xôi biết bao! Thế giới quá lớn, quá lớn! Con về nhà đi, về Drogheda. Mẹ buồn phiền khi nghĩ rằng con ở đây mỗi một mình.

– Không, con cần làm việc. Làm việc là lối thoát duy nhất của con. Không làm việc thì con phát điên lên mất. Con chẳng cần ai, chẳng cần sự an ủi nào cả. Ôi, mẹ ơi! – Cô khóc một cách cay đắng. – Không có Dane chúng ta sẽ sống thế nào?

– Thực thế, sống thế nào? Đây là cuộc sống ư? Chúa cho, Chúa lại lấy đi. Là cát bụi thì lại trở về với cát bụi. Sự sống là để cho chúng ta, những kẻ không xứng đáng. Chúa trời tham lam giành lấy cho mình những gì tốt đẹp nhất, để lại thế giới này cho chúng ta, những kẻ khác, để chúng ta hoài hủ ở đây.

– Không ai trong chúng ta biết chúng ta sống có được lâu không, Jussy, rất cảm ơn con đã gọi điện trực tiếp báo tin cho mẹ.

– Con không thể chịu đựng nổi khi nghĩ rằng một người lạ nào đó sẽ nói cho mẹ biết. Không thể tưởng tượng được là phải nghe một người lạ cho biết cái điều như thế. Mẹ sẽ làm gì bây giờ? Mẹ có thể làm gì được?

Dốc toàn nghị lực, vượt qua bao nhiêu dặm đường Meggie cố gắng sưởi ấm và an ủi con gái bé bỏng đang chết dần ở Luân Đôn xa xôi. Con trai đã chết, đứa con gái còn sống. Phải cứu lấy nó. Suốt đời Justine dường như chỉ yêu có Dane. Nó không còn ai

nữa, ngay cả mẹ nó cũng không yêu.

– Justine, con yêu quý, đừng khóc. Đừng đau đớn quá như thế, Dane hẳn là không muốn như thế, phải không? Về nhà đi con, như vậy con sẽ nhẹ nhõm hơn. Chúng ta sẽ đưa Dane về nhà, về Drogheda. Theo luật, bây giờ nó lại là của mẹ, nó không còn thuộc về nhà thờ nữa và nhà thờ không thể ngăn cản mẹ. Mẹ sẽ gọi điện thoại ngay cho lãnh sự quán và đại sứ quán của chúng ta ở Athens, nếu có thể gọi về được đây. Dane nhất định phải trở về nhà! Mẹ thực không thể nào nghĩ rằng nó được chôn cất ở một nơi nào xa Drogheda. Đây là nhà của nó, nó phải trở về nhà. Hãy về với em, Justine.

Nhưng Justine co rúm lại trên sàn và lắc đầu quày quật, như thể mẹ có thể nhìn thấy cô. Về nhà ư? Không bao giờ cô có thể trở về nhà. Nếu như cô đi cùng với Dane thì có lẽ em cô vẫn còn sống. Trở về nhà, để ngày này sang ngày khác, cho đến cuối đời phải nhìn vào mắt mẹ ư? Không, thậm chí nghĩ đến đã không thể chịu đựng nổi.

– Không, mẹ ạ. – cô nói và nước mắt chảy ròng ròng trên mặt, bóng rầy như kim loại nóng chảy. Ai bịa đặt ra rằng khi gặp đau xót lớn lao nhất con người không khóc? Họ có hiểu quái gì nhiều. – Con phải ở lại đây và làm việc. Con sẽ về nhà cùng với Dane, rồi con sẽ lại đi Luân Đôn. Con không thể sống ở Drogheda.

Ba ngày chờ đợi bất lực, sự đổ sụp vào chân không, sự im lặng của nhà chức trách khiến cho Justine ở Luân Đôn và Meggie cùng gia đình ở Drogheda cố nuôi một hy vọng nào đó. Cố nhiên, chẳng phải là vô cớ mà lâu thế không có trả lời, đã có sự sai lầm, nếu tất cả là sự thật thì cố nhiên người ta đã báo tin cho họ! Dane sẽ gõ cửa buồng Justine và mỉm cười nói rằng đã xảy ra một sai

làm hết sức dớ dẩn. Ở Hy Lạp có đảo chính, hỗn loạn ghê gớm, chắc chắn ở đây đã nảy sinh vô số làm lẫn hết sức dớ dẩn. Dane sẽ vào và sẽ chế giễu tất cả mọi người – sao lại có thể tưởng tượng rằng anh đã chết, anh sẽ đứng dậy và cười, thân hình cao, khỏe, tràn trề sức sống. Họ chờ đợi, hy vọng mỗi lúc một lớn, mỗi lúc một lớn. Một hy vọng khủng khiếp, phản bội. Dane không chết, không! Dane không thể chết đuối, chú ấy bơi tuyệt giỏi, chú ấy dám bơi ngay cả khi biển động dữ dội, bão tố, và chẳng sao hết. Họ cứ chờ đợi như thế, gạt bỏ điều đã xảy ra, hy vọng là đã có sự nhầm lẫn. Báo tin cho bạn bè và người quen, viết thư về La Mã – còn kịp chán.

Sang buổi sáng thứ tư Justine nhận được tin.

Phút chốc cô dường như già đi một trăm tuổi, cô chậm chạp, yếu ớt nhắc ống điện thoại và lại gọi về Úc.

– Mẹ đấy ư?

– Justine?

– Người ta đã chôn cất rồi, mẹ ạ! Chúng ta không thể đưa em nó về nhà! Làm thế nào bây giờ? Họ cứ nhắc đi nhắc lại một điều : Crete là một đảo lớn, không biết tên làng, khi bức điện của họ đến nơi thì người ta đã đem đi chôn ở đâu không rõ. Bây giờ em nó nằm ở đâu có mà trời biết, trong một nấm mồ vô danh. Con không thể chạy được giấy nhập cảnh vào Hy Lạp, chẳng ai muốn giúp đỡ, ở đấy hoàn toàn hỗn loạn. Chúng ta phải làm gì, hả mẹ?

– Đón mẹ ở La Mã, Justine. – Meggie nói.

Tất cả, trừ Anne Mueller, tụ tập bên máy điện thoại, họ vẫn chưa kịp trấn tĩnh lại. Đàn ông trong ba ngày ấy già đi đến hai mươi tuổi; Fee tóc bạc trắng, mảnh mai như con chim và gầy đét,

đi vợ vẫn trong nhà và cứ lặp đi lặp lại: “Tại sao tôi không chết đi? Tại sao lại cần phải cướp nó đi? Tôi già rồi, già quá rồi! Tôi sẵn lòng chết, tại sao nó lại phải chết? Tại sao tôi không chết đi? Tôi già quá rồi kia mà!”. Anne nằm liệt giường, Mrs. Smith, Minne và Cat ngày đêm đầm đìa nước mắt.

Meggie đặt ống điện thoại xuống và lẳng lặng nhìn mọi người xung quanh. Đây là tất cả những gì còn lại của Drogheda. Một nhóm ông già bà lão không con cái, những con người bỏ đi.

– Dane đã mất tích. – Chị nói. – Người ta không tìm được nó, nó đã được chôn cất ở đâu đó trên đảo Crete. Xa quá! Sao nó lại phải yên nghỉ ở xa Drogheda như thế? Tôi sẽ đi La Mã gặp Ralph de Bricassart. Nếu có người nào giúp được chúng ta thì chỉ là ông ấy thôi.

* * *

Viên bí thư vào gặp Hồng y de Bricassart.

– Trình Đức ông, xin Người thứ lỗi vì đã quấy quả Người, nhưng có một phu nhân muốn gặp Đức Ông. Tôi đã giải thích là đang đại hội. Ông rất bận và không thể tiếp ai, nhưng bà ta nói rằng bà ta sẽ cứ ngồi ở tiền sảnh cho đến khi nào Đức Ông có thời giờ tiếp bà ta.

– Bà ta gặp điều bất hạnh gì chẳng, thưa Cha?

– Trình Đức Ông, một điều bất hạnh lớn lao gì đó, có thể thấy ngay. Bà ấy nói rằng tôi phải trình với Đức Ông rằng bà ấy là Meggie O’Neill. – Viên bí thư thốt lên cái tên ngoại quốc bằng một giọng hơi ngân nga, nó nghe có vẻ lạ lùng, lạ lắm.

Hồng y Ralph đứng phắt dậy, mặt mất hết máu, trở nên trắng bệch, trắng như tóc ông,

– Thưa Đức Ông! Người không được khỏe phải không ạ?

– Không, cảm ơn, tôi hoàn toàn khỏe. Hãy tạm hoãn tất cả những cuộc gặp gỡ đã định trước, mời ngay Mrs. O'Neill vào cho tôi. Bất cứ ai hỏi tôi, trừ Đức Thánh Cha, thì bảo tôi bận.

Linh mục cúi chào và đi ra. O'Neill. Thôi đúng rồi! Sao ông ta không nhớ ra ngay, đấy là họ của linh mục Dane trẻ tuổi. Thực ra trong cung điện của Hồng y, mọi người đều chỉ gọi cha là Dane. Sai lầm lớn không nên bắt bà ta phải chờ đợi. Nếu Dane là cháu yêu của Hồng y de Bricassart thì Mrs. O'Neill là người em gái yêu dấu của Hồng y.

Khi Meggie vào, Hồng y Ralph phải khó khăn mới nhận ra chị. Từ cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa hai người đến nay đã mười ba năm, chị đã năm mươi ba, ông đã bảy mươi mốt. Bây giờ không chỉ riêng ông, cả hai đều đã già. Khuôn mặt chị không hẳn là đổi khác, nhưng đanh lại, đờ đẫn, vẻ mặt hoàn toàn không như ông hình dung trong ý nghĩ, vẻ dịu dàng trước kia đã nhường chỗ cho vẻ gay gắt và cay độc, qua vẻ nhu mì lộ rõ tính cứng rắn đanh thép. Ông tưởng tượng chị là một nữ thánh hiền lành và trầm tư, nhưng chị giống một người tuấn đạo đang về già, nhưng tinh thần vững vàng, kiên định nhiều hơn. Vẫn như trước, chị đẹp lạ thường, cặp mắt xám bạc vẫn sáng trong, nhưng vẻ đẹp và cái nhìn toát ra sự nghiêm khắc, còn mái tóc trước kia rục như lửa đã bột màu, – nó có màu nâu nhạt như tóc Dane, nhưng mờ đục, không có cái nước bóng sinh động như thế. Điều đáng lo ngại nhất là chị đưa mắt nhìn đi nơi khác quá nhanh, ông không kịp thỏa mãn sự tò mò khát khao và triu mến.

Với Meggie mới này, ông không thể chào hỏi dễ dàng và giản dị.

– Xin mời ngồi. – Với tâm trạng căng thẳng, ông chỉ cho chị chiếc ghế bành.

– Cám ơn Ông. – Tiếp theo là câu trả lời cũng kiểu cách như thế.

Chỉ khi chị đã ngồi xuống và Hồng y đã nhìn khắp toàn thân chị từ trên xuống, ông mới nhận thấy hai chân chị phù lên, mắt cá chân sưng húp.

– Meggie! Em đi thẳng từ Úc đến, không nghỉ ở đâu ư? Có chuyện gì xảy ra vậy?

– Vâng, tôi bay thẳng một mạch. – Chị nói. – Hai mươi chín giờ liền, từ Gilly đến La Mã, tôi ngồi trong máy bay và không biết làm gì, chỉ nhìn mây ngoài cửa sổ và nghĩ ngợi. – Chị nói bằng giọng khô khan, gay gắt.

– Có chuyện gì xảy ra? – Ralph nhắc lại, vẻ sốt ruột, lo lắng và sợ hãi.

Chị ngược mắt lên và nhìn thẳng vào ông.

Cái nhìn khủng khiếp, chứa đựng một cái gì thê thảm làm lạnh người. Ralph sờ gai ốc, bất giác ông giơ tay lên, sờ vào cái gáy đã trở nên lạnh ngắt.

– Dane chết rồi. – Meggie nói.

Tay ông trượt đi, rơi xuống đùi như tay con búp bê bằng vải, ông nhún người ra trong ghế bành.

– Chết rồi ư? – Ông chậm rãi hỏi lại. – Dane chết rồi ư?

– Vâng. Nó chết đuối sáu ngày trước ở Crete, có những người

phụ nữ nào đó bị chìm và nó cứu họ.

Ralph cúi gập mình trong ghế bành, hai tay ôm mặt.

– Chết rồi ư? – Meggie nghe thấy một giọng nghẹn ngào. – Dane ư? Cậu bé tuyệt vời của tôi! Không thể thế được! Dane... đấng chẵn chiên chân chính... bản thân tôi đã không thể trở thành một linh mục như thế. Nó có tất cả những gì mà tôi còn thiếu. – Giọng nói dứt quãng. – Ở nó bao giờ cũng có cái đó... Tất cả chúng tôi đều hiểu điều đó... tất cả chúng tôi, những người không phải là linh mục chân chính. Chết rồi ư?! Ôi lạy Chúa lòng lành!

– Vứt quách vị Chúa lòng lành của ông đi, Ralph. – Người đàn bà không quen ngồi đối diện với ông nói. – Ông có những việc quan trọng hơn. Tôi đến đây không phải là để nhìn ông đau xót, tôi cần sự giúp đỡ của ông. Suốt ngàn ấy giờ tôi bay đi xa như thế là để nói với ông điều đó, suốt ngàn ấy giờ tôi chỉ nhìn mây ngoài cửa sổ và biết rằng Dane không còn nữa. Sau sự việc đó thì nỗi đau xót của ông chẳng làm tôi động lòng gì lắm.

Nhưng khi ông bỏ hai tay ôm mặt ra và ngẩng đầu lên thì trái tim chết đã lạnh băng của chị vỡ ra, thắt đến đau nhói, đập thành thịch. Đây là khuôn mặt của Dane, nhưng nó in dấu một nỗi đau khổ mà Dane không bao giờ còn có dịp trải qua. Ôi, ơn nhờ Chúa! Ơn nhờ Chúa là Dane đã chết và không còn phải trải qua những đau khổ như con người này, như ta. May là nó đã chết, còn hơn là đau khổ như thế này.

– Tôi có thể giúp được gì, Meggie? – Ralph khẽ hỏi; ông đè nén tình cảm của mình, lại đeo tấm mặt nạ cha linh hồn, tấm mặt nạ không chỉ che mặt, mà che cả tâm hồn.

– Ở Crete đang có sự hỗn loạn. Dane được chôn ở chỗ nào đó tại Crete, và tôi không thể hỏi ra được: ở đâu, khi nào và tại sao. Có lẽ vì lời yêu cầu của tôi xin đưa nó về quê bằng máy bay đã bị giữ lại vô kỳ hạn do cuộc tương tàn trong nước, mà ở Crete nóng như ở Úc. Chắc là vì không có ai hỏi tin về Dane ngay nên ở đây người ta cho rằng nó không có ai thân thích và đã chôn cất nó. – Meggie nhào về phía trước với vẻ căng thẳng. – Tôi muốn đưa con tôi về, Ralph ạ, tôi tìm nó và đưa nó về nhà để nó yên giấc trong lòng đất quê hương. Hồi xưa tôi đã hứa với Jims rằng Dane sẽ ở lại Drogheda và tôi sẽ mai táng nó ở Drogheda, dù có phải bò qua tất cả các nghĩa trang ở Crete đi nữa. Nó sẽ không nằm ở La Mã, trong một hầm mộ sang trọng nào đó như các linh mục của các ông, Ralph ạ, sẽ không có chuyện đó chừng nào tôi còn sống, nếu cần tôi sẽ giành giật lại nó theo luật pháp. Nó phải trở về nhà.

– Không ai bác bỏ cái quyền đó của em, Meggie ạ. – de Bricassart nói một cách mềm mỏng. – Nhà thờ Thiên Chúa chỉ cần Dane yên nghỉ trên mảnh đất đã được ban phép thánh. Chính tôi đã di chúc để tôi được mai táng ở Drogheda.

– Tôi không thể vượt qua những trở ngại quan liêu. – Meggie nói tiếp, không nghe Ralph. – Tôi không biết tiếng Hy Lạp, tôi không có quyền lực, không có ảnh hưởng. Vì thế tôi đến ông để nhờ sử dụng ảnh hưởng và quyền lực của ông. Hãy trả tôi con trai của tôi, Ralph.

– Cứ yên tâm, Meggie, chúng tôi sẽ trả nó cho em, tuy có lẽ không nhanh lắm. Chính quyền bây giờ thuộc phe tả, họ chống lại nhà thờ Thiên Chúa. Nhưng tôi có bạn bè ở Hy Lạp, sẽ làm tất cả những gì cần làm. Cho phép tôi điều động bộ máy ngay bây giờ và xin đừng lo. Dane là linh mục của nhà thờ Chúa, và chúng tôi

sẽ đưa được Dane về.

Ralph đã với tay định kéo dây chuông, nhưng cái nhìn của Meggie lạnh lùng và dữ tợn đến nỗi tay ông treo trong không trung.

– Tôi không hiểu, Ralph ạ. Tôi không muốn điều động bộ máy. Tôi muốn lấy lại con trai tôi, không phải một tuần nữa, một tháng nữa, mà ngay bây giờ! Ông nói được tiếng Hy Lạp, ông có thể lấy ngay được giấy nhập cảnh cho ông và cho tôi, ông làm được! Tôi cùng ông sẽ sang Hy Lạp, đi ngay bây giờ! Ông hãy nói giúp tôi đưa con trai tôi về.

Ánh mắt ông nói lên nhiều điều – sự triu mến và đồng cảm, sự bàng hoàng và đau xót. Tuy nhiên, đây là cái nhìn của kẻ phụng sự nhà thờ, cái nhìn tinh táo, khôn ngoan, chín chắn.

– Meggie, tôi yêu con trai em như con đẻ của tôi, nhưng tôi không thể rời khỏi La Mã lúc này. Tôi không thuộc về bản thân tôi, em phải hiểu điều đó hơn ai hết. Dù tôi đau xót cho em như thế nào đi nữa, dù bản thân tôi đau buồn như thế nào đi nữa thì tôi cũng không thể rời khỏi La Mã giữa lúc cuộc đại hội quan trọng bậc nhất đang lúc sôi động nhất. Tôi là người phụ tá của Đức Thánh Cha.

Chị giật bản người, bàng hoàng, phẫn nộ, rồi chị lắc đầu, hơi mỉm cười, như thể có một vật vô hồn nào đó chợt nảy ra ý muốn không tuân theo chị, rồi chị giật mình đưa lưỡi liếm cặp môi khô, và kiên quyết vươn thẳng người trong ghế bành.

– Vậy là ông yêu con trai tôi như con đẻ của ông ư, Ralph? Thế thì ông sẽ làm gì cho con trai của chính ông? Ông sẽ nói như thế nào với mẹ của nó, mẹ của đứa con trai ruột thịt của ông ư, không

xin lỗi, tôi rất bận, tôi không có thời giờ, như thế ư? Ông có thể nói như thế với mẹ của đứa con trai ruột thịt của ông ư?

Mắt của Dane, vậy mà vẫn không phải như mắt của Dane. Cặp mắt nhìn Meggie một cách bối rối, bất lực, trong đó chứa đựng nỗi đau vô hạn.

– Tôi không có con trai, – ông nói – nhưng con trai em đã dạy tôi nhiều điều, và trong số nhiều điều khác, thì trước hết, dù là gian khổ đến đâu, phải coi bốn phận trước tiên và duy nhất của tôi là bốn phận trước Chúa toàn năng.

– Dane cũng là con của ông nữa. – Meggie nói.

Ralph mở to mắt, hỏi lại một cách ngây ngô.

– Cái gì kia?

– Tôi nói: Dane đồng thời cũng là con ông. Khi tôi rời khỏi đảo Matlock, tôi đã mang thai. Bố của Dane không phải là Luke O'Neill, mà là ông.

– Điều đó... điều đó... không đúng sự thật!

– Tôi không muốn cho ông biết, ngay cả bây giờ tôi cũng không muốn. Lẽ nào tôi lại nói dối ông ư?

– Để đưa Dane về chứ gì? Có thể lắm. – Ralph thốt lên lí nhí.

Meggie đứng dậy, tới gần chiếc ghế bành bọc nhiều đở, cầm lấy bàn tay gầy guộc, như bằng giấy da cừu của ông, cúi xuống hôn chiếc nhẫn Hồng y, hơi thở của chị làm ánh hồng ngọc mờ đi.

– Bằng tất cả những gì thiêng liêng đối với ông, tôi thề: Dane là con ông. Liuc không phải là cha nó và không thể là cha nó. Tôi xin lấy cái chết của nó ra mà thề với ông.

Một tiếng rú đau xót dội lên, tiếng rên của một linh hồn bước

vào công địa ngục. Ralph de Bricassart lạng người ra khỏi ghế bành và rũ xuống tấm thảm đỏ thắm như gục xuống vũng máu tươi, và khóc nức nở, hai tay ôm đầu, những ngón tay túm lấy tóc, không thấy mặt ông.

– Phải, khóc đi! – Meggie nói. – Khóc đi, bây giờ thì ông biết rồi đấy! Lẽ công bằng đòi hỏi ít ra là cha hoặc mẹ đủ sức nhỏ nước mắt khóc nó. Khóc đi, Ralph! Hai mươi sáu năm trời con ông ở với tôi, ông thậm chí không hiểu điều đó, thậm chí ông không nhận ra được. Ông không thấy ông với nó giống nhau như hai giọt nước. Mẹ tôi biết ngay từ phút đầu tiên khi nó ra đời, vậy mà ông không bao giờ hiểu cả. Tay nó, chân nó, mặt nó, mắt nó, vóc dáng nó là lấy mẫu của ông. Nó giống ông như đúc, chỉ có tóc khác màu. Bây giờ thì ông hiểu chứ? Khi tôi gửi nó đến đây cho ông, tôi đã viết: “Em gửi trả ông cái mà em đã lấy cắp”, ông nhớ chứ? Nhưng cả hai ta cùng đánh cắp, Ralph ạ. Chúng ta đã đánh cắp cái mà ông đã khấn nguyện dâng cho Chúa, và cả hai ta đã phải đền tội.

Chị lại ngồi vào ghế bành, không hề biết xót thương tàn nhẫn, và nhìn con người mặc áo chùng đỏ thắm đã bị nổi đau khổ đánh gục.

– Tôi yêu ông, Ralph, nhưng ông không bao giờ là của tôi. Tất cả những gì mà tôi đã lấy được của ông thì tôi đều phải đánh cắp. Dane là mẻ lưới thành công của tôi, tôi chỉ lấy được ở ông có thể thôi. Và tôi đã thề là ông sẽ không bao giờ biết được, tôi sẽ không để cho ông có cơ hội tước đoạt nó của tôi. Nhưng sau đó nó tự ý nộp mình cho ông. Nó gọi ông là đấng linh mục chân chính. Điều đó đã khiến tôi cười nhạo thỏa thích! Không đời nào tôi sẽ trao vào tay ông thứ vũ khí như thế: cho ông biết nó là con trai ông.

Nếu như không có cái việc hiện nay. Chỉ vì thế mà tôi nói với ông. Nhưng bây giờ thì hẳn là mọi chuyện đều không đáng kể. Bây giờ nó không còn là của tôi, cũng không còn là của ông. Nó là của Chúa.

* * *

Hồng y de Bricassart thuê một chiếc máy bay riêng ở Athens. Ba người ông, Meggie và Justine đưa Dane về nhà, về Drogheda, những người đang sống lặng lẽ ngồi trong máy bay, con người bây giờ không còn cần gì trên cõi thế gian này nữa lặng lẽ nằm trong quan tài.

Ta phải làm cái lễ Missa này, phải làm cái lễ tang cho con trai ta. Con trai của ta, máu thịt của ta. Phải, Meggie ạ, ta tin em. Chỉ tỉnh trí lại một chút là ta tin ngay, không cần lời thề khứa khiếp ấy của em. Vittorio biết ngay từ phút đầu tiên khi nhìn thấy thằng bé của ta, còn trong thâm tâm hẳn là chính ta cũng biết. Khi thằng bé của chúng ta cất tiếng cười sau những bụi hoa hồng, ta nghe thấy tiếng cười của em... nhưng nó ngẩng đầu lên và nhìn ta bằng cặp mắt của ta, cặp mắt ta đã từng có trong thời thơ ấu hồn nhiên. Fee biết, Anne Mueller biết. Nhưng không phải là cánh đàn ông chúng ta. Chúng ta không đáng được người ta nói cho biết phụ nữ các người nghĩ như thế, các người giữ kín những điều bí mật của mình và trả thù chúng tôi về sự tủ nhục, vì Chúa không tạo ra các người theo hình ảnh của Chúa và giống như Chúa. Vittorio biết nhưng im lặng, vì ông ấy có quá nhiều đức tính phụ nữ. Một sự trả thù tuyệt diệu.

Đọc kinh cầu nguyện, Ralph de Bricassart, hãy mấp máy môi, làm dấu thánh, hãy cầu chúc cho linh hồn người đã khuất bằng tiếng La Tinh. Đây là con trai của người. Người yêu nó hơn mẹ nó yêu nó. Phải, yêu hơn! Bởi vì nó là sự lặp lại chính bản thân người, có điều là tốt đẹp hơn, hoàn hảo hơn.

In Nomine Patris, et Filii, et Spiritus Sancti ... [147]

Nhà thờ đông nghịt người, tất cả những ai có thể đến được đều có mặt ở đây. Cả từng gia đình: gia đình nhà King, nhà O'Rourke, nhà Davie, nhà Pughs, nhà MacQueens và Gordon, nhà Carmichael và Hopeton. Và cả gia đình Cleary, tất cả mọi người ở Drogheda. Hy vọng sụp đổ, ánh sáng đã tắt. Trước mắt họ, trong chiếc quan tài lớn bằng chì ngập trong hoa hồng, linh mục Dane O'Neill yên giấc ngàn thu. Tại sao mỗi lần ta đến Drogheda đều có hoa hồng nở? Bây giờ là tháng mười, đang giữa mùa xuân. Hoa hồng nở không có gì là lạ. Đúng mùa hoa nở.

Sanctus... Sanctus... Sanctus... [148]

Con ơi, cổng thiên đường đang mở ra đón con. Dane của ta, đứa con trai đẹp tuyệt trần của ta. Như vậy là hơn. Ta không muốn con lại như ta. Ta không biết ta nói những lời như thế trước thi hài con để làm gì. Con không cần cái đó, chưa bao giờ con cần cái đó. Cái mà ta khổ sở cố tìm kiếm cho được thì nó tự đến với con. Không phải con là kẻ xấu số, kẻ xấu số là chúng ta, những người ở lại. Hãy thương chúng ta và giúp chúng ta, có khi giờ của chúng ta cũng sẽ đến.

Ite, Missa est... Requiescant in pace... [149]

Qua đồng cỏ, qua bên những cây khuynh diệp kỳ ảo, qua cả bên những bông hồng, cả những cây hồ tiêu, ra nghĩa trang. Hãy

ngủ cho yên giấc, Dane, vì chỉ có những người ưu tú mới chết trẻ. Cớ gì mà chúng ta đau xót? Con có phúc vì đã sớm thoát khỏi cuộc đời buồn thảm này. Có lẽ đây chính là địa ngục: kỳ hạn nô lệ lâu dài trên cõi thế. Có lẽ khi còn sống chúng ta phải chịu đựng những khổ hình địa ngục đã định sẵn cho chúng ta.

Ngày đã gần tàn, người ngoài đã ra về sau đám tang, người nhà, người Drogheda như cái bóng đi vờ vẫn trong nhà, tránh né nhau; Hồng y Ralph thoát đầu nhìn Meggie và không đủ sức nhìn vào mắt chị. Justine đi với các con nhà King, Boy và Jean, để kịp đáp chuyên máy bay chiều đến Sydney rồi đi chuyến máy bay đêm về Luân Đôn, Ralph không nhớ ngày hôm ấy có lần nào ông nghe thấy cái giọng trầm phù thủy của cô hay không, có lần nào ông bắt gặp cái nhìn của cặp mắt kỳ lạ, rất nhạt màu ấy không. Từ lúc cô đón ông và Meggie ở Athens cho đến khi cô ra đi cùng với các bạn trẻ nhà King, cô cứ như cái bóng ma, không lúc nào trút bỏ mặt nạ. Tại sao cô không gọi Rainer Hartheim, không bảo anh đến? Chắc cô thừa biết anh yêu cô như thế nào, muốn ở bên cô trong giờ phút đau buồn đối với cô. Ý nghĩ ấy nhiều lần thoáng hiện trong óc Ralph cả trước khi đi La Mã cũng như sau này, nhưng trí não mệt mỏi của ông không dừng lại ở đó và ông không gọi điện cho Rainer. Những con người ở Drogheda này thật kỳ lạ. Họ không ưa chia sẻ nỗi đau xót của mình với ai hết, họ thích một mình đối diện với nỗi đau xót của mình.

Sau bữa ăn tối mà không ai đụng đến, chỉ có Fee và Meggie ở lại phòng khách cùng với Hồng y. Cả ba cùng im lặng; chiếc đồng hồ bằng đồng đen trên tấm đá cẩm thạch lát mặt lò sưởi phát ra tiếng tích tắc chát chúa, và Mary Carson trên bức chân dung ném qua cả căn phòng một cái nhìn thách thức thẳm lạng với bà của

Fiona. Fee và Meggie ngồi cạnh nhau trên chiếc đi văng màu cream, hơi chạm vai vào nhau; Hồng y Ralph không nhớ trước đây khi nào ông có dịp thấy hai mẹ con ngồi gần như thế chưa. Nhưng họ không nói một lời, không nhìn nhau, cũng không nhìn ông.

Ông cố hiểu xem ông có lỗi gì. Mọi cái đều có quá nhiều, tai họa là ở đấy. Sự kiêu hãnh, thói háo danh, đôi khi không nè hà phương tiện. Và giữa những cái đó đã nảy nở tình yêu đối với Meggie. Nhưng ông không biết điều chủ yếu nó là kết quả của tình yêu ấy. Có gì khác đâu nếu như ông biết Dane là con trai ông? Có thể nào yêu thằng bé hơn ông đã yêu nó không? Và nếu ông biết nó là con trai ông thì ông sẽ hành động khác đi ư? Đúng! – trái tim ông gào thét. Không, – lý trí chế giễu.

Ông công kích mình kịch liệt. Đồ ngu! Sao lại có thể hiểu rằng Meggie không thể trở về với Luke. Sao lại không hiểu ngay rằng ai là cha đứa bé. Nàng tự hào về Dane biết bao! Tất cả những gì mà nàng lấy được ở ta, nàng đã nói với ta như thế ở La Mã. Thôi được, Meggie, có nó là em đã lấy được cái tốt đẹp nhất. Ôi lạy Chúa, Ralph, sao người có thể không nhận ra nó là con trai của người? Người phải hiểu điều đó khi nó đã lớn và đến với người, nếu như không sớm hơn. Nàng chờ người nhìn thấy và hiểu, người mà hiểu điều đó thì nàng sẽ quỳ gối lết đến với người. Nhưng người mù. Người không muốn nhìn thấy gì hết, Ralph Raoul, Hồng y de Bricassart – cái danh hiệu ấy chính là cái mà người ao ước, ao ước hơn cả nàng, ao ước hơn cả con trai người. Ao ước hơn cả con trai người!

Trong phòng đã từ lâu vang lên những tiếng kêu yếu ớt, tiếng sột soạt, tiếng đồng hồ tíc tắc nhịp với trái tim ông. Chính ông lạc

nhịp. Meggie và Fee bỗng bèn nổi lên, đứng dậy, với vẻ mặt sợ hãi, họ trôi nổi trong làn sương mù dày đặc không thể sờ mó thấy, họ nói cái gì nhưng ông không nghe thấy. Đột nhiên ông hiểu.

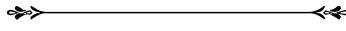
– A-a-a! – Ông thét lên.

Ông hầu như không biết đau, bằng toàn bộ bản thể của mình ông chỉ cảm nhận thấy đôi tay Meggie ôm lấy ông, ông cảm thấy ông áp đầu vào nàng.

Tuy thế ông vẫn kịp quay đầu đi một chút và nhìn nàng, mắt ông gặp mắt nàng. Ông toan thốt lên – tha thứ cho anh, – và ông thấy nàng đã tha thứ cho ông. Nàng biết rằng nàng đã lấy được cái tốt đẹp nhất. Rồi ông toan nói với nàng những lời tuyệt đẹp nào đó sẽ có thể an ủi nàng suốt đời, nhưng ông hiểu rằng điều đó không cần thiết. Nàng là như thế, nàng sẽ chịu đựng được tất cả. Tất cả! Ông nhắm mắt lại, và rút cuộc sự thanh thản đã đến gần, Meggie đã tha thứ.

VII

1965 -1969



JUSTINE

Ngồi ở Bonn bên bàn viết của mình với tách cà phê buổi sáng, Rainer đọc báo biết tin về cái chết của Hồng y de Bricassart. Cơ bản chính trị đã hoành hành mấy tuần nay rút cục đã bắt đầu ngớt, và anh định bụng thưởng thức cái thú ngồi bên cuốn sách, dự cảm trước niềm vui sắp được gặp Justine; thời gian gần đây anh không nhận được tin gì của cô, nhưng anh không lo ngại. Thế mới đúng là Justine, cô hoàn toàn chưa sẵn sàng thừa nhận rằng cô đã gắn chặt với anh.

Nhưng khi biết tin về cái chết của Hồng y, ý nghĩ về Justine lập tức bay biến khỏi đầu anh. Mười phút sau anh đã ngồi vào tay lái và đánh chiếc “Mercedes” nhãn hiệu mới nhất của mình ra đường ô tô. Ông già Vittorio bất hạnh sẽ rất cô đơn, ngay cả trong kỳ tốt đẹp nhất, ông cũng phải gánh vác trách nhiệm nặng nề. Dùng ô tô là nhanh nhất; trong thời gian anh đợi chuyển máy bay, đi từ đây ra sân bay, rồi khởi hành từ đấy thì dùng ô tô anh đã đến Vatican rồi. Vả lại ít ra cũng bận bịu việc gì, cũng có cái gì phụ thuộc vào mình, đây không phải là lý do xoàng xĩnh nhất đối với một người tính tình như Rainer Hartheim.

Qua Hồng y Vittorio anh đã biết về tất cả những gì xảy ra và bàng hoàng đến mức thoạt đầu anh không nghĩ đến việc tại sao

Justine không gọi anh.

– Ông ấy đến gặp tôi và hỏi tôi có biết Dane là con trai ông ấy không. – Giọng nói yếu ớt thốt lên và đôi tay yếu ớt vẫn vuốt ve lớp lông màu khói hương của con mèo Natasha.

– Thế Đức Ông đã nói gì với Hồng y de Bricassart?

– Tôi nói rằng tôi đã đoán ra. Tôi không thể nói gì hơn với ông ấy. Nhưng mặt ông ấy như thế nào? Mặt ông ấy như thế nào? Tôi không cầm được nước mắt.

– Tất nhiên điều đó đã giết chết Hồng y. Lần cuối cùng nhìn thấy Ngài, tôi cứ nghĩ rằng Ngài không khỏe và tôi đã khuyên Ngài đi khám bác sĩ, nhưng Ngài chỉ cười.

– Tất cả là do ý Chúa. Tôi cho rằng tôi chưa từng gặp ai có tâm hồn quần quai như Ralph de Bricassart. Chết đi là ông ấy có được sự yên ổn mà ông ấy đã không tìm thấy lúc còn sống.

– Còn chàng trai, Vittorio! Tấn bi kịch thê thảm quá!

– Ông tưởng thế ư? Theo ý tôi, điều đó tuyệt diệu thì đúng hơn. Tôi tin chắc Dane đã vui sướng đón gặp cái chết, không lấy gì làm lạ rằng Chúa đã không để chậm hơn nữa và vội đón Dane vào lòng mình. Vâng, tôi đau xót, nhưng không phải vì Dane. Tôi đau xót về bà mẹ của đức cha, nỗi đau khổ của bà ấy hẳn là vô hạn! Tôi đau xót cả về chị của Dane, về các bác các chú của Cha, về bà của Cha. Không, về Dane thì tôi không đau xót. Đức cha O'Neill suốt đời đã giữ được sự trong sạch gần như hoàn hảo về tinh thần và các ý định. Chết là gì đối với cha Dane? Chỉ là đi vào sự sống vĩnh cửu. Đối với tất cả chúng ta, sự chuyển tiếp như thế sẽ không nhẹ nhàng gì lắm.

Từ khách sạn của mình, Rainer đánh bức điện về Luân Đôn,

nhưng bức điện không được để lộ sự giận dữ, bực bội, thất vọng của anh. Trong đó chỉ nói *“Anh phải về Bonn sẽ có mặt ở Luân Đôn vào thứ bảy chấm tại sao không tin cho anh yêu em Rain”*.^[150]

Trên bàn trong phòng làm việc của anh tại Bonn có một bức thư khẩn của Justine và một gói bưu phẩm bảo đảm từ La Mã đến, mà theo lời giải thích của viên thư ký, là do những người chịu sự ủy nhiệm của Hồng y de Bricassart gửi cho anh. Rainer bóc gói đó trước tiên và được biết rằng cùng với vô số trách nhiệm khác của anh, theo di chúc của Ralph de Bricassart, anh trở thành giám đốc công ty “Michar Limited”. Thêm nữa anh là người bảo trợ Drogheda. Anh vừa bực tức vừa cảm động lạ lùng; bằng cách như thế, Hồng y nói với anh rằng cuối cùng anh đã xứng đáng với những hy vọng của ông và trong những năm chiến tranh ông cầu khẩn cho anh không phải là hoài công. Ông phó thác cho Rainer số phận sau này của Meggie O’Neill và những người ruột thịt của bà. Ít ra thì chính Rainer giải thích điều đó như thế: di chúc của Hồng y viết bằng lời lẽ khô khan nhất nói về công việc, vả lại nó cũng không thể khác được.

Anh vứt tờ giấy đó vào chỗ thư từ trao đổi bình thường, không bí mật, cần trả lời ngay, rồi anh bóc thư Justine. Mở đầu khô khan, không có xưng hô gì hết.

“Cám ơn về bức điện. Anh không hình dung được em vui sướng thế nào vì thời gian gần đây chúng ta đã tách khỏi nhau, em sẽ không thể chịu đựng được nếu anh ở cạnh em. Khi em nghĩ về anh, em chỉ có một ý nghĩ: rất may là anh không biết gì hết. Chắc anh khó mà hiểu được điều đó, nhưng em quả thật là không thể nhìn anh được. Phải nhìn vào nỗi đau xót thật khó chịu, Rain ạ, và nếu như anh là người chứng kiến nỗi đau xót của em thì em cũng không nhẹ nhõm hơn. Có lẽ anh sẽ nói: điều đó

chúng tỏ rằng em chẳng mấy yêu anh. Nếu em thực sự yêu anh, em sẽ khao khát đến với anh, phải thế không? Vậy mà tất cả đều ngược lại.

Vì thế em cho rằng chúng ta chấm dứt hẳn chuyện ấy đi là hơn. Em không có gì để hiến tặng anh, và em cũng không mong muốn gì ở anh. Em đã thấm nhuần được bài học; và bây giờ em biết con người trở nên thân thiết biết chừng nào nếu ta ở cạnh người đó hai mươi sáu năm trời. Em sẽ không thể chịu đựng nổi nếu phải trải qua tình cảm như thế một lần nữa, mà chính anh đã nói – anh nhớ chứ? – rằng hoặc là chúng ta lấy nhau, hoặc là sẽ không có gì hết.

Em đã nhận được thư của mẹ, ông già Hồng y đã chết mấy giờ sau khi em rời khỏi Drogheda. Kỳ lạ thật. Hóa ra cái chết của ông ta lại là một đòn nặng đối với mẹ. Cố nhiên mẹ không nói gì, nhưng em biết mẹ. Gì thì gì em cũng không hiểu được tại sao các người đều yêu mến ông ta đến thế: cả mẹ, cả Dane, cả anh. Em chẳng bao giờ ưa ông ta, em cho rằng ông ta quá ngọt ngào đến mức không thể chịu nổi. Em không có ý định từ bỏ ý kiến của mình chỉ vì ông ta đã chết.

Thế đấy. Có vậy thôi. Em đã nghĩ kỹ hết, Rain ạ. Em đã lựa chọn rồi, giữa chúng mình sẽ không còn gì nữa. Chúc mọi sự tốt lành.”

Vẫn như mọi khi, cô ký chữ to, nét ấn – “Justine”, thư viết bằng bút phớt mới, cô rất vui thích về món quà đó của Rainer tặng cô, một vật dụng rất vừa ý cô : mỗi nét đều hết sức đậm, rành rẽ, kiên quyết.

Rainer không gấp tờ giấy và cất vào ví, nhưng cũng không đốt, anh xử trí với nó như với mọi thư từ không cần trả lời : đọc xong anh cho luôn vào cái máy chạy điện để hủy các giấy tờ không cần thiết. Anh bất hạnh vô cùng – phải, anh nghĩ, cái chết của Dane phút chốc đã làm đứt đoạn hết, không tình cảm nào còn thức tỉnh

trong Justine. Thật là bất công. Anh đã chờ đợi lâu biết bao.

Anh vẫn cứ đáp máy bay đi Luân Đôn, ở đấy ngày thứ bảy và chủ nhật, nhưng không phải để gặp cô, tuy anh có nhìn thấy cô. Anh nhìn thấy cô trên sân khấu, là vợ yêu của anh chàng Moor của Desdemona. Formidable. Thật là kinh dị. Không, anh cũng không thể hiện cho cô cái gì mà sân khấu không đem lại cho cô, dẫu sao cũng không phải là bây giờ. Thế đấy, cô bạn thông minh của tôi ạ! Hãy bộc bạch hết trên sân khấu.

Nhưng cô không thể bộc bạch hết trên sân khấu, cô còn quá trẻ để có thể đóng Hecuba^[151]. Chỉ có trên sân khấu mới tìm được sự yên ổn và lãng quên. Và cô chỉ nhắc đi nhắc lại với mình : tất cả rồi sẽ qua đi, thời gian chữa lành mọi vết thương, nhưng cô không tin điều đó. Tại sao lại đau đớn thế và tuyệt không nguôi đi chút nào? Khi Dane còn sống, thực tình mà nói, cô không nghĩ về em nhiều lắm khi hai chị em không ở cạnh nhau, mà khi cả hai đã lớn và chọn những khuynh hướng thực ra đối lập nhau thì họ ít khi ở cùng nhau. Nhưng giờ đây Dane không còn nữa, và trong đời cô đã toác ra một vực thẳm không bao giờ có thể có cái gì lấp đầy vực thẳm toang hoác đó.

Khổ tâm nhất là mỗi lần đang lúc bất chợt hào hứng, đang lúc suy nghĩ chợt nhớ ra rằng đừng quên kể lại chuyện ấy với Dane, nó thế nào cũng sẽ cười. Mà đấy là tình trạng xảy ra thường xuyên, và sự dày vò cứ kéo dài, kéo dài bất tận. Nếu như tất cả những gì gắn bó với cái chết của Dane không khủng khiếp đến như thế thì có lẽ Justine sẽ hồi phục mau hơn, nhưng mấy ngày quái đâm ấy không sao phai mờ trong ký ức. Cô cảm thấy thiếu Dane ghê gớm, thật không thể chịu đựng nổi khi cứ phải luôn luôn nhắc nhở mình cái điều không thể nào tin được : Dane đã

chết, không thể nào trả lại Dane về với cuộc đời.

Lại nữa : cô giúp đỡ em quá ít. Ngoài cô ra, rõ ràng tất cả đều cho rằng Dane là con người hoàn hảo không hề biết những lo ngại vẫn hành hạ người khác, nhưng cô thì cô biết em cô khổ sở vì tưởng rằng mình không đáng gì, không hiểu người khác nhìn thấy gì ở nó ngoài khuôn mặt đẹp và thân hình cân đối. Tội nghiệp Dane, nó không thể hiểu rằng người ta yêu nó vì nó có tấm lòng đôn hậu và trong trắng. Thật khủng khiếp khi nghĩ rằng không còn cách gì giúp nó được nữa : muộn rồi.

Justine đau buồn cả cho mẹ nữa. Nếu cái chết của Dane suýt giết chết ta thì mẹ thế nào? Cứ nghĩ đến chuyện ấy là muốn gào lên, chạy tới cùng trời cuối đất để trốn tránh những ý nghĩ, những hồi ức. Trước mắt hiện lên hình ảnh các bác các chú trong ngày thụ phong của Dane ở La Mã : họ đứng là phồng lên vì tự hào, như những con bò câu *desire*^[152]. Tệ hại nhất là phải nhìn thấy mẹ và tất cả những người Drogheda mãi mãi khôn nguôi, tâm hồn trống rỗng.

Hãy thẳng thắn, Justine. Nói cho đúng với lương tâm, phải chăng điều ấy là điều tệ hại nhất? Phải chăng có cái khác làm mi khổ tâm hơn nhiều? Không có cách nào xua đuổi được ý nghĩ về Rainer, song chính do đó mà mi phản lại Dane. Thuận theo những ham muốn riêng, mi đã để Dane đi Hy Lạp một mình, nếu như mi đi cùng với Dane thì có thể Dane vẫn còn sống. Phải, chính thế. Dane chết vì mi là con ích kỷ, chỉ nghĩ đến Rainer thôi. Không thể giành lại em trai được nữa, muộn rồi, nhưng nếu không bao giờ nhìn thấy Rainer nữa thì bằng cách đó có thể chuộc lỗi phần nào, cũng đáng vì thế mà chịu đựng cả nỗi nhớ nhung và sự cô đơn.

Nhiều tuần nhiều tháng cứ thế trôi qua. Một năm, hai năm. Desdemona, Ophelia, Portia, Cleopatra^[153]; Ngay từ đầu Justine đã tự an ủi mình bằng hy vọng rằng cô vẫn xử sự đúng mức, không có chút gì để lộ ra rằng cô vẫn xử sự đúng mức, không có chút gì để lộ ra rằng thế giới của cô đã sụp đổ; cô chú ý hết sức cẩn thận để nói, cười, giao tiếp với mọi người hệt như trước. Duy có một điều cô đã đổi khác : cô trở nên nhân hậu hơn, nỗi đau xót của người khác bây giờ làm cô đau lòng như nỗi đau của chính mình. Nhưng nói chung, nhìn bên ngoài cô vẫn là Justine trước kia : nông nổi, hăm hở, táo tợn, độc lập, cay độc.

Hai lần cô toan tự ép mình về Drogheda thăm người nhà : thậm chí lần thứ hai cô đã lấy vé máy bay. Song lần nào cũng thế, cứ đến phút cuối cùng lại có một việc gì hết sức quan trọng và cấp thiết khiến cô không đi được; nhưng trong thâm tâm cô biết : trở ngại thực, ấy là ý thức về lỗi của mình và sự nhát gan. Không đủ sức nhìn vào mắt mẹ, nếu nhìn vào mắt mẹ thì sự thật cay đắng tất không tránh khỏi bộc lộ ra ngoài và nhiều phần chắc hơn cả là sẽ xảy ra một vụ bùng nổ mãnh liệt của nỗi đau xót, điều mà cho đến giờ cô vẫn khôn khéo tránh được. Hãy để cho mọi người ở Drogheda, đặc biệt là mẹ, từ nay trở đi vẫn tự an ủi bằng niềm tin rằng ít ra với Justine thì mọi chuyện đều yên ổn, vết thương của cô dù sao cũng không nguy hiểm. Bởi vậy tốt nhất là tránh xa Drogheda. Như thế hay hơn nhiều.

* * *

Meggie bất chợt thấy mình đang thở dài và chị nén tiếng thở

dài. Nếu như tất cả xương cốt không nhức nhối đến như thế thì chị đã thẳng yên cương ngựa, nhưng hôm nay chỉ nghĩ đến chuyện cưỡi ngựa là đã càng đau thêm. Đành để một lần khác, khi bệnh viêm khớp không hành hạ như thế này.

Chị nghe thấy tiếng ô tô đến gần, tiếng búa con gõ ở cửa lớn – cái đầu cừu bằng đồng đen, có tiếng nói lý nhí, tiếng của mẹ, tiếng bước chân. Thì có gì đáng kể, dù sao đây không phải là Justine.

– Meggie. – Fee ngó ra hàng hiên, gọi. – Chúng ta có khách. Con vào chứ?

Khách nom rất đáng trọng, không còn trẻ nữa, tuy có lẽ trẻ hơn người ta tưởng. Một người không giống ai, Meggie chưa hề gặp người nào như thế, chỉ cảm thấy anh ta có sức mạnh và niềm tin vững chắc như Ralph hồi xưa. Hồi xưa. Cái thời xa xăm không bao giờ trở lại.

– Meggie, đây là Mr. Rainer Harthem. – Fee nói, đi về chỗ chiếc ghế của mình, nhưng không ngồi.

– Ô! – Meggie buột thốt lên, thật lạ lùng khi bỗng nhiên nhìn thấy cái người trước đây đã chiếm một vị trí không nhỏ trong thư từ của Justine. Nhưng lập tức chị nhớ đến phép lịch sự : Xin mời ngồi, Mr. Harthem.

Rainer cũng ngạc nhiên nhìn Meggie.

– Nhưng bà không giống Justine chút nào. – Anh nói, vẻ bối rối.

– Vâng, mẹ con tôi hoàn toàn không giống nhau. – Và Meggie ngồi đối diện với anh.

– Hai người ở đây nhé, Meggie, Mr. Harthem nói rằng ông ấy

cần nói chuyện với riêng con. Khi nào muốn dùng trà thì gọi chuông. – Fee nói và đi ra.

– Vậy ra ông là người bạn Đức của Justine. – Meggie băn khoăn nói.

Rainer lấy hộp thuốc lá.

– Bà cho phép chứ ạ ?

– Vâng, cố nhiên.

– Bà dùng thuốc chứ ạ, thưa Mrs. O'Neill?

– Không, cảm ơn. Tôi không hút. – Meggie sửa lại những nếp váy trên đùi. – Ông đến một nơi xa cách tổ quốc nhiều quá, Mr. Hartheim. Ông có công việc đến Úc phải không?

Rainer mỉm cười: bà ta sẽ nói gì, nếu biết rằng thực ra anh là chủ của Drogheda. Nhưng anh không có ý định nói điều đó với bà ấy, cứ để cho mọi người ở đây tưởng rằng phúc lợi của họ hoàn toàn phụ thuộc vào một người hoàn toàn xa lạ mà anh sẽ giao cho vai trò làm trung gian.

– Mrs. O'Neill, xin hãy gọi tôi là Rainer. – Anh phát âm tên mình gần như là Rain, như Justine đã gọi anh và nghĩ một cách không vui : chắc người đàn bà này sẽ không mau chóng đối xử với anh xuề xòa như thế, rõ ràng bà ta không thuộc loại người cảm thấy mình thoải mái trong quan hệ với người lạ. – Không, tôi không có công việc chính thức ở Úc, nhưng có một lý do xác đáng khiến tôi đến đây. Tôi muốn gặp bà.

– Tôi ư? – Meggie ngạc nhiên. Và như để che giấu sự bối rối, chị lập tức nói chuyện khác : – Các anh em trai tôi thường nhớ đến ông. Ông rất tốt với các anh ấy khi các anh ấy đến La Mã dự lễ thụ phong của Dane. – Cái tên Dane thốt ra nghe tự nhiên, không

gắng gượng, như thể Meggie thường gọi cái tên ấy. – Tôi hy vọng ông sẽ ở chơi đây mấy ngày và gặp gỡ các anh ấy.

– Rất vui lòng, Mrs. O’Neill. – Anh ưng thuận một cách dễ dàng.

Cuộc gặp gỡ xoay chuyển có phần bất ngờ, Meggie cảm thấy rất lúng túng : một người lạ nói thẳng rằng anh ta vượt mười hai ngàn dặm chỉ để gặp chị, nhưng không vội nói rõ cần gặp để làm gì. Xét cho cùng, có lẽ anh ta cũng bình thường thôi, nhưng không hiểu sao trước anh ta Meggie hơi rụt rè. Có lẽ anh ta làm cho chị mất bình tĩnh chỉ vì chị chưa từng gặp những người như thế. Đột nhiên chị hình dung Justine dưới một ánh sáng hoàn toàn mới: con gái chị giao du một cách tự nhiên với những người như anh chàng Rainer Moerling Hartheim ! Lần đầu tiên rút cuộc Meggie nghĩ về Justine như một người bằng vai.

Tuy bà ta không còn trẻ, tóc đã hoa râm rõ rệt, nhưng vẫn còn đẹp, Rainer nghĩ khi bắt gặp cái nhìn chăm chú lịch sự của bà chủ nhà; tuy vậy vẫn có điều lạ là bà ta chẳng giống Justine chút nào, còn Dane thì lại giống Hồng y de Bricassart như đúc! Hẳn là bà ta cô đơn biết bao! Tuy nhiên anh không thương bà ta như thương Justine : rõ ràng là bà ta có khả năng lấy lại được một sự thẳng bằng tinh thần nào đó.

– Justine ra sao? – Meggie hỏi.

Anh nhún vai.

– Tiếc rằng tôi không biết. Chúng tôi gặp nhau lần cuối cùng từ trước khi Dane qua đời.

Meggie không có chút gì tỏ ra ngạc nhiên.

– Chính tôi cũng không gặp nó từ sau khi mai táng Dane. – Chị

thở dài. – Tôi vẫn hy vọng rằng nó sẽ trở về nhà, nhưng hình như nó sẽ không bao giờ trở về nữa.

Anh lí nhí nói câu gì an ủi khó nghe rõ, nhưng Meggie dường như không nghe thấy, chị vẫn nói, nhưng cách nói hơi khác, dường như không phải nói với anh, mà tự nói với mình:

– Drogheda bây giờ cứ như thể là nhà dưỡng lão cho những người quá già. Chúng tôi cần thanh niên, mà thanh niên dường như chỉ còn một mình Justine.

Tình thương như chưa hề có, Rainer đột ngột cúi xuống gần Meggie, mắt anh lóe lên:

– Bà nói về cô ấy như thể cô ấy là của Drogheda. – Anh nói một cách gay gắt – Tôi xin báo trước, Mrs. O'Neill, bà làm!

– Ông có quyền gì phán xét Justine là thế nào và vị trí của nó ở đâu? – Meggie nổi nóng. – Chính ông vừa nói rằng ông gặp nó lần cuối cùng khi Dane còn sống, từ bấy đến nay đã hai năm rồi.

– Vâng, quả là như vậy, đã hai năm rồi. – Anh nói một cách mềm mỏng, lại cảm thấy cuộc đời bà ta đã biến thành cái gì. – Bà chịu đựng nỗi đau xót của mình thực dũng cảm, Mrs. O'Neill.

– Thế ư? – Meggie gắng mỉm cười, vẫn nhìn thẳng vào mắt anh ta.

Bỗng nhiên anh thấy dễ hiểu việc Hồng y Ralph tìm thấy cái gì ở bà ta, tại sao ông yêu bà ấy đến thế. Ở Justine không có cái đó, nhưng Rainer không phải là Ralph, anh đi tìm cái khác hẳn.

– Vâng, bà dũng cảm chịu đựng tất cả những cái đó. – Anh nhắc lại.

Chị nắm được ngay ẩn ý của những lời ấy, chị nhăn mặt đau đớn. Chị hỏi bằng giọng run run.

– Làm sao ông biết được về Dane và Ralph?

– Tôi đoán ra. Đừng lo, Mrs. O'Neill, không ai biết nữa đâu. Tôi đoán ra là bởi tôi biết Hồng y đã lâu lắm rồi, từ trước khi quen biết Dane kia. Ở La Mã mọi người đều nghĩ rằng Hồng y là anh của bà, bác của Dane, nhưng Justine đã mở mắt cho tôi ngay trong ngày đầu tiên tôi gặp cô ấy.

– Justine ư? – Meggie kêu lên. – Miễn sao không phải là Justine!

Meggie giận dữ nắm tay xuống đùi. Rainer cúi xuống, đón bắt tay chị.

– Không, không, Mrs. O'Neill, Justine không hay biết tý gì, và cầu trời cho cô ấy không bao giờ nhận ra sự thật! Hãy tin tôi, đấy chỉ là vô tình buột miệng ra thôi.

– Ông tin chắc chứ?

– Xin thề!

– Thế thì ông hãy giải thích đi, vì tất cả những gì thiêng liêng, tại sao nó không về nhà? Tại sao nó tránh tôi? Chẳng lẽ nhìn thấy tôi nó khó chịu đến thế ư?

Không chỉ riêng lời nói, mà cả nỗi buồn chết người trong giọng nói của Meggie để lộ cho Rainer thấy việc con gái suốt hai năm ấy không về thăm bà là một cực hình như thế nào đối với bà. Cái nhiệm vụ đã khiến anh về đây không còn quan trọng lắm nữa, đã xuất hiện một nhiệm vụ khác: dẹp đi nỗi lo sợ của bà mẹ.

– Đấy là lỗi tại tôi. – Anh nói một cách quả quyết.

– Tại ông? – Meggie bắn khoăn hỏi lại.

– Justine định đi Hy Lạp với Dane và tin chắc rằng nếu cô ấy

đi thì Dane vẫn còn sống.

– Vớ vẩn! – Meggie nói.

– Chính thế. Tôi với bà hoàn toàn biết rõ rằng đây là điều vớ vẩn, nhưng với cô ấy thì không thế. Và chỉ có bà mới có thể giải thích cho cô ấy điều đó.

– Tôi ư? Ông không hiểu, Mr. Hartheim ạ. Justine suốt đời không bao giờ lắng nghe lời tôi. Trước kia tôi còn có thể ít nhiều ảnh hưởng đến nó, nhưng bây giờ thì không nên nghĩ đến chuyện ấy. Nó thậm chí không buồn nhìn đến tôi.

Giọng nói nghe đầy tuyệt vọng, nhưng không tủi nhục. – Tôi sa vào vẩn cái bẫy mà mẹ tôi đã sa vào. – Meggie nói tiếp một cách giản dị, gần như khô khan. – Drogheda, đấy là cả cuộc đời tôi... Ngôi nhà này, những cuốn sách... Ở đây tôi là người cần thiết, ở đây sự tồn tại của tôi còn có ý nghĩa nào đó. Ở đây có những người mà tôi là chỗ dựa của họ. Với các con tôi, tôi không bao giờ là chỗ dựa của chúng. Không bao giờ.

– Bà làm, Mrs. O'Neill, nếu đó là sự thật thì Justine có thể hết sức yên lòng trở về nhà không một chút cắn rứt lương tâm. Bà đánh giá thấp tình yêu của cô ấy đối với bà. Tôi đã nói rằng do lỗi của tôi mà hiện giờ cô ấy khổ sở vì lương tâm cắn rứt, chính tại tôi mà cô ấy ở lại Luân Đôn, cô ấy muốn ở bên tôi. Nhưng cô ấy bị dày vò là vì bà, chứ không phải vì tôi.

Từ Meggie toát ra làn hơi lạnh.

– Nó không có quyền tự dấn vật vì tôi! Nó cứ việc đau khổ vì bản thân nó, nếu không thể khác thế được, nhưng không phải vì tôi! Miễn là không phải vì tôi!

– Vậy bà tin điều tôi nói là cô ấy không hay biết tý gì về Dane

và Hồng y chứ?

Sự tức giận của Meggie lụi đi, dường như anh ta nhắc cho chị nhớ rằng còn nhiều thứ để đặt trên ván bài mà chị quên đi.

– Đúng, – Chị đáp. – Tôi tin ông.

– Tôi đến gặp bà vì Justine cần sự giúp đỡ của bà, nhưng không thể cầu xin bà điều ấy. – Rainer nói. – Bà phải thuyết phục cô ấy rằng cần phải trở lại sống cuộc sống đầy đủ thực sự... và không phải ở Drogheda, Justine có cuộc sống của mình, cuộc sống riêng biệt không dính líu gì đến Drogheda.

Rainer ngả người ra sau trên ghế bành, bắt chéo chân, lại châm thuốc hút.

– Justine hiện giờ mang một thứ áo hãm mình nào đó, tự hành hạ bản thân và ân hận về những tội lỗi không có thật. Chỉ riêng bà có thể giải thích cho cô ấy hiểu điều đó. Nhưng tôi báo trước, nếu bà quyết mở mắt cho cô ấy thì cô ấy sẽ không trở về nhà nữa, còn nếu bà tiếp tục theo tinh thần ấy thì có lẽ cô ấy sẽ về hẳn.

Rainer im lặng một lát.

– Với người phụ nữ có tính cách như cô ấy, sân khấu chưa phải là tất cả, và không còn xa nữa cái ngày mà cô ấy sẽ hiểu điều đó. Cô ấy sẽ cần có những người thân thiết và sẽ phải lựa chọn : hoặc là những người ruột thịt và Drogheda, hoặc là tôi. – Anh mỉm cười, nhìn Meggie bằng con mắt hiểu biết hết. – Nhưng chỉ riêng những người thân thiết thôi thì đối với cô ấy cũng chưa đủ. Nếu cô ấy chọn tôi thì cô ấy có thể giữ được cả sân khấu, chính cái ưu thế đó là điều mà Drogheda không thể đem lại cho cô ấy. – Bây giờ anh nhìn Meggie một cách nghiêm khắc như nhìn đối thủ. – Tôi đến để yêu cầu bà cố làm sao cho cô ấy chọn tôi. Có thể

bà sẽ cho điều tôi nói là tàn bạo, nhưng cô ấy cần cho tôi hơn cho bà nhiều.

Nhưng tính cứng rắn thường có đã trở lại với Meggie.

– Drogheda là một sự lựa chọn không đến nỗi tồi tệ lắm. – Meggie bác lại. – Ông nói như thế đối với Justine mọi sự sẽ kết thúc ở đó, nhưng ông làm to. Nó có thể giữ được cả sân khấu nữa. Ở đây chúng tôi có một đội diễn nghiệp dư rất giỏi. Cho dù Justine có lấy Boy King đi nữa – tôi với ông của cậu ấy nhiều năm nay vẫn hy vọng như thế, – thì trong lúc nó đi đây đi đó, con cái nó sẽ được chăm sóc không kém gì trường hợp nó là vợ ông. Đây là nhà của mẹ nó! Cuộc sống của chúng ở đây quen thuộc và dễ hiểu đối với nó. Nếu nó chọn Drogheda thì không phải là mù quáng, mà biết rất rõ cái gì đang chờ nó. Liệu ông cũng có thể nói như thế về cuộc sống đang chờ đợi nó với ông không?

– Không, – Rainer thản nhiên trả lời. – Nhưng Justine sống giữa những sự bất ngờ như cá trong nước. Ở Drogheda cô ấy sẽ chết ngạt vì buồn tẻ.

– Ông muốn nói rằng ở đây nó sẽ bất hạnh.

– Không, không hẳn. Tôi không hề nghĩ gì rằng nếu cô ấy trở về và lấy anh chàng Boy King ấy... tiện thể xin hỏi, anh ta là ai?

– Người thừa kế một điền trang bên cạnh, Bugela, bạn thời thơ ấu của Justine, nhưng anh ta mong muốn không chỉ là bạn. Ông của anh ta mong muốn có cuộc hôn nhân đó, có thể nói vì lý do triều đại, còn tôi thì bởi vì tôi cho rằng đấy chính là cái mà Justine cần.

– Tôi hiểu. Thôi được, nếu cô ấy trở về đây và lấy Boy King thì cô ấy sẽ học được cách làm cho mình trở thành người hạnh phúc,

vả lại hạnh phúc cũng có tính chất tương đối thôi. Chưa chắc cuộc sống ấy đã đem lại cho cô ấy niềm vui thú mà cô ấy sẽ tìm thấy cùng với tôi. Bởi vì Justine không yêu Boy King, Mrs. O'Neill ạ, cô ấy yêu tôi kia.

– Thế thì nó chọn một cách kỳ lạ để chứng tỏ tình yêu của mình. – Meggie nhận xét và bấm chuông gọi trà. – Thêm nữa, Mr. Hartheim ạ, ông đánh giá quá cao ảnh hưởng của tôi đối với con gái. Justine không bao giờ đếm xỉa gì đến lời nói của tôi, nhất là những mong muốn của tôi.

– Bà là một người thông minh. – Rainer nói. – Chính bà biết rằng bà có thể gây ảnh hưởng đến cô ấy, nếu bà muốn. Tôi chỉ xin bà một điều : bà hãy suy nghĩ về điều tôi đã nói. Đừng vội vã, thời gian không gấp, tôi cũng là một người kiên nhẫn và biết chờ đợi.

– Thế thì ông quả là một vật bảo tàng hiếm có. – Meggie mỉm cười.

Sau đó cả Rainer, cả Meggie đều không dả động đến chuyện ấy nữa. Hartheim ở Drogheda một tuần và luôn luôn cư xử như khách, tuy Meggie cảm thấy anh ta cố làm cho chị hiểu anh ta là người thế nào. Các anh em trai của Meggie rất thích anh ta, điều đó là hiển nhiên: đang ở các bãi chẵn, vừa nghe tin Rainer đến, tất cả bọn họ đã kéo về Áp chính và ở nhà cho đến khi Rainer trở về Đức.

Cả Fiona cũng rất ưa anh ta; mắt bà đã kém lắm, vì thế bà không làm công việc sổ sách của Drogheda nữa, nhưng trí tuệ của bà vẫn minh mẫn như trước, không có chút gì là già lão cả. Mùa đông vừa qua, tuổi đã rất cao, Mrs. Smith chết lúc đang ngủ. Vì không muốn áp đặt một người quản gia mới cho Minnie và Cat

– cũng hoàn toàn không còn trẻ trung gì nữa, nhưng vẫn tràn trề sinh lực, – Fee trao cho con gái tất cả sổ sách và giấy tờ quyết toán, còn bản thân bà thì đảm nhiệm khá thành công những trách nhiệm của Mrs. Smith. Không phải ai khác, chính Fee là người đầu tiên hiểu rằng Rainer là người chứng kiến quang đời của Dane mà không một ai ở Drogheda hay biết, và bà yêu cầu anh kể về những năm cuối cùng ấy. Rainer vui lòng chấp thuận và thấy rất nhanh rằng những người ở Drogheda hoàn toàn không tránh nói về Dane, trái lại họ vui sướng nghe mỗi câu chuyện mới về Dane, từng chi tiết một.

Còn Meggie vẫn giữ cái mặt nạ lịch thiệp, chị không thể quên được điều Rainer nói với chị, sự lựa chọn mà anh ta đề nghị vẫn theo đuổi chị. Từ lâu chị đã mất mọi hy vọng rằng Justine sẽ trở về, vậy mà bỗng nhiên anh ta đoán chắc về một khả năng như vậy và thậm chí thừa nhận rằng Justine có thể sống hạnh phúc ở đây. Còn một điều này nữa khiến Meggie biết ơn anh ta vô cùng: anh ta giải thoát cho chị khỏi nỗi lo sợ ám ảnh suốt đời rằng bằng cách nào đó Justine đã biết Ralph là thế nào với Dane.

Nhưng còn cuộc hôn nhân với Rainer... không hiểu cái gì thúc đẩy Justine đi đến cái việc mà sau khi xem xét về mọi mặt, Meggie không mong muốn chút nào. Hay là bản thân Meggie không muốn hiểu việc đó cần làm như thế nào? Bây giờ chị tuyệt nhiên không chống lại Rainer, nhưng tất nhiên đối với chị, hạnh phúc của anh ta không quý bằng phúc lợi của con gái chị, của mọi người ở Drogheda và chính Drogheda. Cái chính là anh chàng Rainer này có cần lắm cho hạnh phúc sau này của Justine không? Mặc dù anh ta tuyên bố rằng Justine yêu anh ta, không hiểu sao Meggie không hề nhớ có một lời nào của con gái khiến

chị có thể hiểu rằng Rainer có ý nghĩa nhiều như thế đối với nó, như Ralph đối với Meggie hồi xưa.

– Hẳn là sớm muộn gì ông với Justine cũng sẽ gặp nhau. – Meggie nói với Rainer khi đánh xe đưa anh ra sân bay. – Tôi nghĩ ông không nên nói với Justine về chuyến đi này của ông đến Drogheda thì hơn.

– Xin theo ý bà. Tôi chỉ xin bà suy nghĩ về việc tôi nói với bà hôm nào, và xin đừng vội vã.

Nhưng, khi lặp lại yêu cầu của mình, bất giác Rainer cảm thấy rằng Meggie khai thác được ở chuyến viếng thăm của anh nhiều hơn là chính bản thân anh.

* * *

Khoảng giữa tháng tư, hơn hai mươi năm rưỡi sau khi Dane chết, Justine bỗng thiết tha muốn nhìn thấy một cái gì nữa, ngoài những đường phố bất tận và những đám người cau có đông vô kể. Vào một ngày sáng sủa, khi mặt trời chưa sưởi ấm, nhưng trong không khí đã phảng phất hơi thở âu yếm của mùa xuân, khu trung tâm bằng đá của Luân Đôn bỗng trở nên không thể chịu nổi. Justine xuống đường xe điện ngầm đi về Kew-Garden, rất hài lòng vì hôm nay là thứ ba và vườn hoa gần như không người. Tối hôm nay cô không biểu diễn, nên có mệt cũng không sợ và có thể đi lang thang trên các con đường mòn vắng vẻ chùng nào chân còn đứng vững.

Tất nhiên công việc rất quen thuộc đối với cô. Với bất cứ người nào từ Drogheda đến, Luân Đôn cũng làm cho họ vui thích vì

những bồn hoa và luống hoa của mình, nhưng Kew Garden là một công viên hoàn toàn đặc biệt. Trước kia, từ tháng tư đến tháng mười, cô vẫn đến đây thường xuyên, bởi vì bất kể tháng nào ở đây cũng có thể ngắm những loại hoa nào đó.

Giữa tháng tư là thời kỳ cô ưa thích : cứ này có hoa thủy tiên vàng và đỗ quyên vàng, và tất cả cây cối đều nở hoa. Ở đây có một góc mà trên thế gian này có lẽ không mấy khi tìm được chỗ nào đáng yêu hơn và thuận tiện hơn: ở đây Justine ngồi thẳng luôn xuống đất chưa khô để mà đơn độc ngắm nhìn thỏa thích tất cả vẻ đẹp ấy. Trải suốt tầm mắt là một tấm thảm dày đặc hoa thủy tiên vàng óng ánh : ở giữa đám hoa chuông vàng đang gập đầu chào nổi lên một cây hạnh nhân, những cành cây trĩu nặng hoa uốn lượn mềm mại nghiêng xuống mặt đất nom như những thác hoa trắng xóa, kiêu diễm và bất động như trên bức tranh Nhật Bản. Yên ổn. Sự yên ổn sao mà khó tìm đến thế.

Cô ngửa đầu lên, cô ghi lại trong ký ức vẻ đẹp hoàn mỹ của cây hạnh nhân nở hoa giữa cái biển óng ánh vàng nổi sóng, bỗng nhiên cảnh đẹp bị phá hoại bởi một cái không lấy gì làm đẹp cho lắm. Không phải ai khác, mà chính là Rainer Moerling Hartheim đang thận trọng bước đi giữa đám hoa thủy tiên, chiếc măng tô Đức bằng da bất ly thân che cho tấm thân vạm vỡ khỏi bị gió lạnh, ánh mặt trời phản chiếu trong mái tóc điểm bạc.

– Em bị lạnh thận mất. – Anh nói, cởi măng tô trải xuống đất, lớp lót lên phía trên, để hai người ngồi được.

– Anh làm thế nào tìm được em? – Justine vừa hỏi vừa chuyển lên chỗ mép áo lót lụa nâu.

– Mrs. Kelly nói với anh rằng em đến đây. Phần còn lại không

có gì phức tạp. Cứ đi miết, thế là tìm ra.

– Chắc anh tưởng em sướng mê lên và sẽ nhảy bổ tới ôm cổ anh chứ gì?

– Vậy thế thì nào? Em có vui mừng không?

– Anh thật trung thành với mình, bao giờ cũng trả lời câu hỏi bằng câu hỏi lại. Không, em không vui mừng khi gặp anh, Rain ạ. Em nghĩ rằng em sẽ có thể dứt khỏi anh.

– Dứt khỏi một người tốt không đơn giản lắm đâu. Em sống thế nào?

– Bình thường.

– Đã bình tâm lại sau tất cả những việc đã xảy ra chưa?

– Chưa.

– Thôi được, điều đó rồi sẽ đến. Nhưng anh bắt đầu hiểu rằng một khi em đã cự tuyệt làm lành. Còn anh, herzchen ạ, anh đủ khôn ngoan để hiểu rằng tính kiêu hãnh không phải là người bạn đường tốt nhất của cuộc sống cô đơn.

– Chớ tưởng rằng anh đã tống cổ được thói kiêu hãnh đó đi và chiếm chỗ của nó, Rainer ạ, em báo trước, em không cần anh làm người bạn đời.

– Anh cũng không cần em với tư cách là người bạn đời của anh nữa.

Câu trả lời tức khắc, không ngập ngừng ấy khiến Justine bực tức, nhưng cô làm ra bộ nhẹ nhõm.

– Thực chứ?

– Nếu không thế thì theo em, anh làm thế nào chịu đựng nỗi sự xa cách với em lâu như thế? Hiểu theo nghĩa đó, đối với anh,

em là sự tiêu khiển tạm thời, nhưng vẫn như trước, anh quý trọng tình bạn của em, anh rất cần một người bạn thân như em.

– Ôi, Rain, em cũng thế!

– Thế thì tốt. Vậy là em chấp nhận anh như một người bạn chứ gì?

– Cố nhiên?

Anh ngả người trên áo măng tô, bắt hai tay ra sau đầu, uể oải mỉm cười với Justine.

– Em bao nhiêu tuổi, ba mươi à? Trong bộ y phục lơ lửng này em giống một cô bé nhiều hơn. Có lẽ về việc nào khác thì em không cần anh, Justine ạ, nhưng với tư cách là người thẩm định và cố vấn về cách ăn mặc khéo léo thì anh đúng là cần cho em.

Justine bật cười.

– Thú thật là vào cái thời mà bất cứ lúc nào anh cũng có thể đến với em như tự trên trời rơi xuống, em khác hình dạng bên ngoài của em nhiều hơn. Anh cũng không còn trẻ trung gì nữa, chắc là anh bốn mươi rồi, không ít hơn. Bây giờ sự khác nhau xem ra không lấy gì làm lớn lắm, phải không? Nhưng anh gầy đi. Anh có khỏe không Rainer?

– Anh không béo, mà chỉ mập, vì thế do luôn luôn ngồi bên bàn viết, anh không phát triển chiều ngang, mà trái lại còn quắt đi.

Justine cũng nằm lên áo măng tô, lập sấp mình xuống, mỉm cười nhìn sát tận mặt anh.

– Lại được gặp anh thật tuyệt biết bao, Rain! Chỉ có anh là biết cách không nuông chiều em.

– Tội nghiệp em, tội nghiệp. Mà này, bây giờ em giàu rồi phải không ?

– Tiền ấy ư! – Justine gật đầu. – Lạ thật, Hồng y de Bricassart để lại tiền của ông ta cho em. Nghĩa là ông ta di chúc để lại cho em và Dane bằng nhau, nhưng theo luật, em là người thừa kế duy nhất của Dane. – Tự dưng một cơn co giật làm mặt cô méo đi. Cô vội quay đi nơi khác và làm ra vẻ như đang chăm chú nhìn một bông thủy tiên duy nhất nào đó trong cái biển óng ánh vàng, cho đến khi cô cảm thấy mình lại có thể làm chủ được giọng nói của mình : – Này, anh Rain ạ, em sẵn lòng trả giá đắt để hiểu được cái gì gắn bó ông Hồng y này với gia đình em. Ông ta là thế nào đối với gia đình em, một người bạn, chỉ thế thôi ư? Ở đây có cái gì bí hiểm hơn là tình bạn đơn thuần. Cái gì thì em không biết. Em rất muốn biết.

– Chẳng để làm gì. – Rainer đứng dậy, chìa tay cho cô. – Ta đi đi, herzchen, anh sẽ mời em ăn bữa tối ở bất cứ nơi nào em cho rằng có đủ con mắt tò mò để nhận thấy rằng một nữ diễn viên tóc hung người Úc và một bộ trưởng Đức ký kết hoà ước với nhau. Danh tiếng của anh là một kẻ vô công rồi nghề và một gã Đông Joăng đã bị sút giảm tợn kể từ khi em cho anh nghỉ khoẻ.

– Nhớ lấy nhé, anh bạn. Người ta không gọi em là cô diễn viên tóc hung người Úc nữa, bây giờ khi em đã sáng tạo ra hình tượng không thể quên được của Cleopatra, em là một diễn viên người Anh lộng lẫy, tuyệt trần, có tóc như trên tranh của Titian, hay có lẽ ngài không biết, “critics – các nhà phê bình” đặt tên cho em là Cleopatra nhiều chất ngoại quốc nhất trong mấy chục năm gần đây?

Và cô ưỡn vai ra, cong gập hai tay lại thành góc cạnh, phơi hai bàn tay ra, hết như hình ảnh trên các bức bích họa Ai Cập.

Mắt Rainer lóe lên vui vẻ.

– Chết ngoại quốc ư? – Anh hỏi lại với vẻ ngờ vực.

– Đúng, chết ngoại quốc! – Justine xác nhận một cách kiên quyết.

* * *

Hồng y Vittorio không còn sống, và bây giờ Rainer không đến La Mã thường xuyên lắm nữa. Thay vào đó, anh đi Luân Đôn. Thoạt đầu Justine hào hứng không đoán ra điều gì ngoài tình bạn mà anh đề nghị, nhưng nhiều tháng qua đi, Rainer không có lấy một lời nói hay một cái nhìn gợi nhớ đến quan hệ trước kia, và cô hơi bực, càng về sau cô càng bồn chồn không yên. Cô luôn luôn lại tự nhủ rằng cô không có ý định làm lại tất cả từ đầu – không, chuyện đó chấm dứt rồi, cô không hề mong muốn điều gì như thế. Và cô không để lọt vào ý thức của mình hình ảnh của anh chàng Rainer ấy, một Rainer khác, anh chàng mà cô đã cố gắng thành công để quên đi và anh ta chỉ xuất hiện trở lại trong những giấc mơ phản bội của cô.

Những tháng đầu sau khi Dane chết thật là khủng khiếp, cô khao khát đâm bổ đến với Rainer, bằng cơ thể và tâm hồn cảm thấy anh ở bên cạnh, vì chỉ cần cho phép là anh sẽ ở bên cô, chống lại sự cuốn hút ấy mới khó làm sao. Nhưng cô không thể cho phép, không thể mời gọi: trước mắt cô, che lấp khuôn mặt của Rainer, là khuôn mặt của Dane : Không, như vậy là đúng : từ

bỏ anh, đấu tranh với bản thân, dập tắt trong bản thân mình mỗi tia lửa say mê đối với Rainer. Thời gian trôi qua, và dường như anh đã vĩnh viễn đi khỏi cuộc đời cô và cơ thể cô chìm ngập trong một trạng thái tê dại nào đó, trong một giấc ngủ, còn trí tuệ ngoan ngoãn quên đi tất cả.

Nhưng bây giờ, khi Rainer đã trở về thì càng ngày càng khó khăn hơn. Justine rất háo hức muốn hỏi : anh có nhớ tất cả những gì đã có giữa hai người không... anh đã quên được sao?! Về phần cô thì cố nhiên cô đã dứt bỏ tất cả những tình cảm ấy, nhưng thật dễ chịu nếu biết anh vẫn chưa dứt tình; điều dễ hiểu là với điều kiện “những tình cảm ấy” đối với anh có nghĩa là Justine và chỉ Justine thôi.

Song tất cả những cái đó chỉ là hão huyền. Tuyệt không có gì cho thấy tâm hồn hay thể xác Rainer khô héo vì mối tình tuyệt vọng, và anh không hề tỏ ra mảy may mong muốn làm sống lại dĩ vãng. Anh mong muốn tình bạn của cô, anh vui sướng vì hai người lại là bạn. Thật là tuyệt diệu! Chính cô cũng mong muốn điều đó. Có điều... chẳng lẽ anh đã quên thật rồi ư!

Tối hôm ấy, khi những ý nghĩ của Justine xoay chuyển như thế, cô đóng “Lady Macbeth” đặc biệt dữ dội, hoàn toàn không giống cách diễn giải thường có về vai ấy. Rồi gần suốt đêm không ngủ, sáng ra thì nhận được thư của mẹ, và lòng dạ cô rối bời.

Bây giờ Meggie không hay viết thư, sự xa cách lâu có ảnh hưởng đến cả hai mẹ con, mà nếu có thư thì thư không có sức sống, gượng gạo. Nhưng lá thư này hoàn toàn khác, trong đó nghe rõ tiếng nói của tuổi già đang đến, qua những câu không có ý nghĩa gì chỉ gồm hai ba từ, sự mệt mỏi ngấm sâu lộ ra như ngọn đảo băng nhô lên mặt nước, Justine rất không ưa điều đó. Tuổi

già. Mẹ và tuổi già ư?

Ở đây đang xảy ra chuyện gì, ở Drogheda ấy? Có lẽ mẹ cố che giấu điều bất hạnh gì đó chăng? Bà ốm chăng? Hay bác nào hoặc chú nào đó? Đã ba năm nay cô không gặp một ai trong những người thân thích, với cô, Justine O'Neill, trong thời gian đó không xảy ra chuyện gì, còn ở đây, thiếu gì chuyện có thể xảy ra với họ trong ba năm. Cuộc sống của cô chán ngán, buồn tẻ, nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa là với những người khác, mọi việc cũng ngừng động tại chỗ và không thay đổi gì.

Tối hôm nay Justine rảnh rỗi, và trong mùa diễn này sẽ chỉ phải đóng "Macbeth" có một lần nữa thôi. Ngày dài bất tận, buổi tối sẽ đi ăn với Rainer, nhưng hôm nay điều đó không làm cho cô vui sướng. Tình bạn của chúng ta đã phai nhạt, tất cả đều vô nghĩa và không đi đến đâu, Justine nghĩ trong lúc mặc vào người bộ áo liền váy vẫn cái màu da cam mà Rainer không thể chịu nổi... Một anh già bản tính có những sở thích cổ lỗ! Thiếu gì cái anh ta không ưa, mặc cho anh chịu đựng cô như hiện trạng của cô. Justine kéo bông lên những nếp viền ở phần chên của bộ áo bó lấy tám thân gầy guộc như thân hình một chú bé của cô, đưa mắt nhìn hình của mình trong gương và nhếch mép cười giận dữ. Hừm, bão táp trong cốc nước! Cô xử sự như một phu nhân hết sức trống rỗng, chính cô khinh miệt nhất loại người ấy. Hẳn là mọi việc đều rất đơn giản. Cô kiệt sức rồi, cần phải lấy lại sức, thay đổi hoàn cảnh, ơn Chúa, vai Lady Macbeth của ta chẳng bao lâu nữa sẽ chấm dứt. Nhưng dù sao có chuyện gì xảy ra với mẹ nhỉ?!

Phần lớn thời gian Rainer ở Luân Đôn, chỉ lạ một điều anh đi lại như con thoi giữa Bonn và Luân Đôn mới nhẹ nhõm làm sao. Cố nhiên anh có máy bay riêng thì sự việc đơn giản hơn, nhưng

dù sao hẳn là cũng mệt.

– Vì lẽ gì anh hay đến gặp em như vậy? – Tự dưng cô hỏi. – Những tay làm báo hay đưa chuyện trên toàn châu Âu khâm phục anh về điều đó, còn em thì thú thật là em bắt đầu ngờ rằng đấy chỉ là cái cớ để anh có mặt ở Luân Đôn thường xuyên hơn.

– Đúng thế, đôi khi anh dùng em như một tấm bình phong. – Rainer đồng ý, thái độ hết sức bình tĩnh. – Nói thực là nhờ em mà từ lâu anh đã bị được một số kẻ. Nhưng gặp em không phải là việc nặng nề gì cho cam, anh thích là đằng khác. – Cặp mắt thâm màu của anh tò mò nhìn vào mặt Justine. – Hôm nay em lặng lẽ làm sao ấy, herzchen ạ. Em có điều gì lo ngại chẳng?

– Không, không lo lắm đâu. – Justine chọc thìa vào món đồ ngọt và đẩy ra, không đụng đến. – Thế thôi, chuyện vặt vãnh, vớ vẩn ấy mà. Em với mẹ lâu nay không còn viết thư cho nhau mỗi tuần một lần nữa... đã lâu lắm không gặp nhau đến nỗi không còn gì để viết cho nhau... nhưng hôm nay em nhận được lá thư khá kỳ lạ của mẹ. Không ngờ mẹ lại viết như thế.

Tim anh rơi rụng; đúng rồi, Meggie đã suy nghĩ rất lâu, nhưng linh cảm nhắc anh rằng bà bắt đầu hành động, và nước đi đầu tiên không có lợi cho anh. Bà quyết giành lại con gái, kéo con trở về để Drogheda khỏi thiếu người thừa kế.

Anh vươn mình qua bàn, cầm lấy tay Justine; đến độ chín muồi cô trở nên đẹp hơn, anh nghĩ, mặc dù bộ áo váy cô mặc thật là kinh khủng. Trên mặt cô thoáng có những nếp nhăn và chúng đem lại cho gương mặt chú thiếu niên tinh nghịch ấy một vẻ đường hoàng trước kia không có, bộc lộ một tính cách đặc sắc và mạnh mẽ, tính cách thì trước kia vốn dĩ cô cũng đã có. Nhưng

đấy có phải là sự chín muồi thực sự, có bề sâu hay chỉ là cái bề ngoài? Điều phiền phức nhất ở Justine là cái đó, bản thân cô thậm chí không muốn nhìn sâu vào bản thân mình.

– Mẹ em rất cô đơn, herzchen ạ. – Anh nói, chặt đứt đường rút của mình. Vậy ra đấy là ý muốn của Meggie, vậy anh còn có thể tiếp tục cho rằng bà không có lý, còn anh mới có lý được không? Bà là mẹ, chắc bà biết rõ con gái mình hơn.

– Vâng, có lẽ thế. – Justine cau mày. – Nhưng em có cảm giác ở đây còn ẩn giấu điều gì. Thì hẳn là nhiều năm mẹ sống rất cô đơn, tại sao bỗng nhiên lại xuất hiện điều gì mới mẻ? Em tuyệt nhiên không hiểu sự thể ra sao, Rain ạ, có lẽ vì thế mà em đặc biệt lo ngại.

– Anh nghĩ, em quên rằng mẹ em đang về già. Hẳn là đối với bà, có nhiều điều trước kia bà khắc phục được không khó khăn gì lắm thì bây giờ lại trở thành nỗi khổ tâm – Cái nhìn của Rainer trở nên xa vắng, dường như anh đang suy nghĩ một cách tập trung căng thẳng hoàn toàn không phải về điều anh nói. – Justine, ba năm trước bà đã mất đi người con trai duy nhất. Em nghĩ rằng thời gian chữa lành vết thương ư? Theo anh thì càng về sau càng đau. Bà đã mất con trai, còn bây giờ chắc bà nghĩ rằng bà mất nốt cả em. Em thậm chí không có lấy một lần về thăm mẹ kia mà.

Justine nheo mắt.

– Em sẽ về, Rain, em sẽ về! Thề là em sẽ về, mà sẽ về ngay thôi! Cố nhiên anh có lý, bao giờ anh cũng có lý. Chưa bao giờ em nghĩ rằng em sẽ nhớ Drogheda, vậy mà thời gian gần đây, không hiểu sao em bắt đầu nghĩ về nó với tình cảm triu mến. Dường như

quả thật em gắn bó máu thịt với nó.

Rainer bỗng nhìn đồng hồ, mỉm cười cau có.

– Xin lỗi, herzchen, nhưng hôm nay anh cũng dùng em như cái bình phong. Anh rất phiền lòng là không thể đưa em về tận nhà, nhưng chưa đầy nửa giờ nữa anh phải gặp một nhà hoạt động hết sức quan trọng ở một chỗ cực kỳ bí mật, và anh phải đến đây bằng xe riêng, người lái là Fritz tuyệt đối không đáng tin cậy, đã được kiểm tra tới ba lần.

– Rainer bí mật siêu đẳng! – Justine vui vẻ trêu chọc, cố không để lộ ra rằng cô buồn phiền. – Bây giờ dễ hiểu là tại sao bỗng nhiên em phải đi taxi! Em thì anh có thể hoàn toàn yên tâm giao phó cho người lái taxi, chứ số phận của thị trường chung Châu Âu thì không đời nào, phải thế không? Thôi được, em chẳng cần taxi, cũng chẳng cần anh chàng Fritz đã ba lần được kiểm tra của anh, em sẽ đi xe điện ngầm, thế thôi. – Cô nhấc bàn tay hờ hững của Rainer lên, áp má vào và đột nhiên hôn tay anh. – Ôi, Rainer, em không biết là thiếu anh thì em sẽ làm gì.

Rainer cho một tay vào túi, đứng lên, quay lại và dùng tay kia kéo dịch ghế của Justine ra, để cho cô đứng dậy.

– Anh là bạn của em, – Anh nói. – Bạn là những người mà ta không thể thiếu họ được.

Nhưng ngay sau khi họ chia tay nhau, dọc đường Justine lại bắt đầu có những ý nghĩ không vui, và nỗi lo ngại ấy mau chóng chuyển thành sự buồn nản hoàn toàn. Hôm nay lần đầu tiên anh nói về một cái gì ít nhiều có tính chất riêng tư, và câu chuyện chung quy lại là theo ý anh, mẹ cô hết sức cô đơn, đang về già, và Justine cần về nhà. Về thăm mẹ, anh nói, nhưng thực ra hình

như anh cho rằng cô cần về hẳn nhà. Vậy là, mặc dù trong dĩ vãng tình cảm của anh đối với cô như thế nào đi nữa thì những tình cảm ấy đúng là thuộc về dĩ vãng, anh không hề muốn làm sống lại những tình cảm ấy.

Trước kia cô không hề nghĩ rằng đối với anh cô có thể trở thành một thứ đáng chán, một trở ngại, một phần nhỏ của dĩ vãng mà anh muốn chôn vùi biệt tích một cách nhã nhặn ở một chỗ nào của Drogheda hay một nơi nào tương tự, ngộ nhỡ đúng thế thì sao?... Nhưng nếu vậy thì chín tháng trước anh lại bước vào đời cô để làm gì? Anh thương cô chẳng? Hay anh cho rằng anh có trách nhiệm gì với cô? Hay anh cho rằng để tưởng nhớ Dane, cần làm cách nào thúc đẩy cô về với mẹ? Thì anh yêu Dane lắm mà, và làm sao biết được họ nói với nhau những gì trong những cuộc gặp gỡ lâu ở La Mã, khi cô không ở bên họ? Có thể Dane yêu cầu anh chăm lo đến cô, và bây giờ anh chăm lo cho cô. Anh chờ thời cơ cho chắc chắn, để có thể yên tâm rằng cô sẽ không đuổi anh ra khỏi cửa, và anh lại xuất hiện để thực hiện điều đã hứa với Dane. Phải, xem ra rất gần sự thật. Rõ ràng là anh không yêu cô nữa. Dù trước kia cô có sức hấp dẫn thế nào đi nữa với anh thì tất cả cũng đã chấm dứt từ lâu rồi; lại nữa, cô xử sự với anh thật quái đản. Chính cô có lỗi chứ không phải ai khác.

Ý nghĩ ấy khiến cô bật khóc một cách cay đắng, rồi cô tạm trấn tĩnh lại được – đại dột đủ rồi! – cô trở mình hết bên nọ sang bên kia và vỗ bồng chiếc gối lên, cố ngủ đi mà không được, rồi thất vọng, cô nằm trong giường thử đọc một vở kịch nào đó. Được mấy trang chữ phản lại cô, cứ dính vào nhau, bồng bênh trước mắt, và mặc dù Justine ra sức cố gắng dùng đến cái mảnh lối cũ quen thuộc, dồn nổi thất vọng vào một góc xa nhất của ý thức, nó vẫn

đè hết sức nặng lên cô. Cuối cùng, khi ánh bình minh muộn mằn đùng đục của Luân Đôn lọt qua các cửa sổ, cô đến ngồi bên bàn viết; ớn lạnh, xa xa có tiếng động cơ gầm gừ trên các đường phố, hơi ẩm bốc lên, miệng đắng ngắt. Bỗng nhiên cô nảy ra ý nghĩ: ờ mà Drogheda tuyệt lắm chứ! Không khí hết sức trong lành, sự yên tĩnh chỉ bị xáo động bởi tiếng nói của thiên nhiên. Bình yên.

Cô lấy một trong những cây bút phớt của mình và bắt đầu viết thư cho mẹ, và trong lúc cô viết, nước mắt ráo hần.

“Con vẫn hy vọng mẹ sẽ hiểu tại sao sau khi Dane mất, con không về nhà lần nào, – Cô viết. – Nhưng dù mẹ nghĩ gì về con đi nữa thì con biết mẹ sẽ hài lòng vì con đang định triệt để sửa chữa sai lầm.

Vâng, chính thế. Con về ở hẳn nhà, mẹ ạ. Mẹ nghĩ đúng đấy, đã đến lúc con nhớ Drogheda. Con nô nghịch, nhảy nhót và thấy đó là điều trống rỗng và chẳng ích gì cho con. Sao, cứ suốt đời quay cuồng như thế trên sân khấu ư? Mà ngoài sân khấu ra thì ở đây con chẳng còn cái gì nữa. Tự dưng con muốn một cái gì chắc chắn, đáng tin cậy, cố định, tất cả những cái đó thể hiện ở Drogheda, vì thế con trở về nhà. Con chán những lâu đài trên không rồi. Biết đâu đấy, có thể con sẽ lấy Boy King, nếu anh ấy chưa đổi ý, và rút cuộc, trong đời con sẽ làm được một việc gì hữu ích, chẳng hạn sinh ra những chủ trại mới cho vùng đồng bằng tây bắc của chúng ta. Con mệt mỏi rồi, mẹ ạ, mệt mỏi đến mức con không biết mình đang nói gì, con không còn đủ sức trình bày trên giấy tất cả những gì con cảm thấy.

Thôi được, lần sau con sẽ cố làm được việc ấy, về *Lady Macbeth* thì xong rồi, vai của con trong mùa diễn sau vẫn chưa chọn, và con sẽ không chơi khăm ai nếu như bây giờ con cáo biệt sân

khẩu. Ở Luân Đôn có vô khối nữ diễn viên, và Clyde sẽ tìm ngay được người thay thế con, chứ mẹ thì không lấy ai thay thế con được, phải không ạ? Thứ lỗi cho con đã phải cần đến ba mươi một năm tuổi đời mới hiểu được điều đó.

Có lẽ cho đến giờ con cũng chưa hiểu được điều ấy nếu như không có Rainer giúp đỡ, anh ấy là người thông minh, rất sáng suốt. Mặc dù anh ấy không quen mẹ, vậy mà xem ra anh ấy hiểu mẹ hơn con nhiều. Thì người ta bảo đứng ngoài thấy rõ hơn mà. Dù sao, từ phía ngoài, anh ấy nhìn thấy rõ mọi điều. Con ghét anh ấy, anh ấy luôn luôn theo dõi con từ đỉnh cao Olympian của mình. Chắc anh ấy tưởng tượng rằng đây là bốn phận của anh ấy đối với Dane hoặc giả anh ấy đã hứa hẹn gì với Dane, con phát chán lên mỗi lần anh ấy ập đến với con như tuyết lở xuống đầu; tuy thế cuối cùng con đã hiểu rằng chính con làm anh ấy phát chán. Còn nếu con trở về Drogheda yên ổn thì mọi bốn phận và lời hứa của anh ấy đều được cất bỏ, phải không ạ? Ít ra anh ấy cũng sẽ cảm ơn về việc anh ấy sẽ không còn phải vì con mà hay đến Luân Đôn nữa.

Hễ thu xếp xong mọi việc, con sẽ viết thư để mẹ biết khi nào con về. Còn trong lúc này, xin mẹ đừng quên rằng mặc dù con có cách thức riêng của con, không như mọi người, nhưng con yêu mẹ”.

Cô ký tên, trái với lệ thường, chữ ký không phóng bút, mà nắn nót gần như hồi xưa dưới luồng mắt sắc bén của bà nữ tu nghiêm khắc, cô ký những bức thư bắt buộc phải viết về nhà, Justine gập tờ giấy, bỏ vào phong bì thư máy bay, viết địa chỉ. Trên đường tới nhà hát mà buổi tối cô đã đóng “Macbeth”, cô gửi thư đi.

Và lập tức cô sửa soạn lên đường. Biết tin đó, Clyde rầu lòng

đến mức nổi cơn lôi đình thực sự khiến Justine run lên, nhưng sáng ra ông chuyển hướng đột ngột, với thái độ cẩn thận nhưng hiền hậu, ông nhượng bộ. Nhưng lại căn hộ cô thuê ở gần Tsering-Krox hóa ra là việc hết sức đơn giản: Khu phố này là khu phố hợp thời thượng, lập tức có vô số người muốn thuê buồng, cứ năm phút chuông điện thoại lại réo, cuối cùng Justine nhấc ống điện thoại khỏi cần, đặt xuống bàn. Mrs. Kelly là người dọn dẹp căn hộ từ thuở nào, khi Justine vừa mới đến ở Luân Đôn, buồn rầu đi vơ vẩn giữa đống hòm và vỏ bao ngôn ngang, khóc than cho số phận và lén đặt ống điện thoại lên cần đỡ với hy vọng rụt rè: biết đâu có một người nào mà Justine chịu nghe sẽ gọi điện cho cô và thuyết phục được cô ở lại.

Và giữa tất cả sự tất bật ấy, quả thật có một người mà Justine chịu nghe theo đã gọi điện cho cô, nhưng không phải để khuyên cô ở lại. Rainer thậm chí không biết cô sắp đi. Anh chỉ yêu cầu cô đảm nhận trách nhiệm bà chủ nhà, anh mời khách đến dự một bữa ăn tối tại nhà riêng ở Park Lane.

– Nhà riêng nào ở Park Lane? – Justine ngạc nhiên hỏi.

– Em biết đấy, nước Anh ngày càng tham gia tích cực hơn vào cộng đồng kinh tế châu Âu. Anh ở đây nhiều thời gian đến mức nên kiếm một pied-à-terre^[154] nào đó, vì thế anh đã thuê một ngôi nhà ở Park Lane. – Rainer giải thích.

– Đồ tồi tệ, việc quái gì anh phải giữ bí mật nhỉ? Anh có ngôi nhà ấy đã lâu chưa?

– Ngọt một tháng.

– Thế mà lần ấy anh cứ mập mà mập mờ, không nói gì hết? Quỷ tha ma bắt anh đi! – Tiếc quá, thậm chí cô nói lắp bắp.

– Anh muốn nói với em, nhưng điều rất thú vị là em tưởng rằng anh vẫn luôn luôn bay đi bay về, vì thế ý định đánh lừa em thêm chút nữa trở thành một sự cảm dỗ quá lớn. – Trong giọng nói của Rainer nghe có tiếng cười.

– Giết chết anh còn là nhẹ! – Justine nghiêng răng nói rít lên, mắt ứa lệ.

– Không – không, herzchen! Xin đừng giận! Hãy giúp anh tiếp khách và tha hồ thăm thú nơi ở của anh.

– Ô, cố nhiên đây là dịp thích hợp nhất: giữa hàng nghìn khách khứa! Thế là thế nào, anh sợ chỉ có anh với em thôi chứ gì? Thực ra anh e ngại ai, ngại bản thân anh hay ngại em?

– Em không phải là khách. – Anh trả lời nửa đầu những lời giận dữ của cô. – Em sẽ là nữ chủ nhân, hai cái đó hoàn toàn không phải là một. Vậy em sẽ giúp anh chứ?

Justine dùng mu bàn tay quệt nước mắt.

– Thôi được. – Cô nói lí nhí vào ống điện thoại.

Cô không ngờ sự việc lại tốt đẹp và vui vẻ như thế: ngôi nhà quả là đáng yêu, còn bản thân Rainer thì hết sức hào hứng, bất giác tâm trạng ấy cũng lan sang cả Justine. Cô xuất hiện đúng lúc thích hợp, tuy rằng xét theo sở thích của anh thì bộ cánh của cô hơi rục rờ quá, giây lát đầu tiên anh hơi cau mặt khi nhìn bộ áo váy lụa màu hồng chói lòa, nhưng anh lập tức khoác tay cô và đưa cô đi khắp nhà trước khi khách đến. Tiếp đó, suốt buổi tối anh là ông chủ không chê trách vào đâu được, trước mặt mọi người anh cư xử với cô tự nhiên, thoải mái đến mức cô cảm thấy mình là người cần thiết, được ưa chuộng. Khách toàn là những nhân vật quan trọng, cô thậm chí không muốn nghĩ về việc những con

người này phải có những quyết định chính trị quan trọng như thế nào. Những con người hết sức bình thường. Càng tệ hơn.

– Kể cũng coi là được đi nếu như ít nhất ở một người trong bọn họ có lấy một tia lửa gì đó, một cái gì của một cá nhân quan trọng. – Justine nói với Rainer khi tất cả đã ra về. Cô vui sướng vì chỉ còn lại hai người với nhau và cô chỉ tự hỏi anh đã sắp bảo cô về chưa. – Anh biết đấy, như ở Napoleon hay Churchill. Khi một người trở thành chính khách thì hẳn là không có hại gì mà không coi mình là con cưng của số phận. Thế anh có tin rằng anh là con cưng của số phận không.

Rainer nhăn mặt.

– Nên lựa lời hơn một chút khi nêu câu hỏi với một người Đức, Justine ạ. Không, anh không coi mình là con cưng của số phận, vì đó là điều rất xấu khi một nhà chính trị có ý nghĩ tự đắc như thế. Có lẽ điều đó đúng trong một số trường hợp rất hiếm, mặc dù anh rất lấy làm ngờ, nhưng trong tuyệt đại đa số trường hợp, những người như thế gây ra vô số tai hại cho bản thân và cho đất nước mình.

Justine hoàn toàn không muốn tranh cãi. Điều quan trọng là làm cách nào bắt chuyện, còn chuyển sang chuyện khác một cách không quá đột ngột thì đấy là việc đơn giản hơn.

– Các bà vợ của họ là một đám khá tạp nham, phải không? – Cô nói một cách chất phác. – Hầu hết bọn họ nom không nên nã bằng em, mặc dù anh không tán thành những bộ áo màu hồng rực rỡ. Mrs. Cột thì trông còn tạm được, còn Mrs. Kèo thì chẳng ra cái thá gì, không thể phân biệt được với lớp giấy bồi tường, đến Mrs. Khủng long thì thật tởm. Không thể hiểu nổi làm sao ông

chồng chịu đựng nỗi bà ta? Không, đàn ông chọn vợ đỡ kinh người!

– Justine! Bao giờ em mới học được thói quen nhớ tên người họ người ta? May mà em không nhận lấy anh, em mà là vợ nhà chính trị thì thật đẹp mặt cho ông ta. Anh đã nghe thấy em ấp úng và âm ừ, không thể phân biệt rõ ai tên là gì. Tiện thể xin nói, rất nhiều ông chồng của những bà vợ gớm ghiếc lại khá thành đạt, còn rất nhiều ông chồng của những bà vợ tuyệt đẹp lại chẳng thành đạt gì hết. Xét cho cùng điều đó không quan trọng, mọi việc đều do phẩm chất của bản thân con người quyết định. Rất ít người trong bọn họ lấy vợ vì những lý do chính trị thuần túy.

Vẫn như trước, anh biết cách trả cô về vị trí của cô, và điều đó cũng rất đáng bực. Để Rainer không nhìn thấy mặt cô, như thể đùa cợt, cô cúi rạp xuống chào anh theo kiểu phương đông, rồi ngồi xuống tám thảm.

– Đừng ngồi xuống sàn, Justine!

Nhưng cô không đứng lên, mà co chân lại với dáng khiêu khích, tựa vào tường cạnh lò sưởi, vuốt ve con mèo Natasha. Thì ra sau khi Hồng y Vittorio qua đời, Rainer đem con vật yêu mến của ông về và rõ ràng là anh rất quyến luyến nó, mặc dù nó đã già và khá trái tính trái nết.

– Em đã nói với anh rằng em sắp về ở hẳn Drogheda rồi chứ? – Justine bỗng hỏi.

Đúng lúc đó Rainer mở hộp thuốc lá, đôi tay to của anh không run, anh không dừng lại, diêm tĩnh rút một điếu thuốc lá.

– Em biết rất rõ là em không nói. – Anh đáp.

– Vậy thì bây giờ em nói.

– Em quyết định như thế đã lâu chưa?

– Năm ngày trước. Em hy vọng cuối tuần này sẽ ra đi. Càng sớm càng tốt.

– Hiểu rồi.

– Đây là tất cả những gì anh có thể nói với em ư?

– Chứ còn nói gì được nữa? Ờ, tất nhiên anh chúc em hạnh phúc và thành công, bất kể em hành động thế nào đi nữa. – Anh nói bằng giọng thản nhiên đến nỗi Justine nhăn mặt.

– Thôi được, dù chỉ thế thôi cũng cứ cảm ơn anh đi. – Cô đáp lại một cách vô tâm. – Chẳng lẽ anh không lấy làm mừng rằng em sẽ không còn khêu gan chọc tiết anh nữa ư?

– Em không hề khêu gan chọc tiết anh. – Đây là câu trả lời.

Justine để cho Natasa được yên, cầm lấy que thông lò và hung hăng đảo lộn những khúc củi đã cháy hết trong lò sưởi, khiến chúng loạt soạt sụp xuống thành một đống than đỏ rực nhẹ bồng, tia lửa tức khắc phụt ra như pháo hoa, hơi nóng tỏa ra từ lò sưởi lập tức giảm đi.

– Chắc hẳn trong mỗi chúng ta vẫn sống một con quỷ tàn phá, luôn luôn muốn cơ lộn lửa. Điều đó chỉ làm cho cái kết thúc mau đến. Nhưng cái kết thúc tốt đẹp biết bao, phải không, Rain?

Nhưng Rainer rõ ràng không quan tâm đến việc có điều gì xảy ra đến với lửa khi nó bị cơ đảo, anh chỉ hỏi:

– Vậy là cuối tuần em đã đi rồi phải không? Em không bỏ phí thời giờ.

– Trì hoãn làm gì?

– Thế còn sân khấu thì sao?

– Em chán ngấy sân khấu rồi. Với lại sau *Lady Macbeth* thì em cũng chẳng có việc gì làm.

– Ôi, thôi đừng trẻ con nữa, Justine! Mỗi khi em nói năng nhảm nhí như vậy, anh chỉ muốn đánh em một trận. Đáng lẽ em nên nói đơn giản là sân khấu không còn lôi cuốn em nữa và em nhớ nhà.

– Được, được, *được lắm!!!* Anh muốn nhìn nhận thế nào thì tùy, quý bắt anh đi! Chẳng qua là em bao giờ cũng xúc nổi. Xin lỗi về thái độ gay gắt! – Cô bật lên. – Giày của em đâu, quý lôi chúng đi rồi ư? Măng tô của em đâu rồi?

Fritz xuất hiện, đưa giày và măng tô và đánh xe đưa cô về nhà. Rainer xin lỗi vì không thể đích thân đưa tiễn cô, anh còn nhiều việc, nhưng rồi anh ngồi một lúc lâu bên ngọn lửa đã nhen lại, với con mèo Natasa trên đùi, và nhìn mặt thì biết anh đang mãi mê với những ý nghĩ gì gì đó, có điều không phải là công việc.

* * *

– Thôi được. – Meggie nói với mẹ, – con hy vọng là chúng ta hành động đúng.

Fee nheo mắt nhìn con gái và gật đầu.

– Ừ, mẹ tin chắc như thế. Cái khổ cho Justine là quả tình nó không có khả năng tự mình lấy một quyết định như thế, vì vậy chúng ta không còn cách lựa chọn. Phải quyết định thay cho nó.

– Đóng vai Chúa trời không lấy gì làm dễ chịu lắm. Con cứ nghĩ rằng con biết thực ra nó cần gì, nhưng cho dù con có thể nói

thẳng với nó điều đó thì đằng nào nó cũng lảng tránh câu trả lời.

– Tính kiêu hãnh nằm trong máu tất cả mọi người thuộc dòng họ Cleary – Fee mỉm cười yếu ớt. – Đột nhiên nó bộc lộ ra ở những người mà ta không hề ngờ rằng họ lại như thế.

– Không phải, không chỉ riêng người dòng họ Cleary. Con vẫn luôn luôn ngờ rằng ở đây còn có cái gì của dòng họ Armstrong.

Nhưng Fee lắc đầu.

– Không. Vì thế mẹ vẫn mong muốn làm cái việc mà mẹ đã làm, sự kiêu hãnh không liên can gì đến đây. Tuổi già cũng có ý nghĩa của nó, Meggie ạ. Nó cho chúng ta được nghỉ một chút trước khi chết, để chúng ta có thời giờ nghĩ xem tại sao ta lại sống thế này chứ không phải thế khác.

– Nếu như chúng ta trước hết không đâm ra lẫn cấn và nói chung không còn hiểu ra được gì nữa. – Meggie nói một cách khô khan. – Thực ra mẹ không bị điều đó đe dọa. Còn con, con hy vọng là con cũng thế.

– Có lẽ sự lẫn thẩn là một ân huệ ban cho những kẻ nào không đủ sức nhìn vào dĩ vãng của mình. Còn con bây giờ đã đoán chắc rằng mình không đâm ra lẫn thẩn thì còn sớm đấy. Hãy chờ hai mươi năm nữa rồi sẽ thấy.

– Hai mươi năm nữa! – Meggie sợ hãi nhắc lại. – Lâu khiếp lên được!

– Ờ, nhưng làm cho hai mươi năm ấy không đến nỗi cô đơn lắm là tùy ở con thôi, phải không nào? – Fee nói, vẫn không ngừng đan.

– Vâng. Có điều tấm da cừu không đáng công chế biến, mẹ ạ. Đúng không ạ? – Meggie nói, giọng chứa đựng một âm thanh ngờ

vực khó nắm bắt, đồng thời gõ đầu chiếc que đan kiểu cổ vào lá thư của Justine. – Con đã bán khoản ngàn ngừ khá nhiều. Từ khi Rainer đến, con vẫn cứ chần chừ, hy vọng rằng có thể sẽ không phải làm gì, mọi việc sẽ được giải quyết không cần con. Nhưng anh ta đúng. Xét cho cùng đây là việc con phải gánh lấy.

– Nhưng con phải đồng ý rằng không có mẹ cũng không xong.
– Fee bị chạm tự ái, nói lại. – Cố nhiên là sau khi con đã kìm bớt phần nào tính kiêu hãnh của con và kể với mẹ những gì đang diễn ra.

– Vâng, mẹ đã giúp đỡ con. – Meggie nói một cách mềm mỏng.

Chiếc đồng hồ cổ tích tắc. Những chiếc que đan đòi hỏi vẫn thấp thoáng mau lẹ như thế trong hai đôi tay.

– Này mẹ ơi, – Meggie bỗng hỏi. – Tại sao chính cái chết của Dane lại làm cho mẹ suy sụp như thế? Với Frank, với bố và cả với Stuart cũng chưa đến mức như thế.

– Suy sụp ư? – Fee bỏ que đan xuống, ngay cả bây giờ bà đan vẫn không kém gì cái thời mà mắt bà còn nhìn rất rõ. – Con nói gì nhỉ?

– Chuyện ấy làm mẹ chết cả cõi lòng.

– Ngay cả hồi ấy lần nào mẹ cũng chết cả cõi lòng, Meggie ạ. Nhưng hồi ấy mẹ trẻ hơn, mẹ có đủ sức để che giấu điều đó tốt hơn. Lý trí cũng cứng rắn hơn. Như con bây giờ ấy. Nhưng Ralph biết điều gì xảy ra với mẹ khi bố con và Stuart chết. Con còn bé nhóc và không hiểu. – Bà hơi mỉm cười. – Con ạ, mẹ khâm phục Ralph. Ông ấy thật là... phi thường. Hệt như Dane.

– Vâng, đúng thế. Vậy mà con không biết rằng mẹ hiểu điều

đó, mẹ ạ... nghĩa là cả hai người bản chất là người thế nào. Kỳ lạ, đối với con, mẹ là điều bí ẩn, là khu rừng tối, mẹ ạ. Ở mẹ có bao nhiêu điều con không biết.

– Hẳn là thế, – Fee nhếch mép cười. Hai tay bà vẫn để không trên đùi. – Này thôi, ta hãy trở lại cái chính: nếu bây giờ con có thể giúp được Justine thì có nghĩa là những tai họa của con dạy cho con nhiều hơn là những tai họa của mẹ đã dạy cho mẹ. Mẹ đã không chăm sóc con như Ralph đã khuyên. Mẹ đã không muốn nghĩ gì hết, chỉ hồi tưởng... Mà con cũng không còn sự lựa chọn nào hết. Chỉ còn lại những hồi ức.

– Cũng tốt thôi, khi nỗi đau giảm đi chút ít thì hồi ức an ủi ta. Phải thế không ạ? Hai mươi sáu năm con có Dane, và con đã quen với ý nghĩ rằng mọi sự có chiều hướng tốt lên, chắc là Dane đã tránh được một thử thách ghê gớm nào đó mà nó sẽ không thể chịu đựng được, sẽ suy sụp. Như bác Frank ấy, song vì một điều gì khác. Có không ít thứ còn tệ hơn cái chết, cả hai mẹ con ta đều biết điều ấy.

– Và con hoàn toàn không trở nên dữ tính chứ?

– Thoạt đầu thì có, nhưng sau vì chúng nó mà con tự vượt thắng bản thân.

Fee lại bắt đầu đan.

– Vậy là sau chúng ta sẽ không còn ai. – Bà khẽ nói. – Sẽ không còn Drogheda nữa – Ừ, người ta sẽ viết về nó mấy dòng trong các sách lịch sử, và sẽ có một người trẻ tuổi nghiêm túc nào đó đến Gilly, tìm kiếm và hỏi kỹ tất cả những người còn nhớ điều gì đó và sẽ viết một cuốn sách về Drogheda. Khu điền trang cuối cùng trong những điền trang khổng lồ của New South Wales.

Nhưng bạn đọc không bao giờ hiểu được thực ra nó là cái gì, quả là họ không thể hiểu được. Muốn vậy cần phải chia sẻ số phận với nó.

– Đúng, – Meggie nói (chị không một chút nào ngừng đan). – Muốn vậy cần chia sẻ số phận với nó.

* * *

Trong những ngày Justine đứng ngồi không yên vì bàng hoàng và đau xót thì lá thư vĩnh biệt gửi cho Rainer cô viết không có gì khó khăn lắm, thậm chí nó đem lại cho cô một niềm vui thú tàn bạo nào đó, chẳng là khi ấy cô giáng đòn trả đũa mà: Tôi đau khổ thì anh cũng phải đau khổ đi. Nhưng lần này Rainer đặt mình vào một vị thế không thể để cho cô có thể dùng thư mà cho anh nghỉ khỏe. Vậy là không thể tránh được bữa ăn tối ở tiệm ăn mà họ ưa thích. Anh không mời cô về nhà mình ở Park Lane, điều đó làm cô buồn, nhưng không làm cô ngạc nhiên. Tất nhiên ngay cả cuộc chia tay, anh cũng có ý định thực hiện nó dưới sự giám sát thiện ý của Fritz trung thành. Cố nhiên anh không định liều lĩnh.

Lần đầu tiên suốt trong những năm ấy cô cố ăn vận theo ý thích của anh; rõ ràng là con quỷ luôn luôn xúi cô diện bộ cánh có đường viền màu da cam dành phải vừa chửi rửa vừa tháo lui. Rainer thích phong cách nghiêm nghị, vì thế Justine mặc bộ áo liền váy dài chấm sàn bằng hàng lụa dệt kim: bộ áo màu đỏ thẫm, không bóng, cổ kín, tay áo dài và hẹp. Đi với bộ áo ấy là chuỗi hạt rộng bằng sợi dây vàng bện xoắn với những hạt ngọc lựu và ngọc trai và những vòng đeo tay cũng như thế. Nhưng bộ tóc mới khó

chịu làm sao! Không làm sao bắt ép được nó, không làm cách nào chiều lòng Rainer được. Cô tô son điểm phấn nhiều hơn bình thường để không lộ ra vẻ mặt bối rối như thế nào. Thế đấy. Sẽ trót lọt, miễn là anh đừng nhìn quá kỹ.

Anh dường như không nhìn kỹ, dù sao anh cũng không hỏi cô có mệt không, hay có lẽ cô không được khỏe, thậm chí anh không nói lời nào về chuyên sắp xếp vali thực là việc chán ngán. Anh khác lạ hẳn. Anh khác lạ đến mức Justine có cảm giác như giờ tận thế đang đến.

Cô cố làm sao cho bữa ăn tối diễn ra thật thú vị và vui vẻ, để sau này trong thư từ có cái mà nhớ lại, nhưng Rainer cũng không nghĩ đến chuyện giúp đỡ cô. Giá như có thể nhủ lòng rằng chẳng qua anh buồn vì cô ra đi thì còn được. Nhưng cô không làm nổi như thế. Rõ ràng anh đang ở trong tâm trạng không vui. Anh có vẻ lơ đãng, như thể anh đang ngồi với bức hình phẳng cắt bằng giấy, bức hình chỉ nhờ một làn gió nhẹ cuốn nó đi đâu ra xa tờ giấy. Dường như Rainer đã chia tay cô và cuộc gặp gỡ này hoàn toàn thừa.

– Em đã nhận được thư trả lời của mẹ rồi chứ? – Anh hỏi một cách lịch sự.

– Chưa, và nói thực là em cũng không mong. Chắc là vì vui mừng nên mẹ em đã đánh mất hết mọi lời lẽ.

– Em có muốn ngày mai Fritz đánh xe đưa em ra sân bay không?

– Không, cảm ơn, em có thể ra bằng taxi. – Justine trả lời không lấy gì làm nhã nhặn. – Em không muốn làm anh thiếu mất sự phục vụ của anh ta.

– Ngày mai suốt ngày anh tham dự hết cuộc họp này đến cuộc họp khác, thành thử anh cam đoan với em là anh không cần Fritz.

– Em đã nói rồi mà, em sẽ thuê taxi!

Rainer nhướn cao lông mày.

– Không việc gì phải to tiếng, Justine. Em muốn làm gì thì làm, anh không tranh cãi.

Anh không gọi cô là herzchen nữa, thời gian gần đây cô ngày càng ít nghe thấy cái từ âu yếm quen thuộc ấy, còn hôm nay thì Rainer không thốt lên tiếng ấy lần nào. Một buổi tối buồn tẻ, nặng nề làm sao! Mong nó mau mau kết thúc đi! Justine chợt thấy mình đang nhìn tay Rainer và cô cố nhớ lại sự đụng chạm của đôi tay ấy mà không thể được. Tại sao cuộc sống rắc rối như thế và được sắp đặt tệ hại như thế, tại sao lại cứ phải xảy ra cái chuyện như với Dane kia chứ?! Có lẽ chính vì ý nghĩ về Dane mà cô buồn phiền không thể chịu được, không thể ngồi thêm một chút nào nữa, và cô chống hai tay lên tay ghế bành.

– Ta rời khỏi đây đi, nếu anh không phản đối. Em đau đầu kinh khủng.

Ở ngã tư ngõ phố nhà Justine, Rainer đỡ cô ra khỏi xe, bảo Fritz đánh xe đi vòng quanh khu phố rồi quay lại đón anh và anh nhã nhặn khoác tay cô như khoác tay người xa lạ. Dưới làn mưa bụi lạnh buốt của Luân Đôn, họ đi chậm chạp trên các phiến đá, tiếng chân bước dội tiếng âm vang. Tiếng bước chân ảo não cô đơn như ở nghĩa trang.

– Vậy là chúng ta chia tay nhau, Justine, – Rainer nói.

– Dù sao tạm thời cũng là như thế. – Justine đáp lại một cách

hoạt bát. – Nhưng không phải là vĩnh viễn. Thịnh thoảng em sẽ đến Luân Đôn và em hy vọng sẽ có lúc anh dành được thời gian về thăm gia đình em ở Drogheda.

Rainer lắc đầu.

– Không, Justine. Đây là chia tay vĩnh viễn. Anh nghĩ rằng chúng ta không cần đến nhau nữa.

– Nghĩa là anh không cần em nữa. – Cô nặn ra một tiếng cười khá giống thực. – Không sao, Rain! Không cần nương nhẹ em, em chịu đựng được!

Anh cúi xuống, hôn tay cô, vươn thẳng lên, nhìn vào mắt cô, mỉm cười và ra về.

Trên tấm thảm nhỏ cánh cửa, lá thư của mẹ đang đợi cô. Justine cúi xuống, nhặt lá thư lên, tức khắc quăng túi xách tay, mắng tởm, bỏ giày và đi vào phòng khách. Cô ngồi phịch xuống một cái hòm, bặm môi và trong vòng một hai phút, dáng vẻ đăm chiêu, bần khoản và thương xót, cô nhìn kỹ tấm ảnh bán thân rất đẹp của Dane chụp kỷ niệm ngày Dane chịu chức. Đột nhiên cô nhận thấy những ngón chân của đôi chân trần của cô vô tình ve vuốt tấm thảm bằng da kangaroo đã cuộn lại, cô nhăn mặt bực tức và đứng phắt dậy.

Xuống bếp – đấy chính là việc cô cần làm lúc này. Và cô xuống bếp, lấy lọ cà phê hòa tan và kem váng sữa trong tủ lạnh. Cô lấy nước ở vòi và bỗng ngậy ra, mắt mở to nhìn khắp bếp như thể cô nhìn thấy nó lần đầu. Những vết bẩn và vết xước trên giấy bồi tường, cây dây leo trong cái lồng treo dưới trần nhà, cái đồng hồ treo tường – con mèo con màu đen ngoe nguẩy cái đuôi quả lắc và đảo mắt tiến đưa những phút thời gian đang chạy đi một cách

vô tận. Trên tấm bảng đá đen có đề chữ to: *đừng quên cái chải tóc*. Trên bàn là bức phác thảo bằng bút chì, ba tuần trước cô đã vẽ Rainer. Và một bao thuốc lá. Justine châm thuốc hút, đặt nước pha cà phê và nhận ra rằng cô vẫn nắm chặt trong tay chiếc phong bì nhàu nát: lá thư của mẹ. Có thể đọc trong lúc chờ nước sôi. Cô ngồi vào chiếc bàn nhà bếp, vứt toẹt xuống sàn bức chân dung bút chì của Rain và dẫm hai chân lên. Thế đấy, Rainer Moerling Hartheim! Tôi cần anh lắm đấy, một ông lớn, một tâm hồn công thức, khúc giò Đức mặc măng tô da. Vậy là anh không cần tôi nữa, phải không? Thế thì tôi cũng cóc cần anh!

“Justine yêu quý của mẹ, – Meggie viết. – Rành rành là theo thói thường của con, mọi việc con đều giải quyết một cách nóng nảy, nhưng mẹ hy vọng rằng thư của mẹ sẽ đến kịp thời. Nếu trong những bức thư gần đây nhất của mẹ có điều gì là nguyên nhân gây ra cái quyết định hấp tấp như thế thì thứ lỗi cho mẹ. Mẹ không hề có ý nghĩ thôi thúc con làm cái việc rồ dại như thế. Chắc là mẹ chỉ muốn một chút lòng thông cảm, nhưng mẹ cứ luôn luôn quên rằng con rất dễ bị tổn thương và chỉ có cái bề ngoài vô tình mà thôi. Phải, cố nhiên mẹ rất cô đơn, cô đơn kinh khủng. Nhưng cho dù con có trở về nhà thì điều đó cũng không sửa chữa được gì. Hãy suy nghĩ một chút, con sẽ hiểu đấy là sự thật. Việc con về sẽ giúp được gì? Con không đủ quyền phép lấy cho mẹ cái mẹ đã mất, cũng không bù đắp được sự mất mát. Lại nữa, đấy không phải là sự mất mát riêng của mẹ, mà cả của con, của bà, của tất cả mọi người. Hình như con tưởng tượng là con có lỗi gì đó phải không? Con lầm to. Mẹ ngỡ rằng con nảy ra ý định trở về là vì con ân hận và muốn chuộc lại lỗi lầm gì đó. Đấy chỉ là tính kiêu hãnh và quá tự thị, Justine ạ. Dane không phải là con

nít, mà là người lớn. Đừng quên rằng chính mẹ đã để nó đi. Mẹ mà tự buông thả mình như con thì cho đến giờ mẹ sẽ vẫn tự nguyện rửa mình về việc đã cho phép Dane sống theo ý nó, và rồi mẹ sẽ vào nhà điên. Nhưng mẹ không tự nguyện rửa. Không có ai trong chúng ta là Chúa trời: quả thật mẹ có nhiều khả năng để thấy rõ điều đó hơn con.

Trở về nhà tức là con hy sinh đời con cho mẹ. *Mẹ không muốn có sự hy sinh như vậy.* Chưa bao giờ mẹ mong muốn điều ấy. Và bây giờ mẹ sẽ không chấp nhận nó. Cuộc sống ở Drogheda không hợp với con và chưa bao giờ hợp với con. Nếu con vẫn chưa hiểu rõ vị trí thật của con ở đâu thì hãy ngồi ngay xuống và suy nghĩ cho nghiêm túc. Quả thật, đôi khi con chậm hiểu ghê lên được. Rainer là một người đáng mến, nhưng không hiểu sao mẹ chưa bao giờ thấy ở một người đàn ông nào cái đức tính không vụ lợi như con tưởng tượng là nó có ở anh ta. Vì Dane mà anh ta chăm sóc con, đừng hòng! Đã đến lúc trở thành người lớn, Justine!

Con thân yêu của mẹ, ánh sáng đã tắt. Một thứ ánh sáng đã tắt trong tất cả chúng ta. Và ở đây con không có cách gì, không có cách gì giúp được, chẳng lẽ con không tự hiểu được điều đó hay sao? Mẹ sẽ không giả vờ làm như mẹ hoàn toàn hạnh phúc, làm như thế mẹ sẽ chỉ xúc phạm đến con. Và chẳng cũng không thể có hạnh phúc hoàn toàn cho con người. Nhưng nếu con nghĩ rằng ở đây từ sáng đến tối chúng ta khóc lóc và nức nở thì con lầm to. Trong đời chúng ta có cả những niềm vui và niềm vui gần như lớn nhất là: vì con mà ánh sáng vẫn còn sáng trong chúng ta. Còn ánh sáng của Dane đã tắt vĩnh viễn. Justine thân yêu, hãy cố cam chịu điều đó.

Cố nhiên con cứ về Drogheda đi, chúng ta sẽ rất vui mừng đón

con. Nhưng không phải là về ở hẳn. Con sẽ không hạnh phúc nếu con ở lại đây. Nói rằng con không việc gì phải chịu sự hy sinh như thế vẫn là chưa đủ, mà sự hy sinh ấy còn là vô ích. Con là một diễn viên, nếu con xa rời sân khấu dù một năm thôi thì con sẽ phải trả giá quá đắt. Vậy thì con cứ ở lại vị trí thực của con, ở đó con có ích hơn cả”.

Đau đớn xiết bao. Như những ngày đầu tiên sau khi Dane chết, vẫn nổi đau vô ích, vô hiệu quả, không tránh khỏi ấy, vẫn trạng thái bất lực khổ sở ấy. Phải, cố nhiên ta không thể giúp được gì. Không thể sửa chữa gì, không làm gì được.

Tiếng rít gì thế? Đấy là ấm cà phê đang sôi. Khẽ chứ, ấm cà phê, khẽ chứ. Đừng quấy rầy mẹ! Là đứa con duy nhất của mẹ mình nghĩa là thế nào, hả ấm cà phê? Hãy hỏi Justine, cô ấy biết đấy. Phải, Justine biết rõ là đứa con duy nhất nghĩa là thế nào. Nhưng ta, không phải là đứa con mà mẹ cần, người mẹ bất hạnh đang héo hắt, đang về già ở một trại nuôi cừu xa xôi. Ôi, mẹ ơi, mẹ... Chẳng lẽ mẹ nghĩ rằng nếu như sức người làm được con lại không sẵn lòng đánh đổi sao? Đời con thế cho đời nó, đèn mới thay cho đèn cũ, lấy lại ánh sáng thần... Bất công biết bao, Dane chết chứ không phải con... Mẹ nói đúng. Nếu con trở về Drogheda thì bằng cách đó cũng không lấy lại được Dane. Tuy nó đã vĩnh viễn nằm trong đất nhưng cũng không thể trả lại nó về cuộc đời được.

Nhưng ta hiểu mẹ muốn nói gì. Ánh sáng của ta vẫn sáng trong mẹ. Nhưng không nên trở về Drogheda.

* * *

Fritz mở cửa cho cô, lần này không mặc bộ chế phục lái xe màu xanh sẫm bánh bao nữa, mà mặc bộ chế phục buổi sáng bánh bao của người quản gia. Anh ta mỉm cười, cúi chào kiểu cách theo lối cổ, dập gót giày vào nhau theo phong cách Đức đích thị và Justine bỗng nghĩ rằng có lẽ cả ở Bonn anh ta cũng làm hai nhiệm vụ cùng một lúc.

– Này, Fritz, anh chỉ là người phục vụ bình thường của Herr Hartheim hay là người gác và vệ sĩ của ông ấy? – Cô vừa hỏi vừa đưa mắng tô cho anh.

– Herr Hartheim ở trong phòng làm việc, Miss O’Neill. – Một câu trả lời dửng dưng.

Rainer ngòì hơi cúi về phía trước và nhìn ngọn lửa, Natasa ngủ, cuộn mình trên tấm thảm trước lò sưởi. Khi cửa mở, anh ngược mắt lên nhưng không nói gì và rõ ràng tuyệt nhiên không mừng rỡ.

Justine đi ngang qua phòng, quỳ xuống và úp trán vào đùi Rainer.

– Rain, em rất có lỗi, – cô thì thầm. – Không thể nào tha thứ cho em được về tất cả những năm ấy.

Anh không đứng lên và không nâng cô dậy, mà quỳ xuống cạnh cô.

– Đây là phép màu. – Anh nói.

Justine mỉm cười với anh.

– Anh vẫn chưa chán em, phải không?

– Tất nhiên là không, herzchen.

– Hẳn là em làm khổ anh nhiều lắm.

– Không phải theo nghĩa như em nghĩ. Anh biết em yêu anh và anh chờ đợi. Bao giờ anh cũng tin rằng người kiên nhẫn cuối cùng nhất định thắng.

– Vì thế anh quyết định để cho em tự mình hiểu rõ hết. Và không hề sợ gì khi em nói rằng em về nhà ở Drogheda, phải không?

– Sợ quá đi chứ! Nếu ở chân trời xuất hiện một người đàn ông khác thì anh ít lo ngại. Nhưng ở Drogheda là kẻ tình địch đáng gờm. Không, anh sợ lắm.

– Anh biết em sắp đi ngay từ trước khi em nói với anh, phải không?

– Clyde nói lộ ra. Ông ta gọi điện về Bonn cho anh, hỏi anh có thể làm cách nào giữ em lại được không, và anh nói rằng cứ hòa theo em một vài tuần đi, còn anh sẽ thử làm một việc gì. Không phải vì ông ta, herzchen ạ. Vì bản thân anh. Anh không vô tư lắm đâu.

– Chính mẹ em cũng nói thế. Còn ngôi nhà này! Anh tậu nó từ một tháng trước phải không?

– Không, nói chung nó không phải là của anh. Nhưng em sẽ vẫn tiếp tục làm việc ở nhà hát, vì vậy chúng ta cần có nhà ở Luân Đôn, vì thế anh đang thăm dò xem có thể mua nó được không. Cố nhiên nếu nó vừa ý em. Thậm chí anh để cho em trang trí lại, nhưng phải hứa với anh là không dùng những màu hồng và da cam!

– Anh ranh mãnh biết bao! Tại sao không nói tuột ra rằng anh vẫn yêu em? Em mong muốn điều đó xiết bao!

– Không. Mọi chuyện đều rõ như ban ngày, tự em phải nhìn

thấy.

– Em sợ rằng em mù quáng vô phương cứu chữa. Em chẳng nhìn thấy rõ gì cả, nhất thiết phải có người nào giúp em. Chính mẹ rút cuộc đã làm cho em phải mở mắt ra. Chiều hôm nay em đã nhận được thư của mẹ, mẹ viết cho em là đừng về nhà.

– Mẹ em là con người tuyệt diệu.

– Em cũng biết rằng anh đã quen mẹ em, Rain ạ... Chuyện xảy ra bao giờ vậy?

– Ngót một năm trước, anh về gặp mẹ em. Drogheda thật tuyệt vời, nhưng không phải để cho em, herzchen ạ. Hồi ấy anh đến để thử giúp mẹ em hiểu điều đó. Em không tưởng tượng được anh vui sướng biết chừng nào vì mẹ em hiểu ra, mặc dù chưa chắc anh đã giải thích được điều gì rành rẽ với mẹ.

Justine chạm ngón tay vào môi anh.

– Em quá thiếu tự tin, Rain ạ. Bao giờ em cũng hồ nghi bản thân. Và có lẽ không bao giờ em hết hồ nghi.

– Không, herzchen, không nên! Anh không cần ai nữa. Chỉ có em thôi, cả thế giới biết điều đó đã bao nhiêu năm nay rồi. Nhưng những lời về tình yêu là vô nghĩa. Anh có thể gào lên với em rằng anh yêu em, một nghìn lần một ngày, mà em sẽ vẫn nghi ngờ. Vì thế anh không nói những lời yêu đương, Justine ạ, anh sống bằng tình yêu. Làm sao em có thể nghi ngờ tình cảm của trang hiệp sĩ trung thành nhất của em? – Anh thở dài. – Thôi được, dù sao thì điều đó không xuất phát từ anh. Anh hy vọng rằng từ nay trở đi, em sẽ chỉ cần những lời của mẹ là đủ.

– Xin đừng nói thế! Rain tội nghiệp của em, rõ ràng em đã làm cạn kiệt sự kiên nhẫn thậm chí không bao giờ cạn của anh. Đừng

buồn vì mẹ đã làm cho em hiểu ra tất cả mọi điều. Điều đó hoàn toàn không quan trọng, hoàn toàn không quan trọng! Em quỳ gối cúi đầu xin anh tha thứ.

– Ông Chúa, sự quy thuận may ra chỉ đủ cho tới hôm nay. – Rainer nói, giọng đã vui vẻ hơn. – Ngày mai em sẽ quên sạch.

Justine cảm thấy nhẹ nhõm hơn chút ít: cái khó nhất đã qua.

– Điều em thích nhất ở anh, không, điều em yêu nhất ở anh, là anh không bao giờ nương nhẹ em, và em không bao giờ có thể trả hết nợ cho anh được.

Hai vai Rainer rung lên vì tiếng cười không âm thanh.

– Thế thì hãy nhìn vào tương lai theo quan điểm đó, herzchen ạ. Sống chung với anh dưới một mái nhà, có lẽ em sẽ tìm được cách trả đũa anh. – Anh bắt đầu hôn trán, má, mắt cô. – Anh cần em như hiện nay, Justine, chỉ như thế thôi. Anh không muốn trên mặt em biến mất dù chỉ một nốt tàn nhang, không muốn trong não em thay đổi dù chỉ một tế bào.

Cô quàng hai tay ôm cổ Rainer, thích thú thọc ngón tay vào cổ bờm dày rậm của anh.

– Ôi, giá anh biết em thích vầy vò tóc anh như thế nào! Không sao quên được cái trò đó thú vị xiết bao!

Bức điện viết:

“Con vừa trở thành Mrs. Rainer Moerling Hartheim chấm chịu phép cưới ở Vatican chấm được chức Giáo hoàng ban phước chấm lễ cưới thế đấy chấm than chúng con sẽ về muộn nhiều phần chắc tháng trăng mật chúng con thường xuyên ở Châu Âu chấm hôn tất cả Rainer cũng thế chấm Justine.”

Meggie đặt bức điện xuống bàn, hai mắt mở to nhìn biển hoa

hồng mùa thu ngoài cửa sổ. Hương thơm của hoa hồng, tiếng ong vo vo giữa những bông hồng. Lại thêm râm bụi, những cây hò tiêu, những cây khuynh diệp kỳ ảo và hoa giấy quắn quýt leo cao trên những thân cây. Khu vườn đẹp biết bao, sao mà tràn trề sức sống. Bao giờ ta cũng thích nhìn những mầm non nhú ra, nhìn mọi vật tươi nở, đổi thay tàn héo... và những mầm mới nảy nở, vẫn cái vòng tuần hoàn vĩnh cửu ấy không ngừng diễn ra.

Đã đến lúc chia tay với Drogheda. Đã đến lúc từ lâu rồi. Hãy để những con người mới lập lại cái vòng tuần hoàn. Chính ta đã xếp đặt số phận của ta như thế, ta không đổ lỗi cho ai. Và không tiếc nuối về một phút nào cả.

Con chim mang chiếc gai của bụi mận cắm vào ngực tuân theo quy luật bất di bất dịch của thiên nhiên; bản thân nó không biết sức mạnh nào buộc nó lao vào mũi nhọn và chết mà vẫn hót. Lúc mũi gai xuyên qua tim nó, nó không nghĩ đến cái chết sắp đến, nó chỉ hót, hót cho đến lúc mất tiếng đứt hơi. Nhưng chúng ta, khi lao ngực vào bụi mận gai, chúng ta biết. Chúng ta hiểu. Tuy thế ta vẫn lao ngực vào bụi mận gai. Sẽ mãi mãi như thế.

HẾT

CHÚ THÍCH

- [1] Maori là dân bản xứ New Zealand (N.D)
- [2] Một feet = 30,5 cm, một inch = 25 mm, 5 feet 3 inches khoảng ngót 1,6 m (N.D)
- [3] Stew trong tiếng Anh nghĩa là thịt đông (đúng nghĩa là thịt hầm – Caruri). Stuart nghe na ná như thế (N.D)
- [4] Loại bánh ngọt bằng bột, phó mát hay mứt (N.D)
- [5] Tiếng Pháp, nghĩa là “hôn nhân không tương xứng” (N.D)
- [6] George III, 1738 – 1820, lên ngôi từ 1760, có quan điểm phản động chống cuộc cách mạng tư sản Pháp (N.D)
- [7] Tên La tinh *Calla palustris* (N.D)
- [8] Cricket, một lối chơi bóng kiểu Anh, hai đội dùng gậy lùa bóng vào khung thành đối phương (N.D)
- [9] Bản dịch tiếng Việt là Meggie. Tuy nhiên nguyên bản là Meghann. Bob nói với xơ Agatha phải dùng tên chính thức (Meghann) chứ không dùng tên thân mật (Meggie) (Caruri)
- [10] Nguyên văn: lunchtime: giờ ăn trưa, giờ nghỉ trưa. Dịch giả dịch là “giờ ra chơi lâu” (Caruri)
- [11] Một dân tộc ở châu Á đã thống trị Israel, sau bị Saul và David đánh bại, phải nộp cống cho người Do Thái. Dân tộc này đã biến mất từ thế kỷ 17 (N.D)
- [12] Nguyên văn: slate pencil, một loại phấn dùng để viết lên bảng đá. Dịch giả dịch là “tấm bảng đá”. Ở những câu sau “tấm bảng” cũng được thay bằng “viên phấn” theo đúng nguyên văn

(Caruri)

[13] Bánh mì và rượu vang dùng cho lễ ban thánh thể (N.D)

[14] 1 gallon (Anh) tương đương khoảng 4,54 lít (Caruri)

[15] Một trong những cơ vai làm tay co gập ở khớp khuỷu (N.D)

[16] Những người lính của đạo quân Úc – New Zealand trong chiến tranh thế giới thứ nhất (N.D)

[17] Victoria I – nữ hoàng Anh (1819 – 1901). Huân chương Victoria có từ 1896 (N.D)

[18] Boer là những kiều dân gốc Hà Lan ở Transvaal và Orange thuộc Nam Phi, 1899 đã xảy ra cuộc chiến tranh giữa Transvaal và Orange với nước Anh (N.D)

[19] Tức khoảng 100 m² (N.D).

[20] Olivier Cromwell (1599 – 1658), Nhiếp chính của chế độ cộng hoà Anh (N.D)

[21] 1 acre \approx 4047 m² (N.D)

[22] Theo thần thoại Hy Lạp, Adonis là chàng trai đẹp tuyệt vời đã khiến nữ thần ái tình Aphrodite say mê (N.D)

[23] Don Juan, nhân vật truyền thuyết, gốc Tây Ban Nha, cực kỳ đẹp trai, đa tình, hay quyến rũ phụ nữ (N.D)

[24] Đàn harpsichord (hay còn gọi là clavico clavecin) xuất hiện tại châu Âu từ thế kỉ 15, nó được coi là tổ tiên của cây đàn piano ngày nay. (T.Q.Đ)

[25] Loại giấy dày, nhẵn bóng (N.D)

[26] Một tổ chức từ thiện tôn giáo của tư sản, thành lập ở Anh thế kỷ 19 (N.D)

[27] Bánh mì và rượu vang để làm lễ (N.D).

[28] Tiziano Vecellio (1477 – 1576), họa sĩ nổi tiếng người Ý (ND). Tóc Titian là một loại tóc đỏ, có màu cam ngả nâu (Caruri)

[29] Dingo – thú chó hoang ở Úc. (N.D)

[30] Nhiệt độ Fahrenheit 100 độ = 37,7 độ C (N.D)

[31] Tiếng Anh : wasp-waisted (T.Q.Đ)

[32] Eugenie (Eugenia de Montjio) (1826 – 1920) con gái của một đại công tước Tây Ban Nha, lấy Napoléon III năm 1853 (N.D)

[33] Praxiteles (khoảng 300 đến 330 năm trước công nguyên), nhà điêu khắc Hy Lạp nổi tiếng (N.D)

[34] Siesta: nghỉ trưa (Caruri)

[35] 1 shilling = 1/20 bảng (ND).

[36] Nghĩa là lớp người di cư sang Úc đầu tiên đồng thời là quý tộc (ND).a

[37] Hoàng thân xứ Wales: tước vị dành cho thái tử nước Anh (Caruri).

[38] Gregor Mendel (1822 – 1884), thầy tu người Áo, nhà thực vật học, tìm ra định luật di truyền (ND).

[39] Lavender (oải hương): một loại hoa có mùi thơm (Caruri).

[40] Eau de cologne: loại nước hoa có nguồn gốc từ Cologne (Đức), sau dùng để chỉ một dòng nước hoa nói chung (Caruri).

[41] Mỡ lông cừu (ND).

[42] Tennyson Alfred (1809 – 1892), nhà thơ Anh (N.D); Wordsworth (1776 – 1850), nhà thơ Anh (N.D).

[43] Asphodelus, thuộc họ bách hợp, hoa trắng có vân màu nâu nhạt (N.D).

[44] Nguyên văn tiếng Anh : Traveling Stock Route – TSR.
(T.Q.Đ)

[45] Celtic : Tên của một chi người Ấn – Âu, trong đó có người Ireland, người Gaulois, người Anh... (N.D)

[46] Scorpion : nghĩa thường là con bọ cạp, đồng thời chỉ chòm sao 3. (N.D)

[47] Tiếng Gael là tiếng của người Scots Gaelic ở miền bắc Scots Gaelic và ở đảo Hebrides. (N.D)

[48] Monaco : một công quốc châu Âu (N.D)

[49] Liechtensteinian : một công quốc ở Trung Âu, giữa Tirôn (Áo) và Thụy Sĩ (N.D)

[50] Charleston : Điệu vũ nhịp nhanh (N.D)

[51] Hippolytos : Theo thần thoại Hy Lạp, Hippolytos, là con trai Theseus, dì ghẻ của chàng là Phaedra say mê chàng, chàng cự tuyệt sự sàm sỡ của Phaedra và bị Phaedra vu cho là muốn cưỡng hiếp bà ta (N.D)

[52] Boronia : là một loại cây ở Úc (do tên nhà thực vật người Pháp Borone), thuộc họ cam, cây rất đẹp, hoa rất thơm (N.D)

[53] Đây có nghĩa là kẻ quý quýệt (N.D)

[54] Aubusson, một vùng dệt thảm nổi tiếng ở Pháp. (N.D)

[55] Waterford, thành phố cảng ở Ireland. (N.D)

[56] Người đưa tin buổi sáng. (N.D)

[57] Nguyên văn : Jonah : cháu của Hellen, con trai của Apônông và Crêodor, những nhân vật thần thoại cổ Hy Lạp (N.D)

[58] Có lẽ là một trong sáu loại Kangaroo ở Úc, người dịch chưa tra cứu được (N.D)

[59] Ethel M. Dell (1881-1939) một nhà văn người Anh (T.Q.Đ)

[60] William The conqueror, vua nước Anh từ 1066 (N.D)

[61] Henri IV, vua nước Anh từ 1399-1413 (N.D)

[62] Henri VIII, vua nước Anh từ 1509-1547 (N.D)

[63] Charles I, vua nước Anh (1600-1649). (N.D)

[64] pound, cân Anh, 1 pound = 453,6 g. (N.D)

[65] Nhóm dân ở bán đảo Wales nước Anh. (N.D)

[66] Loại cây trang trí, hoa có màu rực rỡ, phần lớn là màu đỏ. (N.D).

[67] Loại cây thân thảo, thuộc họ Rau muối, hoa nhỏ màu vàng hay trắng (N.D).

[68] Những người ủng hộ triều đại Orange. (N.D)

[69] Fenian là những người cách mạng cộng hòa Ireland. (N.D)

[70] Eire, tên cũ của Ireland, tên chính thức từ 1937-1949. (N.D)

[71] Mũ rơm hay vải rộng vành. (N.D)

[72] Freud Sigmund (1856-1939) bác sĩ thần kinh và nhà tâm lý. Jung Carl Gustav (1875-1961), nhà tâm lý và nhà triết học Thụy Sĩ. Thomas Henry Huxley (1825-1895), nhà sinh vật học Anh, bạn của Darwin. Bertrand Arthur William Russell (1872-1970), người Anh, nhà triết học thực chứng, nhà logic học, nhà hoạt động xã hội. (N.D)

[73] Thứ nhạc cụ thổi của dân gian, gồm nhiều ống xuyên vào cái túi da hay cái bong bóng, qua đó người chơi thổi không khí vào. (N.D)

[74] Propylon – cổng chính vào Acropo (437 – 432 trước công nguyên). (N.D)

[75] Erechtheum – đền thờ ở Athens cổ Hy Lạp. (N.D)

[76] Pericles, chính khách Athens (495-429 trước C.N). (N.D)

[77] Bệnh Wei : bệnh xoắn khuẩn vàng da. (N.D)

[78] Laudanum : còn thuốc phiện, có chứa khoảng 10% thuốc phiện bột theo trọng lượng. (T.Q.Đ)

[79] Nguyên văn : “Don’t you want her, Meggie?” (T.Q.Đ)

[80] Âm tiêu: dây đá ngầm hay nhô lên khỏi mặt nước, nguy hiểm cho tàu bè. (N.D)

[81] Áo vải thô của tu sĩ sống khổ hạnh (N.D).

[82] Orestes giết mẹ để trả thù cho bố đã bị mẹ sát hại, sau đó chàng bị các nữ thần Đại nộ (Eumenides) theo đuổi để trừng phạt (N.D).

[83] Làn sóng cao nhất, mãnh liệt nhất (theo quan niệm thần thoại, con số 9 là con số thần – N.D)

[84] Còn gọi là quỷ Satan. (N.D)

[85] Ý muốn nói sự hối hận của Samson, nhân vật có nói đến trong kinh thánh, anh ta say mê Delilah nên đã phạm vào những điều kiêng kỵ.

[86] Theo thần thoại Hy Lạp, danh ca Orpheus xuống tận âm phủ xin cho vợ chàng là Eurydice được trở lại dương gian. Nhờ tài ca hát, điều thỉnh cầu của chàng được chấp thuận, với điều kiện là suốt trên đường từ âm phủ về dương gian, chàng không được ngoảnh lại nhìn bóng ma của vợ lần nào. (N.D)

[87] Giotto di Bondono (1266 hay 1267-1337), danh họa Ý. Raffaello Santi (1483-1520), danh họa và nhà kiến trúc Ý. Botticelli (1445-1510), danh họa Ý. Fra Angelico (khoảng 1400-

1455), danh họa Ý. (N.D)

[88] Tiếng Ý *Duce* là quốc trưởng. (N.D)

[89] Tiếng Đức *Fuehrer* là quốc trưởng. (N.D)

[90] Yard – 91,44 cm (đơn vị đo của Anh). (N.D)

[91] Một loài có vú, không răng, dùng kiến làm thức ăn chính.
(N.D)

[92] Basilica – một kiểu nhà đặc biệt thời cổ và trung cổ (thường là đền thờ), mặt bằng hình chữ nhật, bên trong ngăn ra bằng hai dãy cột chạy dọc. (N.D)

[93] Pieta – Cái tên mà người Ý dùng để gọi những cảnh miêu tả Đức Mẹ đồng trinh khóc chúa Christ. Quần thể điêu khắc nổi tiếng nhất là của Michelangelo trong nhà thờ thánh Pie ở La Mã.
(N.D)

[94] Xin chào (tiếng Ý). (N.D)

[95] Sao thế? (Tiếng Đức) (N.D)

[96] Ồm à? (Tiếng Đức) (N.D)

[97] Không. (Tiếng Đức) (N.D)

[98] Botticelli (Alessandro di Mariano di Vanni Filipepi hay là Sandro Botticelli), danh họa Ý, sinh ở Florence (1444-1510). (N.D)

[99] Nguyên văn : Elf – thần linh (thiện hoặc ác) theo thần thoại Đức – Scandinavia. (N.D)

[100] Nghi thức phong chức linh mục, đó là một trong những bí tích; người chức sắc cao hơn đặt tay lên đầu người chịu chức.
(N.D)

[101] Ở Gillanbone, người ta vẫn nhớ đến Ngài với tình cảm nồng hậu nhất. Đa số dân của vùng nuôi cừ hết sức giàu có này

theo đạo Thiên Chúa. (N.D)

[102] Salome, công chúa Do Thái, con gái của Herodias. Nàng nhảy múa cho vua Herod Antipater xem, vua mê thích hứa cho nàng bất cứ điều gì nàng cần xin. Theo sự xúi giục của mẹ, nàng xin cái đầu John-Baptizer. (N.D)

[103] Bệnh nấm da ở thỏ, tên khoa học là Myxomatosis (đôi khi được rút ngắn thành “myxo” hoặc “myxy”) là một căn bệnh ảnh hưởng đến thỏ, gây ra bởi virus myxoma. Nó lần đầu tiên được quan sát thấy ở Uruguay trong phòng thí nghiệm thỏ vào cuối thế kỷ 19. Nó đã được đưa vào Úc vào năm 1950 trong nỗ lực để kiểm soát dân số thỏ. Thỏ bị nhiễm bệnh nấm da phát triển các khối u ở da, và trong một số trường hợp bị mù, tiếp theo là mệt mỏi và sốt; chúng thường chết trong vòng 14 ngày sau khi bị nhiễm bệnh. (T.Q.Đ)

[104] Theo truyền thuyết kinh thánh, Ai Cập bị Chúa trời giáng xuống mười tai ương khủng khiếp vì không chịu thả những người Do Thái bị bắt làm tù binh. (N.D)

[105] Olivier (sinh năm 1907), diễn viên, đạo diễn Anh. Từ 1963-1973 lãnh đạo Nhà hát Anh quốc gia Luân Đôn. (N.D)

[106] Một lớp vỏ tốt để hộ thân (Tiếng La tinh). (N.D)

[107] Shakespeare William (1564-1616), nhà soạn kịch Anh. Shaw George Bernard (1856-1950), nhà văn Anh. Sheridan Richard Brinsley (1751-1816), nhà soạn kịch Anh gốc Ireland. (N.D)

[108] Marcel Proust (1871-1922), nhà văn Pháp. (N.D)

[109] Sigmund Freud (1873-1939), bác sĩ tâm thần người Áo, học thuyết Freud lấy bản năng tình dục làm cơ sở để giải thích

nhiều hành động của con người. (N.D)

[110] Cà phê sữa của Ý. (N.D)

[111] Vestal – nữ thần bảo hộ tổ ấm gia đình của người cổ La Mã.
(N.D)

[112] Pythoness – nữ tiên tri coi giữ đền thờ Apollo ở cổ Hy Lạp.
(N.D)

[113] Loại chó nuôi trong phòng, lông xù và xoăn. (N.D)

[114] Bằng giấy màu rất dài dùng để tung cho người khác trong dịp vui hay lúc chia tay. (N.D)

[115] Herr – Ông (tiếng Đức). (N.D)

[116] Một món thịt bê hải sản. (N.D)

[117] Tiếng gọi âu yếm (nghĩa đen là “trái tim bé bỏng”, tiếng Đức). (N.D)

[118] Aryan là tên gọi các dân tộc thuộc cộng đồng ngôn ngữ Ấn – Âu, thuyết chủng tộc phản động tuyên bố chủng tộc Aryan da trắng là chủng tộc thượng đẳng. Giáo phái Lute, do M.Lute người Đức sáng lập vào thế kỷ 16, là một trào lưu thanh giáo, chống đạo Thiên Chúa và giáo hoàng La Mã. (N.D)

[119] Một kiểu áo choàng của người cổ La Mã, có vạt vắt qua vai trái. (N.D)

[120] Tommy – lính Anh. (N.D)

[121] Cockney – người tầng lớp dưới ở Luân Đôn. (N.D)

[122] Con gái thì nói là “mất trinh”, con trai thì gọi là “mất tân”.
(T.Q.Đ)

[123] Dane nhớ nhầm mấy câu thơ của Robert Herrick (1591-1674): *Thủy tiên yêu dấu của ta, chúng ta khóc than, Bởi vẻ duyên dáng*

của hoa đang mau chóng héo tàn!

[124] Flamenco : một điệu nhảy của Tây Ban Nha. (N.D)

[125] Nhà nguyện Sistine – nguyên là nhà thờ gia đình ở Vatican, hiện nay là nhà bảo tàng. (N.D)

[126] Quảng trường nghị hội : một quảng trường ở Cổ La Mã, là trung tâm sinh hoạt chính trị. (N.D)

[127] Đại Diễn trường Colosseum – diễn trường lớn nhất ở Cổ La Mã, chứa được tới 87.000 người xem. (N.D)

[128] Đường Appian – con đường lớn lát đá đầu tiên, làm năm 312 trước công nguyên (350), hiện nay hầu như còn nguyên vẹn. (N.D)

[129] son et lumière – âm thanh và ánh sáng – những tia nước phun có tiếng róc rách, buổi tối thì được chiếu sáng. (N.D)

[130] Bramante Donato (1444-1514), kiến trúc sư người Ý. (N.D)

[131] Michelangelo Buonarroti (1475-1564), nhà điêu khắc, họa sĩ, nhà kiến trúc, nhà thơ người Ý. (N.D)

[132] Lorenzo Bernini (1598-1680), nhà kiến trúc và điêu khắc người Ý. (N.D)

[133] Dưới trung tâm đó của lòng tin (nhà thờ thánh Pie là hiện thân của đạo Thiên Chúa, là nhà thờ quan trọng nhất của đạo Thiên Chúa). (N.D)

[134] Tán che phía trên bàn thờ. (N.D)

[135] Guinea là đồng tiền vàng của Anh, từ 1717 nó bằng 5 silinh. (N.D)

[136] Tiếng Pháp: Mỗi người mỗi sở thích. (N.D)

[137] Status quo (tiếng La tinh), nghĩa là “nguyên trạng”. (N.D)

[138] Mối tình của anh (tiếng Đức). (N.D)

[139] Có phải thế không? (tiếng Đức). (N.D)

[140] Eros – thần tình yêu (thần thoại Hy Lạp) (N.D); Morpheus – thần chiêm bao, con trai của thần giấc ngủ (thần thoại Hy Lạp). (N.D)

[141] Cô gái quý sứ (tiếng Đức) (N.D)

[142] Nước Ý hình dáng giống chiếc ủng (N.D)

[143] Georgios Papandreou (1888-1968), thủ tướng chính phủ lưu vong của Hy Lạp năm 1944, thủ tướng Hy Lạp trong những năm 1944-1945; 1963, 1964-1965. (N.D)

[144] Pharsala là một thành phố ở Hy Lạp, ngày 6-6-48 trước công nguyên, quân của Julius Caesar đã đánh tan quân của Pompey ở ngoại vi thành phố này. (N.D)

[145] Một thành phố Hy Lạp. (N.D)

[146] Leonidas (508/507 – 480 tr.C.N) vua Spartans từ 488. Trong các cuộc chiến Hy Lạp – Ba Tư năm 480, ông cầm đầu quân đội Hy Lạp chống vua Ba Tư Cyrus. Chết trong trận đánh ở Thermopylae khi ông cùng một đội quân nhỏ các chiến sĩ Spartans yểm hộ cho quân Hy Lạp rút lui. Trong truyền thuyết cổ, Leonidas được coi là mẫu mực cho người chiến binh yêu nước. (N.D)

[147] Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần (tiếng La tinh). (N.D)

[148] Thiêng liêng... Thiêng liêng... Thiêng liêng... (tiếng La tinh). (N.D)

[149] Hãy về đi, lễ Missa đã xong... Cầu cho được yên nghỉ trong

bằng an. (tiếng La tinh) (N.D)

[150] Trong đánh điện tín không cho đánh dấu, nên người gửi viết thành chữ những dấu câu muốn thể hiện sắc thái hay ngắt ý. (T.Q.Đ)

[151] Hecuba : trong tác phẩm “Iliad”, Hecuba là vợ vua Priam, mẹ của Hector, Paris, Cassandra... Bà đã mất chồng và hầu hết các con trong cuộc chiến tranh ở Troy. Trong văn học cổ điển, Hecuba là hiện thân của nỗi đau xót và thất vọng vô hạn. (N.D)

[152] Một loại bờ câu có điều rất to. (N.D)

[153] Tên các vai kịch. (N.D)

[154] Tiếng Pháp: nghĩa là nhà trú chân. (N.D)